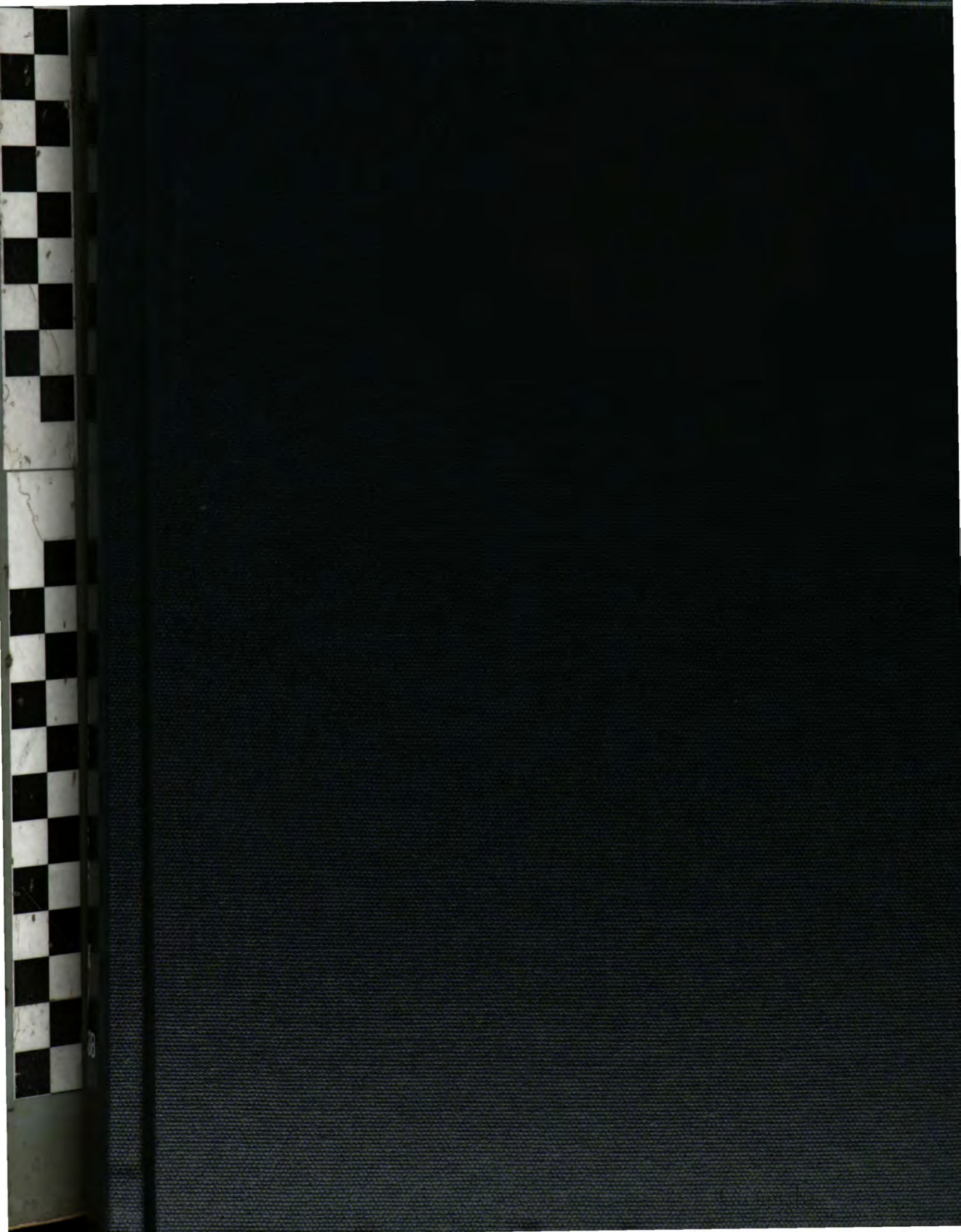


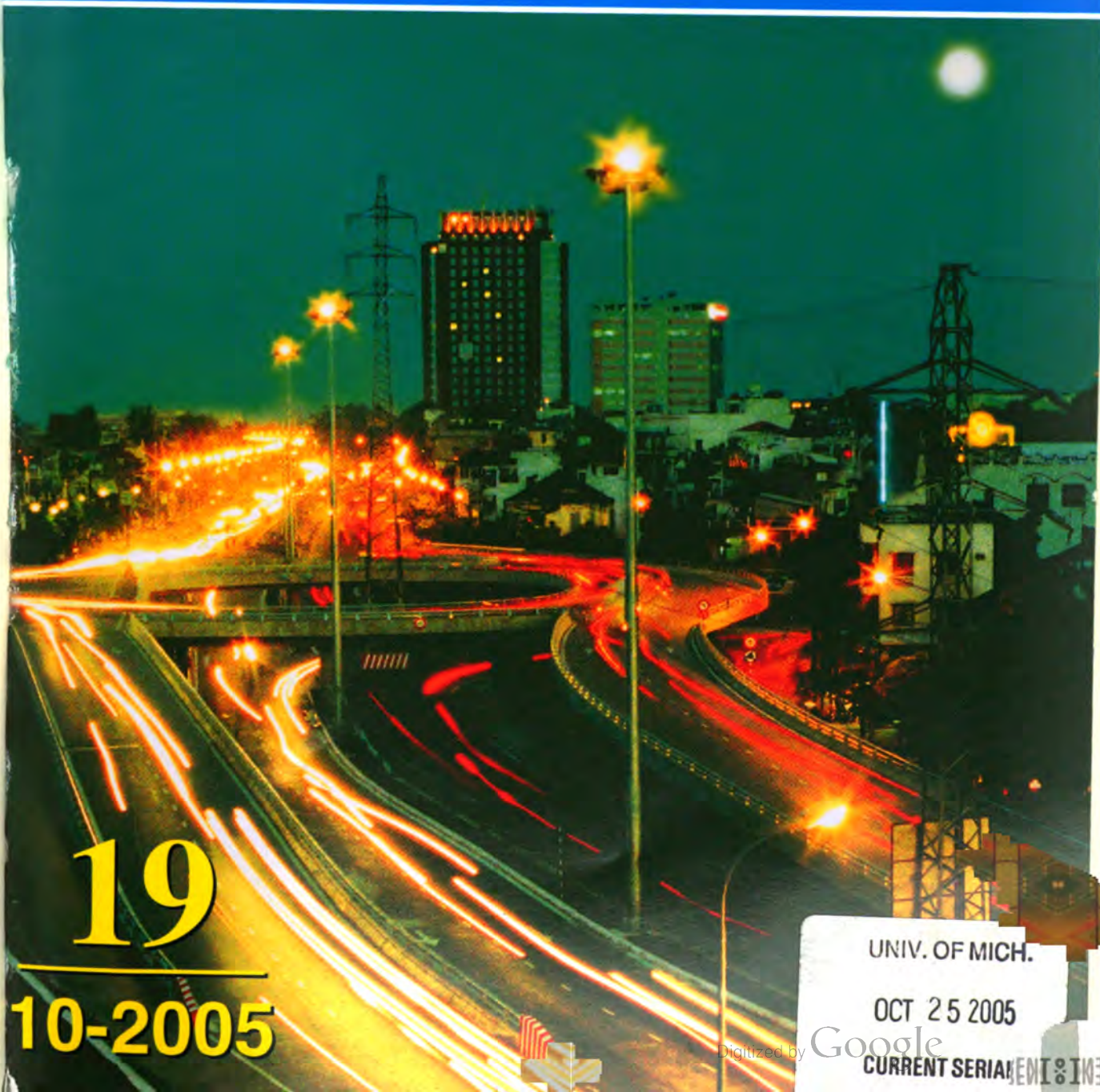




HX
9
H68
B

Tạp chí Công sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM



19

10-2005

UNIV. OF MICH.

OCT 25 2005

Digitized by Google

CURRENT SERIALS INT. & INT.

HUYỆN LÂM THAO



Địa chỉ: TT Lâm Thao- huyện Lâm Thao - tỉnh Phú Thọ * Điện thoại: 0210.825 785



Tháng 9/1999, huyện Lâm Thao được tái lập, với diện tích tự nhiên trên 120.000 km², gồm 17 xã, thị trấn, dân số 112.000 người, trong đó số dân ở độ tuổi lao động là 5,8 vạn người; Đây là mảnh đất giàu tiềm năng, được xác định là vùng trọng điểm lương thực của tỉnh, mạng lưới giao thông tương đối thuận tiện cho việc vận chuyển hàng hóa, ổn định thị trường.



Bí thư:
ĐÀO THANH LONG

Đại hội Đảng bộ huyện được tiến hành tháng 11/2000 đã xác định đúng nhiệm vụ trọng tâm: muốn đưa đời sống của nhân dân thoát nghèo, vươn lên no ấm, giàu có thì phải đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động, tăng tỷ trọng của sản xuất CN-TTCN và dịch vụ; chuyển đổi mạnh mẽ cơ cấu sản xuất trong nông nghiệp.

KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC TRÊN CÁC LĨNH VỰC NHƯ SAU:

- Kinh tế phát triển toàn diện, tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 19,9%/năm (tăng trên 10% so với chỉ tiêu NQ đề ra), giá trị sản xuất, hàng hóa, dịch vụ bình quân đầu người tăng hơn 1,5 lần.

- Cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực, theo hướng tăng tỷ trọng phát triển CN- TTCN, xây dựng và dịch vụ: Nông - lâm, thủy sản đạt 32,63%; CN-TTCN đạt 32,27%; dịch vụ đạt 35,1%.

- Nông nghiệp phát triển khá toàn diện cả về trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, phát triển cây ăn quả, kinh tế đối rừng đã có chuyển biến tích cực. Vì vậy, giá trị sản xuất bình quân tăng 7,14%/năm (mục tiêu 5-6%).

- Tổng sản lượng lương thực đạt 48.000 tấn.

- Nhiều mô hình sản xuất, làm kinh tế giỏi được tổng kết và nhân rộng trên địa bàn, xuất hiện hơn 100 mô hình hộ đạt trên 50 triệu đồng/hộ/năm.

- Sản xuất CN- TTCN: Tổng giá trị sản xuất tăng bình quân hàng năm đạt 29,2%/năm (mục tiêu 15-18%). Cơ cấu sản xuất, cơ cấu ngành nghề chuyển dịch theo hướng tích cực, tăng quy mô sản xuất, ngành hàng.

- Huy động nhiều nguồn lực; chú trọng nguồn nội lực; tổng vốn huy động trong 5

năm ước 381 tỉ đồng, tăng 20,24%/năm, trong đó vốn đầu tư từ dân cư tăng 15%/năm.

- Lĩnh vực văn hóa- xã hội có những chuyển biến tích cực, giáo dục- đào tạo phát triển toàn diện. 100% số nhà trường được kiên cố hóa, 12 trường học đạt chuẩn quốc.

- Thực hiện có hiệu quả Chương trình quốc gia giải quyết việc làm, giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống còn dưới 1,9%.

- Công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị cơ sở vững mạnh là nhiệm vụ then chốt. Hàng năm có trên 80% số tổ chức cơ sở đảng đạt trong sạch, vững mạnh. 100% số đơn vị được xếp loại khá trở lên.

CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU GIAI ĐOẠN 2006-2010:

* Về kinh tế:

- Tổng giá trị sản xuất tăng bình quân hàng năm trên 12%

- Bình quân giá trị sản xuất đến năm 2010 đạt 38-40 triệu đồng/ha canh tác.

- Cơ cấu kinh tế đến năm 2010: NLN: 25-22%, CT-TTCN: 38-40%, Dịch vụ: 37-38%.

* Về xã hội:

- Giảm tỷ lệ hộ nghèo (tiêu chí 2005 còn dưới 5%).

- 100% số xã, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế.

* Về xây dựng Đảng - xây dựng hệ thống chính trị:

- Số tổ chức đảng đạt trong sạch vững mạnh 75%/năm trở lên.

- Tỷ lệ đảng viên đủ tư cách, hoàn thành tốt nhiệm vụ đạt từ 80% trở lên, trong đó xuất sắc đạt 20% trở lên.

- Phân đấu kết nạp ít nhất 160 đảng viên/năm

- Số chính quyền cơ sở trong sạch, vững mạnh đạt 75% trở lên, không có yếu kém.



Mô hình chăn nuôi lợn xuất khẩu





THÁNG 2 KỶ

RA NGÀY 1 VÀ 16

SỐ 742

19

10-2005

• BỘ BIÊN TẬP :

52 Nguyễn Chí Thanh, Hà Nội

Điện thoại : (04) 7 753 605

Fax : (04) 7 753 633

Email: bbtccs@hn.vnn.vn

**• Cơ quan thường trú
tại miền Trung :**

26 Trần Phú,

Thành phố Đà Nẵng

Điện thoại : (080) 51301

Fax : (080) 51303

**• Cơ quan thường trú
tại miền Nam :**

19 Phạm Ngọc Thạch,

Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại : (08) 8 274 638

Fax : (08) 8 231 664

• Tạp chí Cộng sản điện tử :

<http://www.tapchicongsan.org.vn>

• Tổng Biên tập :

LÊ HỮU NGHĨA



19

10-2005

Bìa 1: Cầu Chương Dương (Hà Nội)

Ảnh: Nguyễn Thanh Hải

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

MỤC LỤC

CHÀO MỪNG ĐẠI HỘI THI ĐUA TOÀN QUỐC LẦN THỨ VII

XÃ LUẬN - Không ngừng nâng cao vai trò động lực của phong trào thi đua yêu nước	3
TRƯƠNG MỸ HOA - Tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả phong trào thi đua yêu nước và công tác thi đua - khen thưởng	5

TIẾN TỚI ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ X CỦA ĐẢNG

NGUYỄN MẠNH CẨM - Ngoại giao thời kỳ đổi mới - một giai đoạn phát triển quan trọng của nền ngoại giao Việt Nam hiện đại	10
ĐẶNG VĂN THANH - Phát triển tài chính Việt Nam giai đoạn 2001 - 2005 và định hướng giai đoạn 2006 - 2010	18

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

VĂN ĐỨC THANH - Tác động khách quan của tiêu chí Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong đời sống xã hội	23
PHẠM NGỌC QUANG - Những điều kiện bảo đảm tiếp tục đổi mới hệ thống chính trị ở nước ta	28
LÊ KHẢ THỌ - Một số suy nghĩ về nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam	33
ĐÀO XUÂN THƯỜNG - Nhân tố mới của quá trình chuyển đổi cơ cấu và phát triển kinh tế đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2006 - 2010	38
NGUYỄN NGỌC THU - Kết hợp giáo dục lý luận với giáo dục lý tưởng, đạo đức cho sinh viên hiện nay	42

THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM

TRƯƠNG QUỐC TUẤN - Kiên Giang phát triển kinh tế biển, đảo gắn với bảo vệ quốc phòng - an ninh	45
ĐOÀN SINH HƯỞNG - Lực lượng vũ trang Quân khu IV: 60 năm xây dựng, chiến đấu và trưởng thành	49
NGUYỄN VĂN NAM - Xây dựng, củng cố tổ chức cơ sở đảng ở Quảng Nam: thực trạng và giải pháp	53
NGUYỄN HOÀNG VIỆT - Nâng cao vị trí, vai trò và chất lượng hoạt động của chi bộ - qua cuộc thi bí thư chi bộ giỏi toàn quốc	58

SINH HOẠT TƯ TƯỞNG

TRẦN TUẤN MINH - Tiến cử và sử dụng hiền tài	63
--	----

THẾ GIỚI: VẤN ĐỀ - SỰ KIỆN

ĐINH CÔNG TUẤN - Tình hình phát triển và hợp tác kinh tế - thương mại Việt Nam - Trung Quốc hiện nay	64
NGUYỄN XUÂN YÊM - Đấu tranh chống ma-phì-a và tội phạm có tổ chức trên thế giới	69

СОДЕРЖАНИЕ

Передовая: Непрерывное повышение стимулирующей роли движения патриотического соревнования.

- ЧЫОНГ МИ ХОА: Дальнейшее обновление, повышение эффективности движения патриотического соревнования и работы по соревнованию – поощрению.
- НГУЕН МАНЬ КАМ: Дипломатия периода обновления – важный период развития современной вьетнамской дипломатии.
- ДАНГ ВАН ТХАНЬ: Развитие вьетнамской финансовой политики в период 2001-2005 гг. и её ориентация в период 2006-2010 гг.
- ВАН ДЫК ТХАНЬ: Объективное воздействие критерия правового социалистического государства на общественную жизнь.
- ФАМ НГОК КУАНГ: Условия для обеспечения дальнейшего обновления политической системы во Вьетнаме.
- ЛЕ КХА ТХО: Некоторые мнения о рыночной экономике с социалистической ориентацией во Вьетнаме.
- ДАО СУАН ТХЫОНГ: Новые факторы процесса сдвига в экономической структуре и развития экономики в дельте реки Кыулонга в период 2006-2010 гг.
- ЧЫОНГ КУОК ТУАН: Провинция Киенжанг развивает морскую экономику и экономику островского района с обеспечением национальной обороны-безопасности.
- ДИНЬ КОНГ ТУАН: Состояние Вьетнамо-китайских торгово-экономических развития и сотрудничества на данном этапе.
- НГУЕН СУАН ИЕМ: Борьба с мафией и организационной преступностью в мире.

CONTENTS

Editorial: Continued promotion of the driving force of the patriotic emulation movement • TRƯƠNG MỸ HOA: Continued efforts to renovate and improve the efficiency of the patriotic emulation movement and the emulation-commendation work • NGUYỄN MẠNH CẨM: Vietnam's diplomacy in the renovation period - an important developmental period of Vietnam's modern diplomacy • DẶNG VĂN THANH: Development of Vietnam's finance in the 2001-2005 period and orientation for the 2006-2010 • VÂN ĐỨC THANH: Objective affect of the criteria of law-governed socialist state in social life • PHẠM NGỌC QUANG: The conditions to ensure continuous renovation of our country's political system • LÊ KHẢ THO: Some thoughts about socialist-oriented market economy in Vietnam • ĐÀO XUÂN THƯỜNG: New elements in the process of structure shift and economic development in the Cuu long delta in 2006-2010 period • TRƯƠNG QUỐC TUẤN: Kiên giang province developing marine, island economy combined to national defence-security protection • DINH CÔNG TUẤN: Developmental situation and economy-trade collaboration between Vietnam and China at the present • NGUYỄN XUÂN YÊM: Struggling against mafia and organised crime in the world.

SOMMAIRE

Editorial: Rehausser constamment le rôle de force motrice du mouvement d'émulation patriotique • TRƯƠNG MỸ HOA: Renouveler et élever l'efficacité du mouvement d'émulation patriotique et du travail d'émulation – récompense • NGUYỄN MẠNH CẨM: La diplomatie de l'époque de renouveau – une période de développement importante de la diplomatie vietnamienne moderne • DẶNG VĂN THANH: Le développement de la finance vietnamienne en 2001-2005 et ses orientations pour la période 2006-2010 • VÂN ĐỨC THANH: L'influence objective de la critère de l'Etat de droit socialiste dans la vie sociale • PHẠM NGỌC QUANG: Les conditions assurant la poursuite du renouveau du système politique au Vietnam • LÊ KHẢ THO: Quelques opinions sur l'économie de marche à orientation socialiste au Vietnam • ĐÀO XUÂN THƯỜNG: Nouvel élément du processus de restructuration et de développement économique dans le delta du Mékong pour la période 2006-2010 • TRƯƠNG QUỐC TUẤN: Le développement de l'économie maritime et insulaire lié à la défense et la sécurité nationale dans la province de Kiên Giang • DINH CÔNG TUẤN: Le développement et la coopération économique et commerciale Vietnam – Chine à l'heure actuelle • NGUYỄN XUÂN YÊM: La lutte contre la mafia et les crimes organisés dans le monde.

SUMARIO

Editorial: Elevar sin cesar el papel de fuerza motriz del movimiento de emulación patriótica. • TRƯƠNG MỸ HOA: continuar la renovación y poner en alto el resultado del movimiento de emulación patriótica y del trabajo de emulación-reconocimientos. • NGUYỄN MẠNH CẨM: La diplomacia en el tiempo de renovación – una importante etapa de desarrollo de la diplomacia vietnamita en la actualidad. • DẶNG VĂN THANH: El desarrollo financiero vietnamita en el periodo 2001-2005 y su orientación para el 2006-2010. • VÂN ĐỨC THANH: Afectos objetivos del criterio del Estado con legislación socialista en la vida social. • PHẠM NGỌC QUANG: Condiciones aseguradoras para la continuación de la renovación del sistema político en nuestro país. • LÊ KHẢ THO: Algunas meditaciones sobre la economía mercantil a la orientación socialista en Viet Nam. • ĐÀO XUÂN THƯỜNG: Nuevos factores del proceso de reestructura y fomento de la economía del delta del Mekong en el periodo 2006-2010. • TRƯƠNG QUỐC TUẤN: La combinación del desarrollo de la economía de mar e isla con la seguridad y defensa nacional efectuada por la provincia de Kiên Giang. • DINH CÔNG TUẤN: La actual situación de desarrollo y cooperación económico-comercial entre Viet Nam y China. • NGUYỄN XUÂN YÊM: La lucha contra la mafia y los criminales organizados en el mundo

社论

社论：不断提高爱国竞赛运动的推动作用。张美华：继续革新，提高爱国竞赛运动及竞赛—奖励工作的效果。阮孟琴：革新时期的外交—越南现代外交的一个重要发展阶段。邓文清：2001—2005年阶段越南财政发展及2006年—2010年阶段的定向。文德清：社会主义法制国家的标志对社会生活的客观影响。范玉光：对我国政治系统继续革新的一些保证条件。黎可寿：有关越南社会主义定向市场经济的一些想法。陶春赏：2006—2010年九龙江三角洲发展经济及机构转移过程中的新因素。张国俊：坚江省把海洋、海岛经济发展与国防—安全保卫结合起来。丁公俊：越南—中国目前经济、贸易发展合作状况。阮春奄：坚决斗争打击世界上的黑社会及有组织犯罪团伙。



KHÔNG NGỪNG NÂNG CAO VAI TRÒ ĐỘNG LỰC CỦA PHONG TRÀO THI ĐUA YÊU NƯỚC

ĐẠI hội Thi đua toàn quốc lần thứ VII được tổ chức trọng thể tại Thủ đô Hà Nội trong niềm vui của hàng triệu triệu con người. Niềm vui ấy đang được nhân lên trong không khí tung bừng của nhân dân cả nước vừa chào đón 60 năm Cách mạng Tháng Tám – Quốc khánh 2-9 và chuẩn bị chào đón 995 năm Thủ đô – Thăng Long – Hà Nội.

Đại hội Thi đua toàn quốc lần thứ VII là đại hội đầu tiên của thế kỷ XXI và là đại hội chào mừng những thành tựu vẻ vang của 20 năm đổi mới, của nhiệm kỳ Đại hội Đảng lần thứ IX. Đại hội lần này có nhiệm vụ tổng kết phong trào thi đua yêu nước trong 5 năm qua, đề ra nhiệm vụ công tác thi đua giai đoạn 2005 – 2010; đồng thời, biểu dương khen ngợi các tập thể, các cá nhân anh hùng, chiến sỹ thi đua, các gương điển hình tiên tiến – nhân tố mới đại diện cho các ngành, lĩnh vực, các tầng lớp nhân dân, các thành phần kinh tế. Qua đó, tiếp tục khơi dậy, cổ vũ sức mạnh to lớn của khối đại đoàn kết toàn dân, phát huy nội lực, thu hút ngoại lực, tạo động lực mới cho sự nghiệp đổi mới đất nước.

Đại hội có trên 1270 đại biểu, đại diện cho phong trào thi đua yêu nước của các tập thể và cá nhân điển hình, tiên tiến xuất sắc trên các lĩnh vực hoạt động của đời sống chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, một số người Việt Nam định cư ở nước ngoài tiêu biểu và người nước ngoài có nhiều đóng góp với Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc thời kỳ đổi mới. Điều này chứng tỏ rằng, trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa phong trào thi đua yêu nước vẫn là một động lực quan trọng được đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia, hưởng ứng thực sự là nguồn cổ vũ, khơi dậy lòng yêu nước nồng nàn, ý chí quật cường của đồng bào, chiến sỹ cả nước, tạo mọi nguồn lực cho phát triển kinh tế – xã hội là chất keo kết dính khối đại đoàn kết dân tộc, vững bước trên con đường đổi mới.

Gần 20 năm qua, kể từ Đại hội Thi đua toàn quốc lần thứ V (1986), cũng là thời gian thực hiện sự nghiệp đổi mới đất nước, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, phong trào thi đua đã không ngừng phát triển trong cả nước, ở từng cơ sở, từng đơn vị chiến đấu, sản xuất, học tập, nghiên cứu. Đặc biệt, từ khi có **Chỉ thị số 35-CT/TW** (1998) về đổi mới công tác thi đua – khen thưởng trong giai đoạn mới và **Chỉ thị số 39-CT/TW** (2004) về tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, phát hiện, bồi dưỡng, tổng kết và nhân điển hình tiên tiến của Bộ Chính trị, phong trào thi đua được khơi dậy, phát triển mạnh hơn trong nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội.

Tuy nhiên, trong công tác thi đua – khen thưởng thời gian qua còn những lúng túng nhất định; còn có những quan niệm cho rằng, áp dụng công tác thi đua – khen thưởng trong tình hình mới là khiên cưỡng. Cách thức duy trì, phát động thi đua, bồi dưỡng gương điển hình tiên tiến, việc tuyên truyền công khai, dân chủ, động viên khen thưởng chưa được thực hiện tốt. Công tác thi đua – khen thưởng nhiều nơi chưa gắn liền với công tác quản lý, bồi dưỡng, quy hoạch, đề bạt cất nhắc cán bộ; chưa gắn liền thi đua với khen thưởng. Khen thưởng còn tràn lan, chưa công bằng trong các tầng lớp xã hội. Nhiều tiêu chuẩn, hình thức, phương pháp khen thưởng duy trì quá lâu, làm mất tính hấp dẫn, không động viên khích lệ được đông đảo quần chúng. Không ít phong trào thi đua còn mang tính hình thức, chạy theo thành tích giả tạo, chưa có chiều sâu...

Những khuyết điểm làm giảm vai trò động lực của phong trào thi đua vừa qua là do thiếu sót chủ quan của chúng ta, chứ không phải do phát triển nền kinh tế nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường.

Thực tiễn cho thấy, nơi nào cấp ủy, chính quyền, thủ trưởng cơ quan quan tâm đến công tác thi đua – khen thưởng, thì nơi đó phong trào thi đua – khen thưởng phát triển tốt. Ngược lại, nơi nào cấp ủy, chính quyền, thủ trưởng cơ quan không quan tâm đến công tác thi đua – khen thưởng, thì nơi đó phong trào thi đua – khen thưởng không phát triển, kinh tế – xã hội giảm sút...

*
* *

Đại hội Thi đua toàn quốc lần thứ VII tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 35 và Chỉ thị số 39 của Bộ Chính trị: Đổi mới công tác thi đua – khen thưởng, đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, nhằm thực hiện mục tiêu kinh tế – xã hội quan trọng của đất nước trong thời kỳ mới; trước mắt góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội IX, lập thành tích xuất sắc chào mừng Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng.

Đề phong trào thi đua yêu nước tiếp tục giữ vững và đẩy mạnh được vai trò động lực phát triển kinh tế – xã hội trong giai đoạn tới, đòi hỏi tập trung vào một số nhiệm vụ quan trọng sau:

1 – Nâng cao năng lực lãnh đạo của các cấp ủy, tổ chức đảng; nâng cao tinh thần trách nhiệm và năng lực chỉ đạo sát sao, nhạy bén của chính quyền, của thủ trưởng cơ quan; nâng cao sự phối hợp đồng bộ, nhịp nhàng của các tổ chức đoàn thể quần chúng đối với phong trào thi đua, làm cho phong trào thi đua trở thành nhu cầu không thể thiếu của mọi tầng lớp nhân dân.

2 – Tổ chức thực hiện tốt Luật Thi đua – Khen thưởng; xây dựng phong trào thi đua phát triển đều khắp ở tất cả các vùng, miền, tạo khí thế cách mạng sôi động trong nhân dân để nâng cao năng lực sản xuất, kinh doanh và hiệu quả của nền kinh tế – xã hội, tạo môi trường xã hội lành mạnh, đời sống văn hóa cao, củng cố quốc phòng – an ninh, giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội.

3 – Xây dựng những điển hình tiên tiến toàn diện hoặc từng lĩnh vực của địa phương, đơn vị để nêu gương, tuyên truyền, nhân rộng, tạo không khí thi đua sôi nổi trong toàn quốc.

4 – Tiếp tục đổi mới công tác thi đua – khen thưởng cả về nội dung, hình thức; cải tiến thủ tục quy trình khen thưởng, thực hiện công khai, dân chủ, kịp thời, bảo đảm tính nêu gương, giáo dục trong khen thưởng; kiên quyết chống tiêu cực và bệnh hình thức trong công tác thi đua – khen thưởng.

5 – Củng cố, tăng cường sức mạnh của hệ thống tổ chức bộ máy cán bộ làm công tác thi đua – khen thưởng từ trung ương đến địa phương với phương châm: tinh, gọn, có khả năng đổi mới và đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước trong giai đoạn cách mạng mới. □

TẠP CHÍ CỘNG SẢN

TIẾP TỤC ĐỔI MỚI, NÂNG CAO HIỆU QUẢ PHONG TRÀO THI ĐUA YÊU NƯỚC VÀ CÔNG TÁC THI ĐUA - KHEN THƯỞNG

TRƯƠNG MỸ HOA *

SINH thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh rất quan tâm đến phong trào thi đua yêu nước cũng như công tác thi đua - khen thưởng. Người khẳng định, dân tộc ta có truyền thống yêu nước nồng nàn và ý chí quật cường chẳng kém dân tộc nào. Nay muốn tự lực, tự cường, tiến kịp các dân tộc khác thì phải tiến mau, tiến nhanh, vì vậy, phải ra sức thi đua yêu nước. Trong *Lời kêu gọi thi đua yêu nước*, ngày 11-6-1948, Người mong muốn toàn thể đồng bào, dù ở cương vị nào, làm công việc gì, đều phải tích cực tham gia thi đua yêu nước. "Nhu thể thì: Kháng chiến nhất định thắng lợi, Kiến quốc nhất định thành công" ⁽¹⁾. Người còn khẳng định: "Thi đua là yêu nước, yêu nước thì phải thi đua". Điều rất đáng lưu ý là, ở Chủ tịch Hồ Chí Minh, tư tưởng về thi đua yêu nước có sức lôi cuốn mạnh mẽ, bởi nó vừa rất thiết thực, dễ hiểu, dễ đi vào cuộc sống, lại vừa rất sâu sắc, toàn diện, hệ thống.

Quán triệt sâu sắc tư tưởng Hồ Chí Minh về thi đua - khen thưởng, Đảng và Nhà nước ta luôn đề cao vai trò, ý nghĩa của phong trào thi đua và công tác thi đua - khen thưởng, có những chủ trương, chính sách thi đua - khen thưởng phù hợp với từng thời kỳ cách mạng. Nhờ vậy, phong trào thi đua yêu nước của nhân dân ta qua các thời kỳ đã được đẩy lên thành cao trào sâu rộng, tạo ra động lực to lớn góp

phần làm nên thắng lợi của cách mạng, trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và xây dựng đất nước.

Tuy nhiên, những năm đầu đất nước bước vào thời kỳ đổi mới, nền kinh tế chuyển từ tập trung quan liêu bao cấp sang cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, công tác thi đua - khen thưởng còn có những lúng túng nhất định. Trong một thời gian khá dài, sự lãnh đạo, chỉ đạo đối với công tác thi đua - khen thưởng chưa được quan tâm đúng mức; có lúc, có nơi, cấp ủy và chính quyền các cấp, các ngành còn xem nhẹ, buông lỏng công tác thi đua - khen thưởng.

Để nâng cao hiệu quả phong trào thi đua yêu nước và công tác thi đua - khen thưởng trước yêu cầu, nhiệm vụ mới của đất nước, ngày 3-6-1998, Bộ Chính trị đã ban hành Chỉ thị 35/CT-TW "Về đổi mới công tác thi đua - khen thưởng trong giai đoạn mới", nhằm tạo sự chuyển biến sâu sắc trong nhận thức, tư tưởng về vị trí, vai trò và tác dụng của công tác thi đua - khen thưởng đối với các cấp

* Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch nước, Phó Chủ tịch thứ nhất Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương

(1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t 5, tr 419

ủy, chính quyền, đoàn thể nhân dân, cán bộ, đảng viên và mọi tầng lớp nhân dân; từ đó tạo nên sức mạnh mới, khơi dậy và phát huy cao độ tính tự lực, tiềm năng và sáng tạo trong mọi ngành, mọi giới, mọi dân tộc, các tầng lớp nhân dân, lực lượng vũ trang nhân dân, các thành phần kinh tế. Tiếp đó, ngày 30-7-1998, Chính phủ đã ra Nghị định 56/NĐ-CP về khen thưởng; và, tại Kỳ họp thứ 4, Quốc hội khóa XI đã thông qua Luật Thi đua - Khen thưởng. Ngày 21-5-2004, Bộ Chính trị ban hành Chỉ thị 39 CT/TW "Về việc tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, phát hiện, bồi dưỡng, tổng kết và nhân điển hình tiên tiến", nhằm tiếp tục tạo sự chuyển biến mạnh mẽ phong trào thi đua yêu nước trong những năm tới. Ngày 8-9-2004, Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị 31/CT-TTg về phát động đợt thi đua đặc biệt nhằm thực hiện thắng lợi kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (2001 - 2005) và hướng tới Đại hội Thi đua toàn quốc lần thứ VII.

Điều đó càng khẳng định, Đảng và Nhà nước ta thường xuyên coi trọng và luôn quan tâm đến phong trào thi đua yêu nước cũng như công tác thi đua - khen thưởng. Đến nay, chỉ trong một thời gian ngắn, phong trào thi đua yêu nước cũng như công tác thi đua - khen thưởng trong cả nước bước đầu đã có chuyển biến tích cực. Nhận thức về công tác thi đua - khen thưởng trong cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa của các cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân đã có chuyển biến. Các tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể nhân dân các cấp đã tổ chức được nhiều phong trào thi đua có tác dụng thiết thực. Công tác thi đua - khen thưởng được các cấp, các ngành, các địa phương quan tâm chỉ đạo và có nhiều tiến bộ. Nhiều tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc đã được các cấp, các ngành và Nhà nước khen thưởng kịp thời. Hình thức khen thưởng ngày càng đa dạng, phong phú, có sức hấp dẫn, lôi cuốn đông đảo quần chúng lao động.

Sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức đối với vị trí, vai trò và tác dụng của công tác thi đua - khen thưởng đã đẩy lên khí thế thi đua sôi nổi, khơi dậy lòng yêu nước, tự hào, tự tôn, khí phách quật cường của dân tộc để thực hiện thắng lợi sự nghiệp đổi mới đất nước, đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa với khẩu hiệu: "Tất cả vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh". Thời gian qua, trong cả nước cũng như ở các ngành, các địa phương, đơn vị đã có những phong trào thi đua có sức cuốn hút mạnh mẽ tính tích cực hoạt động của con người nhằm thực hiện những mục tiêu kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh. Chẳng hạn, ngành văn hóa - thông tin có phong trào xây dựng khu phố, làng, bản, ấp văn hóa, xây dựng đời sống văn hóa mới. Ngành bưu chính - viễn thông có các phong trào "Trạm trưởng viễn thông giỏi", "Nữ tài năng ngành bưu điện". Ngành mỏ phát động các phong trào "An toàn, chất lượng, hiệu quả", "Không vượt mức không vè", "Hôm sau cao hơn hôm trước, tháng sau cao hơn tháng trước", "Quyết tâm bám mỏ". Ngành giáo dục - đào tạo tổ chức tốt các phong trào "Thi đua dạy tốt, học tốt", "Xây dựng nhà trường kỷ cương, nề nếp, xanh, sạch, đẹp, bài trừ tệ nạn xã hội". Ngành nông nghiệp chỉ đạo tốt các phong trào "Xây dựng nông thôn giàu mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh", "Vì sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn". Ngành công an thường xuyên duy trì phong trào "Vì an ninh Tổ quốc". Phong trào này được kết hợp chặt chẽ với các phong trào "Hướng về cơ sở, bám sát địa bàn, nắm tình hình từ xa", "Quản chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc". Thủ đô Hà Nội duy trì có nề nếp phong trào "Người tốt, việc tốt" và phát động thêm phong trào thi đua mới "Phát huy truyền thống Thủ đô anh hùng - 1000 năm văn hiến, xây dựng Thủ đô văn minh, thanh lịch, hiện đại xứng đáng với Thủ đô anh hùng". Thành phố Hồ Chí Minh có những phong trào có sức lôi cuốn mạnh mẽ các

tầng lớp nhân dân, thuộc các lứa tuổi, ở các địa bàn trong thành phố như: "Trật tự kỷ cương - nếp sống văn minh đô thị", "Xây dựng nhà tình nghĩa", "Bảo trợ giúp đỡ bệnh nhân nghèo", "Hiến máu nhân đạo"...

Trong 5 năm qua, các bộ, ngành: Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Thủy sản, Bộ Văn hóa - Thông tin, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Tổng Công ty Bưu chính - Viễn thông, Tổng Công ty Lương thực miền Nam; các thành phố Đà Nẵng, Hải Phòng và các tỉnh Hà Tây, Bắc Ninh, Bắc Giang, Yên Bái, Tuyên Quang, Hà Giang, Nghệ An, Quảng Nam, Tây Ninh, Cần Thơ, Lâm Đồng, Sóc Trăng, Đồng Nai, Long An, Kiên Giang... có nhiều hình thức tổ chức thi đua phong phú như giao ước thi đua giữa chủ tịch công đoàn và thủ trưởng cơ quan trong cùng đơn vị, giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới, giữa các tổ đội sản xuất, và đã tổ chức nhiều hội thi đạt kết quả cao.

Gần 20 năm qua, kể từ Đại hội Thi đua toàn quốc lần thứ V (1986), cũng là từ khi thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, phong trào thi đua yêu nước đã không ngừng phát triển trong từng ngành, từng địa phương, cơ sở, từng đơn vị chiến đấu, sản xuất, học tập, nghiên cứu. Đặc biệt, từ khi có Chỉ thị 35/CT-TW (1998) "Về đổi mới công tác thi đua - khen thưởng trong giai đoạn mới" và Chỉ thị 39/CT-TW (2004) "Về tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, phát hiện, bồi dưỡng, tổng kết và nhân điển hình tiên tiến", phong trào thi đua yêu nước được khơi dậy, phát triển mạnh mẽ trong nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội. Tính từ năm 1986 đến năm 2000, đã có 437 tập thể và cá nhân được phong tặng danh hiệu Anh hùng. Đến Đại hội Thi đua lần thứ VII (năm 2005), lại có thêm 319 tập thể và cá nhân được phong tặng danh hiệu cao quý này, trong đó có 210 tập thể và cá nhân Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới, 109 tập thể và cá nhân Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân. Sự phát triển đó đã khẳng định, trong

nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, phong trào thi đua yêu nước vẫn được duy trì, phát triển và là động lực mạnh mẽ của sự nghiệp đổi mới.

Tuy nhiên, phong trào thi đua yêu nước cũng như công tác thi đua - khen thưởng còn bộc lộ nhiều hạn chế, yếu kém: một số cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể nhân dân các cấp chưa nhận thức được đầy đủ, sâu sắc về vị trí, vai trò và tác dụng của công tác thi đua - khen thưởng trong cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và trước yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Trên thực tế, còn coi nhẹ thi đua, nặng về khen thưởng; chưa gắn bó chặt chẽ giữa thi đua và khen thưởng với nhau. Còn không ít cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể nhân dân và Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp chưa đầu tư thời gian tương xứng cho công tác này, chưa thực hiện tốt phương châm "Cả hệ thống chính trị làm công tác thi đua - khen thưởng". Phong trào thi đua phát triển chưa đồng đều, rộng khắp và liên tục, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào các dân tộc thiểu số; ở một số nơi còn mang nặng tính phô trương, hình thức, chạy theo thành tích. Việc triển khai các Chỉ thị của Bộ Chính trị về công tác thi đua - khen thưởng ở một số cơ quan, đơn vị chưa sâu, thiếu chương trình, kế hoạch hướng dẫn thực hiện. Ở không ít địa phương, cơ quan, đơn vị, quá trình lãnh đạo, chỉ đạo công tác thi đua - khen thưởng thiếu kiểm tra, đánh giá và sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm. Một số bộ, ngành, địa phương, đơn vị có phong trào thi đua tốt nhưng chưa tiến hành tổng kết để rút ra các bài học kinh nghiệm. Việc khen thưởng có lúc, có nơi chưa kịp thời, chưa chính xác, thậm chí có biểu hiện tiêu cực. Việc kiện toàn tổ chức bộ máy làm công tác thi đua - khen thưởng vẫn chậm và còn nhiều bất cập.

*

* *

Từ thực tiễn tổ chức các phong trào thi đua và công tác thi đua - khen thưởng trong

thời gian qua, có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm sau:

Một là, công tác thi đua - khen thưởng chỉ phát triển đúng tầm, mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội rõ ở những nơi các tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể đều chủ động, tích cực tham gia vào công tác lãnh đạo, chỉ đạo phong trào thi đua. Ở đó, cấp ủy luôn luôn là hạt nhân lãnh đạo chính trị, vạch ra đường lối, chủ trương phát triển công tác thi đua - khen thưởng; chính quyền đề ra các chính sách phù hợp, hỗ trợ các hoạt động của phong trào thi đua và công tác khen thưởng; Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân có nhiều hình thức phong phú, đa dạng để tập hợp, động viên các tầng lớp nhân dân tham gia vào việc thực hiện các nhiệm vụ của công tác thi đua - khen thưởng.

Hai là, phong trào thi đua phải có nội dung, mục tiêu rõ ràng, bám sát và nhằm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị; công tác thi đua - khen thưởng phải bám sát cơ sở, bắt nhịp được hơi thở của cuộc sống thực tiễn, phát huy vai trò to lớn của quần chúng nhân dân. Bài học này đòi hỏi mỗi cấp, mỗi ngành, mỗi cán bộ làm công tác thi đua - khen thưởng phải bám sát cơ sở để phát hiện, nuôi dưỡng những việc làm tốt, cách làm hay, động viên, hướng dẫn phong trào phát triển nhằm giải quyết những vấn đề phát sinh từ thực tế ở cơ sở.

Ba là, phong trào thi đua phải được tuyên truyền sâu rộng trong quần chúng nhân dân; phát huy tốt vai trò của hệ thống thông tin đại chúng trong giáo dục, vận động quần chúng tích cực tham gia thi đua yêu nước. Phải coi trọng đúng mức việc sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua và công tác khen thưởng; chỉ nơi nào tổ chức tốt việc theo dõi phong trào thi đua, chú ý nâng cao chất lượng công tác tổng kết phong trào thi đua thì nơi đó mới duy trì và từng bước nâng cao chất lượng và hiệu quả của công tác thi đua - khen thưởng. Trong sơ kết, tổng kết, bên cạnh việc suy tôn các điển hình

tiên tiến, một việc làm có ý nghĩa hết sức quan trọng là đúc rút kinh nghiệm, thể hiện được những suy nghĩ và cách làm của các điển hình tiên tiến, từ đó mới có cơ sở để quảng bá, nhân rộng các điển hình tiên tiến nhằm nâng cao hơn nữa thành tích của phong trào thi đua.

Bốn là, việc khen thưởng phải kịp thời, gắn liền với kết quả hoạt động của phong trào thi đua mới phát huy hết tác dụng khuyến khích, động viên những "người tốt, việc tốt". Bên cạnh đó, phải linh hoạt áp dụng các hình thức khen thưởng phù hợp với từng đối tượng mới có tác dụng động viên, khích lệ. Có đối tượng phải khen thưởng vật chất để hỗ trợ họ thực hiện các mục tiêu đề ra; có đối tượng phải có hình thức tôn vinh để ghi công trạng. Việc khen thưởng phải hài hòa giữa khen thưởng vật chất và động viên tinh thần.

Năm là, nơi nào tổ chức bộ máy và có đội ngũ cán bộ có trình độ ngang tầm với nhiệm vụ thì nơi đó hiệu quả công tác thi đua - khen thưởng được duy trì và thường xuyên được tăng cường. Bộ máy làm công tác thi đua - khen thưởng phải được bảo đảm các điều kiện cần thiết để triển khai nhiệm vụ của mình.

Để tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả phong trào thi đua yêu nước và công tác thi đua - khen thưởng, trong thời gian tới, các cấp, các ngành, các địa phương cần tập trung thực hiện tốt một số giải pháp lớn sau:

1 - Tiếp tục tổ chức học tập, quán triệt sâu sắc hơn nữa tinh thần Chỉ thị 39/CT-TW của Bộ Chính trị, Chỉ thị 31/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ, các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn công tác thi đua - khen thưởng của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương, Luật Thi đua - Khen thưởng và các văn bản hướng dẫn Luật Thi đua - Khen thưởng khi được ban hành đến mọi đảng viên, cán bộ, công chức và mọi tầng lớp nhân dân, trước hết là đội ngũ đảng viên, cán bộ, công chức, vì đây là lực lượng nòng cốt để vận động quần chúng nhân dân hăng hái tham gia phong trào thi đua yêu nước.

2 - Xây dựng kế hoạch và các biện pháp hữu hiệu để tiếp tục nâng cao nhận thức về công tác thi đua - khen thưởng trong cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, *đẩy lên phong trào hành động cách mạng mới với khí thế mới, đưa phong trào thi đua trở thành cao trào sâu rộng trong mọi người, mọi nhà, mọi ngành, làm cho thi đua - khen thưởng thật sự là động lực của sự phát triển, là một trong những biện pháp quan trọng để xây dựng con người mới, góp phần tích cực thực hiện thắng lợi nhiệm vụ và các chỉ tiêu kinh tế - xã hội của Đại hội IX, thiết thực hướng tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng.*

3 - Tiếp tục thực hiện tốt hơn nữa các hình thức, biện pháp tổ chức thi đua đã làm trong nhiều năm trước đây xét thấy có hiệu quả; đồng thời, cần sáng tạo thêm nhiều hình thức mới gắn kết chặt chẽ giữa thi đua và khen thưởng.

Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương chủ động phối hợp với các cơ quan hữu quan ở trung ương, giúp Chính phủ hằng năm đánh giá, phân loại thành tích thi đua của các tỉnh, thành phố chia theo khu vực và các bộ, ngành, các tổng công ty 90 - 91, để Chính phủ có hình thức khen thưởng thích đáng đối với những nơi có thành tích xuất sắc.

Các bộ, ngành, tỉnh, thành phố cần tập trung chỉ đạo hướng phong trào thi đua về cơ sở. Chú trọng khen thưởng cá nhân, các tập thể nhỏ, các lĩnh vực hoạt động sáng tạo, tài năng trẻ, khen thưởng cá nhân và tổ chức nước ngoài, khen thưởng đột xuất và khen thưởng những cán bộ, đảng viên, quần chúng đảm đương những công việc bình thường nhưng có nhiều cố gắng, có thành tích xuất sắc.

Quan tâm và tăng cường khen thưởng người lao động nông nghiệp, thủ công nghiệp, người làm việc trong các hợp tác xã, các doanh nghiệp ngoài quốc doanh.

Ngoài các hình thức khen thưởng của Nhà nước, khuyến khích các ngành, các đoàn

thể nhân dân, các tổ chức xã hội, nghề nghiệp và các địa phương có thêm nhiều hình thức khen thưởng đa dạng, phong phú để động viên, khích lệ kịp thời các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc.

4 - Tiếp tục kiện toàn, nâng cao chất lượng tổ chức bộ máy làm công tác thi đua - khen thưởng theo hướng kiện toàn Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương. Ban Thi đua - Khen thưởng là cơ quan tham mưu cho Đảng, chính quyền về công tác thi đua - khen thưởng và là cơ quan thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng. Đồng thời, cần chọn lựa, tăng cường và bồi dưỡng, xây dựng một đội ngũ cán bộ làm công tác thi đua - khen thưởng có đạo đức, phẩm chất trong sáng, lập trường tư tưởng vững vàng, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, tâm huyết với công việc để đáp ứng nhiệm vụ được giao.

Sự nghiệp đổi mới do Đảng lãnh đạo đang đòi hỏi mỗi người, mỗi ngành "Ngày ngày thi đua", "Người người thi đua", "Ngành ngành thi đua" để tạo động lực thúc đẩy nước ta ngày càng phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Năm năm qua, kể từ Đại hội Thi đua toàn quốc lần thứ VI đến nay, toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta trên khắp mọi miền của đất nước đã có những đóng góp tích cực trong phong trào thi đua yêu nước. Với truyền thống cần cù và sáng tạo trong lao động, học tập và chiến đấu của nhân dân ta, chúng ta tin tưởng rằng, phong trào thi đua yêu nước và công tác khen thưởng của nước ta trong những năm tới sẽ chuyển biến mạnh mẽ về chất.

Trong không khí tung bừng, phấn khởi chào mừng Đại hội Thi đua toàn quốc lần thứ VII, trước thời cơ mới, thuận lợi mới, toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta nguyện tăng cường đoàn kết, ra sức thi đua: **"Phát huy bản lĩnh và trí tuệ Việt Nam, hợp tác quốc tế bền vững, xây dựng đất nước ngang tầm với các nước trong khu vực và thế giới"**.□



NGOẠI GIAO THỜI KỲ ĐỔI MỚI - MỘT GIAI ĐOẠN PHÁT TRIỂN QUAN TRỌNG CỦA NỀN NGOẠI GIAO VIỆT NAM HIỆN ĐẠI

NGUYỄN MẠNH CẨM *

THÁNG 9-1945, Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ra đời, mở ra một kỷ nguyên mới cho dân tộc, đồng thời cũng đặt nền móng cho nền ngoại giao Việt Nam hiện đại - ngoại giao thời đại Hồ Chí Minh. Bản tuyên ngôn độc lập do Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc tại Quảng trường Ba Đình là thông điệp ngoại giao quan trọng đầu tiên khẳng định với toàn thế giới "Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do độc lập" ⁽¹⁾.

Là nước thuộc địa đầu tiên đứng lên tự giải phóng, giành độc lập tự do, Việt Nam đã sớm đề ra đường lối ngoại giao để tranh thủ sự đồng tình ủng hộ của các nước nhằm bảo vệ thành quả cách mạng, bảo vệ nền độc lập còn non trẻ và xác định vị trí xứng đáng của mình trong cộng đồng quốc tế. Tháng 11-1945, hơn 2 tháng sau ngày Cách mạng thành công, Thường vụ Trung ương Đảng đã ra chỉ thị: "kiên trì chủ trương ngoại giao với các nước theo nguyên tắc "bình đẳng và tương trợ". Phải đặc biệt... làm cho nước mình ít kẻ thù và nhiều bạn đồng minh hơn hết" ⁽²⁾. Cũng với tinh thần đó, "Thông báo về ngoại giao" của

Chính phủ lâm thời Việt Nam dân chủ cộng hòa khẳng định: "Người Việt Nam gác sang một bên tất cả những khác biệt trong quan điểm chính trị, đoàn kết với nhân dân các nước, tôn trọng chủ quyền, lãnh thổ của nhau, duy trì hòa bình, ổn định giữa các nước trong khu vực và thế giới, thực hiện độc lập dân tộc, tôn trọng công lý và pháp luật quốc tế" ⁽³⁾.

Đó là những nguyên tắc cơ bản của chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước, định hướng cho các hoạt động thực tiễn của chúng ta ở mọi giai đoạn phát triển đất nước.

Trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và chống đế quốc Mỹ vì độc lập dân tộc, thống nhất Tổ quốc, ngoại giao đã góp phần vừa làm sáng tỏ trước nhân dân toàn thế giới chính nghĩa dân tộc, vừa khẳng định

* Nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, nguyên Phó Thủ tướng, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao

(1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t 4, tr 4

(2) *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t 8, tr 27

(3) Bộ Ngoại giao: *Những văn bản chính của Hội nghị Giơ-ne-vơ*, Hà Nội, 1955

quyết tâm "thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ" ⁽⁴⁾, "dù có phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng quyết giành cho được độc lập", vừa thể hiện nguyện vọng hòa bình của nhân dân ta.

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, ngoại giao đã trở thành một mặt trận phối hợp chặt chẽ và nhịp nhàng với mặt trận quân sự và mặt trận chính trị tạo thành sức mạnh tổng hợp, giành thắng lợi từng bước tiến tới thắng lợi hoàn toàn, bảo vệ trọn vẹn nền độc lập của dân tộc, thực hiện thống nhất Tổ quốc, thu giang sơn về một mối, đưa đất nước tiến theo con đường xã hội chủ nghĩa.

Sau ba mươi năm chiến đấu liên tục, đất nước mới hoàn toàn giải phóng, Việt Nam đã phải lập tức đối phó với một cuộc chiến tranh mới - chiến tranh biên giới Tây Nam do bè lũ Pôn Pốt phát động. Để bảo vệ chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, giữ vững an ninh của chính mình, đồng thời đáp ứng yêu cầu của Mặt trận đoàn kết dân tộc cứu nước Cam-pu-chia, quân tình nguyện Việt Nam đã phối hợp với lực lượng vũ trang Mặt trận cứu nước Cam-pu-chia, tiêu diệt bè lũ Pôn Pốt đến tận sào huyệt. Vấn đề Cam-pu-chia lôi cuốn sự quan tâm của các nước trong khu vực và dần dần của nhiều nước trên thế giới kể cả các nước lớn. Do hiểu không đúng thiện ý của Việt Nam và lo sợ chiến tranh lan rộng sang nước mình, các nước khu vực đã phản ứng gay gắt và đòi Việt Nam rút quân khỏi Cam-pu-chia. Còn các thế lực thù địch nhân dịp này siết chặt bao vây, cấm vận, gây sức ép mạnh mẽ làm suy yếu Việt Nam.

Trước tình hình đó, nhiệm vụ trung tâm của ngoại giao Việt Nam là đấu tranh chống lại âm mưu của các thế lực thù địch, phối hợp chặt chẽ với Lào và Cam-pu-chia trong các hoạt động quốc tế tìm giải pháp hợp lý cho vấn đề

Cam-pu-chia, đồng thời cùng bạn bè quốc tế giúp nhân dân Cam-pu-chia khắc phục hậu quả của chế độ diệt chủng Pôn Pốt.

Xuất phát từ yêu cầu đổi mới toàn diện mà Nghị quyết Đại hội VI đã nêu, tháng 8-1988, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương khóa VI đã đánh giá tình hình quốc tế và khu vực, kiểm điểm với tinh thần thực sự cầu thị hoạt động đối ngoại trong thời gian hơn 10 năm kể từ ngày nước nhà thống nhất, trên cơ sở đó thông qua Nghị quyết 13 nhấn mạnh chủ trương "thêm bạn, bớt thù", đồng thời đề cập vấn đề rút quân tình nguyện Việt Nam khỏi Cam-pu-chia nhằm tạo điều kiện xúc tiến việc tìm giải pháp cho vấn đề Cam-pu-chia. Nghị quyết còn chủ trương thúc đẩy việc bình thường hóa quan hệ với Trung Quốc và phấn đấu cải thiện từng bước quan hệ với Hoa Kỳ.

Cuối những năm 80, đầu những năm 90 của thế kỷ XX, tình hình quốc tế diễn biến phức tạp và thay đổi một cách căn bản. Sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu tác động sâu sắc đến toàn bộ tình hình thế giới. Cuộc khủng hoảng của phong trào cộng sản lại càng thêm nghiêm trọng; phong trào độc lập dân tộc, phong trào đấu tranh cho dân sinh, dân chủ của giai cấp công nhân và nhân dân lao động ở các nước tư bản gặp khó khăn. Trật tự thế giới hai cực hình thành từ sau chiến tranh thế giới thứ hai chấm dứt. Thế giới bước sang một thời kỳ quá độ tiến tới một trật tự thế giới mới chưa được xác định với những chiều hướng trái ngược phát triển xen kẽ nhau.

Trong tình hình quốc tế diễn biến bất lợi đó, tháng 6-1991, Đảng ta họp Đại hội lần thứ VII đề ra đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, rộng mở "đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ quốc tế" với phương châm "Việt Nam

(4) Hồ Chí Minh: *Sđđ*, t 4, tr 480

muốn là bạn với tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển" (5). Đại hội còn xác định nhiệm vụ của hoạt động đối ngoại là "giữ vững hòa bình, mở rộng quan hệ hữu nghị và hợp tác, tạo điều kiện quốc tế thuận lợi cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, đồng thời góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội" (6).

Tháng 6-1992, Ban Chấp hành Trung ương khóa VII họp Hội nghị lần thứ 3, đã cụ thể hóa đường lối đó. Hội nghị đã nêu bật tư tưởng chỉ đạo của hoạt động đối ngoại là "giữ vững nguyên tắc vì độc lập, thống nhất và chủ nghĩa xã hội, đồng thời phải rất sáng tạo, năng động, linh hoạt phù hợp với vị trí, điều kiện và hoàn cảnh của nước ta, cũng như diễn biến của tình hình thế giới và khu vực, phù hợp với từng đối tượng ta có quan hệ" (7). Hội nghị còn đề ra bốn phương châm xử lý các vấn đề quốc tế trong tình hình mới.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, thực hiện đường lối của Đại hội VI, Đại hội VII, các Nghị quyết Trung ương và Bộ Chính trị về đối ngoại, ngoại giao Việt Nam đã góp phần đưa đất nước ra khỏi khó khăn, từng bước nâng cao vị thế trong cộng đồng quốc tế.

Nhiệm vụ chủ yếu trước mắt của ngoại giao lúc này là kiên quyết đấu tranh, ra sức giải tỏa bao vây, cấm vận, phá thế bị cô lập, chủ động tranh thủ càng nhiều bạn càng tốt, giảm bớt kẻ thù, mở rộng hợp tác, góp phần đưa nước ta nhanh chóng ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, từng bước hội nhập với nền kinh tế khu vực và thế giới.

Lúc này trên thế giới, lực lượng sản xuất đã quốc tế hóa cao độ, phân công lao động đi vào chuyên môn hóa ngày càng sâu và càng chi tiết. Tình hình mới đặt các quốc gia trước yêu cầu tập trung nỗ lực chủ yếu vào phát triển

kinh tế, xây dựng đất nước và ra sức giành cho mình vị thế thuận lợi nhất trong phân công lao động quốc tế. Nắm bắt đặc điểm này của tình hình, ngoại giao Việt Nam đã chuyển hướng mạnh sang phục vụ kinh tế, tạo môi trường hòa bình ổn định và điều kiện quốc tế thuận lợi, tranh thủ sự hợp tác của các nước, góp phần tăng cường sức mạnh tổng hợp của quốc gia. Kết hợp ngoại giao chính trị với kinh tế, chúng ta đã mở rộng quan hệ thương mại với trên 150 nước, nâng kim ngạch xuất khẩu lên xấp xỉ với tổng sản phẩm quốc nội; thúc đẩy hợp tác kinh tế với các nước, tranh thủ đầu tư trực tiếp của các tập đoàn, các công ty của 69 nước và vùng lãnh thổ với số vốn đăng ký khoảng 45 tỉ đô la và gần 5.000 dự án lớn nhỏ rải ra trên 100 khu công nghiệp và khu chế xuất. Từ năm 1993 đến nay, ta còn tranh thủ được hơn 26 tỉ đô la viện trợ phát triển chính thức của gần 50 nước và định chế tài chính - tiền tệ quốc tế.

Trong triển khai đường lối đối ngoại, Việt Nam luôn coi trọng và ưu tiên thúc đẩy quan hệ với các nước láng giềng cùng chung biên giới, cùng trong khu vực; chủ động, tích cực giải quyết những vấn đề tồn tại để cải thiện quan hệ với các nước này.

Trọng tâm hoạt động đối ngoại ở thời điểm này là tích cực góp phần vào việc giải quyết vấn đề Cam-pu-chia bằng một giải pháp chính trị. Việc giải quyết chính trị vấn đề Cam-pu-chia là khâu đột phá quan trọng trong quá trình triển khai đường lối đối ngoại của ta. Theo tinh thần các Nghị quyết 85 và 86 của Bộ Chính trị Trung ương Đảng về đối mới quan hệ với Cam-pu-chia và Lào, sau khi hòa bình được lập lại ở Cam-pu-chia, Việt Nam đã

(5) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1991, tr 147

(6), (7) Ngoại giao Việt Nam 1945 - 2000, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, tr 325, tr 326

nhanh chóng thúc đẩy quan hệ láng giềng hữu nghị và hợp tác với Cam-pu-chia và tiếp tục củng cố hợp tác toàn diện với Lào. Ba tháng sau khi Hiệp định Pa-ri về Cam-pu-chia được ký kết, nhận lời mời của Hoàng thân Xi-ha-núc, Chủ tịch Hội đồng dân tộc tối cao Cam-pu-chia (SNC), Bộ trưởng Ngoại giao nước ta đã sang thăm Cam-pu-chia. Trong dịp này, hai bên đã ra Thông cáo chung nhấn mạnh tầm quan trọng của việc đưa quan hệ truyền thống Việt Nam - Cam-pu-chia bước sang giai đoạn mới, xây dựng mối quan hệ láng giềng thân thiện giữa hai nước trên cơ sở các nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của nhau, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, không dùng vũ lực và đe dọa dùng vũ lực, giải quyết mọi vấn đề trong quan hệ giữa hai nước bằng con đường hòa bình, hợp tác bình đẳng, cùng có lợi và cùng tồn tại hòa bình⁽⁸⁾.

Sau cuộc gặp cấp cao Thành Đô (9-1990) và việc tìm kiếm giải pháp cho vấn đề Cam-pu-chia đi dần vào giai đoạn kết thúc, quá trình bình thường hóa quan hệ Việt - Trung được xúc tiến nhanh. Tháng 11-1991, quan hệ giữa hai nước Việt Nam và Trung Quốc được khôi phục. Thông cáo chung khẳng định hai nước Việt Nam và Trung Quốc sẽ phát triển quan hệ hữu nghị và láng giềng thân thiện trên cơ sở 5 nguyên tắc: "tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nhau, không xâm phạm lẫn nhau, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng cùng có lợi, cùng tồn tại hòa bình. Hai Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Cộng sản Trung Quốc sẽ khôi phục quan hệ bình thường trên các nguyên tắc độc lập, tự chủ, hoàn toàn bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau"⁽⁹⁾.

Từ đó, quan hệ hữu nghị truyền thống và hợp tác nhiều mặt giữa hai nước được khôi

phục và phát triển nhanh chóng, đặc biệt là quan hệ chính trị và thương mại. Hằng năm đều có các cuộc gặp cấp cao giữa hai nước, đồng thời các ngành, các cấp tăng cường cử đoàn đi thăm lẫn nhau, nghiên cứu tình hình, trao đổi kinh nghiệm. Từ tháng 2-1992, hai bên đã lần lượt mở 21 cửa khẩu trên bộ thuộc tuyến biên giới, nối lại đường sắt và đường hàng không, tạo điều kiện thuận lợi cho việc đi lại, giao lưu, hợp tác giữa hai nước. Hai bên đã ký gần 50 hiệp định và thỏa thuận cấp nhà nước, không kể các thỏa thuận ký kết giữa các ngành, các địa phương. Chỉ trong một thời gian ngắn, Trung Quốc đã trở thành một đối tác thương mại hàng đầu của Việt Nam; buôn bán hai chiều tăng bình quân 20%/năm, từ 266 triệu đô la (năm 1992) lên hơn 5 tỉ đô la (năm 2004).

Qua hơn 7 năm đàm phán, Việt Nam và Trung Quốc đã ký kết Hiệp ước về phân định biên giới trên bộ (30-12-1999) và Hiệp định phân định vịnh Bắc Bộ (15-12-2000). Như vậy, giữa Việt Nam và Trung Quốc, hai trên ba vấn đề biên giới lãnh thổ đã được giải quyết. Còn lại vấn đề Hoàng Sa và Trường Sa, tại Nghị quyết phê chuẩn Công ước Luật Biển năm 1982, Quốc hội một lần nữa "khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo" và nhấn mạnh lại chủ trương giải quyết các tranh chấp thông qua thương lượng hòa bình trên tinh thần bình đẳng, hiểu biết và tôn trọng lẫn nhau, tôn trọng luật pháp quốc tế, đặc biệt là Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982, tôn trọng chủ quyền và quyền tài phán của các nước ven biển đối với vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa.

Ngay sau khi Hiệp định về chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Cam-pu-chia được ký

(8), (9) *Ngoại giao Việt Nam 1945 - 2000*, Sđd, tr 340 - 345

kết, ta đã chủ động đến với các nước láng giềng ở khu vực, cải thiện quan hệ, thúc đẩy hợp tác và trên cơ sở hiểu biết lẫn nhau. Ta đã đặt vấn đề sẵn sàng gia nhập Hiệp hội các quốc gia Đông - Nam Á (ASEAN). Tháng 7-1992, ta trở thành quan sát viên và tháng 7-1995 trở thành thành viên chính thức thứ 7 của ASEAN. Chỉ sau 3 năm gia nhập ASEAN, ta đã tổ chức thành công Hội nghị Cấp cao ASEAN lần thứ 6. Cống hiến quan trọng của Hội nghị này là đã thông qua Tuyên bố Hà Nội và đặc biệt là Chương trình hành động Hà Nội, một chương trình lớn tổng hợp các phương hướng hoạt động của các nước thành viên và các nước đối thoại trong 2 năm cuối của thế kỷ XX và 4 năm đầu của thế kỷ XXI để thực hiện *Tầm nhìn ASEAN 2020*. Tại Hội nghị, Lào và Mi-an-ma được kết nạp vào ASEAN và 5 tháng sau, lễ kết nạp Cam-pu-chia cũng được tổ chức tại Hà Nội. Như vậy là tại Hà Nội, ASEAN đã mở rộng thành ASEAN 10, bao gồm tất cả các nước trong khu vực, biến ước mơ của các nhà sáng lập Hiệp hội thành sự thật. Trong khuôn khổ ASEAN, các nước trong khu vực đoàn kết, hợp tác, hỗ trợ lẫn nhau để phát triển, đẩy lùi xa về quá khứ thời kỳ các nước trong khu vực chia làm hai nhóm đối địch nhau.

Nhận thức rõ vai trò và tác động của các nước lớn đối với tình hình quốc tế, ta đã quan tâm thúc đẩy quan hệ với các nước này. Tiếp theo việc bình thường hóa quan hệ với Trung Quốc, thực hiện Nghị quyết 13 của Bộ Chính trị khóa VI, Nghị quyết Đại hội VII và Nghị quyết của Hội nghị lần thứ 3 Ban Chấp hành Trung ương khóa VII, ta kiên trì tiến hành từng bước bình thường hóa quan hệ với Hoa Kỳ. Xuất phát từ tinh thần nhân đạo cao cả, ta đã giải quyết tốt vấn đề tìm kiếm và trao trả hài cốt người Mỹ mất tích trong chiến tranh Việt Nam (POW/MIA). Việc giải quyết tốt

vấn đề POW/MIA đã được dư luận, chính quyền Hoa Kỳ đánh giá cao và biểu thị lòng biết ơn và góp phần thúc đẩy quá trình cải thiện quan hệ dẫn tới việc bình thường hóa quan hệ giữa hai nước vào tháng 7-1995.

Với việc bình thường hóa quan hệ và thiết lập quan hệ ngoại giao, trao đổi Đại sứ với Hoa Kỳ, lần đầu tiên ta có quan hệ với tất cả các nước lớn trên thế giới, với tất cả các thành viên thường trực của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc. Điều đó cũng nói lên vị thế của Việt Nam ngày càng được nâng cao trên trường quốc tế.

Do những hoạt động dồn dập, tích cực theo hướng đa dạng hóa, đa phương hóa, tháng 7-1995, chỉ trong một tháng đã diễn ra 3 sự kiện quan trọng: ký Hiệp định khung hợp tác với Liên minh châu Âu sau 3 năm đàm phán (15-7); bình thường hóa quan hệ với Hoa Kỳ (11-7) và chính thức gia nhập ASEAN (28-7), nói lên thắng lợi trên các hướng chính của hoạt động ngoại giao thời kỳ đổi mới.

Trong quá trình triển khai đường lối đối ngoại đa phương hóa, chúng ta một mặt củng cố quan hệ với những nước vốn có quan hệ truyền thống, mặt khác chủ động thiết lập quan hệ ngoại giao với các nước ở khắp các châu lục, thúc đẩy sự hợp tác trên nhiều lĩnh vực. Nếu trong thời gian 42 năm trước, kể từ khi nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ra đời, ta có quan hệ ngoại giao với 112 nước, thì chỉ trong 12 năm đổi mới, ta đã thiết lập quan hệ ngoại giao với 55 nước, trong đó có 15 nước châu Đại Dương, 6 nước châu Mỹ, 13 nước châu Âu, 13 nước châu Phi và 8 nước châu Á, nâng tổng số quốc gia có quan hệ ngoại giao với Việt Nam lên 167 nước.

Cùng với việc mở rộng quan hệ ngoại giao với các nước, chúng ta đã sớm bình thường hóa quan hệ với các định chế tài chính - tiền tệ quốc tế như Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF),

Ngân hàng thế giới (WB), Ngân hàng phát triển châu Á (ADB)..., những tổ chức có vai trò quan trọng hỗ trợ ta trong quá trình phát triển. Trong những năm qua, các tổ chức tài chính này đã dành cho ta những khoản viện trợ ưu đãi đáng kể để thực hiện những dự án và chương trình cần thiết trên cơ sở tôn trọng chủ quyền và lợi ích của ta.

Quan hệ càng được mở rộng, bạn bè càng nhiều thêm thì mặc nhiên vòng vây cấm vận bị phá vỡ và đó cũng là một nhân tố thúc đẩy Hoa Kỳ tuyên bố bỏ cấm vận và tiếp đó bình thường hóa quan hệ với Việt Nam.

Công tác ngoại giao thời kỳ đổi mới được triển khai giữa lúc trên thế giới xu thế toàn cầu hóa và cùng với nó là xu thế hội nhập kinh tế quốc tế diễn ra ngày một sâu rộng như những xu thế tất yếu, khoa học và công nghệ đang không ngừng phát triển, lực lượng sản xuất được quốc tế hóa cao độ, kinh tế thị trường ngày càng phổ biến.

Nhận thức rõ điều đó, Việt Nam đã chủ động hội nhập kinh tế quốc tế theo từng bước tuần tự, vững chắc, từ hội nhập khu vực đến hội nhập liên khu vực, liên châu lục và cuối cùng là hội nhập toàn cầu. Tiếp theo việc gia nhập ASEAN vào tháng 7-1995, đầu năm 1996, Việt Nam tham gia Khu vực mậu dịch tự do ASEAN (AFTA); là một trong những sáng lập viên của Diễn đàn hợp tác Á - Âu (ASEM) tháng 3-1996; trở thành thành viên chính thức của Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC) tháng 11-1998 và hiện đang đàm phán để gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), thực hiện hội nhập ở phạm vi rộng hơn, với mức độ sâu hơn. Là cầu nối giữa đất nước với thế giới, giữa dân tộc với quốc tế, ngoại giao đã và đang là đội quân tiên phong của quá trình hội nhập, với nhận thức hội nhập nhưng giữ vững độc lập tự chủ, giữ vững bản sắc văn hóa dân tộc và định hướng

xã hội chủ nghĩa, hội nhập để phát triển, trên cơ sở phát huy tối đa nội lực, ra sức tranh thủ ngoại lực, kết hợp nội lực với ngoại lực tạo thành sức mạnh tổng hợp theo phương châm "kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh của thời đại" bảo đảm thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, củng cố nền kinh tế độc lập tự chủ, bảo đảm cho đất nước phát triển ổn định và bền vững. Như trên đã nói, 3 năm sau khi gia nhập ASEAN, ta đã tổ chức thành công Hội nghị Cấp cao ASEAN với Chương trình hành động Hà Nội lịch sử, năm 2004 tổ chức thành công Hội nghị Cấp cao ASEM lần thứ 5 và năm 2006 ta sẽ đăng cai Hội nghị Cấp cao APEC. Trước đó, tháng 11-1997, trong khi kinh nghiệm chưa nhiều, điều kiện vật chất còn hạn chế, Việt Nam đã tổ chức thành công Hội nghị Cấp cao lần thứ 7 Cộng đồng các quốc gia có sử dụng tiếng Pháp. Đây là Hội nghị Cấp cao có quy mô lớn đầu tiên được tổ chức ở Việt Nam với 53 đoàn và của 49 nước thành viên. Đóng góp quan trọng của Hội nghị Cấp cao Hà Nội là mở rộng sự hợp tác của cộng đồng từ chính trị, văn hóa sang cả lĩnh vực kinh tế.

Sự tham gia nghiêm túc và năng động của ta tại các diễn đàn đa phương, trong các tổ chức quốc tế từ Liên hợp quốc đến Phong trào không liên kết, từ Cộng đồng các quốc gia có sử dụng tiếng Pháp đến nhóm G 77, từ các tổ chức liên chính phủ đến các tổ chức phi chính phủ; cũng như việc chúng ta tích cực góp phần giải quyết các vấn đề toàn cầu đã nâng cao vai trò và uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế. Không phải ngẫu nhiên mà Việt Nam được các nước tín nhiệm cử giữ các chức vụ quan trọng tại các kỳ họp của Đại hội đồng Liên hợp quốc, được bầu vào Hội đồng kinh tế - xã hội (ECOSOC) của Liên hợp quốc - cơ quan lớn và quan trọng thứ hai sau Hội đồng Bảo an, vào Ban điều hành Chương trình phát triển của

Liên hợp quốc (UNDP), Quỹ dân số thế giới (UNFPA), Ủy ban quyền con người của Liên hợp quốc v.v.. Để phát huy hơn nữa vị thế của mình, Việt Nam đã bắt đầu vận động để ứng cử làm thành viên không thường trực Hội đồng Bảo an nhiệm kỳ 2008 - 2009.

Trong những năm qua, ngoại giao đã phối hợp chặt chẽ với các ngành có liên quan đấu tranh chống ý đồ dùng vấn đề "dân chủ", "nhân quyền" và "tôn giáo", gây sức ép hòng can thiệp vào công việc nội bộ của nước ta, áp đặt "mô hình dân chủ" xa lạ với điều kiện nước ta.

Tùy từng đối tượng khi kiên quyết đấu tranh, lúc giải thích, thuyết phục, chúng ta đã nói rõ quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về các vấn đề dân chủ, nhân quyền. Với cách xử thế như vậy, ta đã tranh thủ được sự hiểu biết và sự đồng tình của dư luận quốc tế nên gạt bỏ được ý đồ, bác bỏ những dự thảo nghị quyết mưu toan vu khống và bôi nhọ ta do các lực lượng thù địch đưa ra tại các diễn đàn quốc tế.

Hoạt động ngoại giao thời kỳ đổi mới không những đã góp phần xứng đáng vào sự nghiệp xây dựng đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, góp phần bảo vệ độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của quốc gia - một nhiệm vụ chủ yếu và thường xuyên của ngoại giao, mà còn góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân các nước vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội, vì tình hữu nghị giữa các dân tộc, vì một trật tự thế giới mới công bằng và hợp lý.

Gần 20 năm qua, trên cơ sở phát huy những thành tựu to lớn và vô cùng quan trọng của công cuộc đổi mới toàn diện đời sống xã hội, nhận thức rõ trách nhiệm mà Đảng và Nhà nước giao phó trong thời kỳ tình hình quốc tế có nhiều biến động nhanh chóng, phức tạp khôn lường, ngoại giao đã phấn đấu không ngừng, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp xây

dựng và bảo vệ Tổ quốc, nâng cao vị thế và vai trò của nước ta trên trường quốc tế.

*

* *

Thắng lợi của ngoại giao trong 60 năm qua, nhất là trong thời kỳ đổi mới, bắt nguồn từ sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam, tư tưởng Hồ Chí Minh vĩ đại. Đó là kết quả của tư duy biện chứng của Đảng ta trước những chuyển biến quan trọng của tình hình quốc tế, trước những yêu cầu của công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đáp ứng mọi lợi ích của dân tộc ở từng giai đoạn cách mạng.

Nhân tố có ý nghĩa quyết định đầu tiên bảo đảm thành công trên mặt trận ngoại giao là việc phát huy tinh thần độc lập, tự chủ. Độc lập tự chủ không đồng nghĩa với dân tộc hẹp hòi, càng tuyệt đối không phải là biệt lập. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: Trong tình hình quốc tế hiện nay, những đặc điểm dân tộc và những điều kiện riêng biệt của từng nước ngày càng trở thành nhân tố quan trọng trong việc vạch ra chính sách của mỗi Đảng Cộng sản và Đảng Công nhân. Cũng như sự nghiệp cách mạng nói chung, hoạt động ngoại giao phải quán triệt tinh thần dựa vào sức mình là chính, phải có tư duy độc lập, biết tiếp thu kinh nghiệm và trí tuệ của các dân tộc nhưng phải ứng dụng phù hợp với điều kiện đặc thù của nước mình, tự mình quyết định đường lối chủ trương và hành động của mình. Ngoại giao hiện đại ra đời trong bão táp Cách mạng Tháng Tám; sức mạnh của nó là ở sự kế thừa lịch sử, văn hóa và ngoại giao của dân tộc với bản chất cách mạng, hòa bình, hòa hiếu, chính nghĩa, thủy chung với bạn bè, khoan dung với đối thủ, đã chất lọc được những giá trị để làm giàu thêm cho mình, tạo dựng cho mình dấu ấn riêng trong một thời đại đáng ghi nhớ của nhân loại và của dân tộc.

Thực tế chứng minh rằng do nắm bắt xu thế của thời đại, quy luật vận động của quan hệ quốc tế, kết hợp với tư duy thực tiễn và biện chứng, Đảng và Nhà nước ta đã hướng ngoại giao xác định đúng mục tiêu và chính sách trong từng giai đoạn lịch sử; trong kháng chiến cũng như trong hòa bình; ở giai đoạn phát triển bình thường cũng như trong thời kỳ đổi mới. Hoạt động đối ngoại nói chung và ngoại giao nói riêng phải được tiến hành hết sức linh hoạt trên cơ sở vừa xuất phát từ tình hình yêu cầu của đất nước, vừa căn cứ vào sự biến chuyển của tình hình thế giới, đặc biệt là những đảo lộn sâu sắc, nhanh chóng và phức tạp những năm qua. Đây là một vấn đề mang tính nghệ thuật cao, bởi ngoại giao là một khoa học và cũng là một nghệ thuật; ngoại giao phản ánh thời đại, mang hơi thở của thời đại, ghi dấu ấn của thời đại và góp phần làm nên thời đại.

Cũng như trong kháng chiến, trong xây dựng hòa bình, ngoại giao đã thực hiện tốt vai trò cầu nối gắn liền sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, tạo thành sức mạnh tổng hợp hùng mạnh, bảo đảm giành thắng lợi trong mọi tình huống. Với nguyên tắc này, trong thời chiến, ta đã làm thất bại những kẻ thù mạnh hơn mình gấp bội. Ở thời bình xây dựng, tuy sức mạnh vật chất còn yếu, trình độ phát triển còn thấp, đất nước còn nghèo, song ta đã tạo được thế và lực chưa từng có, trở thành một đối tác tin cậy của cộng đồng quốc tế.

Kiên trì thực hiện chính sách đối ngoại hòa bình, phát huy truyền thống hòa hiếu của cha ông là di sản quý báu, là đạo lý của dân tộc và cũng là đặc tính của nền ngoại giao Việt Nam hiện đại. Ngày nay, tư tưởng lớn này bắt gặp xu thế lớn là "hòa bình, hợp tác và phát triển", phản ánh nguyện vọng bức xúc của các dân tộc và được thể hiện nhất quán trong tư duy và trong hoạt động thực tiễn của ta với phương châm "Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác

tin cậy của tất cả các nước trong cộng đồng quốc tế".

Ngày nay, trong điều kiện toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế phát triển mạnh mẽ, sự tùy thuộc lẫn nhau giữa các quốc gia ngày càng gia tăng, lợi ích đan xen, đối tượng hợp tác ngày càng đông đảo, đa dạng với những yêu cầu, lợi ích và trình độ phát triển khác nhau, thì chính sách và hoạt động ngoại giao lại càng phải hết sức linh hoạt, phù hợp với từng đối tác, từng đối tượng, từng lúc, từng nơi, trên cơ sở bảo đảm lợi ích dân tộc, lấy lợi ích dân tộc làm chuẩn mực, làm thước đo, để quyết định chủ trương, xác định chính sách, đồng thời không để quan hệ giữa nước ta với nước này làm ảnh hưởng đến quan hệ giữa nước ta với những nước khác, luôn quan tâm tạo môi trường thuận lợi không những để bảo vệ lợi ích đất nước, độc lập chủ quyền quốc gia mà còn góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chung vì hòa bình, ổn định và hợp tác, vì độc lập và tiến bộ xã hội.

Nhìn lại chặng đường đã qua đầy gian lao vất vả nhưng rực rỡ chiến công, với một đội ngũ ngày càng trưởng thành và tiếp tục được bồi dưỡng cả về phẩm chất, năng lực chuyên môn lẫn tác phong công tác, chúng ta có thể tự hào về những gì đã làm được, từ đó củng cố quyết tâm, kiên trì nguyên tắc, nắm vững đường lối chiến lược, vận dụng linh hoạt và sáng tạo sách lược theo phương châm "đi bất biến, ứng vạn biến" mà Bác Hồ đã dạy, ra sức phát huy bài học "kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại", quyết tâm phấn đấu giành những thắng lợi mới, góp phần xứng đáng vào việc xây dựng một nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, sánh vai cùng các nước trong cộng đồng quốc tế, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp hòa bình, phát triển và tiến bộ xã hội trên thế giới. □

PHÁT TRIỂN TÀI CHÍNH VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2001 - 2005 VÀ ĐỊNH HƯỚNG GIAI ĐOẠN 2006 - 2010

ĐẶNG VĂN THANH *

I

Sau gần 20 năm đổi mới, đặc biệt là trong giai đoạn 2001 - 2005, công cuộc đổi mới trong lĩnh vực tài chính đã thu được nhiều thành tựu quan trọng. Tiềm lực tài chính quốc gia ngày càng được củng cố và tăng cường, chuyển từ thế bị động sang chủ động thu, chi, có tích lũy để đầu tư phát triển. Tổng thu ngân sách nhà nước thực hiện giai đoạn 2001 - 2005 sẽ vượt so với mục tiêu Đại hội lần thứ IX của Đảng đề ra, tốc độ tăng thu bình quân đạt 14,6%/năm (mục tiêu đề ra 12%/năm) góp phần làm gia tăng đáng kể quy mô ngân sách, bảo đảm thực hiện thắng lợi Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2001 - 2005. Tỷ lệ huy động bình quân vào ngân sách nhà nước đạt 22,5% GDP, trong đó thuế, phí dự kiến đạt 20,8% GDP (mục tiêu đề ra là 20% - 21% GDP, trong đó thuế, phí là 18% - 19% GDP). Cơ cấu thu ngân sách nhà nước đã từng bước vững chắc hơn, thu nội địa trở thành nguồn thu quan trọng và chủ yếu (tỷ trọng thu nội địa không kể dầu thô tăng từ 50,7% tổng thu ngân sách năm 2001 lên 57,5% năm 2004).

Cùng với tiềm lực tài chính quốc gia, hệ thống chính sách động viên tài chính tiếp tục được đổi mới theo hướng giải phóng và khơi thông mọi nguồn lực cho đầu tư phát triển. Hệ thống cơ chế, chính sách, pháp luật về tài chính

tiếp tục được đổi mới theo hướng tạo môi trường đầu tư và môi trường kinh doanh thuận lợi, thông thoáng và minh bạch nhằm thu hút các nguồn lực tiềm năng để phát triển kinh tế - xã hội. Trong 5 năm 2001 - 2005, tỷ trọng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội bình quân ước đạt 35,6% GDP (mục tiêu đề ra là 31 - 32% GDP), cao hơn so với giai đoạn 1996 - 2000 (33% GDP). Trong cơ cấu vốn đầu tư toàn xã hội, vốn đầu tư của các doanh nghiệp trong nước và dân cư có xu hướng tăng về tỷ trọng: Vốn đầu tư thuộc khu vực dân doanh chiếm khoảng 26% (mục tiêu là 24% - 25%), tăng hơn so với giai đoạn 1996 - 2000 (23,8%). Nhờ kết quả đó, mức huy động các tiềm năng trong nước tăng đáng kể đạt 70% (mục tiêu đề ra là 66%). Các hình thức và các công cụ huy động nguồn lực tài chính từng bước được đa dạng hóa và dần thực hiện theo các nguyên tắc thị trường, bảo đảm tập trung nguồn lực cho việc thực hiện các nhiệm vụ chủ yếu của nền kinh tế, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, từng bước sử dụng hiệu quả các nguồn lực tài chính. Chính sách thuế có nhiều đổi mới quan trọng theo hướng từng bước hình thành hệ thống thuế công bằng, thống nhất, giảm dần sự phân biệt

* PGS, TS, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kinh tế và Ngân sách của Quốc hội

giữa các thành phần kinh tế, tạo môi trường kinh doanh thuận lợi để phát triển sản xuất kinh doanh, tăng tích lũy cho doanh nghiệp; thủ tục hành chính trong thu nộp thuế được đơn giản hóa, công tác quản lý thuế được đổi mới và dần được hiện đại hóa.

Cơ cấu phân phối và sử dụng nguồn lực tài chính đã có nhiều chuyển biến tích cực theo hướng giảm các khoản chi bao cấp từ ngân sách, tăng dần tỷ lệ chi cho đầu tư phát triển, tập trung ưu tiên cho những nhiệm vụ phát triển kinh tế quan trọng và giải quyết những vấn đề xã hội bức xúc. Nhờ nguồn động viên thu ngân sách nhà nước đạt khá nên tổng chi ngân sách nhà nước trong giai đoạn 2001 - 2005 đạt trên 889 nghìn tỉ đồng; tăng 18,6% so với mục tiêu đề ra (720 - 750 nghìn tỉ đồng); tốc độ tăng chi bình quân đạt 16,1%/năm (mục tiêu là 12%/năm). Tỷ trọng chi cho đầu tư phát triển dự kiến khoảng 29,2% tổng chi ngân sách nhà nước, đạt 8,2% GDP (vượt mục tiêu đề ra là 25% - 26% tổng chi ngân sách nhà nước, đạt 6% - 6,5% GDP). Chi ngân sách nhà nước cho giáo dục - đào tạo tăng từ 15% tổng chi ngân sách nhà nước năm 2000 lên 18% tổng chi ngân sách nhà nước năm 2004; nếu so với GDP - tăng từ 3,5% (năm 1998) lên 4,7% (năm 2004). Chi cho khoa học - công nghệ đạt 2% tổng chi ngân sách nhà nước.

Tài chính doanh nghiệp được đổi mới, từng bước hình thành cơ chế tài chính thống nhất đối với mọi loại hình doanh nghiệp, góp phần khuyến khích đầu tư, mở rộng sản xuất kinh doanh. Quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm của các doanh nghiệp nhà nước về kinh tế tài chính được đề cao, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp gia tăng tiềm lực tài chính và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Quản lý tài chính trong lĩnh vực sự nghiệp và tài sản công đã được chú trọng nhằm tăng cường khai thác và huy động các nguồn lực tài chính cho phát triển kinh tế - xã hội. Thị trường tài chính bước đầu được hình thành, thị trường dịch vụ tài chính có

bước phát triển khá. Hệ thống thể chế của thị trường tài chính và thị trường dịch vụ tài chính về cơ bản đã được hình thành, từng bước chuyển động theo hướng lành mạnh, vận hành an toàn. Thị trường chứng khoán bước đầu đạt được kết quả nhất định trong việc huy động nguồn lực tài chính cho đầu tư phát triển. Thị trường dịch vụ tài chính phát triển về quy mô và đạt tốc độ tăng từ 15% đến 18%/năm, trong đó thị trường bảo hiểm tăng nhanh đạt trên 29%/năm (gấp 4 lần tốc độ phát triển của khu vực dịch vụ). Đáng chú ý là hội nhập quốc tế trong lĩnh vực tài chính đã có nhiều kết quả tích cực, nợ nước ngoài được duy trì trong giới hạn an toàn, góp phần bảo đảm an ninh tài chính quốc gia. Chúng ta đã thực hiện các cam kết cắt giảm thuế CEPT/AFTA, từng bước cắt giảm thuế xuất, nhập khẩu để phù hợp với tiến trình hội nhập; đẩy nhanh tiến trình đàm phán và chủ động cam kết cắt giảm thuế gia nhập trong tiến trình gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới. Thực hiện mở cửa đối với một số lĩnh vực tài chính và dịch vụ tài chính theo các cam kết hội nhập, tạo cơ sở để hội nhập nhanh với thế giới và khu vực. Bảo đảm thanh toán kịp thời, đầy đủ các khoản nợ đến hạn theo đúng các cam kết quốc tế. Dự nợ chính phủ năm 2005 khoảng 36% GDP, dự nợ quốc gia khoảng 32% GDP là mức an toàn, bảo đảm an ninh tài chính quốc gia.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đạt được, hoạt động tài chính vẫn còn bộc lộ một số hạn chế, yếu kém trên các mặt sau:

Một là, nhu cầu vốn cho đầu tư phát triển lớn, hoạt động tài chính còn hạn chế. Nguồn tiềm năng về vốn trong nước và vốn nước ngoài chưa được khai thác tốt, đặc biệt là vốn đầu tư nước ngoài.

Hai là, cơ cấu đầu tư chưa hợp lý, tính dàn trải trong chi đầu tư chưa được khắc phục. Hiệu quả đầu tư còn thấp, thất thoát, lãng phí trong quản lý và sử dụng đất đai, quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ bản còn nghiêm trọng. Đầu tư của

Nhà nước chiếm tỷ trọng cao, nhưng mức đóng góp vào tăng trưởng thấp.

Ba là, chính sách thuế còn nhiều điểm chưa phù hợp với hệ thống thuế theo tiêu chuẩn quốc tế, bảo hộ sản xuất thông qua thuế chưa hợp lý; cải cách hành chính thuế còn chậm.

Bốn là, bao cấp trong ngân sách chưa được xóa bỏ triệt để; chi tiêu ngân sách, chi tiêu hành chính còn lãng phí, kém hiệu quả; chi ngân sách cho một số lĩnh vực phục vụ nhu cầu chăm lo phát triển con người như giáo dục, y tế chưa đáp ứng nhu cầu cần thiết.

Năm là, thực hiện chủ trương cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước còn chậm; tiềm lực tài chính doanh nghiệp còn nhỏ bé, hiệu quả sản xuất kinh doanh còn thấp, năng lực cạnh tranh bị hạn chế; tình trạng thua lỗ, nợ nần còn phổ biến, nhưng chậm được giải quyết.

Sáu là, thị trường tài chính (bao gồm thị trường vốn ngắn, trung và dài hạn), thị trường dịch vụ tài chính, bảo hiểm, tư vấn tài chính, kế toán, kiểm toán... phát triển chưa đồng bộ, còn ở trình độ thấp, quy mô nhỏ bé, chất lượng dịch vụ chưa cao, chưa tạo ra sự hấp dẫn để trở thành một kênh huy động vốn dài hạn cho đầu tư phát triển.

II

Quán triệt quan điểm tài chính là mạch máu của nền kinh tế, có vai trò thúc đẩy, mở đường cho phát triển kinh tế - xã hội bền vững, nhiệm vụ tài chính ngân sách giai đoạn 2006 - 2010 được xác định là: *Bảo đảm tiềm lực tài chính quốc gia đủ mạnh để chủ động thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhanh, hiệu quả và bền vững, có khả năng kiểm soát lạm phát, ổn định tiền tệ, giá cả và thị trường; hệ thống chính sách động viên, phân phối tài chính công bằng, tích cực, năng động, phù hợp với thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, có đủ khả năng khai thác nội lực của đất nước; xây dựng nền tài chính quốc gia lành mạnh, công khai minh bạch, dân chủ, được kiểm toán, kiểm soát, làm cho tài chính trở thành thước đo hiệu quả*

mọi hoạt động kinh tế; năng lực, hiệu lực quản lý nhà nước về tài chính được tăng cường và đổi mới trên cơ sở đẩy mạnh cải cách hành chính, hiện đại hóa công cụ và đội ngũ cán bộ quản lý tài chính; củng cố và nâng cao vị thế tài chính Việt Nam trong quan hệ quốc tế trên cơ sở bảo đảm độc lập tự chủ và an ninh tài chính quốc gia. Quốc hội và Chính phủ đã đề ra mục tiêu cụ thể cho giai đoạn 2006 - 2010 là:

- Tỷ trọng huy động vốn đầu tư xã hội trung bình cả giai đoạn 2006 - 2010 là 38% - 40% GDP, với tốc độ tăng trung bình 12% - 13%/năm, trong đó nguồn vốn trong nước chiếm khoảng 60% - 65%. Tăng tỷ trọng vốn trung và dài hạn khoảng 40% - 50% tổng vốn đầu tư, trong đó vốn của ngân sách nhà nước chiếm 20% tổng vốn đầu tư toàn xã hội (nếu cả nguồn trái phiếu chính phủ chiếm 22% - 23%).

- Tỷ lệ huy động bình quân vào ngân sách nhà nước giai đoạn 2006 - 2010 khoảng 22% GDP, trong đó động viên từ thuế, phí là 21% GDP.

- Tỷ lệ chi ngân sách nhà nước giai đoạn 2001 - 2010 khoảng 26% - 27% GDP, trong đó: chi cho đầu tư phát triển ở mức 29% - 30% tổng chi ngân sách nhà nước; chi thường xuyên ở mức khoảng 54% - 56% tổng chi ngân sách nhà nước; chi trả nợ trong và ngoài nước ở mức khoảng 16% - 17% tổng chi ngân sách nhà nước.

- Bội chi ngân sách nhà nước ở mức không quá 5% GDP. Kiểm soát và duy trì nợ quốc gia ở mức dưới 50% GDP; nghĩa vụ trả nợ nước ngoài dưới 20% kim ngạch xuất khẩu, trong đó nghĩa vụ trả nợ nước ngoài của Chính phủ dưới 12% tổng thu ngân sách nhà nước.

- Tốc độ tăng chi ngân sách nhà nước cho giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ nhanh hơn tốc độ tăng chi ngân sách nhà nước để đến năm 2010 chi ngân sách nhà nước cho giáo dục và đào tạo đạt 20% tổng chi ngân sách nhà nước, chi cho khoa học và công nghệ đạt 2,1% tổng chi ngân sách nhà nước.

Để thực hiện được các mục tiêu và nhiệm vụ trên, cần tập trung vào các giải pháp sau:

1 – Chính sách động viên tài chính hướng mạnh vào giải phóng triệt để và khơi thông các nguồn lực trong xã hội, khuyến khích các thành phần kinh tế bỏ vốn đầu tư phát triển kinh doanh để tạo ra năng lực sản xuất, hạ tầng kinh tế – xã hội, trên cơ sở đó nâng cao tiềm lực tài chính quốc gia. Thực hiện cơ chế, chính sách tài chính đồng bộ, thống nhất giữa các thành phần kinh tế, tạo sự bình đẳng trong cạnh tranh, xóa bỏ tình trạng phân biệt đối xử trong kinh doanh giữa đầu tư trong nước và đầu tư nước ngoài, giữa các thành phần kinh tế tạo chuyển biến tích cực trong ổn định môi trường đầu tư, tăng tính hấp dẫn nhằm thu hút mạnh vốn đầu tư nước ngoài, bao gồm cả vốn đầu tư trực tiếp và gián tiếp. Chủ động huy động trên thị trường tài chính quốc tế thông qua phát hành trái phiếu chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp. Đẩy mạnh thu hút vốn đầu tư gián tiếp thông qua thị trường tài chính trong nước. Khuyến khích cung cấp hàng hóa có chất lượng và hoàn thiện cơ chế để thúc đẩy thị trường chứng khoán phát triển. Xây dựng chính sách tài chính phát triển thị trường bất động sản, bao gồm thị trường quyền sử dụng đất và thị trường nhà ở đô thị nhằm giải phóng và phát huy các nguồn lực của đất nước đưa vào đầu tư phát triển kinh tế. Động viên, thu hút rộng rãi các nguồn vốn trong xã hội nhằm tăng đầu tư nâng cao số lượng và chất lượng các dịch vụ công cộng. Đẩy mạnh thực hiện xã hội hóa bằng cách áp dụng cơ chế tài chính phù hợp đối với các đơn vị sự nghiệp. Hoàn thiện chính sách tài chính khuyến khích nhà đầu tư bỏ vốn cung cấp dịch vụ công ích.

2 – Động viên hợp lý các nguồn thu cho ngân sách nhà nước trên cơ sở cải cách hệ thống thuế, phí phù hợp với cơ chế thị trường, theo hướng công bằng, thống nhất, có cơ cấu hợp lý và đồng bộ. Chính sách động viên hướng mạnh vào mục tiêu phát triển dài

hạn, xác định mức thuế hợp lý, giảm gánh nặng thuế cho doanh nghiệp, thúc đẩy tăng trưởng, tạo động lực lớn khuyến khích sản xuất, trên cơ sở đó tăng quy mô thu ngân sách nhà nước. Từng bước nâng cao tỷ trọng thuế thu nhập, thuế tài sản trong cơ cấu hệ thống thuế. Nâng tỷ trọng thuế trực thu trong tổng thu ngân sách nhà nước, trong đó tăng tỷ trọng thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế thu nhập cá nhân bằng cách mở rộng đối tượng nộp thuế. Nghiên cứu ban hành: Luật Thuế thu nhập cá nhân thay thế cho Pháp lệnh thuế đối với người có thu nhập cao; Luật Thuế sử dụng đất thay thế cho thuế sử dụng đất nông nghiệp, thuế nhà đất; Luật Thuế tài sản; Luật Quản lý thuế nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác quản lý thuế. Mặt khác, đẩy mạnh cải cách hành chính công khai hóa và đơn giản hóa thủ tục hành chính thuế; mở rộng áp dụng cơ chế tự khai, tự tính và tự nộp thuế; hiện đại hóa công tác quản lý thuế, triển khai các dịch vụ tư vấn, hỗ trợ tính thuế và nộp thuế; hạn chế thất thu thuế ở mức thấp nhất, bảo đảm thu đúng, thu kịp thời các khoản thu ngân sách nhà nước.

3 – Chính sách phân phối tài chính nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhanh, ổn định và bền vững; chuyển dịch có hiệu quả cơ cấu kinh tế; thực hiện phân phối và phân phối lại các nguồn thu nhập trong xã hội theo hiệu quả kinh doanh và năng suất lao động, theo vốn, tài sản, trí tuệ và phúc lợi xã hội; nâng cao hiệu quả trong sử dụng nguồn lực tài chính quốc gia. Hoàn thiện cơ chế, chính sách phân phối và sử dụng hợp lý, tiết kiệm có hiệu quả nguồn lực đầu tư của xã hội, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển đồng bộ các vùng kinh tế gắn với bảo đảm công bằng xã hội và xóa đói giảm nghèo. Tiếp tục cơ cấu lại chi ngân sách nhà nước theo hướng tích cực hơn: tăng đầu tư phát triển nguồn nhân lực, đầu tư kết cấu hạ tầng. Phân định rõ nội dung và phạm vi chi ngân sách nhà nước, tập trung thực hiện những nhiệm vụ quan trọng, thiết yếu; triệt để xóa bao

cấp trực tiếp và hạn chế bao cấp gián tiếp qua ngân sách nhà nước, gắn cơ cấu lại chi ngân sách nhà nước với cải cách hành chính cho phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của nhà nước và đẩy mạnh xã hội hóa để huy động nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội. Thực hiện cải cách tiền lương phù hợp với tiến trình cải cách hành chính nhà nước nhằm tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội, gắn quyền lợi và trách nhiệm trong thực hiện công vụ đối với công chức; cải cách cơ bản chính sách bảo hiểm xã hội theo hướng tách bạch rõ khu vực nhà nước và khu vực sự nghiệp, khu vực sản xuất kinh doanh; thực hiện gắn việc đóng góp với hưởng thụ, từng bước thực hiện chế độ bảo hiểm y tế toàn dân.

4 - Xây dựng chính sách và cơ chế tài chính doanh nghiệp bình đẳng, ổn định, minh bạch, tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế khai thác, phát huy mọi nguồn lực bên trong và bên ngoài doanh nghiệp, phát triển sản xuất kinh doanh và nâng cao sức cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế. Tiếp tục tháo gỡ những vướng mắc về cơ chế, chính sách để phát triển mạnh và có hiệu quả kinh tế tư nhân, chú trọng trợ giúp doanh nghiệp vừa và nhỏ, tạo điều kiện để doanh nghiệp nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Hoàn thiện chính sách, cơ chế tài chính, đẩy nhanh quá trình đổi mới, sắp xếp gắn liền với việc tăng cường năng lực tài chính cho các doanh nghiệp nhà nước thông qua các hình thức cổ phần hóa, giao bán, khoán kinh doanh, cho thuê, sáp nhập, hợp nhất, giải thể hoặc phá sản doanh nghiệp nhà nước. Mở rộng diện các doanh nghiệp nhà nước cần cổ phần hóa, kể cả các Tổng công ty và doanh nghiệp lớn mà nhà nước xác định không cần giữ độc quyền. Đổi mới căn bản chính sách, cơ chế quản lý tài chính doanh nghiệp trên cơ sở tách bạch rõ chức năng quản lý nhà nước, quản lý chủ sở hữu với chức năng quản trị kinh doanh của doanh nghiệp; xóa bỏ cơ chế chủ quản; phân

định rõ quyền của các cơ quan nhà nước thực hiện chức năng đại diện chủ sở hữu đối với doanh nghiệp nhà nước; áp dụng cơ chế nhà nước đặt hàng việc sản xuất, cung cấp các hàng hóa và sản phẩm công ích. Tăng cường năng lực tài chính cho các doanh nghiệp; có chính sách, cơ chế tài chính phù hợp khuyến khích, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp huy động nguồn vốn thông qua việc phát hành trái phiếu, tham gia thị trường chứng khoán niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán. Giúp đỡ doanh nghiệp; cơ cấu lại vốn và tài sản theo hướng tích cực và có hiệu quả, giảm các khoản nợ xấu và tài sản tồn đọng. Kiên quyết xóa bỏ tình trạng bao cấp, bảo hộ bất hợp lý, đặc quyền và độc quyền trong kinh doanh của các doanh nghiệp nhà nước.

5 - Tăng cường hoạt động tài chính đối ngoại tích cực và chủ động hội nhập quốc tế về tài chính nhằm củng cố và phát triển nền tài chính quốc gia. Xác định lộ trình hợp lý đối với phát triển và tự do hóa từng bước luồng vốn trong điều kiện hội nhập, thực hiện đa dạng hóa nguồn vốn, đa phương hóa quan hệ đối tác. Hoàn thiện công tác quản lý nợ nước ngoài. Xây dựng hệ thống giám sát nợ, hệ thống các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả các dự án, chương trình sử dụng vốn vay nước ngoài, đặc biệt là đối với nguồn vốn vay thương mại nước ngoài của các doanh nghiệp theo cơ chế tự vay, tự trả. Nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn của Quỹ tích lũy trả nợ nước ngoài và tổ chức việc thanh toán nợ đúng hạn. Tăng cường nguồn nhân lực và năng lực trong quản lý nợ nước ngoài. Hoàn thiện khung pháp lý về tài chính theo chuẩn mực quốc tế; điều chỉnh và xây dựng cơ chế, chính sách tài chính phù hợp với các cam kết song phương và đa phương. Thực hiện bảo hộ đối với sản xuất trong nước và các định chế tài chính, ngân hàng, thương mại có trọng điểm, có thời gian và lộ trình rõ ràng, minh bạch. Từng bước áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế về nghiệp vụ kế toán, kiểm toán đối với hệ thống tài chính. □



TÁC ĐỘNG KHÁCH QUAN CỦA TIÊU CHÍ NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI

VĂN ĐỨC THANH *

TÁC động của tiêu chí Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong đời sống xã hội nước ta được biểu hiện đa dạng trên rất nhiều nội dung và ở mọi phương diện, lĩnh vực xã hội. Trong đó, những nội dung quan trọng cần khẳng định trước hết chính là phương thức mà Nhà nước xã hội chủ nghĩa giải quyết các mối liên hệ biện chứng giữa tập trung và dân chủ, giữa chính trị và nhân văn, giữa giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa với vấn đề phát triển nền kinh tế nhiều thành phần và phát huy đại đoàn kết dân tộc.

Tập trung và dân chủ có mối liên hệ biện chứng với việc tổ chức nhà nước và thực hiện các chức năng của Nhà nước xã hội chủ nghĩa. Tập trung biểu thị xu thế thống nhất mọi phương thức tổ chức và hoạt động của các định chế xã hội. Đặc biệt, với định chế xã hội - nhà nước, tập trung bao giờ cũng dẫn đến thống nhất quyền lực và là cơ sở cho quá trình thống nhất quyền lực, thường là theo hệ thống "dọc" mà cấp dưới phải phục tùng cấp trên, đồng thời cấp trên phải có trách nhiệm đầy đủ với cấp dưới. Dân chủ vừa biểu thị xu thế tạo lập và mở rộng cơ sở xã hội cho sự phân công lao động quyền lực, vừa là con đường tất yếu dẫn đến quá trình phân công quyền lực. Khác với

sự phân cấp quản lý nhà nước, sự phân công quyền lực nhà nước bao giờ cũng theo hệ thống "ngang", trong đó các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp vừa có sự phân định rõ ràng, vừa có sự kết hợp biện chứng với nhau.

Giải quyết mối liên hệ giữa tập trung và dân chủ là nguyên tắc cơ bản hàng đầu trong phương thức tổ chức và hoạt động của Nhà nước xã hội chủ nghĩa. Điều đó được quy định một cách khách quan từ sứ mệnh lịch sử của Nhà nước xã hội chủ nghĩa là tổ chức xây dựng xã hội mới về chất một cách hoàn toàn tự giác. Hơn nữa, do bản chất giai cấp công nhân luôn gắn liền với tính nhân dân, tính dân tộc và tính quốc tế, nên Nhà nước xã hội chủ nghĩa càng phải thực hiện thống nhất các chức năng của mình trên cơ sở giải quyết thỏa đáng mối liên hệ hữu cơ giữa tập trung và dân chủ. Thực tiễn phát triển của lịch sử Nhà nước xã hội chủ nghĩa cho thấy, phương thức tổ chức và hoạt động của Nhà nước xã hội chủ nghĩa chỉ tối ưu khi thực hiện được *tập trung đi liền với dân chủ*. Dưới tác động của tiêu chí Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong đời sống xã hội

* Đại tá, PGS. TS, Phó Tổng Biên tập Tạp chí Giáo dục lý luận chính trị quân sự

nước ta, mối liên hệ biện chứng giữa tập trung và dân chủ ngày càng thể hiện sự thống nhất rất cơ bản và chặt chẽ giữa các chức năng xã hội của nhà nước. Quản lý tập trung là yêu cầu có tính nguyên tắc để Nhà nước xã hội chủ nghĩa giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa trong toàn bộ sự nghiệp tổ chức xây dựng xã hội mới. Còn phát huy dân chủ là yêu cầu có tính nguyên tắc để Nhà nước xã hội chủ nghĩa hướng mọi hoạt động của mình vào giải quyết các vấn đề xã hội nhằm bảo đảm ngày càng tốt hơn mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội; đồng thời, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân lao động.

Phương thức giải quyết mối liên hệ biện chứng giữa chính trị và nhân văn là một khía cạnh biểu hiện đa dạng sự thống nhất trong thực hiện các chức năng xã hội của Nhà nước dưới tác động của tiêu chí Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong đời sống xã hội nước ta. Thực chất mối liên hệ biện chứng giữa chính trị và nhân văn trong đời sống xã hội là mối liên hệ giữa việc giữ vững *định hướng phát triển của toàn xã hội theo lập trường và lợi ích của giai cấp thống trị* với yêu cầu tổ chức mọi hoạt động của xã hội theo tiêu chí tất cả *từ con người, do con người và cho con người*. Đối với nhà nước cũng vậy. Trong đời sống xã hội và tổ chức, hoạt động của Nhà nước xã hội chủ nghĩa, giữa chính trị và nhân văn có sự thống nhất chặt chẽ, và đó là sự thống nhất cố hữu, thuộc về bản chất của xã hội và nhà nước.

Trong lịch sử xã hội loài người, mối liên hệ giữa chính trị và nhân văn được thể hiện ở rất nhiều khía cạnh, lĩnh vực đời sống xã hội, và ngày càng được hoàn thiện qua rất nhiều dạng thức, tính chất, trình độ. Về phương diện nhà nước, cách thức giải quyết mối liên hệ giữa chính trị và nhân văn là một trong những tiêu chí phân định nhà nước tiến bộ với nhà nước phản động. Cho nên, các nhà nước trong tổ

chức và hoạt động của mình đều cố gắng thực hiện theo xu hướng thống nhất giữa chính trị và nhân văn, tức là cố gắng phấn đấu để vừa vững vàng về chính trị, vừa tạo lập được cơ sở xã hội rộng lớn về phương diện nhân văn, đặc biệt là ở các nhà nước tiến bộ thời kỳ đang lên.

Tuy nhiên, không phải nhà nước nào cũng có khả năng giải quyết một cách khoa học mối liên hệ hữu cơ giữa chính trị và nhân văn. Sự thống nhất giữa chính trị và nhân văn là vấn đề thuộc bản chất của Nhà nước xã hội chủ nghĩa và chỉ đạt tới thống nhất triệt để trong tổ chức và hoạt động của Nhà nước xã hội chủ nghĩa. Bởi vì, bản chất của Nhà nước xã hội chủ nghĩa chính là một thiết chế xã hội đặc biệt nhằm mục đích cuối cùng là giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội và giải phóng con người. Chỉ có dưới chủ nghĩa xã hội, mọi vấn đề xã hội, kể cả những vấn đề chính trị - giai cấp cơ bản nhất, đều xuất phát từ con người, hướng tới lợi ích tối cao là con người và được thực hiện trên cơ sở phát huy tối đa vai trò của nhân tố con người. Mặt khác, chỉ có Nhà nước xã hội chủ nghĩa mới là kiểu thiết chế xã hội có đủ điều kiện và khả năng giải phóng triệt để con người, khôi phục vị trí xứng đáng của con người trong làm chủ tự nhiên, làm chủ xã hội và làm chủ bản thân mình.

Từ cơ sở phương pháp luận trên đây, có thể thấy sự thống nhất giữa chính trị và nhân văn là một mặt quan trọng thể hiện tiêu chí của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong đời sống xã hội nước ta. Trước hết bởi giữa các chức năng của Nhà nước xã hội chủ nghĩa với đời sống xã hội có sự chuyển hóa một cách trực tiếp: mọi vấn đề của đời sống xã hội đều được đặt trong sự quan tâm của Nhà nước, cũng như mọi vấn đề trong phạm vi giải quyết của Nhà nước đều phải được "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra". Điều đó đòi hỏi Nhà nước ta phải được xây dựng theo tiêu chí Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, mới

giải quyết được các vấn đề chính trị gắn liền với đáp ứng các nhu cầu nhân văn trong đời sống xã hội, đồng thời làm cho phương thức tiến hành chính trị của Nhà nước xã hội chủ nghĩa luôn thấm đậm tinh thần nhân văn, và ngược lại. Mặt khác, khi thống nhất được chính trị và nhân văn thì Nhà nước xã hội chủ nghĩa mới có thể giải quyết thỏa đáng sự thống nhất trong thực hiện các chức năng xã hội của mình. Do tính nhân văn là phạm trù thuộc bản chất của Nhà nước xã hội chủ nghĩa, cho nên việc giải quyết các vấn đề chính trị trong xã hội đều phải trên cơ sở hướng tới giải quyết tích cực hoặc ít nhất không ảnh hưởng xấu đến các vấn đề dân sự. Mặt khác, chính sự thống nhất giữa chính trị và nhân văn làm cho quá trình giải quyết các vấn đề dân sự của Nhà nước xã hội chủ nghĩa bám sát định hướng chính trị - giai cấp, thấm đượm tinh thần chính trị tiến bộ nhất trong lịch sử của chế độ xã hội chủ nghĩa. Chỉ khi thấm nhuần sâu sắc sự thống nhất không thể tách rời giữa chính trị và nhân văn trong mọi tổ chức và hoạt động của mình, Nhà nước xã hội chủ nghĩa mới có thể thực hiện các chức năng xã hội - chính trị và xã hội - dân sự trong sự thống nhất biện chứng.

Mối liên hệ giữa giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa với phát triển nền kinh tế nhiều thành phần và phát huy đại đoàn kết dân tộc thuộc về bản chất của chế độ xã hội chủ nghĩa, và cũng chính là một nội dung cơ bản thể hiện tiêu chí Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong đời sống xã hội nước ta. Giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa thực chất là không ngừng củng cố bản chất giai cấp công nhân của nhà nước, làm cho mọi tổ chức và hoạt động của Nhà nước xã hội chủ nghĩa hướng vào thực hiện sứ mệnh lịch sử cao cả của giai cấp công nhân. Phát triển nền kinh tế nhiều thành phần phản ánh một trong những bước đi tất yếu của thời kỳ quá độ xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội. Đồng thời, phát

huy đại đoàn kết dân tộc là phương thức cơ bản tạo nền tảng xã hội rộng lớn để Nhà nước xã hội chủ nghĩa hoàn thành sứ mệnh lịch sử của mình. Tất cả các khía cạnh đó hợp thành một nội dung chỉnh thể và có sự tương tác biện chứng với nhau, vừa là điều kiện, tiền đề, vừa là kết quả của nhau.

Tác động của tiêu chí Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong đời sống xã hội nước ta đòi hỏi Nhà nước xã hội chủ nghĩa thực hiện tốt vai trò của mình trong việc làm cho định hướng xã hội chủ nghĩa thấm sâu vào toàn bộ quá trình phát triển của nền kinh tế nhiều thành phần, giữ vững vai trò chủ đạo của thành phần kinh tế nhà nước và ngăn chặn được khuynh hướng tự phát đi chệch sang con đường tư bản chủ nghĩa của các thành phần kinh tế khác. Đồng thời, tác động của tiêu chí Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa còn đòi hỏi nhà nước, trên cơ sở giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa và phát triển nền kinh tế, phải phát huy được khối đại đoàn kết toàn dân tộc, kết hợp chặt chẽ sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Mặt khác, mọi tổ chức và hoạt động của nhà nước chỉ có được sự thống nhất triệt để giữa các phương diện xã hội - chính trị và xã hội - dân sự khi vừa giữ vững được định hướng xã hội chủ nghĩa, vừa phát triển mạnh mẽ nền kinh tế nhiều thành phần trên cơ sở lấy kinh tế nhà nước làm chủ đạo và phát huy cao độ khối đại đoàn kết toàn dân tộc, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.

*

* *

Quá trình phát triển của tất cả các phương diện đời sống xã hội đều chịu sự tác động của tiêu chí Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa thông qua quá trình thực hiện các chức năng xã hội của Nhà nước, từ phương diện chính trị,

kinh tế đến văn hóa, xã hội, quốc phòng và an ninh...

Phương diện chính trị của đời sống xã hội là tổng hợp các yếu tố, các mặt, các lĩnh vực hoạt động phản ánh kết cấu xã hội - giai cấp cũng như tính chất của các quan hệ giai cấp, nhất là quan hệ giữa giai cấp thống trị với tất cả các giai cấp khác, trong một chế độ xã hội nhất định. Xét về cấu trúc, có thể coi phương diện chính trị của đời sống xã hội bao gồm các yếu tố cơ bản như ý thức chính trị, tổ chức chính trị, hoạt động chính trị, quan hệ chính trị và nhiều yếu tố khác có sự tương tác biện chứng với nhau trong một chỉnh thể thống nhất. Tác động của nhà nước theo tiêu chí Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa làm cho phương diện chính trị phát triển theo hướng không ngừng hoàn thiện những nguyên tắc chính trị cơ bản do chính đảng của giai cấp công nhân đề ra. Về thực chất, định hướng xã hội chủ nghĩa gắn liền với chức năng xã hội - chính trị, và mở rộng dân chủ liên quan trực tiếp tới chức năng xã hội - dân sự; song, xét một cách toàn diện, mối quan hệ biện chứng, hữu cơ giữa các vấn đề đó chỉ được giải quyết trên cơ sở sự thống nhất hữu cơ giữa các chức năng xã hội của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Đồng thời, đó chính là những nhân tố bảo đảm *giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa* trong phát triển kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội... luôn đi đôi với không ngừng mở rộng dân chủ.

Phương diện kinh tế của đời sống xã hội là tổng hợp các yếu tố, các mặt, các lĩnh vực hoạt động phản ánh tính chất và trình độ phát triển của nền kinh tế trong một chế độ xã hội nhất định. Những nhân tố cơ bản, quan trọng nhất cấu thành phương diện kinh tế của một xã hội bao gồm quan hệ sở hữu đối với tư liệu sản xuất chủ yếu của xã hội, quan hệ phân công lao động trong xã hội, quan hệ phân phối sản phẩm do xã hội sản xuất ra, và các quan hệ ấy

tất nhiên phải phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất trong xã hội đương đại. Tác động của tiêu chí Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa làm cho phương diện kinh tế phát triển theo hướng ngày càng hoàn thiện chế độ công hữu từ thấp đến cao; đồng thời, thúc đẩy sự phát triển của lực lượng sản xuất. Thực hiện tốt tiêu chí đó còn cho phép Nhà nước xã hội chủ nghĩa *giải quyết một cách khoa học mối quan hệ* với xã hội nói chung, với từng phương diện của đời sống xã hội nói riêng, trong thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội. Đó chính là tiền đề quan trọng để thực hiện tăng trưởng kinh tế gắn liền với thực hiện dân chủ và công bằng xã hội. Bởi vì, tăng trưởng kinh tế không chỉ là điều kiện để phát triển và hoàn thiện chính trị, mà còn là cơ sở để giải quyết các vấn đề dân sự một cách tích cực, đặc biệt là vấn đề thực hiện công bằng xã hội, mở rộng dân chủ...

Phương diện văn hóa của đời sống xã hội là tổng hợp các yếu tố, các mặt, các lĩnh vực hoạt động phản ánh trình độ phát triển các giá trị người trong một xã hội nhất định, được biểu hiện cả ở trình độ dân trí, chất lượng của đời sống tinh thần cũng như tính chất các quan hệ người trong xã hội. Về cấu trúc, có thể nhìn nhận đời sống văn hóa của một xã hội ở các yếu tố cơ bản nhất như hệ thống giá trị văn hóa mà xã hội đó đang "sở hữu", hệ thống quan hệ văn hóa đang chiếm vị trí chủ đạo trong xã hội, chất lượng của đời sống văn hóa cũng như các sản phẩm văn hóa tiêu biểu do xã hội đó sáng tạo ra... Tác động của tiêu chí Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa làm cho phương diện văn hóa của đời sống xã hội nước ta phát triển theo hướng khuyến khích sự sáng tạo những giá trị văn hóa tiên tiến, khơi thông sức sống từ chiều sâu lịch sử truyền thống dân tộc và tăng khả năng tích hợp tinh hoa văn hóa nhân loại của nền văn hóa dân tộc.

Phương diện xã hội của đời sống xã hội là tổng hợp các yếu tố, các mặt, các lĩnh vực phản ánh tính chất của quan hệ xã hội - dân sự, vị thế con người trong xã hội và toàn bộ các hoạt động của đời sống xã hội. Đó là các vấn đề: vị thế xã hội của con người được coi trọng hay không? Quan hệ về mặt xã hội giữa người với người là bình đẳng hay không bình đẳng? Phương thức điều chỉnh quan hệ xã hội là dân chủ hay độc đoán, "vị tình" hay "vị lý"? Quan hệ giữa trách nhiệm và quyền hạn, nghĩa vụ và quyền lợi, cống hiến và hưởng thụ ra sao?... Tác động của tiêu chí Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong đời sống xã hội nước ta thúc đẩy quá trình phát triển của phương diện xã hội theo hướng "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh". Mặt khác, sự thực hiện thống nhất giữa các chức năng nhà nước làm cho ngay trong từng phương diện xã hội cũng đã thể hiện một cách toàn diện các quyền: cả quyền chính trị và quyền dân sự, cả quyền công dân và quyền con người. Điều đó còn cho phép Nhà nước xã hội chủ nghĩa điều tiết hợp lý giữa lợi ích hợp pháp của công dân và lợi ích cộng đồng, lợi ích nhà nước và lợi ích quốc gia dân tộc; giữa lợi ích xã hội - chính trị và lợi ích xã hội - dân sự...

Phương diện quốc phòng và an ninh của đời sống xã hội là tổng hợp các yếu tố, các mặt, các lĩnh vực hoạt động phản ánh sức mạnh quốc phòng - an ninh của chế độ xã hội, thế trận quốc phòng - an ninh của đất nước, và trực tiếp là phản ánh mục tiêu quốc phòng - an ninh mà một giai cấp, chính đảng, nhà nước nhất định đang theo đuổi. Đặc trưng cơ bản của quốc phòng và an ninh trong đời sống xã hội xã hội chủ nghĩa chính là ở mục tiêu bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, bảo vệ nhân dân, bảo vệ chế độ, bảo vệ thành quả cách mạng. Tiêu chí Nhà nước xã hội chủ nghĩa được biểu hiện rõ nét trong thực hiện nhiệm vụ *kết hợp phát*

triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống nhân dân với tăng cường quốc phòng - an ninh. Đây là nhiệm vụ mang tính đặc thù của Nhà nước xã hội chủ nghĩa, xuất phát từ sự bảo đảm tính bền vững của chế độ. Xây dựng, phát triển kinh tế và bảo vệ Tổ quốc đều có tầm quan trọng như nhau trong thực tiễn cách mạng xã hội chủ nghĩa, song về phương diện lợi ích thì không phải bất cứ ai cũng quan niệm đầy đủ về tầm quan trọng đó. Chỉ có nắm vững công cụ pháp luật, thực hiện thống nhất, nhất quán các chức năng xã hội theo tiêu chí Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa mới cho phép Nhà nước ta kết hợp chặt chẽ giữa giáo dục thuyết phục với cưỡng chế hành chính để thực hiện trọn vẹn các nhiệm vụ đó.

Tiêu chí Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa còn tác động đến rất nhiều phương diện khác của đời sống xã hội nước ta như đạo đức, lối sống, tín ngưỡng - tôn giáo, ý thức dân tộc... Song, nhìn một cách tổng quát, sự phát triển các phương diện đời sống xã hội dưới tác động của tiêu chí đó chỉ đạt hiệu quả cao khi các chức năng của Nhà nước được thực hiện thống nhất. Trong quan hệ với đời sống xã hội, Nhà nước xã hội chủ nghĩa, một mặt, đòi hỏi mọi công dân và tổ chức xã hội phải tuân thủ đúng Hiến pháp và pháp luật, thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình; mặt khác, tạo mọi điều kiện thuận lợi và bảo đảm về mặt pháp luật cho quyền và nghĩa vụ đó *phù hợp với từng lĩnh vực tương ứng của đời sống xã hội*. Đồng thời, Nhà nước xã hội chủ nghĩa chính là người tổ chức thực hiện quyền và nghĩa vụ pháp lý của mọi công dân và tổ chức xã hội *trong từng lĩnh vực xã hội* trên cơ sở giữ nghiêm pháp chế và mở rộng dân chủ. Tác động của tiêu chí Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong đời sống xã hội nước ta luôn đòi hỏi và tạo điều kiện thực hiện *quyền đi đôi với nghĩa vụ và ngược lại*. □

NHỮNG ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM TIẾP TỤC ĐỔI MỚI HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ Ở NƯỚC TA

PHẠM NGỌC QUANG*

THỰC tiễn gần 20 năm đổi mới toàn diện đất nước, nhất là trong việc đổi mới hệ thống chính trị, chúng ta đã tiến những bước quan trọng. Trước yêu cầu mới, việc tiếp tục đổi mới hệ thống chính trị càng trở nên bức thiết. Trong rất nhiều vấn đề, ở đây, chúng tôi trình bày một số điều kiện cần thiết bảo đảm tiếp tục sự thành công của công việc hệ trọng đó.

Điều kiện hàng đầu là: Nhận thức, vận dụng đúng đắn quy luật đổi mới và phát triển của hệ thống chính trị ở nước ta, tôn trọng quy luật đó, lấy đó làm cơ sở xuất phát để hoạch định chiến lược đổi mới hệ thống chính trị một cách đúng đắn.

Xét về chức năng, hệ thống chính trị ở nước ta, dưới sự lãnh đạo của Đảng, là cơ chế bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân; theo đó, đổi mới hệ thống chính trị nhằm từng bước xác lập, hoàn thiện và phát triển nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm toàn bộ quyền lực thuộc về nhân dân. Với ý nghĩa đó, việc không ngừng hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, làm cho những giá trị dân chủ ngày một sâu sắc, thấm đượm vào mọi hoạt động của công dân, mọi tổ chức chính trị -

xã hội, như một xu thế tất yếu, nhằm nâng cao sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị ở nước ta.

Với tư cách là lực lượng lãnh đạo công cuộc đổi mới nói chung, đổi mới hệ thống chính trị nói riêng, Đảng ta xác định chiến lược đổi mới hệ thống chính trị một cách đúng đắn, lấy việc thúc đẩy dân chủ hóa hệ thống chính

trị làm "sợi chỉ đỏ" xuyên suốt, mang tầm chỉ đạo mọi chủ trương, biện pháp đổi mới toàn bộ hệ thống chính trị nhằm làm cho dân chủ xã hội chủ nghĩa thực sự trở thành bản chất của hệ thống chính trị nước ta. Trong hệ thống chính trị, Nhà nước là "trụ cột". Trong điều kiện cụ thể ở nước ta, Đảng Cộng sản Việt Nam là đảng duy nhất cầm quyền, với vị thế vừa là một bộ phận cấu thành hệ thống chính trị, nhưng lại là lực lượng lãnh đạo hệ thống đó và toàn xã hội nói chung. Do vậy, nói tới hệ thống chính trị ở nước ta, "nhân tố cơ bản" chính là Đảng Cộng sản Việt Nam. Việc xác định như vậy có tầm quan trọng về mặt nguyên tắc, nó không những chỉ rõ bản chất chính trị - giai cấp của hệ thống chính trị ở nước ta hiện nay, mà còn chỉ ra phương hướng chủ yếu can tác động nhằm dân chủ hóa hệ thống chính trị. Để hệ thống chính trị của chúng ta thực sự mang bản chất dân chủ, một mặt, dân chủ phải trở thành thuộc tính cốt lõi của mọi nhân tố cấu thành và mối quan hệ qua lại giữa các nhân tố đó; và mặt khác, Đảng Cộng sản Việt Nam phải trở thành tấm gương về dân chủ, mối quan hệ lãnh đạo của

* GS, TS, Thư ký Hội đồng Lý luận Trung ương

Đảng đối với các bộ phận còn lại của hệ thống chính trị phải là mối quan hệ mẫu mực về dân chủ. Tất nhiên, toàn bộ điều đó phải được tổ chức với những *bước đi thích hợp*: kết hợp chặt chẽ giữa sự đột phá đổi mới hệ thống chính trị, dân chủ hóa nó từ các tổ chức trong hệ thống chính trị ở cơ sở với sự chủ động, sáng tạo, tích cực của các thiết chế tổ chức trong hệ thống chính trị ở cấp trung ương.

Từ thực tiễn thành công qua gần 20 năm đổi mới và phát triển hệ thống chính trị nước ta, có thể khẳng định: nguyên nhân cơ bản là chúng ta từng bước hội đủ ba điều kiện: *sự đòi hỏi cao độ của toàn xã hội; tầm nhìn và ý chí chiến lược của Đảng; những thử nghiệm năng động, có tính đột phá ở cấp cơ sở*. Trong đó, điều kiện thứ ba có vai trò đặc biệt năng động, có tác động thúc đẩy rất mạnh tới sự chín muồi của hai điều kiện đầu. Do vậy, sự năng động và những thử nghiệm có tính đột phá trong đổi mới hệ thống chính trị cấp cơ sở có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với việc đẩy nhanh tốc độ đổi mới hệ thống chính trị nước ta. Song, cũng không thể tuyệt đối hóa một cách phiến diện sự đột phá từ cơ sở.

Những đột phá từ cơ sở nếu không có sự quan tâm của cấp trên cơ sở, đặc biệt là của cấp trung ương, thì hoặc nó sẽ bị loại trừ, hoặc không được định hướng đúng đắn từ giác độ vĩ mô có thể gây phản tác dụng. Sự đổi mới của hệ thống chính trị cấp trên cơ sở vừa là điều kiện, vừa là tiền đề để có thể phát huy những đột phá đúng đắn từ cơ sở. Hơn nữa, sự đổi mới của hệ thống chính trị cấp trên cơ sở còn có tác dụng chỉ đạo đổi mới hệ thống chính trị ở cơ sở cũng như ở cấp trên cơ sở, tạo điều kiện cho những đổi mới tiếp theo và đồng bộ ở tất cả các cấp. Nói cách khác, kết hợp đúng đắn, hài hoà giữa đột phá từ cơ sở với đột phá từ cấp trên, bảo đảm sự phát triển, sự đổi mới ở trong các mối quan hệ tương hỗ

giữa các cấp là một động lực mạnh mẽ cho đổi mới tổng thể hệ thống chính trị ở nước ta.

Thực tiễn cũng cho thấy, bước đi trong chiến lược đổi mới hệ thống chính trị còn bao hàm việc giải quyết đúng đắn mối quan hệ về trật tự bước đi, mức độ đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị.

Trong quá trình đổi mới toàn diện đất nước, từ nhận thức tính đúng đắn và vô cùng nhạy cảm của lĩnh vực chính trị, của đổi mới hệ thống chính trị, chúng ta đã tập trung trước hết vào đổi mới trên lĩnh vực kinh tế. Nhưng điều đó không có nghĩa chúng ta không đổi mới trên lĩnh vực chính trị, trước hết là tư duy chính trị trên lĩnh vực kinh tế. Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa không thể ra đời, nếu tư duy về nền kinh tế hiện vật mang nặng tính tự cung tự cấp, khép kín, quan liêu, bao cấp... không bị phê phán, không bị loại bỏ; nếu tư duy chính trị không chấp nhận có sự dung hợp hữu cơ giữa quá trình đi lên chủ nghĩa xã hội với tính tất yếu khách quan của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đổi mới tư duy kinh tế của thời kỳ phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa là một tất yếu từ yêu cầu phát triển của thực tiễn, nhưng lại mang tầm chỉ đạo chiến lược đối với thực tiễn đổi mới kinh tế.

Mặt khác, không thể đồng nhất đổi mới *tư duy chính trị về kinh tế* với đổi mới toàn diện hệ thống chính trị - cả về tổ chức, phương thức hoạt động và cán bộ của hệ thống đó. Trong khi nhận thức đúng những thành tựu mà chúng ta đạt được trong đổi mới hệ thống chính trị, cũng dễ nhận ra rằng, xét trên nhiều phương diện (cả về tư duy lẫn tổ chức bộ máy, phong cách hoạt động...), hầu hết các bộ phận cấu thành hệ thống chính trị ở nước ta hiện nay còn chưa ngang tầm với đòi hỏi tiếp tục đổi mới trên lĩnh vực kinh tế và các lĩnh vực khác của xã hội. Sự chậm trễ trong đổi mới hệ

thống chính trị đã làm xuất hiện một số nhân tố từ hệ thống chính trị có tác động kìm hãm sự đổi mới trên lĩnh vực kinh tế. Đã đến lúc cần đồng bộ hóa hơn nữa việc đổi mới hệ thống chính trị và đổi mới kinh tế; bảo đảm tính đồng bộ trong đổi mới cả ba phương diện của hệ thống chính trị: đổi mới tư duy, đổi mới tổ chức bộ máy, đổi mới phương thức lãnh đạo và phong cách làm việc của tất cả các nhân tố cấu thành hệ thống chính trị cùng mối quan hệ giữa các nhân tố đó.

Trong những vấn đề đó, *đổi mới tổ chức và hoạt động của Đảng là khâu đột phá, có ý nghĩa quyết định đối với đổi mới tổ chức và hoạt động của các tổ chức khác trong hệ thống chính trị*. Đây có thể xem là **điều kiện thứ hai** trong đổi mới hệ thống chính trị.

Trong hệ thống chính trị, đời sống của Đảng in đậm dấu ấn lên đời sống của cả hệ thống chính trị. Do vậy, để có hệ thống chính trị mang tính dân chủ, điểm then chốt là phải tăng cường dân chủ trong Đảng. Ngay từ những ngày đầu khi Đảng ta trở thành đảng cầm quyền, Hồ Chí Minh đã xem quan liêu, xa rời quần chúng là một trong hai nguy cơ lớn của Đảng. Trước lúc "đi xa", trong *Di chúc* của mình, Hồ Chí Minh căn dặn: "Trong Đảng phải thực hành dân chủ rộng rãi".

Thấm nhuần sâu sắc những chỉ dẫn đó, Đảng ta đã luôn chăm lo xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, tổ chức, nâng cao chất lượng sinh hoạt đảng trên cơ sở thực hiện nghiêm túc nguyên tắc tập trung dân chủ. Nhờ vậy, dân chủ trong Đảng không ngừng được củng cố và phát huy sức mạnh của tổ chức đảng, của từng đảng viên. Vai trò lãnh đạo duy nhất của Đảng trong cách mạng được giữ vững một phần quan trọng là nhờ thành quả đó. Việc làm cho Đảng thực sự là biểu tượng về dân chủ là vấn đề cốt tử để tiếp tục dân chủ hóa hệ thống chính trị.

Xét từ phương diện thúc đẩy quá trình đổi mới hệ thống chính trị, dân chủ trong Đảng góp phần: *Một là*, phát huy trí tuệ tập thể, khai thác triệt để mọi trí tuệ, sáng kiến của từng đảng viên, từng cấp bộ đảng, tạo nên trí tuệ và sức mạnh tập thể của Đảng và cả hệ thống chính trị. *Hai là*, hướng tới sự tập trung, phục vụ cho sự tập trung, nâng cao chất lượng các quyết định và sự lãnh đạo tập trung, phát huy sức mạnh của tập trung, bảo đảm thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ trong sinh hoạt và hoạt động lãnh đạo của Đảng, trong hoạt động của hệ thống chính trị. *Ba là*, góp phần phát huy dân chủ trong bộ máy nhà nước từ trung ương đến địa phương, phát huy dân chủ trong toàn bộ hệ thống chính trị. *Bốn là*, tạo điều kiện cơ bản thực hiện dân chủ trong đời sống xã hội và hoạt động của các đoàn thể chính trị - xã hội, tạo động lực cho dân chủ trong hệ thống chính trị phát triển đúng hướng và lành mạnh. *Năm là*, sự lãnh đạo của Đảng đối với các thành phần khác cấu thành hệ thống chính trị sẽ được thực hiện bằng phương pháp dân chủ, trên cơ sở phát huy dân chủ.

Để tăng cường dân chủ trong Đảng, mỗi cán bộ, đảng viên cần có ý thức tự giác, trách nhiệm cao trước Đảng và nhân dân; có trình độ, hiểu biết lý luận và am hiểu thực tiễn, có khả năng vận dụng sáng tạo, thực hiện có hiệu quả chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước; có bản lĩnh chính trị vững vàng, có đạo đức trong sáng, thực sự vì nhân dân.

Khi dân chủ trong Đảng được tăng cường, thì dân chủ trong hệ thống chính trị sẽ phát huy tác dụng. Mang trong mình bản chất dân chủ, Đảng biết tôn trọng, lắng nghe ý kiến của Nhà nước, các đoàn thể chính trị - xã hội, lấy đó làm cơ sở để hoạch định và tổ chức thực hiện các quyết định của mình. Đường lối,

chính sách được hoạch định trên cơ sở đó là một biểu hiện quan trọng quyền lực nhân dân đối với sự phát triển xã hội. Đảng biết "dựa vào dân để sửa chính sách", "sửa cán bộ" của mình. Bằng cách đó, nhân dân trực tiếp tham gia xây dựng Đảng về chính trị, tổ chức và cán bộ. Quyền lực của nhân dân trong mối quan hệ hữu cơ với Đảng được tăng cường. Đảng tôn trọng Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội, lãnh đạo các tổ chức đó cụ thể hóa, thể chế hóa quan điểm, đường lối của Đảng mà không bao biện, làm thay. Nhờ vậy, vị trí, vai trò của Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội đối với sự phát triển xã hội được tăng cường, thông qua đó, nhân dân thực hiện quyền làm chủ của mình.

Điều kiện thứ ba cần có là phải có sự ủng hộ và tham gia tích cực của các tầng lớp nhân dân vào quá trình đổi mới hệ thống chính trị.

Khẳng định vai trò là chủ xã hội của nhân dân, Hồ Chí Minh xác định vị thế, tư cách chủ thể xã hội, chủ thể hệ thống chính trị của nhân dân - "dân là gốc", "dân là chủ", "dân làm chủ". Để ngăn chặn, đẩy lùi những hành vi gây tác hại tới quyền dân chủ của nhân dân, theo Hồ Chí Minh, các quyền đó *phải được thể chế hóa thành Hiến pháp, pháp luật* và được thực hiện bằng những thiết chế tương ứng của Nhà nước. Do vậy, dân chủ xã hội chủ nghĩa trước hết và chủ yếu được thực hiện bằng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa do Đảng lãnh đạo.

Trong khi coi trọng vai trò to lớn của hình thức dân chủ trực tiếp, chúng ta cũng thấy dân chủ đại diện được thực hiện thông qua những đoàn thể chính trị - xã hội phù hợp với các cộng đồng dân cư, có vai trò cực kỳ quan trọng. Sức mạnh của nhân dân trong tổ chức sẽ được nâng lên gấp bội. Như vậy, tính tất yếu dân chủ hóa tất cả các bộ phận cơ bản cấu

thành hệ thống chính trị và hình thức thực hiện dân chủ cũng nảy sinh từ chính yêu cầu dân chủ của nhân dân. Các thiết chế đó vận hành được cũng là nhờ nhân dân. Từ cuộc sống hằng ngày của nhân dân, họ biết rõ những gì trong tổ chức, vận hành của hệ thống chính trị có tác động tích cực, những gì mang tính tiêu cực ngăn cản phát huy quyền làm chủ của mình, từ đó đề xuất những giải pháp thích hợp để hoàn thiện hệ thống chính trị trên tất cả mọi phương diện của nó, làm cho quyền lực của mình được thực hiện tốt hơn.

Điều đó đòi hỏi mọi hoạt động của các thiết chế quyền lực và các cá nhân có phận sự trong các thiết chế đó phải được đặt dưới sự kiểm tra, giám sát của nhân dân. Các cơ quan và cá nhân đại diện cho nhân dân có nghĩa vụ báo cáo trước nhân dân mọi hoạt động liên quan tới lợi ích của nhân dân; nhân dân có quyền chất vấn và các cá nhân, các cơ quan tương ứng có nghĩa vụ trả lời một cách trung thực. Tất cả những điều đó đều có tác động tích cực tới đổi mới hệ thống chính trị ở mọi cấp độ, mọi nhân tố cấu thành nó.

Điều kiện thứ tư. Sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng, quyết tâm và trách nhiệm đổi mới của các tổ chức trong hệ thống chính trị.

Đổi mới hệ thống chính trị là kết quả hoạt động tự giác của quần chúng nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng. Sự lãnh đạo của Đảng có vai trò quyết định trong việc tạo lập, định hướng hoạt động của hệ thống chính trị vào việc đổi mới chính hệ thống đó, khắc phục sự bất cập của các yếu tố cấu thành hệ thống chính trị trước yêu cầu dân chủ ngày càng cao của nhân dân.

Cùng với việc bảo đảm vai trò lãnh đạo của Đảng, việc tham gia tích cực, tự giác cùng quyết tâm cao độ của các đoàn thể chính trị -

xã hội dưới sự lãnh đạo của Đảng có vai trò đặc biệt quan trọng trong đổi mới hệ thống chính trị. Vì bản thân các đoàn thể đó là những bộ phận cấu thành hệ thống chính trị, và cũng là những thiết chế chủ yếu mà thông qua đó, nhân dân tham gia vào việc đổi mới hệ thống chính trị.

Khi xét mối quan hệ giữa các đoàn thể chính trị - xã hội và hệ thống chính trị, chúng ta thấy, ở đây có sự tác động qua lại: mỗi bộ phận cấu thành mạnh thì cả hệ thống sẽ mạnh; hệ thống chính trị mạnh sẽ có tác động thúc đẩy đối với các bộ phận cấu thành của nó. Liên quan tới vấn đề đang được xem xét ở đây, chúng ta chú ý tới phương diện thứ nhất: bộ phận mạnh tạo ra hệ thống mạnh. Sự tự đổi mới của các đoàn thể chính trị - xã hội làm cho các đoàn thể đó ngày càng mạnh lên là điều kiện để hệ thống chính trị mạnh lên. Mỗi đoàn thể mạnh sẽ có khả năng to lớn trong việc quy tụ mọi thành viên trong tổ chức của mình tham gia vào việc đổi mới hệ thống chính trị, tạo ra áp lực đòi hỏi phải có và đồng thời tạo ra động lực to lớn để đẩy nhanh sự đổi mới không ngừng của cả hệ thống.

Điều kiện thứ năm: Cần có đội ngũ cán bộ trong hệ thống chính trị với chất lượng cao.

Điều này hoàn toàn đúng, khi nói về tác động tích cực, đúng đắn của cán bộ trong đổi mới hệ thống chính trị, khi xét từ hai phương diện: *thứ nhất*, họ là người tham gia vào quá trình đổi mới hệ thống chính trị; *thứ hai*, họ là người tổ chức vận hành hệ thống đó. Xét từ giác độ thứ nhất, sự tham gia tích cực, tự giác, khoa học của họ nhất định sẽ kéo theo sự tham gia với tính chất tương ứng của quần chúng dưới quyền. Khi đó, hiệu quả tác động đổi mới hệ thống chính trị sẽ rất đáng kể. Xét từ giác độ thứ hai, cán bộ mạnh (với nghĩa có phẩm chất và năng lực cao) mới có khả năng

thúc đẩy đổi mới hệ thống chính trị theo hướng lành mạnh, đúng quy luật. Chỉ với điều kiện cán bộ như vậy, hệ thống chính trị được xác lập một cách khoa học mới vận hành có hiệu quả. Thực tế những năm qua cho thấy, không phải mọi vấn đề đặt ra từ yêu cầu đổi mới hệ thống chính trị đều đã có lời giải (vì cán bộ chưa ngang tầm); song, có thể thấy một thực tế: một loạt vấn đề đặt ra cho việc đổi mới hệ thống chính trị đã có lời giải, nhưng không phải mọi cán bộ đều có khả năng thực hiện lời giải đó trong thực tiễn. Chẳng hạn, chúng ta đã xây dựng một loạt quy chế dân chủ thích ứng với từng loại hình cơ sở khác nhau, nhưng có nơi vận hành tốt, đạt hiệu quả cao, có nơi vận hành không tốt, tình trạng quan liêu, tham nhũng ở đó còn rất nặng nề. Tình trạng đó có thể do năng lực cán bộ kém, cũng có thể do họ biến chất, không muốn áp dụng để trục lợi cá nhân...

Do vậy, để đổi mới hệ thống chính trị có hiệu quả, cần có đội ngũ cán bộ tương xứng. Họ phải là người có đức, có tài, phẩm chất chính trị tốt, tuyệt đối trung thành với Tổ quốc; một lòng, một dạ phấn đấu vì lợi ích của nhân dân, của dân tộc; có bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định lý tưởng và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội; không dao động, ngả nghiêng trước mọi biến cố phức tạp, trên cơ sở nắm vững và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, cương lĩnh, đường lối của Đảng vào thực tiễn; tiếp thu tinh hoa văn hóa của nhân loại; có tư duy độc lập, nhạy bén với cái mới, đủ năng lực thực hiện thắng lợi đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước. Cán bộ phải là người có đạo đức cách mạng, có nhân cách và lối sống mẫu mực, trong sáng; có ý thức tổ chức, kỷ luật cao; tôn trọng tập thể, gắn bó, sâu sát với nhân dân. □

Một số suy nghĩ về nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở VIỆT NAM

LÊ KHÁ THỌ *

I – Hệ thống xã hội chủ nghĩa đến thời điểm Liên Xô tan rã

Bản chất của chủ nghĩa tư bản là sản xuất lợi nhuận và siêu lợi nhuận bằng cách bóc lột giá trị thặng dư do người lao động tạo ra. Từ bản chất đó, C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n đã phát hiện quy luật tất yếu khách quan là chế độ tư bản chủ nghĩa cũng sẽ bị đánh đổ (bị phủ định), xã hội mới sẽ ra đời bảo đảm sự công bằng và bình đẳng giữa người với người, con người được giải phóng, được tạo cơ hội như nhau trong việc tiếp cận các nguồn lực xã hội và lao động.

V.I. Lê-nin đã kế thừa những học thuyết của C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n trong việc giành chính quyền về tay nhân dân và xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa ở nước Nga Xô-viết - nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới, và đã khẳng định, tất cả các dân tộc trên thế giới sớm hay muộn đều đi lên chủ nghĩa xã hội.

Giai cấp tư sản sợ nhất là bị lật đổ, và chúng ráo riết chống lại các trào lưu tiến bộ của giai cấp công nhân, của các phong trào cộng sản từ khi "bóng ma" của chủ nghĩa

cộng sản xuất hiện ở châu Âu. Ngày nay, chúng luôn luôn rêu rao về dân chủ, nhân quyền, nhưng nếu phát hiện thấy ai có ý định lật đổ chế độ của họ, thì lập tức họ sẽ đàn áp điên cuồng, đầm máu.

Từ khi cách mạng xã hội chủ nghĩa thắng lợi ở một nước, tinh thần của Cách mạng Tháng Mười Nga vĩ đại đã gieo vào lòng nhân dân các dân tộc thuộc Liên Xô và nhân dân thế giới

niềm hy vọng vô bờ bến. Một dải đất mênh mông (1/6 thế giới về diện tích đất tự nhiên) chạy suốt từ Đông sang Tây, nhân dân được hưởng tự do, hạnh phúc. Tuy còn có những khó khăn về kinh tế, nhưng con người Xô-viết đã được hưởng tự do, dân chủ; quyền làm người thực sự được tôn trọng.

Nhờ có các kế hoạch 5 năm do Đảng Cộng sản Liên Xô đề ra qua mỗi kỳ Đại hội mà nhân dân Liên Xô đã xây dựng được nhiều nhà máy, nhiều công trình; quốc phòng - an ninh được tăng cường, hùng mạnh. Nhà nước Xô-viết non trẻ với sức mạnh phi thường của mình đã đập tan sự bao vây, phong tỏa và xâm lược của 14 nước đế quốc. Chiến tranh thế giới lần thứ II nổ ra, phát-xít Đức - Ý - Nhật tung hoành khắp nơi, gây bao nỗi kinh hoàng cho các dân tộc, cũng đã bị thất bại thảm hại khi "đụng đến" lực lượng Hồng quân Xô-viết. Loài người sẽ đời đời nhớ ơn chiến công vĩ đại của nhân dân Liên Xô đã cứu nhân loại khỏi thảm họa diệt chủng của chủ nghĩa phát-xít. Giờ đây, hễ ở nơi nào trên thế giới bị đế quốc xâm lược, ta lại thấy thiếu

* TS, Đại học quốc gia Hà Nội

đi một chỗ dựa vững chắc cho các dân tộc nhỏ yếu, đó là Liên Xô - thành trì của phe xã hội chủ nghĩa và hòa bình trên thế giới. Có phe xã hội chủ nghĩa, có Liên Xô nhân loại yên tâm biết bao!

Ai đã từng đặt chân đến nước Nga, chắc ngoài sự cảm nhận về tình cảm nồng ấm của nhân dân, cũng đã được chứng kiến bao thành tựu vĩ đại của nhân dân Xô-viết trong lĩnh vực nghiên cứu hạt cơ bản (tìm ra nguyên tố thứ 108 trong bảng tuần hoàn Men-đê-lê-ép), nghiên cứu hạt nhân, nghiên cứu vũ trụ, chinh phục đại dương... Khẩu hiệu "Bốn phương vô sản đều là anh em", có một ý nghĩa rất rộng lớn (chứ không phải như ai hiểu có ý xuyên tạc), nó nói lên các dân tộc có cùng chí hướng đều mong được độc lập, tự do, hạnh phúc.

Bên cạnh những thành tựu vĩ đại ấy trong quá trình xã hội tiến lên cũng sẽ bộc lộ các khiếm khuyết mới. Chủ nghĩa tư bản tung ra khẩu hiệu "Chủ nghĩa xã hội sắp tiêu vong" và chi những khoản kinh phí khổng lồ cho việc tuyên truyền các luận điệu xuyên tạc, mị dân, phản động và dùng nhiều thủ đoạn phá hoại chính quyền Xô-viết.

Còn về chủ quan, mô hình xã hội chủ nghĩa mà Liên Xô xây dựng có những khuyết tật, về sau nó biểu hiện rõ ở tình trì trệ trong phát triển kinh tế, ứng dụng các thành tựu mới nhất về khoa học, kỹ thuật và công nghệ vào sản xuất.

Trước tiên nói về Đảng. Đã là đảng tiên phong thì các đảng viên phải tiên phong về mọi mặt, phải có sức vươn lên trên mọi lĩnh vực. Thế mà trong xã hội Liên Xô đã hình thành một thói quen rất nguy hại là "có cấp trên suy nghĩ, còn ta thì chỉ thừa hành", - một thói quen làm cho nhiều người lao động lười tư duy, thậm chí có suy nghĩ mới mà bộc lộ ra cũng sợ "sai đường lối".

Cách làm việc theo lối mệnh lệnh hành chính, "trên hô dưới ứng" ấy ăn sâu vào tiềm

thức người dân đã dẫn đến tình trạng trì trệ về mặt tư duy và không có sáng tạo. Tuy rằng, một đội ngũ khoa học hùng mạnh, nhất là về khoa học cơ bản của Liên Xô đã say sưa sáng tạo bằng những nhiệt huyết có tính chất bản năng khoa học, nhưng những phát minh, sáng chế do chính các nhà khoa học của Liên Xô đưa ra lại không được ứng dụng hiệu quả trong thực tế sản xuất của chính Liên Xô (công nghệ luyện thép liên tục đã được Nhật Bản mua lại và sử dụng rất hiệu quả và nhiều ví dụ khác trong công nghệ tin học, công nghệ vũ trụ...).

Nguyên nhân sâu xa của tình trạng đó có một phần quan trọng là do có sự chậm trễ trong việc nghiên cứu, bổ sung học thuyết Mác - Lê-nin, dẫn đến những "phanh hãm" của nền kinh tế không sớm được phát hiện và tháo gỡ, ban hành chưa đủ các chính sách để kích thích tư duy nghiên cứu lý luận, khắc phục và bổ sung kịp thời các khiếm khuyết trong mô hình kinh tế; chống lãng phí, quan liêu và tham nhũng không hiệu quả; mục tiêu đề ra thì hay, nhưng khi thực hiện không đem lại kết quả như mong muốn; cán bộ đảng viên thì bị tha hóa, tách rời giữa lời nói với việc làm và suy nghĩ...

Dưới chế độ xã hội chủ nghĩa trước đây, chế độ công hữu về tư liệu sản xuất đã đi liền với cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp trong nhiều năm, không tìm được những hình thức thể hiện hiệu quả dẫn đến tình trạng vô chủ ở nhiều doanh nghiệp. Do việc thiếu yếu tố kích thích cần thiết, do cào bằng trong phân phối, nên không động viên được sức sáng tạo của con người. Hậu quả là của cải vật chất của xã hội được tạo ra chủ yếu dựa vào khai thác nguồn tài nguyên thiên nhiên, đầu tư dàn trải, không hiệu quả; việc đầu tư nghiên cứu để tìm ra nguyên liệu mới, sản phẩm mới vừa để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội, vừa tiết kiệm nguyên vật liệu, tiết kiệm năng lượng, mà hiệu suất, tính năng cao không được quan tâm đúng mức.

Dù bất cứ chế độ nào, nếu làm tốt việc kế hoạch hóa nền kinh tế thì sự phát triển của xã hội sẽ hài hòa, bền vững, tránh được hiện tượng mất cân đối. Ngày nay có ý kiến lên án thái quá công tác kế hoạch hóa nền kinh tế như là một sai lầm của lịch sử là hoàn toàn không thỏa đáng. Sự phát triển kinh tế của xã hội do "cung, cầu" là điều tất nhiên. Nhưng nếu thiếu tính toán, thiếu thông tin thì khó tránh khỏi tình trạng chạy đua tự phát, gây lãng phí. Đây cũng là khuyết tật vốn có của thị trường tự do (tham khảo thêm lý thuyết về kinh tế học thông tin của Đô-đép Sti-gơ-lít, - người đạt giải Nô-ben về kinh tế năm 2001⁽¹⁾). Ở Liên Xô việc điều hành và đề ra các kế hoạch ngắn, dài hạn của Nhà nước cũng cần được xem xét một cách toàn diện trong thế bị cấm vận với thế giới phương Tây, vì trong điều hành của Nhà nước phạm sai lầm chủ quan, duy ý chí...

Một yếu tố quan trọng là Liên Xô phải đơn phương đầu tư vào công nghiệp quốc phòng để tạo ra sức mạnh quân sự cho toàn bộ phe xã hội chủ nghĩa, nhằm đối phó với sự xâm lược từ bên ngoài và làm đối trọng để giữ thế cân bằng về quân sự. Nhiều thông tin giả đã được tung ra như "chiến tranh giữa các vì sao". Liên Xô càng chạy đua vũ trang, kinh tế càng khó khăn. Sau khi IU. An-đờ-rô-pốp qua đời, nhiều mặt hàng phải hạn chế tiêu dùng. Bọn đế quốc biết khai thác những điểm yếu của Liên Xô, nên tìm cách làm cho Liên Xô dốc sức lực vào chạy đua vũ trang. Ý đồ làm cho Liên Xô suy yếu là điều đời tổng thống Mỹ nào cũng đặt ra trên bàn nghị sự.

Thêm vào đó, sự chi viện của Liên Xô cho các nước anh em trong phe xã hội chủ nghĩa cũng mang tính bao cấp, tiêu tốn một lượng tài chính khổng lồ. Đã thế, cơ chế trao đổi hàng hóa giữa các nước trong Hội đồng Tương trợ kinh tế (SEV) lại không theo cơ chế thị trường, mà thường trao đổi bằng hiện vật (hàng đổi hàng), nên tỷ giá đồng tiền không phản ánh

đầy đủ cán cân thanh toán, cán cân thương mại giữa các nước. Cho đến nay, nguyên nhân chính đưa đến sự tan rã của Liên bang Xô-viết vẫn còn có nhiều ý kiến rất khác nhau. Nhưng có một điều cần khẳng định, chủ nghĩa xã hội trên thế giới chưa hề bị sụp đổ.

C. Mác đã từng nói, sự nghiệp phát triển của xã hội loài người là quá trình lịch sử - tự nhiên được quy định bởi các quy luật khách quan, mà trước hết là quy luật quan hệ sản xuất phải phù hợp với tính chất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, rằng chủ nghĩa tư bản chỉ là một hình thái kinh tế - xã hội có tính lịch sử..., rằng không có sự phát triển cao độ của lực lượng sản xuất thì không thể nói đến chủ nghĩa xã hội. V.I. Lê-nin nhấn mạnh, chủ nghĩa xã hội muốn thắng được chủ nghĩa tư bản là phải tạo ra một năng suất lao động cao hơn. Đó là về mặt chiến lược của vấn đề. Còn trên phương diện chiến thuật có những nguyên nhân chủ quan, như cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp là trở ngại chính hạn chế sự phát triển, sáng tạo của toàn dân; Đảng bị quan liêu hóa, để cho những phần tử cơ hội lọt vào hàng ngũ cao nhất của Đảng; cải tổ bị tiến hành thiếu đồng bộ giữa chính trị và kinh tế...

II - Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

Nền kinh tế của nước ta còn ở trình độ phát triển thấp so với thế giới. Nước ta trước đây là nước thuộc địa, nửa phong kiến. Cách mạng Tháng Tám đã giải phóng con người, người dân được tự do, Việt Nam trở thành quốc gia độc lập có chủ quyền. Qua nhiều

(1) Ông đã đề cập khá sâu về vai trò của công tác kế hoạch trong việc trả lời các câu hỏi kinh điển của thị trường: Sản xuất cái gì? Sản xuất thế nào? Và sản xuất cho ai? Kinh tế học thông tin đề cập đến các vấn đề rộng hơn: Các quyết định phân bổ nguồn lực này phải được tiến hành ra sao? Những ai phải ra quyết định này? Làm sao có thể khiến những người có trách nhiệm ra các quyết định này đưa ra các quyết định đúng đắn? Các quyết định tách rời nhau của hàng triệu con người - những người ra quyết định - trong nền kinh tế được điều phối ra sao?

cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, ngày nay nước ta đã thống nhất và có vị trí trên trường quốc tế.

Hiện nay khắp mọi miền đang xuất hiện nhiều trang trại, hình thành các công ty cổ phần, nhiều loại ngân hàng, dịch vụ đang phát triển v.v.. Tuy vậy, chúng ta chưa có các công ty xuyên quốc gia và cũng chưa có các liên minh kinh tế châu lục để có đủ khả năng cạnh tranh các mặt hàng chủ lực, có giá trị cao trên thế giới. Nếu xét theo tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của nước ta thì còn ở chỉ số rất thấp so với nhiều nước trên thế giới.

Khi Đảng đề ra chủ trương chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, có nghĩa chúng ta "giang cánh tay" cùng hợp tác với các nền kinh tế thị trường thế giới. Một mặt, phải sớm xây dựng đồng bộ thể chế kinh tế thị trường trong nước; mặt khác, phải điều chỉnh nhiều luật lệ, thậm chí cả cơ cấu chung của nền kinh tế và của các lực lượng sản xuất xã hội cho phù hợp với "luật chơi" chung của quốc tế. Bởi vậy, để phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa chúng ta phải bình tĩnh và khẩn trương giải quyết nhiều vấn đề do yêu cầu khách quan và chủ quan đặt ra, trong đó điều rất quan trọng là xác định rõ nội dung của bản thân khái niệm độc lập, tự chủ trong chính sách đối ngoại đã được Đảng ta đề ra: "Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ quốc tế. Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển"⁽²⁾.

Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội sẽ diễn ra ở nước ta trong bao lâu là điều chưa xác định được (Trung Quốc xác định giai đoạn đầu của chủ nghĩa xã hội khoảng 100 năm). Xét một cách khách quan, quá độ lên chủ nghĩa xã hội phát triển với mức độ, cách thức khác nhau là đặc điểm của thời đại. Muốn hay không điều đó là quy luật phát triển dựa trên mối quan hệ

biện chứng của hai yếu tố quan hệ sản xuất và lực lượng sản xuất. Khi kinh tế nước ta hội nhập với kinh tế quốc tế, sự đối lập giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội vẫn luôn tồn tại khách quan. Bởi vậy, trong hợp tác có đấu tranh, trong đấu tranh phải thực hiện "cầu đồng, tồn dị" để hợp tác.

C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n đã nêu rõ, lịch sử chẳng qua chỉ là sự nối tiếp của những thế hệ khác nhau, trong đó mỗi thế hệ đều khai thác những vật liệu, những lực lượng sản xuất do tất cả các thế hệ trước để lại.

V.I. Lê-nin nói, chúng ta không thể tưởng tượng được việc xây dựng chủ nghĩa xã hội lại không dựa trên cơ sở những bài học kinh nghiệm đồ sộ mà văn minh tư bản chủ nghĩa đã tạo ra. Do đó, trong tình hình hiện nay việc nhanh chóng tiếp thu có chọn lọc các bài học về phương pháp quản lý, phương pháp kinh doanh, ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất... là điều hết sức quan trọng.

Nền kinh tế thị trường là một tất yếu trong sự phát triển xã hội. Ngoài mặt trái của kinh tế thị trường mà chúng ta phải ra sức hạn chế, chính nền kinh tế thị trường tạo ra sự cạnh tranh mãnh liệt. Hàng hóa sản xuất ra phải tốt, phải có nơi tiêu thụ. Do đó, người ta phải luôn luôn điều chỉnh, đổi mới máy móc, luôn luôn đổi mới chất liệu, mẫu mã và phải có đầu óc kinh doanh sắc sảo, có quan hệ rộng mở.

Bằng vật chất cụ thể, bằng động viên tinh thần, bằng truyền thống gia đình, bằng tình yêu dân tộc... sẽ làm cho mỗi người năng động hơn, chịu suy nghĩ hơn và cống hiến tài năng, sức lực nhiều hơn để sống tốt hơn, đẹp hơn. Trong quá trình đó chúng ta đã thấy nền kinh tế thị trường sẽ phát huy tác dụng tốt để mọi người, mọi chủ thể kinh tế có "trường đua" cạnh tranh nhau mạnh mẽ, làm giàu cho mình và cho đất nước, phát huy sức mạnh đại

(2) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr 119

đoàn kết toàn dân tộc đưa đất nước ta mạnh hơn, giàu hơn, chủ động hơn và tích cực hơn trong hội nhập kinh tế quốc tế. Nhưng muốn không cho quá trình đó trở thành một xã hội theo kiểu "cá lớn nuốt cá bé", đồng tiền là tất cả, chà đạp lên luân thường, đạo lý vì mục tiêu lợi nhuận; tránh mọi sự tha hóa, suy đồi đạo đức, lối sống; phát triển, hội nhập mà vẫn giữ được nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc..., thì kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa là mô hình thích hợp nhất hiện nay ở nước ta. Chúng ta cần đầu tư nghiên cứu sâu về mặt lý luận và tổng kết thực tiễn để làm phong phú thêm kho tàng lý luận của Đảng.

a. *Trước hết trong công tác lý luận phải nghiên cứu, tổng kết các kinh nghiệm của chính chúng ta.* Qua mỗi thời kỳ, chúng ta rút ra được các bài học từ sự thất bại của các nước để có cái nhìn tổng quát, định hướng đi cho đúng đắn, thông minh. Quan trọng hơn cả là phải làm rõ các vấn đề lý luận đang đặt ra về chủ nghĩa xã hội trong hoàn cảnh cụ thể của Việt Nam. Chẳng hạn, trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa việc phát huy tiềm năng của con người ra sao? Khi áp dụng công nghệ cao vào sản xuất sẽ thu hút chỉ một số ít những người có khả năng, có trình độ, số đông dư thừa sẽ làm gì, bố trí vào đâu cho phù hợp? v.v.. Các quyền của người dân phải được quan tâm đặc biệt, được thể chế hóa bằng pháp luật, công khai, minh bạch.

b. *Sự quản lý, điều hành của Nhà nước trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.* Sự lãnh đạo của Đảng đặt ra nhiều yêu cầu rất cao. Các cán bộ, đảng viên phải hy sinh, gương mẫu vì lợi ích chung, phải thực sự gắn mình với lợi ích của đất nước, kiên quyết chống tham nhũng, lãng phí. Ngoài nhiệt tình với công việc được giao, người cán bộ, đảng viên phải phấn đấu giỏi về chuyên môn, nắm vững khoa học, kỹ thuật của các ngành có liên quan và phải có tầm nhìn chiến lược, bao quát.

Lý Thường Kiệt xưa có câu "Đánh giặc cần dũng, cần mưu. Giữ nước cần đức, cần uy". Đức ở đây là "Cần kiệm liêm chính, chí công vô tư" như Bác Hồ đã dạy. Uy ở đây là sức mạnh tổng hợp về chính trị, kinh tế, quân sự của đất nước, sự nghiêm minh của pháp luật. Nhà nước phải đủ mạnh và có trí tuệ cao để hạn chế những mặt trái của kinh tế thị trường, ngăn chặn được các hành vi kinh doanh phi pháp và tất cả các hành vi khác chạy theo lợi nhuận làm tổn hại đến lợi ích của toàn xã hội.

c. *Phát huy mạnh mẽ các thành phần kinh tế.* Nhà nước phải quản lý các lĩnh vực huyết mạch của đất nước để bảo đảm quyền lợi cho đa số người dân. Đồng thời khuyến khích các thành phần kinh tế, khai thác hết khả năng của mình cho phát triển. Phải nâng cao dân trí trên mọi phương diện để người dân có đủ trình độ tiếp thu kiến thức khoa học, công nghệ và các lĩnh vực khác, có bản lĩnh chính trị kiên cường, là công dân của một nước độc lập để xử lý đúng đắn trong mọi tình huống. Điều cần chú ý là phải đưa nhanh khoa học, kỹ thuật vào các lĩnh vực để mỗi sản phẩm đều có hàm lượng chất xám cao, có giá trị kinh tế lớn, sức cạnh tranh mạnh. Phải bảo đảm sự phát triển hài hòa trong cơ cấu nền kinh tế, tránh rơi vào tình trạng mất cân đối trong cung ứng và sản xuất.

d. *Xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh* để giữ vững an ninh quốc gia, ổn định chính trị - xã hội. Nước ta từ xưa đến nay thường phải "đứng mũi chịu sào", nhưng luôn vững vàng trước bao cuộc xâm lăng của nước ngoài. Ngày nay, để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, lực lượng quốc phòng phải đủ mạnh, phải là công cụ sắc bén của Đảng, của Nhà nước và của dân tộc, đủ sức đập tan mọi âm mưu phá hoại, xâm lược của kẻ thù; tạo ra môi trường chính trị ổn định, thuận lợi để thu hút đầu tư từ nước ngoài, để các thành phần kinh tế yên tâm bỏ vốn phát triển sản xuất, kinh doanh. □

NGHỊ quyết của Bộ Chính trị, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về phát triển kinh tế - xã hội và tăng cường bảo đảm an ninh quốc phòng khu vực Tây Nam Bộ, đã tạo điều kiện cho các địa phương vùng đồng bằng sông Cửu Long tập trung hơn vào việc triển khai xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật, khai thác những lợi thế so sánh của vùng, tăng nhanh tốc độ tăng trưởng và thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tích cực.

Năm 2001, tốc độ tăng trưởng toàn vùng là 6,95%, năm 2002 lên 9,6%, năm 2003 là 10,19%. Năm 2004, mặc dù thời tiết không thuận lợi, hạn hán cùng với mặn xâm nhập dài ngày, dịch cúm gia cầm gây nhiều thiệt hại trên diện rộng, song tốc độ tăng trưởng toàn vùng vẫn đạt 11,42%. Bình quân trong 4 năm (2001 - 2004) tăng khoảng 9,54%/năm. Năm 2005, hầu hết các tỉnh đều phấn đấu dự kiến tăng trưởng khoảng từ 11% đến 12%. Như vậy, tốc độ tăng trưởng bình quân 5 năm (2001 - 2005) của toàn vùng đồng bằng sông Cửu Long có khả năng đạt từ 10% trở lên. Về cơ cấu kinh tế đã chuyển dịch theo hướng giảm dần tỷ trọng giá trị sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp trong tổng GDP, tỷ trọng giá trị sản xuất công nghiệp - xây dựng và dịch vụ ngày càng được nâng cao.

Trong lĩnh vực **nông - lâm - ngư nghiệp** đã có bước phát triển khá toàn diện, thực sự phát huy được thế mạnh của vùng, cơ cấu nội bộ ngành từng bước được điều chỉnh trên quy

Nhân tố mới của quá trình chuyển đổi cơ cấu và phát triển kinh tế

ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG GIAI ĐOẠN 2006 - 2010

ĐÀO XUÂN THUỜNG *

mô lớn theo hướng đa dạng hóa sản phẩm. Năm 2000, giá trị nông nghiệp chiếm 74,34% trên tổng giá trị sản xuất toàn ngành, năm 2003 rút xuống còn 73,5% và giá trị sản xuất ngư nghiệp được nâng từ 24% lên 25%. Trên nhiều địa bàn đã có sự chuyển đổi mạnh mẽ cây trồng, vật nuôi, áp dụng nhiều mô hình sản xuất xen canh, chuyển màu xuống ruộng, chuyển diện tích cây ngắn ngày sang trồng cây lâu năm, xóa dần thể độc canh cây lúa, làm tăng nhanh giá trị sản xuất và thu nhập. Trong 3 năm gần đây toàn vùng đồng bằng sông Cửu Long có khoảng 550.000 ha thực hiện các mô hình chuyển đổi thành công (tương đương với 11,6% đất nông nghiệp). Trong đó có gần 64% diện tích đất chuyển đổi đạt giá trị sản lượng từ 50 triệu đồng/ha/năm trở lên, giải quyết việc làm cho hơn 90.000 lao động, tạo tiền đề thuận lợi cho quá trình chuyển dịch cơ cấu lao động trong nông nghiệp, nông thôn.

Lĩnh vực công nghiệp - xây dựng đã có sự chuyển biến quan trọng, vai trò sản xuất

* Phó Vụ trưởng, Ban Kinh tế Trung ương

công nghiệp trong chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa từng bước được phát huy. Việc quy hoạch, xây dựng các cụm, tuyến và khu công nghiệp tập trung được xúc tiến mạnh. Đến nay toàn vùng có 55 khu, cụm công nghiệp được quy hoạch, trong đó có 12 khu đã đưa vào hoạt động, thu hút hơn 162 dự án với tổng số vốn đăng ký trên 1.230 triệu USD, tạo việc làm cho hơn 20.000 lao động. Những ngành công nghiệp chế biến lương thực, thủy sản, sản xuất vật liệu xây dựng, công nghiệp dệt, giày da đang phát triển theo chiều hướng thuận lợi. Nhiều làng nghề truyền thống được khôi phục và phát triển khá mạnh mẽ. Kết cấu hạ tầng kỹ thuật được cải thiện, số vốn đã đầu tư lên hơn 22.000 tỉ đồng, đã hoàn thành 30/95 công trình thủy lợi theo Quyết định 173/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, đang triển khai 65 công trình khác, xây dựng hoàn chỉnh 372/615 cụm tuyến dân cư và nhiều công trình đầu mối giao thông quan trọng, góp phần từng bước ổn định đời sống dân cư vùng lũ.

Với sự nỗ lực nêu trên, đến cuối năm 2004 tỷ trọng sản xuất công nghiệp, xây dựng ở nhiều tỉnh vượt, đạt, hoặc gần tới ngưỡng 22,5% theo Quyết định 173/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Năm 2005, nếu các địa phương vẫn giữ tốc độ tăng trưởng công nghiệp trên 20% như Nghị quyết các Tỉnh ủy, Thành ủy xác định từ đầu năm, chắc chắn tỷ trọng công nghiệp trong GDP toàn vùng đồng bằng sông Cửu Long đến cuối năm sẽ đạt mức trên 25%, tạo đà cho phát triển kinh tế giai đoạn 2006 - 2010 có nhiều thuận lợi hơn.

Các hoạt động dịch vụ vận tải đường thủy, đường bộ phát huy tốt cả về phương tiện truyền thống và phương tiện hiện đại, đáp ứng được phần lớn nhu cầu đi lại và vận tải nông sản hàng hóa trong vùng. Những hoạt động bưu điện, tài chính, ngân hàng đã đáp ứng

ngày càng cao nhu cầu phát triển của vùng. Thế mạnh về du lịch, về thương mại xuất nhập khẩu từng bước được phát huy và dần trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của nhiều địa phương, góp phần quan trọng vào việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, gắn kết kinh tế trong vùng với khu vực và cả nước. Những tỉnh, thành phố có tỷ trọng giá trị dịch vụ cao là An Giang: 50,21%, thành phố Cần Thơ 43,72%, Vĩnh Long 30,62% và Long An 30,3%.

Cùng với sự chuyển đổi cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động được chuyển dịch theo hướng tích cực. Thông qua hệ thống các trường đại học, cao đẳng, trung học và trung tâm dạy nghề được mở rộng, số lượng lao động có tay nghề, có chuyên môn bổ sung hằng năm cho các lĩnh vực kinh tế, xã hội ngày càng khá hơn, góp phần giải quyết khó khăn về nhân lực ở các tỉnh. Trong vùng hiện có 22 trường và 38 trung tâm dạy nghề, 27 trường đại học, cao đẳng và trung học chuyên nghiệp, trong 3 năm gần đây đã dạy nghề cho 317.722 lao động.

Có thể nói, nhờ có sự giúp đỡ khá hiệu quả từ phía trung ương cộng với sự nỗ lực to lớn của đảng bộ và nhân dân các địa phương, tình hình kinh tế - xã hội các tỉnh, thành phố trong vùng đồng bằng sông Cửu Long trong gần 5 năm qua đã có sự phát triển đáng ghi nhận. Tuy vậy, vẫn còn bộc lộ những hạn chế cần sớm được khắc phục. Đó là:

- Công tác quy hoạch chưa có sự phối hợp toàn vùng, nhiều nơi còn nặng ý chí chủ quan, chưa khai thác một cách tối đa nguồn nội lực hiện có, chất lượng quy hoạch thấp, hiệu quả hạn chế.

- Cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm, năm 2004 còn 7/13 tỉnh, thành phố trong vùng, tỷ trọng nông - lâm - ngư nghiệp vẫn còn trên 50%. Kinh tế tăng trưởng khá, nhưng thiếu

ổn định, vững chắc, sản xuất nông nghiệp còn lệ thuộc nhiều vào thiên nhiên và sự biến động của thị trường. Mặc dù hằng năm sản xuất ra khối lượng hàng hóa nông sản lớn nhất cả nước, song chủ yếu ở dạng thô, giá trị qua chế biến thấp, khả năng cạnh tranh và hiệu quả sản xuất kinh doanh không cao. Xuất khẩu chưa tương xứng với tiềm năng thế mạnh của vùng.

- Kết cấu hạ tầng, nhất là giao thông, thủy lợi còn nhiều bất cập.

- Chất lượng nguồn nhân lực dù có được cải thiện, nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển. Cơ cấu lao động chuyển đổi chưa phù hợp với yêu cầu chuyển đổi kinh tế, lao động nông thôn vẫn chiếm tỷ lệ cao, thời gian lao động nhàn rỗi còn lớn, tỷ lệ lao động chưa qua đào tạo cao nhất cả nước, khả năng tiếp cận với kỹ thuật hiện đại còn bị hạn chế. Trình độ dân trí thấp, số người mù chữ còn chiếm khoảng 40% số người mù chữ cả nước.

- Chưa thực hiện tốt việc tổ chức lại sản xuất, tốc độ cổ phần hóa doanh nghiệp quốc doanh chậm, thành phần kinh tế tập thể trong nông nghiệp, nông thôn phát triển kém, hiệu quả thấp.

Những hạn chế, yếu kém nêu trên có nhiều nguyên nhân khách quan, trong đó có những nguyên nhân do lịch sử để lại. Song về chủ quan còn nhiều điều trong đó có trình độ, năng lực lãnh đạo, điều hành của các cấp ủy, chính quyền, đoàn thể chưa đáp ứng yêu cầu đổi mới; công tác lập quy hoạch, kế hoạch không theo kịp đòi hỏi bức xúc của thực tế sản xuất.

Do vậy, trong phương hướng, nhiệm vụ giai đoạn 2006 - 2010, cần thể hiện rõ những quan điểm cơ bản sau đây vào việc xây dựng hệ thống các giải pháp, nhằm bảo đảm tính khả thi cho quá trình tổ chức thực hiện thành

công chiến lược phát triển vùng đồng bằng sông Cửu Long, sớm biến vùng này thành vùng kinh tế trọng điểm của cả nước một cách bền vững.

Một là, nâng cao hơn nữa vai trò lãnh đạo toàn diện của cấp ủy trong các lĩnh vực phát triển kinh tế - xã hội. Sắp xếp lại tổ chức bộ máy nhà nước các cấp thực sự khoa học, hợp lý, có năng lực, tạo ra phương pháp làm việc hiệu quả cao, nâng cao hiệu lực của hệ thống chính trị trong việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Vấn đề này được xem là khâu then chốt trong công tác cải cách hành chính, là sự đột phá về tổ chức bộ máy, tạo động lực thực hiện chiến lược phát triển vùng đồng bằng sông Cửu Long thành vùng kinh tế trọng điểm của cả nước với tốc độ cao.

Hai là, sớm hoàn chỉnh chiến lược phát triển kinh tế - xã hội trên toàn vùng phù hợp với chiến lược phát triển chung cả nước với tầm nhìn đến năm 2020. Trên cơ sở Nghị quyết 21 của Bộ Chính trị và Quyết định 173 của Thủ tướng Chính phủ về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bằng sông Cửu Long, các địa phương, các ngành cần rà soát điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phù hợp với yêu cầu phát triển chung của toàn vùng, làm cơ sở cho kế hoạch đầu tư phát triển hằng năm. Việc xây dựng kế hoạch, dự án, cơ chế chính sách phát triển kinh tế - xã hội trước hết căn cứ vào tiềm năng, lợi thế sẵn có và khả năng tổ chức thực hiện. Việc quy hoạch xây dựng các khu công nghiệp cần chú ý đến yếu tố phối hợp và phân công giữa các địa phương bảo đảm tính cân đối chung trong toàn vùng.

Ba là, thực hiện chuyển đổi cơ cấu kinh tế, đồng thời phải tổ chức lại sản xuất, phát triển mạnh mẽ ở các thành phần kinh tế, sắp xếp, đổi mới hoạt động các doanh nghiệp nhà nước, đẩy nhanh tốc độ cổ phần hóa. Đặc biệt

trong nông nghiệp, nông thôn cần có cơ chế, chính sách phù hợp hỗ trợ phát triển tốt các loại hình kinh tế tập thể, nhất là kinh tế hợp tác xã, khuyến khích phát triển kinh tế tư nhân và kinh tế hộ. Tổ chức thực hiện có hiệu quả Quyết định 80 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu thụ hàng hóa nông sản thông qua ký kết hợp đồng kinh tế, gắn sản xuất với tiêu thụ, đáp ứng được nhu cầu thị trường, nhất là thị trường xuất khẩu.

Bốn là, thực hiện chuyển đổi cơ cấu kinh tế cần coi trọng yếu tố bền vững, tuân thủ yêu cầu khách quan, khoa học, bảo đảm trình tự các bước trong tổ chức chuyển đổi, không nóng vội đốt cháy giai đoạn. Trước mắt xây dựng cho được chiến lược thị trường tiêu thụ hàng hóa nông sản của toàn vùng bằng việc mở rộng hoạt động buôn bán thâm nhập sâu vào thị trường các nước trong khu vực và thế giới. Đồng thời, chú trọng việc mở rộng và phát triển thị trường nội địa, nhất là thị trường nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng căn cứ cách mạng nhằm phục vụ tốt hơn nhu cầu sản xuất và tiêu dùng của nhân dân; tạo thế chủ động tiêu thụ sản phẩm nếu thị trường quốc tế có sự biến động.

Năm là, đổi mới nhận thức về vị trí, vai trò vùng đồng bằng sông Cửu Long đối với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tạo lập môi trường tốt nhất thu hút vốn đầu tư, huy động cao nhất các nguồn lực trong và ngoài nước cho đầu tư phát triển. Xuất phát từ khả năng nguồn lực điều chỉnh cơ cấu đầu tư một cách hợp lý theo hướng:

- Vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước tập trung các dự án trọng tâm, trọng điểm nhằm nâng cấp và hoàn thiện kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội.

- Vốn huy động trong dân và đầu tư từ các doanh nghiệp chủ yếu tập trung phát triển sản xuất, mở rộng hoạt động dịch vụ và các

chương trình về phát triển nông nghiệp, nông thôn.

- Có kế hoạch sử dụng hiệu quả vốn đầu tư nước ngoài, nhất là tính toán kỹ việc sử dụng nguồn vốn ODA để tránh lãng phí.

Sáu là, thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế cần gắn chặt với việc đầu tư khai thác, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ ở tất cả các lĩnh vực sản xuất, xã hội, tạo bước đột phá về năng suất, chất lượng hàng hóa, nhất là công nghệ sinh học về gen, về giống cây trồng, vật nuôi, công nghệ chế biến và bảo quản sau thu hoạch. Trước mắt, cần khai thác có hiệu quả những thành tựu nghiên cứu của các trung tâm khoa học trong vùng, kịp thời thúc đẩy nhanh quá trình chuyển đổi cơ cấu sản xuất hiện nay. Cùng với việc đầu tư nghiên cứu và chuyển giao công nghệ của các viện, trường phải có chính sách đầu tư cho phát triển nguồn nhân lực thông qua đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ dân trí.

Bảy là, đi đôi với việc thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phải gắn liền với việc thực hiện chủ trương ổn định đời sống nhân dân, nâng cao thu nhập, thực hiện có hiệu quả công tác xóa đói giảm nghèo, khuyến khích mọi người làm giàu cho mình và cho xã hội. Mọi dự án đầu tư phát triển, nhất là dự án xây dựng các khu, cụm, tuyến công nghiệp tập trung trước hết phải làm tốt công tác tái định cư, tạo việc làm, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động, bảo vệ môi trường, khôi phục và phát triển hiệu quả các làng nghề truyền thống.

Phát triển kinh tế đồng bằng sông Cửu Long cần một chiến lược tổng thể các giải pháp có tính đột phá. Lợi thế của vùng kinh tế trọng điểm đầy tiềm năng này đang đòi hỏi cần có sự đầu tư nghiêm túc hơn nữa về mặt tổng kết lý luận. Một số nhận định trong bài viết này cũng là nhằm góp phần thực hiện nhiệm vụ quan trọng ấy. □

CÔNG tác giáo dục đào tạo sinh viên - đội ngũ trí thức xã hội chủ nghĩa tương lai cần theo một phương hướng cơ bản là phải thực sự coi trọng giáo dục đạo đức cách mạng; kết hợp chặt chẽ giữa giáo dục lý luận với giáo dục lý tưởng, đạo đức cho sinh viên. Xác định đạo đức là "gốc" của người cách mạng, nó không chỉ là nền tảng nhân cách trong sự thống nhất với tri thức, mà còn là điều kiện tiên quyết để trau dồi tri thức nói chung, nâng cao trình độ lý luận nói riêng. Có thể thấy, đạo đức trong sáng của người sinh viên là một trong những điều kiện, hơn nữa là điều kiện tiên quyết, là tiền đề để trau dồi lý luận. Không những thế, lý luận ở đây cũng không chỉ là tri thức, là học vấn nói chung mà là lý luận cách mạng - đó là lý luận không chỉ giải thích thế giới mà cốt lõi là để cải tạo thế giới. Vì vậy, nếu học tập không nhằm mục đích thực tiễn, phục vụ nhân dân thì không thể lĩnh hội được tinh thần thực chất của lý luận.

Việc học tập lý luận chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh chỉ thực sự có kết quả với động cơ học tập đúng đắn. Tất nhiên, kết quả của học tập lý luận còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố như trình độ học vấn, vốn kinh nghiệm sống, phương pháp học tập... Và nó không chỉ phụ thuộc vào người học mà còn phụ thuộc vào người dạy, vào điều kiện học tập, việc tổ chức quản lý học tập... Mặc dù vậy, *phẩm chất đạo đức của người sinh viên vẫn là điều kiện tiên quyết để học tập lý luận có kết quả*. Nó là động lực để phát huy tính chủ động, tích cực trong những điều kiện lịch sử - cụ thể, để biến quá trình giáo dục thành quá trình tự giáo dục nói chung, giáo dục lý luận nói riêng. Việc coi trọng giáo dục đạo đức, xây dựng đạo đức trong giáo dục lý luận cho sinh viên không chỉ là đòi hỏi cho nhiệm vụ xây dựng đất nước, mà còn là đòi hỏi bức thiết của bản thân công tác giáo dục lý luận.

Công tác giáo dục lý luận coi giáo dục đạo đức không những là tiền đề của việc nâng cao trình độ lý luận, đồng thời là nhiệm vụ của mình. Lê-nin đòi hỏi phải làm cho toàn bộ nhiệm vụ giáo dục, đào tạo thanh niên trở thành nhiệm vụ giáo dục đạo đức, cộng sản. Nói về mục đích học tập lý luận của người cán bộ, Bác Hồ đòi hỏi trước hết phải là "học để làm việc, làm người" rồi mới "làm cán bộ". Do đó, nếu có tình trạng suy thoái, xuống cấp về phẩm chất đạo đức của

Kết hợp giáo dục lý luận với giáo dục lý tưởng, đạo đức cho sinh viên hiện nay

NGUYỄN NGỌC THU *

sinh viên trong trường đại học có ảnh hưởng tiêu cực đến giáo dục lý luận thì không phải là giáo dục lý luận vô can đến tình trạng đó.

Ngày nay, khi mà những mặt trái của kinh tế thị trường đang tác động mạnh cả vào lĩnh vực giáo dục, đào tạo nói chung, thì công tác giáo dục lý luận càng phải quan tâm tới việc xây dựng, giáo dục đạo đức cho sinh viên. Một mặt, giáo dục lý luận góp phần giải đáp những vấn đề về đạo đức của sinh viên, học sinh. Mặt khác, phải phát huy vai trò của đạo đức với tính cách là tiền đề để nâng cao chất lượng giáo dục lý luận, bao gồm cả việc giữ gìn sự trong sáng và phẩm chất chính trị, đạo đức của chính mình, như C.Mác đã nói "nhà giáo dục cũng phải được giáo dục".

Sinh viên có vai trò rất quan trọng đối với sự phát triển đất nước. Họ có những phẩm chất quý báu như trẻ, khỏe, có học thức, ham học,

* TS. Trường đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh

năng động, dám nghĩ và dám làm theo cái mới... Họ thật sự là đại biểu cho sức sống của thanh niên, sức mạnh của dân tộc. Tuy nhiên, trong xã hội hiện đại, để những tiềm năng đó trở thành hiện thực, trở thành động lực trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước, họ cần phải được định hướng một cách toàn diện, đặc biệt là lý tưởng đạo đức trong sáng.

Lý tưởng là những khát khao, nguyện vọng, những tư tưởng về tương lai tốt đẹp mà con người hằng mong ước vươn tới. Lý tưởng có vai trò to lớn đối với hoạt động của con người. Người có lý tưởng cao đẹp, thì không những sẽ có yêu cầu cao đối với chính bản thân mình mà còn thể hiện tinh thần trách nhiệm đối với những công việc của người khác. Quá trình hiện thực hóa lý tưởng được bắt đầu từ việc xác định, củng cố niềm tin, rồi sau đó niềm tin sẽ trở thành một động lực quan trọng đối với hoạt động của con người.

Là một bộ phận của lý tưởng xã hội, lý tưởng đạo đức cũng mang những nội dung, đặc điểm và ý nghĩa chung của lý tưởng xã hội. Tuy nhiên, nó cũng có đặc thù riêng do tính chất của các quan hệ đạo đức quy định. Nó phản ánh những hoài bão, những xu hướng, những nội dung cơ bản của những giá trị và chuẩn mực đạo đức trong đời sống xã hội.

Như vậy, lý tưởng đạo đức chẳng phải là cái gì cao xa, trừu tượng, hư vô; mà được xuất phát bởi đời sống kinh tế - xã hội, bởi thực trạng đạo đức trong thời gian nhất định.

Lý tưởng đạo đức là một bộ phận của lý tưởng xã hội, thống nhất với lý tưởng xã hội. Lý tưởng xã hội của chúng ta hiện nay chính là "Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội" mà Đảng và nhân dân ta đã lựa chọn. Vì vậy, lý tưởng đạo đức mà chúng ta lựa chọn cũng phản ánh nội dung lý tưởng "Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội". Lý tưởng đó luôn luôn hướng tới mục tiêu cao cả: "Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh". Bởi vì, bản thân "Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội" đã bao hàm nội dung đó.

Với vai trò tiên phong trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, thanh niên, đặc biệt là thanh niên trí thức - mà hôm nay họ

còn là sinh viên - là một trong những nhân tố quyết định sự thành bại của sự nghiệp đó. Do đó, giáo dục nhân cách nói chung, giáo dục lý tưởng đạo đức cho sinh viên nói riêng là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của sự nghiệp đổi mới đất nước. Quá trình giáo dục lý tưởng, đạo đức cho sinh viên có vai trò to lớn đối với sự hình thành nhân cách của họ. Nội dung lý tưởng đạo đức đặt ra những đòi hỏi, những yêu cầu mà sinh viên phải phấn đấu rèn luyện trong quá trình hiện thực hóa lý tưởng đó. Từ những nỗ lực phấn đấu vươn lên, sinh viên tự khẳng định mình và góp phần vào sự phát triển xã hội.

Nhưng khi nói tới việc giáo dục lý tưởng, đạo đức cho sinh viên trong điều kiện ngày nay ở nước ta, không thể không nói tới những tác động của cơ chế thị trường. Về những tác động tích cực và tiêu cực của kinh tế thị trường đối với đời sống kinh tế - xã hội nói chung, với tư tưởng, lối sống đạo đức nói riêng, xin được nêu ra một số điểm sau.

- *Về ảnh hưởng tích cực:* Với sự năng động trong toàn xã hội, cùng với những biện pháp kinh tế mà Đảng và nhân dân ta thực hiện đã nâng đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân lên một bước đáng kể. Từ đó, niềm tin của toàn dân đối với sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước ngày càng được củng cố vững chắc. Đây chính là điều kiện khách quan thuận lợi đối với công tác giáo dục lý tưởng, đạo đức cho sinh viên.

- *Về ảnh hưởng tiêu cực:* Đảng ta đã khái quát "... về khách quan mà nói kinh tế thị trường với sức mạnh tự phát ghê gớm của nó đã khuyến khích chủ nghĩa cá nhân, lối sống thực dụng, làm cho người ta chỉ chú ý tới lợi ích vật chất mà coi nhẹ giá trị tinh thần, chỉ chú ý đến lợi ích cá nhân mà coi nhẹ lợi ích cộng đồng, chỉ chú ý lợi ích trước mắt mà coi nhẹ lợi ích lâu dài, cơ bản"⁽¹⁾. Do vậy, "những năm gần đây tình trạng suy thoái về đạo đức và lối sống có chiều hướng tăng lên, rất đáng lo ngại"⁽²⁾ và "Một bộ phận

(1) Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, tr 29 - 30

(2) Văn kiện đã dẫn, tr 27

thanh niên còn mơ hồ về lý tưởng, chưa nhận thức được tình hình, nhiệm vụ của giai đoạn cách mạng mới, chưa xác định được trách nhiệm của thanh niên nói chung và của bản thân nói riêng⁽³⁾.

Với vai trò quan trọng của đạo đức, từ thực trạng đạo đức xã hội nói chung, đạo đức thanh niên nói riêng, trong những năm gần đây, Đảng ta luôn coi trọng công tác xây dựng tư tưởng, đạo đức, lối sống văn hóa lành mạnh trong xã hội, đặc biệt quan tâm giáo dục lý tưởng, đạo đức cho thế hệ trẻ luôn được Đảng ta coi trọng.

Theo chúng tôi, giáo dục lý tưởng đạo đức cho thanh niên, sinh viên trong điều kiện ngày nay cần quan tâm đến các vấn đề sau.

Thứ nhất, phải củng cố niềm tin của thanh niên, sinh viên vào sự lãnh đạo của Đảng, vào chế độ và hiện thực ngày càng tốt đẹp của công cuộc đổi mới đất nước. Khi họ đã có niềm tin vững chắc thì sẽ quyết định khuynh hướng, mục đích và hiệu quả hoạt động của mình và sẽ hoạt động hăng say, tích cực trong học tập, công tác, đóng góp thiết thực cho đất nước, xã hội.

Thứ hai, bên cạnh củng cố niềm tin của thanh niên sinh viên vào Đảng, vào chế độ, phải tăng cường giáo dục cho họ tình cảm yêu nước nồng nàn. Yêu nước, tức là yêu độc lập của đất nước; yêu chủ nghĩa xã hội; là phải làm giàu cho gia đình và đất nước; phải trung với Đảng, với nước, hiếu với nhân dân. Trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường và giao lưu quốc tế hiện nay thì "trung" và "hiếu" phải được coi là giá trị nổi bật để thanh niên - sinh viên không dễ sa vào cạm bẫy của kẻ thù. Có thể nói giáo dục tình cảm yêu nước là nội lực quan trọng để tạo cho thanh niên, sinh viên - những người chủ tương lai của đất nước, ý chí tự lực tự cường, say mê trong lao động, học tập.

Thứ ba, phải quan tâm giáo dục ý thức cộng đồng; để mỗi cá nhân hăng say phấn đấu trong lao động và học tập khẳng định mình, gắn mình với cộng đồng, với xã hội. Đồng thời cộng đồng phải tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển, trưởng thành của mỗi cá nhân. Sự gắn bó của cá nhân với cộng đồng và sự quan tâm của cộng đồng đối với cá nhân sẽ tạo ra sức mạnh vật chất và tinh thần to lớn giúp cho thanh niên vượt

qua những điều kiện khó khăn, quyết tâm phấn đấu giành thắng lợi cho bản thân, qua đó đóng góp cho cộng đồng, cho xã hội.

Thứ tư, ngày nay vấn đề thanh niên, sinh viên rất quan tâm và bức xúc là nghề nghiệp, việc làm sau khi ra trường. Do đó, giáo dục đạo đức nghề nghiệp phải coi là nội dung cơ bản trong giáo dục lý tưởng đạo đức cho họ. Giáo dục đạo đức nghề nghiệp là giúp họ có trách nhiệm cao đối với ngành nghề mà họ đã lựa chọn, từ đó khơi dậy lòng nhiệt tình, yêu nghề để họ phục vụ tốt nhất cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Cho nên, cùng với các biện pháp điều chỉnh của Nhà nước, việc giáo dục đạo đức nghề nghiệp ngay từ khi còn ngồi trên ghế nhà trường sẽ tác động tích cực đối với sinh viên, khiến họ có thể hy sinh lợi ích cá nhân để cống hiến cho xã hội, chấp nhận làm việc ở những nơi khó khăn, gian khổ nhất.

Thứ năm, trong việc giáo dục đạo đức, lý tưởng cho sinh viên, cần kết hợp giữa giáo dục những phẩm chất truyền thống như yêu nước, lòng nhân ái, vị tha, trung hiếu, cần, kiệm,... với các giá trị đạo đức mới như chủ động, sáng tạo, tự lập, tự chủ, vượt khó,... Có như vậy mới giúp họ khẳng định bản thân và hòa nhập vào xã hội hiện đại; hơn nữa, để họ không mất gốc mà còn có điều kiện vươn lên làm chủ khoa học, công nghệ.

Kết hợp giữa giáo dục đạo đức, lý tưởng với giáo dục lý luận trong thanh niên sinh viên, với mục đích làm thế nào để chúng ta đào tạo một lớp thanh niên trí thức "vừa hồng vừa chuyên" như Bác Hồ kính yêu của chúng ta hằng mong đợi. Đây không chỉ là trách nhiệm của đội ngũ giảng viên lý luận trong các trường đại học, mà quan trọng hơn còn là sự tự ý thức của sinh viên; cùng sự kết hợp của nhà trường và của toàn xã hội... Có như vậy mới thiết thực góp phần hình thành và củng cố lý tưởng sống đúng đắn cho thanh niên - sinh viên của đất nước trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. □

(3) Hữu Thọ - Đào Duy Khánh (chủ biên): *Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác tư tưởng - văn hóa trong tình hình mới*, Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương xuất bản, Hà Nội, 1999, tr 309



KIÊN GIANG PHÁT TRIỂN KINH TẾ BIỂN, ĐẢO GẮN VỚI BẢO VỆ QUỐC PHÒNG - AN NINH

TRƯƠNG QUỐC TUẤN *

PHÁT triển kinh tế gắn với bảo vệ quốc phòng - an ninh là một quan điểm thống nhất, xuyên suốt trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ta. Quán triệt định hướng trên, Đảng bộ tỉnh Kiên Giang xem phát triển kinh tế biển, đảo gắn với bảo vệ quốc phòng - an ninh là nhiệm vụ có tầm chiến lược trên địa bàn tỉnh và khu vực phía Nam.

Kiên Giang là một trong 7 tỉnh ở đồng bằng sông Cửu Long có biển, nhưng đặc thù của biển Kiên Giang là tiếp giáp với nhiều nước trong khu vực có vùng biên chồng lấn và đang diễn ra tranh chấp. Vì vậy, tình hình an ninh trên biển đang có nhiều diễn biến phức tạp. Bờ biển Kiên Giang dài 200 km, trên vùng biển có 105 đảo nổi, lớn nhỏ và rộng khoảng 63.000 km², giáp với vùng biển của Thái Lan và Ma-lai-xi-a, trong đó vùng biển chồng lấn với Ma-lai-xi-a rộng khoảng 860 km², vùng biển chung với Cam-pu-chia rộng khoảng 8.800 km². Trên vùng biển tiếp giáp với Cam-pu-chia, Thái Lan gần đây xuất hiện nhiều diễn biến phức tạp, tình trạng tàu, thuyền của ngư dân các nước ở khu vực vượt qua đường trung tuyến khai thác hải sản bị cướp biển bắt tàu và ngư dân diễn ra thường xuyên.

Từ những lý do trên, cho phép chúng ta khẳng định làm chủ biển, khai thác tài nguyên biển làm giàu cho đất nước gắn với bảo vệ quốc phòng - an ninh, giữ vững biên giới lãnh hải là một nhiệm vụ có ý nghĩa rất quan trọng. Để khai thác tốt nguồn lợi trên biển gắn với bảo vệ quốc phòng - an ninh, Kiên Giang đang chủ trương tập trung làm tốt các công việc sau đây:

Thứ nhất, phát triển mạnh kinh tế thủy sản và đã từng bước khẳng định năng lực vươn ra khai thác hải sản xa bờ.

Thủy sản là thế mạnh của vùng biển, hải đảo và ven biển của Kiên Giang. Thời gian qua, tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm của tỉnh là 13,45%, giá trị tăng thêm năm 2000 là 633,2 tỉ đồng, năm 2002 trên 880 tỉ đồng, vượt chỉ tiêu kế hoạch đề ra cho năm 2005. Về sản lượng thủy sản năm 2000 đạt trên 250 ngàn tấn, năm 2004 đạt trên 321 ngàn tấn. Năm 2005, mặc dù gặp nhiều khó khăn nhưng chắc chắn sẽ đạt và vượt so với năm 2004.

Năng lực vươn ra khai thác hải sản xa bờ ngày càng tăng. Năm 1999, tổng số tàu thuyền

* Bí thư Tỉnh ủy Kiên Giang

toàn tỉnh có 7.040 chiếc, tổng công suất 597.640 CV, bình quân 85 CV/chiếc. Năm 2002 đã là 6.980 chiếc, tổng công suất 793.000 CV, bình quân 114 CV/chiếc. Đến cuối năm 2004 có 7.565 chiếc, tổng công suất 1.041.000 CV, bình quân 138 CV/chiếc, cao gấp 2,7 lần mức bình quân công suất tàu thuyền chung toàn quốc. Tỷ lệ tàu có công suất lớn trên 90 CV, có năng lực khai thác xa bờ chiếm trên 30% tổng số tàu thuyền của tỉnh.

Nuôi trồng ven biển và hải đảo phát triển mạnh, tăng nhanh cả về diện tích và sản lượng. Năm 2000, diện tích nuôi trồng thủy sản chỉ đạt 23.335 ha, năm 2002 tăng lên 38.000 ha, năm 2003 đạt 50.000 ha và đến nay là 66.970 ha. Về mặt sản lượng nuôi trồng thủy sản, năm 2002 đạt 6.675 tấn, năm 2003 trên 14.500 tấn và năm 2004 trên 24.000 tấn. Hiện nay, các nhà đầu tư đã tập trung đầu tư vào ngành thủy sản 16 dự án, với số vốn gần 1.200 tỉ đồng (trong đó nuôi tôm công nghiệp 5 dự án với diện tích 2.958 ha và 960 tỉ đồng; chế biến 11 dự án, công suất 40.174 tấn/năm, tổng vốn đầu tư 205 tỉ đồng). Kinh tế thủy sản Kiên Giang còn mở ra nhiều triển vọng phát triển trong thời gian tới.

Nhờ khai thác và nuôi trồng thủy sản phát triển, tỉnh đã tạo thêm nhiều việc làm cho lực lượng lao động và thu nhập của ngư dân ngày càng được nâng lên, góp phần làm thay đổi diện mạo kinh tế - xã hội vùng ven biển và hải đảo của tỉnh.

Thứ hai, ngành du lịch biển, đảo và ven biển của Kiên Giang đang được đầu tư đúng mức và chuyển động tích cực.

Kiên Giang có rất nhiều tiềm năng phát triển du lịch biển, đảo và ven biển so với các tỉnh trong khu vực đồng bằng sông Cửu Long. Xác định lợi thế đó, từ năm 1998 tỉnh đã xem du lịch là ngành kinh tế mũi nhọn và tỉnh đã có Nghị quyết số 02-NQ/TU về phát triển du lịch đến năm 2010. Trên cơ sở quy hoạch tổng thể và quy hoạch chi tiết nhiều khu du lịch đã

tích cực huy động các nguồn vốn đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, tăng cường cơ sở vật chất - kỹ thuật để tăng tốc phát triển du lịch. Giai đoạn từ năm 1998 - 2003, lượng khách du lịch đến Kiên Giang tăng bình quân hằng năm 20%, năm 2004 trên 1 triệu lượt. Doanh thu từ du lịch tăng bình quân 22%/năm. Riêng năm 2003, đạt trên 80 tỉ đồng và năm 2004 đạt gần 139 tỉ đồng (tăng trên 73%) và đang mở ra nhiều triển vọng lớn hơn cho năm 2005 và những năm tới. Đặc biệt, từ khi Chính phủ cho phép xây dựng đề án phát triển Phú Quốc thành trung tâm du lịch sinh thái chất lượng cao, lượng khách du lịch đến Phú Quốc tăng rất nhanh. Về thu hút vốn đầu tư, đến nay Phú Quốc đã có 29 dự án được cấp giấy phép với số vốn 1.342 tỉ đồng, trong đó có 20 dự án của 8 nhà đầu tư được đầu tư theo phương thức dùng quỹ đất tạo vốn xây dựng kết cấu hạ tầng.

Khi ngành du lịch và thủy sản phát triển thì các ngành kinh tế khác và dịch vụ đi kèm cũng phát triển. Điều này đã có tác dụng tích cực trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế và theo đó là sự chuyển dịch cơ cấu lao động và bố trí lại dân cư các huyện ven biển và hải đảo của Kiên Giang.

Thứ ba, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội các vùng ven biển, đảo ngày càng được đầu tư phát triển.

Xây dựng kết cấu hạ tầng là điều kiện rất cần thiết để các vùng ven biển, hải đảo phát triển kinh tế - xã hội, vì trong thực tế những vùng ven biển và hải đảo có kết cấu hạ tầng còn rất thấp kém. Nhận thức được tầm quan trọng đó, những năm qua tỉnh Kiên Giang bằng nguồn kinh phí của mình và trung ương hỗ trợ đã đầu tư cải tạo, nâng cấp, phát triển mới nhiều công trình xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội trọng điểm. Nổi bật là hệ thống giao thông, công trình lấn biển mở rộng khu đô thị thị xã Rạch Giá và thị xã Hà Tiên, hệ thống giao thông trên đảo Phú Quốc,

kết hợp phát triển kinh tế với bảo vệ quốc phòng - an ninh.

Hệ thống cảng cá được đầu tư xây dựng với quy mô lớn. Nhiều cảng cá đã xây dựng xong và đưa vào sử dụng như: Thổ Châu, Nam Du, An Thới, Tắc Cậu, Dương Đông... Các cảng cá, bến cá tuyến ven bờ như Xẻo Nhàu, Tô Châu,... khu trú bão Cầu Sấu, luồng vào cửa Dương Đông cũng đang được thi công với tốc độ cao.

Hệ thống giao thông thủy lợi kết hợp với chương trình thoát lũ ra biển Tây đã được khảo sát, thiết kế và xây dựng, hiện đang có hiệu quả tốt, phục vụ cho phát triển nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản ở địa phương, nhất là khai thác tiềm năng vùng đất còn hoang hóa ở vùng tứ giác Long Xuyên.

Hệ thống cấp điện, nước sạch sinh hoạt cũng được đầu tư xây dựng khá mạnh. Đã xây dựng 322km đường trung thế, 588km hạ thế tạo điều kiện phục vụ sản xuất và đời sống của nhân dân vùng ven biển và hải đảo. Đầu tư xây dựng các trạm cấp nước tập trung ở Hà Tiên, Ba Hòn, Chùa Hang có công suất từ 200 m³ - 500 m³/ngày; ở Tắc Cậu 1.000 m³/ngày và ở các xã đảo có công suất từ 100 m³ - 150 m³/ngày. Hồ chứa và kênh dẫn nước ở thị xã Hà Tiên, huyện đảo Phú Quốc cũng được đầu tư và đang khẩn trương xây dựng để sớm đưa vào sử dụng.

Những kết quả đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nêu trên đã góp phần tích cực thúc đẩy ngành thủy sản, ngành du lịch và các dịch vụ kèm theo phát triển rất nhanh. Điều đó có tác động tích cực thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh, nâng cao đời sống nhân dân vùng biển, thu hút một lượng lao động khá lớn, hình thành nên những cụm tuyến dân cư ven biển, hải đảo trù phú.

Để giành thế chủ động trong phát triển kinh tế biển, đảo gắn với an ninh - quốc phòng, Kiên Giang tiếp tục tập trung đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội các huyện ven biển và các huyện đảo,

nhất là những nơi có vị trí quan trọng về quốc phòng - an ninh như Phú Quốc, Hà Tiên và Kiên Lương. Xây dựng kết cấu hạ tầng: đường sá, hệ thống bến cảng, sân bay, điện, nước sinh hoạt, trường, trạm, v.v.. để phát triển chiều sâu kinh tế - xã hội vùng ven biển và hải đảo. Trong xây dựng chú trọng các đến mối quan hệ kinh tế và quốc phòng - an ninh, giữa các khu kinh tế - kỹ thuật và khu vực phòng thủ. Tập trung xây dựng hệ thống cảng biển, các tuyến đường ven biển, ven đảo, cung cấp điện, nước ngọt, thông tin liên lạc... Đối với Phú Quốc, đang khẩn trương xây dựng và mở rộng sân bay, cảng phục vụ du lịch và tăng cường phát triển phương tiện vận tải biển, đặc biệt chú trọng đến hiệu quả tổng hợp cả về kinh tế - xã hội và quốc phòng - an ninh. Để thực hiện những nhiệm vụ ấy cần có nguồn vốn rất lớn. Ngoài nguồn vốn từ ngân sách của địa phương và vận động nhân dân đóng góp, tỉnh còn kêu gọi đầu tư, xin Chính phủ hỗ trợ...

Gắn với quá trình xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, Kiên Giang chú trọng thúc đẩy phát triển các ngành nghề có thế mạnh của địa phương như thủy sản, du lịch, thu hút lực lượng lao động ra định cư sống lâu dài trên tuyến ven biển và đảo; đồng thời kết hợp có hiệu quả với chương trình đưa dân ra định cư ở các đảo chưa có dân, nhằm làm tốt nhiệm vụ phát triển kinh tế và bảo đảm quốc phòng - an ninh.

Về khai thác: Nâng tổng số tàu thuyền toàn tỉnh lên 7.650 chiếc vào cuối năm 2005, với tổng công suất là 1.124.550 CV (bình quân 147 CV/chiếc) và đến năm 2010 nâng tổng số tàu thuyền toàn tỉnh lên 8.450 chiếc với tổng công suất là 1.435.000 CV (bình quân 170 CV/chiếc).

Về nuôi trồng thủy sản: Trên cơ sở điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010, đang đẩy mạnh công tác quy hoạch chi tiết nuôi trồng thủy sản, chủ yếu là nuôi tôm vùng ven biển của tỉnh. Đến cuối năm 2005 đưa diện tích nuôi tôm lên 100.000 ha, sản lượng

đạt 34.000 tấn, năm 2010 diện tích nuôi tôm đạt 130.000 ha, sản lượng đạt 60.000 tấn. Cùng với tôm, tỉnh chú trọng mở rộng hình thức nuôi cá lồng trên biển và đây là một nguồn lợi rất lớn của địa phương.

Từ nay đến năm 2010, phần đầu hoàn chỉnh hệ thống thủy lợi nuôi tôm, các cơ sở sản xuất tôm, cá giống, các trung tâm và các trạm khuyến ngư, xây dựng hoàn chỉnh các cảng cá và đưa vào sử dụng có hiệu quả. Tập trung kêu gọi và khuyến khích các nhà đầu tư tập trung nhiều hơn vào lĩnh vực thủy sản, giúp đỡ hướng dẫn nhân dân chuyển sang các hình thức nuôi thâm canh và bán thâm canh.

Về chế biến: Nâng cấp, mở rộng các cơ sở chế biến hiện có, xây dựng mới một số nhà máy chế biến đông lạnh quy mô lớn, công nghệ hiện đại. Trong năm 2005 - 2006, đầu tư 5 cơ sở chế biến đông lạnh có công suất 28.000 tấn/năm. Điều chỉnh, mở rộng quy hoạch khu công nghiệp Tắc Cậu, nhằm tạo điều kiện thuận lợi thu hút đầu tư vào lĩnh vực này. Phần đầu đến năm 2010, công suất chế biến của các cơ sở đông lạnh đạt 46.740 tấn/năm. Ngoài ra, Kiên Giang cũng đang chú trọng xây dựng một số nhà máy đông lạnh cá nước ngọt, tạo điều kiện để chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đưa một số vùng trồng lúa năng suất thấp sang nuôi cá nước ngọt.

Tỉnh mạnh dạn tạo cơ chế thông thoáng để các doanh nghiệp chủ động mở rộng thị trường. Các sản phẩm chế biến hải sản của tỉnh mấy năm qua đã được tiêu thụ tại thị trường Mỹ, Nhật, châu Âu, Hàn Quốc, Trung Quốc. Năm 2004, vụ kiện về bán phá giá tôm của các tỉnh miền Nam nước Mỹ đã gây không ít khó khăn cho việc tiêu thụ sản phẩm của địa phương. Vì vậy, ngoài những sản phẩm xuất khẩu truyền thống, tỉnh cũng sẽ tập trung sản xuất nhiều sản phẩm tinh chế chất lượng cao phục vụ tốt cho yêu cầu xuất khẩu và tiêu dùng nội địa, tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm.

Đảo Phú Quốc là nơi có nhiều điều kiện để đẩy mạnh tốc độ phát triển ngành du lịch.

Nơi đây sẽ là trung tâm kinh tế du lịch của tỉnh và của cả vùng. Để tạo điều kiện cho Phú Quốc sớm trở thành nơi du lịch hấp dẫn, thuận tiện, thu hút nhiều khách trong nước và quốc tế, đến năm 2007, tỉnh sẽ khởi công xây dựng sân bay mới và năm 2010 đưa vào sử dụng. Sân bay Phú Quốc sau khi hoàn thành bảo đảm cho các loại máy bay Air Bus và Boeing 767 hạ cánh.

Tỉnh quyết tâm đến năm 2010, xây dựng xong hệ thống hạ tầng giao thông bộ trên đảo, các cầu cảng... đạt chất lượng tốt. Trước mắt, xây dựng một số đường trục chính trung tâm và cầu cảng An Thới nhằm bảo đảm cho việc đi lại của du khách trên đảo và giữa đất liền với đảo, thuận tiện, với giá rẻ. Đồng thời, tỉnh đang xúc tiến quy hoạch lại rừng phòng hộ cho phù hợp với quy hoạch phát triển du lịch, quy hoạch lại các hồ chứa và hệ thống cấp nước ngọt, phát triển hệ thống điện. Các khu du lịch trên đảo được quy hoạch xây dựng bản đồ giải thửa theo từng khu vực, kết hợp với việc thanh tra, kiểm tra đất đai, xử lý dứt điểm các vấn đề vướng mắc về đất đai trên đảo trong thời gian ngắn nhất, tạo thuận lợi cho các nhà đầu tư đẩy nhanh tiến độ đầu tư...

Tỉnh đang triển khai tuyến đường N1 nối liền thị xã Hà Tiên với thị xã Châu Đốc và hoàn thành trong năm 2006, phần đầu làm xong cầu Tám Ngàn trên tuyến N2 trong năm 2005, để tiện việc đi lại của du khách đến huyện Kiên Lương và thị xã Hà Tiên. Năm 2005, hoàn thành việc mở các tuyến tour du lịch bằng đường bộ và đường thủy từ Hà Tiên, Phú Quốc đến Thái Lan và ngược lại, bước tiếp theo sẽ nối các khu vực này bằng đường hàng không.

Nhà nước cần tiếp tục thực hiện chính sách cho dân vay vốn mua sắm tàu thuyền, ngư cụ đánh bắt xa bờ, giảm thuế tài nguyên đối với dân làm nghề khai thác hải sản; chính sách lương và đãi ngộ đối với cán bộ, công nhân,

(Xem tiếp trang 57)

LỰC LƯỢNG VŨ TRANG QUÂN KHU IV: 60 NĂM XÂY DỰNG, CHIẾN ĐẤU VÀ TRƯỞNG THÀNH

ĐOÀN SINH HƯƠNG *

CÁCH mạng Tháng Tám thành công Nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ra đời, đã mở ra một trang sử mới cho dân tộc ta. Trước yêu cầu của cách mạng trong giai đoạn mới, Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh quyết định tổ chức các chiến khu quân sự. Ngày 15-10-1945, Chiến khu IV ra đời, (nay là Quân khu IV), gồm 6 tỉnh: Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên - Huế, kéo dài từ Tam Điệp đến Hải Vân. Đây là một địa bàn trọng yếu, có cả rừng núi, trung du; đồng bằng và ven biển. Cả 6 tỉnh trên địa bàn Quân khu đều có tuyến biển, tuyến biên giới với nước bạn Lào. Chính những yếu tố tự nhiên này làm cho dải đất Khu IV qua các thời kỳ luôn là địa bàn chiến lược quan trọng của cả nước. Sinh ra trong bão táp cách mạng, được Đảng, Bác Hồ lãnh đạo, rèn luyện, nhân dân đùm bọc, nuôi dưỡng, lực lượng vũ trang Quân khu IV không ngừng trưởng thành, lớn mạnh về mọi mặt; luôn nêu cao khí phách quật cường của dân tộc, truyền thống anh hùng của quân đội, lòng yêu nước nồng nàn, tinh thần cách mạng của mảnh đất Bình - Trị Thiên trung dũng, Thanh - Nghệ - Tĩnh kiên cường, cùng các tầng lớp nhân dân vượt qua mọi khó khăn, thách thức, lập nên những chiến công, thành tích vẻ vang, làm ngời sáng phẩm chất "Bộ đội Cụ Hồ" trên quê hương Bác Hồ kính yêu.

Trong 2 cuộc kháng chiến chống thực dân, đế quốc xâm lược, Khu IV vừa là tiền tuyến, vừa là hậu phương, luôn vì cả nước, cùng cả nước. Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, đáp lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh: "Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ", quân và dân Khu IV đã đoàn kết một lòng, không quản ngại gian khổ, hy sinh, dũng cảm chiến đấu tiêu diệt địch, mở rộng và bảo vệ vững chắc hậu phương, chi viện sức người, sức của cho các chiến trường. Hàng vạn thanh niên Khu IV xung phong ra trận. Nhiều chi đội giải phóng quân của Khu IV đã lên đường Nam tiến chiến đấu và lập công vẻ vang ở các tỉnh Nam Trung Bộ, Tây Nguyên. Gần một triệu lượt dân công đi phục vụ các mặt trận và hàng chục vạn tấn lương thực, thực phẩm đã được huy động để cung cấp cho các chiến trường. Cùng với Việt Bắc, Khu IV đã trở thành "căn cứ địa cách mạng vững chắc", góp phần làm nên chiến thắng Điện Biên chấn động địa cầu, kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến 9 năm chống thực dân Pháp xâm lược.

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Khu IV là nơi trực tiếp đụng đầu lịch sử giữa lực lượng cách mạng và phản cách mạng,

* TS, Thiếu tướng, Tư lệnh Quân khu IV

giữa nhân nghĩa và bạo tàn, giữa chế độ xã hội chủ nghĩa và chế độ thực dân kiểu mới. Quân và dân Khu IV cùng một lúc thực hiện 4 nhiệm vụ trên 3 chiến trường miền Bắc, miền Nam và Lào, vừa xây dựng hậu phương xã hội chủ nghĩa, huy động sức người, sức của cho chiến trường; vừa đánh bại chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, bảo đảm giao thông chi viện cho cách mạng miền Nam; đánh thắng Mỹ - ngụy trên chiến trường Trị Thiên; vừa làm trọn nghĩa vụ quốc tế với Lào. Ở Quảng Trị, Thừa Thiên - Huế lực lượng vũ trang Quân khu đã cùng với nhân dân bám trụ kiên cường, liên tục tiến công và nổi dậy tiêu diệt địch giải phóng quê hương. Quân và dân Quảng Trị, Thừa Thiên - Huế đã cùng với các đơn vị chủ lực mở nhiều chiến dịch với quy mô lớn, đặc biệt là đợt Tổng tiến công nổi dậy Tết Mậu Thân 1968, góp phần làm thay đổi cục diện trên chiến trường miền Nam. Ở hậu phương, quân và dân từ Thanh Hóa đến Vĩnh Linh nêu cao chủ nghĩa anh hùng cách mạng, sản xuất giỏi, chiến đấu giỏi "Tất cả vì miền Nam ruột thịt". Nhiều phong trào hành động cách mạng như "Xe chưa qua, nhà không tiếc", "Nhằm thẳng quân thù. Bắn!", "Hai giỏi", v.v... và nhiều tập thể, cá nhân đã trở thành tấm gương sáng cho cả nước. Quân và dân Thanh - Nghệ - Tĩnh, Quảng Bình, Vĩnh Linh "Mỗi người làm việc bằng hai", mưu trí, dũng cảm đập tan các cuộc chiến tranh leo thang phá hoại bằng không quân và hải quân của đế quốc Mỹ, bảo đảm huyết mạch giao thông thông suốt giữa tiền tuyến và hậu phương, kịp thời chi viện sức người, sức của cho các chiến trường chiến đấu giành thắng lợi.

Trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, nhất là những năm đất nước bước vào công cuộc đổi mới, Quân khu đã đoàn kết, thống nhất cùng đảng bộ, chính quyền và nhân dân 6 tỉnh, vận dụng sáng tạo đường lối đổi mới vào việc thực hiện nhiệm vụ quân sự, quốc phòng. Sức mạnh khu vực phòng thủ tỉnh, huyện mà nền tảng là xây dựng xã, phường, cơ sở, cụm an toàn, làm chủ - sẵn sàng chiến đấu ngày càng đi vào chiều sâu, chất lượng.

Đến nay số xã, phường cơ sở trên địa bàn Quân khu có 70,66% đạt tiêu chuẩn vững mạnh toàn diện (năm 2001 là 63,21%), 90% cụm hoạt động khá, góp phần khơi dậy tiềm lực toàn dân và cả hệ thống chính trị, phòng chống có hiệu quả âm mưu, thủ đoạn "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch, giữ vững ổn định chính trị trong mọi thời điểm. Các địa phương, đơn vị đã chú trọng đẩy mạnh phong trào "Đền ơn, đáp nghĩa", trong đó đã xây dựng hơn 20 ngàn ngôi nhà tình nghĩa. Quân khu luôn quan tâm làm tốt công tác tuyên truyền vận động nhân dân, xây dựng cơ sở chính trị, qua đó góp phần củng cố thể trận lòng dân ngày càng vững chắc, tạo được bước chuyển biến quan trọng về chất lượng tổng hợp, sức mạnh chiến đấu của lực lượng vũ trang ba thứ quân. Cán bộ, chiến sỹ đã thể hiện bản lĩnh chính trị vững vàng. Năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các tổ chức đảng trong Quân khu luôn được phát huy. Đó là nhân tố quyết định bảo đảm cho lực lượng vũ trang hoàn thành mọi nhiệm vụ. Đóng quân trên một địa bàn rộng, điều kiện khó khăn, thời tiết khắc nghiệt, nhưng cán bộ, chiến sỹ, công nhân viên quốc phòng ở các cơ quan, đơn vị luôn nêu cao ý thức chấp hành kỷ luật quân đội, pháp luật Nhà nước, thực hiện có kết quả các cuộc vận động, các phong trào thi đua hằng năm. Trình độ huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu và khả năng ứng phó với mọi tình huống của lực lượng vũ trang Quân khu ngày càng tốt hơn, chủ động hơn, trong đó kể cả phương án phòng chống khắc phục hậu quả thiên tai. Trong trận lũ lịch sử năm 1999, lực lượng vũ trang Quân khu đã huy động hơn 4 ngàn lượt cán bộ, chiến sỹ quân thường trực và gần 14 vạn dân quân tự vệ, để trực tiếp cứu dân, sơ tán hàng chục vạn người và nhiều tài sản của nhà nước, của nhân dân. Trong cơn bão số 6 và số 7 vừa qua, lực lượng vũ trang Quân khu IV, cùng cấp ủy, chính quyền đã tham gia tích cực, giúp dân phòng chống tốt, hạn chế thấp nhất thiệt hại, sớm ổn định đời sống đồng bào. Những việc làm đó đã tô thắm thêm phẩm chất "Bộ đội Cụ Hồ" trong thời kỳ mới.

Thấm nhuần đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta, thực hiện lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh "giúp bạn là tự giúp mình" lực lượng vũ trang Quân khu IV đã làm tốt nhiệm vụ quốc tế với 2 nước bạn Lào và Cam-pu-chia.

Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, các đơn vị bộ đội của Quân khu IV đã cùng quân và dân hai nước bạn xây dựng cơ sở kháng chiến, tham gia chiến đấu trong các chiến dịch Trung Lào, Hạ Lào và Đông Bắc Cam-pu-chia lập nên những chiến thắng vang dội ở Thà Khẹt, Khăm Muộn, Tha Teng... góp phần đưa cuộc kháng chiến đến thắng lợi, ba nước trên bán đảo Đông Dương thoát khỏi ách thống trị của thực dân Pháp.

Trong những năm chống đế quốc Mỹ xâm lược, quân và dân Quân khu IV luôn kề vai, sát cánh phối hợp chiến đấu cùng quân và dân Lào làm thất bại nhiều cuộc tấn công bằng quân sự với quy mô lớn của địch và các âm mưu chống phá của chúng, góp phần bảo vệ và phát triển thành quả cách mạng của bạn.

Ngày nay, quân, dân Quân khu IV tiếp tục nêu cao truyền thống cách mạng, thường xuyên gìn giữ, bảo vệ và phát huy tốt mối quan hệ với Nước cộng hòa dân chủ nhân dân Lào, xây dựng đường biên giới hữu nghị, thực hiện hợp tác kinh tế - quốc phòng, văn hóa, góp phần tô thắm thêm tình đoàn kết đặc biệt giữa hai dân tộc Việt - Lào cũng như sự ổn định, phát triển của mỗi nước.

Sáu mươi năm xây dựng, chiến đấu và trưởng thành dưới sự lãnh đạo của Đảng, Bác Hồ và sự nuôi dưỡng, đùm bọc của nhân dân, sự quan tâm, giúp đỡ, tạo điều kiện của cấp ủy, chính quyền các địa phương, của bạn bè quốc tế, các lực lượng vũ trang Quân khu đã không ngừng phát huy bản chất cách mạng, chiến đấu dũng cảm, sáng tạo, xây đắp nên truyền thống vẻ vang "Bộ đội Cụ Hồ". Trong đó nổi lên những phẩm chất tiêu biểu là: Tuyệt đối trung thành với Đảng, với Tổ quốc và nhân dân, sẵn sàng chiến đấu, hy sinh vì sự nghiệp cách mạng của dân tộc; có ý chí quyết chiến, quyết thắng, biết đánh và biết thắng mọi kẻ thù;

gắn bó máu thịt với nhân dân, quân với dân một ý chí; hậu phương, tiền tuyến đồng lòng, luôn vì cả nước, cùng cả nước; có tinh thần đoàn kết, trong sáng, đặc biệt gắn bó thủy chung với cách mạng Lào. Đó là bản chất cách mạng, phẩm chất cao quý của "Bộ đội Cụ Hồ". Trong bất cứ hoàn cảnh nào, gian khổ, ác liệt đến đâu lực lượng vũ trang Quân khu vẫn kiên cường chiến đấu vì sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc, hoàn thành bất cứ nhiệm vụ gì mà Đảng, Nhà nước và quân đội giao phó. Đó là lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, tinh thần cách mạng tiến công được kế thừa truyền thống đấu tranh kiên cường, bất khuất và tài thao lược của dân tộc; tình đoàn kết, thương yêu, tôn trọng, giúp đỡ nhau của cán bộ, chiến sỹ; ý thức kỷ luật tự giác, nghiêm minh, tinh thần tự lực, tự cường.

Trong 60 năm xây dựng, chiến đấu và trưởng thành lực lượng vũ trang Quân khu IV đã cùng quân dân cả nước lập nhiều chiến công và thành tích trong chiến đấu, xây dựng, đã vinh dự được Đảng, Nhà nước tặng thưởng 1 Huân chương Sao vàng, 2 Huân chương Hồ Chí Minh, 2 Huân chương Độc lập, 797 đơn vị và 280 cá nhân được tuyên dương danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động; nhiều đơn vị trong Quân khu cùng hàng vạn cán bộ, chiến sỹ được tặng thưởng các Huân chương, Huy chương và những phần thưởng cao quý của Đảng, Nhà nước ta và nước bạn.

Những chiến công, thành tích vẻ vang và truyền thống tốt đẹp của lực lượng vũ trang Quân khu IV bắt nguồn từ sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng và Bác Hồ, của Đảng ủy Quân sự Trung ương và Bộ Quốc phòng, từ sự vận dụng sáng tạo đường lối quân sự của Đảng vào trong từng thời kỳ, từng nhiệm vụ chính trị của lực lượng vũ trang Quân khu.

Trong chặng đường lịch sử 60 năm qua, lực lượng vũ trang Quân khu IV luôn được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, ủng hộ, giúp đỡ của cấp ủy, chính quyền các địa phương, các cơ quan, ban, ngành, các đơn vị bạn và các tầng lớp nhân dân trên địa bàn. Nhờ đó Quân khu đã phát huy được sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính

trị trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân và lực lượng vũ trang nhân dân ngày càng vững mạnh.

Ngày nay, bên cạnh những yếu tố tích cực, thuận lợi và những thành tựu to lớn của công cuộc đổi mới đem lại đã tạo cho thêm thế và lực, khả năng và cơ hội để nước ta tiếp tục phát triển trong những năm tới. Tuy nhiên nước ta cũng đang phải đối phó với những khó khăn, thách thức không thể xem thường. Đó là tình hình thế giới có những diễn biến phức tạp, khó lường. Các thế lực thù địch tiếp tục đẩy mạnh chiến lược "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ với những âm mưu, thủ đoạn ngày càng tinh vi, thâm độc và diễn ra trên các lĩnh vực, các địa bàn, trong đó Quân khu IV là một trong những trọng điểm chống phá của chúng. Tình hình đó đặt ra cho toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta nói chung, quân và dân Quân khu IV nói riêng những yêu cầu, nhiệm vụ mới to lớn, phức tạp và nặng nề, đòi hỏi lực lượng vũ trang Quân khu phải nêu cao cảnh giác, không ngừng rèn luyện, phấn đấu và học tập để kịp thời, chủ động và làm thất bại mọi âm mưu của các thế lực thù địch.

Để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ trong tình hình mới, đòi hỏi lực lượng vũ trang Quân khu phải làm tốt những nhiệm vụ sau:

- Tập trung nâng cao chất lượng tổng hợp, sức mạnh chiến đấu của cả 3 thứ quân, trong đó lấy xây dựng chính trị làm cơ sở, bảo đảm cho lực lượng vũ trang Quân khu luôn kiên định, vững vàng về mục tiêu, lý tưởng cách mạng, tuyệt đối trung thành với Đảng, với Tổ quốc và nhân dân, sẵn sàng nhận và hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao. Kết hợp chặt chẽ công tác huấn luyện với xây dựng chính quy, chấp hành pháp luật của Nhà nước, kỷ luật của quân đội, thực hiện tốt các cuộc vận động, các phong trào thi đua, đấu tranh khắc phục nhận thức và hành động sai trái, góp phần xây dựng lực lượng vũ trang Quân khu vững mạnh toàn diện, đáp ứng yêu cầu xây dựng quân đội nhân dân "cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại".

- Thường xuyên tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục cán bộ, chiến sỹ lực lượng vũ trang và các tầng lớp nhân dân trên địa bàn về 2 nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn hiện nay; làm rõ âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch trong việc chống phá cách mạng Việt Nam; làm rõ nhiệm vụ của Quân đội, Quân khu và từng địa phương, đơn vị, tạo sự chuyển biến trong nhận thức, đồng thời tổ chức thực hiện tốt nhiệm vụ quân sự - quốc phòng. Kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với an ninh nhân dân ngày càng vững chắc. Đặc biệt là xây dựng khu vực phòng thủ mà nền tảng là xây dựng cơ sở, cụm an toàn, làm chủ - sẵn sàng chiến đấu, nhất là ở những địa bàn chiến lược, vùng sâu, vùng xa, vùng căn cứ cách mạng, biên giới, hải đảo; vùng đồng bào tôn giáo, dân tộc thiểu số. Nâng cao cảnh giác cách mạng, tăng cường ý thức chính trị, và sức mạnh tinh thần trong quân đội, phối hợp với các lực lượng bảo vệ chính trị nội bộ, xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ Tổ quốc, đấu tranh chống tội phạm, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

- Tiếp tục tăng cường tình đoàn kết đặc biệt Việt Nam - Lào trong điều kiện mới. Phối hợp chặt chẽ với bạn, nhất là các địa phương có chung tuyến biên giới, đẩy mạnh hợp tác trên tất cả các mặt, đấu tranh chống tội phạm, chống buôn lậu qua biên giới, đấu tranh chống sự phá hoại của kẻ thù, bảo đảm sự ổn định và tạo điều kiện cho sự phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh của mỗi nước.

Phấn khởi, tự hào trước những chiến công, thành tích vẻ vang trong 60 năm xây dựng, chiến đấu và trưởng thành, cán bộ, chiến sỹ lực lượng vũ trang Quân khu IV nguyện tiếp tục cùng đảng bộ, chính quyền và nhân dân 6 tỉnh xây dựng nền quốc phòng toàn dân và lực lượng vũ trang nhân dân ngày càng vững mạnh, góp phần cùng quân dân cả nước bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. □

Xây dựng, củng cố tổ chức cơ sở đảng ở Quảng Nam:

THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

NGUYỄN VĂN NAM *

TỈNH Quảng Nam có 225 chi, đảng bộ cơ sở xã, phường, thị trấn với hơn 24 nghìn đảng viên đang sinh hoạt, chiếm 68,18% tổng số đảng viên toàn tỉnh. Những năm qua, cùng với những thành tựu đã đạt được trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng, công tác xây dựng, củng cố tổ chức cơ sở đảng ở xã, phường, thị trấn trong tỉnh đã đem lại những kết quả đáng kể, đó là:

Với chức năng là hạt nhân chính trị, lãnh đạo toàn diện các mặt công tác ở cơ sở, các tổ chức cơ sở đảng xã, phường, thị trấn đã kịp thời đưa đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước vào cuộc sống. Các chương trình phát triển kinh tế - xã hội được thực hiện có hiệu quả, góp phần quan trọng hoàn thành các mục tiêu, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân từng bước được cải thiện; bộ mặt nông thôn có những thay đổi rõ nét; tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội cơ bản được ổn định và giữ vững.

Hầu hết các tổ chức cơ sở đảng xã, phường, thị trấn đều tổ chức, sắp xếp các chi bộ trực thuộc theo địa bàn dân cư (thôn, khối phố) tạo điều kiện thuận lợi cho việc sinh hoạt, lãnh đạo

của tổ chức đảng. Nhiều nơi đã khắc phục tình trạng hạ thấp hoặc buông lỏng vai trò lãnh đạo của Đảng; thực hiện nghiêm các nguyên tắc tổ chức, sinh hoạt đảng, đã xây dựng quy chế và làm việc theo quy chế.

Chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên trong những năm gần đây được nâng lên cả về trình độ văn hóa, lý luận chính trị và chuyên môn nghiệp vụ.

Phong cách, lề lối làm việc của cấp ủy từng bước được đổi mới. Các tổ chức đảng đã nâng cao nhận thức và trách nhiệm trong việc phấn đấu xây dựng chi bộ, đảng bộ trong sạch, vững mạnh, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của tình hình mới.

Tuy nhiên, vấn đề xây dựng, củng cố tổ chức cơ sở đảng vẫn còn những hạn chế, bất cập cần được khắc phục:

Một số nơi, cấp ủy chưa đề ra được những chủ trương, giải pháp phù hợp và đem lại hiệu quả trong phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương, chủ yếu là tổ chức thực hiện các nhiệm vụ do cấp trên giao nên việc lãnh đạo, chỉ đạo còn mang tính thụ động, thiếu sáng tạo.

Tỷ lệ tổ chức cơ sở đảng đạt trong sạch, vững mạnh vẫn còn thấp (năm 2004 là 57,30%). Một số tổ chức cơ sở đảng yếu kém kéo dài chậm được khắc phục; nội dung sinh hoạt chi bộ, nhất là các chi bộ thôn ở các huyện miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số chậm được đổi mới.

* Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy Quảng Nam

Một số tổ chức cơ sở đảng chưa gắn công tác xây dựng Đảng với việc xây dựng chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể; chưa phát huy được sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị ở cơ sở nên phong trào tri tri, kinh tế chậm phát triển, đời sống của nhân dân còn khó khăn, làm cho một bộ phận nhân dân thiếu tin vào sự lãnh đạo của Đảng. Một số nơi chưa coi trọng việc xây dựng các chi bộ thôn, khối phố vững mạnh.

Đội ngũ cán bộ, đảng viên tuy có những mặt tiến bộ, nhưng vẫn còn nhiều mặt hạn chế. Một bộ phận cán bộ, đảng viên chưa thật sự gắn bó với nhân dân, thiếu trách nhiệm trong công việc, thậm chí có những đồng chí giảm sút ý chí chiến đấu, quan liêu, tiêu cực; chất lượng đội ngũ cán bộ bầu cử và cán bộ chuyên trách chuyên môn còn nhiều bất cập.

Những hạn chế nêu trên có nhiều nguyên nhân, nhưng chủ yếu tập trung vào những nguyên nhân sau:

Thứ nhất, một số cấp ủy nhận thức chưa đầy đủ về vai trò, vị trí của tổ chức cơ sở đảng ở xã, phường, thị trấn. Hơn nữa do không nắm vững chức năng, nhiệm vụ của tổ chức cơ sở đảng nên trong quá trình lãnh đạo còn bộc lộ nhiều mặt yếu kém, dẫn đến chất lượng, hiệu quả công việc không cao.

Thứ hai, đội ngũ cán bộ, đảng viên, trước hết là những người giữ các chức danh chủ chốt trong cấp ủy, chính quyền, các đoàn thể và các ban, ngành ở một số nơi, phần lớn chưa được đào tạo chuẩn hóa về văn hóa, lý luận chính trị và chuyên môn nghiệp vụ; có tư tưởng trông chờ, ỷ lại sự hỗ trợ của cấp trên; chưa quy tụ được sự đồng thuận trong cấp ủy; sự lãnh đạo của Đảng đối với chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể còn nhiều hạn chế, không phát huy được sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ ở địa phương, cơ sở.

Thứ ba, công tác lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra của cấp ủy cấp trên trực tiếp ở một số nơi chưa thường xuyên, thiếu sâu sát, chưa có những giải pháp kịp thời. Do vậy, có chi bộ, đảng bộ yếu kém nhiều năm liền chưa được kiện toàn,

củng cố; tổ chức đảng ở nơi đó chưa phát huy được vai trò lãnh đạo, chưa thể hiện được vai trò là hạt nhân chính trị ở cơ sở.

Thứ tư, trung ương chậm bổ sung, sửa đổi về quy định chức năng, nhiệm vụ của tổ chức cơ sở đảng ở xã, phường, thị trấn cho phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ của thời kỳ mới.

Để bảo đảm xây dựng các chi bộ, đảng bộ cơ sở xã, phường, thị trấn trong sạch, vững mạnh đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, theo chúng tôi, cần triển khai thực hiện tốt các giải pháp sau:

1 - *Thường xuyên làm tốt công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ, đảng viên và nhân dân*, đồng thời quán triệt sâu sắc phương châm toàn Đảng làm công tác tư tưởng. Trước hết, người đảng viên phải nâng cao nhận thức về chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, thông suốt các chủ trương, đường lối của Đảng để làm công tác tư tưởng đối với quần chúng. Mặt khác, cần xây dựng một đội ngũ làm công tác tư tưởng ở cơ sở. Cấp ủy lựa chọn những đảng viên có năng lực, trình độ, vừa am hiểu phong tục, tập quán ở cơ sở để tham gia vào đội ngũ làm công tác tư tưởng của đảng bộ, chi bộ. Đội ngũ này vừa cập nhật và phổ biến tình hình thời sự, đường lối, chính sách và pháp luật cho nhân dân, vừa giúp cấp ủy nắm tình hình tư tưởng và tâm trạng của nhân dân. Cấp ủy chủ động chỉ đạo phối hợp với các lực lượng công an, biên phòng, giáo viên trên địa bàn để làm công tác tư tưởng.

Đổi mới nội dung và sử dụng các hình thức tuyên truyền cho phù hợp với từng đối tượng, trong đó chú trọng hình thức tuyên truyền miệng kết hợp với mô hình trực quan để dân thấy, dân tin. Kiên quyết đấu tranh khắc phục sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống trong cán bộ, đảng viên. Triển khai sâu rộng việc giáo dục, rèn luyện đạo đức, lối sống cho cán bộ, đảng viên mà nội dung cơ bản là học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh. Công tác tư tưởng phải tiến hành một cách thường xuyên và liên tục, ở mọi lúc, mọi nơi, từ các cuộc tiếp xúc, giao tiếp trong

sinh hoạt đến việc tổ chức quán triệt các chỉ thị, nghị quyết của Đảng.

2 - *Xây dựng đội ngũ cấp ủy viên, người đứng đầu cấp ủy trong sạch, vững mạnh.* Người tham gia cấp ủy phải là những đảng viên ưu tú, bảo đảm tiêu chuẩn cả về phẩm chất chính trị, đạo đức, trình độ và năng lực, có khả năng lãnh đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ của chi bộ, đảng bộ. Quá trình xây dựng đội ngũ cấp ủy cần kết hợp hài hòa giữa tiêu chuẩn và cơ cấu. Cơ cấu trên cơ sở phải bảo đảm tiêu chuẩn, khắc phục tình trạng nặng về cơ cấu, xem nhẹ tiêu chuẩn. Cấp ủy cấp trên nên kịp thời thay thế những cấp ủy viên không bảo đảm tiêu chuẩn, không hoàn thành nhiệm vụ, không nên chờ đến hết nhiệm kỳ.

Cùng với việc kiện toàn, củng cố đội ngũ cấp ủy cần bố trí người đứng đầu cấp ủy thực sự tiêu biểu về phẩm chất, năng lực, đủ tiêu chuẩn theo quy định; có khả năng tập hợp và là trung tâm của sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng và sự thống nhất giữa Đảng với quần chúng nhân dân. Thực tế hiện nay, số bí thư cấp ủy xã, phường, thị trấn có trình độ văn hóa bậc trung học phổ thông mới đạt 40,99%; số có trình độ chuyên môn nghiệp vụ trung cấp trở lên đạt 33,33%. Do đó, giải pháp kiện toàn cấp ủy, bố trí người đứng đầu cấp ủy là vấn đề các cấp ủy phải tập trung lãnh đạo.

3 - *Thường xuyên chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ cơ sở, tiếp tục đổi mới về công tác cán bộ; đổi mới cả về quan điểm, nội dung, phương pháp tiến hành và triển khai đồng bộ các mặt đánh giá cán bộ, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, luân chuyển, bố trí và sử dụng cán bộ.* Cấp ủy phải chủ động rà soát, đánh giá và phân loại cán bộ công chức theo quy định một cách khách quan, chính xác. Khi đánh giá cán bộ cần dựa vào tiêu chuẩn lấy hiệu quả công tác và dựa vào tín nhiệm của nhân dân làm thước đo chủ yếu. Trên cơ sở kết quả đánh giá cán bộ, cấp ủy làm tốt công tác quy hoạch cán bộ, tập trung quy hoạch cho các chức danh chủ chốt của cấp mình (bao gồm các chức danh bầu cử và các chức danh cán bộ chuyên môn). Trong công tác quy hoạch cán bộ, cấp ủy cần khắc phục tư tưởng

làm qua loa, chiếu lệ quy hoạch những cán bộ thiếu năng lực lãnh đạo, chỉ đạo mà phải gắn với chiến lược cán bộ ở cấp mình.

Về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, ban thường vụ các cấp ủy cần tập trung chỉ đạo xây dựng kế hoạch đào tạo một cách khoa học, chống tư tưởng nôn nóng, đào tạo tràn lan dẫn đến chất lượng không cao; đào tạo cán bộ phải gắn với quy hoạch cán bộ. Việc đào tạo văn hóa, chuyên môn và lý luận chính trị nên mở theo cụm liên huyện hoặc khu vực mới có đủ số lượng, mở xen kẽ thời gian để vừa có cán bộ đi học, vừa có cán bộ làm việc.

Có chính sách ưu tiên bố trí, sử dụng số con em gia đình cách mạng, người dân tộc thiểu số, nữ... nằm trong diện quy hoạch đã được đào tạo. Chú trọng bố trí cán bộ trẻ thay thế dần cán bộ cao tuổi, trước hết là trong tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể chính trị - xã hội. Đối với các huyện miền núi cao, khắc phục tình trạng con em địa phương sau khi đào tạo về không được bố trí công tác gây nên tâm lý trong nhân dân không muốn cho con em đi học ảnh hưởng tới việc sử dụng nguồn nhân lực tại địa phương.

4 - *Thường xuyên nâng cao chất lượng đảng viên và làm tốt công tác kết nạp đảng viên mới.* Các cấp ủy cần làm cho đảng viên có nhận thức đúng về tiêu chuẩn đảng viên và tư cách của đảng viên. Nắm vững nội dung tiêu chuẩn, nhiệm vụ đảng viên là vấn đề cơ bản để làm tốt công tác đảng, là cơ sở để nâng cao chất lượng đảng viên. Tạo điều kiện cho đảng viên học tập để nâng cao nhận thức về chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh... theo Quy định 54 của Bộ Chính trị "về chế độ học tập lý luận chính trị trong Đảng". Thực hiện nghiêm túc quy định về những việc đảng viên không được làm, tăng cường giáo dục và phổ biến kiến thức pháp luật; thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở; Pháp lệnh chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm...

Về công tác kết nạp đảng viên mới, cấp ủy có kế hoạch cụ thể, chi tiết, phải khảo sát và phân loại đối tượng, nắm chắc đối tượng. Trên cơ sở đó có kế hoạch tạo nguồn, phân công người giúp đỡ; đồng thời cấp ủy giao chỉ tiêu

cụ thể, phù hợp để các tổ chức đảng phấn đấu thực hiện. Trong quá trình lãnh đạo thực hiện công tác kết nạp đảng viên mới phải nắm vững phương châm: coi trọng chất lượng, chống khuynh hướng chạy theo số lượng; nắm vững nguyên tắc, không định kiến hẹp hòi nhưng phải đề phòng những phần tử cơ hội chui vào Đảng...

5 - Nâng cao chất lượng sinh hoạt cấp ủy, sinh hoạt chi bộ, đổi mới phong cách lãnh đạo và lề lối làm việc, bảo đảm sự thống nhất ý chí và hành động trong cấp ủy. Thực hiện tốt chế độ tự phê bình và phê bình, tăng cường đoàn kết thống nhất trong cấp ủy. Đây là giải pháp để rèn luyện sức chiến đấu của cấp ủy. Cấp ủy xây dựng chương trình hành động toàn khóa; chương trình công tác hằng năm, quý, tháng. Trong các chương trình công tác cần xác định nhiệm vụ trọng tâm, những công việc cấp bách của từng giai đoạn. Nội dung sinh hoạt cấp ủy, sinh hoạt chi bộ nên hướng vào những vấn đề bức xúc, thiết thực đối với nhân dân.

Giữ vững nền nếp sinh hoạt đảng, định kỳ mỗi tháng một lần theo quy định của Điều lệ Đảng. Trước ngày họp chi bộ, chi ủy chuẩn bị chu đáo nội dung và thông báo cho đảng viên biết để chuẩn bị ý kiến tham gia. Tùy thuộc nội dung mà chi ủy xem xét lựa chọn các hình thức sinh hoạt cho phù hợp: sinh hoạt chính trị, sinh hoạt chuyên đề, sinh hoạt học tập... Chi bộ có thể vận dụng một trong những hình thức trên hoặc kết hợp các hình thức với nhau để nâng cao chất lượng và tính phong phú, đa dạng trong sinh hoạt chi bộ, tránh nhàm chán nhưng phải đảm bảo tính lãnh đạo, tính giáo dục và tính chiến đấu.

6 - Thực hiện tốt việc đánh giá chất lượng tổ chức cơ sở đảng và đảng viên. Hằng năm, trên cơ sở hướng dẫn của Trung ương, của Tỉnh ủy về đánh giá chất lượng tổ chức cơ sở đảng và đảng viên, các cấp ủy cụ thể hóa các tiêu chuẩn thành những tiêu chí cụ thể phù hợp với đặc điểm, tình hình của mỗi chi bộ, đảng bộ. Nội dung đánh giá chất lượng phải quán triệt đến tận đảng viên, làm cho tất cả đảng viên nắm vững tiêu chuẩn từng loại của tổ chức cơ sở đảng, tiêu chuẩn của từng loại đảng viên.

Định kỳ hằng năm, cấp ủy tập trung chỉ đạo tốt việc đánh giá chất lượng tổ chức cơ sở đảng, đảng viên và phải bảo đảm nguyên tắc, đúng quy trình, dân chủ, công khai, khách quan. Đánh giá chất lượng tổ chức cơ sở đảng và đảng viên phải đánh giá đúng thực trạng tình hình; khắc phục tư tưởng làm qua loa, chiếu lệ.

7 - Tăng cường công tác kiểm tra của Đảng. Các cấp ủy xây dựng chương trình, kế hoạch kiểm tra của cấp ủy (kiểm tra định kỳ 6 tháng, 1 năm; kiểm tra đột xuất...). Sau khi có kế hoạch, tổ chức thực hiện một cách nghiêm túc và báo cáo cho cấp trên biết. Trong kế hoạch phải xác định rõ nội dung, đối tượng, thời gian kiểm tra. Kết quả kiểm tra được thông báo cho tổ chức đảng nơi kiểm tra biết để khắc phục những tồn tại, khuyết điểm. Kết hợp chặt chẽ việc kiểm tra cấp ủy với sự tự giác của đảng viên trong việc chấp hành Điều lệ Đảng, chỉ thị, nghị quyết của Đảng. Ngoài chương trình công tác kiểm tra của cấp ủy các chi bộ, đảng bộ cần kết hợp với sinh hoạt thường kỳ của chi bộ để kiểm tra đảng viên thực hiện nhiệm vụ được giao, kiểm tra việc triển khai và thực hiện các nhiệm vụ của chi bộ, đảng bộ. Coi trọng việc kiểm tra thường xuyên để chủ động ngăn ngừa vi phạm khuyết điểm ngay từ đầu.

8 - Lãnh đạo nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, củng cố an ninh - quốc phòng. Trên cơ sở nghị quyết của huyện ủy, thị ủy, nghị quyết đại hội của đảng bộ, chi bộ, 6 tháng, 1 năm cấp ủy phải xác định cho được nhiệm vụ cụ thể về phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương. Ngoài ra, cần có từng nghị quyết chuyên đề cụ thể phù hợp với đặc thù ở mỗi địa phương. Sau khi có nghị quyết, lãnh đạo Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Mặt trận, các đoàn thể chính trị - xã hội, toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân triển khai thực hiện tốt các mục tiêu, nhiệm vụ nghị quyết đã đề ra, khắc phục tư tưởng trông chờ, ỷ lại ở cấp trên, nâng cao nhận thức về tự chủ, tự lực, tự cường ở cơ sở.

9 - Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, chăm lo xây dựng chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể. Quán triệt cho các cấp ủy và cán bộ, đảng viên có nhận thức đầy đủ về chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ cơ sở xã,

phường, thị trấn; tổ chức đảng là hạt nhân lãnh đạo toàn diện các mặt công tác ở cơ sở; nắm vững nhiệm vụ phát triển kinh tế là nhiệm vụ trọng tâm, xây dựng Đảng là then chốt; chăm lo xây dựng chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể vững mạnh, bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ giữa các tổ chức trong toàn bộ hệ thống chính trị.

10 - *Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy cấp trên đối với tổ chức cơ sở đảng ở xã, phường, thị trấn.* Ban thường vụ huyện, thị ủy chỉ đạo cho các ban Đảng, các cơ quan chuyên môn tiến hành khảo sát, đánh giá thực trạng của các chi, đảng bộ xã, phường, thị trấn. Từ đó có kế hoạch, biện pháp đối với từng xã, phường, thị trấn. Đối với tổ chức cơ sở đảng yếu kém phải xác định đúng nguyên nhân, từ đó có biện pháp thích hợp để khắc phục. Đối với những nội bộ mất đoàn kết, yếu kém kéo dài có thể áp dụng biện pháp về công tác tổ chức và cán bộ; thực hiện việc luân chuyển cán bộ, trước mắt cần luân chuyển cán bộ đối với các chức danh: bí thư cấp ủy, chủ tịch ủy ban nhân dân ở những nơi yếu kém, những nơi trọng yếu.

Tăng cường bồi dưỡng nghiệp vụ công tác đảng cho cán bộ làm công tác đảng ở xã, phường, thị trấn; đầu tư cơ sở vật chất, bảo đảm kinh phí hoạt động của tổ chức cơ sở đảng ở xã, phường, thị trấn. Hằng năm cấp ủy cấp trên chỉ đạo các tổ chức cơ sở thực hiện nghiêm túc việc xây dựng và bố trí dự toán ngân sách, bảo đảm kinh phí hoạt động của các tổ chức cơ sở đảng xã, phường, thị trấn.

Từ thực tiễn ở Quảng Nam, chúng tôi nêu lên thực trạng và đề xuất một số giải pháp về công tác đảng ở cơ sở. Hy vọng những giải pháp cơ bản trên, sẽ góp phần nào vào việc từng bước nâng cao chất lượng hoạt động của các chi, đảng bộ xã, phường, thị trấn ở Quảng Nam nói riêng, ở các địa phương khác nói chung nhằm bảo đảm cho đảng bộ, chi bộ ở cơ sở thực sự là nền tảng và là hạt nhân chính trị ở cơ sở, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước vì mục tiêu dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. □

KIÊN GIANG PHÁT TRIỂN...

(Tiếp theo trang 48)

viên chức nhà nước, lực lượng vũ trang công tác tại đảo; hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp trong hệ thống chính trị, cán bộ quản lý kinh tế và lực lượng công nhân kỹ thuật lành nghề tại chỗ. Khuyến khích và lựa chọn những người ra đảo phải biết và có thể sống bằng nghề khai thác hải sản và những người có tay nghề phù hợp với những ngành nghề của vùng biển đảo, tạo điều kiện về nhà ở, xây dựng trường học, trạm y tế... để họ yên tâm định cư lâu dài.

Muốn phát triển ổn định phải làm tốt nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền trên biển. Để thực hiện vấn đề này, Nhà nước cần sớm ký các hiệp định về biên giới lãnh hải trên biển với các nước đang có tranh chấp; tăng cường hỗ trợ kinh phí, phương tiện cho các lực lượng có chức năng bảo vệ vùng biển. Cần cấp thêm kinh phí cho Bộ đội Biên phòng ở Kiên Giang để tăng cường tuần tra bảo vệ biển. Cấp ủy và chính quyền ở địa phương trong tỉnh cần tăng cường giáo dục nhân dân ý thức nâng cao cảnh giác, kịp thời phát hiện các tàu lạ xâm nhập lãnh hải trái phép, kết hợp với lực lượng Bộ đội Biên phòng và quần chúng làm tốt chức năng bảo vệ biển.

Trong xây dựng các dự án phát triển kinh tế và các dự án phát triển du lịch, nhất là ở Phú Quốc phần đầu bảo đảm kết hợp chặt chẽ hai mặt kinh tế và quốc phòng - an ninh. Đồng thời, chỉ đạo thực hiện tốt cơ chế lãnh đạo, điều hành, chỉ huy và phối hợp có hiệu quả hoạt động của các lực lượng trên đảo và trên biển trong quản lý, bảo vệ vùng biển, đảo, khai thác tài nguyên, bảo vệ môi trường biển. Vấn đề kết hợp phát triển kinh tế với bảo vệ quốc phòng - an ninh là một vấn đề lớn, còn nhiều việc phải làm. Từ thực tiễn của Kiên Giang, chúng tôi xin được những ý kiến trên để bạn đọc tham khảo và cùng chia sẻ. □

Nâng cao vị trí, vai trò và chất lượng hoạt động của chi bộ - qua cuộc thi bí thư chi bộ giỏi toàn quốc

NGUYỄN HOÀNG VIỆT

THỰC hiện chủ trương của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc nâng cao hiệu quả hoạt động của chi bộ và Hướng dẫn số 19-HD/TCTW, ngày 2-9-2003, của Ban Tổ chức Trung ương về việc **Tổ chức cuộc thi bí thư chi bộ giỏi các cấp**, từ cuối năm 2003 các địa phương, ban, ngành trên toàn quốc đã tổ chức Hội thi bí thư chi bộ giỏi các cấp, đặc biệt là ở cấp cơ sở và cấp trên trực tiếp cơ sở. Tháng 5-2005, Ban Tổ chức Trung ương đã tổng kết cuộc thi, thông qua 3 cuộc tọa đàm được tổ chức tại 3 miền Bắc, Trung, Nam, với sự tham dự của gần ba trăm bí thư chi bộ đạt giải cao của cuộc thi các cấp. Tại 3 cuộc tọa đàm đó, có nhiều ý kiến đáng chú ý, mang ý nghĩa quan trọng đối với công tác xây dựng Đảng nói chung, cũng như đổi mới nhận thức về vị trí, vai trò và chất lượng hoạt động của chi bộ nói riêng, nhằm không ngừng nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng ở cơ sở hiện nay, xứng đáng với tầm vóc của cuộc thi rộng lớn này. Đồng chí Trần Đình Hoan, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tổ chức Trung ương khẳng định: Cuộc thi này không chỉ để trao giải thưởng mà thực sự phải trở thành ngày hội của toàn Đảng, của nhân dân; qua đó, đảng viên và nhân dân nhận thức rõ hơn, sâu sắc hơn về vị trí, vai trò quyết định

của Đảng đối với cách mạng nước ta, bày tỏ tình cảm, nguyện vọng của mình đối với Đảng và điều quan trọng là góp phần nâng cao sứ mệnh, tầm vóc và năng lực lãnh đạo của Đảng trong giai đoạn mới, bắt đầu từ cơ sở.

1 - Chi bộ - hạt nhân quan trọng trong hệ thống tổ chức của Đảng

1 - Về nhiệm kỳ theo Điều lệ Đảng

Hiện nay, toàn Đảng có trên 48.000 tổ chức cơ sở đảng, hơn 171.000 chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở, với khoảng 2,8 triệu đảng viên; trong đó, khu vực dân cư xã, phường, thị trấn có gần 11.000 tổ chức cơ sở đảng (chiếm 24%), trên 115.000 chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở (67%) và gần 1,8 triệu đảng viên ⁽¹⁾.

Chi bộ là cấp trực tiếp nhất của Đảng thực hiện nhiệm vụ lãnh đạo toàn dân tiến hành sự nghiệp xây dựng đất nước và bảo vệ Tổ quốc. Nhiệm kỳ chi bộ là một năm. Từ thực tế hoạt động, các ý kiến đều cho rằng, quy định về thời gian theo Điều lệ Đảng đang làm nảy sinh những hệ quả khác nhau với không ít mặt bất cập cho các chi bộ ở các địa bàn, lĩnh vực hoạt động không giống nhau. Đối với các chi bộ ở khu vực cơ quan, đơn vị hành chính, sản xuất, ở đô thị, nhiệm kỳ này không gây nhiều vấn đề phức tạp trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị. Nhưng, ở địa phương các chi bộ gặp không ít khó khăn. Nhiệm kỳ của chi bộ không trùng với nhiệm kỳ của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp cơ sở, đang gây những lúng túng về công tác bố trí nhân sự. Hiện nay, nhiệm kỳ của

(1) Số liệu của Ban Tổ chức Trung ương, tại Hội nghị tọa đàm bí thư chi bộ giỏi các tỉnh, thành phố khu vực phía Bắc, tổ chức ngày 28 - 5 - 2005, tại Vinh Phúc

trưởng thôn là hai năm. Để bảo đảm đội ngũ cán bộ của các thành viên hệ thống chính trị và tổ chức đảng ở cơ sở có sự kế thừa, vận hành đồng bộ nhằm một mặt lựa chọn, bố trí được những cá nhân có khả năng về trình độ và phẩm chất, mặt khác bảo đảm sự thống nhất nhiệm kỳ hoạt động của chi bộ và của các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở, thì nên có sự phù hợp về thời gian.

Với vị trí và nhiệm vụ của mình, chi bộ rất gần gũi quần chúng nhân dân, gắn chặt và trực tiếp với mọi sự vận động của địa phương, cơ sở, cơ quan, đơn vị, trong thực hiện đoàn kết trong cộng đồng, và đặc biệt phát huy tác dụng trong việc lãnh đạo nhân dân phát triển kinh tế - xã hội.

Các chi bộ khu vực nông thôn, nhất là vùng sâu, vùng xa, nơi có đông đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống, khó khăn lớn là khả năng cập nhật các thông tin kinh tế, xã hội; các chỉ thị, nghị quyết của Đảng cũng như về nội dung hoạt động. Điều đó hạn chế không nhỏ với việc lãnh đạo nhân dân thực hiện các nhiệm vụ xây dựng kinh tế - xã hội.

Khu vực đô thị, tuy còn gặp khó khăn trong việc tạo nguồn phát triển đảng, nhưng các chi bộ vẫn là hạt nhân quan trọng lãnh đạo quần chúng thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội, nhất là từ khi có Chỉ thị 76 của Bộ Chính trị khóa IX, về việc đảng viên đương chức tham gia sinh hoạt tại nơi cư trú. Vai trò nổi bật của chi bộ là vận động nhân dân xây dựng nếp sống văn hóa, đời sống văn minh, thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, tuân thủ chính sách và pháp luật của Nhà nước. Thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, các khu đô thị sẽ còn tiếp tục được xây dựng, vì thế công tác đảng tại khu đô thị càng cần có sự quan tâm để đạt hiệu quả cao hơn.

2 - Về tính lãnh đạo và chiến đấu của chi bộ

Đồng chí Lê Minh Trang (Bí thư chi bộ 5 B, phường Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội) cho rằng, để bảo đảm tính lãnh đạo và tính chiến đấu, chi bộ nhất thiết phải thực hiện nghiêm chỉnh các yêu cầu về tổ chức, trong đó phải sinh hoạt thường kỳ đều đặn. Qua đó, tổ chức đảng có điều kiện

nắm vững tình hình mọi mặt trên địa bàn, để có quyết sách đúng đắn. Trao đổi về vấn đề này, đồng chí Trần Đình Hoan rất quan tâm tới số đảng viên về sinh hoạt hai chiều tại địa phương theo Chỉ thị 76 của Bộ Chính trị. Ý kiến thống nhất là, tuyệt đại bộ phận tham gia sinh hoạt hai chiều đều thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ với địa phương. Đồng chí Nguyễn Đức Mão (Bí thư chi bộ khu dân cư số 3, phường Lương Khánh Thiện, Ngô Quyền, Hải Phòng) cho rằng, số đông đảng viên thuộc quyền quản lý của chi bộ địa phương không có biểu hiện tham nhũng, nhưng số đảng viên về tham gia sinh hoạt hai chiều có hiện tượng đó hay không thì chi bộ địa phương chưa đủ điều kiện để kết luận. Do đó, cần có quy định cụ thể về mối liên hệ giữa cấp ủy địa phương với cấp ủy nơi đảng viên đương chức công tác. Trả lời câu hỏi của đồng chí Trần Đình Hoan về việc giao cho Ủy ban Mặt trận Tổ quốc phường giám sát số đảng viên sinh hoạt hai chiều, đồng chí Nguyễn Đức Mão và đồng chí Lê Minh Trang đều nhất trí, tuy nhiên cần quy định cụ thể các yêu cầu để chủ trương có tính khả thi.

3 - Về tính giáo dục của chi bộ

Các ý kiến tại 3 cuộc tọa đàm đều cho rằng, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình, chi bộ có vai trò quan trọng trong việc giáo dục đội ngũ đảng viên, nhất là trước những khó khăn, để họ thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị của mình. Đồng chí Võ Văn Tân (xã Tân Lộc, Thốt Nốt, Cần Thơ) khẳng định đảng viên tham gia sinh hoạt chi bộ đầy đủ một mặt giúp chi bộ làm tốt công tác giáo dục, quản lý đảng viên; từ đó đảng viên tự mình nâng cao bản lĩnh chính trị, chủ động đấu tranh chống những quan điểm sai trái; đồng thời tổ chức đảng có điều kiện làm tốt việc phân loại đảng viên, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức đảng ở cơ sở.

Đồng chí Nguyễn Hữu Thành (Bí thư chi bộ ấp 2, xã Thới Lai, huyện Bình Đại, Bến Tre) và đồng chí Dương Thị Ngọc Dung (đại biểu tỉnh An Giang) đề cập vai trò quan trọng của chi bộ trong việc giáo dục nhân dân nắm vững đường lối, chủ trương của Đảng về sự nghiệp của dân tộc, vững vàng trước hoạt động "diễn biến

hòa bình" của các thế lực thù địch, thông qua sự nêu gương có ý nghĩa to lớn của đảng viên.

4 - Về vai trò lãnh đạo của chi bộ thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng

Chi bộ có vai trò tích cực trong phát triển kinh tế - xã hội tại mỗi địa phương. Đồng chí Nguyễn Đình Năng (Bí thư chi bộ tổ dân phố 27, phường Kỳ Bá, thành phố Thái Bình, Thái Bình) trao đổi với hội nghị kinh nghiệm của chi bộ mình trong việc tham gia lãnh đạo phát triển kinh tế - xã hội. Trên cơ sở nắm chắc chủ trương của Đảng về phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm, xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt, chi bộ căn cứ vào đặc điểm tình hình dân cư trên địa bàn, chủ động cùng bà con góp ý kiến xây dựng về mô hình và hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Sau khi có đầy đủ căn cứ, chi bộ chính thức có ý kiến với lãnh đạo chính quyền phường về hoạt động của địa phương. Qua đó, có thể thấy chi bộ đã làm tốt chức năng lãnh đạo của mình với nhiệm vụ chính trị tại địa phương.

Tính lãnh đạo của chi bộ được thể hiện rõ trong báo cáo điển hình của đồng chí Đoàn Ngọc Nhất đến từ Yên Bái và đồng chí Nguyễn Thị Huyền (Bí thư chi bộ thôn Chư Cúc, xã Ea Kmút, huyện Ea Kar, Đắk Lắk). Đồng chí Lưu Quang Trí (Bí thư chi bộ 2, phường 10, thành phố Vũng Tàu, Bà Rịa - Vũng Tàu), nêu kinh nghiệm của chi bộ mình: Các đồng chí đảng viên được phân công nắm các tổ dân phố, các đoàn thể. Mức độ hoàn thành nhiệm vụ của từng đảng viên được đánh giá qua hoạt động của các tổ dân phố và các đoàn thể. Đồng thời chi bộ cũng thường xuyên tiếp thu ý kiến của nhân dân về thái độ của các đảng viên đối với nhiệm vụ, về tư cách chính trị và đạo đức của họ. Tất cả điều này giúp cho việc đánh giá đảng viên khách quan và chính xác, đầy đủ hơn, đồng thời nhiệm vụ chính trị của chi bộ cũng hoàn thành có hiệu quả.

II - Hiệu quả từ cuộc thi bí thư chi bộ giỏi toàn quốc

1 - Nâng cao khả năng hiểu biết và trình độ tổ chức của đội ngũ bí thư chi bộ

Đồng chí Sùng A Khuya (Bí thư đảng bộ xã Làng Mò, huyện Sin Hồ, Lai Châu) bộc bạch: các địa phương rất khó khăn trong tìm cách thực hiện việc sinh hoạt đảng ở cơ sở. Cuộc thi này đã góp phần quan trọng vào việc nâng cao kiến thức và kỹ năng sinh hoạt đảng ở cơ sở, qua đó đẩy mạnh việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị ở địa phương một cách hiệu quả.

Từ các tình huống đặt ra trong cuộc thi, bằng sự liên hệ với thực tiễn công tác của mình, các quy định được khẳng định lại và giúp các bí thư hiểu và nắm vững hơn, từ đó tự tin hơn trong việc nắm bắt các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, chủ động thực hiện công việc.

Cuộc thi cũng là dịp để đội ngũ bí thư và cấp ủy nâng cao tinh thần gương mẫu trong công việc, cuộc sống, gần gũi hơn quần chúng nhân dân. Nếu phát huy được sức mạnh của quần chúng, mọi khó khăn trong công việc đều có hướng giải quyết ổn thỏa. Muốn quy tụ sức mạnh quần chúng, bản thân người bí thư và cấp ủy cũng như mỗi đảng viên phải thực sự là những tấm gương sáng trong công việc và cuộc sống. Vì vậy, mỗi tổ chức đảng cần thấm nhuần đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước, tổ chức thực hiện nghiêm túc Quy chế Dân chủ ở cơ sở; bảo đảm sinh hoạt chi bộ thường xuyên, có nội dung thiết thực gắn với công việc ở địa phương, đơn vị.

2 - Gắn bó chặt chẽ nhân dân với tổ chức đảng, từ đó nâng cao hiệu quả của hệ thống chính trị cơ sở

Thứ nhất, qua cuộc thi, người dân ở cơ sở nhận thức rõ vai trò, trách nhiệm của mình trong việc xây dựng quê hương; và các tổ chức đảng muốn hoàn thành nhiệm vụ của mình không thể không dựa vào sức mạnh của quần chúng nhân dân.

Đồng chí Trần Thị Sơn (thị trấn Buôn Trấp, huyện Krông Ana, Đắk Lắk) cho rằng, với những địa phương có đông đồng bào dân tộc thiểu số, nếu chi bộ không làm tốt công tác dân vận, không dựa chắc vào đội ngũ già làng, trưởng bản thì sẽ không thể thực hiện được vai trò lãnh đạo của mình. Đồng chí Lê Thị Mạc

(thị trấn Đắc Tô, huyện Đắc Tô, Kon Tum) nêu bật nhiệm vụ dân vận của chi bộ ở cơ sở bằng cách giao nhiệm vụ cho từng chi ủy viên chịu trách nhiệm lãnh đạo các đoàn thể, mỗi đảng viên làm tốt chức năng vận động quần chúng, đào tạo các quần chúng ưu tú thành những nhân tố của hoạt động dân vận. Đồng chí Lê Thị Mạc đề nghị các cấp ủy tổ chức bồi dưỡng cho các chi bộ và đảng viên về công tác dân vận.

Thứ hai, nhân dân nhận rõ hơn về con đường của dân tộc, về Đảng. Cuộc thi bí thư chi bộ giỏi không chỉ trực tiếp góp phần nâng cao chất lượng hoạt động của bộ máy đảng ở cơ sở, mà qua đây, quần chúng nhân dân hiểu rõ và quan tâm theo dõi hoạt động của tổ chức cơ sở đảng. Qua cuộc thi, người dân càng hiểu rõ giá trị của độc lập, tự do của đất nước và sự phồn vinh của quê hương. Đảng không ngừng phấn đấu và hy sinh cho mục tiêu ấy. Mỗi chủ trương của Đảng đều nhằm mưu cầu hạnh phúc cho nhân dân.

III - Những vấn đề đặt ra sau cuộc thi

1 - Về yêu cầu đối với chi bộ ở cơ sở

Các bí thư chi bộ cũng như đại biểu các ban, ngành ở trung ương đều cho rằng, giữ vững quy định của Đảng về việc sinh hoạt nền nếp chính là bảo đảm kỷ luật của Đảng, là điều kiện nâng cao trình độ mọi mặt của đảng viên, sức mạnh của tổ chức đảng.

Đồng chí Nguyễn Đức Mão (thành phố Hải Phòng) nhấn mạnh, nhất thiết phải thực hiện sinh hoạt đảng thường kỳ, đó chính là điều kiện bảo đảm giữ vững sức mạnh tổ chức của chi bộ ở cơ sở. Thực hiện sinh hoạt đảng thường kỳ theo Điều lệ Đảng làm cho mỗi đảng viên ý thức rõ về vị trí, vai trò và nhiệm vụ của mình trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị, từ đó sức mạnh của chi bộ được giữ vững và ngày càng phát huy.

Một nội dung hết sức quan trọng được quan tâm là, vai trò của người bí thư chi bộ. Dành phần lớn thời gian phát biểu của mình về vấn đề này, các đồng chí Lưu Phương Hồng (Bến Tre), Mai Công Tài (Thành phố Hồ Chí Minh), Nguyễn Bá Thìn (Vĩnh Long)... đều khẳng định: quần chúng nhân dân nhìn vào người đảng viên

trực tiếp gắn gũi với mình, mà tập trung nhất là đồng chí bí thư, để nhận xét, đánh giá về Đảng. Không thể có lòng tin chắc chắn và sâu sắc vào Đảng, không thể có phong trào mạnh nếu người bí thư chi bộ không gương mẫu trong cuộc sống, không đi đầu thực hiện nghiêm đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

2 - Về trách nhiệm của các ban, ngành đối với hoạt động của chi bộ ở cơ sở

Đại đa số các đồng chí bí thư chi bộ đều nêu thắc mắc về việc các đảng viên đi làm ăn nơi xa gây khó khăn trong việc quản lý đảng viên và sinh hoạt đảng thường kỳ, và kiến nghị nên có hình thức chuyển sinh hoạt đảng tạm thời để bảo đảm quyền lợi chính trị, cũng như khắc phục khó khăn về kinh phí và thời gian cho các đảng viên đi làm nơi xa, đồng thời giúp cho việc quản lý đảng viên thiết thực, hiệu quả hơn. Về vấn đề này, đồng chí Trần Đình Hoan cho rằng, nếu đảng viên tạm trú ở đâu trên một năm thì nên chuyển sinh hoạt đảng về nơi đó. Nếu dưới một năm thì thời gian đó phải có nhận xét của cấp ủy nơi đảng viên tạm trú về hoạt động và tư cách của họ gửi cho chi bộ quản lý chính thức. Trong trường hợp nơi đảng viên đi làm ăn không có tổ chức cơ sở đảng, thì xử lý ra sao? Hướng giải quyết chung là, các đảng viên này tự giác thực hiện quy định ở nơi làm ăn và tự giác quản lý mình, không vi phạm pháp luật...

Đồng chí Nguyễn Bá Thịnh (Bí thư chi bộ thôn Lê Dương, xã Tam Hưng, huyện Thanh Oai, Hà Tây) đặt vấn đề, chi bộ thôn quá đông, tới 85 đồng chí, rất khó khăn cho sinh hoạt thường kỳ nhưng chưa có hướng khắc phục. Theo chúng tôi, cần tổ chức chi bộ theo Điều lệ Đảng (nhiều nhất là 30 đảng viên); có thể tổ chức chi bộ theo cụm dân cư trong thôn.

Về nhiệm kỳ của chi bộ và công tác phát triển Đảng. Đa số các bí thư chi bộ đều kiến nghị rằng, nhiệm kỳ của chi bộ như quy định hiện nay là chưa phù hợp. Tham gia chủ trì cuộc tọa đàm tổ chức tại Vĩnh Phúc, đồng chí Trần Đình Hoan đồng ý với kiến nghị này, và cho rằng hướng sắp tới nhiệm kỳ công tác của chi bộ sẽ là hai năm rưỡi, theo tinh thần Dự thảo sửa đổi, bổ sung Điều lệ Đảng trình Đại hội X của Đảng.

Đồng chí Trương Duy Đồng (Bí thư chi bộ thôn 3, xã Tân Lập, huyện Kon Rẫy, Kon Tum) cho rằng, để giúp đỡ những địa phương khó khăn về nhân sự, cấp trên nên điều một số đảng viên chính thức về sinh hoạt tại địa phương, góp phần gây dựng tổ chức cơ sở đảng tại chỗ vững mạnh, đủ về nhân sự. Về vấn đề phát triển Đảng, đồng chí Sinh Phái Chơ (Hà Giang) và một số đồng chí đại diện cho các địa phương có khó khăn về tạo nguồn phát triển Đảng cho rằng, có thể có quy định riêng về trình độ văn hóa đối với đối tượng cảm tình đảng là người dân tộc thiểu số, ở vùng sâu... tất nhiên tổ chức đảng tại những nơi này cần nhiệt tình, năng động và sáng tạo trong công tác tạo nguồn.

Liên tục cập nhật các vấn đề lý luận và thực tiễn xây dựng Đảng. Tại các cuộc tọa đàm, đại biểu các địa phương đề cập những kiến thức sinh hoạt đảng, về vấn đề tổ chức, thực hiện Điều lệ Đảng... cần được tiếp tục làm rõ hướng dẫn cụ thể hơn. Ý kiến này có thể nhìn nhận dưới hai khía cạnh. Thứ nhất, các bí thư chi bộ chưa cập nhật hết được các văn bản có liên quan đến nội dung xây dựng Đảng. Thứ hai là, các văn bản hướng dẫn chưa thực sự đi vào thực tiễn hoạt động công tác đảng, hoặc thực tế công việc cũng như nhiệm kỳ của chi bộ hiện nay quá ngắn, lại bận rộn, đồng chí bí thư rất khó khăn trong việc hệ thống hóa các hướng dẫn đó.

Để giải quyết vấn đề này, cần khuyến khích, tạo điều kiện cho đội ngũ cấp ủy được thường xuyên học tập, nâng cao hiểu biết, nắm bắt các hướng dẫn mới về xây dựng Đảng. Việc quy hoạch đội ngũ cán bộ lãnh đạo chính quyền và cấp ủy ở cơ sở cần có sự kế thừa một cách hợp lý, bảo đảm tính liên tục trong sự phát triển. Bên cạnh đó, đặt yêu cầu học tập và tự học tập nâng cao trình độ của đội ngũ cán bộ, đảng viên là một chỉ tiêu quan trọng để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ.

Đa dạng hóa việc nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ, đảng viên. Đồng chí Nguyễn Xuân Hào (Bí thư chi bộ xã Pró, huyện Đơn Dương, Lâm Đồng) cho rằng, cán bộ cơ sở cần được đào tạo về pháp luật, nếu không sẽ khó khăn trong việc giải quyết những vấn đề

ở cơ sở. Trao đổi về vấn đề này, đồng chí Hoàng Nguyên Hòa, Phó Vụ trưởng Vụ Tổ chức - Cán bộ, Ban Tổ chức Trung ương cho rằng, với điều kiện hiện nay, chúng ta chưa thể đào tạo một cán bộ xã có đủ kiến thức tổng hợp, mà chỉ đào tạo theo từng chức danh cụ thể. Mặc dù vậy, người đứng đầu là người chịu trách nhiệm cuối cùng và cao nhất, do đó không thể không nắm vững kiến thức để lãnh đạo và quản lý công việc tại một địa phương. Vấn đề cần tiếp tục giải quyết là, làm tốt khâu quy hoạch và đào tạo, để những nhân tố được quy hoạch có đầy đủ điều kiện cũng như thời gian bổ sung những kỹ năng cần thiết cho vị trí quản lý.

3 - Cần tiếp tục tạo ra nhiều hình thức hoạt động để công tác xây dựng Đảng ngày càng thiết thực và hiệu quả

Rõ ràng, cuộc thi này là dịp để Đảng nâng cao trình độ đội ngũ đảng viên ở cơ sở, thắt chặt mối quan hệ giữa Đảng với dân, giữa trung ương với cơ sở. Đại diện đội ngũ bí thư chi bộ giỏi của tỉnh Phú Yên cho rằng, Ban Tổ chức Trung ương nên cử cán bộ theo dõi, rút kinh nghiệm. Nếu nhiệm kỳ chi bộ là 5 năm hai lần thì rất cần duy trì thường xuyên cuộc thi, nhưng hiện nay nhiệm kỳ là 1 năm, còn không ít thay đổi về nhân sự và công tác, do vậy, rất tiếc hiệu quả cuộc thi chưa xứng đáng với sự nỗ lực chung.

Và, càng rõ ràng, cuộc thi là dịp làm cho việc thực hiện công tác xây dựng Đảng ở cơ sở thống nhất hơn, có hiệu quả hơn, góp phần giải quyết khó khăn ở cơ sở. Đồng chí Đinh Văn An (Đà Nẵng), cho rằng, chúng ta nên duy trì thường xuyên hội thi bí thư chi bộ giỏi cũng như báo cáo viên tư tưởng Hồ Chí Minh. Có như vậy, đội ngũ cán bộ, đảng viên càng có điều kiện thẩm thấu quan điểm, đường lối, nâng cao trình độ lãnh đạo của mình. Mặt khác, đợt sinh hoạt này là dịp để các cơ quan tham mưu, các cấp chính quyền được hiểu rõ tâm tư, nguyện vọng, nắm bắt được thực trạng đội ngũ cán bộ cơ sở, từ đó có những bổ sung kịp thời đối với công tác xây dựng Đảng ở cơ sở nói riêng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở đảng nói chung, góp phần gắn kết ý Đảng với nguyện vọng của nhân dân ngay từ cơ sở. □



QUỐC gia nào, thời buổi nào cũng có người hiền tài. Vấn đề quan trọng là ở chỗ có phát hiện ra họ không, có dám dùng và biết dùng họ không. Vì thế, các bậc thánh hiền đã từng dạy:

Không biết người hiền tài là *thảm họa thứ nhất*;

Biết mà không dùng là *thảm họa thứ hai*;

Dùng mà không tin, không giao những chức vụ, những công việc thích hợp để họ có thể phát huy được hết tài năng và đức độ của mình là *thảm họa thứ ba*.

Như vậy, việc nhận biết người hiền tài và sử dụng cho đúng người hiền tài quả là không dễ chút nào, cho nên các bậc thánh hiền lại dạy: muốn chọn và sử dụng đúng hiền tài phải có rất nhiều yếu tố. Song, không thể thiếu được những yếu tố cơ bản sau đây:

Một là, người tiến cử hiền tài phải thật sự hiền tài.

Hai là, việc tiến cử hiền tài phải vì quốc gia, đại sự, phải thật khách quan và công tâm, không được ỷ tư riêng tư.

Ba là, khi đã dùng người hiền tài thì phải tin họ, trọng dụng họ, giao cho họ những chức vụ và công việc tương xứng; tuyệt đối không được nghe theo những lời gièm pha, xúi bẩy, bịa đặt nhằm

gạt bỏ, hãm hại những người hiền tài, trung thực.

Lịch sử loài người, từ cổ chí kim, đều đã có nhiều *gương sáng* về tiến cử và sử dụng hiền tài. Trong sử ta thì có chuyện Tô Hiến Thành tiến cử Trần Trung Tá. Thời Xuân Thu ở Trung Quốc có

*Tiến cử
và
sử dụng
HIỀN TÀI*

TRẦN TUẤN MINH

Kỳ Khê, đại thần của nước Tấn, sẵn sàng tiến cử Giải Hồ tuy có tư thù với mình. Lúc Giải Hồ lâm bệnh nặng rồi chết thì Kỳ Khê tiến cử Kỳ Ngộ...

Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ra đời. Nhà nước non trẻ của chúng ta với muôn vàn khó khăn rất cần những người hiền tài. Nhờ sự tiến cử của một số người tin cậy, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trực tiếp mời hoặc viết thư

mời những trí thức yêu nước như Hồ Đắc Di, Trần Đại Nghĩa, Tôn Thất Tùng, Tạ Quang Bửu, Nguyễn Văn Huyền, Đào Duy Anh... ra giúp dân, giúp nước. Ở đời, "có vua sáng ắt sẽ có tôi hiền", thế là, nhận lời mời của Hồ Chí Minh, nhiều trí thức, nhân sỹ đã từ bỏ cuộc sống giàu sang, theo cách mạng, giúp dân, chấp nhận cuộc sống vật chất đầy khó khăn, thiếu thốn và gian khổ. Những trí thức, nhân sỹ yêu nước mà Người lựa chọn đều có những cống hiến xứng đáng cho dân tộc, cho nhân dân và tên tuổi của họ còn lưu truyền cho các thế hệ mai sau.

Tất cả những chuyện nêu trên toát lên một điều là: Nếu biết nhìn người; thật sự vì quốc gia đại sự, thật sự công tâm và khách quan, không ỷ tư riêng tư thì sẽ tiến cử đúng và sử dụng đúng người hiền tài.

Bên cạnh những gương sáng nêu trên, cũng có khá nhiều những *gương tối* trong việc chọn và dùng người. Dân ta có câu: Đẹp phô ra, xấu xa đậy lại. Vì thế, tôi chỉ xin nêu một trường hợp rất nhỏ: Ông X được cấp trên bổ nhiệm làm thủ trưởng cơ quan Y. Ở đâu cũng vậy, những người cương trực, thẳng thắn không thiếu, song, những kẻ nịnh hót, cơ hội vẫn còn.

(Xem tiếp trang 72)



TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN VÀ HỢP TÁC KINH TẾ - THƯƠNG MẠI VIỆT NAM - TRUNG QUỐC HIỆN NAY

ĐINH CÔNG TUẤN *

TRONG xu thế hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay, Trung Quốc và Việt Nam là những nước có tỷ lệ tăng trưởng kinh tế khá cao. Hơn 26 năm cải cách và mở cửa, tăng trưởng GDP bình quân của Trung Quốc đạt khoảng 9%. Việt Nam cũng đạt gần 7% tăng trưởng GDP bình quân trong gần 20 năm đổi mới. Riêng trong lĩnh vực xuất khẩu, nếu như Trung Quốc xuất khẩu khoảng 600 tỉ USD (chiếm gần 50% GDP), thì xuất khẩu của Việt Nam cũng lên tới 26 tỉ USD (chiếm hơn 50% GDP). Ngoại thương của hai nước đóng vai trò hết sức to lớn trong công cuộc phát triển kinh tế đất nước. Năm 2004, giá trị kim ngạch xuất khẩu giữa hai nước đạt 7,2 tỉ USD ⁽¹⁾. Cơ cấu mặt hàng xuất nhập khẩu giữa hai nước cũng không ngừng phát triển.

1 – Tình hình kinh tế – thương mại của Việt Nam và Trung Quốc gần đây

a – Kinh tế – thương mại của Việt Nam

Năm 1986, Việt Nam tiến hành công cuộc đổi mới nền kinh tế đất nước. Gần 20 năm đổi mới, nền kinh tế Việt Nam luôn đạt mức tăng trưởng cao (gần 7%/năm), được thế giới xếp vào các nước có nền kinh tế năng động nhất. Nếu như năm 2003, GDP tăng trưởng 7,3% thì năm 2004 là 7,7%, đạt 361,4 nghìn tỉ đồng.

Trong đó, khu vực nông, lâm, ngư nghiệp tăng 3,3%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 10,3%; dịch vụ tăng 7,3%. Đây là mức tăng trưởng cao nhất kể từ năm 1998 đến nay. Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng tiến bộ dần ⁽²⁾. Đầu tư trực tiếp nước ngoài tăng trở lại sau một số năm giảm sút, tính chung cả năm thu hút khoảng 4,1 tỉ USD. Kim ngạch xuất khẩu cả năm đạt 26 tỉ USD; kim ngạch nhập khẩu đạt 31,5 tỉ. Như vậy, nhập siêu đạt 5,5 tỉ USD, bằng 21,2% kim ngạch xuất khẩu ⁽³⁾. Tính đến hết tháng 7-2005, kim ngạch xuất khẩu đạt 17,4 tỉ USD, tăng 18,1% so với cùng kỳ năm 2004; kim ngạch nhập khẩu đạt 21,1 tỉ USD, tăng 20,5% so với cùng kỳ ⁽⁴⁾.

Năm 2004, Việt Nam đã thành lập mới hơn 35.000 doanh nghiệp; tạo việc làm cho 1,5 triệu lao động; tỷ lệ hộ nghèo giảm xuống dưới 10%; chỉ số tăng giá tiêu dùng ở mức cho phép 9,5%. Bên cạnh đó, Việt Nam vẫn giữ

* TS, Phó Tổng biên tập Tạp chí Nghiên cứu châu Âu, Viện Nghiên cứu châu Âu

(1) Báo Lao Động, ngày 19-7-2005, tr 3

(2) Báo Nhân Dân cuối tuần, số 1, ngày 2-1-2005

(3) Tạp chí Cộng sản, số 1, tháng 1-2005, tr 9, 10

(4) Tài liệu họp báo, phiên họp Chính phủ thường kỳ, ngày 29-7-2005

vững xã hội ổn định phát triển, đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân được cải thiện, an ninh - quốc phòng được bảo đảm. Hiện nay, Việt Nam đã thiết lập quan hệ ngoại giao với 167 nước, có quan hệ kinh tế thương mại với hơn 160 nước và vùng lãnh thổ, là thành viên của *Hiệp hội các quốc gia Đông - Nam Á* (ASEAN), *Hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương* (APEC), *Diễn đàn hợp tác Á - Âu* (ASEM). Chính phủ Việt Nam khuyến khích và tạo thuận lợi cho đầu tư trực tiếp nước ngoài, từ năm 1988 đến nay, các doanh nghiệp của hơn 69 nước và vùng lãnh thổ đã đầu tư vào Việt Nam gần 25 tỉ USD. Trao đổi thương mại hai chiều giữa Việt Nam và các nước trên thế giới tăng mạnh mẽ trong gần 2 thập kỷ qua. Việt Nam là một trong những nước xuất khẩu lớn nhất thế giới hiện nay về các mặt hàng như gạo, cà phê, cao su, hải sản. Trước mắt, một trong những mục tiêu quan trọng trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam là việc trở thành thành viên của *Tổ chức Thương mại thế giới* (WTO). Hiện, trong tiến trình gia nhập tổ chức này, Việt Nam đã đạt được một số thành quả đáng kể như: thực hiện bước chuyển quan trọng sang đàm phán mở cửa thị trường; cam kết cắt giảm hầu hết các dòng thuế trong biểu thuế 8 số với mức thuế bình quân còn khoảng 18%; giảm áp dụng hạn ngạch thuế quan từ 13 xuống còn 6 nhóm hàng; cam kết mở cửa cho 92 phân ngành dịch vụ, trong đó có những ngành dịch vụ quan trọng như dịch vụ kinh doanh, dịch vụ viễn thông và tài chính... Với những cố gắng vượt bậc này, Việt Nam quyết tâm sớm gia nhập WTO.

Tuy vậy, bên cạnh những thành tựu to lớn và cơ bản đã đạt được, tình hình kinh tế, xã hội nước ta năm 2004 vẫn còn một số yếu kém. Tốc độ tăng trưởng kinh tế chung còn ở mức thấp so với kế hoạch. Chất lượng tăng trưởng, tính bền vững và độ đồng đều chưa cao (điều này được thể hiện trong các ngành sản xuất và dịch vụ). Trong công nghiệp, giá trị sản xuất

tăng 16% nhưng giá trị tăng thêm chỉ tăng 0,7%. Tốc độ tăng trưởng của một số sản phẩm công nghiệp khai thác còn phụ thuộc vào thị trường thế giới. Giá hàng hóa, dịch vụ trong nước tăng cao, ở mức cao nhất trong khu vực.

b - Kinh tế - thương mại của Trung Quốc

Năm 2004, Trung Quốc kỷ niệm 55 năm ngày thành lập Nước cộng hòa nhân dân Trung Hoa (1-10). Năm mươi lăm năm qua, đặc biệt là sau 26 năm cải cách và mở cửa, với sự cố gắng bền bỉ, đất nước này đã giành được những thành tựu to lớn, đặc biệt trong lĩnh vực phát triển kinh tế, được cả thế giới quan tâm, theo dõi. Có thể khái quát bằng những thành tựu sau đây ⁽⁵⁾:

Thứ nhất, Trung Quốc đã xây dựng cơ bản chế độ công hữu làm chủ thể, phát triển các loại hình kinh tế có chế độ sở hữu khác nhau, cụ thể là:

- Kinh tế quốc hữu đã phát triển mạnh hơn trong quá trình cải cách và điều chỉnh, luôn chiếm vị trí chi phối trong các ngành quan trọng. Những lĩnh vực then chốt liên quan đến huyết mạch và sự an ninh của nền kinh tế quốc dân bao gồm dầu mỏ, hóa dầu, luyện kim, điện lực, đường sắt, hàng hóa, hàng không vũ trụ.

- Kinh tế tập thể có bước phát triển mới trong cải cách và tái cơ cấu. Các thành phần kinh tế phi công hữu như kinh tế cá thể, tư nhân, có vốn đầu tư nước ngoài phát triển mạnh mẽ, trở thành lực lượng quan trọng thúc đẩy nền kinh tế quốc dân tăng trưởng nhanh chóng. Tỷ lệ đóng góp của kinh tế cá thể và tư nhân vào GDP tăng từ 1% lên 20%.

- Cải cách về chế độ phân phối thu nhập không ngừng đi vào chiều sâu, tuân theo nguyên tắc "*ưu tiên hiệu suất*", "*tính đến công bằng*", với việc lấy chế độ hưởng theo lao động làm chủ thể, nhiều phương thức phân phối khác cũng tồn tại.

(5) Xem: *Tạp chí Cộng sản*, số 18, tháng 9-2004, tr 72

- Thể chế kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa được thiết lập bước đầu.

- Cục diện mở cửa đối ngoại đa phương hóa, đa tầng nấc trên nhiều lĩnh vực rộng rãi đã cơ bản được hình thành.

Thứ hai, mức sống của người dân về tổng thể đạt mức khá giả.

Thứ ba, công cuộc xây dựng nền chính trị dân chủ, văn minh, tinh thần xã hội chủ nghĩa phát triển mạnh mẽ.

Năm 2004, tăng trưởng GDP của Trung Quốc đạt khoảng 9,5% ⁽⁶⁾. Theo Tổng cục Hải quan Trung Quốc, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu cả năm 2004 khoảng 1.100 tỉ USD, đứng thứ ba trên thế giới ⁽⁷⁾, riêng xuất khẩu khoảng 600 tỉ USD. Dự trữ ngoại tệ khoảng 608 tỉ USD, đầu tư trực tiếp nước ngoài đạt khoảng 60 tỉ USD. Sau 15 năm đàm phán (từ năm 1986 đến tháng 11-2001), Trung Quốc đã trở thành thành viên chính thức của WTO. Đây là kết quả thắng lợi của một quá trình bền bỉ đàm phán, đánh dấu mốc son quan trọng trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế của nước này. Để có được thành quả trên, Trung Quốc đã áp dụng hai biện pháp chính sau ⁽⁸⁾:

Một là, đẩy mạnh cải cách kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa; mặt khác, cải cách quản lý ngoại thương, hủy bỏ trợ cấp xuất khẩu, thực hiện tự chịu lỗ lãi. Từ năm 1994, hủy bỏ kế hoạch có tính mệnh lệnh đối với tổng mức nhập khẩu, thu ngoại hối xuất khẩu và dùng ngoại hối để nhập khẩu, thực hiện từng bước điều chỉnh tỷ giá ngoại hối cho sát với thực tế. Năm 1996, thực hiện chính sách chuyển đổi đồng nhân dân tệ trong các hạng mục thông thường.

Hai là, từng bước mở cửa thị trường một cách công bằng. Để đạt được tiêu chuẩn gia nhập WTO, từ năm 1992 đến năm 1997, Trung Quốc đã 5 lần hạ thấp tỷ lệ thuế quan. Ngày 11-12-2004 đánh dấu giai đoạn phát triển mới của tiến trình mở cửa thị trường Trung

Quốc sau khi nước này kết thúc giai đoạn quá độ 3 năm gia nhập WTO. Đã đến lúc Trung Quốc chấm dứt bảo hộ tại hầu hết các ngành nghề của mình. Theo cam kết khi gia nhập WTO, Trung Quốc sẽ phải giảm thuế quan xuống còn 10,1% vào năm 2005 và xuống mức dưới 10% vào năm 2008. Như vậy thị trường hoàn toàn mở cửa, đặc biệt là ngành dịch vụ.

2 – Hợp tác kinh tế – thương mại Việt Nam – Trung Quốc

Kể từ khi quan hệ Trung - Việt được bình thường hóa, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản hai nước, các quan hệ hợp tác trên mọi lĩnh vực đã đạt được những bước tiến vượt bậc ⁽⁹⁾.

Về *chính trị*, trong những năm gần đây, hai Đảng, hai Nhà nước liên tục có những cuộc thăm lẫn nhau ở cấp cao nhất. Năm 2001, trong chuyến thăm Việt Nam của Tổng Bí thư Hồ Cẩm Đào (lúc đó là Phó Chủ tịch nước), hai Đảng, hai Nhà nước Việt Nam - Trung Quốc đã tái khẳng định khuôn khổ phát triển hợp tác trong thế kỷ mới với phương châm 16 chữ: *"Láng giềng hữu nghị, hợp tác toàn diện, ổn định lâu dài, hướng tới tương lai"*. Hai Đảng đã nhiều lần tổ chức hội thảo khoa học về kinh nghiệm xây dựng nền kinh tế thị trường ở mỗi nước; con đường xây dựng và đi lên chủ nghĩa xã hội; vấn đề dân chủ hóa cơ sở. Với sự cố gắng của cả hai bên, hai nước đã ký kết Hiệp ước về biên giới trên đất liền (30-12-1999), thư phê chuẩn Hiệp định phân định vịnh Bắc bộ, Hiệp định hợp tác nghề cá ở vịnh Bắc bộ (30-06-2004) ⁽¹⁰⁾. Đặc biệt, để đẩy mạnh hơn nữa quan hệ hợp tác song phương, gần đây,

(6) Báo Nhân Dân, ngày 29-3-2005, tr 1

(7) Tin Kinh tế, ngày 19-11-2004, tr 10

(8) Xem: Nguyễn Văn Vĩnh: "Từ quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Trung Quốc", *Tạp chí Cộng sản*, số 1, tháng 1-2005, tr 68

(9) Xem: Tề Kiến Quốc: "Xây dựng toàn diện xã hội khá giả, thúc đẩy quan hệ Việt - Trung", *Tạp chí Cộng sản*, số 18, tháng 9-2004, tr 74

phía Việt Nam, Chủ tịch nước Trần Đức Lương đã có chuyến thăm chính thức Trung Quốc từ ngày 18 đến ngày 22-7-2005. Chủ tịch đã hội đàm với Chủ tịch nước Hồ Cẩm Đào, hội kiến với quan chức cấp cao Trung Quốc. Trong chuyến thăm này, hai nước đã ký Thông cáo chung, nâng quan hệ hai nước lên một tầm cao mới. Bản Thông cáo chung nhấn mạnh: Tình hữu nghị Việt Trung là tài sản quý báu, cần được hết sức quý trọng. Trong quan hệ thương mại song phương, hai bên phải thu hẹp dần sự mất cân đối trong buôn bán hai chiều; phối hợp nghiên cứu và thực thi về hai hành lang kinh tế và vành đai kinh tế vịnh Bắc bộ. Tiến hành phân giới cắm mốc trên đất liền, chậm nhất vào năm 2008. Hai bên đồng ý tuân thủ tôn chỉ, nguyên tắc của "Tuyên bố về cách ứng xử của các bên ở biển Đông (DOC) cùng nhau giữ gìn ổn định tình hình trên biển Đông" ⁽¹¹⁾.

Về kinh tế, những năm qua quan hệ kinh tế Việt Nam - Trung Quốc đã phát triển mạnh mẽ cả về chiều rộng lẫn chiều sâu.

Trong lĩnh vực thương mại, kể từ đầu thập kỷ 90 của thế kỷ trước, kim ngạch buôn bán giữa hai nước đã tăng lên đáng kể. Tính từ năm 1991 đến năm 2003, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa hai bên từ 32,23 triệu USD tăng lên tới 4,63 tỉ USD, tăng hơn 144 lần. Riêng năm 2004, con số này tăng lên là 7,2 tỉ USD, tăng 190 lần trong vòng 13 năm ⁽¹²⁾.

Theo thống kê, xuất khẩu của Việt Nam sang Trung Quốc khoảng 2,5 - 2,7 tỉ USD năm 2004, đưa Trung Quốc lên bạn hàng thứ ba, sau Mỹ (khoảng 6 tỉ USD) và EU (khoảng 4,5 tỉ USD). Còn xuất khẩu của Trung Quốc sang Việt Nam năm 2004 đạt từ 4,5 - 5 tỉ USD. Như vậy, mặc dù phát triển với tốc độ rất nhanh, nhưng cán cân thương mại Việt - Trung còn quá chênh lệch. Hằng năm, Việt Nam phải nhập siêu từ Trung Quốc khoảng 2 - 2,5 tỉ USD. Bởi vậy, mục tiêu của Việt Nam là thu hẹp đáng kể cán cân thương mại trong vài năm tới.

Điều này là không dễ dàng, do một số mặt hàng của Trung Quốc có tính cạnh tranh hơn hàng Việt Nam tại một số địa bàn. Trong số đó, nổi bật là hàng dệt may và giày dép. Đây là hai mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Trung Quốc, có nhiều lợi thế cạnh tranh hơn chúng ta. Trong chuyến thăm Trung Quốc vừa qua, Chủ tịch nước Trần Đức Lương đã đánh giá cao sự tăng trưởng đột biến của kim ngạch mậu dịch song phương, với đà tăng trưởng cỡ 40% - 50% một năm, mở ra khả năng đạt được mục tiêu 10 tỉ USD đã đề ra (năm 2010) trước kỳ hạn 3 năm (năm 2007). Hai bên cũng đã đề ra mục tiêu mới cho kim ngạch song phương vào năm 2010 đạt 15 tỉ USD, đồng thời khẳng định tầm quan trọng của việc xây dựng khu mậu dịch tự do ASEAN - Trung Quốc. Việt Nam sẵn sàng tham gia Hội chợ Trung Quốc - ASEAN tổ chức hằng năm tại Nam Ninh; phối hợp với Trung Quốc trong các diễn đàn hợp tác đa phương như APEC, các nước tiểu vùng sông Mê Công (GMS)...

Trong lĩnh vực đầu tư, năm 2004, đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam tăng trở lại (4,2 tỉ USD) sau nhiều năm tăng chậm, trong đó có 2,3 tỉ USD là vốn đăng ký mới và 1,8 tỉ USD là vốn đăng ký bổ sung, đạt mức cao nhất trong 5 năm gần đây. Các quốc gia và vùng lãnh thổ có nhiều vốn đầu tư vào Việt Nam bao gồm Đài Loan, Hàn Quốc, Nhật Bản, Ca-na-đa, Xin-ga-po, Trung Quốc, Hồng Kông ⁽¹³⁾. Như vậy, từ vị trí đứng thứ 22 trong số hơn 69 nước và vùng lãnh thổ có đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam, đến năm 2004, Trung Quốc đã trở thành nước có vị trí đứng hàng thứ 14. Cùng với sự phát triển nhanh chóng về kinh tế, ổn định về chính trị của hai nước, đầu tư trực tiếp

(10), (11) Xem: Tề Kiến Quốc: *Tài liệu đã dẫn*, tr 75

(12) Báo Nhân Dân, ngày 22-7-2005, tr 1

(13) Nguyễn Sinh Cúc: "Tổng quan kinh tế Việt Nam năm 2004 và dự báo năm 2005", *Tap chí Cộng sản*, số 1, tháng 1-2005, tr 9

của Trung Quốc vào Việt Nam đã tăng lên đáng kể, cả về số lượng hạng mục và kim ngạch đầu tư. Về hạng mục, đầu tư trực tiếp nước ngoài của Trung Quốc vào Việt Nam từ năm 1991 đến năm 2003 đã tăng từ 1 hạng mục (1991) lên đến 249 hạng mục (2003) và 330 hạng mục tính đến tháng 6-2005. Địa bàn đầu tư của Trung Quốc vào Việt Nam trải dài từ Bắc vào Nam, ở hầu hết 42 tỉnh, thành cả nước như: Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh, Bắc Giang, thành phố Hồ Chí Minh... Nhân chuyến thăm Trung Quốc của Chủ tịch nước Trần Đức Lương vừa qua, hơn 200 doanh nghiệp Việt Nam, chủ yếu là các tổng công ty đã ký kết hợp tác đầu tư với các doanh nghiệp Trung Quốc với số vốn lên đến 1,9 tỉ USD, tập trung vào một số ngành như: công nghiệp (đóng tàu, nhiệt điện, nhà máy thép...), chế biến nông sản, du lịch... Đáng chú ý nhất là hợp đồng hợp tác đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất phôi thép tại Việt Nam có trị giá lên tới 500 triệu USD. Ngoài ra còn một số hợp đồng lớn như: dự án xây dựng nhà máy nhiệt điện Cẩm Phả trị giá 280 triệu USD; dự án xây dựng nhà máy nhiệt điện chạy than 200MW tại Bắc Giang, trị giá 173 triệu USD; dự án đầu tư mở rộng nhà máy kính Cẩm Phả, trị giá 12 triệu USD; hợp đồng xuất khẩu sản lát cho Trung Quốc trị giá 12 triệu USD; hợp đồng hợp tác về lĩnh vực điện tử, điện lạnh...

Kể từ khi bình thường hóa quan hệ giữa hai nước (10-11-1991) đến nay, quan hệ hợp tác thương mại, đầu tư giữa hai nước đã phát triển rất nhanh. Điều đó đã đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu phát triển kinh tế cũng như tiêu dùng của người dân hai nước, phù hợp với xu thế khu vực hóa, toàn cầu hóa, hội nhập kinh tế quốc tế. Tuy vậy, sự phát triển đó còn chưa thật tương xứng với tiềm năng của hai nước. Bên cạnh những thành tựu, lĩnh vực đầu tư của Trung Quốc vào Việt Nam vẫn còn bộc lộ một số hạn chế như vốn thực hiện mới chỉ chiếm 26% tổng số vốn đầu tư, quy mô dự án còn

chưa lớn, có khoảng 18% số dự án bị giải thể. Về lĩnh vực thương mại, hai nước đã có tăng trưởng đột phá về kim ngạch mậu dịch song phương (năm 2004 thương mại hai chiều đạt 7,2 tỉ USD, dự kiến năm 2007 đạt 10 tỉ USD và năm 2010 ước đạt 15 tỉ USD). Song mức nhập siêu của Việt Nam ngày càng lớn, xét về lâu dài không có lợi cho việc tăng trưởng ổn định của kim ngạch song phương. Do đó, để tạo động lực mới, hai bên phải thực hiện các giải pháp mạnh mẽ nhằm giảm dần mức nhập siêu của Việt Nam. Thông cáo chung Việt Nam - Trung Quốc đã nhận định: *"Hai bên hài lòng trước những thành quả rõ rệt đạt được trong quan hệ thương mại giữa hai nước trên tinh thần tích cực, thiết thực, hai bên nhất trí không ngừng mở rộng quy mô thương mại, thu hẹp dần sự mất cân đối trong thương mại song phương, đẩy nhanh việc thực hiện các dự án hợp tác đã xác định; tích cực khuyến khích và ủng hộ doanh nghiệp hai bên triển khai hợp tác lâu dài trong các dự án cơ sở hạ tầng và công nghiệp quan trọng, không ngừng nâng cao trình độ và chất lượng hợp tác; kịp thời giải quyết các trở ngại và vấn đề nảy sinh trong hợp tác kinh tế thương mại, tạo thêm thuận lợi để doanh nghiệp hai bên triển khai hợp tác"* (14).

Trong cuộc cạnh tranh gay gắt trên thị trường thế giới hiện nay, với bối cảnh hình thành khu mậu dịch tự do ASEAN - Trung Quốc trong tương lai, việc Trung Quốc đã gia nhập WTO và Việt Nam phấn đấu sớm gia nhập tổ chức này, tất cả đều đòi hỏi hai nước phải nỗ lực hơn nữa trên mọi lĩnh vực, đặc biệt là nâng cao sức cạnh tranh hàng hóa; xây dựng chiến lược xuất khẩu hàng hóa đúng đắn, có thương hiệu rõ ràng; không ngừng hòa nhập với nền kinh tế thế giới; phát huy mạnh mẽ nội lực, thu được những lợi ích, hiệu quả to lớn, phục vụ mạnh mẽ cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. □

(14) Báo Nhân Dân, ngày 22-7-2005, tr 1

ĐẤU TRANH CHỐNG MA-PHI-A VÀ TỘI PHẠM CÓ TỔ CHỨC TRÊN THẾ GIỚI

NGUYỄN XUÂN YÊM*

MA-PHI-A và tội phạm có tổ chức như một hiện tượng xã hội mang tính toàn cầu đã xuất hiện ở nhiều nước trên thế giới vào giữa những năm 60 và đầu những năm 70 của thế kỷ XX dưới dạng một liên minh hình thành giữa những băng, nhóm, tổ chức tội phạm trong lĩnh vực kinh tế - xã hội. Quan hệ ma-phi-a - nhà nước đã trở thành một hiện tượng xã hội - chính trị ở nhiều nước hiện nay. Tại đó, cùng những nhà chính trị, nhiều kẻ đứng đầu giới tội phạm có tổ chức nghiêm nhiên tham gia việc quyết định các vấn đề kinh tế và chính trị của quốc gia hoặc trên lãnh thổ địa phương. Đến nay, ở nhiều nước phát triển và đang phát triển, ma-phi-a đã độc quyền kiểm soát khá nhiều hoạt động kinh doanh hợp pháp mang lại siêu lợi nhuận và bắt đầu tham gia kiểm soát cả những vấn đề chính trị, an ninh, quốc phòng của quốc gia.

Tội phạm có tổ chức ở nhiều nước đã thâm nhập vào tất cả các cơ cấu đại diện hành pháp và bảo vệ luật pháp của chính quyền, đã tích lũy đủ vốn, tổ chức và trang bị vũ khí cho hàng nghìn người, có cơ sở vững chắc dưới dạng các tổ chức kinh doanh mang các hình thức tổ chức - pháp lý và thích nghi nhanh chóng với những thay đổi mới trong lĩnh vực đời sống kinh tế - xã hội. Điều đó có nghĩa là trong xu thế toàn cầu hóa hiện nay, tội phạm có tổ chức sẽ còn phát triển, tính tổ chức của nó sẽ còn cao hơn, các hình thức mới của nó sẽ đa dạng hơn... Nói cách khác, ma-phi-a và tội phạm có tổ chức sẽ còn là một vấn đề toàn cầu tiếp tục đe dọa an ninh thế giới trong thế kỷ XXI.

Thế giới đã và đang phải tập trung đấu tranh với rất nhiều loại tội phạm nguy hiểm có tổ chức và quy mô toàn cầu. Có thể kể ra một số hoạt động tội phạm sau đây:

Rửa tiền: Đây là hoạt động tội phạm nhằm biến những đồng tiền thu được một cách bất hợp pháp trở thành hợp pháp. Nguồn gốc của số tiền bất hợp pháp đó là từ nhận hối lộ, tham nhũng, hoạt động chợ đen, vi phạm luật thuế, đặc biệt là từ buôn lậu vũ khí, tiêu thụ các ấn phẩm, tác phẩm nghệ thuật trộm cắp và các chất ma túy. Các nhà tội phạm học trên thế giới đã xác định được rằng, hằng năm trên các thị trường thế giới số tiền được tẩy rửa lên tới con số khoảng 300 - 500 tỉ USD, gần 70% số tiền đó được bọn tội phạm tẩy rửa tại châu Âu và châu Mỹ.

Buôn bán vũ khí bất hợp pháp: Có thể nói các cuộc xung đột vũ trang ở các "điểm nóng" trên trái đất đều liên quan tới mạng lưới quốc tế về sản xuất và cung cấp vũ khí. Mạng lưới này còn là một nguồn cung cấp vũ khí quan trọng cho các tổ chức khủng bố trên thế giới. Trong Ngân hàng tội phạm của Tổ chức cảnh sát hình sự quốc tế (INTERPOL) có nhiều thông tin về các loại vũ khí mới trên thế giới, về các tổ chức buôn lậu vũ khí lớn ở châu Âu và thế giới.

Buôn bán bất hợp pháp các chất ma túy: Doanh thu của việc buôn bán ma túy trên toàn cầu hằng năm cũng đạt khoảng từ 300 đến 500 tỉ USD. Các tài liệu điều tra cho thấy, phần lớn ma túy tổng hợp ATS được sản xuất tại Hà Lan và nhiều nước khác thuộc EU, sau đó chúng được chuyển ra các nước trên khắp thế giới.

Buôn bán người và các cơ quan nội tạng người: Hình thức của tội phạm buôn bán người rất đa dạng, bao gồm các hoạt động như chuyên chở

* GS, TS Bộ Công an

những người nhập cư bất hợp pháp, buôn bán phụ nữ phục vụ mại dâm, chuyên chở lao động làm thuê, bán trẻ em cho người nước ngoài nhận làm con nuôi một cách bất hợp pháp với những khoản tiền lớn... Đa số những người di cư bất hợp pháp phải chịu sự kiểm soát của tội phạm có tổ chức. Những người đến được các nước phát triển thường không có việc làm và phải gia nhập vào đội quân bị bỏ rơi - đội quân bị bóc lột và tham gia các vụ tội phạm và lộn xộn.

Hoạt động kinh doanh ngầm, cung cấp các cơ quan nội tạng người để cấy ghép, mang lại cho bọn tội phạm rất nhiều tiền, đã được chuyển hướng đến các nước thế giới thứ ba. Bọn tội phạm thường giết người để lấy các cơ quan nội tạng hoặc chọn nạn nhân là những đứa trẻ nhà nghèo đã bị bố mẹ mang bán với giá rất rẻ mạt. Việc cung cấp bất hợp pháp các cơ quan nội tạng người, chịu sự kiểm soát của tội phạm có tổ chức, hoạt động từ các nước phát triển.

Trộm cắp các tác phẩm nghệ thuật và các vật phẩm văn hóa: Những tội phạm này đã và đang đe dọa di sản văn hóa của tất cả các dân tộc trên thế giới. Có đủ số liệu cho thấy, trị giá các tác phẩm nghệ thuật bị đánh cắp được bán trên thị trường thế giới và châu Âu hằng năm lên tới 4,5 tỉ USD. Theo một công bố của INTERPOL, đầu năm 2005, cảnh sát các nước châu Âu đang phải truy tìm khoảng 45.000 tác phẩm nghệ thuật đã bị bọn tội phạm đánh cắp.

Tội phạm máy tính: In-tơ-net đã trở thành một phương tiện của tội phạm có tổ chức mà bọn chúng đang tích cực lợi dụng. Tổn thất do tội phạm máy tính gây ra cho nền kinh tế của các nước hằng năm lên tới 8.000 tỉ USD.

Tham gia kinh doanh bất hợp pháp: Theo những tài liệu của INTERPOL, chỉ riêng bọn tội phạm ma túy quốc tế đã đầu tư vào thị trường EU từ 200 đến 500 tỉ USD. Kinh doanh bất hợp pháp tăng tỷ lệ thuận với tỷ lệ tăng của kinh doanh hợp pháp. Với quy mô như vậy, về mặt lý thuyết, người ta đã đưa ra dự báo rằng sẽ đến lúc nền kinh tế thế giới và kinh tế nhiều châu lục có khả năng bị rơi vào vòng kiểm soát của tội phạm có tổ chức.

Gian lận về bảo hiểm: Ngành công nghiệp bảo hiểm đã trở thành ngành có tính quốc tế và là một ngành kinh tế quan trọng của thế giới, do đó sự gian lận ở bất kỳ nước nào giờ đây cũng liên quan tới tất cả các nước thành viên. Tội phạm có

tổ chức có xu hướng tham gia gian lận bảo hiểm bằng cách liên kết với các nhà kinh doanh trong các ngành riêng biệt hoặc thâm nhập vào chính ngành bảo hiểm.

Phá sản giả tạo: Sự quốc tế hóa thương mại đã chuyển các vụ phá sản giả tạo từ tính chất cục bộ thành tính chất quốc tế. Quy mô của hiện tượng này là rất lớn. Các phân tích có lựa chọn cho thấy, sau khi mua xí nghiệp, ma-phi-a đưa tin nó phá sản mặc dù thực tế, thu nhập của nó rất cao.

Tham nhũng và mua chuộc các nhà hoạt động xã hội và chính trị: Hiện nay ở một số nước việc mua chuộc các quan chức không bị trừng phạt, mặc dù mọi hình thức hối lộ đều được đưa vào các bộ luật hình sự. Ngay trang dưới tiền "hoa hồng", tiền trả cho việc "giúp đỡ", dịch vụ môi giới và pháp luật, các khoản hối lộ trên toàn thế giới đã trở thành khoản chi bắt buộc để thúc đẩy công việc. Vấn đề tham nhũng hiện đã trở thành một vấn đề toàn cầu.

Tội phạm môi trường sinh thái: Nạn nhân của các tội phạm môi trường sinh thái là cư dân toàn thế giới nói chung và người dân từng nước nói riêng. Nhiều xí nghiệp, nhà máy đã bỏ qua các quy định về môi trường sinh thái và câu kết với những người tổ chức kiểm soát sản xuất. Điều này đặc biệt rõ khi các nhà sản xuất châu Âu, châu Mỹ bắt đầu chuyển sản xuất đến các nước đang phát triển.

Khủng bố: Chính phủ của các nước trong một thời gian dài đã hy vọng vấn đề khủng bố có thể được giải quyết bằng cách hội đàm và thỏa thuận với bọn khủng bố. Tuy nhiên, sau hàng loạt các vụ khủng bố đẫm máu tại Mỹ, Nga, Tây Ban Nha, Anh và ở nhiều nước khác thì UNODC (Cơ quan chống ma túy và tội phạm của Liên hợp quốc) và INTERPOL quyết định phải sử dụng "bàn tay cứng rắn" để chống khủng bố. Sau "sự kiện ngày 11-9-2001" ở Mỹ, đấu tranh chống khủng bố trở thành nhiệm vụ quan trọng nhất của cảnh sát các nước trên thế giới.

Cướp máy bay: Ngành hàng không đã phải chịu nạn cướp máy bay từ những năm 70 và 80 của thế kỷ trước cho đến nay. Đa số các trường hợp cướp máy bay là bọn tội phạm khủng bố. Bọn chúng muốn biểu dương lực lượng và tuyên truyền lý tưởng "khủng bố" của mình.

Cướp biển: Loại tội phạm nguy hiểm đe dọa nền an ninh hàng hải của các nước, thường xảy ra trên một phạm vi rất rộng, đe dọa các công ty hàng hải hoạt động tại các vùng xa, như châu Phi, Đông - Nam Á và Mỹ La-tinh.

Cướp hàng vận tải đường bộ: Nền kinh tế thế giới đang thay đổi và hình thành một số không gian kinh tế thống nhất. Các chuyến vận chuyển hàng hóa đường dài bằng ô tô tải từ Đông Âu đến Tây Âu hoặc từ các nước Trung Á đến các nước EU được tiến hành thường xuyên đã trở thành đối tượng tấn công của loại tội phạm cướp hàng vận tải đường bộ.

Trên đây chỉ là một số chứ chưa phải tất cả các loại tội phạm có tổ chức mà thế giới đang phải nỗ lực đấu tranh ngăn chặn sự gia tăng của chúng. Để thúc đẩy mạnh mẽ cuộc đấu tranh này, Liên hợp quốc đã và đang chỉ đạo nhiều chương trình toàn cầu đấu tranh chống ma-phi-a và tội phạm có tổ chức, như *Chương trình kiểm soát ma túy quốc tế*, *Chương trình toàn cầu chống rửa tiền*, *Chương trình trợ giúp pháp luật*, *Chương trình chống khủng bố*, v.v.. Liên hợp quốc đã ban hành 3 Công ước về kiểm soát ma túy năm 1961, 1971 và 1988.

Năm 2000, Liên hợp quốc đã thông qua Công ước Liên hợp quốc về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia và thành lập Trung tâm phòng chống tội phạm quốc tế (CICP). *Chương trình toàn cầu chống tham nhũng* đã được thành lập và Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng cũng đã được soạn thảo. Tuy nhiên, Chương trình toàn cầu chống tham nhũng nhìn chung chỉ được thực hiện ở các nước đang phát triển.

Hoạt động buôn bán người phục vụ mục đích mại dâm và bóc lột sức lao động cũng là một trong những vấn đề toàn cầu và có xu hướng gia tăng trên toàn thế giới trong những năm gần đây. Để đối phó với hiểm họa này, *Chương trình toàn cầu chống buôn bán người* của Liên hợp quốc đã được đề ra.

Trước nguy cơ khủng bố toàn cầu, Liên hợp quốc đã thành lập Ủy ban phòng chống tội phạm khủng bố. Ủy ban này tăng cường các hoạt động hợp tác quốc tế, kêu gọi sự hưởng ứng của các chính phủ nhằm phòng chống tội phạm khủng bố.

Tháng 12 - 2000, hưởng ứng lời kêu gọi của Liên hợp quốc, 122 nước đã ký cam kết tham gia Công ước chống tội phạm có tổ chức xuyên

quốc gia, nhằm mục đích ngăn chặn tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia.

Cùng với cộng đồng thế giới, các nước ASEAN cũng rất quan tâm tới hợp tác đấu tranh chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia. Ngay từ những năm 60 của thế kỷ XX, khi mới thành lập, các nước ASEAN đã quan tâm đến việc phối hợp để ra các biện pháp nhằm hạn chế và phần đấu loại trừ tình trạng tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia ra khỏi đời sống xã hội. Trong tuyên bố ASEAN ngày 24-2-1976 các nhà lãnh đạo ASEAN đã nhất trí "tăng cường hợp tác giữa các nước thành viên với các tổ chức quốc tế liên quan nhằm tăng cường phòng ngừa và loại trừ tệ lạm dụng các chất ma túy và buôn lậu ma túy". Tại cuộc gặp gỡ cấp cao lần thứ 5 ASEAN (tháng 3-1995), các nhà lãnh đạo ASEAN lại một lần nữa ra lời kêu gọi các nước trong khu vực "đẩy mạnh hơn nữa sự hợp tác chống lạm dụng và buôn bán ma túy trái phép".

Trước tình hình tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia tiếp tục phát triển vượt ra khỏi biên giới mỗi nước, tại cuộc gặp gỡ không chính thức lần thứ nhất (tháng 11-1996), các nhà lãnh đạo ASEAN đã đề nghị các cơ quan chức năng của ASEAN tiến hành nghiên cứu khả năng hợp tác khu vực về vấn đề phòng chống tội phạm, trong đó có vấn đề dẫn độ tội phạm. Tại cuộc gặp gỡ không chính thức lần thứ 2 (năm 2000) tại Cu-a-la Lăm-pơ, các nhà lãnh đạo ASEAN đã thống nhất để ra một số biện pháp cụ thể nhằm trấn áp tội phạm xuyên quốc gia, như các tội buôn lậu ma túy, buôn bán phụ nữ và trẻ em, và các loại tội phạm nguy hiểm khác. Tại Hội nghị cấp Bộ trưởng Ngoại giao ASEAN lần thứ 29 (năm 1996) lần thứ 30 (năm 1997), Hội nghị các Bộ trưởng Ngoại giao năm 2002 đã khẳng định sự cần thiết "duy trì ở mức độ cao hơn khả năng hợp tác trong các vấn đề quốc tế mà các bên quan tâm, trong đó có đấu tranh chống tội phạm khủng bố, buôn lậu người, ma túy, vũ khí, cướp biển và buôn lậu hàng điện tử".

Một số cơ quan của ASEAN đã được thành lập nhằm hoạch định các chính sách và phối hợp hành động chống lại các loại tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia: *Hiệp hội cảnh sát các nước ASEAN (ASEANAPOL)* là diễn đàn của Tư lệnh trưởng cảnh sát quốc gia các nước ASEAN được thành lập năm 1981, hoạt động theo phương hướng tăng cường hợp tác quốc tế của các

lực lượng cảnh sát đấu tranh chống các loại tội phạm xuyên quốc gia. ASEANAPOL đã thành lập ba tiểu ban: Tiểu ban về các tội buôn lậu ma túy, vũ khí; Tiểu ban về tội phạm làm tiền giả và ngoại tệ giả, các tội phạm kinh tế, tài chính và làm giả thẻ tín dụng, làm giả hộ chiếu và giấy thông hành giả, cướp biển và lừa đảo thương mại; Tiểu ban về dẫn độ tội phạm và trao trả các tên tội phạm hình sự đang lẩn trốn. ASEANAPOL đã thành lập Ngân hàng dữ liệu về tội phạm quốc tế.

ASOD - Hội nghị các quan chức cao cấp ASEAN về các vấn đề ma túy, được thành lập năm 1984 nhằm tăng cường hợp tác khu vực chống lại nguy cơ ngày một gia tăng của tệ lạm dụng ma túy và buôn lậu ma túy, một trong các hiểm họa của cả cộng đồng quốc tế và khu vực ASEAN.

AFMM - Hội nghị các Bộ trưởng Tài chính ASEAN, được thành lập năm 1997 nhằm thúc đẩy hoạt động hành pháp và phòng ngừa buôn lậu nói chung và buôn lậu ma túy nói riêng.

Tuyên bố ASEAN - Ma-ni-la (năm 1997) về tội phạm xuyên quốc gia gồm 11 điểm đã khẳng định

quyết tâm hợp tác của ASEAN ở mức độ khu vực và toàn cầu chống tội phạm xuyên quốc gia.

Ở Việt Nam, trong những năm gần đây tình hình tội phạm có tổ chức đã phát triển và diễn biến phức tạp. Đấu tranh chống tội phạm có tổ chức đã và đang là một nhiệm vụ quan trọng trong thực hiện Nghị quyết 09/CP của Chính phủ và Chương trình quốc gia phòng chống tội phạm. Để tổ chức đấu tranh chống ma-phi-a và các tội phạm quốc tế, Việt Nam đã hợp tác chặt chẽ với Liên hợp quốc và các nước. Cảnh sát Việt Nam đã tham gia INTERPOL năm 1991, ASEANAPOL năm 1995. Năm 1997, Việt Nam trở thành thành viên của 3 Công ước Liên hợp quốc về kiểm soát ma túy năm 1961, 1971 và 1988; năm 2000, tham gia Công ước Liên hợp quốc về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia; năm 2003 là thành viên của Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng v.v.. Ngoài ra, Nhà nước Việt Nam đã tham gia, phê chuẩn, ký kết hàng chục công ước, hiệp định về chống khủng bố, chống các tội phạm quốc tế với Liên hợp quốc, các tổ chức quốc tế và với các nước khác trên thế giới. □

TIỀN CỬ VÀ SỬ DỤNG...

(Tiếp theo trang 63)

Vì thế, khi ông X mới về nhậm chức, bọn cơ hội ở cơ quan Y đã tìm mọi cách "lọt vào mắt xanh" của thủ trưởng. Họ nghiên cứu, khảo sát, điều tra rất kỹ xem thủ trưởng thích cái gì, ghét cái gì để có quan hệ giao tiếp, ứng xử cho phù hợp. Thế là chỉ trong một thời gian ngắn, đám người này đã chiếm được lòng tin yêu của thủ trưởng. Họ được thủ trưởng trọng dụng, đề bạt. Đáp lại những ban phát đó thủ trưởng được họ cung phụng, tôn thờ, "tâng bốc lên tận mây xanh". Chưa hết, đám người

cơ hội này còn biết thủ trưởng có một "cậu ấm" xin việc mãi mà chưa có cơ quan nào nhận. Thế là họ bèn "tham mưu" đưa "cậu ấm" về cơ quan (mặc dù trái ngành, nghề đào tạo) theo một lộ trình: hợp đồng ngắn hạn, hợp đồng dài hạn, rồi biên chế chính thức. Lộ trình đó được hoàn tất chỉ trong 2 năm. Sau đó, họ lại "tham mưu" đề bạt "cậu ấm" làm trưởng phòng. Và, nghe đâu hiện nay "cậu ấm" còn nằm trong quy hoạch đào tạo cán bộ cấp vụ. Nếu "cậu ấm" con ông thủ trưởng X có tài, có đức thật sự thì chẳng nói làm gì. Đảng này cậu ta chẳng có tài cán, đức độ gì cả. Đã thế chỉ trong một thời gian

ngắn sau khi nhậm chức trưởng phòng cậu ta đã gây ra mấy vụ xì-căng-đan làm mất mặt ông bố, và đám "chân tay" của ông X đành phải tìm mọi cách để "trám trét" cho "êm thấm"...

Các bậc thánh hiền đã chỉ ra *ba thảm họa* trong việc tiến cử và sử dụng hiền tài mà tác giả đã đề cập ở những dòng đầu của bài viết này. Sự cảnh báo đó là cực kỳ chí lý. Song, nếu có thể được thì xin mạn phép các bậc thánh hiền cho thảo dân bổ sung thêm một ý nữa: "*Cả ba thảm họa nêu trên cộng lại cũng không lớn bằng thảm họa thứ tư là cố ý đem cái mũ hiền tài đội lên đầu bọn gian tài*". □



QUỸ DÂN SỐ LIÊN HỢP QUỐC

Hãy cùng nhau hành động vì ngày mai tốt đẹp hơn!

Đầu tư cho sức khỏe sinh sản là tạo nguồn nhân lực có chất lượng, góp phần thực hiện sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và cải tạo giống nòi Việt Nam.

Công tác thông tin, giáo dục, truyền thông về sức khỏe sinh sản và tình dục lành mạnh nhằm cung cấp thông tin, chia sẻ những kinh nghiệm tình cảm và các kỹ năng, nhằm nâng cao nhận thức hiểu biết về sức khỏe sinh sản và tình dục lành mạnh, để mọi người tự quyết định thay đổi hành vi có hại, duy trì hành vi có lợi cho sức khỏe sinh sản.

Trong thời gian qua, công tác truyền thông dân số tạo được dư luận xã hội rộng rãi ủng hộ và thực hiện hiệu quả chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình: tỷ lệ các cặp vợ chồng hiểu biết về các biện pháp tránh thai là 99% (năm 1997) và tỷ lệ sử dụng các biện pháp tránh thai tăng từ 53,75% (1993) lên 75,3% (2003).

Tuy nhiên, công tác TT - GD - TT còn một số hạn chế:

☞ Chưa chú trọng nhiều đến thành tố khác của chăm sóc sức khỏe sinh sản mà chỉ tập trung vào thực hiện kế hoạch hóa gia đình nhằm giảm sinh là chính.

☞ Chưa quan tâm thích đáng đến nhóm tuổi vị thành niên nam giới, người có khuyết tật mà chỉ tập trung vào phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ.

☞ Chương trình truyền thông chưa cung cấp thông tin đầy đủ, chưa tiếp cận tốt với các nhà lãnh đạo, đại biểu dân cử để tranh thủ sự hỗ trợ của họ cho chương trình sức khỏe sinh sản.

☞ Chưa xây dựng được các mô hình điểm, tài liệu tuyên truyền chưa phong phú, chưa phù hợp với nhóm đối tượng...



NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM

THẺ RÚT TIỀN TỰ ĐỘNG
ATM Agribank



ATM

AGRIBANK

Thỏa mãn sự kỳ vọng của bạn

Mọi thông tin chi tiết xin Quý khách tham khảo trên Website: www.agribank.com.vn hoặc 2.000 chi nhánh Agribank trong cả nước sẽ được giải đáp và hướng dẫn chi đạo với phương châm "Agribank mang phồn thịnh đến với khách hàng"

TRỤ SỞ CHÍNH: SỐ 2 LĂNG HẠ, BA DÌNH, HÀ NỘI
Tel: (84-4) 3214 1400/11 721 Fax: (84-4) 3215 7100/31 700 Telex: 411-322 VBA VT
E-Mail: info@agribank.com.vn www.agribank.com.vn

TRUNG TÂM THẺ AGRIBANK

Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam

Website: www.agribank.com.vn
Email: info@agribank.com.vn

Agribank mang phồn thịnh đến với khách hàng

Digitized by Google

HUYỆN TAM ĐẢO

Địa chỉ: Xã Hợp Châu, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc. Điện thoại: 0211.853 856

Bí thư, CTHĐND: **TRẦN QUỐC VIỆT**



Sân golf Tam Đảo

Tam Đảo được thành lập từ ngày 1/1/2004, theo Nghị định số 153-NĐ/2003/CP, ngày 9/12/2003 của Chính phủ. Huyện có tổng diện tích tự nhiên là 23.589,9 ha, dân số 67.235 người (tính đến 1/4/2005), trong đó có 40,4% là đồng bào dân tộc thiểu số. Có 9 đơn vị hành chính cấp xã.

Tam Đảo có địa hình đa dạng, có khu danh thắng Tây Thiên, Thiên viện Trúc Lâm, khu nghỉ mát Tam Đảo, Vườn Quốc gia Tam Đảo, hệ thống hồ suối là tiềm năng cho phát triển các loại hình du lịch sinh thái, tín ngưỡng, tâm linh, nghỉ mát, nghỉ dưỡng, du lịch mạo hiểm và vui chơi giải trí tầm cỡ quốc gia và quốc tế.

KINH TẾ:

- ❖ Thu nhập bình quân đầu người đạt 3.495.000đ/năm.
- ❖ Cơ cấu kinh tế đến năm 2005: Nông Lâm Thủy Sản: 56%. Công nghiệp tiểu thủ công nghiệp, xây dựng cơ bản: 9%; Thương mại Dịch vụ Du lịch: 35%.
- ❖ Sản lượng lương thực có hạt năm 2005 ước đạt 26.312 tấn, bình quân lương thực đầu người năm 2005 ước đạt 395 kg.
- ❖ Công tác trồng và chăm sóc rừng được quan tâm đầu tư, dự kiến năm 2005 tổng diện tích rừng trồng đạt 5.212,2 ha.
- ❖ Chăn nuôi có bước phát triển khá, triển khai một số dự án thành công như: Dự án cải tạo, nâng cao chất lượng đàn bò thịt, cải tạo giống và chăn nuôi lợn hướng nạc.
- ❖ Giá trị sản xuất ngành Công nghiệp - Xây dựng đến năm 2005 đạt 21,36 tỉ đồng.
- ❖ Giá trị sản xuất Thương mại - Dịch vụ - Du lịch năm 2005 đạt 83,076 tỉ đồng, nhịp độ tăng trưởng 22,95 %.
- ❖ Tổng thu ngân sách năm 2005 dự kiến là 13.590 triệu đồng.

VỀ GIÁO DỤC: Quy mô chất lượng cơ sở vật chất trường lớp được củng cố và dần ổn định. Phương pháp dạy và học được đổi mới, tỉ lệ giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn ngày càng cao.

VỀ Y TẾ: Khám chữa bệnh bước đầu đáp ứng nhu cầu của nhân dân, dự kiến năm 2005 sẽ khám và chữa bệnh cho 70.545 lượt người.

Cùng với việc phát triển kinh tế, các cấp ủy, chính quyền trong huyện luôn quan tâm đến công tác xóa đói giảm nghèo, tạo việc làm và nâng cao mức sống cho nhân dân.

CÁC HOẠT ĐỘNG VĂN HÓA - TDTT ngày càng phát triển. Phong trào xây dựng làng văn hóa, đơn vị văn hóa và gia đình văn hóa được đẩy mạnh.

CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG: Được coi là nhiệm vụ then chốt, xuyên suốt quá trình lãnh đạo của các cấp ủy. Vì vậy ngay từ khi thành lập, BCH lâm thời Đảng bộ huyện luôn đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng chính đồn Đảng, xây dựng tổ chức Đảng trong sạch vững mạnh, tăng cường sự đoàn kết thống nhất trong nội bộ Đảng, thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ trong sinh hoạt Đảng.

PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN KT-XH NHIỆM KỲ 2005 - 2010:

- ✓ Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân hàng năm 14 - 16%.
- ✓ Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng: Du lịch - Dịch Vụ - Thương Mại 44 - 45%; Nông - Lâm - Thủy Sản 35 - 37%; Công nghiệp - TTCN - XD CB 18 - 20%.
- ✓ Thu nhập bình quân đầu người 7 - 9 triệu đồng / người / năm.
- ✓ Số lao động được giải quyết việc làm 2500 - 3000 người / năm.
- ✓ 100% số xã có bác sĩ có cơ sở khám chữa bệnh đủ tiêu chuẩn, đảm bảo 100% dân số được khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe ban đầu.
- ✓ Tỷ lệ hộ nghèo mỗi năm giảm từ 2 - 3%.
- ✓ Tỷ lệ lao động qua đào tạo 35 - 40%.
- ✓ 80% thôn, bản đạt danh hiệu Làng văn hóa, 90% số hộ gia đình đạt tiêu chuẩn gia đình văn hóa.



Hoa Hải Đường, loại hoa có nhiều tại Vườn quốc gia Tam Đảo



Liên hoan tiếng hát Soọng Cò dân ca dân tộc Sán Dìu, xã Đạo Trù



Danh thắng Tây Thiên - Tam Đảo



Thị trấn Tam Đảo

HUYỆN Nho Quan

Địa chỉ: TT. Nho Quan, T. Ninh Bình * ĐT: 030 866 680 * Bì thư: ĐINH QUỐC TRI

Sau 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV, các nghị quyết của Trung ương, của tỉnh, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXIII, Đảng bộ và dân huyện Nho Quan đã nỗ lực vượt qua mọi khó khăn thử thách đạt được những kết quả tương đối toàn diện, cụ thể:

- ❖ Tổng giá trị sản xuất và doanh thu dịch vụ tăng bình quân năm là 9,4% (mục tiêu là 7% năm). Trong đó, tốc độ tăng trưởng bình quân các ngành kinh tế như sau: nông - lâm nghiệp, thủy sản: 7,1% (mục tiêu Đại hội 6%); công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp - xây dựng cơ bản: 22,6% (mục tiêu Đại hội 14%); thương mại - dịch vụ: 17,1% (mục tiêu Đại hội 7%).
- ❖ Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng tích cực: giá trị sản xuất nông - lâm nghiệp chiếm 58,1%; công nghiệp TTCN, XDDB-20,4%; thương mại, dịch vụ - 21,5%.
- ❖ Tổng sản lượng lương thực đạt 72.000 tấn (từ năm 2002, vượt trước 3 năm so với mục tiêu Đại hội); bình quân lương thực đầu người là 495kg/năm; giá trị canh tác bình quân 1ha đạt 22 triệu đồng.
- ❖ Hàng năm hoàn thành vượt kế hoạch thu ngân sách, năm sau cao hơn năm trước.
- ❖ Trong 5 năm, toàn huyện đã làm được 324/619 km đường giao thông nông thôn bằng vật liệu cứng. Hệ thống kênh mương được kiên cố hóa đến hết năm 2004 là 70,2 km.
- ❖ 43/43 HTX nông nghiệp đã chuyển đổi theo luật, một số HTX đảm nhiệm được 4 khâu dịch vụ trở lên.
- ❖ Năm 2003, toàn huyện đã hoàn thành phổ cập THCS, vượt trước hai năm so với mục tiêu Đại hội đề ra.
- ❖ Số phòng học được kiên cố cao tầng là 514/688 phòng (74,7%).
- ❖ Tỷ lệ sinh giảm bình quân mỗi năm là: 0.042%; giảm tỉ lệ trẻ em suy dinh dưỡng còn 26%.
- ❖ Tỷ lệ hộ nghèo còn 7%.
- ❖ Đảm bảo an ninh trật tự, quốc phòng địa phương được tăng cường và củng cố.
- ❖ Hoàn thành chỉ tiêu xây dựng tổ chức Đảng, chính quyền đoàn thể đạt trong sạch vững mạnh: 79%.



Chăn nuôi dê- mô hình phát triển kinh tế mới tại Huyện



Thu hoạch lúa tại địa phương

Digitized by Google

HUYỆN ĐỨC TRỌNG

KHU PHỐ II - THỊ TRẤN LIÊN NGHĨA - ĐỨC TRỌNG - LÂM ĐỒNG

Bí thư Huyện ủy : Đ/c Nguyễn Xuân Tiến



Đức Trọng là huyện cửa ngõ vào Thành phố Đà Lạt, phía Nam giáp huyện Di Linh trên quốc lộ 20, phía bắc giáp thành phố Đà Lạt, Tây Bắc giáp huyện Lâm Hà trên quốc lộ 27, phía Đông giáp huyện Đơn Dương, huyện Ninh Sơn và huyện Bắc Bình (tỉnh Ninh Thuận). Huyện có diện tích tự nhiên là 90.220 ha, dân số 161.232 người với 27 dân tộc anh em; khoảng 70% đồng bào dân tộc có tín ngưỡng tôn giáo, chủ yếu theo đạo công giáo và tin lành. Huyện có 14 đơn vị hành chính cơ sở (13 xã, 1 thị trấn) với 119 thôn, khu phố. Đảng bộ và nhân dân huyện Đức Trọng đã vinh dự đón nhận **Huân chương Lao động hạng Nhì**

VỀ KINH TẾ:

■ **Công nghiệp TTCN:** Giá trị sản lượng 6 tháng đầu năm là 160 tỉ đồng (đạt 53% kế hoạch năm và tăng 19% so với cùng kỳ 2004). Nhìn chung, sản xuất công nghiệp, TTCN tăng trưởng khá cao. Huyện đang đầu tư xây dựng hệ thống điện trung và hạ thế ở Tà Nang, K'Nai, MaAm, và hoàn thành mắc điện nhánh rẽ cho 500 hộ đồng bào dân tộc. Đến nay, toàn huyện đã có 32.200 / 33.600 hộ sử dụng điện, đạt 96%.

■ **Nông nghiệp:** Tổng diện tích gieo trồng trong 6 tháng đầu năm 2005 là 18.292ha, đạt 99,4% KH; chủ yếu là cây lương thực, hoa màu, cây ăn trái và các loại cây công nghiệp. Công tác phòng chống dịch cúm gia cầm, kiểm dịch động vật, sát sinh thường xuyên được tăng cường. Trong sáu tháng đầu năm tỷ lệ dân gia súc tăng hơn so với năm 2004; đã phối hợp tổ chức các cuộc hội thảo, tập huấn cho hàng trăm lượt nông dân về kỹ thuật sản xuất rau, tre lấy măng, chăn nuôi bò sữa, bò lai Sind, kiến thức sử dụng các loại thuốc BVTV, Huyện đã thực hiện "năm thủy lợi 2005", nạo vét kênh mương, hồ, đập, triển khai và đầu tư xây dựng 33 công trình thủy lợi lớn nhỏ, một số công trình đã hoàn thành và đưa vào sử dụng.

■ **Thương mại - dịch vụ:** Giá trị sản lượng các ngành thương mại-dịch vụ ước đạt 165 tỉ đồng, bằng 63% KH năm và tăng 18% so với cùng kỳ năm 2004. Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn huyện 6 tháng đầu năm ước đạt 46,3 tỉ đồng, tăng 18% so với cùng kỳ năm 2004.

VỀ LĨNH VỰC VĂN HÓA - XÃ HỘI:

- Ngành văn hóa-thông tin tập trung tuyên truyền và tổ chức nhiều hoạt động văn hóa-văn nghệ, TDĐT chào mừng kỷ niệm các ngày lễ lớn của đất nước, của địa phương. Toàn huyện đã có 32 thôn, khu phố, đã

được tỉnh và huyện công nhận đạt chuẩn văn hóa. Cấp giấy công nhận 21.283 hộ gia đình văn hóa; 84 cơ quan, trường học đạt chuẩn văn hóa. Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn luôn được giữ vững.

- Tỷ lệ giáo viên giỏi, học sinh giỏi các cấp đều tăng so với năm học 2003-2004; tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS đạt 99,5%; toàn huyện có 12/14 xã, thị trấn hoàn thành công tác phổ cập THCS.

- Hoạt động của ngành y tế từ huyện đến các xã, thị trấn: duy trì tốt công tác trực cấp cứu, khám và điều trị bệnh cho bệnh nhân. Công việc phòng chống bệnh lao, sốt rét, vệ sinh môi trường đạt kết quả tốt. Các chính sách xã hội, XĐGN cũng được huyện quan tâm. Đã phát động các phong trào "nhường cơm sẻ áo", "lá lành đùm lá rách", nuôi heo đất.... Xây dựng nhà tình nghĩa, tình thương; cấp 50 tấn gạo cho 904 hộ bà con đồng bào dân tộc thiểu số.

VỀ CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG:

- Tập trung chỉ đạo đại hội các tổ chức cơ sở đảng (TCCSĐ) nhiệm kỳ 2005-2010 (nhiệm kỳ 2005-2008 đối với các chi bộ), công tác chỉ đạo đại hội các TCCSĐ và chuẩn bị Đại hội Đảng bộ huyện được thực hiện đảm bảo theo Điều lệ Đảng và các qui định, hướng dẫn của Trung ương và của Tỉnh ủy.

- Trong sáu tháng đầu năm, đã tách và thành lập 5 TCCSĐ trực thuộc Huyện ủy, nâng tổng số lên 54 TCCSĐ, kết nạp 48 đảng viên mới, đạt 37% KH. Phát huy hiệu 40-50 tuổi đáng cho 6 đồng chí. Xây dựng và củng cố hệ thống chính trị cơ sở, công tác dân tộc, công tác "tôn giáo"; phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc.



TOÀN CẢNH KHU NHÀ LÀM VIỆC CỦA HUYỆN ỦY, HĐND VÀ UBND HUYỆN

LÂM TRƯỜNG TAM ĐẢO

ĐỊA CHỈ: KM 13 XÃ HỒ SƠN- HUYỆN TAM DƯƠNG- TỈNH VINH PHÚC • ĐIỆN THOẠI: 0211.853 037

Giám đốc: TRƯƠNG DUY BẢNG



Khóm tre măng Bát Độ



Trồng xen cây Day Nhét dùng giải khát, chống màu nhiễm mỡ, béo phì, cao huyết áp



Chăm sóc vườn cây me (Keo lai) tại vườn ương



Cây Keo lai đang lớn trong vườn ươm tại phân chất lượng cao

Trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ chính trị nhiệm kỳ 2003 - 2005, Đảng bộ Lâm trường Tam Đảo đã nhận được sự quan tâm chỉ đạo, giúp đỡ của Đảng và chính quyền các cấp, các ngành trong việc tổ chức sản xuất kinh doanh, xây dựng rừng phòng hộ, xóa đói giảm nghèo. Đặc biệt trong 2004, được sự giúp đỡ tích cực của huyện Tam Đảo, sở NN&PTNT, Ban đổi mới doanh nghiệp và UBND tỉnh Vĩnh Phúc, Lâm trường Tam Đảo được chuyển đổi thành doanh nghiệp hoạt động công ích.

MỘT SỐ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT NHIỆM KỲ 2003-2005:

- ❖ Trồng rừng mới: 221,2 ha.
- ❖ Bảo vệ rừng: 865,9 ha, đạt 100% kế hoạch.
- Về khai thác và thu mua gỗ nguyên liệu giấy:
 - Sản phẩm khai thác: 1.665 m³ gỗ và 1.625 ste củi.
 - Sản phẩm thu mua được: 1.110 m³ nguyên liệu giấy.
- ❖ Dịch vụ cây giống và sản phẩm trồng xen:
 - Giống cây lâm nghiệp được: 412.000 cây, bình quân: 210.000 cây / năm.
 - Giống cây ăn quả được: 3.230 cây, bình quân 1.600 cây / năm.
 - Nguyên liệu chè day Nhật: 9.927 kg, bình quân bán được 5 tấn / năm.
- ❖ Doanh thu: tổng doanh thu 02 năm đạt được 5.780 triệu đồng.

CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG, CHÍNH QUYỀN:

- ❖ Công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ, đảng viên và quần chúng xác định là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của Đảng bộ, có 6 đoàn viên và quần chúng ưu tú được đi học nâng cao nhận thức về Đảng CSVN do huyện ủy tổ chức. Tổ chức xét kết nạp được 5 đảng viên mới, đạt 125% chỉ tiêu kế hoạch.

NHỮNG MỤC TIÊU CHỦ YẾU NHIỆM KỲ 2005 - 2008

Về phát triển sản xuất và kinh doanh:

- ❖ Đối với xây dựng rừng phòng hộ:
 - Trồng mới: 70 80 ha / năm.
 - Chăm sóc: trên 200 ha / năm
 - Bảo vệ rừng: 700 800 ha / năm.
- ❖ Đối với rừng sản xuất kinh doanh:
 - Trồng rừng (trồng bằng bạch đàn mô, keo lai hom): 30 ha / năm.
 - Chăm sóc rừng đã trồng N2, N3: 60 ha / năm.
 - Bảo vệ rừng hiện có: 400 500 ha / năm.
- ❖ Phát triển mô hình kinh doanh tổng hợp: (dự kiến)
 - Xây dựng mô hình trồng trọt + chăn nuôi: 03 trang trại
 - Xây dựng rừng sinh thái + dịch vụ khách du lịch: 1- 2 điểm



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GIAO THÔNG THỦY LỢI KIÊN GIANG

Số 1262 Nguyễn Trung Trực, khu phố 8, Phường An Bình, TX Rạch Giá, Kiên Giang

ĐT: 077.864148 - 910406 *Fax: 077.910461 * Email: cfxdgttlkg@hcm.vnn.vn

CHỨC NĂNG KINH DOANH:

- Xây dựng các công trình giao thông - công trình thủy lợi.
- Khai thác kinh doanh đất sỏi đỏ.
- Sản xuất cầu kiện bê tông ly tâm, bê tông nhựa nóng, bê tông đúc sẵn.
- Xây dựng dân dụng, san lấp mặt bằng.



Trụ sở Công ty



Xăng thổi thi công khu đô thị mới Hà Tiên



Trạm Bê tông nhựa nóng 40T/h



Mô khai thác sỏi đỏ của Công ty

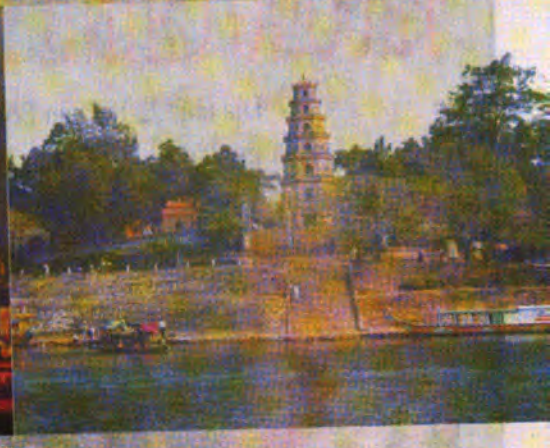
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH:

Công ty đã đầu tư các trang thiết bị, máy móc hiện đại như: Xăng thổi Bcaver 1200 HP, trạm trộn bê tông nhựa nóng cố định 40T/h, trạm trộn bê tông nhựa nóng di động 30 T/h, các thiết bị giao thông và thủy lợi khác cùng đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật và công nhân lành nghề gồm 01 thạc sỹ, 49 kỹ sư, 49 cử nhân, 24 trung cấp, 135 công nhân kỹ thuật. Công ty tham gia xây dựng hầu hết các công trình giao thông, thủy lợi của tỉnh nhà và các công trình có quy mô lớn của Bộ Giao thông - Vận tải, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn thuộc các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long. Ngoài ra, công ty còn tham gia xây dựng các cảng, các trung tâm thương mại lớn, các công trình san lấp lấn biển bằng xăng thổi Bcaver 1200 HP. Tổng sản lượng hàng năm của công ty từ 70 tỉ đến 100 tỉ đều đạt và vượt kế hoạch từ 105% đến 120%. Với những thành tích đạt được, công ty đã vinh dự được đón nhận Huân chương Lao động hạng II.

Công ty cổ phần xây dựng Giao thông thủy lợi Kiên Giang sẵn sàng đáp ứng nhu cầu của các chủ đầu tư, liên doanh liên kết với các đơn vị để thực hiện thi công các công trình đạt chất lượng cao, vượt tiến độ thời gian theo yêu cầu của các chủ đầu tư với phương châm:

“nhanh gọn, chất lượng và hiệu quả”.

TRUNG TÂM BẢO TỒN DI TÍCH CỔ ĐÔ HUẾ



TRUNG TÂM HOẠT ĐỘNG TRÊN CÁC LĨNH VỰC CHỦ YẾU:

* Nghiên cứu những nội dung lịch sử và giá trị văn hoá nghệ thuật của Quần thể di tích lịch sử và văn hoá Huế.

* Tổ chức thực hiện các công việc về: Bảo tồn, bảo tàng, trưng tu, tôn tạo và phát huy giá trị các di sản văn hoá.

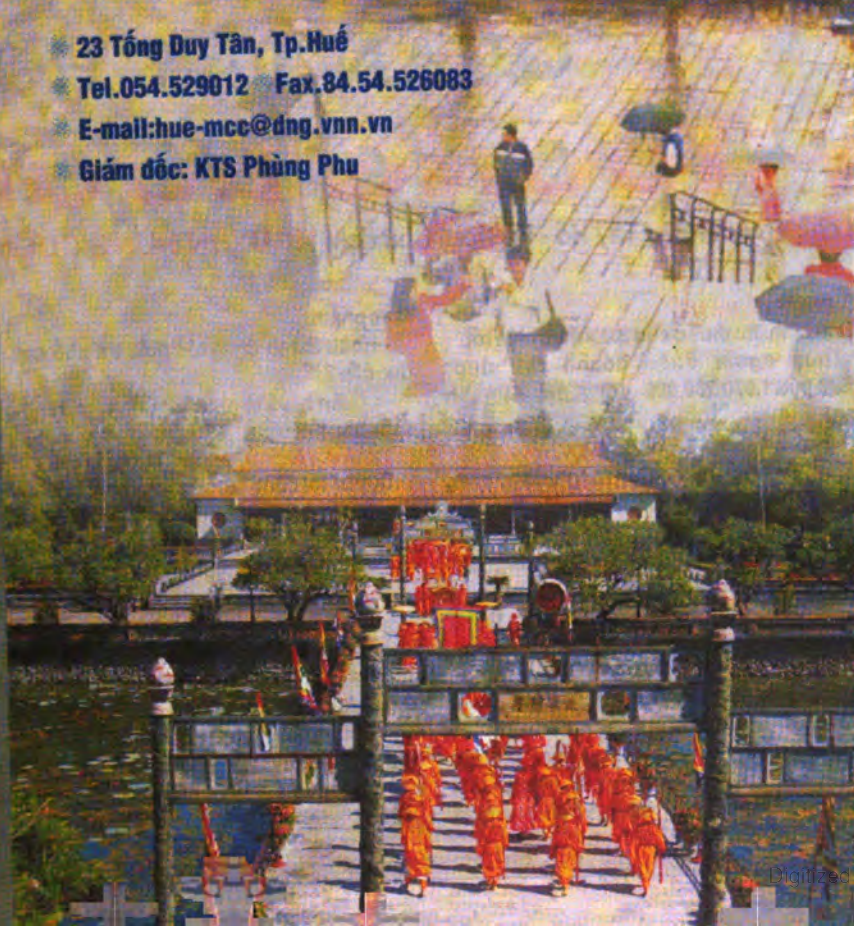
* Nghiên cứu và sưu tập các tài liệu, hiện vật, tư liệu về lịch sử và văn hoá của Cố đô Huế.

* Nhận bảo quản và trưng bày các hiện vật, công trình kiến trúc cổ.

* Cộng tác với các đơn vị trong lĩnh vực nghiên cứu và xuất bản các ấn phẩm về Cố đô Huế.

* Trung tâm có đội ngũ nhân viên có chuyên môn sẵn sàng đáp ứng mọi nhu cầu của quý khách về tham quan, tìm hiểu nội dung lịch sử và nghệ thuật của Cố đô Huế.

- 23 Tống Duy Tân, Tp. Huế
- Tel. 054.529012 Fax. 84.54.526083
- E-mail: hue-mcc@dng.vnn.vn
- Giám đốc: KTS Phùng Phú



TRƯỜNG CHÍNH TRỊ NGUYỄN CHÍ THANH



Địa chỉ: 2201 Phan Bội Châu - phường Trường An - TP. Huế

ĐT: 054.886 597 - 886 562 * Fax: 054.886 597 * Giám đốc: Thạc sĩ **TRẦN QUANG THẮNG**

NHỮNG DANH HIỆU THI ĐUA ĐẠT ĐƯỢC TỪ NĂM 1992 ĐẾN NAY

- * Huân chương Lao động hạng Ba.
- * Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ (năm 1999) và nhiều bằng khen của UBND tỉnh.
- * Bằng khen của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (liên tục từ năm 1991 đến năm 2004).
- * Học viện Hành chính quốc gia tặng cờ thi đua "Công đoàn cơ sở vững mạnh có phong trào thi đua xuất sắc năm 2001".
- * Bằng công nhận cơ quan đạt chuẩn văn hóa năm 2003.
- * Cờ thi đua và bằng khen của Liên đoàn lao động tỉnh Thừa Thiên - Huế.



Buổi là một phường nằm gần trung tâm của quận, những năm gần đây tốc độ đô thị hóa trên địa bàn phường diễn ra rất nhanh. Được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của thường vụ Quận ủy - UBND quận Tây Hồ, sự quan tâm hỗ trợ của các ngành chức năng, Đảng ủy - HĐND - UBND phường luôn xác định tập trung phát triển kinh tế trên địa bàn và nỗ lực tập trung chỉ đạo các chương trình công tác nên 6 tháng đầu năm 2005 phường đã đạt được một số kết quả trên các lĩnh vực:

QUẬN TÂY HỒ PHƯỜNG BUỔI

Địa chỉ: Thụy Khuê - Tây Hồ - Hà Nội * Chủ tịch: **NGUYỄN HÙNG CƯỜNG**

1. VỀ KINH TẾ - ĐÔ THỊ:

- Tình hình thu thuế ở chợ Buổi thực hiện tốt.
- Thuế ngoài quốc doanh thu được 470.579.000/1.070.230.000 đồng đạt 44% KH năm.
- Thuế nhà đất thu 435 triệu.
- * Công tác quản lý đô thị: Tăng cường công tác quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn, tập trung vào khu vực kè hồ Tây.
- * Công tác địa chính nhà đất: Tập trung phối hợp tổ chức hòa giải các tranh chấp liên quan tới việc cấp giấy chứng nhận theo QĐ23 của thành phố.

2. CÔNG TÁC VĂN HÓA - XÃ HỘI:

- Duy trì các hoạt động của đài truyền thanh phường; tập trung tuyên truyền kỷ niệm các ngày lễ, tuyên truyền về việc chấp hành nghiêm túc tuyến phố văn minh thương mại, vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh, vệ sinh an toàn

thực phẩm.

- Hoàn thành công tác điều tra phổ cập giáo dục cấp 3.
- Chuẩn bị và tổ chức tốt công tác vào hè cho các cháu thiếu nhi.

3. CÔNG TÁC THANH TRA - TƯ PHÁP - TỔ CHỨC:

Duy trì tốt công tác hòa giải ở các cụm dân cư; duy trì tốt cơ chế "1 cửa"; tiếp tục tổng rà soát các thủ tục hành chính thực hiện tại phường theo QĐ 2380 của thành phố.

4. CÔNG TÁC AN NINH - QUỐC PHÒNG:

- Tình hình an ninh chính trị trên địa bàn ổn định. Công an phường tăng cường tổ chức tuần tra phục kích các điểm nghi vấn về hình sự và tệ nạn xã hội.
- Về công tác quân sự, Ban chấp hành quân sự phường đã xây dựng và triển khai kế hoạch phòng chống lụt bão, tìm kiếm cứu nạn năm 2005.



CÔNG TY MÍA ĐƯỜNG TÂY NINH

TÂY NINH SUGAR COMPANY

Thành lập theo Quyết định số 58/QĐ-UB, ngày 14 tháng 7 năm 1995

Cơ quan chủ quản: **UBND TỈNH TÂY NINH**

Giám đốc: Kỹ sư **NGUYỄN NGỌC THANH**



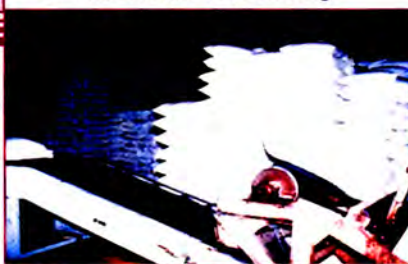
HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ:

- ▣ Kinh doanh tổng hợp các loại hàng nông sản thực phẩm, vật tư thiết bị phục vụ ngành mía đường và vật liệu xây dựng.
- ▣ Kinh doanh thương mại và dịch vụ xuất nhập khẩu.
- ▣ Dịch vụ công nghệ thông tin: Đào tạo chuyên ngành, lập trình các phần mềm ứng dụng, lắp đặt hệ thống mạng...
- ▣ Kinh doanh phân bón các loại phục vụ cho sản xuất nông nghiệp.
- ▣ Cho thuê kho bãi, bến cảng

KÊU GỌI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN:

▣ Hiện công ty đang là đối tác của 02 liên doanh sản xuất tinh bột khoai mì với Thái Lan, với tổng vốn góp là 45%. Trong tương lai gần công ty mong muốn sẽ là đối tác đầu tư của khách hàng trong các ngành nghề sản xuất kinh doanh như:

- ▣ Sản xuất cồn, rượu, ethanol và các sản phẩm phụ sau đường khác.
- ▣ Sản xuất và kinh doanh tinh bột khoai mì, cao su và các sản phẩm sau bột mì, cao su.
- ▣ Mở các dịch vụ kinh doanh về du lịch, siêu thị...





CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN

VÂN PHONG

VANPHONG INVESTMENT & DEVELOPMENT JOINT STOCK CORPORATION (VAN PHONG CORP)

Trụ sở chính: 07 Hùng Vương - Nha Trang - Khánh Hòa

Tel : 058.524 526 / 058.524 528 - Fax 058.524 546

Website : : <http://www.vanphongcorp.com>

Email : mail@vanphongcorp.com

CHỦ TỊCH HĐQT KIỂM TỐNG GIÁM ĐỐC: ÔNG PHẠM VĂN CHI

VanPhong Corp được Sở KH & ĐT Khánh Hòa cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3703000101, ngày 25/6/2004, chính thức hoạt động từ tháng 10/2004. Các sáng lập viên là UBND tỉnh KH, Tổng Công ty Hàng Hải VN, Tổng Công ty Xăng dầu VN ,..... ,



Công ty được thành lập nhằm huy động và sử dụng các phần vốn có hiệu quả trong việc phát triển khu kinh tế Vịnh Vân Phong cũng như các địa bàn trong và ngoài nước.

*** NGÀNH NGHỀ ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH:**

- Đầu tư xây dựng và kinh doanh các dự án trong và ngoài nước;
- Đầu tư kinh doanh bất động sản, phát triển khu kinh tế tổng hợp khu công nghiệp;
- Đầu tư hoạt động tài chính;
- Đầu tư kinh doanh các loại hình du lịch: sinh thái, nghỉ dưỡng phía Đông bán đảo Hòn Gốm, du lịch lữ hành;
- Khai thác cảng biển và các loại hình dịch vụ hàng hải trên vịnh Vân Phong;
- Kinh doanh vận tải hành khách và hàng hóa bằng đường biển, đường bộ, vận tải đa phương thức;
- Khai thác chế biến khoáng sản (đá, cát, sỏi, nước ngầm,...);
- Kinh doanh và khai thác hàng hóa;
- Kinh doanh khách sạn, nhà nghỉ;

- Dịch vụ ứng phó sự cố tràn dầu;

- Kinh doanh môi giới thương mại, mua bán các loại hàng hóa, tư liệu sản xuất và tiêu dùng;

*** CÁC DỰ ÁN KHẢ THI ĐANG THỰC HIỆN:**

1. Dự án qui hoạch chi tiết khu kinh tế tổng hợp Vân Phong;
2. Dự án các khu du lịch sinh thái biển tại bán đảo Hòn Gốm vịnh Vân Phong;
3. Dự án xây dựng cảng Công Vụ Sơn Đùng thuộc thôn Đầm Môn Hạ, xã Vạn Thạnh, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa;
4. Dự án sản xuất vật liệu và xây dựng tại xã Vạn Hưng, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa;
5. Dự án dịch vụ hàng hải trên vịnh Vân Phong;
6. Dự án khai thác cảng phía Nam Hòn Khôi xã Ninh Hải, huyện Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa;
7. Dự án liên doanh với các tập đoàn nước ngoài đầu tư vào vịnh Vân Phong;



Chuyến tải dầu trên vịnh Vân Phong



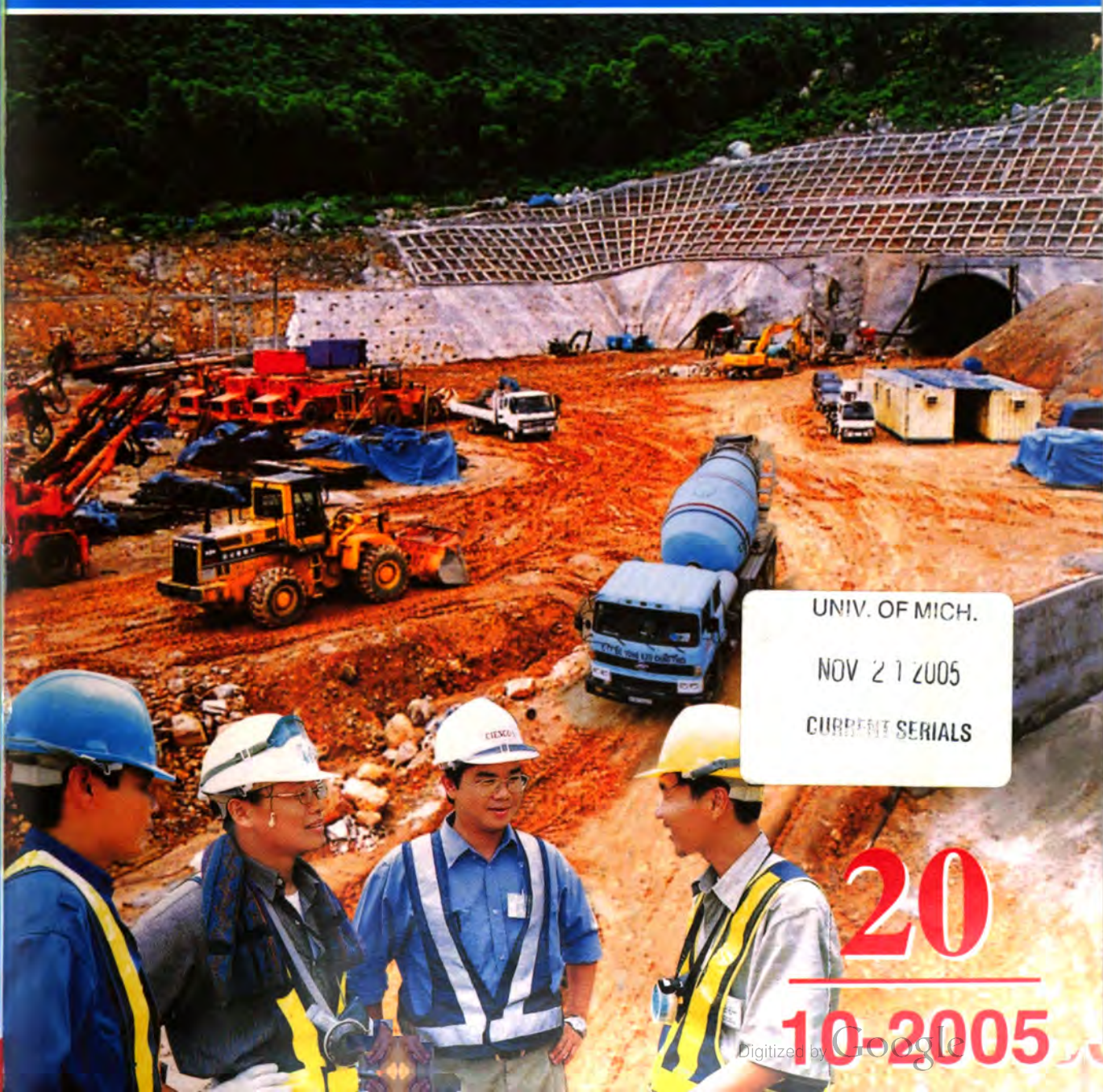
VAN PHONG CORP KÍNH CHÀO VÀ XIN MỜI CÁC NHÀ ĐẦU TƯ ĐẾN VỚI CHÚNG TÔI

Digitized by Google

X
H688B

Tạp chí Công sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM



UNIV. OF MICH.

NOV 21 2005

CURRENT SERIALS

20

10-2005

Digitized by Google

VIỆN RĂNG HÀM MẶT VIỆT NAM HỘI RĂNG HÀM MẶT VIỆT NAM

VIỆN RĂNG HÀM MẶT VIỆT NAM ĐƯỢC THÀNH LẬP NGÀY 15-9-1990, TRONG SUỐT 15 NĂM XÂY DỰNG VÀ TRƯỞNG THÀNH, VỚI SỰ ĐÓNG GÓP CỦA GS.TS TRẦN VĂN TRƯỜNG, VIỆN TRƯỞNG, HIỆU TRƯỞNG TƯỜNG ĐẠI HỌC RĂNG HÀM MẶT, CHỦ TỊCH HỘI RĂNG HÀM MẶT VIỆT NAM CÙNG TẬP THỂ CÁC NHÀ KHOA HỌC TRONG LĨNH VỰC RĂNG HÀM MẶT, VIỆN RĂNG HÀM MẶT VIỆT NAM ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC NHỮNG THÀNH TỰU TO LỚN, CÓ Ý NGHĨA LỊCH SỬ TRONG CÔNG TÁC CHĂM SÓC, BẢO VỆ SỨC KHỎE NHÂN DÂN.



★ VIỆN RĂNG HÀM MẶT VIỆT NAM LÀ VIỆN TUYỂN CUỐI VỀ RĂNG HÀM MẶT CẢ NƯỚC GỒM: 25 KHOA, PHÒNG VỚI TRANG THIẾT BỊ, KỸ THUẬT HIỆN ĐẠI. ĐƯỢC BỘ Y TẾ GIAO CHỨC NÂNG CHỈ ĐẠO TUYỂN VÀ NGÀNH RĂNG HÀM MẶT, LÀ CHỦ CHƯƠNG TRÌNH NHA HỌC ĐƯỜNG. ĐẾN NAY, CHƯƠNG TRÌNH NHA HỌC ĐƯỜNG TOÀN QUỐC ĐÃ PHỦ KÍN 6 TỈNH, THÀNH PHỐ XUỐNG TẬN PHƯỜNG XÃ VÀ ĐÃ CÓ 6 TỈNH, THÀNH HOÀN TOÀN PHỦ KÍN CHƯƠNG TRÌNH NHA HỌC ĐƯỜNG Ở TẤT CẢ CÁC TRƯỜNG TIỂU HỌC VỚI GẦN 3.000 PHÒNG RĂNG NHA HỌC ĐƯỜNG ĐƯỢC LẬP TẠI CÁC TRƯỜNG HỌC, XÃ, PHƯỜNG KỂ CẢ NHỮNG VÙNG SÂU VÙNG XA CHO TRÊN 6 TRIỆU HỌC SINH ĐƯỢC KHÁM VÀ ĐIỀU TRỊ TẠI CHỖ.

- KHÁM, CHỮA VÀ ĐIỀU TRỊ CHUYÊN KHOA RĂNG HÀM MẶT VỚI ĐỘI NGŨ GIÁO SƯ, BÁC SĨ TRÌNH ĐỘ CAO. VIỆN ĐÃ MỖ MIỄN PHÍ CHO TRÊN 7.000 TRẺ EM DỊ TẬT MÔI VÀ Vòm MIỆNG BẮM SINH.

- ĐÀO TẠO RĂNG HÀM MẶT CHÍNH QUY CÁC HỆ ĐẠI HỌC, TIẾN SĨ, THẠC SĨ, BÁC SĨ CHUYÊN KHOA I, BÁC SĨ CHUYÊN KHOA II TRONG NƯỚC VÀ QUỐC TẾ. ĐÀO TẠO THẠC SĨ RĂNG HÀM MẶT LIÊN ĐẠI HỌC VIỆT - PHÁP. HỢP TÁC QUỐC TẾ VỀ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VỚI NHIỀU NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI NHƯ: MỸ, ĐỨC, NHẬT BẢN, HÀN QUỐC, Ô-XT-RÂY-LI-A...

★ CÙNG VỚI SỰ TRƯỞNG THÀNH CỦA VIỆN RĂNG HÀM MẶT VIỆT NAM, DƯỚI SỰ LÃNH ĐẠO CỦA GS.TS TRẦN VĂN TRƯỜNG, HỘI RĂNG HÀM MẶT VIỆT NAM CŨNG ĐÃ LIÊN TỤC PHÁT TRIỂN VỚI GẦN 3.000 HỘI VIÊN TRÊN 64 TỈNH, THÀNH TRONG CẢ NƯỚC. TỪ NĂM 1995 HỘI RĂNG HÀM MẶT VIỆT NAM ĐÃ TRỞ THÀNH THÀNH VIÊN

CỦA LIÊN ĐOÀN NHA KHOA THẾ GIỚI (FDI). HỘI ĐÃ PHỐI HỢP VỚI FDI TỔ CHỨC 4 HỘI NGHỊ RĂNG HÀM MẶT VÀ TRIỂN LÃM NHA KHOA QUỐC TẾ TẠI HÀ NỘI VÀ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH VÀO CÁC NĂM 1996, 1998, 2000 VÀ 2002. NĂM NAY, HỘI NGHỊ NHA KHOA QUỐC TẾ LẦN V SẼ TỔ CHỨC TẠI HÀ NỘI TỪ 20-10 - 22-10 VỚI TRÊN 1000 ĐẠI BIỂU TRONG NƯỚC VÀ HÀNG TRĂM KHÁCH QUỐC TẾ ĐẾN TỪ HÀNG CHỤC QUỐC GIA TRÊN THẾ GIỚI. SỰ KIỆN NÀY ĐÃ ĐÁNH DẤU SỰ HỘI NHẬP CỦA NGÀNH NHA KHOA VIỆT NAM VỚI NỀN NHA KHOA THẾ GIỚI. BÊN CẠNH ĐÓ HỘI RĂNG HÀM MẶT VIỆT NAM HỢP TÁC VỚI HÃNG COLGATE ĐÃ HỖ TRỢ CHO CHƯƠNG TRÌNH CHĂM SÓC RĂNG MIỆNG TRẺ EM HỌC ĐƯỜNG HÀNG TỈ ĐỒNG, BẰNG VIỆC CẤP CÁC SẢN PHẨM KEM, BÀN CHẢI ĐÁNH RĂNG CHO HỌC SINH. HỘI ĐÃ HỢP TÁC VỚI HỘI HỮU NGHỊ MỸ - VIỆT Ở CALI-PHÓC-NI-A ĐÃ TRANG BỊ 5 PHÒNG RĂNG HIỆN ĐẠI CHO CÁC TỈNH, THÀNH: HÀ NỘI (TRƯỜNG TIỂU HỌC NAM THÀNH CÔNG), NINH BÌNH (TRƯỜNG TIỂU HỌC LÝ TỰ TRỌNG), THÁI NGUYÊN (TRƯỜNG TIỂU HỌC TRUNG VƯƠNG), NGHỆ AN (TRƯỜNG TIỂU HỌC THÁI HÒA), LẠNG SƠN (TRƯỜNG TIỂU HỌC TAM THANH) VÀ ĐANG TRIỂN KHAI THÊM 1 PHÒNG Ở TỈNH LÂM ĐỒNG VỚI KINH PHÍ MỖI PHÒNG RĂNG NHA HỌC ĐƯỜNG TRỊ GIÁ GẦN 100 TRIỆU ĐỒNG.

★ ĐÓNG GÓP CHO NGÀNH RĂNG HÀM MẶT VIỆT NAM, NỀN NHA KHOA THẾ GIỚI VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI, GS.TS TRẦN VĂN TRƯỜNG ĐÃ ĐƯỢC VIỆN TIỂU SỬ QUỐC TẾ HOA KỲ (ABI) VÀ VIỆN TIỂU SỬ QUỐC TẾ ANH (IBC) BÌNH CHỌN LÀ MỘT TRONG 1000 NHÀ TRÍ TUỆ LỚN CỦA THẾ GIỚI VÀ THẾ KỲ 21, LÀ VI ĐẠI SỨ QUỐC TẾ NĂM 2005.



THÁNG 2 KỶ

RA NGÀY 1 VÀ 16

SỐ 743

20

10-2005

• BỘ BIÊN TẬP :

52 Nguyễn Chí Thanh, Hà Nội

Điện thoại : (04) 7 753 605

Fax : (04) 7 753 633

Email: bbtccs@hn.vnn.vn

**• Cơ quan thường trú
tại miền Trung :**

26 Trần Phú,

Thành phố Đà Nẵng

Điện thoại : (080) 51301

Fax : (080) 51303

**• Cơ quan thường trú
tại miền Nam :**

19 Phạm Ngọc Thạch,

Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại : (08) 8 274 638

Fax : (08) 8 231 664

• Tạp chí Cộng sản điện tử :

<http://www.tapchiconsan.org.vn>

• Tổng Biên tập :

LÊ HỮU NGHĨA



Bìa 1: Thi công đường hầm Hải Vân
(của phía Bắc)

Ảnh: TTXVN

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

MỤC LỤC

TIẾN TỚI ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ X CỦA ĐẢNG

NGUYỄN VĂN YẾU - Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước	3
VŨ NGỌC KỶ - Giai cấp nông dân và Hội Nông dân Việt Nam tiếp tục góp phần thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn	8

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

NGUYỄN TRỌNG ĐIỀU - Về đánh giá, quy hoạch và luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý hiện nay	12
NGUYỄN VIỆT VƯỢNG - Để tiếp tục đổi mới hoạt động của Công đoàn	17
ĐỖ MAI THÀNH - Đổi mới chính sách khoa học và công nghệ trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế	22
LƯU HÀ VÍ - Niềm tin khoa học - điều kiện tiên quyết đối với đội ngũ giảng viên Mác - Lê-nin	27
MAI HẢI OANH - Vài suy nghĩ về sự phát triển văn hóa trong việc phát huy sức mạnh tổng hợp của đất nước	31

THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM

NGUYỄN VĂN ĐẰNG - Lâm Đồng thực hiện chính sách phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số	36
BÙI TIẾN DŨNG - Thái Bình khai thác mọi nguồn lực, đổi mới toàn diện để phát triển bền vững	40
HỒ TẤN SÁNG - Thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở tại thành phố Đà Nẵng - kết quả và những vấn đề đặt ra	45
QUÁCH ĐỨC PHÁP - Cải cách hành chính về thuế và hải quan giai đoạn 2001 - 2004 và các năm tiếp theo	50
PHẠM VĂN ĐIỂN - Vùng A Hải quân với nhiệm vụ huấn luyện và bảo vệ chủ quyền vùng biển, đảo phía Bắc Tổ quốc	55

SINH HOẠT TƯ TƯỞNG

NHỊ LÊ - Chỉ bởi chữ... TÂM !	58
-------------------------------	----

TẠP CHÍ VỚI BẠN ĐỌC - BẠN ĐỌC VỚI TẠP CHÍ

*** Công tác phát hành - bạn đọc Tạp chí Cộng sản các tỉnh, thành phố phía Bắc Trung Bộ và đồng bằng Bắc Bộ	59
---	----

THẾ GIỚI: VẤN ĐỀ - SỰ KIỆN

VŨ VĂN HÒA - Toàn cầu hóa với chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân	64
TRỊNH THỦY - Khai thác lợi ích thương mại từ Chương trình "thu hoạch sớm" của khu vực mậu dịch tự do ASEAN - Trung Quốc	68

СОДЕРЖАНИЕ

● НГУЕН ВАН ЙЕУ: Строительство правового социалистического государства в период форсирования индустриализации и модернизации страны. ● ВУ НГОК КИ: Крестьянство и Союз вьетнамских крестьян продолжают вносить вклад в успешное осуществление дела индустриализации, модернизации сельского хозяйства, деревень. ● НГУЕН ЧОНГ ДИЕУ: Об оценке, планировании и перестановке руководящих и управляющих кадров на данном этапе. ● НГУЕН ВЬЕТ ВЬОНГ: В целях дальнейшего обновления деятельности Профсоюза. ● ЛЬУ ХА ВИ: Научная вера – первостепенное требование от отряда преподавателей марксистско-ленинской науки. ● НГУЕН ВАН ДАНГ: Провинция Ламдонг выполняет политику развития районов проживания нацменьшинств. ● БУЙ ТИЕН ЗУНГ: Провинция Тхайбинь использует все резервы, всесторонне обновляет во имя устойчивого развития. ● ХО ТАН ШАНГ: Осуществление Статуса демократии в первичных местностях в городе Дананг – результаты и поставленные вопросы. ● ВУ ВАН ХОА: Глобализация и интернационализм рабочего класса. ● ЧИНЬ ТХУ: Использование коммерческой заинтересованности из программы «досрочного выполнения» рамочных Асеанско-китайских соглашений о свободной торговой зоне.

CONTENTS

● NGUYỄN VĂN YẾU: Building the socialist law - governed state of Vietnam in the stepping-up period of the country's industrialisation and modernisation. ● VŨ NGOC KÝ: Peasant class and Vietnamese Peasant Association continues contributing to successfully implement the matter of agriculture and countryside industrialisation and modernisation. ● NGUYỄN TRỌNG ĐIỀU: In regards of estimation, planning and circulation of leading and managing cadres at the present. ● NGUYỄN VIỆT VƯƠNG: In order to continue renovating trade union activity. ● LƯU HÀ VĨ: Scientific faith - prerequisite conditions for the contingent of the lectures of the Marxism - Leninism subject. ● NGUYỄN VĂN ĐẰNG: Lâm Đồng province fulfills the policy of developing the area of ethnic minorities. ● BUI TIẾN DŨNG: Thái Binh province exploits all resources and comprehensively renovates in order to develop sustainably. ● HỒ TẤN SANG: Implementation of Grassroots Democratic Status in Đà Nẵng - the results and problems put forward. ● VŨ VĂN HÒA: Globalisation and internationalism of the working class. ● TRINH THỦY: Exploiting trade interests from "Early Harvest Program" of AFTA/ASEAN - China.

SOMMAIRE

● NGUYỄN VĂN YẾU : Édification de l'État de droit socialiste du Vietnam dans la période d'accélération de l'industrialisation et de la modernisation du pays. ● VŨ NGOC KÝ : La classe paysanne et l'Association de la paysannerie du Vietnam ne cessent pas de contribuer à mener à bien l'œuvre d'industrialisation et de modernisation de l'agriculture et de la campagne. ● NGUYỄN TRỌNG ĐIỀU : Sur l'évaluation, la programmation et la mutation des cadres dirigeants et gestionnaires à l'heure actuelle. ● NGUYỄN VIỆT VƯƠNG : Pour continuer la rénovation des activités des syndicats. ● LƯU HÀ VĨ : La foi scientifique — condition préalable pour le contingent des enseignants du marxisme-léninisme. ● NGUYỄN VĂN ĐẰNG : La province de Lâm Đồng applique la politique pour développer la région peuplée par les ethnies minoritaires. ● BUI TIẾN DŨNG : La province de Thái Binh exploite toutes ses ressources et pratique la rénovation dans tous les domaines pour un développement durable. ● HỒ TẤN SANG : L'application du Règlement de la démocratie à la base à Đà Nẵng et les problèmes posés. ● VŨ VĂN HÒA : La mondialisation et l'internationalisme de la classe ouvrière. ● TRINH THỦY : Tirer des intérêts commerciaux du programme « récolte précoce » de la zone du libre commerce ASEAN-Chine.

SUMARIO

● NGUYỄN VĂN YẾU: La construcción del Estado constitucional socialista de Vietnam en la etapa del impulso de la industrialización y modernización nacional. ● VŨ NGOC KÝ: La clase campesina y la Unión de Campesinos de Vietnam continúan contribuyendo su aporte a cumplir existosamente la industrialización y la modernización agrícola y rural. ● NGUYỄN TRỌNG ĐIỀU: Sobre la apreciación, la programación y la rotación de los cuadros de dirección y gestión en la actualidad. ● NGUYỄN VIỆT VƯƠNG: A fin de continuar renovando las actividades del Sindicato. ● LƯU HÀ VĨ: La fe científica – condición indispensable para el cuerpo de maestros del Marxismo-Leninismo. ● NGUYỄN VĂN ĐẰNG: La provincia de Lâm Đồng en cumplimiento de la política de desarrollar las áreas de minorías étnicas. ● BUI TIẾN DŨNG: La provincia de Thái Binh en explotación de sus recursos y renovación multifacética para un desarrollo estable. ● HỒ TẤN SANG: La práctica de Normas democráticas de las bases en la ciudad de Đà Nẵng – resultados y problemas surgidos. ● VŨ VĂN HÒA: La globalización y el internacionalismo de la clase obrera. ● TRINH THỦY: Explotar los intereses comerciales partidos del programa de "cosecha temprana" de la región de comercio libre ASEAN-China.

目 录

●阮文筠：在大力推动国家工业化、现代化时期建设越南社会主义法制国家●武王其：农民阶级及越南农民协会在胜利实现农业工业化、现代化事业中继续作出贡献●阮仲调：有关目前领导、管理干部的评价、规划以及工作轮换●阮日旺：继续革新工会的活动●刘河伟：对科学充满信心是马克思—列宁主义理论讲师队伍的先决条件●阮文等：林同省落实少数民族同胞地区发展政策●裴进勇：为稳固发展，太平省开发一切资源，全面革新●胡晋创：岷港市落实基层民主规制的结果及一些面临的问题●武文和：全球化与工人阶级的国际主义●郑永：自东盟—中国自由贸易区的“早收获”计划中开发商贸利益。



XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM THỜI KỲ ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA ĐẤT NƯỚC

NGUYỄN VĂN YẾU *

TRONG các văn kiện của Đảng, đặc biệt là Nghị quyết Đại hội IX của Đảng đã khẳng định nhiệm vụ "xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng". Đó chính là sự tiếp tục phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước pháp quyền trong điều kiện mới. Ngay từ buổi đầu được thành lập và trong suốt quá trình xây dựng, phát triển, Nhà nước ta đã mang những yếu tố của Nhà nước pháp quyền của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân, gắn bó chặt chẽ và phục vụ lợi ích của nhân dân, của dân tộc. Nhà nước đã từng bước thực hiện việc quản lý xã hội bằng pháp luật, không ngừng phát huy dân chủ, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa. Thực tiễn đổi mới trong những năm qua đã khẳng định yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng như một xu thế khách quan, mang tính quy luật của quá trình đi lên chủ nghĩa xã hội trong điều kiện phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, mở rộng giao lưu và hợp tác với tất cả

các nước trên thế giới trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của nhau, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau.

Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam chính là xây dựng một nhà nước thực sự của nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng với lý tưởng dân chủ, nhân đạo, công bằng, tất cả vì hạnh phúc của nhân dân; nhà nước được tổ chức và vận hành một cách khoa học, phù hợp với thực tiễn đất nước, tổ chức, hoạt động của nhà nước phải đặt trên cơ sở pháp luật, chịu sự điều chỉnh của pháp luật; nhà nước quản lý xã hội bằng một hệ thống pháp luật vì con người; quyền lực nhà nước được tổ chức theo nguyên tắc thống nhất quyền lực, có sự phân công, phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp, có cơ chế an toàn và hiệu quả ngăn chặn mọi sự lạm quyền, vi phạm lợi ích của nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

* Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch Quốc hội

1 - Quá trình nhận thức của Đảng ta về Nhà nước pháp quyền

Trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng giải phóng dân tộc cũng như xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, Đảng ta luôn quan tâm lãnh đạo việc củng cố, từng bước hoàn thiện bộ máy nhà nước và tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa. Từ khi tiến hành công cuộc đổi mới, xây dựng nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, Đảng ta hết sức coi trọng việc cải cách bộ máy nhà nước, xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật phù hợp với điều kiện mới. Đặc biệt, tại Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII (1994), Đảng ta đã khẳng định phương hướng xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Phương hướng đó được cụ thể hóa một bước tại Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ tám, khóa VII đầu năm 1995. Tại Hội nghị này, 5 quan điểm cơ bản để tiến hành cải cách bộ máy nhà nước theo định hướng xây dựng Nhà nước pháp quyền được xác định. Tiếp đến, tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII, Đảng ta một lần nữa khẳng định 5 quan điểm cơ bản nêu trên. Đó là:

- Xây dựng Nhà nước xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân; lấy liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức làm nền tảng, do Đảng Cộng sản lãnh đạo. Thực hiện đầy đủ quyền làm chủ của nhân dân, giữ nghiêm kỷ cương xã hội, chuyên chính với mọi hoạt động xâm phạm lợi ích của Tổ quốc và nhân dân.

- Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công và phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp.

- Thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ trong tổ chức và hoạt động của Nhà nước.

- Tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam.

Quản lý xã hội bằng pháp luật, đồng thời coi trọng giáo dục, nâng cao đạo đức.

- Tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng (tháng 4-2001) tiếp tục khẳng định nhiệm vụ "xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng" và chỉ rõ "Nhà nước ta là công cụ chủ yếu để thực hiện quyền làm chủ của nhân dân, là Nhà nước pháp quyền của dân, do dân, vì dân".

Như thế, từ khi ra đời cho đến nay, trong đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam luôn quán triệt tư tưởng xây dựng nhà nước của dân, do dân và vì dân ở Việt Nam, coi trọng việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật - phương tiện quan trọng trong quản lý nhà nước.

2 - Các nội dung đặc trưng của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của dân, do dân và vì dân

Trong quá trình xây dựng và từng bước hoàn thiện Nhà nước cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, cho đến nay Nhà nước ta đã ban hành 4 bản Hiến pháp dân chủ, tiến bộ. Đó là Hiến pháp năm 1946, Hiến pháp năm 1959, Hiến pháp năm 1980 và Hiến pháp năm 1992, trong đó quy định về chế độ chính trị, chế độ kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng; quy định về quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân; quy định về tổ chức bộ máy nhà nước phù hợp với thực tiễn các giai đoạn phát triển của cách mạng nước ta.

Từ thực tiễn này, các nội dung đặc trưng của Nhà nước pháp quyền Việt Nam của dân, do dân và vì dân ngày càng được định hình:

Một là: Nhà nước ta là nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân.

Hai là: Xác định quyền lực nhà nước là thống nhất có sự phân công rành mạch và sự

phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp. Đây vừa là nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước ta, vừa là quan điểm chỉ đạo quá trình tiếp tục thực hiện việc cải cách bộ máy nhà nước.

Ba là: Hiến pháp và các đạo luật giữ vị trí tối thượng trong điều chỉnh các quan hệ thuộc tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội.

Bốn là: Nhà nước tôn trọng và bảo đảm quyền con người, quyền công dân; nâng cao trách nhiệm pháp lý giữa Nhà nước và công dân, thực hành dân chủ, đồng thời tăng cường kỷ cương, kỷ luật.

Năm là: Nhà nước tôn trọng và thực hiện đầy đủ các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

Sáu là: Bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, sự giám sát của nhân dân và sự phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận.

Như vậy, xuất phát từ bản chất của chế độ, điều kiện, hoàn cảnh lịch sử cụ thể, ngoài việc đáp ứng các yêu cầu, đặc điểm cơ bản của Nhà nước pháp quyền nói chung thì Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam còn có những đặc trưng riêng thể hiện rõ nét bản chất của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Đó là:

- Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước mà ở đó quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công rành mạch và phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp; không tam quyền phân lập; mọi cách thức tổ chức và hoạt động của Nhà nước đều có mục đích chung là vì lợi ích xã hội, lợi ích quốc gia, dân tộc và lấy việc phục vụ nhân dân làm mục đích duy nhất và tối cao.

- Việc xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam được

thực hiện trong điều kiện một đảng cầm quyền duy nhất là Đảng Cộng sản Việt Nam.

3 - Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước

Trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, việc tiếp tục xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam cần tập trung vào một số việc sau đây:

1 - Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong điều kiện nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập kinh tế quốc tế, Nhà nước phải luôn luôn chú trọng kết hợp thực hiện tốt chức năng xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, hoạch định chính sách, xây dựng pháp luật, tổ chức thực hiện pháp luật và chính sách đó; phải luôn luôn gắn bó chặt chẽ nhiệm vụ phát triển kinh tế với bảo đảm quốc phòng, an ninh.

2 - Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam phải dựa vào lực lượng nhân dân, phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa; phải xuất phát từ nguyện vọng và lợi ích của nhân dân và dựa trên nguyên tắc tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân.

3 - Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam được tổ chức và phân công quyền lực nhà nước thực sự khoa học, phát huy mạnh mẽ hiệu lực, hiệu quả quản lý nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Nhà nước thực hiện ba quyền thống nhất có sự phân công rành mạch, trong đó, đề cao trách nhiệm, tính chủ động và sự phối hợp hoạt động của các cơ quan trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp; thực hiện sự phân cấp hợp lý quyền lực nhà nước giữa chính quyền trung ương và chính quyền địa phương; xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở vững mạnh, bảo đảm thực hiện có hiệu quả chủ trương, đường lối, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Để xây dựng Nhà nước vững mạnh, cần tiếp tục đổi mới tổ chức và

hoạt động của Quốc hội, đẩy mạnh cải cách hành chính, cải cách tư pháp; xác định rõ tính chất, vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ, mô hình tổ chức của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp; tiếp tục nghiên cứu làm rõ mô hình tổ chức các cơ quan tư pháp (tòa án, viện kiểm sát, cơ quan điều tra) cho phù hợp với yêu cầu mới; tăng cường vai trò quản lý vĩ mô của Nhà nước trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập kinh tế quốc tế. Các cơ quan nhà nước thực hiện quản lý nhà nước đối với các hoạt động kinh tế, bảo đảm sự bình đẳng giữa các thành phần kinh tế. Theo đó:

- *Quốc hội* phải thật sự là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất; thực hiện chức năng lập hiến, lập pháp, quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước và thực hiện quyền giám sát tối cao đối với toàn bộ hoạt động của Nhà nước. Tổ chức và hoạt động của Quốc hội cần được đổi mới mạnh hơn nữa theo hướng tăng cường chất lượng và vị thế của đại biểu Quốc hội, nâng cao chất lượng hoạt động của Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội; tăng cường số đại biểu Quốc hội chuyên trách đến tỷ lệ hợp lý (khoảng 40% hoặc 50% tổng số đại biểu Quốc hội); tiếp tục đổi mới mạnh mẽ hơn nữa quy trình xây dựng luật, pháp lệnh, đổi mới phương thức giám sát và cách thức quyết định ngân sách nhà nước.

- *Chính phủ* phải nâng cao hiệu lực hoạt động của mình, thật sự là cơ quan chấp hành của Quốc hội, cơ quan hành chính nhà nước cao nhất của Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; tổ chức thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại của đất nước; phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; thực hiện mọi chính sách, biện pháp hữu hiệu nhằm không ngừng nâng cao đời sống vật chất và đời sống văn hóa, tinh thần của nhân dân;

xác định rõ hơn trách nhiệm của Chính phủ và từng Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ trong việc quản lý ngành, lĩnh vực phụ trách; cải tiến việc phân định, phân cấp trách nhiệm, thẩm quyền giữa các cấp chính quyền theo hướng phân cấp mạnh hơn nữa cho địa phương kết hợp với quản lý theo ngành và theo lãnh thổ. Chính phủ khẩn trương hoàn thiện hợp lý cơ cấu tổ chức bộ máy của mình theo hướng quản lý vĩ mô và mô hình quản lý đa ngành, đa lĩnh vực; từng bước sắp xếp, tổ chức lại các bộ, ngành ở trung ương, bảo đảm tinh gọn, hợp lý và được hiện đại hóa.

Tiếp tục quán triệt chủ trương đẩy mạnh cải cách hành chính nhà nước một cách sâu rộng, toàn diện, đồng bộ từ trung ương đến địa phương, cơ sở. Tập trung cải cách thể chế hành chính; cải cách thủ tục hành chính theo hướng đơn giản hóa các thủ tục trong các lĩnh vực có tác động trực tiếp tới đời sống và sản xuất kinh doanh của nhân dân; loại bỏ những khâu xin phép, xét duyệt không cần thiết; công khai các quy định, thủ tục hành chính; triển khai trong các cấp hành chính của cả nước thực hiện cơ chế "một cửa"; chấn chỉnh việc ban hành các thủ tục hành chính và quy định lệ phí, bảo đảm chặt chẽ; nâng cao chất lượng giải quyết các khiếu kiện của nhân dân; chấn chỉnh bộ máy và quy chế hoạt động của hệ thống hành chính; cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức và đào tạo, bồi dưỡng theo yêu cầu chuyên nghiệp hóa, nâng cao chất lượng cả về phẩm chất và năng lực, kiên quyết khắc phục mọi biểu hiện quan liêu, tham nhũng, thoái hóa, biến chất và các tiêu cực khác trong hệ thống hành chính; loại bỏ cán bộ, công chức kém phẩm chất và năng lực ra khỏi bộ máy hành chính nhà nước. Thực hiện cơ chế bãi miễn những người không xứng đáng. Có những giải pháp đồng bộ để khắc phục cho được thái độ vô trách nhiệm của một bộ phận không nhỏ cán bộ, công chức trong bộ máy nhà nước. Đó là thái độ làm việc thụ động,

né tránh khó khăn, sợ va chạm, cốt sao giữ yên được vị trí trong cơ quan nhà nước. Kiên quyết xóa bỏ mọi rào cản đối với công cuộc cải cách hành chính.

- Xác định Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân trong một thể thống nhất của chính quyền địa phương. Hội đồng nhân dân là cơ quan đại biểu đại diện cho nhân dân địa phương, hoạt động mang tính tự quản, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật. Ủy ban nhân dân do Hội đồng nhân dân cùng cấp bầu là cơ quan thường trực của Hội đồng nhân dân và là cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương.

- Đổi mới tổ chức và hoạt động tư pháp để xây dựng một nền tư pháp Việt Nam vững mạnh, minh bạch, bảo đảm công lý, công bằng, dân chủ, tận tụy phục vụ nhân dân. Phải xuất phát từ mục tiêu lấy tổ chức và hoạt động của tòa án làm trung tâm của cải cách tư pháp.

Thực hiện việc tổ chức tòa án theo cấp xét xử (sơ thẩm và phúc thẩm); không tổ chức tòa án gắn với đơn vị hành chính; xây dựng hệ thống tòa án theo hướng: Tòa án sơ thẩm khu vực được tổ chức ở một hoặc một số đơn vị hành chính cấp huyện; Tòa án cấp tỉnh chủ yếu xét xử phúc thẩm, Tòa thượng thẩm được tổ chức theo khu vực để xét xử phúc thẩm các vụ án mà Tòa án cấp tỉnh đã xét xử sơ thẩm mà có kháng cáo, kháng nghị, Tòa án Nhân dân tối cao có nhiệm vụ xét xử các vụ án theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm và làm nhiệm vụ tổng kết kinh nghiệm xét xử, hướng dẫn các tòa án áp dụng thống nhất pháp luật, ban hành án lệ.

Viện Kiểm sát thực hiện chức năng công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp cần được tổ chức phù hợp với hệ thống tổ chức của tòa án. Nghiên cứu thành lập Viện Công tố thuộc Chính phủ và tiến tới thực hiện cơ chế: cơ quan công tố chỉ đạo, chỉ huy điều tra.

Chính quy hóa lực lượng điều tra, nghiên cứu tổ chức lại cơ quan điều tra theo hướng thu

gọn đầu mối, có thể thành hệ thống cơ quan độc lập thuộc Chính phủ hoặc thuộc hệ thống cơ quan công tố. Đổi mới công tác thi hành án theo hướng tập trung thống nhất quản lý vào một đầu mối (Bộ Tư pháp).

Nghiên cứu thành lập Tòa án Hiến pháp (hoặc Ủy ban bảo hiến) với chức năng bảo vệ Hiến pháp bằng thẩm quyền xét xử để ra phán quyết về sự vi phạm Hiến pháp của các văn bản quy phạm pháp luật, xét xử các quyết định, hành vi vi phạm Hiến pháp của cơ quan và cá nhân có thẩm quyền trong bộ máy nhà nước và làm nhiệm vụ giải thích Hiến pháp, luật pháp (trong điều kiện còn ban hành pháp lệnh thì giải thích cả pháp lệnh).

4 - Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng trong quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam bằng việc định hướng về tổ chức bộ máy nhà nước, lựa chọn, giới thiệu cán bộ để giữ các vị trí chủ chốt trong bộ máy nhà nước, lãnh đạo cơ quan nhà nước thể chế hóa chủ trương, nghị quyết của Đảng thành pháp luật; tăng cường quản lý và kiểm tra tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên hoạt động trong bộ máy nhà nước, vừa bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, vừa phát huy được tính chủ động, năng động và tự chịu trách nhiệm của những người đứng đầu của các cơ quan lập pháp, hành pháp, tư pháp.

Như vậy, xây dựng và hoàn thiện Nhà nước ta theo hướng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa là một quá trình tương đối lâu dài với những bước đi vững chắc gắn liền với quá trình đổi mới kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh, phát triển nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và tiếp tục đổi mới hệ thống chính trị. Chúng ta tin tưởng rằng, dưới sự lãnh đạo của Đảng, với sự nỗ lực phấn đấu bền bỉ của Nhà nước và nhân dân ta, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân sẽ được tiếp tục xây dựng và trở thành hiện thực ở Việt Nam. □

GIẢI CẤP NÔNG DÂN VÀ HỘI NÔNG DÂN VIỆT NAM TIẾP TỤC GÓP PHẦN THỰC HIỆN THẮNG LỢI SỰ NGHIỆP CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN

VŨ NGỌC KỲ *

CÁCH đây 75 năm, ngày 14-10-1930, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam - tổ chức chính trị - xã hội của giai cấp nông dân được thành lập. Chặng đường lịch sử 75 năm xây dựng và trưởng thành của Hội Nông dân Việt Nam gắn liền với lịch sử của Đảng, và của cách mạng nước ta.

Nông dân nước ta chiếm hơn 70% số dân cả nước, giàu lòng yêu nước và nhiệt tình cách mạng, chịu đựng gian khổ, hy sinh, lao động cần cù, sáng tạo; là đội quân chủ lực của cách mạng.

Đảng và Nhà nước ta luôn đánh giá cao vai trò của giai cấp nông dân. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: "Nông dân ta chí khí rất anh dũng, kinh nghiệm rất nhiều, lực lượng rất to. Điều đó đã tỏ rõ trong thời kỳ cách mạng và kháng chiến. Nếu lãnh đạo tốt, thì khó khăn gì họ cũng khắc phục được, việc gì to lớn mấy họ cũng làm được"⁽¹⁾, "Nông dân lao động đã thành cột trụ của chính quyền ở nông thôn"⁽²⁾.

Chặng đường lịch sử 75 năm qua, Hội Nông dân Việt Nam đã tập hợp rộng rãi giai cấp nông dân đoàn kết xung quanh Đảng Cộng sản Việt Nam, đấu tranh giành độc lập, tự do

cho Tổ quốc; góp phần to lớn vào công cuộc xây dựng đất nước ngày càng phồn thịnh.

Trong cách mạng giải phóng dân tộc, Hội Nông dân đã vận động, đoàn kết tập hợp đông đảo lực lượng đẩy mạnh sản xuất, huy động sức người, sức của, vật chất và tinh thần phục vụ kháng chiến. Hàng chục triệu nông dân đã tham gia quân đội, du kích, thanh niên xung phong mở đường, tiếp lương tải đạn phục vụ các chiến trường. Trong kháng chiến chống giặc ngoại xâm, với tinh thần vừa kháng chiến vừa kiến quốc, "Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để chiến thắng", "Một tấc không đi, một ly không rời", "Thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người", nông dân hai miền Nam - Bắc đã đóng góp to lớn cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất Tổ quốc.

Đất nước thống nhất, bước vào thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội, nhất là qua gần 20 năm thực hiện công cuộc đổi mới, Hội Nông dân Việt Nam tiếp tục làm tốt cuộc vận động

* TS, Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ tịch Ban Chấp hành Hội Nông dân Việt Nam

(1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t 9, tr 196

(2) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 7, tr 9

nông dân đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới. Mặc dầu phải thường xuyên đối phó với thiên tai và chịu ảnh hưởng trước những diễn biến phức tạp của tình hình thế giới, sản xuất nông nghiệp của nước ta vẫn liên tục tăng trưởng, phát triển toàn diện và từng bước vững chắc. Nhiều phong trào thi đua được đẩy lên, nhiều mô hình nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi đã xuất hiện ở hầu khắp các địa phương. Sản xuất lương thực có bước tiến lớn, đưa nước ta không những thoát khỏi tình trạng thiếu lương thực triền miên mà trở thành cường quốc xuất khẩu gạo trên thế giới. Nhiều sản phẩm như cao-su, hạt tiêu, hạt điều, cà-phê, thủy hải sản... xuất khẩu đứng thứ hạng cao trong khu vực và thế giới. Tăng trưởng kinh tế đi đôi với chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phát triển nông thôn. Cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn đã chuyển dịch theo hướng công nghiệp và dịch vụ với hiệu quả kinh tế ngày càng cao, diện mạo nông thôn ngày càng đổi mới, đời sống của nông dân ngày càng được cải thiện đáng kể.

Trong những năm gần đây, Hội Nông dân Việt Nam đã tổ chức và thực hiện tốt nhiều cuộc vận động, các phong trào thi đua lớn, khơi dậy và thu hút hàng triệu hội viên tham gia, đạt được nhiều thành tựu đáng ghi nhận. Phong trào nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau xóa đói, giảm nghèo và làm giàu chính đáng đã phát triển sâu rộng và đạt hiệu quả cao. Đến nay, hàng chục triệu hộ nông dân đạt tiêu chuẩn sản xuất kinh doanh giỏi các cấp, hàng triệu hộ nông dân đã được giúp đỡ và tự mình vươn lên thoát cảnh đói nghèo. Hội Nông dân đã phối hợp với các ngành chức năng tiến hành tập huấn kỹ thuật cho hơn 12 triệu lượt hộ nông dân; xây dựng 110 nghìn điểm trình diễn kỹ thuật, 53 nghìn cuộc hội thảo về khoa học - kỹ thuật, canh tác với hơn 3 triệu người tham gia; tổ chức chuyển giao tiến bộ kỹ thuật cho hơn 30 triệu lượt nông dân. Hội cũng đã phối hợp

với các ngân hàng để tổ chức vận động và tín chấp cho hơn 10 triệu lượt hộ nông dân vay 37 nghìn tỉ đồng để phát triển sản xuất. Phong trào nông dân thi đua xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn ngày càng phát triển sâu rộng. Phong trào nông dân tham gia xây dựng gia đình văn hóa, làng, xã văn hóa, thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh trật tự ở nông thôn, vận động nông dân xây dựng nếp sống mới, bài trừ các hủ tục lạc hậu... thu hút đông đảo nông dân khắp mọi vùng tham gia.

Hội Nông dân đã tích cực vận động cán bộ, hội viên tham gia phát triển các thành phần kinh tế; xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng ở nông thôn. Nhờ đó bộ mặt nông thôn được thay đổi căn bản, kinh tế nông thôn ngày càng phát triển. Hiện nay, diện tích lúa được tưới chủ động đạt 84,8%, trên 90% số xã có đường ô-tô đến trung tâm, 80% số hộ nông dân được sử dụng điện, 58% số hộ được sử dụng nước sạch, 77,6% số xã có điểm bưu điện văn hóa xã, 35% số xã kết nối in-tơ-nét, 97,2% số xã có máy điện thoại. Công cuộc xóa đói, giảm nghèo, nâng cao mức sống của nông dân là một thành tựu lớn, đến nay chỉ còn 7% số hộ đói nghèo. Đời sống vật chất, tinh thần của nông dân các vùng, miền được cải thiện rõ rệt. Tình hình chính trị ở nông thôn ổn định, góp phần quan trọng vào việc xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Bước vào thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế, nông dân, nông thôn, nông nghiệp nước ta đang đối diện với nhiều thách thức nghiệt ngã: nền nông nghiệp nước ta cơ bản vẫn là sản xuất nhỏ, chưa phát triển, tỷ suất hàng hóa, kỹ thuật sản xuất, sức cạnh tranh và thương hiệu hàng hóa còn thấp hơn nhiều nước trong khu vực và trên thế giới. Thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, xây dựng nông thôn mới văn minh, hiện đại, công bằng, dân chủ, góp phần thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, là một nhiệm vụ to lớn của

toàn Đảng, toàn dân ta, trong đó trách nhiệm của Hội Nông dân Việt Nam là rất nặng nề.

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn là quá trình chuyển đổi căn bản, toàn diện các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và quản lý kinh tế - xã hội, mà ở đó nông dân là lực lượng chính trị - xã hội chủ thể, là lực lượng sản xuất căn bản, đóng vai trò quyết định. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn phải là quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, gắn với công nghiệp chế biến và thị trường; thực hiện cơ khí hóa, điện khí hóa, thủy lợi hóa, ứng dụng các thành tựu khoa học - công nghệ, trước hết là công nghệ sinh học vào sản xuất, nhằm đạt năng suất, chất lượng, hiệu quả kinh tế cao. Theo đó, phải đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng tăng mạnh tỷ trọng giá trị sản phẩm và lao động các ngành công nghiệp và dịch vụ; giảm dần tỷ trọng sản phẩm và lao động nông nghiệp; xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển nông thôn; bảo vệ môi trường sinh thái; xây dựng nông thôn công bằng, dân chủ, văn minh, không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nông dân.

Là tổ chức chính trị - xã hội rộng lớn của giai cấp nông dân, Hội Nông dân Việt Nam luôn nắm vững và bám sát đường lối của Đảng về công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn; tổ chức vận động nông dân tham gia phát triển sản xuất kinh doanh, xóa đói giảm nghèo và làm giàu chính đáng, xây dựng nông thôn mới, bảo vệ lợi ích thiết thực của người nông dân. Đó là những động lực rất cơ bản để Hội thu hút, tập hợp nông dân và xây dựng Hội vững mạnh.

Trước yêu cầu của thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, mà công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn là một trọng điểm, Hội Nông dân tiếp tục đổi mới để vươn lên xứng đáng với vai trò nòng cốt của phong trào nông dân trong thời kỳ mới.

Một là, phát huy truyền thống yêu nước của giai cấp nông dân trong lao động sản xuất, thực hiện thành công chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn giai đoạn 2005 - 2010 với nhịp độ nhanh, cân đối, hài hòa giữa trồng trọt với chăn nuôi, giữa ngành nghề truyền thống với xây dựng các cụm khu công nghiệp; hình thành các vùng kinh tế sản xuất hàng hóa tập trung, cung cấp đủ lương thực thực phẩm và nguyên liệu cho công nghiệp, có năng lực cạnh tranh và xuất khẩu. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế là tiền đề vật chất cho công nghiệp hóa nói chung, công nghiệp chế biến nói riêng, đồng thời tạo ra sự tăng trưởng và tích lũy từ nông nghiệp, nông thôn, góp phần ổn định chính trị, xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho dân cư ở nông thôn.

Để thực hiện cơ giới hóa nông nghiệp, đồng thời giải quyết tốt lực lượng lao động dư thừa lớn ở nông thôn, nhằm xây dựng và phát triển nền sản xuất hàng hóa, với hiệu quả kinh tế cao, tạo ra nhiều việc làm để thu hút lao động, chuyển đổi lao động từ thuần nông sang sản xuất kinh doanh tổng hợp, sang công nghiệp, dịch vụ, Hội Nông dân tiếp tục kết hợp cùng các ngành chức năng có liên quan tổ chức đào tạo, dạy nghề mới cho nông dân.

Hai là, phát huy nội lực, tính cần cù, sáng tạo của nông dân. Đẩy mạnh lưu thông hàng hóa nông sản; xây dựng nông nghiệp, nông thôn là thị trường rộng lớn và cung cấp nguồn nhân lực cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Nông dân nước ta tuy đông, nhưng sức mua hiện nay còn thấp, tiềm năng còn rất lớn. Vì vậy, kinh tế muốn phát triển bền vững, ổn định phải có thị trường rộng lớn, trong đó thị trường trong nước là chủ yếu, đối tượng lớn là nông dân. Hàng hóa nông sản được chế biến, tiêu thụ và xuất khẩu sẽ kích thích sản xuất phát triển, từ đó tạo thêm nhiều việc làm, thu nhập của nông dân tăng lên. Sức mua của nông dân tăng chính là tạo ra thị trường thúc đẩy sản xuất hàng hóa và xuất khẩu. Đẩy mạnh phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và

dịch vụ để tạo việc làm và tăng thu nhập. Phát triển nguồn nhân lực, đào tạo tay nghề để nâng cao trình độ cho người sản xuất. Cần coi trọng công tác giáo dục - đào tạo, mở mang dân trí, bồi dưỡng nhân lực trên địa bàn nông thôn.

Ba là, tổ chức tốt phong trào thi đua yêu nước của nông dân về xây dựng kết cấu hạ tầng, xây dựng nông thôn mới, xây dựng gia đình nông dân văn hóa, thôn, ấp, bản làng văn hóa, phong trào thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, giúp nhau xóa đói giảm nghèo và làm giàu.

Các cấp Hội tập trung chỉ đạo thực hiện tốt các nhiệm vụ: phổ biến, tuyên truyền sâu rộng chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về kinh tế - xã hội cho nông dân, làm cho cán bộ, hội viên hiểu và thực hiện tốt các nhiệm vụ. Đồng thời, nắm chắc tâm tư, nguyện vọng của nông dân, cán bộ, hội viên để tham mưu với Đảng và Nhà nước đề ra các chủ trương, chính sách mới phù hợp với tình hình thực tế.

Tổ chức tốt các phong trào thi đua yêu nước của nông dân, xây dựng nông thôn mới văn minh, hiện đại. Tiếp tục đẩy mạnh các phong trào nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau xóa đói giảm nghèo và làm giàu chính đáng; xây dựng gia đình văn hóa mới, tham gia xây dựng làng, xã văn hóa; phong trào nông dân tham gia bảo đảm quốc phòng, an ninh. Tuyên truyền, vận động, hướng dẫn hội viên, nông dân phát huy nội lực, chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi, mùa vụ, nâng cao giá trị thu nhập. Phát triển ngành nghề, dịch vụ, chuyển dịch lao động nông nghiệp sang khu vực công nghiệp, dịch vụ. Từ đó, thu hút lao động nhàn rỗi, giải quyết việc làm tại chỗ theo phương châm "ly nông bất ly hương", thúc đẩy nhanh quá trình phân công lại lao động nông nghiệp. Đẩy mạnh liên kết "bốn nhà" (nhà nông - nhà nước - nhà khoa học - nhà doanh nghiệp) để tạo điều kiện thuận lợi nhất cho nông dân phát

triển kinh tế - xã hội. Tiếp tục nhân các điển hình tiên tiến, sản xuất kinh doanh giỏi.

Trong thời gian tới, các cấp Hội tiếp tục đẩy mạnh cuộc vận động nông dân tích cực thực hiện nếp sống văn minh, tiết kiệm, trước hết trong việc cưới, việc tang và tổ chức lễ hội. Phấn đấu có 60% gia đình trở lên đạt danh hiệu gia đình văn hóa. Đẩy mạnh công tác dân số - gia đình và trẻ em. Xây dựng và nhân rộng mô hình gia đình nông dân phát triển bền vững theo chuẩn mực: no ấm, mạnh khỏe, bình đẳng, tiến bộ và hạnh phúc. Vận động nông dân tham gia bảo vệ và xây dựng đường biên giới, thực hiện tốt công tác dân tộc và tôn giáo trong tình hình mới, góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở nông thôn.

Tổ chức các hoạt động dịch vụ hỗ trợ nông dân phát triển sản xuất kinh doanh về kỹ thuật, tín dụng, thương mại... Phối hợp với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ngân hàng Chính sách xã hội nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho nông dân vay vốn để phát triển sản xuất. Xây dựng Quỹ Hỗ trợ nông dân để có điều kiện giúp đỡ nông dân gặp hoàn cảnh khó khăn có vốn để sản xuất... Tham gia xây dựng, thực hiện các dự án kinh tế - xã hội trong nước và nước ngoài để tạo vốn hỗ trợ cho nông dân. Tổ chức liên kết giữa nông dân, hợp tác xã với các doanh nghiệp cung ứng vật tư, doanh nghiệp chế biến nông - lâm, thủy sản, các tổ chức tín dụng... để các doanh nghiệp này thu mua sản phẩm, cung ứng vật tư cho nông dân theo phương thức trả chậm. Vận động nông dân tham gia thực hiện các chương trình dự án phát triển kinh tế - xã hội của Nhà nước, các chương trình phối hợp với các bộ, ngành ở trung ương và địa phương.

Phối hợp với các cấp các ngành để tham gia chuyển dịch lao động sang phi nông nghiệp, hỗ trợ đào tạo dạy nghề, tạo điều kiện cho các hộ nông dân không còn đất sản xuất có

(Xem tiếp trang 16)



VỀ ĐÁNH GIÁ, QUY HOẠCH VÀ LUÂN CHUYỂN CÁN BỘ LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ HIỆN NAY

NGUYỄN TRỌNG ĐIỀU *

CHỦ nghĩa Mác - Lê-nin xác định, vấn đề cán bộ là một trong những nhân tố căn bản xuyên suốt mọi khâu, mọi quá trình và có tính quyết định tạo nên thắng lợi của cách mạng vô sản. C. Mác, Ph. Ăng-ghe-nơ và V.I. Lê-nin không ngừng xây dựng một quan điểm rõ ràng, một phương pháp luận nhất quán về công tác cán bộ. Tiếp thu và phát triển sáng tạo tư tưởng đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta luôn phát triển lý luận về cán bộ và công tác cán bộ phù hợp với đặc điểm của cách mạng Việt Nam, đặt nền tảng cho việc hoạch định chính sách cán bộ của Đảng và Nhà nước ta trên nhiều phương diện, trong đó có vấn đề đánh giá, quy hoạch và luân chuyển cán bộ.

Khác với đánh giá, nhận xét con người một cách thông thường trong quan hệ xã hội, đánh giá cán bộ là một công việc của tổ chức, được tiến hành theo những quy trình và nguyên tắc nhất định, là thẩm quyền của tập thể và người đứng đầu tổ chức, nhằm xem xét phẩm chất, năng lực và hiệu quả công tác của cán bộ, làm cơ sở cho việc bố trí, sử dụng cán bộ. Đây là nhiệm vụ của tổ chức, hơn nữa lại là nhiệm vụ chứa đựng nhiều yếu tố, nhiều dữ kiện, đụng chạm đến con người và tổ chức, cho nên phải

dựa trên những nguyên tắc có tính chuẩn mực và một phương pháp luận khoa học.

Trên cơ sở đánh giá cán bộ, công tác quy hoạch là định hướng nhằm phát triển toàn diện cho cán bộ, tạo ra khuôn khổ pháp lý và chuẩn mực cho sự sàng lọc, lựa chọn, sử dụng cán bộ. Khác với những quy hoạch thông thường, quy hoạch cán bộ luôn nằm trong trạng thái mở, trạng thái động - tức là nó thường xuyên được rà soát, chỉnh lý, bổ sung, phù hợp với yêu cầu công việc, yêu cầu thực tế khách quan của từng thời kỳ cách mạng.

Luân chuyển cán bộ là một khâu không thể thiếu trong công tác cán bộ. Luân chuyển cán bộ có sự khác biệt với chuyển đổi, điều động cán bộ. Luân chuyển cán bộ quản lý, lãnh đạo là sự bố trí có định hướng thuộc nội dung của quy hoạch, nhằm mục đích rèn luyện, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, phục vụ cho sự phát triển của công tác quy hoạch.

Công tác đánh giá, quy hoạch, luân chuyển cán bộ ở nước ta trong từng giai đoạn cách mạng, có những đặc điểm và yêu cầu khác nhau. Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, đế quốc Mỹ và sau khi thống nhất

* PGS, TS, Thứ trưởng Bộ Nội vụ

đất nước, cho đến trước thời kỳ đổi mới, công tác cán bộ chủ yếu là thực hiện việc chuyển chuyển, điều động cán bộ vào những nơi và những vị trí cần thiết, cấp bách (như tập kết cán bộ miền Nam ra Bắc, đưa cán bộ vào Nam trong giai đoạn chống đế quốc Mỹ, điều động cán bộ vào Nam sau khi thống nhất...). Việc quy hoạch và luân chuyển cán bộ chỉ dừng lại và được thực hiện đan xen với điều động mà chưa hình thành thật rõ nét những nhận thức mới trong công tác luân chuyển cán bộ. Chỉ từ sau Đại hội lần thứ VI, trước yêu cầu mới, trên cơ sở đổi mới tư duy một cách toàn diện, việc quy hoạch và đặc biệt là luân chuyển cán bộ nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ ngang tầm với yêu cầu phát triển của đất nước mới hình thành rõ rệt.

Bước vào thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, công tác đánh giá, quy hoạch, luân chuyển cán bộ tiếp tục có những bước phát triển mới do sự phát triển của đời sống kinh tế - xã hội mang lại. Tuy nhiên, các hoạt động này cũng chịu sự tác động của nhiều nhân tố khác nhau: sự phát triển của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, của tiến trình toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế... Sự tác động đa chiều đó đang đặt ra cho công tác đánh giá, quy hoạch và luân chuyển cán bộ những vấn đề mới về nhận thức, căn cứ, tiêu chuẩn, nguyên tắc, phương pháp, quy trình và trách nhiệm của các cấp.

Về đánh giá cán bộ: Đây là công việc thường xuyên nhưng hết sức quan trọng. Nó xác định rõ đạo đức, tài năng, trí tuệ của cán bộ trên cương vị được giao. Đánh giá cán bộ là một việc hệ trọng, phụ thuộc vào nhiều yếu tố động, trong đó chính yếu tố con người lại là quan trọng nhất. Vì vậy, muốn đánh giá đúng cán bộ, người đánh giá cán bộ phải là người ngang tầm với nhiệm vụ được giao. Hay nói cách khác, đánh giá cán bộ là đi tìm những

người tài đức, mà để tìm được những người tài đức phải cần có người đức tài tương xứng. Nói rõ hơn là, người đánh giá cán bộ phải là người có đủ tư cách, đủ năng lực và đủ uy tín. Nếu chúng ta dàn bằng tất cả các tiêu chí khi đánh giá cán bộ thì sẽ không thấy hết được sự nổi trội của tài năng, và không thể nhận thức đúng, trúng những mặt mạnh, yếu của cán bộ được đánh giá. Nếu cho điểm đối với từng tiêu chí thì có thể dẫn đến tình trạng một người đạt điểm trung bình khá cho tất cả các tiêu chí sẽ là người có điểm tổng hợp cao nhất. Điều đó không đem lại sự phối hợp thỏa đáng cho việc lựa chọn, quy hoạch đúng cán bộ!. Ở Phi-líp-pin, người ta đánh giá thị trường nào thu thuế cao nhất, hiệu quả nhất sẽ là thị trường giỏi nhất. Phải chăng chúng ta cũng cần xác định mỗi ngành, mỗi địa phương xác định một số nhiệm vụ quan trọng nhất và dựa vào đó mà đánh giá cán bộ; đồng thời, cùng với đó là các tiêu chí bắt buộc khác như đạo đức, quan điểm, năng lực và những tiêu chí tham chiếu khác?

Trước hết, để đổi mới công tác đánh giá cán bộ, phải tiếp tục đổi mới tư duy về cán bộ, về xây dựng đội ngũ cán bộ và về yêu cầu đối với họ trong hoàn cảnh mới. Cần vượt qua định kiến, những kinh nghiệm lạc hậu để xây dựng một tư duy mới về người lãnh đạo, quản lý hiện nay. Trên cơ sở tổng kết, rút ra những bài học kinh nghiệm về công tác đánh giá cán bộ qua mỗi thời kỳ cách mạng, tiếp tục xây dựng hệ thống giá trị của người lãnh đạo, quản lý trong điều kiện phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân và lộ trình hội nhập kinh tế quốc tế. Nghĩa là xây dựng một hệ thống khung chuẩn về tiêu chuẩn cho các chức danh lãnh đạo, quản lý, lấy đó làm cơ sở cho công tác đánh giá các loại cán bộ lãnh đạo, quản lý.

Để bảo đảm sự sát hợp, chính xác và kịp thời, cần phân cấp mạnh cho các cấp ủy, người đứng đầu các cấp, các ngành trên cơ sở hệ thống khung chuẩn về tiêu chuẩn cán bộ do Trung ương xác định, chủ động xây dựng và quy định các tiêu chuẩn, chức danh cụ thể cho từng loại cán bộ thuộc quyền các cấp quản lý và sử dụng cả về định lượng và định tính để làm căn cứ đánh giá cán bộ.

Nếu cấp trên chỉ quản lý người đứng đầu tổ chức đảng và chính quyền cấp dưới trực tiếp thì khi đánh giá cán bộ những người này phải chịu trách nhiệm chính. Như vậy, trên cơ sở chiến lược cán bộ của Đảng, cấp trung ương xây dựng các quan điểm, chủ trương giải pháp lớn tạo khuôn khổ chung cho công tác cán bộ nói chung, đánh giá cán bộ nói riêng, đồng thời đánh giá cán bộ thuộc cấp mình quản lý, mạnh dạn giao trách nhiệm đánh giá cán bộ cho cấp ủy các cấp, các ngành một cách cụ thể nhằm đánh giá sát, đúng, chính xác cán bộ trong hoàn cảnh cụ thể theo công việc được giao, điều kiện địa phương và yêu cầu khách quan của sự nghiệp cách mạng.

Khi đánh giá cán bộ, cần đa dạng hóa hình thức với nhiều "kênh" khác nhau: cá nhân, tập thể, thủ trưởng cơ quan, cấp ủy..., trong đó ý kiến người đứng đầu tổ chức đảng, chính quyền được xem là một "kênh" chính thức, độc lập cần được đặc biệt quan tâm. Ở đây, người đứng đầu cơ quan, tổ chức phải chịu trách nhiệm trước tập thể cấp ủy, chính quyền về những đánh giá của mình và đây được xem là một trong những cơ sở quan trọng trong việc luân chuyển, đề bạt cán bộ. Tuy nhiên, ý kiến đánh giá của tập thể cấp ủy là quyết định chính thức cuối cùng. Trong trường hợp ý kiến đánh giá của tập thể và người đứng đầu không thống nhất thì ý kiến của người đứng đầu phải được bảo lưu và trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định. Nên thêm sự đánh giá giữa nhiệm kỳ dưới các hình thức thích hợp và coi đó là

những hoạt động thường xuyên, nền nếp. Việc đẩy mạnh dân chủ hóa trong đánh giá cán bộ phải được thể hiện bằng một cơ chế tiếp nhận sự tham gia của quần chúng nhân dân mới đem lại hiệu quả thiết thực. Nếu chúng ta khép kín thì không tránh khỏi tính chủ quan, võ đoán và sự thiên lệch. Và nếu chỉ nêu quan điểm dân chủ mà không có cơ chế, phương thức, biện pháp tiến hành dân chủ hóa trong đánh giá cán bộ thì cũng khó đánh giá đúng và toàn diện cán bộ. Cần công khai hóa công tác đánh giá, nội dung được đánh giá và ý kiến phản hồi của người được đánh giá trong khuôn khổ tổ chức, cơ quan để đương sự và mọi thành viên trong cơ quan biết.

Về quy hoạch cán bộ: Có thể nói, lâu nay, các bộ, ngành, các địa phương thường xuyên làm quy hoạch cán bộ. Song hiệu quả của quy hoạch lại rất thấp và bị chi phối bởi nhiều yếu tố chủ quan, thậm chí phụ thuộc vào ý chí người đứng đầu tổ chức. Có thể đưa ra ví dụ: một số địa phương, ở nhiệm kỳ này, cấp ủy và chính quyền đưa ra một quy hoạch, nhưng sang nhiệm kỳ sau, cấp ủy mới lại đưa ra một quy hoạch khác và quy hoạch cũ có thể bị phế bỏ, do chưa quy định rõ trách nhiệm của người đứng đầu, thậm chí của cả tổ chức có trách nhiệm khi thực hiện quy hoạch cán bộ. Nhiều trường hợp lệch quy hoạch, sai quy hoạch, nhưng không có ai chịu trách nhiệm. Đó là một thực tế. Vậy phải chăng, đối tượng đưa vào diện quy hoạch là một tập thể, chứ không phải là một cá nhân với một vị trí cụ thể? Mỗi cá nhân có thể dự bị cho một vài chức danh, mỗi chức danh có một tập thể (một nhóm) dự bị để bảo đảm sự cạnh tranh và sự lựa chọn rộng rãi, khách quan khi bố trí cán bộ. Ở đây, cần nhận thức sâu hơn, đầy đủ hơn về mục tiêu của quy hoạch cán bộ là, không chỉ là phương thức tạo nguồn để rèn luyện, thử thách và lựa chọn cán bộ để bố trí vào đúng các vị trí trong hệ thống chính trị từ trung ương tới

địa phương, mà còn tạo ra môi trường bình đẳng, trong sạch cho cán bộ, đảng viên và cả những người chưa phải là cán bộ, đảng viên có cơ hội phấn đấu vào các vị trí lãnh đạo, quản lý phù hợp với năng lực, phẩm chất và sở trường của họ.

Để lựa chọn cán bộ một cách rộng rãi hơn, không nên bó hẹp diện quy hoạch cán bộ trong phạm vi đội ngũ cán bộ hiện có thuộc hệ thống của địa phương, đơn vị lúc đó mà cần mở rộng tới các đối tượng đang công tác và hoạt động ở ngoài hệ thống đó. Muốn vậy, phải có chủ trương, chính sách và giải pháp để phát hiện nguồn quy hoạch, để thu nạp hiền tài trong xã hội mà do nhiều lý do họ chưa có cơ hội được phát hiện, được tham gia.

Với nguyên tắc "động và mở" trong quy hoạch cán bộ, cấp ủy phải định kỳ xem xét, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch để nhân sự ở diện quy hoạch luôn luôn là lực lượng nguồn, dự trữ đúng đắn nhất, phù hợp nhất, xứng đáng nhất cho các vị trí lãnh đạo cần thiết. Để có đủ điều kiện cho việc xem xét cán bộ diện quy hoạch trước khi bổ nhiệm, nên có quy định về thời gian tối thiểu trong quy hoạch. Khi quy hoạch của cấp ủy, của đơn vị đã được phê duyệt, phải xem đó là việc có tính pháp lý, có giá trị bắt buộc đối với việc bổ nhiệm nhân sự vào các chức vụ trong bộ máy.

Về luân chuyển cán bộ: Đối với chúng ta, đó là một chủ trương phù hợp, bức bách đối với giai đoạn mới. Thực tế cho thấy, bên cạnh những thành công, vẫn còn rất nhiều hạn chế. Những cản trở xuất hiện từ bản thân người được luân chuyển, từ đơn vị tiếp nhận sự luân chuyển đến kết quả đạt được sau luân chuyển... đang là những vấn đề lớn mà chúng ta không thể không quan tâm. Đó là chưa kể đến việc lợi dụng việc luân chuyển cán bộ để sắp xếp cán bộ theo kiểu bản vị, cục bộ địa phương, gây khó khăn cho người được luân chuyển. Bởi vậy, cần nghiên cứu những cơ chế

thích hợp và xem việc luân chuyển để rèn luyện, bồi dưỡng cán bộ là việc làm bình thường trong công tác cán bộ, theo đó cần phải có những quy định rõ trách nhiệm của cơ quan, tổ chức đưa và nhận cán bộ luân chuyển, thời gian và những đối tượng luân chuyển. Đồng thời để công tác luân chuyển đạt mục đích và có hiệu quả, cần sớm ban hành các chính sách hỗ trợ, chế độ báo cáo, kiểm tra, giám sát.

Để thực hiện tốt công tác đánh giá, quy hoạch và luân chuyển cán bộ, cùng những yêu cầu và phương thức trên, cần kiện toàn tổ chức, nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của các cơ quan, tổ chức tham mưu cho cấp ủy về công tác cán bộ trong tình hình hiện nay. Trước hết, cần có giải pháp để cơ cấu lại hệ thống các cơ quan có chức năng tham mưu về công tác cán bộ ở cả hệ thống của Đảng và của chính quyền một cách thống nhất từ trung ương tới cơ sở nhằm xây dựng bộ máy tổ chức cán bộ mang tầm chiến lược. Ý kiến của các cơ quan này cần được xem là căn cứ chính xác, khách quan và kịp thời cho cấp ủy, thủ trưởng trong các quyết định về công tác cán bộ. Muốn vậy, bên cạnh những yêu cầu về phẩm chất, năng lực, kinh nghiệm ở đội ngũ cán bộ này, Đảng, Nhà nước cần có những chính sách phù hợp, khích lệ để thu hút và động viên họ.

Trước yêu cầu mới, để tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác đánh giá, quy hoạch và luân chuyển cán bộ thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, trong những năm tới cần thực hiện tốt các biện pháp sau:

Trước hết, bảo đảm tính đồng bộ và thống nhất của công tác cán bộ; tạo ra sự chuyển biến thực sự về chất lượng; nắm vững quan điểm của Đảng về luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý theo Nghị quyết số 11- NQ/TU, ngày 25-1-2002, của Bộ Chính trị khóa IX về việc luân chuyển cán bộ lãnh đạo và quản lý; đồng thời phát huy tính chủ động, sáng tạo của

cơ sở; trách nhiệm của cấp ủy, của chính quyền, của người đứng đầu tổ chức; sự giám sát của dân và sự kế thừa liên tục những kinh nghiệm đã đúc kết.

Bảo đảm tính đồng bộ của công tác cán bộ từ tổng thể chiến lược đến các khâu của quá trình thực hiện: phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, sử dụng, đề bạt, miễn nhiệm...; sự lãnh đạo của Đảng, việc tham gia của các cấp, các ngành, các tổ chức chính trị, xã hội, nghề nghiệp và sự đóng góp của nhân dân một cách nghiêm túc, nhuần nhuyễn, dân chủ, công khai và rộng rãi.

Thứ hai, đổi mới phương thức theo hướng ngày càng dân chủ, rộng mở và toàn diện trong công tác đánh giá, quy hoạch và luân chuyển cán bộ theo sự phát triển không ngừng của tình hình mới, nhất là đáp ứng những đòi hỏi của giai đoạn phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và mở cửa hội nhập kinh tế quốc tế. Điều nhấn mạnh là, càng xây dựng các nhóm giải pháp cụ thể, phong phú về đánh giá, quy hoạch và luân chuyển cán bộ bao nhiêu càng có cơ hội nhận diện, sắp xếp, sử dụng đúng cán bộ bấy nhiêu. Đổi mới cơ chế giám sát, kiểm tra cán bộ, nhất là cán bộ thuộc diện luân chuyển và cán bộ liên quan tới việc này.

Thứ ba, không ngừng xây dựng, củng cố, phát triển và hoàn thiện đội ngũ những người làm công tác cán bộ ngang tầm nhiệm vụ. Đây là nhân tố quyết định sự thành công của công tác này.

Thứ tư, xây dựng và đáp ứng những điều kiện tối thiểu tốt nhất trong phạm vi cho phép và khả năng có thể phục vụ công tác cán bộ, nhất là những phương tiện làm việc cần được đổi mới theo hướng hiện đại. Tiếp tục đổi mới chế độ đối với các loại cán bộ liên quan tới việc đánh giá, quy hoạch và luân chuyển cán bộ, theo cả hai hướng khen thưởng thỏa đáng và kỷ luật chặt chẽ. □

GIAI CẤP NÔNG DÂN...

(Tiếp theo trang 11)

điều kiện chuyển sang ngành nghề khác. Các cấp Hội cần có hình thức thích hợp để bồi dưỡng, đào tạo nghề, chuyển giao tiến bộ khoa học - kỹ thuật và kinh nghiệm sản xuất tại chỗ cho nông dân, phù hợp với đặc điểm, tập quán, trình độ ở từng nơi. Tổ chức vận động nông dân xây dựng các tổ hợp tác và hợp tác xã nông nghiệp. Xây dựng và củng cố các trung tâm dịch vụ hỗ trợ việc làm, dạy nghề, trung tâm hỗ trợ nông dân.

Tiếp tục đổi mới tổ chức, nội dung, phương thức hoạt động của các cấp hội. Nâng cao trình độ cán bộ và đổi mới phương pháp công tác hội là những nội dung trọng tâm của Hội Nông dân trong những năm tới. Các hoạt động của Hội phải đem lại lợi ích thiết thực về vật chất và tinh thần cho hội viên, nông dân. Qua đó, Hội khẳng định vị trí trung tâm, nòng cốt trong phong trào nông dân và công cuộc xây dựng nông thôn mới.

Để nâng cao chất lượng hoạt động của Hội, vấn đề đặc biệt quan trọng là tiếp tục xây dựng và kiện toàn đội ngũ cán bộ đủ về số lượng, với chất lượng ngày càng cao. Chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cán bộ các cấp cả về chính trị, văn hóa, chuyên môn nghiệp vụ và phương pháp vận động quần chúng, nhất là phong cách "trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân và có trách nhiệm với dân", "nghe dân nói, nói dân hiểu, làm dân tin", có đủ năng lực tham mưu cho cấp ủy và phối hợp chặt chẽ với các ngành, các đoàn thể, thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ của Hội. Đi đôi với nâng cao chất lượng hội viên, tiếp tục đẩy mạnh phát triển Hội. Các cấp Hội cần phối hợp với chính quyền cơ sở và các tổ chức kinh tế để xây dựng các tổ hợp tác, hợp tác xã vững mạnh, bảo đảm lợi ích thiết thực cho xã viên là nông dân. Tiếp tục tham gia xây dựng Đảng, chính quyền và các đoàn thể chính trị ở nông thôn vững mạnh. □

TRONG gần 20 năm đổi mới, dưới sự lãnh đạo của Đảng, giai cấp công nhân Việt Nam không ngừng phát triển về số lượng và chất lượng, trình độ chính trị và bản lĩnh cách mạng, trình độ học vấn và nghề nghiệp... đáp ứng đòi hỏi của công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Trước yêu cầu mới của cách mạng để tiếp tục xứng đáng là tổ chức chính trị của giai cấp công nhân Việt Nam đổi mới hoạt động của

công đoàn là đòi hỏi cấp bách không chỉ đối với giai cấp công nhân mà còn là đòi hỏi lớn, thu hút sự quan tâm của toàn bộ hệ thống chính trị nước ta. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, đáp ứng yêu cầu của sự phát triển, công đoàn đã thu được những thành tựu quan trọng. Cùng với sự phát

triển mạnh mẽ của đất nước, mô hình tổ chức công đoàn được tổ chức lại theo vùng lãnh thổ và theo ngành. Theo mô hình tổ chức mới, công đoàn ở cơ sở đặc biệt được quan tâm, bởi đây là nơi trực tiếp liên hệ với đoàn viên, có quan hệ trực tiếp đến đời sống mọi mặt của công nhân, người lao động.

Việc đổi mới công tác cán bộ công đoàn được bắt đầu từ việc xác định tiêu chuẩn cán bộ công đoàn. Nghị quyết 3B/NQ-TLĐ của Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam khóa VII xác định rõ: cán bộ công đoàn là người có bản lĩnh chính trị vững vàng, nhiệt tình công tác công đoàn, có kiến thức quản lý kinh tế - xã hội, luật pháp, hiểu biết về chuyên môn ngành nghề, nắm vững lý luận

và kỹ năng, nghiệp vụ công tác công đoàn, có năng lực hoạt động thực tiễn, trung thực, được quần chúng tín nhiệm. Dựa trên những tiêu chuẩn đó, đáp ứng yêu cầu hoạt động công đoàn trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, việc lựa chọn cán bộ công đoàn đã được cụ thể hóa bằng những tiêu chí cụ thể. Những cán bộ đã kinh qua công tác, trưởng thành từ phong trào công nhân và hoạt động công đoàn, vững vàng, kiên định mục

tiêu chủ nghĩa xã hội, thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, có năng lực quản lý, chỉ đạo, có khả năng quy tụ, đoàn kết đội ngũ công nhân, viên chức, người lao động, có đạo đức, lối sống trong sáng, không cơ hội, tham nhũng, cục bộ bản vị, có sức khỏe và độ tuổi được lựa

chọn, bồi dưỡng đào tạo thành những cán bộ công đoàn "vừa hồng, vừa chuyên".

Trong quá trình đổi mới hoạt động, công đoàn các cấp đã thường xuyên xem xét cơ cấu đội ngũ cán bộ, kịp thời điều chỉnh phù hợp với từng giai đoạn phát triển của đất nước, bảo đảm tỷ lệ cân đối giữa các loại cán bộ và tăng cường tỷ lệ cán bộ xuất thân từ công nhân, cán bộ nữ và cán bộ dân tộc thiểu số; tăng thêm cán bộ trẻ, đủ tiêu chuẩn vào cơ quan lãnh đạo của công đoàn các cấp, kết hợp ba độ tuổi kế tiếp nhau, đan xen giữa cán bộ

* PGS, TS, Ủy viên Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Hiệu trưởng Trường đại học Công đoàn

ĐỂ TIẾP TỤC ĐỔI MỚI HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG ĐOÀN

NGUYỄN VIỆT VƯỢNG *

có kinh nghiệm với cán bộ mới trưởng thành. Đồng thời quan tâm đến tỷ lệ thích hợp giữa cán bộ chuyên trách và không chuyên trách trong đội ngũ cán bộ; xác định yêu cầu đào tạo, bồi dưỡng nhằm đáp ứng nhiệm vụ của công đoàn trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Ngày nay, khi đội ngũ công nhân, viên chức, người lao động nước ta đang từng bước được trí tuệ hóa, khi tri thức đang trở thành nguồn lực cho sự phát triển thì người cán bộ công đoàn cũng phải được nâng cao về trí tuệ, có học vấn, có trình độ chuyên môn, nhạy cảm với khoa học - công nghệ hiện đại; biết tổ chức phong trào thi đua trong đơn vị, đủ khả năng đối thoại với giám đốc, chủ doanh nghiệp, đảm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của công nhân, viên chức, người lao động. Để thực hiện vấn đề chiến lược này, công đoàn các cấp chú trọng nâng cao nhận thức và trách nhiệm công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công đoàn dưới nhiều hình thức.

Phương pháp hoạt động của công đoàn tiếp tục được đổi mới trước hết ở cách thức làm việc của cán bộ và đoàn viên công đoàn, do đó đã thu hút đông đảo công nhân, viên chức, người lao động tự nguyện, tự giác, tích cực gia nhập tổ chức công đoàn và tham gia hoạt động công đoàn; giải quyết tốt mối quan hệ giữa công đoàn với chính quyền, với các đối tượng vận động của tổ chức công đoàn.

Từ những thành tựu đó, giai cấp công nhân và tổ chức Công đoàn Việt Nam càng lớn mạnh và vững tin vào sự lãnh đạo của Đảng, cùng với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức trở thành nòng cốt của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, tiếp tục góp phần đưa sự nghiệp đổi mới tiến lên.

*

Hội nghị Trung ương 12, khóa IX vừa qua đã nêu lên chủ đề Đại hội X của Đảng là:

"Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển"; xác định mục tiêu phát triển kinh tế trong 5 năm tới tăng trưởng GDP bình quân 7,5% đến 8% mỗi năm, đồng thời nỗ lực phấn đấu đạt trên 8% /năm. Hội nghị chỉ rõ, để đạt được những bước đột phá mới, cần tiếp tục giải phóng và phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất, phát huy và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực, cả nguồn lực trong nước và tranh thủ nguồn lực từ bên ngoài; tiếp tục xây dựng đồng bộ và hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế; phát triển mạnh giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực;.... Đây là những quyết sách chiến lược của Đảng nhằm tiếp tục thực hiện thành công mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh". Triển khai, thực hiện những quyết sách đó, tổ chức công đoàn, giai cấp công nhân Việt Nam có trọng trách rất lớn. Góp phần tiến tới Đại hội lần thứ X của Đảng, công đoàn các cấp không ngừng nhận thức sâu sắc hơn, vận động công nhân, viên chức, người lao động tích cực tham gia giải quyết một số vấn đề quan trọng và cấp bách sau:

Một là, trong việc chăm lo đời sống, bảo vệ quyền, lợi ích của công nhân, viên chức, người lao động, công đoàn tiếp tục nhận thức đầy đủ và sâu sắc các vấn đề cơ bản như: lợi ích của công nhân, viên chức, người lao động gắn liền với lợi ích của nhà nước, của tập thể. Sự tồn tại và vững mạnh của Nhà nước ta là sự bảo đảm lợi ích cơ bản, lâu dài cho công nhân, viên chức, người lao động. Sự quan tâm bức thiết của công nhân, viên chức, người lao

động không chỉ là lợi ích kinh tế mà đồng thời và hết sức quan trọng là lợi ích chính trị (đại diện là Nhà nước của giai cấp công nhân và nhân dân lao động), lợi ích văn hóa - tinh thần, lợi ích trước mắt và lợi ích lâu dài. Lợi ích của cá nhân - tập thể - nhà nước phải hài hòa, thống nhất.

Coi trọng chăm lo đời sống, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của công nhân, viên chức, người lao động được xác định là nhiệm vụ trung tâm của công đoàn. Thông qua nhiệm vụ đó, Công đoàn Việt Nam góp phần xây dựng giai cấp công nhân, tổ chức công đoàn ngày càng vững mạnh, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Hai là, Nhà nước ta hiện nay đang khuyến khích mọi cá nhân, gia đình và tổ chức kinh tế, có vốn, có khả năng tham gia vào quá trình sản xuất kinh doanh, tạo ra cơ chế thông thoáng cho các thành phần kinh tế phát triển trong khuôn khổ pháp luật, bảo đảm sự thống nhất hiệu quả kinh tế và hiệu quả xã hội, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, bảo vệ môi trường sinh thái. Đó là điều kiện rất thuận lợi để các phong trào thi đua yêu nước diễn ra sôi động trong các tầng lớp nhân dân, góp phần thực hiện thành công các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.

Tổ chức phong trào thi đua trong giai cấp công nhân và nhân dân lao động nhằm khơi dậy và phát huy cao độ truyền thống thi đua yêu nước, truyền thống xây dựng và bảo vệ Tổ quốc là trách nhiệm của tổ chức công đoàn và toàn hệ thống chính trị. Qua phong trào thi đua, giai cấp công nhân, viên chức, người lao động được rèn luyện để trở thành những người lao động giỏi, có tác phong công nghiệp, có đạo đức xã hội chủ nghĩa. Không những thế, thông qua phong trào thi đua, giai cấp công nhân thực hiện vai trò lãnh đạo

của mình đối với toàn xã hội, xứng đáng là giai cấp tiên phong trong công cuộc xây dựng xã hội mới.

Phát huy truyền thống của mình, công đoàn động viên công nhân, viên chức, người lao động tham gia phong trào thi đua lao động sáng tạo, với nhiều nội dung như cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất, cải tiến nghiệp vụ, lề lối công tác, ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật và các sáng chế, đổi mới thiết bị, phương pháp sản xuất hiện đại nhằm từng bước tạo ra sự biến đổi về chất của lực lượng sản xuất, đem lại hiệu quả to lớn cho đơn vị mình và cho toàn xã hội. Nước ta còn nghèo và đi lên từ điểm xuất phát rất thấp, nên việc động viên công nhân, viên chức, người lao động hoạt động sáng tạo có ý nghĩa kinh tế, xã hội vô cùng sâu sắc. Với chức năng của mình, công đoàn có trách nhiệm tham gia với các cơ quan chuyên môn và các tổ chức, đoàn thể trong đơn vị phối hợp tổ chức, chỉ đạo mọi hoạt động phát huy sáng kiến, sáng chế, góp phần thúc đẩy phong trào lao động sáng tạo thực hiện tốt kỷ luật lao động và thực hành tiết kiệm trong công nhân, viên chức, người lao động.

Trong sự phát triển đa dạng, năng động và phức tạp của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, cần bảo đảm lợi ích của giai cấp thống nhất với lợi ích của dân tộc. Công đoàn tiếp tục phát triển phong trào thi đua học tập, nâng cao trình độ học vấn, tay nghề, thi đua tiết kiệm, chống tham nhũng, phong trào “người tốt, việc tốt”... Những phong trào này khi đã đi sâu vào quần chúng lao động, được quần chúng lao động ủng hộ, tham gia tích cực, không chỉ củng cố, phát huy truyền thống thi đua yêu nước trong giai cấp công nhân mà còn tạo động lực để hoàn thành các mục tiêu kinh tế - xã hội do Đảng đề ra.

Ba là, công đoàn tích cực vận động công nhân, viên chức, người lao động tham gia xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở. Công đoàn ở cơ sở thực hiện tốt chức năng là nơi trực tiếp liên hệ với người lao động, thấu hiểu tâm tư, nguyện vọng và đời sống của quần chúng, có trách nhiệm quan tâm đến mọi mặt của công nhân, viên chức, người lao động ở từng doanh nghiệp, từng địa phương và cơ quan hành chính sự nghiệp, trực tiếp tham gia xây dựng môi trường văn hóa xã hội lành mạnh trên chính địa bàn của mình đang hoạt động. Công đoàn phối hợp với các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp chăm lo tốt đời sống văn hóa cho công nhân, viên chức và người lao động, thu hút đông đảo quần chúng tham gia các hoạt động văn hóa quần chúng.

Công đoàn lựa chọn các loại phương thức hoạt động phù hợp với trình độ, khả năng của quần chúng, phù hợp với điều kiện sản xuất, công tác của cơ sở để thu hút đông đảo quần chúng tham gia xây dựng đời sống văn hóa như: thi tìm hiểu về lịch sử Việt Nam, về giai cấp công nhân, về địa phương, ngành, về tổ chức công đoàn, thi sáng tác văn học, âm nhạc, nghệ thuật với chủ đề ca ngợi, biểu dương những cá nhân, tập thể tích cực, đồng thời phê phán những biểu hiện tiêu cực ở cơ sở, tổ chức các buổi giao lưu gặp mặt giữa các cá nhân, tập thể có thành tích nhân dịp các ngày lễ, tổ chức thi đấu thể thao, hội diễn nghệ thuật quần chúng. Thông qua các phong trào văn hóa quần chúng ở cơ sở, khơi dậy những năng lực sáng tạo của công nhân, người lao động, chủ động đẩy lùi tệ nạn xã hội, để mỗi gia đình, mỗi cơ sở và khu dân cư là một môi trường văn hóa thấm đượm tính nhân văn và mang tính giáo dục cao.

Hiện nay, trình độ học vấn, tay nghề của công nhân, người lao động đã được nâng lên

một bước. Số công nhân, người lao động có trình độ trung học phổ thông là 76,6%, số người có bậc thợ từ 1 - 3 là: 16,9%, bậc 4 - 5: là 18,5%, công nhân có tay nghề bậc 6 - 7 chiếm 7,6%. Tuy vậy, trình độ của công nhân, người lao động vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và sự phát triển rất nhanh của khoa học - công nghệ. Kỹ năng nghề nghiệp, tác phong và ý thức kỷ luật lao động công nghiệp chưa cao, năng suất lao động thấp. Trong một thời gian dài, các ngành, các cấp chưa quan tâm thích đáng đến công tác đào tạo nghề. Người sử dụng lao động cho rằng, đào tạo, đào tạo lại không phải trách nhiệm của doanh nghiệp nên chưa tạo điều kiện cho công nhân, người lao động học tập. Công đoàn ở một số địa phương, ở không ít cơ sở chưa nhận thức đầy đủ tầm quan trọng của việc học tập nâng cao trình độ học vấn, tay nghề của công nhân, người lao động. Một bộ phận không nhỏ công nhân, người lao động còn nảy sinh tư tưởng ngại học. Đó là một thách thức không nhỏ đối với công đoàn. Vì vậy, công đoàn cần đẩy mạnh phong trào học tập trong công nhân, viên chức, người lao động bằng nhiều biện pháp, hình thức phù hợp.

Bốn là, công đoàn chủ động ký kết Thỏa ước lao động tập thể, hướng dẫn công nhân lao động giao kết hợp đồng lao động cá nhân theo đúng quy định của pháp luật về lao động. Qua đó, nâng cao nhận thức của người lao động về trách nhiệm của tập thể người lao động và người sử dụng lao động trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh trong quan hệ lao động. Với tư cách đại diện cho tập thể công nhân, người lao động, cùng với việc xây dựng, thương lượng, ký kết thỏa ước lao động tập thể, công đoàn cần sâu sát hơn quần chúng công nhân, người lao động, hiểu rõ hơn hoạt động của doanh nghiệp và

các chế độ, chính sách, làm cơ sở để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công nhân, viên chức, người lao động. Có như vậy, uy tín của công đoàn mới được khẳng định, người lao động mới thật sự tin tưởng, từ đó tạo ra sức thu hút mạnh mẽ, tập hợp đông đảo người lao động tham gia hoạt động công đoàn.

Năm là, công đoàn tham gia xây dựng và việc giám sát thực hiện chế độ, chính sách, pháp luật liên quan đến người lao động. Đây là một trong những nhiệm vụ quan trọng hiện nay của Công đoàn Việt Nam. Đề xuất những kiến nghị, các dự án luật; tổ chức thảo luận, tham gia ý kiến xây dựng pháp luật, pháp lệnh liên quan đến quyền, nghĩa vụ và lợi ích của công nhân, viên chức, người lao động; triển khai thực hiện các chế độ, chính sách về tiền lương, tiền thưởng, bảo hiểm xã hội, an toàn, vệ sinh lao động cho công nhân, viên chức, người lao động là trách nhiệm của tổ chức công đoàn. Tham gia kiểm tra, giám sát hoạt động nhằm khắc phục, hạn chế vi phạm và đôn đốc các cơ quan nhà nước thực hiện đúng quy định của pháp luật là quyền của công đoàn các cấp được quy định trong Luật Công đoàn. Như vậy, với bản chất ưu việt, Nhà nước ta đã xây dựng hành lang pháp lý thông thoáng, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động công đoàn. Vấn đề ở chỗ, công đoàn các cấp cần làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật trong công nhân, viên chức, người lao động để họ nhận thức ngày càng rõ hơn quyền lợi và trách nhiệm, nghĩa vụ của mình đối với xã hội. Công đoàn các cấp tham gia với cơ quan thanh tra nhà nước kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật như: kiểm tra việc chấp hành pháp luật về hợp đồng lao động; kiểm tra việc tuyển dụng và cho thôi việc, tiền lương, tiền thưởng; bảo hộ lao động; thời gian làm việc và thời gian nghỉ

ngơi. Công đoàn giám sát việc thực hiện thỏa ước lao động tập thể, giải quyết các khiếu nại, tố cáo của người lao động.

Sáu là, hiện nay, do nhiều nguyên nhân khác nhau ở khu vực kinh tế ngoài quốc doanh còn nhiều doanh nghiệp chưa thành lập được tổ chức công đoàn. Một số doanh nghiệp ngoài quốc doanh tuy đã có tổ chức công đoàn nhưng còn là hình thức. Cán bộ công đoàn còn lúng túng về nội dung, phương pháp hoạt động, chưa thu hút được đông đảo công nhân, người lao động vào tổ chức công đoàn. Trong bối cảnh đó, việc xúc tiến xây dựng tổ chức công đoàn ở doanh nghiệp ngoài quốc doanh là yêu cầu cấp thiết, có ý nghĩa hết sức quan trọng đối với việc tập hợp, đoàn kết, giáo dục công nhân, người lao động và sự phát triển của Công đoàn Việt Nam. Công đoàn trong các doanh nghiệp ngoài quốc doanh cần đẩy mạnh hoạt động hướng vào việc bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của công nhân, người lao động; tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đến tận người lao động; vận động công nhân, người lao động tích cực thi đua lao động sản xuất, nâng cao thu nhập cho bản thân và góp phần tích cực phát triển kinh tế đất nước; giáo dục công nhân, người lao động hiểu đúng về lợi ích của mình, thấy được lợi ích thiết thân của mình là việc làm, thu nhập và hưởng thụ những nhu cầu ngày càng tăng về văn hóa, xã hội. Hoạt động công đoàn trong các doanh nghiệp ngoài quốc doanh cần kết hợp các phương pháp: thuyết phục, đối thoại, thương lượng, vừa hợp tác, vừa đấu tranh nhằm giữ vững bản chất của Công đoàn Việt Nam, kiên trì bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của công nhân, người lao động, giữ vững mối quan hệ hài hòa với chủ doanh nghiệp, người sử dụng lao động. □

TRONG quá trình chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, phương châm chung là phải tận dụng thời cơ, vượt qua thách thức. Điều đó được hiểu rằng, Việt Nam không những thực hiện đầy đủ những cam kết trong các hiệp định song phương và đa phương đối với các quốc gia và các tổ chức quốc tế, mà còn phải biết khai thác và tận dụng được tối đa lợi ích từ việc thực hiện các cam kết đó với mục tiêu phát triển bền vững đất nước. Muốn vậy, chúng ta cần có những chính sách vĩ mô đúng đắn trên mọi phương diện trong đó có chính sách khoa học và công nghệ.

Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ đến năm 2010 của nước ta đã xác định rõ 5 quan điểm cơ bản như sau:

- Phát triển khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu, là nền tảng và động lực đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.
- Phát triển kinh tế - xã hội dựa vào khoa học và công nghệ, phát triển khoa học và công nghệ định hướng vào các mục tiêu kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng và an ninh.
- Bảo đảm sự gắn kết giữa khoa học và công nghệ với giáo dục và đào tạo; giữa khoa học và công nghệ; giữa khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật.
- Đẩy mạnh tiếp thu thành tựu khoa học và công nghệ thế giới, đồng thời phát huy năng lực khoa học và công nghệ nội sinh, nâng cao hiệu quả sử dụng tiềm lực khoa học và công nghệ của đất nước.
- Tập trung đầu tư của Nhà nước vào các lĩnh vực trọng điểm, ưu tiên, đồng thời

Đổi mới chính sách khoa học và công nghệ trong xu thế HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ

ĐỖ MAI THÀNH

đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động khoa học và công nghệ.

Để các quan điểm trên đi vào cuộc sống, những ưu tiên hoàn thiện và đổi mới chính sách cần được xác định phù hợp với từng giai đoạn và bối cảnh cụ thể của tình hình phát triển kinh tế - xã hội đất nước:

- Trong những năm tới, chính sách khoa học và công nghệ ưu tiên các hướng nghiên cứu và triển khai phục vụ đắc lực cho quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, hợp lý hóa dây chuyền sản xuất, nâng cao năng suất lao động... nhằm đẩy mạnh tốc độ phát triển kinh tế, tránh nguy cơ tụt hậu, thu hẹp dần khoảng cách với các nước. Bởi vì, gần một thập niên qua dù tốc độ tăng trưởng kinh tế đã đạt trung bình 7,5% và phát triển khá ổn định, các chỉ số về phát triển con người được cải thiện tương đối nhanh, nhưng nền kinh tế của Việt Nam vẫn thuộc vào diện nghèo và kém phát triển. Thu nhập bình quân đầu người mới ở mức khoảng hơn 500 USD/năm, trong khi các nước phát triển đã đạt tới 20.000 - 30.000 USD/năm. Với mức tăng trưởng liên tục cao nhất mà chúng ta có thể kỳ vọng, thì nhiều chục năm nữa thu nhập bình quân đầu người của Việt Nam cũng chỉ

bằng hai phần ba của các nước phát triển hiện nay, trong khi các nước vẫn tiếp tục phát triển. Đây là một thực tế cần được nhìn nhận một cách thật thấu đáo mới có thể đưa ra những mục tiêu và lộ trình phù hợp, mang tính khả thi cho phát triển khoa học và công nghệ góp phần tích cực vào việc chống nguy cơ tụt hậu của đất nước.

- Nâng cao hiệu quả ứng dụng khoa học và công nghệ, tập trung cho hướng nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm. Việc tăng cường năng lực cạnh tranh cũng được thực hiện toàn diện ở các cấp độ: sản phẩm, doanh nghiệp và quốc gia. Trong mục tiêu nâng cao năng lực cạnh tranh của các sản phẩm hàng hóa và dịch vụ, điều rất quan trọng là phải có chiến lược sản phẩm đúng. Trong đó, kể cả cấp doanh nghiệp lẫn cấp quốc gia cần xác định rõ cơ cấu sản phẩm vừa phù hợp với nhu cầu thị trường trong nước và quốc tế, vừa phát huy tối đa những lợi thế hiện có trên phương diện xác định những giá trị của riêng Việt Nam trong cục diện chung của phân công lao động quốc tế. Chẳng hạn, trước mắt Việt Nam chưa thể sánh cùng các nước tiên tiến trong một số lĩnh vực chế tạo có công nghệ hiện đại, thì chiến lược xuất khẩu cần tập trung vào các ngành hàng có lợi thế cạnh tranh của các sản phẩm độc đáo, sản phẩm mang tính văn hóa đặc sắc...

- Chính sách khoa học và công nghệ phải tập trung các hướng nghiên cứu và triển khai ứng dụng vào việc tăng giá trị các sản phẩm dịch vụ mới đem lại được nhiều lợi ích cho đất nước, bởi một nền kinh tế không thể được xếp vào nền kinh tế phát triển hay năng động nếu các ngành dịch vụ kém phát triển. Ngoài ra, trong hoàn cảnh hiện nay, dịch vụ của nước ta còn có tác dụng rất lớn trong việc tạo nhiều việc làm mới cho xã hội, tăng thu nhập cho các hộ gia đình, góp phần chuyển dịch cơ cấu sản xuất, cơ cấu lao động trong nông nghiệp, nông thôn.

- Trong xu thế toàn cầu hóa kinh tế, chính sách khoa học và công nghệ cũng cần tập trung

xây dựng và hoàn thiện thể chế, khung khổ luật pháp theo hướng hội nhập. Trước mắt, trong khuôn khổ Hiệp định Thương mại song phương Việt Nam - Hoa Kỳ, chúng ta phải xây dựng và hoàn thiện luật pháp về sở hữu trí tuệ. Hiện tại, các luật và văn bản dưới luật của Việt Nam về quyền sở hữu trí tuệ không những chưa cụ thể và bỏ sót nhiều vấn đề, mà còn chưa được thực thi có hiệu quả, một phần do năng lực của các cơ quan bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ còn hạn chế, các chế tài chưa nghiêm minh, nhưng phần khác là do người dân Việt Nam chưa được phổ cập đầy đủ các nhận thức về quyền và nghĩa vụ công dân liên quan đến vấn đề này.

Xuất phát từ thực tế đó, bước đầu chúng tôi xin đề xuất một số phương hướng hoàn thiện, đổi mới chính sách khoa học và công nghệ, như sau:

1 - Đổi mới cơ chế quản lý khoa học và công nghệ

Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ đã có tính đột phá trong việc hình thành cơ chế quản lý mới phù hợp với cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, có tính đến đặc thù của hoạt động khoa học và công nghệ và yêu cầu hội nhập quốc tế. Điểm đáng chú ý là đã có sự tách biệt về quản lý giữa khu vực hành chính và sự nghiệp với xây dựng cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong hệ thống khoa học và công nghệ. Tuy nhiên, có thể thực hiện một số cải cách mạnh mẽ hơn như:

- *Xây dựng kế hoạch tổng thể và các tiểu kế hoạch ở các cấp về phát triển khoa học và công nghệ. Các kế hoạch này cần được lồng ghép với các chương trình kinh tế - xã hội.* Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ mới chỉ đề ra được định hướng, mục tiêu và các giải pháp cũng như cách thức tổ chức thực hiện chung. Nếu có một kế hoạch tổng thể, với các mục tiêu chiến lược được cụ thể hóa sẽ có thể xác định rõ lộ trình đạt được các nhiệm vụ phát triển khoa học và công nghệ cụ thể của từng ngành và cách thức đầu tư cho từng nhiệm vụ. Như vậy mới thực sự giúp thực hiện được các

mục tiêu đề ra của Chiến lược, cũng như làm cho những quyết định ngân sách và phân bổ ngân sách có tính khả thi, hiệu quả. Chẳng hạn, thay vì chỉ nêu những hướng khoa học trọng điểm chung chung (như vật liệu mới, công nghệ sinh học, công nghệ thông tin), kế hoạch tổng thể sẽ cụ thể hóa các mục tiêu như trong 3 năm làm ra chip điện tử LSI, 5 năm làm ra công nghiệp kháng sinh tổng hợp, 7 năm giải quyết xong giống chuyên gen đặc biệt, 10 năm có tên lửa, vệ tinh....

Tiếp đó, từng bộ, ngành, địa phương cần xây dựng kế hoạch của mình dựa trên kế hoạch tổng thể và lồng ghép với các chương trình phát triển kinh tế - xã hội sao cho phù hợp với nhu cầu nghiên cứu khoa học và công nghệ của ngành và địa phương chứ không nên chỉ theo cách tiếp cận từ trên xuống. Cụ thể, cần phân ra hai loại định hướng phát triển khoa học và công nghệ. Một là, các ngành ưu tiên phát triển ở trong nước, coi đó là những đầu tư bắt buộc làm "chìa khóa" cho phát triển khoa học và công nghệ của đất nước nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Hai là, các ngành hoặc tiểu ngành phát triển theo sự điều tiết của thị trường, chủ yếu là theo nhu cầu của các doanh nghiệp và các tổ chức thuộc mọi thành phần kinh tế. Việc thực hiện kế hoạch tổng thể cũng như các tiểu kế hoạch nên phù hợp với đòi hỏi thực tế, tránh sự trùng lặp về nghiên cứu, gây lãng phí trong bối cảnh nguồn đầu tư cho khoa học và công nghệ đang còn rất hạn chế và phải thu hút được sự đóng góp của các chuyên gia giỏi để đem lại kết quả tốt.

- Có cơ chế quản lý tài chính cho khoa học và công nghệ, trong đó khuyến khích việc nghiên cứu có hiệu quả. Hiện nay nước ta đang triển khai áp dụng cơ chế tự chủ tài chính, chuyển đổi tổ chức khoa học và công nghệ thành doanh nghiệp khoa học và công nghệ. Cách đi này là đúng với mục tiêu nâng cao chất lượng nghiên cứu và giải quyết vấn đề ngân sách nhà nước còn eo hẹp cho hoạt động khoa học và công nghệ. Tuy nhiên, nhìn vào thực

trạng, việc đầu tư cho nghiên cứu và triển khai có nhiều rủi ro, nên hiện nay rất ít doanh nghiệp chủ động đầu tư cho lĩnh vực này. Vì vậy, nên chăng có một cơ chế tạm ứng hoặc cho vay với lãi suất ưu đãi để các cơ sở khoa học và công nghệ có thể thực hiện việc nghiên cứu. Đồng thời, việc đăng ký bản quyền và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ cần có hiệu quả hơn nhằm bảo đảm tính hợp pháp cho các cơ sở khoa học và công nghệ và an toàn thương mại đối với các sản phẩm nghiên cứu. Ngoài ra, tổ chức nghiên cứu khoa học chỉ có thể được thực hiện tốt cơ chế tự chủ tài chính khi được trao quyền tự chủ về tổ chức nhân sự. Do vậy, nên cho phép họ được quyền chọn, ký kết hợp đồng, và đề bạt cán bộ, nhân viên của mình.

2 - Phát triển tiềm lực khoa học

- Nâng cao hiệu quả của hệ thống giáo dục thông qua sự liên kết giữa các doanh nghiệp, các cơ sở tiếp nhận người lao động với các trường đại học, cao đẳng và trung học dạy nghề. Nội dung đào tạo hiện nay nhìn chung chưa theo kịp sự phát triển khoa học và công nghệ trên thế giới và cũng chưa đáp ứng được thực tiễn sản xuất và kinh doanh ở Việt Nam. Thực tế này có thể thấy ở tất cả các chuyên ngành, đáng chú ý nhất là tài chính, ngân hàng, luật và các ngành kỹ thuật. Rõ ràng đây cũng là sự lãng phí đầu tư. Để việc đào tạo thực sự gắn với yêu cầu đòi hỏi của công việc, với nguồn ngân sách còn hạn chế giành cho đào tạo hiện nay, Nhà nước cần thúc đẩy sự liên kết giữa các cơ sở đào tạo khoa học và công nghệ với các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh để thu hút đầu tư và làm cho quá trình đào tạo, nghiên cứu theo sát với đòi hỏi của thực tế. Muốn thực hiện việc này, cần có chính sách khuyến khích những cơ sở có nhu cầu tuyển dụng lao động đưa ra đơn "đặt hàng" với cơ sở đào tạo, có hình thức hỗ trợ kinh phí cho các cơ sở đào tạo, tài trợ cho các trường đại học để thực hiện các dự án nghiên cứu khoa học, tạo ra các sản phẩm và các quy trình công nghệ mới trở thành hàng hóa trên thị trường.

- *Phát triển hệ thống các trường đào tạo và dạy nghề để tăng nhanh đội ngũ công nhân kỹ thuật có tay nghề cao.* Hiện nay nhiều khu chế xuất, khu công nghiệp và các ngành công nghiệp phụ trợ nước ta rất cần thợ có tay nghề cao, trong khi đó chúng ta lại ở tình trạng "thừa thầy, thiếu thợ" do cơ cấu đào tạo không sát với nhu cầu thực tế. Do vậy, giải pháp cần thiết cũng là tạo ra sự liên kết giữa cơ sở đào tạo với cơ sở sản xuất; khuyến khích các khu chế xuất và khu công nghiệp chủ động áp dụng các hình thức đào tạo lao động thích hợp cho chính mình.

- *Chuẩn hóa các cơ sở đào tạo bậc cao.* Nhà nước nên đặt ra yêu cầu chuẩn hóa các trường đại học và cao đẳng để các trường này tích cực hoàn thiện mình. Nên cho thành lập các trường đại học dân lập đủ điều kiện và công nhận giá trị các bằng đại học do các trường này cấp. Tuy nhiên, để bảo đảm chất lượng cần có sự đánh giá của các chuyên gia bên ngoài về chất lượng đào tạo của các trường dựa trên một bộ tiêu chí cụ thể. Kết quả đánh giá này phải được công bố công khai. Điều đó sẽ giúp đánh giá được hiệu quả đầu tư của Nhà nước và buộc các trường đào tạo công phải nâng cao chất lượng.

- *Đầu tư có trọng điểm vào các cơ sở nghiên cứu khoa học và công nghệ.* Các cơ sở nghiên cứu dần chuyển sang tự trang trải kinh phí là một chính sách hay, khuyến khích việc nghiên cứu khoa học và công nghệ có hiệu quả. Nhưng, nếu nhìn vào thực trạng của các viện nghiên cứu hiện nay, có thể thấy, rất ít các viện có khả năng đứng vững khi chuyển sang chế độ đó. Một phần do nền kinh tế kém phát triển, chưa khuyến khích việc đầu tư của các thành phần kinh tế vào nghiên cứu và triển khai, nhưng quan trọng hơn do chất lượng nghiên cứu chưa tốt, không được đánh giá là mang lại hiệu quả cao cho sản xuất và kinh doanh. Vì thế nên có sự đầu tư có trọng điểm đối với các cơ sở nghiên cứu này.

- *Tập trung xây dựng và phát triển các cơ sở nghiên cứu khoa học và công nghệ ứng dụng*

mang tính trọng điểm quốc gia, và tạo ra sự liên kết chặt chẽ giữa các cơ sở này với những khu công nghiệp và khu chế xuất trên cơ sở tính toán các bước đi thích hợp với việc phát triển các khu công nghệ cao. Tăng trưởng kinh tế của Việt Nam hiện nay nên dựa vào việc phát triển các ngành nông nghiệp sử dụng nhiều công nghệ (công nghệ chế biến, công nghệ gen, vi sinh) và các ngành công nghiệp có hàm lượng công nghệ thấp và trung bình. Vậy, các cơ sở khoa học, công nghệ trọng điểm quốc gia cần được đầu tư đúng mức để sớm có trang thiết bị hiện đại, đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu.

+ Đối với nhóm công nghệ thấp và trung bình: việc nghiên cứu và triển khai phải dựa trên nhu cầu các doanh nghiệp; từ đó có sự phối hợp trí tuệ trong nước và điều phối từ khâu nghiên cứu đến triển khai để có nguồn cung về công nghệ ổn định, giá cả hợp lý, có thể sớm phổ biến và nhân rộng trong thực tiễn.

+ Đối với các nhóm công nghệ cao và phức tạp: cần phối hợp trí tuệ trong nước, đặt ra các tiêu chí cụ thể để lựa chọn, tiếp nhận và làm chủ công nghệ nhập từ nước ngoài.

Việc tạo ra sự gắn kết chặt chẽ giữa khoa học và công nghệ trọng điểm với các khu chế xuất và khu công nghiệp nhằm áp dụng ngay kết quả nghiên cứu vào dây chuyền sản xuất, đồng thời tập trung phát triển các khu công nghệ cao. Để làm được điều này cùng lúc cũng phải giải quyết vấn đề: cung cấp trang thiết bị thực sự hiện đại và tối tân; xây dựng nguồn nhân lực đủ trình độ; và hoàn thiện khuôn khổ thể chế, đặc biệt là quyền sở hữu trí tuệ để các khu công nghệ cao có thể hoạt động và mang lại hiệu quả kinh tế.

- *Đầu tư thỏa đáng cho hoạt động khoa học và công nghệ liên quan đến phát triển chính phủ điện tử và thương mại điện tử nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.* Chính phủ điện tử và thương mại điện tử là xu hướng khách quan trong sự phát triển hiện nay của kinh tế tri thức. Một nước đứng ngoài xu thế

này sẽ bị rơi vào vòng xoáy: tụt hậu về kinh tế kéo theo tụt hậu về kỹ thuật số với mức độ sâu sắc hơn. Tuy nhiên, để phát triển chính phủ điện tử và thương mại điện tử, trước tiên, cần đầu tư vào nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng để phát triển kết cấu hạ tầng công nghệ thông tin giúp phần nào giảm cước phí dịch vụ. Đây sẽ là khoản đầu tư lớn, nhưng là khoản đầu tư chắc chắn sẽ sinh lời bởi công nghệ thông tin đang là ngành tiên phong trên thế giới, giúp tất cả các ngành nâng cao được năng suất, tạo ra chất lượng, tăng trưởng theo hướng bền vững. Việc thu hút FDI để cải thiện trình độ công nghệ thông tin trong nước cũng là hướng cần thiết không chỉ để có đủ nguồn vốn mà còn để tiếp thu các công nghệ hiện đại. Tuy vậy, đội ngũ kỹ sư về công nghệ thông tin và viễn thông đóng vai trò cực kỳ quan trọng, Nhà nước nên đầu tư thỏa đáng cho những "vườn ươm" các tài năng về lĩnh vực này. Những cuộc thi tài năng phải được khuyến khích để chọn người tài, cử đi học tập ở nước ngoài. Và, cuối cùng, cần nghiên cứu để hoàn thiện khung pháp lý cho thương mại điện tử phát triển.

- *Dành một phần đáng kể ngân sách cho khoa học và công nghệ vào nâng cao năng lực thể chế, coi đây như một trọng tâm nghiên cứu trong giai đoạn chuyển đổi.* Nền khẩn trương mở các khóa đào tạo bổ sung cho đội ngũ những người làm luật và rà soát lại chương trình đào tạo tại các trường đại học luật ở Việt Nam bởi trình độ hạn chế của đội ngũ những nhà làm luật, của tổ chức có trách nhiệm góp ý và quyết định ban hành luật là nguyên nhân chính dẫn đến việc các luật và văn bản dưới luật của nước ta có nhiều chỗ bất cập, ban hành chưa được bao lâu đã có nhu cầu phải chỉnh sửa.

3 - Xây dựng và phát triển thị trường khoa học và công nghệ

Phát triển thị trường khoa học và công nghệ trên cơ sở có sự điều tiết hợp lý của Nhà nước, dựa trên những ưu tiên phát triển kinh tế của đất nước. Đối với các nền kinh tế phát triển như

Mỹ, Nhật Bản và các nước Tây Âu, nhà nước không nhất thiết phải xác định công nghệ hay ngành trọng điểm để tập trung đầu tư phát triển vì quan hệ cung cầu trong thị trường công nghệ có vai trò quyết định. Tuy nhiên, đối với một nước đang ở trình độ khoa học và công nghệ thấp, nền kinh tế chưa phát triển như Việt Nam, thì vai trò điều tiết của thị trường đối với sự phát triển khoa học và công nghệ chưa thể bảo đảm đạt được các mục tiêu phát triển kinh tế. Để thị trường này hoạt động tối ưu, Chính phủ hỗ trợ cho cả phía cung, cầu và tạo môi trường giao dịch. Có chính sách hỗ trợ nâng cao trình độ về khoa học và công nghệ của các cơ sở sản xuất kinh doanh. Đồng thời, song song phát triển các thị trường vốn, nhất là thị trường chứng khoán, hoàn thiện và mở rộng các công cụ thị trường tài chính, như thuê - mua tài chính, công ty tài chính hay có các giải pháp tạo vốn như bảo lãnh vay ngân hàng... để các cơ sở sản xuất kinh doanh có thể tiếp cận các nguồn vốn trung và dài hạn, làm cho nhu cầu công nghệ phù hợp với chu kỳ đổi mới sản phẩm và công nghệ.

Nhằm tạo điều kiện cho môi trường giao dịch, phải tạo lập được môi trường pháp lý đầy đủ bảo đảm cạnh tranh lành mạnh. Do bí quyết, bản quyền trong khoa học và công nghệ là hết sức quan trọng, có thể dẫn đến độc quyền và các hình thức cạnh tranh không lành mạnh, nên việc tạo lập môi trường pháp lý không nên chỉ dừng lại ở việc thể chế hóa các giao dịch trong thị trường khoa học và công nghệ, mà còn có các chính sách hạn chế độc quyền, ban hành các quy định về tiêu chuẩn, chất lượng, an toàn của sản phẩm khoa học và công nghệ... Thiết nghĩ, để thị trường này hoạt động tốt, cũng cần hình thành các tổ chức quản lý và điều tiết thị trường khoa học và công nghệ, có chính sách tạo thuận lợi cho phát triển những tổ chức trung gian, môi giới thị trường khoa học và công nghệ như các tổ chức tư vấn, môi giới dịch vụ chuyển giao công nghệ và các chợ thiết bị. □

NIỀM TIN KHOA HỌC - điều kiện tiên quyết đối với đội ngũ giảng viên Mác - Lê-nin

LƯU HÀ VĨ *

GIẢNG viên các bộ môn Mác - Lê-nin là một đội ngũ trí thức đặc biệt quan trọng với tư cách là *đội ngũ chuyên gia về ý thức hệ*. Ý thức hệ Mác - Lê-nin là ý thức hệ của giai cấp vô sản có sứ mệnh lịch sử toàn thế giới là đấu tranh xóa bỏ chủ nghĩa tư bản, xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Không thể trở thành một chuyên gia ý thức hệ Mác - Lê-nin, nếu không hiểu rõ và thấm nhuần một cách thường trực trong tâm trí mình bản chất đặc thù của chuyên ngành này trước hết là niềm tin khoa học - với tư cách là niềm tin cộng sản.

Với tất cả chiều rộng và chiều sâu của nó, ý thức hệ Mác - Lê-nin vốn là một khoa học phổ quát về tự nhiên, xã hội và tư duy; đặc biệt, nó là *học thuyết phát triển đích thực khoa học và sáng tạo về xã hội*. Với ý nghĩa xác định, nó được hiểu là chủ nghĩa xã hội *khoa học*, xa lạ và đối lập về nguyên tắc với tất cả các học thuyết *chống cộng* hoặc *giả danh chủ nghĩa xã hội* dưới mọi màu sắc.

Bản chất khoa học mãi mãi phải được tôn vinh như bản chất cốt lõi của ý thức hệ Mác - Lê-nin. Bởi lẽ, nền tảng vững chắc của học thuyết xã hội vĩ đại này là cả *một hệ thống*

lý thuyết đồ sộ và chặt chẽ về các quy luật khách quan có thật, từng được C. Mác, Ph. Ăng-ghe-n và V.I. Lê-nin luận chứng một cách lô-gíc, được thực tiễn hơn một thế kỷ qua trên khắp các châu lục xác minh là đúng trên những nội dung và xu thế chủ yếu. Hàng loạt các thuộc tính bản chất khác vẫn thường được nói tới của ý thức hệ Mác - Lê-nin (như sự thống nhất biện chứng

giữa tính Đảng với tính khoa học, giữa tính phê phán với tính cách mạng sáng tạo, giữa lý luận với thực tiễn, giữa dân tộc với giai cấp và quốc tế - thời đại, giữa kinh tế và chính trị, văn hóa, xã hội v.v..) xét đến cùng đều là hệ quả lô-gíc của cái bản chất khoa học cốt lõi này.

Chính vì lẽ đó, niềm tin khoa học cũng phải luôn được coi là *một điều kiện tiên quyết* của đội ngũ giảng viên các bộ môn lý luận Mác - Lê-nin. Qua đó, nó tác động một cách *trực tiếp* và *có hệ thống* tới quá trình xác lập ở các đối tượng đào tạo - nhất là với tuổi trẻ sinh viên, đội ngũ trí thức tương lai của đất nước - một thế giới quan kiểu mới thực sự khoa học và cách mạng, một hệ thống lý luận và phương pháp luận chung mang tính nền tảng tuyệt đối cần thiết.

Thực ra, bản chất khoa học cùng với niềm tin khoa học không phải là thuộc tính riêng có của ý thức hệ Mác - Lê-nin, mà là thuộc tính vốn có của mọi khoa học chân chính - một khi chúng đạt tới *độ chín muồi thật sự* - là phân tích, lột tả, khái quát chuẩn xác các quy luật khách quan của lĩnh vực này hay lĩnh vực khác.

* TS, Trường đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh

Song, đã và sẽ không một khoa học chuyên ngành nào có thể thay thế nổi khoa học Mác - Lê-nin trong *chức năng mang tính lịch sử và luận chứng cho được cả một hệ thống các quy luật vận động và phát triển phổ quát của tự nhiên, xã hội và tư duy*; từ đó vạch ra cho được *tính tất yếu lô-gíc của tiến trình chuyển hóa hợp quy luật từ chủ nghĩa tư bản (thậm chí từ các quan hệ còn phổ biến là sản xuất nhỏ - tiền tư bản) lên chủ nghĩa xã hội*.

Vượt qua mọi giới hạn của các khoa học chuyên ngành, cứu cánh đích thực và thiêng liêng của khoa học Mác - Lê-nin cùng với niềm tin cộng sản chính là giải phóng toàn thể loài người khỏi mọi đối kháng giai cấp và dân tộc; là sự phát triển tự do và toàn diện của mỗi người và mọi người; là vĩnh viễn đoạn tuyệt với "thời tiền sử" để thực hiện bước nhảy vọt kỳ vĩ cuối cùng của loài người từ "vương quốc của tất yếu" sang "vương quốc của tự do". Chỉ niềm tin nào gắn liền với một nền tảng khoa học bền vững và đầy tính nhân văn như thế mới đáng được gọi là *niềm tin cộng sản*. Thuật ngữ niềm tin cộng sản phản ánh *độ chín muồi* của thế giới quan cộng sản, là *cốt lõi tinh thần* của nhân sinh quan cộng sản, của lý tưởng và lương tri cộng sản.

Cũng chính vì vậy mà không một niềm tin khoa học nào sánh nổi với niềm tin khoa học - niềm tin cộng sản dành cho khoa học Mác - Lê-nin, dành cho chủ nghĩa cộng sản khoa học. Ngay cả với các vĩ nhân kiệt xuất như C. Mác, Ph. Ăng-ghen, V.I. Lê-nin, Hồ Chí Minh, Phi-đen Ca-xtơ-rô,... niềm tin mãnh liệt không gì lay chuyển nổi ở các ông, cũng không phải được hình thành giản đơn - một lần, để rồi tự thân nó được bảo tồn suốt cả đời. Niềm tin vĩ đại vốn hết sức biện chứng ấy sớm được hình thành ở các ông trên nền tảng là *một hệ thống các nguyên lý và các quy luật cơ bản* được luận giải biện chứng một cách thực sự khoa học cho học thuyết của mình; và hơn nữa, còn được *liên tục điều chỉnh, bổ sung và phát triển* cùng với chính dòng chảy

quanh co, phức tạp không bao giờ ngơi nghỉ của bản thân thực tiễn đời sống.

Thử thách khắc nghiệt nhất đối với niềm tin cộng sản *chưa hẳn là ở giai đoạn cách mạng chính trị, đấu tranh giành và giữ chính quyền*. Quả vậy, giành chính quyền đã khó, giữ chính quyền lại càng khó hơn. Mọi cuộc cách mạng chỉ có giá trị như Lê-nin từng dạy - khi biết tự bảo vệ. Cái "khó" trong triết lý quen thuộc này - theo tôi - mới dừng lại trong giới hạn *cách mạng chính trị*. Vì vậy, có thể và cần phải bổ sung cho triết lý về cái "khó" xuyên suốt sự nghiệp cách mạng kiểu mới của giai cấp vô sản là: *giành chính quyền đã khó, giữ chính quyền lại càng khó hơn; nhưng xét đến cùng, cái khó nhất của đảng cầm quyền là phải biết xây dựng và sử dụng chính quyền kiểu mới để tạo lập thắng lợi trật tự xã hội mới, xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa*.

Theo đó, cơ sở và tiêu chuẩn cho niềm tin khoa học cũng như cho sự thống nhất tinh thần và chính trị của toàn xã hội giờ đây tùy thuộc trước hết vào khả năng nhận thức và vận dụng hệ thống các quy luật kinh tế khách quan ở *thời kỳ quá độ*; mà quy luật nền tảng bao giờ cũng là *quy luật về sự phù hợp biện chứng giữa quan hệ sản xuất với tính chất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất*.

Khủng hoảng và sụp đổ của một mô hình chủ quan, duy ý chí và lối thời về chủ nghĩa xã hội từng tồn tại hơn hai phần ba thế kỷ qua, với ý nghĩa xác định, cũng chính là khủng hoảng và sụp đổ không tránh khỏi của *một kiểu niềm tin chủ quan - duy ý chí và phi khoa học*; từng bị ngộ nhận là "niềm tin khoa học", "niềm tin cộng sản", "chân lý khách quan" v.v... Song, bản thân bi kịch đau đớn này tuyệt nhiên không hề đồng nghĩa với cái gọi là "sự cáo chung" của niềm tin cộng sản, của học thuyết Mác - Lê-nin. Hơn lúc nào hết, trên vũ đài tư tưởng - lý luận, tất cả những ai nhân danh mác-xít chân chính đều phải biết phản biện để lật ngược vấn đề đối với mọi cáo buộc ác ý và

vô căn cứ nhằm vào bi kịch và thời kỳ thoái trào tạm thời - "hậu Xô - viết" như hiện nay.

Bất chấp sự chống trả từ các thế lực chống cộng, sự thoái trào của cách mạng thế giới, sự thoái hóa - biến chất của một bộ phận không nhỏ trong hàng ngũ những người cộng sản, cũng như sự dao động không tránh khỏi của một khối quần chúng lao động mỗi khi đối mặt với những bước ngoặt thoái trào, thì tiến trình cách mạng kiểu mới dưới ánh sáng khoa học của chủ nghĩa Mác - Lê-nin *vẫn tiếp tục mở đường đi*, đặc biệt qua những nỗ lực bền bỉ của những người cộng sản trung thành (và cả những người dân chủ - cách mạng định hướng xã hội chủ nghĩa) - dù đã cầm quyền, chưa cầm quyền hoặc tạm thời mất chính quyền, cùng với các khối quần chúng và các lực lượng "cánh tả" được tập hợp ngày càng đông đảo xung quanh họ.

Tương lai không thuộc về chủ nghĩa tư bản với tất cả những khuyết tật và xung đột mang tính bản chất của chế độ bóc lột người cuối cùng dựa trên sự thống trị của chế độ tư hữu. "Giai cấp nắm tương lai trong tay", mà C. Mác, Ph. Ăng-ghe-nhê từng khẳng định từ hơn 150 năm trước trong "Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản" (1848), vẫn không ai khác là *giai cấp vô sản với chân dung hiện đại cần được tiếp cận lại trong bối cảnh đương đại của cách mạng khoa học - công nghệ và toàn cầu hóa*. Sự phát triển vượt bậc của bản thân quá trình sản xuất và xã hội hóa sản xuất tư bản chủ nghĩa không hề làm "tiêu tan" giai cấp vô sản, như bọn đầy tớ tư tưởng của chủ nghĩa tư bản vẫn ra sức rêu rao. Quá trình đó chỉ ngày càng làm sâu sắc và chín muồi hơn cho tính tất yếu của *sứ mệnh lịch sử toàn thế giới* của "giai cấp nắm tương lai trong tay" với tư cách là mặt đối lập biện chứng của giai cấp tư sản.

Hành trang tinh thần cho cuộc hành trình đến tự do của loài người cần phải được làm giàu bằng *tất cả những bài học chính diện lẫn phản diện* và phải được tổng kết một cách nghiêm

túc nhất từ các hoạt động thực tiễn. Ấy là chưa kể tới đòi hỏi *phải biết kế thừa một cách khôn ngoan nhất* những gì là giá trị đích thực về vật chất lẫn tinh thần mà loài người đã và sẽ đạt được dưới chủ nghĩa tư bản hiện đại. Kế thừa biện chứng bao giờ cũng là tất yếu tuyệt đối của mọi sự phát triển chân chính.

Có thể nói là đặc biệt may mắn và thuận lợi cho quá trình hình thành, thử thách, điều chỉnh, củng cố và phát triển niềm tin khoa học - niềm tin cộng sản ở các thế hệ giảng viên Mác - Lê-nin của nước ta. Bởi lẽ, *có nhiều lợi thế vượt trội và vô giá* mà đội ngũ này được thừa hưởng từ các đặc thù ưu việt của Việt Nam.

Đó là bề dày truyền thống dựng nước và giữ nước mấy nghìn năm đầy ắp những giá trị cao quý và bền vững, được kết tinh từ sự hòa quyện tuyệt vời giữa tinh thần cộng đồng - nhân văn với chủ nghĩa yêu nước. Đó cũng là bề dày truyền thống của Đảng Cộng sản Việt Nam, người tổ chức và lãnh đạo thắng lợi vang dội của cách mạng Việt Nam từ ba phần tư thế kỷ qua; người khởi xướng sự nghiệp đổi mới đất nước với biết bao thành tựu kỳ diệu trong gần 20 năm qua.

Và vượt lên tất cả, đó là lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đã và sẽ mãi mãi là người cha tinh thần bất diệt của cách mạng Việt Nam. Là "một nhà hiền triết hiện đại", Người là điển hình chói sáng và hiện thân của niềm tin khoa học - niềm tin cộng sản, mà *cái biệt tài có một không hai* "đi bất biến ứng vạn biến" của "một nhà hiện đại phương Đông" đã giúp Người xác lập được rất sớm từ những năm 20 của thế kỷ trước. Chỉ có niềm tin vững chắc và sinh động như thế mới giúp chúng ta hiểu được Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh - *người vận dụng và phát triển sáng tạo hơn ai hết* học thuyết Mác - Lê-nin vào thực tiễn cách mạng Việt Nam nói riêng, thực tiễn cách mạng ở các nước thuộc địa nói chung. Theo đó, cái tạo nên cốt lõi trong chân dung tư tưởng cũng

như trong toàn bộ cuộc đời và sự nghiệp bất hủ của Người chính là các giá trị chân chính của dân tộc, giai cấp, loài người, thời đại; được kết hợp *nhuần nhuyễn với nhau như một sự "giao thoa" lịch sử kỳ lạ để cùng "thăng hoa" lên một tầm cao mới về chất.*

Chúng ta càng tự hào vì chính Bác Hồ kính yêu là giảng viên Mác - Lê-nin đầu tiên của Việt Nam; Người đã nghiên cứu, giảng dạy và truyền bá một cách tài tình ý thức hệ tiên tiến nhất của thời đại tại các lớp huấn luyện cán bộ tiền thân của Đảng ta (ở Quảng Châu, từ năm 1925 đến năm 1927). Tác phẩm "Đường Kách mệnh" (1927) cũng như những bài giảng "chính trị thường thức" trên báo Cứu Quốc (sau Đại hội II của Đảng, 1951) là những bằng chứng về điều đó! Thấm nhuần sâu sắc lời dạy của V.I. Lê-nin "không có lý luận cách mạng thì không có phong trào cách mạng", Người đã dành sự quan tâm đặc biệt đối với các trường lớp và đội ngũ nghiên cứu, giảng dạy lý luận Mác - Lê-nin với rất nhiều quan tâm đặc biệt và chỉ dẫn quý báu.

Sự nghiệp đổi mới đất nước, trước những thời cơ và thách thức chưa từng có, đòi hỏi ở đội ngũ chuyên gia ý thức hệ của Đảng ta những nỗ lực vượt bậc mới có thể xác lập, củng cố và nâng cao niềm tin khoa học của mình. Thiết nghĩ, chỉ một vài lợi thế nào đó (như bằng cấp, thâm niên, địa vị quản lý, tri thức kinh điển, ngoại ngữ, nghệ thuật sư phạm...) tuyệt nhiên *không bao giờ bù đắp được sự hụt hẫng niềm tin khoa học, cũng như không bao giờ che giấu được những dao động tiêu tư sản, những động cơ vụ lợi trong hoạt động chuyên môn và trong cuộc sống của một chuyên gia ý thức hệ, nếu có.*

Cũng như mọi niềm tin khoa học chân chính khác, niềm tin cộng sản *không phải là nhất thành bất biến.* Nhìn thẳng vào sự thật, chúng ta chưa thể hài lòng với quá nhiều bất cập ở đội ngũ giảng viên Mác - Lê-nin hiện nay, mà *đáng nói nhất là những bất cập quanh vấn đề niềm tin.* Thậm chí, không phải cá biệt, đã có người

bỏ cuộc, có người công khai phát biểu những chính kiến phi mác-xít của mình trên nhiều vấn đề lý luận cũng như chính trị - thực tiễn mang tính nguyên tắc. Sự hụt hẫng niềm tin như vậy và cả những động cơ vụ lợi thương mại hóa trong hoạt động chuyên môn rất đặc thù này, rõ ràng đã tầm thường hóa hoạt động nghiên cứu và giảng dạy khoa học Mác - Lê-nin như một sinh kế không hơn không kém? Và hiện tượng tiêu cực này hẳn không phải là ngoại lệ đối với khái niệm "cơ hội".

Một luận điểm nổi tiếng của C. Mác trong "Luận cương về L. Phoi-ơ-bắc" nói rằng, *người giáo dục cũng phải được giáo dục.* Hơn ai hết, đội ngũ giảng viên Mác - Lê-nin - với chức năng là chuyên gia ý thức hệ về vang của mình, cũng phải thường xuyên được giáo dục, thường xuyên được bổ túc và cập nhật những kiến thức mới trên cả hai bình diện lý thuyết và chính trị - thực tiễn. "Được giáo dục", trước hết là "tự giáo dục", là tự thân vận động. Với mọi sự nghiệp chính nghĩa, không ai muốn và có thể "xuất nhập khẩu" chân lý, niềm tin, lý tưởng, nhân cách... Mất niềm tin là mất tất cả! Điều đó nghìn lần đúng đối với niềm tin khoa học - niềm tin cộng sản.

Với vũ khí tinh thần bất khả chiến bại đó, chắc chắn chúng ta sẽ vượt qua những thử thách chưa lường hết được ở phía trước. Không một quà tặng tinh thần nào mà một thầy giáo Mác - Lê-nin để lại cho các thế hệ học trò của mình có ý nghĩa sâu xa và thiêng liêng hơn thế - đó chính là niềm tin khoa học.

Được chia sẻ với các đồng nghiệp xa gần những tâm huyết của mình, bản thân người viết càng tự hào về những cống hiến của đội ngũ chúng ta vào thắng lợi chung của công cuộc giải phóng, xây dựng và phát triển đất nước. Đó chính là sự phấn đấu không mệt mỏi bằng trí tuệ và tâm huyết của mình để giữ vững niềm tin khoa học, coi đó như một điều kiện tiên quyết để tiếp tục đồng hành cùng dân tộc trên con đường xã hội chủ nghĩa.□

Vài suy nghĩ về sự phát triển văn hóa trong việc phát huy sức mạnh tổng hợp của đất nước

MAI HẢI OANH

1 - Sức mạnh quốc gia là sự tổng hợp của nhiều nguồn lực khác nhau. Sức mạnh đó không chỉ thể hiện ở thực lực về kinh tế, chính trị, quân sự, ngoại giao, văn hóa... mà còn thể hiện ở tiềm năng phát triển của đất nước trong những giai đoạn lịch sử tương ứng. Trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt nam, Đảng ta luôn đánh giá cao vai trò to lớn của văn hóa, coi sự phát triển của văn hóa như một nhân tố quan trọng hợp thành sức mạnh tổng hợp của đất nước, góp phần nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

Trong *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943, Đảng ta đã xác định một cách dứt khoát: "Mặt trận văn hóa là một trong ba mặt trận (kinh tế, chính trị, văn hóa)"... "có lãnh đạo được phong trào văn hóa Đảng mới ảnh hưởng được dư luận, việc tuyên truyền của Đảng mới có hiệu quả" ⁽¹⁾. Thực tiễn cách mạng cho thấy, trong giai đoạn 1930 - 1945, lĩnh vực văn hóa thực sự là một trong những mặt trận sôi động nhằm khơi dậy lòng yêu nước của đông đảo quần chúng, truyền bá tư tưởng chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào Việt Nam, tập hợp lực lượng,

kêu gọi đoàn kết, góp phần tạo nên sức mạnh tổng hợp để tiến tới giành chính quyền về tay nhân dân.

Trong thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội, Đảng ta chủ trương tiên hành cách mạng tư tưởng - văn hóa. Nhờ vậy, chúng ta đã xây dựng được nền tảng vững chắc cho nền văn hóa mới xã hội chủ nghĩa. Nền văn hóa đó đã thực sự trở thành một động lực tinh thần to lớn nhằm phát huy sức mạnh của lòng yêu nước, bồi đắp lý tưởng cách mạng, góp phần quan trọng vào quá trình xây dựng hậu phương xã hội chủ nghĩa lớn mạnh, chi viện đắc lực cho miền Nam, hoàn thành sự nghiệp thống nhất Tổ quốc. Về

vấn đề này, cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng nhấn mạnh: "Thắng lợi của cách mạng Việt Nam chính là thắng lợi của văn hóa Việt Nam". Đây là một nhận định hoàn toàn chính xác vì những giá trị cao đẹp nhất của dân tộc và thời đại xét đến cùng đều kết tinh thành những giá trị văn hóa. Phải là một dân tộc có bề dày về truyền thống đánh giặc, có lý tưởng cao cả, dám hy sinh đến giọt máu cuối cùng để bảo vệ chân lý "Không có gì quý hơn độc lập, tự do" thì mới hội đủ sức mạnh để thắng giặc. Và vị lãnh tụ thiên tài của dân tộc ta - Chủ tịch Hồ Chí Minh - là hiện thân của những giá trị văn hóa đó đã được nhân loại tôn vinh.

Trong thời đại ngày nay, vai trò to lớn của văn hóa đã được chúng ta nhận thức lại một cách sâu sắc hơn, đầy đủ hơn. Đảng ta chủ trương phải "gắn chặt hơn nữa nhiệm vụ xây dựng văn hóa với nhiệm vụ trung tâm xây dựng kinh tế và nhiệm vụ then chốt xây dựng Đảng".

(1) Văn kiện Đảng: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t 7, tr 316

Phát triển văn hóa phải đồng bộ và tương xứng với tăng trưởng kinh tế, phát triển xã hội và tiến bộ chính trị. Về kinh tế, tri thức và khoa học - kỹ thuật hiện đại đã trở thành một trong những nhân tố quan trọng nhất đóng góp vào sự tăng trưởng của nền kinh tế. Về chính trị, các nước tư bản phát triển đều có ý thức sử dụng các phương tiện kỹ thuật hiện đại, công nghệ tiên tiến thâm nhập khắp toàn cầu nhằm áp đặt hệ ý thức, tư tưởng, hệ thống giá trị, hệ thống tín ngưỡng, lối sống... lên các quốc gia khác. Trước tình trạng này, nền văn hóa truyền thống của các nước kém phát triển đứng trước nguy cơ bị bào mòn, bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Bởi thế, việc bảo vệ bản sắc văn hóa dân tộc, bảo vệ những nguyên tắc về đạo đức, lối sống và sự lựa chọn lý tưởng xã hội của các dân tộc trở thành nhiệm vụ hết sức cấp thiết nhằm chống lại nguy cơ bị xâm lăng văn hóa. Văn hóa trở thành "quyền lực mềm" trong nỗ lực bảo vệ chủ quyền của dân tộc. Sự bá quyền trong lĩnh vực văn hóa cùng với quá trình nhất thể hóa về kinh tế toàn cầu rất dễ dẫn tới những biến động về chính trị. Vì lẽ đó, trong thời đại ngày nay, nhiều nước, trong đó có Việt Nam, cần hết sức cảnh giác với sự tác động về chính trị qua con đường văn hóa. Nói thế để thấy rằng văn hóa "cũng là một mặt trận", qua các giai đoạn cách mạng khác nhau, vai trò của văn hóa trong việc tổng hợp sức mạnh của đất nước đã được Đảng ta chú ý và phát huy một cách có hiệu quả.

Theo Hồ Chí Minh, sự phát triển của xã hội không phải là sự phát triển riêng rẽ một mặt trận nào đó mà phải là sự phát triển toàn diện vì sức mạnh của đất nước chính là sự tổng hợp sức mạnh vật chất và sức mạnh tinh thần. Người nhấn mạnh: "Trong công cuộc kiến thiết nước nhà có bốn vấn đề phải coi trọng ngang nhau: chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa". Hồ Chí Minh giải thích: "Văn hóa là một kiến trúc thượng tầng nhưng cơ sở hạ tầng có kiến thiết rồi, văn hóa mới kiến thiết được và đủ điều kiện để phát triển được". Như vậy, trong tư tưởng Hồ Chí Minh không hề có sự đồng nhất giữa kinh tế, chính trị, xã hội và văn hóa mà trái lại,

trong khi coi trọng vai trò to lớn của văn hóa với tư cách là một hình thái kiến trúc thượng tầng, Người khẳng định tính quyết định của cơ sở hạ tầng đối với sự phát triển của văn hóa. Người nói: "Văn hóa phải gắn liền với lao động sản xuất" (2). Tất nhiên, cơ sở hạ tầng không quy định sự phát triển của văn hóa theo lối trực tiếp giản đơn mà phải thông qua vô vàn các mối quan hệ khác nhau. Chính vì thế, có những giai đoạn lịch sử kinh tế phát triển phồn vinh nhưng văn hóa lại phát triển hết sức chậm chạp và ngược lại, có những giai đoạn kinh tế phát triển chậm chạp, văn hóa lại phát triển hết sức rực rỡ. Song, dù có những hiện tượng lịch sử như thế, nhìn một cách tổng quát, cơ sở hạ tầng vẫn chi phối đến sự phát triển của văn hóa. Đây là lý do để Hồ Chí Minh khẳng định, muốn xây dựng nền văn hóa mới nhất thiết phải quan tâm xây dựng xã hội mới. Mặt khác, Người lại khẳng định: "Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội trước hết phải xây dựng con người xã hội chủ nghĩa". Nhờ nắm vững bản chất của phép biện chứng duy vật mà Người luôn nhận thức vấn đề một cách toàn diện, thấu hiểu một cách sâu sắc mối quan hệ giữa các hiện tượng trong thực tiễn vận động của lịch sử. Phác thảo diện mạo nền văn hóa Việt Nam, Người quan tâm đến chiều sâu của văn hóa bao gồm 5 điểm chủ yếu: "1 - Xây dựng tâm lý; 2 - Xây dựng luân lý: biết hy sinh mình, làm lợi cho quần chúng; 3 - Xây dựng xã hội: mọi sự nghiệp có liên quan đến phúc lợi của nhân dân trong xã hội; 4 - Xây dựng chính trị: dân quyền; 5 - Xây dựng kinh tế" (3).

Trong các kỳ Đại hội, Đảng ta cũng luôn luôn xây dựng chiến lược phát triển văn hóa phù hợp với thực tiễn của đất nước và thời đại, coi văn hóa như một phương diện hình thành thể và lực của đất nước. Đảng ta cho rằng, trong hệ thống kinh tế quốc dân rộng lớn, ngoài các ngành sản xuất vật chất còn bao gồm các ngành

(2) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội 1996, t 10, tr 59

(3) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 3, tr 431

sản xuất tinh thần. Cho nên văn hóa có mặt ở mọi hoạt động và mọi sản phẩm hoạt động của con người. Mặt khác bản thân văn hóa có tiềm lực, thực lực riêng và có quan hệ mật thiết với thực lực kinh tế, chính trị. Văn hóa vừa phát triển trong mối tương tác đa chiều với kinh tế, chính trị... vừa phát triển theo quy luật vận động nội tại. Nó có sức mạnh khuếch trương và mở rộng ảnh hưởng theo cách riêng của nó. Bởi thế, việc kế thừa, tiếp thu truyền thống văn hóa dân tộc và việc sáng tạo ra những giá trị tinh thần mới không những là sự phát triển của chính bản thân văn hóa mà còn thúc đẩy quá trình xây dựng sức mạnh tổng hợp của đất nước. Hơn nữa, với tư cách là một lĩnh vực hoạt động tinh thần đặc thù, văn hóa là một nhân tố gắn kết chặt chẽ các thành viên của một quốc gia, có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc tạo ra sự đoàn kết, khơi thức tinh thần độc lập dân tộc, ý thức tự chủ, tự cường. Trong giai đoạn phát triển mạnh mẽ của kinh tế tri thức hiện nay, văn hóa càng đóng vai trò quan trọng nhằm nâng cao dân trí, tạo sức mạnh có tính đột phá, nắm bắt công nghệ tiên tiến, kỹ thuật hiện đại đưa đất nước đi lên. Như vậy, nhiệm vụ của văn hóa không chỉ dừng lại ở việc bảo lưu những giá trị đã từng hiện hữu trong quá khứ mà văn hóa còn có nhiệm vụ sáng tạo cái mới, thúc đẩy sự phát triển của đất nước. Đó là cơ sở để Đảng ta khẳng định *văn hóa là nền tảng tinh thần, là động lực và cũng chính là mục tiêu của sự phát triển.*

2 - Văn hóa là nền tảng tinh thần, là động lực to lớn thúc đẩy sự phát triển toàn diện của một quốc gia. Công năng của văn hóa đối với việc phát huy sức mạnh tổng hợp của đất nước thể hiện rõ nét nhất qua các phương diện sau :

a - Văn hóa có tác động đến cơ sở kinh tế tương ứng từ đó thúc đẩy sự phát triển của sức sản xuất, đặt nền móng cho sự tăng cường sức mạnh tổng hợp của đất nước.

Văn hóa có hai dạng: *văn hóa vật chất và văn hóa tinh thần.* Văn hóa vật chất bao gồm tư liệu sản xuất, tư liệu sinh hoạt, quy mô sản xuất

vật chất, mức sống... Văn hóa vật chất chính là tiêu chí của sự phát triển sức sản xuất. Sự phát triển văn hóa vật chất vừa có quan hệ mật thiết và tác động sâu sắc đến sự phát triển văn hóa tinh thần vừa đặt cơ sở, tiền đề vật chất cho việc tăng cường sức mạnh tổng hợp của đất nước. Văn hóa tinh thần (bao gồm tư tưởng, đạo đức, giáo dục, văn học nghệ thuật, khoa học kỹ thuật, thể dục thể thao...), trong một điều kiện nào đó lại có khả năng chuyển hóa để biến thành sức mạnh có tính vật chất. Bài học đánh Mỹ cho ta thấy rõ điều này. Về mặt trang bị kỹ thuật, vũ khí hiện đại, ta không thể so bì với Mỹ. Nhưng nhờ phát huy sức mạnh của lòng yêu nước, của chủ nghĩa anh hùng cách mạng chúng ta đã tạo nên sức mạnh tổng hợp to lớn chiến thắng kẻ thù

Trong thời đại ngày nay, vai trò của khoa học và công nghệ ngày càng có ý nghĩa cực kỳ quan trọng thì vai trò của văn hóa càng to lớn. Thậm chí đây là nhân tố thúc đẩy sức sản xuất quan trọng nhất. Nó là cơ sở để điều chỉnh cơ cấu kinh tế, củng cố và phát triển nền kinh tế xã hội chủ nghĩa, nâng cao sức sản xuất xã hội, hoàn thiện tổ chức và khả năng lao động của con người. Sự hòa hợp giữa khoa học kỹ thuật và khoa học nhân văn là tiền đề hết sức quan trọng để hiện đại hóa văn hóa nước ta trong giai đoạn hiện nay và là động lực tăng trưởng kinh tế để chúng ta hoàn thành sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Ngay bản thân kiến trúc thượng tầng xã hội cũng vậy - để phát triển - không thể không có những tác động của văn hóa. Lý do cơ bản là, văn hóa góp phần hình thành các căn cứ lý luận cho sự tồn tại của hệ thống tư tưởng về chính trị, đạo đức, luật pháp... đồng thời góp phần hoàn thiện các thiết chế vật chất tương ứng và tác động trở lại cơ sở kinh tế, thúc đẩy sự phát triển của kinh tế. Văn hóa xã hội chủ nghĩa có ba phương thức tăng cường sức mạnh tổng hợp của quốc gia:

Một, thông qua sự sáng tạo các giá trị văn hóa vật chất và văn hóa tinh thần, thúc đẩy

manh mẽ hơn nữa sự phát triển sức sản xuất xã hội, đặt cơ sở vật chất cho việc phát triển đất nước.

Hai, lấy sự phong phú, vững mạnh về kiến trúc thượng tầng và văn minh chính trị làm đảm bảo cho an ninh chế độ và sự bền vững của hệ thống chính trị, tăng thêm sức mạnh tổng hợp của đất nước.

Ba, lấy kiến trúc thượng tầng về tư tưởng làm cơ sở cho việc phát triển sức mạnh tổng hợp của đất nước.

Xuất phát từ ba phương thức đã nêu, có thể nhận thấy rằng: nếu không có nền văn hóa xã hội chủ nghĩa phát triển ở mức cao thì khó lòng tạo nên sự phát triển cao về sức sản xuất cũng như sự phát triển toàn diện của đời sống xã hội. Điều đó đòi hỏi việc phát triển kinh tế phải đi đôi với việc phát triển văn hóa. Yêu cầu này không đơn giản xuất phát từ nhu cầu phát triển văn hóa tinh thần một cách riêng biệt mà còn xuất phát từ nhu cầu tăng cường sức mạnh tổng hợp của Nhà nước xã hội chủ nghĩa.

b - Văn hóa đã tạo ra sự hỗ trợ về trí tuệ và động lực tinh thần cho việc nâng cao sức mạnh tổng hợp của quốc gia.

Văn hóa là động lực của kinh tế vì: *thứ nhất*: văn hóa với tư cách là kết tinh trí tuệ của con người có khả năng chế ước sự lựa chọn và xây dựng chính sách kinh tế, chỉ đạo sản xuất và tiêu dùng, quy định phương hướng và quy mô phát triển kinh tế; *thứ hai*, sự nghiệp văn hóa ngày càng vững mạnh thúc đẩy sự phát triển kinh tế không phải theo cấp số cộng mà nhiều lúc đạt sự tăng trưởng theo cấp số nhân. Trong xã hội hiện đại, kỹ thuật, tri thức, chất xám... can hệ trực tiếp đến sự phát triển các loại ngành nghề sản xuất văn hóa. Giá trị và sự lưu thông của các sản phẩm văn hóa ngày càng cao sẽ kéo theo sự tăng thêm về tỷ trọng kinh tế của các sản phẩm văn hóa trong tổng thể nền kinh tế quốc dân. Rõ ràng, việc phát triển văn hóa vừa tạo ra động lực tinh thần, vừa là yếu tố kích thích và can dự vào quá trình phát triển kinh tế. Không chú ý thích đáng đến sự phát triển

văn hóa thì kinh tế sẽ mất đi một sự hỗ trợ rất cần bản.

Văn hóa là động lực của chính trị bởi lẽ chính trị chịu sự ràng buộc của kinh tế và lấy nền văn hóa tương ứng làm căn cứ để hoạch định những chính sách xã hội. Văn hóa là tấm gương phản ánh những biến đổi về chính trị, chịu ảnh hưởng của chính trị và thông qua chính trị có tác dụng tới cơ sở kinh tế. Văn hóa và chính trị thuộc kiến trúc thượng tầng, quan hệ giữa chúng là quan hệ tiền đề tác động lẫn nhau. Xét theo ý nghĩa này, văn hóa trở thành tiền đề quan trọng của cơ cấu tổ chức chính trị và sự vận hành chính trị. Một mặt, nhà nước (hạt nhân của hệ thống chính trị) phải lấy một nền văn hóa nhất định làm cơ sở xây dựng nhà nước pháp quyền, hoạch định chính sách phát triển. Tất cả những điều đã nói ở trên phải dựa vào cơ sở văn hóa nhất định, dựa vào trình độ phát triển dân trí cao. Không có trình độ dân trí cao, không có nền văn hóa vững mạnh thì không có ý thức dân chủ đầy đủ, không có chủ nghĩa xã hội. Mặt khác, trong bối cảnh nhiều nước phát triển đang tìm cách bá quyền văn hóa, thông qua văn hóa để tác động đến chính trị, đe dọa an ninh quốc gia của những nước đang phát triển nhằm thiết lập trật tự thế giới theo quan điểm của họ, văn hóa rất dễ bị lợi dụng và bị biến thành một công cụ thực hiện các mưu đồ chính trị. Văn hóa trực tiếp trở thành yếu tố quan trọng trong chính trị quốc tế. Bởi thế, nếu chúng ta không xây dựng được một nền văn hóa xã hội chủ nghĩa vững mạnh thì sẽ khó lòng ngăn chặn những hình thức xâm nhập văn hóa tinh vi từ phía bên ngoài. Nói khác đi, trong quá trình hội nhập với thế giới, chúng ta vừa hấp thụ tinh hoa văn hóa của nhân loại, đồng thời, phải biết phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, tạo nên sức mạnh nội sinh văn hóa mạnh mẽ nhằm đưa văn hóa đi đúng quỹ đạo của chủ nghĩa xã hội, vừa tăng cường sức mạnh quốc gia, vừa làm cho nhân dân được thừa hưởng những giá trị văn hóa phong phú, sâu sắc.

c - Với chức năng cơ bản là xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa, văn hóa đã

phát huy sức mạnh của chủ thể sáng tạo, từ đó mở mang tiềm lực quốc gia, tạo thành nguồn nhân lực vô tận cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Yếu tố cơ bản nhất trong việc xây dựng sức mạnh của đất nước chính là con người. Trong khi đề ra chiến lược phát triển con người, Đảng ta luôn luôn nhấn mạnh vai trò của văn hóa trong quá trình xây dựng, hoàn thiện các tổ chức quan trọng nhất của con người nhằm đáp ứng một cách hiệu quả nhất nhiệm vụ cách mạng trong thời đại mới. Tổ chức của con người chính là nền tảng để hình thành tổ chức quốc dân. Việc nâng cao các tổ chức trí, đức, thể, mỹ chính là việc chuẩn bị cho sức mạnh quốc gia không chỉ ở thời hiện tại mà còn ở thời tương lai. Việc phát triển kinh tế, chính trị, văn hóa... nhằm tạo nên sức mạnh của đất nước cần phải dựa vào hàng loạt yếu tố: ý thức vươn tới tầm hiện đại, tinh thần đổi mới để vươn tới cái mới, ý thức hòa nhập với nền kinh tế thế giới nhằm tạo ra một nền kinh tế hiệu quả có khả năng cạnh tranh cao, ý thức xây dựng an ninh - quốc phòng vững mạnh, ý thức tự do dân chủ và bình đẳng... Muốn thế, chúng ta phải có chiến lược cụ thể nhằm nâng cao các chuẩn mực đạo đức phù hợp với tình hình mới, nâng cao trình độ khoa học kỹ thuật, có kế hoạch thúc đẩy, kích thích năng lực sáng tạo của cá nhân và tập thể. Không có nền văn hóa cao giàu sức sáng tạo thì khó lòng phát huy được tổ chức văn hóa của quốc dân. Chính tổ chức của người lao động, số lượng và chất lượng của đội ngũ trí thức là yếu tố quyết định sức mạnh của nền kinh tế, liên quan đến sự mạnh yếu của quốc gia. Có ưu thế về nhân tài vật lực trong một chế độ chính trị có nhiều ưu việt, tất yếu đất nước sẽ hùng cường. Bồi dưỡng những công dân có lý tưởng cao đẹp, có lối sống lành mạnh, có trình độ văn hóa cao, có kỷ luật lao động tốt, có tinh thần nhân văn chính là mục tiêu mà nền văn hóa xã hội chủ nghĩa phải hướng tới. Rõ ràng, việc phát triển văn hóa bao giờ cũng gắn liền với việc tạo thành sức mạnh của quốc gia. Sự ưu thắng của quốc gia này so với quốc gia khác bao giờ cũng gắn liền với sự ưu thắng của văn hóa. Đó là một thực tế đã được kiểm chứng trong lịch sử.

3 - Ý thức được sức mạnh của văn hóa, Đảng ta đã đưa ra nhiều kế sách để phát triển mạnh mẽ hơn nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Hội nghị Trung ương 10, khóa IX đã nêu lên ba nhiệm vụ quan trọng trong công tác văn hóa trong giai đoạn hiện nay:

Một là, tiếp tục đặt lên hàng đầu nhiệm vụ xây dựng đạo đức, lối sống và đời sống văn hóa lành mạnh trong xã hội, trước hết là các tổ chức đảng và nhà nước, các đoàn thể quần chúng các gia đình, các tổ chức, đơn vị cơ sở...

Hai là, nâng cao chất lượng, hiệu quả nhiệm vụ xây dựng con người Việt Nam đã được xác định cụ thể trong Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII.

Ba là chú trọng nhiệm vụ xây dựng đời sống văn hóa cơ sở, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, tốt đẹp, phong phú.

Như vậy, ngoài việc phát triển nền kinh tế, tiến hành cải cách thể chế hành chính, chúng ta còn phải ra sức phát triển nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Tính biện chứng của mối quan hệ giữa phát triển văn hóa và tăng cường sức mạnh tổng hợp của đất nước là ở chỗ: *tăng cường sức nước tạo điều kiện vật chất và xã hội cho phát triển văn hóa, phát triển văn hóa tạo động lực tinh thần và sự hỗ trợ trí lực cho việc tăng cường sức nước.* Trong cuộc độ sức về sức mạnh tổng hợp trên phạm vi toàn thế giới hiện nay sự độ sức về văn hóa là một khâu quan trọng. Hội nghị Trung ương 10, khóa IX cũng nhấn mạnh: "Kết luận mà Hội nghị Trung ương 10 đưa ra về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện thắng lợi Nghị quyết Trung ương 5, khóa VIII trong thời gian tới là biểu thị quyết tâm của Trung ương tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, phát huy sức mạnh tổng hợp của đất nước, tạo sự chuyển biến cơ bản và bước phát triển mạnh mẽ trong xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc đồng bộ với sự phát triển kinh tế - xã hội"⁽⁴⁾. □

(4) Dẫn theo *Tạp chí Cộng sản*, số 15/2004, tr 5



LÂM ĐỒNG THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ

NGUYỄN VĂN ĐĂNG *

LÀ tỉnh miền núi ở phía Nam Tây Nguyên, Lâm Đồng có diện tích tự nhiên 9.764,79 km² với 143 xã, phường, thị trấn, dân số gần 1,2 triệu người, gồm 40 dân tộc, trong đó có gần 43 vạn hộ, hơn 235 vạn khẩu là đồng bào dân tộc thiểu số, chiếm 21% dân số toàn tỉnh. Địa bàn sinh sống của đồng bào dân tộc thiểu số chủ yếu ở các vùng sâu, vùng xa; điều kiện phát triển kinh tế - xã hội còn gặp nhiều khó khăn. Toàn tỉnh có 95/145 xã, phường, thị trấn có đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống; trong đó có 49 xã và 128 thôn, buôn thuộc diện đặc biệt khó khăn.

Nhận rõ tầm quan trọng của việc phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh của tỉnh, Đảng bộ Lâm Đồng luôn quán triệt, chủ động xây dựng và tích cực vận dụng các chủ trương, chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước vào điều kiện cụ thể của địa phương, bước đầu đã đạt được những kết quả quan trọng. Thực hiện Nghị quyết 22 của Bộ Chính trị, khóa VI “về phát triển kinh tế - xã hội miền núi”, Tỉnh ủy Lâm Đồng đã ban hành Nghị quyết 22, khóa V “Về chủ trương, biện pháp xây dựng kinh tế -

xã hội vùng dân tộc”; tiếp đó là Chỉ thị 25 - CT/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy “Về tiếp tục đầu tư xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc”; Nghị quyết 02 - NQ/TU, khóa VII của Tỉnh ủy “Về tiếp tục đầu tư xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc giai đoạn 2001 - 2005”...

Thông qua nhiều chương trình, dự án do Trung ương đầu tư, hỗ trợ, đồng thời tích cực xây dựng và triển khai có hiệu quả các nghị quyết, chỉ thị của Tỉnh ủy về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc, các vùng dân tộc thiểu số ở Lâm Đồng đều có sự phát triển cả về kinh tế, xã hội cũng như củng cố quốc phòng - an ninh.

Một trong những thành tựu nổi bật trong việc thực hiện chính sách phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số của Lâm Đồng những năm qua là thực hiện tốt cuộc vận động định canh - định cư, xóa đói - giảm nghèo cho đồng bào. Ngay từ năm 1977, tỉnh đã chia gần 12.000 ha ruộng đất cho nhân dân

* Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng

các dân tộc trong tỉnh để sản xuất. Đảng bộ và các cấp chính quyền của tỉnh cũng thường xuyên tổ chức và thực hiện tốt cuộc vận động định canh, định cư trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số, coi đó là yêu cầu bức thiết; xác định cuộc vận động này không đơn thuần là vấn đề kinh tế, mà còn góp phần giải quyết có hiệu quả các vấn đề về chính trị - xã hội, quốc phòng - an ninh của tỉnh. Trong 10 năm đầu (1975 - 1985) thực hiện cuộc vận động này, toàn tỉnh đã tạo ra được 17.853 ha đất canh tác mới, xây dựng 78 công trình thủy lợi, thủy điện, tạo điều kiện để đồng bào các dân tộc ứng dụng các tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất, góp phần đưa năng suất lúa, màu, cây công nghiệp tăng gấp đôi so với trước.

Trong những năm 1976 - 1990, trong điều kiện ngân sách nhà nước còn eo hẹp, nhưng bằng việc phát huy nội lực, toàn tỉnh đã huy động được trên 15 tỉ đồng đầu tư khai hoang, phục hóa, xây dựng kết cấu hạ tầng ở miền núi, thực hiện định canh - định cư đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Từ năm 1986 trở đi, thực hiện chương trình định canh - định cư theo hướng nông - lâm kết hợp, tỉnh giao công tác định canh - định cư cho ngành lâm nghiệp, với mục tiêu là tổ chức lại sản xuất ở vùng dân tộc thiểu số gắn với các điều kiện tự nhiên, xã hội và các thế mạnh của từng vùng. Đã có 230.717 ha rừng được giao khoán cho 9.405 hộ gia đình là người dân tộc thiểu số quản lý, khai thác và bảo vệ. Nhờ vậy, đồng bào đã có thu nhập bình quân từ 3,5 - 4,1 triệu đồng/hộ/năm, nạn phá rừng làm rẫy về cơ bản đã chấm dứt. Đến cuối năm 2003, với tổng vốn đầu tư trên 20 tỉ đồng, tỉnh đã thực hiện định canh - định cư cho hơn 15.000 hộ với 93.000 nhân khẩu, đạt gần 70% kế hoạch. Bên cạnh nguồn vốn của chương trình định canh - định cư, thông qua

Chương trình 327, Chương trình giải quyết việc làm, Chương trình đầu tư các xã vùng đặc biệt khó khăn v.v... tỉnh cũng đã đầu tư gần 60 tỉ đồng cho các dự án trong vùng đồng bào dân tộc, đã giải quyết việc làm cho gần 2 vạn lao động là người dân tộc thiểu số và dân mới nhập cư.

Trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số, Lâm Đồng đặc biệt quan tâm chỉ đạo thực hiện chương trình xóa đói - giảm nghèo, coi đây vừa là nhiệm vụ cấp bách trước mắt, vừa là công tác trọng tâm thường xuyên và là nhiệm vụ chính trị của cả hệ thống chính trị. Do vậy, trong quá trình triển khai chương trình xóa đói - giảm nghèo, các cấp, các ngành của tỉnh đã chú trọng lồng ghép với các chương trình quốc gia và các phong trào quần chúng khác như phong trào thanh niên lập nghiệp, phụ nữ giúp nhau làm kinh tế gia đình, nông dân sản xuất giỏi... và đã phát huy hiệu quả. Nhờ vậy, số hộ đói nghèo đã giảm rõ rệt: từ 54,4% (năm 1995, theo tiêu chí cũ) xuống còn 20% (năm 2004, theo tiêu chí mới).

Vượt lên mọi khó khăn và huy động tốt mọi nguồn lực với sự nỗ lực phấn đấu, Lâm Đồng đã đầu tư gần 400 tỉ đồng để phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc, bước đầu làm chuyển biến nhận thức của đồng bào cả trong tổ chức sản xuất cũng như trong xây dựng đời sống vật chất, tinh thần. Trong vùng đồng bào đã xuất hiện nhiều mô hình sản xuất giỏi, điển hình như xã Tân Châu, huyện Di Linh có hơn 40 gia đình dân tộc K'Ho có thu nhập bình quân từ 150 - 500 triệu đồng/năm, được Nhà nước tặng danh hiệu xã Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới. Nhiều thôn, buôn ở xã Lát (huyện Lạc Dương), các xã Lộc Bắc, Lộc Lâm (huyện Bảo Lộc), xã Rô Men (huyện Lâm Hà) v.v... đã trở thành những mô hình sản xuất giỏi, ngày càng có

nhiều hộ vươn lên làm giàu với thu nhập ngày càng cao và ổn định.

Tỉnh cũng đã chuyển mục đích 5.828 ha đất từ đất lâm nghiệp sang đất nông nghiệp, trong đó đã giao 3.350 ha cho 3.690 hộ, đang tiếp tục khai hoang 2.023 ha để giao cho các hộ đồng bào dân tộc thiểu số thiếu đất sản xuất. Nhiều huyện đã hỗ trợ tiền, gạo, phân bón, công cụ sản xuất cho các hộ dân tộc thiểu số, giúp đồng bào khai hoang, phục hóa hàng trăm héc-ta đất sinh lầy trong các thung lũng, đất ven triền sông, đất khe suối để trồng lúa nước, giúp đồng bào từng bước tự túc lương thực. Trong 2 năm (2003 - 2004), tỉnh đã đầu tư gần 20 tỉ đồng hỗ trợ tiền xây dựng nhà ở cho các hộ dân tộc thiểu số có hoàn cảnh khó khăn; đã xây dựng 2.000 căn nhà tình thương. Riêng năm 2004, tỉnh đã đầu tư 5 tỉ đồng xây thêm 1.000 căn nhà tình thương. Vừa qua tỉnh còn đầu tư 12,3 tỉ đồng để đưa điện đến cho đồng bào dân tộc thiểu số và gia đình chính sách khó khăn. Nhờ đó đã có hơn 3.000 hộ được hỗ trợ và có điện phục vụ sản xuất, đời sống.

Cùng với việc đầu tư phát triển kinh tế, Lâm Đồng đã tập trung giải quyết các vấn đề về chính sách xã hội đối với vùng đồng bào dân tộc. Nếu sau ngày giải phóng, toàn tỉnh còn 3 vạn người mù chữ, trong đó 2/3 là người dân tộc thiểu số, thì đến nay, đã có 85% dân số được xóa mù, trong đó có 1,6 vạn người là đồng bào các dân tộc thiểu số. Hiện nay, 100% số xã trong tỉnh đều có trường tiểu học và trung học cơ sở; các cụm xã đều có trường trung học phổ thông; toàn tỉnh có 5 trường phổ thông dân tộc nội trú, thu hút trên 80% học sinh vùng đồng bào dân tộc thiểu số đến trường. Tất cả các xã, phường vùng đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống đều đã có trạm y tế, 101/143 xã có bác sỹ, trên 95% số thôn, buôn có cán bộ y tế.

Chỉ trong 3 năm (2002 - 2004), tỉnh đã cấp gần 10 tỉ đồng cho công tác khám và chữa bệnh miễn phí phục vụ đồng bào vùng dân tộc thiểu số.

Đến nay, 100% số xã trong tỉnh đã có điện thắp sáng và máy điện thoại; toàn tỉnh đã xây dựng được 90 điểm bưu điện - văn hóa xã.

Sau gần 6 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5, khóa VIII, toàn tỉnh đã có hơn 110 thôn dân tộc thiểu số đăng ký xây dựng thôn văn hóa, trong đó đã có 25 thôn được xét công nhận thôn văn hóa cấp huyện và cấp tỉnh. Phong trào xây dựng gia đình văn hóa cũng được phát triển rộng khắp. Hằng năm có gần 15.000 hộ dân tộc thiểu số đạt danh hiệu gia đình văn hóa và xây dựng được 60 câu lạc bộ gia đình văn hóa. Đã có 86% dân cư vùng dân tộc thiểu số được phủ sóng phát thanh, 80% được phủ sóng truyền hình. Hằng tuần, Đài Phát thanh - Truyền hình Lâm Đồng có chương trình phát tiếng K'Ho trên sóng truyền hình và 3 buổi trên sóng phát thanh,... Đời sống văn hóa, tinh thần của đồng bào nhờ vậy không ngừng được cải thiện.

Do quan tâm và thực hiện tốt chính sách dân tộc của Đảng, 30 năm qua, tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số ở Lâm Đồng luôn được giữ vững, nhân dân luôn vững tin vào sự lãnh đạo của Đảng, phấn khởi và tự hào về những thành tựu của công cuộc đổi mới do Đảng lãnh đạo.

Bài học quan trọng đầu tiên được rút ra từ thực tiễn của Lâm Đồng là, khi đã tạo được niềm tin trong lòng đồng bào thì nhân dân các dân tộc thiểu số sẽ một lòng đi theo Đảng, thực hiện tốt đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước và làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch;

tích cực bảo vệ và vun đắp những thành quả đã đạt được. Bài học quan trọng khác của Đảng bộ, chính quyền tỉnh Lâm Đồng là luôn quan tâm đầu tư phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số, coi đây là một chủ trương lớn, trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và phát triển tỉnh nhà. Tùy thực tiễn tình hình từng thời kỳ, từng giai đoạn mà có sự lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát, kịp thời của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh; tổ chức đôn đốc các cấp, các ngành trong suốt quá trình xây dựng chương trình, triển khai chương trình và đánh giá đúng thực trạng tình hình và kết quả của từng chương trình.

Để phát huy những thành tựu đã đạt được và khắc phục những hạn chế trong thực hiện chính sách đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số của tỉnh, Lâm Đồng cũng đã xác định trong những năm tiếp theo sẽ tập trung thực hiện các giải pháp chủ yếu sau:

Các cấp ủy, chính quyền, đoàn thể từ tỉnh đến cơ sở tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền về các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với vùng đồng bào dân tộc; những thành tựu kinh tế - xã hội thông qua các chương trình, dự án mà Đảng và Nhà nước đã chỉ đạo, đầu tư đối với miền núi, vùng đồng bào các dân tộc sinh sống, làm cho đồng bào thấy rõ những đổi thay toàn diện, từ đó xây dựng niềm tin, góp phần củng cố vững chắc khối đại đoàn kết các dân tộc; khơi dậy trong đồng bào ý thức tự lực, tự cường trong việc xây dựng thôn, buôn ngày càng văn minh, giàu đẹp.

Tiếp tục đẩy mạnh sản xuất nông - lâm nghiệp theo hướng đa dạng hóa cây trồng, vật nuôi phù hợp với điều kiện cụ thể của từng vùng; dựa vào việc quản lý, bảo vệ và phát triển rừng để nâng cao đời sống đồng bào thông qua việc thực hiện đề án giao khoán rừng cho hộ gia đình gắn với cộng

đồng thôn, buôn. Thực hiện đồng bộ việc chuyển rừng nghèo kiệt sang trồng rừng nguyên liệu; rừng trồng cây hàng hóa, chuyển hóa từ rừng có giá trị kinh tế thấp thành rừng có giá trị kinh tế cao, góp phần phát triển vốn rừng, tạo nguồn thu từ rừng cho nhân dân.

Phấn đấu đến hết năm 2005, cơ bản hoàn thành việc giao đất, bảo đảm cho đồng bào dân tộc thiểu số có đủ đất sản xuất. Tiếp tục đầu tư phát triển giáo dục - đào tạo từ ngành học mầm non đến phổ thông trung học. Đẩy mạnh phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” ở khu dân cư, phấn đấu đến năm 2010 có 50% thôn, buôn đạt tiêu chuẩn thôn văn hóa cấp huyện và cấp tỉnh; từ 80% đến 90% hộ dân tộc thiểu số đạt tiêu chuẩn gia đình văn hóa. Ngành văn hóa - thông tin đẩy mạnh công tác sưu tập, bảo tồn và phát triển các loại hình văn hóa mang đậm bản sắc dân tộc, khôi phục một số lễ hội truyền thống có nội dung giáo dục tốt; đồng thời vận động, thuyết phục, đấu tranh xóa bỏ các hủ tục lạc hậu trong vùng dân tộc thiểu số.

Đảng bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc tỉnh Lâm Đồng luôn coi sự nghiệp đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh vùng dân tộc thiểu số không chỉ là trách nhiệm mà còn là nghĩa vụ, và là tình cảm và đạo lý nhằm tạo điều kiện tốt nhất để đồng bào các dân tộc thiểu số trong tỉnh từng bước thoát khỏi đói nghèo, lạc hậu; có đủ điều kiện và cơ hội để vươn lên làm giàu chính đáng, hòa nhập với toàn tỉnh cũng như trong khu vực Tây Nguyên; góp phần xây dựng Lâm Đồng giàu về kinh tế, vững mạnh về chính trị, phát triển nhanh và vững chắc về văn hóa - xã hội, bảo đảm giữ vững quốc phòng - an ninh như Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh đã xác định. □

THÁI BÌNH KHAI THIÁC MỌI NGUỒN LỰC, ĐỔI MỚI TOÀN DIỆN ĐỂ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

BÙI TIẾN DŨNG *

THÁI BÌNH là vùng đất giàu truyền thống yêu nước và cách mạng, nhân dân lao động cần cù, sáng tạo. Trong công cuộc đổi mới, cùng với cả nước, Thái Bình đã đạt được nhiều thành tựu rất quan trọng. Từ năm 2001 đến nay, bên cạnh những thời cơ thuận lợi, Thái Bình cũng gặp phải không ít khó khăn, thử thách do thiên tai, dịch cúm gia cầm, hậu quả của những năm mất ổn định tình hình nông thôn phải tập trung giải quyết. Thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, Nghị quyết Đại hội XVI Đảng bộ tỉnh, Đảng bộ và nhân dân Thái Bình đã tăng cường đoàn kết thống nhất, nỗ lực phấn đấu, giành được thắng lợi tương đối toàn diện trên con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

Trong lĩnh vực phát triển kinh tế, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh tập trung cao độ cụ thể hóa 5 trọng tâm, tạo bước đột phá tăng trưởng kinh tế do Đại hội XVI Đảng bộ tỉnh đề ra (chuyển mạnh nông nghiệp sang sản xuất hàng hóa; xây dựng các khu công nghiệp, cụm công nghiệp; phát triển nghề, làng nghề; phát triển kinh tế biển và xây dựng, đổi mới, hoàn thiện cơ chế, chính sách thành các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể, thiết thực và có tính khả thi cao). Đã tích cực chỉ đạo các cấp, các ngành

quán triệt, triển khai thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế, phát động phong trào hành động cách mạng từ cơ sở, phát huy nội lực, thu hút đầu tư từ bên ngoài, tranh thủ sự giúp đỡ của Trung ương, tăng cường công tác kiểm tra, sơ kết, tổng kết, nhân rộng mô hình tiên tiến, đạt được nhiều thành tựu quan trọng. Nền kinh tế thoát khỏi tình trạng trì trệ trong những năm mất ổn định (1997 - 1999), tăng trưởng khá, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng dần tỷ trọng công nghiệp, dịch vụ, đạt và vượt hầu hết các mục tiêu chủ yếu do Đại hội XVI Đảng bộ tỉnh đề ra. Tổng sản phẩm (GDP) bình quân hàng năm tăng 7,3%; tỷ trọng công nghiệp, xây dựng trong cơ cấu kinh tế tăng từ 14,8% (năm 2000) lên 21,7% (năm 2005), dịch vụ từ 31,5% lên 33,5%, nông nghiệp từ 53,7% giảm xuống 44%.

Sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp phát triển tương đối toàn diện cả trồng trọt, chăn nuôi, thủy, hải sản, từng bước chuyển sang sản xuất hàng hóa. Giá trị sản xuất toàn ngành tăng bình quân 4,5%/năm, trên héc-ta canh tác đạt 37,2 triệu đồng. 5 năm qua, Thái Bình

* Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình

đã phát động mạnh mẽ và được nhân dân nhiệt tình hưởng ứng phong trào chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, xây dựng cánh đồng đạt giá trị sản xuất 50 triệu đồng trở lên/1 ha/năm đạt nhiều kết quả. Năng suất lúa đạt 130 tạ/ha, giữ vững sản lượng lương thực 1 triệu tấn/năm; cây vụ đông chiếm 36% diện tích canh tác; đã chuyển 6.000 ha trồng lúa, làm muối kém hiệu quả sang nuôi trồng các cây, con có hiệu quả kinh tế cao. Chăn nuôi chuyển dần sang chăn nuôi tập trung theo phương pháp công nghiệp, mô hình trang trại, gia trại. Giá trị sản xuất ngành chăn nuôi tăng từ 21% năm 2000 lên 29,8% năm 2005. Toàn tỉnh có trên 540 trang trại và 8.000 gia trại. Nuôi trồng thủy, hải sản, đặc biệt là nuôi tôm sú được mở rộng, đang trở thành lĩnh vực kinh tế quan trọng của tỉnh.

Sản xuất công nghiệp phát triển nhanh, giá trị sản xuất tăng bình quân 17,8%/năm, vượt 4,8% so với mục tiêu Đại hội XVI Đảng bộ tỉnh đề ra. Mặc dù ngân sách rất hạn hẹp, nhưng Thái Bình đã tập trung mọi nỗ lực quy hoạch, xây dựng các khu công nghiệp, cụm công nghiệp; tích cực đề ra các cơ chế khuyến khích đầu tư. Đã quy hoạch xây dựng 7 khu công nghiệp với tổng diện tích 1.300 ha, 9 cụm công nghiệp với diện tích 235 ha, trong đó 2 khu công nghiệp đã cơ bản hoàn thành xây dựng kết cấu hạ tầng. Từ năm 2001 đến nay, có 185 dự án đăng ký đầu tư vào tỉnh với tổng số vốn gần 4.000 tỉ đồng, trong đó 109 dự án đã đi vào sản xuất, kinh doanh. Nghề, làng nghề phát triển, trở thành một bộ phận quan trọng trong ngành công nghiệp của tỉnh, góp phần tích cực chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn. Tất cả các xã trong tỉnh có nghề, giải quyết việc làm ổn định, tăng thu nhập cho 15 vạn lao động; giá trị sản xuất từ nghề, làng nghề chiếm 50% tổng giá trị sản xuất công nghiệp.

Dịch vụ có bước tăng trưởng khá, đáp ứng yêu cầu của sản xuất và đời sống nhân dân. Kim ngạch xuất khẩu tăng bình quân

21,5%/năm, năm 2005 ước đạt 90 triệu USD; thu ngân sách trên địa bàn trên 1.200 tỉ đồng, gấp 4 lần năm 2000. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được tăng cường đầu tư xây dựng, nâng cấp thị xã Thái Bình lên đô thị loại 3 và trở thành thành phố.

Lĩnh vực văn hóa - xã hội được các cấp ủy, chính quyền lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên, toàn diện và có nhiều tiến bộ. Giáo dục - đào tạo mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng, cơ bản đáp ứng yêu cầu học tập của nhân dân và từng bước xây dựng xã hội học tập. Thái Bình đã đạt chuẩn quốc gia về phổ cập giáo dục trung học cơ sở và xây dựng Trung tâm học tập cộng đồng ở tất cả các xã, phường, thị trấn. Công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân thực hiện có hiệu quả, nhiều chỉ số về sức khỏe nhân dân cao hơn mức bình quân chung của cả nước. Các phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa", "Đền ơn đáp nghĩa", "Xóa đói giảm nghèo" được nhân dân nhiệt tình hưởng ứng. Thái Bình đã hoàn thành chương trình xóa nhà ở dột nát cho hộ nghèo. Đời sống vật chất, tinh thần của các tầng lớp nhân dân tiếp tục được cải thiện; tỷ lệ hộ nghèo năm 2005 còn 5,3% (theo tiêu chí cũ).

Nhận thức rõ vị trí, tầm quan trọng của việc ổn định tình hình chính trị, xã hội là tiền đề, cơ sở để phát triển kinh tế - xã hội, Thái Bình luôn coi trọng củng cố, tăng cường nền quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân; giải quyết dứt điểm tồn đọng của những năm mất ổn định, đồng thời chủ động phát hiện, xử lý kịp thời những vụ việc phức tạp nảy sinh ngay tại cơ sở. Vì vậy, đến nay, tình hình chính trị, xã hội trong tỉnh ổn định khá vững chắc; kỷ cương, luật pháp, trật tự xã hội được bảo đảm.

Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng gắn với việc củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị thực sự được coi là nhiệm vụ then chốt, Đảng bộ Thái Bình đã tập trung nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng, nhất là cơ sở, tạo chuyển

biến tích cực, có chiều sâu trên tất cả các mặt chính trị tư tưởng, tổ chức, kiểm tra và dân vận. Tỉnh ủy và các cấp ủy trong tỉnh đã có nhiều giải pháp đồng bộ, hiệu quả xây dựng tổ chức cơ sở trong sạch, vững mạnh, giải quyết các cơ sở yếu kém. Tất cả các cơ sở đã xây dựng và thực hiện nghiêm túc quy chế làm việc của cấp ủy, các quy chế, quy định về công tác đảng, hoạt động của chính quyền, đoàn thể. Tự phê bình và phê bình, đánh giá phân loại cơ sở đảng, cán bộ lãnh đạo, quản lý và đảng viên được duy trì có nền nếp, từng bước nâng cao chất lượng. Năm 2004, tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh chiếm 64,8%, tăng 19,5%, yếu kém 0,8%, giảm 6,1% so với năm 2000; đảng viên đủ tư cách, hoàn thành tốt nhiệm vụ đạt 62,8%, vi phạm tư cách, chưa hoàn thành nhiệm vụ là 0,7%. Công tác cán bộ có bước đổi mới và được tăng cường về quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, đáp ứng yêu cầu trước mắt và lâu dài. Công tác kiểm tra của Đảng thực sự được coi trọng hơn, có tác dụng tốt phòng ngừa vi phạm, góp phần ổn định tình hình cơ sở.

Từ thực tiễn 5 năm qua, Đảng bộ Thái Bình rút ra những bài học kinh nghiệm:

- Quán triệt sâu sắc, vận dụng sáng tạo đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước, đề ra chủ trương sát thực tế của địa phương, có tính khả thi cao gắn với việc xây dựng cơ chế, chính sách và tổ chức thực hiện thống nhất từ tỉnh đến cơ sở. Coi trọng sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo và điều hành; quan tâm chỉ đạo xây dựng các mô hình mới, tạo điều kiện thuận lợi và hỗ trợ để nhân nhanh các mô hình có hiệu quả.

- Phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị và toàn dân; đẩy mạnh khai thác mọi nguồn lực của địa phương kết hợp với thu hút mạnh mẽ các nguồn lực bên ngoài, đồng thời tranh thủ sự giúp đỡ của Trung ương để đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội.

- Đẩy mạnh giải quyết các vấn đề xã hội bức xúc, chú trọng mở rộng dân chủ trong xã hội gắn với giữ vững kỷ cương pháp luật; nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân và vai trò tự quản của cộng đồng dân cư.

- Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo và thực hiện đồng bộ các biện pháp để giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội. Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra việc thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, nhất là các lĩnh vực quản lý tài chính, đất đai, xây dựng cơ bản và thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở. Chủ động phát hiện và giải quyết kịp thời, dứt điểm các mâu thuẫn nảy sinh ngay tại cơ sở.

- Đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng gắn với xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh. Tăng cường sự đoàn kết thống nhất và dân chủ thực sự trong Đảng, giữ vững nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng; thẳng thắn, nghiêm túc tự phê bình, phê bình; kiên quyết đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, chủ nghĩa cá nhân, cơ hội, tư tưởng cục bộ, bè cánh và sự suy thoái đạo đức, lối sống. Quan tâm quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, rèn luyện đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ chủ chốt các cấp, các ngành và nâng cao chất lượng đảng viên.

Những thành quả mà Đảng bộ và nhân dân Thái Bình đạt được 5 năm qua mới chỉ là bước đầu và còn nhiều khó khăn, thách thức. Nền kinh tế chậm phát triển và tụt hậu so với nhiều tỉnh trong khu vực. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội chưa đáp ứng nhu cầu phát triển với nhịp độ cao. Tích lũy từ nội bộ nền kinh tế thấp, vốn đầu tư hạn hẹp; hiệu quả sản xuất, kinh doanh còn hạn chế. Sức ép về lao động, việc làm còn rất lớn; một số tệ nạn xã hội còn bức xúc. Để hòa nhập với bước tiến chung của các tỉnh trong khu vực và cả nước, Thái Bình phải phát huy cao độ sức mạnh đại đoàn kết toàn dân, khai thác mọi nguồn lực, đổi mới

toàn diện, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa; tích cực chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phấn đấu tăng trưởng kinh tế cao, phát triển bền vững và có hiệu quả. Nâng cao chất lượng các hoạt động văn hóa - xã hội; giải quyết việc làm, cải thiện đời sống nhân dân. Tăng cường quốc phòng, an ninh, giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội. Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng, hiệu lực quản lý, điều hành của chính quyền, chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân.

Quán triệt sâu sắc quan điểm của Đảng "phát triển kinh tế là trung tâm, xây dựng Đảng là then chốt với không ngừng nâng cao văn hóa - nền tảng tinh thần của xã hội", trong những năm tới, Thái Bình tập trung thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp sau:

Một là, đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả thực hiện các trọng tâm tạo bước đột phá tăng trưởng kinh tế

Tập trung cao độ phát triển mạnh mẽ, có hiệu quả công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp theo hướng vừa phát triển công nghiệp tập trung, vừa phát triển nghề, làng nghề và công nghiệp nông thôn. Hoàn thiện, khai thác có hiệu quả kết cấu hạ tầng các khu, cụm công nghiệp hiện có, quy hoạch xây dựng các khu, cụm, điểm công nghiệp mới. Tích cực đổi mới công nghệ, nâng cao năng lực sản xuất, sức cạnh tranh của các cơ sở công nghiệp, đồng thời tập trung thu hút nguồn lực để phát triển các ngành công nghiệp công nghệ cao và công nghiệp chế biến nông, thủy sản. Tiếp tục khôi phục, phát triển nghề, làng nghề truyền thống, đồng thời tích cực du nhập nghề mới; khuyến khích hình thành các doanh nghiệp trong làng nghề làm đầu tàu thúc đẩy nghề phát triển; nâng cao chất lượng sản phẩm làng nghề.

Đẩy mạnh quá trình chuyển nông nghiệp sang sản xuất hàng hóa, có hiệu quả kinh tế cao. Quy hoạch, xây dựng các vùng sản xuất tập trung với kết cấu hạ tầng đồng bộ phục vụ

việc đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, tạo ra khối lượng hàng hóa lớn, đủ tiêu chuẩn, có sức cạnh tranh, tiêu thụ theo hợp đồng. Phát triển mạnh mẽ trang trại, gia trại chăn nuôi, thủy sản. Hình thành một số mô hình nông nghiệp công nghệ cao, sản xuất sản phẩm sạch. Mở rộng sản xuất vụ đông, xây dựng cánh đồng đạt giá trị sản xuất 50 triệu đồng trở lên/ha/năm ở khắp các cơ sở trong tỉnh.

Phát triển kinh tế biển cả về đánh bắt, nuôi trồng, chế biến hải sản, du lịch và vận tải biển, trong đó nuôi trồng thủy, hải sản tập trung theo phương thức thâm canh, bán thâm canh là mũi đột phá tăng trưởng kinh tế thủy sản.

Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện cơ chế, chính sách nhằm khai thác mọi nguồn lực đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội. Ưu tiên đổi mới với các dự án quy mô lớn, công nghệ cao và dự án chế biến nông, thủy sản đầu tư vào tỉnh.

Hai là, nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, văn hóa - xã hội

Đẩy mạnh sự nghiệp giáo dục - đào tạo, tiến tới xây dựng xã hội học tập. Mở rộng quy mô, đa dạng hóa các loại hình giáo dục và đào tạo theo hướng xã hội hóa; nâng cao chất lượng dạy và học. Phấn đấu hoàn thành phổ cập trung học phổ thông cho thanh niên vào năm 2010. Tăng cường đào tạo nhân lực đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa của tỉnh. Tiếp thu, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ phục vụ đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội. Tăng cường công tác bảo vệ môi trường.

Đổi mới và nâng cao chất lượng công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân. Hoàn thiện hệ thống chăm sóc sức khỏe từ tỉnh đến cơ sở; phát triển các cơ sở dịch vụ y tế thuộc nhiều hình thức sở hữu. Kiên trì thực hiện chủ trương "mỗi cặp vợ chồng chỉ có 1 hoặc 2 con" và duy trì mức sinh thay thế.

Đổi mới nội dung, phương thức hoạt động lĩnh vực văn hóa - thông tin, làm cho văn hóa

thực sự là nền tảng tinh thần của xã hội. Đặc biệt chú trọng duy trì thường xuyên và nâng cao chất lượng phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa gắn liền với việc thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở.

Ba là, tăng cường công tác quốc phòng, an ninh, giữ vững ổn định chính trị

Tiếp tục quán triệt, thực hiện nghiêm túc các nghị quyết của Bộ Chính trị, Trung ương Đảng về chiến lược an ninh quốc gia và chiến lược bảo vệ Tổ quốc. Xây dựng nền quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân. Kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng và an ninh; quốc phòng, an ninh với kinh tế. Duy trì nền nếp, nâng cao chất lượng hoạt động thanh tra, kiểm tra, công tác tiếp dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân; kịp thời phát hiện, giải quyết dứt điểm những phức tạp nảy sinh ngay tại cơ sở; duy trì trật tự, kỷ cương, giữ vững ổn định chính trị, xã hội.

Bốn là, đổi mới và chỉnh đốn Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức đảng

Tích cực đổi mới nội dung, phương pháp, nâng cao tính thiết thực, hiệu quả của công tác giáo dục chính trị tư tưởng nhằm tăng cường sự thống nhất nhận thức, ý chí, hành động của toàn Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh. Làm tốt công tác nghiên cứu, tổng kết thực tiễn.

Tập trung chỉ đạo nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu và xây dựng tổ chức cơ sở đảng thực sự trong sạch, vững mạnh để lãnh đạo thực hiện tốt đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, các nghị quyết, chỉ thị của cấp trên. Rà soát, bổ sung, hoàn chỉnh và thực hiện nghiêm túc các quy chế, quy định của tổ chức đảng; duy trì nền nếp, nâng cao chất lượng sinh hoạt cấp ủy và tổ chức đảng. Mở rộng dân chủ đi đôi với giữ gìn đoàn kết, kỷ luật của Đảng, nâng cao chất lượng tự phê bình và phê bình. Làm tốt công tác quản lý, phân công công tác và bồi dưỡng trình độ mọi mặt

cho đảng viên. Tiếp tục đổi mới, triển khai đồng bộ, có hệ thống các khâu đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, sử dụng và thực hiện chính sách cán bộ, xây dựng đội ngũ cán bộ từ tỉnh đến cơ sở có đủ phẩm chất và năng lực đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Duy trì nền nếp, nâng cao chất lượng công tác kiểm tra của cấp ủy và Ủy ban kiểm tra các cấp trong tỉnh.

Năm là, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành của chính quyền; phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân

Đổi mới phương thức, nâng cao chất lượng hoạt động, giám sát của Hội đồng nhân dân. Ủy ban nhân dân các cấp chủ động cụ thể hóa và tổ chức thực hiện có hiệu quả các chủ trương của cấp ủy, tăng cường kỷ luật, kỷ cương, thống nhất quản lý, điều hành, nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ quan chuyên môn và đội ngũ công chức.

Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể tăng cường tham mưu cho cấp ủy về công tác vận động quần chúng. Hướng mạnh các hoạt động về cơ sở, phát động và duy trì có hiệu quả các phong trào thi đua của các tầng lớp nhân dân phát triển kinh tế - xã hội, tích cực tham gia xây dựng Đảng, chính quyền và thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở.

Phát huy truyền thống cách mạng vẻ vang, lao động cần cù, sáng tạo, với sự quan tâm lãnh đạo của Trung ương Đảng, Chính phủ, sự giúp đỡ, tạo điều kiện của các cơ quan trung ương, 5 năm tới Đảng bộ và nhân dân Thái Bình sẽ phát huy cao độ sức mạnh đại đoàn kết toàn dân, tranh thủ thời cơ, vượt qua khó khăn, thách thức, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, thực hiện thắng lợi toàn diện Nghị quyết Đại hội X của Đảng và các mục tiêu, nhiệm vụ do Đại hội XVII Đảng bộ tỉnh sắp tới đề ra. □

THỰC TIỄN

Quy chế Dân chủ ở cơ sở tại thành phố Đà Nẵng - kết quả và những vấn đề đặt ra

HỒ TẤN SÁNG *

Việc tổ chức tổng kết quá trình thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở là yêu cầu đặt ra đối với các cấp, các ngành, các địa phương trong cả nước sau một thời gian nhất định triển khai thực hiện. Ở Đà Nẵng, các cấp lãnh đạo, quản lý trên địa bàn thành phố cũng như một số tác giả đã có nhiều văn bản, bài viết phản ánh những vấn đề có liên quan.

NHỮNG năm qua, bằng sự đoàn kết, nhất trí, khắc phục khó khăn, nỗ lực phấn đấu của toàn Đảng bộ và nhân dân, Đà Nẵng đã đạt được nhiều thành tựu to lớn trong công cuộc đổi mới, trở thành một trong những trung tâm phát triển về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội ở khu vực miền Trung - Tây Nguyên và trong cả nước.

Cách làm và kết quả Đà Nẵng đạt được không chỉ mang ý nghĩa khẳng định vị thế của một thành phố năng động, nhiều tiềm năng mà còn trở thành một *cách thức, mô hình phát triển thu hút sự quan tâm nghiên cứu, tìm hiểu kinh nghiệm* đối với nhiều tỉnh, thành trong cả nước.

Sự thành công của Đà Nẵng, tất nhiên là kết quả của những giải pháp đồng bộ từ chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội đến công tác an ninh - quốc phòng..., trong đó ở một góc độ nhất định, có thể phân tích từ việc triển khai thực hiện có hiệu quả **Quy chế Dân chủ ở cơ sở** theo tinh thần Chỉ thị số 30/CT-TW ngày 18-02-1998 của Bộ Chính trị Trung ương Đảng và các chỉ thị, nghị định của Chính phủ.

Bài viết của chúng tôi dựa trên những kết quả đó để luận giải việc thực hiện Quy chế này như là *một trong những phương thức, công nghệ chính trị - xã hội tạo nên bước nhảy mang tính đột phá của sự phát triển ở thành phố Đà Nẵng trong thời gian vừa qua; đồng thời qua đó chỉ ra những bất cập, vướng mắc cần tháo gỡ nhằm tiếp tục thực hiện sâu, rộng, toàn diện nó trong thời kỳ tiếp theo.*

1 - Thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở là một trong những giải pháp phát huy nguồn lực con người và các nguồn lực xã hội

Trên cơ sở những văn bản hướng dẫn của Trung ương, Thành ủy Đà Nẵng đã triển khai thực hiện một cách nghiêm túc, chặt chẽ, đồng bộ, đúng yêu cầu. Nội dung Quy chế không những được cụ thể hóa ở từng loại hình cơ sở, từ khối xã - phường, khối cơ quan, đến khối các doanh nghiệp nhà nước, mà còn sát hợp với mỗi cơ sở cụ thể. Điều đáng quan tâm là tìm ra *phương thức và*

* TS. Học viện Chính trị khu vực III, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

tác động của việc tổ chức thực hiện Quy chế dân chủ trong thực tế.

- Triển khai thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở, trước hết mang lại sự đổi mới quan điểm và phong cách lãnh đạo theo hướng phát huy tinh thần dân chủ đối với nhân dân, yêu cầu và xây dựng trong đội ngũ cán bộ lãnh đạo và công chức các cấp của thành phố phong cách làm việc thực sự **“trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân và có trách nhiệm với dân”**. Việc chủ động tổ chức đối thoại trực tiếp giữa lãnh đạo chủ chốt của thành phố với các tầng lớp nhân dân, thành tâm nghe dân, phát biểu nguyện vọng, từ đó tập trung giải quyết tích cực, kịp thời những vấn đề bức xúc đối với người dân ở cơ sở. Việc các cuộc họp của Hội đồng nhân dân thành phố, đặc biệt là các buổi trả lời chất vấn của lãnh đạo các cơ quan nhà nước được truyền hình trực tiếp để nhân dân theo dõi, tham gia góp ý kiến và giám sát... *đã tạo nên sự đồng thuận giữa Đảng với dân trong các quyết sách chính trị có liên quan đến các vấn đề “quốc kế, dân sinh” của thành phố trong những năm qua.* Đó là nền tảng sức mạnh, là động lực bên trong để thành phố có thể giải quyết một cách cơ bản, vững chắc những vấn đề tưởng chừng như chưa thể giải quyết được trong điều kiện trước mắt.

- Việc triển khai hai sâu rộng và đồng bộ Quy chế Dân chủ ở cả 3 loại hình cơ sở đã thực sự huy động được các nguồn lực, khơi dậy và phát huy được ý chí tinh thần và các nguồn lực vật chất tiềm tàng trong các tầng lớp nhân dân; huy động được sức mạnh tổng hợp của mọi thành phần dân cư, các tổ chức xã hội cùng tiến quân vào mặt trận chính trị, xây dựng, phát triển thành phố, để Đà Nẵng thực sự xứng đáng là thành phố văn minh, hiện đại.

Về phương diện này, kết quả lớn nhất, và dễ nhận thấy nhất, đó là thành phố đã thực sự

là nơi thực hiện có kết quả phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm” - nội dung cơ bản hàm chứa trong Quy chế Dân chủ ở xã, phường - trong quá trình nâng cấp, chỉnh trang đô thị. Nhờ có sự bàn, thảo dân chủ trong các tầng lớp nhân dân ở các khu dân cư, sự thỏa thuận về lợi ích cá nhân, gia đình và lợi ích cộng đồng xã hội, mà việc chỉnh trang nâng cấp đô thị, thành phố đã tiến hành giải tỏa, đền bù, di dời liên quan đến 52.000 hộ dân nhưng về cơ bản không để xảy ra hiện tượng khiếu kiện đông người, vượt cấp. Đó cũng là nguồn lực cơ bản tạo nên những công trình trọng điểm về kết cấu hạ tầng, về kinh tế - xã hội, về phục vụ dân sinh của thành phố trong những năm qua. Những cầu sông Hàn, Cẩm Lệ, Phò Nam - Hòa Bắc, những tuyến đường lớn như Nguyễn Tất Thành, Phạm Văn Đồng, Ngô Quyền, Trần Hưng Đạo, đường 3 tháng 2, quốc lộ 1A (qua thành phố) mở rộng; các trung tâm bưu điện, bệnh viện thành phố; các khu tái định cư, hạ tầng khu công nghiệp Hòa Khánh, các công trình hạ thế nông thôn tại một số xã ở huyện Hòa Vang, bê-tông hóa kênh mương hồ Hòa Trung, Đồng Nghệ, các tuyến đường ở các xã phường... là những minh chứng sống động về sức người, sức của của các tầng lớp nhân dân Đà Nẵng trong công cuộc phát triển thành phố, có những giải pháp đúng đắn, thỏa đáng để khơi dậy.

Các con số cụ thể sau đây, tiếp tục cho thấy sức mạnh, tính hiệu quả của một chính sách đúng, một cách làm hợp lòng dân:

+ Ngân sách đầu tư mở rộng và làm mới các tuyến đường lớn của thành phố trong những năm qua khoảng trên 475 tỉ đồng, trong đó nhân dân đóng góp hơn 150 tỉ, chiếm 32,8%. Đặc biệt, trong cuộc vận động đóng góp xây dựng cầu sông Hàn, cán bộ, chiến sỹ

và nhân dân đã đóng góp 27 tỉ 469 triệu đồng, chiếm 30% tổng vốn đầu tư.

+ Theo tỷ lệ Nhà nước đầu tư 60% - 80%, nhân dân đóng góp 20% - 40% giá trị công trình (tùy theo khả năng của từng địa phương). Thành phố đã sửa chữa, nâng cấp, làm mới hơn 80 km ngõ, hẻm ở nội thị và 460 km đường bê-tông nông thôn, hơn 50.000 m² vỉa hè, ngõ, hẻm được bê-tông hóa, gần 30 km mương, rãnh thoát nước được khơi thông và xây dựng mới.

+ Cùng với việc chăm lo xây dựng kết cấu hạ tầng, chỉnh trang đô thị, trên cơ sở hoàn thiện hóa thể chế, cơ chế quản lý xã hội nói chung, quản lý kinh tế nói riêng, việc triển khai thực hiện Quy chế Dân chủ cơ sở ở khối các cơ quan và khối các doanh nghiệp nhà nước đã mang lại sự *thông thoáng về môi trường đầu tư, sự bình đẳng và phần nào đó là sự sòng phẳng trong cuộc cạnh tranh về năng suất, chất lượng*. Nhờ đó đã kích thích sự năng động, sáng tạo của người lao động nói chung và các chủ thể sản xuất, kinh doanh nói riêng.

Những chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tích cực, giảm dần tỷ trọng ngành nông nghiệp, tăng tỷ trọng ngành công nghiệp và dịch vụ đã kéo theo kết quả là: GDP bình quân đầu người tăng từ 628 USD (năm 2000) lên 980 USD (năm 2003)⁽¹⁾, năm 2005 ước đạt 1.010 USD. Giá trị sản xuất công nghiệp thành phố tăng bình quân là 20%, dịch vụ tăng 12%, tổng thu ngân sách hằng năm tăng 27,3%. Năm 2005, tỷ trọng các ngành trong GDP là: công nghiệp 48,3% - dịch vụ 46,16% - nông nghiệp 5,54%⁽²⁾...

- Bên cạnh tạo động lực thúc đẩy kinh tế phát triển, việc triển khai thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở đã góp phần thể hiện bản chất nhân đạo của chế độ qua các quan hệ xã

hội. Trên cơ sở nâng cao thu nhập bình quân của mọi người dân, những chính sách xã hội của Đảng và Nhà nước không những được các cấp chính quyền quan tâm mà còn trở thành *hành động chung của toàn xã hội*, nhất là các chủ thể kinh tế... Chương trình xóa đói, giảm nghèo đã đạt được những thành tựu đáng kể. Qua 4 năm (2001 - 2004), toàn thành phố đã giảm được 9.584 hộ nghèo, bình quân hằng năm giảm 2.369 hộ. Tỷ lệ hộ nghèo từ 6,66% năm 2001 đã giảm xuống còn 0,13% năm 2004. Thành phố không chỉ giải quyết cơ bản cái ăn cho các hộ nghèo mà đã từng bước giải quyết các yêu cầu về nhà ở, học hành, chăm sóc sức khỏe, đi lại, sinh hoạt văn hóa nhất là đối với đồng bào các xã miền núi và các xóm nghèo trong thành phố.

- Việc thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở được gắn kết chặt chẽ với cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 5, khóa VIII và được cụ thể hóa bằng Chương trình "Thành phố 5 không" (không có hộ đói, không có người mù chữ, không có người lang thang xin ăn, không có người nghiện ma túy trong cộng đồng, không có giết người, cướp của) đã được các tầng lớp nhân dân đồng tình hưởng ứng, tích cực thực hiện. Nhờ đó, bộ mặt thành phố, đời sống xã hội không ngừng đổi thay theo hướng văn minh, tiến bộ. Hiện tại thành phố đã phổ cập trung học cơ sở cho 47/47 phường; đã kiên cố hóa các trường học, xây dựng trường trung học phổ thông chất

(1) Theo Báo cáo tổng kết 5 năm thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở trên địa bàn thành phố Đà Nẵng số 51/BC-BCĐ

- Ban Tuyên giáo Thành ủy Đà Nẵng, Thông tin nội bộ, số 2-2004, số 7-2005

(2) Dự thảo Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố Đà Nẵng, khóa VIII tại Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ XI (lưu hành nội bộ)

lượng cao, nơi đào tạo nguồn nhân lực có hàm lượng trí tuệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa trong tương lai. Thành phố cũng đã có 36 trường đạt chuẩn quốc gia, 47 trạm y tế xã, phường đều có bác sỹ chăm sóc sức khỏe nhân dân; có 80% hộ gia đình đạt tiêu chuẩn gia đình văn hóa, 37% thôn, 44% khối phố đạt tiêu chuẩn thôn, khối phố văn hóa.

Sẽ là chưa đầy đủ khi đề cập đến những tác động tích cực của việc triển khai thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở đối với việc phát huy nguồn lực con người, các nguồn lực xã hội ở thành phố Đà Nẵng trong những chiều cạnh đã đề cập trên, đầu đó là những vấn đề cốt yếu. Bằng những cảm nhận trực quan và những số liệu thu thập được, chúng ta có thể khẳng định rằng: *Thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở đã, đang và sẽ là một trong những giải pháp cơ bản nhằm phát huy nguồn lực con người, các nguồn lực xã hội trong quá trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa trên địa bàn thành phố.* Điều quan trọng là các chủ thể lãnh đạo, quản lý các cấp, đặc biệt là đội ngũ chủ chốt phải “có tâm, có tầm” để tổ chức thực hiện. Được nhân dân đồng tình ủng hộ đó là **tính dân chủ của một quyết sách chính trị** và đó là cội nguồn sức mạnh để thành phố tạo lập nên những kỳ tích mới trong công cuộc xây dựng và phát triển xã hội mới, vì mục tiêu “Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”.

2 - Một số vấn đề đặt ra và những định hướng cơ bản trong thời kỳ tiếp theo

Có sự trùng hợp ngẫu nhiên, thành phố mới chia tách và bước vào giai đoạn sắp xếp, củng cố bộ máy... vận hành xã hội để tiếp tục xây dựng và phát triển thì Quy chế Dân chủ được ban hành thực hiện. Có thể hình dung, với Đà Nẵng điều đó như một đột phá có tính

thể chế (thể chế dân chủ ở tầm vĩ mô), tạo lập môi trường và động lực mới cho sự vận hành và phát triển thành phố trong thời kỳ mới. Thực tiễn quá trình triển khai thực hiện Quy chế Dân chủ cũng là thực tiễn thời kỳ xây dựng và phát triển (1998 - 2005) ở thành phố Đà Nẵng, đã cho thấy *giá trị thực tế của một quyết sách chính trị hợp lòng dân cũng như tầm quan trọng của trình độ, khả năng, bản lĩnh của các cấp độ chủ thể chính trị (đặc biệt là người đứng đầu các cấp) trong việc tổ chức thực hiện các quyết sách đó.*

Mọi việc không chỉ có thuận lợi và thành công mà trong quá trình thực hiện còn nhiều khó khăn, trở ngại đang đặt ra.

Thứ nhất, từ phương diện thể chế, cơ chế:

- Các Nghị định của Chính phủ về thực hiện Quy chế Dân chủ mới quy định các việc phải làm, nhưng lại chưa quy định biện pháp chế tài kèm theo nên việc chấp hành các quy định này vẫn còn tùy thuộc khá nhiều vào sự nhận thức, nhất là quan niệm, tính cách của người đứng đầu cơ quan, đơn vị. Điều đó cho thấy cần thiết phải *luật hóa, cụ thể hóa các nội dung của các nghị định* này, và đương nhiên khi đã luật hóa thì quá trình kiểm tra, xử lý những cá nhân và tập thể vi phạm phải được tiến hành thường xuyên, nghiêm minh.

- Việc công khai tài chính là một biện pháp quan trọng để cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân thực hiện *quyền giám sát*, kiểm tra nhằm ngăn chặn những sai phạm trong các hoạt động có liên quan... Nhưng thực tế cho thấy quy định này vẫn mang tính hình thức. Một mặt, ở nước ta chưa có môi trường, điều kiện cho việc công khai hóa, minh bạch hóa các nguồn thu của cá nhân, hay trong các doanh nghiệp... Mặt khác, không ít cán bộ, công chức, viên chức và đại đa số người lao động, nhân dân ít am hiểu về nghiệp vụ kế

toán nên sự tiếp nhận những thông tin này khá thụ động “nghe cho biết về các phép tính đơn giản”. Do đó, về nội dung này trong quy chế cần phải được cụ thể hóa, đồng bộ hóa một bước, nếu không thì vẫn mang tính hình thức, làm giảm ý nghĩa sát thực trong nội dung có tính thể chế..

Thứ hai, về đội ngũ cán bộ tương thích với môi trường dân chủ và phát triển.

Mặc dù, những năm qua, công tác cán bộ đã được các cấp, các ngành đặc biệt quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, lựa chọn, bố trí, song về tổng thể, so với yêu cầu đòi hỏi trong giai đoạn mới *phát triển với tốc độ nhanh và bền vững*, thời kỳ mới, hội nhập, *dân chủ hóa tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội* thì trình độ, phong cách làm việc của phần đông đội ngũ cán bộ trong hệ thống chính trị, đặc biệt là đội ngũ cán bộ chủ chốt ở cơ sở vẫn còn nhiều bất cập. Vì thế, một trong những giải pháp có ý nghĩa quyết định để tiếp tục phát huy vai trò và tính hữu hiệu của Quy chế Dân chủ cơ sở ở Đà Nẵng trong giai đoạn tiếp theo là tập trung **nâng tầm, củng cố và hoàn thiện tâm, xây dựng phong cách làm việc dân chủ, sáng tạo** của đội ngũ cán bộ các cấp ở thành phố, cấp bách nhất là đội ngũ cán bộ cơ sở, bằng hệ thống các chính sách, cơ chế, cách làm đồng bộ. Trong công tác cán bộ, điều quan trọng là phải từ phong trào, thực tế và nhu cầu của sự phát triển để tuyển chọn, sử dụng mọi tiềm lực con người.

Thứ ba, về tính mục đích của việc thực hiện Quy chế Dân chủ và công cuộc xây dựng, phát triển thành phố.

Xây dựng và phát triển thành phố, sắp xếp, chỉnh trang đô thị, phát triển kết cấu hạ tầng, xét đến cùng là nhằm hướng tới phục vụ cuộc sống của con người, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho mọi tầng lớp nhân dân.

Người dân thành phố đã nhận rõ điều đó qua thực tế. Đó là nguyên nhân căn bản tạo nên sự đồng thuận xã hội trong việc thực hiện những chủ trương, chính sách có tính nhạy cảm về mặt lợi ích mà các cấp lãnh đạo, quản lý thành phố đề xướng, tổ chức thực hiện trong thời gian qua. Tuy nhiên, cải tạo và xây dựng thành phố theo hướng hiện đại, văn minh là một quá trình đầy khó khăn, phức tạp, khá lâu dài, liên quan đến nhiều lĩnh vực, động chạm đến tư tưởng, lợi ích của hàng vạn con người... Thực tế ở Đà Nẵng trong thời gian qua, bên cạnh những thành tựu đáng tự hào, vẫn không ít vấn đề bất cập, thậm chí có cả sai lầm mang tính chủ quan. Từ phương diện này, phải chăng điều cần đặc biệt lưu tâm là *hiện tại vẫn còn một bộ phận dân cư chưa hoàn toàn được hưởng lợi trực tiếp, nếu không nói bị thiệt hại, mất công ăn việc làm, đảo lộn trong kế sinh nhai, thu nhập bấp bênh, đời sống khó khăn...* Vì vậy, cần có sự sâu sát, bàn tính dân chủ, kỹ lưỡng (lồng ghép các nội dung này vào trong các hoạt động tuyên truyền và tổ chức thực hiện Quy chế Dân chủ trong các khu vực dân cư) trong quá trình xác lập những chủ trương và giải pháp toàn diện, trong đó *mục tiêu phục vụ và mang lại lợi ích thực sự cho người dân, cho xã hội, cho lợi ích chung phải là trung tâm; vạch tiến độ, xác lập trách nhiệm cụ thể cho mọi bên liên quan đến việc thực thi các chương trình, dự án.* Từ đó, các cấp có thẩm quyền theo dõi chặt chẽ, xử lý nghiêm tất cả những cơ quan, những cá nhân có thẩm quyền gây cản trở, hoặc tìm cách trục lợi làm phương hại đến lợi ích chính đáng của quần chúng nhân dân trong quá trình triển khai thực hiện. Được như vậy là Quy chế Dân chủ đã đi sâu vào hiện thực đời sống xã hội, củng cố thêm nữa niềm tin của dân với Đảng và Chính phủ trong giai đoạn cách mạng mới. □

1 - Cải cách về thể chế chính sách trong lĩnh vực thuế, hải quan

Bốn năm qua (2001 - 2004), Bộ Tài chính đã chủ động phối hợp với các bộ, ngành có liên quan nghiên cứu trình Chính phủ, Quốc hội sửa đổi, bổ sung 4 luật, 2 pháp lệnh, 17 nghị định quy định chi tiết thi hành các luật, pháp lệnh về thuế, phí và hải quan; đã kịp thời ban hành các thông tư hướng dẫn và tổ chức triển khai thực hiện các luật, pháp lệnh, nghị định nói trên. Nhìn chung hệ thống chính sách thuế, phí và hải quan đã được cải cách theo hướng: giảm mức thuế suất, mở rộng diện ưu đãi thuế để khuyến khích đầu tư, đẩy mạnh xuất khẩu, phát triển sản xuất trong nước phù hợp với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và thực hiện các cam kết quốc tế. Việc triển khai thực hiện đã được cộng đồng doanh nghiệp nhất trí cao, không còn những vướng mắc lớn. Nội dung cải cách hành chính trong từng luật, pháp lệnh về thuế, phí, hải quan như sau:

Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng đã giảm thuế suất từ 4 mức trước đây (0%, 5%, 10%, 20%) xuống còn 3 mức (0%, 5%, 10%), bỏ mức thuế suất cao 20%. Mở rộng diện áp dụng thuế suất 0% để khuyến khích xuất khẩu dịch vụ, bãi bỏ việc khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào theo tỷ lệ % nhằm ngăn chặn việc lợi dụng khấu trừ thuế không để chiếm đoạt tiền của ngân sách nhà nước. Quy định rút ngắn thời gian hoàn thuế cho doanh nghiệp từ 3 tháng hoàn 1 lần, xuống áp dụng hoàn ngay lúc phát sinh đối với số thuế phải hoàn từ 200 triệu đồng để không gây ra đọng vốn cho doanh nghiệp. Khuyến khích sử dụng hóa đơn tự in để tạo thuận lợi cho doanh nghiệp

Cải cách hành chính về thuế và hải quan giai đoạn 2001 - 2004 và các năm tiếp theo

QUÁCH ĐỨC PHÁP *

trong việc quản lý và sử dụng hóa đơn phù hợp với đặc điểm của đơn vị.

Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt, đã giảm một số thuế suất cao đối với một số mặt hàng như: thuế suất đối với ô tô giảm từ 100%, 80%, 30% xuống còn 80%, 50%, 25% (tương ứng với từng loại ô tô từ 5 chỗ ngồi trở xuống, từ 6 đến 15 chỗ ngồi và từ 16 đến dưới 24 chỗ ngồi). Thuế suất đối với bia hơi giảm từ 50% xuống 30%; đối với xăng giảm từ 15% xuống 10%; đối với điều hòa nhiệt độ giảm từ 20% xuống còn 15%; đối với kinh doanh gôn giảm từ 20% xuống 10%... Quy định rõ lộ trình cắt giảm ưu đãi về thuế tiêu thụ đặc biệt đối với ô tô sản xuất trong nước từ năm 2004 đến 2007 để các doanh nghiệp chủ động thực hiện.

Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp (sửa đổi) giảm thuế suất từ 32% xuống còn 28%, áp dụng thống nhất cho cả doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và doanh nghiệp trong nước; bãi bỏ thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung 25% đối với doanh nghiệp trong nước; bãi bỏ thuế chuyển lợi nhuận ra nước ngoài đối với

* TS, Vụ trưởng, Vụ Chính sách thuế Bộ Tài chính

Việt kiều và các nhà đầu tư nước ngoài tạo sự bình đẳng trong cạnh tranh, tạo điều kiện cho doanh nghiệp tăng tích lũy, tăng đầu tư. Áp dụng các mức ưu đãi về thuế cao nhất là 10%, 15%, 20% (tùy theo dự án đầu tư) đối với doanh nghiệp trong nước và cả doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (trước đó chỉ được hưởng mức thuế suất ưu đãi là 15%, 20%, 25%). Tăng tỷ lệ chi phí quảng cáo, tiếp thị, khuyến mại được tính vào chi phí hợp lý khi xác định thu nhập chịu thuế từ 5% - 7% lên 10% tổng chi phí; cho phép khấu hao nhanh đến 2 lần mức khấu hao thông thường để tạo điều kiện cho doanh nghiệp đổi mới công nghệ, cải tiến kỹ thuật.

Luật Hải quan được ban hành đã tạo ra một bước cải cách hành chính mạnh mẽ trong công tác quản lý hải quan. Luật quy định rõ trách nhiệm của cơ quan, cán bộ hải quan và trách nhiệm của khách hàng, xác định rõ quyền lợi và nghĩa vụ của người khai hải quan để phát huy quyền tự chủ của doanh nghiệp. Hình thành khâu kiểm tra sau thông quan, thực hiện hậu kiểm để giải phóng nhanh hàng hóa, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp. Luật Hải quan đã tạo điều kiện chuyển từng bước hoạt động hải quan sang quản lý rủi ro theo tập quán quốc tế. Từ sau khi ban hành Luật Hải quan, các văn bản quy định hướng dẫn chi tiết thi hành Luật Hải quan đã giảm từ 450 văn bản xuống còn 50 văn bản.

Pháp lệnh Thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao (sửa đổi) đã bỏ thuế suất cao 50% trong biểu thuế đối với cả người Việt Nam và người nước ngoài; bỏ thuế thu nhập bổ sung 30% đối với người Việt Nam. Đáng chú ý là nâng mức khởi điểm chịu thuế đối với người Việt Nam từ 3 triệu đồng/tháng lên 5 triệu đồng/tháng; đồng thời mở rộng khoảng cách mức thu nhập chịu thuế trong từng bậc thuế suất của biểu thuế đối với người Việt Nam. Nếu như trước đây thu nhập bình quân/tháng trên 3 triệu đến 6 triệu đồng nộp thuế 10%, trên 6 triệu đồng đến 9 triệu đồng nộp thuế 20%, trên 9 triệu đến 12 triệu đồng nộp thuế 30%, trên 12 đến 15 triệu đồng nộp thuế 40% thì

nay 5 triệu đồng không phải nộp thuế, trên 5 triệu đến 15 triệu đồng chỉ phải nộp thuế 10%, trên 15 triệu đến 25 triệu đồng nộp 20%. Như vậy, việc sửa đổi này đã giảm bớt tỷ lệ động viên thu nhập đối với người lao động, qua đó cải thiện đời sống và nâng tích lũy của người lao động, tạo điều kiện cho doanh nghiệp tiết kiệm chi phí về lao động, khuyến khích sử dụng lao động là người Việt Nam.

Qua việc thực hiện, **Pháp lệnh Phí và Lệ phí** của nước đã bãi bỏ được 140 loại phí, lệ phí do các cơ quan ở trung ương ban hành không đúng quy định; bãi bỏ 203 loại phí, lệ phí do các cấp chính quyền ở địa phương ban hành không đúng quy định. Đối với những loại phí, lệ phí còn hiệu lực thi hành đã được tổ chức rà soát lại, giảm bớt những mức thu cao để giảm chi phí đầu vào cho các doanh nghiệp, như phí hàng hải giảm 30%, phí cầu, đường bộ giảm 20%, có loại giảm 70 - 100% như lệ phí hạn ngạch hàng dệt may vào thị trường Mỹ... Có 8 loại phí còn có sự phân biệt giữa người Việt Nam và người nước ngoài, đã được sửa đổi bổ sung theo mức thu thống nhất như đối với người Việt Nam, như phí kiểm dịch động vật, thực vật, phí tần số vô tuyến điện, phí tham quan danh lam thắng cảnh... Việc rà soát, bãi bỏ, sắp xếp lại phí, lệ phí như đã nêu ở trên đã giảm được chi phí đầu vào cho sản xuất kinh doanh mỗi năm gần 1.000 tỉ đồng, đồng thời bãi bỏ được nhiều thủ tục phiền hà cho doanh nghiệp.

Thực hiện các cam kết quốc tế trong lĩnh vực thuế và hải quan, đã chủ động thể chế hóa các cam kết quốc tế về thuế và hải quan vào các văn bản pháp luật theo các quy định của Công ước Kyoto về thủ tục hải quan và chứng từ hải quan, Hiệp định TRIPS bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ đối với hàng hóa xuất, nhập khẩu, Công ước quốc tế về hệ thống hài hòa mô tả và mã hóa hàng hóa (Công ước HS), Hiệp định thực hiện Điều 7 Hiệp định chung về thuế quan và thương mại (GATT). Đây vừa là động lực, vừa là thách thức lớn tác động mạnh đến việc nâng cao năng lực quản lý

của cơ quan thuế, hải quan, vừa là áp lực thúc đẩy các doanh nghiệp trong nước nâng cao sức cạnh tranh.

2 - Cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực thuế, hải quan

Trong 4 năm qua, cải cách về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thuế, phí và hải quan đã được xác định là một khâu trọng tâm mang tính đột phá, được thực hiện đồng bộ trên cả hai mặt: quan hệ giữa Nhà nước với nhân dân (quan hệ giữa người thu và người nộp) và quan hệ giữa các cơ quan nhà nước (giữa hệ thống thuế với hải quan, giữa cấp trên với cấp dưới từng hệ thống) được triển khai thực hiện trong tất cả các khâu công việc. Cụ thể là:

Về đổi mới cơ chế kê khai, nộp thuế: Đã bỏ cơ chế thông báo, áp đặt thuế, tính thuế thay doanh nghiệp từ ngày 1-1-2004, chuyển dần sang áp dụng cơ chế tự tính, tự khai, tự nộp thuế. Người khai hải quan tự xác định mã số hàng hóa, thuế suất, được nợ giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) trong thời gian 60 ngày, được tạm nộp theo thuế suất thấp trong khi chưa nộp C/O, quy định doanh nghiệp không phải trả chi phí nếu cơ quan Hải quan yêu cầu giám định lại.

Về cải tiến việc đăng ký cấp mã số thuế: Trước đây, doanh nghiệp phải đăng ký cấp mã số tại hai nơi: cơ quan thuế cấp mã số thuế, cơ quan hải quan cấp mã số xuất, nhập khẩu, mỗi nơi mất gần 30 ngày, thì nay thống nhất áp dụng chung một mã số thuế cho cả hoạt động kinh doanh trong nước và hoạt động xuất, nhập khẩu. Doanh nghiệp chỉ đăng ký làm thủ tục tại một nơi: cơ quan thuế cấp mã số truyền qua mạng cho cơ quan hải quan nên thời gian rút ngắn xuống còn 10 - 15 ngày (ở các thành phố lớn chỉ còn 8 ngày).

Thực hiện đơn giản hóa thủ tục, hồ sơ trong các khâu mua hóa đơn: Trước đây, mỗi lần mua hóa đơn, doanh nghiệp phải kê khai nhiều loại giấy tờ rất phức tạp. Nay quy định doanh nghiệp được cấp mã số thuế là được mua ngay hóa đơn lần đầu; để mua các lần sau, doanh nghiệp chỉ

cần trình phiếu mua hóa đơn lần trước. Coi trọng việc khuyến khích doanh nghiệp sử dụng hóa đơn tự in, đồng thời phân cấp cho các cục thuế cấp tỉnh xét duyệt sử dụng hóa đơn tự in nên đã giảm bớt được nhiều phiền hà cho doanh nghiệp.

Cải tiến các tờ khai để tạo thuận lợi cho doanh nghiệp: Tờ khai thuế trước đây quy định rất đơn giản, nhưng lại yêu cầu doanh nghiệp phải cung cấp khá nhiều các báo cáo và biểu mẫu có liên quan. Tờ khai thuế mới có đầy đủ các chỉ tiêu theo yêu cầu của công tác quản lý thuế, doanh nghiệp chỉ việc điền vào các chỉ tiêu có liên quan mà hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp có phát sinh. Như vậy vừa bảo đảm đầy đủ thông tin theo yêu cầu của cơ quan thuế, vừa tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp để kê khai. Còn tờ khai hải quan, trước đây quy định hơn 50 tiêu chí, nay quy định tờ khai hải quan hàng xuất khẩu còn 27 tiêu chí và hàng nhập khẩu còn 48 tiêu chí. Các giấy tờ cần thiết trong bộ hồ sơ hải quan được giảm từ trên 10 xuống còn 4 loại đối với tờ khai nhập khẩu, còn 3 loại đối với tờ khai xuất khẩu. Ở nơi đã triển khai thí điểm khai hải quan điện tử, kê khai thuế qua mạng hoặc đĩa mềm, thì thủ tục kê khai còn đơn giản, thuận tiện hơn.

Sửa đổi các quy định về quyết toán thuế tạo thuận lợi cho đối tượng nộp thuế: Thời hạn doanh nghiệp phải nộp quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp được kéo dài từ 60 ngày lên 90 ngày sau khi hết năm. Việc kê khai quyết toán thuế giá trị gia tăng cũng đã được cải tiến để giảm bớt phiền hà cho doanh nghiệp.

Đổi mới quy trình quản lý theo nguyên tắc một cửa, chuyên môn hóa cao: Ngành thuế đã bỏ chế độ chuyên quản khép kín, chuyển sang quản lý theo chức năng, thực hiện quy trình quản lý thuế tách 3 bộ phận để tăng cường giám sát lẫn nhau. Ngành hải quan tổ chức dây chuyền thủ tục hải quan hoàn chỉnh, bỏ nhiều khâu trung gian, giảm thời gian làm thủ tục hải quan: đối với hàng nhập khẩu theo hợp đồng thương mại trước đây phải qua 4 khâu thủ tục, nay giảm còn 3 khâu,

hàng xuất khẩu còn 2 khâu; mỗi khâu thủ tục trước đây cần 2 - 3 người, nay chỉ cần 1 người; thời gian thông quan trước đây mất 1 - 3 ngày nay chỉ còn từ 1 đến 2 giờ đối với lô hàng được miễn kiểm tra, hoặc 1/2 ngày đối với lô hàng phải kiểm tra.

Bước đầu ứng dụng công nghệ thông tin và kỹ thuật hiện đại vào công tác quản lý như: sử dụng hệ thống mạng máy tính, thiết lập cơ sở dữ liệu thông tin về đối tượng nộp thuế, thông tin về giá, quản lý hàng gia công để giải quyết công việc nhanh hơn, hạn chế được sự nhầm lẫn trong cưỡng chế nợ thuế. Thí điểm khai hải quan điện tử tại các địa bàn trọng điểm; thí điểm thông quan điện tử đối với dầu thô xuất khẩu, hàng hóa xuất nhập khẩu qua đường bưu điện, làm thủ tục đối với tàu biển xuất, nhập cảnh, trang bị các máy soi hiện đại ở một số cửa khẩu quốc tế tại sân bay và một số cửa khẩu đường bộ phục vụ thông quan nhanh.

3 - Cải cách về tổ chức bộ máy và cán bộ trong lĩnh vực thuế, hải quan

Từ việc thay đổi phương thức quản lý và bỏ thông báo thuế, trao quyền cho doanh nghiệp tự kê khai, tự tính, tự nộp thuế, cho nên bộ máy quản lý thuế, hải quan cũng được tổ chức lại theo mô hình quản lý theo nguyên tắc một cửa, quản lý theo chức năng, bỏ những công việc trùng lặp, bỏ các khâu giám sát chồng chéo, xây dựng lực lượng chuyên nghiệp, chuyên sâu. Do vậy, thời gian giải quyết công việc được rút ngắn hơn trước. Thực hiện Quyết định số 113 và 218 của Thủ tướng Chính phủ⁽¹⁾, ngành thuế đã sắp xếp lại, lược bỏ 1.042 bộ phận không cần thiết; ngành hải quan thành lập bộ phận kiểm tra sau thông quan, hình thành bộ phận giá và thanh tra, đồng thời với việc giảm đầu mối cấp phòng, bỏ cấp đội thuộc phòng, giảm bộ máy gián tiếp để tăng cường lực lượng trực tiếp làm việc tại các cửa khẩu. Đáng chú ý là trong ngành thuế đã xây dựng quy chế phối hợp công tác với các cơ quan, đơn vị trong và ngoài ngành để giải quyết công việc nhanh hơn, có hiệu quả hơn và đúng với quy

định của pháp luật. Trong nội bộ ngành đã có quy chế phối hợp công tác giữa Tổng cục Thuế - Tổng cục Hải quan - Kho bạc Nhà nước trong việc thu nộp thuế, cung cấp dữ liệu làm báo cáo thống kê, thông tin tình hình doanh nghiệp. Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan đã có quy chế phối hợp với Tổng cục Cảnh sát kinh tế trong việc kiểm tra chống buôn lậu, chống gian lận thương mại; phối hợp với cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan ngân hàng, cơ quan quản lý thị trường để nắm thông tin của doanh nghiệp từ khi thành lập cho đến quá trình kinh doanh, lưu thông hàng hóa và thanh toán tiền hàng để phục vụ quản lý thu thuế.

Đẩy mạnh phân cấp cho các cục, chi cục Thuế, Hải quan trong việc xác định giá tính thuế, thu lệ phí trước bạ, giải quyết miễn, giảm thuế, hoàn thuế, quyết định kiểm tra sau thông quan... trên cơ sở đó có sự phân công rõ ràng, cụ thể hóa trách nhiệm của từng công chức, từng khâu công việc trong quy trình thủ tục quản lý. Ngành thuế cũng đang mở rộng việc ủy nhiệm thu một số khoản thuế cho Ủy ban nhân dân xã, phường bảo đảm sát dân hơn, hiệu quả hơn và giảm được chi phí đi lại và sự chờ đợi của cơ sở kinh doanh. Việc bố trí cán bộ quản lý thuế đã chuyển từ quản lý theo đối tượng (khép kín) sang quản lý theo chức năng nhằm hạn chế tiêu cực, đồng thời tạo điều kiện tiến tới xây dựng lực lượng cán bộ thuế chuyên nghiệp theo tiêu chuẩn quốc tế. Tăng cường lực lượng cán bộ cho công tác hỗ trợ đối tượng nộp thuế và người khai hải quan, công tác thanh tra; thành lập tổ giải quyết vướng mắc tại các cục và chi cục Hải quan để tiếp nhận, giải quyết nhanh các vướng mắc của doanh nghiệp.

Thời gian qua đã thực hiện điều động, luân chuyển, luân phiên 4.980 lượt cán bộ, đồng thời với việc giảm biên chế, bổ nhiệm lại khoảng 2 ngàn cán bộ lãnh đạo (trong đó, ngành hải quan đã tăng cường được 714 biên chế xuống các

(1) Quyết định số 113/2002/QĐ-TTg, Quyết định số 218/2003/QĐ-TTg

chi cục cửa khẩu; ngành thuế giảm 1.128 đầu mối cùng với giảm 1.195 vị trí lãnh đạo, bổ nhiệm lại 1.592 cán bộ lãnh đạo ở tất cả các cấp). Thông qua việc bổ nhiệm lại cán bộ lãnh đạo đã rà soát, đánh giá, phân loại đội ngũ cán bộ để có biện pháp quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng về nghiệp vụ chuyên môn. Công tác đào tạo và đào tạo lại để nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ sẽ tập trung theo hướng chuyên sâu, đi vào kỹ năng từng khâu quản lý đối với từng ngạch công chức; coi trọng cả về chính trị tư tưởng, đạo đức nghề nghiệp, kỷ luật công tác và chuyên môn, nghiệp vụ (năm 2003 ngành thuế có 94,1% cán bộ được đào tạo, trong đó 34% là đại học và trên đại học, có 30 - 40% cán bộ được bồi dưỡng tập huấn về nghiệp vụ).

Nhìn chung, công tác cải cách hành chính về thuế và hải quan 4 năm qua được tiến hành tương đối toàn diện, đồng bộ và đạt được nhiều kết quả tốt. Tuy nhiên, so với yêu cầu về hội nhập và hiện đại hóa ngành thuế và hải quan, công tác cải cách hành chính vẫn còn có những tồn tại khó khăn cần khắc phục trong thời gian tới.

5 - Cải cách hành chính về thuế và hải quan năm 2005 và các năm tiếp theo

Cải cách hành chính trong lĩnh vực thuế và hải quan năm 2005 và những năm tiếp theo phải hướng tới mục tiêu là bám sát và bắt kịp với trình độ quản lý của các nước ASEAN vào năm 2010. Có lộ trình từng bước, xây dựng và áp dụng hệ thống ứng dụng theo chuẩn mực quốc tế: thực hiện quản lý tập trung đối với hệ thống hải quan vào năm 2006; hệ thống quản lý thuế vào năm 2008; phấn đấu đến năm 2010 công tác quản lý thuế và hải quan phải đạt tiêu chuẩn tiên tiến, hiện đại của các nước trong khu vực.

Trước mắt, tiếp tục công cuộc cải cách hệ thống thuế bước ba, xây dựng hệ thống thuế hiện đại, có hiệu lực và hiệu quả, có kết cấu hợp lý theo Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2010. Bổ sung, sửa đổi một cách căn bản Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu và Luật Hải quan, tạo điều kiện đẩy mạnh cải cách hành

chính để áp dụng các quy trình thủ tục đơn giản, thông thoáng và minh bạch, áp dụng công nghệ quản lý hiện đại phù hợp với tập quán và các cam kết quốc tế theo lộ trình hội nhập. Tiếp tục tổng kết đánh giá thực tiễn để nghiên cứu sửa đổi Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, trình Quốc hội ban hành Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Thuế tài sản, Luật Thuế sử dụng đất... Cùng với việc sửa đổi, bổ sung, ban hành các luật, pháp lệnh về thuế, trình Quốc hội ban hành Luật Quản lý thuế vào năm 2006 tạo cơ sở pháp lý cải cách căn bản công tác quản lý thuế từ quy trình thủ tục hành thu (tiến hành quản lý thu) đến tổ chức bộ máy và cán bộ. Năm 2005, mở rộng việc áp dụng quy trình tự khai, tự tính, tự nộp thuế đối với các đối tượng nộp thuế; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, hướng dẫn, cung cấp các dịch vụ tư vấn thuế, đồng thời chấn chỉnh công tác thanh tra kiểm tra các đối tượng nộp thuế và thanh tra trong nội bộ ngành thuế, tạo điều kiện từng bước hiện đại hóa công tác quản lý thuế.

Nghiên cứu các giải pháp đẩy mạnh cải cách hành chính trong lĩnh vực hải quan. Nhanh chóng hoàn thiện và triển khai đề án hiện đại hóa ngành hải quan để đáp ứng tiến trình hội nhập khu vực và quốc tế. Thực hiện tốt quy chế phối hợp giữa các đơn vị trong ba hệ thống thuế - hải quan - kho bạc trong các hoạt động nghiệp vụ, cung cấp và trao đổi thông tin, dữ liệu bảo đảm phục vụ thuận lợi cho công tác thu thuế và các đối tượng nộp thuế. Tiếp tục cải cách quy trình thủ tục quản lý thuế, hải quan; về cải cách bộ máy và công tác cán bộ, sắp xếp và luân chuyển cán bộ. Phấn đấu xây dựng lực lượng cán bộ thuế, hải quan có phẩm chất đạo đức tốt, chuyên nghiệp, chuyên sâu về nghiệp vụ, sử dụng được các phương tiện hiện đại. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất - kỹ thuật, trang thiết bị hiện đại, xây dựng cơ sở dữ liệu thông tin, tạo điều kiện hỗ trợ cho việc thực hiện công tác quản lý thuế, hải quan theo công nghệ mới. □

Vùng A Hải quân với nhiệm vụ huấn luyện và bảo vệ chủ quyền vùng biển, đảo phía Bắc Tổ quốc

PHẠM VĂN ĐIỂN *

SAU khi nước nhà thống nhất, trước yêu cầu nhiệm vụ mới của cách mạng, việc phát triển các lực lượng trong Quân chủng Hải quân, trong đó có các vùng duyên hải là rất quan trọng và cấp bách, liên quan trực tiếp tới nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền biển đảo của Tổ quốc. Bởi vậy, ngày 26-10-1975, Bộ Quốc phòng đã ra Quyết định số 141/QĐ-QP thành lập Vùng 1 duyên hải, sau đổi thành Vùng A Hải quân. Từ đó, ngày 26-10 hằng năm đã trở thành ngày truyền thống vẻ vang của Vùng A Hải quân nhân dân.

Vùng A Hải quân, đóng quân phân tán trên 8 tỉnh, thành ven biển phía Bắc, với nhiều binh chủng khác nhau, có chức năng, nhiệm vụ: quản lý, bảo vệ vùng biển, với dải bờ biển dài hơn 270 hải lý, từ cửa sông Bắc Luân đến mũi Độc, Hà Tĩnh, với hàng nghìn hòn đảo thuộc quần đảo Hạ Long, Bái Tử Long, Vĩnh Thực, đảo Trần, Cô Tô, Thanh Lâm, Bạch Long Vĩ... Đây là một địa bàn có vị trí chiến lược quan trọng cả về chính trị, kinh tế, quốc phòng - an ninh của đất nước.

Nhận thức sâu sắc đặc điểm tình hình và nhiệm vụ của đơn vị, ngay sau khi được thành lập, Vùng A đã nhanh chóng ổn định tổ chức, kiện toàn lãnh đạo chỉ huy, cơ quan Vùng, các tổ chức quần chúng, các lực lượng chiến đấu và phục vụ chiến đấu để thực hiện tốt nhiệm vụ của quân đội, nhân dân giao phó.

Chỉ trong một thời gian ngắn, các lực lượng của Vùng đã bổ sung quân số, tăng cường vũ khí trang bị hiện đại cho các lực lượng, tập trung sức xây dựng và hoàn chỉnh cơ bản các công trình chiến đấu trên các đảo và tuyến đảo Đông Bắc. Đồng thời các lực lượng của Vùng đã thường xuyên nêu cao tinh thần cảnh giác, chủ động khắc phục mọi khó khăn, ra sức xây dựng lực lượng, huấn luyện nâng cao khả năng sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, đảo thiêng liêng của Tổ quốc, sẵn sàng chi viện bổ sung lực lượng cho đơn vị bạn ở quần đảo Trường Sa và tham gia bảo vệ chủ quyền vùng biển phía Tây Nam của Tổ quốc. Song song với nhiệm vụ củng cố, tăng cường lực lượng, các đơn vị của Vùng A đã tranh thủ thời gian, vượt qua mọi khó khăn để huấn luyện, sử dụng và làm chủ các trang bị vũ khí, các tàu thuyền hiện đại, tổ chức diễn tập hợp đồng chiến đấu giữa các đơn vị trong vùng, giữa Vùng với đặc khu Quảng Ninh, Quân khu III, với quân chủng

* Đại tá, Phó chỉ huy trưởng - Tham mưu trưởng Vùng A Hải quân

Phòng không - Không quân và các cuộc diễn tập hữu nghị khác.

Những năm qua, trước yêu cầu nhiệm vụ mới, Vùng A luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ tuần tiễu quản lý, bảo vệ chủ quyền vùng biển, đảo được phân công, thường xuyên nắm vững tình hình, kịp thời ngăn chặn, cản phá hành động xâm phạm vùng biển của đối phương; phối hợp với các đơn vị phòng không, không quân, biên phòng xây dựng lực lượng tự vệ ven biển, duy trì thường xuyên chế độ giao ban thông báo tình hình giữa các lực lượng. Vùng A Hải quân cũng đã cung cấp nhiều tư liệu, hình ảnh giúp Nhà nước ta đấu tranh trên mặt trận ngoại giao và phòng chống các hành vi vi phạm pháp luật trên vùng biển phía Bắc đạt hiệu quả cao, góp phần cùng các lực lượng trong Quân chủng ngăn chặn, đẩy lùi các hành động xâm nhập, phá hoại, bao vây, uy hiếp đảo, giữ vững an ninh trật tự trên biển, bảo vệ cuộc sống và công việc làm ăn của ngư dân nước ta.

Trải qua 30 năm xây dựng, chiến đấu và trưởng thành, 9 đơn vị của Vùng A đã được Đảng, Nhà nước tặng thưởng danh hiệu "Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân", trong đó có 1 đơn vị "Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân" trong thời kỳ đổi mới. Vùng được tặng thưởng Huân chương Quân công hạng Ba và nhiều huân chương các loại. Nhiều đơn vị được tặng thưởng Huân chương Quân công hạng Nhất, hạng Nhì, hạng Ba, cùng nhiều Huân chương chiến công, cờ thưởng luân lưu của Chủ tịch nước... Nhiều lần được Thủ tướng Chính phủ, Bộ Quốc phòng và Quân chủng Hải quân biểu dương, khen ngợi. Có được kết quả trên, những năm qua cán bộ, chiến sỹ toàn Vùng đã thường xuyên quán triệt sâu sắc nhiệm vụ, chăm lo huấn luyện, xây dựng lực lượng, nâng cao chất lượng đơn vị theo hướng cách mạng, chính quy, tinh nhuệ và từng bước hiện đại. Trong công tác huấn luyện, Vùng đã

tích cực đổi mới về nội dung, phương pháp tổ chức huấn luyện, coi trọng công tác tập huấn, bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ và quân nhân chuyên nghiệp; kết hợp chặt chẽ giữa huấn luyện chiến đấu, giáo dục chính trị với xây dựng chính quy, xây dựng đơn vị vững mạnh toàn diện, lấy xây dựng chính quy, rèn luyện kỷ luật làm biện pháp cơ bản để nâng cao chất lượng huấn luyện chiến đấu và chất lượng tổng hợp của đơn vị, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới.

Đảng ủy, chỉ huy Vùng thường xuyên quan tâm, có chủ trương lãnh đạo đúng, biện pháp sát thực và tích cực nghiên cứu vận dụng, đổi mới công tác huấn luyện, nên chất lượng huấn luyện qua các năm không ngừng được nâng lên. Kết quả huấn luyện chuyên môn kỹ thuật cho các đơn vị tàu, đảo, bờ luôn đạt 100% yêu cầu, trong đó có 70% - 80% khá giỏi; huấn luyện chiến thuật tàu và chiến thuật các ngành đều đạt 100% khá, giỏi. Ngoài nhiệm vụ huấn luyện thường xuyên, hằng năm Vùng còn được giao nhiệm vụ huấn luyện chiến sỹ chuyên môn kỹ thuật, chiến sỹ mới và lực lượng dự bị động viên. Kết quả kiểm tra cuối các khóa huấn luyện đều đạt 100% khá, giỏi. Trong kế hoạch huấn luyện, Vùng A tăng cường tổ chức diễn tập chỉ huy cơ quan, diễn tập chiến thuật, diễn tập cơ động, huấn luyện hiệp đồng với các lực lượng. Cán bộ, chiến sỹ của Vùng A Hải quân còn tham gia diễn tập và phòng chống bão lụt ở các tỉnh, thành phố như: Hải Phòng, Hà Nội, Hà Tây và Quảng Ninh... Năm 2004, lần đầu tiên Vùng A đã tổ chức thành công cuộc diễn tập chỉ huy - cơ quan hai bên, hai cấp trên bản đồ đạt kết quả tốt. Thông qua các cuộc diễn tập và huấn luyện, đã đúc rút được nhiều kinh nghiệm trong huấn luyện, bổ sung hoàn thiện các phương án chiến đấu và nâng cao khả năng sẵn sàng chiến đấu của các lực lượng trong toàn Vùng.

Để hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình, Vùng A Hải quân luôn coi trọng công tác

chính trị tư tưởng ở các đơn vị, xây dựng đảng bộ, chi bộ trong sạch, vững mạnh, bảo đảm mọi cấp ủy, cán bộ, đảng viên, chiến sỹ luôn có bản lĩnh chính trị vững vàng, ý chí quyết tâm cao, phẩm chất, lối sống trong sạch, lành mạnh. Các tổ chức quần chúng cũng luôn được quan tâm, xây dựng và phát triển, thông qua những phong trào thi đua: "xung kích làm chủ vùng biển", "giành 3 đỉnh cao quyết thắng"... Công tác vận động quần chúng, tăng cường quan hệ, giúp đỡ, phối hợp với các địa phương luôn được cán bộ, chiến sỹ, các đơn vị thực hiện tốt. Chẳng hạn như: giúp địa phương hàng ngàn ngày công, ủng hộ hàng trăm triệu đồng cho các đối tượng chính sách, xây dựng nhà tình nghĩa, thăm, tặng quà các gia đình thương bệnh, binh, gia đình liệt sỹ, ủng hộ đồng bào bị thiên tai, tổ chức kết nghĩa với các địa phương nơi đóng quân... Với những hoạt động cụ thể, thường xuyên và có kết quả trong thời gian qua, Vùng A đã được thành phố Hải Phòng tặng bằng khen về thành tích xây dựng địa bàn, được Bộ Quốc phòng và Quân chủng tặng bằng khen về làm tốt công tác dân vận. Các tàu HQ 634, HQ 635 được Quân chủng tặng bằng khen về thành tích giúp dân khắc phục thiên tai...

Phát huy truyền thống 30 năm xây dựng, chiến đấu và trưởng thành, từ thực tiễn công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ huấn luyện, xây dựng đơn vị vững mạnh toàn diện, Vùng A Hải quân rút ra một số kinh nghiệm trong công tác huấn luyện chiến đấu, giáo dục chính trị như sau:

- Thường xuyên bám sát sự chỉ đạo, hướng dẫn của cấp trên, bám sát nhiệm vụ chính trị và tình hình thực tiễn của đơn vị để tổ chức triển khai nhiệm vụ huấn luyện. Tăng cường giáo dục chính trị tư tưởng, xây dựng bản lĩnh chính trị vững vàng, đạo đức cách mạng cho quân nhân, xây dựng cơ quan, đơn vị vững mạnh toàn diện gắn với xây dựng tổ chức Đảng trong sạch vững mạnh.

- Lãnh đạo chỉ huy các cấp thường xuyên quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, đặc biệt là coi trọng công tác huấn luyện nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ các cấp, tăng cường tập huấn bồi dưỡng mọi mặt cho đội ngũ quân nhân chuyên nghiệp. Đây là lực lượng nòng cốt, chủ yếu thực hiện hoàn thành các nhiệm vụ và xây dựng đơn vị, đồng thời tăng cường kiểm tra và tổ chức hội thi, hội thao trong huấn luyện.

- Trong tổ chức huấn luyện phải nắm vững phương châm: "Cơ bản, thiết thực, vững chắc", huấn luyện đồng bộ và chuyên sâu, từ chỉ huy đến các cơ quan và đơn vị, sát với từng phương án chiến đấu và điều kiện thực tế của vùng. Coi trọng huấn luyện cơ động, tăng cường huấn luyện đêm, huấn luyện dã ngoại đường dài trên biển, huấn luyện sát với chiến trường và yêu cầu nhiệm vụ chiến đấu.

- Kết hợp chặt chẽ giữa huấn luyện với rèn luyện kỷ luật, xây dựng nền nếp chính quy, tích cực đổi mới phương pháp, tác phong công tác. Đẩy mạnh phong trào thi đua trong huấn luyện, phát huy sức mạnh tổng hợp của các tổ chức lãnh đạo, chỉ huy, vai trò xung kích của các tổ chức quần chúng trong thực hiện các chỉ tiêu thi đua trong huấn luyện.

Ba mươi năm xây dựng, chiến đấu và trưởng thành của Vùng A Hải quân gắn liền với quá trình xây dựng và phát triển của Bộ đội Hải quân nhân dân và của Quân đội nhân dân Việt Nam anh hùng. Tự hào với những thành tích và kết quả đạt được, đồng thời thấy rõ những khó khăn, hạn chế của mình, cán bộ, chiến sỹ Vùng A Hải quân luôn xác định rõ vinh dự to lớn, trách nhiệm nặng nề trước nhiệm vụ bảo vệ biển, đảo của Tổ quốc trong thời kỳ mới, nêu cao quyết tâm, hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ, tiếp tục xứng đáng với truyền thống vẻ vang: **"Đoàn kết, kỷ luật. Khắc phục khó khăn. Làm chủ vùng biển. Quyết chiến, quyết thắng"**. □



Chủ bởi chữ... TÂM!

NHỊ LÊ

Đã gọi là chuông, dù to dù nhỏ, nếu được đúc bằng đồng, khi đánh ắt phải kêu. Đó là lẽ thường, và chỉ có rồi hơi, mới đem ra bàn... ngược!

Ấy thế nhưng, có một quả chuông, to vật to vĩa, được đúc cả tới chục tấn đồng nguyên chất, hiện đang tọa ở một ngôi chùa cổ xứ nọ, mặc cho bất cứ ai đánh và có đánh thế nào cũng chả một tiếng... kêu. Dân gian lan truyền: chắc là có kẻ yểm bùa khóa miệng chuông?! Nhưng chẳng ai tin. Vì việc hệ trọng vào bậc nhất ấy của cả vùng đâu dám giao chỉ vào một tay nào riêng được, mà lập hẳn một ban gồm những vị chức dịch trong xứ, những bậc cao niên đúc cao vọng trọng toàn tâm toàn ý chăm lo việc phúc, việc nghĩa này. Thế hà có gì mà chuông đánh đến gãy vĩa, vẫn chinh ình ra đó, và chả nửa tiếng... kêu? Cả làng nháo nhác, lo ngại!

Mấy năm sau, một bữa dân làng chợt phát hiện ra một lỗ khuyết trong lòng chuông, nhỏ, sâu lại tròn xoe đúng bằng đồng năm chinh tiền đúc. Ai cũng lấy

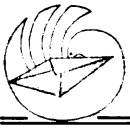
làm lạ và chẳng hiểu vì sao. Thì ra, tới tận sau này mới rõ, vào thời khắc đồng đã được nấu chảy, chỉ chờ giờ tốt để đổ khuôn... bỗng có một bà già, rất già, quần áo lấm lem bùn đất, cổ lết đến chỗ lò đúc, van vãn: già tôi yếu đuối, nghèo khổ, cả đời đi ăn mày may mà tích cóp được năm chinh. Làng có việc lớn, già xin góp sức với làng! Nói đoạn, chỉ kịp trao đồng tiền đúc năm chinh ấy vào tay một vị chức dịch, bà cụ như trút được gánh nặng của đời mình! Vị nọ bực bội, bĩu môi như tuồng khinh ít, nhưng chẳng ngần ngại quẳng luôn đồng tiền dù rất nhỏ nhoi, thắm đẫm mồ hôi tay của bà ăn mày nọ đó vào... túi mình(!). Thế là cái chuông đúc ra, tự nó đã khuyết một lỗ trong lòng.

Một người mơ thấy, có lời phán bảo: muốn chuông chùa kêu, phải tìm cho kỳ được đồng tiền bị mất đó, đem lấp vào chỗ khuyết ấy. Nhưng theo đồn thổi, đồng năm chinh ấy bị lẫn xuống ao. Thế là năm này tháng nọ, cả tổng, cả làng cố công tát vét, lọc từng giọt bùn, moi từng ly đất, tìm đồng chinh ấy, nhưng tịnh

chẳng thấy. Lại nghe đầu kẻ, chuông vừa khỏi khuôn, nhìn thấy chỗ khuyết, vị chức dịch nọ bất đắc ngã ra, tức thì kỳ tử, như sợ lời ra cái tội của mình. Và, chuông câm... đến tận bây giờ.

Thế mới hay, lịch sử xưa nay, việc bại thành của đất nước đâu chỉ của một người hay một nhóm người nào đó, cho dù họ có là những ông thánh, ông thần. "Quốc gia hữu sự, thất phu hữu trách". "Núi chề đất thấp, núi ngồi ở đâu". "Của bụt mất một đèn mười"... Và, một khi dựng được "chúng chí thành thành", thì không việc gì (dù to tát đến mấy), ông cha chúng ta không làm cho kỳ được. Trong công cuộc đại đoàn kết toàn dân dựng xây Tổ quốc hiện nay, bất kể là ai, người góp của, người dâng công, dù chỉ một ly một giọt, nếu ai chề bai, từ chối, kẻ đó đắc tội. Nhất là kẻ nào biến thủ hay làm hoang phí của dân, sức dân, dù chỉ nửa ly, nửa giọt, đích là trọng tội, và phải trừng phạt thật nghiêm. Nếu không như thế, chắc mất lòng dân, hấn tan đại cuộc, làm hỏng xã tắc, tổn hại nhân tâm. Và, một khi đánh mất lòng dân, tất chẳng giữ được gì và cũng chẳng gì giữ được.

Chuyện cũ nay xin chép lại! Với lòng cung kính, lạy góp lời bàn, rằng mưu nghiệp lớn, công to, việc nhỏ, nhất định không quên cân trọng, dù cho mỏng manh, cũ rích chỉ là... một chữ TÂM vạn đại mà thôi. □



CÔNG TÁC PHÁT HÀNH - BẠN ĐỌC TẠP CHÍ CỘNG SẢN CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ PHÍA BẮC TRUNG BỘ VÀ ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ

Tiếp theo Hội nghị Phát hành - Bạn đọc toàn quốc (Hải Phòng, tháng 10-2002) và các khu vực: duyên hải miền Trung và Tây Nguyên (Bình Định, tháng 4-2004); trung du và miền núi phía Bắc (Lào Cai, tháng 6-2004); các tỉnh phía Nam (Cần Thơ, tháng 3-2005), ngày 24-9-2005, Bộ Biên tập Tạp chí Cộng sản phối hợp với Tỉnh ủy tỉnh Hà Tĩnh, Tổng công Ty Bưu chính - Viễn thông tổ chức Hội nghị Phát hành - Bạn đọc Tạp chí Cộng sản các tỉnh, thành phố phía Bắc Trung Bộ và đồng bằng Bắc Bộ.

Tham dự Hội nghị có đại diện các Ban Đảng, đại diện lãnh đạo Tỉnh ủy, Ban Tuyên giáo, Sở bưu điện 12 tỉnh, thành khu vực đồng bằng Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ, Bộ Tư lệnh Quân khu IV và của cộng tác viên, bạn đọc của Tạp chí. Đoàn Tạp chí Cộng sản do GS, TS Lê Hữu Nghĩa, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng Lý luận Trung ương, Tổng Biên tập dẫn đầu cùng đông đảo phóng viên, biên tập viên.

Hội nghị Phát hành - Bạn đọc lần này nhằm tiếp tục củng cố và thắt chặt hơn mối quan hệ giữa Tạp chí với cấp ủy các địa phương và bạn đọc các tỉnh, thành phố khu vực Bắc Trung Bộ và đồng bằng Bắc Bộ; đưa đường lối, chủ trương của Đảng vào cuộc sống; góp phần đẩy mạnh nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn;

xây dựng đội ngũ cộng tác viên, thông tin viên tại khu vực; nâng cao chất lượng Tạp chí, tăng số lượng phát hành và tăng hiệu quả sử dụng Tạp chí.

Các đại biểu đều khẳng định vai trò của Tạp chí Cộng sản và việc mua, đọc báo, tạp chí của Đảng nói chung, Tạp chí Cộng sản nói riêng rất cần thiết đối với việc nâng cao nhận thức chính trị, nắm bắt đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Bài phát biểu chào mừng Hội nghị của TS Trần Đình Đán, Bí thư Tỉnh ủy Hà Tĩnh cho biết: "Đảng bộ và nhân dân Hà Tĩnh luôn nhận thức rõ tầm quan trọng của công tác tư tưởng, lý luận và vai trò, vị trí của báo chí nói chung, của Tạp chí Cộng sản nói riêng đối với sự nghiệp xây dựng, phát triển của tỉnh. Trong những năm qua, các cấp ủy, chính quyền, ban, ngành, đoàn thể từ tỉnh đến cơ sở đã triển khai thực hiện nghiêm túc **Chỉ thị 11-CT/TW** của Bộ Chính trị (khóa VII) về *mua và đọc báo, Tạp chí của Đảng*, **Chỉ thị 60-CT/TW** của Bộ Chính trị (khóa VIII) về *công tác của Tạp chí Cộng sản trong tình hình mới*. Ngày 8-1-2003, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hà Tĩnh đã ban hành Chỉ thị số 24-CT/TU về tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo đối với việc mua, đọc và làm theo báo, tạp chí của Đảng nhằm tiếp tục nâng cao hiệu quả triển khai thực hiện các chỉ thị của

Trung ương. Nhờ đó công tác báo chí, xuất bản trên địa bàn Hà Tĩnh đạt kết quả tốt..."

Đồng chí *Nguyễn Văn Hùng*, Phó vụ trưởng Vụ Báo chí, Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương cho rằng: Tạp chí Cộng sản là tạp chí lý luận, chính trị hàng đầu của Đảng. Hầu hết cán bộ lãnh đạo đảng viên trong quá trình hoạt động và chỉ đạo thực tiễn đều cần và đều dựa vào tri thức, thông tin, kết quả nghiên cứu lý luận được đăng tải trên Tạp chí.

Tạp chí giúp cho các địa phương, bộ, ban, ngành nhận thức đúng, đầy đủ đường lối chính sách, quan điểm của Đảng và Nhà nước với định hướng chính trị đúng đắn. Bài viết đăng ở Tạp chí đều có chất lượng tốt với hàm lượng thông tin cao và những gợi ý hết sức quan trọng trong công tác tư tưởng và chỉ đạo thực tiễn.

Đồng chí *Nguyễn Chí Mỹ*, Ủy viên Thường vụ, Trưởng Ban Tuyên giáo Thành ủy Hà Nội cho biết: Đội ngũ cán bộ, đảng viên các cấp ở thành phố luôn quan tâm tới những bài đăng trên Tạp chí Cộng sản. Lãnh đạo thành phố hết sức coi trọng việc phát hành báo, tạp chí của Đảng nói chung, Tạp chí Cộng sản nói riêng. Ban Tuyên giáo Thành ủy đã có sự chỉ đạo và phối hợp thường xuyên với bưu điện, Ban Tuyên giáo các quận, huyện để nắm cụ thể số lượng phát hành và phát huy hiệu quả của Tạp chí Cộng sản ở cơ sở. Do đó, thời gian gần đây theo ngành bưu điện cho biết, số lượng Tạp chí phát hành ở Hà Nội đã tăng lên. Đồng chí đề nghị: Tạp chí cần nâng cao sức thu hút của mình bằng cách tăng bài về những vấn đề "cốt lõi" hiện nay. Chẳng hạn như những nội dung trong Dự thảo Báo cáo Chính trị trình Đại hội X, những đóng góp lý luận của Đảng ta trong gần 20 năm tiến hành đổi mới đất nước vừa qua, cũng như vấn đề đấu tranh với những tư tưởng, quan điểm sai trái, những luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch đối với Đảng ta, dân tộc ta...

Phó trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Ninh Bình, đồng chí *Phạm Thị Thủy*, nêu ý kiến: "Những bài viết của Tạp chí Cộng sản giúp cho bạn đọc nhanh chóng nắm bắt được các thông tin trong nước và thế giới, sớm biết được tình hình triển khai, thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Đảng".

Đối với việc hỗ trợ giảng dạy lý luận, đồng chí còn cho biết: "Tạp chí là diễn đàn để các nhà lý luận đưa nội dung các chỉ thị, nghị quyết, những thông tin mới đến cho mọi người nhanh nhất. Tạp chí Cộng sản giúp cho giảng viên lý luận chính trị có thêm tư liệu trong việc giảng dạy lý luận chính trị tại các trường, nhất là các trường chính trị tỉnh và các trung tâm bồi dưỡng chính trị các huyện, thị ủy, góp phần vào việc giáo dục chính trị tư tưởng, bồi dưỡng lý luận cho cán bộ, đảng viên ở cơ sở..."

Có thể khẳng định Tạp chí Cộng sản đã phản ánh được toàn diện các vấn đề về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, an ninh - quốc phòng, tình hình trong nước và thế giới; là tài liệu không thể thiếu, giúp cho bạn đọc Ninh Bình nắm được những thông tin mới, những khái niệm, quan điểm chính thống để tuyên truyền, quán triệt đường lối đúng đắn của Đảng.

Tạp chí đem lại cho bạn đọc những thông tin mới, quan điểm chủ trương mới mà các sách, giáo trình chưa kịp biên soạn. Tạp chí làm sáng tỏ thêm chủ trương, đường lối, chỉ thị, nghị quyết của Đảng, giúp cho bạn đọc hiểu sâu và thực hiện tốt hơn chủ trương, đường lối của Đảng".

Đồng chí *Nguyễn Văn Học*, Phó tư lệnh Quân khu IV cho biết: "Các đơn vị của Quân khu IV từ cấp đại đội (chi bộ) và tương đương đều đặt Tạp chí Cộng sản. Đây là một trong những kênh thông tin được phát huy rất tích cực trong các đơn vị lực lượng vũ trang Quân khu. Tạp chí Cộng sản đã trở thành tài liệu học tập đối với cán bộ, chiến sỹ. Nhiều bài viết của

Tạp chí Cộng sản đã cung cấp kịp thời những nội dung, bài học và biện pháp trong công tác xây dựng Đảng; những yêu cầu, nhiệm vụ trong phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng - an ninh, góp phần tăng thêm niềm tin vững chắc đối với cán bộ, chiến sỹ lực lượng vũ trang".

Nhận thức được vị trí, vai trò báo, tạp chí của Đảng nói chung, Tạp chí Cộng sản nói riêng, các Tỉnh ủy đã có văn bản chỉ đạo và hướng dẫn cụ thể, đồng thời phối hợp tốt với các Ban Tuyên giáo và Bưu điện, thực hiện tốt Chỉ thị 11 và Chỉ thị 60 của Bộ Chính trị nhằm đẩy mạnh công tác phát hành và sử dụng báo, tạp chí của Đảng, trong đó có Tạp chí Cộng sản. *Báo cáo của Tỉnh ủy Thái Bình* cho biết: "Thực hiện chỉ thị của Trung ương và Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy phối hợp với Văn phòng Tỉnh ủy, Bưu điện tỉnh có văn bản hướng dẫn các tổ chức cơ sở đảng trong việc mua và đọc báo, tạp chí của Đảng (cả của trung ương và địa phương). Năm 2002, Ban Tuyên giáo và báo Thái Bình, Bưu điện tỉnh tổ chức khảo sát, đánh giá việc thực hiện Chỉ thị 11, Chỉ thị 60 của Bộ Chính trị về việc mua và đọc báo, tạp chí của Đảng.

Sau cuộc khảo sát, kiểm tra, Ban Tuyên giáo đã có báo cáo đánh giá kết quả thực hiện gửi tới thường trực cấp ủy các huyện, thành phố và các đảng ủy trực thuộc trong toàn tỉnh. Đến nay, tình hình mua và đọc báo, tạp chí của Đảng ở Thái Bình đã có nhiều chuyển biến tích cực. Số lượng báo và tạp chí của Đảng trong tháng 9-2005 tăng lên rõ rệt, đó là vì nhu cầu thông tin của bạn đọc tăng và có sự hỗ trợ kinh phí theo Quyết định 84, ngày 1-10-2003, của Ban Bí thư ..."

Theo *Báo cáo Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Thanh Hóa*, "để chuẩn bị cho tổng kết 10 năm triển khai thực hiện Chỉ thị 11 của Bộ Chính trị (khóa VII), tiếp tục đẩy mạnh việc mua và đọc báo, tạp chí của Đảng trong những

năm tới, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy có kế hoạch sơ kết 3 năm triển khai Kết luận 04 của Tỉnh ủy và Hướng dẫn 01 liên ngành. Trong tháng 8 và tháng 9-2005, tỉnh đã tiến hành khảo sát, đánh giá việc tổ chức mua và đọc báo, tạp chí của Đảng ở một số đảng bộ, chi bộ cơ sở. Kết quả cho thấy, một số đảng bộ cơ sở, nhất là đảng bộ thuộc khối xã, doanh nghiệp, tổ chức xã hội nghề nghiệp chưa đặt mua, hoặc mua chưa đủ và thường xuyên Tạp chí Cộng sản".

Việc triển khai thực hiện Chỉ thị 11 và Chỉ thị 60 của Bộ Chính trị ở các tỉnh được thực hiện tương đối đồng đều. Theo *Báo cáo của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Ninh Bình* thì "hàng năm, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy có công văn yêu cầu các đơn vị thống kê việc mua các loại báo, tạp chí của Đảng. Trong đó chú trọng báo Nhân Dân, báo Ninh Bình, Tạp chí Cộng sản và một số tạp chí nghiên cứu lý luận. Từ khi có Chỉ thị đến nay, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy đã 2 lần sơ kết Chỉ thị 11-CT/TW về việc mua và đọc báo, tạp chí của Đảng.

Trong chỉ đạo hoạt động chuyên môn của các trung tâm bồi dưỡng chính trị các huyện, thị ủy, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy yêu cầu mỗi năm Trung tâm bồi dưỡng chính trị các huyện, thị ủy phải dành từ 3 đến 5 triệu mua tạp chí, tài liệu tham khảo, trong đó phải có Tạp chí Cộng sản. Mỗi thư viện của Trung tâm bồi dưỡng chính trị phải có từ 2 đến 3 cuốn Tạp chí mỗi kỳ để làm tài liệu nghiên cứu cho học viên. Đối với trường chính trị tỉnh, Tạp chí Cộng sản được lưu giữ lâu dài trong thư viện, phục vụ đông đảo cán bộ, học viên".

Ở nhiều địa phương, ngành bưu điện phối hợp chặt chẽ với Ban Tuyên giáo làm tốt công tác mua và đọc báo, tạp chí của Đảng. Ví dụ Bưu điện Hải Phòng hằng tháng theo dõi và đều có báo cáo về số lượng, đối tượng mua báo, tạp chí Đảng; đồng thời đổi mới phương thức phục vụ nhằm bảo đảm đến tay người đọc sớm nhất, thường xuyên, kịp thời. Bưu điện thành phố còn đưa ra cơ chế khuyến khích

tỷ lệ 10% hoa hồng cho các chi, đảng bộ đặt mua Tạp chí Cộng sản để tăng số lượng tại cơ sở.

Chia sẻ với những khó khăn của Tạp chí Cộng sản, đồng chí *Chu Văn Đạt*, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy Nam Định cho rằng: Khó khăn hiện nay đối với Tạp chí là sự chênh lệch về trình độ của độc giả. Tạp chí Cộng sản là cơ quan lý luận và chính trị của Ban Chấp hành Trung ương nên có đối tượng cụ thể và độc giả phải có trình độ lý luận nhất định. Không thể có hai Tạp chí Cộng sản, một dành cho các nhà lý luận có trình độ cao, một để đáp ứng nhu cầu của cán bộ, đảng viên cơ sở ở vùng sâu, vùng xa. Điều này có ảnh hưởng đến số lượng phát hành của Tạp chí và cũng là thách thức đối với Bộ Biên tập.

Báo cáo của Tổng công ty Bưu chính Viễn thông cho biết, bên cạnh những thuận lợi, công tác phát hành Tạp chí Cộng sản còn gặp một số khó khăn như: sản lượng còn thấp so với mục tiêu, nhiệm vụ và chưa tương xứng với vị trí, vai trò của Tạp chí. Sản lượng phát hành Tạp chí Cộng sản toàn quốc và tại 12 tỉnh thành phố phía Bắc Trung Bộ và đồng bằng Bắc Bộ chưa ổn định và có dấu hiệu giảm trong thời gian gần đây.

Những hạn chế trên có nhiều nguyên nhân, trong đó có nhận thức của các cấp ủy và cán bộ, đảng viên về việc đọc báo, tạp chí của Đảng chưa cao, nhiều cán bộ, đảng viên còn ngại đọc, ngại nghiên cứu. Có nơi do nhận thức không đầy đủ Chỉ thị 11 và Quyết định 84 nên sử dụng kinh phí không đúng mục đích hoặc lấy lý do ở cơ sở kinh phí gặp khó khăn, không đủ để mua báo, tạp chí của Đảng.

Tham luận của *Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Thanh Hóa* cho rằng, "nguyên nhân chính của việc thực hiện chưa nghiêm về mua và đọc báo, tạp chí của Đảng là do nhận thức của các cấp ủy về vấn đề này chưa đầy đủ; thêm vào đó, nhu cầu, thói quen nghiên cứu học tập qua

sách, báo để nâng cao trình độ lý luận chính trị của cán bộ, đảng viên hiện nay chưa cao...

Về phía Tạp chí, trong những năm qua, đã có nhiều đổi mới nhưng chưa có nhiều bài tổng kết lý luận thật sâu sắc, những bài học về kinh nghiệm thực tiễn còn mang tính chung chung, chưa thật sự nổi bật, để cơ sở lấy đó làm mô hình thực hiện".

Tham luận của *Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Hải Phòng* nêu ý kiến: "cùng với việc khái quát hóa thực tiễn để rút ra những vấn đề lý luận, Tạp chí Cộng sản cần tăng cường hơn nữa bài viết về những việc, những vấn đề liên quan ở các địa phương cụ thể để minh họa cho việc khái quát lý luận, tạo thuận lợi cho việc nhận thức của đại đa số cán bộ lãnh đạo và đảng viên hiện nay".

Đồng chí *Phạm Minh Doan*, Phó Bí thư Tỉnh ủy Thanh Hóa nêu những đề xuất cụ thể: "Chuyên mục *Thực tiễn - Kinh nghiệm* đăng nhiều bài viết về cơ sở hơn, nên sử dụng đội ngũ cộng tác viên ở cơ sở viết bài cho Tạp chí. Mục *Thế giới: Vấn đề - sự kiện* nên thường xuyên có những bài tổng quan tình hình thế giới nhằm giúp cán bộ, đảng viên ở cơ sở nắm một cách có hệ thống tình hình và định hướng thông tin, định hướng tư tưởng".

Để thực hiện tốt việc đọc, phát hành báo, tạp chí của Đảng, đồng chí *Nguyễn Văn Hùng*, đưa ra ý tưởng về mối quan hệ giữa "3 nhà": Nhà xuất bản, tuyên giáo và phát hành. "Ba nhà" đó thường xuyên phải có sự phối hợp chặt chẽ với nhau, ở các cấp và trong cả nước.

Về những biện pháp, hình thức hoạt động hấp dẫn, thu hút người đọc, trong tham luận của đồng chí *Phạm Minh Doan* còn nêu ý kiến: "Để khuyến khích, thu hút bạn đọc, hằng năm Tạp chí nên phối hợp với một số cơ quan, đơn vị địa phương tổ chức những cuộc thi với những chủ đề, nội dung đã tuyên truyền trên Tạp chí. Ví dụ: trong năm, nội dung

Tạp chí đề cập đến vấn đề nào đậm nét nhất? vì sao?...

Đại biểu Bưu điện Hưng Yên đề nghị: "cần có cơ chế khen thưởng kịp thời đối với các cơ sở đảng làm tốt công tác mua và đọc báo, tạp chí của Đảng. Điểm bưu điện văn hóa xã là kênh thông tin quan trọng, góp phần đưa tiếng nói của Đảng, Nhà nước tới quần chúng, nhân dân ở tận cơ sở. Nếu có thể được, đề nghị Bộ Biên tập cấp cho mỗi điểm bưu điện văn hóa xã 1 cuốn Tạp chí Cộng sản".

Để tăng cường việc đọc và học tập theo báo, tạp chí của Đảng, nhiều đại biểu cho rằng nên đưa việc mua, đọc báo, tạp chí của Đảng thành tiêu chuẩn thi đua hằng năm đối với các cấp ủy.

Về công tác phát hành báo, tạp chí của Đảng nói chung, Tạp chí Cộng sản nói riêng, đồng chí **Nguyễn Thị Hồng Vinh**, Tổng công ty Bưu chính - Viễn thông đề nghị: "Bên cạnh việc phát hành Tạp chí Cộng sản thông qua tổ chức đặt mua báo chí dài hạn, Bộ Biên tập cần quan tâm hơn nữa đến công tác bán lẻ. Hiện nay việc tổ chức bán lẻ Tạp chí Cộng sản gặp nhiều khó khăn vì đối tượng bạn đọc mua lẻ Tạp chí không rộng và không ổn định. Cần nghiên cứu để hỗ trợ cho hoạt động bán lẻ và giải quyết số tạp chí không bán hết, qua đó mới có thể nâng cao được sản lượng phát hành Tạp chí".

Về cước phí phát hành, đồng chí cho rằng: Cước phí phát hành tính theo tỷ lệ phần trăm giá báo, tạp chí áp dụng chung cho mọi khu vực (quy định từ những năm 60 của thế kỷ XX không còn phù hợp), nên các đối tượng phát hành khác chỉ tham gia phát hành tại các thành phố, thị xã hoặc những nơi giao thông thuận tiện, còn ở vùng sâu, vùng xa chi phí phát hành tốn kém và không có bất kỳ ưu đãi nào thì Tổng công ty phải cân đáng. Bởi vậy, cần có các khung cước phí phát hành khác nhau cho các khu vực khác nhau, để công tác phát

hành báo, tạp chí của Đảng tới vùng sâu, vùng xa được thuận lợi hơn".

Một số đại biểu đề nghị phải "kiểm tra thường xuyên việc sử dụng kinh phí của Đảng theo Quyết định 84 đối với các cấp ủy cơ sở. Trung ương hỗ trợ kinh phí để trợ giá cho các đảng bộ, chi bộ cơ sở nhất là vùng sâu, vùng xa. Ý kiến của đại biểu Tỉnh ủy Thái Bình đề xuất: "Văn phòng cấp ủy tỉnh tổ chức đặt mua báo, tạp chí để cấp cho cơ sở đảng trong toàn tỉnh, sau đó trừ vào kinh phí được cấp theo Quyết định 84".

Phát biểu tổng kết Hội nghị, thay mặt Bộ biên tập Tạp chí Cộng sản, đồng chí **Lê Hữu Nghĩa**, cảm ơn những đóng góp của các đại biểu dự Hội nghị cũng như sự phối hợp, giúp đỡ của các cấp ủy, chính quyền, ban, ngành cùng đông đảo đội ngũ cộng tác viên, bạn đọc đối với Tạp chí và khẳng định: những ý kiến đóng góp của Hội nghị lần này, cũng như những hội nghị trước đó sẽ được Ban Biên tập nghiên cứu một cách đầy đủ, nghiêm túc để Tạp chí ngày càng thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của mình, góp phần làm rõ những vấn đề lý luận do thực tiễn của đất nước đặt ra trong thời kỳ mới, đồng thời tiếp tục cải tiến hình thức, nâng cao chất lượng, đáp ứng yêu cầu của bạn đọc. Đồng chí cũng mong nhận được sự cộng tác chặt chẽ, thường xuyên hơn nữa của chuyên gia các ngành, các đồng chí lãnh đạo các cấp, trước hết là các đồng chí ủy viên thường vụ, các đồng chí làm công tác tuyên giáo các cấp trong việc tuyên truyền, phản ánh các gương điển hình, tiên tiến của địa phương trên Tạp chí và đưa nội dung của Tạp chí đến với đông đảo cán bộ, đảng viên.

Cũng trong dịp này, Bộ Biên tập Tạp chí Cộng sản đã trao bằng khen cho Ban Tuyên giáo các Tỉnh ủy: Hà Tây, Thanh Hóa, Nghệ An và Hà Tĩnh. □

HOÀNG YẾN

(Thực hiện)



TOÀN CẦU HÓA VỚI CHỦ NGHĨA QUỐC TẾ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN

VŨ VĂN HÒA *

1 - Chủ nghĩa quốc tế vô sản là sự thống nhất hành động của giai cấp công nhân với đông đảo các giai cấp, các tầng lớp nhân dân lao động trên thế giới trong cuộc đấu tranh chung chống giai cấp tư sản, chủ nghĩa đế quốc, bảo vệ hòa bình, dân chủ, vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Tình đoàn kết quốc tế của giai cấp công nhân và quần chúng nhân dân lao động thế giới được thể hiện trong thực tiễn đấu tranh nhằm giải quyết các nhiệm vụ trước mắt cũng như những nhiệm vụ lâu dài vì sự thắng lợi của chủ nghĩa xã hội - chủ nghĩa cộng sản; trong sự thống nhất tư tưởng - lấy chủ nghĩa Mác - Lênin làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động thực tiễn; trong quan niệm đúng đắn về mối quan hệ biện chứng giữa lợi ích dân tộc và lợi ích giai cấp; trong sự thống nhất lợi ích cơ bản của giai cấp công nhân ở tất cả các quốc gia, các châu lục, các khu vực khác nhau trên thế giới. Trên phương diện đạo đức, tình đoàn kết quốc tế vô sản được thể hiện ở hệ chuẩn mực, hệ quy tắc thực sự nhân đạo chi phối quan hệ giữa những người lao động thuộc mọi cộng đồng dân tộc, tôn giáo trên hành tinh. Chính điểm chung về lợi ích cơ bản của giai cấp công nhân là yếu tố khách quan gắn kết, thống nhất giai cấp công nhân thuộc các dân tộc khác nhau. Đây là cơ sở quan trọng nhất bảo đảm cho tình đoàn kết quốc tế của giai cấp công nhân thế giới.

Chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân được thể hiện một cách cô đọng ở khẩu hiệu nổi tiếng, do C. Mác và Ph. Ăng-ghe-nê nêu ra trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*: "Vô sản tất cả các nước đoàn kết lại!". Các ông cũng chỉ rõ điểm khác biệt giữa các đảng cộng sản và các tổ chức chính trị - xã hội khác của giai cấp công nhân là ở chỗ: trong cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản thuộc các dân tộc khác nhau, những người cộng sản xác định và bảo vệ lợi ích chung của toàn bộ giai cấp vô sản thế giới, không phụ thuộc vào đặc thù dân tộc. Lợi ích cơ bản của giai cấp công nhân gắn liền với sứ mệnh lịch sử của nó là giải phóng mình và các tầng lớp nhân dân lao động khỏi mọi hình thức bóc lột tư bản chủ nghĩa, mọi sự áp bức chính trị thông qua việc thực hiện quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội; phù hợp với tiến trình phát triển khách quan của xã hội loài người, thống nhất với nhu cầu, nguyện vọng, lợi ích căn bản của tất cả các tầng lớp nhân dân lao động khác trên toàn thế giới. Với tư cách lực lượng tiên phong không chỉ trong nước, mà còn trên trường quốc tế, giai cấp công nhân là đồng minh chiến lược triệt để, đáng tin cậy nhất của các dân tộc

* ThS, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

thuộc địa và nửa thuộc địa, của tất cả những ai đấu tranh chống lại ách áp bức, đô hộ của chủ nghĩa thực dân, của các thế lực đế quốc hiếu chiến. Do vậy, tình đoàn kết, sự ủng hộ, hỗ trợ của giai cấp công nhân thế giới đối với các dân tộc thuộc địa là nhu cầu, trách nhiệm tất yếu của giai cấp công nhân. Tình đoàn kết, sự gắn bó hữu cơ giữa giai cấp công nhân và các dân tộc thuộc địa trên thế giới được thể hiện sâu sắc, đầy đủ trong khẩu hiệu mà V. I. Lê-nin đưa ra: "Vô sản tất cả các nước và các dân tộc bị áp bức đoàn kết lại!".

Sự phát triển của chủ nghĩa quốc tế vô sản gắn liền với các sự kiện lịch sử vĩ đại, như thắng lợi của Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười Nga, sự ra đời và phát triển của hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới ở nửa sau thế kỷ XX, sự phá sản của hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân cũ và mới.

Một hình thái phát triển điển hình của chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân nửa sau thế kỷ XX là chủ nghĩa quốc tế xã hội chủ nghĩa. Nó thể hiện bản chất mối quan hệ hữu nghị đoàn kết, tương trợ lẫn nhau giữa các quốc gia xã hội chủ nghĩa; được bảo đảm bởi sự tương đồng về kinh tế, chính trị, tư tưởng, văn hóa giữa các nước trong hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới, bởi nhu cầu, nhiệm vụ bảo vệ thành quả cách mạng và sự nghiệp xây dựng chế độ xã hội mới ở tất cả các quốc gia xã hội chủ nghĩa; thể hiện trong quan hệ hữu nghị, ủng hộ lẫn nhau giữa các đảng cộng sản, công nhân cầm quyền và nhân dân lao động ở các nước xã hội chủ nghĩa với các đảng cộng sản, công nhân và nhân dân lao động, bị áp bức, bóc lột ở các nước tư bản chủ nghĩa.

2 - Toàn cầu hóa với tư cách một xu thế vận động tất yếu, khách quan trong tiến trình phát triển của lịch sử nhân loại mang nội dung cốt lõi là sự gia tăng mạnh mẽ tính tùy thuộc lẫn nhau giữa các quốc gia dân tộc, giữa các khu vực, châu lục, giữa các cộng đồng cư dân thế giới trên tất cả mọi lĩnh vực đời sống xã hội,

trước hết là trên lĩnh vực kinh tế, thương mại. Xu thế vận động khách quan trên đây đang bị các nước tư bản phát triển, các thế lực tư bản độc quyền toàn cầu chi phối nhằm phục vụ nhu cầu, lợi ích của họ, ít hoặc không quan tâm tới, thậm chí đi ngược lại lợi ích, nhu cầu của người lao động. Tiến trình toàn cầu hóa, như nó đang diễn ra trong thực tế hiện nay, cũng tác động mạnh đến mọi tầng lớp nhân dân lao động trên thế giới, trong đó có giai cấp công nhân tại các quốc gia tư bản phát triển. Tác động của nó đối với chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân vừa có mặt tích cực, vừa có mặt tiêu cực. Nó vừa tạo cơ hội, vừa đặt ra thách thức không nhỏ đối với mọi hoạt động chung, mọi nỗ lực thống nhất quan điểm, phối hợp hành động của giai cấp công nhân, của các đảng cộng sản và các tầng lớp nhân dân lao động trên thế giới.

Về tác động tích cực của toàn cầu hóa đối với chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân:

Thứ nhất, toàn cầu hóa tạo điều kiện thuận lợi để giai cấp công nhân, các tầng lớp nhân dân lao động ở mọi quốc gia, mọi khu vực, mọi châu lục nhận biết nhanh chóng, đầy đủ, sát thực hơn về nhau. Sự phát triển mạnh mẽ và xu thế rút ngắn khoảng cách giữa phát minh, sáng chế với việc ứng dụng chúng vào thực tiễn hoạt động sản xuất, hoạt động sống của xã hội loài người, mà biểu hiện điển hình là sự phát triển, lan tỏa nhanh chóng của công nghệ thông tin, viễn thông đã tạo cơ hội, làm đa dạng hóa các hình thức, kênh trao đổi thông tin giữa các quốc gia, giữa các cộng đồng dân cư. Nhờ vậy, giờ đây mọi sự kiện xảy ra ở bất cứ nơi nào trên thế giới đều nhanh chóng được truyền đi khắp toàn cầu. Điều này cho phép mọi người dân, mọi tầng lớp xã hội, mọi cộng đồng người ở bất cứ nơi nào trên thế giới có cơ hội theo dõi, nhanh chóng nắm bắt, hiểu được cuộc sống, hoạt động của các cộng đồng khác. Điều này có tác dụng tăng cường sự hiểu biết, cảm thông, chia sẻ, ủng hộ giữa những

người lao động ở các quốc gia, khu vực khác nhau. Bằng chứng rõ nhất là các phong trào, chiến dịch quyên góp, ủng hộ nạn nhân các vụ thiên tai ở hàng loạt quốc gia, khu vực những năm vừa qua. Nhờ có chương trình truyền hình trực tiếp, liên tục về các vụ thiên tai, về nạn nhân của chúng, người dân ở các quốc gia, khu vực khác nhau, dù sống xa nơi xảy ra thảm họa hàng chục ngàn cây số, vẫn có thể theo dõi một cách sát sao, vẫn cảm nhận một cách trực tiếp mức độ khủng khiếp, những gian truân, nhọc nhằn, những khó khăn hiểm nguy mà cộng đồng dân cư nơi xảy ra thảm họa phải chịu đựng, từ đó họ cảm thông, chia sẻ, hành động thiết thực để ủng hộ, giúp đỡ những nạn nhân của thiên tai.

Thứ hai, toàn cầu hóa giúp cho giai cấp công nhân, các tầng lớp nhân dân lao động ở những nước khác nhau ý thức đầy đủ, sâu sắc hơn về điểm chung trong lợi ích cơ bản của giai cấp, tầng lớp mình, từ đó tăng cường đoàn kết, cùng nhau hành động, đấu tranh để bảo vệ lợi ích chung đó. Tăng cường trao đổi thông tin, giao lưu, gặp gỡ tạo cơ hội để giai cấp công nhân, nhân dân lao động ở các nước, trước hết ở những quốc gia, nơi nhà nước không phải là đại diện cho lợi ích của người lao động, nhận thức đầy đủ hơn về những điểm tương đồng trong nhu cầu, lợi ích của mình: đều là những lực lượng lao động làm thuê, trực tiếp tạo ra của cải vật chất chủ yếu của xã hội, bị bóc lột, nguồn sống chính là do bán sức lao động, trực tiếp phải gánh chịu mọi hậu quả, tác động tiêu cực do những biến động kinh tế, chính trị, xã hội, sinh thái gây ra. Những điểm chung trong lợi ích cơ bản của giai cấp công nhân, các tầng lớp nhân dân lao động thế giới đã được trình bày một cách cô đọng, khúc triết trong học thuyết Mác - Lê-nin về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, về sự cần thiết, tính tất yếu của liên minh giai cấp trong cuộc đấu tranh giai cấp của giai cấp công nhân thế giới. Tuy nhiên, trước đây, người công nhân, người

lao động ở các nước khác nhau mới chỉ hiểu, ý thức về điểm chung đó trên phương diện lý thuyết. Giờ đây, nhờ sự phát triển của toàn cầu hóa, nhờ tăng cường giao lưu, trao đổi, tiếp xúc... họ đã tiến tới mức cảm nhận, trải nghiệm cái chung đó trong hoạt động thực tiễn. Đây là bước chuyển rất quan trọng về chất của phong trào công nhân thế giới.

Thứ ba, toàn cầu hóa tạo cơ hội cho người lao động - công dân của các nước khác nhau trực tiếp cùng nhau làm việc trong một dây chuyền, xí nghiệp sản xuất nhất định. Một trong những biểu hiện nổi bật của toàn cầu hóa là sự gia tăng luân chuyển các nguồn nhân lực giữa các quốc gia, khu vực. Điều này đồng nghĩa với việc, người lao động có cơ hội lớn hơn trong lựa chọn nơi, địa điểm làm việc. Về lý thuyết, giờ đây người lao động có thể đến làm việc ở bất cứ nơi đâu, cho bất cứ công ty, xí nghiệp nào trên thế giới. Và thực tế cho thấy, không ít công ty, xí nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh thu hút lao động từ rất nhiều quốc gia, khu vực khác nhau. Thực tế này giúp cho công nhân, người lao động mang quốc tịch khác nhau, với những giá trị văn hóa, tín ngưỡng khác nhau không chỉ nhận thức sâu sắc hơn, mà còn trải nghiệm cái chung về lợi ích, cái chung về địa vị xã hội của giai cấp mình, từ đó họ đoàn kết chặt chẽ hơn, hành động nhất quán hơn trong cuộc đấu tranh bảo vệ lợi ích chung, vì mục tiêu chiến lược chung.

Bên cạnh những cơ hội mà toàn cầu hóa có thể tạo ra cho quá trình củng cố, tăng cường tình đoàn kết quốc tế của giai cấp công nhân, thì nó cũng đặt ra không ít thách thức đối với quá trình này.

Thứ nhất, toàn cầu hóa phát triển mạnh mẽ trong bối cảnh hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới bị lâm vào khủng hoảng nghiêm trọng, đổ vỡ. Biến cố lịch sử này làm cho phong trào cộng sản, công nhân quốc tế nói riêng, phong trào cách mạng thế giới nói chung lâm vào thời kỳ thoái trào. Không ít các lý luận gia có

gắng biện luận cho cái gọi là "sự tất yếu diệt vong" của phong trào cộng sản, công nhân quốc tế, về "sự lỗi thời" của chủ nghĩa quốc tế vô sản của giai cấp công nhân. Trong bối cảnh các quốc gia tập trung phát triển kinh tế, coi lợi ích kinh tế của quốc gia mình là ưu tiên số một trong quan hệ với thế giới bên ngoài, khi mà chính phủ ở phần lớn các nước chủ trương và tiến hành thực hiện đường lối đối ngoại đa dạng hóa, đa phương hóa trên nguyên tắc cùng có lợi, khi mà các nước có chế độ chính trị - xã hội khác nhau, thậm chí đối lập nhau, tích cực triển khai chính sách cùng tồn tại hòa bình, thì tình đoàn kết quốc tế truyền thống của giai cấp công nhân quả thực phải đối mặt với không ít thử thách, cam go. Sự suy giảm mối quan hệ giữa các nước xã hội chủ nghĩa, sự trầm lắng, lúng túng của phong trào cách mạng thế giới cuối những năm 80, đầu những năm 90 thế kỷ XX là dấu hiệu rõ rệt nhất về những thách thức, khó khăn mà chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân thế giới gặp phải.

Thứ hai, thực tế vận động, phát triển của toàn cầu hóa những thập niên vừa qua cho thấy, các nước tư bản phát triển, các công ty tư bản độc quyền xuyên quốc gia, do nắm trong tay những ưu thế về khoa học - công nghệ, về vốn, về kinh nghiệm, kỹ năng quản lý điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh trong cơ chế thị trường hiện đại, đang là những chủ thể nắm quyền chủ động đối với toàn cầu hóa. Họ ra sức lợi dụng toàn cầu hóa nhằm phục vụ cho lợi ích, tham vọng ích kỷ của mình, coi nhẹ, thậm chí phớt lờ lợi ích của các lực lượng xã hội khác, bỏ qua quyền lợi của các quốc gia dân tộc nghèo, kém phát triển. Để thực hiện mục tiêu này, họ sẵn sàng thỏa hiệp, tạm thời gác lại những bất đồng, mâu thuẫn nội bộ, hợp sức, cố kết với nhau trên quy mô khu vực và toàn cầu. Trong khi đó, vì những nguyên nhân chủ quan và khách quan, bản thân các nước nghèo đang và kém phát triển, bản thân các lực

lượng cộng sản, công nhân thế giới lại có dấu hiệu suy giảm sự phối hợp về quan điểm và hành động chung, đôi khi lâm vào tình trạng phân liệt về tư tưởng, tổ chức, thiếu sự thống nhất, hợp tác trong hành động, lúng túng, bị động trước những chuyển biến nhanh chóng của thế giới. Thực trạng bất lợi này ngày càng được các đảng cộng sản, công nhân, các lực lượng cánh tả tiến bộ trên thế giới nhận ra. Do vậy, những năm gần đây họ đang nỗ lực hành động để khắc phục tình hình tiêu cực đó.

Thứ ba, xu thế gia tăng mạnh mẽ các dòng lưu chuyển vốn, công nghệ và lao động trên quy mô toàn cầu, bên cạnh tác động tích cực như đã phân tích ở trên, cũng có ảnh hưởng tiêu cực, gây bất lợi cho tình đoàn kết quốc tế trong nội bộ giai cấp công nhân, nhân dân lao động ở các quốc gia khác nhau. Tác động tiêu cực của các xu hướng này được biểu hiện ở hai thực tế sau. *Một là*, triển khai đường lối đối ngoại đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ quốc tế, chủ động hội nhập kinh tế khu vực và thế giới, đảng cộng sản cầm quyền, nhà nước ở các nước xã hội chủ nghĩa đang nỗ lực thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, trước hết và chủ yếu từ các nước tư bản phát triển, cố gắng xuất khẩu hàng hóa, dịch vụ, lao động của mình ra nước ngoài. Trong khi đó, các đảng cộng sản, công nhân, các lực lượng cánh tả tiến bộ ở các nước tư bản phát triển lại chỉ trích chính sách của chính phủ nước mình trong việc mở cửa thị trường, xuất khẩu tư bản ra nước ngoài, vì theo họ (các đảng cộng sản, công nhân, các lực lượng cánh tả tiến bộ ở khu vực các nước tư bản phát triển) chính sách đó của chính phủ sẽ đe dọa nền sản xuất trong nước, thu hẹp công ăn việc làm của người lao động. Do vậy, ở đây có nguy cơ nảy sinh mâu thuẫn giữa người lao động đến từ các nước xã hội chủ nghĩa và người lao động ở các nước tư bản phát triển. *Hai là*, sự tự do lưu chuyển

(Xem tiếp trang 72)

KHAI THÁC LỢI ÍCH THƯƠNG MẠI TỪ CHƯƠNG TRÌNH "THU HOẠCH SỚM" CỦA KHU VỰC MẬU DỊCH TỰ DO ASEAN - TRUNG QUỐC

TRINH THỦY *

TOÀN cầu hóa kinh tế trong những năm gần đây không những không thay thế, mà còn thúc đẩy mạnh mẽ quá trình khu vực hóa. Hơn thế nữa, một số các quốc gia đang phát triển đã tìm cách vượt qua những thách thức của toàn cầu hóa kinh tế bằng cách đẩy mạnh hợp tác song phương và đa phương với các nước láng giềng, khu vực. Chỉ trong một thời gian ngắn, ở châu Á hàng loạt các hiệp định thương mại tự do giữa các quốc gia trong khu vực và liên khu vực cũng đã được ký kết, đã góp phần tạo ra một luồng sinh khí mới cho hoạt động kinh tế khu vực kể từ sau cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ. Tại Hội nghị Thượng đỉnh của *Hiệp hội các quốc gia Đông - Nam Á (ASEAN) - Trung Quốc* diễn ra tại Xin-ga-po, tháng 11-2000, lãnh đạo các nước đã đồng ý xem xét khả năng hình thành khu vực thương mại tự do giữa ASEAN với Trung Quốc. Ủy ban đàm phán thương mại ASEAN - Trung Quốc đã được thành lập, đại diện các nước thành viên ASEAN và Trung Quốc đã tiến hành các cuộc đàm phán giữa hai bên. Sau một năm đàm phán, đến ngày 4-11-2002, những người đứng đầu nhà nước, chính phủ các quốc gia ASEAN và Trung Quốc mới chính thức quyết định ký kết *Hiệp định khung về hợp tác kinh tế toàn diện ASEAN - Trung Quốc*, thiết lập cơ sở pháp lý thống nhất điều chỉnh toàn bộ các hoạt động

kinh tế giữa ASEAN và Trung Quốc, quan trọng nhất là đã đề ra những nguyên tắc cơ bản đầu tiên để thiết lập khu vực mậu dịch tự do Trung Quốc - ASEAN (AC- FTA) trong vòng 10 năm tới. Theo Hiệp định khung, AC- FTA sẽ bao gồm hợp tác kinh tế, dịch vụ và thương mại, trong đó, thương mại hàng hóa là đối tượng chính. Hiệp định cũng đưa ra tính linh hoạt và đối xử đặc biệt đối với các thành viên mới của ASEAN.

Chương trình "thu hoạch sớm" (Early Harvest Program - EHP) là một bộ phận cấu thành quan trọng của AC-FTA. Nội dung của nó được trình bày trong Điều VI của Hiệp định khung về hợp tác kinh tế toàn diện ASEAN - Trung Quốc, là chương trình nhằm đẩy nhanh hơn nữa tiến trình hợp tác giữa các bên. Chương trình "thu hoạch sớm" là một cơ chế được đặt ra nhằm rút ngắn quá trình thực hiện các lợi ích của ưu đãi thuế quan trong khuôn khổ khu vực mậu dịch tự do ASEAN - Trung Quốc trên cơ sở có đi có lại, bởi vậy nó có lộ trình cắt giảm thuế "sớm" hơn so với các quy định chung trong AC-FTA. Những mặt hàng tham gia Chương trình "thu hoạch sớm" gồm: hàng nông sản và thủy sản (được liệt kê từ Chương 1 đến Chương 8 của Biểu thuế ưu đãi

* TS, Viện Nghiên cứu Thương mại - Bộ Thương mại

nhập khẩu). Đây đều là những mặt hàng được coi là thế mạnh của các bên trong xuất khẩu, có tính bổ sung cho tiêu dùng của mỗi nước thành viên. Tuy nhiên, mỗi nước ASEAN cũng có thể thỏa thuận song phương với Trung Quốc nhằm bảo đảm cân bằng xuất - nhập khẩu.

Số lượng các mặt hàng tham gia Chương trình "thu hoạch sớm" đa dạng về chủng loại và có mức thuế suất khác nhau và được chia thành ba nhóm mặt hàng sẽ được cắt giảm thuế từng bước theo những lộ trình khác nhau, như sau:

Bảng: Các nhóm mặt hàng và lộ trình cắt giảm trong Chương trình "thu hoạch sớm"

Nước	Mốc thời gian, ngày - tháng - năm						
	01-01-04	01-01-05	01-01-06	01-01-07	01-01-08	01-01-09	01-01-10
Các sản phẩm nhóm 1							
ASEAN 6 + TQ	10%	5%	0%	0%	0%	0%	0%
Việt Nam	20%	15%	10%	5%	0%	0%	0%
Lào và My-an-ma	20%	15%	20%	14%	8%	0%	0%
Camp-pu-chia	20%	15%	20%	15%	10%	5%	0%
Các sản phẩm nhóm 2							
ASEAN 6 + TQ	5%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
Việt Nam	10%	10%	5%	5%	0%	0%	0%
Lào và My-an-ma	10%	10%	10%	10%	5%	0%	0%
Camp-pu-chia	10%	10%	10%	10%	5%	5%	0%
Các sản phẩm nhóm 3							
ASEAN 6 + TQ	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
Việt Nam	5%	5%	0-5%	0-5%	0%	0%	0%
Lào và My-an-ma	5%	5%	5%	5%	0-5%	0%	0%
Camp-pu-chia	5%	5%	5%	5%	0-5%	0-5%	0%

Nguồn: Vụ Hợp tác quốc tế - Bộ Tài Chính (ASEAN 6 bao gồm Thái Lan, Xin-ga-po, In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Bru-nây và Phi-lip-pin)

Ý nghĩa của Chương trình "thu hoạch sớm"

Xét về mặt tổng thể của một nền kinh tế, lợi ích của một quốc gia phải là tổng hòa của tất cả các lợi ích không chỉ trước mắt, mà còn vì lợi ích lâu dài, vì những mục tiêu mà nó đang phấn đấu. Mặc dù rất nhiều mặt hàng của Việt Nam có điểm tương đồng về lợi thế so sánh như của Trung Quốc và các nước ASEAN khác, và trong "con lốc" cạnh tranh đó ai sẽ là người được lợi nhiều nhất vẫn còn là câu hỏi để ngỏ, nhưng dù sao tham gia vào Chương trình "thu hoạch sớm" không chỉ đem lại những lợi ích thiết thực ở khía cạnh kinh tế, mà còn cả ở góc độ chính trị với các đối tác xung quanh. Điều đó buộc chúng ta, dù

muốn hay không, vẫn phải tận dụng cơ hội, vượt qua thách thức, nhất là biến những thách thức thành cơ hội cho mình. Đối với nước ta hiện nay những sân chơi lớn như Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) chỉ có thể tạo ra khuôn khổ chung, còn chính những sân chơi nhỏ ở tầm khu vực này mới có những ý nghĩa thật thiết thực để củng cố thị trường trong nước và đẩy mạnh xuất khẩu.

Hiện tại, nếu nhìn một cách khách quan có thể thấy, quan hệ thương mại Việt Nam - Trung Quốc, một mặt, đã và đang hứa hẹn nhiều tiềm năng, nhưng mặt khác, cũng còn rất nhiều vấn đề cần phải được điều chỉnh kịp thời cả về chiến lược và sách lược trong thương mại. Chẳng hạn, phần lớn những mặt hàng trong Chương trình "thu hoạch sớm" là những mặt hàng nông sản và thủy sản, là những mặt hàng mà chúng ta có rất nhiều lợi thế, trong khi Trung Quốc là một thị trường có sức tiêu thụ rất lớn với dân số 1,3 tỉ người. Trong những năm gần đây, Việt Nam luôn xuất siêu các mặt hàng được cam kết trong Chương trình "thu hoạch sớm" sang thị trường Trung Quốc. Theo số liệu của Bộ Tài chính năm 2001 kim ngạch xuất khẩu của các mặt hàng này là 455,6 triệu USD, năm 2002 là 279 triệu USD. Kim ngạch của các mặt hàng này vài năm gần đây bị giảm sút là do trong thời gian vừa qua Trung Quốc đã gia nhập WTO, họ thực hiện cắt giảm thuế theo những lịch trình đã cam kết với các nước thành viên, do đó ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động xuất khẩu của Việt Nam. Nhưng có lẽ điều này cũng chỉ mang tính tạm thời, vì Chương trình "thu hoạch sớm" sẽ mang lại cơ hội và ưu đãi thuế quan nhiều hơn cho các nước tham gia, bên cạnh đó, sức cạnh tranh của hàng hóa còn chịu ảnh hưởng của nhiều nhân tố khác. Trong đó, yếu tố vị trí địa lý thuận lợi là một lợi thế rất căn bản, có ý nghĩa rất lớn không chỉ trong việc giảm thiểu các chi phí vận chuyển, mà còn bảo đảm chất lượng và tiêu thụ các mặt hàng thủy hải sản và rau quả tươi của nước ta. Bởi vậy, về lâu dài hiệu quả xuất khẩu hàng nông sản của Việt Nam vào thị trường Trung Quốc có nhiều lợi thế hơn hẳn so với xuất khẩu sang các thị trường khác. Điều này cũng đồng nghĩa với việc chúng

ta có nhiều lợi thế hơn các nước khác khi xuất khẩu vào Trung Quốc.

Bắt đầu từ 01-01-2004, Trung Quốc đã cắt giảm 536 dòng thuế đối với hàng nhập từ Việt Nam, cụ thể: các nhóm mặt hàng có thuế suất trên 15% giảm xuống còn 10%, nhóm từ 5% - 10% xuống còn 5%, nhóm dưới 5% giảm xuống còn 0%. Về phía Việt Nam, Chính phủ cũng đã ban hành Nghị định 99/2004/ND - CP ban hành Danh mục hàng hóa và thuế suất thuế nhập khẩu của Việt Nam để thực hiện Chương trình "thu hoạch sớm". Theo đó, từ ngày 01-01-2004 Việt Nam cắt giảm 376 dòng thuế, những mặt hàng có thuế suất trên 30% xuống còn 20%, nhóm 15% - 30 % xuống còn 10%, nhóm dưới 15% chỉ còn 5%. Như vậy, đến năm 2008 chúng ta sẽ có 484 mặt hàng trong số 510 mặt hàng có thuế suất bằng 0%, 26 mặt hàng còn lại đã được cả hai bên thỏa thuận là cần phải tiếp tục thực hiện chính sách bảo hộ, trong đó có những mặt hàng "nhạy cảm" như thịt gia cầm, trứng, quả có múi...

Nhiều doanh nghiệp Việt Nam lo ngại việc cắt giảm thuế sẽ tăng thêm cơ hội cho hàng hóa của Trung Quốc vào Việt Nam gây khó khăn cho các doanh nghiệp trong nước. Tuy nhiên, nhiều nhóm hàng Việt Nam cắt giảm thuế không phải là những nhóm hàng Trung Quốc có thể mạnh khi xuất khẩu sang Việt Nam, như: hải sản, các loại trứng chim, các loại gà thịt, nấm, hoa quả tươi, một số giống cây, lông vũ nguyên liệu...

AC-FTA không chỉ đơn thuần mang ý nghĩa kinh tế, chính những động thái chính trị hết sức mạnh mẽ đã góp phần đẩy nhanh tiến trình hình thành và đi vào thực thi các cam kết, nên có một ảnh hưởng hết sức to lớn đối với cơ cấu chiến lược khu vực, đặc biệt là mối quan hệ của Trung Quốc, Nhật Bản, Mỹ, Đài Loan. Do vậy, nó đã nhận được sự quan tâm đặc biệt của khu vực, thậm chí trên phạm vi thế giới. Những nỗ lực đáng kể trong thời gian qua cho thấy, Trung Quốc đã đầu tư một số lượng lớn các nguồn lực vào việc hình thành khu vực thương mại tự do này, trong đó đặc biệt là đã xây dựng một hệ thống chiến lược phát triển cụ thể cho các tỉnh ở

khu vực Tây Nam, như các tỉnh: Vân Nam, Quảng Tây, Trùng Khánh và Tứ Xuyên.

Thái Lan cũng là một đối tác đã áp dụng những chính sách tương đối linh hoạt trong vấn đề tham gia AC-FTA và Chương trình "thu hoạch sớm". Chính phủ Thái Lan cho rằng, việc đối mặt với sức ép cạnh tranh ngày càng tăng lên từ phía Trung Quốc là một thực tế, và giải pháp mà Thái Lan đưa ra là chấp nhận và thích ứng để có thể thu được lợi ích cao nhất chứ không phải né tránh. Mặc dù từ tháng 1- 2004 Chương trình "thu hoạch sớm" mới bắt đầu đi vào thực hiện, nhưng ngay từ tháng 8 - 2003, Thái Lan đã ký kết Hiệp định song phương với Trung Quốc nhằm đẩy nhanh tiến trình tự do hóa thương mại giữa hai nước "sớm" hơn cả Chương trình "thu hoạch sớm". Ngoài ra, để thúc đẩy việc lưu thông hàng hóa giữa hai nước Trung Quốc - Thái Lan được tốt hơn, Thái Lan đã tiến hành tu sửa và xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông với hàng loạt tuyến đường sắt, đường cao tốc và hệ thống các cảng đường sông, đường biển. Hiện tại, chỉ riêng kim ngạch thương mại Trung - Thái qua cửa khẩu Chiang Rai (Thái Lan) đã lên đến con số 6 tỉ Bạt (153 triệu USD/năm, trong đó Thái Lan đạt mức thặng dư thương mại là 1 tỉ Bạt). Điều này cho thấy, để việc tham gia vào Chương trình "thu hoạch sớm" nói riêng và AC-FTA nói chung về cơ bản đã đạt được hiệu quả như mong muốn.

Trong việc khai thác hiệu quả các lợi ích thương mại cho Việt Nam từ các cơ hội do Chương trình "thu hoạch sớm" đem lại, như đã phân tích ở trên, vai trò chỉ đạo chiến lược của Nhà nước là hết sức quan trọng. Việc xây dựng và thực thi một cách có hệ thống và đồng bộ các giải pháp vĩ mô sẽ tạo cho quá trình tham gia của chúng ta trở lên ổn định và có nhiều khả năng đạt được các mục tiêu đề ra hơn. Tuy nhiên, tính năng động và sáng tạo của cấp vi mô - trực tiếp làm ra các mặt hàng xuất khẩu lại là một mảng lớn không thể thay thế được. Bởi vậy, để khai thác những lợi ích này, và có cơ sở cho việc điều chỉnh và bổ sung các chính sách, biện pháp của Chính phủ, định hướng cho các hoạt động thương mại của các nhà kinh doanh để chủ động hội nhập thương mại khu vực ASEAN - Trung Quốc, xin đề xuất một số giải pháp bước đầu:

Giải pháp vĩ mô

Tiếp tục cải thiện môi trường kinh doanh và đầu tư trong nước để thu hút và khuyến khích các nhà đầu tư Trung Quốc vào Việt Nam trên các lĩnh vực như: công nghiệp khai khoáng, điện năng, công nghiệp nhẹ, chế biến nông thủy sản, sản xuất phân bón. Đây là những lĩnh vực Trung Quốc có nhiều kinh nghiệm phát triển hơn Việt Nam. Nếu chúng ta tranh thủ được đối tác sẽ không chỉ góp phần thúc đẩy các ngành đó phát triển lên mà còn tạo ra lực đẩy cho đầu vào của các ngành khác tham gia trong Chương trình "thu hoạch sớm" như nông - thủy sản.

Xúc tiến Hiệp định Thương mại tự do song phương với Trung Quốc để tạo thuận lợi cho hoạt động thương mại giữa hai nước. Hiệp định Thương mại tự do song phương không phải là "lá bùa hộ mệnh" cho thương mại hai bên, nhưng nhờ nó mà việc tìm kiếm những điểm tương đồng trở nên thuận lợi hơn, nghĩa là cơ hội gặt hái những lợi ích từ Chương trình "thu hoạch sớm" sẽ nhiều hơn do có được sự hỗ trợ toàn diện.

Xúc tiến ký kết Hiệp định về kiểm dịch các hàng hóa nông sản giữa hai nước.

Chú trọng trong việc nghiên cứu và điều chỉnh các chính sách cho hoạt động thương mại biên giới của ta tương thích với các chính sách của Trung Quốc, đặc biệt là các chính sách ưu tiên theo khu vực của Trung Quốc.

Tăng cường hợp tác với Trung Quốc, nhất là khu vực Tây Nam Trung Quốc trên cơ sở liên kết các thế mạnh của mỗi bên nhằm tăng tính cạnh tranh của từng ngành. Việt Nam có thể học hỏi và tiếp thu kinh nghiệm và trình độ khoa học - kỹ thuật tiên tiến của Trung Quốc trong trồng trọt và chế biến, sản xuất mặt hàng điện tử, tin học, giống cây trồng, một số giống thủy - hải sản.

Đẩy mạnh hợp tác trong việc xây dựng kết cấu hạ tầng, nhất là giao thông đường bộ và đường thủy giữa hai nước. Việc phối hợp xây dựng hệ thống hạ tầng giao thông với Trung Quốc sẽ giúp chúng ta nâng cao được hiệu quả và giảm thiểu chi phí đầu tư, tạo thuận lợi cho hàng hóa giữa hai nước được thông thương hơn, cũng như phát triển ngành dịch vụ vận tải của nước ta trở thành một khâu trung chuyển hàng hóa của các nước trong khu vực.

Tăng cường sự hiểu biết cho các doanh nghiệp Việt Nam về thị trường Trung Quốc: đào tạo, tập huấn, trợ giúp doanh nghiệp khảo sát thị trường; cung cấp thông tin nhất là những điều cần biết về quy định đối với hàng hóa nhập khẩu của Trung Quốc khi Trung Quốc đã gia nhập WTO và phải thực hiện đầy đủ các cam kết trong WTO; giới thiệu các cơ hội kinh doanh, hỗ trợ cho doanh nghiệp trong tiếp cận và thâm nhập thị trường.

Hình thành các tổ hợp kinh tế và thương mại trên các hành lang và vành đai kinh tế giữa các tỉnh có tuyến đường liên vận quốc tế giữa hai nước nhằm khai thác các lợi thế về địa lý - kinh tế. Các tổ hợp kinh tế này sẽ trở thành những khu công nghiệp vệ tinh cho cả hai bên.

Xây dựng các khu thương mại biên giới và khu chế xuất, hoàn thiện thể chế quản lý thương mại và các hoạt động hội chợ thương mại biên giới.

Nâng cao công tác quản lý cửa khẩu. Hoàn thiện cơ chế thanh toán, tăng cường xử lý thỏa đáng hơn nữa những tranh chấp kinh tế. Đây là những vấn đề bức thiết cần phải được nhanh chóng giải quyết. Có như vậy mới nâng cao được hiệu quả hoạt động xuất khẩu của chúng ta cả về lượng lẫn về chất.

Để cạnh tranh được với hàng hóa Trung Quốc khi chúng tràn vào thị trường Việt Nam và đẩy mạnh xuất khẩu hàng hóa sang Trung Quốc, ngay từ bây giờ (tuy rằng có đánh giá là đã muộn) từ các nhà quản lý đến các doanh nghiệp cần có chiến lược phát triển và quy hoạch các nguồn hàng xuất khẩu cũng như hàng hóa tiêu dùng trong nước.

Giải pháp vi mô

Các doanh nghiệp cần nhận thức, tận dụng được những lợi ích và đối mặt được với những thách thức từ Chương trình "thu hoạch sớm" đem lại. Nhưng, việc xây dựng một tầm nhìn, một hướng đi đúng đắn cho các doanh nghiệp, không ai có thể làm thay và làm tốt hơn chính các doanh nghiệp. Trên cơ sở các chính sách, định hướng của Nhà nước, các doanh nghiệp cần chủ động xây dựng chiến lược cho chính mình, như:

Tăng cường sự phối hợp giữa "các nhà" trong hoạt động xuất nhập khẩu, đặc biệt đối với các cơ

quan nghiên cứu cần có sự nghiên cứu khoa học, tham gia định hướng, tư vấn cho các nhà sản xuất để đáp ứng được nhu cầu nhập khẩu của phía bạn.

Chủ động chớp thời cơ, tận dụng những ưu đãi về thuế quan đối với hàng nông sản vào Trung Quốc. Tăng cường xuất khẩu các mặt hàng nông sản như rau quả tươi, hạt điều, hàng thủy sản, hải sản, cao su, sản phẩm quặng và nguyên liệu phục công nghiệp sang thị trường Trung Quốc, vì đây là những mặt hàng Việt Nam có ưu thế trong sản xuất, có chất lượng cao, có khả năng cạnh tranh trên thị trường Trung Quốc.

Chủ động nhập khẩu các nguồn tài nguyên nông nghiệp của Trung Quốc như các loại giống, kỹ thuật nuôi trồng và đặc biệt là công nghệ thu hoạch và bảo quản chế biến sau thu hoạch.

Phát huy vai trò của các hiệp hội trong hợp tác thương mại và phát triển thị trường. Các hiệp hội ngành hàng phải đi tiên phong trong việc thâm nhập thị trường, để từ đó đề ra những sách lược cho ngành hàng của mình. Với vai trò là người đỡ đầu và có những hiểu biết nhất định về ngành hàng của mình, các hiệp hội phải bảo đảm khả năng có thể tư vấn cho các doanh nghiệp trong ngành về các điểm mạnh, điểm yếu của thị trường Trung Quốc cũng như những kinh nghiệm, cách thức thâm nhập thị trường của các ngành hàng tương tự của các nước khác.

Doanh nghiệp Việt Nam cần chủ động phát triển những chi nhánh, trung tâm thương mại, văn phòng đại diện tại Trung Quốc nhằm quảng bá, giới thiệu sản phẩm và đẩy mạnh xuất khẩu hàng hóa Việt Nam, nhất là các hàng hóa Việt Nam đang có lợi thế.

Tăng cường và nâng cao hiệu quả liên doanh, liên kết giữa doanh nghiệp Việt Nam với doanh nghiệp Trung Quốc và các nước ASEAN khác để mở rộng thị trường, khai thác những lợi thế hiện có và thậm chí tạo ra những lợi thế mới.

Tóm lại, nếu có sự đổi mới tư duy kịp thời, năng động và nhạy bén trước những cơ hội và thách thức mới, lại được sự hỗ trợ của Nhà nước, thì chắc chắn doanh nghiệp Việt Nam sẽ khai thác được nhiều hơn những lợi ích thương mại do Chương trình "thu hoạch sớm" đem lại. □

TOÀN CẦU HÓA...

(Tiếp theo trang 67)

nguồn nhân lực tạo điều kiện thuận lợi để công nhân, người lao động từ các nước kém phát triển chuyển đến tìm việc làm với hy vọng có thu nhập cao hơn ở các nước tư bản phát triển, làm nảy sinh xung đột giữa lao động nước sở tại và lao động di cư từ nước khác tới. Những xung đột này là nguy cơ tiềm ẩn phá vỡ tình đoàn kết quốc tế của giai cấp công nhân thế giới. Nó đã và đang bị các thế lực dân tộc chủ nghĩa, cánh hữu cực đoan lợi dụng để kích động thái độ phân biệt chủng tộc, bài ngoại trong nội bộ giai cấp công nhân, người lao động ở không ít quốc gia Tây Âu, Bắc Mỹ, Đông - Bắc Á những năm vừa qua.

Trước những tác động tích cực và tiêu cực, thời cơ và thách thức do toàn cầu hóa tạo ra, giai cấp công nhân, các tầng lớp nhân dân lao động, các đảng cộng sản, công nhân, các lực lượng cánh tả tiến bộ trên thế giới phải làm gì để củng cố, tăng cường tình đoàn kết quốc tế của mình? Câu hỏi chưa có lời giải đáp thỏa đáng, triệt để. Song, những cố gắng, nỗ lực của các đảng cộng sản, công nhân, các lực lượng cánh tả tiến bộ, của toàn bộ giai cấp công nhân, các tầng lớp nhân dân lao động khắp thế giới những năm vừa qua nhằm tìm kiếm phương thức, hình thức trao đổi ý kiến, phối hợp hoạt động phù hợp hơn, thích ứng hơn với tương quan lực lượng mới, với bối cảnh mới của thế giới hiện nay là một thực tế không thể phủ nhận. Dù còn muôn vàn khó khăn, thách thức, nhưng với tư cách một lực lượng chính trị xã hội tiên phong của thời đại, người đại diện cho xu hướng phát triển tiến bộ, hợp quy luật của lịch sử, với bản chất cách mạng và chủ nghĩa quốc tế, giai cấp công nhân thế giới chắc chắn sẽ vượt qua những khó khăn, thử thách; tìm ra phương thức, hình thức mới phù hợp với bối cảnh mới của thời cuộc để tiếp tục củng cố, phát huy tình đoàn kết quốc tế của mình. □

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC



Đại học Tây Bắc được thành lập tháng 9 - 1960, lúc đầu gọi là Trường Sư phạm cấp II Tây Bắc. Đến nay, đại học Tây Bắc là trường đại học đa ngành, đa cấp, trung tâm nghiên cứu khoa học công nghệ, văn hóa, giáo dục hàng đầu của vùng Tây Bắc. Nhà trường giữ vai trò là động lực thúc đẩy đối với sự nghiệp phát triển kinh tế- xã hội của vùng Tây Bắc.

CHỨC NĂNG-NHIỆM VỤ:

- 📖 Đào tạo nhân lực có trình độ đại học, cao đẳng đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội vùng Tây Bắc.
- 📖 Đào tạo, bồi dưỡng lại đội ngũ cán bộ, công chức theo yêu cầu chuẩn hóa chuyên môn.
- 📖 Nghiên cứu, chuyển giao khoa học- công nghệ.
- 📖 Tham gia các chương trình giáo dục thường xuyên và nâng cao dân trí.
- 📖 Bảo tồn và phát triển văn hóa các dân tộc Tây Bắc.
- 📖 Hợp tác quốc tế về đào tạo và nghiên cứu khoa học.

CƠ CẤU TỔ CHỨC:

- 📖 7 phòng, 7 khoa ban và 3 bộ môn trực thuộc.
- 📖 Có 231 cán bộ công chức, gần 40% có trình độ trên đại học (5 tiến sĩ, 42 giảng viên chính, 19 nghiên cứu sinh).

PHƯƠNG HƯỚNG ĐẾN NĂM 2010:

- 📖 Đến năm 2010, Trường đại học Tây Bắc trở thành trung tâm đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ hàng đầu ở vùng Tây Bắc. Với quy mô 6.000 sinh viên, trên 60% cán bộ giảng dạy có trình độ thạc sĩ trở lên (trên 10% tiến sĩ), có đầy đủ cơ sở vật chất kỹ thuật hiện đại, có quan hệ hợp tác đào tạo, nghiên cứu với các trường đại học trong nước và khu vực.

TRUYỀN THỐNG VÀ CÁC THÀNH TÍCH TIÊU BIỂU:

- 📖 5 Huân chương Lao động hạng II, III.
- 📖 60 huân, huy chương kháng chiến (trong nước và nước bạn Lào).
- 📖 Nhiều huy chương, bằng khen, cờ thi đua các cấp, các ngành.
- 📖 Chiến sĩ thi đua: gần 300 lượt người.
- 📖 Nhà giáo ưu tú: 02.
- 📖 Đào tạo hơn 20.000 giáo viên THPT, THCS, TH (có 10 sinh viên nước bạn Lào).
- 📖 Tham gia gần 400 đề tài nghiên cứu khoa học.
- 📖 Đảng bộ, Công đoàn, Đoàn thanh niên nhiều năm liền trong sạch vững mạnh.

HUYỆN SI MA CAI

Địa chỉ: Phố cũ Si Ma Cai, huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai * ĐT: 020.796 021



Chủ tịch LY SEO LUNG

Trong năm năm thực hiện Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng bộ huyện, Si Ma Cai đã thu được nhiều thắng lợi quan trọng: chính trị ổn định; kinh tế tăng trưởng; văn hóa, xã hội có nhiều bước tiến bộ; an ninh, quốc phòng được giữ vững; hệ thống chính trị được xây dựng và củng cố ngày càng trong sạch vững mạnh. Kết quả từng lĩnh vực được thể hiện như sau:

1. Kinh tế liên tục tăng trưởng, nhiều mục tiêu, nhiệm vụ hoàn thành sớm và cao hơn so với kế hoạch đề ra.

Trong sản xuất nông - lâm nghiệp: Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp tăng bình quân 9,12%/ năm; tổng sản lượng lương thực có hạt tăng bình quân

hàng năm 552 tấn, riêng năm 2004 đạt 10.085 tấn, tăng 2.527 tấn so với năm 2000, bình quân lương thực đầu người tăng trung bình 8,5kg/người/năm. Giá trị thu nhập đạt 6,5 triệu đồng/ha. Tốc độ tăng trưởng đàn gia súc, gia cầm tăng nhanh và ổn định, bình quân tăng trưởng đàn đại gia súc 4%/ năm. Trong sản xuất nông nghiệp đã áp dụng nhiều tiến bộ khoa học - công nghệ vào sản xuất. Năm 2004 độ che phủ rừng trên địa bàn huyện đạt 21%, tăng 5,62% so với năm 2000 và vượt 1% so với mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện khóa XIV đề ra đến năm 2005.

Trong XDCB, tập trung chủ yếu cho xây dựng trung tâm huyện lỵ, ngoài ra công tác phát triển giao thông nông thôn, thủy lợi, nước sinh hoạt, các chương trình kiên cố hóa kênh mương, trường lớp học.

Sản xuất công nghiệp, TTCN đã từng bước được củng cố và phát triển, khai thác tiềm năng, thế mạnh của địa phương để phát triển kinh tế, giá trị sản xuất công nghiệp, TTCN bình quân hàng năm tăng gần 1 tỉ đồng, năm 2004 đạt gần 5 tỉ đồng.

Thu ngân sách trên địa bàn huyện hàng năm đều hoàn thành vượt mức kế hoạch, năm sau tăng so với năm trước, riêng năm 2004 đạt 3,1 tỉ đồng tăng 470% so với năm 2000.

Hoạt động thương mại, dịch vụ, đã bắt nhịp được với cơ chế thị trường và có bước phát triển khá, đáp

ứng được nhu cầu tiêu dùng thiết yếu cho nhân dân và bình ổn thị trường giá cả.

2. Văn hóa, xã hội có nhiều bước chuyển biến quan trọng, đạt và vượt hầu hết các mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện, góp phần ổn định đời sống văn hóa, tinh thần, tạo không khí phấn khởi, tin tưởng vào Đảng, Chính phủ trong các tầng lớp nhân dân.

Hiện nay toàn huyện có 28 trường học, duy trì chất lượng phổ cập GDTH- CMC và phổ cập GDTH đúng độ tuổi ở 13/13 xã; tiếp tục đẩy mạnh công tác phổ cập THCS (hiện đã có 04 xã đạt PCGD THCS); tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi đến lớp hàng năm đều tăng, riêng năm học 2004-2005 đạt 96,4%, tăng 8,4% so với năm 2000 và tăng 6,4% so với mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện XIV đề ra.

Công tác khám và chữa bệnh cho nhân dân được quan tâm thường xuyên; thực hiện tốt các chương trình y tế quốc gia và y tế cấp ngành; mạng lưới y tế cơ sở không ngừng được củng cố.

Công tác lao động - thương binh và xã hội luôn được quan tâm đúng mức. Thực hiện tốt việc giải quyết các chế độ cho các gia đình chính sách, những người có công với cách mạng.

3. Công tác quốc phòng, an ninh được tăng cường; chính trị, xã hội ổn định; chủ quyền, biên giới quốc gia được giữ vững

MỤC TIÊU CHỦ YẾU ĐẾN NĂM 2010

1. Về kinh tế

- Cơ cấu kinh tế và tỷ trọng các ngành kinh tế là: Nông lâm nghiệp (70%), thương mại, dịch vụ, du lịch (20%), công nghiệp, TTCN (10%).

- Tổng sản lượng lương thực có hạt đến năm 2010 đạt 13.500 tấn, thu nhập bình quân đạt 6 triệu đồng/người/năm. Giá trị sản xuất trên 1ha canh tác là 15 triệu đồng.

- Độ tàn che phủ rừng 27%

2. Về Văn hóa - xã hội

- Giáo dục: Duy trì phổ cập GDTH đúng độ tuổi ở 13/13 xã, đến năm 2007 có 13/13 xã đạt chuẩn phổ cập THCS, có 8 trường đạt chuẩn quốc gia.

- Y tế: Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên 1,75%; giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng xuống dưới 21%; tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ 95%; số giường bệnh/10.000 dân đạt 105 giường/13/13 xã đạt chuẩn quốc gia về y tế xã.

- Xóa đói giảm nghèo: giảm tỷ lệ đói nghèo 4-5%/năm (theo tiêu chí cũ)

- Phát thanh truyền hình: tỷ lệ hộ dân được nghe đài tiếng nói Việt Nam 100%; xem truyền hình 80%.

- Văn hóa: tỷ lệ số hộ đạt gia đình văn hóa 70%; tỷ lệ thôn bản đạt thôn bản văn hóa 80%.

3. Xây dựng đảng và hệ thống chính trị

- Đảng bộ huyện hàng năm đạt TSVM; 80% số tổ chức cơ sở đảng trực thuộc đạt TSVM; 80% số đảng viên dự phân tích đạt loại đủ tư cách hoàn thành tốt nhiệm vụ; 100% thôn bản, cơ quan, trường học, trạm xã có đảng viên; nâng cấp 06 chi bộ xã, 02 chi bộ cơ quan lên đảng bộ; 100% tổ chức đoàn thể đạt tiêu chuẩn khá trở lên.



Thị xã BẮC NINH

Địa chỉ: Số 10 đường Nguyễn Phi Yến - P. Suối Hoa - TX. Bắc Ninh * Điện thoại: (0241) 821 238- Fax: (0241) 811 305

Năm 1831 tỉnh Bắc Ninh được thành lập, thủ phủ là thị xã Bắc Ninh. Năm 1938, thị xã được nâng cấp thành thành phố. Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, thị xã trở về vị trí thị xã tỉnh lỵ. Trong quá trình xây dựng và phát triển, do các yếu tố khách quan nên quá trình xây dựng thị xã gặp nhiều khó khăn. Chỉ từ sau tái lập tỉnh, tháng 01 năm 1997 đến nay, Thị xã mới thực sự có bước chuyển mình mạnh mẽ.

- Để trở thành thành phố, thị xã tập trung chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng đô thị: Tăng cường đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật đô thị; xúc tiến xây dựng các khu dịch vụ, khu công nghiệp vừa và nhỏ, tích cực chuyển lao động nông nghiệp sang thương mại, dịch vụ, công nghiệp và các ngành nghề khác; giải quyết các vấn đề về văn hóa xã hội theo tiêu chí của đô thị loại III, tạo cơ sở vững chắc để trở thành thành phố.

- Chỉ tính 5 năm từ 2001- 2005, tăng trưởng kinh tế của thị xã đạt mức bình quân 17,63% năm. Tỷ trọng thương mại- dịch vụ đạt 46,9% năm, công nghiệp - xây dựng đạt 50,3%, nông nghiệp còn 2,8%, thu nhập bình quân đầu người đạt 1.245 USD (tính theo tỷ giá hiện hành). 85% số hộ được dùng nước sạch. Thị xã đã đạt phổ cập THCS năm 2001 và đang tiếp tục phấn đấu đạt phổ cập THPT.

- 6/10 trạm y tế xã, phường đạt tiêu chuẩn quốc gia, 86% số làng, xóm, khu phố đạt tiêu chuẩn đơn vị văn hóa. 85% số gia đình đạt gia đình văn hóa, tỷ lệ tăng dân số tự nhiên luôn ở mức dưới 1%, không còn hộ đói, số hộ nghèo theo tiêu chí mới còn 3,34%, số hộ giàu trên 10%. Môi trường bảo đảm ngày càng sáng - xanh - sạch - đẹp. 99% số hộ có máy thu hình, bình quân 24% số hộ có máy điện thoại.

- Năm 2005, thị xã được phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân và được Bộ Xây dựng công nhận là đô thị loại III. Đảng bộ và nhân dân đang ra sức thi đua lao động sản xuất, tiếp tục đầu tư xây dựng để Thị xã trở thành thành phố trong tương lai gần, một thành phố Anh hùng, giàu đẹp, văn minh và hiện đại.



Bí thư Thị ủy
NGUYỄN TIẾN NHƯỜNG



Thị xã Bắc Ninh hôm nay, thành phố Kinh Bắc ngày mai sẽ là điểm đến của các nhà đầu tư, của du khách gần xa đến tham quan, du lịch vùng quê Quan họ với các lễ hội đầu xuân và các khu du lịch, vui chơi thưởng thức các giá trị văn hóa vật chất, tinh thần đặc sắc của vùng quê Kinh Bắc.



BỆNH VIỆN ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: 124 Hải Phòng - thành phố Đà Nẵng * ĐT: 0511.821 118 - 826 755 * Fax: 0511.829 966.
Email: bvdn@dnng.vnn.vn * Website: dananghospital.org * Giám đốc: BSKII PHẠM HÙNG CHIẾN

THÀNH TÍCH KHEN THƯỞNG

- * Huân chương Lao động hạng Nhì năm 2004.
- * Huân chương Lao động hạng Ba năm 1985.
- * Danh hiệu Anh hùng Lao động cho Khoa Hồi sức nhi năm 1985.
- * Nhiều bằng khen của Bộ Y tế, UBND thành phố Đà Nẵng.



Bệnh viện Đà Nẵng được thành lập từ trước năm 1945, là bệnh viện hạng I, trực thuộc Sở Y tế thành phố Đà Nẵng, có nhiệm vụ khám chữa bệnh cho nhân dân TP. Đà Nẵng, tỉnh Quảng Nam và một số tỉnh của khu vực miền Trung.

Là Bệnh viện đa khoa với đầy đủ các chuyên khoa: nội - ngoại - sản - nhi - lây - lao - răng hàm mặt - tai mũi họng - mắt - phục hồi chức năng - y học hạt nhân - y học dân tộc - ung thư... và hệ thống xét nghiệm hoàn chỉnh: huyết học - trữ máu - sinh hóa - vi sinh - giải phẫu bệnh - X quang - thăm dò chuẩn đoán. Khu khám cấp cứu hiện đại có khả năng cấp cứu và tiến hành các xét nghiệm cao cấp phục vụ cho công tác chuẩn đoán.

Bệnh viện được trang bị các máy móc hiện đại: MRI, SPECT, CT Scanner, DSA, nội soi các loại, siêu âm ba chiều, máy sinh hóa và huyết học tự động...

Cùng với đội ngũ cán bộ y tế được đào tạo chính quy, bệnh viện đã triển khai những kỹ thuật chuyên môn của tuyến trung ương: phaco, laser Excimer, đốt u xơ tiền liệt tuyến bằng nhiệt, phẫu thuật nội soi, thông tim, xạ hình các cơ quan.

I. Các kỹ thuật trong chuẩn đoán:

* Chụp cộng hưởng từ (MRI): giúp chuẩn đoán các bệnh lý về cột sống, thần kinh, sọ não, cơ xương khớp.

* Chụp CT Scanner: giúp chuẩn đoán chính xác các bệnh lý về sọ não, khối u nội tạng.

* Siêu âm màu: giúp chuẩn đoán các bệnh lý tim mạch, u gan thận.

* Siêu âm 3 chiều: giúp chuẩn đoán các bệnh lý sản phụ khoa, đặc biệt có thể nhìn thấy hình dạng và hoạt động của thai nhi trong buồng tử cung...

* Các kỹ thuật can thiệp mạch (DSA): chụp mạch máu để phát hiện các thuyên tắc mạch, đặt Shunt động mạch vành trong nhồi máu cơ tim, thuyên tắc mạch gan chẹn lọc trong điều trị ung thư gan (TOCE)...

* Chụp cắt lớp vi tính đơn quang tử (SPECT): là phương pháp xạ hình các cơ quan nhằm đánh giá chức năng cũng như hình ảnh hoạt động của tim, thận, gan, tuyến giáp, xương...

II. Các kỹ thuật điều trị:

* Phẫu thuật nội soi: với ưu điểm là đường mổ nhỏ, thời gian hậu phẫu ngắn...

* Đốt u xơ tiền liệt tuyến bằng nhiệt: là phương pháp giải quyết u xơ TLT không cần phẫu thuật, thời gian điều trị trong 2 giờ.

* Phẫu thuật đục thủy tinh thể bằng phương pháp PHACO: với thủy tinh thể mềm nên đường mổ chỉ còn 1cm, bệnh nhân có thể ra viện sau 24 giờ và thị lực phục hồi hiệu quả.

* Điều chỉnh các tật khúc xạ của mắt bằng LASER EXCIMER: cận - viễn - loạn thị. Đây là kỹ thuật cao cấp, được triển khai đầu tiên ở khu vực miền Trung, (sau 1 năm đã mổ được gần 500 ca), bệnh nhân có thể bỏ kính cận, viễn hoàn toàn.

* Đơn vị vô sinh: hoạt động từ năm 2000, đã đem lại kết quả tốt đẹp cho hơn 100 gia đình hiếm muộn. Trong năm 2004, sẽ triển khai giai đoạn thụ tinh trong ống nghiệm nhằm đạt được kết quả cao hơn cho các phụ nữ vô sinh.

* Chăm sóc bệnh nhân thay người nhà: với đội điều dưỡng có chuyên môn, có tinh thần phục vụ tốt do phòng điều dưỡng quản lý, đáp ứng yêu cầu chăm sóc bệnh nhân 24/24.

* Nhà nghỉ: sạch sẽ, đầy đủ phương tiện sinh hoạt, nhằm giúp đỡ người nhà có điều kiện nghỉ ngơi trong thời gian chăm sóc bệnh nhân tại viện.

CỤC THUẾ THÁI BÌNH



Với chức năng thực hiện các khoản thu thuế nội địa, phí, lệ phí và các khoản thu khác ngân sách trên địa bàn. Những năm qua, ngành thuế Thái Bình luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, số thu năm sau cao hơn năm trước, công tác quản lý thuế có nhiều đổi mới. Cục Thuế Thái Bình đã thực hiện tốt chương trình cải cách và hiện đại hóa theo chỉ đạo của Tổng cục Thuế và Bộ Tài chính.



• Năm 2004, ngành thuế Thái Bình hoàn thành dự toán thu ngân sách nhà nước giao với tỉ lệ vượt rất cao. Số thu thuế và phí (trừ thu tiền sử dụng đất) đạt 152% dự toán Bộ Tài chính, 143% dự toán HĐND tỉnh, tăng 61% so với cùng kỳ năm 2003, với tất cả các sắc thuế đều đạt và vượt chỉ tiêu phấn đấu; trong đó chỉ tiêu thuế ngoài quốc doanh đạt 172% dự toán, tăng 71% so với cùng kỳ.

• Sáu tháng đầu năm 2005, tổng số thu thuế và phí đạt 65% dự toán cả năm, tăng 21% so với cùng kỳ năm 2004, trong đó chỉ tiêu thu thuế ngoài quốc doanh đạt 78%, tăng 63% so với cùng kỳ.

• Cùng với công tác tổ chức, phấn đấu đạt và vượt chỉ tiêu dự toán Nhà nước giao hằng năm, ngành Thuế Thái Bình thường xuyên coi trọng việc chấn chỉnh kỷ cương, kỷ luật nội bộ. Những sai sót được chấn chỉnh kịp thời. Quan tâm đúng mức tới công tác đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ, giáo dục đạo đức nghề nghiệp. Ngành tổ chức cho cán bộ thi nghiệp vụ và hội thi cán bộ thuế giỏi. Tổ chức khai thác có hiệu quả hệ thống máy tính hiện đại do Tổng cục Thuế trang bị, thực hiện tốt các quy trình quản lý đối tượng nộp thuế và quản lý nghiệp vụ chuyên môn.

• Tiếp tục phát huy thành tích đạt được trong những năm qua, ngành thuế Thái Bình phấn đấu hoàn thành xuất sắc dự toán thu và chức năng, nhiệm vụ Nhà nước giao.

VIỆN NGHIÊN CỨU NUÔI TRỒNG THỦY SẢN III

Địa chỉ: 33 Đặng Tất, Nha Trang, Khánh Hòa * Điện thoại: 058- 831 136/ 831 137 * Fax: (84-58) 831 846

Viện trưởng: **NGUYỄN HƯNG ĐIỂN**

Phó Viện trưởng: **NGUYỄN THỊ XUÂN THU**

Viện nghiên cứu nuôi trồng thủy sản III, tiền thân là Trung tâm Nghiên cứu Thủy sản III được thành lập theo Quyết định số 272 TS/QĐ ngày 14/4/1994 của Bộ Thủy sản. Theo Quyết định số 1105/QĐ- TTg ngày 14/10/2004 của Thủ tướng Chính phủ đổi tên Trung tâm Nghiên cứu thủy sản III thành Viện nghiên cứu nuôi trồng thủy sản III. Viện được Nhà nước tặng Huân chương Lao động hạng Ba (năm 1991); Huân chương Lao động hạng Hai (năm 1999).

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ:

- Điều tra môi trường và nguồn lợi thủy sản,
- Nghiên cứu khoa học, thực nghiệm kỹ thuật và

giống, nuôi trồng, khai thác, chế biến và bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

- Tổ chức sản xuất thử và hướng dẫn áp dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất trong phạm vi các tỉnh miền Trung từ Đà Nẵng đến Bình Thuận và các tỉnh Tây Nguyên.

- Tham gia công tác đào tạo cán bộ khoa học - kỹ thuật, thực hiện hợp tác quốc tế và chuyển giao công nghệ.

NHÂN LỰC VÀ TỔ CHỨC:

- Tổng số cán bộ của Viện là 74 người trong đó có 1 PGS, 3 tiến sĩ, 5 thạc sĩ và 48 người có trình độ đại học.

- Các bộ môn nghiên cứu gồm: nuôi giáp xác, nuôi hải đặc sản, nuôi cá nước ngọt, chế biến thủy sản, nghiên cứu môi trường và bệnh động vật thủy sản.

- Các cơ sở nghiên cứu và triển khai gồm: Trạm nghiên cứu thực nghiệm nuôi cá nước ngọt Quảng Hiệp, Lâm Đồng; Trạm nghiên cứu thực nghiệm nuôi hải đặc sản Phan Thiết, Bình Thuận; Trạm nghiên cứu thực nghiệm nuôi tráp cấy ngọc Vũng Rô, Phú Yên.

- Pilot thực nghiệm tại Nha Trang và các phòng sinh học, môi trường, bệnh thủy sản.

- Dự án quản lý nghề cá hồ chứa lưu vực sông Mê Kông ở Bắc Lào.



CÔNG TY CỔ PHẦN YÊN SƠN

Địa chỉ: 638 đường Điện Biên- thành phố Điện Biên * Điện thoại: 029. 852 026 Fax: 029. 855 555



NGÀNH NGHỀ KINH DOANH:

- ★ Giấy để xuất khẩu.
- ★ Gia công giấy vàng mã.
- ★ Gỗ xẻ xây dựng.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG:

- ★ Năm 2004, công ty có bước phát triển vượt bậc, sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao, cụ thể là:
- ★ Giá trị sản xuất công nghiệp: 42 tỉ 150 triệu đồng.
- ★ Doanh thu: 34 tỉ 194 triệu đồng (trong đó xuất khẩu trực tiếp 10 tỉ 850 triệu).
- ★ Lợi nhuận: 2 tỉ 815 triệu đồng, nộp ngân sách 1 tỉ 101 triệu đồng.
- ★ Thu nhập bình quân: 1 triệu đồng/ người/ tháng (tăng gấp 2 lần so với thời điểm trước "cổ phần hóa", năm 2003).
- ★ Nộp ngân sách: 1 tỉ 101 triệu đồng.
- ★ Để đạt được những thành tích trên, công ty đã không ngừng đầu tư trang thiết bị, nâng cao tinh thần trách nhiệm và trình độ của CBCNV, đồng thời luôn đảm bảo uy tín về chất lượng sản phẩm và thời gian giao hàng.
- ★ Trong thời gian tới, Công ty sẽ mở rộng quan hệ với khách hàng trong nước và ngoài nước, củng cố duy trì quan hệ với khách hàng truyền thống Đài Loan. Tăng cường chất lượng cũng như mẫu mã, chú trọng công tác đào tạo, các phương pháp quản lý chất lượng, đổi mới trang thiết bị...

BỆNH VIỆN LAO VÀ BỆNH PHỔI

Địa chỉ: 44 đường Thanh Nhân - Hai Bà Trưng - Hà Nội * Giám đốc: **LƯU THỊ LIÊN**

Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Hà Nội là một bệnh viện chuyên khoa lao và bệnh phổi đầu ngành thành phố. Bệnh viện có chức năng khám, điều trị bệnh nhân lao và bệnh phổi nội trú với 110 giường bệnh và điều hành Chương trình chống lao quốc gia trên địa bàn thành phố.

Với tinh thần đoàn kết, khắc phục khó khăn, luôn gương mẫu trong mọi mặt công tác, Đảng bộ Bệnh viện đã chú trọng lãnh đạo tốt công tác tư tưởng, xác định và nêu cao tinh thần trách nhiệm của cán bộ, đảng viên làm công tác phòng chống lao vì sự nghiệp chăm sóc sức khỏe nhân dân; lấy việc xây dựng các chi bộ trong sạch vững mạnh và xây dựng các tổ chức quần chúng mạnh làm hạt nhân tuyên truyền, giáo dục và vận động quần chúng, nỗ lực phấn đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ mà NQ Đại hội Đảng bộ Bệnh viện đã đề ra.

* Về thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch chuyên môn: trong 5 năm qua (2000 - 2004), tổng số lượt người khám bệnh hằng năm đều vượt 15% so với kế hoạch; giường bệnh thực hiện tăng từ 10 - 20% KH; công suất sử dụng giường bệnh tăng từ 10 - 20%. Công tác xã hội hóa về phòng chống lao trên địa bàn đã đạt được những kết quả đáng khích lệ, Bệnh viện được Chương trình chống lao quốc gia khen thưởng, công nhận là một trong những tỉnh, thành phố có hoạt động phòng chống lao xuất sắc.

* Công tác xây dựng Đảng: Đảng bộ đã chú trọng công tác chính trị tư tưởng trong toàn bệnh viện; thực hiện quán triệt 100% NQ, chỉ thị, hướng dẫn của TW, thành phố, Quận ủy Hai Bà Trưng tới cán bộ, đảng viên; nâng cao trách nhiệm của đảng viên trong việc gương mẫu chấp hành các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các quy chế quy định về chuyên môn và mọi hoạt động công tác của Bệnh viện: 100% đảng viên đều đủ tư cách hoàn thành tốt nhiệm vụ; 100% các chi bộ đều đạt chi bộ trong sạch, vững mạnh.

Trong những năm qua, dưới sự chỉ đạo sát sao của Quận ủy Hai Bà Trưng, lãnh đạo Sở Y tế Hà Nội, Đảng bộ và lãnh đạo Bệnh viện Lao và Bệnh phổi đã quyết tâm lãnh đạo Bệnh viện làm tốt công tác chính trị tư tưởng, nêu cao tinh thần trách nhiệm của cán bộ, đảng viên; kiên toàn tổ chức và cán bộ, lấy việc xây dựng các chi bộ và các tổ chức quần chúng trong sạch vững mạnh làm hạt nhân; không ngừng đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng bộ và các chi bộ, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cho cán bộ và nhân dân Thủ đô.



BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 5

CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 507 - CHI NHÁNH QUẢNG NINH

Địa chỉ: Tổ 39 - khu 6, đường Lê Lợi, phường Yết Kiêu, TP. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh
Điện thoại: 033. 629 435 fax: 033. 629 436 * Giám đốc: **HOÀNG ĐỨC ĐƯỜNG**

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH:

- Xây dựng các công trình giao thông, công nghiệp và dân dụng.
- Sản xuất vật liệu xây dựng, cấu kiện bê-tông đúc sẵn.
- Thi công và gia công dầm cầu thép, cấu kiện thép, sản phẩm cơ khí.
- Tư vấn xây dựng.
- Đầu tư xây dựng kinh doanh cơ sở hạ tầng, khu công nghiệp dân cư và đô thị.
- Cung ứng vật tư, xuất nhập khẩu vật tư, vật liệu xây dựng, thiết bị ngành xây dựng, giao thông vận tải.
- Xuất nhập khẩu công cụ sản xuất, hàng tiêu dùng, các loại sản phẩm phục vụ cho sản xuất công nghiệp và nông nghiệp.

CÁC CÔNG TRÌNH ĐANG THI CÔNG:

1. Dự án khu đô thị mới Vụng Đàng.
2. Dự án khu đô thị mới Cao Xanh-Sa Tô.
3. Dự án khu đô thị Ao Cá.
4. Dự án khu biệt thự-khách sạn Đồi truyền hình Bãi Cháy.
5. Dự án khu biệt thự Đồi truyền hình phía đông Bãi cháy.



*Lễ khởi công dự án Đồi truyền hình phía đông cầu Bãi Cháy
Tổng vốn đầu tư: 75,3 tỉ đồng, diện tích: 24,68 ha.*



TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM **CÔNG TY XI MĂNG BÚT SƠN**

ĐỊA CHỈ: XÃ THANH SƠN - HUYỆN KIM BẢNG - TỈNH HÀ NAM

TEL: 0351.851323 * FAX: 0351.851320

HIỆU QUẢ BỀN VỮNG CHO MỖI CÔNG TRÌNH

* Công ty Xi măng Bút Sơn có dây chuyền công nghệ và thiết bị hiện đại do hãng Technip-Cle
Cộng hòa Pháp cung cấp. Công suất: 1,4 triệu tấn xi măng/ năm.

* Sản phẩm: PCB 30, PCB 40 PC 40, PC 50.

* Đặc tính: Tốc độ phát triển cường độ hợp lý, cường độ cao.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA HÀ NỘI

Văn phòng: 87 Đặng Văn Ngữ, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (84-4) 5.72 9.374 / 75 * Fax: (84-4) 5.72 9.379

Email: hanoimilk@hn.vnn.vn

Website: www.hanoimilk.com

Nhà máy: Quang Minh, Mê Linh, Vĩnh Phúc

Điện thoại: (84-4) 8.866.563 / 67 - (0211) 834.255

Fax: (84-4) 8.866.564

Email: hanoimilkJSC@vol.vnn.vn



Công ty Cổ phần sữa Hà Nội (**Hanoimilk**) được thành lập ngày 2-11-2001, là một công ty sản xuất kinh doanh nhiều ngành nghề:

- » Chế biến sữa, sữa đậu nành, các sản phẩm từ sữa, nước quả và đồ uống.
- » Chế biến thực phẩm, thực phẩm dinh dưỡng, thực phẩm chức năng.
- » Nuôi trồng, chế biến thủy sản, thức ăn gia súc.
- » Chăn nuôi bò sữa, vùng nguyên liệu.
- » Nhập khẩu nguyên liệu, hương liệu, máy móc thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh ngành sữa và thực phẩm.
- » Tư vấn, đầu tư ngành sữa và chế biến thực phẩm.

Hanoimilk có nhà máy chế biến sữa - Nhà máy chế biến sữa Hà Nội- được khởi công xây dựng ngày 08-03-2002 trên địa bàn xã Quang Minh, huyện Mê Linh, tỉnh Vĩnh Phúc. Nhà máy Chế biến sữa Hà Nội có công suất trên 40 triệu lít sữa/ năm, là một trong những nhà máy có quy mô công suất lớn ở Việt Nam với tổng mức đầu tư trên 100 tỉ đồng. Với đầy chuyên kỹ thuật tiên tiến do tập đoàn Tetra Pak cung cấp cùng đội ngũ cán bộ kỹ thuật giỏi, với đội ngũ công nhân lành nghề. Với hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001 - 2000 và HACCP về vệ sinh an toàn thực phẩm, sản phẩm của Hanoimilk mang các thương hiệu **IZZ**I, **Yotuti**, **Yoha** đã chiếm được lòng tin yêu của người tiêu dùng cả nước.

CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC:

- » Phối hợp với UNESCO Việt Nam, Hanoimilk tổ chức 12 chương trình "Trẻ em cười" tạo ra sân chơi thú vị cho các em, được xã hội đánh giá cao.
- » Hanoimilk còn có quỹ khuyến học, các lễ trao học bổng cho các em được tổ chức qua các chương trình. Đến nay, thương hiệu **IZZ**I đã trở nên quen thuộc và được thiếu niên, nhi đồng toàn quốc tin yêu.
- » Ngoài ra, dự án khu công nghiệp 100 ha tại Phúc Yên đang được Hanoimilk tích cực triển khai.

Hanoimilk có quan hệ thương mại với các nhà cung cấp nguyên liệu và hương liệu nổi tiếng trong nước và trên thế giới. Hanoimilk sản xuất và mong muốn được hợp tác lâu dài với các nhà đầu tư, các công ty cung cấp nguyên liệu và hương liệu để đảm bảo chất lượng và phát triển các sản phẩm mới. Hanoimilk quyết tâm phấn đấu trở thành nhà cung cấp hàng đầu các sản phẩm sữa cho trẻ em toàn quốc.





HUYỆN LẬP THẠCH

ĐỊA CHỈ: THỊ TRẤN LẬP THẠCH, HUYỆN LẬP THẠCH, TỈNH VINH PHÚC

ĐT: 0211.830 104



Ban chấp hành Đảng bộ huyện khóa XVII
nhiệm kỳ 2000 -2005



Cầu Bến Gạo qua sông Phô Đáy nối liền Lập Thạch
với tỉnh lỵ và các huyện trong tỉnh



Cảnh đồng ngô xã Đồng Ích



Cảnh đồng dâu tằm trải rộng bên bờ sông Phô Đáy



Phát triển nuôi bò sữa ở xã Bắc Bình và Thái Hòa

Lập Thạch là huyện miền núi, địa bàn rộng, dân số đông, nhiều đầu mối, điểm xuất phát kinh tế thấp, trong khi nền kinh tế chủ yếu là sản xuất nông nghiệp luôn chịu ảnh hưởng của thiên tai. Song có thuận lợi rất lớn là được kế thừa những thành tựu kinh tế - xã hội của 15 năm đổi mới; Có Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX, các nghị quyết của Trung ương Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Vĩnh Phúc lần thứ XIII soi sáng; Đảng bộ và nhân dân phát huy truyền thống cách mạng anh hùng, đoàn kết, vượt qua mọi khó khăn, đạt được những thành tựu quan trọng, toàn diện trên tất cả các lĩnh vực, đã hoàn thành và hoàn thành vượt mức nhiều chỉ tiêu chủ yếu do Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XVII đề ra.



Bí thư
LÊ QUÝ HÙNG

❖ **Tổng giá trị sản xuất năm 2005** so với năm 2000 đạt 169,64%. Nhịp độ tăng bình quân 5 năm là 13,92% (vượt 3,92% mục tiêu ĐH). Thu nhập bình quân đầu người năm 2005 ước đạt 4,71 triệu đồng, tăng 2,34 triệu đồng so với năm 2000. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tỷ trọng nông nghiệp giảm, tỷ trọng công nghiệp, xây dựng, dịch vụ tăng.

❖ **Tổng sản lượng lương thực có hạt tăng** từ 6,02 vạn tấn (năm 2000) lên 6,8 vạn tấn (năm 2004). Năng suất lúa bình quân hàng năm tăng, đến năm 2004 đạt 43,46 tạ/ha, tăng 6,92 tạ/ha so với năm 2000.

❖ **Năm 2005, tổng đàn trâu** có 11.250 con, tăng 516 con; đàn bò có 40.000 con, tăng 12.220 con (30,55%); tỷ lệ bò lai Sind chiếm 30% tổng đàn; đàn lợn có 120.900 con tăng 34.688 con (28,69%); tỷ lệ đàn lợn lai chiếm 85% tổng đàn; đàn gia cầm có 1.750.000 con, tăng 569.000 con so với năm 2000.

❖ **Về thủy sản:** Thực hiện có hiệu quả chương trình 1 lúa, 1 cá ở đồng chiêm trũng. Khai thác tốt diện tích mặt nước để nuôi trồng thủy sản với tổng diện tích năm 2005= 1.350ha (tăng 350 ha so với năm 2000). Sản lượng năm 2005 đạt 2.582,7 tấn, tăng 1.486 tấn so với năm 2000.

❖ **Về trồng cây ăn quả:** Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị quyết 05 của BCH Huyện ủy khóa XVI về phát triển kinh tế vườn đối trồng cây ăn quả, năm 2000 có 1.665 ha đến nay toàn huyện có 2.977 ha.

❖ **Về lâm nghiệp:** Hoàn thành vượt mức chỉ tiêu kế hoạch, từ năm 2000 đến nay đã trồng mới được 2.507,26 ha. Bình quân mỗi năm trồng được 514,5 ha, năng độ che phủ từ 28,4% năm 2000 lên 32% năm 2005, đã phủ xanh đất trống đồi núi trọc.

❖ **Giao thông- vận tải:** Nhiều tuyến đường của tỉnh, huyện, xã được cải tạo nâng cấp, đi lại thuận lợi hơn, tổng giá trị đầu tư đạt 116,2 tỉ đồng. Hoàn thành xây dựng cầu Yên

Dương, đang xúc tiến xây dựng cầu Bi La. Đến nay đường quốc lộ và tỉnh lộ đã rải nhựa và bê tông 32km, chiếm 37,6%; đường huyện rải nhựa và bê tông 27km chiếm 24,5%; đường xã và liên xã đổ bê tông và lát gạch được 71,4 km, chiếm 11,2%; đường thôn và liên thôn đổ bê tông và lát gạch được 64,6km, chiếm 7,2%.

❖ **Công tác tài chính:** Chủ động khai thác các nguồn thu, tranh thủ nguồn vốn của trên để tăng thu ngân sách. Tổng thu ngân sách Nhà nước năm 2001 = 34,625 tỉ đồng, tăng lên 44,545 tỉ đồng năm 2005, bình quân mỗi năm tăng 6,5%. Trong đó thu trên địa bàn đạt 17,885 tỉ đồng, vượt chỉ tiêu Đại hội XVII đề ra. Tổng dự nợ năm 2005 ước đạt 162,2 tỉ đồng, gấp 2,8 lần so với năm 2000.

❖ **Về giáo dục:** Phát triển cả quy mô và chất lượng. Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy, học được cải thiện, đầu tư theo hướng chuẩn hóa. Hiện có 38 trường mẫu giáo, thu nhận 98,7% trẻ 5 tuổi đến trường; 38 trường tiểu học với 15.579 học sinh; 42 trường THCS với 20.133 học sinh; 7 trường THPT với 10.295 học sinh; có 1 Trung tâm GDTX và 1 Trung tâm dạy nghề. Hệ thống trường mầm non đến THPT được đa dạng hóa và cơ bản đáp ứng yêu cầu học tập của học sinh. Chất lượng giáo dục đại trà được nâng lên. 100% giáo viên tiểu học đạt chuẩn, trong đó trên chuẩn 24%; 96,3% giáo viên THCS đạt chuẩn, trong đó trên chuẩn 23,74%.

❖ **Công tác xây dựng Đảng:** Được xác định là nhiệm vụ then chốt nền các cấp ủy Đảng đặc biệt coi trọng. Cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân thường xuyên được tuyên truyền giáo dục chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, những chỉ thị, Nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và những nhiệm vụ chính trị của địa phương tạo nên sự thống nhất cao về tư tưởng và hành động trong toàn Đảng bộ.



HX
9
NL88B

Tạp chí Công sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM



UNIV. OF MICH.
DEC 15 2005
CURRENT SERIALS

21

11-2005

HUYỆN BÌNH XUYỀN

Địa chỉ: Thị trấn Hương Canh, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc
Điện thoại: 0211. 866 791



Bí thư
Nguyễn Ngọc Bắc



Ban chấp hành Huyện ủy
khóa 2000 - 2005



Một góc cụm công nghiệp
Hương Canh



Chăn nuôi bò lai Sind
ở xã Phú Xuân



Cánh đồng lúa lai F1 Bội tập
Sơn Thanh ở huyện Bình Xuyên

Bình Xuyên là huyện có vị trí địa lý thuận lợi, trung tâm huyện có trục đường quốc lộ 2 và tuyến đường sắt Hà Nội - Lào Cai chạy qua, nối liền với thị xã Vĩnh Yên, thị xã Phúc Yên và các khu công nghiệp lớn. Diện tích đất tự nhiên của huyện là: 14.559,09 ha, có 12 xã và 1 thị trấn, dân số là 105.008 người. Có 55 chi, Đảng bộ trực thuộc với 3.443 đảng viên.

VỀ KINH TẾ:

5 năm qua lĩnh vực kinh tế của huyện có tốc độ tăng trưởng vượt bậc. Hầu hết các chỉ tiêu cơ bản đã đạt và nhiều chỉ tiêu vượt cao so với kế hoạch đề ra.

- ❖ Sản xuất CN-TTCN đang từng bước phát triển, năm 2000 tỷ trọng giá trị sản xuất của ngành CN - TTCN chỉ chiếm 20%, đến năm 2005 ước đạt 81% giá trị sản xuất của toàn huyện.
- ❖ Sản xuất nông, lâm nghiệp tiếp tục phát triển. Tổng sản lượng lương thực cây có hạt năm 2005 ước đạt 41.549 tấn, tăng 3.165 tấn so với năm 2000. Bình quân lương thực 410kg/người năm 2005. Giá trị bình quân 1 ha canh tác năm 2005 ước đạt 24,3 triệu đồng/ha, trong đó diện tích có thu nhập từ 30 triệu đồng trở lên đạt 40% (tăng 22% so với năm 2000)
- ❖ Chăn nuôi có bước phát triển mới tăng số lượng và chất lượng, tạo nhiều sản phẩm hàng hóa chiếm tỉ trọng ngày càng cao trong cơ cấu sản xuất nông nghiệp, tới nay trên 70% tổng đàn lợn đã được nạc hóa, tỉ lệ đàn bò lai Sind tăng từ 32% của năm 2000 lên 50% năm 2005. Đến năm 2005, tổng đàn trâu ổn định ở mức từ 3.300-3.500 con, đàn bò tăng bình quân 6% năm, đàn lợn tăng bình quân 9% năm, tổng đàn lợn là 50.000 con.
- ❖ Công tác quản lý đất đai đã từng bước chấn chỉnh và đi vào nề nếp. Trong 5 năm đã thu hồi và bàn giao 356 ha đất nông nghiệp, trong đó giao đất cho các doanh nghiệp và xây dựng kết cấu hạ tầng khu công nghiệp là 254 ha.
- ❖ Thương mại, du lịch, dịch vụ có bước phát triển

ở hầu hết các xã, thị trấn. Giá trị thương mại dịch vụ trên địa bàn năm 2005 ước đạt 157 tỉ đồng, tăng bình quân 25%/ năm. Tiềm năng du lịch sinh thái hồ Thanh Lan đã được quy hoạch và triển khai xây dựng tạo điểm nối liền hoàn khu du lịch Tam Đảo.

- ❖ Hoạt động tài chính, tín dụng ngân hàng đạt kết quả cao, sử dụng ngân sách có hiệu quả. Tổng thu ngân sách năm 2005 ~ 50 tỉ đồng, tăng 6 lần so với năm 2000.

VỀ VĂN HÓA - XÃ HỘI:

- ❖ Giáo dục và đào tạo có bước phát triển khá toàn diện theo hướng đa dạng hóa, xã hội hóa, số lượng trường lớp đều tăng, chất lượng dạy và học đều được nâng lên. Tỷ lệ học sinh đỗ tốt nghiệp, học sinh khá giỏi hàng năm đều tăng; có 7 trường được công nhận là trường chuẩn quốc gia.
- ❖ Công tác y tế được chú trọng, đã thực hiện tốt chương trình y tế quốc gia, y tế dự phòng, từng bước nâng cao chất lượng khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân.
- ❖ Việc thực hiện các chính sách xã hội được thực hiện chu đáo. Đến năm 2005 đã xây dựng được 39 ngôi nhà tình nghĩa, 172 nhà Đại đoàn kết, xóa các nhà tạm nhà dột nát trên địa bàn huyện. Tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 13% (năm 2000) xuống còn 6,4%(năm 2005).

CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG:

- ❖ Công tác xây dựng Đảng đã được tăng cường, vai trò lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức Đảng thường xuyên được chăm lo xây dựng, đáp ứng yêu cầu lãnh đạo nhiệm vụ phát triển kinh tế là trung tâm, xây dựng Đảng là then chốt.

TIÊU CẢNH CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU NHIỆM KỲ 2005-2010

Tốc độ tăng trưởng kinh tế trên địa bàn tăng bình quân 18-20%/năm.

Cơ cấu kinh tế đến năm 2010:

- ✓ Giá trị sản xuất CN-TTCN: 85,8%
- ✓ Giá trị thương mại- dịch vụ: 7,3%
- ✓ Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp: 6,9%
- ✓ Thu chi ngân sách:
- ✓ Tổng thu ngân sách huyện: 75 tỉ
- ✓ Tổng chi ngân sách huyện: 50 tỉ
- ✓ Đến năm 2010 gia đình văn hóa đạt 85-90%; làng văn hóa đạt 70-75%; đơn vị văn hóa đạt 90-95%.

Bình quân hàng năm kết nạp 150 đảng viên mới; 85% cơ sở Đảng và 80% chi bộ dưới cơ sở đạt TSMV.

Đảng bộ và nhân dân các dân tộc đoàn kết, tình thân hữu động viên và ủng hộ, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc đoàn kết phục hồi kinh tế, trung tâm phát triển KT-XH, hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu do Nghị quyết Đại hội lần thứ X của Đảng đề ra, xây dựng quê hương Bình Xuyên Anh hùng ngàn năm.



THÁNG 2 KỶ

RA NGÀY 1 VÀ 16

SỐ 744

21

11-2005

● BỘ BIÊN TẬP :

52 Nguyễn Chí Thanh, Hà Nội
Điện thoại : (04) 7 753 605
Fax : (04) 7 753 633
Email: bbtccs@hn.vnn.vn

● Cơ quan thường trú tại miền Trung :

26 Trần Phú,
Thành phố Đà Nẵng
Điện thoại : (080) 51301
Fax : (080) 51303

● Cơ quan thường trú tại miền Nam :

19 Phạm Ngọc Thạch,
Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại : (08) 8 274 638
Fax : (08) 8 231 664

● Tạp chí Cộng sản điện tử :

<http://www.tapchicongsan.org.vn>

● Tổng Biên tập :

LÊ HỮU NGHĨA



Bìa 1: Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh
dự Lễ phát động và tham gia
mua trái phiếu xây dựng Thủ đô

Ảnh: Xuân Tuấn

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

MỤC LỤC

TIẾN TỚI ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ X CỦA ĐẢNG

NGUYỄN PHÚ TRỌNG - Về cuộc đấu tranh tư tưởng trong tình hình hiện nay	3
LÊ HỮU NGHĨA - củng cố và tăng cường quan hệ gắn bó giữa Đảng với nhân dân trong giai đoạn hiện nay	9

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

TRẦN QUANG NHIẾP - Đề nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng	14
NGUYỄN VĂN THẠO - Vì sao sự phát triển kinh tế nước ta còn ở dưới mức tiềm năng	19
BÀNH TIẾN LONG - Đổi mới mạnh mẽ, cơ bản, toàn diện và sâu sắc giáo dục đại học nước ta thời kỳ 2006 - 2020	24
DƯƠNG THỊ BÌNH MINH - SỬ ĐÌNH THÀNH - Đổi mới chính sách quản lý chi tiêu công phục vụ tăng trưởng bền vững	29
NGUYỄN THỊ VY - Thành công và thách thức trong công cuộc xóa đói giảm nghèo ở nước ta hiện nay	33

THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM

NGUYỄN TUẤN MINH - Bà Rịa - Vũng Tàu vững tin hướng tới tương lai	38
THÍCH THANH TỬ - Phật giáo Việt Nam đoàn kết vì đạo pháp, dân tộc và chủ nghĩa xã hội	42
DOÃN ĐÌNH HUỆ - Phát triển sản xuất hàng hóa theo hướng đa dạng và bền vững ở Quỳnh Hợp, Nghệ An	46
MINH NHẬT - Sinh hoạt chi bộ: vấn đề thực tế và yêu cầu	51

THƯ GỬI BỘ BIÊN TẬP

LÊ HỒNG - Ông Hoàng Minh Chính xuyên tạc chủ nghĩa Mác như thế nào?	55
---	----

SINH HOẠT TƯ TƯỞNG

NAM DŨNG - Biết mà "không biết"!	59
----------------------------------	----

THẾ GIỚI: VẤN ĐỀ - SỰ KIỆN

NGUYỄN HUY QUÝ - Sáng tạo lý luận trong quá trình cải cách, mở cửa, hiện đại hóa xã hội chủ nghĩa ở Trung Quốc	61
TRẦN TRỌNG - Từ Hội nghị cấp cao toàn cầu Liên hợp quốc đến vấn đề đói nghèo trên thế giới	67

TIN HOẠT ĐỘNG LÝ LUẬN - THỰC TIỄN

Hội thảo khoa học - thực tiễn: Bảy mươi lăm năm công tác dân vận của Đảng	72
---	----

СОДЕРЖАНИЕ

• НГУЕН ФУ ЧОНГ: Об идеологической борьбе в настоящей обстановке. • ЛЕ ХЫУ НГИА: Укрепление и активизация тесной взаимосвязи между Партией и народом на данном этапе. • ЧАН КУАНГ НИЕП: Ради повышения руководящей способности и боевой воли Партии. • НГУЕН ВАН ТХАО: Почему экономическое развитие нашей страны оказалось на уровне ниже потенциальной возможности. • БАНЬ ТИЕН ЛОНГ: Всестороннее, сильное, коренное и глубокое изменение вузовского образования в нашей стране в период 2006-2010гг. • ЗЫОНГ ТХИ БИНЬ МИНЬ – ШЫ ДИНЬ ТХАНЬ: Обновление политики распоряжения бюджетными финансами ради устойчивого развития. • НГУЕН ТХИ ВИ: Достижения и испытания в борьбе за ликвидацию голода и снижение уровня бедности в нашей стране на данном этапе. • НГУЕН ТУАН МИНЬ: Провинция Бариа-Вунгтау уверенно обращается к будущему. • ТХИТЬ ТХАНЬ ТЫ: Вьетнамские буддисты сплачивают за обеспечение буддистских принципов, нацию и социализм. • ЛЕ ХОНГ: Как Хоанг Минь Тинь искажал марксизм? • НГУЕН ХУ КУИ: Теоретическое творчество в процессе реформы, "открытой двери", социалистической модернизации в Китае.

CONTENTS

• NGUYỄN PHÚ TRỌNG: Regarding the ideological struggle in the present situation. • LÊ HỮU NGHĨA: Strengthening and increasing the relationship between the Party and people in the present period. • TRẦN QUANG NHIỆP: In order to enhance the Party's leadership capacity and fighting power. • NGUYỄN VĂN THẠO: Why our country's economic development is still under the potential level. • BÀN H TIẾN LONG: Renovating higher education of our country in the 2006-2020 period in a strong, fundamental, comprehensive and profound manner. • DƯƠNG THỊ BÌNH MINH – SỬ ĐÌNH THÀNH: Renovating the policy of public-expenses management for the sake of sustainable growth. • NGUYỄN THỊ VY: Achievements and challenges in the matter of famine cancellation and poverty reduction in our country at the present. • NGUYỄN TUẤN MINH: Bà Rịa - Vũng Tàu province is confidently turning toward the future. • THÍCH THANH TỬ: Vietnamese Buddhism is solidary for Buddhist path and principles, for the nation and socialism. • LÊ HỒNG: How does Hoàng Minh Chính distort Marxism? • NGUYỄN HUY QUÝ: Theoretical creativeness in the process of reforms, door-opening and socialist modernisation in China.

SOMMAIRE

• NGUYỄN PHÚ TRỌNG : Sur la lutte idéologique dans le contexte actuel. • LÊ HỮU NGHĨA : Consolider et renforcer les relations étroites entre le Parti et le peuple à l'étape actuelle. • TRẦN QUANG NHIỆP : Pour améliorer la capacité de direction et la combativité du Parti. • NGUYỄN VĂN THẠO : Pourquoi notre développement économique restait-il au-dessous du niveau de son potentiel ? • BÀN H TIẾN LONG : Une forte rénovation sous tous les aspect de l'enseignement supérieur au Vietnam dans la période 2006-2020. • DƯƠNG THỊ BÌNH MINH – SỬ ĐÌNH THÀNH : La rénovation de la politique de gestion des dépenses publiques au service du développement durable. • NGUYỄN THỊ VY : Succès et défis de l'œuvre de liquidation de la famine et de réduction de la pauvreté dans notre pays à l'heure actuelle. • NGUYỄN TUẤN MINH : La province de Bà Rịa-Vũng Tàu s'avance en croyant fermement en l'avenir. • THÍCH THANH TỬ : Les adeptes du bouddhisme au Vietnam : solidarité pour la doctrine bouddhique, la nation et le socialisme. • LÊ HỒNG : Comment Hoàng Minh Chính a-t-il défiguré le marxisme ? • NGUYỄN HUY QUÝ : La création théorique dans le processus de réformes, d'ouverture et de modernisation du socialisme en Chine.

SUMARIO

• NGUYỄN PHÚ TRỌNG : A cerca de la lucha ideológica en la actual situación. • LÊ HỮU NGHĨA : Reforzar y aumentar los vínculos entre el Partido y el pueblo en el actual período. • TRẦN QUANG NHIỆP : A fin de elevar la capacidad directiva y la combatividad del Partido. • NGUYỄN VĂN THẠO : ¿Por qué el desarrollo económico de nuestro país es bajo su potencialidad? • BÀN H TIẾN LONG : Renovar de manera impetuosa, esencial, multifacética y profunda la enseñanza universitaria de nuestro país en el período de 2006-2020. • DƯƠNG THỊ BÌNH MINH – SỬ ĐÌNH THÀNH : Renovar la política de gestión de gastos públicos en servicio del crecimiento estable. • NGUYỄN THỊ VY : Éxitos y retos en la actual obra de liquidación del hambre y disminución de la pobreza en nuestro país. • NGUYỄN TUẤN MINH : La provincia de Bà Rịa-Vũng Tàu con su firme confianza hacia el futuro. • THÍCH THANH TỬ : El budismo vietnamita unido por la doctrina budista, la nación y el socialismo. • LÊ HỒNG : ¿Cómo tergiversa el señor Hoàng Minh Chính el marxismo? • NGUYỄN HUY QUÝ : La creatividad teórica en el proceso de reformas, apertura y modernización socialista en China.

目 录

• 阮富仲：目前形势下的思想斗争•黎友义：在目前阶段巩固及增强党与人民的密切关系•陈光摄：提高党的领导能力及其战斗力•阮文陶：我国经济发展为何尚处于潜能之下•彭进龙：对我国 2006 年至 2020 年阶段的大学教育加大力度，进行基本、全面及深刻的革新•杨氏平明、史亭成：为稳定增长，革新公款使用管理政策•阮氏薇：我国目前消饥减贫工作所取得的成功及面临的挑战•阮俊明：巴地一头顿省坚信不移，面向未来•释清赐：越南佛教为佛法、民族以及社会主义而团结•黎红：黄明正是如何歪曲马克思主义的？•阮辉贵：中国改革开放，社会主义现代化过程中的理论创造。



VỀ CUỘC ĐẤU TRANH TƯ TƯỞNG TRONG TÌNH HÌNH HIỆN NAY

NGUYỄN PHÚ TRỌNG *

ĐẤU tranh tư tưởng là một bộ phận của cuộc đấu tranh dân tộc, đấu tranh giai cấp; và phản ánh cuộc đấu tranh dân tộc, đấu tranh giai cấp. Đấu tranh tư tưởng bao gồm đấu tranh về quan điểm lý luận, tư tưởng chính trị, cương lĩnh, đường lối..., diễn ra trên tất cả các lĩnh vực (kinh tế, chính trị, văn hóa, giáo dục, quân sự, ngoại giao,...); thể hiện dưới nhiều hình thức (công khai, hợp pháp, bán công khai, bí mật,...) và được thực hiện bằng nhiều phương tiện (báo chí, xuất bản, văn hóa - nghệ thuật, hội thảo, tiếp xúc trực tiếp, truyền miệng,...).

Đấu tranh tư tưởng là công việc thường xuyên, lúc rộ lên, lúc lắng xuống, tùy tình hình chính trị và tương quan lực lượng. Đây cũng là mặt trận không có tiếng súng nhưng cực kỳ gay go, phức tạp, quyết liệt, đòi hỏi phải có trình độ lý luận, trình độ trí tuệ nhất định và phải huy động sức mạnh của toàn dân, của cả hệ thống chính trị. Nó đóng vai trò quan trọng không chỉ trong việc củng cố vững chắc trận địa tư tưởng hằng ngày, hằng giờ, mà còn có tầm chiến lược, góp phần quyết định trong việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, của Nhà nước, của chế độ; xây dựng và bảo vệ cơ sở lý luận, đường lối cách mạng, xác định hướng đi và dẫn dắt quần chúng nhân dân; làm thất bại mọi âm mưu của các thế lực thù địch.

Trong tình hình hiện nay, khi mà bối cảnh trong nước và quốc tế có những diễn biến phức tạp, đất nước ta tiến hành đổi mới toàn diện, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, thực hiện mở cửa, hội nhập, vừa hợp tác vừa đấu tranh, các thế lực thù địch đang ra sức chống phá cách mạng nước ta, thì cuộc đấu tranh trên lĩnh vực tư tưởng, bảo vệ an ninh tư tưởng càng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng.

*

* *

Âm mưu cơ bản, lâu dài của các thế lực thù địch là xóa bỏ chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta, xóa bỏ sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, xóa bỏ chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Một số người cầm đầu nước Mỹ đã nhiều lần công khai tuyên bố rằng, đối với Việt Nam, Mỹ đã thua trong chiến tranh, bây giờ phải tìm mọi cách thắng trong hòa bình; đã thua trên chiến trường bây giờ phải thắng trên thị trường; chừng nào chưa xóa bỏ được chủ nghĩa xã hội thì Mỹ vẫn cho đó là chưa hoàn thành nhiệm vụ trong cuộc đấu tranh ý thức hệ.

Để thực hiện được âm mưu cơ bản đó, các thế lực thù địch đã áp dụng lần lượt hết chiến

* GS, TS, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương

lược này đến chiến lược khác, hết chiến dịch này đến chiến dịch khác, rất kiên trì, bền bỉ, trong đó “diễn biến hòa bình” là một chiến lược rất lợi hại. Đây chính là “thủ đoạn hòa bình để giành thắng lợi”, là phương pháp “chuyển hóa hòa bình”, “biến đổi hòa bình”, “cách mạng hòa bình”, và gần đây là “cách mạng nhung”, “cách mạng đường phố”,... Trong chiến lược này, hoạt động tư tưởng - văn hóa được họ coi là “mũi đột phá”, là “cây cầu dẫn vào trận địa”. Có người đã nói rằng, chiến lược của chủ nghĩa đế quốc được tiến hành chủ yếu trên hai phương diện: *một là* xâm lược bằng quân sự, và *hai là* làm tan rã bằng tư tưởng. Nếu phương diện thứ nhất dựa vào sức mạnh của kẻ cướp thì phương diện thứ hai dựa vào thủ đoạn làm tan rã nội bộ, hết sức thâm độc. Các nhà tư tưởng của chủ nghĩa đế quốc đã tổng kết: “Có những việc 100 máy bay chiến đấu không thực hiện nổi, nhưng chỉ cần 10 sứ giả lại có thể hoàn thành”; “một đài phát thanh cũng có thể bình định xong một đất nước”; ngày nay “làn sóng điện đang thay thế thanh gươm; cây bút là phương tiện đi vào trái tim khối óc con người”; “một đô-la chi cho tuyên truyền có tác dụng ngang với 5 đô-la chi cho quốc phòng”. Chính ông R. Ních-xon (nguyên Tổng thống Mỹ) đã nhiều lần nhấn mạnh rằng: “Mặt trận tư tưởng là mặt trận quyết định nhất”; “toàn bộ vũ khí của chúng ta, các hoạt động mậu dịch, viện trợ, quan hệ kinh tế sẽ không đi đến đâu nếu chúng ta thất bại trên mặt trận tư tưởng”.

Không phải ngẫu nhiên mà cứ mỗi dịp chúng ta chuẩn bị Đại hội Đảng thì các làn sóng chống đối ta về mặt tư tưởng chính trị lại rộ lên, khá dồn dập. Các thế lực thù địch chắc chắn đây là cơ hội để họ tấn công tác động, làm thay đổi đường lối chính trị, chuyển hóa tình hình ở nước ta, cho nên họ hoạt động rất điên cuồng với nhiều thủ đoạn, vừa tinh vi, vừa trắng trợn.

Họ tiến công ta mạnh mẽ về tư tưởng và văn hóa, ra sức xuyên tạc lịch sử, truyền bá các quan điểm sai trái, làm rối loạn tư tưởng, khủng hoảng niềm tin, coi đây là mũi nhọn thọc sâu, tạo ra sự chống đối từ nội bộ xã hội ta, để phá ta từ bên trong phá ra. Thông qua các tổ chức phi chính phủ, qua các hình thức giao lưu, hợp tác về kinh tế, văn hóa, giáo dục, khoa học... để thâm nhập, thu thập tin tức tình báo, làm chuyển hóa tư tưởng, chuyển hóa chính trị, mua chuộc cán bộ, cài cắm nội gián; móc nối với những người bất mãn, cơ hội chính trị, những người nắm được bí mật quốc gia. Tìm cách can thiệp cho một số người ra nước ngoài dự hội thảo, học tập; đưa giáo viên và lưu học sinh nước ngoài vào Việt Nam học tập, nghiên cứu, tiếp xúc, giao lưu... với những mục đích đen tối.

Lợi dụng các hoạt động tôn giáo, dân tộc để can thiệp vào nội bộ ta; lợi dụng các diễn đàn công khai (hội nghị, hội thảo) để tuyên truyền “tự do”, “dân chủ”, “nhân quyền”, tuyên truyền quan điểm cá nhân ích kỷ, lối sống thực dụng, suy đồi; vu cáo ta vi phạm dân chủ, nhân quyền để tạo cơ can thiệp vào nước ta. Gần đây người ta nói trắng ra rằng: “Mục tiêu nhân quyền sẽ là lưỡi gươm để buộc Hà Nội đi chệch hướng trong đối sách, ... Nếu nhân tố dân chủ được phát triển tại Việt Nam trong Đại hội X thì cục diện chính trị hóa dân chủ có thể chuyển sang cuộc “cách mạng xanh”...”

Các trung tâm phá hoại tư tưởng ở nước ngoài tăng cường các hoạt động truyền thông đại chúng và tuyên truyền rỉ tai, kích động. Sử dụng 53 đài phát thanh và truyền hình, 370 tờ báo và tạp chí tiếng Việt (trong đó có những tờ rất phản động) để tuyên truyền chống Việt Nam. Đưa một số lớn tài liệu, sách báo, truyền đơn, băng hình, băng nhạc có nội dung phản động, đòi truy vào nước ta. Lợi dụng những thư từ góp ý, những cuộc thảo luận, những tranh luận nội bộ ta để xuyên tạc, cắt xén, nhào

nặng theo ý họ rồi đưa lên In-tơ-nét. Tổ chức gấp gáp, phỏng vấn, ve vãn những đối tượng họ cho là có thể lôi kéo được. Triệt để khai thác, sử dụng các tài liệu, thông tin từ những phần tử cơ hội chống Đảng, chống chủ nghĩa xã hội; kích động, tâng bốc một số người có quan điểm sai trái.

Các tổ chức phản động người Việt lưu vong ở nước ngoài tiếp tục sử dụng chiêu bài chống tham nhũng, đòi dân chủ, nhân quyền để tuyên truyền, kích động, chia rẽ nội bộ ta; tìm mọi cách câu kết, móc nối với những người bất mãn trong nước, kêu gọi người Việt ở hải ngoại ủng hộ, tiếp sức cho lực lượng “quốc nội” nổi dậy. Gần đây, họ dấy lên phong trào đòi áp dụng mô hình “xã hội dân sự” mà thực chất là đòi tự do dân chủ kiểu vô chính phủ và đang cố dựng lên những “ngọn cờ” để chống ta.

Một số phần tử phản động đội lốt tôn giáo ra sức tuyên truyền, vận động, lôi kéo quần chúng theo đạo, gây thanh thế, tranh giành ảnh hưởng, đòi thoát ly sự quản lý của Nhà nước. Một số chức sắc truyền đạo trái phép, kích động tín đồ chống lại chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, nhất là ở các vùng sâu, vùng xa, lôi kéo tín đồ, kể cả cán bộ, đảng viên, đi lễ bái và tham gia các hoạt động mê tín.

Một số người cơ hội chính trị, bất mãn lợi dụng các diễn đàn, các mối quan hệ để truyền bá những quan điểm sai trái, liên tiếp viết đơn thư, tài liệu tung lên mạng, hoặc phát tán, rỉ tai vu cáo, đả kích chế độ ta, kích động nhân dân, nhất là thanh niên, sinh viên, văn nghệ sĩ, trí thức... đứng lên lật đổ chế độ.

Toàn bộ những hoạt động nêu trên tuy mỗi loại có biểu hiện khác nhau, với những tính chất, phạm vi, mức độ khác nhau, nhưng tựu trung đều nhằm tiến công vào sự lãnh đạo của Đảng ta, đòi xóa bỏ sự lãnh đạo của Đảng, xóa bỏ chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Đại thể vẫn là:

- Phủ nhận thành tựu của cách mạng, thành tựu của công cuộc đổi mới. Thổi phồng khuyết điểm, bôi đen hiện thực, rồi quy kết đó là do đường lối sai, do sự lãnh đạo và quản lý yếu kém của Đảng và Nhà nước. Rằng đường lối đổi mới “không có cơ sở lý luận và thực tiễn”, “khập khiễng, chấp vá”, “sớm muộn gì cũng đi vào bế tắc và khủng hoảng”!

- Phủ nhận chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, cho rằng chủ nghĩa Mác - Lê-nin sai từ gốc hoặc không hợp với Việt Nam, đến nay đã lỗi thời. Họ làm rất có bài bản, đi từ thấp đến cao, từ những vấn đề riêng lẻ đến những vấn đề căn bản cốt lõi. Từ chỗ phủ nhận một số luận điểm đi đến phủ nhận toàn bộ, cả phương pháp luận, phép biện chứng là linh hồn của chủ nghĩa Mác.

- Phủ nhận con đường xã hội chủ nghĩa, cho rằng đi lên chủ nghĩa xã hội là không tưởng, viển vông; kinh tế thị trường không tương dung với chủ nghĩa xã hội; muốn đất nước giàu lên thì phải hội nhập vào chủ nghĩa tư bản, đi theo con đường tư bản chủ nghĩa.

- Phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng, cho rằng Đảng là nhân tố cản trở sự đi lên của đất nước, cần phải loại bỏ hoặc thực hiện “đa đảng”. Chĩa mũi nhọn đả kích vào các cơ quan tham mưu, cơ quan chuyên chính, cơ quan bảo vệ pháp luật; ra sức mỉa mai, chia rẽ dân với Đảng và Nhà nước.

- Phủ nhận nguyên tắc tập trung dân chủ, đòi dân chủ cực đoan, vô giới hạn. Cho rằng thực hiện tập trung dân chủ là độc đoán, đảng trị, mất dân chủ. Tìm mọi cách tác động vào báo chí, đòi ra báo tư nhân và lập nhà xuất bản tư nhân, cổ xúy cho khuynh hướng “ly khai”, “độc lập”, không chịu sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước.

- Kích động, chia rẽ nội bộ, tung ra luận điệu trong Đảng, trong Trung ương, Bộ Chính trị có phe này, phái kia, nội bộ mất dân chủ, mất đoàn kết. Bịa đặt xuyên tạc lịch sử, đòi

“lật án”, vu cáo, bôi nhọ các cán bộ lãnh đạo cao cấp của Đảng, kể cả Bác Hồ, hạ bệ thần tượng Hồ Chí Minh...

Những luận điểm của các thế lực thù địch và các phần tử cơ hội, bất mãn nói trên, tuy không có gì mới, nhưng nó được tung ra, truyền bá vào lúc này là hết sức độc hại, nguy hiểm; chí ít nó cũng gieo rắc hoài nghi, phá rã niềm tin của nhân dân, gây phân tâm, nghi ngờ nội bộ. Không phải không có những cơ sở xã hội nhất định để làm nảy sinh hoặc tiếp nhận những quan điểm, tư tưởng sai trái đó. Điều đáng chú ý là, dường như có sự phối hợp trong ngoài, tung hứng lẫn nhau, khá nhịp nhàng, bài bản, rất quyết liệt và thâm độc.

*
* *

Nhận rõ vị trí quan trọng của công tác tư tưởng, trong thời gian qua, Đảng và Nhà nước ta đã chỉ đạo thường xuyên và chặt chẽ cuộc đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng, bảo vệ đường lối, quan điểm của Đảng, làm thất bại những âm mưu và thủ đoạn của các thế lực thù địch. Nhiều nghị quyết Trung ương đã phân tích, chỉ ra những nguy cơ của thời kỳ mới, trong đó có nguy cơ “diễn biến hòa bình”, coi trọng công tác xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng và kiên quyết đấu tranh chống những khuynh hướng, những biểu hiện mơ hồ, lệch lạc về tư tưởng; kịch liệt phê phán bác bỏ những quan điểm sai trái.

Tuy nhiên, công tác đấu tranh tư tưởng của ta còn không ít khuyết điểm. Nhiều người chưa nhận thức đầy đủ bản chất của chủ nghĩa thực dân kiểu mới, có những biểu hiện mơ hồ mất cảnh giác trước những âm mưu, thủ đoạn “diễn biến hòa bình”. Không ít trường hợp chỉ nặng về chuyên môn đơn thuần, không chú ý đầy đủ vấn đề chính trị. Một bộ phận cán bộ, đảng viên thiếu vững vàng về chính trị, phai nhạt lý tưởng, dao động niềm tin. Sức chiến đấu của không ít tổ chức đảng bị giảm sút.

Trong hoạt động kinh tế, đối ngoại, khoa học, văn hóa, báo chí - xuất bản,... có những sơ hở để địch lợi dụng khai thác bí mật quốc gia. Công tác quản lý xuất, nhập văn hóa phẩm (nhất là phim ảnh, băng nhạc, băng hình, sách, báo...), các hoạt động giao lưu trao đổi văn hóa, giáo dục, khoa học - kỹ thuật với nước ngoài còn lỏng lẻo, gây nên những hậu quả không tốt; để lan truyền nhiều ấn phẩm độc hại.

Công tác tư tưởng, tuyên truyền giáo dục chưa thường xuyên, chưa kịp thời, tính chiến đấu chưa cao. Báo chí còn thiếu những bài đấu tranh trực diện sắc sảo, có sức thuyết phục. Sự phối hợp và chủ động tiến công trên mặt trận tư tưởng - văn hóa giữa các ngành, các cấp còn hạn chế; có lúc hiệu quả chưa cao.

Một số địa phương, cơ sở quan niệm đấu tranh chống “diễn biến hòa bình” là việc của Trung ương, của cấp trên; nhiều người không thấy hết những hoạt động của địch đã và đang tác động đến tận người dân ở cơ sở, len lỏi đến cả vùng sâu, vùng xa trên nhiều lĩnh vực. Tình trạng mất dân chủ ở cơ sở dẫn đến khiếu kiện kéo dài, vượt cấp; tệ quan liêu, tham nhũng chưa được đẩy lùi và các tệ nạn xã hội khác đang diễn biến phức tạp là nhân tố làm suy yếu khả năng ngăn chặn âm mưu “diễn biến hòa bình”, thậm chí đây còn là miếng đất màu mỡ để các thế lực thù địch khai thác, lợi dụng chống phá ta.

Thực tế đã chứng minh, trong bất kỳ tình hình nào, âm mưu nào, mục tiêu của các thế lực thù địch là không thay đổi. Họ sẽ ra sức hoạt động để đạt mục đích cuối cùng là xóa bỏ Đảng Cộng sản, chuyển hóa chế độ xã hội chủ nghĩa; chỉ có thủ đoạn của họ là thay đổi. Trong tình hình hiện nay, phương pháp của họ vẫn là tiếp tục đẩy mạnh “diễn biến hòa bình” kết hợp với bạo loạn lật đổ. Chắc chắn họ sẽ rút kinh nghiệm những việc làm vừa qua để có nhiều thủ đoạn xảo quyệt hơn, tinh vi hơn,

hoàn thiện chiến lược, sách lược chống chúng ta. Họ đã từng xác định: đối với Việt Nam thì “đánh” từ ngoài vào không thể thành công mà để cho “cộng sản tự tan rã” mới là thượng sách. Họ sẽ tìm mọi cách để chuyển hóa nội bộ, mà trước hết là chuyển hóa về tư tưởng chính trị, thúc đẩy quá trình “tự diễn biến”, làm “xanh hóa cái đầu đỏ”, để cho “cộng sản tự diệt cộng sản”, như cách nói của họ. Họ sẽ tiếp tục đào tạo các “chuyên gia lật đổ”, xây dựng “công nghệ lật đổ”, sử dụng ngón đòn “dân chủ”, “nhân quyền”, để tấn công và ép buộc ta; lợi dụng đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng và những thiếu sót, sai lầm của chúng ta để bôi nhọ Đảng, Nhà nước ta; kích động các phần tử cực đoan chống đối, chia rẽ Đảng, Nhà nước với nhân dân. Họ sẽ quan tâm nhiều hơn đến thanh niên, học sinh, sinh viên, văn nghệ sĩ, nhà báo và cán bộ, công nhân, viên chức để tập hợp, lôi kéo và tuyên truyền những quan điểm chống phá ta; sẽ lợi dụng những yếu kém về quản lý kinh tế - xã hội, nhất là sự bất bình của nhân dân ở một số “điểm nóng”.

Chúng ta cần nhận rõ những âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, làm tốt hơn nữa công tác đấu tranh tư tưởng trong tình hình hiện nay với mục tiêu chung là: kiên định chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh; kế thừa, phát huy truyền thống và bản sắc dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa của thế giới; bảo vệ lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; bảo vệ sự lãnh đạo của Đảng, bảo vệ Nhà nước, bảo vệ chế độ, bảo vệ mọi thành quả của cách mạng; kiên quyết đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu phá hoại của các thế lực thù địch. Phải thấy rằng âm mưu của thế lực thù địch rất thâm độc, tham vọng rất lớn, nhưng họ có thực hiện được hay không còn tùy thuộc vào chúng ta. Không phải họ muốn làm gì cũng được. Điều cơ bản là chúng ta tuyệt nhiên không được chủ quan, mất cảnh giác.

Các cấp ủy và tổ chức đảng, các cơ quan nhà nước, đoàn thể cần nhận thức đúng tình

hình, thấy rõ nguy cơ cũng như âm mưu, thủ đoạn của lực lượng thù địch, giáo dục cho cán bộ, đảng viên và nhân dân nâng cao cảnh giác, sẵn sàng đập tan mọi âm mưu, thủ đoạn của chúng. Hiểu rõ mối quan hệ giữa nhân tố chủ quan và tác động khách quan, nhân tố bên trong và tác động bên ngoài. Sự vững mạnh của Đảng, Nhà nước, nhân dân, của toàn bộ hệ thống chính trị là nhân tố quyết định; nội bộ chúng ta vững mạnh thì sẽ làm thất bại mọi âm mưu và hành động phá hoại từ bên ngoài. Tiếp tục mở rộng quan hệ đối ngoại; không phải vì đấu tranh chống “diễn biến hòa bình” mà đóng cửa, tự cô lập mình. Nhưng trong quan hệ đối ngoại phải thực hiện tốt phương châm vừa hợp tác, vừa đấu tranh.

Trong việc xác định mục tiêu và đối tượng đấu tranh, cần tỉnh táo phân tích một cách cụ thể, khách quan, khoa học, không đơn giản, quy chụp, hoặc “vơ đũa cả nắm”. Phân biệt giữa giao lưu chính trị hữu nghị với những hoạt động phá hoại, bạo loạn lật đổ. Phân biệt giao lưu văn hóa bình thường với hoạt động thâm nhập văn hóa phẩm phản động, đồi trụy. Phân biệt giao lưu kinh tế hữu nghị, các hoạt động đầu tư kinh doanh bình thường với các hoạt động kinh tế có ý đồ chính trị, kèm theo điều kiện chính trị. Phân biệt những kẻ chủ mưu, đầu sỏ với những kẻ mơ hồ, a dua; phân biệt những người tâm huyết muốn thảo luận một cách xây dựng với những người cố tình chống đối.

Đấu tranh chống “diễn biến hòa bình” là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta; của các ngành, các cấp dưới sự lãnh đạo của Đảng. Phải có tính đồng bộ của các giải pháp về tư tưởng - văn hóa đi đôi với giải pháp về kinh tế, xã hội, nâng cao đời sống và bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân, kiên quyết đấu tranh đẩy lùi tham nhũng, các tệ nạn xã hội, không để các thế lực thù địch lợi dụng khoét sâu vào nội bộ.

Đẩy mạnh công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, làm cho toàn Đảng hiểu rõ, kiên trì, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, làm rõ hơn nữa con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, giải đáp được những vấn đề mới đặt ra. Cần nâng cao tính chiến đấu, tính thuyết phục trong hoạt động lý luận, đấu tranh kịp thời với các luận điểm phản tuyên truyền của các thế lực thù địch. Các cơ quan nghiên cứu lý luận, các trường đảng, trường chính trị, các trung tâm công tác tư tưởng cần đưa nội dung đấu tranh tư tưởng vào chương trình, nội dung các bài giảng.

Các cơ quan thông tin đại chúng có chương trình đấu tranh, vạch trần các luận điệu tuyên truyền phản động của các lực lượng thù địch. Chú trọng công tác tuyên truyền miệng, thông báo nội bộ; không vì có phương tiện thông tin đại chúng công khai mà coi nhẹ công tác báo cáo viên, tuyên truyền miệng. Đẩy mạnh các hoạt động thông tin đối ngoại, tìm cách đưa được nhiều ấn phẩm, băng hình, tiếng nói và hình ảnh tốt của ta ra nước ngoài, tranh thủ tiếp xúc giới thiệu đất nước, chính sách của Đảng và Nhà nước ta với người nước ngoài để họ hiểu rõ, hiểu đúng về bản chất xã hội ta. Tổ chức thông tin, giao lưu với kiều bào ta ở nước ngoài.

Làm tốt hơn nữa cuộc vận động và chỉnh đốn Đảng theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII, làm cho Đảng ngày càng trong sạch, vững mạnh, tăng cường sự thống nhất trong Đảng, nâng cao tính chiến đấu của Đảng, đẩy lùi 4 nguy cơ, trong đó có nguy cơ “diễn biến hòa bình”. Đồng thời tiếp tục thực hiện có kết quả các Nghị quyết Trung ương về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Đặc biệt chú trọng đấu tranh bài trừ các nọc độc văn hóa phản động, những biểu hiện lai căng, lối sống đồi bại, buông thả, nhất là trong lớp trẻ.

Thực hiện tốt chính sách đại đoàn kết, chính sách tôn giáo và chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước nhằm tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc, đồng thời đánh bại mọi âm mưu lợi dụng tôn giáo, dân tộc để phá hoại công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc ta. Trong cuộc đấu tranh chống “diễn biến hòa bình”, sức mạnh của nhân dân ta quyết định. Phải phát huy vai trò và đổi mới phương thức hoạt động của các tổ chức quần chúng, xây dựng lực lượng nòng cốt, động viên và tổ chức nhân dân tham gia tích cực cuộc đấu tranh này.

Chấn chỉnh trật tự kỷ cương, xây dựng và hoàn thiện các cơ chế tổ chức phối hợp trên lĩnh vực tư tưởng, văn hóa - văn nghệ, giáo dục, khoa học, thể dục - thể thao, thông tin - tuyên truyền; tăng cường quản lý nhà nước trong các lĩnh vực này, nhất là trên các lĩnh vực báo chí, xuất bản; ngăn chặn mọi ý đồ muốn đưa quan điểm, tư tưởng, lối sống tư sản vào ta để hòng từng bước làm chuyển hóa ta về chính trị. Tìm cách nhập những sản phẩm văn hóa có giá trị cao, đồng thời ngăn chặn không để báo chí, phim ảnh và các sản phẩm văn hóa phản động, bạo lực, đồi trụy tràn vào nước ta.

Chỉ đạo, hướng dẫn và quản lý chặt chẽ hoạt động của các câu lạc bộ, các hội thảo theo đúng quy định của Nhà nước. Đề phòng khuynh hướng lợi dụng, biến các cuộc hội thảo thành diễn đàn để truyền bá các quan điểm sai trái. Khuyến khích tranh luận tự do, nhưng không để các thế lực thù địch lợi dụng làm cho xã hội phân tâm. Thực hiện nghiêm quy chế giữ bí mật của Đảng và Nhà nước, đặc biệt ở những cơ quan tham mưu, cơ quan nghiên cứu, tư vấn, soạn thảo chính sách vĩ mô của Đảng và Nhà nước.

Đảng ta đã có nhiều kinh nghiệm, từng trải trong đấu tranh cách mạng. Nhân dân ta rất kiên cường, đã trải qua nhiều thử thách. Chúng ta có đủ quyết tâm và lực lượng để đánh bại mọi âm mưu và hành động trong “cuộc chiến tranh không có tiếng súng” này. □

CÙNG CỐ VÀ TĂNG CƯỜNG QUAN HỆ GẮN BÓ GIỮA ĐẢNG VỚI NHÂN DÂN TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

LÊ HỮU NGHĨA

1 – Như chúng ta đã biết, quần chúng nhân dân là người sáng tạo chân chính ra lịch sử, là chủ thể quyết định sự tồn tại và phát triển của xã hội. Lịch sử thế giới và lịch sử Việt Nam đã khẳng định chân lý đó.

Dân tộc Việt Nam có bề dày lịch sử dựng và giữ nước lâu đời, có một nền văn hóa, văn hiến phong phú, giàu bản sắc. Có được tài sản đó, trước hết là nhờ có sự tham gia tích cực của nhân dân - cội nguồn sức mạnh của dân tộc, đồng thời có công lao đóng góp của các lãnh tụ, của các vĩ nhân. Vì lẽ ấy, ngay cả trong thời kỳ phong kiến, thời kỳ chịu ảnh hưởng nặng nề nhất của văn hóa Trung Hoa - một nền văn hóa đề cao tột đỉnh vị trí của ông vua (con trời) - song trong ý thức của người dân, trong ý thức của nhiều vua hiền, dân vẫn là cội rễ của sức mạnh, vẫn là nhân tố quyết định sự hưng vong của triều đại.

Hiểu được điều đó, chúng ta sẽ không ngạc nhiên khi Hai Bà Trưng phất cờ khởi nghĩa thì hơn 60 huyện, thành trong đất Giao Chỉ nổi dậy hưởng ứng, Bà Triệu

"cưỡi voi đóng trống" thì "toàn thể Châu Giao chấn động" và trong "Chiếu dời đô", Lý Công Uẩn viết: "Muốn mưu việc lớn, tính kế muôn đời cho con cháu thì trên phải vâng mệnh trời, dưới theo ý dân".

Cũng vì nhận thức được sức mạnh của dân mà Trần Quốc Tuấn chủ trương "lòng dân không chia", "cả nước góp sức" và khi được hỏi về kế sách trị quốc, ông cho rằng: Khoan sức dân là kế sâu rễ, bền gốc, đó là thượng sách để giữ nước. Đến thời Lê, tư tưởng trọng dân được tổng kết và làm sâu sắc thêm. Điều này thể hiện qua câu nói của Nguyễn Trãi: "Thuyền bị lật mới tin rằng dân như nước" (Quan hải) ⁽¹⁾.

Tư tưởng trên đây được tiếp tục duy trì, được thể hiện trong nhiều nhân cách lớn của dân tộc như Nguyễn Bình Khiêm, Nguyễn Thiếp..., *hình thành một truyền thống cực kỳ quý báu trong văn hóa chính trị Việt Nam truyền thống – tư tưởng trọng*

(1) Dẫn theo Nguyễn Tài Thư: *Lịch sử tư tưởng Việt Nam*. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1993, t 1, tr 237

dân, thân dân, khoan dân, dựa vào dân mà Chủ tịch Hồ Chí Minh là đại biểu ưu tú nhất.

2- Tiếp nhận mạch ngầm văn hóa chính trị truyền thống và của thời đại, Hồ Chí Minh đã nâng "quan niệm về nhân dân" lên một tầm cao mới. Người, không chỉ đánh giá đúng vai trò của nhân dân, tôn trọng nhân dân, tin tưởng nhân dân, thương yêu nhân dân mà cao hơn, còn là tư tưởng "vì dân". Người nói: "Tôi chỉ có một ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành" (2). Theo Người, trong quan hệ giữa nhà nước với nhân dân thì nhà nước là bộ máy thừa hành của nhân dân, tất cả mọi nhân viên nhà nước là "đầy tớ của nhân dân", "công bộc của nhân dân", chứ không thể là "phụ mẫu chi dân" (cha mẹ dân). Trong bài "Dân vận" viết năm 1949, Người khẳng định: "Nước ta là nước dân chủ". Vì vậy,

"Bao nhiêu lợi ích đều vì dân.

Bao nhiêu quyền hạn đều của dân.

Công việc đổi mới, xây dựng là trách nhiệm của dân.

...

Chính quyền từ xã đến Chính phủ trung ương do dân cử ra.

Đoàn thể từ trung ương đến xã do dân tổ chức nên.

Nói tóm lại, quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân" (3).

Như vậy, theo Hồ Chí Minh, "dân là chủ", "dân làm chủ". Quan niệm như trên, về thực chất, không chỉ thái độ được

những tinh hoa của văn hóa chính trị truyền thống mà còn kết tinh được những tinh hoa của thời đại. Bởi vì, trong quan niệm truyền thống, mặc dù vai trò của dân có lúc được đề cao, song suy cho cùng, vua vẫn là người chủ. Vua không chỉ sở hữu giang sơn, xã tắc, mà còn là chủ sở hữu dân, đứng trên nhân dân. Vì vậy, dân chỉ là "thần dân", "thảo dân". Văn hóa chính trị truyền thống cũng có đề cập đến tư tưởng "khoan dân", "dưỡng dân", "giáo dân"... song mục đích cuối cùng là để "an dân", để xã hội mà vua là chủ duy nhất thái bình thịnh trị, để nghiệp đế "ngàn năm bền vững" mà thôi. Với Hồ Chí Minh, mục tiêu cuối cùng là dân được sung sướng, tự do, hạnh phúc. Vì vậy cán bộ cách mạng phải vì dân, phải "vừa là người lãnh đạo, vừa là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân".

3- Là Đảng Cộng sản chân chính, do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập, rèn luyện, hơn 75 năm qua Đảng ta đã phấn đấu hết sức mình cho sự nghiệp dân tộc, trở thành Đảng của "đạo đức, văn minh". Thực hiện khát vọng, độc lập dân tộc, tự do, hạnh phúc cho nhân dân, nhiều đảng viên cộng sản đã dâng hiến trí tuệ, sức lực và cả máu xương, tính mạng của mình. Vì vậy, nhân dân tin Đảng, theo Đảng làm cách mạng, thừa nhận Đảng là đảng của mình: "Đảng ta", bảo vệ và xây dựng Đảng ngày càng lớn mạnh. Nhờ đó, Đảng đã lãnh đạo nhân dân tiến hành thắng lợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm

(2) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t 12, tr 517

(3) Hồ Chí Minh: *Sđđ*, t 5, tr 698

lược, giành lại độc lập, tự do, thống nhất cho Tổ quốc, tiến hành sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội trong cả nước, đặc biệt là trong gần 20 năm thực hiện công cuộc đổi mới thu được những thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử.

Nhìn lại chặng đường đã qua của Đảng và của dân tộc, chúng ta có quyền tự hào để nói rằng, nhân dân ta rất anh hùng, dũng cảm, sáng tạo và Đảng ta xứng đáng là "đứa con nòi của dân tộc" (Hồ Chí Minh) đã hết mực trung thành với lợi ích của nhân dân, của dân tộc, một lòng, một dạ phục vụ nhân dân. *Sức mạnh mà chúng ta có được để làm nên chiến thắng là nhờ Đảng ta đã xây dựng được quan hệ gắn bó máu thịt với nhân dân.*

Tuy nhiên, dưới tác động mặt trái của cơ chế thị trường và mở cửa, hội nhập cùng những thiếu sót, khuyết điểm chủ quan của chúng ta trong lãnh đạo, quản lý cũng như trong công tác xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước nên thời gian qua ở nước ta, các hiện tượng tiêu cực xã hội phát triển, một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, phẩm chất, đạo đức, lối sống. Tệ tham nhũng diễn ra nghiêm trọng, có nguy cơ làm biến chất Đảng, làm suy giảm niềm tin của nhân dân vào Đảng, Nhà nước và chế độ, làm giảm sút mối quan hệ gắn bó máu thịt giữa Đảng với nhân dân, gây nguy hại cho sự nghiệp cách mạng. Trong quan hệ giữa Đảng với nhân dân, những biểu hiện như quan liêu, cửa quyền, vô cảm với nhân dân, xa dân, sách nhiễu dân đang có nguy cơ phát triển. Thực tế đó đang đặt ra cho Đảng ta những nhiệm vụ cực kỳ nặng nề, to lớn phải giải quyết.

Trong các mối quan hệ của Đảng thì mối quan hệ giữa Đảng với nhân dân là cơ bản nhất, có ý nghĩa sống còn. Vì lẽ ấy, để duy trì vai trò lãnh đạo, Đảng phải củng cố và tăng cường quan hệ máu thịt với nhân dân, phát huy mạnh mẽ vai trò của nhân dân, tiếp tục đổi mới và chỉnh đốn, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng để Đảng làm tròn sứ mệnh lịch sử của mình đối với dân tộc.

Trong điều kiện Đảng cầm quyền, muốn tăng cường quan hệ máu thịt giữa Đảng với nhân dân phải thông qua quan hệ giữa Nhà nước với nhân dân do Đảng lãnh đạo. Bởi, Đảng lãnh đạo xã hội thông qua cương lĩnh chính trị, đường lối, chủ trương, thông qua công tác tổ chức, cán bộ, thông qua việc kiểm tra thực hiện đường lối... Vì vậy, đường lối của Đảng muốn vào cuộc sống phải thông qua Nhà nước, để cụ thể hóa thành những chính sách, luật pháp, giải pháp cụ thể để quản lý xã hội, điều chỉnh hành vi của công dân. Với ý nghĩa đó, phải xây dựng một nhà nước có hiệu lực cao, một nhà nước pháp quyền thật sự của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Để có một nhà nước như vậy, "lợi ích chính đáng" của nhân dân phải là cơ sở để hoạch định chính sách, và "thái độ ủng hộ của nhân dân" với Nhà nước, với Đảng là một tiêu chuẩn để khẳng định tính đúng đắn của chính sách.

Quan hệ giữa Đảng với nhân dân còn biểu hiện qua hiệu quả công tác, phẩm chất đạo đức, phẩm chất chính trị của đội ngũ cán bộ của Đảng. Bởi cán bộ, đảng viên là những thành viên, là nhân tố biểu hiện và tác động đến quần chúng. Do đó, một đội ngũ cán bộ, đảng viên của Đảng có bản lĩnh

chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức tốt, có khả năng tham gia hoạch định đường lối, chính sách, tổ chức thực hiện đường lối có hiệu quả, sẽ là cơ sở để củng cố quan hệ giữa Đảng với nhân dân. Vì lẽ ấy, sinh thời Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm đến việc xây dựng đội ngũ cán bộ của Đảng "vừa hồng, vừa chuyên", nhất là khi Đảng lãnh đạo chính quyền. Người sớm nhận thấy nguy cơ thoái hóa, biến chất của những cán bộ, đảng viên có chức, có quyền trong bộ máy nhà nước. Người yêu cầu cán bộ, đảng viên phải luôn rèn luyện và nâng cao đạo đức cách mạng. Người chỉ ra rằng "Những người ở các công sở, từ làng cho đến Chính phủ trung ương, đều dễ tìm dịp phát tài, hoặc xoay tiền của Chính phủ, hoặc khoét đục nhân dân. Đến khi lộ ra, bị phạt, thì mất hết cả danh giá, mà của phi nghĩa đó cũng không được hưởng. Vì vậy, những người trong công sở phải lấy chữ *Liêm* làm đầu"⁽⁴⁾. Người yêu cầu cán bộ phải thực hiện: cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư, phải tôn trọng dân, lắng nghe dân, cảm hóa dân. Người nói: "Phải nhớ rằng dân là chủ. Dân như nước, mình như cá. Lực lượng bao nhiêu là nhờ ở dân hết. Phải làm cho dân mến, khi sắp tới dân mong, khi đi dân tiếc, chớ vác mặt làm quan cách mạng cho dân ghét, dân khinh, dân không ủng hộ"⁽⁵⁾. Chúng ta biết, trong điều kiện Đảng cầm quyền, đảng viên cũng như mọi công dân khác, có những lợi ích cá nhân chân chính cần được thực hiện. Tuy nhiên, để góp phần giữ vững vai trò Đảng cầm quyền, giữ vững quan hệ máu thịt với nhân dân, giữ trọn niềm tin của nhân dân vào Đảng, mỗi đảng viên không thể hành động vụ lợi, sa vào chủ nghĩa cá nhân, coi thường pháp

luật, hạ thấp ý thức trách nhiệm trước Đảng và nhân dân. Vì vậy, sửa mình theo chuẩn mực của Đảng và pháp luật Nhà nước, nghiêm chỉnh thực hiện tự phê bình và phê bình là con đường hoàn thiện nhân cách, đáp ứng yêu cầu của xã hội, là góp phần củng cố quan hệ máu thịt giữa Đảng và nhân dân.

Trong thời đại ngày nay, khi hệ thống thông tin bùng nổ - nhất là mạng In-tơ-nét, xã hội có thêm điều kiện để phát triển về mọi mặt. Với dân, có cơ hội để mở rộng tầm hiểu biết, nâng cao vai trò và năng lực làm chủ; với Đảng, có thuận lợi để tiếp nhận thông tin phản hồi từ nhân dân. Vì vậy, cũng cần thiết phải thiết lập các kênh thông tin đa dạng hơn, giúp Đảng, Nhà nước có những căn cứ để đưa ra những quyết sách thích hợp. Theo ý nghĩa đó, việc nghiên cứu để từng bước hình thành các cơ quan thăm dò dư luận xã hội, đổi mới và nâng cao vai trò của các cơ quan có chức năng giám sát và phản biện xã hội, trước hết là Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, là công việc rất quan trọng và cần thiết, nhất là khi chúng ta đang xây dựng một nhà nước pháp quyền thật sự của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.

Hiện nay, trước bối cảnh phức tạp của tình hình và yêu cầu mới của cách mạng, quan hệ gắn bó giữa Đảng với nhân dân *đang bị thử thách*, chúng ta phải nỗ lực phấn đấu để vượt qua, phải bằng mọi cách củng cố, tăng cường mối quan hệ này nhằm nâng cao vai trò của Đảng, đồng thời phát

(4) Hồ Chí Minh: *Sdd*, t 5, tr 105

(5) Hồ Chí Minh: *Sdd*, t 4, tr 101

huy vai trò của nhân dân một cách hiệu quả. Thực hiện nhiệm vụ vừa cơ bản, vừa cấp bách này là một công việc khó khăn, đòi hỏi phải tiến hành một cách đồng bộ và sự nỗ lực từ nhiều phía.

Trước hết, Đảng phải tự đổi mới, tự chỉnh đốn, nâng cao trí tuệ, bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, phương thức lãnh đạo nhằm làm cho đường lối của Đảng phản ánh chân thật cuộc sống, có khả năng đi vào cuộc sống và mỗi cán bộ, đảng viên của Đảng trở thành những tấm gương mẫu mực đối với nhân dân không chỉ về hiệu quả công tác mà còn về tư tưởng chính trị, phẩm chất, đạo đức, lối sống. Đảng phải đổi mới mạnh mẽ hơn nữa công tác cán bộ, phương thức lãnh đạo nhằm nâng cao năng lực cầm quyền mà trụ cột là đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước; Đảng phải thực sự cầm quyền vì nhân dân, phải đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, làm trong sạch Đảng, đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo yêu cầu Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), khóa VIII.

Thứ hai, chúng ta nhận thức sâu sắc rằng, dân là "gốc", là cội nguồn của mọi sức mạnh, song dân cũng là chủ và dân làm chủ. Vì vậy, phát huy vai trò của nhân dân phải có cơ chế, chính sách thích hợp. Muốn vậy, phải xây dựng, củng cố Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân ngày càng vững mạnh cả về thể chế, tổ chức bộ máy và công tác cán bộ; cả cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp; cả các cơ quan công quyền và các tổ chức chính trị - xã hội, các đoàn thể

nhân dân. Phần đầu làm cho Quốc hội thật sự là cơ quan quyền lực cao nhất của nhân dân có thực quyền; Chính phủ gọn nhẹ, hiệu quả, trở thành một chính phủ thật sự của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân mà phục vụ; các cơ quan tư pháp trong sạch, công minh trong quá trình thực thi nhiệm vụ bảo vệ pháp luật; các tổ chức chính trị - xã hội, các đoàn thể nhân dân là những diễn đàn rộng rãi để nhân dân bày tỏ ý chí, nguyện vọng của mình, thực hiện tốt vai trò tư vấn, giám sát và phản biện xã hội. Phải phát huy hơn nữa vai trò và hiệu quả của Quy chế Dân chủ ở cơ sở. Tiếp tục đổi mới nội dung và phương thức công tác vận động quần chúng, coi công tác dân vận là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, của mỗi cán bộ, đảng viên, bởi vì như Hồ Chí Minh đã dạy, công việc muốn thành công thì phải dân vận khéo.

Thứ ba, giáo dục lòng tự hào, tự tôn dân tộc chân chính. Làm cho mọi tầng lớp nhân dân ý thức ngày càng sâu sắc về vị trí, vai trò, trách nhiệm của mình trong quá trình đưa đất nước thoát khỏi nỗi nhục nghèo nàn, lạc hậu, kém phát triển. Ý thức sâu sắc rằng, để đạt mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh là trách nhiệm của mọi người Việt Nam yêu nước và chỉ có dưới sự lãnh đạo của Đảng, mục tiêu đó mới thực hiện được. Yêu nước, vì vậy cũng là yêu Đảng, yêu chế độ, do đó phải sống và làm việc theo Hiến pháp, pháp luật. Yêu nước là phải đấu tranh chống lại các âm mưu của các thế lực thù địch phá hoại công cuộc xây dựng hòa bình của đất nước, cản trở con đường mà Bác Hồ, Đảng ta, nhân dân ta đã lựa chọn. □



ĐỂ NÂNG CAO NĂNG LỰC LÃNH ĐẠO VÀ SỨC CHIẾN ĐẤU CỦA ĐẢNG

TRẦN QUANG NHIẾP

GẦN hai mươi năm đổi mới, đất nước ta đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử làm chuyển biến sâu sắc về nhiều mặt. Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng được thường xuyên coi trọng đã thực sự tăng cường sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố quyết định mọi thắng lợi của đất nước. Để tiếp tục giữ vững, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng có nhiều việc phải làm, hiện tại chúng ta cần tập trung vào một số vấn đề chính sau.

1 – Thường xuyên tổng kết thực tiễn, rút ra những bài học kinh nghiệm về công tác xây dựng Đảng trong thời gian qua.

Đảng ta coi trọng nghiên cứu, phát triển lý luận, từng bước làm rõ mô hình và con đường phát triển của đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Nhiều chủ trương, chính sách đúng đắn, hợp lòng dân của Đảng đã đi vào cuộc sống và phát huy tác dụng.

Đảng ta coi trọng đổi mới tư duy, khắc phục những khuyết điểm chủ quan, duy ý chí. Công tác nghiên cứu lý luận được Đảng quan tâm và đẩy mạnh, góp phần làm sáng tỏ một số vấn đề lý luận quan trọng do thực tiễn cuộc sống đặt ra. Công tác tư tưởng bước đầu có những đổi mới về nội dung, hình thức và biện pháp cho phù hợp với tình hình mới.

Đảng ta giành nhiều công sức xây dựng hệ thống tổ chức và cơ cấu bộ máy, từng bước sắp xếp, kiện toàn hợp lý theo hướng tinh gọn, hiệu quả, giảm đầu mối trung gian, khắc phục một bước sự chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ, nâng cao tính chủ động, sáng tạo, tự chịu trách nhiệm của các địa phương, đơn vị. Quy định cụ thể, hợp lý về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, phương thức lãnh đạo, mối quan hệ, lề lối làm việc giữa các tổ chức đảng các cấp.

Đảng chủ trương hướng về cơ sở, quan tâm chỉ đạo xây dựng tổ chức cơ sở Đảng, kiện toàn tổ chức cơ sở đảng khu vực nông thôn, các doanh nghiệp, chú ý xây dựng cơ sở đảng ở các vùng sâu, vùng xa. Bước đầu nghiên cứu việc xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong các doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Đã xác định chức năng, nhiệm vụ của nhiều loại hình cơ sở đảng phù hợp trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Bước đầu tổng kết một số mô hình tiên tiến và kinh nghiệm mới về xây dựng tổ chức cơ sở đảng.

Đảng coi trọng xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, từng bước thực hiện tốt hơn quyền làm chủ của nhân dân, phát huy sức mạnh các tầng lớp nhân dân trong công cuộc

đổi mới. Việc Đảng chủ trương tự phê bình, đấu tranh với tệ quan liêu, lãng phí, xử lý nghiêm những vụ tham nhũng, tiêu cực được nhân dân đồng tình, ủng hộ.

Đảng thường xuyên đổi mới phương thức lãnh đạo, đổi mới phong cách công tác đã có nhiều tiến bộ tích cực, phát huy dân chủ trong Đảng. Từng bước cụ thể hóa và thể chế hóa các quan điểm của Đảng thành những quy định về phương thức lãnh đạo của Đảng, nhất là phương thức Đảng lãnh đạo Nhà nước, khắc phục một phần khuynh hướng buông lỏng, xem nhẹ, hoặc bao biện, làm thay.

Bên cạnh những kết quả đạt được như đã nêu, công tác xây dựng Đảng còn bộc lộ những yếu kém cần khắc phục.

Đại hội IX của Đảng đã nhận định, cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, tiến hành tự phê bình và phê bình trong các cấp ủy, tổ chức đảng và cán bộ chủ chốt từ Trung ương đến cơ sở theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), khóa VIII thu được một số kết quả nhất định, nhưng còn nhiều mặt chưa đạt yêu cầu đề ra. Nhất là chưa ngăn chặn, đẩy lùi được những biểu hiện suy thoái về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, tệ quan liêu, xa dân, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực của một bộ phận cán bộ, đảng viên. Tình trạng đó đã và đang làm giảm sút uy tín, thanh danh của Đảng, làm xói mòn niềm tin của nhân dân, trở thành một trong những nguy cơ lớn hiện nay.

Công tác tư tưởng những năm qua còn chậm đổi mới nội dung và phương thức nên tính chiến đấu, tính thuyết phục và hiệu quả chưa cao trong xây dựng, củng cố niềm tin, giải đáp những băn khoăn, vướng mắc, mâu thuẫn nảy sinh trong quá trình đổi mới. Chưa làm tốt chức năng dự báo tình hình, chuẩn bị tư tưởng cho cán bộ, đảng viên chủ động đi vào kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế khu vực và thế giới. Công tác giáo dục đạo đức, lối sống chưa thường xuyên, liên tục, có mặt lại

buông lỏng, xem nhẹ. Cuộc đấu tranh chống các quan điểm sai trái, cơ hội chưa kịp thời, thiếu chủ động. Công tác lý luận còn chưa theo kịp yêu cầu của công cuộc đổi mới. Trong chỉ đạo, quản lý cũng như hoạt động của báo chí còn yếu kém, khuyết điểm chậm được khắc phục.

Công tác tổ chức còn bất cập, chưa kịp thời xây dựng và hoàn thiện các tổ chức và các quy định bảo đảm chức năng, nhiệm vụ giám sát trong Đảng và trong hệ thống chính trị. Mối quan hệ về chức năng, nhiệm vụ giữa tập thể và trách nhiệm cá nhân người đứng đầu chưa được quy định cụ thể, hiệu lực, hiệu quả điều hành thấp. Chưa chú trọng xây dựng và quan tâm chỉ đạo đúng mực đối với các tổ chức cơ sở đảng.

Chúng ta còn chậm đổi mới cơ chế, phương pháp và quy trình đánh giá, bổ nhiệm, miễn nhiệm, từ chức đối với cán bộ. Công tác cán bộ chưa có những đóng góp đúng tầm với vị trí của nó trong cuộc đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng. Việc giáo dục, rèn luyện cán bộ về tư tưởng, đạo đức, lối sống, thực hành dân chủ và chế độ trách nhiệm chưa được coi trọng thường xuyên. Công tác giám sát trong Đảng và giám sát của nhân dân đối với các hoạt động của Đảng và Nhà nước chưa đáp ứng yêu cầu, đòi hỏi của một Đảng cầm quyền và xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân. Việc đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng còn chậm và lúng túng, trước hết là chậm ban hành những quy định cụ thể về Đảng lãnh đạo Nhà nước, Mặt trận và các đoàn thể chính trị - xã hội và xây dựng các thể chế phối hợp giữa các tổ chức trong hệ thống chính trị.

Tình hình trên do nhiều nguyên nhân về khách quan và chủ quan. Đó là:

- Những mặt trái của kinh tế thị trường, của quá trình hội nhập và sự tác động nhiều mặt trước những biến động của tình hình thế giới

đến đội ngũ cán bộ, đảng viên và công tác xây dựng Đảng với nhiều mức độ khác nhau.

- Sự lãnh đạo của Đảng và xây dựng Đảng trong điều kiện phát triển nền kinh tế thị trường, hội nhập kinh tế quốc tế, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, mở rộng và phát huy dân chủ là những vấn đề mới, khó khăn, nhưng chúng ta lại chưa dành nhiều công sức tương xứng cho công tác nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn.

- Nhận thức về công tác xây dựng Đảng ở mức độ nhất định còn chưa đầy đủ và sâu sắc, có mặt chưa rõ, chưa thống nhất về yêu cầu, nội dung, giải pháp đổi mới, chỉnh đốn Đảng. Tổ chức thực hiện các Nghị quyết, chủ trương về tăng cường công tác xây dựng Đảng có nơi, có lúc chưa nghiêm và thiếu các biện pháp cụ thể, đồng bộ, chưa đầu tư đúng mức thời gian, công sức, trí tuệ cho công tác quan trọng này. Công tác kiểm tra còn nhiều hạn chế cả về tổ chức, hoạt động và chưa có cơ chế giám sát chặt chẽ.

Công tác xây dựng Đảng thời gian qua đã cho ta những nhận thức quan trọng cần rút ra là:

Phải thường xuyên coi trọng công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng. Đảng phải thường xuyên chăm lo xây dựng, rèn luyện đội ngũ cán bộ, đảng viên có đủ bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức và năng lực trí tuệ để gánh vác nhiệm vụ, làm cho đảng viên thực sự là tấm gương sáng về sự gương mẫu về trí tuệ và đạo đức, lối sống trong xã hội để nhân dân noi theo.

Kiên trì thực hiện đúng các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, xây dựng hệ thống tổ chức bộ máy trong sạch, vững mạnh, có hiệu lực, hiệu quả, chăm lo xây dựng và giữ vững khối đoàn kết thống nhất trong Đảng. Đảng gắn bó mật thiết với nhân dân, bảo vệ và

phát huy quyền làm chủ của nhân dân, dựa vào dân để xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Coi việc kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nghị quyết của Đảng là một phương thức lãnh đạo quan trọng, có hiệu lực để phát huy ưu điểm, loại trừ thiếu sót, làm cho các tổ chức đảng, cơ quan nhà nước và cán bộ, đảng viên ngày càng trong sạch, vững mạnh. Thường xuyên coi trọng đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng nhằm nâng cao vai trò và năng lực lãnh đạo của Đảng, hiệu lực quản lý nhà nước, phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của Mặt trận, các đoàn thể chính trị, xã hội và toàn thể nhân dân.

Sự nghiệp đổi mới đất nước đang đặt ra những nhiệm vụ ngày càng cao đòi hỏi các cấp bộ đảng phải tiếp tục xây dựng, chỉnh đốn, nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng trong hoàn cảnh mới. Các cấp bộ đảng không ngừng đổi mới việc ra quyết định của Đảng bảo đảm phát huy được trí tuệ tập thể, kết hợp sự lãnh đạo của Đảng và vai trò làm chủ của nhân dân.

Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng các hình thức, phương pháp thực hiện dân chủ trực tiếp và dân chủ đại diện, trong các mặt công tác của đời sống xã hội. Bảo đảm sự chỉ đạo tập trung nhằm giữ vững và thực hiện đúng các quy định: tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, thiểu số phục tùng đa số, cá nhân phục tùng tổ chức, cấp dưới phục tùng cấp trên.

Mỗi cán bộ, đảng viên dù ở cương vị nào đều phải nêu cao tinh thần trách nhiệm gương mẫu thực hiện đúng kỷ luật của Đảng, pháp luật của Nhà nước, thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, khắc phục tình trạng buông lỏng kỷ luật, kỷ cương, vô trách nhiệm, ỷ lại, dựa dẫm vào tập thể khi thực thi công việc.

Thực hiện đoàn kết, thống nhất trong Đảng, coi đó là truyền thống quý báu của Đảng ta, là nhân tố tạo nên sức mạnh vô địch của cách mạng, là nguyên tắc quan trọng trong tổ chức

và hoạt động của Đảng. Đoàn kết, thống nhất trong Đảng là cơ sở để xây dựng khối đoàn kết toàn dân tộc. Sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng phải được xây dựng trên cơ sở đường lối chính trị, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng và tình thương yêu đồng chí. Mọi cán bộ, đảng viên nghiêm túc chấp hành nghị quyết của tập thể, đồng thời biết tôn trọng, lắng nghe ý kiến của người khác, không vội vàng quy chụp. Chống chủ nghĩa cá nhân, tư tưởng kèn cựa địa vị, trục lợi, cục bộ địa phương.

Xây dựng các cơ chế, chính sách, hình thức tổ chức, tạo điều kiện thuận lợi để nhân dân tham gia công việc của Đảng, của Nhà nước; giám sát, kiểm tra cán bộ, đảng viên.

2 – Xác định rõ những nội dung chính của công tác xây dựng Đảng hướng vào nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng hiện nay.

Chúng ta thường xuyên coi xây dựng Đảng về chính trị là vấn đề cốt tử, là nhiệm vụ quan trọng nhất trong toàn bộ công tác xây dựng Đảng. Có đường lối chính trị đúng đắn, phản ánh đúng quy luật khách quan sẽ đáp ứng đúng yêu cầu thực tiễn, phù hợp với nguyện vọng của nhân dân, xác định rõ mục tiêu, phương hướng và giải pháp cơ bản để tổ chức thực hiện mọi hoạt động trong tiến trình phát triển của đất nước.

Hiện nay, cách mạng nước ta đang ở bước phát triển mới rất quan trọng, đòi hỏi Đảng ta phải tiếp tục bổ sung, phát triển, cụ thể hóa cương lĩnh, đường lối chính trị, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội để tranh thủ thời cơ, đẩy lùi nguy cơ, vượt qua thách thức đưa sự nghiệp đổi mới đi vào chiều sâu, bảo đảm phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững. Phấn đấu hoàn thành chiến lược xây dựng đất nước 10 năm (2001 - 2010), sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển; nâng cao rõ rệt đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân; tạo nền

tảng đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại; thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được hình thành cơ bản và đồng bộ; vị thế của nước ta trên trường quốc tế tiếp tục được nâng cao.

Để tổ chức thực hiện đường lối đúng đắn trong điều kiện mới, Đảng nắm vững và vận dụng một cách sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kế thừa và phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc; tiếp thu tinh hoa văn hóa của nhân loại, tri thức mới của thời đại; kết hợp chặt chẽ sự kiên định về nguyên tắc, chiến lược với sự vận dụng mềm dẻo về sách lược, chống giáo điều, bảo thủ, trì trệ hoặc nóng vội, đổi mới vô nguyên tắc.

Đảng thường xuyên bám sát thực tiễn, tổng kết lý luận, chú trọng những nhân tố mới, ủng hộ và khuyến khích cái mới phù hợp với quy luật khách quan. Đồng thời coi trọng nghiên cứu khoa học, kết hợp lý luận với thực tiễn. Đặc biệt coi trọng việc nghiên cứu, vận dụng một cách sáng tạo toàn diện và hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh.

Đảng nâng cao năng lực tổ chức hoạt động thực tiễn để đưa đường lối, nghị quyết vào cuộc sống. Đồng thời qua nghiên cứu thực tiễn sinh động mà bổ sung, phát triển, hoàn thiện cương lĩnh, đường lối chính trị, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội. Trong tổ chức thực hiện, Đảng coi trọng việc cụ thể hóa, thể chế đường lối, tổ chức quản lý, điều hành, tăng cường kiểm tra, giám sát, kịp thời sơ kết, tổng kết, phát huy trí tuệ của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân. Coi trọng công tác tư tưởng nhằm quán triệt các quan điểm, chủ trương và giải pháp giữ vững ổn định chính trị, bảo vệ vững chắc độc lập chủ quyền, thống nhất đất nước; đẩy nhanh phát triển kinh tế, gắn tăng trưởng kinh tế với tiến bộ, công bằng xã hội và phát triển văn hóa.

Đổi mới mạnh mẽ nội dung, hình thức, biện pháp giáo dục những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Tiếp tục tuyên truyền giáo dục sâu rộng tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh, đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước cho cán bộ, đảng viên và nhân dân. Tập trung giáo dục sự kiên định mục tiêu lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, giáo dục lòng tự tôn dân tộc, nêu cao chủ nghĩa yêu nước, năng lực hoạt động thực tiễn cho cán bộ, đảng viên đáp ứng yêu cầu của thời kỳ mới.

Đổi mới công tác tư tưởng nâng cao tính chiến đấu, tính thiết thực, tính thuyết phục. Giữ vững sự thống nhất về chính trị và tinh thần cách mạng trong Đảng và trong xã hội, củng cố niềm tin vững chắc của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân trong sự nghiệp đổi mới đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa. Chủ động đấu tranh chống lại những quan điểm và luận điệu sai trái, phản động, kiên quyết làm thất bại mọi âm mưu "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch, giữ vững ổn định và phát triển đất nước. Chống mọi biểu hiện phai nhạt lý tưởng, cơ hội, chạy theo lợi ích cá nhân ích kỷ, đối lập với lợi ích chung của đất nước, của dân tộc. Xây dựng chiến lược văn hóa trong tình hình mới, bảo vệ và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, tiếp thu những thành tựu trí tuệ và tinh hoa văn hóa của nhân loại, làm cho văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần của xã hội. Ngăn chặn sự xâm nhập của các loại văn hóa độc hại, lai căng. Tăng cường tuyên truyền đối ngoại.

Kiện toàn tổ chức bộ máy của Đảng và của cả hệ thống chính trị bảo đảm từng bước nâng cao chất lượng, trước hết là chất lượng chính trị của mỗi tổ chức cũng như của toàn hệ thống chính trị. Xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu bộ máy, cơ chế vận hành, lề lối làm việc. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương, giữ vững

nguyên tắc tập trung dân chủ, bảo đảm phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Đổi mới và kiện toàn tổ chức, bộ máy của hệ thống chính trị đồng bộ, đặt dưới sự lãnh đạo chặt chẽ của Đảng, gắn với cải cách, đổi mới tổ chức, bộ máy của cơ quan nhà nước và các đoàn thể chính trị - xã hội.

Thời kỳ đổi mới trong điều kiện kinh tế thị trường, có nhiều diễn biến phức tạp, tác động mạnh đến tư tưởng, tình cảm, phẩm chất, đạo đức lối sống của cán bộ, đảng viên. Bởi thế, việc chăm lo rèn luyện đạo đức cho cán bộ, đảng viên để mỗi người thực sự là tấm gương sáng về phẩm chất, đạo đức, lối sống cho nhân dân là rất cần thiết. Cán bộ, đảng viên ra sức học tập, quán triệt và làm theo đạo đức, tác phong cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư của Chủ tịch Hồ Chí Minh, sống có kỷ luật, kỷ cương theo quy định của Điều lệ Đảng và pháp luật của Nhà nước. Có quan hệ mật thiết với nhân dân, tôn trọng và bảo vệ quyền làm chủ của nhân dân, không quan liêu, mệnh lệnh, độc đoán, chuyên quyền, mất dân chủ, không tham nhũng, tiêu cực và kiên quyết đấu tranh với các tệ nạn đó. Kết hợp việc xây dựng và thực hiện các chế độ trách nhiệm, nhất là trách nhiệm chính trị, đạo đức, pháp lý của các tổ chức đảng, các cơ quan nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội. Làm rõ trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị đối với các công việc thuộc phạm vi lãnh đạo, quản lý và hoạt động thực tiễn. Phân biệt rõ trách nhiệm tập thể và trách nhiệm cá nhân là cơ sở xem xét đánh giá ưu điểm, khuyết điểm cho từng tổ chức, cá nhân khi thực thi công việc.

Đầu tư, củng cố tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng để tăng cường nền tảng của Đảng, bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng trong mọi loại hình cơ sở.

(Xem tiếp trang 23)

TRONG 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng và trong suốt gần 20 năm đổi mới vừa qua, kinh tế nước ta liên tục duy trì được tốc độ tăng trưởng khá cao. Những thành tựu đạt được là rất quan trọng. Tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng kinh tế 5 năm qua vẫn chưa đạt chỉ tiêu Đại hội đề ra. Và nếu so với các nước công nghiệp mới trong thời kỳ đầu phát triển như Nhật Bản, Hàn Quốc, hoặc gần đây là Trung Quốc thì còn thấp. Theo nhiều đánh giá, tăng trưởng kinh tế ở nước ta những năm vừa qua vẫn còn ở dưới mức tiềm năng của đất nước, chất lượng tăng trưởng và sức cạnh tranh của nền kinh tế đều thấp. Điều đó có nghĩa là kinh tế nước ta còn có khả năng tăng trưởng cao hơn, chất lượng tốt hơn. Đây là một vấn đề rất lớn, cần được phân tích, tìm ra nguyên nhân để có biện pháp khắc phục, bởi vì nước ta tuy đã có sự phát triển vượt bậc, nhưng đến nay vẫn chưa thoát khỏi tình trạng là nước nghèo, kinh tế kém phát triển. Vì vậy, những năm tới (khoảng 10 - 15 năm), trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế, nếu nước ta không duy trì được tốc độ tăng trưởng kinh tế cao hơn hiện nay một cách ổn định thì không những không rút ngắn được khoảng cách về trình độ phát triển kinh tế so với các nước trong khu vực và trên thế giới, mà còn có nguy cơ tụt hậu xa hơn, khi đó hậu quả sẽ rất nghiêm trọng.

Vậy vì sao tăng trưởng kinh tế nước ta còn ở dưới mức tiềm năng? Các ngành, các lĩnh vực, các địa phương khác nhau có thể tìm thấy nhiều nguyên nhân cụ thể khác nhau, nhất là trong thảo luận, xây dựng các văn kiện triển khai Đại hội Đảng các cấp, tiến tới

Vì sao sự phát triển kinh tế nước ta CÒN Ở DƯỚI MỨC TIỀM NĂNG

NGUYỄN VĂN THẠO *

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng. Nhìn tổng thể nền kinh tế, theo chúng tôi có hai nguyên nhân cơ bản sau đây:

1 – Chưa huy động được mạnh mẽ các nguồn lực trong và ngoài nước vào phát triển kinh tế

Những năm qua, nhờ thực hiện đường lối đổi mới, ở nước ta đã ra đời và phát triển mạnh mẽ kinh tế hộ gia đình, kinh tế trang trại, làng nghề, các doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần. Trong khi đó, hằng năm Nhà nước vẫn dành tới 30% ngân sách cho đầu tư phát triển, nên đã huy động được những nguồn lực to lớn của đất nước vào phát triển kinh tế. Tuy nhiên, theo đánh giá của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, còn tới 20% tiết kiệm nội địa chưa được huy động vào đầu tư. Điều này cũng có thể khẳng định được ngay cả khi không có những đánh giá chính thức của các cơ quan chức năng, mà chỉ bằng những quan sát đời sống kinh tế qua việc người dân mua vàng, đô la, gửi tiền tiết kiệm ở các ngân hàng, mua bán đất đai, nhà cửa có tính chất đầu cơ, hàng hóa có giá trị cao như ô-tô, các trang thiết bị gia đình cao cấp và

* PGS, TS, Văn phòng Trung ương Đảng

nhất là qua những đợt Chính phủ phát hành trái phiếu đầu tư cho giáo dục, thủy lợi, giao thông - vận tải, nhiều nghìn tỉ đồng được nhanh chóng mua hết... Lượng vốn đầu tư nước ngoài cũng không ổn định, khi lên, khi xuống. Tổng vốn đầu tư nước ngoài vào nước ta còn rất thấp nếu so sánh với lượng vốn thu hút đầu tư nước ngoài của các nước trong khu vực như Thái Lan, Ma-lai-xi-a, Xin-ga-po, nhất là Trung Quốc trong những năm gần đây.

Có những lý do khách quan xuất phát từ phía các nhà đầu tư, nhưng về phía chủ quan, chúng tôi cho rằng chỉ có thể giải thích tình hình này là do môi trường đầu tư ở nước ta chưa thật thuận lợi, an toàn, chưa thực sự hấp dẫn các nhà đầu tư, nhất là đối với thu hút đầu tư nước ngoài trong điều kiện phải cạnh tranh quyết liệt với các nước khác trong khu vực. Sự kém hấp dẫn của môi trường đầu tư lại do nhiều yếu tố, có thể được kể ra như sau:

- *Trước hết* là do sự yếu kém của hệ thống kết cấu hạ tầng. Điện của nước ta còn rất thiếu, đỉnh điểm như thời gian đầu mùa hè vừa qua nhiều tỉnh phía Bắc phải luân phiên cắt điện nhiều ngày. Ngay cả khi có điện, chất lượng nguồn điện cũng chưa ổn định, gây trở ngại không nhỏ cho sản xuất, nhất là đối với các lĩnh vực công nghệ cao yêu cầu phải được bảo đảm nguồn điện năng hết sức ổn định. Giao thông - vận tải, đặc biệt đường sắt, đường bộ chất lượng còn thấp, đường hẹp, nhiều xã, cụm xã chưa có đường ô tô tới trung tâm, làm cho việc vận tải hàng hóa, đi lại của hành khách ở nhiều vùng trong cả nước còn rất khó khăn, ách tắc, không an toàn. Về thông tin - liên lạc, điện thoại di động cũng mới chỉ phủ sóng được ở các thành phố, thị xã, thị trấn lớn. Cước phí các dịch vụ bưu chính, viễn thông cao hơn so với các nước trong khu vực... dẫn tới tăng chi phí sản xuất trong đầu tư. Đây là lý do làm cho đầu tư hiện nay mới chủ yếu tập trung ở các vùng xung quanh thành phố lớn, một số tỉnh

đồng bằng, ven biển, dọc các trục giao thông lớn, khu trung tâm, khu ngoại vi, chứ chưa vươn tới được những tỉnh trung du, miền núi có nhiều tiềm năng.

- *Thứ hai*, trong khi số lao động thiếu việc làm, cần có việc làm của nước ta rất nhiều, thì số lao động được đào tạo có thể đáp ứng được ngay yêu cầu của các nhà đầu tư, ngay ở một số lĩnh vực thông thường chứ chưa nói tới các lĩnh vực cần tay nghề cao, trình độ cao lại rất thiếu, góp phần làm cho môi trường đầu tư thêm kém hấp dẫn. Bởi hầu hết các nhà đầu tư, trước hết là những nhà đầu tư nước ngoài khi đầu tư vào một nước đều luôn muốn sử dụng chủ yếu nguồn nhân lực giá rẻ hơn (so với nước họ) ở nước sở tại.

- *Thứ ba*, môi trường pháp lý vẫn còn nhiều điểm chưa thuận lợi cho các nhà đầu tư. Luật pháp của nước ta đang trong quá trình điều chỉnh nên trong thực tế chưa hoàn thiện, thiếu tính chất đồng bộ, nhiều quy định pháp lý chưa phù hợp với thông lệ quốc tế. Tính ổn định, công khai, minh bạch và hiệu lực thi hành của nhiều văn bản pháp lý thấp gây nhiều khó khăn cho nhà đầu tư trong việc tiên lượng, thực hiện các dự án đầu tư.

- *Thứ tư*, thủ tục hành chính của nước ta còn nhiều phiền hà, tình trạng nhũng nhiễu của nhiều cán bộ, công chức nhà nước chậm được khắc phục. Tình hình này đã và đang diễn ra khá phổ biến ở nhiều cấp, nhiều lĩnh vực, từ việc thẩm định, cấp phép đầu tư đến thực hiện các chính sách ưu đãi đã được quy định đối với nhà đầu tư. Những việc chậm trễ trong giao đất, cho thuê đất, đền bù giải phóng mặt bằng, hoàn thành thủ tục hải quan xuất - nhập khẩu hàng hóa và ở nhiều khâu, nhiều lĩnh vực khác có quan hệ với doanh nghiệp đã làm nhà đầu tư mất rất nhiều thời gian, công sức đi lại. Sự chờ đợi đó làm tăng thêm chi phí, lỡ mất cơ hội sản xuất, kinh doanh, gây ấn tượng xấu và làm nản lòng không ít người trong số họ.

- Thứ năm, mặc dù qua gần 20 năm đổi mới, Đảng, Nhà nước đã có nhiều chính sách khuyến khích đầu tư và thực hiện sự bình đẳng giữa các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, nhưng nhiều doanh nghiệp tư nhân vẫn gặp không ít khó khăn khi muốn tiếp cận các nguồn lực như thuê đất để làm mặt bằng sản xuất, vay vốn để kinh doanh, hoàn thuế giá trị gia tăng, hưởng các chính sách ưu đãi đối với doanh nghiệp... Điều đó, cùng với thái độ chung của xã hội phần nào tạo cho nhiều nhà đầu tư tâm lý mặc cảm là họ bị đánh giá là người "bóc lột", thuộc thành phần kinh tế tư bản tư nhân, cộng với nỗi lo sợ trong tương lai sẽ bị "cải tạo"... đã cản trở nhiều các quyết định của nhà đầu tư.

- Thứ sáu, đối với việc thu hút đầu tư nước ngoài, ngoài các yếu tố trên, môi trường đầu tư của nước ta không thật hấp dẫn, không có tính cạnh tranh cao bởi nhiều yếu tố khác như: những quy định rắc rối về quản lý xuất, nhập cảnh và hàng hóa; giá cả nhiều loại dịch vụ dành riêng cho người nước ngoài thường cao hơn so với người trong nước; thị trường trong nước nhỏ, sức mua thấp; thị trường chứng khoán mới bước đầu hình thành, chưa phát triển; Nhà nước có những quy định quản lý quá chặt chẽ trong việc cho phép nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần, trái phiếu của Nhà nước hay phát hành cổ phiếu của họ trên thị trường làm hạn chế khả năng kinh doanh của họ...

2 – Hiệu quả sử dụng các nguồn lực thấp

Đây là điều cũng được thừa nhận rộng rãi bởi những biểu hiện của điều này khá rõ và khá phổ biến. Đó là, hiệu quả mang lại của một đồng vốn kinh doanh (thể hiện qua doanh thu và lợi nhuận thu được tính trên một đồng vốn) của nhiều doanh nghiệp và của nền kinh tế nói chung thấp. Nhiều doanh nghiệp và nhiều ngành kinh tế tuy đạt được tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, nhưng các chi phí trung

gian tăng với tốc độ cao hơn, làm cho giá trị gia tăng và sự đóng góp của các doanh nghiệp, ngành kinh tế này vào tăng trưởng GDP của đất nước vẫn còn hạn chế.

Thực tế, năng suất lao động trong hầu hết các ngành kinh tế, cả nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ ở nước ta đều thấp so với các nước trong khu vực, kém xa so với các nước kinh tế phát triển trên thế giới. Năng suất trên 1 ha đất canh tác bình quân chung ở mức rất thấp và mức 50 triệu đồng/1 ha/năm vẫn còn là mục tiêu phấn đấu trong nhiều năm nữa của nhiều địa phương trong cả nước, trong khi ở nhiều nước con số này đã đạt hàng tỉ đồng...

Hiệu quả sử dụng các nguồn lực còn kém cũng biểu hiện ở chỗ chưa tập trung đầu tư cao cho phát triển kết cấu hạ tầng, đầu tư chưa tạo ra được các ngành kinh tế, các sản phẩm mũi nhọn có sức cạnh tranh cao, cũng như chưa tiếp cận được với các công nghệ cao trong nhiều lĩnh vực...

Những yếu tố cản trở thu hút vốn đầu tư như đã trình bày ở trên là những yếu tố đã gây khó khăn, góp phần làm giảm hiệu quả sử dụng nguồn lực của các doanh nghiệp đang hoạt động và tăng thêm những yếu kém vốn có của nền kinh tế... Ngoài những nguyên nhân đó còn có:

Một là, những nguyên nhân thuộc về quản lý, chỉ đạo điều hành, cả ở tầm vĩ mô của Nhà nước và vi mô của các doanh nghiệp. Trong đó, trước hết phải nói tới sự lãng phí không nhỏ do sự yếu kém về năng lực và sự cân nhắc thiếu thận trọng trước khi quyết định đầu tư, đặc biệt đối với các nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước và bằng vốn vay của Nhà nước. Nhiều dự án đầu tư đã được quyết định trong điều kiện không có quy hoạch hoặc không theo quy hoạch, không có cơ sở, khoa học, đầu tư theo kiểu phong trào, như: việc xây dựng các nhà máy xi-măng lò đứng, các nhà máy đường ở nhiều địa phương trước kia và

việc xây dựng hệ thống cảng biển, sân bay trong những năm gần đây là những ví dụ điển hình. Kết quả là hàng loạt địa phương đã xây dựng nhà máy xi-măng, nhà máy đường nhưng không tính trước đến việc bảo đảm nguồn nguyên liệu cũng như vấn đề tiêu thụ sản phẩm nên các nhà máy này không sử dụng được hết công suất và thua lỗ. Tương tự, vì có quá nhiều cảng biển được xây dựng, song khả năng cạnh tranh lại kém so với những cảng trong khu vực, nên hàng hóa bốc xếp ít, không phát huy được hiệu quả đầu tư.

Hai là, đầu tư của nước ta còn quá dàn trải, chưa chú ý tới những mục tiêu trọng tâm, trọng điểm. Thậm chí, có những dự án chưa tìm được nguồn vốn nhưng đã khởi công công trình, sau đó mỗi năm cấp vốn nhỏ giọt làm công trình xây dựng bị kéo dài trong nhiều năm, găm giữ một lượng vốn lớn không đưa vào sử dụng được, gây nên tình trạng nợ đọng vốn đầu tư xây dựng của cả nước lên nhiều nghìn tỉ đồng. Điều đó đã ảnh hưởng không nhỏ tới sự lành mạnh của nền tài chính đất nước, tới hoạt động của các ngân hàng và doanh nghiệp có vốn chậm được thanh toán. Trong khi đó, một số công trình đã được Nhà nước xác định là cần tạo ra động lực để phát triển cho một ngành, địa phương, nên đã đầu tư lượng vốn lớn, thì công việc triển khai thực hiện lại rất chậm chạp, diễn ra trong nhiều năm, hay có những thất thoát lớn ảnh hưởng tới chất lượng công trình, làm phát sinh nhiều chi phí sửa chữa, khắc phục.

Ba là, nạn tham ô, tham nhũng lãng phí trở nên quá phổ biến. Trong nhiều dự án đầu tư cả bên A, bên B cùng câu kết tham ô một cách tinh vi dưới nhiều hình thức: gian lận, khai khống từ khâu thiết kế, lập dự toán, đấu thầu, thi công... để nâng giá trị công trình; ăn cắp, rút ruột công trình, đánh tráo đưa vào sử dụng các loại vật tư nguyên liệu rẻ tiền chất lượng thấp, những máy móc thiết bị cũ lạc hậu được

tân trang lại... Kết quả là nhiều công trình chưa đưa vào sử dụng đã hư hỏng, nhiều nhà máy tuy khánh thành nhưng không đi vào hoạt động được hoặc hoạt động thì thua lỗ do sản phẩm chất lượng thấp, giá thành cao. Có thể nói những thất thoát, lãng phí khá lớn trong lĩnh vực đầu tư xây dựng ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả chung của nền kinh tế.

Bốn là, các nguồn lực của Nhà nước trong nhiều trường hợp còn bị sử dụng một cách quá lãng phí, kém hiệu quả. Có thể thấy rõ điều đó qua tình trạng chi tiêu lãng phí vào nhiều hội nghị, tổng kết, lễ kỷ niệm, lễ hội vẫn còn khá lớn. Nguồn vốn viện trợ cho phát triển (ODA) - một nguồn bổ sung rất quan trọng cho đầu tư vì nhiều lý do: thiếu vốn đối ứng, thiếu quy hoạch, thủ tục hành chính phiền hà, khó khăn trong đền bù giải phóng mặt bằng, những yếu kém trong quản lý điều hành dự án... làm cho việc giải ngân chậm chạp, hiệu quả đầu tư thấp cũng gây ra sự lãng phí. Một ví dụ khác là đất đai, một nguồn lực to lớn, quan trọng của đất nước cũng vì những yếu kém trong quản lý, sử dụng nên một bộ phận quan trọng của nguồn lực này chưa được phát huy cho phát triển kinh tế, sử dụng lãng phí và thất thoát lớn, không chỉ tác động xấu tới đời sống kinh tế, mà còn là một trong những nguyên nhân chính dẫn tới nhiều khiếu kiện, gây nên những khó khăn, phức tạp. Những sự lãng phí trên đưa đến hậu quả là góp phần làm cho hiệu quả sử dụng các nguồn lực của đất nước thêm kém và sự khan hiếm nguồn lực càng trở nên gay gắt.

Năm là, hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp quá thấp. Các doanh nghiệp nhà nước sau nhiều năm được sắp xếp, đổi mới, cổ phần hóa một cách chậm chạp, đến nay đang vẫn trong tình trạng cũ. Đó là, tuy nắm giữ một khối lượng tài sản rất lớn, nhưng chỉ đóng góp hơn 40% GDP cho đất nước. Tỷ trọng doanh nghiệp có quy mô

nhỏ khá cao (số doanh nghiệp nhà nước có vốn dưới 5 tỉ đồng vẫn còn chiếm tới hơn 40%). Tình trạng này chậm được cải thiện do nhiều doanh nghiệp có trình độ công nghệ, đặc biệt trình độ quản trị kinh doanh thấp, công tác quản lý tài chính kém, chi tiêu lãng phí, tiêu cực, tham nhũng, nên doanh nghiệp hoạt động rất khó khăn, không hiệu quả, thậm chí có doanh nghiệp để tình trạng thua lỗ kéo dài, đứng trước nguy cơ phá sản. Ngay cả một số doanh nghiệp nhà nước lớn, các tổng công ty như dầu khí, điện lực, hàng không, hàng hải... và cả một số ngân hàng thương mại nhà nước, mặc dù được nguồn vốn lớn, đầu tư công nghệ cao, nhưng những hạn chế, lỏng lẻo trong quản lý kinh doanh cũng ảnh hưởng không nhỏ tới hiệu quả. Đối với các doanh nghiệp tư nhân mới hình thành và phát triển trong những năm đổi mới, đặc biệt từ sau khi có Luật Doanh nghiệp, nên thời gian hoạt động còn ngắn, hầu hết chỉ là doanh nghiệp vừa và nhỏ, vốn ít, công nghệ thấp, hạn chế về trình độ và không có nhiều mối quan hệ quốc tế, thậm chí một số doanh nghiệp lại làm ăn chộp giật, thông đồng với cán bộ quản lý nhà nước, với doanh nghiệp nhà nước để thu lợi bất chính nên hiệu quả kinh doanh thấp là điều khó tránh khỏi.

Tóm lại, chính các nguyên nhân trên đã khiến sự phát triển kinh tế của nước ta còn dưới mức tiềm năng. Sự phân tích những nguyên nhân đó để tìm ra các biện pháp khắc phục là rất cần thiết. Song, điều quan trọng từ những phân tích trên cần phải có sự nỗ lực chung tích cực của cả nước mới có thể huy động tối đa được mọi nguồn lực, phát huy và sử dụng những nguồn lực đó với hiệu quả cao nhằm đẩy nhanh tốc độ phát triển của nền kinh tế. Một khi chưa tạo được quyết tâm chung thì chắc chắn sự phát triển dưới mức tiềm năng của đất nước sẽ là điều khó tránh khỏi. □

ĐỂ NÂNG CAO...

(Tiếp theo trang 18)

Lấy sự chuyển biến từ cơ sở làm mục tiêu và thước đo kết quả tổng hợp của công tác xây dựng Đảng. Kết hợp chặt chẽ giữa xây dựng, củng cố tổ chức cơ sở đảng với xây dựng, củng cố các tổ chức trong hệ thống chính trị ở cơ sở. Đặc biệt coi trọng, củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động và sinh hoạt của các chi bộ, chi hội, chi đoàn ở các thôn, làng, bản, khu phố, tổ dân phố. Thực hiện tốt nhiệm vụ trung tâm là phát triển kinh tế, nhiệm vụ then chốt là xây dựng Đảng, bảo đảm quốc phòng, an ninh và giải quyết kịp thời những vấn đề xã hội bức xúc ở cơ sở. Tăng cường năng lực lãnh đạo của Đảng và hiệu lực quản lý của Nhà nước trong việc điều hòa các lợi ích xã hội của các tầng lớp dân cư, các vùng, lĩnh vực, kết hợp hài hòa sự phát triển kinh tế với bảo đảm sự tiến bộ và công bằng xã hội.

Đổi mới công tác tuyên truyền, giáo dục đường lối, chính sách của Đảng trong nhân dân, bảo đảm khách quan, có hệ thống và có sức thuyết phục để nhân dân thấy rõ cả thành tựu và thiếu sót, khó khăn khách quan và khuyết điểm chủ quan, quyền lợi và trách nhiệm công dân để cùng với Đảng và Nhà nước thực hiện thắng lợi mục tiêu đã đề ra. Đồng thời, đấu tranh vạch trần âm mưu, thủ đoạn xuyên tạc, lợi dụng dân chủ để phá hoại mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân.

Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, làm cho sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước có hiệu lực hơn, quyền làm chủ của nhân dân được phát huy và thực hiện tốt phương châm Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ là sự đổi mới công tác xây dựng Đảng nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng hiện nay. □

Đổi mới mạnh mẽ, cơ bản, toàn diện và sâu sắc giáo dục đại học nước ta thời kỳ 2006 - 2020

BÀNH TIẾN LONG *

CÁC nhà kinh tế ước tính rằng, hơn 50% tăng trưởng thu nhập của các nước công nghiệp trong thế kỷ trước là phần đóng góp của các phát minh, sáng chế mà phần lớn ra đời từ các phòng thí nghiệm, giảng đường và thư viện của các trường đại học. Sự tiên đoán của Mác, khoa học trở thành một lực lượng sản xuất trực tiếp, đã trở thành hiện thực. Ngày nay, trước những tiến bộ vượt bậc của khoa học - công nghệ và những biến đổi lớn lao về chính trị, kinh tế, xã hội trên thế giới, tất cả các nước đều đã nhận thấy, họ chỉ có thể vượt qua những thách thức của thế kỷ XXI, đặc trưng là xã hội thông tin và toàn cầu hóa, một khi nhân dân nước họ được giáo dục tốt, đặc biệt là ở bậc đại học, để có được nguồn nhân lực chất lượng cao, có sức cạnh tranh mạnh mẽ. Đối với nước ta, giáo dục đại học đã trở thành một nhân tố quan trọng hàng đầu trong việc thực hiện chiến lược "đi tắt, đón đầu" để phát triển nhanh và bền vững.

Trong gần hai mươi năm đổi mới vừa qua, hòa cùng với sự chuyển mình về mọi mặt của xã hội, giáo dục đại học nước ta đã có sự phát triển rõ rệt về quy mô, mục tiêu đào tạo được mở rộng, hình thức sở hữu và nguồn lực đầu tư

đã được đa dạng hóa, cơ cấu hệ thống và trình độ đào tạo bước đầu được điều chỉnh, nhà trường đã chú trọng hơn đến việc cải tiến nội dung và phương pháp giảng dạy, học tập v.v.. Kết quả của những đổi mới đó là, đội ngũ các nhà quản lý, nhà khoa học, nhà giáo, nhà hoạt động xã hội, các doanh nhân và viên chức nhà nước, những người có trình độ đại học và sau đại học, phần lớn được đào tạo trong nước,

đã tham gia tích cực và có hiệu quả trong công cuộc đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo.

Tuy nhiên, nội dung đổi mới giáo dục đại học chưa mang tính hệ thống và cơ bản, kết quả đổi mới giáo dục đại học chưa toàn diện và vững chắc. Giáo dục đại học còn nhiều yếu kém, bất cập trước những đòi hỏi của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập kinh tế quốc tế, cũng như chưa đáp ứng nhu cầu học tập của nhân dân. Cơ cấu hệ thống còn chưa hợp lý, cơ cấu ngành nghề đào tạo còn đơn điệu, trường đại học và viện nghiên cứu còn thiếu gắn kết trong xây dựng quy hoạch, kế hoạch cũng như trong hoạt động thực tiễn. Chất lượng và hiệu quả đào tạo nhìn chung còn thấp, chưa có trường đại học nào đạt đẳng cấp quốc tế; giảng dạy ít gắn với nghiên cứu, đào tạo ít gắn với sử dụng, phương pháp giảng dạy và học tập rất lạc hậu. Đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý giáo dục vừa thiếu, vừa yếu. Nguồn lực quá hạn hẹp và hiệu quả sử dụng còn thấp. Quản lý vĩ mô chưa thoát khỏi tình trạng quan liêu, ôm đồm, sự vụ; quyền tự

* Thứ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

chủ và trách nhiệm xã hội của nhà trường chưa được phát huy đầy đủ và đúng hướng.

Trong bối cảnh trên, công cuộc đổi mới giáo dục đại học cần phải tiếp tục được đẩy mạnh để chuyển biến một cách cơ bản, toàn diện và có hệ thống. Đây là yêu cầu bức xúc không chỉ của riêng hệ thống giáo dục đại học mà là yêu cầu của toàn xã hội. Đáp ứng yêu cầu đó, theo sự chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, vừa qua Bộ Giáo dục và Đào tạo đã trình Chính phủ *Đề án đổi mới giáo dục đại học giai đoạn 2006 – 2020*, trong đó đã xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp và bước đi cụ thể qua từng thời kỳ.

Mục tiêu tổng quát của công cuộc đổi mới giáo dục đại học trong 15 năm tới là: Đến năm 2020, giáo dục đại học phải có bước chuyển cơ bản về chất lượng và quy mô; năng lực cạnh tranh của từng trường và của toàn hệ thống được nâng cao; thích ứng và hoạt động có hiệu quả trong cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; trên cơ sở đó, thực hiện tốt sứ mệnh đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao, có phẩm chất đạo đức, năng lực chuyên môn và hoạt động xã hội đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội và nhu cầu học tập của nhân dân, góp phần nâng cao tiềm năng trí tuệ của dân tộc, nâng cao sức cạnh tranh của nguồn nhân lực và của nền kinh tế đất nước; xây dựng một số trường đại học đạt đẳng cấp quốc tế.

Để đạt mục tiêu tổng quát nói trên, các trường đại học, cao đẳng và toàn bộ hệ thống giáo dục đại học cần phải phấn đấu thực hiện các mục tiêu cụ thể là:

1 - Hoàn chỉnh mạng lưới các cơ sở giáo dục đại học trên phạm vi toàn quốc, có sự phân tầng rõ rệt về chức năng, bảo đảm hợp lý cơ cấu trình độ, cơ cấu ngành nghề, cơ cấu vùng miền, đồng thời phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của cả nước và của các địa phương.

2 - Tạo bước chuyển cơ bản về chất lượng và hiệu quả của toàn hệ thống. Phát triển các chương trình đào tạo theo hai hướng chính: định hướng nghiên cứu - phát triển và định hướng nghề nghiệp - ứng dụng. Áp dụng mô hình đào tạo mềm dẻo, liên thông, kết hợp mô hình truyền thống với mô hình nhiều giai đoạn và chuyển các cơ sở giáo dục đại học sang đào tạo theo hệ thống tín chỉ. Hoàn thiện hệ thống bảo đảm chất lượng và kiểm định. Đạt được sự công nhận bằng cấp với các nước trong khu vực và trên thế giới. Xây dựng một vài trường đạt mức tiên tiến trên thế giới.

3 - Mở rộng quy mô đào tạo, đạt tỷ lệ 200 sinh viên/1 vạn dân vào năm 2010 và 450 sinh viên/1 vạn dân vào năm 2020, trong đó có 70% - 80% tổng số sinh viên theo học các chương trình nghề nghiệp - ứng dụng và khoảng 40% tổng số sinh viên thuộc các trường ngoài công lập.

4 - Xây dựng đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý giáo dục đại học đủ về số lượng, có phẩm chất đạo đức và lương tâm nghề nghiệp, có trình độ chuyên môn cao, phong cách giảng dạy và quản lý tiên tiến; bảo đảm đến năm 2010 đạt 40% giảng viên có trình độ thạc sĩ và 25% có trình độ tiến sĩ; tỷ lệ sinh viên/giảng viên của cả hệ thống giáo dục đại học không quá 20; đối với các ngành khoa học tự nhiên, kỹ thuật và công nghệ không quá 15, các ngành kinh tế, khoa học xã hội và nhân văn không quá 25.

5 - Áp dụng các phương thức và công nghệ quản lý hiện đại trong các cơ sở giáo dục đại học, đặc biệt là áp dụng công nghệ thông tin và truyền thông hiện đại trong tất cả các trường đại học, cao đẳng; hình thành trung tâm dữ liệu quốc gia về đào tạo và nghiên cứu khoa học và hệ thống thư viện điện tử.

6 - Nâng cao rõ rệt quy mô và hiệu quả của các hoạt động khoa học - công nghệ trong các trường đại học nhằm nâng cao chất lượng đào

tạo và trực tiếp góp phần phát triển kinh tế - xã hội. Các trường đại học lớn phải là các trung tâm nghiên cứu khoa học mạnh của cả nước. Nguồn thu từ các hoạt động khoa học - công nghệ, sản xuất và dịch vụ đạt khoảng 15% tổng nguồn thu của các trường. Hằng năm Nhà nước giành một khoản không ít hơn 1% ngân sách nhà nước để các trường đại học thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học.

7 - Hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển giáo dục đại học bảo đảm quyền tự chủ và trách nhiệm xã hội của nhà trường về tất cả các mặt: tổ chức, nhân sự, đào tạo, nghiên cứu khoa học, tài chính, hợp tác quốc tế, huy động các nguồn lực đầu tư cho phát triển giáo dục đại học. Bảo đảm đúng sự quản lý nhà nước về giáo dục đại học và vai trò giám sát và đánh giá của xã hội đối với các hoạt động của nhà trường và những người có lợi ích liên quan.

Nhằm thực hiện các mục tiêu đổi mới giáo dục đại học, trong ba kế hoạch 5 năm tới, mỗi trường đại học, cao đẳng cũng như toàn bộ hệ thống giáo dục đại học cần phải tập trung vào những nhóm nhiệm vụ sau đây:

Thứ nhất: Điều chỉnh cơ cấu trình độ và hệ thống nhà trường nhằm làm cho giáo dục đại học phù hợp với thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và xu hướng phát triển của thế giới.

Thứ hai: Xây dựng quy trình đào tạo mềm dẻo và liên thông, đổi mới mục tiêu, nội dung, phương pháp giảng dạy đại học.

Thứ ba: Xây dựng quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý đại học có phẩm chất đạo đức và lương tâm nghề nghiệp, có trình độ chuyên môn cao, phong cách giảng dạy tiên tiến và hiện đại.

Thứ tư: Tăng cường hoạt động nghiên cứu và triển khai nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, trực tiếp giải quyết những vấn đề từ thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội và tăng nguồn thu cho nhà trường.

Thứ năm: Đổi mới cơ chế tài chính và huy động nguồn lực cho giáo dục đại học nhằm đa dạng hóa nguồn lực và nâng cao hiệu quả đầu tư.

Thứ sáu: Đổi mới quản lý giáo dục đại học theo hướng tăng quyền tự chủ, nâng cao trách nhiệm xã hội và thúc đẩy năng lực cạnh tranh của các trường đại học.

Thứ bảy: Tăng cường hợp tác quốc tế, nâng cao sức cạnh tranh của hệ thống giáo dục đại học trong quá trình hội nhập quốc tế.

Trước mắt, trong 5 năm tới, cần tập trung vào những nhiệm vụ và giải pháp sau:

- Phân cấp mạnh mẽ, triệt để cho các trường đại học, cao đẳng. Thực hiện nguyên tắc "tự chủ và trách nhiệm xã hội cao" của các trường trên các mặt: tổ chức, nhân sự, tài chính, đào tạo, nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế.

- Đổi mới chương trình đào tạo theo 2 hướng: nghiên cứu - phát triển và nghề nghiệp - ứng dụng, coi trọng việc học gắn liền với thực tập, với nghiên cứu khoa học, nâng cao kỹ năng nghề nghiệp, đào tạo gắn với sử dụng; đổi mới phương pháp dạy và học: chuyển các cơ sở giáo dục đại học đang đào tạo theo biên chế sang đào tạo theo hệ thống tín chỉ; xây dựng quy trình đào tạo mềm dẻo và liên thông.

- Xây dựng đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý giáo dục đại học có phẩm chất, đạo đức và năng lực chuyên môn cao, có phong cách quản lý và giảng dạy tiên tiến, hiện đại. Bảo đảm sự bình đẳng giữa giảng viên biên chế và giảng viên hợp đồng, giảng viên các trường công lập và ngoài công lập. Các trường được quyền chủ động tuyển đủ số giảng viên theo quy định, sử dụng người giỏi và sàng lọc người không đủ điều kiện. Gửi nhiều cán bộ, giảng viên trẻ đi đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ ở các nước tiên tiến.

- Nâng cao chất lượng đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ; đổi mới phương thức tuyển chọn, nội dung, phương pháp đào tạo, đặc biệt trong việc đánh giá luận án tiến sĩ.

- Thực hiện chế độ trường đại học bỏ nhiệm, miễn nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư theo các tiêu chuẩn và điều kiện quy định; định kỳ đánh giá để bổ nhiệm lại, miễn nhiệm các chức danh khoa học. Giảm bớt các thủ tục hành chính không cần thiết, tập trung vào năng lực chuyên môn để công nhận giảng viên, giảng viên chính.

- Mở rộng đầu vào các trường đại học, thay đổi hình thức thi và xét tuyển, triển khai thi trắc nghiệm; sử dụng công nghệ đo lường đánh giá giáo dục hiện đại, thực hiện sàng lọc mạnh trong quá trình đào tạo. Thí điểm phương thức tuyển sinh mềm dẻo (ghi danh, xét tuyển), trước mắt triển khai với hai đại học mở. Triển khai hệ thống kiểm định và công nhận chất lượng chương trình và nhà trường.

- Sửa đổi điều lệ trường đại học theo hướng tăng mạnh quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các trường đại học. Chú trọng đổi mới công tác quản lý, kể cả đổi mới về nhân sự. Xóa bỏ cơ chế chủ quản. Xây dựng cơ chế đại diện chủ sở hữu đối với các trường đại học công lập.

- Tăng cường mạnh công tác nghiên cứu khoa học, gắn công tác nghiên cứu với đào tạo để nâng cao chất lượng đào tạo. Dành một khoản ngân sách nhà nước cho các trường đại học để thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học. Thành lập một số viện, trung tâm, vườn ươm, doanh nghiệp trong các trường. Chuyển một số viện nghiên cứu có điều kiện thích hợp về một số trường đại học và thực hiện chế độ kiêm nhiệm đối với một số chức danh.

- Lựa chọn và sử dụng một số chương trình, giáo trình tiên tiến trên thế giới về khoa học tự nhiên, công nghệ và kinh tế, tiến tới tổ chức đào tạo một số chương trình bằng tiếng Anh

trong các trường đại học. Mời giáo sư nước ngoài và Việt kiều về tham gia giảng dạy hoặc quản lý đào tạo.

- Xúc tiến xây dựng một vài trường có đẳng cấp quốc tế với sự trợ giúp về chuyên môn, kỹ thuật của một số trường đại học hàng đầu trên thế giới.

Đề án đổi mới giáo dục đại học đã được Chính phủ thông qua. Từ nay tới cuối năm 2006, Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ phối hợp với các bộ, ngành có liên quan huy động các nhà giáo, nhà khoa học, nhà quản lý, nhà hoạt động xã hội, những người hiểu biết sâu về các vấn đề đang đặt ra đối với giáo dục đại học để xây dựng và hoàn thiện các tiểu đề án cho từng nội dung cụ thể, với những giải pháp, lộ trình rõ ràng, đề xuất những việc cần làm ngay, những việc sẽ tiếp nối, trải ra trên một đoạn đường 15 năm đến năm 2020 để đạt được mục tiêu đề ra. Về bộ máy tổ chức, Bộ Giáo dục và Đào tạo dự kiến trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, thành lập một "Ban chỉ đạo" và một "Tổ công tác" để cụ thể hóa, triển khai Đề án. Tổ công tác bao gồm các chuyên gia về giáo dục đại học và các lĩnh vực liên quan, có cán bộ chuyên trách, có chuyên gia nước ngoài tham gia. Đề án chi tiết cần hoàn thành trước quý II năm 2006. Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn các trường tổ chức quán triệt chủ trương và các giải pháp đổi mới giáo dục đại học tới các giáo sư, phó giáo sư, cán bộ quản lý và cán bộ công nhân viên trong trường, thành lập Ban chỉ đạo đổi mới giáo dục đại học và tiến hành xây dựng đề án đổi mới của trường, kết hợp việc xây dựng đề án với xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển trung hạn 2006 - 2010.

Việc đổi mới giáo dục đại học sẽ được thực hiện theo 3 giai đoạn: Giai đoạn 2006 - 2010, hoàn thiện đề án chi tiết đổi mới giáo dục đại học. Tập trung thực hiện một số giải pháp đã nêu, đổi mới nội dung và phương pháp đào tạo, đổi mới cơ chế quản lý, cơ chế huy động nguồn

lực, tạo sự chuyển biến bước đầu về chất lượng. *Giai đoạn 2011 – 2015*: củng cố các kết quả đạt được ở giai đoạn I. Triển khai đồng bộ các giải pháp, chú trọng nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực, phát triển đủ về quy mô và bảo đảm về trình độ đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý giáo dục đại học. Phần đầu có được bước chuyển biến rõ rệt về chất lượng, nâng chất lượng tiếp cận trình độ tiên tiến trong khu vực và trên thế giới. *Giai đoạn 2016 – 2020*: hình thành hệ thống giáo dục đại học hiện đại, cơ cấu trình độ phù hợp, mạng lưới giáo dục hợp lý, hội nhập quốc tế và đạt trình độ tiên tiến trong khu vực, đáp ứng về cơ bản hoàn thiện nhu cầu nhân lực trình độ cao của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Vấn đề có tầm quan trọng đặc biệt, bao trùm lên mọi công việc là ưu tiên tập trung đổi mới cơ chế, chính sách nhằm tạo ra một môi trường "sinh thái giáo dục đại học mới", có không gian mới khoáng đạt cho hoạt động sáng tạo trong giảng dạy và nghiên cứu; các trường có tính độc lập và tự chủ; hoạt động tuyển chọn và đề bạt cán bộ dựa trên tài năng và thành tích; nguồn tài chính ổn định và bền vững; và các trường đại học có trách nhiệm cao đối với xã hội, các nhà tài trợ và những người có quyền lợi liên quan.

Đổi mới giáo dục đại học là một công việc khó khăn, đòi hỏi các thế hệ nhà giáo, các nhà khoa học và cán bộ quản lý giáo dục phải cộng tác và kế tục nhau tiến hành trong thời gian tương đối dài. Để công cuộc đổi mới giáo dục đại học đạt kết quả tốt đẹp, trong suốt quá trình thực hiện cần quán triệt và kiên định các quan điểm chỉ đạo sau:

Đổi mới giáo dục đại học phải giúp cho từng trường và toàn hệ thống thực hiện được sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực có kiến thức, kỹ năng, trình độ và chất lượng cao cho các ngành nghề, gắn kết chặt chẽ với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh, phù hợp với xu thế phát triển mạnh mẽ của

khoa học - công nghệ, góp phần nâng cao tiềm năng trí tuệ của đất nước.

Thông qua quá trình đổi mới, hệ thống giáo dục đại học phải được hiện đại hóa trên cơ sở kế thừa những thành quả giáo dục đào tạo của đất nước, phát huy bản sắc dân tộc, đồng thời tiếp thu tinh hoa nhân loại, phù hợp và tiếp cận nhanh với xu thế phát triển giáo dục đại học tiên tiến trên thế giới.

Đổi mới giáo dục đại học phải bảo đảm tính thực tiễn và tính hiệu quả; mở rộng quy mô phải đi đôi với nâng cao chất lượng giáo dục, tạo cơ hội bình đẳng cho các tầng lớp nhân dân và sự tiến bộ của mỗi cá nhân; được tiến hành đồng bộ, từ mục tiêu, quy trình, nội dung đến phương pháp dạy và học; mềm dẻo, liên thông, gắn bó chặt chẽ và tạo động lực để tiếp tục đổi mới giáo dục phổ thông và giáo dục nghề nghiệp.

Phải tập trung tăng cường quyền tự chủ và trách nhiệm xã hội của các trường đại học trên cơ sở đổi mới tư duy mạnh mẽ và phương thức quản lý, phân định rõ chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước về giáo dục đại học, nâng cao năng lực cạnh tranh của từng trường và toàn bộ hệ thống.

Đổi mới giáo dục đại học là sự nghiệp của Đảng, Nhà nước và nhân dân. Phải tập trung chỉ đạo và tổ chức thực hiện một cách đồng bộ với cách làm, cách hành động có căn cứ khoa học nhưng quyết liệt. Nhà nước tăng đầu tư cho giáo dục đại học đồng thời đẩy mạnh xã hội hóa, tạo điều kiện thuận lợi về cơ chế, chính sách để mọi tổ chức, cá nhân và toàn xã hội tham gia phát triển giáo dục đại học một cách bình đẳng, có chất lượng và hiệu quả. Các trường đại học phải phát huy vai trò chủ thể của công cuộc đổi mới, phải lấy đội ngũ giảng viên, các nhà khoa học, cán bộ quản lý làm lực lượng nòng cốt và phải tìm mọi cách để huy động sự hưởng ứng, tham gia tích cực của toàn xã hội. □

CHI tiêu công là các khoản chi tiêu của Nhà nước nhằm thực hiện các chức năng vốn có của Nhà nước trong việc cung cấp hàng hóa công, phục vụ lợi ích kinh tế - xã hội cho cộng đồng. Chi tiêu công phản ánh trị giá của các loại hàng hóa mà Chính phủ cung cấp cho xã hội. Quản lý chi tiêu công phản ánh hoạt động tổ chức, điều khiển và đưa ra quyết định của Nhà nước đối với quá trình phân phối và sử dụng nguồn lực tài chính công. Từ khi Luật Ngân sách Nhà nước được ban hành năm 1996 và có hiệu lực thực hiện đến nay, Nhà nước đã không ngừng hoàn thiện chính sách quản lý chi tiêu công nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển của nền kinh tế, bước đầu chính sách đó đã mang lại những thành quả đáng khích lệ được thể hiện trên các khía cạnh.

Thứ nhất, xây dựng khuôn khổ pháp lý về lập ngân sách và quản lý chi tiêu công. Luật Ngân sách Nhà nước năm 1996 và các lần sửa đổi tiếp theo trong năm 1998 và năm 2002 đã tạo ra khuôn khổ pháp lý tương đối hoàn chỉnh về lập ngân sách và quản lý chi tiêu công, trong đó có sự phân công trách nhiệm rõ ràng hơn giữa các cơ quan của Nhà nước trong quản lý chi tiêu công.

Thứ hai, từng bước phi tập trung hóa, tăng cường trao quyền quyết định chi tiêu công cho chính quyền địa phương. Cùng với việc xây dựng khuôn khổ pháp lý lập ngân sách và quản lý chi tiêu công, Nhà nước đã có nhiều tiến bộ đáng kể trong việc phân cấp tài chính (thu - chi) giữa trung ương và địa phương. Việc phân cấp tài chính đã góp phần nâng cao tính tự chủ của chính quyền địa phương, qua đó không những tạo điều kiện cho chính quyền địa

Đổi mới chính sách quản lý chi tiêu công phục vụ tăng trưởng bền vững

DƯƠNG THỊ BÌNH MINH * - SỬ ĐÌNH THÀNH **

phương hoạt động độc lập hơn trong khả năng của mình để xây dựng các chính sách chi tiêu, mà còn hướng tới việc nâng cao trách nhiệm về chính trị, tính hiệu quả và minh bạch trong quản lý tài chính công.

Thứ ba, đạt được tín nhiệm cao về quản lý tài chính công.

Thời gian qua, ngân sách bội chi ở mức thấp, nợ trong nước và nước ngoài nằm trong phạm vi kiểm soát được. Hệ thống kho bạc nhà nước đã quản lý và kiểm soát các khoản chi tiêu công theo luật định. Luật Ngân sách Nhà nước năm 1996, Luật Ngân sách Nhà nước sửa đổi năm 1998 và năm 2002 đã thiết lập những quy định rõ ràng về phân phối và sử dụng nguồn lực. Điều này làm cho tính minh bạch về chi tiêu công được cải thiện đáng kể. Đồng thời, Chính phủ cũng đã phát triển những định mức được sử dụng, để hướng dẫn chi tiêu công cho các ngành và quyết định sự chuyển giao nguồn lực cho các tỉnh.

Thứ tư, đã có sự cải thiện nhất định trong phân bổ nguồn lực: *hình thành hệ thống định mức làm cơ sở phân bổ ngân sách*.

* GS, TS, Phó hiệu trưởng Trường đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh

** TS, Cán bộ giảng dạy Trường đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh

Sau khi ban hành Luật Ngân sách Nhà nước năm 1996, Chính phủ đã quyết định ban hành hệ thống định mức chi tiêu ngân sách năm 1997 và các định mức thường xuyên được sửa đổi. Những định mức được tiêu chuẩn hóa và áp dụng cho các mục chi trong các lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao. Dựa vào hệ thống định mức, chính quyền địa phương dự toán nhu cầu chi tiêu và phân bổ nguồn lực tài chính. Có thể nói, trong điều kiện nguồn lực tài chính còn giới hạn, thì định mức chi tiêu là căn cứ rất tốt để phân bổ nguồn lực tài chính.

Xác lập những ưu tiên trong phân bổ chi tiêu công, xây dựng ngân sách theo chương trình thông qua hoạch định chương trình đầu tư công giai đoạn 1996 - 2000 và kế hoạch 2000 - 2005. Việc xây dựng chương trình đầu tư công đã tạo ra một khuôn khổ để tiến tới thiết lập chương trình chi tiêu công toàn diện, qua đó giúp cho Chính phủ kiểm soát có hiệu quả hơn việc phân phối và sử dụng nguồn lực tài chính.

Chính phủ thực hiện ưu tiên đối với khoản chi đầu tư phát triển. Trong cơ cấu chi đầu tư, các khoản cấp phát đầu tư xây dựng cơ bản cho các công trình kinh doanh không có hiệu quả đã được loại bỏ; các khoản cấp phát vốn lưu động cho ngân sách nhà nước có xu hướng giảm, thay vào đó chuyển sang hình thức cho vay ưu đãi thông qua các quỹ hỗ trợ tài chính.

Nâng cao định hướng phục vụ người nghèo của chi tiêu công. Nhà nước đã thành công trong việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và giảm đói nghèo, bao gồm cải thiện sự công bằng trong chi tiêu cho các lĩnh vực giáo dục và y tế. Những khoản chi tiêu công cho các lĩnh vực xã hội được phân phối công bằng hơn trong việc chuyển giao thu nhập giữa các tầng lớp dân cư. Sử dụng nguồn lực tài chính công đã đạt được nhiều thành tựu như nâng cao mức sống hộ gia đình, tăng tỷ lệ trẻ em đến trường; dinh dưỡng, sức khỏe được cải thiện, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, công bằng về giới.

Thứ năm, cải thiện tính minh bạch trong quản lý chi tiêu công.

Tính minh bạch chi tiêu công có tầm quan trọng trong việc giải trình trước công dân về việc phân bổ nguồn lực tài chính nhà nước và giải trình về chất lượng chi tiêu ngân sách nhà nước tổng thể. Tính minh bạch trong chi tiêu ngân sách nhà nước cũng rất quan trọng đối với các nhà tài trợ, bởi vì họ luôn đòi hỏi phải có đầy đủ các thông tin tin cậy để đánh giá được số tiền tài trợ sử dụng vào việc gì và sử dụng như thế nào. Đối với Chính phủ cũng như các cơ quan của Chính phủ, tính minh bạch tài chính có tầm quan trọng để nâng cao hiệu quả quản lý chi tiêu công.

Bên cạnh những thành tựu, chính sách quản lý chi tiêu công của Việt Nam còn bộc lộ nhiều hạn chế.

– *Quản lý chi tiêu công dựa theo phương thức soạn lập ngân sách theo khoản mục đầu vào, chưa chú trọng đến các đầu ra và kết quả trong việc thực hiện các mục tiêu chiến lược ưu tiên của quốc gia.*

Các thông số về đầu ra cũng như về kết quả thường ít được quan tâm, nên ngân sách thiếu thực tế, dễ bị điều chỉnh và tạo ra kết quả ngoại ý. Phân bổ ngân sách theo các khoản mục đầu vào đã tạo ra điểm yếu cơ bản là không khuyến khích đơn vị tiết kiệm ngân sách, vì nó không đặt ra yêu cầu ràng buộc chặt chẽ giữa số kinh phí được phân bổ với kết quả đạt được ở đầu ra do sử dụng ngân sách đó.

– *Soạn lập ngân sách hằng năm, thiếu mối liên kết chặt chẽ giữa kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trung hạn và dài hạn với nguồn lực tài chính trong một khuôn khổ kinh tế vĩ mô được dự báo.*

Ngân sách nhà nước soạn lập hằng năm, do đó nó không được đánh giá, xem xét sự phân bổ nguồn lực gắn kết với những chương trình phát triển kinh tế - xã hội trung và dài hạn. Nguồn lực của ngân sách phân bổ mang tính dàn trải; thiếu vắng hệ thống các tiêu chí thích hợp để xác định thứ tự ưu tiên chi tiêu. Chi thường xuyên và chi đầu tư phát triển được soạn lập

một cách riêng rẽ nên làm giảm hiệu quả sử dụng nguồn lực công.

– *Cơ chế phân bổ nguồn lực còn kém hiệu quả.*

Bất nguồn từ phương thức lập ngân sách theo khoản mục đầu vào, nên cơ chế phân bổ nguồn lực tài chính dựa vào định mức đã bộc lộ những bất cập:

– Không tạo ra cầu nối ràng buộc giữa việc sử dụng ngân sách và kết quả chi tiêu.

– Chính phủ can thiệp quá sâu vào quy định các định mức chi tiêu của địa phương. Điều này dẫn đến tình trạng là hệ thống định mức quy định không mang tính thực tế, thiếu tính linh hoạt, không khuyến khích tính chủ động sáng tạo của các đơn vị sử dụng ngân sách, đồng thời chưa ràng buộc về trách nhiệm chi tiêu với kết quả đầu ra.

– Một số định mức còn mâu thuẫn nhau và lạc hậu; hơn nữa, các định mức chi này, dù thích hợp hay không, cũng chỉ được sử dụng để xây dựng dự toán ngân sách theo các khoản mục. Còn việc phân bổ ngân sách cuối cùng vẫn phụ thuộc khá nhiều vào kết quả "thương lượng". Mặc dù với hệ thống giao ngân sách ổn định từ 3 - 5 năm, song hệ thống phân bổ dựa trên kết quả hỗn hợp giữa định mức và thương lượng như vậy, vẫn tỏ ra kém hiệu quả và ít công bằng trong việc phân bổ chi tiêu.

– *Hoạt động khu vực công còn nhiều yếu kém.*

Cho đến nay, Chính phủ chưa đạt được nhiều tiến bộ trong việc cải cách khu vực công. Quá trình tái cấu trúc khu vực công, thông qua đẩy mạnh việc thực hiện các chính sách cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, tự do hóa kinh tế, xã hội hóa các hoạt động cung cấp hàng hóa công diễn ra còn chậm.

Khu vực công còn cồng kềnh, số biên chế cán bộ công chức nhà nước liên tục tăng qua nhiều năm.

Nguồn lực hiện hữu của ngân sách chưa đáp ứng đủ cho hoạt động công. Người quản lý luôn

bị động, không nắm chắc nguồn lực để chủ động cân đối cho nhu cầu cả trong ngắn hạn lẫn dài hạn.

Về mặt luật pháp, sự kiểm soát ngân sách được thiết lập theo hướng tập trung hóa cao độ với nhiều quy định rất chi tiết về mua sắm tài sản, định mức chi tiêu... Thế nhưng, trên thực tế sự kiểm soát chính thức không được thực hiện có hiệu quả, do thiếu thông tin về tổ chức quản lý.

Hiện tại, Việt Nam đang nỗ lực đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nhằm tạo ra sự chuyển đổi căn bản trong phát triển kinh tế - xã hội. Điều này có nghĩa là Việt Nam đang phải thực hiện một sự chuyển đổi kinh tế kép: từ một nền kinh tế mang nặng tính hành chính chuyển hẳn sang một nền kinh tế thị trường năng động; từ một xã hội nông nghiệp lạc hậu chuyển sang một xã hội công nghiệp hóa. Đại hội VIII của Đảng xác định quá trình chuyển đổi này sẽ phần đầu hoàn thành trong một thời gian ngắn và đến năm 2020, Việt Nam cơ bản là một nước công nghiệp với trình độ phát triển lực lượng sản xuất tương đối hiện đại.

Để phân phối và sử dụng nguồn lực tài chính công có hiệu quả, cung cấp cho xã hội các loại hàng hóa công thiết yếu và bảo đảm việc thực hiện các mục tiêu ưu tiên của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, Việt Nam phải tiến hành chiến lược cải cách quản lý chi tiêu công một cách toàn diện với các nội dung cơ bản sau:

Một là, thiết lập hệ thống các nguyên tắc quản lý chi tiêu công có hiệu quả.

Để thực hiện được nhiệm vụ trên đây trước hết phải chú trọng đến tính tổng thể và tính kỷ luật tài chính. Tính tổng thể đòi hỏi Chính phủ phải nắm bắt toàn diện những vấn đề đang tồn tại của quản lý chi tiêu công, hiểu biết tất cả những mối liên kết và đánh giá những trở lực thuộc về định chế, sau đó tìm ra những điểm tiếp cận thích hợp để đẩy mạnh quá trình cải cách chi tiêu công theo từng giai đoạn phát triển. Trong chi tiêu công, các quyết định chi tiêu được đưa ra phải dựa vào cơ sở kỷ luật

tài chính và có sự cạnh tranh, đánh đổi giữa các nhu cầu với nhau. Để kiểm soát tài chính có kết quả, yêu cầu trong soạn lập ngân sách cần đánh giá nguồn lực tổng thể và chọn lựa các công cụ thích hợp nhất để phân bổ nguồn lực nhằm đạt mục tiêu đã lựa chọn. Kinh tế vĩ mô càng ổn định và mọi hoạt động của Chính phủ được thể chế hóa dựa theo chiến lược minh bạch có sự cân đối giữa ngắn hạn và dài hạn, thì khu vực công càng thực hiện tốt hơn chức năng cung cấp hàng hóa công cho xã hội. Chiến lược quản lý chi tiêu công phải bảo đảm chắc chắn sao cho dòng chảy các nguồn lực tài chính được chuyển đến các chương trình, dự án theo đúng mục tiêu chiến lược đã lựa chọn.

Tính trung thực trong quản lý chi tiêu công phản ánh thực tế khách quan, xác thực của việc lập và thực hiện dự toán ngân sách sao cho phù hợp với các điều kiện kinh tế - xã hội cụ thể của đất nước. Những dự toán ngân sách quá lạc quan, sẽ làm phá vỡ tính kỷ luật tài chính và dẫn đến thất bại trong việc thực hiện những ưu tiên chiến lược. Trong quản lý chi tiêu công rất cần độ chính xác của các thông tin. Thông tin tốt sẽ làm tăng thêm tính trung thực và giúp người quản lý đưa ra các quyết định tốt hơn. Thông tin chính xác và kịp thời về chi phí, đầu ra và kết quả là rất cần thiết để nâng cao hiệu quả quản lý chi tiêu công. Để bảo đảm tính minh bạch, người ra quyết định phải được cung cấp đầy đủ những dữ liệu và thông tin. Tiếp đến, yêu cầu các chính sách, quyết định của Chính phủ cũng như kết quả và chi phí thực hiện của các chương trình công cần được thông tin rộng rãi cho công chúng.

Hai là, cải thiện việc lập kế hoạch phân bổ nguồn lực và kế hoạch chi tiêu.

Chuyển phương thức soạn lập ngân sách theo đầu vào sang phương thức soạn lập ngân sách theo kết quả đầu ra.

Việc đưa vào khuôn khổ quản lý và soạn lập ngân sách dựa vào kết quả đầu ra trong quản lý chi tiêu công dẫn tới việc thực hiện các khoản chi tiêu công hiệu quả, hiệu lực hơn, và thích

hợp hơn với việc thực hiện mục tiêu chiến lược giảm nghèo, tăng trưởng bền vững; đồng thời giúp cho các nhà tài trợ tin tưởng vào hệ thống quản lý tài chính của Chính phủ, qua đó khuyến khích họ ngày càng sử dụng kênh ngân sách nhà nước để hỗ trợ các chương trình phát triển kinh tế - xã hội của Chính phủ.

Quản lý ngân sách theo kết quả đầu ra, được xem là một công cụ để Chính phủ tập trung nguồn lực công vào nơi mang lại lợi ích cao nhất cho xã hội, thực hiện cải cách chính sách tài chính công và góp phần tăng cường hiệu quả quản lý.

Ba là, chuyển phương thức soạn lập ngân sách hằng năm, sang phương thức soạn lập ngân sách trung hạn, bằng việc xây dựng khuôn khổ chi tiêu trung hạn và trên cơ sở chi tiêu trung hạn mới xây dựng và thiết lập ngân sách nhà nước hằng năm.

Nội dung chiến lược này nhằm ràng buộc các ngành, các địa phương sử dụng các nguồn lực tài chính phải gắn liền với các mục tiêu ưu tiên tổng thể của quốc gia. Một khi đã thay đổi phương thức lập ngân sách theo kết quả đầu ra, thì phương thức lập kế hoạch quản lý ngân sách cũng phải có những thay đổi nhất định cho tương hợp. Dự toán ngân sách được lập cho thời gian trung hạn, bởi vì:

Các mục tiêu phát triển cơ bản của nền kinh tế không thể đặt ra trong giới hạn một năm.

Với nguồn lực giới hạn, thực hiện phương pháp lập ngân sách theo kết quả đầu ra giúp cho các ngành, các địa phương phân bổ nguồn lực có hiệu quả hơn trong việc thực hiện các mục tiêu hoạt động.

Cần lập kế hoạch cho các chi phí thường xuyên phát sinh từ các hạng mục đầu tư mới trong giai đoạn trung hạn, vì chúng có thể phát sinh trong năm thứ 2 hoặc thứ 3, sau khi cơ sở vật chất được xây dựng xong.

Với việc thiết lập khuôn khổ chi tiêu trung hạn sẽ góp phần nâng cao hiệu quả quản lý

(Xem tiếp trang 41)

SAU 20 năm đổi mới, nền kinh tế nước ta đang phát triển và đạt được thành tựu to lớn. Từ chủ trương, đường lối đúng đắn của Đảng, chính sách của Nhà nước, sự giúp đỡ của cộng đồng quốc tế, sự nỗ lực của nhân dân, nước ta hiện đang dẫn đầu thế giới về xóa đói giảm nghèo, là một trong những nước giảm nghèo thành công, nhất là trong vòng 10 năm gần đây. Trong Báo cáo "*Việt Nam thực hiện các mục tiêu phát triển thiên niên kỷ*" công bố ngày 16-9-2005, Việt Nam đã giảm được trên 60% số người nghèo. Tuy nhiên, cùng với một bộ phận dân cư trở nên giàu có, ngày một phong lưu thì vẫn còn không ít người nghèo, hộ nghèo đói, nhất là ở các vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc đang là thách thức đối với sự phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trong quá trình hội nhập.

Có thể nói xóa đói giảm nghèo là một trong những thành công lớn nhất của quá trình phát triển ở nước ta từ đầu những năm 90 của thế kỷ XX đến nay. Để có được thành tựu này là do nước ta đã duy trì được tăng trưởng kinh tế cao và sự ổn định chính trị tạo điều kiện thuận lợi cho xóa đói giảm nghèo; cải cách toàn diện về kinh tế vĩ mô, thương mại và mở cửa nền kinh tế, phát triển nền kinh tế nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa, cải cách doanh nghiệp nhà nước, phát triển nông nghiệp, nông thôn, từng bước đưa Việt Nam thoát khỏi khó khăn, nâng cao khả năng cạnh tranh và hội nhập kinh tế thế giới. Nhìn lại chặng đường đã qua có thể nhận thấy những thành tựu to lớn mà chúng ta đã đạt được trong công tác xóa đói giảm nghèo.

Trước hết, là nhận thức, năng lực, trách nhiệm về xóa đói giảm nghèo được nâng cao ở

THÀNH CÔNG VÀ THÁCH THỨC *trong công cuộc* *xóa đói giảm nghèo* *ở nước ta hiện nay*

NGUYỄN THỊ VY

các cấp, các ngành và mọi người dân. Thông qua việc thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia về xóa đói giảm nghèo giai đoạn 1998 - 2000; giai đoạn 2001 - 2005, nhận thức của các cấp, các ngành và chính người nghèo được nâng cao, ngày càng thấm sâu vào ý chí của đội ngũ cán bộ và người dân quyết tâm thoát nghèo vươn lên làm giàu. Mục tiêu xóa đói giảm nghèo được thể hiện trong các nghị quyết của Đảng. "Đáp ứng tốt hơn các nhu cầu thiết yếu và ngày càng đa dạng của các tầng lớp dân cư, bảo đảm vững chắc nhu cầu lương thực, khắc phục tình trạng thiếu đói thường xuyên và nạn đói giập hạt ở một số vùng..."⁽¹⁾; và "khuyến khích làm giàu hợp pháp đi đôi với tích cực xóa đói giảm nghèo. Thu hẹp dần khoảng cách về trình độ phát triển, về mức sống giữa các vùng, các dân tộc, các tầng lớp dân cư"⁽²⁾... Cụ thể hóa chủ trương của Đảng, Nhà nước ta coi xóa đói giảm nghèo là vấn đề có tính chiến lược lâu dài và luôn đặt công tác này như một nhiệm vụ ưu tiên hàng đầu trong các chính sách phát triển kinh tế - xã hội quốc gia. Trong 5 năm (2001 - 2005), Chính phủ đã

1) Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, tr 280

(2) Văn kiện đã dẫn, Sđd, tr 496

tổ chức đào tạo được 130.374 lượt cán bộ, trong đó 95% là cán bộ cấp xã, thôn, bản về công tác xóa đói giảm nghèo với nguồn kinh phí là 63 tỉ đồng. Nội dung đào tạo tập trung vào nâng cao các kỹ năng tổ chức thực hiện như phương pháp tham gia của người dân, tổ chức nhóm tín dụng, tiết kiệm; đánh giá và giám sát nghèo đói giúp cho cán bộ cơ sở tham gia có hiệu quả quá trình triển khai dự án. Nhiều tấm gương quyết tâm thoát nghèo vươn lên làm giàu xuất hiện ở nhiều địa phương, điển hình là ở Đắc Lắc, Gia Lai, Kon Tum, Bình Phước v.v.. Hơn 800 xã đặc biệt khó khăn có đủ điều kiện ra khỏi Chương trình 135. Thông qua thực tiễn, phong trào xóa đói giảm nghèo đã tạo thành phong trào sâu rộng, ngày càng được xã hội hóa, thu hút được sự quan tâm của cả hệ thống chính trị, của toàn xã hội và các tổ chức quốc tế.

Hai là, đã đạt được các mục tiêu xóa đói giảm nghèo. Cùng với sự tăng trưởng kinh tế cao và tương đối ổn định, hàng loạt các chính sách xóa đói giảm nghèo được triển khai đồng bộ trên tất cả các địa phương với đa dạng nguồn kinh phí, cải thiện đáng kể diện mạo nghèo đói ở các vùng, miền trong cả nước, nhất là khu vực miền núi, hải đảo. Những nỗ lực trên đã góp phần giảm nhanh tỷ lệ nghèo đói của cả nước từ 30% năm 1992 còn 8,3% năm 2004, ước tính dưới 7% năm 2005. Bộ mặt các xã nghèo, xã đặc biệt khó khăn có sự thay đổi đáng kể, nhất là về kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển sản xuất hàng hóa. Chất lượng cuộc sống của người dân ở xã nghèo được nâng cao nhất là nhóm hộ nghèo, đồng bào dân tộc ở miền núi và phụ nữ. Thu nhập bình quân của 20% nhóm nghèo nhất năm 2001 đạt 107.000 đồng/người/tháng và tăng khoảng 1,45 lần vào năm 2005; chỉ tiêu bình quân năm 2001 là 121.000 đồng/người/tháng và tăng 8% - 9% năm 2002 - 2005.

Ba là, tạo cơ hội để người nghèo tiếp cận các dịch vụ sản xuất, góp phần tăng thu nhập, giảm nghèo. Trong 4 năm 2001 - 2004, Ngân hàng chính sách xã hội đã có 3.573 triệu

lượt hộ vay vốn, mức vay tăng từ 2,2 triệu đồng năm 2001 lên 3 triệu đồng năm 2004; dư nợ cho vay hộ nghèo đến ngày 31-12-2004 đạt 11.600 tỉ đồng. Có khoảng 75% số hộ nghèo được vay vốn, chiếm 15,8% tổng số hộ trong cả nước. Nhờ vay vốn nhiều hộ đã thoát nghèo, có điều kiện mua sắm thêm các phương tiện, công cụ sản xuất như trâu, bò, ngựa... Thực hiện chính sách hỗ trợ đất sản xuất, nhiều tỉnh đã giải quyết cho đồng bào dân tộc thiểu số thiếu đất sản xuất bằng cách hỗ trợ vốn cho đồng bào dân tộc, hộ nghèo khai hoang ruộng bậc thang để bảo đảm an ninh lương thực tại chỗ, nhất là các tỉnh Tây Bắc, Tây Nguyên, một số tỉnh miền Tây Nam Bộ. Xây dựng các mô hình chuyển giao tiến bộ về giống mới, quy trình kỹ thuật chăm sóc, bảo vệ cây trồng, vật nuôi; đã tổ chức trên 50.000 lớp tập huấn chuyển giao kỹ thuật và trên 6.000 mô hình trình diễn giống cây, con có năng suất cao cho 2 triệu lượt người nghèo. Xây dựng mô hình xóa đói giảm nghèo ở 19 xã đặc thù thuộc 3 vùng sinh thái đặc trưng (*vùng cao, vùng ngập lũ sâu và vùng bãi ngang ven biển*). Bằng các nguồn vốn lồng ghép từ các chương trình dự án, ngân sách địa phương, vốn huy động cộng đồng, các địa phương đã đầu tư xây dựng hơn 1.000 công trình kết cấu hạ tầng thiết yếu (thủy lợi nhỏ, đường dân sinh, nước sinh hoạt, điện, trường học, chợ xã) cho 997 xã nghèo với kinh phí là 776 tỉ đồng.

Bốn là, tạo cơ hội để người nghèo tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản về y tế, giáo dục, nhà ở. Thực hiện Quyết định 139/2002/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về thành lập Quỹ khám chữa bệnh cho người nghèo, năm 2004 có 3,9 triệu người nghèo được cấp thẻ bảo hiểm y tế, 4,5 triệu người nghèo được cấp giấy khám chữa bệnh miễn phí. Trong giai đoạn 2001 - 2004 đã có 14 triệu lượt người được khám chữa bệnh miễn phí, tổng Quỹ khám chữa bệnh miễn phí cho người nghèo trong 3 năm 2003 - 2005 đạt 2.304 tỉ đồng. Hằng năm có 3 triệu lượt học sinh nghèo và dân tộc thiểu số được miễn giảm

học phí và các khoản đóng góp xây dựng trường, 2,5 triệu lượt học sinh nghèo dân tộc thiểu số được cấp, mượn sách giáo khoa và hỗ trợ trẻ em đi học trong độ tuổi với tổng kinh phí bình quân 100 tỉ đồng/năm. Trợ giúp hộ nghèo về nhà ở được các địa phương đặc biệt quan tâm. Đến tháng 12-2004 cả nước đã hỗ trợ cho 293.137 hộ nghèo về nhà ở với tổng kinh phí trên 1.198 tỉ đồng. Đây là hoạt động mang tính đột phá quan trọng trong chương trình giai đoạn 2001 - 2005.

Năm là, huy động được nguồn lực với các hình thức phong phú, đa dạng. Tổng nguồn lực thực hiện mục tiêu xóa đói giảm nghèo trong 5 năm qua đạt khoảng 41.000 tỉ đồng bao gồm Chương trình 143, Chương trình 135, ... các dự án hợp tác quốc tế. Nguồn lực đầu tư cho chương trình mục tiêu xóa đói giảm nghèo đạt khoảng 21.000 tỉ đồng, trong đó ngân sách trung ương là 3.000 tỉ đồng; ngân sách địa phương là 2.500 tỉ đồng; huy động từ cộng đồng là 1.500 tỉ đồng; từ lồng ghép chương trình, dự án là 2.000 tỉ đồng và tín dụng 12.000 tỉ đồng.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu to lớn đạt được, chương trình xóa đói giảm nghèo còn những hạn chế, bất cập. Một bộ phận không nhỏ người nghèo, xã nghèo vẫn còn tư tưởng ỷ lại, trông chờ vào sự hỗ trợ của Nhà nước, chưa chủ động vươn lên thoát nghèo. Do bệnh thành tích, một số địa phương đã không chế tỷ lệ đói nghèo thấp hơn so với thực tế dẫn đến một bộ phận người nghèo chưa tiếp cận được các chính sách của chương trình, gây ra những nhận thức sai lệch về chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước. Chương trình chưa bao phủ hết số hộ thực sự nghèo, do chuẩn nghèo giai đoạn 2001 - 2005 quy định còn thấp, vì nguồn lực của Nhà nước còn khó khăn, việc xác định đối tượng ở một số địa phương thiếu chính xác dẫn đến một bộ phận không thật sự nghèo được tiếp cận, hưởng ưu đãi của các chính sách, dự án. Nguồn lực huy động cho chương trình còn hạn chế, chưa đáp ứng được mục tiêu đề ra. Hằng

năm, kinh phí nhà nước bố trí cho chương trình tính bình quân người nghèo 60.000 đồng/người là quá thấp; trong khi đó, một số địa phương chưa chủ động huy động nguồn lực tại chỗ hoặc huy động chưa tương xứng với tiềm năng của địa phương, còn trông chờ vào sự trợ giúp của trung ương; chưa huy động được các đoàn thể, doanh nghiệp có điều kiện tham gia vào công cuộc xóa đói giảm nghèo. Hệ thống chỉ tiêu theo dõi, giám sát, đánh giá chương trình xóa đói giảm nghèo chưa được tổ chức một cách có hệ thống và đồng bộ.

*

* *

Do mức sống của người dân ngày càng tăng cùng với định hướng chung là từng bước tiếp cận với các nước đang phát triển trong khu vực về xóa đói giảm nghèo, nên chuẩn nghèo giai đoạn 2001 - 2005 không còn phù hợp. Vì vậy, chuẩn nghèo giai đoạn 2006 - 2010 được Chính phủ thông qua tại phiên họp thường kỳ tháng 4-2005 là: **đối với khu vực nông thôn những hộ có thu nhập bình quân đầu người một tháng từ 200.000 đồng trở xuống và đối với khu vực thành thị từ 260.000 đồng trở xuống.** Những hộ có mức thu nhập bình quân đầu người thấp hơn hoặc bằng chuẩn nghèo được xác định là hộ nghèo. Ước tính vào cuối năm 2005, theo chuẩn mới cả nước có khoảng 4,6 triệu hộ nghèo chiếm 26 - 27% số hộ toàn quốc (theo chuẩn hiện nay là 1,2 triệu hộ chiếm 7,3%). Vùng có tỷ lệ hộ nghèo cao nhất là vùng Tây Bắc (62,3%); Tây Nguyên (52,2%), thấp nhất là vùng Đông Nam Bộ (10,8%).

Sau gần 20 năm đổi mới, thu nhập, mức sống của đại đa số người dân đều được cải thiện, do vậy mức độ nghèo đói của người dân cũng có sự thay đổi. Một số tài liệu của các tổ chức quốc tế như Chương trình phát triển Liên hợp quốc, Ngân hàng thế giới cho rằng bản chất của nghèo đói đã thay đổi đó là từ chỗ nghèo về lương thực, thực phẩm (nhu cầu ăn no, mặc ấm) cơ bản được giải quyết. Vấn đề nghèo hiện nay và trong những năm tới là

nghèo về các nhu cầu phi lương thực, thực phẩm (nhu cầu về nhà ở, chăm sóc sức khỏe khi ốm đau, giáo dục, văn hóa, đi lại và giao tiếp xã hội) và sự phân hóa giàu nghèo đang có xu hướng tiếp tục gia tăng. Ngoài ra, người nghèo mong muốn vị thế và tiếng nói của mình được nâng cao và bình đẳng với nhóm không nghèo trong tiếp cận các dịch vụ xã hội và thành quả của sự phát triển. Công cuộc xóa đói giảm nghèo ở nước ta hiện nay đang có những cơ hội thuận lợi cho việc thực hiện những mục tiêu mới đặt ra:

- + Nền kinh tế tăng trưởng tương đối cao và ổn định trong nhiều năm và sẽ tiếp tục giữ được nhịp độ tăng trưởng cao trong những năm tới. Trong suốt thời kỳ 1986 - 2005 nền kinh tế luôn tăng trưởng, GDP hoặc GDP bình quân đầu người luôn đạt năm sau cao hơn năm trước. Đặc biệt, nền kinh tế đạt mức tăng trưởng khá cao trong phần lớn những năm 90 của thế kỷ XX. Nhờ đó nguồn lực cho xóa đói giảm nghèo được củng cố và tăng cường.

- + Thể chế kinh tế thị trường không ngừng được hoàn thiện, tạo điều kiện thuận lợi hơn để huy động mọi nguồn lực cho phát triển sản xuất kinh doanh và qua đó tạo nhiều việc làm và tăng thu nhập cho người lao động. Mức thu nhập tính theo đầu người tính theo sức mua của Việt Nam tăng từ 2.300USD/năm 2004 lên 2.400 USD/năm 2005.

- + Các chỉ số xã hội cơ bản như tỷ lệ nhập học ở các lứa tuổi, sức khỏe và dinh dưỡng, tuổi thọ, chỉ số phát triển con người... không ngừng được cải thiện. (chỉ số HDI xếp hạng từ 120 năm 1995 lên 101 năm 2001). Theo Báo cáo phát triển con người năm 2005 của Chương trình phát triển Liên hợp quốc vừa công bố ngày 8-9-2005, Việt Nam đang tiến nhanh nhất trong các nước Đông - Nam Á về phát triển con người (HDI), đứng thứ 108 trong danh sách 177 nước xếp hạng, tăng 4 bậc so với năm 2004.

- + Các kết cấu hạ tầng như điện, đường giao thông, trường học, trạm y tế, hệ thống thủy lợi, thông tin, liên lạc, điện thoại,... được xây dựng

và mở rộng nhanh chóng, từng bước phát huy tác dụng.

- + Qua 10 năm thực hiện chương trình xóa đói giảm nghèo đã xây dựng được những mô hình xóa đói giảm nghèo có hiệu quả, tìm ra những khâu đột phá quan trọng, tổng kết được những kinh nghiệm vận động nhân dân, khơi dậy và phát huy tinh thần "tương thân tương ái", "lá lành đùm lá rách" trong công cuộc xóa đói giảm nghèo. Chưa bao giờ Việt Nam nhận được những sự cam kết và hỗ trợ mạnh mẽ và có hiệu quả của cộng đồng quốc tế, của các tổ chức đa phương và song phương đối với các hoạt động xóa đói giảm nghèo như hiện nay. Nhờ đó, Việt Nam có thể đạt được sự kết hợp có hiệu quả cao của các nguồn nội lực và ngoại lực cho công cuộc xóa đói giảm nghèo.

Bên cạnh những thuận lợi và cơ hội, trong công cuộc xóa đói giảm nghèo, nước ta cũng phải đối mặt với không ít những khó khăn và thách thức. Nước ta vẫn là một trong các nước nghèo. Trong thời kỳ đổi mới kinh tế phát triển nhanh, đời sống của các tầng lớp dân cư được cải thiện, song thu nhập bình quân và chỉ tiêu bình quân đầu người hiện nay vẫn ở mức thấp. Xu hướng gia tăng bất bình đẳng và gia tăng khoảng cách chênh lệch giàu nghèo. Tỷ lệ người nghèo là người dân tộc thiểu số, vùng cao, vùng sâu còn cao, khoảng 31% trong tổng số người nghèo. Thành tựu xóa đói giảm nghèo chưa bền vững; tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị và thiếu việc làm ở nông thôn còn cao. Ngân sách hằng năm trong những năm qua dành cho xóa đói giảm nghèo còn hạn chế (1,5% ngân sách trung ương, 1% ngân sách địa phương), bộ máy tổ chức và năng lực cán bộ làm công tác xóa đói giảm nghèo chưa đáp ứng so với yêu cầu thực tế đặt ra. GDP bình quân đầu người rất thấp, khoảng 480 USD năm 2004, và 560 USD năm 2005, do vậy tổng đầu tư của toàn xã hội cho xóa đói giảm nghèo còn hạn chế. Những nghiên cứu gần đây đã chỉ ra, mức độ tác động của tăng trưởng kinh tế đến giảm nghèo có xu hướng giảm xuống trong thời gian qua. Điều

này có nghĩa là chi phí cho giảm 1% hộ nghèo, 1 xã nghèo hay 1 vùng hộ nghèo sẽ lớn hơn, trong khi đó việc huy động các nguồn lực cho xóa đói giảm nghèo trong điều kiện nước ta còn hết sức khó khăn.

Để nắm bắt những thời cơ, thuận lợi, vượt qua những thách thức, trở ngại trong công cuộc xóa đói giảm nghèo với mục tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo từ 26% xuống còn 15% vào năm 2010, chúng ta cần tập trung thực hiện một số giải pháp sau:

Thứ nhất, nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành từ trung ương đến cơ sở và người dân về xóa đói giảm nghèo. Xóa đói giảm nghèo không chỉ là trách nhiệm của Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị xã hội mà trước hết đó phải là nghĩa vụ, bổn phận của chính người dân. Ý chí tự vươn lên của người nghèo là điều kiện cơ bản để xóa đói giảm nghèo bền vững. Hơn nữa, điều kiện tiên quyết và căn bản không thể thiếu được là xóa đói giảm nghèo phải dựa trên nền tảng tăng trưởng kinh tế nhanh, hiệu quả và bền vững, bảo đảm công bằng xã hội và bảo vệ môi trường trong sạch. Tăng trưởng kinh tế đi liền với xóa đói giảm nghèo, ổn định chính trị, chống "diễn biến hòa bình". Theo quy luật chung khi kinh tế phát triển thì nghèo đói giảm, xã hội ổn định, văn minh hơn. Vì vậy, phải xác định rõ trách nhiệm của các cấp ủy, chính quyền, các tổ chức, đoàn thể và người dân trong công cuộc thoát nghèo vươn lên làm giàu. Cần thiết lập kênh thông tin hai chiều về thực hiện chương trình xóa đói giảm nghèo từ trung ương xuống cơ sở và ngược lại. Tổ chức mạng lưới xã hội tự nguyện của chính người nghèo như nhóm tiết kiệm - tín dụng, nhóm tương trợ vượt nghèo, nhóm tự quản...

Thứ hai, xã hội hóa nguồn lực cho xóa đói giảm nghèo bao gồm ngân sách trung ương, ngân sách địa phương, cộng đồng, doanh nghiệp, quốc tế, vốn tín dụng... Tranh thủ tối đa sự tài trợ của các tổ chức quốc tế đa phương, song phương và phi chính phủ trên cả ba

phương diện là *tài chính, kỹ thuật và kinh nghiệm*. Dựa trên những định hướng phát triển kinh tế - xã hội của các vùng, miền trọng điểm để có những chính sách xóa đói giảm nghèo phù hợp. Hỗ trợ và cho vay vốn hộ nghèo phải đi liền với tư vấn, hướng dẫn sử dụng vốn hiệu quả.

Thứ ba, thực hiện tốt những chính sách hiện có, hoàn thiện, bổ sung các cơ chế, chính sách còn thiếu trong thực hiện chương trình về cơ chế huy động và phân bổ nguồn lực, các chính sách ưu đãi về lãi suất trong tín dụng, chính sách hỗ trợ người nghèo về y tế, giáo dục và dạy nghề, hỗ trợ về đất sản xuất, nhà ở, nước sinh hoạt cho hộ nghèo dân tộc thiểu số, chính sách hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng cho các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo... Một số cơ chế, chính sách hỗ trợ chưa thật sự phù hợp với người nghèo, xã nghèo và tổ chức thực hiện chưa tốt ở cấp cơ sở cũng cần phải sửa đổi, bổ sung như chính sách cho vay vốn làm nhà ở cho đồng bào dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên, việc quy hoạch cụm tuyến dân cư vượt lũ, chi phí khám chữa bệnh còn thấp, chính sách trợ cước, trợ giá còn bất hợp lý v.v..

Thứ tư, kiện toàn ban chỉ đạo làm công tác xóa đói giảm nghèo từ trung ương tới cơ sở, xây dựng đội ngũ cán bộ chuyên trách ở cơ sở có năng lực và tâm huyết, hình thành hệ thống chỉ đạo điều hành và phân công trách nhiệm rõ ràng giữa các ngành, các cấp. Xóa đói giảm nghèo có hiệu quả hay không, không thể không có đội ngũ cán bộ chuyên trách ở cơ sở và sự tham gia tích cực của người dân vào mọi hoạt động của chương trình xóa đói giảm nghèo từ *việc lập kế hoạch, quản lý nguồn lực, triển khai thực hiện, đánh giá, giám sát* một cách công khai, dân chủ, minh bạch. Có chế độ phụ cấp thỏa đáng cho cán bộ chuyên trách làm công tác xóa đói giảm nghèo ở cơ sở, nhất là các xã đặc biệt khó khăn để bảo đảm chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước, mục tiêu của chương trình thực sự đi vào cuộc sống. □



BÀ RỊA - VŨNG TÀU VÙNG TIỀN HƯỚNG TỚI TƯƠNG LAI

NGUYỄN TUẤN MINH *

TRONG 30 năm qua, nhất là sau gần 15 năm kể từ khi tái lập tỉnh, bằng việc huy động mọi nguồn lực và khai thác có hiệu quả các tiềm năng, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nhanh chóng hòa nhập với tình hình chung của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và cả nước.

Liên tục trong nhiều năm, kinh tế của tỉnh giữ vững tốc độ tăng trưởng cao với cơ cấu kinh tế đa dạng, hợp lý và chuyển dịch đúng hướng. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đều vượt chỉ tiêu, góp phần quan trọng vào nguồn thu ngân sách cả nước; huy động được nhiều nguồn vốn cho đầu tư phát triển; bộ mặt đô thị và nông thôn đã có những đổi thay căn bản; đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân không ngừng được cải thiện; an ninh, quốc phòng và trật tự an toàn xã hội được giữ vững; vai trò lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức đảng được nâng cao.

Giai đoạn 1992 - 2004, tổng sản phẩm nội địa của tỉnh tăng bình quân 16,3%/năm (tính chung) và 23,4% (nếu trừ dầu khí). Quy mô tổng sản phẩm nội địa năm 2004 tăng gấp 5,28 lần (tính chung) và gấp 10,1 lần (nếu trừ dầu khí) so với năm 1992. Nếu thu nhập bình quân đầu người của tỉnh năm 1992 chỉ có 985USD (tính chung) và 186 USD (trừ dầu khí) thì năm 2004 đã đạt khoảng 3.603 USD, tăng gấp 3,7 lần tính chung và 1.680 USD (trừ dầu khí) và

gấp 7,1 lần so năm 1992. Tổng thu ngân sách trên địa bàn giai đoạn 1992 - 2004 đạt trên 240.000 tỉ đồng, tăng bình quân 22,6%/năm; huy động vốn đầu tư đạt trên 71.000 tỉ đồng, tăng bình quân trên 16%/năm. Cơ cấu kinh tế của tỉnh đã có sự chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ, giảm tỷ trọng nông nghiệp. Năm 1992, công nghiệp chiếm 80,4%, dịch vụ chiếm 13,87%, nông nghiệp chiếm 5,73%; đến năm 2004 công nghiệp đã tăng lên 82,64%, dịch vụ 13,43%, nông nghiệp chỉ còn 3,93%.

Các ngành kinh tế của tỉnh như công nghiệp có tốc độ phát triển khá nhanh, tăng bình quân 16,58%/năm (tính chung), tăng 43,53%/năm (trừ dầu khí); ngành du lịch, thương mại, dịch vụ phát triển theo hướng mở và ngày càng đa dạng cả về số lượng và chất lượng, đạt tốc độ tăng bình quân khoảng 21%, trong đó thương mại tăng trên 22%/năm, dịch vụ tăng 19,2%/năm. Ngành du lịch của tỉnh mỗi năm đón trên 3,5 triệu lượt khách đến tham quan, nghỉ ngơi, tắm biển. Cơ sở vật chất phục vụ du lịch từng bước được đầu tư khá khang trang. Hiện tại trên địa bàn tỉnh, chủ yếu là ở thành phố Vũng Tàu có 75 khách sạn với

* Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Bà Rịa - Vũng Tàu

hơn 2.800 phòng, trong đó có 28 khách sạn được xếp hạng từ 1 đến 3 sao. Riêng khu du lịch Kỳ Vân đã hình thành 5 khu du lịch gồm: biển Đông-Vũng Tàu, Kỳ Vân-Long Hải, suối nước nóng Bình Châu; núi Dinh - Thị Vải - Bà Rịa và khu du lịch Côn Đảo.

Tổng kim ngạch xuất khẩu của tỉnh giai đoạn 1992 - 2004 đạt 17,38 tỉ USD, tăng bình quân 16,64%, trong đó xuất khẩu (trừ dầu khí) tăng 13,72%. Kim ngạch xuất khẩu năm 2004 tăng gấp 5,43 lần so 1992; trong đó kim ngạch xuất khẩu trừ dầu khí tăng 4,11 lần. Ngành hải sản được chú trọng đầu tư và phát triển tương đối đồng bộ từ khâu đánh bắt, nuôi trồng đến chế biến, dịch vụ và xuất khẩu. Nếu năm 1992 tỉnh có 2.538 tàu thuyền, hầu hết là công suất nhỏ, đánh bắt ven bờ; sản lượng đạt khoảng 70.000 tấn/năm thì đến nay, số lượng tàu, thuyền đã tăng lên 4.400 chiếc, trong đó có 35% tàu, thuyền công suất lớn, đủ điều kiện để đánh bắt xa bờ, sản lượng hải sản bình quân đạt trên 190.000 tấn/năm. Giá trị xuất khẩu năm 1992 chỉ đạt 14 triệu USD, đến năm 2004 đạt khoảng 125,9 triệu USD. Nông nghiệp tuy chiếm tỷ trọng nhỏ trong cơ cấu kinh tế, nhưng cũng đạt được tốc độ khá, tăng bình quân 7,61%/năm.

Cùng với sự tăng trưởng cao của các ngành kinh tế, sự nghiệp văn hóa - xã hội của Bà Rịa-Vũng Tàu được quan tâm đầu tư, từng bước phát triển với chất lượng ngày càng cao. Hoạt động giáo dục đã đáp ứng cơ bản nhu cầu học tập của nhân dân. Số học sinh tiếp tục tăng ở cả 3 bậc học, trong đó học sinh mầm non và phổ thông tăng hơn 1,6 lần so với năm 1992. Năm 1997, tỉnh đã hoàn thành việc phổ cập giáo dục tiểu học và xóa nạn mù chữ, năm 2004, đã hoàn thành việc phổ cập trung học cơ sở. Để đáp ứng yêu cầu hiện đại hóa, kiên cố hóa trường lớp và nâng cao chất lượng giáo dục, hằng năm tỉnh đầu tư từ 60 đến 80 tỉ đồng để xây dựng sở vật chất phục vụ sự nghiệp

giáo dục - đào tạo. Hiện nay toàn tỉnh có 330 trường học các cấp, 3 trường dạy nghề, 29 cơ sở dạy nghề, 2 trường cao đẳng sư phạm và cộng đồng. Lĩnh vực y tế có nhiều đổi mới, mà thành tựu quan trọng nhất là các hoạt động phòng, chống dịch bệnh và điều trị từ cơ sở tới tỉnh đạt được nhiều chỉ tiêu đề ra. Đến nay, trên địa bàn tỉnh không còn dịch bệnh lớn xảy ra, số lượt người khám và chữa bệnh tăng gấp 2 lần so với trước, bệnh nhân nặng đã được chữa trị tại 2 bệnh viện của tỉnh, không phải chuyển lên tuyến trên. Các huyện đều có trung tâm y tế, được đầu tư sở vật chất với quy mô từ 50 giường bệnh trở lên. Tất cả các xã đều có trạm y tế và có bác sỹ phụ trách. Hệ thống y được tư nhân, cơ sở y học cổ truyền đều được quan tâm và chú trọng phát triển đáp ứng nhu cầu phát triển dân số. Hoạt động văn hóa - văn nghệ, phát thanh, truyền hình không ngừng được đầu tư về mọi mặt, góp phần nâng mức hưởng thụ văn hóa cho các tầng lớp dân cư (đạt 25 lần/người/năm, gấp 8,9 lần so 1992); tỷ lệ dân được xem truyền hình đạt 96%. Tất cả các xã đều có trung tâm văn hóa - giáo dục cộng đồng hoặc trung tâm vui chơi giải trí cho trẻ em. Tỷ lệ số người tham gia tập luyện thể dục - thể thao thường xuyên đạt 17,2%. Thể thao thành tích cao trong những năm gần đây của Bà Rịa - Vũng Tàu cũng đã giành được nhiều giải thưởng cấp tỉnh, cấp quốc gia; đạt nhiều huy chương ở các giải khu vực và quốc tế. Công tác xóa đói giảm nghèo, đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho người lao động và thực hiện chính sách xã hội, đền ơn đáp nghĩa cũng là những lĩnh vực được thường xuyên quan tâm và đạt được những thành tựu đáng ghi nhận. Tỷ lệ hộ nghèo năm mới thành lập tỉnh (1992) là 25%, đến năm 2001 còn 9,7% và cuối năm 2004, chỉ còn 2,9%. Tỷ lệ lao động qua đào tạo từ 5,6% (năm 1992) tăng lên 31% (năm 2004). Bằng việc phát huy nội lực, kết hợp vốn của trung ương và địa phương, tỉnh đã

xây dựng hơn 1.000 căn nhà tình nghĩa và hơn 5.000 căn nhà tình thương, mua 100% thẻ bảo hiểm y tế và trao tặng hơn 3.000 sổ tiết kiệm cho các đối tượng chính sách, người nghèo và đồng bào dân tộc. Ngoài ra, mỗi năm tỉnh còn chi hàng chục tỉ đồng cho việc thực hiện các chính sách xã hội trong các dịp lễ, tết. Tất cả các bà mẹ Việt Nam Anh hùng đều được phụng dưỡng suốt đời. Đã có 6 trung tâm nuôi dưỡng, dạy nghề, bảo trợ xã hội được xây dựng dành cho người già, trẻ em khiếm thị, chậm phát triển, những người bị tâm thần, câm điếc, không nơi nương tựa với hàng ngàn người.

Trong những năm qua, tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh được ổn định, quốc phòng - an ninh được tăng cường, sức mạnh tổng hợp của nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân đã được phát huy. Tổ chức quân đội, công an, bộ đội biên phòng được xây dựng và củng cố vững chắc. Dân chủ hóa đời sống xã hội được tăng cường. Quy chế Dân chủ ở cơ sở được thực hiện nghiêm túc, đạt hiệu quả cao. Từ năm 1998, thực hiện cải cách hành chính, tỉnh đi vào áp dụng mô hình "một cửa". Đến nay đã có 14/25 sở, ban, ngành và 100% huyện, thị, thành phố và xã, phường, thị trấn trong toàn tỉnh đã thực hiện cải cách thủ tục hành chính theo mô hình "một cửa". Công tác kiện toàn tổ chức, tinh giảm bộ máy từ cấp tỉnh đến cơ sở cũng được triển khai thực hiện. Công tác tiếp dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân trong những năm gần đây có sự chuyển biến tích cực, tạo được niềm tin trong nhân dân. Những thành tựu nói trên đã góp phần củng cố, nâng cao hiệu lực, hiệu quả của bộ máy chính quyền các cấp; tạo tiền đề để nâng cao nhận thức về Quy chế Dân chủ trong cán bộ, công chức và nhân dân, góp phần đẩy nhanh tiến trình phát triển kinh tế, đặc biệt là trong lĩnh vực thu hút đầu tư nước ngoài và công tác đối ngoại.

Trong quá trình chỉ đạo, lãnh đạo, Đảng bộ tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu luôn xác định xây dựng kinh tế là nhiệm vụ trung tâm, xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt, xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc là nền tảng tinh thần của xã hội. Công tác xây dựng Đảng trên các mặt chính trị, tư tưởng và tổ chức cũng như việc tổ chức quán triệt các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước có bước cải tiến, đổi mới cả về hình thức và phương pháp tiếp cận. Công tác giáo dục lý luận chính trị có nhiều chuyển biến, nhất là giáo dục chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Công tác kiện toàn bộ máy trong hệ thống chính trị theo hướng tinh gọn, hiệu quả luôn được coi trọng. Phần lớn các tổ chức cơ sở đảng của tỉnh đều đạt tiêu chuẩn trong sạch, vững mạnh.

Trong nhiệm kỳ Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ IV (2005 - 2010), Đảng bộ, quân và dân Bà Rịa - Vũng Tàu xác định tiếp tục đoàn kết một lòng, phấn đấu đạt cho được mục tiêu đề ra là "... đến năm 2010 Bà Rịa - Vũng Tàu cơ bản trở thành một trong những trung tâm công nghiệp, du lịch và khai thác hải sản của khu vực và cả nước, trở thành một thương cảng quốc gia và quốc tế". Để biến mục tiêu đó thành hiện thực, Đảng bộ, chính quyền tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xác định sẽ tiến hành những bước đột phá bằng việc triển khai đồng bộ các nhóm nhiệm vụ và giải pháp quan trọng về kinh tế - xã hội. Tiếp tục khai thác có hiệu quả các tiềm năng, lợi thế quan trọng của tỉnh, phấn đấu giữ vững mức tăng trưởng kinh tế cao, hiệu quả và bền vững. Khuyến khích phát triển mạnh mẽ các thành phần kinh tế; chú trọng phát triển sự nghiệp văn hóa, giáo dục và y tế; bảo đảm vững chắc an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, phát triển kinh tế gắn với củng cố quốc phòng. Các ngành, các lĩnh vực chủ yếu mà Bà Rịa - Vũng Tàu sẽ tập trung đầu tư phát triển, trước hết là đẩy mạnh phát

triển công nghiệp, trong đó tăng cường hoạt động khai thác dầu khí và phát triển ngành công nghiệp chế biến dầu khí. Thu hút phần lớn các dự án đầu tư phát triển ngành công nghiệp vào 7 khu công nghiệp tập trung của tỉnh theo hướng ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp nặng, then chốt như: điện, lọc hóa dầu, hóa chất, phân bón, thép... Phát triển hệ thống cảng biển, thực hiện tốt quy hoạch nhóm cảng biển số 5 theo đề án của Bộ Giao thông - Vận tải, phấn đấu đạt công suất 41 triệu tấn hàng/năm vào năm 2020 và bảo đảm cho tàu Công-te-nơ đến 80.000 DWT ra vào được. Xây dựng cảng khu vực Bà Rịa - Vũng Tàu để trước mắt làm nhiệm vụ hỗ trợ cho các cụm cảng thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai và trong tương lai đây sẽ là tuyến vận tải chính của khu vực phía Nam, hòa nhập vào xu thế phát triển về cảng biển và hàng hải trong nước và trên thế giới. Phát triển mạnh du lịch và hải sản. Về du lịch, chú trọng đầu tư phát triển 5 cụm du lịch lớn đã được quy hoạch gồm: Vũng Tàu và phụ cận, Long Hải - Phước Hải, Hồ Tràm - Bình Châu, núi Dinh - Thị Vải và Côn Đảo. Chủ trương xuyên suốt của Bà Rịa - Vũng Tàu là phát triển kinh tế gắn liền với chăm lo các vấn đề xã hội, thiết thực cải thiện và nâng cao chất lượng cuộc sống mọi mặt của nhân dân. Tiếp tục đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng, chính quyền và đoàn thể, bảo đảm cho sự lãnh đạo, chỉ đạo sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa của tỉnh đi đúng quỹ đạo và sớm về đích.

Phát huy những thành tựu đã đạt được, bằng sự nỗ lực phấn đấu của mình, đồng thời tranh thủ sự hỗ trợ của trung ương và các bộ, ngành,... Đảng bộ, chính quyền và nhân dân Bà Rịa - Vũng Tàu tin tưởng chắc chắn sẽ hoàn thành xuất sắc các mục tiêu kinh tế - xã hội đã đề ra, góp phần vào sự phát triển của đất nước. □

ĐỔI MỚI CHÍNH SÁCH...

(Tiếp theo trang 32)

chi tiêu công trên các mặt: tăng cường năng lực của Chính phủ trong soạn lập ngân sách, đặc biệt là khả năng dự báo khi phân bổ ngân sách; tăng cường kỷ luật ngân sách và tính minh bạch cũng như trách nhiệm giải trình trong sử dụng nguồn lực công; tăng cường chất lượng những thông tin ngân sách, tính rõ ràng của các mục tiêu chính sách; cho phép Chính phủ tập trung nhiều hơn vào những ưu tiên mang tính chiến lược mà vẫn làm cho quy trình ngân sách toàn diện hơn; tập trung nguồn lực phân bổ theo chiến lược phát triển ngành thống nhất từ trung ương đến địa phương, khắc phục tình trạng phân khúc giữa trung ương và địa phương.

Bốn là, nâng cao năng lực hoạt động của các cơ quan, đơn vị trong việc phân bổ và sử dụng nguồn lực tài chính.

Để nâng cao tính hiệu quả trong hoạt động, quản lý chi tiêu công cần phải chuyển sang phương thức quản lý dựa vào kết quả đầu ra. Với phương thức quản lý này, thì người quản lý được trao quyền tự chủ trong việc điều hành hoạt động và nâng cao tính tự chịu trách nhiệm về cung cấp các đầu ra và kết quả, người quản lý thấy trước kết quả thực hiện và giúp cho Chính phủ so sánh được kết quả mục tiêu và kết quả thực tế. Mặt khác, người quản lý có quyền chủ động đề ra những giải pháp để giảm bớt chi phí hoạt động và nâng cao khối lượng hoặc chất lượng đầu ra. Phương thức quản lý này cũng tạo ra những đòn bẩy kinh tế khuyến khích người quản lý cải thiện và nâng cao chất lượng hoạt động.

Phát triển hệ thống thông tin quản lý, hệ thống kế toán công, hệ thống báo cáo, hệ thống các chỉ tiêu đánh giá và hệ thống kiểm soát từ bên ngoài. Những vấn đề này là những yếu tố cơ bản, góp phần làm nâng cao năng lực của Chính phủ để phân phối và sử dụng các nguồn lực có hiệu quả và hiệu lực. □

PHẬT GIÁO VIỆT NAM ĐOÀN KẾT VÌ ĐẠO PHÁP, DÂN TỘC VÀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

THÍCH THANH TỬ *

CÙNG với sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong nhiều năm qua, nhất là những năm đổi mới, Giáo hội Phật giáo Việt Nam cũng có sự phát triển rất đáng phấn khởi, khẳng định vai trò, vị trí của mình trong xã hội.

Ngày nay, tổ chức của Giáo hội đã hoàn thiện và hoạt động có hiệu quả. Giáo hội có 10 ban, ngành, viện hoạt động trực thuộc Trung ương. Mỗi ban đều có nội quy sinh hoạt và phòng làm việc đặt tại Văn phòng Trung ương Giáo hội, hoạt động hài hòa dưới sự chỉ đạo và lãnh đạo trực tiếp của ban Thường trực Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Ban Thường trực Hội đồng Trị sự đã tiến hành công tác tu chỉnh nội quy hoạt động của mình và nội quy hoạt động của ban Trị sự tỉnh, thành hội Phật giáo, chỉ đạo các ban của Trung ương hội soạn mới hoặc tu chỉnh nội quy các ban về nội dung, tổ chức được các khóa hội thảo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn.

Đồng thời, tại các địa phương, thực thi thông tri của Trung ương Giáo hội, các ban Trị sự tỉnh, thành hội Phật giáo đã triển khai, thực hiện nội dung các nội quy hoạt động của mình và của các ban, ngành, viện trung ương, góp phần tăng cường công tác xây dựng, củng cố và phát triển Phật sự tại địa phương, đề ra

phương hướng hoạt động chung của các ban Trị sự tỉnh, thành hội Phật giáo, thực hiện có hiệu quả.

Giáo hội Phật giáo Việt Nam có 2 văn phòng: Văn phòng 1 đặt tại chùa Quán Sứ - Hà Nội; Văn phòng 2 đặt tại thiền viện Quảng Đức, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh. Được sự quan tâm giúp đỡ của Nhà nước và sự ủng hộ tài chính của tăng ni, Phật tử khởi công trùng tu, đến nay đã hoàn tất với kinh phí hàng chục tỉ đồng. Thực hiện tinh thần Hiến chương, Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã được tu chỉnh, hệ thống lãnh đạo, tổ chức đã được kiện toàn và tăng cường hiệu năng hoạt động của ban Trị sự các tỉnh, thành hội. Về tự viện có: 14.321 ngôi; có 361 tịnh xá, 467 tịnh thất, 918 niệm Phật đường. Cơ sở tự viện, tịnh xá, tịnh thất, niệm Phật đường là những tế bào của toàn thân Giáo hội. Do đó, công tác quản lý và điều hành cơ sở sinh hoạt tín ngưỡng tại địa phương là điều rất quan trọng. Được sự tận tình giúp đỡ của các cơ quan chức năng lãnh đạo địa phương, Trung ương Giáo hội, ban Trị sự tỉnh, thành hội đã bổ nhiệm 657 tăng ni trụ trì các cơ sở tự viện của Giáo hội trong toàn quốc.

* Hòa Thượng, Phó Chủ tịch Thường trực Giáo hội Phật giáo Việt Nam

Việc xuất gia tu học, tại các tự viện đã được tiến hành một cách có hiệu quả. Việc này đã góp phần làm cho đoàn thể tăng ni tại các cơ sở tự viện nhất tâm đoàn kết xung quanh Giáo hội. Đến nay, Trung ương Giáo hội đã cấp 9.126 giấy chứng nhận tăng ni trong cả nước, đổi mới 3.562 giấy chứng nhận tăng ni.

Nhìn chung, tình hình sinh hoạt tăng ni, tự viện tại các tỉnh, thành Hội Phật giáo trong cả nước tương đối ổn định, sôi động, đoàn kết hòa hợp, tuân thủ Hiến chương Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Nội quy ban Tăng sự trung ương, thực hiện tốt các chính sách pháp luật, làm tròn bốn phận công dân, thực hiện hữu hiệu phương châm của Giáo hội: "Đạo Pháp - Dân tộc - Chủ nghĩa xã hội", góp phần trang nghiêm, phát triển Giáo hội trong lòng dân tộc. Một số công việc cụ thể đáng chú ý là:

Với tinh thần phát huy nền văn hóa nhân bản, đạo đức và mang bản sắc dân tộc, Giáo hội Phật giáo Việt Nam luôn luôn quan tâm thực hiện và nêu cao các mặt công tác trong lĩnh vực văn hóa Phật giáo và văn hóa - xã hội.

Được sự giúp đỡ của Nhà nước, Tập văn định kỳ của ban Văn hóa Trung ương Phật giáo số thứ ba và Tạp chí Văn hóa Phật giáo số thứ ba đã xuất bản:

Sau Đại hội đại biểu Phật giáo toàn quốc nhiệm kỳ IV, (năm 2002) Ban Văn hóa Trung ương Phật giáo đã biên tập và ấn hành các tập kỷ yếu đại hội làm cơ sở nghiên cứu cho tăng ni, phật tử và độc giả các giới trong và ngoài nước.

Báo Giác Ngộ là tiếng nói của Thành hội Phật giáo thành phố Hồ Chí Minh, đó cũng là tờ báo thông tin chung của Giáo hội và nó đã thật sự làm tròn vai trò trách nhiệm của mình. Kể từ khi có sự thay đổi về cơ chế quản lý và tăng cường bổ sung điều chỉnh nhân sự, báo Giác Ngộ đã không ngừng được cải tiến từ hình thức đến nội dung, đáp ứng yêu cầu của

độc giả tăng ni, phật tử thành phố và cả nước. Báo Giác Ngộ đã phản ánh thông tin kịp thời về các ngày lễ lớn trong năm của dân tộc và Phật giáo, về thành quả và nội dung của các kỳ hội nghị thường niên của Hội đồng Trị sự, cùng các đại hội Phật giáo tỉnh, thành hội, về các mặt hoạt động xã hội và tình hình chung trong nước, cũng như ngoài nước một cách sinh động, phong phú.

Công tác xuất bản cũng đã đáp ứng nhu cầu hoạt động. Tại trung ương, ban Văn hóa Phật giáo mỗi năm xuất bản khoảng 20 đến 25 đầu kinh sách đã được chọn lọc kỹ về nội dung và chất lượng. Thành hội Phật giáo thành phố Hồ Chí Minh đã xuất bản, phát hành trên 200 đầu sách. Một số tỉnh, thành trong toàn quốc đã thực hiện được nhiều đầu sách các loại, tổng cộng trên 2 triệu quyển, đáp ứng được phần nào nhu cầu nghiên cứu, đọc tụng, học tập cho tăng ni, phật tử trong và ngoài nước.

Mặt khác, công tác bảo tồn, trùng tu cơ sở phật giáo cũng có sự tiến bộ đáng kể. Được sự giúp đỡ của các cơ quan trung ương và địa phương có liên quan, đã tiến hành trùng tu, kiến tạo hàng ngàn cơ sở tự viện, tổ đình và góp phần trang nghiêm hàng ngàn danh lam cổ tự trong cả nước.

Hoạt động văn nghệ cũng là bộ phận hoạt động văn hóa hữu hiệu và khởi sắc. Các đoàn văn nghệ câu lạc bộ ca nhạc, cải lương của Phật giáo, các gia đình phật tử, các nghệ sĩ phật tử chuyên và không chuyên đã tích cực thực hiện chương trình văn nghệ phục vụ quần chúng và tăng ni, phật tử vào những ngày lễ lớn của Phật giáo như Phật đản, Vu lan báo hiếu, Thành đạo... Phong trào văn nghệ quần chúng được đẩy lên một cách rộng rãi, mang tính nhân bản và đạo đức phật giáo. Đồng thời, đã cho ra đời hơn 10.000 băng vi-di-ô, cát-sét cổ nhạc phật giáo, đáp ứng nhu cầu văn hóa - văn nghệ cho tăng ni, phật tử và nhân dân trong cả nước, nhất là đối với đồng bào

vùng sâu, vùng xa. Đặc biệt, trong những dịp tết cổ truyền của dân tộc Khơ-me, như Chon-Chnam-Thmây.... ở các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long đã tổ chức lễ hội truyền thống như diễn Dù kê, đua thuyền, thả đèn lồng, dâng hoa, cầu phúc, một cách trang nghiêm và trọng thể hòa trong sinh hoạt văn hóa chung của cộng đồng dân tộc Việt Nam.

Công tác từ thiện xã hội là những hoạt động đạo đức mang tính tích cực và trong sáng, vượt nét từ bi cứu khổ của đạo phật, là một trong những công tác trọng tâm của Giáo hội. Vì thế, Giáo hội đã hoạt động tích cực và có hiệu quả cao. Hiện nay, trong toàn quốc có 126 tuệ tỉnh đường, nổi bật nhất là tuệ tỉnh đường ở thành phố Hồ Chí Minh, Thừa Thiên-Huế, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu, Ninh Thuận, Cà Mau, Vĩnh Long. Với 115 phòng thuốc chẩn trị y học dân tộc hoạt động một cách có hiệu quả, nhất là việc chăm sóc, chữa trị, giúp đỡ những người nhiễm HIV/AIDS; đã khám và phát thuốc cho đồng bào trị giá trên 9 tỉ đồng. Chương trình phát triển hệ thống tuệ tỉnh đường đang mở rộng mạng lưới xuống các quận, huyện, phường xã trong cả nước.

Cả nước hiện có trên 1.500 lớp học tình thương và 36 cơ sở nuôi dạy trẻ mẫu giáo bán trú, nuôi dạy trẻ mồ côi, khuyết tật,... với trên 20.000 em. Tuy nhiên, lực lượng giáo viên chuyên môn do tăng ni, phật tử đảm trách còn hạn chế. Ban Từ thiện xã hội Trung ương đã tổ chức khóa bồi dưỡng nuôi dạy trẻ cho 356 tăng ni, phật tử học viên và phối hợp với trường đào tạo cán bộ y tế trung cấp của thành phố Hồ Chí Minh mở lớp bồi dưỡng cán bộ y tế sơ cấp trong thời gian 1 năm cho 80 tăng ni, phật tử theo học, để tăng cường hiệu năng hoạt động về y tế và từ thiện xã hội, góp phần tăng thêm lực lượng y sĩ cho Giáo hội và xã hội, chia sẻ một phần gánh nặng cho xã hội và nhân dân trên tinh thần từ bi, trí tuệ của đạo phật. Đồng thời, Tuệ tỉnh đường chùa

Pháp Hoa thành phố Hồ Chí Minh đã ấn định nhiều tập kỷ yếu với nội dung phong phú, hình thức trang nhã, để tăng ni, phật tử và đồng bào nghiên cứu, tham khảo về y học phật giáo. Bằng tinh thần từ bi cứu khổ của đạo phật và đạo lý dân tộc Việt Nam "lá lành đùm lá rách, một miếng khi đói bằng một gói khi no", ban Trị sự các tỉnh, thành hội phật giáo và tăng ni, phật tử cả nước dưới sự chỉ đạo của Giáo hội, đã nỗ lực vận động tài chính, phẩm vật, cứu trợ đồng bào bị lũ lụt tàn phá thuộc các tỉnh miền Bắc, miền Trung và đồng bằng sông Cửu Long hơn 200 tỉ đồng, trong đó thành phố Hồ Chí Minh chiếm trên 192 tỉ đồng.

Với tinh thần hòa bình và hữu nghị, đoàn kết cùng các nước phật giáo trên thế giới, để hợp tác hoằng dương chính pháp và góp phần xây dựng, củng cố nền hòa bình cho nhân loại, trước sự mở cửa và bang giao rộng rãi của Nhà nước Việt Nam, tạo ra thuận duyên tất yếu, công tác hoạt động Phật giáo quốc tế của Giáo hội đạt được nhiều kết quả tốt đẹp.

Giáo hội đã tích cực thể hiện tư cách thành viên của tổ chức ABCP (Phật giáo châu Á) và liên kết thân hữu với Phật giáo Lào, Cam-puchia, Thái Lan, Trung Quốc, My-an-ma, Mông Cổ, Nhật Bản, Ấn Độ, Hàn Quốc, Pháp, Mỹ, và một số vị cao tăng ở Đài Loan,... đồng thời, đã đón tiếp và làm việc với rất nhiều phái đoàn phật giáo đến thăm hữu nghị Việt Nam và Giáo hội tại Trụ sở Trung ương Giáo hội ở Hà Nội và Văn phòng 2 Trung ương tại thành phố Hồ Chí Minh. Mặt khác, Giáo hội đã tổ chức đi thăm hữu nghị một số nước phật giáo ở Đông - Nam Á và Tây Âu, cũng như thực hiện các cuộc hội thảo chuyên đề về văn hóa, đạo đức, giáo dục phật giáo và môi trường,... đạt được nhiều kết quả đáng kể.

Phát huy tinh thần phụng đạo yêu nước, thiết thân cùng xã hội, gắn bó với dân tộc, phụng sự chúng sinh. Đó cũng chính là thực

hiện phương châm: "Đạo Pháp - Dân tộc - Chủ nghĩa xã hội". Các ban Trị sự tỉnh, thành hội Phật giáo trong toàn quốc đã thường xuyên động viên tăng ni, Phật tử tại địa phương hoàn thành tốt các công tác ích nước, lợi dân, bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ môi trường, xây dựng nếp sống văn hóa trên địa bàn dân cư, góp phần củng cố chính quyền, mặt trận và các đoàn thể, góp ý kiến cho các báo cáo chính trị của Đảng, tham gia các hoạt động xã hội, vì lợi ích của đất nước và dân tộc. Nhiều tăng ni tham gia Quốc hội các khóa, tham gia Hội đồng nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp, thể hiện truyền thống hộ quốc an dân của Phật giáo Việt Nam. Nhiều tấm gương "người tốt, việc tốt" của tăng ni, Phật tử trong cả nước xuất hiện, được Nhà nước tặng thưởng huân chương cao quý về công lao cống hiến cho đất nước. Hàng trăm thanh niên tu sĩ hoàn thành nghĩa vụ quân sự góp phần bảo vệ Tổ quốc, trở lại đời sống tu hành, nêu cao tinh thần phụng đạo, yêu nước. Phật tử Việt Nam thật sự chứng tỏ là một lực lượng công dân to lớn đã và đang hăng hái đóng góp xứng đáng vào công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, cùng toàn dân tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Những thành quả Phật sự đạt được trong thời gian qua chính là do sự chung tay, góp sức, nhất tâm đoàn kết của tăng ni, Phật tử Việt Nam, không phân biệt hệ phái, xuất gia hay tại gia, ở trong nước hay nước ngoài. Qua kết quả đó có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm bổ ích:

1 - Thực hiện đúng đường hướng đoàn kết toàn dân, gắn bó với dân tộc cùng cả nước xây dựng, bảo vệ Tổ quốc, thực hiện tốt đường lối chính sách của Đảng, luật pháp của Nhà nước, xây dựng cuộc sống ấm no hạnh phúc là bài học đầu tiên và quan trọng nhất của các tăng ni Phật tử nhiều năm nay, nhất là trong thời kỳ đổi mới.

2 - Bộ máy lãnh đạo của Giáo hội luôn luôn tự hoàn thiện, không ngừng củng cố, mở rộng về nhân sự và chất lượng, trình độ để thể hiện trọn vẹn nguyên tắc đã đề ra. Đó còn là tình đoàn kết, hòa hợp cao độ, thống nhất ý chí và hành động, thống nhất lãnh đạo và tổ chức, đặt sự nghiệp chung vì đạo pháp và dân tộc lên trên sinh hoạt hệ phái, cá nhân. Chính vì vậy, những thành quả Giáo hội đạt được đã khẳng định một số ưu điểm lớn, quyết định sự phát triển lâu dài của Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

3 - Phát huy truyền thống yêu nước, gắn bó cùng dân tộc của Phật giáo, tăng ni cũng như Phật tử đã noi gương các bậc tổ sư tiền bối, luôn một lòng, một dạ tích cực tham gia vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc thân yêu. Trên các lĩnh vực của đời sống kinh tế, chính trị, giáo dục, văn hóa - xã hội, quốc phòng - an ninh,... đều có sự đóng góp nhiệt thành của tăng ni, Phật tử, xứng đáng với truyền thống hộ quốc an dân của tăng ni, Phật tử suốt chiều dài lịch sử 2000 năm Phật giáo Việt Nam.

4 - Giữ vững và khẳng định niềm tin của Giáo hội vào Nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, kế thừa niềm tin của những bậc chân tu tiền bối, đó là, một niềm tin sáng suốt, xuất phát từ lòng yêu nước, thẩm nhuần tư tưởng từ bi và trí tuệ của đạo Phật Việt Nam đã được kiểm nghiệm lâu dài trong thực tiễn.

5 - Cuối cùng, thực hiện tốt tinh thần của giáo lý Đức Phật cũng là một trong những yếu tố quan trọng hướng dẫn chúng ta ứng dụng. Vào các mặt tổ chức và điều hành công việc của Giáo hội. Tinh thần đó giúp chúng ta phải sống đúng chân lý, nắm vững quy luật của vũ trụ và nhân sinh. Tinh thần đó chỉ cho chúng ta phải biết vận dụng chân lý ấy cho thích hợp với tâm lý, căn cơ, hoàn cảnh của đất nước và thời đại. □

QUỠ HỢP là huyện miền núi phía Tây - Bắc tỉnh Nghệ An, được thành lập từ năm 1963, gồm 20 xã và một thị trấn với dân số 112.000 người (số liệu năm 2004), gồm 3 dân tộc: Thái (37,5%), Thổ (13,5%), Kinh (49%); có diện tích tự nhiên 941,728 km², trong đó đất nông nghiệp 13.730 ha, đất lâm nghiệp 26.624 ha. Đây là vùng đất thuộc thềm lục địa cổ, xa xưa có núi lửa hoạt động, nên địa hình bị các dãy núi lớn nhỏ chia cắt thành nhiều tiểu vùng có đặc điểm tự nhiên, khí hậu khá riêng biệt. Có vùng đất badan màu mỡ, với tầng đất mịn dày từ 40 cm đến 120 cm, rất thuận lợi cho việc trồng cây công nghiệp. Rừng của Quỳ Hợp cũng rất phong phú với nhiều loại gỗ quý, nhiều loại cây lâm - đặc sản, dược liệu. Trong rừng hiện vẫn còn rất nhiều chủng loại động vật quý, hiếm như: voi rừng kiếm, gấu mèo, hổ, bò tót, hươu sao, nai... Vùng rừng núi Pù Huống (đỉnh Pù Huống cao 1.447m) đã được Nhà nước phê duyệt là Khu bảo tồn thiên nhiên quốc gia có hệ động - thực vật phong phú. Ngoài ra, Quỳ Hợp còn có nhiều khoáng sản quý như vàng, đá quý, thiếc, ăng-ti-moan, đá hoa cương, đá gờ-ra-nít, đá vôi, nước khoáng... Đặc biệt, quặng thiếc có hàm lượng cao, trữ lượng lớn vào loại nhất nước ta; đá hoa cương có trữ lượng lớn, màu trắng, vân đẹp được khách hàng trong nước và nước ngoài rất ưa thích.

Được thiên nhiên ban tặng, Quỳ Hợp còn có nhiều thắng cảnh đẹp thuận lợi cho phát triển du lịch sinh thái như Hồ Thung Mây, Thác bản Bìa... Ngoài ra, Quỳ Hợp có gần 90 hang động, trong đó có 5 hang rất đẹp và rộng là Thẩm Kẽ Ham, Thẩm Phá Choang, Thẩm Bản Vực, Thẩm Kẽ Mua, Thẩm Poòng.

Được sự quan tâm đầu tư và chỉ đạo sát sao của lãnh đạo tỉnh và trung ương, những năm

Phát triển sản xuất làng hóa theo hướng đa dạng và bền vững ở Quỳ Hợp, Nghệ An

DOẢN ĐÌNH HUỆ

qua, Quỳ Hợp đã có những bước chuyển dịch cơ cấu kinh tế có hiệu quả, không những đứng đầu các huyện miền núi Nghệ An về tốc độ tăng trưởng, mà còn là điểm sáng về mô hình văn hóa miền núi cấp huyện. Đạt được điều đó, một phần rất quan trọng là nhờ sự năng động, sáng tạo của Huyện ủy và Ủy ban nhân dân huyện Quỳ Hợp. Huyện đã có chương trình hành động nhằm đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn. Trong đó, hiệu quả nhất là chương trình phát triển kinh tế, sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, khuyến khích các thành phần kinh tế, thu hút vốn đầu tư, tạo việc làm cho người lao động. Nhờ đó, huyện đã thu hút được các công ty liên doanh nước ngoài và các công ty trong tỉnh đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh. Nhà máy đường Phủ Quỳ (Nate & Lyle) là công trình liên doanh giữa Công ty mía đường Nghệ An và Tập đoàn Tate & Lyle (nước Anh), có công suất ép hơn 6.000 tấn mía/ngày. Từ vụ ép đầu tiên (năm 1997 - 1998) đến nay, Nhà máy luôn hoạt động ổn định, doanh thu năm sau cao hơn năm trước, nay sản lượng và công suất ổn định ở mức 115.000 tấn/một vụ.

Trong lúc hàng loạt các nhà máy đường trong nước đang gặp rất nhiều khó khăn do thua

lỗ kéo dài, sức cạnh tranh yếu, Nhà máy vẫn có lời, thị trường tiêu thụ ổn định nhờ công nghệ tiên tiến và chăm lo thỏa đáng cho nông dân phát triển tốt vùng nguyên liệu mía, góp phần tạo bước ngoặt về chuyển dịch cơ cấu cây trồng ở vùng thấp của huyện. Hàng ngàn héc-ta đất đồi, hoang hóa và đất trước đây năng suất cây trồng thấp nay chuyển sang trồng mía đã mang lại hiệu quả kinh tế cao hơn hẳn. Việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng có hiệu quả kinh tế cao đã góp phần nâng cao đời sống của nhân dân. Lãnh đạo huyện đã chỉ đạo phối hợp giữa các hộ nông dân và Nhà máy quy hoạch vùng nguyên liệu mía và đẩy mạnh đầu tư làm đường giao thông nông thôn... Các sản phẩm của hộ nông dân được tiêu thụ theo kế hoạch, hợp đồng kinh tế. Ngoài sự quan tâm của lãnh đạo huyện trong quá trình giám sát sản xuất, lại có thêm sự hỗ trợ của chính Nhà máy đối với hộ nông dân, nên các hợp đồng kinh tế được thực hiện khá tốt, các hộ trồng mía nguyên liệu yên tâm đầu tư sản xuất lâu dài.

Ở Quỳnh Hợp còn có Nhà máy nước khoáng bản Khang có công suất 6.000 chai/giờ, mỗi năm sản lượng đạt 1,2 triệu lít; Công ty liên doanh Việt - Nhật khai thác đá trắng với công suất 200.000 tấn/năm, thời gian là 50 năm; Công ty kim loại màu Nghệ An đạt 1.000 tấn/năm... Sự xuất hiện các doanh nghiệp lớn trên địa bàn đã góp phần đáng kể vào chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động, thúc đẩy phát triển thương mại - dịch vụ. Năm 2004, cả huyện có 68 công ty trách nhiệm hữu hạn và hợp tác xã khai thác tận thu mua quặng thiếc; khai thác, chế biến đá trắng; làm các loại hình dịch vụ sản xuất và lưu thông hàng hóa. Có nhiều công ty tuy mới hoạt động, nhưng sản phẩm đã có chỗ đứng trên thị trường. Một số sản phẩm tăng nhanh như đường kính, các sản phẩm từ đá gờ-ra-ni-tô; có một số sản phẩm mới ra đời như đá siêu mịn, đá mỹ nghệ... Mấy năm gần đây, nhiều nghệ nhân, thợ bậc cao ở ngoại tỉnh đã đến Quỳnh Hợp để hành nghề, mở

cơ sở sản xuất, thuê lao động tại chỗ. Hiện nay, huyện có hơn 300 xe vận tải và máy kéo, 612 máy xay xát và đập bột, 140 máy tuốt lúa, 673 máy cưa làm đồ mộc, 15 máy cưa mài đá, 31 máy cày nhỏ làm đất... Có hơn 1.000 hộ nông dân tham gia các hoạt động thương mại - dịch vụ quy mô vừa và nhỏ. Sự phát triển nông nghiệp kết hợp ngành nghề ở nông thôn đã làm cho đời sống nhân dân ngày càng được cải thiện.

Sở dĩ các loại hình dịch vụ phát triển mạnh là do huyện đã nâng nhanh tỷ lệ số hộ sử dụng điện lưới quốc gia vào phục vụ sản xuất và đời sống. Các làng nghề trên địa bàn phát triển về quy mô, số lượng và trình độ tay nghề, nhất là nghề mới có thị trường tiêu thụ tốt. Vì vậy, tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ đã đạt tốc độ tăng trưởng nhanh hơn. Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân của huyện giai đoạn 2001 - 2004 đạt 18,4%/năm; trong đó, giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp tăng 8,4%/năm, giá trị sản xuất công nghiệp - xây dựng tăng 23,45%, giá trị sản xuất dịch vụ - thương mại tăng 29,7%. Cơ cấu kinh tế của huyện (nông nghiệp - công nghiệp - dịch vụ) có sự chuyển dịch mạnh mẽ, tăng dần giá trị sản xuất công nghiệp (23,5% - 64,9% - 11,6% năm 2004 so với 39% - 53,5% - 7,3% năm 2000). Tổng thu ngân sách đạt 60.950 triệu đồng vượt so với mức kế hoạch đề ra là 22,8%. Tuy là một huyện miền núi, nhưng Quỳnh Hợp có giá trị công nghiệp đứng thứ 4 trong số các huyện của Nghệ An. Năm 2004, giá trị sản xuất tiểu công nghiệp thuộc huyện quản lý đã tăng 1,9 lần so với năm 2000; huy động được 3.165 lao động có việc làm ổn định và thu nhập khá. Một số sản phẩm đạt sản lượng khá, như: thiếc thỏi 1.086 tấn, đường kính 115.859 tấn, đá ốp lát 125.000m²... Đặc biệt, việc khai thác, chế biến đá trắng, đá mỹ nghệ đã mở ra triển vọng tốt đẹp thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội ở Quỳnh Hợp. Nguyên liệu và sản phẩm từ đá trắng của Quỳnh Hợp đã được xuất khẩu sang Thái Lan, Đài Loan, Nhật Bản, Ca-na-đa...

Cùng với phát triển công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp, Quỳnh Hợp còn coi trọng phát triển nông, lâm nghiệp để khai thác tốt những lợi thế hiện có. Huyện đã quy hoạch phân vùng để tổ chức lại sản xuất: vùng trọng điểm lúa (Châu Quang, Châu Cường, Châu Thái, Châu Đình, Châu Lý, Châu Sơn, Châu Hồng, Châu Thành, Châu Lộc, Liên Hợp); vùng trọng điểm màu (Hạ Sơn, Văn Lợi, Tam Lợi, Nghĩa Xuân, Yên Hợp, Đồng Hợp, Thọ Hợp). Trên cơ sở phân vùng kinh tế, huyện đã khai thác tài nguyên đất, rừng và nguồn lao động. Coi trọng việc áp dụng khoa học - kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp, từ đưa giống mới có năng suất cao đến thực hiện quy trình chăm sóc, bảo vệ cây trồng. Các công trình thủy lợi đã cung cấp tương đối đủ nước tưới cho những chân ruộng thâm canh tăng vụ. Lãnh đạo huyện chỉ đạo sát sao vùng trọng điểm cây công nghiệp, cây ăn quả để thực hiện tốt các hợp đồng kinh tế giữa hộ nông dân với doanh nghiệp; nắm vững các diễn biến phức tạp nảy sinh trong sản xuất nông nghiệp để có biện pháp xử lý kịp thời. Vì vậy, mấy năm nay nông nghiệp, nông thôn ở Quỳnh Hợp đã có những bước phát triển khá vững chắc. Đến năm 2004, cả huyện có 85 trang trại, trong đó có 54 trang trại chăn nuôi, 28 trang trại trồng trọt, còn lại là kinh tế tổng hợp (theo tiêu chí mới). Năm 2004, tổng sản lượng lương thực ở Quỳnh Hợp đạt 28.345 tấn, vượt 2.845 tấn so với chỉ tiêu kế hoạch. So với năm 2001, nay năng suất lúa đã tăng từ 40 tạ/ha lên 49,9 tạ/ha, ngô từ 18 tạ/ha lên 23 tạ/ha, lạc từ 12 tạ/ha lên 15 tạ/ha. Đến nay, tổng đàn trâu, bò là 37.410 con, đàn lợn 41.969 con, đàn gia cầm 415.580 con và điều quan trọng là giữ được ổn định và vượt chỉ tiêu đề ra trong nhiều năm liền.

Bên cạnh những thành tựu đạt được, trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế Quỳnh Hợp vẫn còn nhiều hạn chế, phát triển kinh tế - xã hội chưa tương xứng với tiềm năng và lợi thế của huyện; chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi, ứng dụng các tiến bộ khoa học - kỹ thuật và

công nghệ vào sản xuất còn chậm, chưa đồng đều giữa các vùng; sản phẩm hàng hóa chưa thật đa dạng; một số cây ăn quả khá nổi tiếng trên thị trường chưa có biện pháp để trải vụ hoặc chế biến, bảo quản sau thu hoạch, nên người sản xuất bị thua thiệt nhiều do giá thấp, bị ép giá vào chính vụ; khai thác các tiềm năng và phát huy nội lực chưa mạnh, đời sống một bộ phận dân cư còn khó khăn. Điều đáng lưu ý là tư duy kinh tế của không ít cán bộ cơ sở và của phần đông nông dân còn mang nặng tính chất sản xuất nhỏ, tiểu nông làm cản trở sự gắn bó lợi ích giữa kinh tế hộ với các nhà máy công nghiệp chế biến nông, lâm sản; cũng như làm cho công tác chỉ đạo tìm các khâu đột phá để phát triển mạnh hơn nữa chưa thể hiện thật rõ nét. Công tác quản lý nhà nước về khai thác và chế biến khoáng sản, bảo vệ môi trường còn bộc lộ nhiều mặt yếu kém, chưa tính đến phương án quy hoạch để khai thác bền vững.

Nhận thức rõ thực trạng của địa phương, Đảng bộ và nhân dân Quỳnh Hợp xác định quan điểm phát triển và mục tiêu phấn đấu trong những năm tới (2006 - 2010) là: *Tăng cường đoàn kết, thống nhất trong toàn Đảng, toàn dân. Phát huy tiềm năng thế mạnh của huyện, đồng thời tranh thủ giúp đỡ hỗ trợ và đầu tư của Trung ương và tỉnh nhằm đẩy nhanh tốc độ phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp; nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất nông lâm nghiệp; phát triển dịch vụ thương mại. Phấn đấu xây dựng Quỳnh Hợp trở thành huyện mạnh về kinh tế, điển hình về văn hóa - xã hội, quốc phòng - an ninh bảo đảm, xã hội, dân chủ, công bằng, văn minh.* Các chỉ tiêu phấn đấu cụ thể đến năm 2010 là: nhịp độ tăng trưởng kinh tế GDP là 13,15%/năm; GDP bình quân đầu người đạt 5,5 - 6 triệu đồng/năm; thu ngân sách đạt tỷ lệ 5% - 6% GDP; hạ tỷ lệ hộ đói nghèo xuống còn 2% - 5%. Để thực hiện được các mục tiêu trên, đồng thời phát triển sản xuất hàng hóa theo hướng đa dạng và bền vững, Quỳnh Hợp cần chú ý các giải pháp chủ yếu sau:

Một là: Tiếp tục xây dựng vùng chuyên canh cây công nghiệp, cây ăn quả, tìm phương pháp để trái vụ, chế biến và bảo quản sau thu hoạch, đa dạng hóa sản phẩm để giảm thiểu rủi ro thị trường đầu ra. Hiện nay, cây mía đang có thị trường tiêu thụ tương đối ổn định nhờ có nhà máy đường lớn và hiện đại trên địa bàn, sẵn sàng ký hợp đồng mua nguyên liệu với số lượng lớn và ổn định, giá cả hợp lý. Bên cạnh đó trong quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của huyện, đã xác định đa dạng hóa sản phẩm nông nghiệp. Bởi vậy, cần hướng các hộ nông dân tiếp tục trồng cây công nghiệp, cây ăn quả bằng các giống mới đang được thị trường ưa chuộng, áp dụng các tiến bộ khoa học - kỹ thuật để có năng suất cao trên một héc-ta gieo trồng. Phát huy thế mạnh về kỹ thuật nhân giống của hai công ty nông - công nghiệp quốc doanh đóng trên địa bàn để cung cấp giống cho các hộ quanh vùng và chuyển giao khoa học, công nghệ cho kinh tế hộ. Hình thành vùng chuyên canh cây công nghiệp theo hướng trồng các loại cây thích hợp có hiệu quả hơn, như: cam, cao su, chè, cỏ chăn nuôi, lạc, ngô... Việc thu hút đầu tư vào công nghiệp chế biến cũng cần được cân nhắc kỹ, có sự phối hợp thật chặt chẽ về ngành hàng và ổn định vùng nguyên liệu. Chẳng hạn, Dự án xây dựng nhà máy chế biến tinh bột sắn biến thể xuất khẩu đang cần một vùng trồng sắn nguyên liệu lớn cung cấp ổn định, nhưng vấn đề là ở chỗ không để vùng nguyên liệu sắn làm ảnh hưởng tiêu cực đến các cây nguyên liệu hiện có, như: mía, cam, cỏ chăn nuôi...

Các hộ nông dân trồng các giống cây được hỗ trợ của nhà máy và ký hợp đồng bán sản phẩm đã trở nên khá phổ biến. Thực tế cho thấy, các hình thức hợp tác kinh tế giữa nông dân với doanh nghiệp đã mở ra hướng phát triển thuận lợi đối với sản xuất nông nghiệp. Tuy vậy, nguy cơ nông dân vi phạm hợp đồng do tự phát chuyển sang các loại cây trồng có giá trị kinh tế cao hơn đang đòi hỏi phải có lời

giải thỏa đáng để vừa ổn định vùng nguyên liệu, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp, vừa bảo đảm lợi ích cho kinh tế hộ.

Hai là: Coi trọng phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp nhất là công nghiệp chế biến nông, lâm sản. Nhận thức rõ tiềm năng và lợi thế về tài nguyên, Quý Hợp đã quy hoạch và đang tiến hành xây dựng các khu công nghiệp như Khung Khuộc: 22 ha, Châu Quang: 27 ha, Châu Hồng: 17 ha, sông Dinh: 20 ha... Với tốc độ phát triển như hiện nay, hy vọng 5 năm tới Quý Hợp sẽ trở thành một vùng công nghiệp năng động của Nghệ An. Các khu công nghiệp được lấp đầy sẽ góp phần phân công lao động giữa các ngành nghề và tạo việc làm cho người lao động từ nông nghiệp sang công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, các loại dịch vụ theo hướng tăng lao động có kỹ thuật, giảm lao động giản đơn. Do vậy, huyện cần chú trọng khâu đào tạo nghề để cung cấp cho các thành phần kinh tế. Có phương án phối hợp tốt giữa các trung tâm đào tạo nghề với doanh nghiệp để nâng cao chất lượng đào tạo, gắn đào tạo với nhu cầu sử dụng.

Trong thời gian tới, huyện tiếp tục phát triển các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp, nhất là nghề mới như chạm khắc đá, đá ốp lát, khảm trai đồ mộc dân dụng... Khuyến khích các nghệ nhân, thợ bậc cao ở ngoại tỉnh đến lập nghiệp, thu hút lao động địa phương học nghề, gắn với xây dựng và mở rộng làng nghề. Khôi phục các nghề truyền thống của địa phương trên cơ sở khai thác tài nguyên thiên nhiên và nguyên liệu tại chỗ. Tổ chức các cơ sở khai thác quặng thiếc ở những nơi khó triển khai các phương thức khai thác công nghiệp. Bên cạnh việc khai thác đá trắng, phát triển các cơ sở khai thác, chế biến đá xây dựng theo hướng đa dạng hóa sản phẩm. Khuyến khích phát triển các cơ sở chế biến bột đá trắng, chế biến đá xây dựng các loại đá ốp lát, đá mỹ nghệ để tận dụng tối đa nguyên liệu... Quản lý nghiêm ngặt việc khai thác tài nguyên thiên nhiên, nghiêm cấm nạn vận

chuyên, bán khoáng sản thô. Xây dựng môi trường kinh doanh thuận lợi, đẩy mạnh xúc tiến đầu tư xây dựng mới một số cơ sở công nghiệp có khả năng khai thác tốt những lợi thế hiện có, như: sản xuất bột giấy, chế biến tinh bột sắn, bánh kẹo, phân bón...

Ba là: Đẩy mạnh phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp kết hợp trồng trọt và chăn nuôi theo mô hình kinh tế hộ gia đình và kinh tế trang trại. Để chuyển dịch cơ cấu kinh tế có hiệu quả, Quỹ Hợp cần có phương án thích hợp để bảo đảm an ninh lương thực trên địa bàn. Coi trọng việc phân vùng kinh tế để tập trung thâm canh lúa, màu phù hợp với điều kiện khí hậu và áp dụng các giống lúa mới có năng suất cao. Ở vùng thấp của huyện, tập trung thâm canh lúa cao sản, chất lượng cao ở các xã có ruộng nước. Mở rộng sản xuất vụ đông trên ruộng nước, sản xuất rau màu ở những nơi có điều kiện thuận lợi. Xây dựng những cánh đồng đạt 30 - 50 triệu đồng/ha. Ở vùng cao của huyện tập trung thâm canh ở những chân ruộng có điều kiện tưới tiêu tốt, mở rộng vụ đông; ở nơi có điều kiện kinh tế lâm nghiệp, tích cực đẩy mạnh công tác khoanh nuôi, bảo vệ và trồng rừng. Để đạt được sản lượng lương thực theo mục tiêu đề ra, cần tập trung thâm canh trên diện tích ruộng nước hiện có; bố trí cơ cấu 3 vụ (vụ đông trồng ngô, nuôi cá trên ruộng nước hai vụ).

Phát triển mạnh chăn nuôi theo hướng công nghiệp. Quy hoạch đồng cỏ và phát triển chăn nuôi trâu bò ở các xã vùng cao. Trồng cỏ để phát triển mạnh chăn nuôi bò thịt ở các xã vùng thấp. Phấn đấu đạt tốc độ tăng đàn bò 6% - 7%/năm, đàn trâu 4% - 5%/năm, đàn lợn 4% - 5%/năm, gắn với công tác khoanh nuôi, bảo vệ rừng và trồng rừng để đạt độ che phủ rừng 55% vào năm 2010. Quỹ Hợp tiếp tục xây dựng đập nước, trạm bơm và bê-tông hóa hệ thống kênh mương. Trong thời gian tới, huyện sử dụng thật hiệu quả các nguồn vốn đầu tư của Nhà nước cho phát triển hệ thống thủy lợi, nhất là đẩy

nhANH Dự án xây dựng công trình thủy điện ở bản Mông nhằm phục vụ cho phát triển kinh tế-xã hội cả vùng.

Bốn là: Kết hợp giữa phát triển đường giao thông nông thôn phục vụ sản xuất kinh doanh với phát triển dịch vụ du lịch để tạo thêm nguồn thu cho ngân sách. Vừa qua, việc xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn, nhất là làm đường giao thông liên xã (bằng nhựa hoặc bê-tông) đã có tác dụng tích cực phục vụ sản xuất và lưu thông hàng hóa trên địa bàn huyện. Nhờ đó, năm 2000 Quỹ Hợp đã được Chính phủ tặng Cờ luân lưu "Huyện dẫn đầu phong trào phát triển giao thông nông thôn miền núi". Trong thời gian tới, huyện cần nhân rộng những điển hình xã làm giao thông tốt, cần tạo sự đồng thuận trên dưới, nhất là trong nhân dân, việc huy động và sử dụng các nguồn lực trong dân phải luôn được thực hiện trên cơ sở bàn bạc dân chủ, công khai, minh bạch, nghiêm chỉnh thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở.

Quỹ Hợp có nhiều thắng cảnh đẹp rất thuận lợi cho phát triển du lịch sinh thái. Muốn để các thắng cảnh này trở thành điểm du lịch, thu hút khách thập phương đến để tận hưởng vẻ đẹp thiên nhiên kỳ thú và hoang dã của núi rừng, cần có đường giao thông thuận tiện, có bãi đỗ xe, có điểm vui chơi, có dịch vụ thương mại và nhà nghỉ. Ngoài ra, cần có đội ngũ hướng dẫn viên đủ trình độ ngoại ngữ và văn hóa để làm kinh tế du lịch. Có phương án kết hợp du lịch với thương mại - dịch vụ, như bán hàng lưu niệm mang dấu ấn của địa phương, cũng như những đặc sắc của ẩm thực địa phương làm khách đến luôn có nhu cầu quay trở lại với Quỹ Hợp. Đỉnh cao của việc phối hợp xây dựng đường đến các điểm du lịch, thăm quan thắng cảnh là tạo thành hệ thống liên hoàn về "tua du lịch" trong vùng và xuyên vùng. Nếu đầu tư có hiệu quả và tổ chức khai thác tốt chắc chắn du lịch sẽ là nguồn thu lớn cho ngân sách của huyện như một lĩnh vực "công nghiệp không ồng khói", bảo đảm phát triển bền vững. □

CHI BỘ là đơn vị chiến đấu cơ bản của Đảng, là hạt nhân lãnh đạo của Đảng ở cơ sở. Các cơ sở đảng mạnh thì toàn Đảng mạnh, nền tảng của Đảng mới vững. Muốn chi bộ mạnh, trước hết từng cấp ủy, từng đảng viên phải nêu cao trách nhiệm trong sinh hoạt chi bộ. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: "Chi bộ là nền móng của Đảng, chi bộ tốt thì mọi việc sẽ tốt"⁽¹⁾, "Đảng mạnh là do chi bộ tốt.

Chi bộ tốt là do các đảng viên đều tốt"⁽²⁾.

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm tới công tác xây dựng tổ chức đảng cơ sở. Người chỉ rõ: "Tác dụng của chi bộ là cực kỳ quan trọng, vì nó là sợi dây chuyền để liên hệ Đảng với quần chúng"⁽³⁾, "Nhân dân ta rất tốt,

nếu chi bộ khéo lãnh đạo và đảng viên hăng hái xung phong làm gương mẫu thì khó khăn gì cũng vượt qua, công việc gì cũng làm tốt"⁽⁴⁾. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 9, khóa IX, đã chỉ rõ: "Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng... Toàn Đảng tập trung chỉ đạo xây dựng, củng cố tổ chức cơ sở và hướng về cơ sở,... gắn xây dựng tổ chức đảng với xây dựng, củng cố hệ thống chính trị ở cơ sở, nhất là đổi mới, nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ"⁽⁵⁾. Theo đó, thực hiện tốt sinh hoạt chi bộ, luôn đổi mới và nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ là một trong những nhân tố quan trọng để phát huy vai trò lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng, giúp đảng viên nâng cao nhận thức chính trị, ổn định tư tưởng, thực hiện chức năng lãnh đạo, giáo dục và chiến đấu của mình.

Trong tình hình hiện nay, việc nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ là một trong những

nhân tố quan trọng, quyết định chất lượng hoạt động của Đảng. Đây là một trong những biện pháp tổ chức, tư tưởng cơ bản chi phối toàn bộ hoạt động của tổ chức đảng và đảng viên; qua đó, bồi dưỡng, rèn luyện, sàng lọc đảng viên và phát triển đảng. Chất lượng sinh hoạt chi bộ thể hiện sức chiến đấu, hiệu quả lãnh đạo của chi bộ. Sinh hoạt chi bộ có chất lượng, sẽ làm cho đường lối, chính sách của Đảng được quán

triệt, nhiệm vụ của chi bộ được triển khai, trí tuệ và trách nhiệm của từng đảng viên được nâng cao, kỷ luật của Đảng được tăng cường, quan hệ giữa Đảng với quần chúng nhân dân được củng cố và phát triển.

Để chi bộ, đảng bộ thực sự trong sạch, vững mạnh, trước hết từng cấp

ủy, từng đảng viên phải tự giác đặt mình trong sự quản lý của chi bộ, tham gia sinh hoạt đầy đủ, nêu cao trách nhiệm trong sinh hoạt đảng. Sinh hoạt chi bộ là một hình thức hoạt động chủ yếu của chi bộ, là khâu đầu tiên tạo sự thống nhất về nhận thức, hành động của chi bộ trong một thời gian, hoặc trong thực hiện một công việc. Sinh hoạt chi bộ còn bảo đảm cho tổ chức đảng thực hiện chức năng lãnh đạo bằng nghị quyết, đối với chi bộ việc đề ra nghị quyết là một nhiệm vụ chính trị. Chất lượng

Sinh hoạt chi bộ: vấn đề thực tế và yêu cầu

MINH NHẬT

(1), (2) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t 12, tr 210, tr 92

(3) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 7, tr 243

(4) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 10, tr 532

(5) *Văn kiện Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004, tr 144

sinh hoạt không bảo đảm sẽ làm ảnh hưởng tới chất lượng việc ra nghị quyết của chi bộ, làm ảnh hưởng tới sức chiến đấu của Đảng. Đây cũng là khâu cuối cùng để đánh giá hoạt động và kết quả của đảng viên theo công việc được giao, đồng thời rút ra những kết luận cần thiết, bổ sung, điều chỉnh các mặt hoạt động của chi bộ trong thời gian tiếp theo.

Nói đến sinh hoạt đảng là nói tới các khâu hoạt động của chi ủy, tổ đảng và của đảng viên. Đây là những "mắt xích" quan trọng, có quan hệ gắn bó mật thiết với nhau, tạo nên nội dung sinh hoạt và hoạt động của chi bộ. Sinh hoạt đảng thể hiện bằng nhiều hình thức như: sinh hoạt chuyên đề, sinh hoạt học tập, sinh hoạt chính trị, sinh hoạt định kỳ..., nhưng tất cả phải gắn với nhiệm vụ chính trị, công tác xây dựng Đảng. Phân biệt tương đối từng loại hoạt động như vậy là để tránh sự trùng lặp, nhầm lẫn, hình thức, bảo đảm sự tập trung cao và có hiệu quả trong sinh hoạt và hoạt động của chi bộ.

Về sinh hoạt và hoạt động của chi ủy: Chi ủy là cơ quan lãnh đạo của chi bộ, có nhiệm vụ tổ chức, chỉ đạo thực hiện các nghị quyết của chi bộ và của cấp ủy cấp trên; trực tiếp chỉ đạo xây dựng chi bộ về chính trị, tư tưởng, tổ chức, giữ vững quan hệ với cơ quan chuyên môn (chính quyền) và các tổ chức thành viên trong hệ thống chính trị. Chi ủy là cơ quan lãnh đạo tập thể của chi bộ; do vậy, việc giữ vững nền nếp sinh hoạt là rất cần thiết. Nhiệm vụ quan trọng nhất của chi ủy là bảo đảm sự thống nhất cao trong nhận định tình hình, đánh giá đúng hoạt động của chính quyền, các tổ chức, đoàn thể trên địa bàn; kiểm điểm và có kế hoạch thực hiện tiếp các nghị quyết công việc hằng tháng của chi bộ.

Sinh hoạt và hoạt động của tổ đảng: Dưới sự lãnh đạo trực tiếp của chi ủy, tổ đảng cụ thể hóa nghị quyết của chi bộ để thực hiện. Công việc chủ yếu của tổ đảng là biến nghị quyết của chi bộ thành hành động tiên phong, gương mẫu của từng đảng viên, phân công cụ thể đảng viên

thực hiện nghị quyết của chi bộ; trực tiếp nắm tình hình quần chúng, vận động, động viên, thuyết phục quần chúng tham gia tích cực vào các mặt hoạt động kinh tế, văn hóa, xã hội trên địa bàn.

Hoạt động của đảng viên: Người đảng viên vừa là một thành viên của chi bộ, vừa là người thực hiện bằng hành động gương mẫu của bản thân, vận động quần chúng nhân dân thực hiện một cách tự giác mọi nhiệm vụ được giao. Sức mạnh của Đảng là do tính tự giác của toàn thể đảng viên. Chỉ khi nào đảng viên tự giác thảo luận và tham gia giải quyết mọi vấn đề của Đảng, thì tính tích cực của đảng viên mới được nâng cao. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, mỗi đảng viên cần có phương pháp công tác đảng, phương pháp công tác quần chúng, phương pháp công tác xã hội.

Sinh hoạt và hoạt động của chi bộ: Bao gồm tổng thể của tất cả các vấn đề ở trên. Vì vậy, sinh hoạt chi bộ có ý nghĩa cực kỳ quan trọng. Yêu cầu trọng tâm đối với nội dung của sinh hoạt chi bộ là cụ thể hóa các chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các quyết nghị của cấp ủy cấp trên cho sát hợp với điều kiện cụ thể của đơn vị mình; phát huy tính chủ động, sáng tạo và tinh thần trách nhiệm của các đảng viên trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao; phát huy vai trò của các đoàn thể trong việc tổ chức, vận động quần chúng nhân dân phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo, ổn định đời sống và làm nghĩa vụ với Nhà nước, thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở.

Trong tiến trình đổi mới đất nước, nhất là từ khi triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 3, khóa VIII về một số nhiệm vụ đổi mới và chỉnh đốn Đảng đến nay, việc đổi mới, chỉnh đốn các tổ chức đảng và đội ngũ đảng viên đã đạt được một số kết quả quan trọng. Nhìn chung, sinh hoạt đảng được chú trọng hơn cả về nội dung, hình thức và ngày càng được cải tiến theo hướng cụ thể, hiệu quả, thiết thực, bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ.

Nội dung sinh hoạt bám sát nhiệm vụ xây dựng Đảng, phát triển sản xuất và những vấn đề liên quan trực tiếp đến đảng viên và đơn vị mà chi bộ cần tập trung lãnh đạo.

Trong sinh hoạt, nhiều chi bộ đi thẳng vào vấn đề trọng tâm, bảo đảm được tính lãnh đạo, tính giáo dục, tính chiến đấu; đảng viên dự họp ghi chép đầy đủ. Các hình thức sinh hoạt như sinh hoạt chính trị, sinh hoạt chuyên đề, sinh hoạt học tập, thậm chí cả sinh hoạt bất thường với những nội dung thiết thực, được chuẩn bị chu đáo và thông báo trước tới các đảng viên. Đội ngũ bí thư, chi ủy được kiện toàn, từng bước được nâng cao cả về kiến thức, kinh nghiệm, về năng lực tổ chức điều hành và sự tin nhiệm. Đây là nguyên nhân quan trọng góp phần nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ và khẳng định vị thế, vai trò lãnh đạo của chi bộ. Công tác kiểm tra đảng viên chấp hành Điều lệ Đảng, pháp luật của Nhà nước và xử lý những đảng viên vi phạm... được coi trọng.

Tuy nhiên, hiện nay ở các chi bộ có những yếu kém như: sinh hoạt không đều, chất lượng sinh hoạt không cao, nội dung sinh hoạt chung chung; không xác định rõ nội dung cần tập trung để thảo luận, bàn hướng giải quyết; chưa bàn và giải quyết kịp thời những vấn đề bức xúc đặt ra trong thực tiễn hoạt động của địa phương, đơn vị mình, nên nghị quyết của chi bộ đề ra không cụ thể, không rõ biện pháp thực hiện, tháng sau giống tháng trước; phương pháp điều hành cứng nhắc, nhiều chi ủy không chuẩn bị trước nội dung sinh hoạt... Nguyên tắc tập trung dân chủ, chế độ tự phê bình và phê bình ở nhiều nơi bị coi nhẹ. Thậm chí, có không ít đảng viên ở một số tổ chức cơ sở đảng, hoặc do cục bộ, bè phái, hoặc do tư thù cá nhân đã lợi dụng nguyên tắc dân chủ trong sinh hoạt đảng để công kích nhau, đấu đá nhau. Một số cán bộ lãnh đạo, nhất là lãnh đạo chính quyền, có biểu hiện coi thường, thiếu ý thức bình đẳng trong sinh hoạt chi bộ. Trong sinh hoạt, đảng viên ít thảo luận, ít đóng góp ý kiến, ít tỏ rõ thái độ, hoặc sa vào tranh cãi nhưng chi

bộ không có kết luận, quyết định những vấn đề cần thiết. Không ít chi bộ, chưa phân biệt được việc gì là của chi bộ, của chính quyền và của các tổ chức quần chúng, dẫn đến tình trạng lấn sân, bao biện, làm thay hoặc buông lỏng vai trò lãnh đạo của tổ chức đảng. Đây là một nguyên nhân dẫn đến thiếu sự thống nhất, thậm chí mất đoàn kết giữa tổ chức đảng và các tổ chức khác trong hệ thống chính trị ở cơ sở, đồng thời tạo nên sự đơn điệu, nhàm chán, không gây được hứng thú, cuốn hút đông đảo đảng viên tham gia sinh hoạt chi bộ.

Trước yêu cầu hiện nay, thực hiện sinh hoạt đảng đúng định kỳ, đạt chất lượng cao là sự bảo đảm chất lượng cho việc đề ra nghị quyết của chi bộ, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức đảng. Thực tế ở những nơi xảy ra "điểm nóng", những vấn đề chính trị, xã hội phức tạp và nhạy cảm thời gian vừa đã cho thấy: ở nơi nào, lúc nào mà sinh hoạt chi bộ bị buông lỏng, hoặc không có nội dung chính trị, tư tưởng cụ thể, thiết thực thì có nguy cơ đi chệch đường lối, chính sách của Đảng, hạ thấp vai trò tiên phong gương mẫu của người đảng viên, trách nhiệm của đảng viên ở đó rất yếu kém, thậm chí bị vô hiệu hóa; tổ chức đảng không nắm được đảng viên, đảng viên không nắm được quần chúng; kỷ luật của Đảng bị lỏng lẻo, các biểu hiện tiêu cực nảy sinh và phát triển, sự gắn bó giữa đảng và quần chúng bị suy yếu.

Đổi mới nội dung, hình thức để nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ là yêu cầu cấp thiết, là nhiệm vụ trung tâm trong công tác xây dựng Đảng. Các chi bộ cần tiếp tục quán triệt và thực hiện nghiêm túc tinh thần Nghị quyết Trung ương 3, khóa VIII: "Nâng cao chất lượng sinh hoạt của cấp ủy và chi bộ, quản lý chặt chẽ đảng viên. Mỗi đảng viên, mỗi cán bộ phải tự giác đặt mình trong sự quản lý của chi bộ, tham gia sinh hoạt đầy đủ". Để sinh hoạt đảng có chất lượng, nhìn khái quát, cần thực hiện đúng và tốt những nội dung: Xác định đúng nội dung sinh hoạt, lựa chọn hình thức sinh hoạt phù

hợp; bảo đảm sinh hoạt đúng Điều lệ Đảng; gắn chương trình sinh hoạt của tổ chức đảng với chương trình công tác, nhiệm vụ chính trị của địa phương, đơn vị mình. Trước mắt, chú ý giải quyết tốt mấy vấn đề sau:

Một là, về nguyên tắc tổ chức sinh hoạt. Trước hết, đồng chí bí thư chi bộ phải là người chủ trì cuộc họp, là người trực tiếp chuẩn bị nội dung sinh hoạt. Người chủ trì cuộc họp phải báo cáo rõ lý do, mục đích, nội dung sinh hoạt, chú ý báo cáo rõ những vấn đề trọng tâm của buổi sinh hoạt mà tất cả đảng viên trong chi bộ cần tập trung thảo luận. Báo cáo phải đánh giá đúng tình hình một cách sâu sắc, khách quan về việc thực hiện nghị quyết của chi bộ. Để đánh giá đúng tình hình một cách khách quan, sâu sắc, cấp ủy phải họp thảo luận một cách dân chủ, nghiêm túc và phải có sự nhất trí cao trước khi tổ chức họp chi bộ. Thực tế thời gian qua cho thấy, những chi bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ lãnh đạo, nhiều năm liền đạt danh hiệu trong sạch, vững mạnh là do thực hiện tốt quy trình ra quyết định, sinh hoạt, thảo luận, tự phê bình và phê bình, thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ.

Hai là, thực hiện dân chủ trong sinh hoạt. Quá trình điều hành cuộc sinh hoạt, người chủ trì phải khơi gợi, dẫn dắt để mọi đảng viên nghiên cứu và phát biểu chính kiến trên tinh thần phát huy dân chủ, trí tuệ tập thể để tập trung thảo luận làm sáng tỏ các vấn đề nêu ra. Sau khi bàn bạc dân chủ, biểu quyết theo đa số trở thành nghị quyết của chi bộ thì tất cả đảng viên đều phải chấp hành và làm theo nghị quyết. Vì thế, trước hết phải tôn trọng và thực hiện đầy đủ các quyền của đảng viên như: được thảo luận một cách dân chủ, thẳng thắn các vấn đề về nhiệm vụ chính trị của chi bộ, nội dung sinh hoạt; được thông tin tình hình cần thiết, được quyền phê bình, chất vấn, biểu quyết công việc, nội dung thảo luận, được trình bày rõ quan điểm và ý kiến của riêng mình về mọi vấn đề; được bảo lưu ý kiến theo nguyên tắc đảng. Cấp ủy cần lắng nghe và tiếp thu ý kiến

của đảng viên, không thành kiến, quy chụp hay phân biệt đối xử. Khắc phục cả hai tình trạng cấp ủy độc đoán, vi phạm quyền dân chủ trong Đảng và tính thụ động, ỷ lại của đảng viên.

Ba là, bảo đảm tính lãnh đạo, tính chiến đấu và tính giáo dục. Chi bộ phân công cụ thể, hướng dẫn công việc rõ ràng và định kỳ kiểm tra công tác, kiểm tra việc chấp hành Điều lệ Đảng, chấp hành nhiệm vụ, phát huy vai trò tiên phong gương mẫu của từng đảng viên. Mọi đảng viên đều phải tham gia sinh hoạt chi bộ đều đặn, thực hiện nghiêm túc và có hiệu quả những nhiệm vụ do chi bộ phân công; phải coi việc sinh hoạt chi bộ là nghĩa vụ, là quyền lợi để khẳng định mình, để phát huy, đồng thời nhận thấy những mặt yếu để có hướng khắc phục.

Qua những chi bộ sinh hoạt đạt chất lượng không cao cho thấy, do sa vào những việc sự vụ khi xây dựng nội dung sinh hoạt, xây dựng nghị quyết, cấp ủy đã không tuân thủ đúng quy trình, hướng dẫn của cấp trên, không bám vào chức năng, nhiệm vụ của từng loại hình cơ sở theo Quy định 54 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, khóa VII và Hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương Đảng. Điều đó dẫn đến nội dung, chương trình sinh hoạt chất lượng kém, báo cáo của chi bộ trùng lặp với báo cáo của chính quyền, làm cho đảng viên xem nhẹ cuộc họp của chi bộ, hoặc là sa vào bàn công việc của chính quyền, mà không quan tâm đúng mức đến việc bàn về công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, của chi bộ. Do đó, điều quan trọng ở đây là cấp ủy cần ý thức rõ trách nhiệm của mình trong việc xác định vấn đề, phương pháp sinh hoạt phù hợp và bản lĩnh quyết sách, nhất là trước những vấn đề phức tạp.

Bốn là, chủ động xây dựng chương trình, kế hoạch công tác đề bàn định trong cuộc sinh hoạt. Trước mỗi kỳ sinh hoạt, chi ủy cần chuẩn bị tốt nội dung, chương trình sinh hoạt. Trong đó chọn những vấn đề bức xúc, quan trọng tại

(Xem tiếp trang 60)



ÔNG HOÀNG MINH CHÍNH XUYÊN TẠC CHỦ NGHĨA MÁC NHƯ THẾ NÀO ?

LÊ HỒNG

NHÀ nước ta với chính sách nhân đạo của mình đã cho ông Hoàng Minh Chính đi Mỹ để chữa bệnh. Tuy nhiên, vừa sang đến Mỹ, ông ta lập tức nhảy lên đảng đàn diễn thuyết để lăng mạ chủ nghĩa Mác, nói xấu Đảng và Nhà nước Việt Nam, bịa đặt, xuyên tạc tình hình đất nước Việt Nam với thái độ đầy bức tức, hằn học. Qua những lời phát biểu của ông ta tại Mỹ, chân tướng của ông ta càng bộc lộ không chỉ là kẻ cơ hội chính trị mà đi xa hơn là kẻ *phản bội Tổ quốc và dân tộc Việt Nam*.

Riêng về chủ nghĩa Mác thử xem ông ta xuyên tạc và phủ nhận như thế nào?

Trong báo cáo tại Đại học Ha-vớt (Mỹ) với tiêu đề "Chủ nghĩa Marx và hệ lụy" ông ta công khai phê phán, xuyên tạc Mác và chủ nghĩa Mác - chủ nghĩa mà trước đây ông đã từng đi tuyên truyền, giảng dạy, tin tưởng, ca tụng thì giờ

đây ông trở cờ, ông sám hối. Khi nói về tác phẩm "Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản" do C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n viết, tuy phải thừa nhận "nó có tác dụng rất to lớn trong việc hình thành các Đảng Cộng sản và công nhân, tập hợp phong trào cộng sản thành Quốc tế cộng sản và ảnh hưởng rất rộng lớn tới xã hội loài người trong một thế kỷ rưỡi qua", song ông lại nói "Tuy nhiên tác phẩm đó đã mắc những sai sót cơ bản" (!). Phần sau chúng tôi sẽ xem xét cái mà ông Chính gọi là "những sai sót cơ bản" của Mác là gì, có phải thật sự là "sai sót cơ bản" của Mác không, hay chính là sai sót cơ bản, sai lầm nghiêm trọng của ông Chính.

Để phê phán chủ nghĩa Mác, ông Chính viện dẫn ra những lý lẽ cũ rích của các nhà tư tưởng chống cộng trước đây xoay quanh 2 vấn đề: "đấu tranh giai cấp" và "chuyên chính vô sản" với những câu trích dẫn xuyên tạc. Ông nói:

"Marx và Engels tuyên bố rằng "lịch sử tất cả các xã hội tồn tại từ trước đến nay chỉ là lịch sử đấu tranh giai cấp" và ông coi "luận điểm này đi ngược lại lịch sử phát triển khách quan của xã hội loài người", bởi vì "sản xuất và thương mại, khoa học và công nghệ ngày càng phát triển là cơ sở vật chất và nền tảng của xã hội. Trên nền tảng cơ bản đó được xây dựng thượng tầng kiến trúc là thể chế chính trị, giai cấp, nhà nước, luật pháp, văn hóa". Hóa ra, ở đây ông Chính đã sử dụng một luận điểm duy vật lịch sử của Mác về sản xuất vật chất là cơ sở của đời sống xã hội, về vai trò quyết định của cơ sở hạ tầng đối với kiến trúc thượng tầng để phản bác lại luận điểm mác-xít về đấu tranh giai cấp mà ông tưởng tượng ra là đi ngược lại lịch sử phát triển khách quan của xã hội. Chính Mác xuất phát từ cơ sở kinh tế, từ phương thức sản xuất để giải thích đấu tranh giai cấp chứ không phải ngược lại. Do đó, trong *Lời tựa viết cho bản tiếng Đức xuất bản năm 1883* Ph. Ăng-ghe-n viết: "Tư tưởng cơ bản và chủ đạo của "Tuyên ngôn" là: trong mọi thời đại lịch sử, sản xuất kinh tế và cơ cấu xã hội - cơ cấu này tất yếu phải do sản xuất kinh tế mà ra, - cả hai cái đó cấu thành cơ sở của lịch sử chính trị và lịch sử tư tưởng của thời đại ấy; do đó (từ khi chế độ công hữu

ruộng đất nguyên thủy tan rã), toàn bộ lịch sử là lịch sử của cuộc đấu tranh giai cấp..."⁽¹⁾. Qua đó thấy rõ ông Chính đã trích dẫn một cách cắt xén câu trong "Tuyên ngôn", lời di sự bổ sung của Ph. Ăng-ghe-n trong *Lời tựa* và cố tình xuyên tạc tư tưởng của Mác về đấu tranh giai cấp.

Trong "Tuyên ngôn", Mác và Ăng-ghe-n không hề cường điệu vấn đề đấu tranh giai cấp. Khi nói rằng toàn bộ lịch sử *thành văn* là lịch sử đấu tranh giai cấp thì không có nghĩa là các ông chỉ biết có đấu tranh giai cấp mà quên các mặt khác của đời sống xã hội. Trái lại, các ông muốn nhấn mạnh rằng đấu tranh giai cấp là quy luật khách quan tồn tại trong xã hội có giai cấp, đó là cuộc "đấu tranh giữa những giai cấp bị bóc lột và những giai cấp đi bóc lột, giữa những giai cấp bị trị và những giai cấp thống trị, qua các giai đoạn của sự phát triển xã hội của họ"⁽²⁾ (chứ không thể có đấu tranh giai cấp chỉ một phía). Cuộc đấu tranh giai cấp gắn với những điều kiện lịch sử nhất định, do đó khi điều kiện lịch sử thay đổi thì đấu tranh giai cấp cũng thay đổi hoặc mất đi. Vì vậy, lý tưởng của người cộng sản không phải là đấu tranh giai cấp muôn năm mà là giải phóng giai cấp công nhân, đồng thời giải phóng vĩnh viễn toàn xã hội khỏi ách bóc lột, áp bức, khỏi sự phân chia giai cấp và đấu tranh giai cấp. Những tư tưởng trên đây của

Mác trong "Tuyên ngôn" thật là sáng rõ nếu người ta không cố tình nhắm mắt, xuyên tạc nó như ông Hoàng Minh Chính đã làm. Để hiểu đúng quan điểm đấu tranh giai cấp của Mác cũng như các quan điểm khác trong chủ nghĩa Mác, cần phải đặt nó trong hệ thống của chủ nghĩa Mác, trong mối liên hệ với các luận điểm khác cũng như trong sự phát triển lịch sử của nó. Mác không phải là người phát hiện ra sự tồn tại của giai cấp và đấu tranh giai cấp, công lao đó thuộc các nhà sử học tư sản Pháp như Chi-e-ri, Mi-nhê, Ghi-dô... Mác khẳng định: "Cái mới mà tôi đã làm là chứng minh rằng: 1. *Sự tồn tại của các giai cấp chỉ gắn liền với những giai đoạn phát triển lịch sử nhất định của sản xuất*; 2. *Đấu tranh giai cấp tất yếu sẽ dẫn tới chuyên chính vô sản, bản thân nền chuyên chính này chỉ là bước quá độ tiến tới thủ tiêu mọi giai cấp và tiến tới xã hội không giai cấp*"⁽³⁾.

Như vậy, Mác coi chuyên chính vô sản chỉ là phương tiện để đi tới một xã hội không giai cấp, là phương tiện để giải phóng giai cấp công nhân và toàn xã hội khỏi áp bức và bóc lột, chứ không phải là mục đích. Vì vậy ông Chính hoàn toàn xuyên tạc khi nói rằng "các đảng cộng sản cầm quyền coi chuyên chính vô sản là bứu bối tuyệt hảo, là vũ khí chuyên chính tuyệt đối, đắc dụng, mạnh mẽ nhất...", hoặc "các đảng cộng sản cầm quyền tuy

nghe, duy ý chí sáng tạo ra xã hội xã hội chủ nghĩa bằng chuyên chính vô sản cực đoan, hà khắc nhất, phi pháp nhất trong lịch sử nhân loại". Chúng ta không phủ nhận việc trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, ở nước này nước kia, lúc này, lúc khác đã phạm phải những sai lầm đáng tiếc trong việc sử dụng bạo lực trấn áp. Tuy nhiên, sai lầm đó không phải bắt nguồn từ chủ nghĩa Mác, ông Chính không có quyền gán cho chủ nghĩa Mác. Ông Chính bịa đặt ra con số hàng chục triệu người chết ở Liên Xô, trong khi đó ông lờ đi những tội ác tày trời mà chủ nghĩa tư bản, chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa phát-xít do chủ nghĩa tư bản sinh ra đã gây ra cho toàn nhân loại và các dân tộc trong đó có dân tộc Việt Nam.

Ông Chính thật hồ đồ khi nói rằng "Engels đã từng hết lời ca ngợi rằng "chuyên chính vô sản là sáng tạo vĩ đại nhất của Marx"; rằng "ngoài nguyên tắc duy nhất và trần trụi đó, Marx không nói gì được thêm nữa" (!). Ông dựa vào đâu mà nói xằng bậy như vậy? Ông Chính là người đã được nghiên cứu có hệ thống chủ nghĩa Mác - Lê-nin ở Liên Xô trước đây, đã từng nhiều

(1) C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n: *Toàn tập*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1995, t 21, tr 509

(2) C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n: *Sđđ*, tr 509

(3) C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n: *Sđđ*, t 28, tr 662

năm nghiên cứu Triết học mác-xít. Vậy há ông không biết rằng chủ nghĩa Mác là một hệ thống chỉnh thể gồm có 3 bộ phận cấu thành là triết học, kinh tế chính trị và chủ nghĩa xã hội khoa học; là một hệ thống các quy luật và phạm trù phản ánh một cách sâu sắc và phong phú thế giới khách quan? Ông cũng há không biết rằng trong Điều văn đọc trước mộ Mác, Ph. Ăng-ghe-n đã đánh giá rằng *Mác có 2 phát minh vĩ đại* là 1) quan niệm duy vật về lịch sử và 2) học thuyết giá trị thặng dư. Nhờ 2 phát minh vĩ đại đó, *Mác đã biến chủ nghĩa xã hội từ không tưởng thành khoa học*. Đồng thời khi nói rằng "ngoài nguyên tắc duy nhất và trần trụi đó, Marx không nói gì được thêm nữa" thì chính ông đã tự mâu thuẫn với mình khi ở phần đầu báo cáo ông phải thừa nhận rằng "nhà bác học tài ba Karl Marx.. đã thành công trong việc phê phán mặt trái của công nghiệp tư bản chủ nghĩa, đặc biệt là với tác phẩm đồ sộ mang tên "Tư bản" của ông". Chỉ riêng với thành công như vậy, theo như ông Chính thừa nhận, thì cũng là quá tài giỏi rồi, huống hồ Mác lại là nhà bác học thiên tài đã cống hiến cho nhân loại một học thuyết vĩ đại, mang tính nhân văn sâu sắc mang tên ông - CHỦ NGHĨA MÁC. Vì vậy, không phải ngẫu nhiên gần đây, chương trình "Thời đại chúng ta" trên sóng phát thanh Radio 4 tại Anh đã tổ

chức cuộc thăm dò xã hội bình chọn triết gia vĩ đại nhất của nhân loại; và trong số 20 triết gia vĩ đại được giới thiệu, Mác được bình chọn là triết gia vĩ đại nhất của nhân loại từ trước đến nay, bởi những cống hiến khoa học xuất sắc của ông, trong đó có trước tác vĩ đại, bộ "Tư bản" và "Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản" (viết cùng Ph. Ăng-ghe-n). Nhận xét về kết quả bình chọn trên, giáo sư An-đơ-ri-u Chít-ty thuộc Trường đại học Tổng hợp Xa-xếch (University of Sussex) ở Anh, một chuyên gia hàng đầu nghiên cứu học thuyết Mác, cho rằng, xã hội hiện đại vẫn cần tiếp tục đánh giá chủ nghĩa Mác như một hệ thống triết học nghiêm túc nhất của loài người. Hoặc bạn đọc ở Việt Nam đều đã biết, nhà triết học nổi tiếng người Pháp J. Đê-ri-đa trong tác phẩm "Những bóng ma của Mác" đã khẳng định rằng, Mác không chỉ là nhà tư tưởng của thế kỷ XX mà còn là nhà tư tưởng của thế kỷ XXI, rằng nhân loại không thể thiếu Mác. Mới chỉ kể như vậy thôi cũng đã thấy rằng những ý kiến của ông Hoàng Minh Chính đánh giá về Mác thật lạc lõng biết bao! Ông dùng đủ mọi từ xấu xa, tệ hại để gán cho học thuyết Mác. Ông nói: "Học thuyết tư biện của Marx mang tính phản lịch sử, phản khoa học, duy ý chí, cực đoan cực tả nhưng lại phù hợp với giai cấp vô sản các nước đang cơn thất vọng". Một học

thuyết "phản lịch sử, phản khoa học" như vậy mà tại sao lại được thế giới đánh giá cao, lại "có tác dụng rất to lớn trong việc hình thành các đảng cộng sản và công nhân, tập hợp phong trào cộng sản thành Quốc tế cộng sản và ảnh hưởng rất rộng lớn tới xã hội loài người trong một thế kỷ rưỡi qua" như chính ông đã thừa nhận thì ông Chính lại không thể nào giải thích nổi.

Ông Chính chắc đã đọc nhiều sách của Mác, Ăng-ghe-n, Lê-nin, song ông vẫn cố tình không hiểu. Ông nói "chuyên chính vô sản không là cái gì khác là bạo lực", "Marx đã đặt công khai niềm tin tuyệt đối vào bạo lực". Trên thực tế Mác không bao giờ sùng bái bạo lực; đối với Mác bạo lực không phải là cứu cánh, là mục đích, bạo lực chỉ là phương tiện, là *bà đỡ* cho mọi xã hội cũ đang thai nghén một xã hội mới trong lòng. Người cộng sản chỉ dùng bạo lực khi cần thiết để đáp trả lại bạo lực phản cách mạng. Lê-nin đã nhiều lần nhấn mạnh rằng chuyên chính vô sản không phải chỉ là bạo lực và cũng không phải chủ yếu là bạo lực, mà chủ yếu là tổ chức xây dựng, là đưa ra một kiểu tổ chức xã hội của lao động mới cao hơn, là chế độ dân chủ gấp triệu lần dân chủ tư sản. Nội dung chủ yếu của đấu tranh giai cấp, của chuyên chính vô sản theo quan niệm của Đảng Cộng sản Việt Nam không phải là trấn áp, bạo lực mà là

tổ chức, xây dựng thành công xã hội mới - xã hội xã hội chủ nghĩa. Ở Việt Nam "nội dung chủ yếu của đấu tranh giai cấp trong giai đoạn hiện nay là thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa, khắc phục tình trạng nước nghèo, kém phát triển; thực hiện công bằng xã hội, chống áp bức, bất công; đấu tranh ngăn chặn và khắc phục những tư tưởng và hành động tiêu cực, sai trái; đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu và hành động chống phá của các thế lực thù địch; bảo vệ độc lập dân tộc, xây dựng nước ta thành một nước xã hội chủ nghĩa phồn vinh, nhân dân hạnh phúc"(4). Với nội dung chủ yếu của đấu tranh giai cấp được quan niệm như vậy thì chắc là mọi người dân Việt Nam yêu nước đều đồng tình chứ nó không phải là "con ngáo ộp" mà ông Chính muốn đem ra để hù dọa những người yếu bóng vía.

Khi trích dẫn lời của Mác trong "Tuyên ngôn" về "xóa bỏ chế độ tư hữu" ông Chính lại xuyên tạc thành "Marx đã chủ trương xóa bỏ tất cả các hình thái kinh tế - xã hội hiện hữu để trên mảnh đất sạch sẽ đó mà xây dựng chủ nghĩa cộng sản". Ở đây ông Chính muốn biến Mác thành nhà xã hội chủ nghĩa không tưởng, người theo chủ nghĩa hư vô. Là nhà duy vật biện chứng vĩ đại nên "Mác đặt vấn đề chủ nghĩa cộng sản giống như một nhà tự nhiên học đặt, chẳng

hạn, vấn đề tiến hóa của một giống sinh vật mới, một khi đã biết nguồn gốc của nó và định được rõ rệt hướng của những biến đổi của nó(5). Đối với Mác "chủ nghĩa cộng sản không phải là một *trạng thái* cần phải sáng tạo ra, không phải là một *lý tưởng* mà *hiện thực* phải khuôn theo" mà là "một phong trào hiện thực, nó xóa bỏ trạng thái hiện nay. Những điều kiện của phong trào ấy là do những tiền đề hiện đang tồn tại để ra"(6). Mác phân tích hết sức khoa học sự phát triển của xã hội mới, dự báo một cách thiên tài 2 giai đoạn lớn của xã hội cộng sản. Nhiệm vụ khoa học của Mác không phải vạch ra mô hình của xã hội mới với mọi chi tiết của nó. Lê-nin cho rằng: "Trong tài liệu của Mác, người ta không thấy mấy may một ý định nào nhằm bịa ra những ảo tưởng, nhằm đặt ra những dự đoán vu vơ về những điều mà người ta không thể nào biết được"(7). Mác đã vạch ra mối liên hệ biện chứng giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội: chủ nghĩa xã hội ra đời từ chủ nghĩa tư bản, trên cơ sở phủ định biện chứng chủ nghĩa tư bản, kế thừa những thành tựu của chủ nghĩa tư bản (cả về kinh tế, khoa học - công nghệ, giáo dục - đào tạo, văn hóa, pháp quyền v.v.), phát triển cao hơn chủ nghĩa tư bản. Về sau này, trong những năm 20 của thế kỷ XX, vận dụng tư tưởng biện chứng của Mác về mối liên hệ biện chứng giữa xã hội tư bản và xã hội xã hội chủ

nghĩa, Lê-nin nêu lên một công thức về kế thừa xã hội tư bản như sau: Dùng cả 2 tay mà lấy những cái tốt của nước ngoài: Chính quyền Xô-viết + trật tự đường sắt Phổ + kỹ thuật, cách tổ chức các tờ-rót Mỹ + ngành giáo dục quốc dân Mỹ, v.v. = tổng số, tổng kết lại = chủ nghĩa xã hội.

Mặc dù trong thời đại của mình, Mác chưa được chứng kiến chủ nghĩa xã hội hiện thực, song không vì thế mà khẳng định Mác "không thành công trong việc sáng tạo ra chủ nghĩa cộng sản", như ông Chính cao giọng đăng đàn ở Mỹ.

Trong báo cáo của mình tại Đại học Ha-vớt, việc ông Chính phê phán, xuyên tạc chủ nghĩa Mác chỉ là tiền đề, là màn giáo đầu để đi đến xuyên tạc, vu cáo, chửi bới với những lời lẽ hằn học, độc địa đối với Đảng Cộng sản Việt Nam, với Nhà nước, với chế độ xã hội chủ nghĩa, với nhân dân Việt Nam. Qua những lời lẽ đó càng bộc lộ chân tướng phản bội dân tộc, cầu viện ngoại bang mà báo chí trong và ngoài nước đã vạch trần, nên thiết nghĩ ở đây không cần phải bình luận thêm. □

(4) Văn kiện Đại hội IX của Đảng, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr 86

(5) V. I. Lê-nin: *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1976, t 33, tr 104

(6) C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n: *Sđd*, t 3, tr 51

(7) V. I. Lê-nin: *Sđd*, t 33, tr 104



Biết mà không biết!

NAM DŨNG

DO có hoàn cảnh riêng, tôi được nghỉ hưu sớm so với bạn bè cùng tuổi. Rảnh rỗi và vẫn ham hoạt động nên tôi hay đến thăm các bạn đang còn đương chức. Có anh bạn thân hiện là Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng Ban Y, mấy lần tôi định đến chơi nhưng còn e ngại, thế rồi như có ai mách bảo, Kh. chủ động kêu tôi đến. Hôm đến nhà Kh. tôi nêu một loạt những bức xúc của dân và "chất vấn", ông có biết những chuyện ấy không? Kh. thủng thẳng trả lời: *biết*. Tôi hỏi dồn, ông biết chuyện gì kể cho tôi nghe nào. Kh. bật lò xo: đã bảo là biết rồi, và còn biết nhiều hơn những điều ông vừa kể. Đây, có mấy "mục" chính tôi trích nguyên văn báo cáo giữa nhiệm kỳ của tỉnh ủy (phần tồn tại) cho ông nghe nhé:

..."Tuy có những thành tựu xuất sắc nêu trên, nhưng chúng ta vẫn còn một số tồn

tại cần phải khắc phục là: Tốc độ phát triển kinh tế của tỉnh ta trong 3 năm qua còn quá chậm, mỗi năm tăng được 0,01%. Về công tác xây dựng Đảng nhất là xây dựng hệ thống chính trị cơ sở còn nhiều yếu kém, bất cập. Chúng ta có nhiều điểm "nóng", thậm chí có ý kiến nhận xét rằng, hệ thống chính trị ở một số cơ sở của ta đang bị "mọt ruỗng", làm xói mòn lòng tin của dân với Đảng, dẫn đến rạn nứt và có nguy cơ phá vỡ mối quan hệ máu thịt vốn có xưa nay giữa Đảng với dân..."

Kh. nói tiếp: Báo cáo đã nhìn thẳng sự thật, đánh giá đúng sự thật thì ông còn thắc mắc gì. Tôi biết, tôi đã đọc báo cáo đó, cả nguyên nhân của những yếu kém, rồi cả những giải pháp khắc phục nữa. Nhưng đây là ở "nghị trường", chỉ làm thỏa mãn cái tai của chúng ta thôi. Nói như

các cụ là để "nghe cho sướng tai", chứ còn nó có chuyển biến không, có đi vào đời sống hằng ngày của dân hay không lại là chuyện khác. Ông biết đấy, còn ba tháng nữa là hết nhiệm kỳ rồi mà hai nhiệm vụ *trọng tâm* và *then chốt* ngày càng có chiều "biết" hơn. Và chắc chắn trong báo cáo cuối nhiệm kỳ lại nêu khuyết điểm là nhìn thẳng sự thật, đánh giá đúng sự thật..., như vậy rõ ràng chúng ta đang "tùng bước" xa thực tế, tức là đang "tùng bước" xa dân. Ông có biết, dân tỉnh ta đang nói một cách bóng gió sự **thật, giả** của một số cán bộ bằng những câu thơ "bút tre" thế nào không? *Một khoảng trời xanh bé xinh xinh. Giả, thật hư vô khó định hình. "Thật mực" sờ tay thường biết rõ. Còn "kính...viễn chí" giả khó lường.* Và tôi tiếp luôn: những điều ông vừa nói, tôi vừa nói chỉ là "tảng băng nổi" trên mặt biển bao la này thôi. Ông Kh. vặn hỏi, thế còn "tảng băng chìm" là gì? Băng chìm là gì ư, có lẽ ông biết đấy, chỉ có điều không nói ra thôi, hoặc nếu có nói ra thì lại bảo là "không biết". Chắc ông quá rõ chuyện của huyện M.

Cuộc "chiến đấu" xung quanh những chiếc "ghế" diễn ra quyết liệt, thậm chí "một mất, một còn", trên phải về chỉ đạo cũng chưa giải quyết xong. Ở đây có hai vấn đề đặt ra: Một là, tệ "mua quan", "bán chức" diễn ra âm thầm, nhức nhối và cũng rất khó chữa trị giống như bệnh quan liêu, tham nhũng hiện nay. Mặt khác cơ chế và tiêu chí để lựa chọn cán bộ lãnh đạo trước đây đã bất cập. Cách bầu chọn cán bộ lãnh đạo theo lối kinh điển sẽ dẫn đến một thực trạng là chỉ chọn ra được những cán bộ nhàn nhàn, trung bình khá,

chứ chưa thể chọn ra cán bộ lãnh đạo xuất sắc được. Hai là, câu chuyện "đục nước béo cò" đang tồn tại ở nhiều huyện, xã và một số nơi khác. Một lớp người giàu không chính đáng được "mọc" lên đến ngõ ngách, xem ra thì có "dây" có "dợ" cả đấy. Nếu tài cán thực sự như một số doanh nhân thì đáng tôn vinh lắm, đảng này chỉ bán "cô ta", bán "quy hoạch"... thôi mà tiền vàng, đô-la tiêu xài như đốt tiền âm phủ.

Đấy, tôi chỉ dẫn hai ví dụ, còn nhiều chuyện nói ra sợ ông không muốn nghe... và

những chuyện đại loại như vậy ông có biết không. Tôi gắng hỏi Kh: Kh. vẫn chậm rãi nói: *Tôi biết*. Không kìm nén được nữa tôi bật dậy, ông biết mà ông không nói à. Ông im lặng sao? Cái cốt cách *khảng khái* ngày xưa của ông nó bị nhận chìm rồi sao? Kh. im lặng một lát rồi lại thủng thẳng nói. Ông tưởng ông biết, té ra ông lại là người không biết. Cuộc sống đã dạy: biết mà "không biết" như vậy mới gọi là biết!

Lòng nặng trĩu, tôi rời khỏi nhà Kh. và tự hỏi: có biết bao nhiêu cán bộ biết mà "không biết" như vậy? □

SINH HOẠT CHI BỘ...

(Tiếp theo trang 54)

cơ sở và thông báo cho đảng viên biết trước để chuẩn bị ý kiến. Bí thư chi bộ căn cứ vào nội dung của chi ủy đã chuẩn bị, chọn một vài nội dung trọng tâm để thảo luận ra nghị quyết. Khi nêu vấn đề công tác, cấp ủy phải có đầy đủ luận cứ cho từng nội dung một cách sát đúng với thực tế nhiệm vụ chính trị của đơn vị mình, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của tổ chức đảng và phải căn cứ vào nghị quyết của cấp ủy cấp trên trực tiếp. Việc chuẩn bị nghị quyết và ra nghị quyết của chi bộ phải hết sức cụ thể, gắn rõ trách nhiệm tới từng tổ đảng, từng đảng viên, người phụ trách và phải có mốc thời gian hoàn thành. Nếu không phân công rõ ràng, không định rõ thời gian cụ thể, người chịu trách nhiệm chung, dễ tạo ra sự hời hợt và gây khó khăn trong việc tổ chức thực hiện cũng như việc kiểm tra, đôn đốc.

Năm là, người điều hành cuộc họp phải có tác phong khoa học, tránh sa vào những vụ việc sự vụ. Người chủ trì cuộc sinh hoạt phải nắm vững mục đích, nội dung sinh hoạt để chủ động điều hành một cách khoa học. Tùy nội dung và hình thức sinh hoạt cụ thể, người chủ trì cuộc họp sinh hoạt lựa chọn phương pháp điều hành cho thích hợp, thời gian tương xứng. Các vấn đề qua dân chủ trao đổi, bàn luận, phải được kết luận. Làm tốt điều này, vừa phát huy được trí tuệ tập thể, vừa giữ gìn được sự đoàn kết nhất trí trong nhận thức và hành động của mỗi đảng viên trong chi bộ, củng cố đoàn kết nội bộ, giáo dục rèn luyện, nâng cao phẩm chất đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên, vừa tạo nên không khí sinh hoạt chân tình, cởi mở, thẳng thắn đồng chí. Đó là một bí quyết thành công của sinh hoạt chi bộ. Những công việc này phải được thực hiện thông qua sinh hoạt đảng và có như vậy, nghị quyết của chi bộ, nghị quyết của Đảng mới được thực hiện nghiêm túc, mang lại kết quả cao. □



SÁNG TẠO LÝ LUẬN TRONG QUÁ TRÌNH CẢI CÁCH, MỞ CỬA, HIỆN ĐẠI HÓA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở TRUNG QUỐC

NGUYỄN HUY QUÝ *

THÀNH tựu của công cuộc cải cách, mở cửa, hiện đại hóa ở Trung Quốc trong hơn 25 năm qua gắn liền với những sáng tạo về lý luận trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, đối ngoại v.v.. Trong đó, có bốn vấn đề quan trọng là lý luận về chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc; kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa; nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; xây dựng Đảng cầm quyền.

Xây dựng chủ nghĩa xã hội là sự nghiệp mới mẻ, sáng tạo lý luận về xây dựng chủ nghĩa xã hội là một quá trình khó khăn và lâu dài, phải được tiến hành trên cơ sở tổng kết thực tiễn và kiểm nghiệm qua thực tiễn, như cách nói ở Trung Quốc là "dò đá qua sông". Quá trình hiện đại hóa xã hội chủ nghĩa ở Trung Quốc dự tính phải trải qua khoảng 100 năm; chặng đường đó đến nay mới đi được khoảng một nửa. Những lý luận sáng tạo trong thời gian qua còn phải tiếp tục kiểm nghiệm qua thực tiễn, và thực tiễn của công cuộc cải cách, hiện đại hóa xã hội chủ nghĩa cũng đặt ra nhiều vấn đề lý luận cần tiếp tục nghiên cứu. Tuy vậy, những thành tựu sáng tạo lý luận của Đảng Cộng sản Trung Quốc trong thời gian qua là một đóng góp quan trọng vào lý luận về chủ nghĩa xã hội.

I. LÝ LUẬN VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI ĐẶC SẮC TRUNG QUỐC

Trong diễn từ khai mạc Đại hội XII Đảng Cộng sản Trung Quốc (tháng 9-1982), Đặng Tiểu Bình lần đầu tiên đề xuất vấn đề này: "Công cuộc xây dựng hiện đại hóa của chúng ta phải xuất phát từ thực tế Trung Quốc. Trong cách mạng cũng như trong xây dựng, phải tham khảo học tập kinh nghiệm của nước ngoài. Nhưng dập khuôn theo kinh nghiệm, mô hình nước khác, từ trước tới nay đều không thể thành công. Về mặt này, chúng ta đã có không ít bài học. Kết hợp những chân lý phổ biến của chủ nghĩa Mác với thực tế cụ thể của nước ta, đi con đường của mình, xây dựng chủ nghĩa xã hội mang đặc sắc Trung Quốc, đó là kết luận của chúng ta đúc rút được từ tổng kết kinh nghiệm lịch sử lâu dài" ⁽¹⁾.

Kết hợp những chân lý phổ biến của chủ nghĩa Mác với thực tiễn cụ thể của đất nước là quan điểm của nhiều đảng cộng sản đã khẳng định từ trước. Nhưng xây dựng chủ nghĩa xã hội "mang đặc sắc" của nước mình là một quan

* PGS, Viện Khoa học Xã hội Việt Nam

(1) *Đặng Tiểu Bình văn tuyển*, quyển 3, Nxb Nhân Dân, Bắc Kinh, 1993, tr 2 - 3 (Tiếng Trung)

điểm lý luận mới đề xuất của Đảng Cộng sản Trung Quốc từ khi chuyển sang cải cách. Đặc điểm nổi bật nhất của Trung Quốc khi bước vào xây dựng chủ nghĩa xã hội là vừa trải qua chế độ nửa thực dân, nửa phong kiến, chưa qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, lạc hậu về kinh tế, chính trị, văn hóa. Do đó, đặc sắc nổi bật của chủ nghĩa xã hội ở Trung Quốc là phải trải qua một "giai đoạn đầu", với nhiệm vụ chiến lược là "hiện đại hóa". Nghị quyết của Đại hội XIII Đảng Cộng sản Trung Quốc (tháng 7-1987) cho rằng: "Giai đoạn đầu của chủ nghĩa xã hội... không phải là giai đoạn mà bất cứ nước nào cũng phải trải qua khi bắt đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội, mà là giai đoạn nhất định nước ta phải trải qua, vì chúng ta xây dựng chủ nghĩa xã hội trong điều kiện sản xuất lạc hậu, kinh tế hàng hóa chưa phát triển...."

Giai đoạn đầu của chủ nghĩa xã hội ở nước ta là giai đoạn thoát khỏi lạc hậu, là giai đoạn từ một nước nông nghiệp chiếm đa số, lao động thủ công là chủ yếu, từng bước trở thành một nước công nghiệp hiện đại, dân số phi nông nghiệp chiếm đa số, là giai đoạn từ kinh tế tự nhiên chiếm tỷ lệ rất lớn, tiến tới nền kinh tế hàng hóa phát triển cao độ, là giai đoạn qua cải cách và thử nghiệm, xây dựng một thể chế kinh tế, chính trị, văn hóa xã hội chủ nghĩa đầy sức sống" (2).

Trong quá trình Trung Quốc hóa chủ nghĩa Mác - Lê-nin, Mao Trạch Đông đã đưa ra lý luận về "xã hội chủ nghĩa dân chủ mới", nhưng từ năm 1953, Trung Quốc chuyển sang xây dựng chủ nghĩa xã hội theo mô hình Xô-viết.

Do không giải quyết được vấn đề lý luận về con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội ở các nước chưa trải qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, Đảng Cộng sản Liên Xô đã từng phạm sai lầm khi cho rằng Liên Xô xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và mục tiêu trong vòng 10 - 15 năm là quá độ lên chủ nghĩa cộng sản. Đảng Cộng sản Trung Quốc cũng đã từng

phạm sai lầm trong những năm tiến hành "phong trào tiến vọt" và "công xã nhân dân" chủ trương xây dựng thành công chủ nghĩa cộng sản chỉ trong mấy năm.

Lý luận "Giai đoạn đầu của chủ nghĩa xã hội" ở Trung Quốc chủ trương, nhiệm vụ đầu tiên của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Trung Quốc là phải tiến hành hiện đại hóa đất nước trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa. Đặng Tiểu Bình cho rằng "nhiệm vụ căn bản nhất của giai đoạn xã hội chủ nghĩa là phát triển sức sản xuất... và trên cơ sở phát triển sức sản xuất, không ngừng cải thiện đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân... Nghèo đói không phải là chủ nghĩa xã hội, càng không phải là chủ nghĩa cộng sản" (3). Trong tổng cương của Điều lệ hiện hành của Đảng Cộng sản Trung Quốc cũng cho rằng lý tưởng tối cao về chủ nghĩa cộng sản mà những người cộng sản Trung Quốc theo đuổi chỉ có thể thực hiện được trên cơ sở xã hội xã hội chủ nghĩa phát triển đầy đủ và đạt trình độ cao.

Tóm lại, lý luận về "giai đoạn đầu của chủ nghĩa xã hội" chủ trương Trung Quốc phải tiến hành hiện đại hóa đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, khắc phục tình trạng lạc hậu về kinh tế, chính trị, văn hóa của một đất nước vừa thoát khỏi chế độ nửa thực dân, nửa phong kiến, chưa trải qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Đó là một nhiệm vụ lịch sử trọng đại, một giai đoạn lịch sử lâu dài, dự kiến sẽ hoàn thành vào giữa thế kỷ XXI, 100 năm sau khi thành lập Nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa. Mọi đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước Trung Quốc trong thời gian đó phải được hoạch định trên cơ sở lý luận về giai đoạn đầu của chủ nghĩa xã hội.

(2) *Tuyển tập văn kiện Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc*, Nxb Trường Đảng Trung ương, Bắc Kinh, 1994, tr 364 (Tiếng Trung)

(3) *Đặng Tiểu Bình: Văn tuyển*, quyển 3: *Sổ*, tr 62 - 63

II. LÝ LUẬN VỀ KINH TẾ THỊ TRƯỜNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Từ khi chuyển sang cải cách, mở cửa (năm 1978), Trung Quốc đã từng bước xóa bỏ thể chế kinh tế kế hoạch tập trung để tiến tới thể chế kinh tế thị trường. Nhưng về lý luận, trong hơn 10 năm đầu cải cách (1978 - 1992), Trung Quốc vẫn chưa hình thành lý luận về kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa, chưa đưa ra đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa.

Kinh tế kế hoạch tập trung là thể chế kinh tế truyền thống đã được thực thi ở Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác trước đây. Thể chế kinh tế kế hoạch tập trung đã có vai trò tích cực nhất định trong những năm đầu mới thành lập Nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa. Nhưng do có nhiều khiếm khuyết và tồn tại quá lâu, nó trở nên xơ cứng, ngăn cản sự phát triển của nền kinh tế quốc dân và tình hình chính trị - xã hội nói chung của đất nước. Sau khi chuyển sang cải cách, mở cửa, "Nghị quyết của Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc về cải cách thể chế kinh tế" (thông qua tại Hội nghị Trung ương 3, khóa XII, ngày 20-10-1984) đã phân tích những khiếm khuyết của kinh tế kế hoạch tập trung trước đây, chủ trương xây dựng "nền kinh tế hàng hóa có kế hoạch xã hội chủ nghĩa trên cơ sở chế độ công hữu". Đại hội XIV Đảng Cộng sản Trung Quốc (tháng 10-1992) đã quyết định mục tiêu của cải cách thể chế kinh tế ở Trung Quốc là nhằm xây dựng nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa. Đó là một quyết định có ý nghĩa vô cùng quan trọng về mặt lý luận và đã được kiểm nghiệm qua thực tiễn của công cuộc phát triển kinh tế, xây dựng hiện đại hóa ở Trung Quốc trong nhiều năm qua.

Trong một thời gian rất dài trước đó, các học giả tư sản cũng như những học giả mác-xít đều cho rằng kinh tế thị trường là hình thức kinh tế riêng của chủ nghĩa tư bản, rằng kinh tế thị trường chỉ có thể hình thành trên cơ sở chế

độ tư hữu về tài sản, phủ nhận kinh tế thị trường có thể tồn tại và phát triển trong chế độ xã hội chủ nghĩa.

Đặng Tiểu Bình đã có quan điểm khác. Từ năm 1979, năm đầu tiên chuyển sang cải cách, Đặng Tiểu Bình đã phát biểu: "Nói kinh tế thị trường chỉ tồn tại trong xã hội tư bản chủ nghĩa, chỉ có kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa, sự khẳng định đó là không chính xác; Chủ nghĩa xã hội vì sao không thể làm kinh tế thị trường, làm kinh tế thị trường không thể nói là chủ nghĩa tư bản" (4). Đầu những năm 90 của thế kỷ XX, ở Trung Quốc đã có cuộc tranh luận rất sôi nổi và gay gắt xoay quanh chủ đề kinh tế thị trường. Vấn đề đặt ra là phải chăng thực thi kinh tế thị trường là đi con đường tư bản chủ nghĩa? Nói cách khác, kinh tế thị trường có thể phù hợp với chủ nghĩa xã hội không? Giữa lúc đó, trong chuyến "tuần du phương Nam" mùa xuân năm 1992, Đặng Tiểu Bình đã phát biểu dứt khoát: "Kế hoạch nhiều hơn một ít hay thị trường nhiều hơn một ít không phải là sự khác nhau về bản chất giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản. Kinh tế kế hoạch không có nghĩa là chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa tư bản cũng có kế hoạch. Kinh tế thị trường không có nghĩa là chủ nghĩa tư bản, chủ nghĩa xã hội cũng có thị trường. Kế hoạch và thị trường đều là biện pháp kinh tế. Bản chất của chủ nghĩa xã hội là giải phóng sức sản xuất, phát triển sức sản xuất, tiêu diệt bóc lột, xóa bỏ phân hóa hai cực, cuối cùng đạt tới cùng giàu có" (5). Xây dựng kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa là một quá trình tìm tòi, sáng tạo về lý luận, bởi kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa một mặt mang bản chất của kinh tế thị trường nói chung, mặt khác phải phù hợp với giai đoạn đầu của chủ nghĩa xã hội ở Trung Quốc. Đại hội XV Đảng Cộng sản Trung Quốc là một bước đột phá trong lý luận về chế độ sở hữu. Đại hội đã chủ

(4) Đặng Tiểu Bình: Văn tuyển, quyển 2, Nxb Nhân Dân, Bắc Kinh, 1994, tr 236 (Tiếng Trung)

(5) Đặng Tiểu Bình: Văn tuyển, quyển 3: Sđd, tr 373

trường "điều chỉnh và hoàn thiện kết cấu chế độ sở hữu", "chế độ công hữu đóng vai trò chủ thể, kinh tế thuộc nhiều chế độ sở hữu cùng phát triển" là chế độ kinh tế cơ bản của Trung Quốc trong giai đoạn đầu của chủ nghĩa xã hội, cần đa dạng hóa các hình thức thực hiện chế độ công hữu, còn kinh tế phi công hữu được định vị là "bộ phận cấu thành quan trọng" của nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa ở Trung Quốc. Nghị quyết của Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc về một số vấn đề hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa" (thông qua tại Hội nghị Trung ương 3, khóa XVI ngày 14-10-2003) là một bước tiến mới quan trọng trong sáng tạo lý luận về kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa. Nhằm củng cố phát triển kinh tế công hữu, Nghị quyết đã chủ trương thúc đẩy nhiều hình thức thể hiện có hiệu quả của chế độ công hữu..., làm cho chế độ cổ phần trở thành hình thức thể hiện chủ yếu của chế độ công hữu. Đặc biệt, Nghị quyết nhấn mạnh việc ra sức phát triển và tích cực hướng dẫn kinh tế phi công hữu; kinh tế phi công hữu như kinh tế cá thể, kinh tế tư doanh v.v.. là lực lượng quan trọng thúc đẩy sức sản xuất xã hội của Trung Quốc phát triển.

Thành tựu phát triển kinh tế - xã hội của Trung Quốc trong hơn 25 năm qua kể từ khi chuyển sang kinh tế thị trường, đã chứng minh tính đúng đắn của những sáng tạo lý luận về kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa. Tuy nhiên, nhiều vấn đề thực tiễn trong quá trình hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa nói riêng và hoàn thành công cuộc hiện đại hóa đất nước nói chung đang chờ đợi giới nghiên cứu Trung Quốc tiếp tục có những sáng tạo về lý luận.

III. LÝ LUẬN VỀ NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Trung Quốc xây dựng chủ nghĩa xã hội trong điều kiện chưa trải qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, cũng có nghĩa là chưa

trải qua quá trình dân chủ hóa, cho dù là dân chủ tư sản. Do vậy, trong giai đoạn đầu của chủ nghĩa xã hội, đồng thời với việc hoàn thành nhiệm vụ hiện đại hóa nền kinh tế, Trung Quốc còn phải tiến hành công cuộc dân chủ hóa nền chính trị.

Thế nhưng, thực hiện dân chủ xã hội chủ nghĩa thông qua hình thức nhà nước nào, đó là vấn đề trước đây chưa được giải quyết thấu đáo về mặt lý luận. C.Mác, Ph.Ăng-ghe-n đã phê phán kịch liệt tính giả dối của "pháp quyền tư sản", cho đó chỉ là vật che đậy cho tội ác áp bức bóc lột của giai cấp tư sản. C.Mác và Ph.Ăng-ghe-n đã chỉ rõ, trong thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa cộng sản, phải thiết lập nền chuyên chính vô sản, nhưng do dự đoán đó chỉ là một thời kỳ ngắn, nên chưa đi sâu nghiên cứu cụ thể trong điều kiện chuyên chính vô sản, giai cấp vô sản phải quản lý nhà nước như thế nào. Còn sau khi chủ nghĩa cộng sản đã thay thế chủ nghĩa tư bản thì giai cấp sẽ bị triệt tiêu, có nghĩa là cơ sở giai cấp của pháp luật sẽ bị triệt tiêu, do vậy pháp luật cũng sẽ tiêu vong cùng với nhà nước, dân chủ v.v.. Sau khi thiết lập nhà nước vô sản đầu tiên trên thế giới, V.I. Lê-nin đã coi trọng việc xây dựng pháp chế. Nhưng tư tưởng pháp chế của Lê-nin về sau đã không được phát triển và thực sự đi vào đời sống chính trị ở Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác, thậm chí nhiều người còn cho rằng "pháp quyền" là đặc trưng của nhà nước tư sản, trái với bản chất của nhà nước vô sản. Quan điểm đó đã tạo cơ sở cho tệ sùng bái cá nhân và chính trị độc đoán. Ở Trung Quốc, phong trào "cách mạng văn hóa" đã chà đạp lên pháp luật, thủ tiêu tận gốc các quyền tự do dân chủ mới được xác lập trong những năm đầu của Nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa. Công cuộc cải cách, hiện đại hóa làm cho nền dân chủ xã hội chủ nghĩa non trẻ ở Trung Quốc không những được hồi sinh mà còn được phát triển lên giai đoạn xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Nghị quyết của Đại hội XV Đảng Cộng sản Trung Quốc (năm 1997) nói rõ: "Quản lý đất nước bằng pháp luật, có nghĩa là quảng đại quần chúng nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng, căn cứ vào những quy định trong Hiến pháp và luật pháp thông qua nhiều con đường và hình thức, quản lý công việc của đất nước, sự nghiệp kinh tế văn hóa, các công việc xã hội, bảo đảm mọi công tác của Nhà nước đều được tiến hành theo pháp luật, từng bước thực hiện chế độ hóa, pháp luật hóa nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, làm cho những chế độ và luật pháp đó không thay đổi do thay đổi lãnh đạo, không thay đổi do sự thay đổi quan điểm và mức độ quan tâm của lãnh đạo".

Nghị quyết của Đại hội XV Đảng Cộng sản Trung Quốc đã trình bày một cách toàn diện và súc tích các vấn đề lý luận về nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Trung Quốc: chủ thể của quản lý đất nước bằng pháp luật là quảng đại quần chúng nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng; khách thể của quản lý đất nước bằng pháp luật là công việc của Nhà nước, các sự nghiệp kinh tế, văn hóa, các công việc xã hội; căn cứ để quản lý đất nước bằng pháp luật là bảo đảm cho các mặt công tác của Nhà nước đều được tiến hành theo pháp luật; phương thức quản lý đất nước bằng pháp luật là nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng thông qua nhiều con đường và phương thức để quản lý đất nước. Đảng Cộng sản Trung Quốc còn chủ trương kết hợp quản lý đất nước bằng luật pháp với quản lý đất nước bằng đạo đức. Nguyên Tổng Bí thư Giang Trạch Dân cho rằng: "Trong công việc quản lý đất nước, quản lý bằng pháp luật và quản lý bằng đạo đức từ trước tới nay luôn bổ sung cho nhau, thúc đẩy lẫn nhau... quản lý theo pháp luật là thuộc lĩnh vực chính trị, văn minh chính trị, quản lý theo đạo đức là thuộc lĩnh vực tư tưởng, văn minh tinh thần. Đó là hai phạm trù khác nhau, nhưng cùng có vị trí chức năng rất quan trọng" ⁽⁶⁾.

Lý luận về quản lý đất nước bằng pháp luật, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ

nghĩa là một sáng tạo quan trọng của Đảng Cộng sản Trung Quốc trong quá trình lãnh đạo công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa. Tuy nhiên, cải cách thể chế chính trị ở Trung Quốc còn đứng trước những nhiệm vụ nặng nề và còn phải giải quyết nhiều vấn đề lý luận về xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, nhất là vấn đề mối quan hệ giữa Đảng lãnh đạo với Nhà nước và các đảng phái, tổ chức đoàn thể chính trị, mối quan hệ giữa các cơ quan quyền lực lập pháp, hành pháp, tư pháp trong hệ thống chính trị pháp quyền xã hội chủ nghĩa v.v..

IV. LÝ LUẬN VỀ XÂY DỰNG ĐẢNG

Những thành tựu của quá trình cải cách, hiện đại hóa của Trung Quốc gắn liền với sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản. Sở dĩ Đảng Cộng sản Trung Quốc đảm nhiệm được trọng trách lãnh đạo công cuộc cải cách hiện đại hóa là nhờ Đảng đã phấn đấu tự thân để trưởng thành, trong đó sáng tạo về lý luận xây dựng Đảng có vai trò quan trọng hàng đầu.

Chủ nghĩa Mác - Lê-nin đã chỉ rõ tính tiên phong, vai trò lãnh đạo và những nguyên tắc cơ bản về xây dựng chính đảng vô sản. Nhưng những thay đổi to lớn, sâu sắc trong tình hình quốc tế và ở Trung Quốc trong hơn một thế kỷ qua, nhất là trong mấy chục năm qua đòi hỏi Đảng Cộng sản Trung Quốc phải giải quyết một loạt vấn đề lý luận xoay quanh chủ đề: trong điều kiện lịch sử mới phải xây dựng một đảng như thế nào và làm thế nào để xây dựng một đảng như thế?

Trong những năm cách mạng văn hóa, đường lối "lấy đấu tranh giai cấp làm cương lĩnh" và phương châm xây dựng Đảng như một "đảng cách mạng" chứ không phải là một "đảng cầm quyền" là một sai lầm lớn, đã được Đảng

(6) Bài phát biểu của Chủ tịch Giang Trạch Dân tại Hội nghị tuyên huấn toàn quốc, *Nhân Dân nhật báo*, ngày 22-2-2001 (Tiếng Trung)

Cộng sản Trung quốc khắc phục qua quá trình lãnh đạo công cuộc cải cách, mở cửa, hiện đại hóa. Sáng tạo lý luận về xây dựng Đảng của Đảng Cộng sản Trung Quốc trong thời gian qua thể hiện rõ nhất trong việc đề xuất tư tưởng "Ba đại diện", trả lời câu hỏi "phải xây dựng một đảng như thế nào", và trong việc đề xuất lý luận về xây dựng năng lực cầm quyền của Đảng, trả lời câu hỏi "làm thế nào để xây dựng một đảng như thế".

Trong chuyến thăm và làm việc tại Quảng Đông (tháng 2-2000), Tổng Bí thư Giang Trạch Dân đã phát biểu: "Tổng kết lịch sử hơn 70 năm qua của Đảng ta có thể rút ra một kết luận quan trọng, đó là: sở dĩ Đảng ta được sự ủng hộ của nhân dân là vì Đảng ta là đội tiên phong của giai cấp công nhân Trung Quốc, qua các thời kỳ lịch sử cách mạng, xây dựng, cải cách, luôn luôn đại diện cho yêu cầu phát triển sức sản xuất tiên tiến Trung Quốc, đại diện cho phương hướng tiến lên của nền văn hóa tiên tiến Trung Quốc, đại diện cho lợi ích căn bản của quần chúng nhân dân đông đảo nhất của Trung Quốc, thông qua hoạch định những đường lối, phương châm, chính sách đúng đắn, phấn đấu không mệt mỏi cho lợi ích căn bản của đất nước và nhân dân"⁽⁷⁾. Đại hội XVI Đảng Cộng sản Trung Quốc đã khẳng định quán triệt tư tưởng "Ba đại diện" là gốc để xây dựng Đảng, là nền tảng để cầm quyền, là ngọn nguồn sức mạnh của Đảng, và lấy "tư tưởng quan trọng ba đại diện" làm kim chỉ nam hành động ngang tầm với chủ nghĩa Mác-Lê-nin, tư tưởng Mao Trạch Đông và lý luận Đặng Tiểu Bình. Nhằm giữ vững tính giai cấp và mở rộng cơ sở quần chúng của Đảng, Điều lệ sửa đổi thông qua tại Đại hội XVI Đảng Cộng sản Trung Quốc khẳng định: "Đảng Cộng sản Trung Quốc là đội tiên phong của giai cấp công nhân Trung Quốc, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân Trung Quốc và dân tộc Trung Hoa, là hạt nhân

lãnh đạo công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc"⁽⁸⁾.

"Nghị quyết của Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc về tăng cường xây dựng năng lực cầm quyền của Đảng" (thông qua tại Hội nghị Trung ương 4 khóa XVI ngày 19-9-2004) là một văn kiện quan trọng phản ánh sáng tạo lý luận về xây dựng Đảng cầm quyền. Đảng Cộng sản Trung Quốc cho rằng trong bối cảnh quốc tế và trong nước hiện nay, việc tăng cường xây dựng năng lực cầm quyền của Đảng có tầm quan trọng và tính cấp bách đặc biệt. "Đây là vấn đề chiến lược trọng đại liên quan đến sự hưng vong thành bại của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Trung Quốc, liên quan đến vận mệnh, tiền đồ của dân tộc Trung Hoa, liên quan đến sự sống chết, tồn vong của Đảng và sự ổn định lâu dài của đất nước"⁽⁹⁾.

Mục tiêu chung của việc tăng cường xây dựng năng lực cầm quyền của Đảng là nhằm gắn bó máu thịt giữa Đảng với nhân dân một cách khoa học, dân chủ, sáng tạo, đạt hiệu quả cao, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, để lãnh đạo toàn dân xây dựng đất nước giàu mạnh, dân tộc chấn hưng, xã hội hài hòa, nhân dân hạnh phúc. Nhiệm vụ cụ thể là Đảng phải quán triệt quan điểm coi phát triển là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu, không ngừng nâng cao năng lực điều khiển nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa; quán triệt phương châm Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, quản lý đất nước theo pháp luật, nâng cao năng lực phát triển chính trị dân chủ xã hội chủ nghĩa; quán triệt

(Xem tiếp trang 71)

(7) *Cương lĩnh vĩ đại tăng cường toàn diện công tác xây dựng Đảng*, Nxb Nhân Dân, Bắc Kinh, 2000, tr 4-5 (Tiếng Trung)

(8) *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XVI Đảng Cộng sản Trung Quốc*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2003, tr 100

(9) "Nghị quyết của Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc về việc tăng cường xây dựng năng lực cầm quyền của Đảng", *Nhân Dân nhật báo*, 19-9-2004 (Tiếng Trung)

TỪ HỘI NGHỊ CẤP CAO TOÀN CẦU LIÊN HỢP QUỐC ĐẾN VẤN ĐỀ ĐÓI NGHÈO TRÊN THẾ GIỚI

TRẦN TRỌNG

VỪA qua, Hội nghị cấp cao toàn cầu của Liên hợp quốc đã được tổ chức. Có thể nói, đây là dịp tốt để xem xét lại các mục tiêu thiên niên kỷ do Hội nghị thượng đỉnh lần thứ nhất đề ra từ năm 2000 và vấn đề cải tổ Liên hợp quốc trong tình hình mới.

Với sự hợp mặt đông đủ đầy thiện chí của các nhà lãnh đạo của 175 nguyên thủ quốc gia và các tổ chức quốc tế, dư luận tiến bộ đặt nhiều hy vọng vào Hội nghị, chờ đợi ở đó nhiều kết luận, phán quyết đúng đắn có tầm lịch sử trước nhiều vấn đề bức xúc của thời đại khi thế giới đang bắt đầu bước vào thế kỷ XXI. Sau nhiều ngày thảo luận và nhiều cuộc tiếp xúc, Hội nghị cấp cao toàn cầu đã kết thúc với những kết quả chưa mỹ mãn như nhân dân các nước mong đợi và còn để lại nhiều vấn đề gay cấn mà lẽ ra với vai trò và trách nhiệm cao của mình, Hội nghị có thể làm tốt hơn. Nhưng dù sao cũng phải thừa nhận rằng những đồng thuận và cam kết đã đạt được đều có tầm quan trọng nhất định.

Kết quả lớn nhất có thể gọi là thành công của Hội nghị cấp cao toàn cầu của Đại hội đồng Liên hợp quốc 2005 là sự đồng thuận thông qua văn kiện cuối cùng của Hội nghị, trong đó những người đứng đầu các quốc gia

và chính phủ trên thế giới khẳng định quyết tâm xây dựng một thế giới hòa bình, thịnh vượng và dân chủ. Hội nghị cam kết sẽ tiếp tục thực hiện thắng lợi các mục tiêu thiên niên kỷ đã đề ra từ năm 2000.

Gọi là thành công vì ý nghĩa nội dung sự khẳng định mạnh mẽ đó về cơ bản không những phù hợp với các mục tiêu cao cả của thời đại, với nguyện vọng chính đáng, thiết tha của nhân dân các nước mà còn là ở chỗ trong tuyên bố cuối cùng của Hội nghị hứa hẹn nỗ lực tìm ra và thực hiện các giải pháp theo tinh thần đa phương cho những thách thức cụ thể. Đó là những thách thức trong 4 lĩnh vực quan trọng của thế giới ngày nay là: phát triển; hòa bình và an ninh tập thể; nhân quyền và luật pháp; củng cố và kiện toàn tổ chức Liên hợp quốc.

Một nội dung quan trọng trong tuyên bố cuối cùng là sự cam kết giảm đói nghèo, quyết tâm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, phát triển bền vững vì lợi ích của nhân dân các nước. Hội nghị cam kết tự do hóa buôn bán đa phương, bình đẳng, khuyến khích đầu tư vào các nước đang phát triển, không phân biệt đối xử... Hội nghị cũng phê phán và lên án mạnh mẽ chủ nghĩa khủng bố dưới mọi hình thức và hy vọng sắp tới có thể đạt được một công

ước toàn diện về chống chủ nghĩa khủng bố quốc tế.

Trên một tầm nhìn tổng quát, tuyên bố cuối cùng của Hội nghị vẫn khẳng định lòng tin vào tổ chức Liên hợp quốc và cam kết tiếp tục thực hiện các mục tiêu và nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hợp quốc, coi đó là nền tảng quan trọng thiết yếu để kiến tạo một thế giới hòa bình, an ninh, công bằng và thịnh vượng. Từ đó ghi nhận rằng phải cải tổ Liên hợp quốc, trong đó cải tổ Hội đồng Bảo an là trung tâm của các nỗ lực để làm cho cơ quan quyền lực này mang tính đại diện rộng lớn, minh bạch, dân chủ hơn và nhất là phải có hiệu quả hơn.

Hội nghị cấp cao toàn cầu lần này đã đề cập nhiều và cam kết rộng đối với các vấn đề cơ bản quan trọng của thế giới đương đại. Có thể đó là cơ sở mà nhiều người đánh giá là thành công nhưng là thành công hạn chế, bởi phần lớn những nội dung hứa hẹn và cam kết đó chỉ dừng lại ở chỗ được nêu lên như những mục tiêu, khẩu hiệu mang tính hô hào, kêu gọi hơn là những tiêu chí và biện pháp để đạt tới. Đó là chưa kể nhiều vấn đề quan trọng khác vì bất đồng quá lớn nên phải gác lại.

Cũng cần nói rõ thêm rằng Hội nghị cấp cao toàn cầu là một diễn đàn chung của toàn thế giới chứ không phải của một tổ chức, một câu lạc bộ hoặc một khu vực lục địa. Đây vừa là nơi gặp gỡ của những tư tưởng lớn, vừa là nơi hội tụ nhiều lợi ích và quan điểm khác nhau, thậm chí mâu thuẫn và chống đối nhau. Tuy nhiên, Hội nghị đã đạt được những điểm tương đồng thống nhất. Nói vậy hoàn toàn không có nghĩa vì thế mà phải hạ thấp yêu cầu Hội nghị xuống, cắt xén các nội dung quan trọng cấp bách phải bàn thành nghị quyết hành động, dễ dàng thỏa hiệp với những yêu sách đòi trì hoãn bàn bạc và quyết định một số vấn đề rất bức xúc mà dư luận tiến bộ đang đòi hỏi trong điều kiện thực trạng phức tạp của

tình hình quốc tế từ đầu thế kỷ đến nay đang nóng lên từng ngày.

* *
*

Cách đây hơn 5 năm - vào năm 2000, Hội nghị cấp cao toàn cầu đã họp để đánh giá tình hình trước những thách thức và hiểm họa mới, đề ra các tiêu chí quan trọng gọi là "các mục tiêu thiên niên kỷ". Mục tiêu của Hội nghị là trong vòng 15 năm, từ 2001 đến 2015, đạt phổ cập giáo dục tiểu học; giảm tỷ lệ tử vong của trẻ sơ sinh; tăng cường sức khỏe sinh sản phụ nữ; giữ vững an ninh và phát triển; ngăn chặn đại dịch HIV/AIDS; giảm tổng số người đói nghèo của toàn thế giới xuống còn một nửa; chống ô nhiễm môi trường...

Đến nay, thế giới đã đi được 1/3 thời gian của chặng đường thực hiện các mục tiêu đó. Đáng ra, một nội dung rất quan trọng mà Hội nghị cấp cao toàn cầu lần này phải làm là đánh giá một cách nghiêm túc chặng đường 5 năm qua, các mục tiêu thiên niên kỷ đó đã được thực hiện như thế nào. Đáng tiếc là trong chương trình nghị sự chính thức không có nội dung đó (tuy rằng trong tham luận của một số đoàn đại biểu có nói đến kết quả thực hiện ở quốc gia mình về các mục tiêu ấy). Bất luận nguyên nhân hoặc lý do nào, đó vẫn là một khiếm khuyết lớn không thể biện hộ. Thực ra, nếu điểm lại một cách đầy đủ và thật khách quan thì thực chất của toàn bộ vấn đề sẽ lộ rõ đằng sau những nguyên nhân và lý do nào đó. Trong phạm vi bài này, chỉ xin đề cập đến mục tiêu giảm đói nghèo của thế giới xuống còn một nửa, từ đây cũng có thể rút ra được những kết luận đáng suy nghĩ.

Trong thế giới toàn cầu hóa, sự phân cực giàu nghèo diễn ra nhanh chóng và sâu rộng. Còn nhớ, tại Hội nghị thượng đỉnh thế giới về phát triển bền vững, được tổ chức tại Giô-han-ne-xbóc (Nam Phi) năm 2002, thu nhập bình

quân đầu người ở các nước giàu cao gấp 37 lần so với mức bình quân ở các nước nghèo nhất. Đến tháng 12-2004, vẫn theo số liệu của Liên hợp quốc, thu nhập bình quân đầu người ở các nước giàu nhất đã vượt quá 57.000 USD, còn mức bình quân ở các nước nghèo nhất chỉ còn 86 USD. Nghĩa là, sự chênh lệch giàu nghèo đã tăng vọt từ 37 lần lên 666 lần. Ở Hội nghị lần trước, số nước nghèo nhất mới là 28 thì nay đã lên đến 49 nước. Một số liệu khác cho thấy, ở các nước phát triển, để hỗ trợ cho nông nghiệp, người ta trợ cấp cho mỗi con bò 2,44 USD/ngày. Và, theo số liệu mới nhất hiện nay, ở các nước nghèo nhất như Buốc-ki-na Pha-xô, thu nhập bình quân đầu người chỉ là 0,38 USD/ngày. Tức là mức trợ cấp cho một con bò ở các nước giàu cao gấp 6 lần mức sống bình quân của một người dân ở các nước nghèo nhất. Sự phân cực giàu nghèo ngày càng lớn như vậy cho thấy trong thế giới toàn cầu hóa, các nước nghèo đang bị cuốn vào vòng xoáy của một quá trình bản cùng hóa khó cưỡng lại. Tại sao mục tiêu giảm đói nghèo xuống một nửa mà Liên hợp quốc đề ra khó thực hiện? Hãy xem xét trường hợp châu Phi, lục địa với một kho tài nguyên quý trong lòng đất, bao gồm 51% tổng lượng kim cương, 25% tổng lượng vàng và 12% tổng lượng dầu mỏ của cả thế giới. Thế nhưng, phần lớn các nước ở đây lại xếp hàng đầu trong danh sách các nước nghèo nhất thế giới.

Theo số liệu của Liên minh châu Phi, mỗi ngày ở châu lục này có 30.000 người chết, đa phần là chết bệnh và chết đói. Các nước châu Phi và các nước nghèo ở lục địa khác đã bị đẩy vào quá trình bản cùng hóa. Điều nghịch lý là nhiều viện trợ nhân đạo cho các nước nghèo đều là từ các nước giàu. Mới đây, chương trình lương thực thế giới của Liên hợp quốc (WFP) phải ra lệnh ngừng ngay cứu trợ 16.000 tấn lương thực cho Ê-ti-ô-pi-a vì phát hiện ra rằng số lương thực này gây nguy hại cho sức khỏe. Thì ra, đằng sau tấm lòng vàng

từ thiện đó không chỉ là thói ích kỷ cá nhân, mà là nạn ích kỷ cấp quốc gia của các nước giàu!

Từ tháng 7-2005, theo đề xuất của Thủ tướng Anh Tô-ný Ble, nguyên thủ các nước giàu nhất hăng hái đi tiên phong trong công cuộc giảm đói nghèo nhất trí tuyên bố "xóa 100%" và "xóa ngay lập tức" 55 tỉ USD tiền nợ cho 38 nước nghèo nhất thế giới, phần lớn là các nước châu Phi (thực ra chỉ có 40 tỉ cho 18 nước thôi). Tuy nhiên, phần lớn các nước giàu thuộc nhóm G7 tốt bụng kia là những nước từ xưa từng khoác áo thực dân cũ, thực dân mới, thậm chí còn là "bạn bè thân hữu", đã thẳng tay cướp bóc, vợ vét, chiếm đoạt làm cho các nước nghèo cùng kiệt, trở thành những con nợ ngày càng nặng do "lãi mẹ đẻ lãi con" chồng chất. Câu hỏi đặt ra là: "đòn xóa nợ" kia là cái gì vậy? Tại sao đến bây giờ người ta mới chìa cái miếng "bánh đúc có xương" kia ra? Để giúp các nước đó giảm đói nghèo chẳng? Dư luận châu Phi cho rằng "đòn xóa nợ" của G7 đâu phải chỉ để giảm nghèo cho các nước nghèo mà còn để giành giật thị trường.

Từ khi nổ ra chiến tranh I-rắc (năm 2003) và cuộc chiến chống khủng bố toàn cầu, giá dầu mỏ trên thế giới liên tục tăng. Một trong những nguyên nhân tăng giá dầu là hoạt động đầu cơ của các tập đoàn dầu mỏ quốc tế lớn. Báo chí châu Âu vừa tiết lộ, chỉ riêng quý I năm 2005, tập đoàn *Total* của Pháp (đứng hàng thứ tư) thu lãi ròng 6,37 tỉ Ô-rô từ dầu mỏ, lợi nhuận tăng 44% so với cùng kỳ năm 2004. Vừa qua, có nước ra lệnh đóng cửa sứ quán của họ ở Thủ đô Ri-át của Ả rập Xê-út trong 2 ngày vì sợ khủng bố. Thế là giá dầu tăng vọt lên mức kỷ lục. Mấy ngày trôi qua, khủng bố không có, nhưng các tập đoàn dầu mỏ lớn vớ hàng trăm triệu USD. Việc Liên hợp quốc "sẽ trừng phạt I-ran" cũng có tác dụng như thế. Trong lúc đó, hàng mấy chục

nước đang phát triển và chậm phát triển vì vậy mà buộc phải tiếp tục cắt giảm các khoản ngân sách, y tế, giáo dục, văn hóa và phúc lợi xã hội để bù giá năng lượng mà vẫn không đủ. Ở In-đô-nê-xi-a, tiền trợ giá nhiên liệu năm 2004 đã là 7,4 tỉ USD và đầu năm nay còn phải tăng thêm 2,8 tỉ USD. Các nước nghèo chỉ thêm kiệt quệ. Còn các tập đoàn lớn "hốt bạc" kia là của ai thì đã rõ.

Qua những diễn biến của tình hình quốc tế mấy năm gần đây cũng như những gì được phản ánh trong và ngoài Hội nghị cấp cao toàn cầu lần này, có thể rút ra được những điều gì?

1 - Trên thế giới đang nổi lên nhiều vấn đề có khả năng dẫn tới nhiều nguy cơ và hiểm họa. Có thể tạm chia các vấn đề đó thành 3 loại.

- Loại do thiên nhiên gây ra, con người phải đối phó hoàn toàn thụ động. Đó là những trận động đất, sóng thần, bão lụt, nắng nóng, với cường độ mạnh, sức tàn phá khủng khiếp, thời gian kéo dài... mà xưa nay hiếm có.

- Loại do các dịch bệnh lây lan nhanh cho người và gia súc, gia cầm như SARC, H5N1, bò điên, đại dịch HIV/AIDS...

- Loại do chính con người gây ra như: xung đột, chiến tranh, khủng bố, nghèo đói, tai nạn... với thiệt hại lớn và hậu quả rất nghiêm trọng. Thế giới đang có 14 cuộc xung đột vũ trang và chiến tranh, trong đó có cuộc kéo dài trên 30 năm. Hiện có 2 cuộc từ cuối năm 2001 đến nay (Áp- ga-ni-xtan và I- rắc) lôi cuốn 38 quốc gia ở cả 5 châu lục và 1 khối quân sự lớn nhất (NATO) tham gia. Nạn khủng bố càng ngày diễn biến phức tạp và phát triển nhanh. Theo một thống kê, năm 2003 toàn thế giới có 1.217 vụ thì năm 2004 tăng trên 1.800 vụ.

Nhiều ý kiến cho rằng những tổn thất từ những vấn đề đó, đặc biệt là từ những vấn đề thuộc loại thứ 3 - loại hoàn toàn do con người gây ra, có thể giảm thiểu được nhiều hơn nữa,

thậm chí đến mức thấp nhất, nhưng con người đã không làm để hạn chế thiệt hại. Một trong những nguyên nhân quan trọng là do không sớm kiên quyết tích cực cải tổ Liên hợp quốc, tổ chức quản lý cao nhất của thế giới, để cho nó bị thao túng, mất hiệu lực, không đủ sức làm đúng chức năng và trách nhiệm trong một thời gian khá dài.

Một số nhà quan sát cho rằng, quả là sai lầm nếu nghĩ Liên hợp quốc chỉ đơn thuần là một diễn đàn ngoại giao, bởi ở đó đã và đang diễn ra một cuộc đấu tranh rất quyết liệt. Vừa có một lời tuyên bố được phát ra từ một trung tâm quyền lực nọ: "Ai làm chủ được Liên hợp quốc, người đó sẽ làm chủ được cả thế giới"!

2 - Phải nhìn thẳng vào thực tế, không phải để bi quan và né tránh, mà là để dám đương đầu với những bức xúc và thách thức đang đặt ra. Điều quan trọng là phải xem xét tình hình một cách tổng quát, tránh cái nhìn phiến diện. Cần thấy rằng trong thời gian qua, nhất là từ đầu năm đến nay, đã xuất hiện nhiều nhân tố mới, tích cực.

Đó là trong công cuộc xóa đói nghèo ở từng quốc gia cũng như giữa các cộng đồng quốc gia với nhau đã có nhiều cách làm tốt. Việc trợ cấp vốn, đào tạo nghề, tạo công ăn việc làm, chống thất nghiệp... ở nhiều nước như Việt Nam, Trung Quốc, Ấn Độ và nhiều nước châu Phi, tuy cách làm có khác nhau nhưng đều mang lại nhiều kết quả và kinh nghiệm tốt.

Trong tình hình giá xăng dầu liên tục tăng làm cho nhiều nước nghèo lao đao, thì một số nước đã đưa ra những chủ trương giảm nghèo, như việc Vê-nê-xu-ê-la quyết định tự nguyện giảm 40% giá xăng dầu cung cấp cho các nước láng giềng Nam Mỹ; Nam Phi quyết định chi 23 triệu USD viện trợ lương thực nhân đạo cho 7 nước láng giềng trong cộng đồng phát triển miền Nam châu Phi; Cu-ba tự

nguyện giúp đào tạo cho các nước Mỹ La-tinh và Ca-ri-bê hàng ngàn chuyên gia y tế phục vụ cho chương trình chăm sóc sức khỏe, chống dịch bệnh... Những việc làm này được dư luận rộng rãi hết sức hoan nghênh, không phải chỉ trong phạm vi hoạt động cứu trợ nhân đạo mà cả trong hợp tác giúp đỡ nhau phát triển kinh tế, thương mại như giữa các nước Á-rập với nhóm các nước Mỹ La-tinh... Tinh thần đoàn kết, hợp tác và phát triển còn được chủ động mở rộng giữa các nước lớn như Nga, Trung Quốc, Ấn Độ,..., không chỉ trong các lĩnh vực văn hóa, thông tin, khoa học - kỹ thuật mà còn mở rộng sang các lĩnh vực quan trọng khác như chống khủng bố, an ninh và quốc phòng, hình thành những khuôn khổ hợp tác đa phương. Cần nhận thấy rằng đây là một xu hướng đang phát triển nhanh, hoàn toàn phù hợp với một trong những quy luật đặc trưng của toàn cầu hóa. Và, trên thực tế, có thể nói do tác động phát triển của xu hướng đó mà chủ nghĩa đơn phương trên nhiều lĩnh vực đang có sự co lùi hoặc chững lại.

3 - Nhìn lại chặng đường 60 năm tồn tại của Liên hợp quốc có thể rút ra nhiều điều thiết thực. Một trong những điều quan trọng đó, xét cho cùng, là bài học kiên trì đấu tranh không khoan nhượng của các quốc gia, dân tộc mà các hội nghị, diễn đàn chỉ là nơi phản ánh. Một trong những bằng chứng đó là khoản 40 tỉ USD xóa nợ. Đó không chỉ hoàn toàn do thiện chí của các nước giàu. Còn nhớ, suốt nhiều năm nay đã có hàng trăm cuộc biểu tình chống toàn cầu hóa của hàng chục triệu người ở hàng chục nước, kể cả ở các nước phát triển. Đó là một sức ép mạnh mà các nước giàu không thể coi thường. Một tờ báo châu Phi đã viết: "Nếu được xóa nợ thì một trong những người chúng ta phải mang ơn là họ (tức là những người biểu tình). Không được quên điều đó"! □

SÁNG TẠO LÝ LUẬN...

(Tiếp theo trang 66)

vai trò chỉ đạo của chủ nghĩa Mác trong lĩnh vực hình thái ý thức, nâng cao năng lực xây dựng nền văn hóa tiên tiến xã hội chủ nghĩa; phát huy mọi nhân tố tích cực, nâng cao năng lực xây dựng xã hội hài hòa xã hội chủ nghĩa; quán triệt chính sách ngoại giao hòa bình độc lập tự chủ, nâng cao năng lực ứng phó với tình hình quốc tế và xử lý các vấn đề quốc tế; thúc đẩy toàn diện công tác xây dựng Đảng, trọng điểm là nâng cao năng lực cầm quyền của Đảng.

Tóm lại, trong hơn 25 năm tiến hành cải cách, mở cửa, hiện đại hóa đất nước, Đảng Cộng sản Trung Quốc rất coi trọng công tác sáng tạo lý luận và đã đạt nhiều thành tựu trong lĩnh vực này, nhất là trong việc đề xuất lý luận về chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc, lý luận về kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa, nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và về xây dựng Đảng cầm quyền. Những sáng tạo lý luận đó đã đặt cơ sở khoa học cho việc hoạch định các đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, thu được những thành tựu to lớn trong công cuộc cải cách, mở cửa, hiện đại hóa đất nước Trung Quốc trong hơn 25 năm qua. Tuy nhiên, những sáng tạo lý luận đó còn phải được tiếp tục phát triển và được kiểm nghiệm qua thực tiễn. Đồng thời, công cuộc xây dựng hiện đại hóa xã hội chủ nghĩa cũng đòi hỏi giới lý luận Trung Quốc tiếp tục sáng tạo, giải quyết những vấn đề mới của thực tiễn.

Do bối cảnh lịch sử, công cuộc cải cách ở Trung Quốc và công cuộc đổi mới ở Việt Nam có nhiều điểm tương đồng. Những sáng tạo lý luận trong quá trình cải cách, hiện đại hóa xã hội chủ nghĩa ở Trung Quốc có ý nghĩa tham khảo đối với giới lý luận ở Việt Nam trong quá trình giải quyết các vấn đề lý luận đáp ứng yêu cầu của thực tiễn công cuộc đổi mới trong giai đoạn hiện nay. □

HỘI THẢO KHOA HỌC - THỰC TIỄN: BẢY MƯƠI LĂM NĂM CÔNG TÁC DÂN VẬN CỦA ĐẢNG

NHÂN kỷ niệm 75 năm Ngày truyền thống công tác dân vận của Đảng (15-10-1930 - 15-10-2005), ngày 6-10-2005, tại Hà Nội, Ban Dân vận Trung ương đã tổ chức Hội thảo khoa học - thực tiễn: "Bảy mươi lăm năm công tác dân vận của Đảng". Dưới sự chủ trì của đồng chí Tổng Thị Phóng, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Dân vận Trung ương, gần 100 đại biểu gồm các đồng chí lãnh đạo, các nhà khoa học, các chuyên viên nghiên cứu ở trung ương và địa phương tham gia Hội thảo và đóng góp ý kiến về công tác dân vận của Đảng trong 75 năm qua, nhất là trong thời kỳ đổi mới.

Báo cáo đề dẫn tại Hội thảo của đồng chí Tổng Thị Phóng nêu rõ: "Bảy mươi lăm năm qua, công tác dân vận của Đảng Cộng sản Việt Nam đã để lại những kinh nghiệm lãnh đạo, những bài học có ý nghĩa lý luận và thực tiễn trong công tác vận động quần chúng. Công tác dân vận của Đảng đã góp phần tăng cường mối quan hệ máu thịt giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân, phát huy tính tích cực sáng tạo của nhân dân tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước trong sạch vững mạnh, xây dựng hệ thống chính trị của đất nước, đáp ứng đòi hỏi của thực tiễn và yêu cầu nhiệm vụ ở từng giai đoạn cụ thể của cách mạng". Đồng chí nhấn mạnh: "Trong suốt hai mươi năm thực hiện đường lối đổi mới, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn coi đổi mới và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quần chúng, giữ vững mối liên hệ mật thiết giữa Đảng và nhân dân là nhân tố quyết định thắng lợi của công cuộc đổi mới và toàn bộ sự nghiệp cách mạng. Xác định rõ nhiệm vụ chính trị đó, Đảng và Nhà nước ta luôn coi công tác vận động, tổ chức quần chúng tham gia công việc cách mạng là vấn đề chiến lược xuyên suốt mọi thời kỳ cách mạng, góp phần vào thắng lợi to lớn của đất nước".

Sau Báo cáo đề dẫn Hội thảo, các đại biểu đã phát biểu tham luận và đóng góp nhiều ý kiến sâu sắc, tập trung vào một số vấn đề quan trọng sau đây:

Một là, nêu bật những bài học kinh nghiệm về công tác dân vận của Đảng trong từng giai đoạn của cách mạng nước ta, nhất là những bài học về công tác vận động quần chúng trong hai mươi năm thực hiện đường lối đổi mới.

Hai là, nghiên cứu, học tập, vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về công tác dân vận trong các giai đoạn cách mạng nhất là trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Ba là, những vấn đề quan trọng trong nội dung và phương thức công tác dân vận của hệ thống chính trị nước ta trong các thời kỳ cách mạng.

Bốn là, đề xuất, gợi mở một số định hướng và giải pháp nhằm tăng cường công tác dân vận của Đảng trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

PV

SƠ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TỈNH VINH PHÚC

ĐỊA CHỈ: PHƯỜNG ĐỒNG ĐÀ- THỊ XÃ VINH YÊN- TỈNH VINH PHÚC

ĐIỆN THOẠI: 0211.862480



Tại công ty
Toyota Việt Nam



Trưởng mẫn non
Hoa Hồng tỉnh



Sản xuất hàng xuất khẩu tại công ty may
Hương Canh (Binh Xuyên)

Nhiệm kỳ 2003-2005 của chi bộ Sở Kế hoạch và Đầu tư được thực hiện trong không khí toàn Đảng, toàn dân, toàn quân đang ra sức thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, lập thành tích chào mừng các ngày lễ lớn năm 2005. Cụ thể như sau:

CÔNG TÁC XÂY DỰNG QUY HOẠCH, KẾ HOẠCH:

☆ Cơ quan đã tham gia góp ý vào nhiều dự thảo về chính sách, luật của nhà nước, về cơ chế quản lý và về các dự án, đề án phát triển kinh tế lớn của tỉnh. Hoàn thành tốt việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2004, 2005 của tỉnh.

☆ Tham gia đánh giá, tổng kết 20 năm phát triển các thành phần kinh tế trên địa bàn tỉnh...

CÔNG TÁC QUẢN LÝ VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN VÀ CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU:

☆ Sở đã tham mưu, đề xuất với UBND tỉnh nhiều biện pháp nhằm quản lý tốt và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư phát triển, đã thẩm định trình UBND tỉnh phê duyệt trên 350 dự án.

☆ Hướng dẫn các chủ đầu tư triển khai các thủ tục về đầu thầu đảm bảo không vi phạm các qui định của Nhà nước.

CÔNG TÁC ĐĂNG KÝ KINH DOANH, SẮP XẾP ĐỐI MỐI DOANH NGHIỆP:

☆ Sở đã cấp đăng ký kinh doanh mới cho gần 800 doanh nghiệp, thay đổi, bổ sung nội dung ĐKKD cho trên 800 lượt doanh nghiệp với tổng số vốn gần 2.600 tỉ đồng.

☆ Đã tiến hành sắp xếp, chuyển đổi sở hữu được 18 DNNN.

CÔNG TÁC KINH TẾ ĐỐI NGOẠI:

☆ Đã và đang chủ động tích cực vận động thu hút các dự án ODA, NGO vào các lĩnh vực công cộng như cấp thoát nước, xử lý nước thải, rác thải, đào tạo nghề...

CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG:

☆ Công tác giáo dục chính trị tư tưởng luôn được chi bộ quan tâm và được coi là công việc thường xuyên nên đã có những chuyển biến tích cực.

☆ 100% đảng viên và gia đình chấp hành tốt chỉ thị, nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

☆ Kết nạp được 4 đảng viên mới.

MỤC TIÊU CHỦ YẾU NHIỆM KỲ 2005-2008:

☆ Làm tốt công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ, đảng viên.

☆ Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chính trị được giao.

☆ Xây dựng chi bộ trong sạch vững mạnh các năm trong cả nhiệm kỳ.

☆ Phấn đấu kết nạp được 3-5 đảng viên mới.

CÁC THÀNH TÍCH TIÊU BIỂU:

☆ HUÂN CHƯƠNG LAO ĐỘNG HẠNG BA: NĂM 1995

☆ HUÂN CHƯƠNG LAO ĐỘNG HẠNG NHÌ: NĂM 2000

☆ NHIỀU BẰNG KHEN, CỜ THI ĐUA CÁC CẤP



Giám đốc
NGUYỄN VĂN LẠI



VNPT

BƯU ĐIỆN TỈNH VINH PHÚC

ĐỊA CHỈ: PHƯỜNG NGÔ QUYỄN- THỊ XÃ VINH YÊN- TỈNH VINH PHÚC
ĐIỆN THOẠI: 0211 861 799 * FAX: 0211 844 006

Giám đốc: NGUYỄN VĂN THÀNH

Bưu điện Vĩnh Phúc là đơn vị duy nhất cung cấp đầy đủ các dịch vụ Bưu chính - Viễn thông truyền thống trên địa bàn, như: Điện thoại cố định, di động trong nước, quốc tế, Internet: (1260, 1268, 1269), PHBC, tiết kiệm, thư, điện chuyển tiền, chuyển phát nhanh (EMS), điện hoa. Bưu điện Vĩnh Phúc còn cung cấp các dịch vụ mới tiện ích cho khách hàng đặc biệt là các khách hàng là doanh nghiệp. Với mạng lưới 28 bưu cục, 123 điểm BĐVHX, 6 đại lý đa dịch vụ phủ rộng đến 100% số xã, phường trong tỉnh, sẵn sàng phục vụ nhu cầu của quý khách.

CÁC DỊCH VỤ BƯU CHÍNH MỚI

- Dịch vụ EMS thỏa thuận xuống đến các điểm bưu điện văn hóa xã.
- Dịch vụ khai giá.
- Dịch vụ phát trong ngày (PTN).
- Dịch vụ bưu chính ủy thác.
- Dịch vụ phát hành thu tiền (COD).

CÁC DỊCH VỤ VIỄN THÔNG MỚI

- Dịch vụ Internet Mega - VNN tốc độ cao.
- Dịch vụ Thuê kênh riêng mọi loại hình tốc độ.
- Voip 171, 1719 trong nước, quốc tế.
- Các dịch vụ giá trị gia tăng của tổng đài.

MegaVNN

ĐIỆN HOA

1719

CTN

EMS

171

VINAPHONE

PTN

CARDPHONE

Bưu điện tỉnh Vĩnh Phúc rất hạnh phúc được phục vụ Quý khách

CÔNG TY XỔ SỐ KIẾN THIẾT VINH PHÚC

ĐỊA CHỈ: PHƯỜNG LIÊN BẢO, THỊ XÃ VINH YÊN, TỈNH VINH PHÚC
ĐIỆN THOẠI: 0211.362 467



Giám đốc
 NGUYỄN VĂN TIÊM



Phụng dưỡng Bà mẹ Việt Nam anh hùng
 (mẹ Nguyễn Thị Lan, thị trấn Yên Lạc, huyện Yên Lạc)

Công ty Xổ số Kiến thiết Vinh Phúc là doanh nghiệp Nhà nước. Quyết định thành lập số 197/QĐ/UBND ngày 15 - 12 - 1997 của Chủ tịch UBND tỉnh.

- ☛ Là doanh nghiệp được giao nhiệm vụ phát hành các loại vé xổ số kiến thiết như: vé xổ số truyền thống, vé xổ số cao, vé xổ số lô tô, vé xổ số bốc, vé xổ số gắn với chương trình mục tiêu do UBND tỉnh quyết định.
- ☛ Từ khi thành lập đến nay công ty luôn nhận được sự quan tâm của Tỉnh ủy, UBND và sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng ủy, Ban giám đốc Sở Tài chính cùng với sự giúp đỡ của các cấp các ngành, công ty đã không ngừng củng cố và phát triển nâng cao hiệu quả kinh doanh đóng góp ngày càng nhiều hơn cho ngân sách, cụ thể: năm 2000 doanh thu 2.579 triệu đồng, nộp ngân sách 608 triệu đồng; năm 2002 doanh thu 15.075 triệu đồng, nộp ngân sách 2.403 triệu đồng; năm 2004 doanh thu 29.107 triệu đồng, nộp ngân sách 5.700 triệu đồng.
- ☛ Năm 2004, bình quân mỗi cán bộ công ty nộp ngân sách hơn 200 triệu đồng và được cấp trên ghi nhận những thành tích bằng các phần thưởng như: được UBND tỉnh tặng Bằng khen trong nhiều năm liền; trong năm 2004 nhận 2 Bằng khen của UBND tỉnh, Bằng khen của Hội khuyến học trung ương và Bằng khen của Bộ Tài chính.
- ☛ Có được những thành tích trên là nhờ sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp lãnh đạo cùng với sự đoàn kết nhất trí cao trong đơn vị, nâng cao đời sống cán bộ cho công nhân viên.
- ☛ Tham gia tích cực các hoạt động văn hóa - văn nghệ, thể dục - thể thao, tăng cường đối thoại, công khai tài chính, tạo không khí thân tình trong đơn vị.
- ☛ Phối hợp chặt chẽ với các ngành nội chính trong công việc triển khai chống số để tăng doanh thu bán vé xổ số, mở rộng mạng lưới đại lý bán vé rộng khắp trên địa bàn toàn tỉnh.
- ☛ Phát huy những thành tích đã đạt được, công ty Xổ số Kiến thiết Vinh Phúc phấn đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ nộp ngân sách tỉnh giao năm 2005.



CÔNG TY XỔ SỐ KIẾN THIẾT TỈNH ĐẮK NÔNG

Địa chỉ: 46 Lý Thường Kiệt- thị trấn Gia Nghĩa- tỉnh Đắk Nông * Điện thoại: (050) 544 832- 544 831

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN TẠI CÁC TỈNH- TP:

Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam,
Bình Định, Ninh Thuận, Phú Yên, Khánh Hòa,
Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lak.



Giám đốc: **NGUYỄN BÁ SONG**

CÔNG TY XỔ SỐ KIẾN THIẾT TỈNH ĐẮK NÔNG

Kính chào Quý khách



Công ty Xổ số Kiến thiết tỉnh Đắk Nông là một doanh nghiệp mới thành lập, thương hiệu vé Đắk Nông còn mới mẻ, tuy có nhiều khó khăn nhưng cũng đầy triển vọng. Kính mong quý khách hãy đến và ủng hộ Xổ số Kiến thiết tỉnh Đắk Nông.

Công ty Xổ số Kiến thiết tỉnh Đắk Nông chính thức phát hành vé Xổ số Kiến thiết, vé Xổ số bốc, vé Xổ số cào của tỉnh Đắk Nông từ ngày 01/01/2005.

Thứ bảy nhớ mua vé Xổ số Kiến thiết tỉnh Đắk Nông, Quý khách sẽ có cơ hội trở thành tỷ phú nhanh nhất.

CHÚC QUÝ KHÁCH MAY MẮN.

Xổ số Kiến thiết, ích nước lợi nhà!



ỦY BAN MẶT TRẬN TỔ QUỐC TỈNH HÀ NAM

ĐỊA CHỈ: ĐƯỜNG LÝ THÁI TỔ - THỊ XÃ PHỦ LÝ

ĐIỆN THOẠI 0351 857 452 * FAX 0351 852 801 * EMAIL mattarantoquoc@hna.dcs.vn



Quốc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư" và cuộc vận động "Ngày vì người nghèo" do Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam chủ trì phát động. Đã được các cấp, các ngành, MTTQ, các tổ chức thành viên và đông đảo các tầng lớp nhân dân trong tỉnh tích cực tham gia thực hiện, mang lại kết quả quan trọng, đóng góp tích cực vào việc thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp và nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng, xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở trên địa bàn tỉnh. Nhiều tập thể và cá nhân điển hình xuất hiện trong các phong trào thi đua yêu nước, trong quá trình thực hiện hai cuộc vận động, là tấm gương sáng để các cấp Mặt trận và các tầng lớp nhân dân học tập.

Thông qua các cuộc vận động, các hoạt động đến ơn, đáp nghĩa của nhân dân được duy trì và mở rộng ở các khu dân cư với những việc làm cụ thể phong phú, sâu sắc để chăm lo cho người có công với nước. 10 năm qua, nhân dân toàn tỉnh đã đóng góp vào quỹ "Đền ơn đáp nghĩa" số tiền 11,116 tỉ đồng; xây mới 806 nhà tình nghĩa trị giá 5,1 tỉ đồng, sửa chữa 840 nhà trị giá 2,7 tỉ đồng, tặng các hộ chính sách 7.696 sổ tiết kiệm trị giá 1,41 tỉ đồng. Đã vận động các tầng lớp nhân dân đóng góp hàng chục tỉ đồng và hàng ngàn ngày công cùng với Nhà nước xây dựng và nâng cấp các nghĩa trang liệt sỹ; các hộ gia đình chính sách được quan tâm giúp đỡ, đến nay 100% số hộ gia đình có mức sống trung bình trở nên, không còn hộ chính sách nghèo.

10 năm qua, nhân dân đã cảm hóa, giáo dục được 1.076 người vi phạm pháp luật trong đó 727 người đã tiến bộ tái hòa nhập cộng đồng, đạt 67,5%. Qua thực tiễn 10 năm đã khẳng định về tổ chức thực hiện cuộc vận động vai trò, vị trí của Mặt trận Tổ quốc các cấp được nâng cao, đội ngũ cán bộ MTTQ các cấp được nâng cao, đội ngũ cán bộ MTTQ các cấp được rèn luyện và trưởng thành, nhiệm vụ được phân công cụ thể hơn, đến nay toàn tỉnh có 1.296 Ban công tác Mặt trận được củng cố và đi vào hoạt động thường xuyên, trong đó có 1.106 Ban công tác Mặt trận hoạt động tốt. Vai trò hạt nhân lãnh đạo của các chi bộ Đảng ở khu dân cư và tính tiên phong gương mẫu của từng đảng viên được đề cao, quan hệ giữa Đảng với nhân dân gần bó hơn, ở nhiều khu dân cư, chi bộ Đảng đã lấy việc thực hiện các nội dung cuộc vận động làm nội dung sinh hoạt hằng tháng, coi đó là tiêu chuẩn để bình xét phân loại đảng viên.

Tổng kết thực tiễn từ cơ sở qua 10 năm thực hiện cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư", 5 năm cuộc vận động "Ngày vì người nghèo", xuất hiện nhiều nhân tố mới, nhiều điển hình tiên tiến, nhiều tập thể và cá nhân đạt thành tích xuất sắc trong 2 cuộc vận động được suy tôn, biểu dương khen thưởng, đã chứng tỏ sức sống, tầm quan trọng, tính hiệu quả và sự thu hút của hai cuộc vận động đối với toàn xã hội nói chung và cộng đồng khu dân cư nói riêng.



TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH ĐẮK LẮK



Địa chỉ: Số 1, đường Nguyễn Lương Bằng- P.Tân Hòa- TP. Buôn Ma Thuột- Đắk Lắk * Điện thoại: (050) 865 307

Trường Chính trị tỉnh Đắk Lắk, thành lập theo quyết định số 36/QĐ - UB ngày 21-01-1994 của UBND tỉnh Đắk Lắk.

- Nhiệm vụ đào tạo: Trung cấp lý luận chính trị; trung cấp quản lý nhà nước; bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ chủ chốt xã, phường, thị trấn, phòng, ban cấp huyện, sở, ngành cấp tỉnh.

- Hằng năm, nhà trường đào tạo khoảng 300-500 học viên tốt nghiệp trung cấp lý luận chính trị; 100-150 học viên trung cấp quản lý nhà nước; bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ từ 1.200-1.500 cán bộ chủ chốt ở cơ sở.

- Tổng số CBCNV nhà trường có 52 đồng chí, 100% cán bộ giảng viên có trình độ đại học (trong đó có 09 thạc sĩ, 01 tiến sĩ).

Do có nhiều thành tích trong đào tạo, bồi dưỡng cán bộ nhất là đổi ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số, trường Chính trị tỉnh Đắk Lắk đã được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba, được Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh tặng nhiều bằng khen và cờ thưởng.

XÍ NGHIỆP XÂY DỰNG TOÀN THIỆN

ĐC: Số 10 Lê Hồng Phong - thị xã Kon Tum - tỉnh Kon Tum

Điện thoại: 060.862510 - Fax: 060.863089

Giám đốc: **LÊ NGỌC TOÀN**

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ:

★ **Xí nghiệp xây dựng Toàn Thiện** chuyên xây dựng các công trình dân dụng - công nghiệp.

★ **Với** đội ngũ cán bộ kỹ thuật và công nhân có tay nghề cao, mọi công trình do xí nghiệp thi công đều đảm bảo chất lượng và thời gian theo yêu cầu của chủ đầu tư.

UY TÍN - CHẤT LƯỢNG - TIẾN ĐỘ

Là phương châm hoạt động của XÍ NGHIỆP TOÀN THIỆN

ĐỊA CHỈ: ĐẠI LỘ BÌNH DƯƠNG - P. PHÚ THỌ - TX. THỦ DẦU MỘT

ĐỊA CHỈ: ĐAI LÔ BÌNH DƯƠNG - P. PHÚ THỌ - TX. THỦ DẦU MỘT



AGRIBANK



NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM

THẺ RÚT TIỀN TỰ ĐỘNG
ATM Agribank



AGRIBANK

AGRIBANK
Thỏa mãn sự kỳ vọng của bạn

Mọi thông tin chi tiết xin Quý khách tham khảo trên Website www.agribank.com.vn hoặc 2.000 chi nhánh Agribank trong cả nước sẽ được giải đáp và hướng dẫn chi đạo với phương châm "Agribank mang niềm thịnh đến với Khách hàng".

Mọi thông tin chi tiết xin Quý khách tham khảo trên Website: www.agribank.com.vn hoặc 2.600 chi nhánh Agribank trong cả nước sẽ được giải đáp và hướng dẫn chi đạo với phương châm "Agribank mang thiên tình đến với khách hàng".

TRỤ SỞ CHÍNH: SỐ 2 LĂNG HÀ, BA DÌNH, HÀ NỘI
(84-4) 8134 140/8131 733 Fax: (84-4) 8131 719/8131 709 Telex: 811-822 VBA VT
SWIFT: VSAI/VNVT Email: vnai@vnai.vn www.vnai.vn

TRUNG TÂM THỂ AGRI-BANK

Website: www.agribank.com.cn
Email: Customer@ahd.com

Agribank mang phồn thịnh đến với khách hàng



CÔNG TY XI MĂNG HẢI PHÒNG

BAN QLDA XI MĂNG HẢI PHÒNG (MỚI)

CÔNG TY XI MĂNG HẢI PHÒNG

BAN QLDA XI MĂNG HẢI PHÒNG (MỚI)

Địa chỉ: TT Minh Đức - Thủy Nguyên - Hải Phòng
Tel: 031 875 356 * Fax: 031 875 374



NHÀ MÁY XI MĂNG HẢI PHÒNG
MỚI CÔNG SUẤT 1,4 TRIỆU
TẤN/NĂM, CÔNG NGHỆ HIỆN ĐẠI
CỦA ĐAN MẠCH.



SẢN PHẨM CỦA NHÀ MÁY NHÃN
HIỆU TRUYỀN THỐNG CON
RỒNG XANH PCB 30 VÀ PCB 40
VÀ CÁC CHỦNG LOẠI XI MĂNG
ĐẶC BIỆT KHÁC BẢO ĐẢM CHẤT
LƯỢNG TỐT NHẤT, ĐÁP ỨNG
CHO MỌI CÔNG TRÌNH XÂY
DỰNG

ĐỊA CHỈ: TT MINH ĐỨC -
THỦY NGUYÊN - HẢI PHÒNG
TEL: 031 875 356 * FAX: 031 875 374

PHÓ GIÁM ĐỐC
KIỂM TRƯỞNG BAN QLDA

HỒ THẾ KHIÊM

SỞ TÀI CHÍNH VINH PHÚC

ĐỊA CHỈ: PHƯỜNG ĐỒNG ĐÀ, THỊ XÃ VINH YÊN, TỈNH VINH PHÚC

ĐIỆN THOẠI: 0211. 862 502



Giám đốc
NGUYỄN VĂN QUỐC

Sau gần 20 năm đổi mới, nhất là từ khi tái lập tỉnh (ngày 1-1-1997), và đặc biệt là từ năm 2001 đến năm 2005, công việc đổi mới trong lĩnh vực tài chính ngân sách đã thu được nhiều kết quả quan trọng. Cụ thể là:

1. Tiềm lực tài chính ngân sách địa phương ngày càng được củng cố và tăng cường.

- Tổng thu NSNN năm 2004 trên địa bàn đạt 2.359 tỉ, đóng góp cho ngân sách trung ương 14%, đến năm 2005 thu NSNN trên địa bàn Vĩnh Phúc sẽ đạt 3.000 tỉ đồng.
- Tỷ lệ động viên vào NSNN đạt 28,1% GDP
- Cơ cấu thu NSNN đã từng bước vững chắc hơn, thu nội địa dần chiếm ưu thế. Năm 2005 thu nội địa tăng lên tới 1.558 tỉ đồng, bằng 13,3 lần năm 1993.

2. Hệ thống chính sách động viên tài chính

- Hệ thống cơ chế chính sách, pháp luật về tài chính ngân sách tiếp tục được đổi mới theo hướng tạo môi trường đầu tư và môi trường kinh doanh thuận lợi.
- Trong 5 năm 2001-2005, tỷ trọng vốn đầu tư toàn xã hội bình quân đạt 40% GDP, vượt mục tiêu đại hội.
- Chính sách thuế có nhiều đổi mới quan trọng bảo đảm tính công bằng, tạo môi trường kinh doanh bình đẳng, thuận lợi giữa 3 lợi ích (nhà nước, nhà đầu tư, người lao động), tăng khả năng tài chính cho đơn vị kinh tế.

3. Cơ cấu phân phối và sử dụng nguồn lực tài chính

- Tổng cộng chi NSDP giai đoạn 2001-2005 là 5.798 tỉ, bình quân chi hằng năm là 1.159 tỉ.
- Bình quân chi hằng năm đạt trên 40%, là tỉnh có tỷ trọng chi đầu tư phát triển đạt cao so với cả nước.

4. Tài chính doanh nghiệp được đổi mới, từng bước hình thành cơ chế tài chính thống nhất đối với mọi loại hình doanh nghiệp.

5. Quản lý tài chính trong lĩnh vực sự nghiệp và tài sản công và chi tiêu hành chính nhà nước đã được chú trọng

6. Thị trường tài chính bước đầu được hình thành, thị trường dịch vụ tài chính có bước phát triển.

MỤC TIÊU TÀI CHÍNH- NGÂN SÁCH GIAI ĐOẠN 2006-2010

- 1- Tập trung huy động vốn đầu tư phát triển xã hội, trung bình trên 40% GDP
- 2- Tỷ trọng huy động vốn ngân sách đầu tư phát triển trung bình trên 30% tổng chi NSDP
- 3- Tỷ lệ huy động từ GDP vào NSNN trung bình cho cả giai đoạn 28-30%
- 4- Chi thường xuyên ở mức 65-70% tổng chi NSDP
- 5- Vay nợ không vượt quá 30% vốn XDCB tập trung hàng năm công lại của NSDP
- 6- Đảm bảo mức chi cho giáo dục đào tạo và khoa học công nghệ.

Với dự kiến thu NSNN năm 2005 Vĩnh Phúc đứng thứ 10 của cả nước và là một trong 10 tỉnh thành phố của cả nước có số thu NSNN đạt 3.000 tỷ đồng trở lên đã đưa Vĩnh Phúc lên vị thế mới ở trong nước trên các lĩnh vực đặc biệt là phát triển kinh tế- ngân sách và giáo dục.



Đô thị văn minh Cộng đồng nhân văn

Có một đô thị hạ tầng hoàn chỉnh, đường phố rộng rãi cây xanh râm bóng, công viên khắp nơi, điện cáp ngầm... thượng tầng kiến trúc hài hòa, không gian đô thị có định hướng.

Nhịp sống bắt đầu ngay từ bên ngoài, cộng đồng nhân văn có ý thức về môi sinh, láng giềng có không gian giao tiếp, trẻ tung tăng nô đùa... niềm hạnh phúc hiện diện từ những điều tưởng chừng bình dị nhất nhưng khó tìm ở nơi khác...



Giá trị môi trường và cộng đồng nhân văn nuôi dưỡng và phát triển nhân cách trẻ thơ... Nơi đây, an cư lý tưởng



Một công trình đã tạo ra việc làm cho hàng chục ngàn lao động và nâng cao giá trị cả vùng đất phía Nam TP.HCM

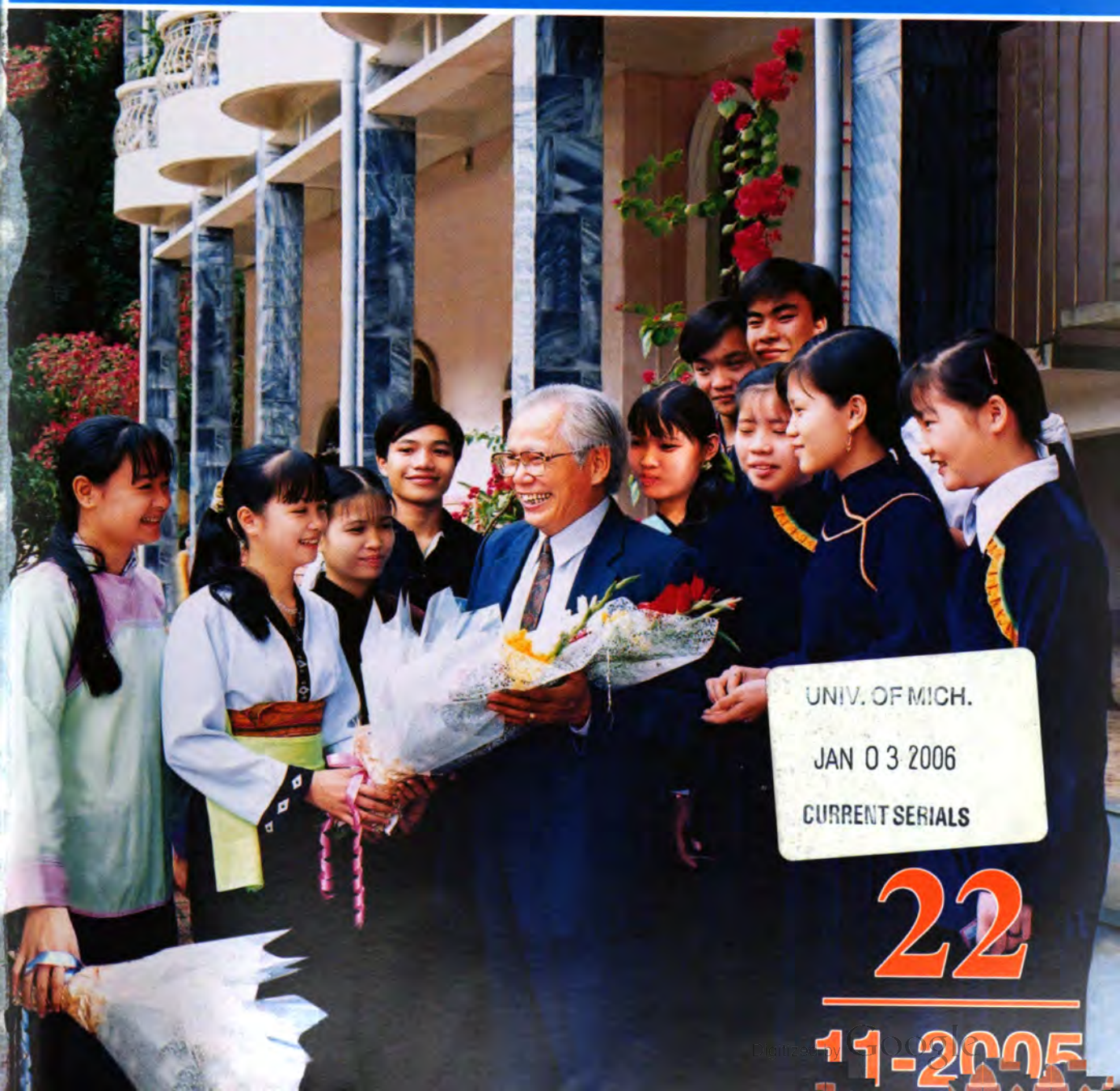
PHÒNG KINH DOANH NHÀ CÔNG TY LD PHÚ MỸ HƯNG
Tầng trệt, Cao ốc Lawrence S. Ting, 801 Đại lộ Nguyễn Văn Linh
P. Tân Phú, Q.7, TP.HCM
(08) 411- 8888 www.phumyhung.com.vn

VĂN PHÒNG HÀ NỘI (Bản nhà PMH tại TP.HCM)
Lầu 16, phòng 1404-1405, Cao ốc Vietcombank
198 Trần Quang Khải, Quận Hoàn Kiếm
(04) 936-2640

HX
9
.H108B

Tạp chí Công sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM



UNIV. OF MICH.

JAN 03 2006

CURRENT SERIALS

22

11-2005



TRƯỜNG ĐÀO TẠO NGHỀ THANH NIÊN DÂN TỘC ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 594, đường Lê Duẩn, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk
Tel: 050.825 237 - 825 238 - 825 240 * Fax: 050.825 470 * Email: dtntndt@dong.vnn.vn

Hiệu trưởng: KS PHẠM NGỌC CHÂU

QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN:

Thành lập năm 1978 với tên Trường trung học Thủy lợi Tây Nguyên. Năm 1992 nhận nhiệm vụ mới và đổi tên thành Trường đào tạo nghề thanh niên Dân tộc Đắk Lắk. Năm 1999 được Chính phủ duyệt là 1 trong 15 trường trọng điểm tham gia Dự án Giáo dục Kỹ thuật và Dạy nghề.

Mười năm liền, Đảng bộ, Công đoàn, Đoàn trường là tổ chức trong sạch vững mạnh; được Tỉnh ủy, UBND tỉnh, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Tổng Liên đoàn Lao động tặng cờ, bằng khen;

Nhà trường được UBND tỉnh, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Công an, Chính phủ tặng Cờ đơn vị xuất sắc - dẫn đầu phong trào thi đua; được Nhà nước tặng Huân chương Lao động.



NHIỆM VỤ VÀ QUY MÔ ĐÀO TẠO:

Đào tạo nghề với các trình độ sơ cấp, trung cấp, cao đẳng. Đào tạo liên kết - liên thông các trình độ trung cấp, cao đẳng, đại học cho một số nghề. Các ngành nghề thuộc các lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp, xây dựng, dịch vụ, truyền thống. Học sinh hầu hết là thanh niên các dân tộc thiểu số ở khu vực Tây Nguyên.

Năm học 2005 - 2006 có 2.200 học sinh hệ dài hạn nội trú, 1.500 học sinh hệ ngắn hạn lưu động, thuộc 30 dân tộc thiểu số của Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia; 500 HS học trung cấp, cao đẳng, đại học; 300 công nhân bồi dưỡng nâng bậc thợ; 3.000 học nghề phổ thông.

HỢP TÁC TRONG NƯỚC VÀ QUỐC TẾ:

Tham gia dự án của Chính phủ với sự tài trợ của Ngân hàng châu Á; các dự án nhỏ của Ca na đa; Anh và Hà Lan; Thụy Điển; Nhật Bản; Đức, Đan Mạch và Thụy Sĩ.

Liên kết với một số trường dạy nghề, THCS, cao đẳng, đại học, viện nghiên cứu của các bộ, tỉnh, thành phố trong dạy nghề, bồi dưỡng và đào tạo giáo viên dạy nghề, nghiên cứu khoa học; đào tạo bậc trung cấp, cao đẳng, đại học.

Liên kết chặt chẽ với các ngành, địa phương, đoàn thể, hiệp hội, doanh nghiệp trong đào tạo, sản xuất và đặc biệt là trong giải quyết việc làm cho học sinh.



TỔ CHỨC: Có 1 Hiệu trưởng, 4 phó hiệu trưởng, 200 giáo viên, cán bộ, công nhân viên. Trong đó 150 giáo viên với 10% trên đại học, 68% đại học, 22% cao đẳng, công nhân bậc cao. Liên tục có giáo viên đạt giải trong các kỳ hội giảng giáo viên dạy giỏi, hội thi thiết bị dạy nghề cấp quốc gia. Có 7 khoa: Cơ - Điện - Xây dựng, Tin học - Ngôn ngữ - Kinh doanh, Nghệ thuật - Dệt may - Nũ công, Nông Lâm - Thú y, Chế biến lâm sản - nông sản - thực phẩm, Dạy nghề lưu động - Giới thiệu việc làm, Văn hoá - Kỹ thuật cơ sở - Dạy nghề phổ thông. Có 7 phòng: Đào tạo, Tổ chức - Hành chính - Quản trị, Chính trị - Quản lý học sinh - Đời sống, Tài chính - Kế toán, Sản xuất - Dịch vụ, Khoa học - Công nghệ, Dự án - Hợp tác quốc tế.

CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ SẢN XUẤT - DỊCH VỤ: Có 20.000 m² nhà, xưởng, ký túc xá trên diện tích 9 ha ở vùng giữa thành phố Buôn Ma Thuột. Sản xuất dịch vụ theo ngành nghề đào tạo tại các xưởng trường hoặc liên kết với các doanh nghiệp. Có một số mặt hàng tham gia xuất khẩu, du lịch như hàng Mộc công nghiệp, Mỹ nghệ, Dệt - May - Thô cảm, Cà phê...

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 2006-2010: Xây dựng và thực hiện tốt Dự án nâng cấp trường thành trường Cao đẳng nghề trọng điểm quốc gia chất lượng cao, quy mô 5.000 học sinh hệ dài hạn, 5.000 hệ ngắn hạn, học sinh thuộc 35 đến 40 dân tộc ở khu vực Tây Nguyên của Việt Nam và hai nước bạn Lào, Cam-pu-chia.





THÁNG 2 KỶ

RA NGÀY 1 VÀ 16

SỐ 745

22

11-2005

• BỘ BIÊN TẬP :

52 Nguyễn Chí Thanh, Hà Nội
Điện thoại : (04) 7 753 605
Fax : (04) 7 753 633
Email: bbtccs@hn.vnn.vn

• Cơ quan thường trú tại miền Trung :

26 Trần Phú,
Thành phố Đà Nẵng
Điện thoại : (080) 51301
Fax : (080) 51303

• Cơ quan thường trú tại miền Nam :

19 Phạm Ngọc Thạch,
Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại : (08) 8 274 638
Fax : (08) 8 231 664

• Tạp chí Cộng sản điện tử :

<http://www.tapchicongsan.org.vn>

• Tổng Biên tập :

LÊ HỮU NGHĨA



Bìa 1: Ngày Nhà giáo Việt Nam
(20-11)

Ảnh: TTXVN

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

MỤC LỤC

NHÂN KỶ NIỆM 75 NĂM NGÀY THÀNH LẬP MẶT TRẬN DÂN TỘC THỐNG NHẤT VIỆT NAM (18-11-1930 - 18-11-2005)

PHẠM THẾ DUYỆT - Mặt trận Dân tộc thống nhất Việt Nam - 75 năm xây dựng và phát triển	3
HUỖNH ĐẰM - Cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư" - nét nổi bật trong hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thời kỳ đổi mới	9

NHÂN KỶ NIỆM 185 NĂM NGÀY SINH PH.ĂNG-GHEN (28-11-1820 - 28-11-2005)

TRẦN NGỌC LINH - Những cống hiến bất diệt của Ph. Ăng-ghe-nen đối với phong trào công nhân thế giới	14
PHÙNG ĐỒNG - Quan điểm của Ph. Ăng-ghe-nen về tính độc lập (tương đối), tính sáng tạo của ý thức, tư tưởng	18

NGHIÊN CỨU, HỌC TẬP VÀ LÀM THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

TÔ HUY RỬA - Quan điểm của Hồ Chí Minh về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân	23
NGUYỄN LINH KHIẾU - Tư tưởng "Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân" của Hồ Chí Minh	28

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

NGUYỄN MINH HIỂN - Phát triển giáo dục và đào tạo phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước	32
LÊ XUÂN LỰU - Lại bàn về chống tham nhũng	37
TRƯƠNG GIANG LONG - Phát triển kinh tế - xã hội và cuộc đấu tranh chống thất thoát, lãng phí	42
NGUYỄN HOÀNH XANH - Lối ra cho tiến trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở khu vực nông thôn	46

THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM

NGUYỄN SINH CÚC - Một số vấn đề đặt ra sau 30 năm phát triển nông nghiệp ở đồng bằng sông Cửu Long	50
NGUYỄN THANH BÌNH - Sóc Trăng đẩy mạnh phát triển thủy sản	55
TỪ THANH - Phong trào thi đua "Sống tốt đời, đẹp đạo" ở Hải Phòng	59

SINH HOẠT TƯ TƯỞNG

NHỊ LÊ - "Thiên đường"... mong manh	63
-------------------------------------	----

THẾ GIỚI: VẤN ĐỀ - SỰ KIỆN

TRẦN BÁ KHOA - Một kỷ nguyên mới hứa hẹn sự phát triển kỳ diệu của khoa học - công nghệ	65
TRỊNH CƯỜNG - Kinh tế thế giới trước "cú sốc" dầu và cuộc đua tìm nguồn năng lượng thay thế	69

СОДЕРЖАНИЕ

● ФАМ ТХЕ ЗУЕТ: Национальный фронт единства Вьетнама – 75 лет строительства и развития. ● ХИУНЬ ДАМ: Кампания «Весь народ оплачивает за строительство культурной жизни в населенных пунктах» – своеобразие деятельности Отечественного фронта Вьетнама в период обновления страны. ● ЧАН НГОК ЛИНЬ: Бессмертные заслуги Ф. Энгельса перед мировым рабочим движением. ● ФУНГ ДОНГ: Точка зрения Ф. Энгельса о самостоятельности (относительной), творческой возможности сознания и идей. ● ТО ХУ РЫА: Точка зрения Хо Ши Мина о строительстве правового социалистического государства народа, созданного народом и во имя народа. ● НГУЕН МИНЬ ХИЕН: Развитие образования и подготовки кадров во имя индустриализации, модернизации страны. ● ЛЕ СУАН ЛЫУ: Опять о борьбе с коррупцией. ● НГУЕН ШИНЬ КУК: Некоторые выдвинутые проблемы после 30 лет развития сельского хозяйства в дельте реки Кыулонг. ● НГУЕН ТХАНЬ БИНЬ: Провинция Шокчанг ускоряет развитие выращивания аквапродуктов. ● ЧАН БА КХОА: Новая эра полна надежд в чудесном развитии науки – технологий.

CONTENTS

● PHAM THẾ DUYỆT: The Vietnamese National United Front – 75 years being strengthened and developed. ● HUỖNH ĐẰM: The Campaign "The whole people builds cultural life in inhabitant districts" - a distinctive feature in Vietnamese Fatherland Front's activities in the renovation period. ● TRẦN NGỌC LINH: F. Engels' everlasting contributions to the World's working class movement. ● PHÙNG ĐÔNG: F. Engels' viewpoints of independence (relative), creativeness of consciousness and ideology. ● TÔ HUY RÚA: Ho Chi Minh's viewpoints of building a socialist law-governed state of the people, by the people and for the people. ● NGUYỄN MINH HIẾN: Developing education and training for the sake of the country's industrialization and modernization. ● LÊ XUÂN LỰU: One again discussing about anti-corruption. ● NGUYỄN SINH CÚC: Some problems put forward after 30 years developing agriculture in the Cuu Long Delta. ● NGUYỄN THANH BÌNH: Soc Trang province accelerating aquaculture development. ● TRẦN BÁ KHOA: A new era promising the marvellous development of science and technology.

SOMMAIRE

● PHAM THẾ DUYỆT : Le Front national unifié du Vietnam — 75 années d'édification et de développement. ● HUỖNH ĐẰM : La campagne « Tout le peuple s'unit pour édifier la vie culturelle dans les quartiers d'habitation » — trait marquant des les activités du Front de la Patrie du Vietnam dans la période de renouveau. ● TRẦN NGỌC LINH : Les contributions impérissables de F. Engels au mouvement ouvrier mondial. ● PHÙNG ĐÔNG : Le point de vue de F. Engels sur le caractère indépendant (relatif) et créatif de la conscience et de la pensée. ● TÔ HUY RÚA : Le point de vue de Ho Chi Minh sur l'édification d'un État de droit socialiste du peuple, par le peuple et pour le peuple. ● NGUYỄN MINH HIẾN : Le développement de l'enseignement et de la formation au service de l'œuvre d'industrialisation et de modernisation du pays. ● LÊ XUÂN LỰU : À propos de la lutte contre la corruption. ● NGUYỄN SINH CÚC : Sur quelques problèmes posés après 30 années de développement agricole dans le delta du Mékong. ● NGUYỄN THANH BÌNH : La province de Soc Trang renforce le développement de l'aquaculture. ● TRẦN BÁ KHOA : Une nouvelle ère promettant un développement miraculeux des sciences et de la technologie.

SUMARIO

● PHAM THẾ DUYỆT : El Frente Nacional Unificado de Vietnam – 75 años de construcción y desarrollo. ● HUỖNH ĐẰM : La movilización "todo el pueblo unido en la construcción de vida cultural en su barrio" - rasgo destacado en las actividades del Frente de la Patria de Vietnam en el tiempo de renovación. ● TRẦN NGỌC LINH : Contribuciones inmortales de F. Engels para el movimiento obrero mundial. ● PHÙNG ĐÔNG : El punto de vista de F. Engels sobre el carácter independiente (relativo), la creatividad de conciencia y de idea. ● TÔ HUY RÚA : El punto de vista de Ho Chi Minh sobre la edificación de un estado constitucional socialista del pueblo, por el pueblo y para el pueblo. ● NGUYỄN MINH HIẾN : Fomentar la educación y la formación en servicio de la industrialización y la modernización nacional. ● LÊ XUÂN LỰU : La rediscusión sobre la lucha contra la malversación. ● NGUYỄN SINH CÚC : Algunos problemas planteados después de 30 años del desarrollo agrícola en el delta del Mekong. ● NGUYỄN THANH BÌNH : El desarrollo de productos acuáticos impulsado por la provincia de Soc Trang. ● TRẦN BÁ KHOA : Una nueva era prometedora para el desarrollo milagroso de la ciencia-tecnología.

目录

● 范世阅：越南民族统一战线—75 年建设及发展 ● 黄担：《〈全民团结建设文化生活居住区〉》运动—革新时期越南祖国战线的突出的活动 ● 陈玉灵：恩格斯对世界工人运动的不朽贡献 ● 冯东：恩格斯有关独立性观点（相对的），意识、思想的创造 ● 苏辉若：胡志明有关建设民有、民享、民治的法制社会主义国家的观点 ● 阮明显：为服务国家工业化、现代化而发展教育及培训工作 ● 黎春榴：再论反腐败、反贪污工作 ● 阮生菊：九龙江三角洲 30 年发展农业面临的一些问题 ● 阮清平：朔庄省大力推动发展水产品 ● 陈伯科：一个对科技奇妙发展充满希望的新纪元。

MẶT TRẬN DÂN TỘC THỐNG NHẤT VIỆT NAM - 75 NĂM XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN

PHẠM THẾ DUYỆT *

ĐOÀN kết, yêu nước là truyền thống cực kỳ quý báu của dân tộc ta trong suốt quá trình hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước.

Kế thừa và phát huy truyền thống đó, kết hợp nhuần nhuyễn quan điểm "dân là gốc" của ông cha và "cách mạng là sự nghiệp quần chúng" của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, 75 năm trước đây, gần 10 tháng sau khi Đảng Cộng sản Đông Dương được thành lập, ngày 18-11-1930, **Hội Phản đế đồng minh** - hình thức tổ chức đầu tiên của Mặt trận Dân tộc thống nhất Việt Nam ở nước ta ra đời do Đảng Cộng sản Việt Nam và lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc khởi xướng và lãnh đạo, đã đánh dấu sự phát triển về chất phong trào đoàn kết, yêu nước của nhân dân ta trong cuộc đấu tranh chống thực dân Pháp đô hộ và bè lũ tay sai.

Kế tục sự nghiệp cách mạng của **Hội Phản đế đồng minh** (1930 - 1936) và của **Mặt trận Dân chủ Đông dương** (1936 - 1939), **Mặt trận Việt Minh** (1941) đã tập hợp các tầng lớp nhân dân, các đảng phái yêu nước và các tổ chức cứu quốc, đoàn kết, động viên toàn dân vùng lên giành chính quyền, đưa Cách mạng Tháng Tám đến thắng lợi, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Đoàn kết trong **Mặt trận Liên Việt**, nhân dân và quân đội ta với sức mạnh vô địch, đã làm nên chiến thắng Điện Biên Phủ "lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu", đưa cuộc chiến đấu chống thực dân Pháp xâm lược đến thắng lợi, giải phóng một nửa đất nước, xây dựng và bảo vệ miền Bắc xã hội chủ nghĩa, làm hậu phương vững chắc cho tiền tuyến lớn miền Nam chống đế quốc Mỹ xâm lược và bè lũ tay sai.

Đoàn kết trong **Mặt trận Tổ quốc Việt Nam**, trong **Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam** và **Liên minh các lực lượng dân tộc, dân chủ và hòa bình Việt Nam**, nhân dân và quân đội ta đã làm tròn sứ mệnh lịch sử vẻ vang của mình là "đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào", bằng cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975, đã giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước, hoàn thành cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân, đưa cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Kế tục vai trò lịch sử vẻ vang của các hình thức tổ chức Mặt trận dân tộc thống nhất trước đây, bước vào thời kỳ "cả nước cùng tiến lên chủ nghĩa xã hội", nhất là trong công cuộc đổi mới, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam với tính chất

* Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

là một bộ phận của hệ thống chính trị nhà nước ta do Đảng lãnh đạo, là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân, là tổ chức liên minh chính trị, liên hiệp tự nguyện của tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, các cá nhân tiêu biểu trong các giai cấp, các tầng lớp, các dân tộc, các tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, trên cơ sở tập hợp, mở rộng và phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc, đã có những đóng góp to lớn vào sự nghiệp chấn hưng đất nước.

Được tư tưởng Hồ Chí Minh dẫn đường, vận dụng sáng tạo các quan điểm chỉ đạo của Nghị quyết các Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng, cụ thể hóa bằng các Nghị quyết của các Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương, nhất là Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ tám, khóa VI "Về đổi mới công tác vận động quần chúng của Đảng", các Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ bảy, khóa IX "Về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vì "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh"; "về công tác dân tộc"; "về công tác tôn giáo"; các Nghị quyết của Bộ Chính trị "Về đại đoàn kết dân tộc và tăng cường Mặt trận Dân tộc thống nhất" (khóa VII); "Về Người Việt Nam ở nước ngoài" (khóa IX), Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tuy phải đương đầu với nhiều khó khăn, thách thức, song ý thức được vai trò, trách nhiệm của mình trước nhân dân, trước lịch sử, căn cứ vào vị trí, chức năng và nhiệm vụ được quy định trong Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đã tận dụng thời cơ, phát huy thuận lợi, nỗ lực phấn đấu, thực hiện thắng lợi các chương trình hành động do các Đại hội Mặt trận Tổ quốc đề ra và đã đạt được những kết quả ngày càng to lớn và trên nhiều lĩnh vực. Việc tập hợp các tầng lớp nhân dân vào các hình thức tổ chức đa dạng, phù hợp với sự phát triển kinh tế nhiều thành phần, có nhiều tiến bộ. Mặt trận đã ra sức động viên nhân dân hưởng ứng các phong trào thi đua, các cuộc

vận động, nhất là hai cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư" và cuộc vận động "Ngày vì người nghèo" do Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phát động, phát huy mọi nguồn lực, thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ phát triển kinh tế, góp phần đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; đã tích cực tham gia đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị; phát huy dân chủ, tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước, tăng cường mối liên hệ mật thiết giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân; tăng cường và tiếp tục mở rộng công tác đối ngoại nhân dân, v.v...

Những kết quả và tiến bộ nêu trên đã góp phần quan trọng vào việc củng cố và mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, tăng thêm sự đồng thuận xã hội, mở rộng quan hệ đoàn kết hữu nghị, hợp tác quốc tế, v.v... góp phần quan trọng vào những thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử mà nhân dân ta đã giành được trong công cuộc đổi mới: đưa đất nước vượt qua một giai đoạn thử thách, gay go, ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội; kinh tế tăng trưởng khá nhanh; công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước được đẩy mạnh; hệ thống chính trị và khối đại đoàn kết toàn dân tộc mà nền tảng là liên minh công nhân - nông dân - trí thức do Đảng lãnh đạo ngày càng được tăng cường và củng cố; nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân được giữ vững; quan hệ đối ngoại được mở rộng; vị thế nước ta trên thế giới không ngừng được nâng cao.

Ôn lại lịch sử vẻ vang của Mặt trận Dân tộc thống nhất 75 năm qua cho phép chúng ta khẳng định:

Trải qua ba phần tư thế kỷ đấu tranh cách mạng với những tên gọi, cách tổ chức và Cương lĩnh chính trị khác nhau, Mặt trận Dân tộc thống nhất đã không ngừng được củng cố và phát triển. Bằng những Cương lĩnh, chính sách và khẩu hiệu chính trị đúng đắn,

bằng những chương trình hành động thiết thực cụ thể, Mặt trận ngày càng tập hợp được đông đảo các tầng lớp nhân dân và nhân lên gấp bội tinh thần yêu nước của dân tộc, tiến hành đấu tranh không khoan nhượng với kẻ thù, đưa cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

Mặt trận Dân tộc thống nhất luôn luôn là một nhân tố quyết định thắng lợi của cách mạng nước ta, là điều kiện tiên quyết giúp cho nhân dân ta chuyển hóa đại đoàn kết dân tộc từ sức mạnh tinh thần tiềm ẩn thành sức mạnh vật chất tự giác và có tổ chức, là một công cụ sắc bén để nhân dân ta phát huy sức mạnh tổng hợp vĩ đại của mình trong cuộc đấu tranh giành độc lập, tự do cho dân tộc cũng như trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Những năm tới là thời kỳ có ý nghĩa rất quan trọng đối với nhân dân ta trong việc phấn đấu thực hiện thắng lợi Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2001 - 2010 nhằm "Đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển, nâng cao rõ rệt đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại...".⁽¹⁾

Nhân dân ta thực hiện những nhiệm vụ trọng đại đó trong bối cảnh thế và lực của nước ta đã lớn mạnh hơn trước rất nhiều: kinh tế phát triển; chính trị, xã hội ổn định; quốc phòng - an ninh và trật tự an toàn xã hội được giữ vững; khối đại đoàn kết toàn dân tộc được tăng cường; lòng tin của tuyệt đại bộ phận nhân dân đối với công cuộc đổi mới, với sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa được củng cố; hoạt động đối ngoại được mở rộng, môi trường quốc tế thuận lợi, v.v...

Song cũng phải thấy rằng, nước ta vẫn là một nước nghèo; trình độ khoa học, công nghệ và dân trí còn thấp; tiềm năng về tài nguyên, lao động và nguồn vốn dồi dào trong dân chưa

được khai thác; nhiều người đến tuổi lao động vẫn chưa có việc làm. Nhân dân ta lại phải đương đầu với những thách thức không nhỏ trong quá trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, phải đối phó với các trào lưu văn hóa - tư tưởng độc hại từ bên ngoài và các thế lực thù địch luôn tìm cách thực hiện âm mưu "diễn biến hòa bình", chống lại công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của dân tộc ta.

Xuất phát từ tình hình trên, Đại hội VI Mặt trận Tổ quốc Việt Nam chủ trương: "Đoàn kết rộng rãi, đoàn kết chân thành mọi thành viên trong xã hội có thể đoàn kết được, không phân biệt đối xử về quá khứ, thành phần giai cấp, dân tộc, tôn giáo, ở trong nước hay ở nước ngoài, đoàn kết trên cơ sở mục tiêu chung là: giữ vững độc lập thống nhất, vì "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh"; đoàn kết giữa nhân dân ta với nhân dân các nước trên thế giới, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trở thành động lực chủ yếu để xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc".

Để biến chủ trương trên thành hiện thực, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cần phát huy hơn nữa sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Cụ thể, bằng mọi cách chúng ta:

1 - Khuyến khích và tạo điều kiện cho mọi người có cơ hội lập thân, lập nghiệp theo lời dạy Chủ tịch Hồ Chí Minh: "Người nghèo thì đủ ăn, người đủ ăn thì khá và giàu, người khá và giàu thì giàu thêm"; động viên các tầng lớp nhân dân, các thành phần kinh tế, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, đồng tâm hiệp lực đóng góp trí tuệ, tài năng, công sức góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội.

(1) Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr 89

2 - Chủ động và tích cực góp phần vào việc mở rộng và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc, cùng Nhà nước sớm thể chế hóa các định hướng chính sách đối với các giai cấp và tầng lớp, bảo đảm bình đẳng và công bằng xã hội; mở rộng dân chủ đi liền với việc tăng cường trật tự, kỷ cương, vận động nhân dân sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật; bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của các tầng lớp nhân dân, thu hút đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia các phong trào thi đua, các cuộc vận động nhằm thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh; chủ động đề xuất và tham gia giải quyết có hiệu quả những vấn đề bức xúc của cuộc sống nhân dân và tổ chức hòa giải kịp thời những mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân ngay từ cơ sở, từ cộng đồng dân cư.

Thực hiện tốt hơn nữa việc vận động, tập hợp, đoàn kết rộng rãi cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài; tạo điều kiện, giúp đỡ mọi người hiểu được tình hình trong nước; động viên mọi người hướng về Tổ quốc, tùy theo sức mình mà góp phần xây dựng quê hương, đất nước giàu mạnh.

3 - Tổ chức, động viên nhân dân phát huy quyền làm chủ, tích cực tham gia xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân trong sạch, vững mạnh, một nhà nước trong đó bộ máy được kiện toàn, tinh gọn; đội ngũ công chức cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư, thực sự là công bộc của dân, cùng hệ thống chính sách, pháp luật phù hợp với lòng dân, đồng thời tham gia hoàn chỉnh và áp dụng các cơ chế, biện pháp để ngăn chặn và xử lý, khắc phục các trường hợp cán bộ, công chức lợi dụng chức quyền để nhũng nhiễu, gây phiền hà cho nhân dân. Kiên quyết đấu tranh và kiến nghị đưa ra khỏi bộ máy công quyền những cán bộ, công chức thoái hóa, biến chất, sách nhiễu dân và thay thế kịp thời những người

không đáp ứng được yêu cầu công việc. Tích cực tham gia xây dựng chính đôn Đảng, trước mắt thực hiện thật tốt việc tham gia góp ý kiến vào văn kiện và nhân sự Đại hội Đảng bộ các cấp và Đại hội X của Đảng nhằm tăng cường mối liên hệ mật thiết giữa nhân dân với Đảng và Nhà nước.

4 - Kiện toàn bộ máy, tăng cường đội ngũ cán bộ Mặt trận các cấp, tiếp tục đổi mới phương thức hoạt động nhằm đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Tiếp tục cùng Nhà nước xây dựng những cơ chế phối hợp và chính sách bảo đảm những điều kiện cần thiết để cả hệ thống Mặt trận hoàn thành những nhiệm vụ được quy định trong Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; tiếp tục hướng mạnh về cơ sở, khu dân cư, xây dựng cộng đồng dân cư tự quản.

Với nhận thức: hệ thống chính trị vững vàng khi từng bộ phận hợp thành hệ thống đó mạnh. Trong cơ chế "Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ", muốn tăng cường và đổi mới mọi hoạt động của Mặt trận, một trong những điều kiện tiên quyết là Đảng phải đổi mới sự lãnh đạo của mình đối với công tác Mặt trận; đảng viên phải đi tiên phong và gương mẫu thực hiện những nhiệm vụ mà Mặt trận đề ra. Về vấn đề này, Cương lĩnh của Đảng đã ghi rõ: "Trong Mặt trận, Đảng Cộng sản Việt Nam vừa là thành viên, vừa là người lãnh đạo" và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: "Đảng không thể đòi hỏi Mặt trận thừa nhận quyền lãnh đạo của mình, mà phải tỏ ra là một bộ phận trung thành nhất, hoạt động nhất và chân thực nhất. Chỉ trong đấu tranh và công tác hằng ngày, khi quần chúng rộng rãi thừa nhận chính sách đúng đắn và năng lực lãnh đạo của Đảng, thì Đảng mới giành được địa vị lãnh đạo".⁽²⁾

(2) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t 3, tr 139

Nhân dịp Đảng Cộng sản Việt Nam tiến hành đại hội đảng bộ các cấp, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam mong muốn tư tưởng Hồ Chí Minh và các quan điểm lớn của Đảng "Về đại đoàn kết dân tộc và Mặt trận Dân tộc thống nhất" mà Nhà nước đã cụ thể hóa bằng Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, được quán triệt sâu sắc trong toàn thể cán bộ, đảng viên, trong Nghị quyết của Đại hội và bằng những việc làm cụ thể.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam mong muốn Nhà nước phối hợp chặt chẽ và bảo đảm những điều kiện thuận lợi hơn nữa cho hoạt động của Mặt trận các cấp.

*
* *
*

Từ Hội Phản đế đồng minh, tổ chức tiền thân đến Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ngày nay, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, các tổ chức Mặt trận đã trải qua một chặng đường đầy gian khổ, nhưng cũng đầy vẻ vang và sáng tạo, đã góp phần tô thắm thêm những trang sử hào hùng của dân tộc.

Mặt trận Dân tộc thống nhất Việt Nam ra đời không phải là một sự ngẫu nhiên mà là kết quả tất yếu của những điều kiện lịch sử, kinh tế - xã hội đòi hỏi nhằm đáp ứng những yêu cầu bức xúc đặt ra lúc đó là giải phóng dân tộc thoát khỏi tình trạng thuộc địa, nửa phong kiến.

Có đường lối cứu nước và dựng nước đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam do Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh, lãnh tụ kiệt xuất của cách mạng Việt Nam và Đảng Cộng sản khởi xướng, 75 năm qua giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, Mặt trận Dân tộc thống nhất với những hình thức tổ chức và tên gọi khác nhau đã kế thừa và phát huy cao độ truyền thống đoàn kết dân tộc, mở rộng đội ngũ những người yêu nước và cách mạng, tổ chức sự phối hợp và thống nhất hành động giữa các lực lượng, tạo sức mạnh của toàn

dân tộc nhằm hoàn thành những mục tiêu cách mạng do Đảng đề ra. Khi dân ta còn trong vòng nô lệ, Mặt trận đi sâu tuyên truyền, vận động và tổ chức quần chúng đấu tranh bằng nhiều hình thức phong phú, từ đấu tranh đòi những quyền dân sinh - dân chủ, tiến tới đấu tranh chính trị, vũ trang giành lại độc lập, tự do cho dân tộc.

Khi mới giành được chính quyền ở một số địa phương hoặc khu vực, Mặt trận đã đảm nhiệm chức năng tổ chức, quản lý và hướng dẫn nhân dân thực hiện quyền làm chủ. Lúc Đảng ra hoạt động công khai và giành được chính quyền trên phạm vi cả nước, Mặt trận trở thành cơ sở chính trị, là chỗ dựa vững chắc của chính quyền nhân dân, đồng thời là tổ chức xây dựng mối liên hệ mật thiết giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân. Nhờ thực hiện "Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết" trong Mặt trận Dân tộc thống nhất nên cuộc chiến đấu của nhân dân ta đã "Thành công, thành công, đại thành công", đã đánh thắng những tên thực dân, đế quốc đầu sỏ, thống nhất đất nước, giữ vững độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, đưa cả nước cùng tiến lên chủ nghĩa xã hội. Trong sự nghiệp đổi mới ngày nay, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam nguyện phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, nâng cao vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước vì "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh".

Thực tiễn lịch sử đã khẳng định vị trí, vai trò và những thành tích to lớn của Mặt trận Dân tộc thống nhất, đồng thời cũng đang đặt ra những yêu cầu mới, đòi hỏi Mặt trận phải tiếp tục đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động cho ngang tầm với chức năng, nhiệm vụ nặng nề mà Đảng, Nhà nước và nhân dân đòi hỏi.

Những thành tựu vẻ vang của Mặt trận Dân tộc thống nhất Việt Nam trước hết là kết quả của sự chỉ đạo chiến lược của Đảng Cộng sản

và Chủ tịch Hồ Chí Minh, sự giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa dân tộc và giai cấp. Lịch sử hoạt động của Mặt trận Dân tộc thống nhất đã chứng tỏ: Khi nào Mặt trận nắm vững và giương cao ngọn cờ dân tộc, thì khó khăn mấy cách mạng cũng vượt qua; ngược lại, cách mạng sẽ gặp khó khăn, vấp vấp thậm chí thất bại.

Cách mạng càng tiến lên thì Mặt trận Dân tộc thống nhất càng phải được mở rộng là một quy luật phát triển. Vì vậy, phải không ngừng chăm lo xây dựng sự đoàn kết nhất trí trong các thành viên của Mặt trận dân tộc thống nhất về chính trị, tư tưởng và tổ chức trên cơ sở kết hợp lý luận với thực tiễn, truyền thống với hiện tại, xây dựng sự đồng thuận xã hội. Nội dung đoàn kết không phải là một đại lượng bất biến mà đòi hỏi phải được bổ sung, hoàn chỉnh và đổi mới. Ngoài việc định ra mục tiêu và nội dung cụ thể, cần phải có những chính sách và biện pháp bảo đảm công bằng và bình đẳng xã hội, chăm lo lợi ích thiết thực, chính đáng, hợp pháp của các giai cấp, các tầng lớp nhân dân, kết hợp hài hòa lợi ích cá nhân, tập thể và lợi ích toàn xã hội trên cơ sở nguyên tắc lợi ích giai cấp phải phục tùng lợi ích dân tộc. Lợi ích của Tổ quốc và dân tộc là lợi ích tối cao.

Đoàn kết trong Mặt trận là đoàn kết lâu dài, đoàn kết chân thành, giúp đỡ nhau cùng tiến bộ. Quá trình xây dựng khối đại đoàn kết là quá trình đấu tranh chống những nhận thức sai trái, lệch lạc như thái độ định kiến, hẹp hòi; đồng thời chống khuynh hướng đoàn kết một chiều, đoàn kết vô nguyên tắc. Bằng vũ khí tự phê bình và phê bình, đồng thời biết dùng lực lượng tiên tiến để lôi cuốn, thuyết phục bộ phận chậm tiến là biện pháp cơ bản để xây dựng sự đoàn kết trong hàng ngũ Mặt trận.

Không ngừng chăm lo xây dựng và phát triển Mặt trận Dân tộc thống nhất về tư tưởng, chính trị và tổ chức thực chất là giữ vững nguyên tắc Đảng lãnh đạo đồng thời với

việc tăng cường sức mạnh của khối liên minh công - nông - trí là điều kiện tiên quyết để mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Quá trình xây dựng và phát triển Mặt trận Dân tộc thống nhất chỉ rõ phải khắc phục khuynh hướng muốn thoát ly sự lãnh đạo của Đảng, hạ thấp vai trò công nông nhưng đồng thời cũng phải đấu tranh chống khuynh hướng cô độc, hẹp hòi. Thực tiễn cho thấy những nhận thức giáo điều, máy móc, quá đề cao hoặc hạ thấp nhân tố dân tộc hoặc giai cấp cũng như những nhận thức chủ quan, duy ý chí sớm đông nhất dân tộc với giai cấp đều làm mất đi sức sống vốn có của Mặt trận và vô hiệu hóa những khả năng và điều kiện để tập hợp lực lượng cách mạng đông đảo.

Những bài học rút ra từ lịch sử xây dựng và phát triển Mặt trận Dân tộc thống nhất đến nay vẫn giữ nguyên giá trị trong việc vận dụng vào giải quyết những vấn đề đang đặt ra nhằm phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, nâng cao vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa vì "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh". Hệ thống những quan điểm về đại đoàn kết dân tộc và Mặt trận Dân tộc thống nhất đã được Đại hội IX của Đảng đề ra và được cụ thể hóa bằng các Nghị quyết Hội nghị Trung ương 7, khóa IX là những định hướng chủ yếu cho mọi hoạt động của Mặt trận trong giai đoạn hiện nay. Yếu tố quyết định lúc này là Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phải tiếp tục tự đổi mới, tự vươn lên để khẳng định mình trong cuộc sống. Lời nói đi đôi với việc làm, biến những đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước và ước nguyện của nhân dân thành hiện thực trong cuộc sống.

Chân lý mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tổng kết: **"Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết. Thành công, thành công, đại thành công"** mãi mãi là khẩu hiệu hành động của mọi công dân đất Việt. □

CUỘC VẬN ĐỘNG "TOÀN DÂN ĐOÀN KẾT XÂY DỰNG ĐỜI SỐNG VĂN HÓA Ở KHU DÂN CƯ" - NÉT NỔI BẬT TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM THỜI KỲ ĐỔI MỚI

HUỲNH ĐAM *

DƯỚI ngọn cờ của Đảng, kế thừa và phát huy truyền thống vẻ vang của Mặt trận Dân tộc thống nhất trước đây, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hiện nay luôn không ngừng đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, nhằm thực hiện thắng lợi chương trình hành động của Đại hội lần thứ VI Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; góp phần động viên toàn dân phát huy lòng yêu nước, truyền thống đoàn kết, thực hiện thành công Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng, trước mắt hoàn thành kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2005 và kế hoạch 5 năm 2001 - 2005, tiến tới Đại hội lần thứ X của Đảng.

Để không ngừng thực hiện tốt chức năng cơ bản là đoàn kết dân tộc, tạo nên động lực thúc đẩy công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, Mặt trận chủ trương thông qua các tổ chức, các cuộc vận động, các phong trào và nhiều hình thức đa dạng khác để tập hợp ngày càng đông đảo mọi tầng lớp nhân dân thành khối đại đoàn kết vững chắc, phấn đấu vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Nét nổi bật trong những hoạt động đa dạng, phong phú của Mặt trận

thời gian qua là cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư", cuộc vận động "Ngày vì người nghèo", đang được triển khai rộng khắp cả nước, có tác dụng và ảnh hưởng sâu rộng trong các tầng lớp nhân dân.

Cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư" do Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phát động, gồm có sáu nội dung lớn. Đó là: vận động nhân dân đoàn kết giúp nhau phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo; phát huy truyền thống "uống nước nhớ nguồn", "tương thân tương ái", thực hiện chính sách đền ơn đáp nghĩa và nhân đạo, từ thiện; phát huy dân chủ, giữ gìn kỷ cương, bảo đảm trật tự an toàn xã hội ở cơ sở; xây dựng đời sống văn hóa, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc; giữ gìn môi trường sinh thái, chăm lo sự nghiệp giáo dục, y tế, dân số, thể dục - thể thao...; phát huy quyền làm chủ của nhân dân, tổ chức và động viên nhân dân tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính

* Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch kiêm Tổng Thư ký UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

quyền và củng cố hệ thống chính trị vững mạnh.

Được phát động từ năm 1995, trên cơ sở kế thừa, phát triển và nâng cao các phong trào, các cuộc vận động của các tầng lớp nhân dân do Đảng lãnh đạo từ trước đến nay, cuộc vận động *"Toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư"* (nay là cuộc vận động *"Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư"*) đã trở thành một phong trào rộng lớn mang tính toàn dân, thực hiện tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh *"lấy sức dân mà xây dựng cuộc sống cho dân"*, phát huy truyền thống *"đoàn kết tương thân, tương ái"*, *"nhiều điều phải lấy giá gương..."* của dân tộc, góp sức vận động các tầng lớp nhân dân ở cơ sở, giúp nhau xây dựng gia đình ấm no, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc và khu dân cư giàu mạnh, văn minh, góp phần ổn định tình hình xã hội.

Nhìn lại quá trình triển khai các cuộc vận động trên, có thể nêu lên những kết quả chủ yếu như sau:

1. Thông qua cuộc vận động đã tăng cường và mở rộng việc tập hợp các tầng lớp nhân dân, làm cho khối đại đoàn kết toàn dân tộc không ngừng được củng cố, tăng cường, góp phần tạo nên sức mạnh to lớn của nhân dân từ mỗi địa bàn dân cư.

Dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối đại đoàn kết toàn dân tộc của Đảng ta là không phân biệt dân tộc, tôn giáo, giai cấp, thành phần kinh tế, mọi giới, mọi lứa tuổi, mọi vùng miền, người trong Đảng hay người ngoài Đảng, người đang công tác và người đã nghỉ hưu, mọi thành viên trong đại gia đình dân tộc Việt Nam, xóa bỏ mặc cảm, định kiến, phân biệt đối xử về quá khứ, thành phần, xây dựng tinh thần cởi mở, hướng về tương lai... được nhân dân ta, ở trong nước và ở nước ngoài đồng tình ủng hộ. Góp phần thực hiện

thắng lợi đường lối đó, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đề ra và thực hiện chủ trương đa dạng hóa các hình thức tập hợp toàn dân. Trong các hình thức đó, cuộc vận động *"Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư"* là hình thức tập hợp rộng rãi nhất, mang tính toàn dân rõ nét nhất và mang lại kết quả thiết thực nhất đối với việc tăng cường đại đoàn kết toàn dân tộc từ cơ sở.

- Nội dung cuộc vận động rất phong phú và thiết thực, gắn liền với việc giải quyết những vấn đề *bức xúc hằng ngày* trong đời sống vật chất, tinh thần của các tầng lớp nhân dân, như giúp nhau phát triển sản xuất, xóa đói giảm nghèo, cải thiện nhà ở, vệ sinh môi trường, cải tạo kết cấu hạ tầng trong khu dân cư, giải quyết vấn đề điện, nước, trật tự an toàn xã hội, thực hiện đền ơn đáp nghĩa và từ thiện nhân đạo, xây dựng môi trường xã hội lành mạnh, thực hiện dân chủ, giữ vững ổn định chính trị, củng cố tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể ở cơ sở. Đó là những vấn đề mỗi người dân đều quan tâm trong đời sống hằng ngày. Hầu hết khu dân cư trong cả nước triển khai thực hiện một cách sáng tạo.

- Được tiến hành tại các *địa bàn khu dân cư*, cuộc vận động thu hút mọi người dân dù ở những cương vị xã hội khác nhau, ở mọi thành phần xã hội, có trình độ, giới tính, tuổi tác, cá tính, sở thích... tham gia. Với phương châm *"lấy sức dân để tổ chức đời sống cho dân"*, cuộc vận động đã kết hợp hài hòa giữa nghĩa vụ và quyền lợi của mỗi người dân. Công sức của dân đóng góp đã mang lại kết quả cụ thể cho đời sống của chính bản thân họ. Vì vậy, đã khơi dậy được tính tự giác, tinh thần làm chủ cuộc sống của mỗi người dân ở khu dân cư, tạo nên ý thức gắn bó giữa cá nhân và cộng đồng.

- Cuộc vận động đã đề cao *truyền thống đạo lý tốt đẹp* trong di sản văn hóa dân tộc, như: tình đoàn kết, thương yêu đùm bọc lẫn

nhau, những truyền thống tốt đẹp có cội nguồn từ hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước... Truyền thống đó đã trở thành máu thịt người Việt Nam, nó đã đáp ứng đúng nguyện vọng thiết tha và chính đáng của nhân dân là xây dựng cuộc sống yên lành, văn minh tại cộng đồng dân cư.

2. Cuộc vận động đã góp phần động viên các tầng lớp nhân dân ở cơ sở phấn đấu thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ kinh tế, văn hóa - xã hội của địa phương, tham gia giải quyết những vấn đề bức xúc nhất và những yêu cầu thiết yếu nhất của cộng đồng dân cư. Mặt trận Tổ quốc các cấp, nhất là ở cơ sở và khu dân cư, đã phối hợp với các tổ chức thành viên như Hội Nông dân, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Cựu Chiến binh, Hội Người cao tuổi, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh... đi sâu động viên nhân dân phát triển sản xuất, kinh doanh, chuyển đổi cơ cấu kinh tế, mở mang ngành nghề, giải quyết việc làm, thành lập các tổ khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, đẩy nhanh tiến bộ khoa học - kỹ thuật, giúp đỡ nhau về vốn, giống cây trồng, con vật nuôi, kinh nghiệm sản xuất... Qua đó, giúp nhau xóa đói giảm nghèo, cải thiện đời sống nhân dân, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, những gia đình có công với nước, những gia đình gặp rủi ro, hoạn nạn...

Thực tiễn đã chứng tỏ cuộc vận động *"Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư"* đã góp phần tích cực giải quyết những vấn đề bức xúc trong đời sống cộng đồng, trên cơ sở khai thác tiềm năng to lớn trong nhân dân và đã đạt những kết quả cụ thể về huy động nhân tài vật lực một cách nhanh chóng tại chỗ, còn thúc đẩy mạnh mẽ và rộng khắp các hoạt động "đền ơn đáp nghĩa" đối với các gia đình có công với nước, gia đình thương binh, liệt sỹ, các Bà mẹ Việt Nam anh hùng, những cán bộ lão thành cách mạng. Nhân dân đã tự nguyện tham gia các hoạt động từ thiện

nhân đạo, giúp đỡ người nghèo, nạn nhân chiến tranh. Những hoạt động đó ngày càng trở thành nếp sống tự giác tốt đẹp của nhân dân ta, khơi dậy truyền thống *"uống nước nhớ nguồn"*, *"tương thân tương ái"* trong cộng đồng khu dân cư, vừa giúp nhau giải quyết khó khăn trong đời sống hằng ngày, vừa có tác dụng đấu tranh chống lối sống cá nhân vị kỷ.

Là một nội dung trọng tâm của cuộc vận động *"Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư"*, *"Ngày vì người nghèo"* - được phát động từ năm 2000 đã được toàn dân đồng tình và hưởng ứng rộng rãi. Đến nay, Quỹ "Vì người nghèo" ở các cấp đã huy động được hàng ngàn tỉ đồng để xây dựng hàng trăm ngàn ngôi nhà ở cho người nghèo. Khó có thể tổng kết hết được lợi ích vật chất và tinh thần của cuộc vận động trong cả nước. Đó là con số không nhỏ, góp phần tăng thêm nguồn lực cùng Đảng, Nhà nước chăm lo cho đời sống của nhân dân, thực hiện phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo.

Cuộc vận động *"Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư"* đã góp phần làm lành mạnh môi trường xã hội, môi trường văn hóa giáo dục, quan hệ ứng xử lành mạnh giữa con người với nhau trong mỗi khu dân cư, trong từng gia đình. Từ khi có Nghị quyết Trung ương 5, khóa VIII về *"Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc"*, cuộc vận động ngày càng được khẳng định và đi vào chiều sâu. Những tệ nạn xã hội (rượu chè, cờ bạc, trộm cắp, mại dâm, ma túy...) ở cơ sở đã giảm đáng kể. Ở nhiều nơi, mâu thuẫn trong gia đình, trong khu dân cư được giải quyết thông qua các hoạt động hòa giải. Nhiều khu dân cư đã xóa bỏ những tập tục lạc hậu, đấu tranh chống mê tín, dị đoan, xây dựng nếp sống mới văn minh, tiến bộ. Nhiều phong trào mang tính nhân văn sâu sắc liên tục xuất hiện và phát huy tác dụng tốt ở nhiều địa phương, như:

phong trào "Ông bà, cha mẹ mẫu mực, con cháu hiếu thảo, người lớn gương mẫu, trẻ em chăm ngoan", phong trào "Xã hội học tập"...

Những kết quả trên đây đã có tác dụng thiết thực, sâu sắc, góp phần nâng cao đời sống của nhân dân ở khu dân cư, nhất là mức sống, chất lượng cuộc sống của nhân dân không ngừng được cải thiện.

3. Cuộc vận động đã tạo tiền đề và điều kiện cho việc phát huy quyền làm chủ trực tiếp của nhân dân, góp phần thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở, từng bước xây dựng cộng đồng dân cư tự quản.

Với phương châm dựa vào nhân dân, cùng nhân dân bàn bạc, giải quyết những nhu cầu trong cuộc sống của dân, cuộc vận động không áp đặt, làm thay, mà do nhân dân từng khu dân cư bàn bạc dân chủ và tự xây dựng những mục tiêu, chương trình kế hoạch xây dựng khu dân cư, tự nguyện đóng góp sức người, sức của cho việc thực hiện những kế hoạch cụ thể ở cơ sở. Từng nội dung của cuộc vận động đã gắn với việc thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở, được nhân dân thảo luận và triển khai theo tinh thần "*dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra*". Nhân dân thảo luận và xây dựng quy ước, hương ước, cam kết ở từng cộng đồng làng, xã và từng hộ gia đình. Những quy ước, hương ước đó đã thể hiện tinh thần nội dung chính của cuộc vận động, và được xây dựng thành những quy định mang tính pháp lý của cơ sở, của cộng đồng dân cư.

Ngày nay, dân chủ hóa đời sống xã hội và xây dựng mô hình khu dân cư tự quản là một yêu cầu khách quan, cũng là nguyện vọng của quần chúng nhân dân. Việc triển khai cuộc vận động trong 10 năm qua ở khu dân cư cho thấy, đây là một giải pháp có hiệu quả góp phần quan trọng phát huy quyền làm chủ trực tiếp của nhân dân ở cơ sở, nêu cao ý thức cộng đồng, tham gia xây dựng khu dân cư tự quản phù hợp với đặc điểm từng vùng, miền. Bằng

phong trào hành động thiết thực mang lại lợi ích cụ thể cho đời sống hằng ngày của người dân mà gây dựng quan hệ hòa hiếu trong tình làng nghĩa xóm, vừa tuyên truyền, vận động, vừa tạo dư luận xã hội, nên đã động viên ý thức cộng đồng và tinh thần làm chủ của mỗi người dân tại địa bàn sinh sống, góp phần đấu tranh, đẩy lùi cách sống tiêu cực của một số người trong khu dân cư. Qua đó, hỗ trợ tích cực cho công tác tuyên truyền giáo dục của Đảng, công tác quản lý của chính quyền, làm cho diện mạo xã hội ở cơ sở được cải thiện, góp phần ổn định xã hội chung của cả nước.

4. Cuộc vận động đã góp phần tích cực xây dựng tổ chức đảng, bộ máy chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể nhân dân, làm cho hệ thống chính trị ở cơ sở được củng cố. Thông qua cuộc vận động này, vị trí, vai trò và ảnh hưởng xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam được nâng cao thêm một bước; sự phối hợp hành động giữa Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp với các tổ chức thành viên, với chính quyền ngày càng chặt chẽ. Nội dung hoạt động của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp xã, phường, thị trấn, nhất là Ban Công tác Mặt trận vừa rõ nét hơn vừa phong phú, và cụ thể hơn, sự gắn bó giữa Mặt trận với các tầng lớp nhân dân ở khu dân cư ngày càng chặt chẽ. Đồng đảo cán bộ, đảng viên, cựu chiến binh, người có uy tín (già làng, trưởng tộc, các vị chức sắc tôn giáo v.v...) ở khu dân cư tích cực tham gia cuộc vận động. Nhiều nhân tố mới, đã được bồi dưỡng và trưởng thành từ trong các hoạt động của cuộc vận động, qua đó góp phần đào tạo, bồi dưỡng bổ sung tăng cường cho đội ngũ cán bộ cơ sở.

Thông qua chỉ đạo thực hiện cuộc vận động, vai trò hạt nhân lãnh đạo của Đảng, nhất là các chi bộ và tổ đảng ở khu dân cư, vai trò gương mẫu của đảng viên được phát huy, đồng thời tạo điều kiện cho quần chúng nhân dân giám sát cán bộ, đảng viên, tăng thêm

mối quan hệ giữa Đảng với quần chúng. Nhiều chi bộ coi việc lãnh đạo cuộc vận động là nội dung sinh hoạt chính của chi bộ hằng tháng, và xác định việc tham gia cuộc vận động là trách nhiệm của đảng viên, là tiêu chí để đánh giá, phân loại chi bộ và đảng viên; là điều kiện để rèn luyện, giáo dục đảng viên; là một nội dung lớn trong phương hướng, nhiệm vụ mỗi nhiệm kỳ của đảng bộ, chi bộ. Thông qua thực hiện cuộc vận động, đội ngũ cán bộ của Đảng, chính quyền, Mặt trận và các tổ chức đoàn thể ở cơ sở gắn bó với nhân dân hơn, hệ thống chính trị ở cơ sở được củng cố.

Nhìn lại 10 năm thực hiện, có thể khẳng định kết quả lớn về nhiều mặt và ý nghĩa chính trị, xã hội sâu sắc của cuộc vận động *"Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư"*. Từ đó cho thấy, chủ trương đề ra và chỉ đạo các cuộc vận động là đúng đắn, có sức sống bền bỉ trong lòng dân. Để tiếp tục đẩy mạnh cuộc vận động, trong thời gian tới, cần khắc phục có hiệu quả những mặt còn hạn chế, yếu kém:

- Kết quả đạt được chưa đều và chưa sâu, có lúc, có nơi chưa đạt những yêu cầu và nội dung đề ra. Nguyên nhân là do nhận thức và vai trò lãnh đạo của cấp ủy; sự chủ động, sáng tạo của tổ chức Mặt trận ở cơ sở còn có những yếu kém, bất cập. Sự phân công phối hợp giữa Mặt trận, chính quyền và các đoàn thể nhân dân còn có mặt chưa hợp lý. Để Cuộc vận động *"Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư"* tiếp tục phát triển rộng hơn, sâu hơn, thu hút quần chúng tham gia nhiệt tình, hiệu quả hơn, đòi hỏi sự chỉ đạo của Mặt trận các cấp phải thường xuyên mạnh mẽ hơn nữa; tiếp tục tổng kết rút kinh nghiệm, có sự phân công, phối hợp tốt hơn giữa Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam với chính quyền các cấp phù hợp với nhiệm vụ, đặc điểm của mỗi tổ chức và tháo gỡ kịp thời khó khăn cho cơ sở.

- Đội ngũ cán bộ Mặt trận chưa đáp ứng yêu cầu khi cuộc vận động triển khai ngày một sâu rộng. Bộ máy chuyên trách của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp tuy có được kiện toàn một bước, song vẫn chưa đáp ứng kịp yêu cầu của phong trào nhân dân ngày càng rộng lớn. Nhiều vấn đề mới đặt ra cho từng nội dung của cuộc vận động chưa được chủ động nắm bắt, xử lý kịp thời. Kinh nghiệm thực tế của từng địa phương rất phong phú, sinh động, song chưa được kịp thời tổng kết, phổ biến để phát huy và nâng cao chất lượng các cuộc vận động.

Những hạn chế trên đang đặt ra yêu cầu cao, đòi hỏi các cấp ủy, chính quyền các cấp quan tâm hơn nữa, tạo điều kiện thuận lợi hơn nữa để Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp tổ chức chỉ đạo tốt hơn cuộc vận động *"Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư"* trong thời gian tới.

Từ thực tiễn thực hiện cuộc vận động, chúng ta càng nhận thức rõ hơn vai trò to lớn của khu dân cư trong việc triển khai phong trào thi đua yêu nước thông qua các phong trào, các cuộc vận động. Đó là nơi thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong cuộc sống; nơi trực tiếp giải quyết có hiệu quả nhất các vấn đề nảy sinh trong cuộc sống hằng ngày ở cộng đồng dân cư. Xây dựng cuộc sống mới, đời sống văn hóa ở khu dân cư là nhiệm vụ quan trọng và lâu dài. Cuộc vận động có nội dung toàn diện, sâu sắc, hợp lòng dân, ý Đảng đã được khẳng định, cần tiếp tục được tổ chức thực hiện có hiệu quả hơn. Đó là nhiệm vụ đặt ra cho cả hệ thống chính trị, trước hết đòi hỏi các cấp ủy nâng cao vai trò lãnh đạo trực tiếp và toàn diện, các cơ quan quản lý nhà nước bảo đảm những điều kiện cần thiết cho cuộc vận động, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phát huy vai trò chủ trì, phối hợp, thống nhất hành động với các tổ chức thành viên, đồng viên nhân dân tham gia thực hiện. □

NHỮNG CÔNG HIẾN BẤT DIỆT CỦA PH. ĂNG-GHEN ĐỐI VỚI PHONG TRÀO CÔNG NHÂN THẾ GIỚI

TRẦN NGỌC LINH *

ĐÁNH giá công lao của Ph.Ăng-ghe-nơ đối với phong trào đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân thế giới, V.I. Lê-nin viết: “Sau bạn ông là Các Mác, Ăng-ghe-nơ là nhà bác học và người thầy lỗi lạc nhất của giai cấp vô sản hiện đại trong toàn thế giới văn minh. Từ ngày mà vận mệnh đã gắn liền Các Mác với Phri-đrich Ăng-ghe-nơ thì sự nghiệp suốt đời của hai người bạn ấy trở thành sự nghiệp chung của họ. Cho nên muốn hiểu Phri-đrich Ăng-ghe-nơ đã làm gì cho giai cấp vô sản thì phải nhận rõ ý nghĩa của học thuyết và hoạt động của Mác đối với sự phát triển của phong trào công nhân hiện đại”⁽¹⁾.

Vào đầu những năm 40 của thế kỷ XIX, mặc dù phong trào đấu tranh của giai cấp vô sản chống lại giai cấp tư sản đã phát triển mạnh mẽ, nhưng vẫn chưa thoát khỏi tình trạng tự phát, chưa được tổ chức, chưa có mục tiêu rõ rệt, giai cấp công nhân chưa nhận thức được những lợi ích giai cấp cơ bản của mình. Nhu cầu cấp thiết của phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân lúc đó là cần có một học thuyết lý luận cách mạng soi đường cho giai cấp công nhân, giúp cho giai cấp công nhân hoàn thành sứ mệnh lịch sử vĩ đại toàn thế giới của mình.

Ph. Ăng-ghe-nơ đã cùng với C. Mác dày công nghiên cứu, kế thừa những tinh hoa tư tưởng của nền văn hóa nhân loại, xây dựng thành một học thuyết, một hệ thống lý luận khoa học – chủ nghĩa xã hội khoa học, đồng thời thông qua hoạt

động trực tiếp trong phong trào đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân, đưa lý luận đó thâm nhập vào quần chúng cách mạng, biến lý luận thành lực lượng vật chất thúc đẩy sự phát triển của xã hội.

Mặc dù Ph. Ăng-ghe-nơ rất khiêm tốn, luôn luôn tự nhận mình là cây đàn vi-ô-lông thứ hai bên cạnh Mác, luôn luôn khẳng định vai trò sáng lập hàng đầu là thuộc về C. Mác, nhưng chúng ta đều nhận thấy những đóng góp to lớn của Ph. Ăng-ghe-nơ trong việc hình thành và phát triển chủ nghĩa Mác. Chính Mác đã đánh giá Ph. Ăng-ghe-nơ là một trong những đại biểu xuất sắc nhất của chủ nghĩa xã hội hiện đại. V.I. Lê-nin thì khẳng định rằng: “Không thể nào hiểu được chủ nghĩa Mác và trình bày đầy đủ được chủ nghĩa Mác, nếu không chú ý đến toàn bộ những tác phẩm của Ăng-ghe-nơ”⁽²⁾.

Chủ nghĩa Mác là một hệ thống hoàn chỉnh, toàn vẹn và chặt chẽ bao gồm ba bộ phận cấu thành không thể tách rời: triết học mác-xít mà nội dung của nó là chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử, kinh tế chính trị học mà nền tảng là học thuyết giá trị thặng dư, và chủ nghĩa xã hội khoa học.

* PGS, TS Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

(1) V.I.Lê-nin: *Toàn tập*, Nxb Tiến Bộ, Mát-xcơ-va, 1978, t 2, tr 3

(2) V.I.Lê-nin: *Sđd*, t 26, tr 110

Nét nổi bật làm cho chủ nghĩa Mác có một sức hấp dẫn mạnh mẽ và khác biệt với tất cả các học thuyết xã hội khác là ở chỗ trong chủ nghĩa Mác có sự kết hợp mật thiết, hữu cơ giữa tính khoa học và tính cách mạng, “lý luận này công khai tự đề ra cho mình nhiệm vụ phải vạch trần hết thảy mọi hình thức đối kháng và hình thức bóc lột trong xã hội hiện đại, phải theo dõi sự diễn biến của các hình thức đó, phải chứng minh tính tạm thời của các hình thức đó, sự chuyển biến không thể tránh khỏi của các hình thức ấy thành các hình thức khác, và do đó giúp cho giai cấp vô sản kết liễu một cách hết sức nhanh chóng và dễ dàng mọi sự bóc lột”⁽³⁾.

Ngay từ những tác phẩm lý luận đầu tiên về triết học cũng như về kinh tế chính trị học, Ph. Ăng-ghe-nơ đã chứng tỏ tầm cao trí tuệ khi phê phán tính phản động trong quan điểm triết học duy tâm của Se-ling; chỉ ra những mâu thuẫn trong hệ thống triết học duy tâm của Hê-ghe-nơ; phân tích sâu sắc những mâu thuẫn nội tại của chủ nghĩa tư bản, chỉ ra tính tất yếu của sự ra đời chủ nghĩa xã hội với tính cách là kết quả của sự giải quyết những mâu thuẫn đó.

Quan sát đời sống của giai cấp công nhân nước Anh, trong một loạt bài đăng trên tờ Rheinische Zeitung (Nhật báo tỉnh Ranh) tháng 12-1842, Ph. Ăng-ghe-nơ đã phân tích các quan hệ xã hội, quan hệ giai cấp trong xã hội lúc đó và chỉ ra mâu thuẫn giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản là mâu thuẫn cơ bản của chủ nghĩa tư bản. Trên cơ sở phân tích này, Ph. Ăng-ghe-nơ lần đầu tiên đã đưa ra tư tưởng về tính tất yếu của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa; tính quốc tế của cuộc cách mạng này.

Trong những tác phẩm viết chung với Mác cũng như trong những tác phẩm của riêng mình, những luận điểm quan trọng nhất của triết học mác-xít đã được Ph. Ăng-ghe-nơ trình bày một cách có hệ thống, đầy sức thuyết phục. Đồng thời, Ph. Ăng-ghe-nơ cũng đã chỉ ra ý nghĩa lớn lao của triết học đối với hoạt động thực tiễn của con người.

“*Gia đình thần thánh*” là tác phẩm lý luận viết chung đầu tiên của Ph. Ăng-ghe-nơ và C. Mác

và là tác phẩm có vị trí quan trọng trong toàn bộ quá trình hình thành các quan điểm triết học và chính trị xã hội của học thuyết Mác. Trong tác phẩm này, C. Mác và Ph. Ăng-ghe-nơ đã đề ra những tư tưởng cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, như vai trò quyết định của sản xuất vật chất đối với tiến trình phát triển của xã hội loài người, vai trò sáng tạo ra lịch sử của quần chúng nhân dân lao động. Cũng trong tác phẩm này, Ph. Ăng-ghe-nơ đã cùng với C. Mác một lần nữa khẳng định vai trò, sứ mệnh lịch sử toàn thế giới của giai cấp vô sản và chỉ ra rằng, chính địa vị của giai cấp vô sản trong xã hội tư sản hiện đại đã quy định vai trò, sứ mệnh đó.

Tiếp tục phát triển những tư tưởng đã trình bày trong “*Gia đình thần thánh*”, ở tác phẩm “*Hệ tư tưởng Đức*”, tác phẩm viết chung thứ hai của Ph. Ăng-ghe-nơ và C. Mác, thế giới quan và phương pháp luận mới - quan điểm duy vật biện chứng về lịch sử đã được trình bày một cách đầy đủ, toàn diện và có hệ thống dưới hình thức phê phán những quan điểm triết học của phái Hê-ghe-nơ trẻ. Trên cơ sở quan niệm duy vật về lịch sử, Ph. Ăng-ghe-nơ và C. Mác đã đặt ra những vấn đề về cách mạng vô sản, về những nét cơ bản của xã hội cộng sản tương lai. Mặc dù tác phẩm “*Hệ tư tưởng Đức*” không được xuất bản khi C. Mác và Ăng-ghe-nơ còn sống, nhưng những kết luận khoa học được trình bày trong tác phẩm đó đã là cơ sở lý luận cho hoạt động thực tiễn cách mạng của bản thân hai ông.

Phương châm phải xuất phát từ hoạt động thực tiễn, từ tổng kết thực tiễn để rút ra những kết luận lý luận khoa học đúng đắn, để phục vụ tốt hơn nữa cho hoạt động thực tiễn, đã được Ph. Ăng-ghe-nơ kiên trì áp dụng trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của ông. Một trong những hoạt động thực tiễn cách mạng của Ph. Ăng-ghe-nơ là tiến hành cuộc đấu tranh thành lập chính đảng và tổ chức cách mạng quốc tế của giai cấp vô sản - một trong những điều kiện quyết định thắng lợi của cuộc cách mạng vô sản.

(3) V.I.Lê-nin: *Sđd*, t 1, tr 421

Chính trong cuộc đấu tranh này, Ph. Ăng-ghe-n đã có những cống hiến mang ý nghĩa to lớn cả về lý luận lẫn thực tiễn cho phong trào cách mạng của giai cấp công nhân. Có thể nói, những cống hiến của Ph. Ăng-ghe-n chính là ở chỗ, trong vòng hơn 40 năm kể từ khi gặp C. Mác, Ph. Ăng-ghe-n đã cùng với C. Mác xây dựng một học thuyết cách mạng và khoa học - chủ nghĩa xã hội khoa học; đã tổ chức giáo dục những đội ngũ tiên phong của giai cấp công nhân và sau khi C. Mác qua đời, Ph. Ăng-ghe-n đã tiếp tục đấu tranh, bảo vệ, củng cố và phát huy những thành tựu đã đạt được để đưa phong trào cách mạng của giai cấp công nhân ngày càng phát triển đi lên.

Cuối tháng 1-1847, Ph. Ăng-ghe-n và C. Mác tham gia *Liên đoàn những người chính nghĩa* và cải tổ Liên đoàn thành tổ chức tiên tiến của giai cấp vô sản. Ngày 2-6-1847, Đại hội đầu tiên của *Liên đoàn những người chính nghĩa*, được coi là Đại hội thành lập *Liên đoàn những người cộng sản*, tổ chức tại Luân-đôn. Nhờ sự tham gia tích cực của Ph. Ăng-ghe-n, Đại hội đã thông qua những nghị quyết quan trọng, có ý nghĩa quyết định đối với sự phát triển của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. Tại Đại hội này Ph. Ăng-ghe-n đã đệ trình bản "*Dự thảo cầm nang về chủ nghĩa cộng sản*" do ông khởi thảo với tính cách là bản dự thảo cương lĩnh của Liên đoàn. Để chuẩn bị cho Đại hội II của *Liên đoàn những người cộng sản*, Ph. Ăng-ghe-n được Ban Chấp hành giao cho nhiệm vụ chuẩn bị một dự thảo cương lĩnh khác. Bản dự thảo này có tên là "*Những nguyên lý của chủ nghĩa cộng sản*", là sự kế tục và phát triển hơn nữa bản "*Dự thảo cầm nang về chủ nghĩa cộng sản*" đã được Đại hội lần thứ nhất của *Liên đoàn những người cộng sản* thông qua.

Trong ngày khai mạc Đại hội lần thứ II của *Liên đoàn những người cộng sản* (ngày 29-11-1847), Ph. Ăng-ghe-n đã đọc diễn văn tại cuộc mít tinh quốc tế của những người dân chủ kỷ niệm cuộc khởi nghĩa Ba-lan năm 1830. Trong bài diễn văn này, Ph. Ăng-ghe-n đã chỉ ra cơ sở thực tiễn và luận chứng về mặt lý luận cho

khẩu hiệu của chủ nghĩa quốc tế vô sản, trở thành phương châm hành động của Liên đoàn: "Vô sản tất cả các nước đoàn kết lại!", đồng thời lần đầu tiên nêu ra tư tưởng mác-xít kiệt xuất về vấn đề dân tộc, về mối quan hệ giữa áp bức giai cấp với áp bức dân tộc: "Không một dân tộc nào có thể trở thành tự do trong khi còn tiếp tục áp bức những dân tộc khác"⁽⁴⁾. Với sự chỉ đạo sát sao và sáng suốt của C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n, Đại hội đã kết thúc thắng lợi với việc thông qua bản Điều lệ, trong đó thể hiện toàn bộ những kế hoạch cải tổ Liên đoàn do C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n đề xướng. Đại hội đã trao cho C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n nhiệm vụ soạn thảo "*Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*" với tính cách là cương lĩnh của Liên đoàn. Ph. Ăng-ghe-n đã cùng với C. Mác hoàn thành nhiệm vụ này một cách xuất sắc. Với cương lĩnh này, *Liên đoàn những người cộng sản* đã công khai tuyên bố những nguyên lý lý luận của mình và hoạt động công khai trên vũ đài chính trị với tính cách là Đảng Cộng sản, tổ chức tiên phong của giai cấp công nhân.

Đánh giá ý nghĩa "*Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*" đối với phong trào cách mạng của giai cấp công nhân, V.I. Lê-nin viết: "Cuốn sách nhỏ ấy có giá trị bằng hàng bộ sách: tinh thần của nó, đến bây giờ, vẫn cổ vũ và thúc đẩy toàn thể giai cấp vô sản có tổ chức và đang chiến đấu của thế giới văn minh"⁽⁵⁾. Dưới ánh sáng tư tưởng "*Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*" và sự chỉ đạo sát sao của C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n, từ sự phát triển mạnh mẽ của phong trào công nhân Đức, Đảng Công nhân dân chủ - xã hội Đức, đảng vô sản đầu tiên được tổ chức trên quy mô cả nước và, về cơ bản, đứng trên lập trường của chủ nghĩa cộng sản khoa học, đã được thành lập vào tháng 8-1869. Sự kiện này đánh dấu một bước phát triển hết sức quan trọng của phong trào công nhân Đức nói riêng và phong trào công nhân quốc tế nói chung.

(4) C.Mác và Ph.Ăng-ghe-n: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t 4, tr 528

(5) V.I.Lê-nin: *Sđd*, t 2, tr 10

Cống hiến của Ph. Ăng-ghe-n đối với phong trào công nhân quốc tế còn được thể hiện một cách sinh động thông qua hoạt động của Quốc tế I và hoạt động của Ph. Ăng-ghe-n trong phong trào công nhân quốc tế cho đến tận cuối đời. Trong thời gian 10 năm tồn tại của Quốc tế I, giai cấp công nhân các nước châu Âu và châu Mỹ đã đoàn kết ngày càng chặt chẽ hơn dưới ngọn cờ của chủ nghĩa quốc tế vô sản. Sự kết hợp chủ nghĩa xã hội khoa học với phong trào công nhân đã trở thành hiện thực. Tính tự giác của phong trào công nhân ngày càng thể hiện rõ rệt hơn, giai cấp công nhân trong cuộc đấu tranh đã nhận thức được những mục tiêu của cuộc đấu tranh và đã tìm được những phương pháp đấu tranh thích hợp có hiệu quả.

Sau khi Quốc tế I ngừng hoạt động, rồi Quốc tế II ra đời, vấn đề thống nhất phong trào công nhân quốc tế, đặc biệt là sự thống nhất tư tưởng của phong trào đã được Ph. Ăng-ghe-n hết sức quan tâm. Ông đã tiến hành đấu tranh mạnh mẽ, kiên quyết chống những khuynh hướng tư tưởng cản trở phong trào công nhân, nhất là đấu tranh chống chủ nghĩa cải lương và chủ nghĩa vô chính phủ, khẳng định vị trí, vai trò quan trọng của chủ nghĩa Mác trong phong trào công nhân.

Bảo vệ và phát triển chủ nghĩa Mác với tính cách là cơ sở nền tảng tư tưởng, lý luận của phong trào công nhân luôn được Ph. Ăng-ghe-n đặt lên hàng đầu. “*Chống Duy-rinh*” là một trong những tác phẩm lý luận của Ph. Ăng-ghe-n viết để đập tan những quan điểm lý luận phi mác-xít đang truyền bá trong Đảng Công nhân dân chủ - xã hội Đức vào cuối những năm 80 của thế kỷ XIX. Trong “*Chống Duy-rinh*”, Ph. Ăng-ghe-n đã trình bày đầy đủ, toàn vẹn, có hệ thống những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác. Nhờ đó, giai cấp công nhân đã có thể tiếp thu, thấm nhuần chủ nghĩa Mác với tính cách là một thế giới quan hoàn chỉnh, bao quát cả triết học, kinh tế - chính trị học, chủ nghĩa xã hội khoa học, chiến lược và sách lược đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản. Có thể nói, tác phẩm “*Chống Duy-rinh*” là một cuốn bách khoa toàn thư về các tri thức mác-xít đối với phong trào công nhân quốc tế.

Sau khi Mác qua đời, Ph. Ăng-ghe-n đã tập trung sức lực và trí tuệ tiếp tục sự nghiệp tổ chức, giác ngộ giai cấp công nhân, tiếp tục sự nghiệp bảo vệ, phát triển chủ nghĩa Mác. Một trong những cống hiến to lớn, bất diệt của Ph. Ăng-ghe-n trong sự nghiệp bảo vệ, phát triển chủ nghĩa Mác đó là Ph. Ăng-ghe-n đã đảm đương một khối lượng công việc vô cùng nặng nề, khó khăn để chỉnh lý, biên tập và cho xuất bản quyển II, quyển III bộ “*Tư bản*” – tác phẩm kinh tế - chính trị học vĩ đại nhất của thế kỷ chúng ta. Bằng công trình này “Ăng-ghe-n đã dựng cho người bạn thiên tài của ông một đài kỷ niệm trang nghiêm trên đó Ăng-ghe-n cũng không ngờ là đã khắc luôn cả tên mình bằng những chữ không bao giờ phai mờ được”⁽⁶⁾.

Cũng trong thời kỳ này, Ph. Ăng-ghe-n đã viết và cho xuất bản tác phẩm “*Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của nhà nước*” – “một trong những tác phẩm chủ yếu của chủ nghĩa xã hội hiện đại”⁽⁷⁾ và tác phẩm “*Lut-vích Phoi-ơ-bắc và sự cáo chung của triết học cổ điển Đức*” cùng một loạt tác phẩm khác, có giá trị về mặt lý luận, khẳng định tính đúng đắn, khoa học và cách mạng của những nguyên lý trong học thuyết chủ nghĩa Mác. Sau đó, Ph. Ăng-ghe-n đã tích cực tìm mọi cách để phổ biến rộng rãi tác phẩm “*Tư bản*” cũng như những tác phẩm mác-xít khác trong giai cấp công nhân, nâng cao trình độ giác ngộ của giai cấp công nhân, nâng cao tính tự giác của phong trào công nhân.

Chính vì thế, có thể nói rằng, công lao của Ph. Ăng-ghe-n đối với giai cấp công nhân chính là ở chỗ đã cùng với C. Mác, bằng hoạt động lý luận và thực tiễn đã “dạy cho công nhân tự nhận thức được mình và có ý thức về mình, và đã đem khoa học thay thế cho mộng tưởng”⁽⁸⁾.

Những cống hiến vĩ đại của Ph. Ăng-ghe-n đối với phong trào công nhân quốc tế đời đời bất diệt. □

(6) V.I.Lê-nin: *Sđd*, t 2, tr 12

(7) V.I.Lê-nin: *Sđd*, t 39, tr 78

(8) V.I.Lê-nin: *Sđd*, t 2, tr 5

CÙNG với C. Mác, Ph. Ăng-ghe-nơ đã có đóng góp to lớn trong quan niệm duy vật lịch sử về mối quan hệ giữa vật chất và ý thức, giữa tư duy và tồn tại, giữa tư tưởng và kinh tế..., cũng như giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội nói chung.

Về mối quan hệ giữa vật chất và ý thức, giữa tư tưởng và kinh tế, C. Mác đã đưa ra nhiều luận điểm rất đúng đắn và khoa học, trong đó có luận điểm nổi tiếng: "Phương thức sản xuất đời sống vật chất quyết định các quá trình sinh hoạt xã hội, chính trị và tinh thần nói chung. Không phải ý thức của con người quyết định tồn tại của họ; trái lại, tồn tại xã hội của họ quyết định ý thức của họ"⁽¹⁾. Thế nhưng, sau khi C. Mác qua đời, kẻ thù của chủ nghĩa Mác thường xuyên tạc rằng, chủ nghĩa Mác chỉ đề cao tính quyết định của vật chất, kinh tế mà coi nhẹ vai trò của ý thức, tư tưởng. Ph. Ăng-ghe-nơ đã đấu tranh chống lại quan điểm sai trái nói trên và bảo vệ, phát triển sáng tạo quan điểm của C. Mác về mối quan hệ biện chứng giữa vật chất, kinh tế và ý thức, tư tưởng. Ph. Ăng-ghe-nơ cho rằng, khi đấu tranh với chủ nghĩa duy tâm, C. Mác buộc phải nhấn mạnh tính quyết định của vật chất, kinh tế đối với ý thức, tư tưởng, song điều đó không có nghĩa là hạ thấp vai trò của ý thức, tư tưởng.

Ph. Ăng-ghe-nơ cho rằng, cả chủ nghĩa duy vật lẫn chủ nghĩa duy tâm trước C. Mác, dù ở góc độ này hay góc độ khác, đều tuyệt đối hóa mặt này hay mặt kia của mối quan hệ giữa vật chất, kinh tế và ý thức, tư tưởng. Trong khi đề cao tính độc lập, sáng tạo của ý thức, tư tưởng, chủ nghĩa duy tâm cố tình quên rằng, tính độc lập của ý thức, tư tưởng chỉ có ý nghĩa tương

Quan điểm của Ph. Ăng-ghe-nơ về tính độc lập (tương đối), tính sáng tạo của ý thức, tư tưởng

PHÙNG ĐÔNG

đối chứ không có ý nghĩa tuyệt đối*, và tính sáng tạo của nó không phải chỉ là sự tưởng tượng thuần túy, tách khỏi đời sống vật chất - kinh tế. Còn chủ nghĩa duy vật, do quá đề cao tính quyết định của vật chất, kinh tế mà không thấy được tính độc lập, sáng tạo của ý thức, tư tưởng, cũng như sự tác động trở lại của nó đối với đời sống vật chất - kinh tế.

Để hiểu rõ nguồn gốc, bản chất của tính độc lập, sáng tạo của ý thức, tư tưởng, chúng ta hãy tìm hiểu quan điểm của Ph. Ăng-ghe-nơ về nguyên nhân dẫn đến tính độc lập, sáng tạo của ý thức, tư tưởng.

1 – Sự phân công lao động xã hội là nguyên nhân đầu tiên và chủ yếu dẫn đến tính độc lập, sáng tạo của ý thức, tư tưởng. Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật lịch sử, sự phân công lao động xã hội của loài người là cả một quá trình phát triển từ đơn giản đến phức tạp. Trong buổi sơ khai của lịch sử, sự phân công lao động xã hội chỉ diễn ra ở phạm vi lao động vật chất (lao động chân tay): giữa săn bắn và hái lượm, giữa chăn nuôi và trồng trọt... Đến

(1) C. Mác và Ph. Ăng-ghe-nơ: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, t 13, tr 15

* Trong bài viết này, khi viết về tính độc lập của ý thức, tư tưởng, chúng tôi dùng với nghĩa tính độc lập tương đối

một giai đoạn phát triển lịch sử nào đó, sự phân công lao động xã hội được chia thành lao động vật chất và lao động tinh thần (lao động chân tay và lao động trí óc), lao động chấp hành và lao động quản lý... Càng về sau, sự phân công lao động xã hội càng diễn ra sâu sắc, và lao động tinh thần dần dần trở thành một lĩnh vực độc lập, dường như tách khỏi lĩnh vực lao động vật chất. Nhờ đó, những sản phẩm của lao động tinh thần như ý thức, tư tưởng, lý luận, lý thuyết, quan điểm, quan niệm ... ngày càng có tính độc lập, sáng tạo. Trong "Hệ tư tưởng Đức" (tác phẩm viết chung của C.Mác và Ph.Ăng-ghe-n), chúng ta thấy có đoạn phân tích khá sâu sắc về phân công lao động xã hội là nguyên nhân dẫn đến tính độc lập, sáng tạo của ý thức, tư tưởng: "Phân công lao động chỉ trở thành sự phân công lao động thực sự từ khi xuất hiện sự phân chia thành lao động vật chất và lao động tinh thần. Bắt đầu từ lúc đó, ý thức có thể thực sự tưởng tượng rằng nó là một cái gì khác chứ không phải là ý thức về thực tiễn hiện có, rằng nó có thể thực sự đại biểu cho cái gì đó mà không đại biểu cho một cái gì hiện thực cả; bắt đầu từ lúc đó, ý thức có khả năng tự giải thoát khỏi thế giới và chuyển sang xây dựng lý luận "thuần túy", thần học, triết học, đạo đức, v.v."⁽²⁾.

2 – Sự phân chia xã hội thành giai cấp và sự xuất hiện nhà nước cũng là một trong những nguyên nhân chủ yếu dẫn đến tính độc lập, sáng tạo của ý thức, tư tưởng. Vì lợi ích giai cấp mà giai cấp thống trị sẵn sàng áp đặt ý chí và nguyện vọng của mình vào hoạt động nhận thức cũng như hoạt động tinh thần nói chung. Tình trạng đó đã làm cho ý thức - tư tưởng xã hội ít nhiều mang tính chất chủ quan, không phản ánh đúng đời sống vật chất - kinh tế. Điều này được thể hiện rõ nhất trong hệ tư tưởng chính trị của giai cấp thống trị, trước hết là trong tư tưởng pháp luật. Ph. Ăng-ghe-n viết:

"Trong một nhà nước hiện đại, pháp luật không chỉ phải phù hợp với tình hình kinh tế chung,... mà còn phải là sự biểu hiện *hài hòa bên trong*,... Mà để đạt được điều này, người ta vi phạm ngày càng nhiều tính chính xác của việc phản ánh các quan hệ kinh tế. Và điều này xảy ra càng thường xuyên khi càng hiếm có trường hợp một bộ luật biểu hiện rõ rệt, không giảm nhẹ, không xuyên tạc sự thống trị của một giai cấp..."⁽³⁾.

3 – *Trình độ và đặc điểm nhận thức của con người là nguyên nhân không kém phần quan trọng dẫn đến tính độc lập, sáng tạo của ý thức, tư tưởng.* Ph. Ăng-ghe-n cho rằng, trong buổi bình minh của lịch sử, do trình độ nhận thức thấp kém, con người đã có những quan niệm, tư tưởng sai lầm về sự cấu tạo của thân thể họ, về thiên nhiên, về những lực lượng bí ẩn... Trong quá trình phát triển của nhận thức, những quan niệm, tư tưởng sai lầm đó được gạt bỏ dần dần, nhưng không phải vì thế mà chúng không còn gây ảnh hưởng đến những giai đoạn nhận thức tiếp theo. Đôi khi, trên cơ sở những quan niệm, tư tưởng sai lầm cũ, người ta lại tạo ra những quan niệm, tư tưởng sai lầm mới. Ph. Ăng-ghe-n còn cho rằng, một đặc điểm nổi bật của nhận thức là, bằng sự hình dung, trí tưởng tượng, hoặc bằng những kinh nghiệm, chất liệu tư tưởng đã tích lũy được của bản thân và của xã hội, người ta có thể xây dựng nên những tư tưởng, quan niệm, khái niệm có tính chất thuần túy và tách rời hiện thực. Chính điều đó đã tạo cho người ta một ảo tưởng rằng, những tư tưởng, quan niệm, khái niệm là sản phẩm thuần túy của con người, là sự "tự ý thức" của con người. Ph. Ăng-ghe-n viết: "Hệ tư tưởng là một quá trình tư tưởng do người được gọi là nhà tư tưởng tiến hành, mặc dù tiến hành một cách có ý thức, nhưng là một cách có

(2) C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n: *Sđd*, t 3, tr 45

(3) C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n: *Sđd*, t 37, tr 679

ý thức sai lầm... Vì vấn đề là quá trình tư duy nên nhà tư tưởng cũng rút ra cả nội dung lẫn hình thức của nó từ sự tư duy thuần túy - hoặc là từ sự tư duy của chính ông ta, hoặc là từ sự tư duy của những người đi trước ông ta"⁽⁴⁾.

Theo Ph. Ăng-ghe-n, xét đến cùng, tính độc lập, sáng tạo của ý thức, tư tưởng chẳng qua chỉ là về "bề ngoài". Ngay cả những ảo tưởng của con người cũng là sự thăng hoa tất yếu của đời sống vật chất. Bởi vậy, trong "Lút-vích Phoi-ơ-bắc và sự cáo chung của triết học cổ điển Đức", khi nói về mối quan hệ giữa triết học và tôn giáo với đời sống hiện thực, Ph. Ăng-ghe-n viết: "Những hệ tư tưởng cao hơn nữa, nghĩa là ở cách xa cơ sở vật chất, kinh tế của chúng hơn, đều mang hình thức triết học và tôn giáo. Ở đây, mối quan hệ giữa các quan niệm với các điều kiện tồn tại vật chất của chúng ngày càng trở nên phức tạp và ngày càng bị làm lu mờ đi bởi những khâu trung gian. Song dù sao mối quan hệ đó vẫn tồn tại"⁽⁵⁾.

Như vậy, theo Ph. Ăng-ghe-n, tính độc lập, sáng tạo của ý thức, tư tưởng chỉ có ý nghĩa tương đối. Trong bất cứ giai đoạn lịch sử nào, ý thức, tư tưởng cũng đều là sự phản ánh của đời sống vật chất - kinh tế, dù đó là sự phản ánh trực tiếp hay gián tiếp.

Tuy nhiên, ý thức, tư tưởng không phải là kết quả của một sự phản ánh thụ động, máy móc và không phải bao giờ cũng chịu sự chi phối hoàn toàn của đời sống vật chất - kinh tế. Ngoài tính chân thực, khách quan, nó còn bao hàm cả tính độc lập, sáng tạo, mềm dẻo, và do đó, nó không thể không có ảnh hưởng tích cực đến đời sống vật chất - kinh tế. Thậm chí, trong những thời điểm nhất định, nó có thể đóng vai trò quyết định đối với đời sống vật chất - kinh tế, cũng như đối với sự phát triển của xã hội nói chung. Ph. Ăng-ghe-n viết: "... theo quan điểm duy vật về lịch sử, nhân tố quyết định trong quá trình lịch sử *xét đến cùng*

là sản xuất và tái sản xuất ra đời sống hiện thực... Tình hình kinh tế là cơ sở hạ tầng, nhưng các yếu tố khác nhau của kiến trúc thượng tầng..., các học thuyết chính trị, pháp lý, triết học, các quan điểm tôn giáo... cũng có ảnh hưởng đến quá trình cuộc đấu tranh lịch sử và trong nhiều trường hợp chiếm ưu thế trong việc quyết định *hình thức* của cuộc đấu tranh ấy"⁽⁶⁾.

Ph. Ăng-ghe-n cho rằng, do có tính độc lập tương đối mà ý thức, tư tưởng có thể có nội dung tiến bộ, vượt trước, song cũng có thể có nội dung bảo thủ, lạc hậu. Điều đó phụ thuộc vào việc nhà tư tưởng đứng ở lập trường giai cấp nào và đã tiếp thu, kế thừa những chất liệu tư tưởng của quá khứ ở mức độ như thế nào. Tôn giáo là lĩnh vực tư tưởng bảo thủ nhất, bởi nó phụ thuộc nhiều vào "chất liệu truyền thống"⁽⁷⁾. Ph. Ăng-ghe-n khẳng định, những tư tưởng, quan niệm bảo thủ, sai lệch thường tác động tiêu cực đến sự phát triển kinh tế, thậm chí là nguyên nhân kìm hãm sự phát triển kinh tế.

Theo Ph. Ăng-ghe-n, sự tác động trở lại của ý thức, tư tưởng, nhất là của ý thức, tư tưởng pháp luật, đối với sự phát triển kinh tế cũng giống như sự tác động trở lại của quyền lực nhà nước đối với sự phát triển kinh tế. Sự tác động đó có thể có ba loại: "Nó có thể tác động cùng hướng - khi ấy sự phát triển diễn ra nhanh hơn; nó có thể tác động ngược lại sự phát triển kinh tế..., hoặc là nó có thể cản trở sự phát triển kinh tế ở những hướng nào đó và thúc đẩy sự phát triển ở những hướng khác"⁽⁸⁾.

Ph. Ăng-ghe-n còn cho rằng, do có tính độc lập tương đối mà giữa các yếu tố, hình thái của

(4) C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n: *Sđd*, t 39, tr 132

(5) C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n: *Sđd*, t 21, tr 444

(6) C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n: *Sđd*, t 37, tr 641 - 642

(7) C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n: *Sđd*, t 21, tr 449

(8) C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n: *Sđd*, t 37, tr 678

ý thức - tư tưởng xã hội (ý thức, tư tưởng chính trị, pháp luật, đạo đức; văn học, nghệ thuật...) thường có sự tác động qua lại. Sự tác động này không chỉ dựa trên cơ sở tính tất yếu kinh tế mà còn ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế.

* * *

Có thể nói, chỉ khi nào chúng ta tuân thủ và vận dụng đúng nguyên lý về tính độc lập, sáng tạo của ý thức, tư tưởng thì khi đó chúng ta mới không mắc phải bệnh bảo thủ, giáo điều và bệnh chủ quan, duy ý chí.

Trong lịch sử cách mạng Việt Nam, nhờ có sự vận dụng đúng đắn nguyên lý về tính độc lập, sáng tạo của ý thức, tư tưởng mà Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta đã lãnh đạo nhân dân ta giành hết thắng lợi này đến thắng lợi khác. Điều đó thể hiện rõ nhất trong việc giành thắng lợi của hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ. Mặc dù đời sống vật chất - kinh tế của đất nước ta thấp hơn nhiều lần so với đời sống vật chất - kinh tế của các nước đó, nhưng Đảng ta đã biết khơi dậy tính độc lập, tự chủ, sáng tạo trong ý thức, tư tưởng, tình cảm, nguyện vọng của mỗi người dân. Sự khơi dậy đó đã tạo nên ý chí sắt đá, quyết chiến quyết thắng, tạo nên sự đoàn kết, triệu người như một, và do đó, tạo nên sức mạnh vô địch.

Tất nhiên, thắng lợi của hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ còn bắt nguồn từ sự lãnh đạo tài tình, sáng suốt của Đảng ta. Nói một cách khái quát, đường lối, chủ trương kháng chiến của Đảng ta không chỉ phản ánh đúng mà điều quan trọng hơn, còn phản ánh sáng tạo, vượt trước hiện thực khách quan. Song, sự phản ánh sáng tạo, vượt trước đó không phải là sự phản ánh mang tính chủ quan, duy ý chí, tách khỏi đời sống hiện thực, mà là sự phản ánh thể hiện ở tài phân tích, nắm bắt được trước tình hình, xu thế vận động của

thời cuộc, của hiện thực khách quan. Ở đây, Đảng ta đã rất sáng suốt khi dự đoán được rằng, đường lối, phương châm kháng chiến toàn dân, toàn diện, dựa vào sức mình là chính, kết hợp ba thứ quân, kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, kết hợp các mũi giáp công, kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại... trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp cũng như chống đế quốc Mỹ sẽ làm cho tương quan lực lượng giữa ta và địch thay đổi. Cụ thể, chiến tranh càng kéo dài, địch càng sa lầy, suy yếu và càng đánh càng yếu; còn ta, càng có điều kiện phát triển kinh tế, chính trị, củng cố lực lượng, rút kinh nghiệm về cách đánh và do đó, càng đánh càng mạnh...

Tuy nhiên, không phải lúc nào chúng ta cũng hiểu đúng và vận dụng đúng nguyên lý về tính độc lập, sáng tạo của ý thức, tư tưởng. Trong một thời gian khá dài, kể từ sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, sự nhận thức cũng như tư tưởng, quan niệm của chúng ta về chủ nghĩa xã hội chưa phù hợp và chưa theo kịp sự vận động, biến đổi của thực tiễn đất nước và xu thế phát triển của thời đại. Điều này đã được Đảng ta thẳng thắn thừa nhận tại Đại hội VI (1986): "Nhiều năm nay, trong nhận thức của chúng ta về chủ nghĩa xã hội có nhiều quan niệm lạc hậu, nhất là những quan niệm về công nghiệp hóa, về cải tạo xã hội chủ nghĩa, về cơ chế quản lý kinh tế, về phân phối, lưu thông, v.v."⁽⁹⁾. Rõ ràng, ở đây chúng ta chưa vươn tới tính chân thực, khách quan và tính năng động, sáng tạo của ý thức, tư tưởng. Để tư tưởng, quan niệm của chúng ta phản ánh chân thực, sinh động, sáng tạo thực tiễn xây dựng, phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, đòi hỏi chúng ta phải "luôn luôn

(9) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1987, tr 125

xuất phát từ thực tế, tôn trọng và hành động theo quy luật khách quan"⁽¹⁰⁾, *nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật*, và điều quan trọng là *phải đổi mới, trước hết là đổi mới tư duy*. Đó cũng chính là sự tôn trọng và tuân theo nguyên lý về tính bị quyết định bởi đời sống vật chất - kinh tế và tính độc lập, sáng tạo của ý thức, tư tưởng trong đổi mới tư duy, đổi mới quan niệm, nhận thức.

Như vậy, xét trong mối quan hệ biện chứng giữa vật chất, kinh tế và ý thức, tư tưởng, đổi mới tư duy, nhất là đổi mới tư duy kinh tế, thực chất là làm cho chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước ngày càng có tính khả thi hơn, sát đúng hơn đối với sự vận động, phát triển của đời sống vật chất - kinh tế. Và, điều quan trọng hơn, làm cho chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước ngày càng giữ vai trò chủ động, sáng tạo trong việc định hướng, vạch đường "đi tắt, đón đầu" cho sự phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội.

Những thành tựu của gần 20 năm đổi mới đất nước đã chứng tỏ rằng, đường lối đổi mới của Đảng ta là đúng đắn, sáng tạo, phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội và tâm tư, nguyện vọng của nhân dân. Tuy nhiên, như Kết luận Hội nghị Trung ương lần thứ 12, khóa IX, về mặt nhận thức, chúng ta chưa hình thành được một khung lý luận về thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Chưa xác định rõ và tạo được sự nhất trí cao về những đặc trưng của nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa, đặc biệt là về tính định hướng xã hội chủ nghĩa. Các bước đi của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa chưa được làm rõ. Nhận thức về nền kinh tế độc lập, tự chủ trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế cũng còn khác nhau.

Xuất phát từ nguyên lý tính độc lập, sáng tạo của ý thức, tư tưởng, chúng ta có thể thấy,

để góp phần đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới cũng như sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, cần đổi mới nhận thức, tư duy và công tác tư tưởng, lý luận theo hướng: *Thứ nhất*, tiếp tục đẩy mạnh đổi mới tư duy lý luận, nhất là tư duy chính trị, pháp luật và kinh tế nhằm sớm xây dựng một khung lý luận vững chắc về thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. *Thứ hai*, tăng cường công tác nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn đổi mới đất nước, gắn với nghiên cứu, học tập kinh nghiệm nước ngoài trong phát triển kinh tế - xã hội, nhằm làm sáng tỏ hơn nữa con đường đi lên chủ nghĩa xã hội và các bước đi của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta. *Thứ ba*, nâng cao chất lượng công tác giáo dục chính trị - tư tưởng, pháp luật, đạo đức - lối sống cho cán bộ, đảng viên và toàn thể nhân dân, gắn với việc đẩy mạnh công tác đấu tranh trên mặt trận tư tưởng, lý luận, nhằm tạo ra sự thống nhất, đồng thuận cao về ý chí và hành động trong toàn Đảng, toàn dân; làm thất bại chiến tranh tâm lý và chiến lược "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch, phản động. *Thứ tư*, mở rộng dân chủ, phát huy tự do tư tưởng trong nghiên cứu khoa học, lý luận; đồng thời, động viên, khuyến khích kịp thời, thỏa đáng đối với những cá nhân có cống hiến xuất sắc về khoa học, lý luận. *Thứ năm*, tăng cường giao lưu, hợp tác văn hóa và khoa học, kỹ thuật - công nghệ trên cơ sở tiếp thu có chọn lọc và bảo đảm an ninh quốc gia. *Thứ sáu*, tiếp tục đẩy mạnh việc bảo tồn, khai thác, kế thừa những di sản, giá trị văn hóa tinh thần của dân tộc; gắn việc khai thác, kế thừa đó với công tác tuyên truyền, giáo dục tinh thần yêu nước, tự hào dân tộc và đạo đức - lối sống lành mạnh trong nhân dân.□

(10) Văn kiện đã dẫn, tr 30

QUAN ĐIỂM CỦA HỒ CHÍ MINH VỀ XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA CỦA NHÂN DÂN, DO NHÂN DÂN VÀ VÌ NHÂN DÂN

TÔ HUY RỬA *

TƯ tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân là một hệ thống các quan điểm lý luận về bản chất, chức năng, cơ chế hoạt động, tổ chức bộ máy, xây dựng đội ngũ cán bộ công chức nhà nước; trong đó, quan niệm về nhà nước pháp quyền là một tư tưởng nhất quán, thể hiện tầm nhìn vượt thời đại và có giá trị lâu bền. Trong di sản lý luận của mình, Hồ Chí Minh đã có lần chính thức sử dụng thuật ngữ "chế độ pháp trị". Tiếp xúc với nền văn minh Âu - Mỹ, nhất là kinh nghiệm tổ chức, điều hành đời sống xã hội, Hồ Chí Minh cho rằng, quản lý xã hội bằng pháp luật là dân chủ, tiến bộ và có tính chất phổ biến đối với các xã hội hiện đại.

Nhận thức được tầm quan trọng của luật pháp, từ rất sớm, Hồ Chí Minh đã đề cập đến vai trò của chúng trong điều hành và quản lý xã hội. Năm 1919, tám yêu sách của nhân dân An Nam gửi tới Hội nghị Véc- xây đã có 4 điểm liên quan đến vấn đề pháp quyền, còn lại liên quan đến công lý và quyền con người.

Sau này, bản Yêu sách của nhân dân An Nam được Hồ Chí Minh chuyển thành "Việt Nam yêu cầu ca", trong đó yêu cầu thứ bảy là:

"Bây xin hiến pháp ban hành,

Trăm điều phải có thần linh pháp quyền"⁽¹⁾

"Trăm điều" là một đại lượng được sử dụng theo cách ẩn dụ để đề cập một cái chung, bao quát. Còn "thần linh pháp quyền" là một cách nói theo ngôn ngữ ngày nay, là ý thức, tinh thần pháp luật phải chi phối, chỉ đạo mọi hành vi, hoạt động của bộ máy, cơ quan nhà nước; môi trường pháp lý phải bao trùm mọi mặt, mọi lĩnh vực đời sống xã hội. Đây là tư tưởng rất đặc sắc của Hồ Chí Minh, phản ánh nội dung cốt lõi của Nhà nước dân chủ mới - Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật. Đồng thời, đây cũng là nguyên tắc xuyên suốt trong hoạt động quản lý nhà nước của Người.

Sau Cách mạng Tháng Tám, năm 1945, Hồ Chí Minh đề ra một trong sáu nhiệm vụ cấp bách của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa là: Chúng ta phải có một hiến pháp dân chủ. Cùng với chủ trương xây dựng Hiến pháp, ngày 10-10-1945, Hồ Chí Minh đã ký Sắc lệnh SL/47 cho phép sử dụng một số điều

* PGS, TS, Ủy viên Trung ương Đảng, Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

(1) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t 1, tr 438

khoản của pháp luật cũ để điều chỉnh các quan hệ dân sự. Trong nhận thức của Hồ Chí Minh, pháp luật của các chế độ xã hội có những giá trị nhân bản chung mà chúng ta có thể kế thừa, phát triển. Ở đây, Hồ Chí Minh đã nhìn nhận pháp luật trong chiều sâu văn hóa của nó.

Sau năm 1954, khi miền Bắc bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, đất nước đạt được nhiều thành tựu quan trọng, nhiều quy định trong Hiến pháp năm 1946 không còn phù hợp, Hồ Chí Minh đã chủ trương sửa đổi và ban hành Hiến pháp mới - Hiến pháp năm 1959. Trong tư duy Hồ Chí Minh, một khi điều kiện kinh tế - xã hội thay đổi thì pháp luật, nhất là đạo luật "gốc" - Hiến pháp, cũng phải thay đổi để bảo đảm khả năng điều chỉnh hợp lý các quan hệ xã hội đã phát sinh và định hình.

Ngoài hai bản Hiến pháp, từ năm 1945 đến 1969, Hồ Chí Minh còn chỉ đạo soạn thảo, ký quyết định công bố 16 đạo luật và 1.300 văn bản dưới luật. Khối lượng văn bản luật đó luôn thể hiện rõ việc đề cao tính nhân đạo và nhân văn, bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp của nhà nước mà nhân dân là chủ và do nhân dân làm chủ.

Hồ Chí Minh luôn khẳng định: Pháp luật của ta là pháp luật dân chủ, phải nghiêm minh và phát huy hiệu lực thực tế. Nhà nước ta cũng sử dụng pháp luật để quản lý xã hội. Song pháp luật của ta đã có sự thay đổi về chất, mang bản chất của giai cấp công nhân, là một loại hình pháp luật kiểu mới, pháp luật thật sự dân chủ, vì nó bảo vệ quyền tự do, dân chủ rộng rãi cho nhân dân lao động. Tuy nhiên, pháp luật dân chủ ở Hồ Chí Minh cũng được xem xét trong các mối quan hệ hết sức đặc trưng:

- Trong quan niệm về thực chất của dân chủ: "Không nên hiểu lầm dân chủ. Khi chưa quyết định thì tha hồ bàn cãi. Nhưng khi đã

quyết định rồi thì không được bàn cãi nữa, có bàn cãi cũng chỉ là để bàn cách thi hành cho được, cho nhanh, không phải để đề nghị không thực hiện. Phải cấm chỉ những hành động tự do quá trớn ấy" (2).

- Trong việc xác định rõ giới hạn của các quyền tự do cá nhân, Người nói: Nhân dân ta hiện nay có tự do, tự do trong kỷ luật. Mỗi người có tự do của mình, nhưng phải tôn trọng tự do của người khác. Người nào sử dụng quyền tự do của mình quá mức là phạm đến tự do của người khác, là phạm pháp. Không thể có tự do cho bọn việt gian, bọn phản động, bọn phá hoại tự do của nhân dân.

- Trong việc xử lý mối quan hệ giữa quyền và nghĩa vụ công dân, pháp luật dân chủ vừa thể hiện các quyền, lợi ích của công dân, nhưng cũng quy định rõ các nghĩa vụ mà người dân phải thực hiện. Hưởng quyền và thực hiện nghĩa vụ là thuộc tính hai mặt của một người dân làm chủ nhà nước.

Hồ Chí Minh nhấn mạnh: Pháp luật của ta là pháp luật dân chủ; mọi công dân của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa đều bình đẳng trước pháp luật cả về quyền lợi và nghĩa vụ; ai vi phạm pháp luật đều phải xử lý nghiêm khắc, cho dù người đó ở vị trí nào trong bộ máy lãnh đạo, quản lý của Đảng, Nhà nước. Theo Người, hiệu lực của pháp luật chỉ có được khi mọi người đều nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật; pháp chế chỉ bảo đảm khi các quy phạm pháp luật được thực thi trong các quan hệ xã hội; mọi hành vi vi phạm pháp luật phải bị xử lý. Như vậy, trong thực thi luật pháp, việc thưởng phạt phải nghiêm minh. Vì nếu thưởng phạt không nghiêm minh thì người cúc cung tận tụy lâu ngày cũng thấy chán nản, còn người hư hỏng, vi phạm pháp luật, kỷ luật sẽ ngày càng lún sâu vào tội lỗi, làm thiệt hại

(2) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 6, tr 108

cho nhân dân. Trong một nước, thường phạt phải nghiêm minh thì nhân dân mới yên ổn, kháng chiến mới thắng lợi, kiến quốc mới thành công.

Muốn pháp luật nghiêm minh, phát huy hiệu lực, cần có các điều kiện:

Trước hết, pháp luật đó phải đúng và phải đủ. Pháp luật đúng là pháp luật phản ánh trung thành bản chất các quan hệ xã hội khách quan, tiếp cận đến chân lý, mà chân lý là tất cả những gì phù hợp với lợi ích của nhân dân. Còn pháp luật đủ là phải có tính đồng bộ, bao quát được các mặt, các loại quan hệ, các lĩnh vực của đời sống xã hội.

Thứ hai, pháp luật phải đến được với dân, "đi vào giữa dân gian". Để pháp luật được thực thi trong đời sống xã hội phải chú trọng giáo dục, tuyên truyền pháp luật cho mọi đối tượng dân cư, làm cho họ biết, hiểu và thực hiện đúng. Trong điều kiện dân trí còn thấp, học vấn hạn chế, văn hóa dân chủ chưa cao, việc tuyên truyền, giáo dục pháp luật càng trở nên cần thiết.

Trong quan niệm của Hồ Chí Minh, tuyên truyền, giáo dục pháp luật là một "công đoạn" trong toàn bộ quy trình xây dựng - thông qua, ban hành - thực hiện, giám sát- sửa đổi, điều chỉnh pháp luật. Tại Hội nghị thảo luận Luật Hôn nhân và Gia đình, vấn đề này đã được Hồ Chí Minh chỉ rõ: "công bố đạo luật này chưa phải đã là mọi việc đều xong, mà còn *phải tuyên truyền giáo dục lâu dài mới thực hiện được tốt*"⁽³⁾. Muốn dân hiểu, dân nhớ để làm theo, trong tuyên truyền phải biết cách diễn đạt đơn giản, ngắn gọn, nhưng tuyệt đối chính xác, phù hợp với đặc điểm tâm lý, tính cách, văn hóa của các đối tượng dân cư từng khu vực, từng miền trên đất nước.

Thứ ba, cán bộ trực tiếp thực thi luật pháp phải thật sự công tâm và nghiêm minh. Hồ Chí Minh yêu cầu cán bộ, đảng viên có

nhệm vụ "gương mẫu chấp hành pháp luật của Nhà nước, kỷ luật của các đoàn thể cách mạng của quần chúng mà mình tham gia". Người nhiều lần phê phán những cán bộ, đảng viên không chấp hành pháp luật của Nhà nước, cá nhân chủ nghĩa sinh ra tự do chủ nghĩa, không tôn trọng pháp luật và thể lệ nhà nước, làm gương xấu cho quần chúng nhân dân.

Trong việc giữ vững tính nghiêm minh và hiệu lực của pháp luật, cán bộ làm công tác tư pháp có vai trò quan trọng. Họ chính là người trực tiếp thực thi luật pháp, đại diện cụ thể cho "cán cân công lý". Vì thế, Hồ Chí Minh yêu cầu ở họ phải có phẩm chất đạo đức cần thiết: Trong công tác xử án phải công bằng, liêm khiết, trong sạch như thể cũng chưa đủ vì không thể chỉ hạn chế hoạt động của mình trong khung tòa án mà còn phải gần dân, giúp dân, học dân, hiểu dân để giúp mình thêm liêm khiết, thêm công bằng, trong sạch.

Đối với những người lợi dụng chức vụ, quyền hạn vi phạm pháp luật hoặc xử lý không đúng, không nghiêm các trường hợp vi phạm pháp luật, Hồ Chí Minh chỉ rõ: Có cán bộ, đảng viên lợi dụng quyền thế của Đảng và Nhà nước làm những việc trái với chính sách và pháp luật, xâm phạm đến lợi ích vật chất và quyền tự do dân chủ của nhân dân, nhưng cũng chưa bị xử lý kịp thời..., như vậy là kỷ luật chưa nghiêm. Người yêu cầu kiên quyết trừng trị những kẻ vi phạm pháp luật, xâm phạm quyền lợi của công dân, làm cho nhân dân bất bình, oan ức.

Với Hồ Chí Minh, pháp luật không phải là để trừng trị con người mà là công cụ bảo vệ, thực hiện lợi ích của con người. Tư tưởng pháp quyền của Người không chỉ dừng lại ở các quyền con người được ghi trong các văn

(3) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 9, tr 267

bản pháp luật mà còn thấm đượm một tấm lòng thương yêu nhân dân, chăm lo cho ấm no, hạnh phúc của nhân dân, thấm đượm lòng nhân ái, nghĩa đồng bào theo đạo lý truyền thống ngàn năm của dân tộc Việt Nam. Vì thế, *pháp quyền Hồ Chí Minh là pháp quyền đặc biệt, pháp quyền nhân nghĩa* - một thứ nhân nghĩa có nội hàm triết lý, mang đậm tính dân tộc và dân chủ sâu sắc.

Trên thế giới, từ cổ chí kim, từ Đông sang Tây tồn tại hai phương thức trị nước chủ yếu: đức trị và pháp trị. Bản thân Hồ Chí Minh cũng đã có lần đề cập đến chế độ pháp trị: ... Tư pháp cần góp phần của mình là *thực hiện chế độ pháp trị*, giữ vững và bảo vệ quyền lợi nhân dân, bảo vệ chế độ dân chủ nhân dân. Nhưng trong thực tế, Người đã kết hợp chặt chẽ việc quản lý, điều hành xã hội bằng pháp luật với việc tuyên truyền, giáo dục đạo đức cách mạng, nâng cao bản lĩnh công dân, giác ngộ lý tưởng cách mạng cho cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân. Hồ Chí Minh nhận rõ cả pháp luật và đạo đức đều dùng để điều chỉnh hành vi của con người, nâng con người lên, hướng con người tới *chân, thiện, mỹ*. Pháp luật góp phần hoàn thiện nhân cách làm người, còn đạo đức làm cho người ta thực hiện luật pháp một cách tự giác. Trong quan niệm của Hồ Chí Minh, đạo đức là cơ sở để xây dựng, thực hiện pháp luật. Nền pháp quyền của ta là một nền pháp quyền hợp đạo đức, có nhân tính. Hồ Chí Minh lý giải: nghĩ cho cùng, vấn đề tư pháp, cũng như mọi vấn đề khác, trong lúc này là vấn đề ở đời và làm người. Ở đời và làm người là phải thương nước, thương dân, thương nhân loại đau khổ bị áp bức. Phải làm sao đóng góp vào việc làm cho nước độc lập, dân được tự do, hạnh phúc, nhân loại khỏi đau khổ.

Sự thống nhất giữa đạo đức và pháp luật trong tư tưởng Hồ Chí Minh được thể hiện ở quan niệm xử lý các hành vi phạm pháp,

nguyên tắc "có lý", "có tình" chi phối mọi hành vi ứng xử của con người, tôn trọng cái lý, đề cao cái tình, tùy từng trường hợp, tình huống cụ thể mà Hồ Chí Minh nhấn mạnh mặt này hay mặt khác. Xử lý hành vi vi phạm pháp luật phải kịp thời, nghiêm minh. Pháp luật không loại trừ một ai, nhằm ngăn chặn, đẩy lùi cái xấu, cái ác, khuyến khích, nâng đỡ, phát huy cái tốt, cái thiện vốn có trong mỗi con người, chứ không đơn thuần trừng phạt, răn đe. Trong việc thực thi pháp luật cũng phải bảo đảm tính hài hòa giữa các mặt tương chừng như đối lập nhau. Phương châm của Hồ Chí Minh là: không xử phạt là không đúng; song, cái gì cũng trừng phạt cả cũng là không đúng, nên phải tránh lạm dụng pháp luật. Tính nghiêm minh và hiệu lực của luật pháp không chỉ phụ thuộc vào sự đúng đắn của pháp luật mà trong quan hệ thực tế còn phụ thuộc vào cả cái tâm của chính người đại diện cho pháp luật.

Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh, tiếp thu các giá trị tư tưởng hiện đại của loài người, trước nhu cầu thực tiễn phát triển đất nước, Đảng Cộng sản Việt Nam chủ trương lãnh đạo xây dựng nhà nước pháp quyền ở nước ta. Quan điểm về nhà nước pháp quyền của Đảng là một bộ phận hợp thành tổng thể lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội.

Nhận thức của Đảng về nhà nước pháp quyền là một quá trình. Trước những năm 90 của thế kỷ XX, trên bình diện lý luận, chúng ta chỉ dùng các khái niệm "Nhà nước chuyên chính vô sản", "Nhà nước xã hội chủ nghĩa". Đến năm 1994, tại Hội nghị đại biểu toàn quốc của Đảng giữa nhiệm kỳ khóa VII, khái niệm "nhà nước pháp quyền" đã được nêu lên. Từ đó, Đảng ta nhận thức rất rõ rằng, nhà nước pháp quyền là một thành tựu vĩ đại của tư tưởng nhân loại; xét về bản chất, không chỉ có

một loại nhà nước pháp quyền duy nhất; mà dựa trên cơ sở kinh tế - xã hội, bản chất chế độ xã hội khác nhau, vẫn tồn tại Nhà nước pháp quyền tư bản chủ nghĩa và Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Nhận thức này ngày càng thống nhất trong toàn Đảng và được khẳng định rõ tại Đại hội IX của Đảng (4-2001): Nhà nước ta là công cụ chủ yếu để thực hiện quyền làm chủ của nhân dân, *là Nhà nước pháp quyền của dân, do dân, vì dân*. Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công và phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp. Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật. Mọi cơ quan, tổ chức, cán bộ, công chức, mọi công dân có nghĩa vụ chấp hành Hiến pháp và pháp luật. Quan điểm này đã được thể hiện trong việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 và cụ thể hóa trong Điều 2: Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức.

Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công và phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp.

Trong Dự thảo Đề cương các Văn kiện trình Đại hội X của Đảng, xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa được khẳng định thành một vấn đề có tính nguyên tắc với các nội dung: nghiên cứu, thể chế hóa và xây dựng cơ chế vận hành cụ thể để bảo đảm nguyên tắc tất cả quyền lực nhà nước đều thuộc về nhân dân; nguyên tắc quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp giữa các cơ quan trong việc

thực hiện quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp; xây dựng cơ chế bảo vệ Hiến pháp, đồng thời định rõ cơ chế, cách thức bảo đảm tính tối cao của Hiến pháp và luật trong đời sống kinh tế - xã hội của đất nước.

Thực hiện nguyên tắc này, trên thực tế là tiếp tục quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước pháp quyền trong những điều kiện và yêu cầu phát triển mới của đất nước. Cụ thể là:

- Cần phải nhận thức đúng đắn vai trò của pháp luật trong nhà nước pháp quyền, bảo đảm để pháp luật trở thành phương tiện cho người dân thực hiện quyền làm chủ của mình, sống và làm việc theo Hiến pháp, pháp luật.

- Xây dựng đồng bộ và hoàn thiện hệ thống pháp luật, đáp ứng tốt và kịp thời nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

- Kiện toàn, nâng cao chất lượng các cơ quan làm luật, xây dựng đội ngũ cán bộ tư pháp đủ phẩm chất và năng lực.

- Đẩy mạnh công tác giáo dục ý thức pháp luật cho nhân dân, coi trọng tuyên truyền, hướng dẫn, giải thích, hỗ trợ tư vấn pháp luật, nhất là ở vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa; giáo dục pháp luật phải gắn liền với giáo dục đạo đức cách mạng.

- Pháp luật phải được thực thi nghiêm chỉnh từ cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức nhà nước đến các tổ chức xã hội và công dân; mọi hành động vi phạm pháp luật phải được xử lý đúng, kịp thời, không để sót người, sót tội, không gây oan ức cho người vô tội...

- Tăng cường vai trò và đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng trong quá trình xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền, nhất là nâng cao tầm trí tuệ và tư duy lý luận của Đảng trong chỉ đạo định hướng xây dựng hệ thống pháp luật. □

CÁN bộ là nhân tố quyết định sự thành bại của toàn bộ sự nghiệp cách mạng Việt Nam do Đảng ta lãnh đạo. Công tác cán bộ bao giờ cũng được Đảng và Bác Hồ hết sức coi trọng. Những thành tựu vĩ đại của cách mạng nước ta mấy chục năm qua có nhiều nguyên nhân, trong đó có một nguyên nhân cơ bản là chúng ta đã thực sự coi trọng và làm tốt công tác cán bộ.

Thế nhưng, trong điều kiện kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế hiện nay, vấn đề cán bộ, nhất là phẩm chất và năng lực của người cán bộ cách mạng đang bị thử thách hết sức gay gắt. Đại hội IX, Đảng ta thẳng thắn nhận định: *"Tình trạng tham nhũng, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống ở một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên là rất nghiêm trọng. Nạn tham nhũng kéo dài trong bộ máy của hệ thống chính trị và trong nhiều tổ chức kinh tế là một nguy cơ lớn đe dọa sự sống còn của chế độ ta. Tình trạng lãng phí, quan liêu còn khá phổ biến"*⁽¹⁾. Hội nghị Trung ương 9, khóa IX tiếp tục nhận định: *"tình trạng suy thoái về đạo đức, lối sống, tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí trong một bộ phận cán bộ, đảng viên chưa được ngăn chặn và đẩy lùi, chủ nghĩa cá nhân có chiều hướng phát triển; ở nhiều đảng viên và tổ chức cơ sở đảng tính chiến đấu, tinh thần bảo vệ đường lối, chính sách của Đảng, bảo vệ lợi ích chính đáng của nhân dân yếu. Tình hình tham nhũng, tiêu cực vẫn rất nghiêm trọng trong các lĩnh vực xây dựng cơ bản, nhà đất, tài chính doanh nghiệp nhà nước, chi tiêu ngân sách và thi hành pháp luật. Tình trạng trên đây hiện vẫn là nổi bật, khoản lớn của cán bộ, đảng viên và nhân dân"*⁽²⁾.

Làm thế nào để ngăn chặn sự thoái hóa, biến chất và yếu kém của một bộ phận cán bộ, đảng

Tư tưởng "nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân" CỦA HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN LINH KHIẾU

viên trong điều kiện hiện nay để xây dựng một chiến lược cán bộ đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ cách mạng, theo chúng tôi, có nhiều nội dung, trong đó tìm hiểu, học tập một cách sâu sắc và thực hiện đúng tư tưởng Hồ Chí Minh về công tác cán bộ là "chìa khóa" quan trọng nhất.

Hồ Chí Minh từng nói: Công việc thành công hay thất bại đều do cán bộ tốt hay kém. Theo Người, điều chủ chốt với cán bộ là có phẩm chất đạo đức cách mạng hay không. Theo Bác, con người ta có bốn đức: Cần, Kiệm, Liêm, Chính... Thiếu một đức, thì không thành người. Khi nói về mối quan hệ giữa tài và đức của cán bộ, đảng viên, Người giải thích: *"Đức là đạo đức cách mạng. Đó là cái gốc, rất là quan trọng. Nếu không có đạo đức cách mạng thì có tài cũng vô dụng. Đạo đức cách mạng là triệt để trung thành với cách mạng, một lòng một dạ phục vụ nhân dân"*⁽³⁾. Rõ ràng, đối với Hồ Chí Minh,

(1) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr 76

(2) Văn kiện Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa IX, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004, tr 64 - 65

(3) Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t 11, tr 329

cán bộ là nhân tố quyết định sự thành bại của cách mạng; trong đó, vấn đề đạo đức cách mạng của người cán bộ là quan trọng nhất, là tiêu chí số một. Người nhiều lần khẳng định: không có đạo đức cách mạng thì dù có tài cũng vô dụng.

Chính vì nhất quán trong tư tưởng vấn đề cán bộ là cốt tủy của sự nghiệp cách mạng nên suốt cuộc đời mình, trong bất cứ hoàn cảnh nào, Người cũng đau đầu một niềm suy nghĩ xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên vừa "hồng" vừa "chuyên" ngang tầm với nhiệm vụ cách mạng, xứng đáng với niềm tin yêu và trông cậy của nhân dân. Người đặc biệt quan tâm xây dựng *đạo đức cách mạng*. Theo Bác, người cách mạng phải có đạo đức cách mạng làm nền tảng, mới hoàn thành được nhiệm vụ cách mạng vẻ vang. Và, người cán bộ cách mạng... phải giữ vững đạo đức cách mạng mới là người cán bộ cách mạng chân chính. Đạo đức cách mạng, theo Người, có thể tóm tắt là: nhận rõ phải, trái; giữ vững lập trường; tận trung với nước; tận hiếu với dân. Đạo đức cách mạng là quyết tâm suốt đời đấu tranh cho Đảng, cho cách mạng. Đó là điều chủ chốt nhất. Người khẳng định: muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội thì phải bồi dưỡng con người xã hội chủ nghĩa. Con người xã hội chủ nghĩa là con người có đạo đức với các phẩm chất: cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư, một lòng một dạ phục vụ nhân dân, phục vụ cách mạng.

Quan niệm của Hồ Chí Minh về đạo đức cách mạng rất rõ ràng, cụ thể, gần gũi và dễ hiểu. Người còn chỉ rõ, đối với cán bộ, đảng viên có đạo đức cách mạng thì khi gặp khó khăn, gian khổ, thất bại, cũng không sợ sệt, rụt rè, lùi bước. Đó là những người, vì lợi ích chung của Đảng, của cách mạng, của giai cấp, của dân tộc và của loài người mà không ngần ngại hy sinh lợi ích riêng của cá nhân. Khi cần thì sẵn sàng hy sinh cả tính mạng của mình cũng không tiếc.

Khi nói về một số cán bộ, đảng viên mắc khuyết điểm, chậm tiến, Hồ Chí Minh khẳng định: nói chung, các đồng chí ấy rất trung thành với Đảng, với nhân dân, nhưng tư tưởng và tác

phong chưa thuần, đang mang một "ba lô chủ nghĩa cá nhân" hoặc nặng, hoặc nhẹ. Người chỉ rõ nguyên nhân của chủ nghĩa cá nhân là: "Sinh trưởng trong xã hội cũ, chúng ta ai cũng mang trong mình hoặc nhiều hoặc ít vết tích xấu xa của xã hội đó về tư tưởng, về thói quen... Vết tích xấu xa nhất và nguy hiểm nhất của xã hội cũ là *chủ nghĩa cá nhân*. Chủ nghĩa cá nhân trái ngược với đạo đức cách mạng, nếu nó còn lại trong mình, dù là ít thôi, thì nó sẽ chờ dịp để phát triển, để che lấp đạo đức cách mạng, để ngăn trở ta một lòng một dạ đấu tranh cho sự nghiệp cách mạng" ⁽⁴⁾.

Người vạch ra chân tướng và biểu hiện cụ thể của *chủ nghĩa cá nhân*, là so bì đả ngộ: lương thấp, cao, quần áo đẹp, xấu, là uế oải, muốn nghỉ ngơi, hưởng thụ, an nhàn; là việc gì cũng chỉ lo lợi ích riêng của mình, không quan tâm đến lợi ích chung của tập thể; "miễn là mình béo mặc thiên hạ gầy". Theo Người, do chủ nghĩa cá nhân mà ngại gian khổ, khó khăn, sa vào tham ô, hủ hóa, lãng phí, xa hoa; tham danh trục lợi, thích địa vị, quyền hành; tự cao tự đại, coi thường tập thể, xem khinh quần chúng, độc đoán chuyên quyền; xa rời quần chúng, xa thực tế, mắc bệnh quan liêu, mệnh lệnh; họ không có tinh thần cố gắng vươn lên, không chịu học tập để tiến bộ. Cũng do chủ nghĩa cá nhân mà mất đoàn kết, thiếu tính tổ chức, tính kỷ luật, kém tinh thần trách nhiệm, không chấp hành đúng đường lối, chính sách của Đảng và của Nhà nước, làm hại đến lợi ích của cách mạng, của nhân dân. Nó đẻ ra mọi thói hư tật xấu như: lười biếng, suy bì, kiêu căng, kèn cựa, nhút nhát, lãng phí, tham ô, bè phái, địa phương chủ nghĩa...

Theo Người, muốn đánh thắng kẻ địch bên ngoài, thì trước hết phải đánh thắng kẻ địch bên trong là chủ nghĩa cá nhân. Muốn giữ gìn sự trong sáng của chủ nghĩa Mác - Lê-nin thì trước hết tự mình phải trong sáng. Muốn đánh thắng kẻ thù là *chủ nghĩa đế quốc*, muốn xây dựng

(4) Hồ Chí Minh: *Sđđ*, t 9, tr 283

thành công *chủ nghĩa xã hội*, thì trước hết phải chiến thắng "kẻ thù bên trong" của mỗi cán bộ, đảng viên, mỗi cơ quan, đơn vị cũng như của cả sự nghiệp cách mạng của chúng ta. Bởi trong cuộc đấu tranh chống đế quốc xâm lược, chủ nghĩa cá nhân chống phá ta từ trong nội bộ, làm suy yếu ta, tiếp tay cho địch. Còn trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cá nhân đã đẻ ra muôn vàn thứ bệnh làm tha hóa, biến chất đội ngũ cán bộ của Đảng, làm mất lòng tin của nhân dân đối với Đảng.

Với Hồ Chí Minh, chủ nghĩa cá nhân là trái ngược với đạo đức cách mạng. Vì vậy, muốn thành người cộng sản chân chính phải chống chủ nghĩa cá nhân. Hồ Chí Minh, kiên quyết phê phán chủ nghĩa cá nhân và không ngừng kêu gọi mọi người kiên quyết đấu tranh loại bỏ chủ nghĩa cá nhân ra khỏi đời sống xã hội. Theo Người, muốn có con người xã hội chủ nghĩa phải xây dựng tư tưởng xã hội chủ nghĩa. Mà muốn có tư tưởng xã hội chủ nghĩa phải gạt sạch chủ nghĩa cá nhân; muốn thành người xã hội chủ nghĩa, phải có tư tưởng xã hội chủ nghĩa, phải chống chủ nghĩa cá nhân; hay, muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội phải có con người xã hội chủ nghĩa. Con người xã hội chủ nghĩa là phải đi đến hoàn toàn không có chủ nghĩa cá nhân.... Chính vì thế, Hồ Chí Minh khẳng định, để tu dưỡng đạo đức cách mạng, đạo đức xã hội chủ nghĩa, phải kiên quyết chống chủ nghĩa cá nhân.

Hồ Chí Minh đòi hỏi mỗi cán bộ, đảng viên phải không ngừng trau dồi đạo đức cách mạng, bồi dưỡng chủ nghĩa tập thể, tẩy trừ chủ nghĩa cá nhân. Người nói, "Mỗi cán bộ, đảng viên phải đặt lợi ích của cách mạng, của Đảng, của nhân dân lên trên hết, trước hết. Phải kiên quyết quét sạch chủ nghĩa cá nhân, nâng cao đạo đức cách mạng, phải bồi dưỡng tư tưởng tập thể, tinh thần đoàn kết, tính tổ chức và kỷ luật"⁽⁵⁾. Mặc dù, Hồ Chí Minh đòi hỏi mỗi cán bộ, đảng viên phải đặt lợi ích của cách mạng, của Đảng, của nhân dân lên trên hết nhưng Người cũng rất nhân văn, rất "con người" khi chỉ rõ: "Đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân không phải là "giày xéo lên lợi

ích cá nhân". Mỗi người đều có tính cách riêng, sở trường riêng, đời sống riêng của bản thân và của gia đình mình. Nếu những lợi ích cá nhân đó không trái với lợi ích của tập thể thì không phải là xấu. Nhưng lại phải thấy rằng chỉ ở trong chế độ xã hội chủ nghĩa thì mỗi con người mới có điều kiện để cải thiện đời sống riêng của mình, phát huy tính cách riêng và sở trường riêng của mình"⁽⁶⁾.

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Người luôn nhắc nhở: "Mọi đảng viên đều phải ra sức học tập chủ nghĩa Mác – Lênin củng cố lập trường giai cấp vô sản... phải luôn luôn *nâng cao đạo đức cách mạng, kiên quyết đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, bồi dưỡng chủ nghĩa tập thể* của giai cấp vô sản"⁽⁷⁾. Bởi theo Người, muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội phải có tinh thần xã hội chủ nghĩa, muốn có tinh thần xã hội chủ nghĩa phải đánh bại chủ nghĩa cá nhân. Người luôn luôn tin tưởng rằng: chủ nghĩa tập thể, chủ nghĩa xã hội nhất định thắng, chủ nghĩa cá nhân nhất định bị tiêu diệt.

Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân là một tư tưởng rất quan trọng trong hệ thống tư tưởng cách mạng của Hồ Chí Minh. Đây chính là tư tưởng cốt lõi, chính là "cơ sở lý luận và thực tiễn" để xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên của Đảng nói riêng và xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa Việt Nam nói chung. Xây dựng con người Việt Nam vừa là mục đích vừa là động lực của sự nghiệp cách mạng nước ta do Đảng lãnh đạo. Vì thế, để thực hiện thành công chiến lược con người, chúng ta phải đào tạo, rèn luyện và xây dựng được một lực lượng cán bộ hùng hậu đủ sức hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Điều này lý giải vì sao suốt cuộc đời lãnh đạo cách mạng của mình, Hồ Chí Minh đã dồn bao tâm lực, không ngừng, không nghỉ để giáo dục, dạy dỗ và thuyết phục

(5) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 12, tr 438 - 439

(6) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 9, tr 291

(7) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 10, tr 21

mọi người phải *nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân*. Người đã vạch ra một cách sâu sắc nguồn gốc, bản chất và những biểu hiện cụ thể "muôn hình, vạn trạng" của chủ nghĩa cá nhân. Người cũng chỉ rõ, muốn tẩy rửa những căn bệnh của chủ nghĩa cá nhân, mỗi cán bộ, đảng viên phải thấm nhuần chủ nghĩa Mác - Lê-nin, thấm nhuần lý tưởng cộng sản chủ nghĩa; phải nâng cao trình độ giác ngộ của mình; phải học theo cái tinh thần kiên quyết, dũng cảm, hy sinh của nhân dân và của chiến sỹ; phải thực hành tự phê bình và phê bình đồng sự mình. Phê bình một cách thiết thực mà thân ái. Phê bình từ cấp trên xuống và từ cấp dưới lên. Phê bình nhau và giúp đỡ nhau sửa chữa.

Những vấn đề mà Đảng và nhân dân ta đang hết sức lo lắng và được trình bày ở Nghị quyết Đại hội IX và Nghị quyết Trung ương 9, khóa IX về tình trạng suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, nạn tham nhũng, hối lộ, nạn quan liêu, cửa quyền, độc đoán, hống hách, chuyên quyền, sách nhiễu nhân dân, xa rời quần chúng... ở một số cán bộ, đảng viên ta hiện nay không ngoài những biểu hiện cụ thể của *chủ nghĩa cá nhân* mà chính Hồ Chí Minh khi sinh thời đã dồn biết bao tâm lực tập trung phê phán và kiên quyết đấu tranh. Trong điều kiện đổi mới, hội nhập quốc tế hiện nay, rõ ràng để **"Tiếp tục đổi mới công tác cán bộ. Xây dựng đội ngũ cán bộ, trước hết là cán bộ lãnh đạo và quản lý ở các cấp, vững vàng về chính trị, gương mẫu về đạo đức, trong sạch về lối sống, có trí tuệ, kiến thức và năng lực hoạt động thực tiễn, gắn bó với nhân dân"**⁽⁸⁾, việc học tập một cách sâu sắc chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đặc biệt là tư tưởng *"nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân"* của Người có ý nghĩa sống còn đối với công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Để thiết thực nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân trong quá trình đẩy

mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước hiện nay theo chúng tôi cần *thực hiện một số giải pháp* vừa cấp bách vừa mang tính lâu dài sau: Tiếp tục đổi mới công tác cán bộ theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII (về chiến lược cán bộ của thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước) và Nghị quyết Đại hội IX của Đảng; kiên quyết xử lý nghiêm những cán bộ, đảng viên tham nhũng, thoái hóa, biến chất; phát động phong trào tuyên truyền, giáo dục đạo đức cách mạng; thường xuyên tổ chức những đợt sinh hoạt nghiêm túc trong đội ngũ cán bộ, đảng viên về phê bình và tự phê bình theo tinh thần xây dựng; đẩy mạnh đấu tranh chống tham nhũng, khẩn trương xây dựng Luật phòng, chống tham nhũng; đẩy mạnh cải cách hành chính, chống quan liêu, cửa quyền, những nhiễu nhân dân; tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật; kiên quyết phê phán lối sống thực dụng, lai căng, ngăn chặn sự xâm nhập của văn hóa độc hại; kiên quyết đấu tranh chống các tư tưởng phản động, ly khai, chống âm mưu "diễn biến hòa bình"; xây dựng con người mới phù hợp với điều kiện hiện nay; đề cao gương "người tốt, việc tốt"; có chính sách, cơ chế phù hợp để giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa ba lợi ích; thực hiện nghiêm túc Quy chế Dân chủ ở cơ sở; đẩy mạnh phong trào xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư...

Và cuối cùng, muốn phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội ở nước ta trong điều kiện hiện nay, chúng ta cần ghi nhớ và thực hiện đúng những lời căn dặn của Chủ tịch Hồ Chí Minh: Đảng ta là một Đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân. □

(8) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr 141



PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO PHỤC VỤ CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA ĐẤT NƯỚC

NGUYỄN MINH HIỂN *

1 – Về tiêu chí giáo dục của nước công nghiệp

Nước công nghiệp có nhiều tiêu chí thành phần, trong đó tiêu chí kinh tế đóng vai trò cơ bản. Tuy nhiên, với thành công thần kỳ của những nền kinh tế công nghiệp mới (NIE) trong những năm 70 của thế kỷ XX, tiêu chí giáo dục bắt đầu được quan tâm nhiều ở các nước công nghiệp, cũng như các nước đang trên đường công nghiệp hóa.

Tiêu chí giáo dục được cụ thể hóa bằng các chỉ số và chỉ tiêu giáo dục. Đó là những thông tin về các yếu tố đầu vào, các điều kiện bảo đảm giáo dục và kết quả thực hiện giáo dục. Về cơ bản, các thông tin này phải tạo thành một tập hợp tương thích các số liệu thống kê nhằm phục vụ công tác hoạch định chính sách, xây dựng kế hoạch, giám sát và đánh giá việc thực hiện trong giáo dục. Tùy theo mục đích sử dụng mà người ta sẽ xây dựng các chỉ số và tiêu chí giáo dục phù hợp.

Chẳng hạn để đánh giá vai trò của giáo dục trong việc thực hiện nhiệm vụ phát triển con người ở các quốc gia, bên cạnh chỉ số HDI mang tính tổng hợp, UNDP đã đưa vào

chỉ số giáo dục *G* (Education Index) dựa trên hai chỉ tiêu là tỷ lệ biết chữ ở người lớn từ 15 tuổi trở lên và tỷ lệ nhập học gộp ở tiểu học, trung học và đại học. Khi đó có thể dùng chỉ số *G* để xếp hạng các nước ở góc độ xóa mù chữ và quy mô phát triển giáo dục. Tiêu chí đầu tiên về giáo dục ở các nước công nghiệp phát triển cũng như các nước công nghiệp mới (NIC) là *tiêu chí về quy mô phát triển* nhằm đáp ứng được yêu cầu về dân trí, nhân lực và nhân tài của nền kinh tế công nghiệp.

Tuy nhiên chỉ số *G* chỉ đưa ra một cái nhìn bộ phận về quy mô giáo dục. Để có thể cụ thể hóa được các tiêu chí khác như chất lượng, hiệu quả, bình đẳng giới v.v..., các báo cáo giáo dục hiện nay trên thế giới đều hướng tới việc sử dụng *tập hợp các chỉ tiêu giáo dục*. Chẳng hạn, để xếp hạng nền giáo dục Mỹ trong tương quan với các nước trong khối G8, Trung tâm quốc gia về thống kê giáo dục của Bộ Giáo dục Hoa Kỳ đã phát hành định kỳ trong những năm gần đây

* Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

báo cáo "Các chỉ tiêu so sánh về giáo dục của Hoa Kỳ và các nước G8 khác". Trong báo cáo mới đây⁽¹⁾ đã dùng 23 chỉ tiêu liên quan đến bối cảnh giáo dục (dân số, ngân sách, việc làm), quy mô và kết quả học tập ở các bậc học gồm giáo dục mẫu giáo và tiểu học, giáo dục trung học và giáo dục đại học. Các nước trong khối G8 được xếp hạng theo từng chỉ tiêu giáo dục đó.

Mới đây, tháng 3-2005, Viện thống kê của UNESCO, dựa chủ yếu trên các dữ liệu thống kê của năm 2000, đã công bố bảng xếp hạng của khoảng 180 nước đối với 138 chỉ tiêu giáo dục⁽²⁾. Dựa vào bảng này có thể thấy sơ bộ một số đặc trưng sau đây:

Các nước công nghiệp phát triển được đặc trưng ở vị trí xếp hạng cao đối với các chỉ tiêu cơ bản như chi ngân sách cho giáo dục, tỷ lệ nhập học ở các bậc học (đặc biệt là bậc học cao), trình độ chuẩn của giáo viên, số năm giáo dục bắt buộc, số năm học trung bình của người dân v.v...

Các nền kinh tế công nghiệp mới ở châu Á tiếp tục dành ưu tiên hàng đầu cho giáo dục và đang trong quá trình phấn đấu để nâng cao vị trí xếp hạng của các chỉ tiêu giáo dục. Vào năm 2000, khi nước ta vừa hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học và chuẩn bị triển khai phổ cập giáo dục trung học cơ sở thì giáo dục bắt buộc ở Thái Lan, In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a đã là 9 năm, ở Phi-lip-pin là 7 năm; tỷ lệ nhập học thô bậc đại học ở Thái Lan là 35,3% (xếp thứ 43/161), ở Xin-ga-po là 33,7% (46/161), ở Phi-lip-pin là 31,2% (48/161), ở Ma-lai-xi-a là 28,2% (57/161), ở In-đô-nê-xi-a là 14,6% (85/161), trong khi ở Việt Nam là 9,7% (98/161); tỷ trọng ngân sách giáo dục trong GDP ở Ma-lai-xi-a là 7,9%, ở Thái Lan là 5,0%, ở Xin-ga-po là 3,7%, ở Hàn Quốc là 3,6%, ở Phi-lip-pin là 3,2% (trong khi ở Việt Nam là 2,3%)⁽³⁾.

2 – Hiện trạng giáo dục Việt Nam

Trong bối cảnh chung của thế giới bước vào kỷ nguyên thông tin với xu thế toàn cầu hóa về kinh tế, vấn đề đặt ra đối với nước ta là phát huy lợi thế so sánh, chủ động nắm thời cơ, tạo ra khâu đột phá, đẩy nhanh sự phát triển. Khi khoa học đã trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp và cùng với công nghệ trở thành nền tảng của công nghiệp hóa, hiện đại hóa thì "nâng cao dân trí, bồi dưỡng và phát huy nguồn lực to lớn của con người Việt Nam là nhân tố quyết định thắng lợi của công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa"⁽⁴⁾. *Nguồn lực con người Việt Nam với phẩm chất cần cù, hiếu học, thông minh và sáng tạo chính là lợi thế so sánh để nước ta vươn lên phát triển nhanh và vững chắc.*

Trên cơ sở quán triệt các quan điểm chỉ đạo, định hướng và chủ trương phát triển giáo dục của Đảng và Nhà nước, công cuộc đổi mới giáo dục trong thập niên đầu tiên của thế kỷ XXI bước vào một giai đoạn mới, giai đoạn phát triển giáo dục mạnh hơn, khẩn trương và hiệu quả hơn, tạo bước chuyển biến cơ bản về chất lượng giáo dục, *trong đó ưu tiên nâng cao chất lượng đào tạo nhân lực, đưa nền giáo dục nước ta tiếp cận với trình độ tiên tiến của thế giới, hướng tới một xã hội học tập, phục vụ đắc lực sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.*

Theo định hướng nêu trên, căn cứ vào việc đánh giá kết quả đạt được so với yêu cầu

(1) *Comparative indicators of education in the United States and other G8 countries: 2004*, NCES, US Department of Education, 2/2005

(2) *Country Profile : Education*, UNESCO Institute for Statistics, 3/2005

(3) *Báo cáo phát triển thế giới năm 2003 – Ngân hàng thế giới*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội 2003

(4) *Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội 1996, tr 21

của đất nước trong giai đoạn hiện nay, Báo cáo về tình hình giáo dục do Chính phủ trình Quốc hội khóa XI, tại Kỳ họp thứ 6, đã làm rõ những thành tựu cùng những bất cập, yếu kém, khuyết điểm của giáo dục nước ta trên cả ba mặt: quy mô, chất lượng và các điều kiện để phát triển giáo dục.

Có thể nói, sau gần 9 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 (khóa VIII), 6 năm đưa Luật Giáo dục vào cuộc sống và hơn 4 năm triển khai thực hiện Chiến lược phát triển giáo dục 2001- 2010, nền giáo dục nước ta đã có *những thành tựu rất đáng tự hào*. Nhu cầu học tập của nhân dân, trước hết ở giáo dục phổ thông, được đáp ứng tốt hơn. Các mục tiêu chiến lược về quy mô phát triển ở các cấp học và trình độ đào tạo đạt được kết quả theo chỉ tiêu và kế hoạch đề ra. Chính sách xã hội về giáo dục đã được thực hiện tốt hơn và có hiệu quả hơn. Chất lượng giáo dục đã có chuyển biến bước đầu. Điều kiện bảo đảm phát triển giáo dục được tăng cường hơn.

Tuy nhiên, trong giáo dục vẫn còn nhiều bất cập, yếu kém, khuyết điểm đang *gây lo lắng, bức xúc trong xã hội*. Chất lượng giáo dục đại trà, đặc biệt ở bậc đại học còn thấp; phương pháp giáo dục còn lạc hậu và chậm đổi mới. Các điều kiện bảo đảm phát triển giáo dục còn nhiều bất cập. Con em gia đình nghèo, gia đình có thu nhập thấp và con em đồng bào dân tộc thiểu số còn gặp nhiều khó khăn trong việc tiếp cận giáo dục, nhất là ở bậc học cao. Một số hiện tượng tiêu cực trong giáo dục chậm được giải quyết. *Đáng quan tâm nhất là chất lượng và hiệu quả giáo dục còn thấp, chưa đáp ứng kịp những đòi hỏi lớn và ngày càng cao về nhân lực của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*. Sở dĩ còn những yếu kém, bất cập trên là do: tư duy giáo dục chậm được đổi mới, chưa theo kịp yêu cầu phát triển của đất nước cũng như đòi hỏi của sự chuyển đổi cơ chế

quản lý kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế; quản lý giáo dục còn yếu kém và bất cập, chưa tương thích với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của đất nước; mâu thuẫn lớn giữa một bên là yêu cầu cao về phát triển quy mô, nâng cao chất lượng với một bên là khả năng hạn hẹp của nguồn lực vẫn chưa có biện pháp khắc phục hiệu quả.

Nếu so sánh với các nước trong khu vực và trên thế giới, theo bảng xếp hạng của UNESCO (công bố tháng 3-2005 nhưng lấy theo các dữ liệu thống kê năm 2000), các chỉ tiêu giáo dục của Việt Nam nhìn chung nằm ở thứ hạng trung bình. Chẳng hạn, tỷ lệ người từ 15 tuổi trở lên biết đọc biết viết là 94% (xếp thứ 87/202), tỷ lệ nhập học trung học là 62,5% (75/142), tỷ lệ nhập học đại học là 9,7% (98/161), tỷ lệ học sinh/giáo viên ở tiểu học là 28,0 (61/184), tỷ lệ lưu ban ở tiểu học là 2,9% (99/151) v.v..

Tuy nhiên, để đánh giá đúng về giáo dục nước ta, cần xét trong tương quan với trình độ phát triển về kinh tế. Do điểm xuất phát của nước ta về cơ bản là một nước nông nghiệp nghèo nàn, lạc hậu nên mức đầu tư cho giáo dục của Việt Nam vào loại thấp nhất thế giới. Xét ở góc độ đó thì những kết quả đã đạt được của giáo dục là đáng tự hào. Điều đó được thể hiện qua chỉ số phát triển con người HDI và chỉ số giáo dục G. Trong khoảng thời gian 10 năm, từ 1993 đến 2002, chỉ số HDI của Việt Nam đã tăng từ 0,539 (xếp thứ 120/174 nước) lên 0,691 (xếp thứ 112/177 nước). So với chỉ số phát triển kinh tế ($K=0,52$ đứng thứ 124/177 nước, ở vị trí trung bình), thì chỉ số phát triển giáo dục là $G=0,82$, vào loại khá, đứng thứ 98/177 nước.

3 – Về định hướng chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2020

Việc xây dựng chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2020 có thuận lợi cơ bản là các

quan điểm chỉ đạo và một số mục tiêu chủ yếu đã được chỉ ra trong Nghị quyết Trung ương 2 (khóa VIII). Tuy nhiên để cụ thể hóa chiến lược này, cần giải quyết thỏa đáng cả về lý luận và thực tiễn một số vấn đề sau: 1 - Các tiêu chí cụ thể về một nước công nghiệp theo hướng hiện đại trong bối cảnh thế giới đang chuyển từ nền kinh tế công nghiệp dựa vào tài nguyên thiên nhiên sang nền kinh tế công nghiệp dựa vào tài nguyên trí tuệ. 2 - Các vấn đề đặt ra đối với giáo dục trong bối cảnh toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế, kinh tế tri thức và đẩy mạnh công nghệ thông tin - liên lạc (ICT). 3 - Quản lý, tổ chức và hoạt động giáo dục trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. 4 - Xác định vị trí của giáo dục Việt Nam trong khu vực và trên thế giới.

Đến năm 2020, nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại, hội nhập kinh tế quốc tế vững chắc và có hiệu quả. Cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động phát triển và định hình theo yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa, với tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ là trọng tâm, hàm lượng công nghệ trong sản phẩm tăng cao; các yếu tố thị trường được xác lập đồng bộ trong một môi trường luật pháp ổn định; tiềm lực khoa học - công nghệ được tăng cường, đạt trình độ công nghệ tiên tiến trong khu vực ở các ngành kinh tế trọng điểm, nhất là công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới, công nghệ tự động hóa.

Như vậy nền giáo dục của chúng ta đến năm 2020 phải có khả năng bảo đảm để đại bộ phận thanh niên trong độ tuổi được học hết trung học phổ thông hoặc trung cấp chuyên nghiệp, trung cấp nghề; 60% lực lượng lao động đang làm việc đã qua đào tạo với cơ cấu phù hợp; mọi người đều có quyền lợi và nghĩa vụ học suốt đời, được cung cấp các dịch vụ giáo dục thường xuyên để được

đào tạo lại, hoặc nâng cao trình độ, chuyển đổi ngành nghề. Chất lượng giáo dục nói chung đạt trình độ khá trong khu vực, nói riêng đạt trình độ tiên tiến trong các lĩnh vực toán và khoa học - công nghệ; nhân lực đào tạo đáp ứng được yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, được sử dụng có hiệu quả trong nước và cả ở nước ngoài; nhân tài được trọng dụng, đủ về số lượng và bảo đảm về năng lực phẩm chất để tự giải quyết được những vấn đề lớn đặt ra trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Về cơ bản, hệ thống giáo dục nước ta đủ khả năng hội nhập với các nước trong khu vực và trên thế giới.

Để đạt được các mục tiêu trên, cần tiếp tục làm tốt 7 nhóm giải pháp lớn đã được đề ra trong Chiến lược phát triển giáo dục 2001 - 2010. Trong đó, cần đặc biệt chú trọng đến những vấn đề sau đây:

Một là, nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục: xây dựng và hoàn thiện hệ thống chuẩn quốc gia tiếp cận trình độ tiên tiến của khu vực và thế giới, bảo đảm thực hiện chuẩn hóa, hiện đại hóa đối với chương trình giáo dục, sách giáo khoa và giáo trình, đội ngũ nhà giáo, cơ sở vật chất nhà trường và thiết bị giáo dục. Đến năm 2020, các chương trình giáo dục ở mọi cấp học và trình độ đào tạo đều đạt chuẩn kiến thức, kỹ năng tương ứng với các chương trình giáo dục tiên tiến trên thế giới; đội ngũ nhà giáo đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu, nâng cao về trình độ chuẩn được đào tạo theo hướng đại bộ phận giáo viên tiểu học có trình độ cao đẳng, đại bộ phận giáo viên trung học, trung cấp có trình độ đại học, đại bộ phận giảng viên đại học, cao đẳng có trình độ thạc sĩ, tiến sĩ; 60% các trường phổ thông đạt chuẩn quốc gia, 40% - 50% các trường trung cấp, cao đẳng, đại học được công nhận về chất lượng trên cơ sở kiểm định, trong đó 2 trường đại học quốc

gia và 2 đến 3 trường đại học trọng điểm khác được xếp vào các trường đại học đẳng cấp quốc tế.

Hai là, bảo đảm nguồn lực cho giáo dục: cần tiếp tục dựa vào nội lực là chính, đi đôi với việc đẩy mạnh và phát huy hiệu quả của hợp tác quốc tế trong giáo dục. Ngân sách nhà nước là nguồn tài chính chủ yếu của giáo dục, bảo đảm tỷ lệ chi cho giáo dục không dưới 20% vào năm 2010; tỷ lệ này được tiếp tục tăng trong giai đoạn 2010 - 2020 theo hướng bảo đảm tỷ lệ tăng chi ngân sách giáo dục hằng năm cao hơn tỷ lệ tăng chi ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Giáo dục (sửa đổi). Công tác xã hội hóa giáo dục bước vào giai đoạn phát triển mới, huy động toàn xã hội chăm lo cho sự nghiệp giáo dục, xây dựng nền giáo dục của dân, do dân, vì dân, phấn đấu đến năm 2020 hình thành về cơ bản xã hội học tập ở Việt Nam. Đẩy mạnh năng lực chủ động hợp tác quốc tế trong giáo dục nhằm nâng cao tính cạnh tranh của nguồn nhân lực được đào tạo, tăng cường khả năng hợp tác và cạnh tranh của đất nước, đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế.

Ba là, đổi mới mạnh mẽ cơ chế quản lý giáo dục theo hướng phân cấp mạnh cho các địa phương, nâng cao tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của các cơ sở giáo dục. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý giáo dục, hoàn chỉnh hệ thống luật pháp về giáo dục và hoàn thiện môi trường chính sách tạo thuận lợi cho sự phát triển của giáo dục. Giai đoạn từ nay đến 2020 cần ban hành một số luật như Luật Giáo viên, Luật Giáo dục đại học, Luật Giáo dục nghề nghiệp, Luật Giáo dục thường xuyên, hình thành khuôn khổ pháp lý đồng bộ và hiệu quả trong việc điều hành bộ máy giáo dục ở quy mô ngày càng lớn, sớm phát hiện và khắc phục các vấn đề bức xúc và tiêu cực có thể nảy sinh; từng bước hoàn thiện,

tiến tới ổn định cơ chế quản lý giáo dục theo tinh thần phân cấp rõ rệt và mạnh mẽ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giữa các bộ, ngành và địa phương; mở rộng và phát huy hiệu quả của cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các cơ sở giáo dục trong việc thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính; hình thành đội ngũ cán bộ quản lý có tính chuyên nghiệp cao, được chuẩn hóa về phẩm chất đạo đức, trình độ chuyên môn và năng lực quản lý; đạt trình độ khá trong khu vực về tin học hóa trong công tác quản lý giáo dục.

Trước những thách thức hiện nay của sự nghiệp đổi mới giáo dục theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa, trong bối cảnh quốc tế từ nay đến 2020 tiềm ẩn nhiều thời cơ mới và thách thức mới, *yêu cầu tiên quyết là tiếp tục đổi mới tư duy giáo dục một cách khoa học và toàn diện*, từ những vấn đề cơ bản như mục tiêu cụ thể của các cấp học và trình độ đào tạo, nội dung chương trình và phương pháp giảng dạy (có tính đến các yêu cầu mới về ngoại ngữ và tin học), cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân, chuẩn nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục, cơ chế và phương thức quản lý giáo dục, đến những vấn đề nhạy cảm như học phí, quyền sở hữu tài sản của các trường ngoài công lập, tổ chức và hoạt động giáo dục trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Trên cơ sở quán triệt các quan điểm chỉ đạo của Đảng và Nhà nước về giáo dục, điều quan trọng lúc này là làm cho các quan điểm đó được tiếp tục cụ thể hóa, áp sát hiện trạng giáo dục, định hướng về giải pháp trước những thách thức đang được đặt ra, tạo điều kiện để giáo dục nước ta phát triển trong quan hệ gắn bó với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, phục vụ đắc lực công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa. □

Lại bàn về CHỐNG THAM NHŨNG

LÊ XUÂN LUY *

TRONG công cuộc đổi mới sự nghiệp xây dựng đất nước, Đảng ta đã lãnh đạo nhân dân nỗ lực phấn đấu trong 20 năm qua và đã giành được những thành tựu to lớn. Các mặt kinh tế, văn hóa, xã hội phát triển; đất nước thoát khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội; công nghiệp hóa, hiện đại hóa được đẩy mạnh; đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân được nâng lên; quan hệ đối ngoại được mở rộng, vị thế của nước ta trên trường quốc tế ngày càng được nâng cao; an ninh, quốc phòng được giữ vững; chính trị của đất nước ổn định. Nhưng bên cạnh đó, nhiều tiêu cực nảy sinh trên các lĩnh vực của đời sống xã hội. Đặc biệt là nạn tham nhũng vẫn tiếp tục phát triển và đang gây những tổn thất to lớn cho đất nước.

Mấy năm qua, Đảng ta đã có nhiều chỉ thị, nghị quyết chống tham nhũng và cũng đã quan tâm chỉ đạo thực hiện nhưng hiệu quả còn rất hạn chế. Mới đây, Quốc hội đã thảo luận và chuẩn bị thông qua Luật phòng, chống tham nhũng. Tiếp tục nghiên cứu, bàn luận rõ vấn đề này đang là một đòi hỏi khách quan vì tham nhũng đang là trở lực lớn nhất của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Theo tôi, muốn chống tham nhũng có hiệu quả trước hết phải làm rõ mấy vấn đề chủ yếu sau đây: *nguồn gốc của tham nhũng; thực trạng của tham nhũng; thực trạng chống tham nhũng.* Bởi vì, làm rõ 3 vấn đề này mới

có cơ sở khoa học cho việc xác định phương hướng, nội dung và phương pháp để chống tham nhũng.

Cuộc đấu tranh này đòi hỏi cao ở lòng dũng cảm, để quyết chống, quyết thắng; dám nhìn thẳng vào sự thật, dù đó là sự thật đau lòng và phải biết chống, biết thắng. Chúng ta hãy lần lượt tìm hiểu 3 vấn đề nêu trên.

Nguồn gốc của tham nhũng

Trong công cuộc xây dựng đất nước, chúng ta đang thực hiện một nền kinh tế nhiều thành phần. Điều đó hoàn toàn cần thiết, vì để xây dựng chủ nghĩa xã hội, cần có một lực lượng sản xuất phát triển. C. Mác đã chỉ rõ: quan hệ sản xuất phải phù hợp với tính chất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất. Chúng ta không thể thiết lập quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa lên trên một lực lượng sản xuất thấp kém. Vì vậy, thực hiện một nền kinh tế nhiều thành phần nhằm huy động mọi tiềm năng, mọi trình độ kỹ thuật, công nghệ, mọi kinh nghiệm quản lý để phát triển lực lượng sản xuất trong thời kỳ quá độ là một việc làm đúng đắn.

* Trung tướng, Giáo sư

Thực tiễn phát triển đất nước trong gần 20 năm đổi mới vừa qua đã chứng minh điều đó. Nhưng, nền kinh tế nhiều thành phần không phải chỉ có mặt tích cực mà còn có cả mặt tiêu cực. Mặt trái của nền kinh tế nhiều thành phần thúc đẩy chủ nghĩa cá nhân phát triển. Chủ nghĩa cá nhân, như Hồ Chí Minh chỉ rõ là "bệnh mẹ" đẻ ra muôn vàn bệnh tật khác. Nó thôi thúc con người đặt lợi ích cá nhân lên trên hết, phá hoại đạo đức cách mạng, phá hoại tấm lòng vì nước, vì dân của cán bộ, đảng viên, dẫn dắt con người đến những hành vi tội lỗi và phá hoại lòng tin của quần chúng nhân dân đối với Đảng. Vì vậy, muốn xây dựng đạo đức cách mạng, trước hết, phải chống chủ nghĩa cá nhân.

Nền kinh tế nhiều thành phần, tất yếu gắn với cơ chế thị trường. Cơ chế thị trường là cơ chế vận hành của nền kinh tế hàng hóa theo quy luật của sản xuất hàng hóa, lưu thông tiền tệ. Thị trường kích thích sản xuất, hướng dẫn hoạt động kinh doanh, lựa chọn mặt hàng, công nghệ và quy mô sản xuất, kinh doanh nhằm đạt hiệu quả cao nhất trong môi trường cạnh tranh.

Trong thời kỳ quá độ, sản xuất hàng hóa và cơ chế thị trường gắn bó với nhau và là cái cần thiết, cái tất yếu khách quan để giải quyết muôn vàn mối quan hệ kinh tế - xã hội mà cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp đã không thể giải quyết được. Đảng và Nhà nước ta đang xây dựng một hệ thống thị trường ngày càng đồng bộ để phát triển nền kinh tế của đất nước. Nhưng, bên cạnh những mặt tích cực, kinh tế thị trường cũng mang trong mình những mặt tiêu cực. Mặt trái của cơ chế thị trường đã "thương mại hóa" mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, thúc đẩy con người lấy đồng tiền làm lẽ sống, làm

mục tiêu của mọi hoạt động và chạy theo đồng tiền bằng mọi giá.

Rõ ràng, các tệ nạn tiêu cực trong xã hội và tham nhũng có nguồn gốc từ chủ nghĩa cá nhân được sản sinh ra từ mặt trái của nền kinh tế nhiều thành phần và việc "thương mại hóa" được sản sinh từ mặt trái của cơ chế thị trường. Đó là một sự thật khách quan. Nhưng tiếc thay, vấn đề đã không được đặt ra nghiên cứu một cách nghiêm túc và khoa học để làm cơ sở cho việc xác định phương hướng nội dung và hệ phương pháp của công tác tư tưởng trong thời kỳ quá độ.

Thực trạng của tham nhũng

Để đánh giá đúng thực trạng của tham nhũng, trước hết phải xác định đúng ai là kẻ tham nhũng, các dạng tham nhũng đang diễn ra và những tệ nạn mà tham nhũng đã kéo theo. Tham nhũng là hành vi của những kẻ có chức, có quyền trong bộ máy của Đảng, Nhà nước và các đoàn thể. Còn người dân thì không thể tham nhũng mà chỉ có thể làm ăn dối trá, lừa đảo, làm hàng giả, trốn thuế, lậu thuế, đầu cơ tích trữ, gian lận thương mại, ăn cắp, dút lót, làm trái pháp luật. v.v. Chỉ có những người có chức, có quyền được sử dụng tài sản quốc gia như tiền bạc, đất đai, nhà cửa... thì mới có điều kiện để tham nhũng. Chỉ có những kẻ có chức, có quyền do được ký giấy phép đầu tư, lập chứng từ, đấu thầu, khai thác lĩnh vực này, lĩnh vực khác mới có thể ăn dút lót hoặc nhận quà cáp, biếu xén, nhất là "phong bì" trong các ngày lễ, ngày tết, ngày hội, các cuộc họp, các buổi làm việc với cấp dưới; và, cũng chỉ những kẻ đó mới được giao triển khai các công trình để rồi có điều kiện "rút ruột" công trình.

Ngày nay, phần lớn quà cáp, biếu xén không còn là phương tiện giao tiếp tình cảm

giữa người với người mà đã trở thành phương tiện để "tranh thủ", mua chuộc. Họ rất "rộng rãi" khi dùng quà cáp, biếu xén vì họ không mất gì cả; tất cả đã có "tiền chùa", tất cả đều từ ngân sách nhà nước. Điều này đang làm tổn hại đến tài sản quốc gia và gây bất công trong phân phối. Vì có chức, có quyền con người ta mới có điều kiện để tham nhũng. Để có thể tham nhũng, con người ta lại tìm cách "chạy chức, chạy quyền", "mua quan, bán tước"... Hiện tượng này, không phải là cá biệt mà đã có ở nhiều cấp, nhiều ngành. Trong bố trí, đề bạt cán bộ có tiêu chuẩn về trình độ học vấn. Điều đó đúng và cần thiết, nhưng chính điều này, đã làm nảy sinh ở những kẻ mất phẩm chất những hành vi tiêu cực khác như: học giả, thi giả, bằng cấp giả, chứng chỉ giả để được lên chức, lên quyền; và tất nhiên, trong xã hội sẽ nảy sinh ra một lớp người chuyên làm những chuyện giả để đáp ứng.

Chính tệ nạn tham nhũng đang phá hoại công tác quản lý, phá hoại luật pháp của Nhà nước. Nhiều kẻ có chức, có quyền giàu lên nhanh chóng từ những đồng tiền tham nhũng... Họ có nhiều nhà, đất, trang trại, cơ sở sản xuất kinh doanh... Không chỉ bản thân, nhiều kẻ còn tạo điều kiện cho con em mình làm giàu một cách không chính đáng. Rõ ràng, mặt trái của cơ chế thị trường đang phá hoại phẩm giá của một số kẻ có chức, có quyền chạy theo đồng tiền bằng mọi giá. Tham nhũng bao giờ cũng gắn với quan liêu, cửa quyền, hách dịch và lãng phí. Tệ nạn này đang phá hoại mối quan hệ "máu thịt" giữa Đảng với nhân dân và đang thực sự đe dọa sự tồn vong của chế độ.

Thực trạng của chống tham nhũng

Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: tham nhũng là "giặc nội xâm". Đảng ta đã đánh giá tham

nhũng là "quốc nạn" và cũng đã xác định là một trong 4 nguy cơ của đất nước. Thế nhưng, việc chống tệ nạn này chưa tương xứng, chưa thực sự là một cuộc chiến đấu chống "giặc nội xâm", chống "quốc nạn", chống một nguy cơ của đất nước. Điều đó theo tôi được thể hiện ở những điểm sau:

- Chưa có cấp ủy nào, chi bộ nào phát hiện đấu tranh và xử lý kỷ luật đối với những kẻ tham nhũng trong cơ quan, đơn vị mình.

- Chưa có cấp trên nào phát hiện cấp dưới của mình tham nhũng và đề nghị xử lý kỷ luật thích đáng. Rất ít cán bộ cấp dưới phát hiện cấp trên tham nhũng. Phần lớn vụ việc được phát hiện là từ quần chúng nhân dân

- Lời nói chưa đi đôi với việc làm. Bàn luận về tham nhũng thì nhiều, nhưng hành động thực sự chống tham nhũng có hiệu quả thì ít. Điều này vì nhiều lẽ: hoặc không dám phát hiện và đấu tranh chống tham nhũng vì bản thân mình cũng có dính vào tham nhũng; hoặc dù bản thân trong sạch nhưng lại thiếu bản lĩnh chính trị, sợ bị đơn độc trong đấu tranh sẽ không đạt kết quả nên không dám phát hiện và đấu tranh; hoặc khi sợ phát hiện, tố cáo mà không tiêu diệt được tham nhũng lại bị trừ dập, không ai bảo vệ, mất việc... Tóm lại, vật cản cũng là chủ nghĩa cá nhân.

- Dân chủ ở cơ sở được nói đến nhiều nhưng thực hành nó còn hạn chế. Phê bình và tự phê bình chưa khách quan, trung thực. Có những vụ việc tiêu cực chưa được đưa ra xử lý công khai, kịp thời.

- Có trường hợp còn nể nang cấp trên, khi xét xử các vụ tham nhũng thì tương đối công minh đối với cán bộ, nhân viên cấp dưới, nhưng một khi có dấu hiệu dính líu đến lãnh đạo cấp trên sẽ bị dừng lại hoặc làm ngơ, bỏ dở không truy xét đến nơi đến chốn.

- Trong xét xử những kẻ tham nhũng có trường hợp nhận tiền để chạy tội cho kẻ phạm tội.v.v..

Muốn chống tham nhũng có hiệu quả phải làm tốt những việc sau đây:

1 - Tham nhũng là hành vi của cán bộ, đảng viên có chức, có quyền, mất phẩm chất. Vì thế, muốn chống tham nhũng, trước hết, công tác xây dựng Đảng phải lấy chống tham nhũng làm nhiệm vụ trọng tâm. Công tác này phải được kết hợp chặt chẽ với luật pháp của Nhà nước.

Thông qua Luật phòng, chống tham nhũng là cần thiết vì luật pháp quy định hành vi của công dân và là cơ sở để Nhà nước quản lý con người, quản lý xã hội. Nhưng, chỉ chăm lo đến luật pháp thì không đủ, vì dù luật pháp có đầy đủ mọi quy định cho hành vi của con người, nhưng con người thiếu sự giác ngộ chính trị, đạo đức thì pháp luật cũng khó được thi hành nghiêm minh.

Thực hiện tốt tư tưởng của Hồ Chí Minh "Đảng là trí tuệ, là đạo đức, văn minh". Theo Người, có đạo đức, có trí tuệ, có năng lực mới lãnh đạo được cách mạng. Do đó, trong xây dựng Đảng phải xây dựng cả đạo đức và năng lực. Trong mối quan hệ giữa 2 mặt đó thì lấy xây dựng đạo đức làm nền tảng.

Công tác xây dựng Đảng được tiến hành cả về tư tưởng, tổ chức và công tác tư tưởng có phương hướng đúng. Đó là, chống chủ nghĩa cá nhân; xây dựng đạo đức cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư, xây dựng gương tốt của người cộng sản cho quần chúng nhân dân noi theo. Một khi rơi vào chủ nghĩa cá nhân, đặt lợi ích cá nhân lên trên hết, lấy đồng tiền làm lẽ sống, chạy theo đồng tiền bằng mọi giá thì không còn đủ tính trung thực của con người, xa rời phẩm chất cách

mạng, từ bỏ tính nêu gương của người đảng viên. Khi đó, họ tìm mọi cách vơ vét của công, ăn hối lộ, phá hoại kỷ cương của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Ở đây có một vấn đề cần được nhận thức sâu sắc: Chống chủ nghĩa cá nhân, nâng cao đạo đức cách mạng không hề phủ nhận vai trò của cá nhân trong lao động, sáng tạo, cống hiến cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; không hề coi nhẹ sự phát triển nhu cầu, lợi ích chính đáng của cá nhân và cũng không phải là sự chà đạp lên cá nhân con người, mà chỉ là sự chống lại cái ác, cái xấu của chủ nghĩa cá nhân. Những cái xấu, cái ác đó đưa con người đến những hành vi tội lỗi, có hại cho bản thân con người và cho sự nghiệp của Đảng, của nhân dân.

Ngày nay, trong điều kiện của nền kinh tế nhiều thành phần và chế độ sở hữu tư nhân dưới nhiều hình thức còn tồn tại lâu dài thì chuẩn mực đạo đức là sự kết hợp hài hòa giữa lợi ích chính đáng của cá nhân với lợi ích của tập thể, của cộng đồng. Việc chống chủ nghĩa cá nhân nhất thiết đi đôi với xây dựng tinh thần tập thể, tính cộng đồng, vì nó là đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa xã hội mà chúng ta xây dựng và là nền tảng của đạo đức xã hội chủ nghĩa. Phát huy cao độ vai trò của cá nhân, xây dựng tinh thần tập thể, tính cộng đồng là phương hướng cơ bản của công tác tư tưởng trong môi trường kinh tế - xã hội của thời kỳ quá độ.

Công tác tư tưởng có cả "xây" và "chống", trong đó lấy "xây" là chính. Nhưng, tuyệt nhiên không biến quá trình giáo dục thành một quá trình đơn thuần đạo đức mà còn kết hợp với công tác tổ chức để xử lý mọi việc làm sai trái. Công tác giáo dục đi đôi với công tác chỉnh đốn Đảng. Kiên quyết

loại trừ khỏi Đảng những phần tử thoái hóa biến chất, tham nhũng không còn cái tâm, cái đức của người cách mạng, mà ngày đêm luôn tìm mọi cách để vơ vét tài sản của Nhà nước, của nhân dân.

Đi đôi với việc loại bỏ các phần tử thoái hóa, biến chất, cần có sự lựa chọn, bố trí những người có đức, có tài, toàn tâm, toàn ý phục vụ Đảng, phục vụ nhân dân vào bộ máy của Đảng và Nhà nước. Đây là một vấn đề cực kỳ quan trọng, nhưng cũng cực kỳ khó khăn và phức tạp trong môi trường kinh tế - xã hội hiện nay. Nếu biết phát huy trí tuệ của tập thể và dựa vào quần chúng nhân dân thì dù có khó khăn phức tạp, cũng có thể tránh được những sai sót.

Triệt để khắc phục những thiếu sót trong việc thực hiện các nguyên tắc xây dựng Đảng. Trước hết, thực hiện tốt nguyên tắc tự phê bình và phê bình, làm cho cán bộ, đảng viên dám nhìn thẳng vào sự thật, nói đúng sự thật, tự giác tự phê bình, thẳng thắn, nghiêm túc phê bình, nói hết những gì mình biết về đồng chí, kể cả tham nhũng và những hành vi mất phẩm chất. Triệt để thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ. Dân chủ là cơ sở của tập trung. Dân chủ có rộng thì tập trung mới cao, sự phục tùng mới triệt để và kỷ luật mới nghiêm minh. Dân chủ và kỷ luật là cơ sở của đoàn kết thống nhất nội bộ.

Những nguyên tắc này gắn bó chặt chẽ với nhau, làm tiền đề cho nhau, thể hiện bản chất cách mạng của Đảng, là cội nguồn sức sống của Đảng. Thực hiện tốt những nguyên tắc này sẽ tạo ra động lực cho sự phát triển của Đảng, của từng cán bộ, đảng viên, tạo ra môi trường để loại trừ mọi hành vi tiêu cực của con người.

2 - Để chống tham nhũng, Nhà nước cần ban hành những văn bản pháp luật. Trong tình hình hiện nay những văn bản pháp luật cần hướng vào thực hiện tốt mấy vấn đề cơ bản sau đây:

Tôn vinh và bảo vệ những người phát hiện và đấu tranh chống tham nhũng. Nghiêm khắc trừng trị những kẻ trù dập người phát hiện và đấu tranh chống tham nhũng.

Triệt để thực hiện sự bình đẳng của mọi công dân trước pháp luật. Bất cứ ai tham nhũng, vi phạm pháp luật đều phải xử lý nghiêm minh. Tuyệt đối không làm ngơ, bỏ dờ mà truy tìm đến cùng mọi dấu hiệu tham nhũng kể cả với những kẻ quyền cao, chức trọng.

Nghiêm cấm các hiện tượng quà cáp, biếu xén vào các ngày lễ, ngày hội, chế độ phong bì của các cuộc họp, các buổi làm việc...

Thu hẹp tối đa ngân sách chi tiêu hành chính các cấp và công khai mọi chi tiêu hành chính trước cơ quan dân cử đồng cấp.

Nghiên cứu tăng lương cho cán bộ, công nhân viên, chức nhà nước, lực lượng vũ trang để đời sống được bảo đảm, hạn chế những hành vi sai trái do đời sống khó khăn thôi thúc.

Tham nhũng có cội nguồn từ mặt trái của nền kinh tế nhiều thành phần và cơ chế thị trường. Một khi còn tồn tại cơ sở kinh tế, xã hội khách quan đó trong thời kỳ quá độ thì khó mà nói đến xóa bỏ hết tệ nạn này. Nhưng khi nó đã là một thứ "giặc nội xâm", là "quốc nạn", là một nguy cơ của đất nước thì nhất thiết phải đoàn kết toàn Đảng, toàn dân, kiên quyết đấu tranh để loại trừ nó đến mức tối đa. Nếu chúng ta vì sự nghiệp của Đảng, của nhân dân, quyết chống và biết chống thì nhất định sẽ giành được thắng lợi. □

CÙNG với tham nhũng, thất thoát và lãng phí của công đang trở thành một trong những vấn đề bức xúc nhất hiện nay. Thực trạng này không chỉ trái với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, mà còn trái cả với luân thường đạo lý và những chuẩn mực đạo đức truyền thống ngàn đời của dân tộc ta.

Báo cáo tại phiên khai mạc Kỳ họp thứ 8 của Quốc hội khoá XI, Thủ tướng Phan Văn Khải khẳng định: Trong nhiều năm qua Việt Nam đã đạt được tốc độ tăng trưởng kinh tế thuộc nhóm các nước hàng đầu châu Á và thế giới, đời sống về mọi mặt của các tầng lớp nhân dân được cải thiện rõ rệt. Xoá đói giảm nghèo, chống dịch bệnh, chăm sóc y tế, phổ cập giáo dục... chuyển biến tích cực. Bên cạnh những mặt mạnh, Việt Nam vẫn đang phải đối mặt với không ít thách thức. Ngoài việc thua kém nhiều nước về trình độ phát triển kinh tế, công nghệ, sức cạnh tranh, năng suất lao động và hiệu quả đầu tư thấp... Thủ tướng còn chỉ rõ: *"Việc làm trong sạch bộ máy và thực hiện dân chủ chưa đáp ứng yêu cầu của dân, nhất là tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí đang rất phổ biến và nghiêm trọng chưa bị đẩy lùi, khiến lòng dân không yên."*

Tham nhũng, thất thoát, lãng phí của công đang trở thành một trong những lực cản làm suy yếu quá trình nuôi dưỡng và khai thác các nguồn lực. Trong các loại lãng phí, theo ý kiến của Phó Thủ tướng Vũ Khoan "độc khoét"

Phát triển kinh tế - xã hội và cuộc đấu tranh

CHỐNG THẤT THOÁT, LÃNG PHÍ

TRƯƠNG GIANG LONG

ngân sách nhà nước là loại lãng phí lớn nhất. Đây là vấn đề đã được Quốc hội cảnh báo nhiều lần, Đảng và Nhà nước cũng đã có nhiều chỉ thị, nghị quyết, nhân dân bất bình, nhưng hiệu quả đấu tranh ngăn chặn thấp.

Những năm gần đây các cơ quan chức năng đã có nhiều nỗ lực, thanh tra, khám phá và đưa ra xét xử công khai nhiều vụ trọng án trừng trị thích đáng những kẻ phạm tội, thu về cho Nhà nước một lượng tài sản không nhỏ. Ví dụ như vụ nhà máy lọc dầu Dung Quất, Ngân hàng Việt Hoa thành phố Hồ Chí Minh vụ Lã Thị Kim Oanh; rà soát Chương trình 135, sắp xếp lại hệ thống các nhà máy đường, các công trình thủy lợi, cảng cá, cảng biển. Chính phủ cũng tập trung chấn chỉnh 4 nhóm công sản đang gây lãng phí, thất thoát lớn như: nhà công, xe công, điều hòa nhiệt độ, điện thoại di động; rà soát lại tiêu chuẩn chế độ đi tham quan học tập kinh nghiệm ở nước ngoài... Nhưng nhìn chung giải pháp chưa đủ mạnh, mức độ chuyển biến chậm, tốc độ lây lan của các loại hình tội phạm này vẫn tăng nhanh, quy mô và hậu quả rất lớn. Điều đó ngày càng gây nhiều âu lo, bất bình và bức xúc trong các tầng lớp nhân dân. Vì vậy, năm 2006 được

Chính phủ xác định là năm tuyên chiến với lãng phí, thất thoát, là năm quyết liệt chống "độc khoét" ngân sách nhà nước trong lĩnh vực mua sắm tài sản công, đầu tư xây dựng cơ bản. Chấn chỉnh lối quy hoạch đầu tư theo kiểu phong trào, chấm dứt tình trạng đầu tư ồ ạt, phân tán, không đồng bộ, gây lãng phí lớn.

Để bảo đảm nhịp độ tăng trưởng, đưa nền kinh tế tiếp tục phát triển theo chiều sâu, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, gắn với phát triển kinh tế tri thức; chống thất thoát lãng phí phải trở thành nhiệm vụ trọng yếu và thường xuyên, liên tục trong chiến lược phát triển chung của Chính phủ. Căn cứ vào số liệu báo cáo của cơ quan có thẩm quyền, chỉ riêng lĩnh vực xây dựng cơ bản, mỗi năm chúng ta chi từ 20 đến 30 ngàn tỉ và thất thoát trong lĩnh vực này theo ông Trần Quốc Thuận, Phó Chủ nhiệm văn phòng Quốc hội là từ 20% đến 30%. Nếu triệt để chống lãng phí trong xây dựng cơ bản hàng năm chúng ta có thể tiết kiệm được nhiều chục tỉ đồng, đồng thời góp phần làm trong sạch và lành mạnh hóa bộ máy, trực tiếp nâng cao hiệu quả đầu tư, đẩy nhanh quá trình tăng trưởng từ sức mạnh nội lực. Do đó, tăng trưởng và phát triển kinh tế phải đi đôi và gắn liền với cuộc đấu tranh chống thất thoát, lãng phí. Đấu tranh chống thất thoát, lãng phí là điều kiện để phát triển và tăng trưởng.

Tuy nhiên, để cuộc chiến chống loại tệ nạn này đạt hiệu quả, trước hết cần nhận diện đúng những biểu hiện của nó. Dựa vào những kết luận của các cơ quan bảo vệ pháp luật, có thể chia thất thoát, lãng phí tài sản của Nhà nước và nhân dân thành mấy nhóm sau đây:

– **Nhóm thứ nhất:** Thất thoát lãng phí do trình độ nhận thức và hiểu biết hạn chế, năng lực quản lý và điều hành yếu kém, sắp xếp, đề bạt bố trí cán bộ không hợp lý... Biểu hiện cụ thể của các loại sai phạm thuộc nhóm này là:

quy hoạch không chọn lọc và thiếu tính khả thi, đầu tư dàn trải, phân tán, tính toán phân bổ nguồn vốn và sắp xếp không khoa học dẫn đến hiệu suất đầu tư thấp, chi tiêu ngân sách không đúng quy định, chế độ; gây thất thoát, lãng phí lớn. Đó là chưa kể đến nhiều dự báo thiếu căn cứ, không lường hết các rủi ro do tác động của thiên nhiên và sự biến động của thị trường gây ra. Chẳng hạn, nhiều công trình đầu tư hàng ngàn tỉ nhưng hiệu quả thấp như: hồ chứa nước Đồng Xoài, Bình Phước 55,8 tỉ đồng; công trình tưới tiêu nước cho lúa ở tỉnh Hòa Bình 63,8 tỉ đồng; nhà máy đường Quảng Ngãi đầu tư 200 tỉ đồng; dự án nuôi bò sữa ở Sơn La 1.000 tỉ đồng và hàng loạt các dự án, công trình xây xong sử dụng không hiệu quả.

– **Nhóm thứ hai:** Thất thoát, lãng phí do sự bất cập của cơ chế, chính sách, sự thiếu đồng bộ của hệ thống pháp luật. Những năm qua thất thoát, lãng phí ở nhóm này diễn ra khá phổ biến, với nhiều biểu hiện khác nhau, gây hậu quả nghiêm trọng. Chẳng hạn như lợi dụng kẽ hở của chính sách và pháp luật để tự đặt ra các khoản thu ngoài quy định; miễn giảm thuế tùy tiện và có chủ ý; hóa giá tài sản thấp hơn mức thị trường; cổ phần hóa trong nội bộ các doanh nghiệp; đấu thầu độc quyền; thông đồng, móc nối với các công ty trong và ngoài nước, khai tăng, khai khống giá... Các hành vi trên đây đều được những cán bộ thoái hóa, biến chất triệt để khai thác để đục khoét và trục lợi.

– **Nhóm thứ ba:** Thất thoát, lãng phí do thiếu ý thức tổ chức và tinh thần trách nhiệm, nhất là trách nhiệm quản lý của những cán bộ chủ chốt trong các ngành kinh tế trọng điểm. Biểu hiện của nhóm sai phạm này là đưa ra các quyết định sai trái, làm thất thoát và sử dụng vốn một cách tùy tiện. Hàng loạt các dự án quy hoạch không khả thi, ngâm vốn quá lâu, hoặc kéo dài thời gian thi công, sử dụng kém hiệu

quả nguồn vốn, gây lãng phí lớn. Thậm chí còn để cho kẻ xấu lợi dụng trục lợi, không kịp thời phát hiện, bao che, xử lý thiếu kiên quyết, hoặc nương nhẹ những sai phạm của cấp dưới.

– *Nhóm thứ tư. Thất thoát, lãng phí do cố ý làm trái, gây hậu quả nghiêm trọng.* Loại tiêu cực này không những làm tổn thất về mặt tài sản mà nguy hại hơn, nó còn làm mất niềm tin của nhân dân vào đội ngũ cán bộ, công chức, vào bản chất của chế độ. Năm 2004, *thanh tra 167 dự án giao thông nông thôn, có 119 dự án mắc sai phạm; thanh tra 296 dự án kiên cố hóa kênh mương thủy lợi phát hiện 213 dự án có sai phạm.* Cũng trong năm 2004, ngành tài chính phát hiện *nhiều địa phương, đơn vị tự đặt các khoản thu sai quy định là 506,755 tỉ; chi sai nguyên tắc là 136,473 tỉ; 26 đơn vị mua 396 xe ô tô quá quy định 52,66 tỉ... số tiền lãng phí điện thoại công cũng đã lên đến vài chục tỉ đồng.* Năm 2005, ở thành phố Hồ Chí Minh qua giám sát 76/373 công trình xây dựng cơ bản do Sở Giao thông - Công chánh và Sở Giáo dục - Đào tạo làm chủ đầu tư có 17 công trình vi phạm, tỷ lệ thất thoát vốn đầu tư xây dựng cơ bản là 7%.

Điều đáng quan tâm hơn là sự suy thoái xuống cấp nghiêm trọng của một bộ phận cán bộ, công chức nhà nước. Họ thuộc nhóm những tội phạm có tri thức, có năng lực, trình độ tổ chức quản lý, hiểu biết đầy đủ, tường tận về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước nhưng vẫn cứ cố tình làm trái để trục lợi. Các vụ phạm tội của một số cán bộ ngành dầu khí, điện lực, Tổng công ty Hàng hải... thời gian gần đây là những ví dụ.

Cố ý làm trái và thiếu tinh thần trách nhiệm cùng với những biểu hiện được khái quát như nêu ở trên không tồn tại riêng biệt. Nó tác động và gắn kết với nhau gây nên những tổn thất vật chất, tinh thần to lớn cho xã hội.

Nhưng ngăn chặn và chống loại tội phạm này bằng cách nào có hiệu quả là điều mà toàn Đảng, toàn dân đang rất bức xúc, trăn trở. Không một ai có lương tri lại dung thứ cho các hành vi tham nhũng, lãng phí, nhưng chống loại tội phạm này là một cuộc chiến cam go và không đơn giản.

Để đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới và hội nhập kinh tế quốc tế, phải kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng, chống thất thoát, lãng phí. Trước mắt tập trung vào mấy nhóm giải pháp sau đây:

Thứ nhất, toàn Đảng, toàn dân phải có quyết tâm và ý chí thống nhất cao. Thực tiễn qua một số vụ án lớn như: Lã Thị Kim Oanh, Tổng công ty dầu khí, xăng dầu hàng không... cho thấy, nếu Đảng và Nhà nước quyết tâm cao, chỉ đạo của chính quyền các cấp sâu sát, sự phối hợp đồng bộ, có hiệu quả của các cơ quan bảo vệ pháp luật: công an, thanh tra, viện kiểm sát, tòa án... sự sắp xếp, bố trí cán bộ hợp lý, có cơ chế thanh tra giám sát chặt chẽ, thưởng phạt nghiêm minh thì chắc chắn chống tham nhũng, thất thoát, lãng phí sẽ chuyển biến tốt và có kết quả.

Thứ hai, phải xem cuộc đấu tranh chống tham nhũng, thất thoát lãng phí là sự nghiệp của toàn Đảng, toàn dân, phải có phương thức tổ chức để nhân dân giám sát, kiểm tra các lĩnh vực hoạt động của bộ máy nhà nước. Những năm qua cuộc đấu tranh chống tham nhũng, chống thất thoát, lãng phí đã được cán bộ, đảng viên, nhân dân tham gia hưởng ứng nhưng chưa mạnh. Vì vậy, Chính phủ nên sớm có những văn bản quy định cụ thể để người dân thông qua các tổ chức chính trị - xã hội của mình giám sát, kiểm tra các hoạt động của cán bộ, công chức. Đặc biệt là giám sát các lĩnh vực đầu tư, các công trình xây dựng cơ bản, chi tiêu ngân sách.

Thứ ba, phải có hệ thống pháp luật và một cơ chế, chính sách minh bạch, khoa học. Hệ thống pháp luật đồng bộ là yếu tố bảo đảm cho cuộc đấu tranh chống tham nhũng, thất thoát, lãng phí đủ độ tin cậy và là “điểm tựa” vững chắc để nhân dân tham gia, đồng thời là công cụ bảo vệ người trung thực. Cơ chế chính sách và hệ thống pháp luật đồng bộ là nhân tố quy tụ tập hợp sức mạnh tổng hợp của khối đại đoàn kết toàn dân, tham gia phòng ngừa và ngăn chặn mọi hành vi phạm tội. Pháp luật và chính sách cũng là hệ thống rào cản pháp lý để những kẻ suy thoái, biến chất, muốn tham nhũng, hoặc làm thất thoát lãng phí cũng khó có điều kiện để thực hiện.

Thứ tư, nghiêm trị những kẻ phạm tội, nhất là những kẻ có chức, có quyền cố ý làm trái và thiếu ý thức trách nhiệm gây hậu quả xấu. Nhiều năm qua, những người gây ra tổn thất, lãng phí chưa bị xử lý nghiêm minh. Ở Trung Quốc những kẻ tham nhũng, gây thất thoát, lãng phí được xử ở khung hình phạt cao, nên đã có tác dụng giáo dục và răn đe, để những kẻ có ý định nhưng chưa kịp phạm tội lấy đó làm gương không dám phạm tội, những kẻ đã phạm tội không dám tái phạm. Không kiên quyết, nương tay với nhóm tội phạm loại này là không đủ sức răn đe, là miếng đất dung dưỡng để tội phạm tiếp tục tồn tại và phát triển. Trả lời phỏng vấn báo Sài Gòn giải phóng ngày 19-10-2005, nguyên Thủ tướng Võ Văn Kiệt chỉ rõ, khi xảy ra tham nhũng, thất thoát thì trách nhiệm của người đứng đầu một tập thể, một ngành, địa phương không thể không đặt ra. Đồng chí cho rằng, để ngăn chặn tham nhũng và thất thoát, lãng phí trước hết phải xử lý nghiêm khắc trách nhiệm của cá nhân và tập thể đứng đầu. Đó là phương thức hữu hiệu nhất hiện nay để trị căn bệnh thất thoát, lãng phí.

Thứ năm, là bố trí, sử dụng hợp lý và thực hiện nghiêm chính sách luân chuyển cán bộ.

Không nên để cán bộ ở những vị trí chủ chốt liên tục trong nhiều khóa, nhiều năm, nhất là ở những môi trường có nhiều “cám dỗ”. Đồng thời, phải có quy định cụ thể đối với vợ con và những người thân của cán bộ có chức, quyền không để cho kẻ xấu lợi dụng họ, để mua chuộc, lôi kéo, thực hiện các hành vi tham ô, tham nhũng. Phòng ngừa và ngăn chặn kịp thời vẫn là phương thức bảo vệ cán bộ hữu hiệu hơn cả. Mặt khác, trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường, hội nhập và cạnh tranh gay gắt hiện nay, cán bộ các ngành quản lý kinh tế vừa phải bảo đảm phẩm chất chính trị, đạo đức, vừa phải có năng lực chuyên môn giỏi. Sử dụng đúng cán bộ và có cơ chế giám sát tốt, chắc chắn sẽ góp phần ngăn chặn có hiệu quả thất thoát, lãng phí.

Thứ sáu, tăng cường đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra. Nên quy định rõ trách nhiệm, quyền hạn cho các cơ quan bảo vệ pháp luật. Ở đâu có tham nhũng, tiêu cực, lãng phí thì ở đó thủ trưởng đơn vị, cơ quan thanh tra, cơ quan bảo vệ pháp luật các cấp phải chịu trách nhiệm và phải bị xử lý trước pháp luật. Những cán bộ để cho tiêu cực nảy sinh trên địa bàn mình quản lý, thuộc chức trách, nhiệm vụ được giao cần xử lý kỷ luật thích đáng. Có như vậy, kỷ cương phép nước mới được duy trì, cuộc đấu tranh chống thất thoát, lãng phí mới hy vọng có kết quả.

Cuộc đấu tranh chống thất thoát, lãng phí đang phải đối mặt với những khó khăn, thách thức không nhỏ, nhưng với quyết tâm của Đảng, Quốc hội, Chính phủ và được nhân dân đồng lòng, sẽ có nhiều cách làm hay, hiệu quả, và chúng ta tin nạn tham nhũng, thất thoát, lãng phí sẽ được ngăn chặn, đẩy lùi. Từ đó sẽ củng cố niềm tin của nhân dân vào bản chất tốt đẹp của chế độ, góp phần tạo ra nguồn lực thúc đẩy nhanh quá trình đổi mới và hội nhập vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. □

Lối ra cho tiến trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở khu vực nông thôn

NGUYỄN HOÀNH XANH *

PHÁT triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa là một chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước ta. Hiện nay, nước ta vẫn là một quốc gia nông nghiệp, kết cấu hạ tầng còn thấp kém. Đáng lưu ý là trong các mặt hàng xuất khẩu thì nông sản đang chiếm ưu thế. Về cơ bản các mặt hàng xuất khẩu nông sản của ta vẫn là dưới dạng thô (chiếm 90%), chưa qua chế biến, khả năng bảo quản kém. Nếu so với các mặt hàng nông sản cùng loại trên thị trường khu vực và thế giới, sức cạnh tranh của hàng nông sản Việt Nam còn kém: có đến 60% được bán với giá thấp (từ 10-15% so với cùng loại của các nước trong khu vực). Vì vậy, khả năng tiêu thụ hàng nông sản Việt Nam còn bị hạn chế. Hiện nay, những vấn đề nổi cộm của khu vực kinh tế nông thôn như: chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, gia tăng khả năng tiêu thụ hàng nông sản, đào tạo nghề và tìm việc làm cho người lao động, tăng thu nhập cho cư dân nông thôn... là những bài toán cần có lời giải. Để có bước đột phá trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở khu vực nông nghiệp, nông thôn nhằm sử dụng hợp lý và khai thác tiềm năng nguồn lực ở khu vực này có hiệu quả, phục vụ tốt tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn cần

tập trung vào một số vấn đề cụ thể sau:

1 – Phát triển công nghiệp nông thôn

Công nghiệp nông thôn được hiểu là hoạt động sản xuất của các doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ, các hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp tại các huyện, thị trấn và xã. Hiện nay, quy mô của công nghiệp nông thôn nhìn chung trên phạm vi

cả nước còn nhỏ bé. Theo con số thống kê tại một số tỉnh thì công nghiệp nông thôn chỉ chiếm khoảng 10% giá trị sản xuất. Trong khi đó từ những thập kỷ 60 của thế kỷ XX công nghiệp nông thôn của Đài Loan đã đóng góp 60% cho khu vực nông thôn và đóng góp trên 60% kim ngạch xuất khẩu.

Mục tiêu phấn đấu trong vài thập niên tới là nước ta cơ bản sẽ trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Nên việc đẩy mạnh phát triển công nghiệp nông thôn là một nhiệm vụ quan trọng hàng đầu, vì rằng đây là một địa bàn chiếm tới hơn 70% lực lượng lao động của toàn xã hội, nhất là thời gian nông nhàn của lao động ở khu vực nông thôn hiện nay còn chiếm tới 25% thời gian làm việc trong năm, tương đương với 9 triệu lao động bị thất nghiệp. Chỉ như vậy chúng ta mới có thể tạo ra nhiều công ăn việc làm, giảm thiểu thời gian nông nhàn, từ đó rút ngắn sự chênh lệch về khả năng phát triển kinh tế giữa thành thị và nông thôn, góp phần đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế nhằm đạt được các mục tiêu kinh tế - xã hội đã đề ra. Trong thời gian tới, Nhà nước cần ưu tiên đặc biệt về đầu tư vốn, chuyển giao công nghệ, tư vấn khoa

* ThS, Văn phòng đại diện của Ngân hàng Nhà nước tại TP Hồ Chí Minh

học kỹ thuật, đào tạo nhân lực và một cơ chế tài chính, tín dụng thông thoáng phù hợp với khả năng phát triển của khu vực này. Mặt khác, phát triển công nghiệp nông thôn phải được đặt trong mối tương quan với chiến lược phát triển công nghiệp trên phạm vi cả nước nhằm sử dụng, khai thác các lợi thế so sánh và tối ưu hóa các nguồn lực xét trên phạm vi tổng thể của nền kinh tế. Các doanh nghiệp ở khu vực nông thôn sẽ là vệ tinh cho các doanh nghiệp lớn trong việc gia công, lắp ráp các sản phẩm công nghiệp. Từ đó, sẽ có điều kiện thực hiện tốt chuyển giao công nghệ và kinh nghiệm quản lý giữa các thành phần kinh tế với nhau. Đây được xem như là một giải pháp rất quan trọng để chuyển nền kinh tế từ chỗ dựa trên lao động thủ công sang lao động cơ khí, từ đó tạo ra các bước phát triển đồng đều giữa các ngành và các lĩnh vực của nền kinh tế. Đẩy mạnh phát triển công nghiệp nông thôn sẽ tạo ra sự tác động kép: một mặt, nó tạo ra xung lực mới để đưa kinh tế nông thôn phát triển lên một giai đoạn cao hơn; mặt khác, nó sẽ tạo ra những tiền đề để thu hút vốn đầu tư từ nước ngoài. Nếu làm tốt điều này sẽ tạo ra nhiều công ăn việc làm cho người lao động, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế một cách bền vững.

Điều quan trọng là công nghiệp nông thôn phải phục vụ đắc lực cho việc tham gia sản xuất, chế biến và tiêu thụ hàng nông lâm, thủy sản. Do vậy cần tập trung vốn đầu tư cho công nghiệp chế biến, nhất là khâu đổi mới máy móc thiết bị và trang bị công nghệ mới. Đó là yếu tố rất quan trọng để hạ giá thành và nâng cao chất lượng hàng hóa nhằm nâng cao vị thế của hàng nông sản Việt Nam trên thị trường khu vực và thế giới.

Gắn liền với việc phát triển công nghiệp nông thôn, cần thúc đẩy quá trình đô thị hóa tại các thị trấn, thị tứ, các cụm dân cư tại khu vực nông thôn, cải thiện kết cấu hạ tầng ở nông thôn, tạo điều kiện thuận lợi cho việc hình thành phát triển các khu công nghiệp,

thương mại và dịch vụ. Đây cũng là một yếu tố quan trọng để thu hút nguồn nhân lực từ nông nghiệp và nông thôn. Muốn vậy, Nhà nước cần gia tăng vốn đầu tư cho khu vực kinh tế nông thôn, mà hiện đang còn khá khiêm tốn. Thiết nghĩ, vốn đầu tư cho khu vực kinh tế nông thôn ít nhất cũng phải tương xứng với khả năng đóng góp của khu vực này cho nền kinh tế. Và một khi tiến trình trên trở thành hiện thực sẽ tác động mạnh mẽ đến đời sống kinh tế nông thôn: Một mặt, tạo nên sự biến đổi về chất trong cơ cấu nguồn nhân lực, với xu hướng chất lượng lao động ngày càng được nâng cao về mọi phương diện phù hợp với những đòi hỏi mới ngày càng cao của nền kinh tế. Mặt khác, tạo ra sự thay đổi về cơ cấu tiêu dùng ở nông thôn, theo hướng chi tiêu nhiều hơn cho các mặt hàng công nghiệp và dịch vụ, phù hợp với các bước phát triển của nền kinh tế thị trường.

Vì địa bàn nông thôn rộng lớn, nên muốn mở rộng các quan hệ thị trường ở cả đầu vào, lẫn đầu ra, nhằm thúc đẩy quan hệ hàng hóa – tiền tệ ở khu vực nông thôn lên một cấp độ mới, phải củng cố và mở rộng hoạt động của khu vực chợ nông thôn, các hợp tác xã mua bán. Chính sự hoạt động tích cực và năng động của hệ thống này sẽ làm sôi động thị trường nông thôn, các sản phẩm làm ra dễ tiêu thụ hơn.

2 – Phát triển và chuyển dịch cơ cấu nguồn nhân lực

Nguồn nhân lực là yếu tố quyết định đến việc thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội, và quyết định quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước nhằm nhanh chóng hội nhập nền kinh tế nước ta với khu vực và thế giới. Trong thời gian qua, vấn đề đào tạo nguồn nhân lực chưa được quan tâm đúng mức, chưa có bước đi thích hợp nhằm đem lại hiệu quả thiết thực. Hiện nay, cả nước có gần 40 triệu lao động (chiếm gần một nửa dân số), trong đó có tới 83% lao động chưa có trình độ

chuyên môn kỹ thuật, vẫn dựa trên nền tảng lao động thủ công là chủ yếu. Chỉ số tổng hợp về nguồn nhân lực của Việt Nam chỉ đạt 3,79 điểm (thang điểm 10). So với các nước trong khu vực, Việt Nam đứng sau Xin-ga-po, Ma-lai-xi-a, Phi-lip-pin và Thái Lan. Năng suất lao động của nước ta cũng thấp hơn nhiều với các nước trong khu vực: thấp hơn so với In-đô-nê-xi-a là 2,1 lần, Phi-lip-pin 3,2 lần, Thái Lan 4,4 lần. Năng suất nhân tố tổng hợp của ta (TFP) chỉ chiếm 28,2% trong tăng trưởng kinh tế, trong khi đó con số này ở các nước trong khu vực là 40%. Điều này phản ánh thực trạng hàm lượng chất xám trong giá thành sản phẩm của ta còn thấp hơn nhiều so với các nước trong khu vực. Để tăng tỷ trọng của năng suất nhân tố tổng hợp trong tăng trưởng kinh tế, Nhà nước đã đề ra năm 2005 nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo lên 30% và phấn đấu đến năm 2010 đạt 40%. Thực ra mức phấn đấu đó là còn rất khiêm tốn trong bối cảnh chúng ta đang chủ động tiếp cận sớm với kinh tế tri thức (đặc trưng là công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, chất xám chiếm tỷ lệ chủ yếu trong giá thành sản phẩm). Thiết nghĩ, các mục tiêu trên cần được điều chỉnh tăng hơn nữa để phù hợp với các bước phát triển mới của hội nhập kinh tế quốc tế. Đó cũng sẽ là con đường ngắn nhất để gắn liền tri thức khoa học với thực tiễn sản xuất, và cũng là biện pháp hữu hiệu nhất để tăng năng suất lao động xã hội.

Cùng với quá trình tăng trưởng liên tục ở mức độ cao, trong thời gian qua, nền kinh tế có sự chuyển dịch về tỷ trọng trong GDP của các ngành. Đó là sự gia tăng nhanh chóng của các ngành công nghiệp - xây dựng, dịch vụ và sự giảm đáng kể ngành nông nghiệp, điều này hoàn toàn phù hợp với sự vận hành của nền kinh tế hướng về thị trường trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế. Nếu như trước đây ngành nông nghiệp chiếm tỷ trọng từ 40% - 45% GDP thì đến thời điểm hiện tại chỉ còn chiếm tỷ trọng trên 20% GDP, tỷ trọng này sẽ còn giảm nữa. Theo lô-gíc thông thường thì việc

giảm tỷ trọng GDP của ngành nông nghiệp sẽ kéo theo sự giảm tương ứng nguồn nhân lực của ngành này trong tổng lao động xã hội. Tuy nhiên, trong thời gian qua tỷ trọng nguồn nhân lực của ngành nông nghiệp trong toàn bộ lực lượng lao động xã hội hầu như không giảm, hiện vẫn chiếm khoảng trên 70% toàn bộ lực lượng lao động xã hội. Vấn đề đặt ra là phải giảm dần về mặt tỷ trọng nguồn nhân lực của ngành nông nghiệp trong toàn bộ lực lượng lao động của nền kinh tế quốc dân. Chính vì vậy, trong Chiến lược kinh tế - xã hội 10 năm (2001 - 2010) đã đề ra mục tiêu là đến năm 2010 sẽ giảm tỷ lệ lao động nông nghiệp xuống còn 50%.

Việc chuyển dịch cơ cấu nguồn nhân lực trong nông nghiệp phải được dựa trên quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngay trên địa bàn nông thôn, không nên kỳ vọng nhiều vào việc thu hút nguồn nhân lực nông nghiệp từ các ngành công nghiệp và dịch vụ. Vì bản thân các ngành đó cũng chịu sức ép rất lớn trong việc sử dụng nguồn nhân lực hiện có. Do đó, cần chú trọng nâng cao hiệu quả của các ngành nghề truyền thống ở khu vực nông thôn hiện nay (hiện có khoảng 2000 làng nghề truyền thống với khoảng 1,3 triệu thợ thủ công, sản phẩm hàng xuất khẩu đã có mặt tại trên 100 quốc gia). Ngoài ra, việc tham khảo thêm kinh nghiệm thành công và không thành công của các xí nghiệp hương trấn tại nông thôn Trung Quốc (hiện có khoảng 30 triệu xí nghiệp hương trấn, giải quyết việc làm cho khoảng 75 triệu lao động) là đúng, nhưng hiện nay lại rất cần được lưu ý về yếu tố trình độ công nghệ và năng lực cạnh tranh của số doanh nghiệp nhỏ và vừa này.

Hiện nay, trình độ lao động tại khu vực kinh tế nông thôn còn yếu về nhiều mặt. Nó chưa đáp ứng những đòi hỏi của nền kinh tế trong tiến trình hội nhập. Trong một thời gian dài, chúng ta chưa chú trọng đến đào tạo nguồn nhân lực cho khu vực này. Vì thế quá trình chuyển dịch cơ cấu nguồn nhân lực theo

hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở khu vực kinh tế nông thôn chỉ được coi là thành công khi đầu tư vào nguồn phát triển nhân lực phải được coi là một giải pháp lớn và ngân sách nhà nước dành cho nông nghiệp phải chiếm một tỷ trọng đáng kể. Phải có chính sách thỏa đáng về lợi ích vật chất và tinh thần đối với lực lượng trí thức làm việc tại khu vực nông thôn. Vì đó là yếu tố hết sức quan trọng để có thể gia tăng sự phát triển bền vững về kinh tế cũng như các lĩnh vực khác ở khu vực nông thôn. Xây dựng và mở rộng mạng lưới các trường dạy nghề, hướng nghiệp trên địa bàn nông thôn, tổ chức tốt các chương trình “khuyến công” không chỉ đối với các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp truyền thống, mà đối với cả ngành nghề mới khi mà sản phẩm của nó được thị trường chấp nhận. Mặt khác, cần phát triển mạnh các hoạt động văn hóa tinh thần, nâng cao trình độ dân trí ở địa bàn nông thôn.

3 – Phát triển các làng nghề truyền thống

Một thế mạnh hiện nay của khu vực kinh tế nông thôn đã sản xuất ra các mặt hàng thủ công mỹ nghệ tạo được ấn tượng tốt ở thị trường trong nước và thế giới. Trong những năm gần đây, giá trị các mặt hàng thủ công - mỹ nghệ của ta xuất khẩu đạt trung bình khoảng 300 triệu USD. Dự tính, năm 2005 kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng thủ công sẽ đạt gần một tỉ USD. Đây là một con số rất có ý nghĩa khi tính về phương diện hiệu suất sinh lời của đồng vốn; thực tế nó vẫn đang cao hơn nhiều so với các mặt hàng nông sản xuất khẩu của ta như: gạo, cà phê, cao su. Theo một số chuyên gia kinh tế đánh giá các mặt hàng thủ công - mỹ nghệ xuất khẩu đạt hiệu quả kinh tế rất cao, bởi vì tỷ lệ chi phí trong nước (một chỉ số về năng lực cạnh tranh - DRC) của nó đạt tới 95% - 97%, nghĩa là cứ xuất khẩu 100 đơn vị giá trị mặt hàng này thì thu được từ 95 - 97 đơn vị ngoại tệ ròng. Tiềm năng để phát triển các ngành nghề truyền thống trên địa bàn nông thôn vẫn còn rất lớn. Những tiềm năng

này nếu được khai thác có hiệu quả sẽ tạo ra những chuyển biến tích cực trong đời sống kinh tế nông thôn.

Từ kinh nghiệm thành công trong việc phát triển các ngành nghề truyền thống ở những địa phương như: Bắc Ninh, Hà Tây, Đồng Nai, Bình Dương..., Nhà nước cần sớm xây dựng một chiến lược phát triển các ngành nghề truyền thống mang tầm vóc quốc gia theo hướng liên kết, đan xen giữa các vùng, các miền, các khu vực trong cả nước với nhau nhằm khai thác và tối ưu hóa việc sử dụng các nguồn lực. Đặc biệt là các thợ thủ công có trình độ tay nghề cao; từ đó, tạo ra một không gian kinh tế rộng lớn đối khu vực kinh tế nông thôn, nhằm thúc đẩy sự phát triển kinh tế ở khu vực nông thôn lên một cấp độ mới theo cơ chế thị trường.

Việc phát triển các ngành, nghề truyền thống cần đặt trong bối cảnh nền kinh tế đất nước đang chủ động hội nhập kinh tế quốc tế. Điều đó có nghĩa là các sản phẩm thủ công - mỹ nghệ phải chủ yếu hướng về xuất khẩu. Do đó, công tác xúc tiến thương mại nhằm tìm kiếm thị trường, tiêu thụ sản phẩm trở thành điểm mấu chốt, vì chỉ có tiêu thụ được sản phẩm của mình thì các ngành, nghề truyền thống mới có thể tồn tại và phát triển. Thực tế cho thấy, hầu hết các mặt hàng thủ công - mỹ nghệ của ta sau một thời gian dài không được quan tâm phát triển đúng mức. Vì thế, quy mô vốn đầu tư nhỏ, năng lực và trình độ quản lý còn yếu, công nghệ sản xuất lạc hậu. Theo số liệu điều tra của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Cơ quan hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA), có đến 70% số làng nghề thủ công ở Việt Nam đang thiếu công nghệ, thiếu các chuyên gia giỏi về thiết kế các mẫu mã, kiểu dáng (một yếu tố cực kỳ quan trọng để khẳng định vị thế của các sản phẩm thủ công - mỹ nghệ trên thị trường quốc tế); có tới 81,5% làng nghề khó khăn về vốn, nhiều làng nghề

(Xem tiếp trang 72)



MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA SAU 30 NĂM PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

NGUYỄN SINH CÚC *

ĐỒNG bằng sông Cửu Long là vùng sản xuất nông sản hàng hóa tập trung, là vựa thóc lớn không những của Việt Nam, mà còn là của thế giới. Theo các tài liệu lịch sử nông nghiệp Việt Nam, đến giữa thế kỷ XIX, vựa lúa lớn nhất Đông Dương này đã cung cấp hàng triệu tấn gạo cho thị trường thế giới và Việt Nam đã đứng thứ 3 trong số các nước xuất khẩu gạo lúc bấy giờ.

Song tiềm năng to lớn về đất đai, khí hậu, nguồn nước và kinh nghiệm sản xuất lúa gạo ấy đã không được khai thác hợp lý dưới chế độ Mỹ - ngụy. Thời kỳ trước giải phóng, nghề nông, nhất là nghề trồng lúa nước của đồng bằng sông Cửu Long bị giảm sút nghiêm trọng. Đến đầu những năm 70 của thế kỷ XX diện tích lúa của đồng bằng sông Cửu Long chỉ còn 68% so với năm 1940. Hằng năm ngụy quyền Sài Gòn đã phải nhập khẩu gạo trên 700 nghìn tấn.

Từ sau ngày miền Nam được giải phóng, đất nước thống nhất và đi lên chủ nghĩa xã hội, sản xuất nông nghiệp của vùng này đã được hồi phục và phát triển. Năm 1976, diện tích gieo trồng lúa toàn vùng đạt 2062 nghìn héc-ta, năng suất bình quân 20 tạ/ha và sản lượng đạt gần 4,7 triệu tấn. Tuy nhiên, sự hồi phục và

phát triển đó không bền vững do tác động của cơ chế quản lý kinh tế và một số chính sách không phù hợp lúc bấy giờ. Mười năm đầu trong cơ chế kế hoạch hóa tập trung, bao cấp với chính sách cải tạo nông nghiệp, điều chỉnh ruộng đất theo lối cào bằng và mô hình tập thể hóa triệt để mang tính áp đặt, sản xuất không ổn định. Hậu quả là sản lượng lúa vùng này trong các năm 1977 - 1980 chỉ xoay quanh 3,2 đến 4,7 triệu tấn, thấp hơn mức năm 1976 và 10 năm sau, năm 1985 cũng chỉ đạt 6,8 triệu tấn.

Từ năm 1986, thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, sản xuất nông nghiệp nói chung và lúa gạo nói riêng của vựa lúa đồng bằng sông Cửu Long được hồi phục và phát triển toàn diện, tăng trưởng với tốc độ cao. Chỉ 2 năm sau đổi mới và 1 năm sau Nghị quyết 10 (tháng 4-1988) của Bộ Chính trị về khoán sản phẩm đến hộ nông dân, sản lượng lúa vùng đồng bằng sông Cửu Long đã đạt 8,9 triệu tấn, tăng 2,1 triệu tấn so với năm 1985.

Với sự tăng trưởng nhanh về sản lượng lúa gạo đồng bằng sông Cửu Long, năm 1989 Việt Nam đã có thừa gạo để xuất khẩu với mức

* PGS, TS, Tổng cục Thống kê

1,4 triệu tấn, mở đầu trang sử mới trong sản xuất và xuất khẩu của nước ta. Từ năm 1989 đến nay, sản lượng lúa vùng này liên tục tăng nhanh với mức bình quân 1,3 triệu tấn/năm cho dù điều kiện của thời tiết nhiều năm không thuận lợi. Năm 2004, sản lượng đạt 18,57 triệu tấn, năng suất bình quân 1 vụ đạt 48,7 tạ/ha và diện tích đạt 3.815 nghìn héc-ta. So với năm 1976, sản lượng đã tăng gấp 4 lần, năng suất tăng gấp hơn 2 lần. Từ năm 1990 đến năm 2004, sản lượng lúa vùng này chiếm trên 50% và lượng gạo xuất khẩu chiếm hơn 93% so với cả nước. Từ năm 1989, Việt Nam liên tục là nước xuất khẩu gạo với số lượng và chất lượng ngày càng tăng. Từ một nước thiếu lương thực, Việt Nam trở thành nước xuất khẩu gạo đứng thứ hai thế giới trong nhiều năm liền. Thành tựu đó có đóng góp rất lớn của đồng bằng sông Cửu Long cả về kinh nghiệm sản xuất nông sản hàng hóa và xâm nhập thị trường lúa gạo thế giới. Tốc độ tăng sản lượng lúa vùng đồng bằng sông Cửu Long bình quân hàng năm trong 30 năm qua (chủ yếu gần 20 năm đổi mới) đạt 11%, bỏ xa tốc độ tăng bình quân của cả nước (7,8%) cũng như vùng đồng bằng sông Hồng (5,35%) trong thời gian tương ứng.

Trong 30 năm qua, đồng bằng sông Cửu Long có sản lượng lúa tăng nhanh dựa cả vào 2 yếu tố: tăng diện tích và tăng năng suất. Tổng diện tích đất canh tác lúa của vùng sau giải phóng có trên 2 triệu héc-ta, trong đó 70% (1,5 triệu héc-ta) là ruộng 1 vụ. Nhờ việc đầu tư khai hoang, làm thủy lợi, tiêu úng xổ phèn, cải tạo đất, nên đã biến hàng trăm ngàn héc-ta đất hoang hóa hoặc chỉ làm một vụ lúa nổi bấp bênh thành những vùng đất 2 vụ lúa. Tính riêng 10 năm 1990 - 1999, diện tích đất canh tác lúa toàn vùng đã tăng bình quân gần 100 nghìn ha/năm, không những bù đắp diện tích lúa mất đi do quá trình đô thị hóa, công nghiệp hóa, xây dựng khu dân cư mới và hệ thống kết cấu hạ tầng, giao thông, thủy lợi mà

còn làm tăng diện tích đất lúa toàn vùng. Đến năm 2004, diện tích đất canh tác lúa vùng này là 2,1 triệu héc-ta, diện tích gieo trồng gần 3,9 triệu héc-ta chiếm 50% tổng diện tích trồng lúa cả nước.

Cơ cấu đất cũng đã thay đổi theo hướng tích cực: hầu hết đất trồng lúa hiện nay của vùng là đất 2 - 3 vụ lúa, còn đất 1 vụ không đáng kể. Vùng Đồng Tháp Mười đã khai hoang 34 ngàn héc-ta đất mới và chuyển hàng nghìn héc-ta từ 1 vụ lúa lên 2 vụ lúa ăn chắc. Chính tăng vụ là nguyên nhân chủ yếu làm tăng diện tích gieo trồng lúa của vùng này từ năm 1986 đến năm 2000.

Từ năm 2001 đến năm 2004, thực hiện chủ trương chuyển dịch cơ cấu cây trồng theo hướng "đất nào cây ấy" nên diện tích lúa vùng này giảm dần với quy mô hàng chục nghìn ha/năm. Một bộ phận đất lúa 1 vụ vùng bán đảo Cà Mau chuyển sang nuôi trồng thủy sản, bộ phận khác ở vùng Đồng Tháp Mười, Cần Thơ, Vĩnh Long, Tiền Giang, Long An... chuyển sang trồng cây lâm nghiệp, cây ăn trái, cỏ nuôi bò sữa đem lại hiệu quả kinh tế cao hơn. Trong bối cảnh đó, tăng vụ, chuyển vụ và thâm canh tăng năng suất, ứng dụng khoa học, kỹ thuật là phương hướng cơ bản để tăng sản lượng và chất lượng lúa gạo vùng trong vùng.

Có thể nói, tăng vụ lúa đông xuân và hè thu là xu hướng phổ biến ở đồng bằng sông Cửu Long trong 30 năm qua và trở thành yếu tố cơ bản để vừa tăng diện tích, vừa tăng năng suất và sản lượng lúa. Nếu năm 1976, toàn vùng mới làm thử nghiệm 189 nghìn héc-ta lúa đông xuân, thì năm 2004 lên tới trên 1,5 triệu héc-ta, tăng gần 10 lần năm 1976. Diện tích lúa hè thu tăng với tốc độ chậm hơn: từ 442 nghìn héc-ta năm 1976 lên 1,9 triệu héc-ta năm 2004. Nguyên nhân của tăng vụ lúa đông xuân và hè thu ở vùng này là kết quả của quá trình đầu tư làm thủy lợi, cải tạo đất, thau chua, rửa phèn bảo đảm nước ngọt cho cây lúa

sinh trưởng và phát triển. Cùng với thủy lợi, nhiều loại giống lúa mới ngắn ngày, năng suất cao, chịu sâu bệnh, cũng đã góp phần tích cực vào quá trình tăng vụ và chuyển vụ lúa trong vùng. Diện tích lúa mùa năng suất thấp và bấp bênh giảm dần từ 1,43 triệu héc-ta năm 1976 xuống còn trên 400 nghìn héc-ta năm 2004.

Trong 30 năm qua, nhờ tăng vụ và chuyển vụ, diện tích lúa đông xuân và hè thu toàn vùng tăng gần 2,8 triệu héc-ta, diện tích lúa mùa giảm 80 vạn héc-ta, chung cả năm diện tích lúa tăng thêm 2 triệu héc-ta. Tăng vụ và chuyển vụ không chỉ làm tăng diện tích mà còn tạo điều kiện để thâm canh, tăng năng suất lúa toàn vùng. Tính chung 30 năm, năng suất lúa bình quân toàn vùng tăng thêm gần 26 tạ/ha tương đương 8 triệu tấn lúa, chiếm 50% tổng sản lượng lúa tăng thêm của toàn vùng. Sự thay đổi mùa vụ ở đồng bằng sông Cửu Long đi cùng với đổi mới cơ cấu giống lúa và quy trình sản xuất theo hướng thâm canh tăng năng suất. Nhờ đó, năng suất lúa từng vụ và cả năm ở vùng này tăng dần cùng với quá trình tăng vụ và chuyển vụ (xem bảng).

Bảng: Năng suất lúa bình quân 1 vụ ở đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 1976 - 2004

Đơn vị tính: tạ/héc-ta.

Vụ lúa	Năm									
	1976	1980	1985	1990	1995	1996	1997	1998	1999	2004
Lúa đông xuân	32,8	26,5	43,0	48,2	51,6	51,9	53,3	53,0	50,0	58,0
Lúa hè thu	26,12	24,21	34,6	35,3	37,9	34,6	34,5	35,3	37,2	41,5
Lúa mùa	20,21	21,65	23,7	28,0	28,9	33,3	26,7	29,8	30,3	36,5
Lúa cả năm	22,62	23,07	30,5	36,7	40,2	40,1	39,8	40,7	40,8	48,7

Nguồn: Tổng cục Thống kê

Do tác động tổng hợp của cả 2 yếu tố: tăng diện tích và tăng năng suất, nên sản lượng lúa vùng đồng bằng sông Cửu Long trong 30 năm qua đã tăng trên 14 triệu tấn, chiếm 72% sản lượng lúa và 90% sản lượng lúa hàng hóa tăng thêm của cả nước trong cùng thời kỳ. Trong thời kỳ đổi mới và hội nhập, lúa hàng hóa ở

vùng này bảo đảm vững chắc an ninh lương thực quốc gia và giữ vững vị trí nước xuất khẩu gạo đứng thứ 2 thế giới của Việt Nam.

Không những tăng nhanh về sản lượng mà chất lượng lúa gạo ở vùng này cũng không ngừng được cải thiện, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu người tiêu dùng. Các loại lúa đặc sản có chất lượng cao như IR64, OM1490, OM2031, VND95-20, MTC250, IR62032, lúa Nàng thơm chợ Đào, Jasmine v.v... phục vụ xuất khẩu ngày càng mở rộng, chiếm tỷ trọng lớn cả về diện tích và sản lượng, tăng sức cạnh tranh trên thị trường trong nước và xuất khẩu gạo.

Tóm lại, nguyên nhân trực tiếp làm tăng năng suất lúa vùng đồng bằng sông Cửu Long những năm qua, như đã nêu ở trên, là do trình độ thâm canh lúa tiến bộ, đổi mới cơ cấu giống và cơ cấu thời vụ, chăm sóc và bảo vệ thực vật tốt và đặc biệt là hoạt động khuyến nông. Còn nguyên nhân sâu xa là tác động của cơ chế và các chính sách mới của Đảng và Nhà nước trong nông nghiệp, nhất là Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị đã phát huy tác dụng tích cực, khuyến khích hàng triệu hộ nông dân trong vùng đầu tư, thâm canh, phát triển sản xuất lúa, làm giàu từ cây lúa.

Cùng với lúa, đồng bằng sông Cửu Long còn phát triển mạnh cây ăn trái, thế mạnh tuyệt đối của vùng. Năm 2004, toàn vùng có trên 252 nghìn héc-ta diện tích cây ăn trái đạt sản lượng trên 3 triệu tấn quả, tăng gấp 2 lần năm 1976. Một số loại trái cây chất lượng cao, nổi tiếng như nhãn tiêu, xoài cát (Vĩnh Long, Bến Tre, Tiền Giang), quýt hồng (Đồng Tháp), cam quýt ngọt (Cần Thơ) bưởi Năm Roi (Vĩnh Long) v.v... phát triển thành những vùng chuyên canh, tập trung, quy mô lớn, sản lượng hàng hóa nhiều, theo mô hình kinh tế trang trại gia đình đem lại hiệu quả kinh tế cao. Vùng trồng cam, quýt tập trung ở tỉnh Cần Thơ, hằng năm đã cung cấp cho thị trường

gần 100 nghìn tấn quả có chất lượng, Bến Tre là 90 nghìn tấn quả.

Cùng với lúa và trái cây, đồng bằng sông Cửu Long còn có thể mạnh về *cây công nghiệp ngắn ngày*, nhất là mía, đậu tương, lạc. Năm 2004, diện tích mía toàn vùng đạt 73 nghìn héc-ta, năng suất bình quân 73,6 tạ/ha và sản lượng đạt trên 5,4 triệu tấn, tương đương so với năm 1996, tăng gấp 4,4 lần; 51% và gấp 6,6 lần. Đã hình thành vùng sản xuất mía tập trung gắn với công nghiệp chế biến đường tại 4 tỉnh trọng điểm là Cần Thơ, Bến Tre, Sóc Trăng và Long An. Với mức sản xuất như năm 1999, sản lượng mía ở vùng này chiếm 46% sản lượng mía của các tỉnh miền Nam (13,9 triệu tấn) và bằng 34% sản lượng mía cả nước (17,8 triệu tấn); 2 tỷ lệ tương ứng của năm 1976 là 39,2% và 32,2%. Như vậy, đồng bằng sông Cửu Long vẫn đứng đầu trong 8 vùng về sản lượng mía và có vị trí quyết định trong thực hiện chiến lược sản xuất 1 triệu tấn đường của cả nước.

Nhờ sự phát triển của cây ăn trái, mía và rau màu, nền tính chất độc canh lúa của đồng bằng sông Cửu Long đã được giảm dần, thay vào đó là sự đa canh cây trồng để khai thác và sử dụng hợp lý quỹ đất, nguồn nước và nguồn lao động tại chỗ, tăng năng suất và hiệu quả của sản xuất. Giá trị sản xuất nông nghiệp tính trên 1 ha gieo trồng đã tăng từ 6,4 triệu đồng năm 1985 lên trên 27 triệu đồng năm 2004.

Chăn nuôi lợn và gia cầm cũng là một thế mạnh của nông nghiệp vùng đồng bằng sông Cửu Long. Trước giải phóng, tập quán chăn nuôi lợn thịt và vịt đàn, vịt thời vụ đã phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa. Sau giải phóng, xu hướng này tiếp tục phát triển toàn diện hơn. Trọng lượng xuất chuồng bình quân 1 con gia súc và gia cầm đạt mức cao so với mức trung bình của cả nước. Đối với lợn thịt: đồng bằng sông Cửu Long là 110kg, so với 70kg của cả nước và 80kg ở vùng đồng bằng

sông Hồng. Do vậy, đàn lợn đồng bằng sông Cửu Long tuy chỉ chiếm 14,3% về đầu con, nhưng trọng lượng xuất chuồng chiếm tới 23,8% tổng sản lượng thịt lợn hơi xuất chuồng của cả nước hàng năm.

Bức tranh tương tự cũng diễn ra đối với đàn gia cầm và chăn nuôi khác. Số lượng gia cầm trong vùng so với cả nước chỉ chiếm tỷ lệ 22,3%, nhưng thịt xuất chuồng chiếm 30% và trứng gia cầm chiếm 24% của cả nước. Sau 30 năm giải phóng, đàn lợn tăng 3 lần, đàn gia cầm tăng 3,9 lần và thịt lợn hơi xuất chuồng tăng 4,25 lần. Không những tăng về số lượng mà cơ cấu và chất lượng thịt, trứng cũng có nhiều chuyển biến tích cực, theo hướng gắn sản xuất với thị trường. Một số sản phẩm chăn nuôi trong vùng đã được xuất khẩu với khối lượng ngày càng lớn, như: thịt lợn, thịt gia cầm, trứng vịt muối, v.v..

Từ nền nông nghiệp độc canh lúa, năng suất thấp trước giải phóng, ngày nay đồng bằng sông Cửu Long đã có một nền nông nghiệp đa canh, đa dạng hóa sản phẩm, có cơ cấu trồng trọt - chăn nuôi khá hợp lý và đang chuyển dịch theo hướng tích cực, rõ nét nhất là trong gần 20 năm đổi mới. Đó là yếu tố bảo đảm cho nông nghiệp đồng bằng sông Cửu Long tăng trưởng với tốc độ nhanh và bền vững so với các vùng khác của cả nước. Bình quân thời kỳ 1985 - 2004, tốc độ tăng trưởng của nông nghiệp vùng này (theo giá cố định năm 1994) đạt 7,5%, cao hơn nhiều so với tốc độ tăng trung bình của cả nước (4,9%) trong cùng thời kỳ. Trong phát triển nông nghiệp, đồng bằng sông Cửu Long không những đạt tốc độ cao nhất trong tất cả 8 vùng kinh tế của cả nước, mà còn có xu hướng tăng dần theo thời gian: năm 2004 nông nghiệp vùng này tạo ra 40% tổng giá trị sản xuất nông nghiệp cả nước, so với 38,3% của năm 1998, 37,9% của năm 1995, 35,7% năm 1990 và 34,17% của năm 1985. Nếu tính theo giá trị nông sản hàng hóa và xuất khẩu thì vị thế của đồng bằng sông

Cửu Long còn cao hơn nhiều. Đó là những thành tựu ngoạn mục, rất đáng tự hào của đồng bằng sông Cửu Long

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu to lớn, nông nghiệp đồng bằng sông Cửu Long cũng còn nhiều khó khăn và thách thức:

Thứ nhất, dân số tăng nhanh cùng với quá trình đô thị hóa và công nghiệp hóa đã làm cho quỹ đất nông nghiệp trong vùng giảm nhanh cả về số tuyệt đối và bình quân đầu người: mật độ dân số năm 1988 là 366 người/km² đến năm 2004 lên 456 người/km², diện tích đất nông nghiệp bình quân đầu người từ trên 2.000 m² giảm xuống 1.800 m², riêng đất lúa từ 1.600 m² xuống còn 1.278 m² trong thời gian tương ứng. Có thời kỳ: 1980 - 1990 quỹ đất nông nghiệp toàn vùng giảm hơn 100 nghìn héc-ta, trong đó đất lúa giảm 40 nghìn héc-ta. Đến nay đất có khả năng khai hoang phục hóa không còn nhiều trong khi dân số và các nhu cầu đất cho xây dựng cơ bản và đô thị hóa vẫn tiếp tục tăng nhanh.

Thứ hai, nguồn nước sông Cửu Long tuy dồi dào, nhưng cũng đang xuất hiện xu hướng không ổn định. Năm 1998 không có lũ, năm 1999 lũ nhỏ và năm 2000, 2003 thời tiết lại diễn biến thất thường, không có lũ hoặc lũ nhỏ đã hạn chế khả năng bồi tụ phù sa cho vùng châu thổ này, đồng thời tạo môi trường thuận lợi cho sâu bệnh, chuột phá hoại mùa màng. Các năm khác lại lũ lớn, về sớm gây khó khăn cho sản xuất vụ hè thu và vụ mùa. Trong vấn đề này cần phải tính toán những tác động tiêu cực đến đồng bằng sông Cửu Long từ yếu tố khai thác nguồn lợi từ sông Mê Công của các quốc gia phía thượng nguồn.

Thứ ba, xu hướng tăng lên 3 vụ, thêm vụ *chết* ở nhiều địa phương trong vùng (Vĩnh Long, Cần Thơ, Đồng Tháp, An Giang) đang có nguy cơ làm bạc màu đất lúa, nhưng chưa được quan tâm xử lý. Một xu hướng ngược lại, chuyển đất lúa thành đất vườn để trồng cây ăn trái một cách tự phát, mà phổ biến là lên mô,

lên liếp ở các tỉnh Tiền Giang, Long An. Tất cả điều đó đang cần một sự quy hoạch phát triển thật khoa học để tránh những hậu quả tiêu cực do thị trường, cân dòng chảy vào mùa lũ...

Thứ tư, thị trường và giá cả nông sản không ổn định, nhất là các loại nông sản hàng hóa chủ lực đã và đang làm cho nông dân chưa yên tâm đầu tư vốn và lao động để mở rộng quy mô sản xuất nông nghiệp hàng hóa. Trong 2 năm 2003 và 2004 tuy giá lúa gạo tăng cao nhưng giá phân bón, thuốc trừ sâu còn tăng nhanh hơn giá lúa nên lợi nhuận thu được từ cây lúa vẫn không ổn định.

Thứ năm, tình trạng tự phát trong chuyển dịch cơ cấu cây trồng - vật nuôi, nhất là chuyển đất lúa sang nuôi tôm ở vùng bán đảo Cà Mau, tuy có thể đem lại nguồn thu, nguồn lợi trước mắt, nhưng về lâu dài sẽ ảnh hưởng lớn tới môi trường sinh thái, đất, nước, rừng ngập mặn, rừng phòng hộ. Những bất cập trong quy hoạch và kế hoạch phát triển nông nghiệp bền vững của vùng vẫn đang là vấn đề tồn tại lớn hiện nay.

Thứ sáu, một bộ phận nông dân không có đất, hoặc thiếu đất nông nghiệp là vấn đề nổi cộm của đồng bằng sông Cửu Long vẫn chưa có giải pháp phù hợp...

Tóm lại, để nông nghiệp đồng bằng sông Cửu Long phát triển nhanh hơn và vững chắc hơn trong thế kỷ XXI, mãi xứng đáng là vựa lúa số 1 của cả nước, bên cạnh sự nỗ lực chủ quan của các địa phương và bà con nông dân trong vùng, rất cần sự quan tâm và hỗ trợ tích cực của Nhà nước về cơ chế, chính sách, vốn đầu tư, khoa học - công nghệ và thị trường tiêu thụ nông sản hàng hóa trong và ngoài nước. Tin tưởng năm 2005 và các năm tiếp theo, nông nghiệp đồng bằng sông Cửu Long sẽ có tiếp tục phát triển toàn diện và tăng trưởng cao và là một mô hình tiêu biểu về sản xuất nông nghiệp hàng hóa lớn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa của Việt Nam. □

SÓC TRĂNG

Đẩy mạnh phát triển thủy sản

NGUYỄN THANH BÌNH *

NĂM cuối lưu vực sông Hậu, tiếp giáp với biển Đông, Sóc Trăng có diện tích tự nhiên 3.223 km²; trong đó, có trên 100.000 ha có khả năng phát triển nuôi trồng thủy sản. Sóc Trăng có trên 72 km bờ biển, với 3 cửa sông lớn là Định An, Trần Đề và Mỹ Thanh. Bờ biển của tỉnh được phù sa bồi lắng hằng năm, với hơn 50.000 ha đất bãi bồi và khoảng trên 5.000 ha rừng ngập mặn ven biển, cùng với hệ thống kênh rạch trong nội địa đã hình thành ba vùng sinh thái mặn, lợ, ngọt, rất thuận lợi cho phát triển thủy sản. Tỉnh có 4 huyện là Long Phú, Vĩnh Châu, Mỹ Xuyên, Cù Lao Dung nằm trong vùng mặn và nhiễm mặn, là môi trường lý tưởng để phát triển nuôi tôm sú; các huyện nằm ven sông Hậu như Kế Sách, một phần huyện Long Phú, Cù Lao Dung rất thuận lợi để phát triển nuôi các loài thủy sản nước ngọt, nhất là cá tra, cá ba sa.

Những năm qua, lĩnh vực thủy, hải sản luôn được Đảng bộ tỉnh Sóc Trăng xác định là thế mạnh thứ hai sau nông nghiệp và là ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh. Vì vậy, nhiều năm qua, tỉnh luôn chú trọng và tập trung đầu tư để đẩy mạnh phát triển cả về nuôi trồng, cả về sản lượng khai thác và chế biến, xuất khẩu thủy, hải sản. Các kỳ đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ IX, X, thế mạnh thủy sản tiếp tục được xác định là ngành kinh tế mũi nhọn, là khâu đột phá thúc đẩy sự chuyển dịch kinh tế nông nghiệp, nông thôn. Tỉnh ủy đã có nghị quyết

chuyên đề về phát triển kinh tế thủy, hải sản đến năm 2010. Đặc biệt, thực hiện Nghị quyết 09/2000/NQ-CP của Chính phủ về chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn, tỉnh đã chủ trương chuyển đổi một số vùng trồng lúa kém hiệu quả sang nuôi tôm, trồng các cây, con khác có hiệu quả hơn.

Về nuôi trồng thủy sản: Những năm qua, bằng các nguồn vốn của trung ương và địa phương, Sóc Trăng đã tập trung đầu tư xây dựng và phát triển các vùng nuôi thủy sản, có sự đầu tư cơ bản hệ thống kết cấu hạ tầng như thủy lợi, điện, giao thông... phục vụ nuôi tôm sú ở các huyện Long Phú, Vĩnh Châu, Mỹ Xuyên. Qua đó, đã cải tạo, nâng cấp khoảng 20.000 ha đất nhiễm mặn và đất một vụ lúa năng suất thấp sang nuôi trồng thủy sản. Các dự án nuôi thủy sản nước ngọt cũng được quan tâm đầu tư, phát triển.

Để tạo điều kiện giúp nông dân ứng dụng các tiến bộ khoa học vào sản xuất, xây dựng các mô hình nuôi trồng thủy sản có hiệu quả, hằng năm ngành thủy sản của tỉnh đã kết hợp với các địa phương tổ chức hàng trăm lớp tập huấn kỹ thuật cho nông dân; xây dựng các điểm trình diễn; phổ biến các loại tài liệu, tờ rơi, tổ chức thông tin rộng rãi trên các phương

* Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch HĐND tỉnh Sóc Trăng

tiện thông tin đại chúng. v.v... Nhiều mô hình nuôi thủy sản có hiệu quả ngày càng được nhân rộng. Đối với nuôi tôm sú, ngoài mô hình nuôi quảng canh cải tiến, các mô hình nuôi công nghiệp và bán công nghiệp không ngừng được đầu tư chiều sâu về quy mô diện tích, thu hút mạnh nguồn vốn đầu tư của các thành phần kinh tế nhằm tăng năng suất, sản lượng và hiệu quả kinh tế. Các mô hình nuôi cua, tôm càng xanh, cá nước lợ, cá nước ngọt cũng dần được mở rộng, nhất là mô hình nuôi cá tra, ba sa ở các huyện ven sông Hậu. Công tác xây dựng các hình thức hợp tác trong nuôi trồng thủy sản cũng được các ngành và các địa phương quan tâm thực hiện. Đến nay, toàn tỉnh đã thành lập được 144 câu lạc bộ, 22 hợp tác xã trong lĩnh vực nuôi trồng thủy sản. Các câu lạc bộ và hợp tác xã đã tạo điều kiện thiết thực để nông dân hỗ trợ nhau về sản xuất, trao đổi kinh nghiệm, góp phần mang lại hiệu quả cao hơn trong sản xuất và cải thiện đời sống.

Đến năm 2004, diện tích nuôi trồng thủy sản của tỉnh đạt 53.000 ha, tăng gấp 2,5 lần (có 12.500 ha nuôi bán công nghiệp và công nghiệp). Năng suất nuôi tôm quảng canh cải tiến đạt khoảng 300 kg/ha; nuôi công nghiệp, bán công nghiệp đạt bình quân khoảng 3 tấn/ha, trong đó, mô hình nuôi công nghiệp đạt 5 - 6 tấn/ha.

Về khai thác hải sản: Từ khi thực hiện chương trình khai thác hải sản xa bờ, số lượng tàu thuyền của tỉnh tăng nhanh cả về công suất và số lượng. Toàn tỉnh hiện có 640 chiếc tàu, thuyền với tổng công suất 48.532 mã lực; trong đó, loại có công suất từ 90 mã lực trở lên là 272 chiếc. Vì vậy, sản lượng khai thác hải sản liên tục tăng qua các năm. Năm 2004 đạt 26.000 tấn, tăng gấp 2 lần năm 1992.

Lĩnh vực chế biến, xuất khẩu thủy, hải sản được tập trung đầu tư phát triển và đạt được kết quả khả quan. Toàn tỉnh hiện có 6 doanh nghiệp, với 9 nhà máy chế biến thủy sản xuất khẩu có tổng công suất thiết kế khoảng

72.000 tấn thành phẩm/năm, với hệ thống trang thiết bị khá hiện đại. Mặc dù gặp nhiều khó khăn khách quan, nhưng các doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản trên địa bàn tỉnh đã có nhiều nỗ lực trong tìm kiếm, mở rộng thị trường. Ngoài các thị trường truyền thống như Mỹ, Nhật, các doanh nghiệp đã mở rộng thị trường sang EU và một số nước khác. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp chế biến hải sản không ngừng đầu tư trang thiết bị, đổi mới dây chuyền công nghệ, nâng cao chất lượng, đa dạng hóa mặt hàng xuất khẩu; chủ động ký hợp đồng bao tiêu sản phẩm của nông dân theo tinh thần Quyết định 80/2002/QĐ-TTg, ngày 24-6-2002 của Thủ tướng Chính phủ, bảo đảm nguyên liệu phục vụ sản xuất. Năm 2004, chế biến thủy, hải sản của tỉnh đạt 38.000 tấn, tăng hơn 50 lần so với năm 1992; kim ngạch xuất khẩu thủy, hải sản đạt 300,7 triệu USD, tăng gần 60 lần so với năm 1992.

Công tác bảo vệ nguồn lợi thủy sản được quan tâm. Các ngành chức năng thường xuyên thực hiện tốt công tác kiểm tra, đăng kiểm tàu cá hoạt động trên biển theo tinh thần Quyết định 494/2001/QĐ-BTS của Bộ Thủy sản; phối hợp chặt chẽ với các địa phương tăng cường công tác bảo vệ nguồn lợi thủy sản theo tinh thần Chỉ thị 01/1998/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Đồng thời, chỉ đạo và triển khai thực hiện tốt công tác trồng rừng lấn biển thuộc Chương trình 5 triệu héc-ta rừng và Dự án bảo vệ, phát triển những vùng đất ngập nước ven biển. Đến nay, toàn tỉnh đã trồng mới được trên 4.000 ha rừng ngập mặn, đưa diện tích rừng phòng hộ ven biển của tỉnh lên trên 5.000 ha. Việc trồng rừng ngập mặn phía cửa sông Mỹ Thanh và dọc theo bờ biển của tỉnh đã không ngừng phát huy tác dụng trong việc bảo vệ môi trường sinh thái, tạo môi trường lý tưởng để phát triển các loài thủy sản.

Bộ máy quản lý nhà nước về thủy sản từng bước được chấn chỉnh và nâng cao hiệu quả hoạt động. Các huyện, thị trong tỉnh đều có từ

1 đến 2 cán bộ theo dõi các hoạt động thủy sản. Các xã đều có 1 phó chủ tịch Ủy ban nhân dân phụ trách kinh tế kiêm phụ trách thủy sản. Hệ thống công tác khuyến ngư từ tỉnh đến cơ sở cũng được quan tâm. Các huyện có phong trào nuôi thủy sản phát triển mạnh như Long Phú, Vĩnh Châu, Mỹ Xuyên đều có trạm khuyến ngư và hệ thống mạng lưới cộng tác viên ở cơ sở tương đối đều khắp, hoạt động khá tốt.

Năm 2005, Sóc Trăng đề ra kế hoạch khai thác với tổng sản lượng 85.000 tấn và chín tháng đầu năm, đã khai thác được 75.746 tấn thủy sản, đạt 89,1% kế hoạch, bằng 132,6% so với cùng kỳ năm trước; trong đó đã chế biến thành phẩm 26.530 tấn, đạt 62,4% kế hoạch, bằng 117,1% so với cùng kỳ; kim ngạch xuất khẩu là 204,39 triệu USD, đạt 56,8% kế hoạch, bằng 101,9% so với cùng kỳ. Cũng thời gian trên, tỉnh đã phát triển diện tích nuôi thủy sản lên 55.199 ha, đạt 98,6% kế hoạch...

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt được, ngành thủy sản Sóc Trăng còn gặp nhiều khó khăn, thách thức. Về nuôi trồng thủy sản, các mô hình nuôi tôm quảng canh cải tiến chưa thực sự bền vững. Hiện nay, tỉnh chưa sản xuất được con giống tại chỗ, phải nhập từ nơi khác, từ đó nảy sinh nhiều vấn đề phức tạp trong việc cung cấp, kiểm tra chất lượng con giống, giá cả... Việc đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ nuôi trồng thủy sản vẫn chưa đáp ứng yêu cầu phát triển, dẫn đến thất thu trong nuôi trồng thủy sản còn khá cao. Trong khi nhu cầu vốn đầu tư phục vụ nuôi trồng thủy sản rất lớn và tăng nhanh theo từng năm, nhưng việc đầu tư cho vay của các tổ chức tín dụng còn hạn chế nên người sản xuất gặp nhiều khó khăn, nhất là những hộ nuôi theo mô hình nuôi công nghiệp, bán công nghiệp. Đội ngũ cán bộ kỹ thuật phục vụ nuôi trồng thủy sản còn thiếu, do đó việc chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật, nhân rộng các mô hình sản xuất còn nhiều hạn chế. Khai thác đánh bắt hải sản do tình hình

thời tiết biến động khá phức tạp, chi phí sản xuất cao... nên sản lượng khai thác hàng năm còn rất thấp so với tiềm năng của tỉnh. Xuất khẩu hàng năm tuy có tăng, nhưng chưa vững chắc do những rào cản thương mại của thị trường Mỹ, EU...

Mục tiêu của tỉnh đề ra là đến cuối năm 2005, diện tích nuôi trồng thủy sản đạt 60.000 ha, trong đó nuôi tôm sú 45.000 ha; tổng sản lượng thủy, hải sản khai thác và nuôi trồng đạt 90.000 tấn; chế biến thủy sản 40.000 tấn, trong đó có 38.000 tấn tôm đông lạnh; kim ngạch xuất khẩu thủy sản đạt 360 triệu USD; và đến năm 2010, diện tích nuôi trồng thủy sản của tỉnh đạt 80.000 ha, trong đó nuôi tôm sú 50.000 ha; tổng sản lượng thủy, hải sản khai thác và nuôi trồng đạt 126.000 tấn; kim ngạch xuất khẩu thủy sản đạt 600 triệu USD.

Để đạt được các mục tiêu trên, tỉnh chủ trương điều chỉnh, bổ sung và tiếp tục đẩy mạnh triển khai thực hiện các quy hoạch phát triển thủy sản đến năm 2010 đã được phê duyệt; tập trung thực hiện quy hoạch chi tiết các vùng nuôi thủy sản gắn với điều chỉnh cơ cấu đầu tư, đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, đa dạng các hình thức nuôi, trồng thủy sản, làm tốt công tác khuyến ngư, tạo điều kiện chuyển giao tiến bộ khoa học - kỹ thuật giúp bà con nông dân nắm vững quy trình nuôi. Tập trung nghiên cứu, hướng dẫn nông dân các biện pháp hạn chế thiệt hại trong nuôi tôm sú, nhất là mô hình nuôi quảng canh cải tiến, mô hình tôm - lúa... Triển khai nghiên cứu, ứng dụng, tổng kết, rút kinh nghiệm để nhân rộng những tiến bộ và mô hình có hiệu quả. Thường xuyên tổ chức trao đổi, hội thảo chuyên đề; phổ biến thông tin... Chấn chỉnh và tổ chức tốt khâu quản lý, sản xuất cung ứng con giống, thức ăn; nhất là giống. Phân đấu đến năm 2010, sản xuất các giống thủy sản nước ngọt đáp ứng đủ nhu cầu của tỉnh với chất lượng tốt và giá thành hợp lý. Khuyến khích phát triển các hình thức hợp tác sản xuất,

trong đó quan tâm nghiên cứu xây dựng mô hình hợp tác kinh tế (hoặc công ty cổ phần) góp phần tạo việc làm cho người lao động, tăng thu nhập, giúp người dân ổn định cuộc sống.

Tiếp tục khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư nâng cấp đội tàu hiện có, thay thế dần các tàu có công suất nhỏ, giảm áp lực khai thác thủy sản ven bờ. Từng bước đầu tư các thiết bị khai thác và bảo quản sản phẩm đồng bộ nhằm tăng sản lượng khai thác đi đôi với nâng cao chất lượng sản phẩm sau thu hoạch. Cơ cấu lại ngành nghề khai thác hải sản hợp lý, có hiệu quả theo hướng tăng dần tỷ trọng sản phẩm khai thác xa bờ. Phân đầu đến năm 2010, phát triển số tàu, thuyền khai thác của tỉnh lên 660 chiếc, với tổng công suất khoảng 70.000CV; trong đó, số tàu có khả năng đánh bắt xa bờ chiếm khoảng 30%. Khuyến khích thành lập các hợp tác xã trong lĩnh vực khai thác để tạo điều kiện giúp đỡ, hỗ trợ nhau trong sản xuất, cải thiện cuộc sống của ngư dân. Tổ chức tuyên truyền, giáo dục để nâng cao ý thức của nhân dân trong việc bảo vệ môi trường, bảo vệ và tái tạo nguồn lợi thủy sản; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm. Tiếp tục thực hiện tốt công tác trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng phòng hộ ven biển để năm 2010 đưa diện tích rừng phòng hộ ven biển của tỉnh lên 6.000 ha. Đẩy mạnh công tác tái định cư thuộc dự án bảo vệ và phát triển vùng đất ngập mặn ven biển nhằm sắp xếp, bố trí dân cư hợp lý để ổn định cuộc sống; góp phần giải quyết việc làm, từng bước nâng cao đời sống nhân dân vùng ven biển, kết hợp bảo vệ môi trường, giữ vững cân bằng sinh thái. Tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp tham gia đầu tư chế biến xuất khẩu thủy sản; khuyến khích các thành phần kinh tế tập trung đầu tư trang thiết bị, sản xuất những mặt hàng mới đáp ứng thị hiếu của khách hàng, đi đôi với tích cực tìm kiếm, mở rộng thị trường xuất khẩu mới để tránh bị lệ thuộc vào thị trường truyền thống. Quan tâm thị trường tiêu thụ nội địa. Ưu tiên các nguồn

vốn từ ngân sách, tập trung đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng như thủy lợi, điện, giao thông... phục vụ cho các vùng nuôi thủy sản tập trung; xây dựng các trung tâm giống thủy sản; tạo điều kiện để nhân dân tiếp cận các nguồn vốn ưu đãi, vốn vay từ các ngân hàng, các tổ chức tín dụng; đồng thời, tập trung các giải pháp, chính sách khuyến khích và bảo vệ an toàn cho các thành phần kinh tế đầu tư sản xuất, kinh doanh phát triển thủy sản.

Tiếp tục củng cố tổ chức, bộ máy ngành thủy sản, hoàn thiện và nâng cao chất lượng hoạt động của mạng lưới khuyến ngư từ tỉnh đến cơ sở. Chấn chỉnh, đi đôi với nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước trên lĩnh vực thủy sản. Phân định rõ chức năng của từng ngành và từng địa phương, khắc phục tình trạng chồng chéo, đùn đẩy trách nhiệm trong quản lý nhà nước về thủy sản. Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý, chuyên môn nghiệp vụ, đội ngũ công nhân lao động lành nghề. Có chính sách thu hút và sử dụng cán bộ, đáp ứng nguồn nhân lực phục vụ yêu cầu phát triển ngành thủy sản trong giai đoạn mới.

Sóc Trăng có tiềm năng lớn để phát triển thủy sản theo hướng toàn diện, hiệu quả và bền vững trên tất cả các lĩnh vực: nuôi trồng, khai thác và chế biến, xuất khẩu. Do đó, đẩy mạnh phát triển thủy sản, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn của tỉnh là mục tiêu mà Đảng bộ, nhân dân trong tỉnh đã tập trung thực hiện trong những năm qua và bước đầu đã tạo được những chuyển biến tích cực. Tuy còn gặp nhiều khó khăn, bất cập, nhưng với tiềm năng và lợi thế, với sự nỗ lực của Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh, Sóc Trăng sẽ thực hiện thắng lợi các mục tiêu đề ra, đưa ngành thủy sản lên thành ngành kinh tế mũi nhọn; góp phần giải quyết việc làm, tăng thu nhập, không ngừng ổn định đời sống nhân dân và tăng kim ngạch xuất khẩu cho tỉnh trong những năm tới. □

HẢI Phòng, thành phố cảng trung dũng kiên cường dưới sự lãnh đạo của Đảng trong những năm qua đã lập được nhiều thành tích xuất sắc. Có được những thành tích đó là do Hải Phòng luôn luôn phát huy được những phong trào thi đua yêu nước, khơi dậy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân, thực hiện thắng lợi những mục tiêu kinh tế, văn hóa, xã hội của sự nghiệp đổi mới. Trong những phong trào thi đua yêu nước sôi nổi đó phải kể đến phong trào thi đua "Sống tốt đời, đẹp đạo" của đồng bào Công giáo.

Phong trào "Sống tốt đời, đẹp đạo" là sự hưởng ứng mạnh mẽ của đồng bào công giáo đối với đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước. Nội dung của phong trào là thực hiện cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư" do Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phát động từ tháng 5-1995. Tư tưởng chỉ đạo cuộc vận động là "Lấy sức dân xây dựng cuộc sống cho dân"; phát huy ý chí tự lực, tự cường, khơi dậy mọi tiềm năng và sức mạnh của nhân dân, thực hiện thắng lợi sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, tất cả vì mục tiêu "Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh". Dưới sự chỉ đạo sát sao của Đảng bộ, chính quyền và Mặt trận Tổ quốc thành phố Hải Phòng, đồng bào công giáo đã phát huy tính năng động, sáng tạo, thi đua lập được nhiều thành tựu như:

1 – Đoàn kết giúp nhau phát triển sản xuất làm kinh tế gia đình, xóa đói giảm nghèo

Năm 1996 trở về trước, vùng đồng bào công giáo còn 256 hộ đói, (chiếm tỷ lệ 2%) và 2.176 hộ nghèo, (chiếm tỷ lệ 17%), nhưng đến năm 1999 không còn hộ đói, số hộ nghèo giảm chỉ còn 1.345 hộ nghèo (chiếm tỷ lệ 10,5%). Từ năm 2000 - 2004, hưởng ứng cuộc vận động

"Ngày vì người nghèo" do Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phát động các xứ họ giáo, khu dân cư vùng giáo đã vận động được gần 500 triệu đồng, cộng với nguồn vốn hỗ trợ của thành phố và huyện đã sửa chữa, nâng cấp nhà ở cho 146 hộ nghèo, xây mới 51 ngôi nhà cho người nghèo, mỗi nhà trị giá từ 10 đến 15 triệu đồng. Tính đến tháng 5-2004 ở Hải Phòng không còn hộ đồng bào công giáo thuộc diện đói, số hộ nghèo chỉ còn 5,72%.

Đây là một thành tích cao về xóa đói giảm nghèo của đồng bào công giáo. Chỉ tính riêng từ năm 2002 đến năm 2004 các xứ họ, khu dân cư vùng giáo trong thành phố đã huy động mọi nguồn vốn được gần 10 tỉ đồng. Đã giúp cho 8.000 lượt hộ nghèo vay vốn phát triển sản xuất, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, giúp cho 4.000 người có việc làm tại chỗ, gần 3.000 hộ nghèo vươn lên trung bình và khá (trong đó có 426 hộ gia đình chính sách có hoàn cảnh khó khăn).

Phong trào xóa đói giảm nghèo phát triển đều khắp ở các vùng công giáo của Hải Phòng.

Phong trào thi đua "Sống tốt đời, đẹp đạo" Ở HẢI PHÒNG

TỪ THANH

Diễn hình là phong trào xóa nhà tranh, vách đất ở các huyện: Vĩnh Bảo, Tiên Lãng, An Lão; ở các quận Hải An, Ngô Quyền... Ở đó, các chức sắc tôn giáo phối hợp với chính quyền, đoàn thể, sáng tạo ra nhiều cách làm mạnh dạn, năng động như: xây dựng các mô hình, chuyển đổi cơ cấu giống cây trồng đạt hiệu quả cao...

2 – Phát huy truyền thống "uống nước, nhớ nguồn", thực hiện tốt các chính sách xã hội

Kết quả hoạt động nổi bật và có hiệu quả thiết thực nhất của truyền thống "uống nước, nhớ nguồn" là phong trào "đền ơn đáp nghĩa", "nhân đạo từ thiện". Ban vận động thi đua đã thường xuyên phối hợp với các xứ, họ giáo, các linh mục cấm xứ, các ban hành giáo để vận động mọi tầng lớp nhân dân phát huy truyền thống "uống nước, nhớ nguồn", "tương thân tương ái", tạo mọi điều kiện chăm sóc, giúp đỡ các gia đình có công với nước, các gia đình chính sách cả về vật chất lẫn tinh thần, trợ giúp những người gặp bất hạnh trong cuộc sống. Ngoài chế độ đãi ngộ của Đảng và Nhà nước, mỗi năm ở các xứ họ, khu dân cư vùng giáo đều tự nguyện ủng hộ từ 1 đến 3 triệu đồng vào *Quỹ ân nghĩa*. Từ năm 2001 đến năm 2004, theo số liệu thống kê có 23 xứ đạo, 136 họ giáo, 127 khu dân cư vùng giáo đã xây dựng được *Quỹ ân nghĩa* với số tiền 1,2 tỉ đồng, góp phần xây mới, sửa chữa, nâng cấp, xóa 118 nhà tranh cho người nghèo, tặng 450 sổ tiết kiệm tình nghĩa, phụng dưỡng 15 mẹ Việt Nam anh hùng.

Hai năm gần đây, các hoạt động nhân đạo từ thiện được nhiều vùng giáo thực hiện ngày càng có hiệu quả thiết thực, có sự phối hợp giữa Ban Công tác Mặt trận với các chi hội từ thiện, bảo trợ người tàn tật, trẻ em mồ côi, Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em; với Hội Chữ thập đỏ, Hội người mù, các hội cựu chiến binh, nông dân, phụ nữ, tổ chức đoàn thanh niên, các linh mục cấm xứ... Đã thăm hỏi, tặng quà, tặng xe lăn, trợ cấp, trợ giúp cho các đối tượng người già cô đơn, người tàn tật, trẻ em mồ côi, người bị nhiễm chất độc da cam, bị thiên tai

bão lụt... với số tiền trên 500 triệu đồng. Hằng năm vào các ngày lễ lớn ở hầu hết các khu dân cư vùng giáo đều có các hoạt động kỷ niệm và tổ chức ngày hội đại đoàn kết toàn dân tộc; các hoạt động văn hóa - thể thao, thăm hỏi, chúc thọ, tặng quà và đã khám chữa bệnh từ thiện cho hàng trăm lượt cụ ông, cụ bà từ 70 tuổi trở lên.

3 – Đoàn kết giúp nhau giữ vững kỷ cương, giữ gìn an ninh trật tự, an toàn xã hội

Thông qua các phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc như: Phong trào quần chúng tự quản, xây dựng mô hình xã, phường, thị trấn, khu dân cư, cụm dân cư, hộ gia đình an toàn; Phong trào "tiếng kèn an ninh", "ngọn đèn an ninh"..., các vùng công giáo đã xây dựng được làng, thôn xóm, lô nhà, tổ nhân dân tự quản thực hiện chương trình quốc gia phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội, phát động toàn dân tham gia phòng ngừa, phát hiện, tố giác tội phạm, cảm hóa giáo dục, giúp đỡ người phạm tội, người lầm lỗi tại gia đình và cộng đồng dân cư, có kết quả.

Nhân dân ở các vùng giáo đã phát hiện, trình báo, cung cấp thông tin giúp cho lực lượng an ninh điều tra, phân loại các đối tượng nghiện ma túy, phối hợp bắt các đối tượng có lệnh truy nã, triệt phá hàng chục tụ điểm mại dâm, buôn bán vận chuyển hê-rô-in, ổ nhóm trộm cắp, cờ bạc, số đề... góp phần làm trong sạch địa bàn. Các khu dân cư vùng giáo đã cảm hóa, giáo dục hàng trăm đối tượng vi phạm pháp luật; đưa ra kiểm điểm trước dân hàng chục đối tượng; tạo công ăn việc làm cho nhiều đối tượng, giúp họ trở thành người lương thiện; giáo dục, giúp đỡ nhiều đối tượng là thanh, thiếu niên chậm tiến, mở các lớp học tình thương giúp nhiều cháu biết đọc, biết viết, học được nghề, để tái hòa nhập cộng đồng. Các vùng giáo có phong trào quần chúng tự quản, phối hợp với các cơ quan, trường học, đơn vị đóng quân trên địa bàn giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, không để xảy ra trọng án, không còn ổ sới, tụ điểm ma túy. Xây dựng

khu dân cư an toàn, lành mạnh ở vùng giáo trong thành phố lên 85%. Các khu dân cư vùng giáo còn thực hiện tốt phong trào xây dựng nền quốc phòng toàn dân, động viên thanh niên lên đường nhập ngũ bảo vệ Tổ quốc.

4 – Đoàn kết giúp nhau trong phát triển văn hóa, giáo dục

Thông qua cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư" và các phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa", "Sống tốt đời, đẹp đạo", toàn thành phố có 78/127 khu dân cư đạt danh hiệu khu dân cư tiên tiến, có 61/127 khu dân cư khai trương xây dựng làng văn hóa. Trong đó, 15 khu dân cư xây dựng được làng văn hóa cấp quận, huyện, thị xã và thành phố, chiếm tỷ lệ 12,5%. Có 2 khu dân cư đạt danh hiệu làng văn hóa cấp thành phố. Có 11.842/12.803 hộ (đạt tỷ lệ 92,5%) đăng ký gia đình văn hóa. So với năm 2001, tỷ lệ đạt tiêu chuẩn gia đình văn hóa tăng 14,7%. Nhiều vùng giáo có phong trào xây dựng nông thôn mới theo các chuẩn mực cụ thể, thực hiện tốt hương ước của làng văn hóa và quy ước cộng đồng. Do vậy, bước đầu đã và đang phát huy tác dụng phát triển văn hóa, góp phần chấn hưng đạo đức xã hội, khơi dậy những nét đẹp truyền thống, vun đắp tình làng nghĩa xóm. Việc cưới, việc tang, lễ hội đều được thực hiện theo nếp sống mới. Nhiều hủ tục lạc hậu được xóa bỏ. Mô hình "Bàn việc làng" một số vùng giáo ở Vĩnh Bảo, Tiên Lãng, An Lão đã và đang phát huy tác dụng tốt góp phần vào việc đưa nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đến với đồng bào.

Ở nhiều địa bàn khu dân cư vùng giáo trong thành phố đã hưởng ứng phong trào phổ cập giáo dục trung học cơ sở, phong trào xây dựng quỹ khuyến học, phong trào giúp học sinh nghèo vượt khó, động viên các dòng họ, phát huy truyền thống hiếu học của quê hương. Hai năm gần đây, các vùng giáo đã xây dựng được quỹ khuyến học với 300 triệu đồng để xét thưởng cho các em học sinh chăm ngoan,

học giỏi. Lớp học tình thương cũng được mở để đón nhận, giúp đỡ các cháu học sinh nghèo có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

Công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe tại cộng đồng được nhiều xứ, họ giáo, ban hành giáo, khu dân cư vùng giáo triển khai khá tốt. Việc phòng ngừa dịch bệnh, chăm sóc sức khỏe ban đầu, tiêm chủng cho các cháu, giữ gìn vệ sinh môi trường, giúp nhau lắp đặt trên 1.000 giếng khoan, xây dựng hàng ngàn bể nước mưa, cải thiện điều kiện ăn ở... đã được thực hiện ở nhiều nơi.

Nhiều vùng đồng bào công giáo triển khai thực hiện tốt Nghị định số 104/CP về Pháp lệnh Dân số như: xây dựng mô hình gia đình có 1 hoặc 2 con, có đời sống no ấm, tiến bộ, bình đẳng, hạnh phúc; mô hình nhóm nhỏ thực hiện dân số - kế hoạch hóa gia đình; mô hình câu lạc bộ tiền hôn nhân... đã thúc đẩy công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình tiến triển khá tốt. Nhiều nơi bà con giáo dân đã tích cực hưởng ứng phong trào "Ông bà, cha mẹ mẫu mực, con cháu hiếu thảo", "Người lớn gương mẫu, trẻ em chăm ngoan", "Những người yêu trẻ". Một số huyện như: Vĩnh Bảo, Tiên Lãng, Kiến Thụy, An Lão, Thủy Nguyên..., nhiều xã có 93,5% số khu dân cư 2 năm liền không có người sinh con thứ 3, có 90,15% số khu dân cư không có trẻ em trong độ tuổi bị thất học.

5 – Đoàn kết xây dựng cơ sở chính trị vững mạnh

Thông qua các phong trào hành động cách mạng của quần chúng, đã tăng cường được mối liên hệ mật thiết giữa Đảng với dân, từng bước nâng cao nhận thức của quần chúng về quyền lợi, trách nhiệm nghĩa vụ công dân; động viên được đoàn viên, hội viên phát huy dân chủ, tích cực tham gia thực hiện thắng lợi cuộc bầu cử Quốc hội khóa X và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp; tích cực tham gia xây dựng Đảng, chính quyền, Mặt trận, đoàn thể ngày càng vững mạnh. Tiêu biểu như xứ Xuân Hòa (Bạch Đằng - Tiên Lãng), xứ Xâm Bò (Nam Hải - Hải An) đã tổ chức cho nhân dân

vùng giáo tham gia ý kiến đóng góp vào Dự thảo Nghị quyết Đại hội X của Đảng.

Với những thành tích và kết quả đã đạt được trong nhiều năm qua, nhất là 2 năm gần đây của các xứ họ đạo, khu dân cư, vùng đồng bào công giáo, có thể khẳng định rằng, các phong trào thi đua yêu nước thông qua cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư" đã và đang phát huy tác dụng tốt và đem lại hiệu quả thiết thực, hợp với "ý Đảng, lòng dân", được đồng bào bà con giáo dân tích cực tham gia hưởng ứng, được cụ thể hóa thành phong trào "Sống tốt đời, đẹp đạo" trong đồng bào công giáo ở Hải Phòng.

Kết quả đạt được của phong trào này rất ấn tượng: Ở địa bàn dân cư vùng giáo Hải Phòng với 11 quận, huyện, thị xã, 76 xã, phường, thị trấn, 23 xứ đạo, 136 họ giáo 127 khu dân cư chiếm tỷ lệ 100% (gần 12.000 hộ giáo dân) thực hiện tốt cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư", cũng như "khu dân cư vùng giáo sống tốt đời, đẹp đạo". Ở 36 khu dân cư, 12 xã, phường, thị trấn, 4 đơn vị quận, huyện, thị xã có nhiều thành tích xuất sắc được biểu dương, khen thưởng, trong đó có 2 xã, 6 khu dân cư vùng giáo được Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc thành phố tặng bằng khen. Ở 168 tập thể cá nhân có thành tích xuất sắc được biểu dương khen thưởng, trong đó có 17 tập thể, cá nhân là xứ họ, khu dân cư vùng giáo, được tặng bằng khen. Đặc biệt, có khu dân cư Lão Phú được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ..., có hai khu dân cư là Lão Phú (xã Tân Phong, huyện Kiến Thụy) và Đồng Giá (xã Thiên Lương, huyện Thủy Nguyên) được thành phố công nhận là "làng văn hóa" và được Bộ Văn hóa - Thông Tin và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tặng bằng khen.

*

* *

Từ những kết quả đã đạt được trong thời gian vừa qua và để tiếp tục đẩy mạnh

phong trào thi đua "Sống tốt đời, đẹp đạo" trong thời gian tới, Mặt trận Tổ quốc thành phố Hải Phòng cùng với các cơ quan hữu quan như Ủy ban đoàn kết Công giáo thành phố đã rút ra những bài học kinh nghiệm quý từ các phong trào thi đua như:

Một là: Tuyên truyền sâu rộng mục đích, ý nghĩa, nội dung của cuộc vận động, gắn kết quả của phong trào thi đua với nhiệm vụ chính trị của thành phố, nhằm thực hiện Nghị quyết 32 của Bộ Chính trị về xây dựng thành phố Hải Phòng trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Hai là: Tăng cường sự phối hợp, thống nhất hành động trong lãnh đạo, chỉ đạo nhằm tiếp tục triển khai có hiệu quả và nâng cao chất lượng cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư" đã được cụ thể hóa thành phong trào "Sống tốt đời, đẹp đạo".

Ba là: Đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước, thông qua các hoạt động chuyên đề, phối hợp lồng ghép phong trào thi đua với các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, tiếp tục nhân rộng các điển hình tiên tiến xuất sắc, nhất là mô hình khu dân cư vùng giáo tiên tiến xuất sắc "Sống tốt đời, đẹp đạo", mô hình khu dân cư "Tự quản".

Bốn là: Kịp thời rút kinh nghiệm, nhanh chóng khắc phục những mặt thiếu sót, không ngừng đổi mới về nội dung, phương thức hoạt động, nâng cao chất lượng khu dân cư tiên tiến, làm nền tảng xây dựng khu dân cư văn hóa, làng văn hóa, khu dân cư vùng giáo.

Năm là: Căn cứ vào tình hình nhiệm vụ của mỗi cơ sở, địa bàn dân cư để xây dựng chương trình phối hợp hành động cụ thể thiết thực. Định kỳ hằng năm có sơ kết, biểu dương, khen thưởng kịp thời, gắn với việc tổ chức tốt "Ngày hội đoàn kết toàn dân tộc" ở khu dân cư vào dịp ngày 18 tháng 11 hằng năm, nhằm đoàn kết toàn dân, thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. □



"Thiên đường" ... mong manh

NHỊ LÊ

CÓ không ít người gọi đó là: "Thiên đường". Do đó, người ta cố sống cố chết để đoạt lấy, bằng mọi giá: dùng tiền bạc để chạy đôn chạy đáo lo lót, dùng gái đẹp để mua chuộc, dùng thân mình làm tôi tớ, thậm chí dùng cả mọi thứ cho dù là bất khả xâm phạm làm "bệ đỡ" một cách không tiếc thương.

"Thiên đường" ấy là gì? Hay nói ngược lại, cái gì mà ghê gớm thế để được không ít người "tấn phong" là "Thiên đường" vậy?

Không cần phải nghĩ, xin thưa, những người ấy đã tự lòi gan ruột mình ra nói bô bô với tôi không hề úp mở: Ấy là *chức vụ trong hệ thống quyền lực* hiện nay.

Chức vụ có gì mà ghê gớm để được họ xem và thờ phụng là "Thiên đường"? Thì ra, một vị Tổng giám đốc Công ty có tiếng nọ, từng là "khó rách áo ôm"

một thời giải thích vắn tắt như sau: - Nhất bản vạn lợi và nhàn cái thân nhất. Tôi không hiểu. Vì, những người tôi thấy đã làm lãnh đạo, quản lý thật đúng đắn ra thì không ai có thể nói là nhàn được. Tôi ngờ nghệch cãi lại, thì được một anh chàng nọ (mà tôi giúp chữa cho cái gọi là "luận văn tốt nghiệp đại học" hệ tại chức theo kiểu "đánh trống ghi tên") thuở xưa còn nghèo rớt mồng tơi, nay ra bộ một tay cự phú, "khai sáng" tôi một cách đầy ngạo mạn, sắc mùi dạy dỗ: - Chú đã đọc Lã Bất Vi chưa? Chẳng buôn gì lãi bằng buôn... chính trị. À mà chú còn non lắm nên khổ là phải. Tôi cãi lại: - Khổ thân nhưng nhàn tâm, vì không cần phải nghĩ mánh lới kiếm chác. Đờ cho ai khắc được. Em thì phúc âm từ từ. - Việc gì phải nghĩ - vẫn anh chàng ấy hất hàm - tiền nghĩ hộ, gái đẹp nghĩ hộ, những kẻ

muốn kiếm từ ta đã khôn ngoan nghĩ hộ rồi. Chả có giới đất nào sốt, chỉ có ta và... họ thôi. Tôi hỏi lại: - Thế là thế nào?

Thì ra, có người cần mua thì ắt phải có kẻ bán và có kẻ bán rẻ thì người mua càng nhiều... Cứ thế, bán... mua... mua... bán... như đèn cù. Rồi có cả bọn "cò mồi" nữa, khiến cho thị trường mua... bán càng thêm huyền ảo đến nhộn nhạo. Trước mỗi kỳ bầu cử, mỗi kỳ Đại hội các cấp, v.v.. thì, theo họ nói, đông hơn chợ trời nhưng lại âm thầm, lặng lẽ hơn cả chợ âm phủ. Đặc biệt, cấp nào, ngành nào trong ban lãnh đạo khuyết một chân nào đó, thì hồi ôi, dập diu, nhưng lại lừa khe, tránh mặt nhau tuồng như "đánh quả"; và kỳ lạ thay, toàn "áo gấm đi đêm" (nghĩa là "đi" vào buổi tối) mà tịnh khác hẳn ngày thường, không hề một ai lo so đo tính toán nhẹ thiệt nặng hơn.

Kẻ nghèo chạy chức, không có của thì lấy công làm đầu hầu hạ sếp, khom lưng, cúi gối làm đủ việc không nề cả sự hèn. Ấy thế nhưng, đừng có mà coi

thường những việc tưởng như hèn mạt đó. Khỏi anh "phát" lắm đấy. Có chức rồi, thì vợ bèo vạt tép, chổi cùn giế rách, chẳng tha thứ gì cho bố công những ngày hầu hạ. Chịu khó mất sức, mất mặt và mất liêm sỉ chút thôi. Nghĩa là, chỉ cần một chút "tài"... *hầu hạ, bợ đỡ (!)*.

Kẻ có chức bé thì chạy chức to hơn. Đám này xông xênh hơn. Lấy mỡ rần rần rần. Tiền chùa mua oản nuôi bụt thôi. Chỉ cần bụt thích oản gì, chiều đúng là xong. Chỉ cần một chút "tài"... *xoay xở (!)*.

Kẻ muốn một bước lên quan lớn, thì dốc hầu bao ra. Chức này bao nhiêu, chức kia bao nhiêu, cò kè... ngã giá sòng phẳng. Tiền chùa bao nhiêu, tiền nhà bao nhiêu, đi cửa nào, gặp những ai để "mưu sự lớn", "để đôi mắt cùng liếc đôi lòng cùng ưa", thì bọn này tính toán giỏi hơn cả thần tài. Nghe đâu có kẻ, tiền chùa không đủ, đi vay cả ngân hàng để đầu tư chuyện ấy, y như buôn chuyển, như "đánh quả" vậy. Họ có "tài"... *bán thánh buôn thần (!)*.

Có kẻ thì dùng cả hai ngón đòn. Tiền và gái. Họ bảo "lấy lỗ... làm lãi". Mắc vào đấy thì quan lớn cũng

như ma. Lúc ấy, họ muốn làm gì thì làm. Không nghe họ thì chỉ có mà chết và khi đã chết thì cũng hết chỗ để đặt mả chôn. Họ có "tài"... *úp nom, cắt vó (!)*.

Thâm độc nhất là lũ "lấy thịt đè người", "ném đá giấu tay", dưới con bài dân chủ. Mua chuộc, vu vạ, giương đông kích tây, vận động để "hạ bệ người khác" mà họ cho là đối thủ trong cuộc cạnh tranh quyền lực, nhưng ngoài mặt thì rất... bụt. Họ có "tài"... *lật lọng, ba que... xỏ lá (!)*.

Nhưng tôi đã nói ở trên, đây là những kiểu "đuy-rếch" thẳng thừng, "thời sơn" một đòn chết tươi. Lắm kẻ còn cao mưu hơn, dùng "noong-đen", "giảm chấn" rất tài. Đó là đám vợ con sếp và đám thư ký, trợ lý giúp việc sếp, gọi là đám "cò mồi". Những người này mới đắc dụng với họ. Thủng cửa này thì cửa sếp chỉ còn là... sân sau. Vì "lệnh ông không bằng công bà". Vì "thần thiêng nhờ bộ hạ". Vì muốn "gần chủ phải quen chó"... Những chuyện ấy bọn họ thính hơn cả lũ dơi, đàn chó nhà các sếp. Họ có "tài"... *đánh hơi, tài... xọc chuột (!)*.

Những "thiên đường" để họ ngạo nghễ, vênh vác với

đời được xây nên bằng những cái năng lực, cái "tài" kiểu ấy.

Băng đi mấy năm...

Có người nghe câu chuyện kể, rồi hỏi tôi: - "Thiên đường" có thể như thế là đã rõ. Thế chú nói nó... mong manh ở chỗ nào? Tôi buông từng câu một với người hỏi: - Trời chả cho ai không cái gì. Ác giả ác báo. Gieo nhân nào gặt quả ấy mà thôi. "Cửa giờ giờ lại lấy đi. Giương đôi mắt ếch làm chi được giờ". Các cụ nhà ta bảo thế. Tôi thực mục sở thị mấy anh huênh hoang trước kia về oai danh của họ, giờ kẻ thì mắc tội vào tù, người thì tán gia bại sản, thân bại danh liệt gia đình tan nát. Không tin, hôm nào anh qua chỗ tôi chơi, sẽ thấy một người nom dáng mã cũng coi được nhưng ấn đường thì tối tăm, dáng vẻ thất thần, tay thì nhặt lá, chân đá ống bơ, miệng lảm bảm: - "Hãy trả ghế tôi" (!). "Hãy trả ghế tôi" (!). Chính là cái ông học đại học tại chức, mà tôi kể anh nghe đấy. - Thế còn những người đi bán... cho bọn người mua ấy - bạn tôi hỏi. - Không nói thì anh cũng biết tổng rồi, còn giả bộ. Trạng chết chúa cũng băng hà. Tớ có bỏ thầy bao giờ đâu...□



MỘT KỶ NGUYÊN MỚI HỨA HẸN SỰ PHÁT TRIỂN KỶ DIỆU CỦA KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ

TRẦN BÁ KHOA

NHÂN loại đã bước sang thế kỷ XXI, bỏ lại phía sau thế kỷ XX đầy áp những biến động dữ dội. Thế kỷ XXI là thế kỷ gì, gọi ra sao? Tùy theo góc nhìn có nhiều cách lập luận khác nhau. Trên góc độ khoa học, từ công nghệ sinh học đến vật liệu, năng lượng, nhân loại đang ở vào điểm giao thời của một kỷ nguyên phát triển kỳ diệu mới.

Đầu tư nhiều, thành tựu lớn

Kể từ năm 1930, do những thành tựu kỳ diệu của khoa học - công nghệ ứng dụng vào sản xuất và đời sống, thế giới đã trải qua những biến đổi sâu sắc chưa từng thấy. Hai phần ba thế kỷ trước, chưa có thuốc kháng sinh hiệu quả an toàn, chưa có các chuyến bay hàng không dân dụng, chưa có vô tuyến truyền hình và máy tính điện tử, phương tiện giao lưu giữa các châu lục là tàu biển, và "vô tuyến" chỉ là cái đài thu thanh vỏ gỗ trong phòng khách. Kể từ đó đến nay, sự làm chủ của nhân loại đối với thế giới vật lý và sinh vật đã được nâng lên rất nhiều. Tuổi thọ được kéo dài, cuộc "cách mạng xanh" đã làm biến đổi nền nông nghiệp và con người ngày nay sản xuất ra lương thực đủ nuôi sống số dân thế giới đã tăng gấp ba; con người đã đổ bộ xuống mặt trăng, sáng tạo ra In-tơ-nét và giải mã được mật mã gien người.

Nhờ vào những thành tựu trên và các tiến bộ khác, người lao động nay sản xuất ra gấp nhiều lần lượng hàng hóa họ sản xuất

năm 1930. Sản lượng kinh tế của Mỹ tăng gần 5 lần trong 75 năm qua và trung bình mỗi năm tăng 2% về năng suất lao động; các nước công nghiệp phương Tây và Nhật Bản cũng đạt được tiến bộ tương tự. Nhiều nước đang phát triển, nhất là các nước châu Á, cũng thu được nhiều thành tựu to lớn về ứng dụng khoa học - công nghệ vào phát triển kinh tế - xã hội, tiến nhanh trên con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Thế giới đã dồn nhiều tài nguyên vào công tác nghiên cứu và phát triển (R&D) và giáo dục cao học, tạo ra tiền đề cho sự ra đời hàng loạt sản phẩm mới và ý tưởng mới. Theo tạp chí *Tuần kinh doanh* (Mỹ), số ra ngày 11-10-2004, chi phí cho R&D (không tính quân sự) ở các nước phát triển đã tăng nhiều, từ chiếm 1,6% GDP năm 1980 lên đến 1,9% năm 1990 và 2,1% năm 2002. Số xuất bản phẩm khoa học cũng tăng nhiều: năm 1987 đạt 452 triệu ấn bản; năm 2001 đạt 650 triệu. Năm 2003, số sinh viên tốt nghiệp cao đẳng, đại học và sau đại học ở Trung Quốc là 2,1 triệu, ở EU (15 nước): 2 triệu, ở Nhật Bản: 1 triệu, ở Mỹ: 2,1 triệu, và ở Ấn Độ: 3,1 triệu. Cũng theo tạp chí trên, các nước phát triển chi nhiều nhất cho R&D; dẫn đầu là Nhật Bản: gần 3% GDP, Mỹ: 2,7% GDP, Liên minh châu Âu (EU): gần 2% GDP, Hàn Quốc: 2,9% GDP, Nga: 1,2% GDP. Chi phí R&D ở nhiều nước đang phát triển cũng gia tăng mạnh mẽ. Ví dụ, I-xra-en:

4,7% GDP, Xin-ga-po: 2,2% GDP, Trung Quốc: 1,2% GDP, Ấn Độ: 1% GDP. Hằng năm Mỹ đào tạo được 400.000 nhà khoa học và kỹ sư, Trung Quốc đào tạo được 337.000, Ấn Độ: 316.000, Nga: 216.000, Hàn Quốc: 97.000, Đài Loan: 49.000, Xin-ga-po: 5.600, và I-xra-en: 14.000.

Nước Mỹ hiện có đội ngũ cán bộ khoa học trên 10 triệu người (bằng cấp đại học và sau đại học), đang dẫn đầu về xuất bản phẩm khoa học, bằng sáng chế và giải thưởng Nô-ben về khoa học. Từ năm 1994 đến năm 2000, tổng chi phí cho R&D của Mỹ tăng từ 169,2 tỉ USD lên 265 tỉ USD, là thời gian tăng nhanh nhất trong lịch sử nước này. Ngân sách dùng cho Viện nghiên cứu y dược quốc gia tăng gấp đôi trong 5 năm (trước 2003), lên đến 27,2 tỉ USD, giúp cho Mỹ trở thành đầu tàu thế giới về công nghệ sinh học. Tuy nhiên, do tập trung cao chi phí R&D cho quân sự, nên chi tiêu R&D cho dân sự về thực chất giảm nhiều sau năm 2000 và đứng trước ba thách thức mới: chi tiêu cho nghiên cứu khoa học cơ bản thấp nhất, hàng năm chỉ tăng 14,3%, so với 95,7% của khoa học sự sống; số sinh viên và nhà khoa học đến Mỹ ngày càng ít, do sự hạn chế của luật an ninh chống khủng bố; sự thách thức từ các nước đang phát triển, nhất là Trung Quốc, Ấn Độ, Hàn Quốc, Xin-ga-po...

Châu Âu xưa nay vốn dẫn đầu về khoa học - công nghệ. Từ năm 2000, các lãnh đạo Liên minh châu Âu (EU) đã quyết định đẩy mạnh cải cách cơ cấu, gia tăng chi phí R&D để đến năm 2010 trở thành nền kinh tế tri thức cạnh tranh hàng đầu thế giới. Điều này đòi hỏi chi phí R&D hằng năm của EU phải tăng 6,5% và tổng chi phí R&D (cả nhà nước, các trường đại học và các công ty) phải đạt 3% GDP, và có đội ngũ 700.000 nhà khoa học - kỹ thuật. Tuy đã thu được nhiều thành tựu, EU còn phải phấn đấu cật lực mới mong đạt được mục tiêu trên (đến năm 2002, tổng chi phí R&D mới đạt 1,9% GDP). Hiện có 400.000 nhà khoa học và

kỹ sư châu Âu làm việc ở Mỹ, và một cuộc điều tra năm 2003 cho thấy, ba phần tư số người đầu tiên sỹ ở Mỹ không có ý định trở về nước. Mặt khác, việc đầu tư mạo hiểm để thành lập các công ty công nghệ cao mũi nhọn - một công cụ then chốt thúc đẩy ý tưởng mới và sáng tạo khoa học - kém hơn ở Mỹ 25%.

Ở châu Á, nhiều nước đã đạt được nhiều thành tựu khoa học - công nghệ, nổi bật là Ấn Độ trên lĩnh vực sáng tạo phần mềm; Hàn Quốc trên lĩnh vực màn hình phẳng kỹ thuật số độ nét cao nhất và sản xuất bộ nhớ và các con chip chuyên dụng, trò chơi điện tử, viễn thông, băng tần rộng; Trung Quốc trên lĩnh vực chế tạo cơ khí, đồ họa vi tính và nhận biết chữ viết tay; Đài Loan trên lĩnh vực sản xuất các con chip máy tính cá nhân, các dụng cụ đa phương tiện, Xin-ga-po trên lĩnh vực băng tần rộng, công nghệ sinh học, thiết bị máy tính ngoại vi, các phương tiện kỹ thuật số cầm tay.

Tuy vậy, khi nhìn lại quá trình phát triển của khoa học - công nghệ trong thế kỷ qua, một điều dễ nhận thấy là, sự tiến bộ của công nghệ không đồng đều. Trong những năm gần đây, sự thay đổi mang tính bùng nổ là công nghệ thông tin, viễn thông và công nghệ y dược. Trong khi đó, nhiều lĩnh vực công nghệ khác tiến bộ chậm chạp, như ngành công nghệ chế tạo (các chất sợi nhân tạo, sợi com-pô-dít, máy phô-tô cop-py, lò vi sóng...), ngành vận tải (vận chuyển công-ten-nơ, máy bay phản lực, ra-đa, máy bay trực thăng...), ngành năng lượng (các máy tuốc-bin chạy ga, năng lượng hạt nhân, năng lượng mặt trời...). Về sản xuất công nghiệp, quy trình công nghệ hầu hết đã có từ thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX, như động cơ đốt trong đã có từ năm 1860 ở Đức, trạm phát điện do T. E-đi-xon mở ra từ những năm 1860 và quy trình luyện bô-xít thành nhôm đã được ứng dụng lần đầu vào năm 1886. Các trạm bơm xăng dầu hiện nay, trừ một số thay đổi chi tiết, không khác gì cách đây 70 - 80 năm...

Xu thế toàn cầu hóa R&D và tích hợp nhiều công nghệ cao trong một sản phẩm

Trước đây, quá trình từ nghiên cứu mẫu sản phẩm đến sản xuất ra thành phẩm phải mất trung bình bảy năm. Ngày nay, hai giai đoạn R&D chỉ là một. Các sản phẩm kỹ thuật cao thường là sự hội tụ và tích hợp của nhiều loại công nghệ khác nhau, do nhiều nước, nhiều tập đoàn xuyên quốc gia sáng chế. Xu thế hợp tác cùng nhau sáng chế và phát minh mang tầm cỡ toàn cầu. Vấn đề cạnh tranh tìm kiếm nhân tài khoa học khắp thế giới trở nên hết sức bức thiết đối với mọi quốc gia. Mỹ là nước xưa nay có thế mạnh về mặt này, nhưng hiện nay đứng trước nguy cơ bị suy yếu do số lượng sinh viên và nhà khoa học nước ngoài đến Mỹ mấy năm nay giảm dần.

Nhờ có sự bùng nổ về R&D toàn cầu, các công ty chuyên về sáng chế, phát minh bây giờ có thể tìm mua tài sản trí thức trên khắp thế giới để chế tạo sản phẩm mới. Các thành phố như Bang-ga-lo (Ấn Độ), Ten-a-víp (I-xra-en) và Xơ-un (Hàn Quốc) đang xây dựng các trung tâm khoa học - công nghệ kiểu như Trung tâm Xi-li-côn ở Mỹ. Các trung tâm này được nuôi dưỡng bởi các nguồn đầu tư mạo hiểm, thực hiện việc kết nối các trường đại học khoa học với công nghệ, liên kết các nhà sáng chế với các nhà kinh doanh năng động để đem bán các sáng chế trên khắp thế giới.

Như vậy, bằng cách động viên, tập hợp các nhóm R&D riêng lẻ tại nhiều nơi, tốc độ của chu kỳ phát triển có thể được gia tăng, đưa công nghệ mới đến thị trường nhanh chóng hơn. Thách thức phải vượt qua là, phải phấn đấu không ngừng để bắt kịp nhịp độ đổi mới liên tục, nhanh chóng chưa từng thấy của khoa học - công nghệ.

Một kỷ nguyên mới hứa hẹn sự phát triển kỳ diệu của khoa học - công nghệ

Bước vào những năm đầu thế kỷ XXI, một câu hỏi lý thú được đặt ra: Phải chăng trong

những năm tới, cuộc cách mạng khoa học - công nghệ hiện đại, từ cách mạng công nghệ sinh học, năng lượng đến vật liệu mới, đặc biệt là công nghệ na-nô, sẽ đưa tới những biến đổi sâu sắc nền kinh tế và đời sống, như cuộc cách mạng công nghệ thông tin, In-tơ-nét đã mang lại, hay chỉ diễn ra sự tiến bộ chậm chạp, chủ yếu nhằm nâng cấp những công nghệ hiện có hơn là tạo ra những cuộc cách mạng công nghệ mới? Hay nói ngắn gọn, nền kinh tế mới dựa vào sự đổi mới thường xuyên khoa học - công nghệ sẽ hướng về đâu? Tạp chí *Tuần kinh doanh* (Mỹ, 11-10-2004), *Khoa học* (Mỹ, tháng 9-2004) và *Nhà kinh tế* (Pháp, 6-4-2001)... cho rằng, nền kinh tế thế giới đang ở điểm giao thoa của một kỷ nguyên mới mà sự phát triển kỳ diệu của khoa học - công nghệ là tương đương với thế kỷ trước.

Những nhân tố thuận lợi cơ bản đã được tạo ra: khoa học đang tiến bước nhanh chóng, ngày càng có thêm nhiều nước bỏ nhiều tài nguyên vào nghiên cứu và giáo dục, các nhà quản lý kinh doanh cũng đã chuẩn bị sẵn sàng đón nhận những sự thay đổi sáng tạo mới.

Trên hàng loạt lĩnh vực, từ năng lượng đến công nghệ sinh học, từ phần mềm đến ô-tô, đang diễn ra những sự đổi mới công nghệ có thể tạo ra sự biến đổi đời sống con người. Trong những năm gần đây, các nhà khoa học thuộc nhiều ngành khác nhau đã đặt nền tảng cho công nghệ na-nô, đổi mới công nghiệp sản xuất con chip và chôn ngòi cho sự đổi mới mọi lĩnh vực của khoa học.

Thứ nhất là chất bán dẫn. Trong nhiều thập niên qua, các nhà chế tạo con chip đã thu hẹp mạch và làm nhiễu loạn các tran-xi-to trong một mảnh xi-li-côn. Theo quy luật, cứ 18 tháng, sức mạnh của máy tính trên con chip tăng gấp đôi - do G. Mua (G. Moore), đồng sáng lập hãng Intel đưa ra cách đây 3 thập niên - có thể sắp đến giới hạn. Số con chip trở nên quá dày đặc. Khoảng cách bảo vệ các dây kim loại cực kỳ nhỏ và quá mỏng - chỉ vài

nguyên tử - nên các e-léc-trôn có thể chui qua và làm ngừng ngay hoạt động. Tồi tệ hơn, mỗi tran-xi-to mới tạo ra nhiệt cực nóng làm nung chảy các con chip. Giám đốc chiến lược công nghệ của hãng Intel nói: "Chúng tôi biết tương lai của công nghiệp chất bán dẫn chỉ tới khoảng năm 2015. Tới năm 2020, chúng tôi sẽ có thể hệ công nghệ mới". Các công nghệ mới đó là công nghệ na-nô với ống na-nô các-bon (nanotube), do một nhà khoa học Nhật Bản sáng chế cách đây 14 năm, có sức mạnh gấp 100 lần thép, có khả năng kháng điện hay dẫn điện hiệu quả, phát ra lượng nhiệt không đáng kể. Các ống na-nô các-bon chỉ bằng một phần tỉ mét (micro = một phần triệu mét) có thể là cấu trúc và mạch của chất bán dẫn thế hệ mới trong tương lai. Hãng Nanotech (Mỹ) đang thí nghiệm cắm hàng tỉ ống na-nô các-bon vào một con chip có khả năng tạo ra bộ nhớ 1.000 gi-ga-bai (1.000 tỉ bai).

Thứ hai là có thể chữa bệnh ung thư và nhiều bệnh khác bằng cách đưa những phương tiện tí hon vào mạch máu và các bộ phận cơ thể người để khám phá các bệnh tật. Các máy cảm ứng (Sensor) có thể khám phá tế bào ung thư và hướng dẫn các hạt na-nô các-bon đốt cháy tế bào này từ bên trong mà vẫn giữ cho các tế bào lành khác nguyên vẹn.

Thứ ba là chuyển hóa năng lượng bằng các tấm pin mặt trời na-nô các-bon sẽ đưa năng lượng rẻ truyền qua các đường dây siêu dẫn làm bằng ống na-nô các-bon. Trong thập niên này, tấm pin mặt trời loại mới có thể sẽ thành công ở Nhật Bản, nước đang dẫn đầu về công nghệ na-nô và cũng đang có giá điện đắt.

Thứ tư là du hành vũ trụ. Các xe chở hàng hình "vỏ quả đậu" bò theo một đường dây cáp làm bằng tấm sợi ống na-nô các-bon dài hàng nghìn dặm lên một trạm vũ trụ, phí tổn chỉ bằng một phần nghìn khi sử dụng tên lửa đẩy. Để kết nối các tấm na-nô các-bon - nay dài nhất chỉ bằng 1mm - thành các dây cáp dài hàng nghìn dặm, cần ít nhất 20 năm nữa. Đây

là điều như hoang tưởng, nhưng các nhà khoa học ở NASA (cơ quan vũ trụ Mỹ) đang nghiên cứu để có thể dệt các ống na-nô các-bon thành sợi chỉ và sau đó thành dây cáp. Chân trời của công nghệ na-nô đang rộng mở với triển vọng tạo ra nhiều bất ngờ, mà một số trong đó nằm ngoài trí tưởng tượng của con người hiện nay.

Về công nghệ sinh học. Nhiều nhà sinh vật và giám đốc các tập đoàn công nghệ sinh học Mỹ (như Viện công nghệ Ma-sa-chu-xét - MIT, tập đoàn Am-gen...) cho rằng, giới hạn hiện nay đối với sức khỏe và cuộc sống của con người là có thể vượt qua được. Bởi vì, nếu chúng ta tìm hiểu được phương thức hoạt động cơ bản của bộ máy sự sống, hiểu được đôn bầy của sự sai lệch của mọi sự vật, thì sẽ có một tác động đáng kinh ngạc. Và họ ví: "Thời điểm hiện nay cũng như năm 1946, khi tiềm năng của máy tính và điện tử vừa mới trở dậy".

Nhịp độ và con đường đổi mới khoa học - công nghệ là hết sức quan trọng đối với tương lai kinh tế thế giới và kinh tế mỗi nước. Vấn đề không phải chỉ tập trung đầu tư thật nhiều vào kinh tế là sẽ có tăng trưởng bền vững. Điều quan trọng hơn là, cần có một chiến lược đổi mới, một xã hội đổi mới sẵn sàng ứng dụng các thành quả của cuộc cách mạng khoa học - công nghệ để nâng cao năng suất lao động và tính cạnh tranh của nền kinh tế.

Sự phát triển của khoa học - công nghệ đã dẫn tới những thành tựu kỳ diệu trong thế kỷ XX. Trong thế kỷ XXI, tiếp theo cuộc cách mạng công nghệ thông tin sẽ là cuộc cách mạng công nghệ sinh học, năng lượng hay na-nô? Không một ai có thể khẳng định chắc chắn. Tuy nhiên, với việc ngày càng có thêm nhiều nhà khoa học trên khắp thế giới đầu tư công sức vào nghiên cứu và phát triển công nghệ mới, không phải là không có cơ sở khi tin rằng, kỷ nguyên mới sẽ hứa hẹn nhiều kỳ tích khám phá mới về khoa học - công nghệ. □

KINH TẾ THẾ GIỚI TRƯỚC "CÚ SỐC" DẦU VÀ CUỘC ĐUA TÌM NGUỒN NĂNG LƯỢNG THAY THẾ

TRINH CƯỜNG

NHU một cơn cuồng nộ, giá dầu trên thế giới thời gian qua liên tục tăng. Chỉ trong vòng 18 tháng, giá dầu đã tăng từ 40 USD/thùng lên 50 USD/thùng, rồi 60 USD/thùng... Nhiều nhà phân tích cảnh báo rằng, giá dầu còn có thể lên đến mức 100 USD/thùng. Giá dầu cao đã tác động rất xấu đến nền kinh tế thế giới, đặc biệt là nền kinh tế của các nước nghèo. Trước tình hình đó, để thoát khỏi sự phụ thuộc vào dầu, bên cạnh việc tiết kiệm tiêu thụ, đã diễn ra một cuộc chạy đua tìm nguồn năng lượng mới, âm thầm nhưng quyết liệt.

Nguyên nhân của "cú sốc" dầu

Có rất nhiều nguyên nhân khiến cho thế giới phải chịu "cú sốc" dầu, nhưng theo các nhà phân tích, có một số nguyên nhân chủ yếu sau:

1. Quan hệ "cung", "cầu" mất cân bằng, "cầu" vượt quá "cung". Đây là quy luật của kinh tế thị trường. Đối với bất kỳ loại hàng hóa nào, một khi cầu vượt cung, giá cả sẽ tăng. Cơ quan Năng lượng quốc tế (IEA) mới đây cho rằng, trong khi tăng trưởng về nhu cầu đối với dầu mỏ trên thế giới về cơ bản vẫn chưa thay đổi, hoạt động cung cấp của các nước xuất khẩu dầu lại không có sự cải tiến, khiến cho giá dầu trên thế giới tăng cao.

2. Trong điều kiện thiết bị như hiện nay, năng lực khai thác của Tổ chức các nước xuất khẩu dầu mỏ (OPEC) không có sự cải thiện, do vậy khả năng tăng sản lượng không lớn.

3. Nhu cầu tiêu dùng dầu mỏ ngày càng tăng của các nước lớn, trong đó mức tiêu hao năng lượng của Trung Quốc và Mỹ khiến cho mọi người lo ngại, cũng là nhân tố quan trọng làm giá dầu tăng. Nhu cầu dầu mỏ của Trung Quốc đang tăng với mức độ chóng mặt. Lượng dầu nhập khẩu của Trung Quốc hiện nay đã tăng 3 lần so với cách đây 5 năm. Trong khi đó, Mỹ lại nhập rất nhiều dầu để dự trữ. Đã có nhiều ý kiến đề nghị Mỹ giảm sản lượng nhập hoặc tạm thời sử dụng lượng dầu dự trữ để ngăn chặn tình trạng giá dầu tăng, nhưng chính quyền G. Bu-sơ vẫn không chấp thuận.

4. Diễn biến quốc tế và tình hình tại các nước khai thác và xuất khẩu dầu mỏ có ảnh hưởng rất lớn tới giá dầu trên thế giới. Ví dụ, A-rập Xê-út bị tấn công khủng bố, quan hệ giữa I-ran với Liên minh châu Âu (EU) và Mỹ căng thẳng, bãi công của công nhân ngành dầu mỏ ở Vê-nê-xu-ê-la và Ni-giê-ri-a v.v... Ngoài ra, các yếu tố như đầu cơ quốc tế, thời tiết, thiên tai và một số sự cố ngoài ý muốn cũng khiến cho giá dầu tăng.

5. Các nước trên thế giới tăng cường dự trữ dầu. Do lo ngại trước tình hình nguồn cung dầu có nhiều bất ổn, nhiều nước tìm cách tăng lượng dầu dự trữ của mình. Ngoài ra, việc Trung Quốc và Ấn Độ tuyên bố sẽ xây dựng một số kho dự trữ dầu chiến lược bằng nguồn dự trữ ngoại tệ trong vòng 3 năm tới (một số nước ở Đông - Nam Á cũng có kế hoạch tương tự) cũng tạo ra sức ép đẩy giá dầu lên cao.

Tác động của "cú sốc" dầu đối với kinh tế thế giới

1. *Đối với các nước phát triển:* Các chuyên gia của IEA nhận định, nếu giá dầu vẫn giữ ở mức cao như hiện nay thì sự phục hồi của nền kinh tế thế giới không những bị ảnh hưởng mà tỷ lệ lạm phát và thất nghiệp ở các nước phát triển sẽ tăng. Trong vòng 2 năm tới, các nước phát triển phụ thuộc vào nhập khẩu dầu sẽ lâm vào tình trạng thâm hụt ngân sách nặng nề. IEA vừa phối hợp với IMF (Quỹ tiền tệ quốc tế) và OECD (Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế) tiến hành nghiên cứu những tác động của giá dầu đối với kinh tế thế giới. Kết quả cho thấy, nếu giá dầu ở mức 35 USD/thùng, tốc độ tăng trưởng kinh tế toàn cầu có thể giảm ít nhất 0,5% (tương đương 255 tỉ USD/năm); GDP của OECD sẽ giảm 0,4%, số người thất nghiệp sẽ tăng 0,1% và chỉ số giá tiêu dùng sẽ tăng 0,5%. Các quốc gia sử dụng đồng ơ-rô bị ảnh hưởng nhiều nhất, GDP của họ sẽ bị giảm khoảng 0,5% và lạm phát sẽ tăng khoảng 0,5%... Nhìn tổng thể, Mỹ sẽ bị ảnh hưởng ít nhất nhờ sản lượng dầu bản địa đáp ứng được phần lớn nhu cầu; Nhật Bản cũng thiệt hại không nặng nề do chỉ có một số lĩnh vực hoàn toàn sử dụng dầu nhập khẩu.

2. *Đối với các nước đang phát triển:* Giá dầu cao tác động xấu tới các nền kinh tế đang phát triển hơn là các nước phát triển. Bởi vì, nền kinh tế của các nước đang phát triển phụ thuộc nhiều vào dầu và các nước đang phát triển cũng cần nhiều năng lượng. Thêm vào đó, các nước đang phát triển thường gặp khó khăn về

tài chính để đáp ứng nhu cầu dầu khi giá cao, và lại thường sử dụng kém hiệu quả. Theo tính toán, nếu giá dầu tăng thêm 10 USD/thùng, GDP của các nước đang phát triển sẽ giảm 1,5%; nền kinh tế các nước ở khu vực tiểu Xa-ha-ra châu Phi và các nước kém phát triển khác sẽ giảm tới 3%.

Ở châu Á, Phi-líp-pin sẽ là nước bị thiệt hại nhiều nhất, sau đó là Ấn Độ và Trung Quốc. Hiện nay, cán cân thanh toán tổng hợp của toàn châu Á đã giảm hơn 8 tỉ USD, lạm phát tăng mạnh đã nhanh chóng làm tăng giá cả. Năm 2005, tỷ lệ lạm phát ở Trung Quốc và Thái Lan tăng khoảng 1%.

Mỹ La-tinh bị thiệt hại ít hơn so với châu Á, do khu vực này nhập khẩu dầu thực tế ít hơn. Tăng trưởng kinh tế ở Mỹ La-tinh sẽ chỉ giảm khoảng 0,2% GDP.

Các nền kinh tế nhập khẩu dầu ở châu Phi bị thiệt hại nhiều nhất vì phụ thuộc nhiều vào dầu nhập khẩu, tiêu thụ nhiều năng lượng và sử dụng năng lượng kém hiệu quả. Phần trăm GDP dành cho nhập khẩu nhiên liệu ở các nước châu Phi đặc biệt cao. Do đó, sự dao động mạnh về giá dầu có thể dẫn đến thay đổi lớn trong cán cân thanh toán.

Điểm yếu của các nước đang phát triển nhập khẩu dầu còn ở chỗ họ bị hạn chế trong việc chuyển đổi nhanh sang các dạng năng lượng khác ít thay đổi về giá so với dầu và các sản phẩm của dầu. Tăng chi phí cho nhập khẩu dầu sẽ làm mất cân bằng cán cân thương mại và tăng tỷ lệ lạm phát ở các nước đang phát triển, nơi mà trình độ của các cơ quan quản lý kinh tế còn hạn chế và niềm tin của các nhà đầu tư cũng có hạn. Sự khó khăn cũng sẽ tăng lên khi đồng tiền của các nước đang phát triển bị mất giá mạnh do giá dầu tăng cao, dẫn tới thâm hụt trầm trọng trong thanh toán tiền tệ.

Cuộc đua tìm nguồn năng lượng thay thế

Trước tình hình trên, thêm vào đó là nguồn năng lượng truyền thống (than, dầu, khí...)

đang ngày một cạn kiệt và tình trạng hiệu ứng nhà kính làm cho trái đất nóng lên, nhiều nước trên thế giới đang hối hả phát triển và ứng dụng nguồn năng lượng mới, kể cả năng lượng tái tạo.

Ở Mỹ, biện pháp trợ giúp của Nhà nước đối với ngành năng lượng phi truyền thống là các hợp đồng dài hạn (từ 15 đến 30 năm) mua điện theo giá cố định (thường cao hơn giá thị trường) của các công ty nhỏ sản xuất điện bằng các nguồn năng lượng tái tạo. Từ năm 1992, Mỹ đã có Luật về chính sách năng lượng, trong đó quy định ưu đãi thuế cố định là 10% đối với vốn đầu tư cho thiết bị sử dụng năng lượng mặt trời và địa nhiệt. Bằng cách đó, Mỹ đã tạo ra cơ sở để các nhà máy điện sử dụng năng lượng truyền thống và các nguồn năng lượng tái tạo cạnh tranh với nhau. Trong những năm gần đây, chương trình "Gió cung cấp năng lượng cho Mỹ" đã được đưa vào thực hiện với nguồn trợ cấp hàng năm 33 triệu USD. Ngoài ra, Mỹ còn là một trong những quốc gia dẫn đầu trong lĩnh vực sử dụng năng lượng mặt trời với mục đích thương mại. Trong hơn 20 năm qua, Mỹ đã chi hơn 1,4 tỉ USD cho việc nghiên cứu triển khai các công nghệ sử dụng năng lượng mặt trời để sản xuất điện. Hiện nay, ở Mỹ có trên 10.000 ngôi nhà hoàn toàn sử dụng năng lượng mặt trời.

Nhiều nước châu Âu hiện cũng đang tích cực chạy đua với Mỹ trong việc nghiên cứu, ứng dụng các nguồn năng lượng phi truyền thống. Ai-len đang có kế hoạch phát triển nguồn năng lượng gió để có thể đáp ứng khoảng 13% nhu cầu tiêu thụ năng lượng vào năm 2010. Một trong những dự án khả thi nhất hiện nay là xây dựng những cánh đồng gió tại các khu vực thích hợp. Ai-len hy vọng công trình này sẽ giúp ích cho kế hoạch thay đổi khí hậu và giảm bớt nguồn năng lượng "bẩn" của chính phủ nước này.

Tại Đức, ngay sau khi Liên minh đảng Xanh và đảng Dân chủ xã hội theo đường lối

Trung tả của Thủ tướng G. Suê-đơ lên nắm quyền (năm 1998), Chính phủ Đức đã chi hàng tỉ USD cho các dự án khai thác nguồn năng lượng từ mặt trời và từ gió. Đồng thời, G. Suê-đơ còn tăng mức thuế đánh vào việc sử dụng xăng và các sản phẩm từ dầu mỏ nhằm nỗ lực giảm bớt việc sử dụng các nguồn năng lượng truyền thống. Năm 2003, chiến lược khuyến khích sử dụng năng lượng "sạch" của Đức lại được tăng cường thêm một bước khi chính phủ nước này thông qua một đạo luật bắt buộc tất cả các công ty, doanh nghiệp và các hộ gia đình sử dụng điện phải trả thêm một mức thuế tiêu thụ nhằm góp vốn hỗ trợ cho các cá nhân và các doanh nghiệp sử dụng nguồn năng lượng từ mặt trời hay từ gió để sản xuất điện năng hòa vào lưới điện quốc gia. Đến nay, việc khai thác và sử dụng nguồn năng lượng "sạch" tại Đức đã trở thành ngành công nghiệp lớn thu hút hơn 60.000 lao động với hơn 16.000 máy phát điện chạy bằng sức gió, chiếm khoảng 39% tổng số các máy phát điện loại này trên toàn thế giới.

Ngoài Đức, Anh hiện cũng là nước dẫn đầu châu Âu trong việc nghiên cứu và triển khai nguồn năng lượng từ sức gió. Hiệp hội Năng lượng gió của Anh cho biết, từ năm 2004 đến nay, tiến độ xây dựng các nhà máy phát điện chạy bằng sức gió của Anh đạt mức kỷ lục với tổng công suất các nhà máy là 253 MW, tăng gấp hơn hai lần năm 2003. Chính phủ Anh đặt mục tiêu tăng gấp hai lần tỷ trọng điện tái sinh từ 10% lên 20% vào năm 2020. Để đạt được mục tiêu này, Anh phải lắp đặt thêm 3.000 tuốc-bin điện gió, bổ sung cho hơn 1.000 tuốc-bin đang vận hành. Dự kiến nguồn năng lượng từ sức gió sẽ chiếm 2/3 tổng sản lượng điện tái sinh ở Anh vào năm 2010. Chính phủ Anh đã công bố dự án xây dựng nhà máy điện chạy bằng sức gió lớn nhất thế giới trên biển Bắc với khoảng 200 tuốc-bin và tổng công suất lên tới 1.000 MW.

Ở châu Á, Nhật Bản là nước đi tiên phong trong việc tìm các nguồn năng lượng mới. Thực hiện chỉ tiêu của Nghị định thư Ky-ô-tô về môi trường, Nhật Bản đã phát triển loại nhiên liệu "xanh" ít khí thải gây hiệu ứng nhà kính. Đây là hỗn hợp xăng và e-ta-nôn (ethanol) sinh học, được sử dụng thay thế các nhiên liệu hóa thạch. Loại nhiên liệu này sẽ được bán tại các trạm nhiên liệu đặc biệt vào đầu năm 2008 và dự kiến sẽ chiếm 10% nguồn nhiên liệu cung cấp cho ô tô ở Nhật Bản vào năm 2010. Nhật Bản hiện cũng đang nghiên cứu sản xuất e-ta-nôn từ gỗ phế thải để giảm giá loại nhiên liệu sinh học này. Ngoài ra, Nhật Bản còn là nước sản xuất pin mặt trời lớn nhất thế giới.

Trung Quốc cũng là một nước tích cực theo đuổi kế hoạch phát triển các nguồn năng lượng "xanh" trong lĩnh vực xây dựng, giao thông và điện lực. Theo kế hoạch, Trung Quốc sẽ triển khai xây dựng các "cao ốc xanh" ở Trùng Khánh. Hiện nay, Ủy ban Bảo vệ năng lượng tự nhiên Trung Quốc đang nỗ lực hỗ trợ việc đề ra các tiêu chuẩn tiết kiệm năng lượng tại các công trình công cộng như bệnh viện, trung tâm thương mại, cao ốc, văn phòng... đồng thời hỗ trợ Bộ Xây dựng Trung Quốc đưa ra các tiêu chuẩn về tiết kiệm năng lượng trong chiếu sáng công cộng. Trung Quốc cũng dự kiến vào năm 2006 sẽ khởi công xây dựng nhà máy điện chạy bằng sức gió đầu tiên tại vùng duyên hải phía Nam và vùng Nội Mông. Bên cạnh đó, Trung Quốc sẽ đẩy mạnh việc chế tạo, sản xuất xe hơi chạy bằng điện...

Cho đến nay, không ai có thể khẳng định dầu mỏ sẽ biến mất trong một hay hai thập niên tới và sẽ bị thay thế bằng loại nhiên liệu khác. Nhưng do sự biến đổi của khí hậu, sự biến động của giá dầu và sự mất an ninh của các nguồn cung cấp dầu thô, các nước buộc phải chuyển hướng sang tìm các nguồn năng lượng khác. Nhiều nhà khoa học hy vọng trong tương lai không xa, loài người sẽ thoát khỏi sự lệ thuộc vào dầu mỏ, cũng như nỗi ám ảnh về một tương lai kinh tế ảm đạm khi nguồn "vàng đen" cạn kiệt. □

LỐI RA CHO TIẾN TRÌNH...

(Tiếp theo trang 49)

thiếu thông tin thị trường. Điều này làm cho việc sản xuất hàng thủ công - mỹ nghệ của ta hết sức thụ động, hoàn toàn phụ thuộc vào đơn đặt hàng của thương nhân, làm chậm trễ việc mở rộng và chiếm lĩnh thị trường.

Để các ngành nghề truyền thống phát triển bền vững, Nhà nước cần ưu tiên đầu tư cơ sở vật chất - kỹ thuật, ưu đãi về thuế suất, lãi suất tín dụng, đào tạo nguồn nhân lực, như: cán bộ quản lý, chuyên gia lành nghề, nghệ nhân, thợ thủ công lành nghề. Đây được xem như là một cú huých quan trọng để tạo nên sự chuyển biến về chất trong quá trình phát triển kinh tế nông thôn. Bên cạnh đó các hoạt động dịch vụ như thương mại - du lịch cũng cần được mở rộng và nâng lên với một cấp độ mới.

Khi các sản phẩm đã có chỗ đứng trên thị trường, các làng nghề cần nhanh chóng tạo dựng cho mình một thương hiệu, nhằm khẳng định uy tín sản phẩm của mình trên thương trường. Những thương hiệu sản phẩm thủ công mỹ nghệ Việt Nam nổi tiếng từ lâu như: đồ gốm Bát Tràng, Minh Long, tơ lụa Vạn Phúc... hiện cũng là một lợi thế cần phát huy để gia tăng thị phần, nhất là thị trường nước ngoài. Cần lưu ý là những thương hiệu của các sản phẩm nổi tiếng cũng là một "nguồn vốn" quan trọng đem lại các giá trị gia tăng cho các doanh nghiệp; sự khác biệt của sản phẩm cũng tạo ra những lợi thế cạnh tranh có nhiều ý nghĩa. Ngoài ra, việc quảng bá các thương hiệu của các mặt hàng thủ công - mỹ nghệ cũng nên được xem như là cầu nối cho giao lưu văn hóa dân tộc với thế giới, kết hợp hài hòa giữa phát triển kinh tế với bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa của cộng đồng 54 dân tộc anh em trên đất nước chúng ta. □



TRƯƠNG PTTH TAM DƯƠNG

ĐỊA CHỈ: THỊ TRẤN HỢP HÒA, HUYỆN TAM DƯƠNG, TỈNH VINH PHÚC : ĐT 0211 833 037



Một số hình ảnh ngày lễ kỷ niệm 35 năm thành lập trường

Sau 5 năm thực hiện Nghị quyết chỉ bộ 2 nhiệm kỳ 2000 - 2005, trường đã đạt được nhiều kết quả quan trọng trong các mặt xây dựng cơ sở vật chất, môi trường giáo dục, bồi dưỡng đội ngũ và nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

MỤC TIÊU ĐẾN NĂM 2008:

- ❖ **Xây dựng đội ngũ, phát triển các đoàn thể:** Phấn đấu cử thêm 2-4 giáo viên đi đào tạo trên chuẩn, nâng số giáo viên trên chuẩn có từ 6-8 người đạt tỷ lệ từ 9%-12%. Phấn đấu có đủ nhân viên thư viện, thí nghiệm qua đào tạo, có 2-3 kỹ sư tin học. Giáo viên giỏi các cấp 15 - 20 GV, trong đó giáo viên giỏi cấp tỉnh 4-6 GV. Tập thể lao động xuất sắc 2-3 tổ, các tổ chức đoàn thể đạt tập thể xuất sắc.
- ❖ **Chất lượng giáo dục các mặt:** Tăng cường giáo dục toàn diện, thực hiện tốt công tác y tế học đường, vệ sinh môi trường đi đôi với tuyên truyền phòng chống tệ nạn xã hội xâm nhập vào học đường. Đẩy mạnh cuộc vận động đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát huy tư duy độc lập sáng tạo của học sinh, đẩy mạnh công tác bồi dưỡng giáo viên để có nhiều giáo viên cốt cán có khả năng bồi dưỡng học sinh giỏi, học sinh thi ĐH-CD đạt kết quả cao ở tất cả các bộ môn. Đạo đức: khá, tốt 95% trở lên, yếu 0%. Văn hóa giỏi 5,0-6,0%; khá 70-80%, yếu 0%. Học sinh giỏi 70-80 giải trong đó đạt giải nhất, nhì: 6-8 giải. Tỷ lệ đỗ tốt nghiệp 95% trở lên; tỷ lệ đỗ ĐH-CD 17-20%.
- ❖ **Cơ sở vật chất:** Phấn đấu có đủ các phòng học một ca, có đủ các phòng học bộ môn và các trang thiết bị dạy học theo yêu cầu, có nhà giáo dục thể chất.
- ❖ **Xây dựng trường chuẩn quốc gia:** Xây dựng quy mô nhà trường có 30 lớp không quá 1350 học sinh, phấn đấu đạt chuẩn quốc gia vào năm học 2005-2006.
- ❖ **Công tác xây dựng Đảng:** Xây dựng chỉ bộ Đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức lối sống, về năng lực lãnh đạo và năng lực công tác của mỗi đảng viên. 100% đảng viên có phẩm chất tốt, đủ tư cách. 100% đảng viên có năng lực chuyên môn khá, giỏi. Kết nạp được 8-10 đảng viên, phấn đấu đạt tỷ lệ đảng viên, giáo viên đạt 30%. Chỉ bộ an túc đạt tiêu chuẩn "Tổ chức cơ sở đảng trong sạch vững mạnh"



TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN TAM DƯƠNG

ĐỊA CHỈ: THỊ TRẤN HỢP HÒA, HUYỆN TAM DƯƠNG, TỈNH VINH PHÚC

ĐT 0211 833 024

GIÁM ĐỐC: PHÙNG VĂN BÌNH

Được sự lãnh đạo sát sao của huyện uỷ, UBND huyện, sự chỉ đạo kịp thời của Sở Y tế Vinh Phúc, sự cố gắng nỗ lực của toàn thể cán bộ, đảng viên trong toàn Đảng bộ đã lãnh đạo đơn vị khắc phục mọi khó khăn hoàn thành nhiệm vụ chính trị được giao thể hiện ở các lĩnh vực công tác như:

- ❖ **Phòng bệnh:** Chương trình tiêm chủng mở rộng. Chương trình chống sốt rét. Chương trình phòng chống rối loạn do thiếu hụt I-ốt. Chương trình phòng chống các bệnh xã hội như: lao, phong, tâm thần. Chương trình vệ sinh an toàn thực phẩm. Chương trình bảo vệ sức khỏe bà mẹ trẻ em kế hoạch hoá gia đình. Chương trình phòng chống mù loà.
- ❖ **Công tác khám chữa bệnh** là nhiệm vụ trọng tâm, chất lượng khám chữa bệnh hàng năm đều vượt chỉ tiêu.
- ❖ **Xây dựng mạng lưới y tế cơ sở** "chuẩn quốc gia về y tế xã".
- ❖ **Công tác xây dựng Đảng:** duy trì chế độ sinh hoạt đảng ủy - chi bộ có nề nếp. Nghị quyết Đảng ủy đã bám sát nhiệm vụ chính trị trọng tâm của đơn vị.



Trụ sở Trung tâm y tế

PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NHIỆM KỲ 2005 - 2008

Chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân trên địa bàn bảo đảm không để dịch lớn xảy ra. Thực hiện tốt các chương trình y tế quốc gia. Nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, rèn luyện đạo đức trong cán bộ y tế theo lời dạy của Bác "Lương y phải như từ mẫu". Tăng cường xây dựng cơ sở vật chất trang thiết bị đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá, phấn đấu hết năm 2007 hoàn thành xây dựng cơ bản nhà làm việc, các công trình điện nước, xử lý chất thải, có đủ trang thiết bị y tế cơ bản phục vụ chuẩn đoán điều trị. Đào tạo cán bộ chuyên môn đáp ứng yêu cầu phục vụ ngày càng cao, đủ cơ cấu theo quy định chủ trọng chỉ đạo các trạm y tế cơ sở hoạt động theo tiêu chí "Chuẩn quốc gia về y tế".



Giúp mặt các đồng chí lãnh đạo



Thực hiện ca mổ thành công tại trung tâm



Quản lý và sử dụng trang thiết bị y tế hiện đại

HUYỆN MÊ LINH TỈNH VINH PHÚC

ĐỊA CHỈ: XÃ THANH LÂM • ĐIỆN THOẠI 0211 812 923 • FAX 0211 868 209

Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của tỉnh xác định huyện Mê Linh là vùng kinh tế trọng điểm, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã có nghị quyết 03-NQ/TU ngày 8-3-2002 về định hướng quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội huyện Mê Linh thời kỳ 2001-2010. Đây là những định hướng lớn tạo điều kiện cho thu hút đầu tư, đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa, trước tiên hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn.



Đền thờ Hai Bà Trưng



Một góc khu công nghiệp Quang Minh



Lễ đón nhận Huân chương Anh hùng LLVTND huyện Mê Linh 3-11-2000



NHỮNG THÀNH TỰU NỔI TRỘI GIAI ĐOẠN 2004-2005

VỀ KINH TẾ:

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế là 16,9%/năm
- Sản xuất công nghiệp tiếp tục tăng cao, giá trị sản xuất công nghiệp năm 2005 đạt 1.200 tỉ đồng (giá 94), tăng 26% so với năm 2004.
- Nhiều công trình xây dựng cơ bản được triển khai phục vụ nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của huyện trong giai đoạn mới như đường 308, 312, đường 35... Tổng các nguồn vốn đầu tư cho xây dựng cơ bản là 3.527 tỉ đồng.
- Công tác quy hoạch: Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch đô thị mới Mê Linh, đến năm 2020 là trung tâm phát triển kinh tế - xã hội trọng điểm, là đô thị công nghiệp du lịch của tỉnh Vinh Phúc, Hà Nội và khu vực lân cận.
- Sản xuất nông nghiệp tiếp tục được mùa, cơ cấu trong sản xuất nông nghiệp chuyển dịch tích cực, đúng hướng. Đàn gia súc, gia cầm ổn định. Giá trị sản xuất năm 2005 đạt 364 tỉ đồng (giá 94), tăng 5,3%/năm so với năm 2004.
- Giá trị các ngành dịch vụ năm 2005 đạt 53 tỉ đồng, tăng 20%/năm so với năm 2004.
- Tổng thu ngân sách các thành phần kinh tế năm 2005 đạt 210 tỉ đồng, tăng 55,6% so với năm 2004.
- Thu hút dự án đầu tư phát triển công nghiệp, đô thị là một trong những nhiệm vụ tập trung chỉ đạo thường xuyên của các cấp ủy, trong 2 năm đã có 90 dự án đầu tư vào huyện, nâng tổng số các dự án đầu tư trên địa bàn lên 230 dự án, trong đó có 25 dự án có vốn đầu tư nước ngoài với số vốn đăng kí là 9.560 tỉ đồng Việt Nam, 140 triệu USD.

VỀ VĂN HÓA - XÃ HỘI:

- Đời sống của nhân dân trong huyện có bước phát triển vượt bậc về cả vật chất và tinh thần.
- Công tác giáo dục - đào tạo tiếp tục được quan tâm. Chất lượng giáo dục toàn diện, chất lượng mũi nhọn có chuyển biến tích cực, có 97% giáo viên đạt trình độ đào tạo chuẩn.

VỀ CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG:

- Đẩy mạnh phong trào xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch vững mạnh. Hàng năm có 70% số chi, đảng bộ đạt trong sạch, vững mạnh.
- Đẩy mạnh công tác phát triển đảng viên, bồi dưỡng kết nạp được 1.118 người vào Đảng (năm 2004-2005 kết nạp 277 đảng viên) đạt chỉ tiêu Đại hội đề ra.

NHỮNG MỤC TIÊU CHỦ YẾU NHIỆM KỲ 2005-2010:

- Tổng GDP năm 2010 đạt 2.655 tỉ đồng (giá 94) tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 32,9%. Trong đó: GDP bình quân đầu người (giá hiện hành) là 19 triệu đồng.
- Đến năm 2010 có cơ cấu kinh tế (xét theo tỉ trọng GDP) là công nghiệp, xây dựng - dịch vụ - nông nghiệp (tỉ trọng 60%- 27%- 13%).
 - + Giá trị sản xuất nông nghiệp đạt 470 tỉ đồng, tăng trên 5%/năm.
 - + Giá trị sản xuất CN - XD đạt 6.500 tỉ đồng, tăng 40%/năm.
 - + Giá trị các ngành dịch vụ 650 tỉ đồng, tăng 52,9%/năm.
 - + Kim ngạch xuất khẩu đạt 70 triệu USD.
 - + Tổng thu ngân sách trên địa bàn đạt trên 1.000 tỉ đồng.
 - + Nâng cao chất lượng phổ cập THCS, phổ cập THPT và đào tạo nghề.
 - + Kết nạp Đảng từ 130-160 đảng viên/năm.

Với truyền thống của huyện anh hùng, lòng yêu nước, ý chí quật cường của Hai Bà Trưng đã tạo cho Đảng bộ và nhân dân trong huyện một ý chí quyết tâm khắc phục khó khăn để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.



TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM MẪU GIÁO TRƯNG ƯƠNG 3

Địa chỉ: 182 Nguyễn Chí Thanh - quận 10 - TP Hồ Chí Minh ĐT: (08)8359959

Hiệu trưởng: TS. Lê Xuân Hồng

Trường được thành lập ngày 25-09-1976, tiền thân là Trường Mẫu giáo trung ương 3, đến năm 1997 được nâng cấp thành Trường cao đẳng Sư phạm Mẫu giáo trung ương 3. Trong hơn 10 năm đầu, trường đào tạo giáo viên mẫu giáo hệ trung cấp (12+2). Đến năm 1987, trường chính thức đào tạo giáo viên mầm non hệ cao đẳng (12+3). Năm 2000, trường mở thêm 2 mã ngành đào tạo là: cao đẳng SP âm nhạc và cao đẳng SP mỹ thuật. Từ năm 2003, trường mở thêm mã ngành đào tạo giáo viên giáo dục đặc biệt.



Tập thể giáo viên - cán bộ nhân viên nhà trường

❖ **Chức năng và nhiệm vụ:** Đào tạo và bồi dưỡng giáo viên, cán bộ trình độ cao đẳng, phục vụ cho công tác chăm sóc giáo dục trẻ MN, trẻ khuyết tật và giáo dục âm nhạc, mỹ thuật cho học sinh tiểu học và trung học cơ sở.

❖ **Cơ cấu tổ chức:** Bao gồm

- 6 phòng: Phòng đào tạo, phòng quản lý khoa học và đối ngoại, phòng tổ chức hành chính tổng hợp, phòng công tác sinh viên, phòng kế hoạch tài chính, phòng quản trị.
- 4 khoa: CD sư phạm mầm non, GD đặc biệt, sư phạm âm nhạc, sư phạm mỹ thuật, 1 tổ cơ bản và các đơn vị trực thuộc. Mỗi năm đào tạo trên 4300 sinh viên chính quy và không chính quy.

❖ **Đội ngũ cán bộ giảng viên CNV:** Tổng số hiện nay là: 180 người. Trong đó bao gồm 80 cán bộ giảng dạy (62 nữ); các cán bộ nhân viên hành chính và cán bộ giáo viên trường mẫu giáo thực hành. Cán bộ giảng viên có trình độ sau đại học chiếm 46,2%/tổng số giảng viên. Trong đó: TS: 6 người (6 nữ); ThS: 31 (29 nữ); DH: 74 (52 nữ); CD: 6 (4 nữ).

❖ **Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học trong 5 năm qua:**

- Đào tạo hệ chính quy: 6.181 sinh viên; không chính quy: 7.888 sinh viên. Bao gồm các hệ đại học và cao đẳng.
- Trong những năm qua trường đã và đang thực hiện được 45 đề tài và dự án KHCN (cấp bộ: 30; thành phố: 2 dự án; cơ sở: 11); số đầu tài liệu đã biên soạn: 116.

❖ **Thành tích đạt được:**

- Huân chương Lao động hạng Ba (1991); Huân chương Lao động hạng Hai (1996); Cờ Luân lưu của Chính Phủ (1998); Huân chương Lao động hạng Nhất (2001).
- Trường có 4 đ/c được phong danh hiệu Nhà giáo ưu tú (NGÚT Lê Minh Nga, NGÚT Lê Thị Khang, NGÚT Nguyễn Thị Thanh Hà, NGÚT Mai Thị Nguyệt Nga) và 1 đ/c là Chiến sĩ thi đua toàn quốc (CSTĐTQ Lê Xuân Hồng).

❖ **Hợp tác quốc tế về KHCN:**

Trường đã thiết lập và duy trì mối quan hệ hợp tác trao đổi thông tin khoa học giáo dục với các tổ chức GD của các nước như: Ô-xtrây-li-a; CHLB Nga; Hàn Quốc; Mỹ; Ca-na-đa; Nhật; Pháp. Mỗi năm trường tổ chức 3 - 4 hội thảo khoa học với sự tham gia của các chuyên gia nước ngoài. Trường đang triển khai chương trình hợp tác đào tạo với Học viện Ph-ro-be Xin-ga-po



Chuyến đi "Chương trình đào tạo GVMN" với GS.C.Taylor (QUT)



❖ **Những định hướng phát triển của trường đến năm 2010:**

- Phát triển cơ sở vật chất: Ngoài cơ sở 1 với diện tích 4.900m², trường đang xây dựng cơ sở 2 theo tiêu chuẩn khu vực Đông-Nam Á với mặt bằng hơn 43.000m² tại quận 9, TP Hồ Chí Minh. Từng bước tiến hành hiện đại hóa các thiết bị phục vụ giảng dạy, học tập và quản lý nhà trường.
- Các định hướng phát triển về KHCN, CGCN và HTQT về KHCN: Xây dựng hệ thống các nhiệm vụ KHCN trọng điểm; Đẩy mạnh hoạt động chuyển giao kết quả nghiên cứu vào thực tiễn; Đẩy mạnh hoạt động HTQT và liên kết đào tạo GD với các nước; Tiếp tục đẩy mạnh công tác xây dựng và phát triển Đảng trong nhà trường, cũng như các phong trào thi đua kỷ niệm 30 năm ngày thành lập trường.

TỔNG CÔNG TY ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM CÔNG TY QUẢN LÝ ĐƯỜNG SẮT HÀ NINH

LOẠI HÌNH DOANH NGHIỆP:

Là doanh nghiệp nhà nước có chức năng hoạt động công ích, có đầy đủ tư cách pháp nhân thực hiện hạch toán kinh tế độc lập.

NGÀNH CHẾ KINH DOANH CHỦ YẾU:

Quản lý, duy tu, sửa chữa theo từng cấp kỹ thuật cầu đường, đảm bảo an toàn chạy tàu thông suốt trong mọi tình huống.

Xây dựng các công trình có quy mô vừa và nhỏ.

Sản xuất vật liệu xây dựng và kết cấu thép chuyên ngành.

Kinh doanh các dịch vụ khác ngoài hoạt động công ích.

Địa chỉ: Đường Vu Bản, phường Trường Thi, TP Nam Định * Điện thoại: 0350.844.453
QUẢN LÝ ĐOẠN ĐƯỜNG SẮT TỪ KM 12+000 ĐẾN KM 130+300 TRÊN TUYẾN ĐƯỜNG SẮT BẮC - NAM

ĐÀI PHÁT THANH TRUYỀN HÌNH KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 70 Trần Phú Nha Trang Khánh Hòa * Điện thoại: 058 825 158/ 821 821 037/ 823 047 * Fax: 058 825 158

Giám đốc: HỒ HỒNG SƠN



I. Ngày phát sóng đầu tiên:

- 03/4/1975 (Phát thanh)
- 15/12/1975 (Truyền hình)

II. Sóng truyền hình:

- Anten cao 84m
- Phát trên 4 kênh:
- * Kênh 9 (2Kw): Chương trình truyền hình Khánh Hòa (KTV)

phát sóng 18h/ ngày (liên tục từ 6 giờ - 24 giờ).

- * Kênh 12 (2kw): Tiếp phát VTV1
- * Kênh 11 (1kw): Tiếp phát VTV2
- * Kênh 6 (2kw): Tiếp phát VTV3

- Phủ sóng 95% địa bàn dân cư.

III. Sóng phát thanh:

- Phát trên hai kênh AM và FM, thời lượng 14h30/ ngày.
- AM: Tần số 570 KHZ (50kw): thời lượng 2h30/ ngày.
- FM: Tần số 100,5 MHz (2kw): thời lượng 12h/ ngày

(Chương trình phát thanh trực tiếp 8h/ngày)

- Phủ sóng 98% địa bàn dân cư.

IV. Chuyên đề, chuyên mục:

- 35 chuyên đề, chuyên mục truyền hình.
- 15 chuyên đề, chuyên mục phát thanh.

V. Mạng lưới truyền thanh tiếp hình:

- 07 Đài truyền thanh tiếp hình huyện, thị, thành phố và 155 Đài trạm truyền thanh cơ sở.

VI. Dịch vụ quảng cáo:

Nhận:

- Quảng cáo trong các chương trình phát thanh và truyền hình
- Sản xuất phim phóng sự, tài liệu, thiếu nhi, ca nhạc, chuyên mục, phim truyện, phim quảng cáo.
- Thực hiện các cuộc gặp lưu, biểu diễn nghệ thuật, trò chơi truyền hình.

ỦY BAN DÂN SỐ GIA ĐÌNH VÀ TRẺ EM TỈNH YÊN BÁI



CHỦ NHIỆM : HÀ THỊ SÂM

Yên Bái là một tỉnh miền núi phía Bắc, gồm 31 dân tộc trên địa bàn. Công tác dân số gia đình và trẻ em của tỉnh Yên Bái những năm qua đã đạt được những kết quả đáng kể, góp phần vào công cuộc xóa đói giảm nghèo, từng bước nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân trong tỉnh. Đạt được những kết quả đó là nhờ có sự quan tâm và chỉ đạo sát sao của các cấp ủy, chính quyền từ tỉnh đến cơ sở đối với công tác dân số, gia đình và trẻ em, đặc biệt là sự cố gắng không mệt mỏi của đội ngũ cán bộ làm công tác dân số, gia đình và trẻ em.

Hòa chung khí thế thi đua sôi nổi giữa các ngành, các cấp trong toàn tỉnh để chào mừng, kỷ niệm các ngày lễ lớn của đất nước và của tỉnh nhà, công tác dân số, gia đình và trẻ em trong 5 năm qua đã có nhiều khởi sắc:

□ Tỷ suất sinh thô năm 2000 là 21,01‰, đến năm 2005 dự kiến giảm xuống còn 18,71‰.

□ Số cặp vợ chồng thực hiện kế hoạch hóa gia đình là 91.827 cặp, tỷ lệ sử dụng các biện pháp tránh thai hiện đại là 66,7%, dự kiến năm 2000, tỷ lệ phát triển dân số tự nhiên của tỉnh Yên Bái là 1,497%, dự kiến năm 2005 giảm xuống còn 1,301%.

□ Tỷ lệ sinh con thứ ba trở lên giảm đáng kể, năm 2000 là 17,4% thì 2005 đã giảm xuống còn 12,0%. Trung bình, mỗi năm giảm 1,15. Số con trung bình của một bà mẹ trong độ tuổi sinh đẻ từ 2,46 con/1 bà mẹ năm 2000 đã giảm xuống còn 2,30 con/1 bà mẹ vào cuối năm 2005, đã duy trì và mở rộng ra 37 xã, phường và thị trấn không sinh con thứ 3.

□ Công tác bảo vệ chăm sóc giáo dục trẻ em được các ngành, các cấp quan tâm ủng hộ.

□ Số xã, phường xây dựng chương trình hành động vì trẻ em: năm 2000 có 120 xã, 2004 có 140 xã, năm 2005 đã có 176/180 xã xây dựng Quỹ Bảo trợ trẻ em; 138/180 xã có điểm vui chơi cho trẻ em.

□ Công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em đã được tỉnh ủy, UBND tỉnh phân công cho các ngành, các đoàn thể trực tiếp phụ trách đỡ đầu các xã vùng cao, vùng đặc biệt khó khăn, thông qua đó mà công tác chăm sóc, đỡ đầu trẻ em, đặc biệt là trẻ em có hoàn cảnh khó khăn đã được các ngành, các cấp đặc biệt quan tâm. Hàng năm, có trên 500 trẻ em được cấp học bổng, hơn 4.000 trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn được quà tặng sách vở, quần áo,...; trẻ em khuyết tật được khám và chữa bệnh miễn phí năm sau tăng hơn năm trước.

□ Năm 2005, Ủy ban Dân số, gia đình và Trẻ em tỉnh đã tăng cường, đẩy mạnh công tác phối hợp với các ban, ngành trong tỉnh tuyên truyền, vận động thực hiện các mục tiêu dân số - KHHGĐ, tổ chức ký cam kết với các xã đăng ký duy trì và xây dựng mới mô hình "xã, phường không sinh con thứ 3 trở lên"

CÁC THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC

★ Chính phủ đã tặng 1 bằng khen cho tập thể và một bằng khen cho cá nhân.

★ Từ năm 2000 đến năm 2005, Ủy ban Dân số, gia đình và Trẻ em Trung ương đã trao tặng cho Ủy ban Dân số, gia đình và Trẻ em tỉnh Yên Bái 228 Huy chương Vì sự nghiệp dân số và Vì sự nghiệp bảo vệ, chăm sóc giáo dục trẻ em; 17 bằng khen cho cá nhân và 12 bằng khen cho tập thể; 3 Cờ thi đua cấp ngành, 3 cá nhân được được tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp ngành.

★ Với những thành tích đã đạt được, trong 5 năm qua, UBND tỉnh Yên Bái cũng đã trao tặng 6 Cờ thi đua, 20 danh hiệu tập thể lao động xuất sắc, 64 bằng khen cho tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc, tặng 13 danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh cho tập thể và cá nhân của hệ thống Ủy ban Dân số, gia đình và Trẻ em tỉnh Yên Bái.

★ Đặc biệt, bác sĩ Hà Thị Sâm, Ủy viên Ban Chấp hành Tỉnh ủy là Chủ nhiệm Ủy ban Dân số, gia đình và Trẻ em của tỉnh Yên Bái, đã được nhận 12 huy chương: Huy chương Vì sự nghiệp dân số, bảo vệ, chăm sóc và gia đình trẻ em; Huy chương Vì sự nghiệp giải phóng phụ nữ; Huy chương Vì sự nghiệp chăm sóc sức khỏe nhân dân... Và hằng năm luôn được tặng bằng khen của tỉnh, của Ủy ban Dân số, gia đình và Trẻ em Việt Nam, của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam và Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam; Đầu năm 2005, đã vinh dự đón nhận Huân chương Lao động hạng Ba một phần thưởng cao quý của Đảng và Nhà nước trao tặng

CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG KIÊN GIANG

ĐỊA CHỈ: 34 TRẦN PHÚ, TX RẠCH GIÁ, KIÊN GIANG - ĐIỆN THOẠI: 077 860 439

TỪ KHİ THÀNH LẬP ĐẾN NAY, CÔNG TY ĐÃ THỰC HIỆN NHIỀU CÔNG TRÌNH MANG CẤP KHU VỰC VÀ CẤP QUỐC GIA NHƯ:

- Công trình lấn biển mở rộng thị xã Rạch Giá với quy mô 420ha, bảo đảm cho một khu đô thị mới với các công trình công cộng, phúc lợi xã hội, cơ quan hành chính... và đất ở cho trên 10 ngàn hộ gia đình với 65 ngàn dân

- Công trình Trung tâm Thương mại Rạch Giá với quy mô 16ha, bao gồm các hạng mục: Chợ Bách hoá tổng hợp, chợ Nông sản thực phẩm, chợ Tươi sống, bãi đậu xe, bến xe khách... với 500 hộ và 3 ngàn người cư ngụ với đầy đủ tiện nghi, vốn đầu tư trên 500 tỉ đồng. Đây là các công trình thực hiện cơ chế đổi đất lấy cơ sở hạ tầng mang lại hiệu quả kinh tế xã hội đầu tiên của khu vực ĐBSCL và cả nước.

- Đặc biệt, từ năm 1998 đến nay, Công ty thực hiện toàn bộ các đồ án quy hoạch phát triển vùng, quy hoạch chung và các quy hoạch chi tiết các dự án lớn thuộc nguồn vốn của Trung ương đầu tư: quy hoạch phát triển đảo Phú Quốc; quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội các huyện thị trong tỉnh đến năm 2020; quy hoạch chi tiết khu kinh tế thị trấn Đường Đồng Phú Quốc... Nội dung các đồ án quy hoạch phù hợp với giai đoạn hiện nay và định hướng phát triển lâu dài.

- Bên cạnh những dự án quy hoạch, đơn vị được giao thực hiện các dự án thiết kế các công trình cơ sở hạ tầng quan trọng của tỉnh từ nhiều nguồn vốn khác nhau do trung ương và địa phương quản lý như: Công trình đường vành đai phòng thủ phía đông; cảng du lịch Bãi Vòng; cảng cá Ba Hòn, hệ thống công trình thoát lũ ra biển Tây, hệ thống đê bao ngăn mặn vùng bán đảo Cà Mau và vùng tứ giác Long Xuyên... và nhiều công trình quy mô lớn và có tính phục vụ cho phúc lợi xã hội cao. Hiện nay các công trình do Công ty thực hiện đang phát huy tác dụng mạnh mẽ tới phát triển kinh tế xã hội của tỉnh nhà và góp một phần quan trọng trong việc nâng cấp thị xã Rạch Giá lên đô thị loại 3 và lên thành phố trực thuộc tỉnh.

- Đơn vị luôn được Tỉnh ủy, UBND đánh giá là đơn vị chủ công của tỉnh trong lĩnh vực tư vấn xây dựng, tham mưu toàn diện cho Tỉnh ủy, UBND, ngành chủ quản trong lĩnh vực xây dựng cơ bản của tỉnh, những công trình đem lại hiệu quả kinh tế, chính trị xã hội, có giá trị chiến lược lâu dài cho thế hệ mai sau như quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội các huyện, thị đến năm 2010 và 2020, quy hoạch và lập dự án lấn biển mở rộng thị xã Rạch Giá được cấp trên đánh giá cao.

- Bên cạnh lĩnh vực tư vấn, công ty còn mở rộng sang lĩnh vực thi công và kinh doanh địa ốc với nhiều dự án do công ty làm tổng thầu, làm chủ đầu tư đã và đang phát huy hiệu quả cao về kinh tế - xã hội như: Dự án khu dân cư 16ha (Hoa Biển); dự án Khu hành chính Trung tâm đường Trần Quang Khải (lấn biển)...

CÔNG TÁC ĐÀO TẠO - ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ MỚI:

- Để nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh, trong nhiều năm qua, công ty đã tổ chức kiện toàn và xây dựng được bộ máy quản lý có trình độ, năng động trong sản xuất, kinh doanh.

- Công ty luôn chú trọng đầu tư đổi mới thiết bị công nghệ, kỹ thuật, từ khảo sát hiện trường đến thiết kế trong nhà xưởng đều được thực hiện trên máy. Áp dụng công nghệ mới bằng các phần mềm chương trình thiết kế, kiến trúc, tính kết cấu, dự đoán, quản lý tài chính... trên mạng vi tính, tạo nên những sản phẩm có chất lượng cao. Trong đó, 100% công nhân lao động, họa viên, thiết kế viên, kỹ thuật viên được trang bị máy móc, thiết bị mới hiện đại phục vụ cho sản xuất và là đơn vị đầu tiên áp dụng hệ thống mạng phục vụ sản xuất của ĐBSCL.

- Hiện nay, công ty được đánh giá là đơn vị đi tiên phong về lĩnh vực đổi mới và ứng dụng công nghệ tiên tiến vào các công trình xây dựng trên nền đất yếu như: thay kè bê tông cốt thép bằng rọ đá gabion trong dự án lấn biển mở rộng khu đô thị mới thị xã Rạch Giá, tiết kiệm hàng chục tỉ đồng; gia cố nền móng công trình bằng cọc bê-tông ly tâm mỗi nơi khớp, đẩy nhanh được tiến độ thi công và giảm giá thành công trình xây dựng.

- Công ty luôn khuyến khích bằng tinh thần lẫn vật chất và tạo mọi điều kiện để cán bộ công nhân viên phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật áp dụng vào sản xuất mang lại hiệu quả thiết thực. Chỉ tính trong 7 năm qua, công ty đã có nhiều sáng kiến làm lợi cho các đơn vị hàng tỉ đồng như cải tiến dân khoan địa chất, cải tiến lập trình quản lý hành chính, quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh trên mạng, phần mềm quản lý dự toán. Đồng thời, công ty đã xây dựng được hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001-2000, chuẩn bị đủ các điều kiện để tham gia và hội nhập với khu vực và thế giới.

- Ngoài ra, Công ty luôn tích cực tham gia công tác xã hội, công tác từ thiện như ủng hộ Quỹ Vì người nghèo, Quỹ ủng hộ các Nạn nhân của chất độc màu da cam, Quỹ Khuyến học... mỗi năm công ty xây dựng nhiều nhà tình nghĩa, tình thương, nhận phụng dưỡng bà mẹ Việt Nam anh hùng suốt đời, ủng hộ đồng bào thiên tai, hoả hoạn... trị giá hàng trăm triệu đồng.

PHẦN THƯỞNG:

Từ những thành quả đạt được, liên tục từ năm 1998 đến nay, công ty đã nhận được nhiều bằng khen từ Thủ tướng Chính phủ, Bộ Xây dựng, UBND tỉnh Kiên Giang; Có Thi đua của Chính phủ (vào năm 1999 và 2003), huân chương Lao động hạng Ba và hạng Nhì vào các năm 1988 và 2002. Ngoài ra, công ty còn được phong Thương mại Công nghiệp Việt Nam tặng danh hiệu đơn vị làm ăn có hiệu quả. Đặc biệt năm 2005, công ty được Nhà nước phong tặng danh hiệu cao quý: "Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới".





CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG KIÊN GIANG

Được thành lập năm 1992 từ việc sáp nhập 3 đơn vị nhỏ của tỉnh với một trụ sở làm việc ban đầu chỉ có 118m² (thuê lại của Công ty Kinh doanh Nhà tỉnh Kiên Giang) vừa làm văn phòng vừa làm nơi sản xuất kinh doanh và số vốn ban đầu là 118 triệu đồng, song Công ty Tư vấn Xây dựng Kiên Giang đã đi lên và đạt được những thành quả đáng kể.

CHỦ ĐẠO: TỰ TƯ VẤN XÂY DỰNG KIÊN GIANG
THUYẾT KẾ & THỰC HIỆN: CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG KIÊN GIANG
CHỦ ĐÓNG THIẾT KẾ: KTS LÊ QUỐC ANH



ĐỊA CHỈ: 34 TRẦN PHÚ, TX. RẠCH GIÁ, KIÊN GIANG. ĐIỆN THOẠI: 0777 360 439

Công ty có nhiệm vụ: Thực hiện công tác khảo sát thiết kế dân dụng, giao thông, thủy lợi với quy mô vừa và nhỏ. Hoạt động trong cơ chế thị trường, Ban giám đốc đã năng động sáng tạo vận dụng các nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước vào thực tế của đơn vị, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm. Công ty đã xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh và thực hiện tốt những mục tiêu ngắn hạn cũng như dài hạn, tạo được uy tín với khách hàng.

Kết quả sản xuất, kinh doanh: Là một đơn vị tư vấn xây dựng có uy tín với những thiết bị tiên tiến hiện đại nhất trong tỉnh và khu vực ĐBSCL, Công ty đã không ngừng mở rộng quy mô và ngành nghề đa chức năng, hoạt động sản xuất kinh doanh không những trong tỉnh, khu vực ĐBSCL mà còn mở rộng ra cả nước. Doanh thu tăng bình quân 17%/năm, trong giai đoạn từ 2001-2004, có năm tăng tới 30%. Riêng doanh thu năm 2004 tăng tới 50 lần so với năm 1993; nộp ngân sách tăng từ 300 triệu đồng (năm 1993) lên 5 tỉ đồng (năm 2004); lợi nhuận tăng bình quân 16%/năm, thu nhập của người lao động tăng hơn 10 lần và giá trị hợp đồng ký kết được gần 100 tỉ đồng/năm. Dự kiến năm 2005, công ty sẽ nâng lợi nhuận đạt từ 10 - 12 tỉ đồng, nộp ngân sách từ 15 - 20 tỉ đồng (tăng 3-4 lần so với năm 2004).



CỤM CẢNG HÀNG KHÔNG MIỀN BẮC NORTHERN AIRPORTS AUTHORITY

Điện thoại: 04 8 865 047 * Fax: 04 8 865 540

HỆ THỐNG CÁC CẢNG HÀNG KHÔNG TRỰC THUỘC

- ☛ CẢNG HÀNG KHÔNG QUỐC TẾ NỘI BÀI
- ☛ CẢNG HÀNG KHÔNG CÁT BI - HẢI PHÒNG
- ☛ CẢNG HÀNG KHÔNG ĐIỆN BIÊN - TỈNH ĐIỆN BIÊN
- ☛ CẢNG HÀNG KHÔNG NÀ SÀM - TỈNH SƠN LA
- ☛ CẢNG HÀNG KHÔNG VINH - NGHỆ AN

CỤM CẢNG HÀNG KHÔNG MIỀN BẮC

vững bước trên con đường phát triển và hội nhập



Sôi chiều ăn nếm



GA HÀNG KHÔNG
QUỐC TẾ NỘI BÀI

Nhà ga T1

Đại học Thái Nguyên được thành lập ngày 4/4/1994 theo Nghị định số 31/CP của Chính phủ. Đại học Thái Nguyên là đại học khu vực đa cấp, đa ngành, đa lĩnh vực. Hiện nay Đại học Thái Nguyên là một trong 14 trường đại học trọng điểm của cả nước, có 6 trường thành viên: trường đại học Sư phạm, trường đại học Kỹ thuật Công nghiệp, trường đại học Y khoa, trường đại học Nông lâm, trường đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh, trường cao đẳng Kinh tế Kỹ thuật; có 2 khoa trực thuộc: Khoa Công nghệ thông tin, Khoa Khoa học tự nhiên và Trung tâm Giáo dục quốc phòng Thái Nguyên, ngoài ra Đại học Thái Nguyên còn có 7 trung tâm nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ.



PGS.TS LÊ CAO THĂNG
Bí thư Đảng ủy, Giám đốc Đại học Thái Nguyên



Cán bộ và sinh viên Đại học Thái Nguyên tham gia hội diễn nghệ thuật quần chúng.

CHỨC NĂNG - NHIỆM VỤ

- Đào tạo cán bộ khoa học công nghệ với các trình độ tiến sỹ, thạc sỹ, đại học và các cấp bậc thấp hơn.

- Nghiên cứu khoa học và công nghệ để vừa phục vụ công tác đào tạo vừa triển khai ứng dụng các kết quả nghiên cứu, góp phần phát triển kinh tế xã hội, nâng cao đời sống nhân dân khu vực miền núi phía Bắc.

- Hiện nay đại học Thái Nguyên có đội ngũ hơn 2000 cán bộ viên chức, trong đó có hơn 100 tiến sỹ, gần 50 giáo sư, phó giáo sư, hơn 700 thạc sỹ và hàng trăm cán bộ đang theo học cao học và nghiên cứu sinh ở trong và ngoài nước; quy mô đào tạo hiện nay hơn 50.000 sinh viên. Đảng bộ Đại học Thái Nguyên có 9 đảng bộ cơ sở với hơn 2100 đảng viên (có hơn 900 học viên và sinh viên)

- Cùng với công cuộc công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước, Đại học Thái Nguyên phấn đấu trở thành một trung tâm đào tạo và nghiên cứu khoa học chất lượng cao ở khu vực miền núi phía Bắc, nhằm đào tạo đội ngũ trí thức miền núi và dân tộc, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.



Đại học **THÁI NGUYÊN**

Địa chỉ: Phường Tân Thịnh- Thành phố Thái Nguyên
Điện thoại: 0280.852 650- 0280.85 1691- Fax: 0280.852 665





Quality Technology Network Corp.

Văn phòng chính: 270/72 Lý Thường Kiệt, P. 14, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

Phone: HCMC: (84-8) 866 5955 Fax: (84-8) 866 5956

Website: <http://www.qtnet.com.vn>

Email: qtnetcorp@qtnet.com.vn

CTHQQT - Kiểm TSB: TRẦN NGỌC ĐỨC

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MẠNG QT NET CORP.
(CÔNG TY CỔ PHẦN CNM)



HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHÍNH:

- Nhà cung cấp dịch vụ truy cập Internet công cộng (ISP) & Nhà cung cấp dịch vụ ứng dụng Internet trong viễn thông (OSP);
- Phát triển phần mềm ứng dụng cho di động thế hệ 3G;
- Phát triển phần mềm ứng dụng cho SIM card, cá thể hoá và cung cấp thẻ SIM cho các nhà khai thác viễn thông di động.
- Cung cấp thiết bị đào tạo nghề cho các ngành điện, điện tử, tin học, viễn thông, cơ khí, tự động hoá, quá trình sản xuất, y sinh học.
- Thiết kế, sản xuất, lắp đặt bảng hiển thị điện tử bằng đèn LED sử dụng cho sân vận động, các điểm thi đấu thể thao, bảng thông tin nơi công cộng, quảng cáo.
- Là tổ chức đứng tên thành lập Trường Đại học Dân lập Công nghệ - Thông tin Gia Định (2005) đặt tại Củ Chi.



HV
9
H68B

Tạp chí Công sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM



UNIV. OF MICH.

JAN 5 6

CURRENT SERIALS

23

12-2005

HUYỆN PHÙ MỸ

Phù Mỹ là một huyện duyên hải miền Trung, là một trong hai huyện đồng bằng rộng lớn nằm giữa tỉnh Bình Định, chiếm 9,5% diện tích lãnh thổ toàn tỉnh, với dân số hơn 190.000 người.

Huyện chủ trương chuyển dịch mùa vụ, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, phát huy mọi tiềm năng, lợi thế có sẵn về đất đai, mặt nước, lao động... của địa phương để xây dựng và phát triển. Kinh tế nông nghiệp đã bắt đầu đi vào sản xuất hàng hóa.

Huyện ủy Phù Mỹ đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, vận động, kêu gọi các địa phương, cơ quan, đơn vị, kể cả các đơn vị của tỉnh và Trung ương đóng trên địa bàn, với nhiệm vụ, quyền hạn và chức năng của mình, giúp đỡ, tạo mọi điều kiện thuận lợi giải quyết nhiều lao động ở nông thôn có việc làm ổn định... Huyện tập trung chỉ đạo quy hoạch các cụm công nghiệp - tiểu, thủ công nghiệp, các làng nghề ở những vùng lợi thế gắn với thực hiện chính sách ưu tiên thu hút đầu tư của các thành phần kinh tế có vốn, kỹ thuật, kể cả trong và ngoài huyện, ngoài tỉnh, đảm bảo phát huy tiềm năng thế mạnh, sử dụng nguồn nhiên liệu tại chỗ và thu hút nguồn lao động, chủ yếu là lực lượng trẻ ở địa phương. Do đó nền kinh tế của huyện tăng trưởng và phát triển, giá trị sản xuất tăng bình quân hàng năm 9,4%, giá trị bình quân đầu người từ 3,345 triệu đồng năm 2000 lên 7,418 triệu đồng năm 2005.



Tháng 12 năm 2004, lễ động thổ chính thức khởi công xây dựng nhà máy may Phù Mỹ được tổ chức, mục tiêu đem lại 1.000 lao động nông thôn có việc làm ổn định. Ngày 10/5/2005, Nhà máy may Phù Mỹ chính thức đi vào hoạt động. Nhà máy May Phù Mỹ là một công trình của ý Đảng, lòng dân; công trình có ý nghĩa đưa công nghiệp về nông thôn trong tiến trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa ở Phù Mỹ. Chủ yếu sản xuất thử nghiệm, với hai mặt hàng bộ đồ thể thao và áo Jacket. Sản phẩm làm ra được kiểm tra, đánh giá chất lượng đáp ứng yêu cầu xuất khẩu, lượng công nhân lao động tại nhà máy ổn định và năng suất tăng nên sản phẩm và doanh số của nhà máy hàng tháng cũng tăng dần. Từ doanh thu 100 triệu đồng trong tháng 5, sang tháng 6 đạt được 350 triệu đồng, tháng 7 là 450 triệu đồng, đến tháng 8 doanh thu đạt 680 triệu đồng...

Để phát huy năng lực và nâng cao trình độ tay nghề, vừa đảm bảo sản xuất kịp hàng theo hợp đồng, vừa tăng mức thu nhập cho công nhân, hiện nay, Nhà máy May Phù Mỹ đã tiến hành khoán sản phẩm đến người lao động.



THÁNG 2 KỶ

RA NGÀY 1 VÀ 16

SỐ 746

23

12-2005

● BỘ BIÊN TẬP :

52 Nguyễn Chí Thanh, Hà Nội
Điện thoại : (04) 7 753 605
Fax : (04) 7 753 633
Email: bbtccs@hn.vnn.vn

● Cơ quan thường trú tại miền Trung :

26 Trần Phú,
Thành phố Đà Nẵng
Điện thoại : (080) 51301
Fax : (080) 51303

● Cơ quan thường trú tại miền Nam :

19 Phạm Ngọc Thạch,
Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại : (08) 8 274 638
Fax : (08) 8 231 664

● Tạp chí Cộng sản điện tử :

<http://www.tapchicongsan.org.vn>

● Tổng Biên tập :

LÊ HỮU NGHĨA



Bìa 1: Một làng ở miền biển của huyện
Quỳnh Lưu (Nghệ An)

Ảnh: Tư liệu

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

MỤC LỤC

TIẾN TỚI ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ X CỦA ĐẢNG

NGUYỄN VĂN CHI - Công tác kiểm tra của Đảng qua 20 năm đổi mới	3
ĐÀO ĐÌNH BÌNH - Thời kỳ mới đòi hỏi ngành giao thông - vận tải phát triển nhanh hơn, bền vững hơn	9

NGHIÊN CỨU, HỌC TẬP VÀ LÀM THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

TRẦN NGUYỄN TUYÊN - Hồ Chí Minh vận dụng và phát triển quan điểm chủ nghĩa Mác - Lê-nin về phong cách làm việc của người lãnh đạo	13
ĐOÀN THẾ HANH - Thấu triệt nguyên tắc "Nói đi đôi với làm, phải nêu gương đạo đức" của Hồ Chí Minh	17

HỘI THẢO KHOA HỌC - THỰC TIỄN

" <i>Thương mại Việt Nam 20 năm đổi mới</i> "	22
LÊ HỮU NGHĨA - Báo cáo đề dẫn	
*** Tổng thuật Hội thảo	26

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

NGUYỄN DUY QUÝ - Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn	32
NGUYỄN TÚC - Tiếp tục đổi mới phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	37
PHẠM MINH HẠC và NHÓM TÁC GIẢ - Chỉ số phát triển con người Việt Nam giai đoạn 2001 - 2005, những lát cắt, những góc nhìn	42
LÊ XUÂN ĐÌNH - Chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí là một nhiệm vụ của đấu tranh tư tưởng hiện nay	46

THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM

TRẦN ĐÌNH ĐÀN - Đẩy mạnh công cuộc đổi mới, đưa Hà Tĩnh sớm trở thành tỉnh có công nghiệp, dịch vụ phát triển	50
TÙ THANH - Vĩnh Phúc phát triển kinh tế - xã hội từ khâu đột phá	54
TRẦN ĐÌNH THANH - Công ty Điện lực 3 góp phần phát triển kinh tế - xã hội ở khu vực miền Trung - Tây Nguyên	58

THƯ GỬI BỘ BIÊN TẬP

VŨ OANH - Đằng sau những tấm gương thi đua	63
--	----

THẾ GIỚI: VẤN ĐỀ - SỰ KIỆN

NGUYỄN KHẮC SỬ - Việt Nam - Cu-ba: quan hệ truyền thống, mẫu mực, thủy chung	65
VŨ CÔNG GIAO - Chủ quyền và nhân quyền	69

СОДЕРЖАНИЕ

• НГУЕН ВАН ТЫИ: Инспекционная работа Партии за 20 лет обновления. • ДАО ДИНЬ БИНЬ: Новый период требует от отрасли транспорта и коммуникации наиболее бурного и устойчивого развития. • ЧАН НГУЕН ТУЕН: Хо Ши Минь применял и развивал марксистско-ленинскую концепцию о стиле работы руководителей. • ЛЕ ХЫУ НГИА: Вводный доклад к Научному семинару: «Вьетнамская торговля за 20 лет обновления». • НГУЕН ЗУЙ КУИ: Вьетнамское правовое социалистическое государство – некоторые теоретические и практические проблемы. • НГУЕН ТУК: Дальнейшее обновление методов работы Фронта Отечества Вьетнама. • ФАМ МИНЬ ХАК И ГРУППА АВТОРОВ НАУЧНОЙ ТЕМЫ «КХ-05-05»: Коэффициент развития человека во Вьетнаме в период 2001-2005 гг.: срез, точки зрения. • ЛЕ СУАН ДИНЬ: Борьба с бюрократизмом, коррупцией, расточительством – одна из задач идеологической борьбы на данном этапе. • ЧАН ДИНЬ ДАН: Ускорение курса обновления в целях быстрого превращения провинции Хатинь в развитую провинцию в областях промышленности и общественного обслуживания. • ЧИНЬ ДИНЬ ЗУНГ: Социально-экономическое развитие провинции Виньфук на основе прорывных звеньев. • НГУЕН КХАК ШЫ: Вьетнам – Куба: традиционные, примерные, верные отношения. • ВУ КОНГ ЖАО: Суверенитет и права человека.

CONTENTS

• NGUYỄN VĂN CHÍ: The Party inspection work following 20 renovation years. • ĐÀO ĐÌNH BÌNH: The new period requires more rapid and sustainable development of the transport branch. • TRẦN NGUYỄN TUYẾN: Hồ Chí Minh's application and promotion of Marxist-Leninist viewpoints on the leader's working manner. • LÊ HỮU NGHĨA: Introduction Report to the Scientific seminar "Vietnam's trade, 20 years of renovation". • NGUYỄN DUY QUÝ: The law-governed socialist state of Vietnam: some theoretical and practical problems. • NGUYỄN TÚC: Continuing to renovate activity methods of the Vietnamese Fatherland Front. • PHẠM MINH HẠC AND AUTHOR GROUP OF TOPIC KX-05-05: Human development index of the Vietnamese in the 2001-2005 period - fragments and perspectives. • LÊ XUÂN ĐÌNH: Struggling against bureaucracy, corruption and squandering is a task of the present-day ideological struggle. • TRẦN ĐÌNH ĐÀN: Accelerating the renovation matter, turning Hà Tĩnh province into a province with developed industry and services. • TRINH ĐÌNH DŨNG: Vinh Phúc province developing economy and society, starting from the break-through chain. • NGUYỄN KHẮC SỬ: Việt Nam – Cu Ba: traditional, exemplary and constant relations. • VŨ CÔNG GIAO: Sovereign and human rights.

SOMMAIRE

• NGUYỄN VĂN CHÍ : Le travail de contrôle du Parti après 20 années de renouveau. • ĐÀO ĐÌNH BÌNH : La nouvelle étape exige un développement plus rapide et plus durable du Transport et de la Communication. • TRẦN NGUYỄN TUYẾN: L'application et le développement par Hồ Chí Minh du point de vue marxiste concernant le style de travail des dirigeants. • LÊ HỮU NGHĨA : Rapport d'introduction du colloque : « Le commerce du Vietnam : 20 années de renouveau ». • NGUYỄN DUY QUÝ : L'État de droit du Vietnam socialiste – quelques questions théoriques et pratiques. • NGUYỄN TÚC : Continuer le renouveau du mode de fonctionnement du Front de la Patrie du Vietnam. • PHẠM MINH HẠC ET LE GROUPE DE RECHERCHE KX-05-05 : L'indice du développement humain au Vietnam, période 2001-2005 : coupes et angles de vue. • LÊ XUÂN ĐÌNH : La lutte contre le bureaucratisme, la corruption et le gaspillage – une des tâches de la lutte idéologique actuelle. • TRẦN ĐÌNH ĐÀN : Accélérer l'œuvre de renouveau pour faire du Hà Tĩnh une province dotée d'une industrie et de services développés. • TRINH ĐÌNH DŨNG : La province de Vinh Phúc : développement socio-économique à partir d'une brèche : investissements étrangers. • NGUYỄN KHẮC SỬ : Vietnam-Cuba : relations traditionnelles exemplaires et fidèles. • VŨ CÔNG GIAO : Souveraineté et droits de l'homme.

SUMARIO

• NGUYỄN VĂN CHÍ: El trabajo de control del Partido a través de 20 años de renovación. • ĐÀO ĐÌNH BÌNH: El nuevo período exige un desarrollo más rápido y más estable de la rama de comunicación y transporte. • TRẦN NGUYỄN TUYẾN : La aplicación y el desarrollo de los puntos de vista del Marxismo-Leninismo sobre el estilo de trabajo del dirigente ejercidos por Hồ Chí Minh. • LÊ HỮU NGHĨA: El Informe de introducción del seminario científico "20 años de renovación del comercio vietnamita". • NGUYỄN DUY QUÝ: El Estado con legislación socialista de Vietnam – algunas cuestiones de teoría y práctica. • NGUYỄN TÚC: Continuar renovando el método de actividades del Frente de la Patria de Vietnam. • PHẠM MINH HẠC Y EL GRUPO DE AUTORES DEL TEMA KX-05-05: El índice de Desarrollo Humano de Vietnam del período de 2001-2005 - las secciones y los ángulos de conocimiento. • LÊ XUÂN ĐÌNH: El combate contra el burocratismo, la corrupción y el despilfarro constituye una tarea de la actual lucha ideológica. • TRẦN ĐÌNH ĐÀN: Impulsar la renovación para convertir Hà Tĩnh tempranamente en una provincia desarrollada en industria y servicios. • TRINH ĐÌNH DŨNG: El desarrollo socio-económico de la provincia de Vinh Phúc partido de los eslabones de vanguardia. • NGUYỄN KHẮC SỬ: Vietnam-Cuba: la relación tradicional, ejemplar y fidel. • VŨ CÔNG GIAO: La soberanía y el derecho humano.

目 录

• 阮文之：历经 20 年革新党的检查工作 • 陶亭平：新时期要求交通—运输行业更加迅速发展、稳固 • 陈阮宜：胡志明把马—列主义观点运用、发展到有关领导干部的工作作风方面 • 黎友义：《〈越南商贸 20 年革新〉》科学研讨会提要报告 • 阮维贵：越南社会主义法制国家—一些理论和实践问题 • 阮肃：继续革新越南祖国战线活动方式 • 范明鹤及 KX-05-05 字号项目研究组：2001 年—2005 年阶段越南人发展指数切片、角度的观察 • 黎春亭：反贪污、腐败、浪费乃目前思想斗争的一项任务 • 陈亭檀：大力推动革新工作，把河静省尽早成为工业、服务业发展的省份 • 郑亭勇：永富省从突破口发展经济—社会 • 阮克使：越南—古巴：传统、典范、始终如一的关系 • 武公交：主权及人权。



CÔNG TÁC KIỂM TRA CỦA ĐẢNG QUA 20 NĂM ĐỔI MỚI

NGUYỄN VĂN CHI *

SAU gần 20 năm đổi mới, với sự nỗ lực phấn đấu của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, công cuộc đổi mới ở nước ta đã đạt được thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, làm thay đổi diện mạo và nâng cao vị thế của đất nước, cải thiện đáng kể đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Những kết quả đó gắn liền với sự lãnh đạo của Đảng và kết quả xây dựng, chỉnh đốn Đảng, trong đó có công tác kiểm tra của Đảng.

Từ nhiệm kỳ Đại hội VI đến Đại hội IX, công tác kiểm tra và thi hành kỷ luật được bổ sung, sửa đổi trong Điều lệ Đảng về nhiệm vụ, thẩm quyền của Ủy ban Kiểm tra các cấp; quy định cụ thể nhiệm vụ của cấp ủy, tổ chức đảng đối với công tác kiểm tra, nhằm đáp ứng yêu cầu của sự phát triển công tác xây dựng Đảng, thúc đẩy thực hiện nhiệm vụ chính trị trong từng giai đoạn của công cuộc đổi mới. Công tác kiểm tra và thi hành kỷ luật trong Đảng trong gần 20 năm qua đã có những đổi mới quan trọng cả về nhận thức và hoạt động thực tiễn, từ đó rút ra những bài học kinh nghiệm tốt, tiếp tục hoạch định rõ phương hướng, mục tiêu, giải pháp tăng cường công tác kiểm tra và thi hành kỷ luật của Đảng trong tình hình mới.

Nhận thức về trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy các cấp đối với công tác kiểm tra và nhận thức của cán bộ, đảng viên về vai trò, vị trí của công tác kiểm tra và thi hành kỷ luật trong Đảng đã có những chuyển biến tích cực.

Từ trước Đại hội VIII của Đảng, công tác kiểm tra của cấp ủy, của tổ chức đảng chưa trở thành chế độ; Điều lệ Đảng giao cho Ủy ban Kiểm tra các cấp có nhiệm vụ kiểm tra *chấp hành* đối với đảng viên và tổ chức đảng cấp dưới; chỉ khi nào có vấn đề phức tạp, nổi cộm, cấp ủy mới tổ chức kiểm tra. Các ban của cấp ủy các cấp hầu như không tiến hành công tác kiểm tra.

Từ Đại hội VIII đến nay, để khắc phục những bất cập trên, Điều 30, Điều lệ Đảng quy định cụ thể nhiệm vụ của cấp ủy, của tổ chức đảng đối với công tác kiểm tra:

"1 – Kiểm tra là một trong những chức năng lãnh đạo của Đảng. Tổ chức đảng phải tiến hành công tác kiểm tra. Tổ chức đảng và đảng viên phải chịu sự kiểm tra của Đảng

* Bí thư Trung ương Đảng, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương

2 – Các cấp ủy lãnh đạo công tác kiểm tra và tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra các tổ chức đảng và đảng viên chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị của Đảng".

Nhiều cấp ủy, tổ chức đảng đã xây dựng phương hướng, nhiệm vụ và lãnh đạo, chỉ đạo công tác kiểm tra của cấp ủy; cấp ủy định kỳ nghe Ủy ban Kiểm tra, tổ chức đảng báo cáo và chỉ đạo công tác kiểm tra. Cấp ủy các cấp, trước hết là các cấp ủy trực thuộc Trung ương ban hành một số nghị quyết, chỉ thị, quy định về công tác kiểm tra và kỷ luật phù hợp với địa phương, đơn vị mình, như: quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra cùng cấp; quy chế phối hợp thực hiện công tác kiểm tra; quy định tự phê bình và phê bình; quy định xử lý đảng viên vi phạm trong một số lĩnh vực và nghị quyết, chỉ thị chuyên đề về công tác kiểm tra.

Cấp ủy và tổ chức đảng các cấp đã tiến hành hàng trăm ngàn cuộc kiểm tra. Riêng Bộ Chính trị, Ban Bí thư khóa VIII và IX đã tiến hành và chỉ đạo các cấp ủy tiến hành 8 cuộc kiểm tra, có tác dụng tạo chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và thực hiện công tác kiểm tra trong toàn Đảng. Nhiều cấp ủy, tổ chức đảng ra nghị quyết về công tác kiểm tra, chỉ đạo thực hiện và tổng kết việc thực hiện nghị quyết. Chú trọng tiến hành nhiều cuộc kiểm tra theo chuyên đề, hoặc toàn diện ở các lĩnh vực, tạo sự chuyển biến trong đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí; đã giải quyết được những vấn đề tồn đọng, nổi cộm ở cơ sở, thu hồi vật chất bị tham ô, chiếm dụng và xử lý vi phạm.

Bộ Chính trị, Ban Bí thư và cấp ủy các cấp đã luôn phát huy vai trò của các cơ quan tham mưu, nhất là Ủy ban Kiểm tra trong việc giúp cấp ủy thực hiện công tác kiểm tra.

Ủy ban Kiểm tra các cấp luôn chủ động, tích cực thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, nhằm góp phần thực hiện nhiệm vụ chính trị và công tác xây dựng Đảng trong từng giai đoạn của thời kỳ đổi mới.

Trong gần 20 năm qua, phạm vi, nội dung kiểm tra tổ chức đảng và đảng viên được bổ sung, sửa đổi, theo đó Ủy ban Kiểm tra các cấp xác định đây là một trong những nhiệm vụ trọng tâm và tập trung thực hiện có kết quả.

Trong giai đoạn 1986 - 1996 (nhiệm kỳ VI và VII), Ủy ban Kiểm tra các cấp tập trung thực hiện *nhiệm vụ kiểm tra đảng viên chấp hành Điều lệ Đảng*, bao gồm cả hai mặt "xây và chống" đối với 81 nghìn tổ chức đảng và hơn 4 triệu lượt đảng viên. Ở những nơi làm tốt, công tác kiểm tra thực sự góp phần phát huy dân chủ, tăng cường quản lý, giáo dục, rèn luyện, nâng cao ý thức tổ chức, kỷ luật cho cán bộ, đảng viên. Tuy nhiên, nhiều nơi có khuynh hướng kiểm tra tràn lan, nội dung giản đơn, không tập trung vào những nơi đang có vấn đề nổi cộm, né tránh những vấn đề phức tạp. Kiểm tra tuy nhiều, nhưng số đảng viên được phát hiện có vi phạm phải xử lý kỷ luật so với số được kiểm tra rất thấp, từ 4% - 5% so với số được kiểm tra, do đó hạn chế đáng kể chất lượng, hiệu quả kiểm tra.

Để khắc phục những thiếu sót trên, giai đoạn 1996 - 2005, theo quy định của Điều lệ Đảng khóa VIII và IX, Ủy ban Kiểm tra các cấp đã xác định *kiểm tra đảng viên và tổ chức đảng cấp dưới khi có dấu hiệu vi phạm* là nhiệm vụ trọng tâm. Hơn 263 nghìn đảng viên, cấp ủy viên các cấp, gần 36 nghìn tổ chức đảng được kiểm tra và kết luận có 48,96% số đảng viên và 39,16% tổ chức đảng có vi phạm. Hầu hết Ủy ban Kiểm tra các cấp đã thực hiện nhiệm vụ kiểm tra khi

có dấu hiệu vi phạm với tinh thần chủ động, kiên quyết, thể hiện bản lĩnh, tính chiến đấu cao. Do đó, các cuộc kiểm tra đều kết luận được khuyết điểm, vi phạm; tỷ lệ có vi phạm được phát hiện nhiều hơn so với kiểm tra *chấp hành* của các nhiệm kỳ trước. Thực tế cho thấy, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm là cách phòng ngừa tốt nhất trong giai đoạn hiện nay. Kết quả kiểm tra có tác dụng giữ nghiêm kỷ cương, kỷ luật của Đảng, góp phần quan trọng vào công tác xây dựng Đảng, làm trong sạch và nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên.

Từ đầu nhiệm kỳ khóa VI đến tháng 6-2005, Ủy ban Kiểm tra các cấp đã nhận 168 nghìn trường hợp tố cáo đảng viên, đã giải quyết được 81%; nhận hơn 2 nghìn đơn, thư tố cáo tổ chức đảng các cấp, đã giải quyết được 91%. Từ nhiệm kỳ Đại hội VIII và Đại hội IX, nội dung tố cáo đảng viên nổi lên là cố ý làm trái nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chính sách, pháp luật Nhà nước; thiếu trách nhiệm trong thực hiện chức trách nhiệm vụ, buông lỏng lãnh đạo, để địa phương, đơn vị xảy ra tiêu cực, tham nhũng và các vi phạm về phẩm chất đạo đức, lối sống. Qua giải quyết tố cáo đảng viên cho thấy, tố đúng và đúng một phần, trong gần bốn nhiệm kỳ Đại hội, là trên 70%. So với hai nhiệm kỳ VI và VII, thì nhiệm kỳ VIII và IX, số tổ chức đảng bị tố cáo tăng nhiều, gấp gần 6 lần, tập trung nhiều nhất là ở cấp huyện, quận, thị xã và cấp cơ sở. Từ Đại hội IX, Trung ương quy định không giải quyết thư tố cáo giấu tên, mạo tên, nhằm đề cao tính tự phê bình và phê bình trong Đảng; khắc phục tình trạng lợi dụng tố cáo giấu tên, mạo tên để vu cáo hoặc phục vụ ý đồ cá nhân, phe cánh, bè phái, gây tình hình phức tạp trong nội bộ. Nhìn chung số lượng đơn thư tố cáo giảm dần, nhưng tố cáo

có nội dung vi phạm nghiêm trọng và đối tượng bị tố cáo là cán bộ chủ chốt đều tăng qua các nhiệm kỳ Đại hội. Tính chất tố cáo ngày một gay gắt, một số nơi đã hình thành tổ chức, huy động nhiều người kéo đến các cơ quan của Đảng, Nhà nước ở các cấp để tố cáo, phản ánh và yêu cầu giải quyết.

Song song với thực hiện các nhiệm vụ trên, Ủy ban Kiểm tra các cấp đã tiến hành kiểm tra tài chính của cấp ủy cấp dưới và của cơ quan tài chính cấp ủy cùng cấp. Kết quả kiểm tra ở các địa phương, đơn vị cho thấy nổi lên vấn đề sử dụng trái quy định ngân sách đảng, có nơi lập quỹ trái phép, sử dụng chứng từ khống hoặc chỉ không có chứng từ phải xuất toán hàng tỉ đồng. Qua kiểm tra, đã giúp các cấp ủy, tổ chức đảng quản lý, sử dụng ngân sách đảng, đảng phí đúng chế độ quy định; đề xuất, kiến nghị để bổ sung, sửa đổi để đưa công tác tài chính đảng đi vào nền nếp.

Cấp ủy, Ủy ban Kiểm tra các cấp đã kịp thời xem xét, kết luận, xử lý kỷ luật đảng viên và tổ chức đảng ngày càng bảo đảm phương hướng, phương châm, nguyên tắc, thủ tục và công khai, dân chủ hơn sau mỗi kỳ Đại hội Đảng.

Trong 4 nhiệm kỳ qua, cấp ủy và Ủy ban Kiểm tra các cấp đã thi hành kỷ luật trên 422 nghìn đảng viên, trong đó đã khai trừ ra khỏi đảng hơn 78 nghìn đảng viên. Ngoài ra, còn đưa ra khỏi Đảng bằng các hình thức khác hơn 215 nghìn trường hợp. Đảng viên đã bị xử lý bằng pháp luật gần 8 nghìn trường hợp. Có hơn 2 nghìn tổ chức đảng vi phạm phải thi hành kỷ luật.

Những vi phạm của đảng viên nổi lên là: vi phạm nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; thiếu trách nhiệm; vi phạm phẩm chất đạo đức, lối sống; tham nhũng; mất đoàn kết nội bộ.

Những vi phạm của tổ chức đảng nổi lên là: vi phạm nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ; mất đoàn kết nội bộ.

Số lượng đảng viên vi phạm bị xử lý giảm nhanh qua các nhiệm kỳ, nhưng số cấp ủy viên các cấp và cán bộ do cấp ủy quản lý, kể cả cán bộ trung, cao cấp bị xử lý chiếm tỷ lệ ngày càng cao hơn. Riêng Ủy ban Kiểm tra Trung ương đã xử lý và giúp Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư xử lý trên 400 trường hợp. Nội dung vi phạm bị xử lý ngày một phức tạp và nghiêm trọng hơn.

Cùng với việc thi hành kỷ luật, cấp ủy, Ủy ban Kiểm tra các cấp đã nhận hơn 22 nghìn lượt đơn thư khiếu nại kỷ luật đảng. Qua giải quyết, đã thay đổi và xóa bỏ hình thức kỷ luật 19,49%.

Nguyên nhân chủ yếu của những kết quả trên là do: Có sự lãnh đạo, chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, cấp ủy các cấp đối với hoạt động công tác kiểm tra của Đảng và của Ủy ban Kiểm tra các cấp. Các quy định của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước ngày càng được xây dựng đồng bộ, hoàn thiện, làm chuẩn mực cho việc xem xét, kết luận khi kiểm tra. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và phạm vi kiểm tra của cấp ủy, tổ chức đảng được sửa đổi, bổ sung tương đối phù hợp. Tổ chức bộ máy Ủy ban Kiểm tra các cấp ngày càng được củng cố và tăng cường; trình độ, phẩm chất và năng lực của đội ngũ cán bộ kiểm tra từng bước được nâng lên. Nhận thức của cán bộ, đảng viên đối với công tác kiểm tra và thi hành kỷ luật của Đảng đã có chuyển biến tích cực; có thái độ cộng tác tốt khi được kiểm tra, chủ động khắc phục những thiếu sót, khuyết điểm hoặc vi phạm sau kiểm tra.

Tuy nhiên, công tác kiểm tra và việc thi hành kỷ luật trong Đảng còn có những hạn chế sau:

Không ít cấp ủy, tổ chức đảng ở các cấp vẫn còn nhận thức chưa đầy đủ và chưa có quyết tâm chính trị cao trong chỉ đạo và thực hiện nhiệm vụ kiểm tra; chưa tiến hành kiểm tra hoặc tuy kiểm tra nhưng chưa tập trung vào trọng tâm, trọng điểm; chưa gắn vai trò lãnh đạo với trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ kiểm tra của mình, vẫn còn "phó thác" công tác kiểm tra cho Ủy ban Kiểm tra. Các ban của cấp ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn các cấp hầu hết chưa đích thân tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra. Việc tham mưu, giúp cấp ủy của Ủy ban Kiểm tra các cấp nhìn chung vẫn chưa đáp ứng yêu cầu lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy; chưa chủ động đề xuất những vấn đề cơ bản, cấp bách, nổi cộm để cấp ủy các cấp tập trung chỉ đạo, giải quyết.

Một số cấp ủy, tổ chức đảng và đảng viên nhận thức chưa đầy đủ về kỷ luật đảng; tình trạng thiếu tính chiến đấu, hữu khuynh, né tránh, bao che, giấu giếm vi phạm, vì sợ ảnh hưởng đến thành tích của đơn vị, sợ mất cán bộ đang tồn tại khá phổ biến. Một số trường hợp bị tố cáo thiếu tự giác tự phê bình, thiếu thành khẩn, còn tìm cách đối phó, phản ứng. Một số đối tượng được kiểm tra còn mặc cảm, định kiến, thiếu cộng tác, còn phản ứng khi được kiểm tra. Một bộ phận cán bộ kiểm tra và Ủy ban Kiểm tra còn nể nang, né tránh kiểm tra người đứng đầu, cán bộ chủ chốt, cấp ủy viên cùng cấp khi có dấu hiệu vi phạm. Do vậy, việc phát hiện, xem xét, xử lý kỷ luật chưa tương xứng với thực tế vi phạm. Nhiều vụ việc vi phạm nghiêm trọng xảy ra từ 5 - 10 năm trước được phát hiện chậm, xem xét, xử lý muộn, nên tính giáo dục, phòng ngừa không cao. Một số trường hợp xử lý không công bằng giữa đảng viên

có chức vụ, quyền hạn và các đảng viên khác, hoặc xử lý không đúng mức độ vi phạm; chưa khắc phục được tình trạng "nhẹ trên, nặng dưới" trong thi hành kỷ luật. Việc thi hành kỷ luật chưa thống nhất ở các đơn vị, địa phương; cùng một nội dung vi phạm với tính chất, mức độ, tác hại như nhau, nhưng áp dụng hình thức kỷ luật khác nhau, tạo sự không công bằng, bình đẳng trong thi hành kỷ luật Đảng.

Một số ít tổ chức đảng, đảng viên thiếu cộng tác với tổ chức đảng có thẩm quyền giải quyết khiếu nại. Có biểu hiện bảo thủ, định kiến với người khiếu nại kỷ luật, làm cho người khiếu nại chưa đồng tình và tái khiếu.

Công tác kiểm tra tài chính chưa đi sâu vào các lĩnh vực nhạy cảm, dễ vi phạm, tiêu cực, tham nhũng, thất thoát như quản lý và sử dụng ngân sách, sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp làm kinh tế đảng.

Một số Ủy ban Kiểm tra thực hiện chưa toàn diện, có hiệu quả các nhiệm vụ do Điều lệ Đảng quy định; thực hiện nhiệm vụ trọng tâm đạt kết quả chưa cao, có nơi chưa thực hiện nhiệm vụ kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm. Nhìn chung, công tác kiểm tra chưa phát hiện và kiểm tra được các vụ vi phạm nghiêm trọng trong Đảng.

Nguyên nhân chủ yếu của những hạn chế trên là do: Một số cấp ủy nhận thức chưa đầy đủ, thậm chí còn coi nhẹ, buông lỏng sự lãnh đạo, chỉ đạo đối với công tác kiểm tra. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy Ủy ban Kiểm tra và đội ngũ cán bộ kiểm tra các cấp tuy đã được đổi mới, củng cố và tăng cường qua các nhiệm kỳ Đại hội, nhưng nhìn chung chưa triệt để, toàn diện, chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ chính trị và công tác xây dựng Đảng. Tính tự giác, tự phê bình và phê bình,

sức chiến đấu trong Đảng ngày càng giảm sút nghiêm trọng. Việc phối hợp giữa Ủy ban Kiểm tra cấp trên với cấp dưới và các ngành có liên quan trong công tác kiểm tra chưa trở thành chế độ, nền nếp.

Từ những kết quả cũng như hạn chế sau gần 20 năm đổi mới công tác kiểm tra của Đảng, có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm sau:

Một là, không ngừng chủ động nâng cao hơn nữa nhận thức, trách nhiệm cho cấp ủy, tổ chức đảng, Ủy ban Kiểm tra các cấp và cán bộ, đảng viên về vị trí, vai trò, ý nghĩa, tác dụng của công tác kiểm tra và kỷ luật của Đảng.

Hai là, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng về công tác kiểm tra của Đảng trong điều kiện thực hiện nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, thực hiện sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Ba là, công tác kiểm tra phải xuất phát và phục vụ thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị và công tác xây dựng Đảng.

Bốn là, Ủy ban Kiểm tra các cấp phải chủ động, năng động, sáng tạo, nâng cao ý thức, trách nhiệm và bản lĩnh trong thực hiện công tác kiểm tra và việc thi hành kỷ luật trong Đảng. Tăng cường sự phối hợp với các ngành có liên quan để thực hiện tốt nhiệm vụ kiểm tra. Thường xuyên cải tiến, đổi mới phương pháp, quy trình công tác kiểm tra phù hợp với tình hình thực tế.

Năm là, kiện toàn tổ chức bộ máy và cán bộ của Ủy ban Kiểm tra các cấp bảo đảm ngang tầm, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị và công tác xây dựng Đảng trong giai đoạn cách mạng mới là vấn đề có tính chất quyết định.

Sáu là, nêu cao vai trò, trách nhiệm của nhân dân và của các tổ chức chính trị - xã hội trong công tác giám sát, kiểm tra và việc thi hành kỷ luật trong Đảng.

*

* *

Trong giai đoạn mới của cách mạng, đất nước ta đứng trước thời cơ lớn, nhưng phải đối mặt với những thách thức gay gắt. Do đó, công tác xây dựng Đảng càng nổi rõ là nhiệm vụ then chốt, có ý nghĩa sống còn, bảo đảm sự phát triển của đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Trên cơ sở phương hướng đổi mới và chỉnh đốn Đảng trong giai đoạn cách mạng mới, phương hướng, mục tiêu và những giải pháp tăng cường công tác kiểm tra và việc thi hành kỷ luật của Đảng trong giai đoạn cách mạng mới cần tập trung vào một số nội dung chủ yếu sau đây:

Trong thời gian tới, công tác kiểm tra, phải góp phần giữ vững nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng, giữ nghiêm kỷ luật và sự thống nhất trong Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng; giáo dục, rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, và năng lực đội ngũ cán bộ, đảng viên; kiên quyết đấu tranh mạnh mẽ ngăn chặn, đẩy lùi tệ quan liêu, sách nhiễu dân, thoái hóa, biến chất, tham nhũng. Hoàn thiện cơ chế và quy chế bảo đảm quyền kiểm tra, giám sát của đảng viên, cấp ủy, tổ chức đảng và sự tham gia của nhân dân, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân vào công tác kiểm tra, giám sát. Kết hợp giám sát trong Đảng với giám sát và thanh tra của Nhà nước thông qua pháp luật và giám sát của nhân dân thông qua quy chế dân chủ; phát huy vai trò giám sát của dư luận xã hội thông qua các phương tiện thông tin đại chúng.

Công tác kiểm tra phải đạt được yêu cầu: *là một chức năng lãnh đạo của Đảng; một bộ phận quan trọng trong toàn bộ công tác xây dựng Đảng; là nhiệm vụ trực tiếp, thường xuyên của tổ chức đảng các cấp.* Tạo sự chuyển biến về nhận thức đối với công tác kiểm tra trong toàn Đảng.

Phải nâng cao nhận thức cho toàn Đảng về vị trí, vai trò, mục đích, ý nghĩa, tác dụng của công tác kiểm tra, kỷ luật đảng. Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục trong Đảng để nâng cao nhận thức và thực hiện ngày càng tốt nhiệm vụ kiểm tra.

Tiếp tục phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, nội dung, đối tượng, phạm vi kiểm tra, giám sát của các cấp ủy, tổ chức đảng và Ủy ban Kiểm tra các cấp bằng những quy chế, quy định cụ thể của mỗi cấp để thực hiện đúng.

Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra của cấp ủy các cấp, nhằm tạo bước chuyển biến mạnh mẽ trong công tác kiểm tra, kỷ luật đảng. Các cấp ủy, tổ chức đảng phải trực tiếp và thường xuyên tiến hành công tác kiểm tra.

Công tác kiểm tra của Ủy ban Kiểm tra các cấp phải đi vào trọng tâm, trọng điểm. Đầu tư và đẩy mạnh công tác nghiên cứu, vận dụng có hiệu quả các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn xảy ra vi phạm của tổ chức đảng và đảng viên trong điều kiện có sự tác động bởi mặt trái của cơ chế thị trường.

Kiện toàn tổ chức bộ máy Ủy ban Kiểm tra các cấp phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và thẩm quyền theo quy định của Điều lệ Đảng, bảo đảm thực hiện có chất lượng và hiệu quả nhiệm vụ được giao. Tăng cường đội ngũ cán bộ kiểm tra ở các cấp bảo đảm số lượng và chất lượng. Có chính sách, chế độ hợp lý đối với cán bộ làm công tác kiểm tra, nhất là cán bộ kiểm tra cơ sở. □

THỜI KỲ MỚI ĐÒI HỎI NGÀNH GIAO THÔNG - VẬN TẢI PHÁT TRIỂN NHANH HƠN, BỀN VỮNG HƠN

ĐÀO ĐÌNH BÌNH *

Hệ thống giao thông - vận tải nước ta đã cơ bản hình thành mạng lưới kết cấu hạ tầng giao thông khá đồng bộ, phân bố hợp lý; các lĩnh vực vận tải phát triển toàn diện với nhiều phương thức vận chuyển phong phú. Trong thời gian tới, giao thông vận tải nước ta sẽ chuyển sang một giai đoạn phát triển mới, hướng tới mục tiêu phát triển nhanh hơn, bền vững hơn.

Phát triển bền vững là mục tiêu mà tất cả các quốc gia đang theo đuổi. Phát triển bền vững đòi hỏi quá trình phát triển đáp ứng một cách công bằng nhu cầu của thế hệ hiện tại và không gây trở ngại tới cuộc sống của các thế hệ tương lai. Nói một cách cụ thể, tăng trưởng kinh tế phải gắn với bảo vệ môi trường sinh thái, phát triển văn hóa, phát triển con người, thực hiện dân chủ, tiến bộ, công bằng xã hội, tạo việc làm, cải thiện đời sống cho người dân. Ở nước ta, Đảng và Chính phủ từ lâu đã chủ trương đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng để sớm đưa đất nước ra khỏi tình trạng kém phát triển. Tuy nhiên, Đảng ta cũng chỉ rõ: phát triển nhanh phải đi liền với phát triển bền vững; tăng trưởng về số lượng phải đi liền với chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế.

Từ Đại hội lần thứ VI (1986) Đảng ta đã xác định, ngành giao thông - vận tải là một trong những ngành kinh tế, kỹ thuật quan trọng. "Giao thông - vận tải là khâu quan trọng nhất của kết cấu hạ tầng" và "Giao thông - vận tải phải đi trước một bước để đáp ứng yêu cầu phát triển của nền kinh tế".

Thực hiện nhiệm vụ này, trong những năm qua, đặc biệt là 10 năm trở lại đây, Nhà nước đã dành nhiều ưu tiên đầu tư cho phát triển kết cấu hạ tầng giao thông. Cùng với nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước, các nguồn viện trợ, tín dụng quốc tế như vốn ODA, vốn vay ưu đãi từ Ngân hàng thế giới (WB), Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB)... đã được sử dụng nhiều. Nhờ các nguồn vốn này, hệ thống kết cấu giao thông vận tải đã có những chuyển biến nhanh chóng và mạnh mẽ. Hầu hết các tuyến quốc lộ, các cảng biển, sân bay trên toàn quốc đã lần lượt được nâng cấp, cải tạo, làm tăng đáng kể năng lực vận tải và đáp ứng tốt hơn nhu cầu đi lại của xã hội. Kết cấu hạ tầng giao thông vận tải được cải thiện cũng góp phần nâng cao tốc độ chạy xe trên

* Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Giao thông - Vận tải

các tuyến đường bộ, rút ngắn thời gian chạy tàu trên các tuyến đường sắt, đường sông, nâng lượng hàng hóa thông qua các cảng biển, lượng hành khách và hàng hóa thông qua các cảng hàng không. Giao thông đô thị có nhiều tiến bộ trong việc tăng cường các phương tiện vận tải công cộng và hạn chế ùn tắc. Giao thông địa phương, nhất là giao thông nông thôn phát triển nhanh góp phần quan trọng trong quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế và xóa đói giảm nghèo ở vùng nông thôn rộng lớn. Trong 3 năm trở lại đây, tỷ lệ tai nạn giao thông tính trên 10.000 phương tiện đã có chiều hướng giảm cả về số vụ tai nạn, số người chết và số người bị thương.

Mặc dù đạt được những kết quả đáng mừng trên nhiều mặt, song thẳng thắn nhìn nhận thì giao thông vận tải vẫn còn một số hạn chế. Chẳng hạn như hệ thống kết cấu hạ tầng đã được nâng cấp một bước cơ bản nhưng cũng chỉ mới tập trung cho những công trình quan trọng, cấp bách. Chúng ta vẫn thiếu nguồn lực để hoàn chỉnh hệ thống giao thông qua các thành phố, thị xã, các vùng kinh tế trọng điểm, do vậy vẫn còn tình trạng ùn tắc giao thông cục bộ. Giao thông ở các vùng sâu, vùng xa, miền núi, biên giới cũng còn thiếu và chưa bảo đảm thông suốt trong mùa mưa bão, ngập lụt... Hệ thống cảng biển, mạng lưới đường sắt, hạ tầng hàng không nhìn chung chưa đáp ứng kịp thời nhu cầu vận chuyển, giá thành vận tải còn cao so với khu vực. Điều này làm cho chất lượng và khả năng cạnh tranh của dịch vụ vận tải nước ta thấp. Tình hình tai nạn giao thông vẫn diễn biến phức tạp, việc kiểm chế và giảm thiểu tai nạn giao thông chưa có sự chắc chắn, bền vững.

Những thành tựu và tồn tại nói trên cho thấy, giao thông vận tải nước ta đã cơ bản hình thành và thoát ra khỏi tình trạng kém

phát triển. Trong thời gian tới, giao thông - vận tải nước ta cần khẩn trương chuyển hướng mạnh mẽ sang một giai đoạn mới: đó là giai đoạn phát triển nhằm mục tiêu nhanh hơn, bền vững hơn. Với mục tiêu này, bên cạnh yêu cầu về lượng (số lượng, quy mô, tốc độ tăng trưởng...), các công trình giao thông và hoạt động vận tải cần tăng cường phát triển về chất, phát triển có chiều sâu, phát triển nhanh đi liền với phát triển bền vững. Điều này có nghĩa là sự phát triển của kết cấu hạ tầng giao thông và tất cả các loại hình vận tải đường bộ, đường sắt, đường sông, hàng hải và hàng không cần chú trọng hơn đến việc giảm thiểu các tác động tiêu cực đến môi trường sinh thái, đồng thời nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân. Ngành giao thông - vận tải không chỉ tạo ra các công trình, dịch vụ, sản phẩm mà còn phải bảo đảm cho các công trình, dịch vụ, sản phẩm đó hiện đại hơn, văn minh hơn, giúp người dân đi lại an toàn, thuận tiện, đồng thời tạo điều kiện để người dân cải thiện cuộc sống, xóa đói giảm nghèo...

Phát triển bền vững trong giao thông - vận tải cũng đòi hỏi phải nâng cao tính hiệu quả và sức cạnh tranh của giao thông vận tải nước ta. Điều này đồng nghĩa với việc cần huy động và sử dụng hiệu quả hơn các nguồn lực; thúc đẩy sự phát triển của các thành phần kinh tế trong lĩnh vực giao thông - vận tải. Các doanh nghiệp giao thông - vận tải nước ta hoạt động trong tất cả các lĩnh vực như xây dựng, vận tải, công nghiệp hay tư vấn... cần đứng vững và cạnh tranh thành công trong bối cảnh nền kinh tế đất nước ngày càng hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế khu vực và thế giới.

Làm gì để có thể đạt được những mục tiêu chủ yếu cho sự phát triển nhanh hơn, bền vững hơn? Đó là câu hỏi day dứt trong mỗi chúng ta. Theo một số nhà phân tích, trong khoảng 10 - 15 năm tới, số người sử dụng xe

hời ở nước ta sẽ tăng lên, các khu công nghiệp cũng mọc lên nhanh chóng. Mặt khác, một số nhà đầu tư nước ngoài cho rằng, kết cấu đường bộ và cảng biển của nước ta vẫn còn thiếu và chi phí vận tải cao. Điều này rõ ràng tạo ra áp lực rất lớn đối với sự phát triển của kết cấu hạ tầng giao thông. Tuy nhiên, chúng ta không nên và cũng không thể đầu tư xây dựng "ào ạt" cầu, đường, cảng biển, sân bay... Trái lại, cần có sự chú trọng, ưu tiên các kết cấu hạ tầng giao thông quan trọng, thiết yếu, phát huy nhanh tác dụng, trong đó có các tuyến giao thông kết nối các vùng kinh tế trọng điểm để phục vụ yêu cầu tăng trưởng của nền kinh tế đất nước. Bên cạnh đó, cần quan tâm đặc biệt đến phát triển giao thông nông thôn. Ngành giao thông - vận tải phấn đấu để tất cả các xã trong cả nước đều có đường ô tô tới trung tâm xã, từng bước phát triển đường ô tô tới thôn, bản, đồng thời bảo đảm các tuyến đường này có thể đi lại quanh năm. Phát triển giao thông nông thôn không chỉ giúp cuộc sống của người dân nông thôn, miền núi, hải đảo bớt khó khăn hơn, mà còn tạo điều kiện thuận lợi cho công cuộc xóa đói giảm nghèo, góp phần bảo đảm công bằng xã hội. Một số chuyên gia nước ngoài cho rằng thời gian qua, Việt Nam đã có sự đầu tư khá đồng đều cho hệ thống giao thông các vùng miền, nhờ đó góp phần hạn chế sự chênh lệch, giảm bớt hố sâu ngăn cách giàu - nghèo trong xã hội.

Trong phát triển kết cấu hạ tầng giao thông, các yếu tố về môi trường, an toàn cũng cần đặc biệt chú trọng trong thời gian tới. Hệ thống tiêu chuẩn về môi trường và an toàn trong tất cả các dự án đầu tư và phải qua thẩm định của cơ quan có thẩm quyền. Một công trình giao thông sẽ là vô nghĩa nếu cùng với việc hoàn thành công trình là tình hình tai nạn giao thông gia tăng và môi trường sinh thái bị

phá hủy. Mặt khác, sự thuận tiện và nâng cao đời sống cho người dân cũng là một yêu cầu quan trọng đối với việc hình thành các công trình giao thông. Các tuyến đường, cây cầu, sân bay, bến cảng phải làm cho cuộc sống người dân dễ chịu hơn thay vì việc mang lại sự bất tiện, ngập lụt, sụt trượt hay ô nhiễm về nguồn nước, tiếng ồn v.v...

Yếu tố "vì con người" cần nhấn mạnh cả trong sự phát triển của các loại hình, phương thức vận tải. Hiện nay, ngành giao thông - vận tải đã cơ bản đáp ứng được nhu cầu đến mọi nơi của nhân dân. Tuy nhiên, trong thời gian tới, các dịch vụ vận chuyển cần văn minh, hiện đại và thuận tiện hơn. Những hiện tượng như "xe dù", "bến cóc" hay ép buộc hành khách... cần dứt khoát loại trừ. Bên cạnh đó, thúc đẩy các phương thức vận tải tiên tiến như vận tải đa phương thức, vận tải công cộng, giao thông tiếp cận cho người tàn tật v.v... Các dịch vụ hỗ trợ vận tải như kho bãi, thông tin, quản lý, sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện... cũng được tăng cường nhằm mục tiêu giảm thiểu các chi phí vận tải, nâng cao sức cạnh tranh của các doanh nghiệp vận chuyển nói riêng và sức cạnh tranh của toàn bộ nền kinh tế nói chung. Giá thành vận tải hạ cũng là một trong những yếu tố quan trọng tạo ra sự hấp dẫn của môi trường đầu tư tại Việt Nam.

Điều quan trọng là phát huy các nguồn lực để phát triển nhanh hơn, bền vững hơn. Phát triển bền vững không phải là mục tiêu dễ dàng đạt được. Nó đòi hỏi việc huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, đặc biệt là nội lực. Trong nội lực, nguồn nhân lực là yếu tố quan trọng nhất. Con người đóng vai trò trung tâm trong quá trình phát triển bền vững. Đối với ngành giao thông - vận tải, điều này có nghĩa là các chính sách phát triển trong thời gian tới cần nhấn mạnh đến việc phát huy

nguồn lực con người, đẩy mạnh đầu tư cho giáo dục, đào tạo, chuyển giao công nghệ, tiếp thu các kỹ năng quản lý tiên tiến. Ngành giao thông vận tải cần xây dựng một đội ngũ cán bộ tinh thông về nghiệp vụ và vững về phẩm chất chính trị. Các trung tâm đào tạo, viện nghiên cứu khoa học cần được đầu tư, các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp cần tăng cường đào tạo, chuyển giao công nghệ, kỹ năng quản lý... để hình thành và củng cố đội ngũ chuyên gia đầu ngành, kỹ sư có kinh nghiệm, thợ lành nghề...

Bên cạnh nguồn nhân lực, ngành giao thông - vận tải cần sử dụng tốt nhất các nguồn lực nhà nước. Trong giai đoạn tới, ngân sách nhà nước còn nhiều khó khăn, tuy nhiên Đảng và Chính phủ vẫn xác định sẽ ưu tiên vốn nhà nước cho xây dựng kết cấu hạ tầng. Nhiệm vụ đặt ra đối với ngành giao thông vận tải là phải sử dụng có hiệu quả nguồn vốn này. Đây là nhiệm vụ khó khăn vì ngành giao thông - vận tải phải đồng thời làm nhiều việc như: quản lý chặt chẽ các danh mục đầu tư công trình giao thông, chống dàn trải; phòng ngừa và xử lý nghiêm hiện tượng thất thoát, lãng phí trong đầu tư, xây dựng công trình giao thông; khắc phục sự mất cân đối giữa chi thường xuyên phục vụ công tác bảo trì với chi đầu tư nâng cấp, cải tạo, làm mới các công trình⁽¹⁾, đẩy nhanh tiến độ các công trình sử dụng vốn ngân sách, bảo đảm giải ngân nhanh và sớm đưa vào khai thác. Bên cạnh đó, với tư cách đại diện phần vốn nhà nước tại các doanh nghiệp nhà nước thực hiện cổ phần hóa, Bộ Giao thông - Vận tải cần quản lý chặt chẽ phần vốn góp của Nhà nước, giám sát chặt chẽ quá trình cổ phần hóa cũng như hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp sau cổ phần hóa nhằm bảo đảm phần vốn này được sử dụng hiệu quả, đem lại lợi nhuận cao cho Nhà nước.

Song song với nguồn lực nhà nước, trong điều kiện ngân sách còn khó khăn thì việc xã hội hóa các nguồn vốn đầu tư cho giao thông - vận tải cũng là nhiệm vụ cấp bách. Trong thời gian qua, một số công trình giao thông đã bước đầu áp dụng hình thức đầu tư: xây dựng - khai thác - chuyển giao (B.O.T) và đã mang lại những kết quả kinh doanh rất khích lệ như công trình hầm đường bộ Đèo Ngang, quốc lộ 1 đoạn An Suông - An Lạc. Đây là tín hiệu đầu tiên và đáng mừng trong những nỗ lực tìm kiếm và huy động những nguồn vốn ngoài xã hội nhằm phát huy mạnh mẽ sức dân và doanh nghiệp cho sự nghiệp phát triển giao thông vận tải. Ngoài hình thức B.O.T, trong thời gian tới, ngành giao thông - vận tải sẽ tiếp tục áp dụng các phương thức khác như phát hành trái phiếu công trình, đấu thầu chuyển giao quyền thu phí đường bộ, xã hội hóa đầu tư các trạm đăng kiểm phương tiện... nhằm đa dạng hóa các nhà cung cấp dịch vụ, từng bước đưa khu vực kinh tế tư nhân tham gia vào hoạt động đầu tư trong lĩnh vực giao thông - vận tải.

Về các yếu tố ngoại lực, những năm vừa qua nguồn vốn viện trợ phát triển chính thức (ODA) đóng vai trò rất quan trọng trong công cuộc phát triển kết cấu hạ tầng giao thông của Việt Nam. Tuy nhiên, trong thời gian tới, cùng với việc hệ thống giao thông - vận tải Việt Nam cơ bản ra khỏi tình trạng kém phát triển, nguồn vốn ODA này có xu hướng sẽ chuyển dần sang những lĩnh vực kém phát triển hoặc sang các quốc gia kém phát triển hơn Việt Nam. Điều này có nghĩa là ngành giao thông - vận tải Việt Nam ngay từ bây giờ phải tích cực tìm kiếm những nguồn vốn thay thế cho vốn ODA, ví dụ vốn đầu tư trực tiếp

(Xem tiếp trang 16)

(1) Nhiều chuyên gia kinh tế cho rằng: một đồng vốn bỏ ra cho bảo trì có thể tiết kiệm được 4 đồng vốn cho đầu tư

HỒ CHÍ MINH VẬN DỤNG VÀ PHÁT TRIỂN QUAN ĐIỂM CHỦ NGHĨA MÁC - LÊ-NIN VỀ PHONG CÁCH LÀM VIỆC CỦA NGƯỜI LÃNH ĐẠO

TRẦN NGUYỄN TUYẾN *

TRONG di sản tư tưởng Hồ Chí Minh, những luận điểm của Người về Đảng Cộng sản, về xây dựng Đảng trong điều kiện Đảng lãnh đạo chính quyền có một vị trí quan trọng. Đặc biệt Chủ tịch Hồ Chí Minh đã vận dụng và phát triển sáng tạo quan điểm chủ nghĩa Mác - Lê-nin trong việc xây dựng đội ngũ cán bộ cách mạng, hình thành phong cách làm việc mới của người lãnh đạo.

Theo C.Mác, mặt xã hội là bản chất con người và là mặt sinh học ở con người được xã hội hóa. C.Mác đã khẳng định trong Luận cương về Phoi-ơ-bắc: "Trong tính hiện thực của nó, bản chất con người là tổng hòa những quan hệ xã hội". Quá trình hình thành và phát triển của xã hội loài người cho thấy tính cách con người chịu sự tác động của các quan hệ xã hội với các hình thức biểu hiện như: quan hệ sản xuất, quan hệ chính trị, quan hệ cộng đồng, quan hệ nhóm... Mặt khác, con người cũng tác động trở lại thế giới tự nhiên và xã hội loài người, thông qua đó tính cách, phong cách của con người từng bước hình thành và được điều chỉnh cho phù hợp thông qua hoạt động thực tiễn.

Thực tế lịch sử cách mạng Việt Nam từ khi có Đảng đến nay cho thấy những thắng lợi của cách mạng đều bắt nguồn từ sự lãnh đạo của Đảng thông qua việc tập hợp, tổ chức và phát

huy sức mạnh của quần chúng, trong đó yếu tố quan trọng là đường lối và phong cách công tác, làm việc của các cán bộ lãnh đạo. Chủ tịch Hồ Chí Minh trong cuộc đời hoạt động của mình đã vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin trong việc xây dựng đội ngũ cán bộ, trong đó Người đặc biệt chú ý hình thành phong cách làm việc khoa học và hiệu quả của người lãnh đạo. Thông qua quan hệ với tập thể và xã hội sẽ cho thấy rõ tính cách của một người có tính tập thể hay tính cá nhân chủ nghĩa, thể hiện năng lực lãnh đạo trong các tình huống cụ thể của cách mạng. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định phẩm chất quan trọng hàng đầu của người lãnh đạo là: "Đối với tự mình phải cần, kiệm, liêm, chính. Đối với mình phải luôn luôn cầu tiến bộ, luôn tự phê bình, sửa chữa khuyết điểm của mình, đồng thời phải hoan nghênh người khác phê bình mình". Người nhấn mạnh "tự mình phải *chính* trước, mới giúp được người khác *chính*. Mình không *chính*, mà muốn người khác *chính* là vô lý"⁽¹⁾.

Theo Lê-nin trong mỗi con người đều có những mặt tích cực và hạn chế, người cán bộ

* PGS, TSKH, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

(1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, t 5, tr 644

lãnh đạo phải biết phát huy những mặt tích cực và hạn chế những mặt tiêu cực. Vận dụng quan điểm này trong việc xây dựng đội ngũ cán bộ ở nước ta, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định "đảng viên và cán bộ cũng là người. Ai cũng có tính tốt và tính xấu. Song đã là một người cách mạng thì phải cố gắng phát triển những tính tốt và sửa đổi những tính xấu. Vì tính xấu của một người chỉ có hại cho người đó; còn tính xấu của một đảng viên, một cán bộ sẽ có hại đến Đảng, có hại đến nhân dân". Tính cách của người lãnh đạo thể hiện trước hết ở thái độ của họ đối với xã hội và bản thân mình. Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, người lãnh đạo, người quản lý phải thường xuyên tu dưỡng rèn luyện mình để khuyết điểm ngày càng ít, tính tốt ngày càng nhiều thể hiện trên 5 nội dung là nhân, nghĩa, trí, dũng, liêm.

- *Nhân* là thật thà thương yêu, hết lòng giúp đỡ đồng bào, đồng chí, sẵn sàng chịu khổ trước mọi người, hưởng hạnh phúc, sung sướng sau thiên hạ; không ham giàu sang, chức quyền...

- *Nghĩa* là ngay thẳng, ngoài lợi ích của Đảng, của dân tộc không có lợi ích riêng phải lo toan. Được Đảng giao việc gì to nhỏ đều cố gắng hoàn thành với kết quả tốt. Người lãnh đạo thấy việc phải thì làm, thấy việc phải thì nói không sợ người ta phê bình, kiên quyết bảo vệ lẽ phải.

- *Trí* là không bị việc tư túi làm mù quáng, biết làm việc có lợi, tránh làm việc có hại cho Đảng, cho dân.

- *Dũng* là dũng cảm gan góc, gặp việc khó quyết tâm hoàn thành, thấy khuyết điểm có gan sửa chữa.

- *Liêm* là liêm chính, không tham địa vị, tiền tài, không háo danh.

Các phẩm chất trên là yêu cầu về đạo đức cách mạng của người lãnh đạo, quản lý. Tuy nhiên, trong điều kiện cách mạng xã hội chủ nghĩa được tiến hành đòi hỏi phải có hàng ngũ những người lãnh đạo có đủ những phẩm chất,

có năng lực đáp ứng yêu cầu đặt ra. Do vậy, nếu cán bộ lãnh đạo, quản lý chỉ có phẩm chất tốt về đạo đức cách mạng thì chưa đủ, theo Chủ tịch Hồ Chí Minh cần phải có năng lực quản lý, nắm bắt nhanh nhạy các vấn đề phát sinh, điều hành giải quyết tốt công việc. Hồ Chí Minh khẳng định: "Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội phải có người xã hội chủ nghĩa". Cán bộ cách mạng theo Người phải có đủ hai tiêu chuẩn "vừa hồng, vừa chuyên", thực chất đó là mối quan hệ giữa *đức* và *tài* trong nhân cách người cán bộ quản lý, trong đó *đức* là "gốc". Năng lực của cán bộ quản lý không phải tự có mà do quá trình công tác, rèn luyện, học tập của bản thân. Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh "Năng lực của người không phải hoàn toàn do tự nhiên mà có mà một phần lớn là do công tác, do tập luyện mà có"⁽²⁾.

Người khẳng định: "cũng như sông, thì có nguồn mới có nước, không có nguồn thì sông cạn. Cây phải có gốc, không có gốc thì cây héo. Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân". Cần phải biết sử dụng nhân tài, có khả năng lãnh đạo vì sự nghiệp cách mạng chung, "phải trọng nhân tài, trọng cán bộ, trọng mỗi một người có ích cho công việc chung của chúng ta"⁽³⁾. Để hình thành năng lực, phong cách làm việc của người lãnh đạo một điều quan trọng là phải thông qua hoạt động thực tiễn cách mạng mới hình thành nên phong cách lãnh đạo khoa học. Ph.Ăng-ghen đã chỉ rõ thực tiễn đặt ra nhu cầu cho con người nhiều hơn mười trường đại học. Vận dụng quan điểm này Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh: đạo đức cách mạng không phải trên trời sa xuống, nó do đấu tranh rèn luyện bền bỉ hằng ngày mà phát triển và củng cố. Cũng như ngọc càng mài càng sáng, vàng càng luyện càng trong. Cho nên, trong mọi hoạt động cách mạng, chúng ta đều phải học tập tự cải tạo. Thực tiễn cách mạng "đều là

(2), (3) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 5, tr 280, tr 273

những trường học rất tốt cho chúng ta rèn luyện đạo đức cách mạng"⁽⁴⁾.

Những quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về phong cách lãnh đạo của người cán bộ đã vận dụng và phát triển sáng tạo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lê-nin trong điều kiện cụ thể của cách mạng Việt Nam. Các quan điểm này đã được Đảng Cộng sản Việt Nam vận dụng trong việc xây dựng chính sách đào tạo và phát triển cán bộ quản lý, hình thành phong cách lãnh đạo mới phù hợp với yêu cầu cụ thể của từng thời kỳ...

Hội nghị lần thứ 3 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII đã khẳng định: "Trên cơ sở phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo, nâng cao dân trí để xây dựng đội ngũ cán bộ một cách cơ bản, chính quy, có hệ thống; đồng thời thông qua hoạt động thực tiễn và phong trào cách mạng của nhân dân để giáo dục, rèn luyện, đào tạo, đánh giá, sàng lọc, tuyển chọn cán bộ"⁽⁵⁾.

Phát triển quan điểm này, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng đã chỉ rõ mục tiêu của công tác cán bộ trong thời kỳ mới là "Xây dựng đội ngũ cán bộ, trước hết là cán bộ lãnh đạo và quản lý ở các cấp, vững vàng về chính trị, gương mẫu về đạo đức, trong sạch về lối sống, có trí tuệ, kiến thức và năng lực hoạt động thực tiễn, gắn bó với nhân dân"⁽⁶⁾. Để thực hiện được mục tiêu này Đại hội IX của Đảng đã xác định những chủ trương, biện pháp cơ bản như:

- Có cơ chế và chính sách phát hiện, tuyển chọn, đào tạo bồi dưỡng cán bộ, tận dụng những người có đức có tài. Thực hiện đúng đắn nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ, đi đôi với phát huy trách nhiệm của các tổ chức mà người đứng đầu các tổ chức trong hệ thống chính trị về công tác cán bộ. Làm tốt công tác quy hoạch và tạo nguồn cán bộ cho cả trước mắt và lâu dài.

- Việc đánh giá sử dụng đúng cán bộ cần phải sử dụng tổng hợp các yếu tố như: căn cứ

tiêu chuẩn cán bộ, lấy hiệu quả công tác thực tế và tín nhiệm của nhân dân là thước đo chủ yếu; có phương pháp khoa học, khách quan công tâm trong việc đánh giá cán bộ.

- Đổi mới đội ngũ cán bộ lãnh đạo quản lý trên cơ sở kết hợp các thế hệ độ tuổi bảo đảm tính liên tục kế thừa và phát triển.

- Thực hiện luân chuyển cán bộ lãnh đạo và quản lý theo quy hoạch ở các ngành và địa phương, khắc phục tư tưởng cục bộ, khép kín, cản trở việc luân chuyển cán bộ.

- Xây dựng, hoàn thiện hệ thống các học viện, nhà trường và trung tâm chính trị, bảo đảm nâng cao chất lượng và hiệu quả bồi dưỡng cán bộ, trước hết là cán bộ lãnh đạo quản lý các cấp. Phần đầu đến hết năm 2005 phần lớn cán bộ lãnh đạo chủ chốt từ cấp huyện trở lên học xong chương trình cao cấp về huấn luyện chính trị và có trình độ đại học về một chuyên ngành nhất định.

Cán bộ là nhân tố quyết định sự thành bại của cách mạng, gắn liền với vận mệnh của Đảng, của đất nước, của chế độ ta, là cái "gốc" của mọi công việc. Bác Hồ đã chỉ rõ: nước ta là nước dân chủ, địa vị cao nhất là dân, vì nhân dân là chủ trong bộ máy nhà nước, cán bộ, công chức là "công bộc" của dân, chịu sự giám sát của dân. Để làm được điều nêu trên, đòi hỏi đội ngũ cán bộ, công chức phải nâng cao phẩm chất đạo đức, trình độ năng lực, tinh thần tận tụy phục vụ nhân dân, trung thành với Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Muốn vậy cần chú trọng các giải pháp như:

- Hoàn thiện chế độ công vụ, quy chế cán bộ, công chức, coi trọng cả năng lực và lãnh đạo, bảo đảm tính nghiêm túc, trung thực trong thi tuyển tạo cơ hội cho những người có

(4) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 9, tr 284

(5) *Văn kiện Hội nghị lần thứ 3 Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1997, tr 77

(6) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr 141

đủ điều kiện được tuyển dụng làm cán bộ, công chức nhà nước.

- Coi trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, trước hết là cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý về đường lối, chính sách, về kiến thức và kỹ năng quản lý hành chính nhà nước, quản lý kinh tế - xã hội trong điều kiện cơ chế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế.

- Sắp xếp lại đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước theo đúng chức danh, tiêu chuẩn; thực hiện tinh giản biên chế.

- Định kỳ kiểm tra, đánh giá cán bộ, công chức, kịp thời thay thế những cán bộ, công chức yếu kém và thoái hóa.

- Tăng cường cán bộ cho cơ sở. Có chế độ chính sách đào tạo, bồi dưỡng, đãi ngộ đối với cán bộ xã, phường, thị trấn.

Dự thảo Báo cáo Chính trị trình Đại hội X của Đảng tiếp tục khẳng định tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về xây dựng phong cách lãnh đạo của đội ngũ cán bộ lãnh đạo "Xây dựng đội ngũ đảng viên thật sự tiên phong, gương mẫu; có phẩm chất, đạo đức cách mạng, có ý thức tổ chức kỷ luật và năng lực hoàn thành nhiệm vụ; kiên định lập trường giai cấp công nhân, phấn đấu cho mục tiêu lý tưởng của Đảng, vững vàng trước mọi khó khăn thử thách; năng động, sáng tạo, góp phần tích cực vào công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa"⁽⁷⁾.

Những quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về xây dựng đội ngũ cán bộ, hình thành phong cách làm việc của người lãnh đạo đã thể hiện sự vận dụng và phát triển sáng tạo học thuyết của chủ nghĩa Mác - Lênin trong điều kiện cụ thể của Việt Nam. Những quan điểm này luôn có giá trị đúng đắn trong điều kiện mới của cách mạng Việt Nam, khi nước ta đang thực hiện xây dựng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, thực hiện chủ động hội nhập kinh tế quốc tế. □

(7) Dự thảo các văn kiện trình Đại hội X của Đảng, tr 51

THỜI KỲ MỚI ...

(Tiếp theo trang 12)

nước ngoài (FDI). Theo một số chuyên gia thì đây là nguồn vốn chưa được thực hiện nhiều trong lĩnh vực giao thông - vận tải. Thời gian qua, mới chỉ có một số liên doanh trong lĩnh vực vận tải biển và giao nhận kho vận. Mới đây, dưới sự giám sát của Bộ Tài chính, tập đoàn tài chính hàng đầu của Xin-ga-po là Temasek đã đầu tư nguồn vốn trực tiếp vào Công ty cổ phần hàng không Pacific Airlines. Đây có thể coi là một bước tiến mới trong việc mở rộng cửa cho đầu tư nước ngoài trong các lĩnh vực giao thông - vận tải; tăng cường thu hút mạnh đầu tư, công nghệ nguồn của các công ty đa quốc gia, các tập đoàn kinh tế hàng đầu thế giới. Bên cạnh nguồn vốn, việc thu hút ngoại lực trong lĩnh vực giao thông - vận tải trong thời gian tới còn cần chú trọng đến việc chuyển giao công nghệ khoa học - kỹ thuật cũng như kỹ năng quản lý. Đây cũng là những yếu tố hết sức quan trọng cần tận dụng và phát huy trong lộ trình hội nhập quốc tế của giao thông - vận tải nước ta.

Trong thời kỳ phát triển mới, Đảng và Nhà nước ta xác định: *hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông là cơ sở hạ tầng quan trọng cần đầu tư để đi trước một bước đáp ứng yêu cầu của toàn bộ nền kinh tế. Vận tải là dịch vụ truyền thống cần được ưu tiên...* Đây là điều kiện rất thuận lợi nhằm thực hiện mục tiêu phát triển nhanh hơn, bền vững hơn đối với ngành giao thông - vận tải nước ta. Trong kế hoạch 5 năm tới (2006 - 2010) ngành giao thông - vận tải nước ta tăng cường phát triển về chất, phát triển nhanh đi liền với phát triển bền vững, tạo ra "bước chuyển" mới, quan trọng và ý nghĩa cho toàn ngành trong giai đoạn mới, góp phần tích cực hơn nữa vào công cuộc hội nhập và công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. □

THẤU TRIỆT NGUYÊN TẮC "NÓI ĐI ĐÔI VỚI LÀM, PHẢI NÊU GƯƠNG ĐẠO ĐỨC" CỦA HỒ CHÍ MINH

ĐOÀN THẾ HANH

NÓI đi đôi với làm, phải nêu gương về đạo đức" là một trong những nguyên tắc đạo đức cách mạng được Nguyễn Ái Quốc đề cập và kiến giải tại lớp đào tạo cán bộ đầu tiên cho cách mạng Việt Nam ở Quảng Châu - Trung Quốc, từ những năm 1926 - 1927. Trong suốt quá trình cách mạng, Hồ Chí Minh luôn yêu cầu cán bộ, đảng viên mà trước hết là bản thân mình phải tuân thủ nguyên tắc này. Nhờ vậy, phần đông các thế hệ cán bộ trở thành tấm gương cho cả dân tộc soi chung. Sức mạnh kỳ diệu của cách mạng được tạo bởi những hạt nhân đó.

Ngày nay, trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên bị chủ nghĩa cá nhân chi phối nên tha hóa, biến chất về đạo đức. Họ nói không đi đôi với làm, nói nhiều làm ít, nói mà không làm, thậm chí nói tốt làm xấu. Những hành vi đó vừa làm giảm uy tín của họ, vừa gây nên sự hoài nghi về vai trò lãnh đạo của Đảng.

Trên thế giới, có đảng cộng sản đã từng lãnh đạo đưa sự nghiệp cách mạng của đất nước họ đạt được những thành tựu vĩ đại; nhưng do phạm phải những sai lầm nghiêm trọng, trong đó có một bộ phận cán bộ, đảng viên nói không giống làm, không còn là tấm gương sáng nữa,

nên đã để mất chính quyền, Đảng rơi vào tan rã, đất nước lâm vào khủng hoảng.

Từ bài học thực tế đó, hơn lúc nào hết, chúng ta cần thấu triệt và thực hiện nguyên tắc "nói đi đôi với làm, phải nêu gương về đạo đức" của Hồ Chí Minh là rất cấp thiết.

1 – Trước hết, Đảng ta nói gì?

Thứ nhất: Về mục tiêu phấn đấu của Đảng.

Trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và thực tế Cách mạng Tháng Mười vĩ đại, Hồ Chí Minh đã nhận thức đúng, vận dụng sáng tạo và khẳng định đường lối cách mạng của Đảng ta: "*Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản*"⁽¹⁾, "chỉ có chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và giai cấp công nhân toàn thế giới"⁽²⁾. Về Đảng, Hồ Chí Minh khẳng định: Đảng ta không có lợi ích gì khác, ngoài lợi ích của giai cấp, của nhân dân, của dân tộc. "Mục đích của Đảng Lao động Việt Nam có thể gồm trong 8 chữ là: **ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN, PHỤNG SỰ TỔ QUỐC**"⁽³⁾

(1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t 9, tr 314

(2) Hồ Chí Minh: *Sổđ*, t 12, tr 474

(3) Hồ Chí Minh: *Sổđ*, t 6, tr 183

Mục đích cao cả của Đảng trước sau như một là: "Tất cả đường lối, phương châm, chính sách... đều *chỉ nhằm nâng cao đời sống của nhân dân*"⁽⁴⁾. Đặc biệt, mục đích đó được kết tinh trong chính cuộc đời Hồ Chí Minh - người sáng lập và rèn luyện Đảng ta: "Cả đời tôi chỉ có một mục đích, là phấn đấu cho quyền lợi Tổ quốc, và hạnh phúc của quốc dân"⁽⁵⁾; "hết lòng, hết sức phục vụ Tổ quốc, phục vụ cách mạng, phục vụ nhân dân". Trước lúc "đi xa", Bác "tiếc rằng không được phục vụ lâu hơn nữa, nhiều hơn nữa"⁽⁶⁾. Cuộc đời cách mạng Hồ Chí Minh đúng như Người nói: Tôi đã hiến dâng cả cuộc đời tôi cho dân tộc tôi.

Khi trở thành Đảng cầm quyền, lãnh đạo toàn dân tộc xây dựng chế độ xã hội mới, Hồ Chí Minh đã nêu rõ *nhiệm vụ trước mắt*: "Bây giờ, Đảng ta phải làm nhiều chuyện... Dân không đủ muối, Đảng phải lo. Dân không có gạo ăn đủ no, dân không có vải mặc đủ ấm, Đảng phải lo. Các cháu bé không có trường học, Đảng phải lo... Tất cả mọi việc, Đảng phải lo. Việc xây dựng chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản, đấu tranh giành thống nhất nước nhà, Đảng phải lo. Ngay đến cả tương, cà, mắm, muối của dân, Đảng đều phải lo"⁽⁷⁾. Để làm được việc đó, trước hết Đảng và dân phải xây dựng cho được *nhà nước mới* - nhà nước của dân, do dân, vì dân - để vận hành đất nước hướng đích dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Đây không chỉ là nhiệm vụ trước mắt mà là cả tiến trình cách mạng lâu dài. Hồ Chí Minh khẳng định: "Chế độ ta là chế độ dân chủ, tức là nhân dân là người chủ, mà Chính phủ là người đầy tớ trung thành của nhân dân. Chính phủ chỉ có một mục đích là: hết lòng phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân"⁽⁸⁾. Tính chất "đầy tớ nhân dân" được Hồ Chí Minh xác định chính là nhiệm vụ chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Người nói: "Chính sách của Đảng và Chính phủ là *phải hết sức chăm nom đến đời sống của nhân dân*. Nếu dân đói, Đảng và Chính phủ có lỗi; nếu dân rét là Đảng và Chính phủ có lỗi; nếu dân dốt là Đảng và Chính phủ có lỗi; nếu dân ốm là Đảng Chính phủ có lỗi.

Vì vậy, cán bộ đảng và chính quyền từ trên xuống dưới, đều *phải hết sức quan tâm đến đời sống của nhân dân*"⁽⁹⁾. Để làm được việc này, Hồ Chí Minh vừa căn dặn, vừa yêu cầu, vừa khẳng định cán bộ, đảng viên "... không phải làm quan cách mạng, ăn trên ngồi trốc. Cán bộ đảng cũng như cán bộ chính quyền, ngay cả Bác là cán bộ cao nhất đều là đầy tớ của nhân dân, phải hết lòng hết sức phục vụ nhân dân, phải cần, kiệm, liêm, chính"⁽¹⁰⁾.

Theo Hồ Chí Minh, Đảng, Nhà nước ta lấy mục tiêu độc lập dân tộc, hạnh phúc của nhân dân, phồn vinh của Tổ quốc làm hướng đích phấn đấu và lẽ sống của mình. Đó là sự tự nguyện nhân văn.

Thứ hai: Về mối quan hệ giữa Đảng và dân

Các bậc vĩ nhân, những người hiền tài xưa nay đều xem sức mạnh của dân là to lớn, quyết định lịch sử. "Chở" và "lật" thuyền đều là dân. Đúng trên lập trường mác-xít, xuất phát từ mục đích cao cả của cách mạng, Đảng ta và Hồ Chí Minh đánh giá cao và đúng đắn vai trò và vị trí quyết định của nhân dân.

Hồ Chí Minh xác định: Trong sự nghiệp cách mạng vĩ đại nhất của dân tộc, Đảng - dân là mối quan hệ tự thân, máu thịt, hữu cơ, thống nhất. Ở đó, dân là "gốc" của nước, là nguồn sức mạnh, là lực lượng to lớn của Đảng, của cách mạng. Đảng và trí tuệ của Đảng đều bắt nguồn và được nuôi dưỡng từ khát vọng và trí tuệ của dân.

Mối quan hệ đó được thể hiện trên mấy phương diện chính sau:

Một là, mọi hoạt động của Đảng phải lấy nhân dân làm đối tượng phục vụ, lấy cuộc sống ấm no, tự do hạnh phúc của dân làm niềm hạnh phúc của mình. Đảng phải thực sự tỏ rõ mình là

(4) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 10, tr 380

(5) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 4, tr 240

(6) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 12, tr 512

(7) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 10, tr 463 - 464

(8) (9) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 7, tr 499, 572

(10) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 8, tr 513

đại biểu trung thành cho lợi ích của giai cấp, của nhân dân lao động và của dân tộc.

Hai là, Đảng phải chủ động gần dân, tin dân, dựa vào dân, học hỏi dân. Đây là thái độ chân thành và một phương pháp đúng đắn, sinh động. Người dạy, "mỗi cán bộ chính quyền và đoàn thể cần phải:

- Luôn luôn gần gũi nhân dân.
- Ra sức nghe ngóng và hiểu biết nhân dân.
- Học hỏi nhân dân.

- Lãnh đạo nhân dân bằng cách tuyên truyền, giải thích, cổ động, giáo dục, tổ chức nhân dân, dựa vào nhân dân để thực hiện nguyện vọng chính đáng của nhân dân"⁽¹¹⁾. "Bốn điều ấy phải đi song song với nhau. Vì không gần gũi dân thì không hiểu biết dân. Không hiểu biết dân thì không học hỏi được những kinh nghiệm và sáng kiến của dân"⁽¹²⁾.

Hồ Chí Minh lưu ý cán bộ, đảng viên tuyệt đối không được lên mặt "quan cách mạng", "ra lệnh, ra oai", phải "khiêm tốn, không được kiêu ngạo", "phải thực sự tôn trọng quyền làm chủ của nhân dân", phải "tin tưởng lực lượng vĩ đại và đầu óc thông minh của quần chúng", phải lắng nghe, hoan nghênh và tiếp thu ý kiến đóng góp, phê bình của dân, chủ động sửa chữa những sai lầm khuyết điểm. Chỉ có như vậy mới đoàn kết, lãnh đạo được nhân dân; Đảng mới được dân tin, dân phục, dân yêu, mới xứng đáng và làm tròn nhiệm vụ của người lãnh đạo.

Ba là, về tư cách của Đảng và của nhân dân trong mối quan hệ này. Trong tác phẩm *Sửa đổi lối làm việc*, Hồ Chí Minh chỉ rõ "Tư cách của Đảng chân chính cách mạng" là lãnh đạo và đầy tớ, công bộc của dân qua 12 điều; và Người kết luận:

"Muốn cho Đảng được vững bền

Mười hai điều đó chớ quên điều nào".

Nhân dân trong mối quan hệ này, theo Hồ Chí Minh, là lực lượng làm nên cách mạng. Tất cả là do dân, "quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân". Quyền ở đây chính là sự quyết định lựa chọn con đường phát triển tương lai cho dân

tộc mình mà các đảng phái chính trị, trong đó có Đảng Cộng sản Việt Nam đưa ra. Dân là chủ thể sự nghiệp cách mạng của dân tộc. Đảng sinh ra trong lòng dân tộc; trong quá trình xây dựng và trưởng thành, Đảng luôn được dân chăm sóc, góp ý xây dựng, kiểm tra, đôn đốc. Ở đây, dân còn có tư cách đặc biệt là lực lượng vĩ đại để hiện thực hóa đường lối của Đảng vạch ra. Dân không làm thì đường lối của Đảng dù tốt đẹp đến đâu cũng chỉ dừng lại ở ý tưởng mà thôi.

Hơn 75 năm qua, kể từ ngày thành lập, nhờ có đường lối đúng của Đảng mà nhân dân Việt Nam đã tự nguyện theo Đảng, dưới sự lãnh đạo của Đảng và lấy đó là niềm vinh dự, hạnh phúc "không gì vinh bằng chiến đấu dưới cờ Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại" (Tố Hữu). Càng đi qua bao thác ghềnh, thách thức gay gắt, ác liệt, tiếng nói của Đảng, Bác Hồ càng được dân tin, dân theo. Vì vậy, cách mạng Việt Nam đã làm nên những điều kỳ vĩ nhất trong lịch sử hàng ngàn năm của dân tộc.

2 – Đảng làm gì hơn 75 năm qua?

Trước hết, phần đầu vì sự nghiệp giải phóng dân tộc. Vượt lên các xu hướng cứu nước khác, Đảng Cộng sản Việt Nam có đường lối cách mạng đúng, phương pháp cách mạng thích hợp nên cả dân tộc Việt Nam theo Đảng thực hiện thắng lợi cách mạng dân tộc, dân chủ, đất nước thống nhất, nhân dân trở thành chủ nhân chân chính của một nước Việt Nam mới mang vị thế mới và tầm vóc mới trên trường quốc tế.

Có thể nói, sự nghiệp giải phóng dân tộc Việt Nam ở thế kỷ XX là sự nghiệp vĩ đại bậc nhất trong lịch sử chống ngoại xâm hàng ngàn năm của dân tộc. Những chiến công đó gắn liền với tên tuổi của Đảng Cộng sản Việt Nam. Sở dĩ có được kết quả vĩ đại đó là do Đảng ta đã nói đúng là làm cách mạng giải phóng dân tộc, theo con đường cách mạng vô sản, độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Ở đó, Đảng Cộng sản Việt Nam giữ vai trò lãnh đạo trên nền tảng

(11), (12) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 6, tr 88

chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Lực lượng cách mạng là cả dân tộc Việt Nam, không phân biệt giai cấp, tôn giáo, dân tộc, trai gái, già trẻ... tức là tất cả những người Việt Nam yêu nước.

Thứ hai, Đảng tuyên truyền, tổ chức nhân dân xóa bỏ những quan hệ lạc hậu, bất bình đẳng, từng bước xây nên những quan hệ tốt đẹp, tiến bộ giữa con người với con người, con người với xã hội và con người với tự nhiên. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, đất nước, xã hội, con người Việt Nam đều đổi mới lớn lao theo hướng văn minh, hiện đại. Đó là những điều Đảng làm, dân làm, đúng như Đảng mong muốn, Đảng hoạch định.

3 – Những vấn đề cần làm

Vấn đề đặt ra là làm thế nào để cán bộ, đảng viên, cũng như Đảng ta nói đi đôi với làm. Nói đúng, nói đạo đức phải làm tốt và sống có đạo đức cao thượng, trở thành tấm gương cho toàn xã hội? Đây là vấn đề lớn và cực kỳ khó khăn. Xuất phát từ quan điểm khoa học, cách mạng và nhân văn của Hồ Chí Minh: "Vô luận việc gì đều do con người làm ra", "công việc thành công hay thất bại đều do cán bộ tốt hay kém", chúng tôi chỉ xin trình bày mấy suy nghĩ về việc Đảng lựa chọn, bồi dưỡng và sử dụng cán bộ nhằm xây dựng được đội ngũ cán bộ, đảng viên có tâm, đủ trí, đủ tầm trong điều kiện hiện nay.

Trước hết, cách dùng người của Hồ Chí Minh là mẫu mực, cơ sở nhận thức trong việc sử dụng cán bộ.

Bác nhắc nhở chúng ta rằng, nhân dân là người chủ sở hữu quyền lực chính trị, là chủ thể chân chính của Nhà nước, quốc gia, dân tộc. Họ vừa là mục đích, vừa là động lực, là sức mạnh của sự nghiệp cách mạng. Song, Người cũng khẳng định: cán bộ tốt việc gì cũng xong. Muốn việc thành công hay thất bại, đều do cán bộ tốt hoặc kém, cán bộ là cái "gốc" của mọi việc. Vấn đề quyết định là phải chọn đúng cán bộ đủ tâm, xứng tầm. Theo đó, Hồ Chí Minh xác định, động cơ dùng người là để tiến hành sự nghiệp: giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải

phóng con người. Động cơ này trở thành triết lý trong phép dùng người của Bác.

Hồ Chí Minh là người yêu thương, tôn trọng, tin tưởng và khoan dung đối với con người. Tính cách đó là phẩm chất cần thiết và quý báu của người cán bộ, đảng viên. Hồ Chí Minh là người hiểu mình và hiểu người. Vì, theo Người, đã không tự biết mình thì khó mà biết người. Muốn biết đúng phải trái ở người ta, thì trước hết phải biết sự phải trái của mình. Nếu không biết sự phải trái ở mình thì chắc không thể nhận rõ người cán bộ tốt hay xấu. Như vậy, muốn dùng người phải hiểu người.

Việc dùng người được Bác dạy là phải *khéo*. Khéo là đúng người, đúng việc, để tập hợp được tất cả sức lực, tài năng của mọi người phụng sự Tổ quốc, phụng sự nhân dân. Khéo là để mỗi người dù ở cương vị nào họ cũng thấy hợp lý, hợp tình, vừa sức, hăng say phấn đấu.

Để có cán bộ tốt, theo Hồ Chí Minh "phải nuôi dạy cán bộ như người làm vườn vun trồng những cây cối quý báu, phải nâng cao người cán bộ cả về đời sống vật chất và đời sống tinh thần, để họ có đủ điều kiện làm việc tốt". Huấn luyện cán bộ là công việc "gốc" của Đảng.

Đổi mới và đan xen các thế hệ cán bộ cốt để nhằm và phải phát huy được trí tuệ, kinh nghiệm, sức lực của các thế hệ đó. Vun trồng lòng tự trọng, tự tin cho cán bộ, đảng viên, giúp họ sửa chữa sai lầm, khuyết điểm. Người lãnh đạo phải khiêm tốn học hỏi quần chúng nhân dân.

Như vậy, để xây dựng được bộ máy của hệ thống chính trị tốt, ngoài công tác tổ chức bộ máy khoa học thì công tác cán bộ, là vấn đề quan trọng nhất. Những suy nghĩ và cách làm trên đây của Bác cần phải được vận dụng vào tình hình hiện nay.

Thứ hai, giáo dục và có cơ chế để đội ngũ cán bộ hiện nay phải là tấm gương mẫu mực cả về đức và tài, trong đó nguyên tắc nói đi đôi với làm phải là lẽ sống.

Giáo dục là giúp cán bộ nhận thức, cơ chế là khuôn khổ nguyên tắc cho phép cán bộ hoạt

động. Tất cả không ngoài mục tiêu để cán bộ sửa cái sai, cái lệch để làm đúng làm tốt hơn, làm cho Đảng ta ngày càng trong sạch hơn, trí tuệ hơn, đạo đức cao hơn. Bác Hồ từng tự phê bình và rút ra nhận thức: "Từ trước tới nay Đảng ta chưa thực hành cách thường xuyên xem xét cán bộ. Đó là một khuyết điểm to. Kinh nghiệm cho ta biết: mỗi lần xem xét lại nhân tài, một mặt thì tìm thấy những nhân tài mới, một mặt khác thì những người hủ hóa cũng lòi ra".

Theo tư tưởng của Người, ở đây cần tập trung làm tốt các bước sau:

+ Về chỉnh đốn tư tưởng:

Lâu nay, việc chỉnh đốn tư tưởng cho cán bộ, đảng viên thường xuyên được Đảng ta rất quan tâm. Song tình trạng nói hay, nói khéo nhưng nhiều việc làm chưa tốt, thậm chí làm khác đi vẫn diễn ra thường xuyên ở không ít người, không ít cấp. Căn bệnh chiếu lệ, qua loa, đại khái trong phê bình đang trở thành phổ biến. Và, khi buộc phải phê bình góp ý thì người ta lại nói chung chung, né tránh, thiếu thật thà, nghiêm túc, hoặc đổ lỗi cho cơ chế chứ không nhìn vào mình, cơ quan mình. Cấp trên biểu dương khen ngợi cấp dưới là chính, và nếu có phê thì cũng "tùy mặt" để tranh thủ sự "ủng hộ" mà củng cố địa vị. Có một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên không dám đấu tranh phê bình ai, né tránh cấp trên. Khi có ý kiến, họ nói không động tới ai, vì nói sợ lại động đến bản thân. Nhưng nguy hiểm hơn, bỏ phiếu tín nhiệm họ chọn người "vô hại", để "để thờ" và "có lợi" cho cá nhân của họ, không quan tâm tới lợi ích của tập thể, thậm chí cả sự nghiệp chung.

Vấn đề đặt ra hiện nay là, phải tiến hành chỉnh đốn tư tưởng cho cán bộ, đảng viên một cách mạnh mẽ, kiên quyết, đồng bộ và cụ thể. Vấn đề này, Đảng ta đã có bài học từ những cuộc vận động xây dựng chỉnh đốn Đảng trước đây. Hiện nay, hơn lúc nào hết, mỗi cán bộ, đảng viên và toàn Đảng cần hành động một cách thống nhất, tự giác theo những nguyên tắc sinh hoạt đảng, trong đó phải thấu triệt nguyên tắc tự phê bình và phê bình một cách trung thực,

khách quan, xây dựng vì mục tiêu đoàn kết và phát triển. Điểm cần nhấn mạnh là, sự thống nhất, nghiêm túc, đồng bộ, tự giác từ Trung ương tới cơ sở, từ người đứng đầu bộ máy của Đảng, Nhà nước xuống nhân viên là rất quan trọng. Cấp trên gương mẫu, làm nghiêm túc thì chắc chắn cấp dưới sẽ làm nghiêm túc; và nhất định có kết quả. Nhất thiết phải tiến hành triệt để, tức là phải xét sự vật đến gốc rễ của nó, xem xét đến bản thân từng con người trong mọi mối quan hệ với chức vụ mà họ được giao. Điều này đã được V.I. Lê-nin chỉ ra từ năm 1922, khi Người lãnh đạo công tác thanh tra Đảng: "Đáng lẽ phải chịu trách nhiệm về công việc của mình... với ý thức rằng chính mình là người chịu trách nhiệm, thì người ta lại nấp sau các ban. Đến thánh cũng không biết đâu mà lần trong các ban đó, không làm thế nào mà tìm ra được người chịu trách nhiệm cả; mọi cái đều rối tung và cuối cùng, người ta đưa ra một nghị quyết trong đó tất cả mọi người đều chịu trách nhiệm" (13).

+ Vấn đề chỉnh đốn tổ chức và cán bộ:

Theo Bác Hồ, đây là vấn đề cốt tử. Để phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa hiện nay, hơn bất kỳ lúc nào, vấn đề tổ chức và cán bộ càng có vai trò quan trọng. V.I. Lê-nin đã chỉ ra ở Đại hội XI Đảng Cộng sản Nga (1922), rằng: "Mấu chốt của vấn đề "không phải là ở chỗ thay đổi phương hướng của chính sách... Chúng ta ở vào một tình trạng mà mấu chốt là vấn đề người, vấn đề lựa chọn người... mấu chốt của vấn đề là ở chỗ con người đặt không đúng chỗ, là ở chỗ người cộng sản phụ trách này nọ đã... không hiểu gì cả, lại cản trở không cho người ta thấy sự thật, vì đằng sau người ấy là cả một bọn ăn cắp và bọn con buôn lùn lút rất tài." (14)

(Xem tiếp trang 31)

(13) V.I. Lê-nin: *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, t 45, tr 138

(14) V.I. Lê-nin: *Sđd*, t 45, tr 132, 134

“THƯƠNG MẠI VIỆT NAM 20 NĂM ĐỔI MỚI”

Lời Bộ Biên tập: Ngày 10 – 11– 2005, tại Hà Nội, Bộ Thương mại và Tạp chí Cộng sản tổ chức **Hội thảo khoa học quốc gia** với chủ đề “Thương mại Việt Nam 20 năm đổi mới”. Ban tổ chức Hội thảo đã nhận được trên 60 bản báo cáo tham luận của các nhà khoa học, các nhà hoạch định chính sách và hoạt động thực tiễn.

Sau đây, xin giới thiệu với bạn đọc Báo cáo Đề dẫn và Tổng thuật Hội thảo.

BÁO CÁO ĐỀ DẪN

LÊ HỮU NGHĨA

TRONG không khí cả nước vừa tung bừng kỷ niệm 60 năm Cách Tháng Tám và Quốc khánh mừng 2 tháng 9; toàn Đảng tiến hành đại hội Đảng các cấp, tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng, Bộ Thương mại và Bộ biên tập Tạp chí Cộng sản tổ chức Hội thảo khoa học quốc gia với chủ đề “**Thương mại Việt Nam 20 năm đổi mới**”.

Nhớ lại những năm đầu thập niên 80 của thế kỷ XX, đất nước lâm vào cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội, hàng hóa thiếu hụt trầm trọng, đời sống của nhân dân lao động gặp nhiều khó khăn, tình trạng lạm phát phi mã,

có lúc lên tới 774,7% (năm 1986). Trong lúc đó các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên Xô tan rã. Sau một thời gian, các nước châu Á lại lâm vào tình trạng khủng hoảng tài chính - tiền tệ, gây nhiều tác động tiêu cực đến kinh tế nước ta; thế giới và khu vực tiếp tục có những diễn biến phức tạp.

Trong bối cảnh đó, với bản lĩnh và trí tuệ của mình, Đảng và Nhà nước ta đã vững vàng chèo lái con thuyền cách mạng vượt qua những khó khăn, thử thách trước “sóng to gió lớn”, tiến hành công cuộc đổi mới toàn diện đất nước, tiếp tục đưa nước ta phát triển, thực hiện nhiệm vụ đẩy mạnh công nghiệp hóa,

hiện đại hóa với mục tiêu phấn đấu đến năm 2020 đưa nước ta về cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

Đường lối đổi mới toàn diện đất nước do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo từ Đại hội VI (năm 1986) đã được cán bộ, đảng viên nhất trí và được nhân dân ta đồng tình ủng hộ. Đường lối đó là sự vận dụng sáng tạo những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh trong điều kiện mới của cách mạng Việt Nam, đáp ứng nguyện vọng chính đáng của nhân dân cả nước. Nhờ đó, sự nghiệp Đổi mới trong gần 20 năm qua đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử cả về lý luận và thực tiễn trong tất cả các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội, đối ngoại và an ninh - quốc phòng.

Chúng ta còn nhớ, trong Báo cáo Chính trị tại Đại hội VI của Đảng (năm 1986) đã đánh giá một cách toàn diện những khó khăn, trong đó nêu rõ: “Lưu thông không thông suốt, phân phối rối ren, vật giá tăng nhanh đang tác động tiêu cực đến sản xuất, đời sống và xã hội. Những mất cân đối lớn trong nền kinh tế giữa cung và cầu về lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng, năng lượng, nguyên liệu, vận tải..., giữa thu và chi, xuất khẩu và nhập khẩu chậm được thu hẹp, có mặt còn gay gắt hơn trước...”; “Suốt 5 năm qua (nghĩa là từ năm 1981 đến 1985), lĩnh vực phân phối, lưu thông luôn luôn căng thẳng và rối ren. Các cơ quan lãnh đạo của Đảng và Nhà nước đã dành nhiều thời giờ vào công việc này, nhưng các giải pháp đưa ra chưa thật sự có hiệu quả”. Đại hội VI còn khẳng định: “sai lầm trong lĩnh vực phân phối, lưu thông là sai lầm rất nghiêm trọng trong lĩnh vực lãnh đạo và quản lý kinh tế năm năm qua”⁽¹⁾. Nhắc lại những nhận định đó chính là để thấy rõ hơn, khách quan và toàn diện hơn tất cả những gì chúng ta đã làm được,

trong đó có vai trò không thể thiếu của ngành thương mại.

Những đóng góp đáng kể của ngành thương mại thể hiện trước hết ở chỗ, mạnh dạn đổi mới, khắc phục khá thành công cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp và đã chứng tỏ là *một trong số những ngành đi đầu trong đổi mới cách nghĩ, cách làm và đã đạt được nhiều thành tựu rất nổi bật*. Những thành tựu đó được thể hiện trên một số nội dung chính như sau:

- Đã thu hút được hầu hết các thành phần kinh tế, các loại hình doanh nghiệp tích cực tham gia sản xuất kinh doanh, góp phần làm cho lĩnh vực lưu thông, phân phối ngày một sôi động, khối lượng hàng hóa tăng trưởng nhanh trên cả thị trường nội địa và thị trường xuất khẩu, mặt hàng phong phú, đa dạng, chất lượng ngày một cao, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của người tiêu dùng;

- Đã góp phần đắc lực cùng với Chính phủ xóa bỏ tình trạng ngăn sông, cấm chợ, từng bước tạo lập một thị trường thống nhất từ Bắc chí Nam, làm cho “huyết mạch” của nền kinh tế được lưu thông thông suốt, tổng lượng hàng hóa luân chuyển (kể cả nội thương và ngoại thương) tăng lên nhanh chóng;

- Đã góp phần xây dựng, hình thành tương đối đồng bộ các loại thị trường; hình thành thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đến nay Quốc hội đã ban hành được nhiều luật phục vụ cho việc hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, như: Luật Thương mại, Luật Cạnh tranh, Luật Doanh nghiệp nhà nước, Luật Doanh nghiệp, Luật Hải quan, các luật thuế ...;

- Đã góp phần tích cực tạo việc làm, tăng thu nhập, xóa đói giảm nghèo, giải quyết các

(1) Xem Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI, Nxb Sự Thật, Hà Nội, 1987, tr 18, 24, 26

vấn đề xã hội trên khắp các vùng, miền của đất nước. Thị trường hàng hóa, dịch vụ được mở rộng và phát triển sôi động, tạo động lực quan trọng cho sự phát triển, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng coi *thị trường vừa là căn cứ, vừa là đối tượng của công tác kế hoạch, quy hoạch phát triển của cả nước.*

- Góp phần phát triển sản xuất, có đóng góp ngày càng lớn cho tổng sản phẩm quốc nội (GDP);

- Tạo lập môi trường kinh doanh chung của nền kinh tế năng động, từ đó thu hút được nhiều vốn đầu tư phát triển cả trong và ngoài nước;

- Hình thành được một mạng lưới chợ, điểm bán hàng và kinh doanh dịch vụ trên khắp mọi miền của Tổ quốc (gần 9 ngàn chợ lớn, nhỏ ở nông thôn và thành thị, gần 700 siêu thị, trung tâm thương mại, cửa hàng tự chọn thuộc các loại hình sở hữu khác nhau, đạt các tiêu chuẩn văn minh và hiện đại đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng;

- Thực hiện đường lối của Đảng trong việc mở cửa, chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực, “thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ quốc tế. Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển”, ngành thương mại đã góp phần khai thác những tiềm năng, thế mạnh của đất nước, tham gia vào thương mại quốc tế một cách tích cực và hiệu quả, tăng thêm nguồn ngoại lực;

Từ chỗ bị bao vây, cô lập về chính trị, cấm vận về kinh tế - thương mại, đến nay nước ta đã tạo dựng được vị thế trên thị trường thế giới, ký kết được các hiệp định thương mại song phương, đa phương với nhiều quốc gia; đang thực hiện các vòng đàm phán để sớm

được gia nhập Tổ chức thương mại thế giới (WTO). Đến năm 2005, nước ta đã có quan hệ ngoại giao với hơn 170 nước; có quan hệ buôn bán với 221 thị trường; và quan hệ đầu tư với trên 70 quốc gia và vùng lãnh thổ; nước ta đã vay được gần 20 tỉ USD vốn ODA, thu hút gần 50 tỉ USD vốn FDI; tăng mức luân chuyển ngoại thương từ 2,9 tỉ rúp-USD năm 1986 lên 58,4 tỉ USD năm 2004, lớn hơn rất đáng kể so với tổng sản phẩm quốc nội (GDP). Số lượng các doanh nghiệp tham gia xuất khẩu tăng lên nhanh chóng và đa dạng về sở hữu, thuộc mọi thành phần kinh tế.

Những thành tựu của chúng ta là rất to lớn, và có quyền tự hào, song nhìn về chặng đường phía trước, còn rất nhiều việc phải làm; nhất là khi đất nước ngày càng hội nhập sâu hơn vào kinh tế khu vực và thế giới; cơ hội cho sự phát triển sẽ nhiều lên, nhưng thách thức cũng không nhỏ. Trong khi đó nước ta vẫn còn là nước nghèo, kém phát triển; năng lực cạnh tranh của sản phẩm, doanh nghiệp và nền kinh tế còn yếu và còn nhiều mặt hạn chế; các yếu tố của kinh tế thị trường chưa phát triển và chưa được tạo lập một cách đồng bộ; mức độ phát triển sản xuất hàng hóa và thị trường giữa các vùng, miền trên cả nước còn có khoảng cách khá lớn, nhất là giữa các khu trung tâm với ngoại vi...

Bởi vậy, việc tổng kết thực tiễn 20 năm đổi mới nói chung và của ngành thương mại nói riêng có ý nghĩa rất quan trọng, qua đó chúng ta có tầm nhìn bao quát hơn, thấy rõ những mặt mạnh, những yếu kém trong chủ trương, chính sách và chỉ đạo thực tiễn; tìm ra những nguyên nhân chủ quan và khách quan, những tác động bên trong và bên ngoài... còn gây cản trở quá trình phát triển của đất nước để đề ra các biện pháp tháo gỡ, khắc phục kịp thời, có hiệu quả, nhằm đạt được những thành tựu lớn hơn nữa trong thời gian tới.

Phát triển kinh tế được Đảng ta xác định là nhiệm vụ trung tâm. Trong xu thế hiện nay, đây là một sự nghiệp rất vẻ vang, nhưng cũng đầy khó khăn, thử thách, nhất là khi điểm xuất phát của nền kinh tế nước ta còn thấp, kinh nghiệm quản lý, điều hành nền kinh tế thị trường còn nhiều hạn chế. Điều đó lại nằm trong bối cảnh cạnh tranh quốc tế càng ngày càng quyết liệt, kinh tế thế giới có xu hướng phục hồi, song vẫn tiềm ẩn những yếu tố bất trắc, khó lường. Mặt khác, bản thân phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa cũng đang đặt ra nhiều vấn đề phức tạp về lý luận và thực tiễn, chưa có tiền lệ. Bởi vậy khó có thể giải quyết được tất cả các vấn đề đặt ra trong một sớm, một chiều.

Tại cuộc Hội thảo hôm nay, chúng tôi xin đề nghị các quý vị đại biểu tập trung thảo luận những vấn đề cơ bản sau:

– **Một là**, đánh giá những thành tựu đã đạt được trong lĩnh vực thương mại 20 năm đổi mới trên từng vấn đề: những thành công cụ thể về chủ trương, đường lối, chỉ đạo thực tiễn để rút ra bài học kinh nghiệm, nhất là khái quát thành lý luận về nền thương mại Việt Nam trong quá trình phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tích cực, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế.

– **Hai là**, nêu rõ những hạn chế về chủ trương, chính sách, tổ chức thực hiện. Điều quan trọng là cần nêu bật những nguyên nhân của những hạn chế trong từng lĩnh vực cụ thể, như: Phát triển thị trường trong nước; Mối quan hệ giữa thị trường trong nước và thị trường ngoài nước; Chiến lược xuất khẩu - nhập khẩu trong xu thế hội nhập ngày một sâu hơn vào kinh tế quốc tế; Vị trí, vai trò của từng thành phần kinh tế trong thương mại; Nội dung của khái niệm độc lập, tự chủ trong quá trình toàn cầu hóa kinh tế; Quản lý nhà nước

về thương mại; Chính sách bảo hộ sản xuất trong nước và nâng cao năng lực cạnh tranh trên cả 3 cấp độ (sản phẩm, doanh nghiệp và nền kinh tế).

– **Ba là**, những bài học kinh nghiệm cần được đúc rút từ tổng kết thực tiễn 20 năm đổi mới ngành thương mại, nhất là: Quản lý nhà nước về thương mại; Cải cách hành chính trong thương mại; Văn hóa trong kinh doanh; Chống hàng giả, hàng nhái và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ; Chống gian lận thương mại; Đào tạo nguồn nhân lực trong lĩnh vực thương mại; Bảo vệ môi trường sinh thái trong phát triển thương mại; Chiến lược và sách lược trong mở cửa nền kinh tế, tham gia thị trường nước ngoài; Tự do hóa thương mại và phát triển bền vững; Xác định chiến lược, sách lược trong xuất - nhập khẩu; Chủ động phòng và chống các vụ kiện thương mại.

– **Bốn là**, đề xuất những phương hướng, giải pháp cơ bản trong thời gian tới, ít nhất cũng cho 5 - 10 năm, để thương mại nước ta có bước phát triển mạnh hơn nữa, nhất là trong việc tạo cơ chế, chính sách và động lực để thu hẹp dần khoảng cách phát triển với các quốc gia trong khu vực và trên thế giới, để các thành phần kinh tế và các doanh nghiệp chủ động và tích cực hơn nữa trong quá trình hội nhập thành công vào kinh tế quốc tế và khu vực.

Qua Hội thảo này hy vọng rằng, bằng trí thức, kinh nghiệm bản thân và khát vọng góp phần thúc đẩy kinh tế đất nước tăng trưởng nhanh và bền vững, các đại biểu sẽ thẳng thắn trao đổi, nói lên những suy nghĩ, trăn trở của mình để góp thêm tiếng nói với Đảng và Nhà nước trong việc xây dựng chủ trương, đường lối, cơ chế, chính sách và chỉ đạo thực tiễn đối với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội nói chung và thương mại nói riêng cho chặng đường phát triển sắp tới của đất nước. □

TỔNG THUẬT HỘI THẢO

VỪA qua, Bộ Thương mại và Tạp chí Cộng sản đã phối hợp tổ chức Hội thảo khoa học quốc gia với chủ đề: "*Thương mại Việt Nam 20 năm đổi mới*". Tham gia Hội thảo có trên 250 đại biểu là các nhà lãnh đạo, quản lý ở các ban, ngành trung ương, địa phương và các doanh nghiệp, các nhà khoa học và các phóng viên thuộc các cơ quan thông tấn, báo chí trong nước. Có 17 ý kiến tham luận tại hội trường và 55 báo cáo tham luận được in trong Kỷ yếu Hội thảo. Các ý kiến tham gia Hội thảo đã tập trung ở mấy nội dung chính như sau:

1- Trong 20 năm qua, ngành thương mại đã cùng với cả nước thực hiện đường lối đổi mới toàn diện đất nước do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo. Các tham luận tại Hội thảo đều thống nhất khẳng định, ngành thương mại đã đạt được những thành tích to lớn, góp phần đáng kể vào tăng trưởng kinh tế của đất nước, nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế. Những thành tựu của ngành thể hiện trong các hoạt động sau:

Trong lĩnh vực xuất - nhập khẩu: Đã chuyển hoạt động ngoại thương từ chỗ do các doanh nghiệp nhà nước thực hiện sang sự tham gia của các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, tiến tới tự do hóa hoạt động xuất - nhập khẩu. Đồng thời, đã tiến hành đổi mới một cách căn bản phương pháp quản lý hành chính của Nhà nước nhằm tạo mọi điều kiện thuận lợi để phát triển xuất - nhập khẩu. Ban hành được Luật Thuế xuất - nhập khẩu và các luật thuế liên quan vừa để nâng cao hiệu lực và hiệu quả quản lý hoạt động xuất - nhập khẩu, vừa

điều chỉnh luật trong nước phù hợp với các thông lệ quốc tế. Ngành thương mại Việt Nam cũng đã tham gia vào các thể chế thương mại đa biên trong khu vực và quốc tế. Nhờ những đổi mới có tính đột phá, hoạt động xuất - nhập khẩu đã thoát khỏi được cơ chế kế hoạch hóa tập trung, bao cấp, bước đầu vận hành theo cơ chế thị trường, góp phần khơi dậy tiềm năng, tính chủ động, sáng tạo của các thành phần kinh tế vào phát triển xuất khẩu; tạo ra nguồn thu đáng kể cho ngân sách nhà nước; tăng số lượng doanh nghiệp làm công tác xuất - nhập khẩu, mở rộng thị trường của Việt Nam tới hầu hết các vùng, lãnh thổ trên thế giới.

Trong phát triển thị trường trong nước: Các tham luận đều nhất trí với đánh giá, thị trường trong nước đã có nhiều chuyển biến mạnh mẽ nhờ thực hiện thành công một số chính sách đổi mới quan trọng, về cơ bản đã nhanh chóng xóa bỏ cơ chế lưu thông cũ - "ngăn sông, cấm chợ", chuyển sang cơ chế lưu thông mới, từng bước hình thành thị trường thống nhất, khá ổn định và thông suốt trong cả nước. Thị trường trong nước đã cung cấp hàng hóa, dịch vụ ngày càng nhiều và phong phú, có chất lượng cao đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng; đã từng bước hình thành các kênh lưu thông của một số mặt hàng chủ yếu; phát triển kết cấu hạ tầng thương mại theo hướng văn minh, hiện đại; phát triển đội ngũ thương nhân đông đảo với trình độ quản lý kinh doanh ngày càng tiến bộ,...

Trong lĩnh vực hội nhập kinh tế quốc tế: Hội thảo khẳng định, chủ trương đúng đắn của Đảng và Nhà nước trong việc chủ động và

tích cực hội nhập kinh tế quốc tế. Đây là xu thế khách quan của thời đại. Nhiều ý kiến nhận định, ngành thương mại là ngành luôn luôn triển khai thực hiện tích cực, nhất quán chủ trương lớn của Đảng và đã đi đầu trong lĩnh vực hội nhập kinh tế của đất nước. Do đó, thương mại nước ta đã góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu nền kinh tế một cách tích cực; mở rộng thị trường xuất - nhập khẩu; khắc phục tình trạng phân biệt đối xử, tạo dựng được thế và lực trong thương mại quốc tế; thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài, tranh thủ nguồn viện trợ phát triển chính thức ngày càng lớn; tạo điều kiện cho đất nước tiếp thu công nghệ và phương thức quản lý tiên tiến; đẩy nhanh quá trình hoàn thiện pháp luật, cơ chế thị trường, cải cách hành chính trong nước...

Đồng chí Trương Đình Tuyển, Bộ trưởng Bộ Thương mại đã khái quát về những vấn đề đổi mới trong ngành thương mại trên 4 hướng cơ bản là:

a) Đổi mới cơ chế quản lý từ cơ chế quản lý tập trung quan liêu, bao cấp, sang cơ chế mới, cơ chế thị trường, trong đó các chủ thể kinh doanh được tự do và tự chủ trong hoạt động theo pháp luật;

b) Đổi mới cơ cấu ngành kinh tế và cơ cấu các thành phần kinh tế trong lĩnh vực thương mại, chuyển hoạt động thương mại từ độc quyền nhà nước và độc quyền doanh nghiệp sang hoạt động thương mại có sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế;

c) Đổi mới quan hệ đối ngoại, đưa nền kinh tế Việt Nam hội nhập với thế giới;

d) Đổi mới thể chế hành chính và thủ tục hành chính để giảm bớt các chi phí hành chính và chi phí giao dịch trong kinh doanh.

Cả bốn hướng đổi mới trên đã có tác động rất lớn đến quan hệ sản xuất, có tác dụng to lớn đến việc giải phóng sức sản xuất và tạo động lực phát triển đất nước. Bộ trưởng đồng tình với nhận định của Báo cáo đề dẫn là ngành

thương mại đổi mới rất sớm, ban đầu đổi mới khá nhanh, nhưng điều đáng lưu ý là vẫn có lúc, có khâu bị chậm lại và còn có tình trạng tự phát.

2- Bên cạnh những thành tựu đã đạt được, các tham luận tại Hội thảo đã nhìn nhận một cách khách quan, nghiêm túc khi đánh giá những mặt còn hạn chế, yếu kém trong ngành thương mại thời gian qua. Những đánh giá đều đặt trước yêu cầu mới đối với sự phát triển kinh tế của đất nước, nhất là trong điều kiện tình hình thế giới luôn diễn ra những biến đổi nhanh chóng.

Trong lĩnh vực xuất - nhập khẩu, những hạn chế thể hiện ở chỗ còn chậm ban hành các chính sách ưu đãi đầu tư cho sản xuất phục vụ xuất khẩu; thiếu nhất quán trong đổi mới hoạt động xuất - nhập khẩu; chính sách đôi lúc còn chưa công khai, minh bạch và hay thay đổi... gây khó khăn cho các doanh nghiệp; các biện pháp bảo hộ phi thuế đối với một số mặt hàng sản xuất trong nước (như đường, thép xây dựng, ô tô...) còn tồn tại quá lâu, tạo nên tư tưởng ỷ lại, làm giảm sự cố gắng của nhà sản xuất trong việc nâng cao năng lực cạnh tranh của hàng sản xuất trong nước, tác động không tốt đến lợi ích của người tiêu dùng....

Các ý kiến thảo luận sôi nổi chung quanh tính bền vững của hoạt động xuất - nhập khẩu, tốc độ tăng trưởng xuất khẩu chưa vững chắc, chuyển đổi cơ cấu xuất - nhập khẩu còn chậm (hàng thô và sơ chế chiếm tới 52% tổng kim ngạch xuất khẩu); tỷ trọng nhập siêu còn lớn, cơ cấu nhập khẩu chưa hợp lý; sự chuyển dịch tỷ trọng giữa các loại thị trường còn hạn chế; khả năng cạnh tranh của sản phẩm và doanh nghiệp còn yếu; tỷ trọng xuất khẩu của nhiều địa phương vẫn thấp... Giải quyết vấn đề này đòi hỏi phải có sự phối hợp đồng bộ của các ngành, các cấp, các địa phương.

Muốn đạt được tốc độ tăng trưởng GDP của nền kinh tế như kế hoạch Quốc hội đã đề ra, đòi hỏi xuất khẩu phải có tốc độ tăng trưởng cao

hơn nữa, không chỉ là 16,5% như hiện nay. Một số ý kiến khác đặt vấn đề cần xem xét việc khuyến khích xuất khẩu góp phần làm tăng trưởng kinh tế như thế nào, bởi các kết luận của những tổ chức quốc tế về vấn đề này đưa ra rất trái ngược nhau. Do vậy, đề nghị Bộ Thương mại cần có nghiên cứu định lượng để đánh giá quan hệ giữa tăng trưởng xuất khẩu với tăng trưởng kinh tế. Trong đó, cần phân loại các nhóm sản phẩm xuất khẩu có tác động tăng trưởng kinh tế, với nhóm sản phẩm chỉ góp phần tạo thêm công ăn việc làm trong nước, và nhóm sản phẩm còn tác động làm giảm sự phát triển của nền kinh tế (do lượng nhập khẩu khá nhiều để sản xuất phục vụ tiêu dùng trong nước).

Nhiều ý kiến lại khẳng định hoạt động xuất khẩu là động lực và đã thúc đẩy sự tăng trưởng kinh tế của đất nước. Bằng chứng là năm nào kim ngạch xuất khẩu tăng thì GDP của đất nước tăng. Điều quan trọng là cần có chính sách nhập khẩu đúng đắn, tránh tình trạng nhập khẩu không phải là máy móc, thiết bị nguồn sẽ gây thiệt hại và tác động tiêu cực lâu dài cho kinh tế đất nước. Cần có quan điểm rõ ràng khi xây dựng chiến lược cho hoạt động xuất - nhập khẩu của quốc gia. Đó không đơn thuần chỉ là những cố gắng tiếp cận thị trường để phát triển xuất khẩu nhằm tăng trưởng kinh tế, mà phải làm thế nào để nhân dân được hưởng lợi nhiều từ tăng trưởng xuất khẩu, cũng như tăng trưởng kinh tế. Đối với Việt Nam, việc tìm ra được điểm cân bằng hoặc tối ưu giữa thị trường trong nước và thị trường nước ngoài, xác định đúng quan hệ giữa xuất khẩu sản phẩm chế tạo và sản phẩm thô... là rất quan trọng, vì có như vậy mới bảo đảm cho xuất khẩu có hiệu quả, đem lại lợi ích thật sự cho đất nước. Đó là chưa nói tới những biện pháp cần phải có để giảm thiểu những thiệt hại khi có sự biến động trên thị trường nước ngoài. Trong vấn đề này, thương mại phản ánh tất cả, nhưng không thể tự mình làm được tất cả.

Khi phân tích về cơ cấu và lợi thế so sánh của hàng xuất khẩu Việt Nam theo cách tiếp cận định lượng, các tham luận đã làm rõ hơn những hạn chế trong cơ cấu xuất khẩu của Việt Nam hiện nay. Cụ thể, đã phân tích một cách cặn kẽ ảnh hưởng của cơ cấu ngành, của lợi thế quốc gia để thấy, cơ cấu xuất khẩu của nước ta chưa hợp lý, mới chỉ xuất khẩu nhiều mặt hàng có giá trị gia tăng thấp, vẫn còn xuất khẩu nhiều tài nguyên thô, trong khi sản xuất nhóm hàng công nghiệp chế biến phù hợp với việc thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chuyển đổi cơ cấu xuất khẩu theo hướng bền vững lại không có được sự cải thiện trong những năm gần đây. Đối với nhóm mặt hàng có giá trị gia tăng cao thì chúng ta lại có chỉ số lợi thế so sánh thấp, lợi thế đó lại đang có xu hướng giảm dần theo thời gian... Vì thế, các tham luận liên quan đến vấn đề này đều nhất trí rằng, chúng ta phải cố gắng tăng cường ứng dụng khoa học, công nghệ vào sản xuất để tạo ra những sản phẩm có giá trị gia tăng cao, hàm lượng công nghệ nhiều, nâng cao trình độ của đội ngũ lao động, tăng cường đầu tư phát triển các mặt hàng công nghiệp chế biến để xuất khẩu đạt được hiệu quả cao cả về lượng và chất.

Một số phát biểu tỏ ra bức xúc với tình hình thực hiện Chương trình quốc gia về thương hiệu, bởi đây là tài sản vô hình, rất quan trọng để tạo dựng vị thế cho doanh nghiệp, quốc gia trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế. Những trở ngại trong thực hiện chương trình chủ yếu xuất phát từ nhận thức, do đó phải nâng cao nhận thức, năng lực quảng bá thương hiệu doanh nghiệp và sản phẩm. Đồng thời, cần tạo dựng hình ảnh Việt Nam thông qua các sản phẩm của Việt Nam.

Để làm rõ hơn tình trạng yếu kém về năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp Việt Nam, một số tham luận viện dẫn đến: quy mô doanh nghiệp của nước ta phần lớn là vừa và nhỏ; phương thức kinh doanh chưa hiện đại, văn minh, trong nhiều trường hợp vẫn bán hàng qua

trung gian; việc ứng dụng công nghệ còn gặp nhiều khó khăn vì trong nước chưa cung cấp được công nghệ tốt, giá cả chưa hợp lý, doanh nghiệp nhà nước chưa tạo được động lực đổi mới công nghệ, trong khi khu vực tư nhân muốn đổi mới lại thiếu vốn, thiếu kiến thức, khó khăn trong nhập công nghệ hiện đại.

Các ý kiến thống nhất với nhận định rằng, sự phát triển của thị trường nội địa còn mang nặng tính tự phát, thiếu bền vững, các mô hình tổ chức thị trường thích hợp chậm được xác lập và triển khai thực hiện; thương mại nội địa phát triển không đều, chưa hợp lý trên các địa bàn; khả năng cạnh tranh của hàng hóa nói chung còn yếu; thương nhân tuy đông nhưng chưa mạnh, năng lực và vị thế của đa số các doanh nghiệp còn yếu, nhất là thiếu vắng những nhà phân phối lớn, trong khi nước ngoài lại đang rất sẵn sàng "nhảy vào"; kết cấu hạ tầng thương mại tuy đã có bước phát triển, nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu; thể chế quản lý về lưu thông hàng hóa và thị trường nội địa chưa thật hoàn chỉnh.

Nguyên nhân của những yếu kém trên cơ bản là do chúng ta vẫn chưa nhận thức sâu sắc, đầy đủ, chưa tạo sự thống nhất về quan điểm, mục tiêu và nội dung phát triển thị trường nội địa. Sức mua của thị trường trong nước, đặc biệt là thị trường nông thôn còn yếu. Nội dung và phương pháp quản lý nhà nước về thương mại và thị trường nội địa vẫn đang trong quá trình đổi mới, nên còn có hạn chế, bất cập, thiếu đồng bộ.

Thương mại nội địa những năm qua chưa được quan tâm thỏa đáng, nhất là chưa có sự đầu tư đúng mức cho phát triển, trong khi thương mại nội địa có vị trí, vai trò cực kỳ quan trọng, nó vừa đứng trước, vừa đứng sau quá trình sản xuất. Hoạt động thương mại trong nước nhìn chung nhỏ bé, yếu kém, thiếu tính chuyên nghiệp; sự liên kết, hợp tác giữa các hệ thống kinh doanh thương mại rất hạn chế, chưa có liên kết chặt chẽ giữa sản xuất với tiêu dùng;

chúng ta vẫn còn nhiều lúng túng trong việc khắc phục tình trạng độc quyền doanh nghiệp, bảo hộ (như ngành sắt thép, xi măng, mía đường), để tình trạng có doanh nghiệp nhà nước lớn lại đầu cơ, gây những cơn sốt về giá trên thị trường, gây phương hại đến vai trò của Chính phủ trong việc bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế.

Mặc dù đã được quán triệt chủ trương hội nhập kinh tế quốc tế, nhưng trên thực tế các ngành, các cấp và doanh nghiệp chưa biến nhận thức đầy đủ về nội dung, lộ trình hội nhập thành hành động thiết thực để có kế hoạch chủ động nắm bắt thời cơ, vượt qua thách thức. Không ít chính sách, cơ chế vẫn chậm được đổi mới cho phù hợp với yêu cầu của hội nhập. Năng lực cạnh tranh của hàng hóa, dịch vụ, của các doanh nghiệp và tổng thể nền kinh tế còn yếu. Đội ngũ cán bộ chưa đáp ứng yêu cầu của quá trình hội nhập cả về lượng và chất.

3- Các tham luận tại Hội thảo đã tập trung nêu lên những bài học kinh nghiệm cho công tác xây dựng chủ trương, đường lối, cơ chế, chính sách và chỉ đạo thực tiễn để ngành thương mại tiếp tục phát triển mạnh hơn nữa trong thời gian tới. Đó là:

Đổi mới cơ chế xuất - nhập khẩu phải nhằm khơi dậy được tiềm năng tăng trưởng xuất khẩu, nâng cao hiệu quả xuất khẩu, bảo hộ hợp lý, nâng cao năng lực cạnh tranh sản phẩm của Việt Nam. Đổi mới cần được thực hiện từng bước, đồng bộ với đổi mới của các ngành khác, như: công nghiệp, nông nghiệp, tài chính, ngân hàng, hải quan... Việc mở rộng quyền trực tiếp xuất - nhập khẩu cho các doanh nghiệp là rất quan trọng góp phần giải phóng sức sản xuất, sức lao động trong xã hội. Trong quá trình đổi mới nên tìm khâu đột phá, từng bước tháo gỡ rào cản và đẩy nhanh tiến độ cải cách hành chính. Ngoài ra, chú ý gắn việc mở rộng cơ chế xuất khẩu với mở rộng cơ chế nhập khẩu của doanh nghiệp.

Bài học rút ra đối với phát triển thị trường trong nước là phải nâng cao nhận thức và thống nhất quan điểm trong các ngành, các cấp về vị trí vai trò của thương mại nội địa đối với phát triển sản xuất, cơ cấu kinh tế, thúc đẩy xuất khẩu và cải thiện đời sống của nhân dân. Có chính sách huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực của các thành phần kinh tế tham gia hoạt động thương mại, xác định rõ vị trí, vai trò của từng loại hình thương nhân trên các kênh lưu thông. Để phát triển thị trường nội địa, công tác nâng cao hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước về thương mại cần được chú trọng, nhất là hoàn thiện cơ chế chính sách về mặt hàng, thương nhân, giúp đỡ các thương nhân nâng cao năng lực cạnh tranh, tạo môi trường kinh doanh và cạnh tranh bình đẳng giữa các thương nhân thuộc mọi thành phần kinh tế...

Trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế Đảng ta xác định phải phù hợp với bối cảnh và tình hình quốc tế ở mỗi giai đoạn, bảo đảm sự phát triển của đất nước trên cơ sở giữ vững độc lập, tự chủ, theo định hướng xã hội chủ nghĩa, hợp tác trên nguyên tắc bình đẳng, cùng có lợi. Do đó, trong hội nhập chúng ta phải chủ động và theo tinh thần phát huy tối đa nội lực, tranh thủ tốt ngoại lực. Trong quá trình đó, để tránh những thiệt hại không đáng có, cần thường xuyên tổng kết các vấn đề lý luận, thực tiễn, đánh giá đúng cái được, cái mất, để có các đối sách thích hợp; nên tranh thủ các công ty, tập đoàn đa quốc gia vào việc thu hút vốn đầu tư, tranh thủ công nghệ, thị trường và phương thức quản lý của chúng.

4- Chung quanh định hướng phát triển của ngành thương mại, nhiều đại biểu đã thể hiện sự quan tâm, trăn trở và có ý kiến đầy tâm huyết. Hiện nay chúng ta đang đối mặt với nhiều điều bức xúc nhất là mâu thuẫn trong tư duy kinh tế, tư duy thương mại hiện đại. Muốn ngành thương mại góp phần nâng cao được khả năng cạnh tranh trên cả 3 cấp độ, phải đặt các thực thể kinh tế vào môi trường cạnh tranh và phải bảo đảm lợi ích của các chủ thể

tham gia thị trường một cách hợp lý. Như vậy, chính sách thương mại phải vừa khuyến khích được sản xuất, vừa bảo vệ được người tiêu dùng, giải quyết tốt mối quan hệ giữa hoạt động xuất khẩu với nhập khẩu, giữa thị trường trong nước với thị trường ngoài nước.

Ngành thương mại ngày nay là thương mại hiện đại của một nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, phải được hiểu theo nghĩa rộng, gồm có thương mại hàng hóa, dịch vụ và đầu tư. Thương mại hiện đại không thể chấp nhận kiểu mua bán chộp giật, nhỏ lẻ... Để đáp ứng những yêu cầu của hội nhập kinh tế quốc tế, thương mại của nước ta cần quan tâm đến xây dựng các luật, thể chế phù hợp. Đồng thời phát triển thương mại còn phải quan tâm đến tính bền vững về kinh tế, về môi trường, xã hội và văn hóa. Do đó để phát triển thương mại thời gian tới, phải tiếp tục đổi mới 4 yếu tố: tư duy, cơ cấu, kinh tế đối ngoại và thể chế hành chính.

Ngày nay, trong phát triển thương mại không thể nhìn về tương lai như sự tiếp tục đơn thuần của quá khứ, mà phải nhanh nhạy trước những thay đổi. Nhiều ý kiến cho rằng, phải thay đổi cơ cấu mạnh mẽ hơn nữa, cố gắng đạt được cơ cấu thương mại tối ưu, tranh thủ những cơ hội trong quá trình hội nhập... mới thực sự đem lại lợi ích cho đất nước. Muốn thế, nên có sự tổng kết, đánh giá những cái được và cái mất trong quan hệ thương mại của Việt Nam với các đối tác lớn, thấy được sự tác động đối với thương mại khi nước ta gia nhập WTO... từ đó có sự đổi mới để ngành thương mại đảm đương được những nhiệm vụ trong thời gian tới.

Để phát triển thương mại trong nước, ngoài những giải pháp về xây dựng và phát triển các mô hình tổ chức thị trường nội địa phù hợp với từng địa bàn và từng mặt hàng cần đổi mới tổ chức và hoạt động của hợp tác xã thương mại; nâng cao hiệu quả quản lý của Nhà nước về thương mại... có một số ý kiến đề xuất nên đặt trọng tâm vào tổ chức tốt thị trường nội địa.

Cần tạo ra các không gian kinh tế theo hướng văn minh để người mua và người bán gặp nhau và phải thông qua các chính sách phát triển để từ đó dẫn tới các liên kết kinh tế; phát triển mạnh hơn thương mại điện tử, tạo ra các trung tâm giao dịch "ảo"; phải tính đến việc làm thế nào để thương mại trong nước có khả năng phản ứng kịp thời trước những tác động tiêu cực của thị trường thế giới, bảo đảm phát triển ổn định và bền vững. Thương mại nội địa phải có khả năng cạnh tranh "ngang ngửa" với các nhà phân phối nước ngoài khi họ tham gia vào thị trường nước ta, trước tiên phải giữ cho thương mại phát triển ổn định, nhịp nhàng, cân đối. Tiếp đó, lựa chọn để tập trung hình thành và phát triển được khoảng 15 nhà phân phối lớn. Muốn thế, rất cần sự hỗ trợ, tư vấn của Bộ Thương mại, các cơ quan chức năng trong việc tạo ra các liên kết, nhưng không phải theo lối tư duy hành chính hoặc độc quyền kinh doanh. Cần cung cấp thông tin cho các nhà phân phối, hỗ trợ họ về đào tạo, nghiên cứu thị trường.

Trong hội nhập kinh tế quốc tế, ngành thương mại tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ đã được Nghị quyết 07 của Bộ Chính trị đề ra. Phải tăng cường đổi mới kinh tế trong nước; cải thiện chính sách đầu tư gắn với điều chỉnh cơ cấu kinh tế; đẩy mạnh cải cách các doanh nghiệp nhà nước theo hướng nâng cao tính chủ động, hiệu quả và năng lực cạnh tranh... Mặc dù có thể có nhiều thách thức trong hội nhập kinh tế quốc tế, nhưng nếu chúng ta có chính sách tốt thì sẽ thu hút được nhiều đầu tư của nước ngoài và có thể biến các thách thức thành thuận lợi cho sự phát triển của đất nước. Nhưng để làm được điều đó, trước hết chúng ta phải quan tâm đến đào tạo con người, đổi mới tư duy... để có đủ trình độ đáp ứng yêu cầu của hội nhập kinh tế quốc tế và xu thế phát triển của thời đại. □

ĐỖ MAI THÀNH
(thực hiện)

THẤU TRIỆT NGUYÊN TẮC...

(Tiếp theo trang 21)

Theo Hồ Chí Minh, không được vì anh em, bạn hữu, dòng tộc, cánh hẩu, địa phương mà dặt dẹo nhau lên, đặt vào các chức vụ lãnh đạo. Nếu cất nhắc không cẩn thận, không khỏi đem người bô lô, bô la, chỉ nói mà không biết làm, vào những địa vị lãnh đạo. Về vấn đề này, V.I. Lê-nin cũng đã chỉ ra rằng: "Những người cộng sản đứng đầu các công sở, - đôi khi những kẻ phá hoại ngầm đẩy họ lên địa vị đó một cách khôn khéo có dụng ý, để làm một cái chiêu bài cho chúng, - những người cộng sản đó thường bị người ta đánh lừa... họ cứ tưởng là mình lãnh đạo người khác, nhưng thật ra, họ có biết chính họ bị người khác lãnh đạo không?"⁽¹⁵⁾.

Việc cần kíp hiện nay là, xem xét lại đội ngũ cán bộ, đảng viên, trước hết là rà soát có trọng điểm mà đầu tiên là các cơ quan lãnh đạo chính trị và các cơ quan quản lý kinh tế. Nhiệm vụ chính trị hàng đầu của chúng ta là tiến hành thật tốt nhiệm vụ trọng tâm là phát triển kinh tế. Vì vậy, để phát triển và quản lý tốt nền kinh tế cần phải kiểm soát một cách nghiêm ngặt, chống mọi biểu hiện tiêu cực làm tổn hại tới nền kinh tế bảo đảm cho nó phát triển có hiệu quả, nhanh và đúng hướng. Muốn thế phải rà soát các cơ quan và cá nhân các nhà quản lý kinh tế một cách nghiêm túc, nghĩa là "sàng lọc một cách thích đáng tất cả những người cộng sản phụ trách trong các cơ quan kinh tế".

Bắt đầu chỉnh đốn từ chính trị, kinh tế, rút ra bài học kinh nghiệm để mở rộng sang các lĩnh vực khác với phương châm là toàn diện, triệt để, cứng rắn, nghiêm túc, minh bạch mà ở đó cái tâm phải thật trong sáng.

Để xứng đáng là người lãnh đạo xã hội, và muốn giữ vững được vị trí đó đối với dân tộc trong tình hình hiện nay, Đảng phải tự đổi mới, tự chỉnh đốn; trước hết phải bắt đầu từ cán bộ, đảng viên và từ nội bộ Đảng. Nói phải đi đôi với làm, phải nêu gương sáng về đạo đức. □

(15) V.I. Lê-nin: *Sdd*, t 45, tr 132, 134



NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM - MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

NGUYỄN DUY QUÝ *

1 - Về phương diện lý luận, nhà nước pháp quyền không phải là một kiểu nhà nước. Nhà nước pháp quyền là giá trị phổ biến, là biểu hiện của một trình độ phát triển dân chủ

Trong ý nghĩa này, nhà nước pháp quyền được nhìn nhận như một cách thức tổ chức nền dân chủ, cách thức tổ chức nhà nước và xã hội trên nền tảng dân chủ. Điều này có nghĩa là nhà nước pháp quyền gắn liền với một nền dân chủ. Tuy không phải là một kiểu nhà nước được xác định theo lý luận về hình thái kinh tế - xã hội, nhưng nhà nước pháp quyền không thể xuất hiện trong một xã hội phi dân chủ.

Sự phủ nhận quan điểm xem nhà nước pháp quyền như một kiểu nhà nước có ý nghĩa nhận thức luận quan trọng trong việc nhìn nhận đúng bản chất của nhà nước pháp quyền. Ý nghĩa nhận thức luận này bao hàm các khía cạnh sau:

- Chỉ từ khi xuất hiện dân chủ tư sản, mới có cơ hội và điều kiện để xuất hiện nhà nước pháp quyền. Do vậy, trên thực tế, nhà nước pháp quyền tư sản đang được tuyên bố xây dựng ở hầu hết các quốc gia tư bản phát triển và đang phát triển.

- Nhà nước pháp quyền, với tính chất là cách thức tổ chức và vận hành của một chế độ nhà nước và xã hội, không những được xây dựng ở chế độ tư bản mà còn được xây dựng ở chế độ xã hội chủ nghĩa. Như vậy, trong nhận thức lý luận cũng như trong thực tiễn, có nhà nước pháp quyền tư sản và nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

- Ngoài các giá trị phổ biến, nhà nước pháp quyền còn bao hàm các giá trị đặc thù. Tính đặc thù của nhà nước pháp quyền được xác định bởi nhiều yếu tố. Các yếu tố này, về thực chất, là rất đa dạng, phong phú và phức tạp, được xác định bởi các điều kiện lịch sử, kinh tế, văn hóa, tâm lý xã hội và môi trường địa lý của mỗi dân tộc. Chúng không chỉ tạo ra các đặc sắc, tính riêng biệt của mỗi dân tộc trong quá trình dựng nước, giữ nước và phát triển mà còn quyết định mức độ tiếp thu và dung nạp các giá trị phổ biến của nhà nước pháp quyền. Việc thừa nhận tính đặc thù của nhà nước pháp quyền có ý nghĩa nhận thức luận quan trọng. Với ý nghĩa này, nhà nước pháp quyền là một

* GS, VS, Viện Khoa học Xã hội Việt Nam

phạm trù vừa mang tính phổ biến, vừa mang tính đặc thù; vừa là giá trị chung của nhân loại, vừa là giá trị riêng của mỗi dân tộc, quốc gia. Do vậy, không thể có một nhà nước pháp quyền như một mô hình chung, thống nhất cho mọi quốc gia, dân tộc. Mỗi quốc gia, dân tộc, tùy thuộc vào các đặc điểm lịch sử, chính trị, kinh tế - xã hội và trình độ phát triển mà xây dựng cho mình một mô hình nhà nước pháp quyền thích hợp.

2 – Đối với Việt Nam, vấn đề xây dựng nhà nước pháp quyền đang được đặt ra như một tất yếu lịch sử và tất yếu khách quan

Tính tất yếu lịch sử của việc xây dựng nhà nước pháp quyền ở Việt Nam bắt nguồn từ chính lịch sử xây dựng và phát triển của Nhà nước ta. Ngay từ khi thành lập và trong quá trình phát triển, Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa đã và luôn là một nhà nước hợp hiến, hợp pháp. Nhà nước được tổ chức và hoạt động trên cơ sở các quy định của Hiến pháp và pháp luật và luôn vận hành trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật. Các đạo luật tổ chức Quốc hội, Chính phủ, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân và các đạo luật về chính quyền địa phương được xây dựng trên cơ sở các Hiến pháp năm 1946, năm 1959, năm 1980 và năm 1992. Những lần Hiến pháp được sửa đổi và thông qua là những bước củng cố cơ sở pháp luật cho tổ chức và hoạt động của bản thân các cơ quan nhà nước. Vì vậy, có thể nói, quá trình xây dựng nhà nước pháp quyền ở Việt Nam là một quá trình lịch sử được bắt đầu ngay từ Tuyên ngôn độc lập năm 1945 và Hiến pháp năm 1946. Quá trình này đã trải qua hơn nửa thế kỷ với nhiều giai đoạn phát triển đặc thù. Ngày nay, quá trình này đang được tiếp tục ở một tầng cao phát triển mới với nhiều đòi hỏi và nhu cầu cải cách mới.

Tính tất yếu khách quan của việc xây dựng nhà nước pháp quyền ở Việt Nam xuất phát từ định hướng xã hội chủ nghĩa mà mục tiêu cơ bản là xây dựng một chế độ xã hội dân giàu,

nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Chúng ta ý thức sâu sắc rằng, để xây dựng được một chế độ xã hội có tính mục tiêu như vậy, công cụ, phương tiện cơ bản chỉ có thể là nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và một nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Tính tất yếu khách quan ấy còn xuất phát từ đặc điểm của thời đại với xu thế toàn cầu hóa. Nhu cầu hội nhập kinh tế quốc tế đòi hỏi chúng ta phải tiếp tục đẩy mạnh cải cách nhà nước, cải cách pháp luật, bảo đảm cho Nhà nước không ngừng vững mạnh, có hiệu lực để giải quyết có hiệu quả các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, thực hành dân chủ, củng cố độc lập, tự chủ và hội nhập vững chắc vào đời sống quốc tế.

3 – Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân ở nước ta là một nhà nước vừa phải thể hiện được các giá trị phổ biến của nhà nước pháp quyền đã được xác định trong lý luận và thực tiễn của một chế độ dân chủ hiện đại, vừa phải khẳng định được bản sắc, đặc điểm của riêng mình

Sự khác nhau cơ bản giữa nhà nước pháp quyền tư sản và nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa nói chung, trong đó có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam nói riêng, đã được các đề tài của Chương trình KX.04 khái quát trên những nét chính sau:

Một là, cơ sở kinh tế của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa là nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Tính định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế thị trường không phủ nhận các quy luật khách quan của thị trường, mà là cơ sở để xác định sự khác nhau giữa kinh tế thị trường trong chủ nghĩa tư bản và kinh tế thị trường trong chủ nghĩa xã hội. Do vậy, đặc tính của nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa tạo ra sự khác nhau giữa nhà nước pháp quyền tư sản và nhà nước pháp

quyền xã hội chủ nghĩa, đồng thời tạo ra nét đặc trưng của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Hai là, cơ sở chính trị của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa là chế độ dân chủ nhất nguyên. Chế độ dân chủ nhất nguyên là điều kiện cơ bản để tạo ra một đời sống dân chủ có tính thống nhất cao, một hệ thống chính trị thống nhất và là một đòi hỏi có tính nội tại của chế độ nhà nước và chế độ xã hội trong các điều kiện xây dựng chủ nghĩa xã hội. Do vậy, sự nhất nguyên chính trị phải luôn là thuộc tính của nhà nước xã hội chủ nghĩa - một nhà nước đòi hỏi tính thống nhất và tính tổ chức cao trong tổ chức cũng như trong hoạt động của mọi cấu trúc nhà nước để có thể đạt được các mục tiêu của chủ nghĩa xã hội.

Tính nhất nguyên chính trị được thể hiện trong việc khẳng định vai trò lãnh đạo của một đảng duy nhất cầm quyền ở Việt Nam. Bản chất của một nền dân chủ không lệ thuộc vào chế độ đa đảng hay chế độ một đảng, mà lệ thuộc vào chỗ đảng cầm quyền đại diện cho lợi ích của ai, sử dụng quyền lực nhà nước vào những mục đích gì trên thực tế. Vì vậy, điều kiện để xây dựng nhà nước pháp quyền không thể là chế độ đa đảng hay chế độ một đảng và không thể coi đó là căn cứ để đánh giá tính chất và trình độ của một nền dân chủ. Sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản - đảng duy nhất cầm quyền đối với đời sống xã hội và đời sống nhà nước không những không trái với bản chất nhà nước pháp quyền nói chung mà còn là điều kiện có ý nghĩa tiên quyết đối với quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân ở nước ta.

Ba là, cơ sở xã hội của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa là khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Với khối đại đoàn kết toàn dân tộc, nhà nước pháp quyền có được cơ sở xã hội rộng lớn và khả năng to lớn trong việc tập hợp, tổ chức các tầng lớp nhân dân thực hành và phát huy dân chủ.

Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa tuy không loại bỏ được sự phân tầng xã hội theo hướng phân hóa giàu, nghèo nhưng có khả năng xử lý tốt hơn mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và công bằng xã hội. Những mâu thuẫn xã hội phát sinh trong điều kiện phát triển nền kinh tế thị trường do được điều tiết thông qua pháp luật, chính sách và các công cụ khác của nhà nước nên ít có nguy cơ trở thành các mâu thuẫn đối kháng và tạo ra các xung đột có tính chất chia rẽ xã hội. Đây là một trong những điều kiện để bảo đảm ổn định chính trị, đoàn kết các lực lượng xã hội vì các mục tiêu chung của sự phát triển.

Tính nhất nguyên chính trị và sự lãnh đạo của một đảng duy nhất cầm quyền tạo ra khả năng đồng thuận xã hội, tăng cường khả năng hợp tác, giúp đỡ lẫn nhau giữa các giai tầng, các cộng đồng dân cư và các dân tộc. Nhờ vậy, nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa có được sự ủng hộ rộng rãi từ phía xã hội, nguồn sức mạnh từ sự đoàn kết toàn dân, phát huy được sức sáng tạo của các tầng lớp dân cư trong việc thực hành và phát huy dân chủ.

4 - Một số vấn đề về xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật của nước ta hiện nay

Để xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân ở nước ta hiện nay, một trong những nhiệm vụ quan trọng, cấp thiết là chúng ta phải sớm xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật.

Nhu cầu đổi mới tư duy pháp lý đã được đặt ra và quán triệt trong giai đoạn đấu tranh loại bỏ cơ chế pháp lý của nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung bao cấp, xây dựng cơ chế pháp lý cho cơ chế kinh tế mới. Ngày nay, một lần nữa nhu cầu đổi mới tư duy pháp lý lại được đặt ra với tính cấp thiết mạnh mẽ, kiên quyết, vượt ra khỏi khuôn khổ có tính truyền thống lâu nay trong việc xây dựng pháp luật và thi hành pháp luật. Tư duy pháp lý mới có thể được phác thảo trên những nét chính sau:

1 - Xác định và quán triệt cơ sở lý thuyết cho mô hình luật pháp nước ta trong giai đoạn phát triển đến 2010 và các giai đoạn tiếp theo. Điều này có nghĩa là chúng ta cần nhanh chóng xác định mô hình luật pháp nước ta được xây dựng theo lý thuyết nào. Dĩ nhiên, chúng ta không thể áp dụng một cách máy móc các mô hình lý thuyết hiện đang được áp dụng ở các quốc gia trên thế giới. Nhưng chúng ta cũng không thể không tính đến sự ảnh hưởng và chi phối của các lý thuyết này đối với sự vận động của đời sống pháp luật hiện đại. Vì vậy, việc nghiên cứu xây dựng các cơ sở lý thuyết cho mô hình luật pháp nước ta cần đặt trong mối quan hệ giữa hai yếu tố: dân tộc và hiện đại.

Cần có các nghiên cứu tổng kết kinh nghiệm lịch sử của các thể hệ người Việt Nam trong tiến trình xây dựng và thực thi các thể chế pháp lý. Các kinh nghiệm làm luật và thi hành luật trong các giai đoạn lịch sử cho thấy, các thể hệ người Việt Nam khá thành công trong việc tiếp thu các giá trị pháp lý nước ngoài, làm nên một bản sắc pháp lý Việt Nam. Xin hãy lấy Quốc triều hình luật thời Lê (Bộ Luật Hồng Đức) để suy ngẫm: Bộ Luật Hồng Đức, theo đánh giá của sử gia Phan Huy Chú, "Thật là cái mẫu mực để trị nước, các khuôn phép để buộc dân". Điều cần nhấn mạnh là, mặc dù chịu ảnh hưởng của tư tưởng pháp lý và các quy tắc pháp luật của Trung Hoa thời phong kiến, nhưng Bộ Luật Hồng Đức vẫn là bộ luật của người Việt Nam, là sản phẩm văn hóa của người Việt Nam, chứ không phải là sự sao chép máy móc pháp luật của nhà Đường hay nhà Minh.

Trong lịch sử, dân tộc ta đã rất thông minh và chủ động trong việc tiếp thu pháp luật nước ngoài để cách tân đất nước. Ngày nay, chúng ta cũng cần tiếp thu có chọn lọc các giá trị pháp luật nước ngoài một cách chủ động và thông minh để tiếp tục củng cố và phát triển đất nước. Tuy nhiên, việc tiếp thu các giá trị và kinh nghiệm pháp luật nước ngoài cần tuân theo ba điều kiện cơ bản: *Thứ nhất*, tư tưởng của pháp

luật du nhập phải tương đồng với ý thức pháp lý đang thống trị ở nước tiếp nhận. *Thứ hai*, pháp luật du nhập phải tương đồng với cấu trúc, hình thái và phương thức tổ chức quyền lực nhà nước tại quốc gia sở tại. *Thứ ba*, pháp luật du nhập phải phù hợp với phương thức sản xuất xã hội, phải được số đông thành viên trong xã hội chấp nhận và ủng hộ.

2 - Nhu cầu hội nhập kinh tế quốc tế trong bối cảnh toàn cầu hóa, bảo đảm sự tương thích của pháp luật quốc gia với các không gian pháp lý có tính quốc tế đang đòi hỏi chúng ta phải đẩy mạnh việc đổi mới công tác lập pháp. Việc đổi mới công tác lập pháp có thể khái quát trên một số nét sau:

Một là, đổi mới công tác kế hoạch lập pháp: Kế hoạch làm luật nếu chỉ được tiến hành trên cơ sở đề xuất của các cơ quan hữu quan để tập hợp, cân đối và thông qua sẽ không thể khắc phục được tình trạng không hoàn thành kế hoạch, vì không ít dự án luật được đăng ký theo kiểu "giữ chỗ" và trên thực tế, rất khó xây dựng do chưa xác định được đầy đủ tính chất, mục tiêu, đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh. Sự đăng ký văn bản theo kiểu "ghi danh" đã không ràng buộc một cách chặt chẽ trách nhiệm của cơ quan đề xuất dự luật. Để khắc phục tình trạng này, nên chăng, thay vì xây dựng và thông qua kế hoạch làm luật hằng năm và 5 năm thường lệ, Quốc hội chỉ cần thông qua các sáng kiến pháp luật. Cá nhân, cơ quan (theo quy định của pháp luật) nêu sáng kiến pháp luật có trách nhiệm lập luận các căn cứ về sự cần thiết của mục tiêu, đối tượng cần điều chỉnh và tính khả thi của công tác xây dựng văn bản; trên cơ sở đó, Quốc hội thảo luận, thông qua và giao trách nhiệm xây dựng dự thảo cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân phù hợp.

Hai là, thay đổi quan niệm về quy mô các đạo luật: Thực tiễn làm luật ở nước ta thời gian qua cho thấy, các đạo luật được xây dựng và thông qua phần nhiều đều có dung lượng khá lớn các quy phạm và đối tượng điều chỉnh;

phạm vi điều chỉnh cũng khá lớn. Chính sự đầu tư "nhân, tài, vật, lực" cho các đạo luật có quy mô lớn đã làm cho công việc soạn thảo các dự thảo văn bản bị kéo dài, tính chất đồng bộ và thống nhất của dự thảo trong mối quan hệ với các đạo luật khác nhiều khi không được bảo đảm. Đặc biệt, các đạo luật lớn vì phức tạp nên thường phải tranh luận, thảo luận nhiều thời gian mới mong đạt được sự thống nhất các quan điểm và cách thức thể hiện. Do vậy, việc chuẩn bị xây dựng dự thảo tại các ban soạn thảo, thẩm định, thảo luận, chỉnh lý và thông qua tại Quốc hội thường kéo dài. Khoảng cách giữa nhu cầu cấp bách phải điều chỉnh và khả năng điều chỉnh của đạo luật ngày càng xa đã dẫn đến tình trạng, đợi được luật ra đời, cuộc sống đã biến chuyển sang một mức độ phát triển khác. Để khắc phục tình trạng này, thay vì xây dựng và thông qua các đạo luật có quy mô lớn, nên tập trung xây dựng và thông qua các đạo luật có quy mô điều chỉnh hẹp. Một đạo luật với ít các điều khoản sẽ được nhanh chóng xây dựng, đáp ứng kịp thời các nhu cầu điều chỉnh pháp luật, dễ dàng tương thích với các không gian pháp lý quốc tế. Tính hữu ích của một đạo luật ít điều khoản không chỉ thể hiện ở sự gọn nhẹ về nội dung, dễ xây dựng, mà còn thể hiện ở việc dễ kiểm soát tính đồng bộ và thống nhất, dễ sửa đổi khi có nhu cầu và dễ áp dụng trên thực tế.

Ba là, đổi mới cách thức và quy trình thông qua luật: Phong cách làm luật lâu nay của cơ quan lập pháp thể hiện ở các hoạt động thảo luận của các đại biểu Quốc hội, thẩm định của các ủy ban của Quốc hội, giải trình tiếp thu của cơ quan soạn thảo, đã rất khó nâng cao được chất lượng và hiệu quả của đạo luật. Sự thảo luận chủ yếu ở dạng câu chữ đã chiếm khá nhiều thời gian, trong khi nội dung dự thảo lại ít được chú ý. Do vậy, ý kiến thảo luận của đại biểu Quốc hội đối với các dự thảo chất lượng chưa cao. Để khắc phục tình trạng này, trước khi dự thảo luật được đưa ra thảo luận tại Quốc

hội, cần tiến hành thẩm định về mặt khoa học bởi các nhóm chuyên gia từ các viện nghiên cứu, các trường đại học với nhiệm vụ đánh giá về phương diện khoa học toàn bộ dự án luật, từ hình thức biểu đạt, cấu trúc đến nội dung các điều luật, nhằm phát hiện ra các lỗi cả về kỹ thuật văn bản, lẫn nội dung văn bản. Sự thẩm định khoa học về dự thảo văn bản do các nhóm chuyên gia thực hiện một cách độc lập vừa là cơ sở để ban soạn thảo chỉnh lý văn bản, vừa là tài liệu tham khảo cho các đại biểu Quốc hội khi thảo luận dự thảo. Mặt khác, để nâng cao chất lượng các đạo luật, quy trình thông qua dự thảo cần được tiến hành theo hai bước: thảo luận, thông qua tại một ủy ban tương ứng của Quốc hội và thảo luận, thông qua tại phiên họp toàn thể của Quốc hội. Như vậy, chỉ khi nào dự thảo được thông qua tại một ủy ban của Quốc hội thì mới được xem xét, thảo luận, thông qua tại Quốc hội. Quy định như vậy không chỉ nêu cao vai trò làm luật của các ủy ban của Quốc hội, mà còn tiết kiệm thời gian làm việc của Quốc hội, nâng cao hiệu quả của đạo luật.

Bốn là, tăng cường lắng nghe ý kiến nhân dân đóng góp xây dựng các dự thảo luật: Các dự thảo luật một khi được xây dựng ngắn gọn, ít điều khoản sẽ rất dễ dàng cho nhân dân tiếp cận. Sự tham gia đóng góp ý kiến xây dựng pháp luật của đông đảo các tầng lớp nhân dân là điều kiện quan trọng để pháp luật phản ánh đúng ý chí, nguyện vọng của nhân dân, bảo đảm cho pháp luật thật sự là của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Cần quy định, việc lấy ý kiến của nhân dân (chứ không chỉ là lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức hay của một số cán bộ) đối với các dự án luật là điều kiện bắt buộc trong quá trình xây dựng dự thảo. Đặc biệt, việc tiếp thu ý kiến của nhân dân vào các dự thảo (tiếp thu ý kiến nào, không tiếp thu ý kiến nào, vì sao) phải được thông báo công khai và minh bạch. Có như vậy, nhân dân mới cảm thấy ý kiến của mình được tôn trọng và mặt khác, mới củng cố niềm tin của họ vào luật pháp. □

Tiếp tục đổi mới phương thức hoạt động của MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM

NGUYỄN TÚC *

TRÒN 75 năm qua, kể từ ngày Hội Phản đế đồng minh - hình thức tổ chức đầu tiên của Mặt trận Dân tộc thống nhất Việt Nam ra đời, dưới sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh, Mặt trận Dân tộc thống nhất Việt Nam và nay là Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, với những hình thức tổ chức và tên gọi khác nhau đã không ngừng phát triển, đóng góp quan trọng vào thắng lợi của cách mạng nước ta.

Trong quá trình lớn lên cùng cách mạng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam luôn coi trọng công tác xây dựng tổ chức, đổi mới phương thức hoạt động của mình cho phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ cách mạng ở từng giai đoạn, để hoạt động ngày càng có hiệu quả, xứng đáng với niềm tin của Đảng, của các tầng lớp nhân dân.

Trong cách mạng dân tộc dân chủ, lúc hoạt động bí mật, khi công khai, lúc đấu tranh chính trị, khi khởi nghĩa vũ trang, có khi trong cùng một lúc, đã vận dụng, kết hợp nhiều hình thức đấu tranh, nhiều phương thức hoạt động linh hoạt, phong phú và Mặt trận đã góp phần cùng dân tộc giành những thắng lợi vẻ vang.

Hiện nay, tiến trình đổi mới công tác Mặt trận nói chung và phương thức hoạt động của Mặt trận nói riêng cũng không ngoài quy luật chung đó. Nhiệm vụ cách mạng đã thay đổi, đòi hỏi Đảng cũng như các thành viên trong hệ thống chính trị, trong đó có Mặt trận Tổ quốc Việt Nam luôn chủ động đổi mới phương

thức hoạt động của mình cho phù hợp với tình hình và nhiệm vụ mới.

Trong hệ thống Mặt trận, quá trình đó được bắt đầu từ năm 1977 khi tiến hành Đại hội thống nhất 3 tổ chức Mặt trận: Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam và Liên minh các lực lượng dân tộc dân chủ Việt Nam thành một Mặt trận chung mang tên Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Từ đó đến nay, tôn chỉ, mục đích, phương thức hoạt động của Mặt trận luôn nhất quán và thống nhất, đó là: tập hợp, đoàn kết các tầng lớp nhân dân, thực hiện thống nhất hành động giữa các đoàn thể và giữa các tầng lớp nhân dân để cùng nhau bàn bạc, giải quyết những vấn đề do cách mạng và đất nước đặt ra. Cùng với việc tập trung xây dựng Mặt trận trên địa bàn dân cư và cải tiến phương thức hoạt động, Mặt trận Tổ quốc các cấp rất quan tâm đến việc tập hợp đồng bào các giới vào các hình thức tổ chức rộng rãi để đồng bào có điều kiện tham gia các sinh hoạt chính trị và hoạt động xã hội. Bên cạnh việc đoàn kết, động viên toàn dân tiến lên

* Ủy viên Đoàn Chủ tịch, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

chủ nghĩa xã hội theo ngọn cờ lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc còn tham gia và giám sát công việc của Nhà nước, cùng với các cơ quan chính quyền nghiên cứu, giải quyết những tâm tư, nguyện vọng của quần chúng về quản lý kinh tế, xã hội ở địa bàn cơ sở, để Mặt trận làm tròn vai trò là người đại diện cho quyền làm chủ tập thể của nhân dân.

Với nhận thức, sự vững mạnh của Mặt trận bắt nguồn từ sự vững mạnh của các tổ chức thành viên, trước hết là từ nền tảng của Mặt trận là sự liên minh giữa giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức, Mặt trận luôn coi việc tăng cường và củng cố khối liên minh này trên cơ sở xây dựng và hoàn thiện quan hệ sản xuất mới trong phạm vi cả nước là nhiệm vụ cơ bản của mình; đồng thời, phát triển, củng cố các đoàn thể cách mạng và tập hợp mọi công dân vào các hình thức tổ chức thích hợp.

Công cuộc đổi mới đất nước vừa tạo cho Mặt trận cơ hội, vừa đặt ra trước Mặt trận yêu cầu cấp bách phải đổi mới về mọi mặt để nâng công tác và tổ chức của mình ngang tầm nhiệm vụ cách mạng. Theo tinh thần đổi mới của Đảng, Đại hội III của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (tháng 11-1988) đã đề ra nhiệm vụ chính là *"Đại hội tăng cường và đổi mới công tác Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đưa công tác Mặt trận và tổ chức Mặt trận lên ngang tầm nhiệm vụ chính trị"*.

Trong cơ chế Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý hiện nay, để đổi mới hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, trước hết Đảng không ngừng đổi mới sự lãnh đạo của mình đối với Mặt trận. Đây là điểm mấu chốt để đổi mới công tác của Mặt trận. Trong mối quan hệ với các tổ chức thành viên của Mặt trận, Đảng Cộng sản Việt Nam vừa là thành viên, vừa là người lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Sự lãnh đạo của Đảng là

điều kiện quyết định nhất, bảo đảm cho Mặt trận Tổ quốc không ngừng được củng cố, phát triển. Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: "Đảng không thể đòi hỏi Mặt trận thừa nhận quyền lãnh đạo của mình, mà phải tỏ ra là một bộ phận trung thành nhất, hoạt động nhất và chân thực nhất. Chỉ trong đấu tranh và công tác hằng ngày, khi quần chúng rộng rãi thừa nhận chính sách đúng đắn và năng lực lãnh đạo của Đảng, thì Đảng mới giành được địa vị lãnh đạo"⁽¹⁾. Đi liền với việc kiện toàn Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp, Đảng không ngừng quan tâm công tác bồi dưỡng, bố trí, ổn định đội ngũ làm công tác Mặt trận, kể cả việc thực hiện chế độ, chính sách đối với họ. Nhưng điều cần nhấn mạnh là, Mặt trận phải chủ động xác định rõ vai trò, chức năng, nhiệm vụ, nội dung hoạt động, không ngừng đổi mới công tác Mặt trận, mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân, hướng về cơ sở, nhằm tập trung giải quyết những vấn đề nóng bỏng của nhân dân như dân sinh, dân chủ và xây dựng cuộc sống mới trên địa bàn dân cư theo định hướng của Đảng. Nội dung hoạt động của Mặt trận ở cơ sở phải gắn liền với thực tế cuộc sống của nhân dân nơi cư trú, vận động nhân dân chấp hành các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, giúp nhau tổ chức tốt cuộc sống vật chất và văn hóa tinh thần, cùng nhau xây dựng thôn, xóm, bản, làng, đường phố đoàn kết, văn minh, tiến bộ. Mặt trận phải dựa vào các đoàn thể, đội ngũ cán bộ không chuyên trách là những ủy viên Ủy ban Mặt trận, ủy viên ban chấp hành các đoàn thể, cán bộ, đảng viên về hưu có năng lực, còn sức khỏe và những người tiêu biểu có nhiệt tình trong các giới, các dân tộc, các tôn giáo thông qua các hình thức tập hợp quần chúng theo nghề nghiệp, theo nhu cầu đời sống và sinh hoạt.

(1) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t 3, tr 139

Xây dựng nền nếp và chế độ thường xuyên phối hợp hoạt động giữa Mặt trận và các thành viên, giữa Mặt trận và chính quyền; thực hiện thống nhất hành động giữa các thành viên trong các cuộc vận động có liên quan đến mọi tầng lớp nhân dân.

Do vậy, đổi mới phương thức hoạt động và củng cố, tăng cường tổ chức Mặt trận Tổ quốc luôn là đòi hỏi cấp bách, cần được quan tâm giải quyết. Để đổi mới phương thức hoạt động, *trước hết cần thực hiện bằng được sự phối hợp, thống nhất hành động giữa các tổ chức thành viên, giữa Mặt trận với chính quyền. Đây không chỉ là phương thức hành động mà còn là chức năng cơ bản, nhiệm vụ tất nhiên của Mặt trận Tổ quốc.* Sự phối hợp và thống nhất hành động phải được tiến hành ở mọi cấp, từ trung ương đến cơ sở; không chỉ trong việc tổ chức phát động phong trào quần chúng mà cả trong việc quản lý nhà nước, quản lý kinh tế, quản lý xã hội, xây dựng chủ trương, chính sách, pháp luật, trong việc tổ chức thực hiện quyền kiểm tra, giám sát của nhân dân đối với hoạt động của cơ quan nhà nước. Trong toàn bộ tiến trình đó, sự phối hợp giữa Mặt trận Tổ quốc với chính quyền là vấn đề có tính quyết định trong lộ trình đổi mới phương thức hoạt động của Mặt trận. Nó đòi hỏi không chỉ ở sự chặt chẽ, thiết thực, mà còn thật sự bình đẳng theo đúng chức năng, nhiệm vụ của từng tổ chức. Cần sớm khắc phục tình trạng đã xảy ra ở nhiều nơi là, coi Mặt trận Tổ quốc là tổ chức phụ thuộc của chính quyền, còn Mặt trận Tổ quốc lại có xu hướng tự ty, ý lại, thụ động, trông chờ, không phát huy đầy đủ vai trò, trách nhiệm và quyền hạn của mình đã được pháp luật quy định.

Sinh hoạt và hoạt động của Mặt trận các cấp là phương thức hoạt động quan trọng của Mặt trận Tổ quốc. Trước hết, cần cải tiến nội dung các kỳ hội nghị, bảo đảm nội dung thiết thực, bàn bạc dân chủ, bình đẳng. Giữa hai kỳ

họp của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, bộ phận thường trực phải thông báo cho các vị ủy viên tình hình thực hiện nhiệm vụ công tác Mặt trận; tạo điều kiện thuận lợi để mỗi ủy viên trong Ủy ban Mặt trận Tổ quốc mỗi cấp đều có thể trực tiếp tham gia hoạt động tùy theo điều kiện, khả năng của mình.

Quan hệ giữa các tổ chức thành viên trong Mặt trận là quan hệ dân chủ, bình đẳng, tôn trọng tính độc lập của nhau trên tinh thần thân ái hợp tác, thống nhất hành động, tự phê bình và phê bình để cùng nhau thực hiện các nhiệm vụ và Điều lệ của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Những nguyên tắc đó thể hiện rõ tính chất của Mặt trận - một tổ chức chính trị - xã hội rộng lớn nhất của nhân dân. "Khi gặp những vấn đề có liên quan đến vận mệnh của dân tộc, đến quốc kế dân sinh, các thành viên của Mặt trận cần mạnh dạn bày tỏ ý kiến của mình, tự do tranh luận, thẳng thắn phê bình và tự phê bình, giúp đỡ nhau nhận rõ phải trái, cùng nhau nhất trí nhận định và tự nguyện thống nhất hành động theo tinh thần Cương lĩnh chung; tuyệt đối không ai được dùng lối cưỡng bức, mệnh lệnh"⁽²⁾.

Trong những năm qua, tổ chức và hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã đạt được những thành tựu và có bước chuyển biến mới, thể hiện trên hai nội dung cơ bản sau:

Một là, về mở rộng tổ chức: Hình thành và kiện toàn hệ thống 4 cấp hoàn chỉnh; đã mở rộng mạng lưới thông qua hình thành các ban công tác Mặt trận trên địa bàn dân cư, số tổ chức thành viên của Mặt trận ngày càng tăng; các hình thức tập hợp lực lượng ngày càng phong phú, đa dạng.

Hai là, về hoạt động thực tiễn: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp có nhiều cố gắng trong việc tổ chức, phối hợp và thống nhất hành

(2) Trường Chinh: *Về công tác Mặt trận hiện nay*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1972, tr 38 - 39

động giữa các thành viên thực hiện những nhiệm vụ như : bầu cử Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp, các phong trào đền ơn đáp nghĩa, sổ tiết kiệm tình nghĩa, nhà tình nghĩa, đón thương binh nặng về chăm sóc tại gia đình, cứu trợ đồng bào bị thiên tai; vận động nhân dân mua công trái, gửi tiền tiết kiệm, mở rộng phong trào tết trồng cây, v.v..

Tuy đạt được những thành tựu và bước chuyển biến mới, song nhìn chung công tác của Mặt trận chưa ngang tầm với vai trò, nhiệm vụ được giao, chưa thể hiện rõ là một tổ chức liên minh chính trị, một tổ chức chính trị - xã hội rộng lớn nhất của toàn dân với chức năng chủ yếu và cũng là phương thức hoạt động chủ yếu: thống nhất hành động giữa các thành viên và phối hợp với chính quyền trong các phong trào chung. Sự phối hợp hoạt động giữa Mặt trận với chính quyền chưa thành nền nếp. Việc đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của Mặt trận, nhất là ở cơ sở còn nhiều hạn chế. Hoạt động của Mặt trận các cấp phần lớn vẫn chỉ dừng lại ở hoạt động của bộ máy và cán bộ chuyên trách; hoạt động của ban công tác Mặt trận ở địa bàn dân cư chưa được chú ý đúng mức. Đội ngũ cán bộ Mặt trận các cấp, tuy đã được đổi mới và tăng cường sau khi có Nghị quyết Trung ương *Về công tác quần chúng*, nhất là từ khi có Nghị quyết 07 của Bộ Chính trị (khóa VIII) *Về Đại đoàn kết dân tộc và tăng cường Mặt trận dân tộc thống nhất*, nhưng nhìn chung chưa được ổn định, chưa xây dựng được đội ngũ chuyên sâu, có kinh nghiệm.

Những thành tựu của công cuộc đổi mới đất nước và những tác động sâu sắc của nền kinh tế thị trường, của quá trình dân chủ hóa đời sống xã hội, cũng như nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới đang đặt ra cho Mặt trận những yêu cầu mới, đòi hỏi tổ chức và hoạt động của Mặt trận phải tự đổi mới để ngang tầm nhiệm vụ. Thực tiễn đã và đang cho thấy,

chính quá trình đổi mới tổ chức và hoạt động của Mặt trận sẽ góp phần thúc đẩy sự đổi mới của hệ thống chính trị nước ta.

Để đổi mới phương thức hoạt động, củng cố và tăng cường Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp một cách hiệu quả, trước mắt và cấp bách hiện nay là tăng thêm những người tiêu biểu, có uy tín và năng lực trong các giai tầng xã hội, các dân tộc, các tôn giáo v.v..., để Mặt trận vừa tiêu biểu cho khối đại đoàn kết dân tộc, vừa có năng lực hoạt động thực tiễn. Coi trọng việc củng cố bộ phận thường trực Ủy ban Mặt trận, thành lập các ban chuyên đề hoặc hội đồng tư vấn theo từng lĩnh vực, đứng với vai trò và trách nhiệm của Mặt trận từ trung ương đến cơ sở nhằm huy động, khai thác trí tuệ, kinh nghiệm của đông đảo các chuyên gia giỏi, các cộng tác viên có năng lực thuộc các tầng lớp nhân dân, các thành phần kinh tế.

Đi đôi với việc củng cố, mở rộng và đổi mới tổ chức, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp phải thể hiện tính liên hiệp rộng rãi về tổ chức, tính quần chúng sâu sắc trong hoạt động thực tiễn; phải thực hiện thống nhất hành động giữa các tổ chức thành viên, phối hợp chặt chẽ với chính quyền cùng cấp. Sự phối hợp đó phải bình đẳng theo đúng chức năng, nhiệm vụ của từng tổ chức; không chỉ trong việc tổ chức, phát động các phong trào hành động cách mạng mà cả trong việc tham gia quản lý kinh tế - xã hội, xây dựng chủ trương, chính sách, pháp luật, giám sát các hoạt động của các cơ quan nhà nước. Để thực hiện tốt sự phối hợp và thống nhất hành động giữa Mặt trận và các cấp chính quyền, kinh nghiệm cho thấy cần tiếp tục xây dựng, hoàn thiện các quy chế về mối quan hệ giữa Ủy ban Mặt trận Tổ quốc với chính quyền các cấp nói riêng và các tổ chức thành viên nói chung.

Về phần mình, Mặt trận cần cải tiến các hình thức, biện pháp và cách tiến hành các

hoạt động, khắc phục bệnh hình thức, những biểu hiện quan liêu, hành chính; tiếp tục thể chế hóa phương thức phối hợp và thống nhất hành động bằng các văn bản pháp quy, nhất là cụ thể hóa bằng quy chế phối hợp giữa Ủy ban Mặt trận Tổ quốc với các cơ quan nhà nước các cấp. Chủ động, tích cực đổi mới phương thức sinh hoạt và tăng cường mối liên hệ thường xuyên giữa Ủy ban Mặt trận Tổ quốc với các tổ chức thành viên; giữa ban thường trực với các vị ủy viên Ủy ban; giữa ủy viên với các tầng lớp nhân dân; cải tiến lề lối làm việc, phong cách làm việc của bộ máy chuyên trách nhằm nâng cao chất lượng công tác nghiên cứu, tham mưu và tham gia đề xuất, giải quyết các vấn đề theo chức năng, nhiệm vụ của mình.

Từ Đại hội thống nhất Mặt trận đến nay, tổ chức và hoạt động của Mặt trận đã không ngừng được cải tiến, đổi mới nhằm đáp ứng những đòi hỏi của cách mạng, của dân tộc và của cuộc sống. Tính chất của một tổ chức vừa là liên minh chính trị, vừa là liên hiệp tự nguyện ngày càng được thể hiện rõ. Sự liên hiệp ngày càng rộng rãi và mang tính quần chúng ngày càng sâu sắc. Mặt trận ngày càng tiêu biểu về mặt tổ chức và thiết thực về hoạt động thực tiễn.

Qua thực tiễn công tác và hoạt động của Mặt trận thời gian qua, bước đầu rút ra một số bài học về phương thức hoạt động của Mặt trận:

1 - Thống nhất hành động giữa các tổ chức thành viên và phối hợp chặt chẽ với chính quyền cùng cấp là chức năng bẩm sinh cũng là phương thức hoạt động chủ yếu của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Không thực hiện được phương thức đó, Mặt trận sẽ tự biến mình thành một đoàn thể.

2 - Trực tiếp vận động những cá nhân tiêu biểu, những người có uy tín, nhất là những người tiêu biểu trong các dân tộc thiểu số,

trong các tôn giáo và đội ngũ trí thức, những người có ảnh hưởng lớn trong xã hội, cộng đồng. Đồng thời làm tốt việc vận động tập hợp đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia các phong trào cách mạng trên địa bàn dân cư.

3 - Hướng mạnh về địa bàn dân cư. Thông qua hoạt động của các ban công tác, Mặt trận đưa hoạt động của mình đến từng khu dân cư, đến từng hộ gia đình và từng bước đưa công tác Mặt trận trở thành công việc của toàn dân.

4 - Mở rộng Mặt trận vừa bằng tổ chức, vừa bằng phong trào nhằm thu hút đông đảo mọi tầng lớp nhân dân tham gia những công tác xã hội vì mục tiêu "ích nước, lợi nhà".

5 - Kết hợp hoạt động của bộ máy chuyên trách với các hội đồng, các tổ chức tư vấn, giữa cán bộ chuyên trách với lực lượng cố vấn, cộng tác viên tham gia công tác Mặt trận.

Cùng với công cuộc đổi mới chung của đất nước, đổi mới công tác Mặt trận, trong đó có đổi mới phương thức hoạt động để Mặt trận ngày càng thực sự là một tổ chức liên minh chính trị, liên hiệp tự nguyện của tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội và các cá nhân tiêu biểu trong các giai cấp, các tầng lớp xã hội, các dân tộc, các tôn giáo và người Việt Nam định cư ở nước ngoài vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, luôn là một quá trình phấn đấu lâu dài và gian khổ nhưng rất vẻ vang. Qua 75 năm, chúng ta càng tin tưởng vững chắc rằng, có sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng Cộng sản, phát huy tốt quyền làm chủ và sức mạnh của toàn dân tộc, các cấp Mặt trận tự khẳng định mình và tiếp tục đổi mới, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam nhất định sẽ làm tròn sứ mệnh lịch sử "là một trong những nhân tố quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam". □

NGHỊ quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng đã xác định phát triển nguồn lực con người là yếu tố cơ bản để phát triển xã hội, tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững. "Chiến lược kinh tế - xã hội giai đoạn 2001 - 2010" đã xác định: "Nâng lên đáng kể chỉ số phát triển con người (HDI) của nước ta" là một trong những nhiệm vụ trọng tâm. Thời điểm hiện

nay, khi chúng ta đang xem xét thành tựu 5 năm (2001 - 2005) và chuẩn bị những hoạch định mang tính chiến lược cho việc hoàn thành "Chiến lược kinh tế - xã hội giai đoạn 2001 - 2010", một cái nhìn tỉnh táo cả chiều sâu và chiều rộng trong hệ thống các tiêu chí của HDI của nước ta thiết nghĩ là rất cần thiết.

1 - Động thái HDI của nước ta giai đoạn 2001 - 2005 ***

HDI là một chỉ số được tổng hợp từ nhiều tiêu chí phản ánh ba lĩnh vực cơ bản trong phát triển con người là mức sống, học vấn, sức khỏe. Bởi vậy, bên cạnh việc xem xét thứ hạng và giá trị của HDI, cần xem xét động thái của các thành phần đó trong HDI để nhận diện đầy đủ hơn thành tựu và khó khăn, bất cập của sự nghiệp phát triển con người.

Bảng 1 - Chỉ số phát triển con người Việt Nam giai đoạn 2001 - 2005

Chi số \ Năm	Năm					Biến động	
	2001	2002	2003	2004	2005	Tổng g/đoạn	b. quân/năm
Chỉ số tuổi thọ	0,713	0,720	0,726	0,733	0,758	+0,045	+0,009
Chỉ số giáo dục	0,844	0,846	0,831	0,815	0,815	-0,029	-0,006
Chỉ số GDP	0,487	0,500	0,506	0,523	0,537	+0,05	+0,010
Chỉ số HDI	0,682	0,688	0,687	0,690	0,704	+0,022	+0,0044



phát triển con người Việt Nam giai đoạn 2001 - 2005, những lát cắt, những góc nhìn

PHẠM MINH HẠC * và NHÓM TÁC GIẢ **

Cần lưu ý khi xem xét HDI và các chỉ số thành phần là ngoài *thứ hạng* cần quan tâm tới *giá trị chỉ số* (nếu giá trị các chỉ số càng gần 1 thì phát triển con người càng tốt). Thứ hạng cho thấy vị thế so với các quốc gia/cộng đồng khác tại cùng một thời điểm, còn so sánh vị thế của quốc gia/cộng đồng đó giữa các thời điểm khác nhau bằng thứ hạng thì có thể chưa chính xác vì số quốc gia/cộng đồng tham gia xếp hạng có thể thay đổi - tăng hoặc giảm - hoặc có khi vì một lý do đột biến nào đó mà có quốc gia/cộng đồng năm trước có thứ hạng cao nhưng năm sau giảm xuống làm cho thứ hạng cũng thay đổi. Vì thế, ngoài thứ hạng, phải xem xét *giá trị chỉ số* có tăng hay giảm; tăng giảm với tốc độ như thế nào; và cũng cần xem thêm các chỉ tiêu được dùng để tính toán các chỉ số thành phần của HDI.

Nhìn tổng quát *giá trị HDI của nước ta* giai đoạn 2001 - 2005 đang trong xu hướng tăng dần.

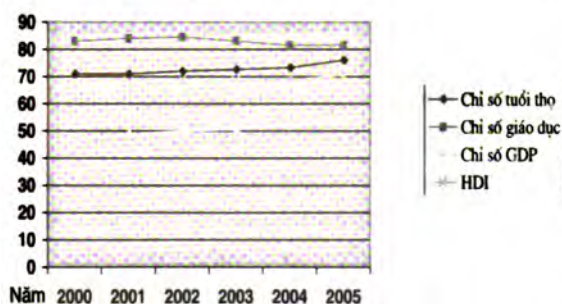
* GS, VS, Viện trưởng Viện Nghiên cứu Con người, Viện Khoa học Xã hội Việt Nam

** Đề tài KX.05.05

*** Các bảng, biểu trong phần này được xử lý theo nguồn: Liên hợp quốc: *Báo cáo phát triển con người 2001 - 2005* UNDP (Human Development Report 2001 - 2005)

Tuy nhiên, các chỉ số thành phần vận động không đều, chỉ số tuổi thọ, chỉ số kinh tế tăng lên, song chỉ số giáo dục giảm đi bằng 3/5 mức tăng của chỉ số kinh tế. Trong khi đó, về thứ hạng HDI, nước ta chưa lọt được vào nhóm 100 nước tốt trên mà vẫn ở nhóm 77 nước đứng sau.

Động thái HDI và các chỉ số thành phần của Việt Nam giai đoạn 2001 – 2005



Theo số liệu các Báo cáo phát triển con người từ 2001 đến 2005 của UNDP, động thái của giá trị các chỉ số như sau:

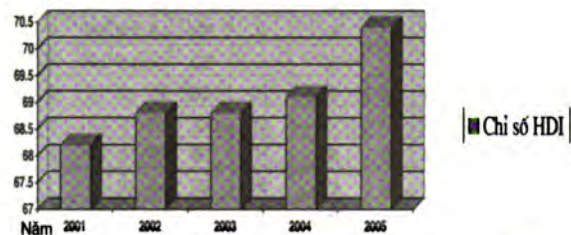
– **Chỉ số tuổi thọ tăng:** Năm 2001 đạt 0,713; 2002 là 0,720; 2003 là 0,726; 2004 là 0,733 và 2005 tăng lên 0,758. Giai đoạn 2001 - 2005 chỉ số tuổi thọ tăng 0,045; trung bình mỗi năm tăng 0,009 (tức 0,9%).

– **Chỉ số giáo dục giảm:** Năm 2001 ở mức 0,844; năm 2002 lên 0,846; nhưng đến năm 2003 bắt đầu giảm, chỉ còn 0,831; hai năm 2004 và 2005 giảm xuống còn 0,815. Như vậy, toàn giai đoạn 2001 - 2005, chỉ số giáo dục đã đạt đỉnh điểm ở giá trị 0,846. Nếu so với điểm cao nhất là 0,846 thì chỉ số giáo dục đã giảm 0,031 (tức 3,1%). Nếu so với năm 2001 thì đến năm 2005, chỉ số giáo dục đã giảm 0,029 (tức 2,9 %); cả giai đoạn 2001- 2005 chỉ số giáo dục giảm 0,029; trung bình mỗi năm giảm 0,006 (0,6%).

– **Chỉ số kinh tế tăng:** Năm 2001 đạt 0,487; năm 2002 là 0,500; năm 2003 là 0,506; năm 2004 là 0,523; năm 2005 tăng lên 0,537. Như vậy, giai đoạn 2001 - 2005, chỉ số kinh tế tăng 0,05; trung bình mỗi năm tăng 0,01 (1%).

– **Chỉ số phát triển con người (HDI) tăng:** Năm 2001 đạt 0,682; năm 2002 và năm 2003 là 0,688; năm 2004 là 0,691; năm 2005 lên 0,704. Như vậy, giai đoạn 2001 - 2005 giá trị HDI tăng 0,022; trung bình mỗi năm tăng 0,0044 (0,44%). Mức tăng này là chậm, vì nếu chỉ tăng giá trị như xu thế đang có - mỗi năm tăng 0,0044 - thì dự báo HDI của nước ta sau 5 năm, đến Báo cáo phát triển con người 2010 của UNDP chỉ tăng thêm 0,022, đạt giá trị 0,726. Nếu vậy, **dự báo HDI của nước ta khi kết thúc "Chiến lược kinh tế - xã hội giai đoạn 2001 - 2010" chỉ ở mức 0,735.** Mức này là bình thường và như vậy chưa đạt mục tiêu Chính phủ đã đề ra là tăng lên đáng kể. Chưa kể trong khi chúng ta vươn lên thì các quốc gia khác cũng không đứng im. Những phân tích dưới đây về vị thế của nước ta so với một số quốc gia khác sẽ cho thấy rõ hơn điều này.

Động thái giá trị HDI Việt Nam giai đoạn 2001 – 2005



2 – Nhận diện vị thế của HDI nước ta trong so sánh với một số quốc gia

Trong bảng xếp hạng HDI, năm 2004 nước ta ở thứ hạng 112/177 nước, năm 2005 vươn lên được 4 bậc, đứng thứ 108/177 nước và được nêu như một ví dụ thành công tiêu biểu cho nhóm các nước đang phát triển về khả năng tương tác cân bằng giữa phát triển kinh tế và phát triển con người.

Số liệu bảng 2 cho thấy vị thế trong bảng xếp hạng HDI của ta so với các nước vẫn chưa được nâng cao.

– **Về thứ hạng:** Năm 2005, trong số 10 nước thuộc khối ASEAN, nước ta mới đứng thứ 6 về thứ hạng HDI, thứ 4 về chỉ số tuổi thọ, thứ 6 về chỉ số giáo dục, thứ 7 về chỉ số GDP.

Tuy nhiên, khi so sánh giữa các nước trong khu vực, khi xem xét các thành phần của HDI cho thấy tình hình của Việt Nam không mấy lạc quan bởi khoảng cách giữa nước ta và các nước không nhỏ. In-đô-nê-xi-a đã tụt lại sau Việt Nam trong bảng xếp hạng năm 2005 là do không thành công trong việc khắc phục hậu quả của cuộc khủng hoảng tài chính, tiền tệ khu vực năm 1997, trong khi "Việt Nam đã tránh được cơn bão này để tiếp tục tiến lên" (1).

- Về giá trị các chỉ số và các chỉ tiêu để tính các chỉ số: Nhìn chung, nước ta chỉ cao hơn My-an-ma, Cam-pu-chia, Lào. Ngoại trừ 3 nước này, so sánh giữa Việt Nam và các nước như sau (xem bảng 2):

Bảng 2 – Chỉ số phát triển con người (HDI) của một số quốc gia năm 2005

Quốc gia	HDI		Tuổi thọ trung bình (năm)	Tỷ lệ biết chữ của người lớn từ 15 tuổi trở lên (%)	Tỷ lệ đi học của các cấp giáo dục (%)	GDP bình quân đầu người (PPP USD)	Chỉ số giáo dục	Chỉ số tuổi thọ	Chỉ số GDP	Xếp hạng chỉ số GDP
	Giá trị	Xếp hạng								
1. Xin-ga-po	0,907	25	78,7	92,5	87	24481	0,89	0,91	0,92	4
2. Bru-nây	0,866	33	76,4	92,7	74	19210	0,86	0,86	0,88	4
3. Ma-lai-xi-a	0,796	61	73,2	88,7	71	9612	0,80	0,83	0,76	3
4. Thái Lan	0,778	73	70,0	92,6	73	7595	0,75	0,86	0,72	7
5. Phi-lip-pin	0,758	84	70,4	92,6	82	4321	0,76	0,89	0,63	19
6. Việt Nam	0,704	108	70,5	90,3	84	2489	0,76	0,82	0,54	16
7. In-đô-nê-xi-a	0,697	110	66,8	87,9	66	3361	0,70	0,81	0,59	5
8. My-an-ma	0,578	129	60,2	88,7	48	-	0,59	0,75	0,39	34
9. Cam-pu-chia	0,571	130	56,2	73,6	59	2078	0,52	0,69	0,51	3
10. Lào	0,545	133	54,7	68,7	61	1759	0,49	0,66	0,48	7
11. Trung Quốc	0,755	85	71,6	90,9	69	5003	0,78	0,84	0,65	11
12. Cu-ba	0,817	52	77,3	96,9	80	-	0,87	0,91	0,67	40

Nguồn: Báo cáo phát triển con người 2005 của UNDP

GDP bình quân đầu người: Nước ta mới bằng khoảng 2/3 In-đô-nê-xi-a, bằng 1/2 Trung Quốc, 1/3 Thái Lan, 1/4 Ma-lai-xi-a và bằng 1/10 Xin-ga-po. Giá trị chỉ số GDP của ta thấp nhất, thấp hơn cả In-đô-nê-xi-a là nước đang đứng dưới ta 2 bậc về thứ hạng HDI.

Tỷ lệ người lớn từ 15 tuổi trở lên biết chữ: Việt Nam chỉ cao hơn Ma-lai-xi-a và In-đô-nê-xi-a.

Tỷ lệ học sinh nhập học tổng hợp các cấp giáo dục: Việt Nam thấp nhất trong số 9 nước.

Giá trị chỉ số giáo dục của nước ta đứng thứ 6 trong khối ASEAN, thấp hơn Trung Quốc và kém khá xa Cu-ba.

Tuổi thọ trung bình và giá trị chỉ số tuổi thọ: Nước ta cao hơn In-đô-nê-xi-a, Thái Lan, bằng với Phi-lip-pin, thấp hơn Trung Quốc và kém hẳn Cu-ba.

Qua các số liệu ở bảng 2, vị thế của nước ta trong so sánh với các quốc gia ASEAN và Trung Quốc, Cu-ba về HDI và các chỉ tiêu thành phần của HDI cho thấy chặng đường vươn lên được top 100 nước dẫn đầu trong bảng xếp hạng HDI của UNDP của nước ta còn nhiều gian nan.

3 – Một số kiến nghị từ kết quả nghiên cứu, phân tích HDI của nước ta

Căn cứ vào kết quả nghiên cứu, phân tích HDI của nước ta và thực tiễn nghiên cứu, đo đạc HDI của địa phương, được sự chỉ đạo của Ban Chủ nhiệm Chương trình KX.05, đề tài KX.05.05 đã đề xuất một số kiến nghị:

Thứ nhất, đề nghị Trung ương chỉ đạo Đại hội Đảng các cấp kiểm điểm đánh giá việc thực hiện chủ trương nâng chỉ số HDI của nước ta. Việc Đại hội Đảng các cấp nhận diện được HDI cả nước về giá trị, thứ hạng và liên hệ vào địa phương mình sẽ có tác dụng tốt để đánh giá khách quan sự cố gắng cũng như điều còn bất cập đối với việc thực hiện chủ trương mà Đại hội IX đã nêu ra.

Thứ hai, đề nghị Đại hội lần thứ X của Đảng sắp tới xác định các biện pháp tích cực và khẩn trương nâng giá trị HDI của nước ta thời kỳ 2006 - 2010 với mức cụ thể mỗi năm tối thiểu 1%.

Đó là mức giá trị HDI = 0,755. Muốn đạt mức này thì mỗi năm, kể từ 2005 nước ta phải phấn đấu tăng HDI lên tối thiểu khoảng 1%. Đây là mức phải có nhiều nỗ lực vì hiện nay

(1) Nhận xét của chuyên gia kinh tế Jonathan Pincus của UNDP trong buổi công bố Báo cáo phát triển con người năm 2005 của UNDP tại Hà Nội, tháng 9-2005

mỗi năm nước ta mới chỉ tăng được 0,44% và phải phấn đấu gấp hơn 2,5 lần hiện nay. Đề nghị Đại hội X của Đảng không chỉ đề ra "Nâng lên đáng kể" mà nhấn mạnh "Nâng HDI từ 2006 - 2010 với mức tối thiểu mỗi năm 1%". Trong đó:

– **Chỉ số kinh tế** có khả năng tăng nhanh nhất song cần lưu ý đến chất lượng tăng trưởng kinh tế và mối quan hệ giữa phát triển kinh tế và phát triển con người.

– **Chỉ số giáo dục** có thể tăng được với những nỗ lực lớn, song cần lưu ý đến chất lượng giáo dục đang có chiều hướng suy giảm.

– **Chỉ số tuổi thọ** cần duy trì như giai đoạn 2001 - 2005, lưu ý một số tác động tiêu cực tới chỉ số này là tình trạng tử vong do tai nạn giao thông, sự lây lan của HIV/AIDS tăng cùng với tệ nạn nghiện hút ma túy, tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng còn cao...

4 – Những thách thức của sự nghiệp phát triển con người ở nước ta theo quan điểm của UNDP tại Việt Nam

UNDP tại Việt Nam cho rằng, trong 10 năm tới là thời gian nhiều thử thách cho tiến trình phát triển của Việt Nam.

Thứ nhất, Việt Nam sẽ phải bảo đảm phát triển chất lượng hơn, không chỉ là nâng cao mức sống mà còn là sự cải thiện rõ ràng về các dịch vụ an sinh xã hội cho đại bộ phận dân chúng.

Thứ hai, Việt Nam sẽ phải đối mặt với thách thức là làm thế nào để thỏa mãn mối quan tâm và nhu cầu của nhiều nhóm người khác nhau trong xã hội. Một trong những yếu tố góp phần làm nên thành tựu trong phát triển của Việt Nam ngày nay là truyền thống hiếu học của người dân. Do đó không nghi ngờ gì nữa, ngày càng có nhiều người học cao, hiểu rộng, mở mang tầm mắt ra thế giới và từ đó sẽ có những suy nghĩ năng động hơn, sáng tạo hơn và hun đúc nhiều nhiệt huyết hơn.

Thứ ba, Việt Nam là nước đang ở một trong những vùng phát triển năng động nhất của thế giới hiện nay và 10 năm tới. Chính sự năng động này tạo ra một sức ép cạnh tranh rất lớn mà

Việt Nam sẽ phải nỗ lực rất nhiều nếu không muốn bị tụt hậu khá xa.

Các chuyên gia kinh tế của UNDP cho rằng: Chúng ta cần bảo đảm việc chuyển dịch cơ cấu xuất khẩu không ảnh hưởng xấu tới nông dân. Chú trọng tới phát triển công nghệ thông tin (ICT) không có nghĩa là bỏ dỡ các thị trường xuất khẩu gạo, cà phê, cao su, hạt điều của Việt Nam. Chúng ta cần quan tâm tới việc phát triển ngành sản xuất chế biến dựa trên ICT nhằm tạo ra những sản phẩm giá trị cao hơn. Việc gia nhập WTO giúp Việt Nam hấp dẫn hơn trong thu hút đầu tư nước ngoài (FDI), từ đó có thể được chuyển giao công nghệ. Muốn vậy, chúng ta phải vận dụng tốt những điều khoản bên trong của WTO để biến mình thành một "bàn đạp" xuất khẩu. Điều quan trọng phải sản xuất ra những mặt hàng theo kịp với thời cuộc. Những nền kinh tế xung quanh như Đài Loan, Xin-ga-po có nhiều điều để chúng ta học hỏi.

Trong mối quan hệ giữa HDI và việc thực hiện MDGs (Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ), nước ta là một trong số ít các nước được cộng đồng quốc tế đánh giá cao trong việc đi đúng hướng và đúng tiến độ thực hiện MDGs. "Tỷ lệ nghèo của nước ta hiện nay đã giảm một nửa so với năm 1990. Nước ta đã làm tốt việc giảm tỷ lệ trẻ sơ sinh tử vong và tạo điều kiện cho người dân ở nông thôn tiếp cận với nước sạch. Đây là những lĩnh vực mà nước ta sẽ sớm đạt được MDGs so với thời hạn 2015. Tuy nhiên, còn nhiều lĩnh vực khác chúng ta cần phải tích cực hơn. Ví dụ, tỷ lệ 30% trẻ em bị suy dinh dưỡng là tỷ lệ khá cao.

HDI ngày nay là công cụ nhân văn có ý nghĩa thời đại để quản lý phát triển kinh tế xã hội cộng đồng. Chỉ số này dù chỉ biểu diễn bởi một con số nhưng nó phản ánh tổng hợp các thành tựu kinh tế - xã hội về cả số lượng và chất lượng. Xác định được các biện pháp tích cực và khẩn trương nâng giá trị HDI của nước ta thời kỳ 2006 - 2010 chính là nền tảng để đạt được những Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ vào năm 2015 một cách bền vững. □

NHỮNG năm gần đây, các vụ tham ô, tham nhũng ở nước ta bị phát hiện thường lớn và phức tạp có mối quan hệ móc nối “trên dưới, trong ngoài”. Hậu quả của tệ tham ô, tham nhũng không chỉ là mất tiền (trăm tỉ, ngàn tỉ đồng công quỹ), mà còn mất cán bộ, mất lòng tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và làm cho cuộc đấu tranh tư tưởng hiện nay với các thế lực thù địch vốn là một mặt trận nóng bỏng, càng trở nên phức tạp hơn, do phải đấu tranh với cả những biểu hiện cơ hội, tình trạng quan liêu, tham nhũng, lãng phí trong một bộ phận cán bộ, đảng viên.

Đầu những năm 90 của thế kỷ XX, sau khi hệ thống xã hội chủ nghĩa Đông Âu và Liên Xô tan rã xuất hiện một số cán bộ, đảng viên, do nhận thức chưa đầy đủ bản chất, cũng như nguyên nhân sâu xa của hiện tượng, nên một mặt, có biểu hiện hoang mang, lung lạc tinh thần, mất lòng tin vào sự phát triển của cách mạng; mặt khác, có những người tuy vẫn đứng trong hàng ngũ của Đảng, nhưng đã phai nhạt lý tưởng cộng sản. Tình trạng lời nói không đi đôi với việc làm, gió chiều nào che chiều ấy, thiếu chính kiến, nhạt đảng, giảm ý chí chiến đấu, lo vun vén cá nhân, thấy đúng không ủng hộ, thấy sai cũng không đấu tranh đang khá phổ biến, thậm chí có cả hiện tượng suy đồi đạo đức, lối sống.

Trước những cám dỗ của đồng tiền, có cán bộ, đảng viên bị “ô nhiễm” bởi tư tưởng tiểu tư sản, chủ nghĩa cá nhân, biểu hiện cơ hội, thực dụng ⁽¹⁾. Họ thấy chức quyền là “cái” để kiếm tiền thông qua các hành vi quan liêu, tham nhũng, nên sẵn sàng chạy chọt, dút lót dưới nhiều kiểu rất tinh vi để có chức vụ, địa vị. Khi nắm quyền lực trong tay thì tìm cách vơ vét tiền bạc như một kiểu “áp-phe”. Và hậu quả tất yếu của nạn “mua quan, bán tước” là quan liêu, tham nhũng. Nạn này diễn ra lén lút, âm thầm, núp dưới nhiều hình thức móc nối khác nhau... nên rất khó phòng, chống. Chúng thường sử dụng hình thức đưa và nhận hối lộ, tạo dựng “cánh hẩu”, “ê-kíp” trung thành để thực hiện mục đích cá nhân...

Tệ nạn này càng khó trừ khử nếu công tác cán bộ phạm sai lầm, thiếu công tâm, khách quan trong khâu lựa chọn, đánh giá, bố trí và đề bạt.

Những hiện tượng tha hóa, biến chất đủ màu sắc diễn ra trong một bộ phận cán bộ, đảng viên thời gian qua là tiếng chuông báo động, là vấn đề cấp thiết đặt ra cho Đảng ta phải tiếp tục tăng

CHỐNG QUAN LIÊU, THAM NHŨNG, LÃNG PHÍ là một nhiệm vụ của đấu tranh tư tưởng hiện nay

LÊ XUÂN ĐÌNH

cường và đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng nhằm làm trong sạch và nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, như tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), khóa VIII. Bởi, chính những kẻ quan liêu, tha hóa, biến chất, cơ hội, thực dụng đã tham gia vào các “đường dây” tham nhũng lớn nhỏ. Khi đã vơ vét được một lượng tài sản lớn vào túi cá nhân, họ không từ một thủ đoạn nào, sẵn sàng “chiêu hồi”, “trở cờ”, phản bội về tư tưởng, coi xã hội tư sản như một “thiên đường”; sẵn sàng chà đạp lên lợi ích của Đảng và của dân tộc, cố sù cho tư tưởng tư sản. Để tạo hậu thuẫn cho những mưu đồ đen tối, họ tìm cách tham gia các hoạt động mua chuộc, lôi kéo hoặc làm mất ý chí chiến đấu của đồng chí, đồng đội bằng nhiều thủ đoạn rất nham hiểm, như “nhúng chàm”, “há miệng mắc quai”.

Rõ ràng bệnh quan liêu, tham nhũng, lãng phí đã và đang phát triển thành một thứ “giặc nội xâm” rất nguy hiểm, là một quá trình “diễn biến hòa bình

(1) Xem thêm: Nguyễn Thị Doan: “Đấu tranh chống những biểu hiện cơ hội thực dụng trong thời kỳ mới”, *Tạp chí Cộng sản*, số 8-2003

từ nội bộ Đảng ta"⁽²⁾, nếu không được ngăn chặn, đẩy lùi.

Nguy cơ này không phải bây giờ mới có. Mối nguy hiểm của nó cũng không phải đến nay mới được thấy rõ. Năm mươi ba năm trước (1952), lúc Nhà nước ta mới 7 tuổi, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ ra mối nguy hiểm của bệnh quan liêu, tham ô và lãng phí⁽³⁾.

"- Đúng về phía *cán bộ* mà nói, tham ô là:

Ăn cắp của công làm của tư

Độc khoét của nhân dân

Ăn bớt của bộ đội.

Tiểu ít mà khai nhiều, lợi dụng của chung của Chính phủ để làm quỹ riêng cho địa phương mình, đơn vị mình, cũng là tham ô.

- Đúng về phía *nhân dân* mà nói, tham ô là:

Ăn cắp của công, khai gian, lậu thuế"⁽⁴⁾.

Hiện nay, các hành vi buôn lậu, gian lận thương mại, trốn lậu thuế đang biến tướng dưới nhiều hình thức rất tinh vi... Đây cũng là tội tham ô. Chúng nguy hiểm ở chỗ là tạo lập nên các "đường dây" đưa hối lộ, móc nối quan hệ vào bộ máy công quyền; một số cán bộ, công chức tiếp tay cho bọn gian thương, lậu thuế; hình thành các kiểu "quần xanh, quần đỏ" trong đấu thầu để nâng giá thầu, ăn chênh lệch và chia chác...

Lãng phí cũng là căn bệnh khá phổ biến hiện nay. Nó biểu hiện không những ở số cán bộ, công chức chây lười, thiếu chí tiến thủ, để công việc bê trễ..., mà còn diễn ra với nhiều biểu hiện khác nhau, ở nhiều nơi, kể cả ở những công trình lớn của đất nước bị chậm tiến độ gây lãng phí thời gian, làm mất cơ hội phát triển...

Quan liêu, tham ô, lãng phí đều đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh phân tích trong mối liên hệ "nhân quả". Người viết: "*Tham ô là trộm cướp*. Lãng phí tuy không lấy của công dứt túi, song kết quả cũng rất tai hại cho nhân dân, cho Chính phủ. Có khi tai hại hơn nạn tham ô"⁽⁵⁾. Nhưng nguyên nhân sâu xa dẫn đến tệ nạn tham ô, lãng phí là vì bệnh quan liêu, vì những người và những cơ quan lãnh đạo mắc bệnh quan liêu thành thối: "có mắt mà không thấy suốt, có tai mà không nghe thấu, có chế độ mà không giữ

đúng, có kỷ luật mà không nắm vững. Kết quả là những người xấu, những cán bộ kém tha hồ tham ô, lãng phí. Thế là *bệnh quan liêu* đã áp ủ, dung túng, che chở cho nạn tham ô, lãng phí. Vì vậy, muốn trừ sạch nạn tham ô, lãng phí, thì trước mắt phải tẩy sạch bệnh quan liêu"⁽⁶⁾.

Quan liêu có nhiều nguyên nhân, nhưng nó luôn gắn với quyền lực và nạn lạm dụng quyền lực. Vì vậy, hành vi quan liêu xuất phát từ một số người có chức quyền, thoái hóa, biến chất, cá nhân chủ nghĩa... Có thể nói, ở đâu có quan liêu là có biểu hiện tham nhũng, lãng phí. Ở đâu có tham nhũng, lãng phí thì ở đó có quan liêu, có những cán bộ tự coi mình là "trên dân", coi thường pháp luật và kỷ luật đảng. Với bản chất nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân, chúng ta không thể dung dưỡng tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí. Chừng nào cuộc đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí và bệnh quan liêu còn chưa đem lại hiệu quả thiết thực, thì chừng đó lòng dân còn chưa yên.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: tham ô, lãng phí và bệnh quan liêu là biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân, là kẻ thù rất nguy hiểm. Bởi vì, tuy nó không mang gươm súng, nhưng lại nằm trong các tổ chức của ta để làm hỏng công việc của chúng ta. Người khẳng định: "Tham ô, lãng phí và bệnh quan liêu, dù cố ý hay không, cũng là *bạn đồng minh* của thực dân và phong kiến... Nó phá hoại đạo đức cách mạng của ta là cần, kiệm, liêm, chính"⁽⁷⁾. Bởi vậy, chống tham ô, lãng phí và bệnh quan liêu cũng quan trọng và cần kíp như đánh giặc trên mặt trận.

Ở nước ta, cuộc đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí luôn được Đảng quan tâm sâu sắc. Trong thời kỳ đổi mới, cuộc đấu tranh chống tham nhũng, buôn lậu đã được Đảng và Nhà nước ta tập trung chỉ đạo quyết liệt. Bộ Chính trị (khóa VIII) đã có Chỉ thị 15-CT/TW. Thủ tướng Chính phủ đã ban

(2) Phạm Văn Đồng: "Nêu cao danh hiệu Đảng Cộng sản Việt Nam, đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam", *Tạp chí Cộng sản*, số 10-1999

(3) Xem: Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t 6, tr 484 - 502

(4) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 6, tr 488

(5), (6), (7) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 6, tr 489, 490

hành Quyết định số 114/QĐ-TTg (năm 1992) về chống tham nhũng, buôn lậu. Từ năm 1997 đến năm 2002 đã có 42 văn bản pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và tham nhũng được ban hành⁽⁸⁾; trong đó, năm 1998 Quốc hội đã ban hành *Pháp lệnh chống tham nhũng, Pháp lệnh thực hành tiết kiệm, chống lãng phí* và hiện nay đang thảo luận, đóng góp cho *Luật phòng, chống tham nhũng*.

Nhưng “quốc nạn” tham nhũng vẫn chưa có dấu hiệu được đẩy lùi, thậm chí còn lan rộng, ăn sâu, mọc nổi bằng nhiều quan hệ rất phức tạp, đang làm giảm niềm tin của nhân dân, trở thành một nguy cơ đối với sự sống còn của chế độ mới, như Đảng ta đã cảnh báo. Đại hội VII của Đảng đã nêu rõ tình trạng và nguy cơ tệ nạn quan liêu, tham nhũng của cán bộ, đảng viên ở nước ta hiện nay. Báo cáo Chính trị tại Đại hội IX khẳng định: “...tình trạng tham nhũng và sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên đang cản trở việc thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, gây bất bình và làm giảm lòng tin trong nhân dân”⁽⁹⁾.

Từ năm 1993 đến 2004, lực lượng công an đã phát hiện 9.960 vụ việc có dấu hiệu tham nhũng, gây thiệt hại 7.558 tỉ đồng. Qua các vụ đã phát hiện, thiệt hại do tham nhũng tăng dần, thủ đoạn của đối tượng tinh vi hơn, chủ thể tham nhũng có chức vụ ngày càng cao (trong đó 1 bộ trưởng, 5 thứ trưởng, 14 chủ tịch và phó chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh, hàng trăm vụ trưởng, tổng giám đốc... bị xử lý hình sự). Về đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại, trong thời gian nói trên, đã phát hiện, bắt giữ 162.785 vụ, thu giữ, thu hồi hàng hóa trị giá 4.051 tỉ đồng, truy thu, phạt tiền 966 tỉ đồng. Tình trạng này diễn ra phức tạp trên tất cả các tuyến, địa bàn trọng điểm (biên giới phía Bắc, miền Trung, Tây - Nam, tuyến biển, hàng không, đường sắt, bưu điện...). Tham nhũng, buôn lậu rất phổ biến và ngày càng nghiêm trọng, song tỷ lệ phát hiện thấp, tỷ lệ ấn rất cao. Cấp tỉnh và huyện phát hiện, xử lý còn ít⁽¹⁰⁾.

Rõ ràng, trong cuộc đấu tranh tư tưởng hiện nay, chúng ta phải coi việc chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu là một nhiệm vụ quan trọng, gắn với chống những biểu hiện lệch lạc, cơ hội, thực dụng

về tư tưởng, nhất là trong số cán bộ, công chức nhà nước. Xin mạnh dạn đề xuất một số biện pháp sau:

Thứ nhất, phải đẩy nhanh tiến độ cải cách hành chính để giảm thiểu những hành vi quan liêu, sòng lọc cán bộ bằng bộ máy và ngay trong bộ máy. Không ít công chức miệng nói yêu nước, nhưng trong việc làm thì tìm cách tạo ra các “rào cản trá hình”, gây khó khăn cho người dân, cho doanh nghiệp để vòi vĩnh, nhận các khoản “lót tay”. Họ vô cảm trước tình trạng công việc chung bị ngừng trệ, doanh nghiệp mất cơ hội làm ăn, đất nước mất thời cơ để phát triển kinh tế. Chính họ đang kìm hãm sự phát triển chung của đất nước. Có người lại vì những món hối lộ mà rắp tâm và ngấm ngấm tiếp tay cho những kẻ đưa hối lộ làm trái những quy định, quy chế của cơ quan; pháp luật của Nhà nước. Bởi vậy, cùng với việc tiếp tục quan tâm giáo dục đạo đức, tác phong cho cán bộ, đảng viên, cũng cần sớm áp dụng những tiến bộ khoa học và công nghệ, trước hết là công nghệ thông tin để Nhà nước có thêm những công cụ hiệu lực kiểm soát những hành vi quan liêu của đội ngũ công chức, nhất là khi xây dựng được chính phủ điện tử. Chính phủ cũng nhờ đó mà bảo đảm tính minh bạch như một yếu tố quan trọng trong cuộc chiến chống quan liêu, tham nhũng. Vấn đề này hiện nay ở nước ta, theo tôi, đưa vào cuộc sống còn chậm và thiếu đồng bộ. Phần đông cán bộ, công chức trình độ hiểu biết tin học và ngoại ngữ còn bắt cập.

Đảng ta đã xác định cán bộ là “gốc” của mọi công việc. Bởi vậy, cần thực hiện nghiêm túc ngay từ các quy trình quy hoạch, đào tạo, đề bạt và sử dụng cán bộ. Lâu nay, không ít quy chế, chế độ đã được xây dựng công khai, minh bạch (Quy chế Dân chủ ở cơ sở, quy định làm việc nội bộ cơ quan, và nhất là quy trình lựa chọn, đề bạt cán bộ...), nhưng không ít nơi chưa được tuân thủ một cách nghiêm ngặt. Đây chính là một kẻ hở để một số phần tử cơ hội, biến chất lọt vào bộ máy, làm lây lan những “căn bệnh tư tưởng nguy hiểm”.

(8) Xem: *Pháp luật về tiết kiệm, chống lãng phí và tham nhũng*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2003, tr 440

(9) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr 67

(10) Xem: *Báo Nhân Dân*, ngày 09-06-2005

Thứ hai, nâng cao trình độ hiểu biết về pháp luật và tuân thủ pháp luật. Không ít ý kiến cho rằng muốn chống được tham nhũng thì phải có hệ thống pháp luật hoàn thiện. Nhưng hiện nay, trong khi nhiều luật và bộ luật có chất lượng tốt đã được ban hành, nhưng chưa được cán bộ, công chức cũng như người dân hiểu và tuân thủ một cách triệt để. Có luật nhưng nếu đa số dân chúng chưa hiểu và chưa làm theo pháp luật thì cũng như không. Trình độ dân trí và trình độ hiểu biết pháp luật được cải thiện sẽ giúp cho Nhà nước phát huy cao độ vai trò và chức năng giám sát của người dân. Đó là "triệu triệu tai, mắt" có thể phát hiện, chỉ ít cũng là cung cấp cho các cơ quan chức năng có những thông tin cần thiết ban đầu để tiếp tục tiến hành điều tra, phòng và chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, góp phần làm cho Nhà nước ta trong sạch, vững mạnh. Bởi vậy, không những phải có ý chí, quyết tâm của những người đứng đầu các cơ quan công quyền và các tổ chức chính trị, đoàn thể, mà còn phải có cả sự ủng hộ tích cực của đông đảo quần chúng, thực hiện: *"Sống, làm việc theo Hiến pháp và pháp luật"*, thì cuộc đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí mới có hiệu quả.

Thứ ba, phải có thiết chế thực thi có hiệu quả trong việc phòng, chống tệ nạn đưa và nhận hối lộ. Đại đa số các vụ tham nhũng đều có liên quan đến đưa và nhận hối lộ. Theo kinh nghiệm của các nước, muốn chống được việc đưa và nhận hối lộ, một mặt, phải hiện đại hóa hệ thống ngân hàng, khắc phục tình trạng sử dụng tràn lan các giao dịch bằng tiền mặt; mặt khác, phải kiểm soát được thu nhập cá nhân, thậm chí cả chi tiêu cá nhân của cán bộ, công chức. Muốn vậy, phải thực hành rộng rãi hệ thống tài khoản cá nhân. Ngoài ra, cần kiểm soát chi tiêu cá nhân thông qua việc ứng dụng công nghệ tin học vào hệ thống phân phối, bán lẻ..., nhất là đối với cán bộ, công chức.

Thứ tư, phải kết hợp đồng bộ các biện pháp giáo dục đạo đức, tư tưởng với kiểm tra, giám sát, kiên quyết, triệt để bằng những phương pháp khoa học. Để ngăn chặn tình trạng quan liêu, tham nhũng, suy thoái đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên, Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), khóa VIII đã chỉ rõ: "Cấp ủy và ủy ban kiểm tra các cấp cùng với các cơ quan

thanh tra, điều tra, kiểm sát, tòa án phải nắm chắc tình hình và khẩn trương kiểm tra, kết luận, xử lý kịp thời đúng pháp luật những đơn tố cáo về đạo đức, lối sống tiêu cực của cấp ủy viên và người đứng đầu các cơ quan, trước hết đối với Ủy viên Trung ương, trưởng ban, bộ trưởng, bí thư cấp ủy, chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và cán bộ chủ chốt trong hệ thống chính trị"⁽¹¹⁾. Điều đó có nghĩa là đề cao công tác kiểm tra, giám sát trong Đảng, nhất là đối với công tác cán bộ, trọng điểm là số đảng viên có chức quyền, có dấu hiệu quan liêu, tham nhũng ở tất cả các cấp, các ngành, các lĩnh vực.

Hầu hết các vụ tham ô, lãng phí và bệnh quan liêu của cán bộ, đảng viên đều do quần chúng phát hiện, tố giác, chứ không phải do tổ chức đảng. Điều đó nói lên rằng, tình chiến đấu của các tổ chức đảng hiện nay nhiều nơi giảm sút và rất yếu kém. Bệnh hình thức và thành tích, tình trạng nể nang, không dám đấu tranh còn khá phổ biến, người trung thực thẳng thắn nhiều khi bị cô lập. Bởi vậy, cần thực hiện tốt dân chủ trong Đảng để mỗi cán bộ, đảng viên phát huy vũ khí đấu tranh phê và tự phê, đồng thời tạo điều kiện phát huy cơ chế giám sát của quần chúng đối với đảng viên. Những chi bộ, đảng bộ phát hiện và dám đấu tranh với các cá nhân trong nội bộ phạm sai lầm, tham ô, tham nhũng phải được khen thưởng thích đáng. Như vậy mới khắc phục được tình trạng có những cơ sở đảng tuy đạt danh hiệu trong sạch, vững mạnh, nhưng khi kiểm tra lại phát hiện có người phạm tội, sa lưới pháp luật; hay tình trạng dung dưỡng cho chủ nghĩa thành tích, cố ý che giấu sai lầm, khuyết điểm. Hậu quả của việc để sai lầm không được xử lý, ngăn chặn kịp thời là sẽ làm cho tổ chức yếu kém, nội bộ mất đoàn kết, kẻ tham nhũng coi thường tổ chức, ngang nhiên hoạt động lâu ngày dẫn đến phạm tội nghiêm trọng.

Thứ năm, phải thực hành dân chủ, công khai và minh bạch tài chính và những vấn đề dân được biết, được bàn. Việc công khai và minh bạch tài chính sẽ

(Xem tiếp trang 62)

(11) Văn kiện Hội nghị lần thứ sáu (lần 2) Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1999, tr 29 - 30



ĐẨY MẠNH CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI, ĐƯA HÀ TĨNH SỚM TRỞ THÀNH TỈNH CÓ CÔNG NGHIỆP, DỊCH VỤ PHÁT TRIỂN

TRẦN ĐÌNH ĐÀN *

ĐẾN ngày 18-10-2005, Hà Tĩnh đã hoàn thành đại hội Đảng bộ cấp trên cơ sở, bảo đảm các yêu cầu về tiến độ, nguyên tắc, nội dung theo Chỉ thị 46 - CT/TW của Bộ Chính trị. Cùng với việc bầu cấp ủy, bầu đại biểu dự Đại hội Đảng bộ tỉnh, bảo đảm đúng quy định, tiêu chuẩn; bầu một lần đủ 100% số lượng do Đại hội quyết định, các đại hội đã dành thời gian thỏa đáng để thảo luận, góp ý vào Báo cáo chính trị, báo cáo kiểm điểm ban chấp hành, dự thảo văn kiện của Trung ương và của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh. Dự thảo Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã có gần 4.000 ý kiến đóng góp sâu sắc và đầy tâm huyết của các cán bộ lão thành, cán bộ chủ chốt của tỉnh và các huyện, thị xã qua các thời kỳ; của nhiều đồng chí lãnh đạo các bộ, ban, ngành trung ương; các nhân sĩ, trí thức trong tỉnh và những người con của Hà Tĩnh trên mọi miền đất nước. Đây chính là kết quả bước đầu của việc đổi mới tư duy, huy động tối đa trí tuệ tập thể; của sự đoàn kết thống nhất, quyết tâm tạo sự bứt phá, đưa Hà Tĩnh đi lên trong nhiệm kỳ tiếp theo.

1 - Nỗ lực, thành tựu và bài học kinh nghiệm

Với tinh thần nhìn thẳng vào sự thật, Dự thảo Báo cáo chính trị trình Đại hội Đảng bộ

tỉnh lần thứ XVI đã đánh giá khách quan, thực chất tình hình; những thành tựu cũng như những khuyết điểm, hạn chế, nhất là rút ra được những bài học kinh nghiệm trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh, công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị nhiệm kỳ vừa qua; đồng thời xác định phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp trong nhiệm kỳ tới.

Trong 5 năm (2001 - 2005), Đảng bộ và nhân dân Hà Tĩnh đã nỗ lực phấn đấu vượt qua những khó khăn, thách thức, đã giành được kết quả khá toàn diện trên các lĩnh vực, đạt và vượt hầu hết các mục tiêu chủ yếu do Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV đề ra. Kinh tế phát triển tương đối đồng đều với mức tăng trưởng khá, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực; cơ sở vật chất, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được tăng cường; văn hóa, giáo dục, y tế và các hoạt động xã hội có nhiều khởi sắc; đời sống mọi mặt của người dân tiếp tục được cải thiện, dân chủ được tăng cường; quốc phòng - an ninh được bảo đảm, giữ vững ổn định chính trị ở tất cả các địa phương, cơ sở; công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị có nhiều chuyển biến rõ nét.

* TS, Bí thư Tỉnh ủy, Trưởng đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Hà Tĩnh

Tuy nhiên, hạn chế lớn nhất của Hà Tĩnh vẫn là quy mô kinh tế còn nhỏ bé và phân tán, tăng trưởng chưa vững chắc; một số chỉ tiêu kinh tế đạt được còn thấp so với mức bình quân của khu vực và cả nước; chất lượng hoạt động của một số lĩnh vực văn hóa - xã hội chưa đáp ứng yêu cầu; tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị trên một số mặt chưa thực sự ngang tầm với yêu cầu phát triển của tỉnh. Ngoài nguyên nhân về khách quan, nguyên nhân chủ quan của những hạn chế nói trên là do một số cấp ủy chưa nhận thức đầy đủ và sâu sắc về đường lối đổi mới của Đảng; năng lực lãnh đạo, tổ chức thực hiện của đội ngũ cán bộ các cấp còn hạn chế, thiếu đồng bộ và nhất quán; chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể còn lúng túng trong việc đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động, chưa thực sự sâu sát, gần gũi với nhân dân; một bộ phận cán bộ tham nhũng, quan liêu, gây phiền hà... làm giảm lòng tin của nhân dân với Đảng và chính quyền. Nhưng trong điều kiện một tỉnh có xuất phát điểm thấp, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội còn thiếu thốn, môi trường đầu tư không thuận lợi; cùng với những hạn chế tất yếu do vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên đưa lại.. thì những thành tựu, kết quả mà Đảng bộ và nhân dân Hà Tĩnh đã đạt được trong nhiệm kỳ qua có ý nghĩa to lớn và rất đáng trân trọng.

Trên cơ sở đánh giá những thành tựu, kết quả đã đạt được cũng như những yếu kém, hạn chế trong nhiệm kỳ qua, Hà Tĩnh rút ra một số bài học kinh nghiệm. Đó là:

Thứ nhất, phải quán triệt sâu sắc, vận dụng sáng tạo đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước vào hoàn cảnh cụ thể của từng ngành, từng địa phương; xây dựng các chương trình, đề án, kế hoạch hành động có tính khả thi cao, từ đó khai thác tốt các tiềm năng và lợi thế.

Thứ hai, phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân, huy động có hiệu quả mọi nguồn lực; tranh thủ sự lãnh đạo, chỉ đạo và giúp đỡ của

Trung ương Đảng, Chính phủ, các bộ, ngành; tăng cường liên kết, hợp tác toàn diện với các tỉnh bạn và hợp tác quốc tế, tạo tiền đề để phát triển.

Thứ ba, chọn đúng những vấn đề trọng tâm, trọng điểm của từng ngành, từng lĩnh vực, từng thời kỳ để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo; kết hợp chặt chẽ và phối hợp đồng bộ giữa các chương trình, kế hoạch; gắn phát triển kinh tế với phát triển văn hóa - xã hội, coi đây là động lực của sự phát triển toàn diện, vững chắc.

Thứ tư, bảo đảm tính đồng bộ, hiệu quả trong lãnh đạo, chỉ đạo theo phương châm: phân công, phân cấp cụ thể; phân định rõ trách nhiệm, quyền hạn; bố trí đúng cán bộ, nhất là cán bộ chủ chốt, phát huy tính chủ động, sáng tạo và đề cao trách nhiệm cá nhân trong chỉ đạo, điều hành và thực thi nhiệm vụ.

Thứ năm, coi trọng công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, tăng cường sự đoàn kết thống nhất và dân chủ thực sự trong Đảng; nghiêm túc, thẳng thắn trong tự phê bình và phê bình; xây dựng và củng cố hệ thống chính trị; tập trung giải quyết các vấn đề xã hội bức xúc, phát huy dân chủ gắn với giữ vững kỷ cương, pháp luật.

2 – Phát huy truyền thống, tranh thủ thời cơ – thuận lợi để bứt phá đi lên

Đã từ lâu, nhất là kể từ khi tái lập tỉnh (tháng 9-1991), câu hỏi luôn làm nặng lòng các thế hệ lãnh đạo, cũng là nỗi trăn trở của Đảng bộ, nhân dân và những người con Hà Tĩnh xa quê, là vì sao một vùng đất giàu truyền thống cách mạng, văn hóa, khoa cử, nguồn nhân lực dồi dào, giàu tài nguyên khoáng sản... mà vẫn nghèo? Và Hà Tĩnh phải làm gì để thoát nghèo, vươn tới no ấm, mạnh giàu? Với những thành tựu và bài học kinh nghiệm trong những năm qua; với ý chí, trí tuệ, tinh thần đổi mới; với kết quả bầu cấp ủy của đại hội Đảng các cấp và từ kết quả chuẩn bị nội dung, nhân sự Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI... cho thấy Đảng bộ và nhân dân Hà Tĩnh đang nung nấu quyết tâm

đoàn kết phấn đấu để nỗ lực vươn lên trong chặng đường mới.

Mặc dù còn không ít khó khăn, thử thách, nhưng Hà Tĩnh bước vào Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI (nhiệm kỳ 2006 - 2010) trong điều kiện có nhiều thời cơ, thuận lợi. Cùng với cả nước, Hà Tĩnh đã vượt qua những thách thức, giành được những thành tựu quan trọng của công cuộc đổi mới. Đã xuất hiện ngày càng nhiều mô hình của nhiều đơn vị, cá nhân sản xuất - kinh doanh có hiệu quả, giải quyết việc làm cho hàng ngàn lao động, đóng góp quan trọng vào tăng nhanh nguồn thu ngân sách... là nhân tố tích cực, động lực thúc đẩy kinh tế - xã hội của tỉnh phát triển. Hà Tĩnh cũng đã có được “thiên thời” khi trong Nghị quyết 39 của Bộ Chính trị (khóa IX) “Về phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung bộ đến 2010” cùng những thông báo của Chính phủ gần đây xác định rõ một số dự án trọng điểm quốc gia và các chương trình, dự án liên quan khác sẽ triển khai ở Hà Tĩnh. Đó là: dự án khai thác mỏ sắt Thạch Khê, dự án nhà máy Thép liên hợp, dự án nhà máy nhiệt điện Vũng Áng v.v... Đây là cơ sở, điều kiện quan trọng để Hà Tĩnh khai thác tốt các tiềm năng, lợi thế, tạo bước đột phá để đưa kinh tế của tỉnh sớm hội nhập phát triển với các tỉnh và cả nước.

Hà Tĩnh đã nhìn rõ những tiềm năng và lợi thế của mình. Nằm ở vị trí trung tâm của vùng Bắc Trung Bộ, phía Tây có đường biên giới chung với nước bạn Lào dài 145 km, có cửa khẩu quốc tế Cầu Treo qua quốc lộ 8A - là tuyến đường bộ ngắn và lý tưởng nhất từ Hà Nội đi Viên Chăn. Phía đông có bờ biển dài 137km, có cảng biển Xuân Hải, đặc biệt là cảng nước sâu Vũng Áng đang trở thành tuyến đường hàng hải quốc tế quan trọng, là cửa ngõ chính ra biển Đông của nước bạn Lào và các tỉnh đông - bắc của Thái Lan. Các lợi thế tự nhiên đó hứa hẹn phát triển cả về kinh tế, du lịch, giao thông - vận tải và ngoại thương của

tỉnh trong tương lai. Hà Tĩnh có quốc lộ 1A, đường sắt Bắc - Nam và đường Hồ Chí Minh chạy dọc chiều dài của tỉnh - là những tuyến đường huyết mạch quan trọng, kết nối với tuyến hành lang đông - tây, hình thành mạng lưới giao thông của khu vực bắc Trung Bộ với Lào, Thái Lan và các nước ASEAN. Quá trình kiến tạo địa chất đã tạo cho Hà Tĩnh hội đủ 3 vùng sinh thái: vùng núi, trung du và vùng đồng bằng ven biển, cho phép phát triển một nền kinh tế đa dạng và toàn diện cả về nông - lâm - ngư nghiệp, cả về công nghiệp và du lịch - dịch vụ. Hà Tĩnh có nhiều sông ngòi, chỉ riêng 3 con sông Ngàn Sâu, Ngàn Phố, Ngàn Trươi hàng năm có tổng trữ lượng nước trên 13 tỉ m³; có hồ Kẻ Gỗ, hồ Sông Rác, hồ Cửa Thờ - Trại Tiểu với tổng trữ lượng hơn 600 triệu m³ nước, là điều kiện lý tưởng để phát triển nông nghiệp, mở rộng những vùng cây trái đặc sản nổi tiếng như bưởi Phúc Trạch (Hương Khê), cam bùi Hương Sơn, Hương Khê, quýt Kỳ Anh, hồng Thạch Hà... Trong lòng đất Hà Tĩnh có rất nhiều loại khoáng sản, được phân bố hợp lý với trữ lượng lớn và có giá trị kinh tế cao như quặng sắt Thạch Khê (Thạch Hà) trữ lượng 544 triệu tấn (chiếm hơn 1/2 trữ lượng cả nước), quặng ti-tan trên 5 triệu tấn, cùng với các tài nguyên, khoáng sản đa dạng khác như măng-gan, than đá, đá gran-nít, vàng, cát trắng, đá hoa cương... Hà Tĩnh cũng là vùng đất tiềm tàng để phát triển du lịch - dịch vụ với rất nhiều danh lam, thắng cảnh và di tích lịch sử - văn hóa nổi tiếng. Chính mảnh đất có bề dày lịch sử, văn hóa và phong cảnh hữu tình này đã sinh ra và góp cho đất nước nhiều danh nhân văn hóa nổi tiếng, nhiều nhà chính trị, quân sự xuất sắc, nhiều nhà khoa học, quản lý giỏi... làm rạng danh đất nước.

Để khai thác tiềm năng, lợi thế và huy động tốt các nguồn lực, Đảng bộ Hà Tĩnh xác định, trước hết phải đoàn kết trong Đảng, trong nhân dân; biết trọng dụng và đề cao nhân tố con người; xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là đội ngũ

cán bộ cốt cán từ cơ sở đến huyện, tỉnh có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức tốt, có trình độ, năng lực, luôn sáng tạo, đổi mới và gương mẫu... Hà Tĩnh đã sẵn sàng với tinh thần đó.

Trên cơ sở những thành tựu, tiềm năng lợi thế, những thời cơ, thuận lợi và ý kiến chỉ đạo của Bộ Chính trị, ý kiến đóng góp đầy tâm huyết, trách nhiệm và trí tuệ của toàn Đảng, toàn dân, Dự thảo Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XV trình Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI xác định phương hướng và mục tiêu tổng quát nhiệm kỳ 2006 - 2010 là: “Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ, hiệu lực và hiệu quả quản lý, điều hành của chính quyền các cấp; tăng cường sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân, đẩy mạnh công cuộc đổi mới trên tất cả các lĩnh vực, tập trung cao độ mọi nguồn lực tạo bước đột phá về công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, đồng thời hết sức coi trọng phát triển nông nghiệp, nông thôn toàn diện; phát triển thương mại, du lịch, dịch vụ, đẩy nhanh tiến trình đô thị hóa; tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ, y tế, văn hóa và các hoạt động xã hội; bảo đảm quốc phòng - an ninh, giữ vững ổn định chính trị; phấn đấu đưa Hà Tĩnh từ một tỉnh nông nghiệp sớm trở thành một tỉnh có công nghiệp - dịch vụ phát triển, tạo nền tảng để đến năm 2015 trở thành một trong những trung tâm công nghiệp của miền Trung”. Hà Tĩnh đặt chỉ tiêu đến năm 2010 phấn đấu đạt “tốc độ tăng trưởng GDP bình quân hằng năm trên 12%; có cơ cấu kinh tế công nghiệp - xây dựng 35%, thương mại - dịch vụ 37%, nông - lâm - ngư nghiệp 28%; thu nhập bình quân đầu người trên 10 triệu đồng, mỗi năm giải quyết việc làm cho khoảng 30 nghìn lao động; thu ngân sách nội địa trên 1.200 tỉ đồng, kim ngạch xuất khẩu đạt trên 120 triệu USD”.

Để hiện thực hóa các mục tiêu đó, tỉnh sẽ tập trung thực hiện một số nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu sau. *Một là*, tập trung mọi nguồn

lực tạo bước đột phá phát triển công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp, đẩy nhanh tiến trình đô thị hóa. *Hai là*, tiếp tục phát triển nông nghiệp, nông thôn toàn diện theo hướng sản xuất hàng hóa và từng bước công nghiệp hóa, hiện đại hóa. *Ba là*, huy động tối đa và lồng ghép các nguồn lực đầu tư hoàn thiện từng bước kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội và một số dự án trọng điểm. *Bốn là*, chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế. *Năm là*, nâng cao hiệu quả hoạt động tài chính, thương mại, dịch vụ và du lịch; phát triển mạnh các thành phần kinh tế, các loại hình tổ chức sản xuất - kinh doanh; nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục - đào tạo, khoa học công nghệ; đổi mới nội dung và phương thức hoạt động trên các lĩnh vực văn hóa - xã hội; đẩy mạnh xóa đói giảm nghèo, tạo việc làm, tiếp tục cải thiện đời sống nhân dân. *Sáu là*, tăng cường quốc phòng - an ninh, giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội. *Bảy là*, tiếp tục đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức đảng, củng cố, kiện toàn bộ máy chính quyền các cấp, xây dựng Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân trong sạch, vững mạnh.

Sau thành công của đại hội Đảng bộ cơ sở và cấp trên cơ sở, cán bộ, đảng viên và nhân dân Hà Tĩnh càng phấn khởi, tin tưởng chào đón Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI chính thức khai mạc vào đầu tháng 12-2005. Đại hội tỉnh Đảng bộ lần thứ XVI có ý nghĩa quan trọng, mở ra một giai đoạn phát triển mới với quy mô lớn hơn, toàn diện hơn. Đi lên từ gian khó nhọc nhằn, nên Đảng bộ và nhân dân Hà Tĩnh càng trân trọng những thành tựu đã đạt được, tăng cường nỗ lực phấn đấu, đoàn kết thống nhất với tinh thần đổi mới mạnh mẽ, năng động, sáng tạo, tranh thủ thời cơ, thuận lợi,... quyết tâm đưa Hà Tĩnh sớm trở thành tỉnh giàu mạnh, văn minh; thực sự “... làm cho tình hình Hà Tĩnh nổi bật lên” như Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu đã mong muốn, căn dặn. □

LÀ một tỉnh thuần nông, kinh tế - xã hội còn gặp nhiều khó khăn, nhưng Vĩnh Phúc có nhiều lợi thế như: gần thủ đô, có hệ thống giao thông thuận lợi, lực lượng lao động dồi dào... Đứng trước thời cơ và thách thức, Vĩnh Phúc đã chọn khâu đột phá là: thu hút đầu tư để phát triển. Từ năm 2000 - 2005, tỉnh đã thu hút được 450 dự án với tổng vốn đăng ký hơn 1,7 tỉ USD, chiếm hơn 90% tổng số dự án và tổng vốn đăng ký đầu tư vào địa bàn từ trước tới nay; đền bù, giải phóng mặt bằng hơn 2.000 ha đất phục vụ cho phát triển công nghiệp, dịch vụ và xây dựng kết cấu hạ tầng; hình thành thêm 11 khu công nghiệp, cụm công nghiệp với tổng diện tích hơn 2.644 ha. Trong 139 dự án đã đi vào hoạt động, hầu hết đạt hiệu quả, góp phần quyết định gia tăng giá trị sản xuất công nghiệp, kim ngạch xuất, nhập khẩu, tổng thu ngân sách trên địa bàn và giải quyết việc làm cho hàng chục nghìn lao động.

Quy mô vốn đầu tư phát triển tăng nhanh. Tổng vốn đầu tư xã hội trên địa bàn năm 2005 ước đạt trên 7.500 tỉ đồng, tăng gấp 9 lần so với năm 2000. Cơ cấu đầu tư được đổi mới, hướng mạnh vào nâng cao chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh, tạo nền tảng cho phát triển kinh tế - xã hội. Vốn từ ngân sách đã tập trung đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, đầu tư cho nông nghiệp, nông thôn phát triển nguồn nhân lực, xóa đói giảm nghèo, hỗ trợ các vùng khó khăn. Từ nguồn vốn tập trung, tỉnh đã làm mới hơn 250 km tỉnh lộ,

huyện lộ và đường nội thị, cứng hóa trên 60 km mặt đê các loại; hỗ trợ cho các địa phương xây mới hơn 500 km đường thôn, xóm, kiên cố hóa 1.973 km kênh mương thủy lợi nông thôn, (đạt 53%); xây mới, nâng cấp hệ thống điện và nhiều công trình văn hóa - thể thao, công trình phúc lợi xã hội. Có thể nói do có chính sách hợp lý, nhất là sự quản lý, lãnh đạo thống nhất, chặt chẽ từ tỉnh đến huyện và

xã, đồng thời tăng cường cải cách hành chính nên đầu tư ở Vĩnh Phúc đạt nhiều kết quả cả về quy mô, công nghệ, bảo đảm môi trường...

Do chọn và làm tốt khâu đột phá nên các ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản đều có tốc độ tăng trưởng khá. Bình quân giá trị sản xuất toàn ngành tăng 6,7%/năm (mục tiêu đề ra: 4,5% - 5%), trong đó nông

nghiệp tăng bình quân 6,5%/năm, thủy sản tăng bình quân 19,5%/năm. Tỷ trọng ngành nông - lâm nghiệp - thủy sản trong cơ cấu kinh tế giảm từ 31,2% xuống còn 21,33%. Cơ cấu giá trị sản xuất trong nội bộ ngành chuyển dịch tích cực, tỷ trọng trồng trọt giảm từ 71,3% xuống còn 60,9%, chăn nuôi từ 25,2% lên 35,3% (mục tiêu đặt ra là 30%), thủy sản tăng từ 2,6% lên 5,2%.

Sản xuất công nghiệp - xây dựng duy trì mức tăng trưởng cao. Giá trị sản xuất công nghiệp - xây dựng tăng 22,1%/năm (mục tiêu đề ra là 16%). Riêng giá trị sản xuất công nghiệp tăng 21,9%/năm, công nghiệp ngoài quốc doanh tăng 63,5%/năm, công nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tăng 18,6%. Bước đầu,

VĨNH PHÚC *phát triển* *kinh tế - xã hội* *từ khâu đột phá*

TỪ THANH

trên địa bàn tỉnh đã hình thành một số ngành công nghiệp mũi nhọn như: cơ khí, lắp ráp ô tô, xe máy, các sản phẩm hỗ trợ, vật liệu xây dựng, dệt may, da giày... Phần lớn các sản phẩm công nghiệp chủ yếu như ô tô, xe máy, gạch ốp lát, đồ gỗ nội thất, sẫm lớp, quần áo may sẵn... đều tăng cao và vượt xa so với mục tiêu đề ra. Cơ cấu sản xuất hàng hóa chuyển dịch tích cực theo hướng tăng giá trị hàng hóa xuất khẩu, hàng tiêu dùng và hàng có chất lượng cao.

Hoạt động thương mại, dịch vụ có chuyển biến tích cực, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu sản xuất và đời sống. Giá trị các ngành dịch vụ tăng bình quân 11,8%/năm (mục tiêu đề ra là 9%/năm). Kinh doanh thương mại khá sôi động, bảo đảm lưu thông hàng hóa trong và ngoài tỉnh. Tổng mức bán lẻ hàng hóa tăng 1,5 lần. Hoạt động xuất nhập khẩu đạt kết quả cao, kim ngạch xuất khẩu năm 2005 ước đạt 180 triệu USD (mục tiêu đề ra: 40 - 45 triệu USD). Du lịch có bước phát triển mới. Trên địa bàn tỉnh đang hình thành nhiều khu du lịch tập trung có chất lượng cao, là cơ sở để những năm tới đưa du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn. Công tác quản lý nhà nước về thương mại, du lịch được tăng cường. Vận chuyển hàng hóa và vận tải hành khách tăng mạnh. Bưu chính - viễn thông có tốc độ tăng trưởng cao, cơ sở vật chất phát triển nhanh. Toàn tỉnh có 95.092 máy điện thoại, đạt tỷ lệ 8,5 máy/100 dân. Khai thác dịch vụ In-tơ-nét bước đầu phát triển.

Thu, chi ngân sách trên địa bàn đạt kết quả cao. Tổng thu ngân sách trên địa bàn, bình quân đạt 1.865 tỉ đồng/năm (mục tiêu đề ra: 600 tỉ đồng/năm), tốc độ tăng bình quân 34,1%/năm. Cơ cấu thu có sự chuyển đổi tích cực, thu nội địa tăng, bình quân 43,4%/năm và chiếm hơn 70% tổng thu ngân sách trên địa bàn. Năm 2005 chi ngân sách địa phương ước

tăng 2,5 lần so với năm 2000, trong đó chi cho đầu tư phát triển bình quân chiếm trên 40%/năm. Từ năm 2004, tỉnh đã tự cân đối được thu chi ngân sách và có đóng góp cho ngân sách trung ương.

Lĩnh vực văn hóa, xã hội có nhiều tiến bộ và phát triển hài hòa với tăng trưởng kinh tế. Ngành giáo dục - đào tạo phát triển cả về quy mô, chất lượng, cơ sở vật chất và đội ngũ giáo viên. Mạng lưới trường, lớp được củng cố và dần ổn định. Chất lượng giáo dục - đào tạo có tiến bộ. Số học sinh đạt giải trong các kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh và quốc gia tăng, hàng năm đều có học sinh tham gia thi và đạt giải trong các kỳ thi học sinh giỏi quốc tế. Cơ sở vật chất cho dạy và học được tăng cường, tỷ lệ phòng học kiên cố ở bậc học phổ thông đạt 70% (tăng 23%). Đội ngũ giáo viên được bổ sung về số lượng, nâng cao về chất lượng; gần 100% giáo viên phổ thông đạt chuẩn trở lên. Giáo dục chuyên nghiệp và giáo dục thường xuyên ngày càng được chú trọng và quan tâm đầu tư. Xã hội hóa giáo dục được đẩy mạnh, đạt nhiều kết quả. Đến nay 100% xã, phường, thị trấn có trung tâm học tập cộng đồng. Vĩnh Phúc đã chú trọng việc giáo dục dạy nghề để đáp ứng nhu cầu công nghiệp hóa. Tỉnh có nhiều cơ sở dạy nghề với hàng chục ngành nghề khác nhau và có hàng ngàn học sinh theo học để phục vụ cho các khu công nghiệp ở địa phương. Tuy nhiên, đến nay lực lượng lao động vẫn chưa đạt được nhu cầu cả về số lượng và chất lượng, đòi hỏi tỉnh phải tiếp tục quan tâm và thực hiện tốt hơn nữa trong thời gian tới.

Về khoa học - công nghệ của tỉnh phát triển khá. Trong 5 năm đã có 242 đề tài khoa học được nghiệm thu, trong đó có 65,7% đề tài đã được ứng dụng vào sản xuất, đời sống và bước đầu đạt hiệu quả. Công nghệ thông tin được ứng dụng rộng rãi trên địa bàn. Chương trình

tin học hóa trong các cơ quan đảng, nhà nước đạt kết quả bước đầu.

Sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân có nhiều tiến bộ. Hệ thống y tế từ tỉnh đến các xã được tăng cường về cơ sở vật chất, trang thiết bị và đội ngũ cán bộ; chất lượng khám, chữa bệnh được nâng lên. Toàn tỉnh có 98,7% số xã có trạm y tế, 21,7% trạm y tế đạt chuẩn quốc gia, 88,8% trạm y tế có bác sỹ, đạt tỷ lệ 4 bác sỹ/1 vạn dân. Các chương trình y tế quốc gia được triển khai sâu rộng và đạt kết quả khá. Tỷ lệ trẻ em được tiêm đủ 6 loại vắc-xin đạt 98%, số dân sử dụng muối i-ốt trên địa bàn đạt 95%. Công tác vệ sinh phòng dịch được quan tâm, không để dịch bệnh lớn xảy ra. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên năm 2005 còn 1,05%, tỷ suất sinh giảm bình quân 0,48%. Công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em được quan tâm thường xuyên. Tỷ lệ suy dinh dưỡng ở trẻ em dưới 5 tuổi còn 25%, giảm 9% so với năm 2000.

Đời sống văn hóa ở cơ sở khởi sắc, 80% gia đình, 50% làng đạt tiêu chuẩn văn hóa. Các thiết chế văn hóa được tăng cường. Hoạt động sưu tầm, nghiên cứu văn hóa truyền thống được quan tâm. Các di tích, danh thắng trọng điểm của tỉnh như: Nhà lưu niệm Bác Hồ, Đền thờ Hai Bà Trưng, Tây Thiên, Chùa Hà, Đền Thính, di chỉ Đồng Đậu đã được tập trung quy hoạch, đầu tư xây dựng, tôn tạo. Công tác quản lý nhà nước trên lĩnh vực văn hóa, thông tin được chú trọng.

Công tác xóa đói, giảm nghèo, khuyến khích làm giàu, giải quyết việc làm được tập trung chỉ đạo tốt và đạt nhiều kết quả. Bình quân mỗi năm tỉnh giải quyết việc làm cho 19,2 nghìn lao động, tăng 2,6%/năm. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 29,6% (mục tiêu đề ra là 20% - 25%). Tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 12,26% xuống còn 5,6%, bình quân giảm 1,25%/năm (mục tiêu đặt ra là giảm 1%/năm). Toàn tỉnh

đã xây dựng 4.865 nhà tình nghĩa và nhà đại đoàn kết, cơ bản xóa xong nhà tạm. Các chính sách xã hội được quan tâm thực hiện tốt. Đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế tăng gần 2,5 lần. Các phong trào đền ơn đáp nghĩa, các hoạt động nhân đạo, từ thiện phát triển mạnh, đạt hiệu quả thiết thực. Chính trị - xã hội ổn định, quốc phòng, an ninh được tăng cường, tạo môi trường thuận lợi để phát triển kinh tế.

Từ thành tựu của những năm đổi mới, nhất là 5 năm gần đây Vĩnh Phúc đã rút ra được một số bài học kinh nghiệm quý giá:

Một là, tập trung làm tốt công tác quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội đi đôi với tăng cường quản lý thực hiện tốt quy hoạch.

Tập trung làm tốt công tác quy hoạch, bao gồm cả quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch vùng, quy hoạch đô thị, quy hoạch chi tiết... Công tác quy hoạch phải đi trước một bước để làm cơ sở xác định kế hoạch đầu tư phát triển cho từng thời kỳ, tạo môi trường thu hút đầu tư nhằm khai thác và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực cho phát triển. Việc lập quy hoạch phải đi đôi với điều chỉnh, cập nhật quy hoạch, nâng cao chất lượng quy hoạch đồng thời tăng cường công tác quản lý việc thực hiện quy hoạch. Trên cơ sở quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, của vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ giai đoạn 2006 - 2010, định hướng đến năm 2020, tập trung hoàn chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển đô thị, điều chỉnh và lập mới các quy hoạch đô thị trên địa bàn.

Hai là, chủ động quỹ đất để đầu tư phát triển công nghiệp, dịch vụ và nông nghiệp, đồng thời khai thác giá trị từ đất đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, nâng cao hiệu quả sử dụng đất.

Căn cứ vào quy hoạch đã được phê duyệt, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, huy động sức

mạnh của cả hệ thống chính trị làm tốt công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, coi đây là yếu tố quyết định đến môi trường thu hút đầu tư của tỉnh. Trong quá trình thực hiện phải công khai, dân chủ, minh bạch, trên cơ sở bảo đảm lợi ích của nhà nước, doanh nghiệp, cộng đồng dân cư, nhất là lợi ích của người dân trực tiếp giao đất cho các dự án. Quan tâm giải quyết nhu cầu về nhà ở, việc làm và bảo đảm đời sống của nhân dân. Tiếp tục triển khai chủ trương giao đất dịch vụ tạo việc làm cho các hộ có đất phải thu hồi. Thực hiện tốt việc đấu giá quyền sử dụng đất tạo vốn đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng. Việc khai thác quỹ đất phải gắn với tiết kiệm đất, nâng cao hiệu quả sử dụng đất.

Ba là, quan tâm đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Có các giải pháp đồng bộ nhằm đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng phục vụ cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội. Đặc biệt cần đẩy mạnh công tác đào tạo nghề và nâng cao chất lượng đào tạo lao động, trước hết cung cấp cho các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu du lịch, đáp ứng nhu cầu lao động cho các doanh nghiệp, các lĩnh vực kinh tế nhằm giải quyết việc làm cho lao động tại chỗ, chuyển dịch cơ cấu lao động, khắc phục tình trạng gia tăng cơ học về dân số dẫn đến những thách thức về môi trường, xã hội. Đa dạng hóa các loại hình đào tạo. Căn cứ vào quy hoạch kinh tế - xã hội của tỉnh, của từng địa phương để xây dựng kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực, bảo đảm yêu cầu phát triển bền vững.

Bốn là, xây dựng cơ chế, chính sách hợp lý nhằm thu hút, ưu đãi và điều tiết đầu tư, tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế phát triển.

Trên cơ sở chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, xây dựng và

hoàn thiện cơ chế, chính sách phù hợp với điều kiện cụ thể nhằm thu hút mạnh các nguồn lực đầu tư và điều tiết đầu tư trên địa bàn, khắc phục tình trạng đầu tư tập trung vào một vùng dẫn đến quá tải về hạ tầng xã hội. Đồng thời trong đầu tư chú ý tạo những hạt nhân phát triển ở mỗi vùng, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở khu vực nông nghiệp, nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Chú ý thực hiện cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp và kinh tế nông thôn, đặc biệt là về đất đai, vốn đầu tư cho sản xuất, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, ứng dụng và chuyển giao công nghệ, tiến bộ kỹ thuật, miễn thủy lợi phí, chế biến và tiêu thụ nông sản thực phẩm, đào tạo, xây dựng đội ngũ cán bộ...

Năm là, đẩy mạnh cải cách hành chính, trước hết là thủ tục hành chính. Giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm trật tự an toàn xã hội, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội.

Giảm tối đa những thủ tục không cần thiết ảnh hưởng tới tiến độ thực hiện các dự án đầu tư, quá trình sản xuất, kinh doanh, nhất là các thủ tục xin thuê đất, giao đất, cấp quyền sử dụng đất, cấp phép đầu tư; chống phiền hà, sách nhiễu trong triển khai thực hiện chính sách thuế, hải quan, tín dụng, các dịch vụ. Phân định rõ trách nhiệm, quyền hạn của các cấp, các ngành, khắc phục tình trạng chồng chéo trong quản lý hoặc bỏ trống không được quản lý. Tăng cường trách nhiệm của cán bộ, công chức gắn với thực hiện công việc cụ thể được giao, đồng thời có các giải pháp đẩy lùi bệnh quan liêu, tham nhũng trong cán bộ, công chức bộ máy nhà nước. Cấp ủy, chính quyền, đoàn thể các cấp chủ động, tích cực tham gia tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp. □

CÔNG ty Điện lực 3, trước đây là Công ty Điện lực miền Trung được thành lập chỉ ít tháng sau ngày thống nhất đất nước có nhiệm vụ chủ yếu là sản xuất, kinh doanh điện năng và đầu tư xây dựng các công trình điện trên địa bàn rộng từ tỉnh Quảng Bình đến Khánh Hòa và khu vực Tây Nguyên, là vùng đất nghèo khó, vốn chịu hậu quả nặng nề của chiến tranh và thường xuyên bị thiên tai, bão lũ.

Cơ sở vật chất lúc đầu còn rất nghèo nàn, lạc hậu, nguồn, lưới điện nhỏ bé, nên hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty rơi vào tình thế rất khó khăn, yếu kém và luôn phải chống đỡ, đối phó trước tình hình thiếu điện ngày càng nghiêm trọng. Với tinh thần năng động, sáng tạo, chủ động và đoàn kết vượt khó, qua 30 năm Công ty Điện lực 3 đã nỗ lực khắc phục khó khăn tìm ra lời giải cho bài toán điện năng, bảo đảm cung cấp đủ điện với chất lượng ngày càng tốt hơn, góp phần đắc lực cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, ổn định chính trị ở khu vực miền Trung - Tây Nguyên. Thành tựu đổi mới và phát triển ở Công ty Điện lực 3 được thể hiện trên một số mặt sau đây:

1 - Tăng cường nguồn, lưới điện và cơ bản thực hiện được mục tiêu điện khí hóa nông thôn khu vực miền Trung - Tây Nguyên

Mười năm đầu sau ngày miền Nam giải phóng, những người làm điện ở miền Trung - Tây Nguyên vốn đã bỏ ra nhiều công sức, vất vả, gian khó nhưng do nhiều nguyên nhân không được khắc phục nên tình trạng thiếu điện trong khu vực vẫn rất gay gắt. Cho đến năm 1988, quán triệt đường lối đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước của Đảng và qua rút kinh nghiệm từ hoạt động thực tiễn, Công ty đề ra 3 giải pháp cho bài toán điện miền Trung: *Củng cố, tăng cường nguồn*

Công ty Điện lực 3 góp phần phát triển kinh tế - xã hội ở khu vực miền Trung - Tây Nguyên

TRẦN ĐÌNH THANH *

điện hiện có; kéo lưới điện truyền tải từ Nam ra, Bắc vào; xây dựng tại chỗ các nhà máy điện có công suất đủ mạnh, trước mắt tập trung xây dựng các công trình thủy điện nhỏ để phục vụ nhu cầu tại chỗ, đồng thời tham gia vào lưới Bắc - Nam, làm cầu nối cho lưới điện thống nhất cả nước. Giai đoạn 1988 - 1990, Công ty lắp đặt 74 tổ máy đi-ê-zen, tăng thêm tổng công suất 69.000 kW. Sau đó, lần lượt xây dựng các công trình thủy điện Dray H'Linh 12 MW, thủy điện An Điểm 5,4 MW, thủy điện Vĩnh Sơn 66MW, thủy điện I-a-ly 720 MW... tạo tiền đề cho các đơn vị khác thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam tiếp tục thi công những công trình thủy điện lớn khác trong khu vực theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Cùng với việc tạo nguồn điện, Công ty đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp và mở rộng hệ thống lưới điện. Sau khi có điện lưới quốc gia, Công ty cùng với các đơn vị trong ngành điện lần lượt lắp đặt và đưa vào vận hành hàng loạt công trình như: đường dây 220 - 110 kV Vinh - Đà Nẵng, Đà Nẵng - Quảng Ngãi; đường dây 110 kV Đa Nhim - Nha Trang, Nha Trang - Tuy Hòa; xây dựng trạm 500 kV Đà Nẵng, trạm 500 kV Plâycu, đường dây 220 kV Quy Nhơn - Plâycu và trạm 110 kV Plâycu... đưa điện lưới quốc gia về phục vụ các tỉnh miền Trung - Tây Nguyên. Chỉ tính từ năm 2000 đến nay, Công ty đã xây dựng hàng nghìn công

* Bí thư đảng ủy, Giám đốc Công ty Điện lực 3

trình điện trong khu vực với giá trị đầu tư hằng năm gần 1.000 tỉ đồng.

Thành quả quan trọng đáng ghi nhận, là Công ty đã thực hiện thành công mục tiêu **điện khí hóa nông thôn ở miền Trung - Tây Nguyên**. Khi Chính phủ có chủ trương để ngành điện vay vốn Ngân hàng thế giới thực hiện dự án năng lượng nông thôn Việt Nam, Công ty đã có nhiều giải pháp triển khai dự án nhanh, tiết kiệm chi phí, đầu tư có hiệu quả nên được Ngân hàng thế giới, Tổng Công ty Điện lực Việt Nam và các địa phương có dự án đánh giá cao. Đến nay, Công ty đã xây dựng hoàn thành và cấp điện cho 248 xã thuộc giai đoạn 1 đúng tiến độ của Dự án với tổng kinh phí 1.397 tỉ đồng. Giai đoạn 2 của Dự án đang được thực hiện, bảo đảm yêu cầu tiến độ của Tổng Công ty Điện lực Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn chủ động đầu tư lưới điện, cung cấp điện cho những buôn, làng vùng sâu, vùng dân tộc thiểu số và các cửa khẩu biên giới giáp Lào và Cam-pu-chia. Đến nay, đã đưa điện về 100% huyện đất liền, 98% số xã, 87% số hộ nông thôn, miền núi vượt xa chỉ tiêu do Quốc hội và Chính phủ đề ra.

2 - Thực hiện tốt việc quản lý, phân phối và kinh doanh điện năng, tăng sản lượng điện thương phẩm

Từ năm 1995, theo sự phân công của Tổng Công ty Điện lực Việt Nam, nhiệm vụ của Công ty chuyên sâu vào lĩnh vực phân phối, kinh doanh điện năng, thực hiện trực tiếp các dịch vụ chăm sóc và phục vụ các yêu cầu của khách hàng dùng điện. Để thực hiện tốt nhiệm vụ này, Công ty đã tìm mọi biện pháp để tăng sản lượng điện thương phẩm, tăng doanh thu bán điện, giảm chi phí sản xuất, giảm tỷ lệ điện dùng để truyền tải và phân phối, tỷ lệ điện dùng để sản xuất điện, suất tiêu hao nhiên liệu... Công ty đã đầu tư cải tạo, nâng cấp lưới điện các thành phố, thị xã ở miền Trung, nơi phát sinh tập trung nhiều phụ tải quan trọng với mật độ cao. Các dự án cải tạo lưới điện tại các thành phố lớn đã hoàn thành với chất lượng cao, tăng cường năng lực cấp điện, an toàn, hiệu quả, bảo đảm mỹ quan đô thị. Tại các khu công nghiệp, khu kinh tế mở, các phụ tải công nghiệp và dịch vụ có công suất lớn trong khu vực, Công ty chủ động đầu tư xây dựng

lưới điện cung cấp điện, đáp ứng đủ các yêu cầu về điện cho sản xuất, dịch vụ. Theo yêu cầu của Chính phủ, ngành điện chỉ cần bảo đảm đến chân "hàng rào" khu công nghiệp, nhưng Công ty đã mạnh dạn vay vốn đầu tư lưới điện vào bên trong "hàng rào", đến tận từng hộ tiêu thụ. Nhờ vậy, không chỉ bán được điện trực tiếp cho khách hàng, tăng doanh thu mà còn góp phần thu hút đầu tư, phát huy hiệu quả đầu tư, được các địa phương, các nhà đầu tư đánh giá cao. Về lưới điện trung áp nông thôn xây dựng trước ngày 28-2-1999, theo chỉ đạo của cấp trên, Công ty đã tiếp nhận quản lý và hoàn trả xong vốn cho các địa phương 121,4 tỉ đồng, trước thời hạn quy định gần một tháng. Khi tiếp nhận, lưới điện này phần lớn cũ nát, không bảo đảm yêu cầu kỹ thuật. Đây là yếu tố làm tăng tỷ lệ điện dùng truyền tải, phân phối. Nhưng nhờ làm tốt công tác quản lý kỹ thuật, quản lý tốt khách hàng, tỷ lệ này qua hằng năm giảm rõ rệt, các chỉ tiêu điện dùng sản xuất, điện suất tiêu hao nhiên liệu, đều thực hiện giảm so với kế hoạch. Trong khâu cấp điện mới, Công ty thực hiện chế độ một cửa, thủ tục công khai, đơn giản, giải quyết nhanh chóng các yêu cầu của khách hàng, bố trí nơi giao dịch với khách hàng thuận tiện và đào tạo nhân viên thường xuyên giao dịch với khách hàng có năng lực nghiệp vụ giỏi và văn hóa giao tiếp tốt, sẵn sàng thỏa mãn yêu cầu của khách hàng. Công ty thực hiện việc lắp đặt công-tơ theo giá trọn gói, đã tránh những phiền hà tiêu cực cho khách hàng. Hoàn thành việc lắp đặt công-tơ điện tử 3 giá cho các các hộ tiêu thụ điện lớn, đã đem lại hiệu quả cao trong đầu tư và khai thác hợp lý nguồn và lưới điện, điện năng vào giờ cao điểm của khu vực được tiết kiệm trên 30 MW, tương đương với giảm đầu tư một nhà máy điện công suất cỡ vừa. Công ty thiết lập hệ thống điện thoại nóng tại tất cả các điện lực tỉnh, thành phố, các chi nhánh điện, trạm điện. Định kỳ hằng năm, Công ty đã gửi hàng vạn thư đến các khách hàng dùng điện xin ý kiến đóng góp về tinh thần thái độ phục vụ của cán bộ, công nhân viên trong Công ty. Khách hàng rất hoan nghênh và tham gia nhiều ý kiến đóng góp. Qua đó, Công ty xem xét hoàn thiện cơ chế quản lý, điều hành nhằm phục vụ khách hàng ngày càng tốt hơn. Nhờ vậy, điện

thương phẩm của Công ty bình quân hàng năm tăng từ 15% - 17%, có những năm tăng đột biến từ 22% - 29%. Năm 2005, điện thương phẩm ước đạt xấp xỉ 4,5 tỉ kWh, tăng 16,5 lần so với năm 1985 và tăng gần 60 lần so với năm đầu Công ty mới thành lập. Sản xuất, kinh doanh có lãi và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu do Tổng Công ty Điện Lực Việt Nam giao. Trong 10 năm từ 1995 - 2005 tổng lợi nhuận đạt 1.300 tỉ đồng, nộp ngân sách 1.550 tỉ đồng. Điểm đáng chú ý là điện thương phẩm ở khu vực nông thôn ngày càng tăng, người dân không chỉ dùng điện cho sinh hoạt mà còn dùng trong sản xuất, bộ mặt nông thôn không ngừng được đổi mới. Chỉ tính riêng năm 2004, khu vực nông thôn miền Trung - Tây Nguyên đã tiêu thụ 1,1 tỉ kWh, gấp 4 lần tổng tiêu thụ điện của cả miền Trung - Tây Nguyên năm 1985.

3 - Thường xuyên ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật, công nghệ mới, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, tạo việc làm, tăng thu nhập cho người lao động

Phong trào nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến kỹ thuật luôn được Công ty duy trì, nhiều đề tài nghiên cứu đã được ứng dụng đạt hiệu quả cao như công nghệ đọc chỉ số công tơ từ xa, công nghệ chế tạo công tơ điện tử... Việc áp dụng công nghệ này, mang lại hiệu quả cao do bảo đảm tính chính xác trong việc ghi chữ số điện, nhanh chóng, thuận tiện, không gây phiền hà cho khách hàng, tăng năng suất và bảo đảm an toàn lao động do không phải trèo cao, thuận tiện trong quản lý khách hàng, ngăn chặn được tình trạng tiêu cực của nhân viên ngành điện đồng thời mở ra hướng làm ăn mới, tạo thêm công ăn việc làm cho cán bộ, công nhân viên. Từ năm 2000 - 2004, có trên 1.257 sáng kiến, cải tiến kỹ thuật; có 20 đề tài khoa học cấp công ty, Tổng Công ty được ứng dụng, làm lợi trên 26,2 tỉ đồng.

Ngoài việc sắp xếp hợp lý lại lực lượng lao động hiện có, không tăng biên chế và áp dụng nhiều công nghệ mới hiện đại, tiên tiến... Công ty còn mở rộng thêm nhiều hoạt động trong sản xuất kinh doanh tạo việc làm và tăng thu nhập cho người lao động. Được Tổng Công ty Điện lực Việt Nam khuyến khích, cho phép, Công ty tự đầu tư, liên

doanh, huy động vốn của cán bộ, công nhân viên đầu tư vào các nguồn thủy điện có công suất vừa và nhỏ trong khu vực; triển khai đầu tư kết cấu hạ tầng kinh doanh viễn thông điện lực; đầu tư đưa vào sử dụng dây chuyển sản xuất sản phẩm bằng vật liệu Com-pô-dit (Composit), liên doanh đầu tư dây chuyển sản xuất cáp điện, chế tạo thiết bị thủy điện, lắp đặt, sản xuất tủ, bảng điện, bàn thử công tơ 3 pha, một pha; sản xuất các bo mạch điện tử, công tơ điện tử 3 pha, một pha, các dịch vụ lắp và đặt các chương trình phần mềm tin học; triển khai các dịch vụ tư vấn khảo sát, thiết kế, giám sát một số công trình điện của nước bạn Lào... Nhờ vậy, trong năm năm gần đây, thu nhập của cán bộ, công nhân viên tăng bình quân từ 1 triệu đồng/người/tháng lên trên 2 triệu đồng/người/tháng.

4 - Không ngừng nâng cao trình độ, năng lực và chất lượng hoạt động của các tổ chức và lực lượng lao động phù hợp với cơ sở vật chất kỹ thuật điện lực

Năm 1985, Công ty chỉ có 10 đơn vị trực thuộc với 3.430 cán bộ, công nhân viên. Đến nay, Công ty đã có 22 đơn vị trực thuộc với hơn 8.000 cán bộ, công nhân viên, trong đó 21% có trình độ đại học và trên đại học. Thực hiện chủ trương cổ phần hóa và đa dạng hóa sở hữu của Chính phủ, Bộ Công nghiệp và Tổng Công ty, Công ty đã tiến hành cổ phần hóa 3 đơn vị, thành lập mới 7 công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần. Hầu hết cán bộ, công nhân viên trong đơn vị, nhất là bộ phận kỹ thuật, cán bộ quản lý đã nỗ lực học tập rèn luyện để sẵn sàng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ đặt ra. Công ty đã mở lớp đào tạo nghề điện cho hơn 600 công nhân vận hành máy đi-ê-zen chuyển sang nghề điện; mở 2 khóa đào tạo kỹ sư cơ khí sang kỹ sư điện cho hơn 50 người, cử nhiều kỹ sư theo học các khóa đào tạo thạc sỹ trong nước và nước ngoài. Hàng năm đều cử cán bộ chủ chốt đi học các lớp lý luận chính trị và mở nhiều lớp đào tạo, bồi dưỡng quản lý kinh tế, bồi dưỡng kiến thức kỹ thuật điện nâng cao cho các kỹ sư chuyên ngành; bồi dưỡng, kiểm tra thợ bậc cao, kiểm tra, sát hạch quy trình quy phạm, an toàn điện, hỗ trợ các địa phương đào tạo hàng ngàn công nhân quản lý điện nông thôn...

Tổ chức đảng, đoàn thể trong Công ty không ngừng lớn mạnh và có nhiều hoạt động hiệu quả, thiết thực và đạt được những kết quả quan trọng. Mười năm liền (1994 - 2004) Đảng bộ Công ty Điện lực 3 được công nhận tổ chức cơ sở đảng trong sạch vững mạnh. Các năm 1999, 2002, 2003, 2004 được Thành ủy Đà Nẵng công nhận Đảng bộ trong sạch vững mạnh tiêu biểu; Công đoàn Công ty nhiều năm liền được công nhận là Công đoàn vững mạnh; Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh nhiều năm được suy tôn là đơn vị xuất sắc trong công tác đoàn và phong trào thanh niên khối các doanh nghiệp tại Đà Nẵng.

Hưởng ứng chủ trương của Đảng và Chính phủ về "Đền ơn, đáp nghĩa", "Uống nước nhớ nguồn", "Vi người nghèo", Công đoàn Công ty đã cùng với chính quyền vận động cán bộ, công nhân viên ủng hộ hàng tỉ đồng vào các quỹ "đền ơn đáp nghĩa", "phụng dưỡng mẹ Việt Nam Anh hùng", (toàn Công ty phụng dưỡng 51 mẹ, hiện 41 mẹ còn sống), xây dựng nhà tình nghĩa, đóng góp tu sửa nghĩa trang liệt sĩ tại các địa phương, ủng hộ nuôi dưỡng thương binh, gia đình liệt sĩ, người già có công với nước, các đồng chí ở tù Côn Đảo, hiện đang sống neo đơn, ủng hộ bộ đội biên giới, hải đảo, giúp đỡ nhân dân Cu Ba, ủng hộ đồng bào vùng bão lụt, thiên tai và các hoạt động từ thiện khác... Trong thời gian gần đây, Công ty đã ủng hộ xây dựng cầu cho trẻ em Nông Sơn (Quảng Nam) 10 triệu đồng, xây dựng và tặng một công trình điện trị giá 352 triệu đồng cho trẻ em nghèo bất hạnh và 2 trường mẫu giáo trị giá 930 triệu đồng ở thành phố Đà Nẵng, ủng hộ "Quỹ vì trẻ em bị nhiễm chất độc màu da cam" 50 triệu đồng, xây tặng 4 căn nhà tình nghĩa ủng hộ các chị nguyên là nữ pháo binh Ngự thủy, Quảng Bình và nhiều đối tượng chính sách xã hội khác...

Qua 30 năm phấn đấu, vật chất kỹ thuật của Điện lực miền Trung được tăng cường mạnh, tình trạng thiếu điện ở miền Trung - Tây Nguyên được giải quyết tương đối tốt. Nguồn năng lượng chủ động sẽ là động lực thúc đẩy kinh tế phát triển, góp phần tích cực vào việc bảo đảm an ninh - quốc phòng, nâng cao đời sống nhân dân miền Trung -

Tây Nguyên. Với thành quả đã đạt được, Công ty và Điện lực Khánh Hòa được Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới; các tập thể và cá nhân trong công ty được Nhà nước tặng thưởng 6 Huân chương Độc lập, 74 Huân chương Lao động từ hạng Nhất đến hạng Ba; 124 Bằng khen của Thủ tướng; 3 danh hiệu Chiến sĩ thi đua toàn quốc cùng nhiều Bằng khen của Bộ Công nghiệp, của Tổng Công ty, UBND các tỉnh, thành phố và các bộ, ngành ở trung ương.

Nhìn lại chặng đường vượt khó xây dựng, đổi mới và phát triển của đơn vị, có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm sau đây:

Một là, Nắm vững đường lối của Đảng, chủ trương của Nhà nước và của ngành, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn để xác định quy hoạch, đề ra phương hướng đúng có bước đi phù hợp. Mạnh dạn đột phá vào những lĩnh vực mới như áp dụng các tiến bộ về khoa học - kỹ thuật vào công tác quản lý, đưa những sản phẩm có hàm lượng khoa học - công nghệ cao vào quá trình sản xuất, liên doanh và tự huy động vốn để đầu tư các công trình thủy điện... Đây là nhân tố quan trọng có tính quyết định để tạo bước đột phá trong sản xuất và kinh doanh của Công ty.

Hai là, phát huy mạnh mẽ tinh thần đoàn kết, gắn bó, lòng yêu nghề và trách nhiệm, tinh tự chủ đối với công việc trong tập thể lãnh đạo và cán bộ công nhân viên từ công ty đến các đơn vị. Thế hệ sau luôn biết kế thừa và phát triển những thành quả, kinh nghiệm của thế hệ trước. Chú trọng đào tạo, nâng cao trình độ chính trị, chuyên môn, ngoại ngữ, vi tính cho cán bộ, công nhân viên; xây dựng các tập thể điển hình và các cá nhân đầu tàu, gương mẫu, trước hết là từ trong đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, cán bộ chuyên gia giỏi và công nhân bậc cao, mạnh dạn giao việc quan trọng và nêu cao tinh thần trách nhiệm của các thế hệ cán bộ trẻ.

Ba là, phát huy nội lực, đề ra các giải pháp phù hợp để không ngừng nâng cao năng lực quản lý, tiết kiệm chi phí sản xuất, chi phí đầu tư, bảo đảm hoạt động sản xuất kinh doanh có lãi, ổn định việc làm và thu nhập cho cán bộ, công nhân viên.

Không ngừng cải thiện mối quan hệ với khách hàng dùng điện, ngăn ngừa tiêu cực, chống tham nhũng, khơi dậy tiềm năng và mong muốn được cống hiến hết sức mình trong mỗi cán bộ, công nhân viên cho sự phát triển của từng đơn vị và toàn Công ty.

Bốn là, tổ chức tốt các phong trào thi đua sôi nổi, liên tục, đều khắp trong toàn Công ty và từng đơn vị. Bằng sự động viên kịp thời các điển hình tiên tiến nhằm khuyến khích tinh thần sáng tạo, cống hiến nhiều hơn trong đội ngũ cán bộ, công nhân viên, từ đó chủ động khắc phục khó khăn, suy nghĩ tìm ra những giải pháp tốt để thực hiện nhiệm vụ đạt hiệu quả cao.

Năm là, tranh thủ sự lãnh đạo, chỉ đạo và sự đồng tình ủng hộ của cấp trên, của lãnh đạo và nhân dân các địa phương, của các đơn vị bạn trong và ngoài ngành, của các tổ chức quốc tế, các cơ quan thông tin đại chúng trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ được giao.

Để tiếp tục phục vụ tốt sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở miền Trung - Tây Nguyên, mục tiêu của Công ty Điện lực 3 là sẽ tăng cường khai thác có hiệu quả nguồn thủy điện vừa và nhỏ, tập trung đầu tư và đổi mới thiết bị tiến tới ngừng phát điện đi-ê-zen do giá thành cao và gây ô nhiễm môi trường. Phần đầu đến năm 2010, sản lượng điện toàn Công ty đạt khoảng 10 tỉ kWh, trong đó sản lượng phát của thủy điện trong khu vực khoảng 1,5 tỉ kWh còn lại mua từ lưới điện quốc gia. Sản lượng điện thương phẩm đạt trên 9,3 tỉ kWh, với mức tăng trưởng bình quân trên 15%/năm. Doanh thu điện năng đạt khoảng 10.000 tỉ đồng, tăng gấp 3 lần năm 2005; hoàn thành tốt nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước; phần đầu hoàn thành đúng tiến độ các dự án điện; tiếp tục đổi mới và phát triển doanh nghiệp; hoàn chỉnh phương án tổ chức và sắp xếp lao động hợp lý; tiếp tục cải tiến công tác quản lý, khắc phục những tồn tại để ngày càng hoàn thiện hơn trong công tác kinh doanh, dịch vụ khách hàng; mở rộng ngành nghề sản xuất; tiếp tục phát huy phong trào sáng kiến, cải tiến sản xuất và các phong trào thi đua lao động sản xuất khác; làm tốt công tác đền ơn đáp nghĩa, công tác xã hội; bảo đảm việc làm, thu nhập, cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho cán bộ, công nhân viên. □

CHỐNG QUAN LIÊU...

(Tiếp theo trang 49)

ngăn chặn được những hành vi lạm dụng quyền lực để trục lợi cá nhân, cục bộ. Nhiều ý kiến cho rằng, chừng nào việc công khai, minh bạch tài chính chưa được thực hiện, thì chừng đó tình trạng quan liêu, tham nhũng và sự kém cỏi, bất lực trong công tác quản lý vẫn chưa thể khắc phục có hiệu quả. Không phải ngẫu nhiên mà Chủ tịch Hồ Chí Minh coi "Chống tham ô, lãng phí, quan liêu là cách mạng", "Chống tham ô, lãng phí, quan liêu là dân chủ"⁽¹²⁾. Cuộc sống đã chứng tỏ, cán bộ càng công khai, minh bạch với dân, càng tăng cường đối thoại với công chúng, thực hành dân chủ rộng rãi, thì uy tín cán bộ càng cao, lòng tin và sự tin nhiệm càng lớn. Không những thế, cán bộ còn có thể sử dụng sức sáng tạo của hàng vạn khối óc, trái tim để giải quyết mọi khó khăn. Người cho rằng: Dân chủ là dựa vào lực lượng quần chúng, đi đúng đường lối quần chúng. Cho nên phong trào chống tham ô, lãng phí, quan liêu *ắt phải dựa vào lực lượng quần chúng* thì mới thành công. Và "Cũng như mọi việc khác, việc "chống" này *phải động viên quần chúng, phải thực hành dân chủ*, phải làm cho quần chúng hiểu rõ, làm cho quần chúng hăng hái tham gia thì mới chắc chắn thành công. Quần chúng tham gia càng đông, thành công càng đầy đủ, mau chóng"⁽¹³⁾. Tiếc rằng, có lúc, có nơi còn chưa thật kiên quyết với những hành vi tham ô, tham nhũng của những cán bộ, đảng viên, nhất là những người đang giữ chức quyền trong bộ máy của Đảng và Nhà nước, đoàn thể ở các cấp; chưa thực sự dựa vào dân, vẫn có biểu hiện tư tưởng sợ "mất" cán bộ... Cần thấy rằng, dù có mất một số "cán bộ hỏng", nhưng lại lấy được niềm tin của quần chúng vào cách mạng, và có được đội ngũ cán bộ tốt. Đây là cách làm thiết thực trong cuộc đấu tranh tư tưởng hiện nay nhằm chống lại âm mưu của các thế lực thù địch đang tìm cách tung tin thất thiệt, xuyên tạc, gây chia rẽ nội bộ, chống phá Đảng và công cuộc xây dựng chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta. □

(12), (13) Hồ Chí Minh: *Sđđ*, t 6, tr 493 - 494, 495



Đằng sau những tấm gương thi đua

VŨ OANH *

TRONG bài phát biểu tại Đại hội thi đua yêu nước lần thứ VII, Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh đã nói: Đằng sau những tấm gương thi đua là những tấm lòng yêu nước, một nghĩa tình tương thân tương ái với đồng bào, đồng chí và đồng đội, một quyết tâm làm giàu cho mình và đất nước, một ý chí vươn lên để hiểu biết mới về khoa học công nghệ, để lao động có năng suất cao, chất lượng và hiệu quả tốt. Đằng sau, là tấm gương sáng ba mặt "sống - làm - học" của con người anh hùng thời kỳ đổi mới: sống đạo đức, làm giỏi, học hay.

Làm giỏi, làm sáng tạo. Người lao động tìm tòi, làm thử nghiệm, sáng chế, sáng tạo ra hàng loạt công cụ, thiết bị, vật liệu mới, giống mới, cách làm mới, vì một năng suất, chất lượng, hiệu quả lao động cao: dòng lúa Việt lai (Nguyễn Văn Hoan), khổng chế bệnh SARS (Trần Quy), máy bóc té hạt ngô (Huỳnh Thái Dương), vật liệu chống cháy (Nguyễn Văn Thanh), công nghệ dờn nhà (Nguyễn Cẩm Lũy), đàn ong cứu dừ (Huỳnh Thanh Hùng), đàn

Lạc Cẩm (Mác Tuyên), ứng dụng tên miền tiếng Việt trên mạng (Hoàng Minh Cường), làm phần mềm đạt nhiều giải thưởng quốc tế (Nguyễn Khánh Ánh Hoàng, học sinh lớp 7)...

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, cơ may cạnh tranh thắng lợi và phát triển bền vững của quốc gia chủ yếu dựa trên sự giàu có về trí tuệ của toàn dân tộc. Trí tuệ sáng tạo là tài nguyên cơ bản nhất của con người, là cội nguồn làm nên "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh". Tấm gương "lao động sáng tạo" của những anh hùng, chiến sĩ thi đua cổ vũ chúng ta phấn đấu làm một "chiến sĩ đổi mới", cống hiến "trí tuệ sáng tạo" cho đất nước; có sáng kiến, đổi mới, sáng tạo, sáng chế, tri thức mới, kỹ thuật mới, công nghệ mới. "Lao động sáng tạo" là tiếng kèn xung trận của các chiến sĩ đổi mới, của các thế hệ người Việt Nam, trên chiến trường không có tiếng súng - thương trường toàn cầu hóa. Chúng ta có tinh thần sáng tạo, tìm tòi cái mới, học tập cái mới, ủng hộ cái mới, thực hiện cái mới, thì sẽ làm được nhiều việc.

"Lao động sáng tạo" thể hiện rõ nhân cách sáng tạo, sống đạo đức, văn hóa của anh hùng chiến sĩ thi đua: Dám nghĩ, dám làm, dám tự kiểm tra, phê bình, đề xuất ý tưởng mới, dám chịu trách nhiệm đổi mới. Thắng không kiêu, bại không nản, gian khó không sờn. Làm cho cái khó ló cái khôn. Hăng say sáng tạo, kiên trì đổi mới. Trí nghĩ, tay làm. Suốt cả cuộc đời, quyết chí lấy trí tuệ sáng tạo để chiến thắng lạc hậu, nghèo nàn, làm giàu cho mình và đất nước. Hợp tác trung thực. Cạnh tranh lành mạnh. Sống nghĩa tình, tương thân tương ái với đồng bào, đồng chí và đồng đội.

Báo cáo sáng kiến thi đua thật muôn màu muôn vẻ, trăm hương nghìn sắc, song từ nhà khoa học cho đến nhà nông, từ giáo sư, tiến sĩ cho đến người thoát nạn mù chữ lúc đã lớn tuổi như trung úy Lý A Lò, tất cả đều cùng một điểm chốt, một cái gốc: "Học". "Nên đức, nhờ có học". "Học hay, cày giỏi". Học một biết mười. Học cái bất biến ứng vạn biến. Học là tự đổi mới, tự phát triển, tìm kiếm và xử lý thông tin từ môi trường bên ngoài thành tri thức bên trong con người mình, tự cải biến chính mình thành người lao động có tri thức, năng lực và bản lĩnh sáng tạo. Điều quan trọng là phải tự học. Đây là cội nguồn của đổi mới, cội nguồn của sáng tạo. Học hỏi là một việc phải tiếp tục suốt đời. Học không bao giờ cùng. Học mãi để tiến bộ mãi. Càng tiến bộ càng thấy cần phải học thêm.

* Chủ tịch Hội Khuyến học

Một xã hội đáp ứng được nhu cầu học tốt, làm tốt, sống tốt của nhân dân là xã hội học tập theo tư tưởng Hồ Chí Minh. Người từng mong ước: đồng bào ta, ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành; công nông trí thức hóa; dân tộc thông thái... Một nhà trường vì nhu cầu học tốt, làm tốt, sống tốt của con người là nhà trường xã hội chủ nghĩa theo nguyên lý học đi đôi với hành, lý luận gắn liền với thực tiễn.

Xây dựng xã hội học tập không phải chỉ vì nhu cầu học, theo nghĩa hẹp là "xã hội hóa giáo dục", "xây dựng một nền giáo dục cho mọi người và do mọi người", mà phải nhằm cả ba nhu cầu học tốt - làm tốt - sống tốt của dân. Mỗi người dân Việt Nam phấn đấu thi đua phát huy nội lực tự học - tự làm - sáng tạo suốt đời, đạt chuẩn phổ cập giáo dục theo độ tuổi, có tay nghề, làm kinh tế giỏi. Mỗi nhà trường thi đua trở thành nhà trường xã hội chủ nghĩa, hướng dẫn cho học trò biết cách học hay, làm sáng tạo, sống văn hóa, phát huy nội lực tự học - tự làm - sáng tạo để làm người lao động có tri thức tự chủ, năng động sáng tạo, có lý tưởng độc lập dân tộc và xã hội chủ nghĩa, có năng lực, bản lĩnh sáng tạo đáp ứng yêu cầu phát triển mới của đất nước. Mỗi gia đình thi đua xây dựng "gia đình hiếu học ba tốt", làm cái nôi đổi mới nuôi dưỡng con người học tốt, làm tốt, sống tốt cả cuộc đời. Thi đua xây dựng xã, phường "ba tốt": phổ cập trung học tốt, làm kinh tế giỏi, sống văn hóa.

Ba cuộc vận động: làm kinh tế giỏi, xây dựng đời sống văn hóa, xây dựng xã hội học tập, đều có thể tìm được sự thống nhất biện chứng trong một cuộc

vận động chung: Toàn dân đoàn kết thi đua học tốt, làm tốt, sống tốt, sống văn hóa, theo lời dạy của Bác Hồ. Cả nước trở thành một xã hội học tập. Làm thế nào để tạo ra được thể trận lòng dân, sức mạnh toàn dân, đem tài dân, sức dân, của dân, khuyến học, khuyến tài, khuyến đức, đáp ứng nhu cầu học theo những mục tiêu, định hướng chiến lược cơ bản sau:

- *Hai Điện Biên Phủ: Một là, Điện Biên Phủ xóa mù tin học - phổ cập trung học trước năm 2020. Hai là, Điện Biên Phủ xóa mù nghề, phổ cập đào tạo nghề ngắn hạn sau trung học vào năm 2020 cho trên 50% dân số trong độ tuổi.*

- *Bốn đội quân xóa mù - 4 thành phần cơ bản của cơ cấu hệ thống giáo dục mới: giáo dục phổ thông (không phân ban) - đội quân chủ lực của mặt trận xóa mù tin học - phổ cập trung học, giáo dục sau trung học (đại học, chuyên nghiệp) - đội quân chủ lực của mặt trận xóa mù nghề - phổ cập đào tạo nghề sau trung học ngắn hạn, giáo dục gia đình và cộng đồng - hai đội quân xóa mù thường trực.*

Khẩu đột phá: đổi mới mạnh mẽ, toàn diện tư duy và cơ chế quản lý giáo dục, sớm đưa giáo dục nước ta thoát khỏi giai đoạn "tập trung quan liêu, bao cấp, khoa cử, khép kín, đại học tinh hoa cho số ít thành một nền giáo dục nhân dân cho mọi người thực học, thực làm, thực tài, tin học hóa sâu rộng, xã hội hóa toàn diện, tương thích với hệ thống kinh tế thị trường toàn cầu hóa. Xây xã hội học tập suốt đời, lấy người học làm trung tâm; lấy phát huy nội lực tự học - tự làm - sáng tạo của người học làm động lực; coi giáo dục gia đình,

giáo dục cộng đồng, giáo dục từ xa, giáo dục ngoài công lập, du học tại chỗ đều có tầm quan trọng của quốc sách hàng đầu, lấy đại chúng hóa đại học làm then chốt; lấy đổi mới mạnh mẽ, toàn diện tư duy và cơ chế quản lý giáo dục làm khâu đột phá.

- *Khẩu then chốt - đại chúng hóa đại học. Phổ cập đào tạo nghề sau trung học ngắn hạn cho 50% dân số trong độ tuổi lao động đã tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương vào năm 2020, xây dựng các trường đại học trọng điểm quốc gia đào tạo nghề sau trung học ngắn hạn theo những chương trình đào tạo phù hợp với xu thế toàn cầu hóa, bảo đảm đào tạo tạo thực sĩ, tiến sĩ và bộ phận cử nhân theo chuẩn mực quốc tế.*

- *Ba mũi giáp công: nhà trường đổi mới; gia đình hiếu học; xã, phường, cộng đồng xã hội đổi mới ba tốt, gắn kết chặt chẽ với nhau thành ba mũi giáp công, xây dựng thành công xã hội học tập từ cơ sở.*

- *Chiến sỹ: người dân - người lãnh đạo, trẻ em - người lớn, người học - thầy học. Mỗi người dân Việt Nam là một chiến sỹ đổi mới: học tốt, làm tốt, sống tốt; học hay, làm sáng tạo, sống văn hóa.*

- *Người chỉ đạo: là các cấp ủy và chính quyền. Xã hội học tập chỉ có thể hình thành và phát triển khi Đảng ta cùng hệ thống chính trị các cấp biết cách phát huy nội lực và tiềm năng trí tuệ sáng tạo của toàn dân trên mặt trận khuyến học - khuyến tài - khuyến đức cho ai cũng có thể học hay, làm sáng tạo, như những tấm gương thi đua tại Đại hội thi đua yêu nước lần thứ VII. □*



VIỆT NAM - CU-BA : QUAN HỆ TRUYỀN THỐNG, MẪU MỰC, THỦY CHUNG

NGUYỄN KHẮC SỬ *

VÀO cuối năm 2005, nhân dân hai nước Việt Nam - Cu-ba vui mừng kỷ niệm 45 năm thiết lập quan hệ ngoại giao chính thức (2-12-1960 - 2-12-2005). Trong gần nửa thế kỷ qua, mặc dù thế giới có nhiều biến đổi sâu sắc, song quan hệ truyền thống giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân hai nước Việt Nam - Cu-ba vẫn trong sáng, thủy chung, được củng cố, tăng cường một cách mạnh mẽ và toàn diện.

Nhân dân Việt Nam tự hào có một người bạn gần gũi, thân thiết ở Tây bán cầu; vui mừng trước những thành tựu mà nhân dân Cu-ba anh em giành được trên nhiều lĩnh vực như giáo dục, y tế, thể thao, công nghệ sinh học...; khâm phục tinh thần kiên định với lý tưởng xã hội chủ nghĩa đã lựa chọn của bạn.

Ngày 1-1-1959, dưới sự lãnh đạo tài tình của nhà luật sư trẻ - Tổng tư lệnh Phi-đen Ca-xtơ-rô, cách mạng Cu-ba đã đi đến thành công. Kể từ đó, hòn đảo tươi đẹp này đã trở thành quốc gia độc lập, tự do và có chủ quyền. Giành được chính quyền, song lãnh tụ Phi-đen và các cộng sự của mình còn phải đương đầu với muôn vàn khó khăn do chế độ độc tài Ba-ti-xta để lại: một đất nước với nền kinh tế độc canh (trồng mía); Trường đại học Y duy nhất tại thủ đô bị đóng cửa, một nửa số bác sỹ bỏ ra nước ngoài; 30% dân số mù chữ và chỉ có 3 trường đại học trên toàn quốc...

Sau gần nửa thế kỷ, dưới sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng và Chính phủ do Chủ tịch Phi-đen đứng đầu, Cu-ba đã trở thành cường quốc về y tế, giáo dục: Mọi công dân đều được khám chữa bệnh và đến trường miễn phí. Niên học 2004 - 2005, có hơn 2,8 triệu học sinh, sinh viên đến trường. Nếu trước đó, Cu-ba chỉ có 3 trường đại học, thì sau 25 năm cách mạng thành công, Cu-ba đã xây dựng thêm 50 trường đại học với 85 ngành học khác nhau. Từ 3.000 bác sỹ trên toàn quốc, nay Cu-ba có đội ngũ cán bộ y tế hùng mạnh, bao gồm 80.000 bác sỹ, 150.000 y tá và kỹ thuật viên.

Một năm sau khi Cách mạng Cu-ba thành công, Việt Nam và Cu-ba đã thiết lập quan hệ ngoại giao chính thức. Đến nay, mối quan hệ này đã trải qua 45 năm, chặng đường tuy không dài so với lịch sử mỗi nước, nhưng trong quá khứ cũng như hiện tại, trước và sau khi Cách mạng Cu-ba thành công năm 1959, trước và sau thắng lợi Cách mạng Tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam, nhân dân hai nước luôn sát cánh bên nhau. Không những thế, hai nước luôn có nhiều điểm tương đồng trong sự nghiệp đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân, chủ nghĩa đế quốc; tinh thần bất khuất, kiên cường đấu tranh vì độc lập, tự do cho Tổ quốc,

* Vụ trưởng, Ban Đối ngoại Trung ương

cho nhân loại. Việt Nam và Cu-ba đều là những dân tộc cần cù, thông minh, anh dũng và sáng tạo. Hơn thế nữa, hai nước đều đi lên dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản kiên định với chủ nghĩa Mác - Lê-nin và cùng chung lý tưởng xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Ngay từ cuối thế kỷ XIX, khi cả Việt Nam và Cu-ba còn nằm dưới ách thống trị của thực dân nước ngoài, cùng chung kiếp nô lệ, đã có một người con ưu tú của dân tộc Cu-ba sớm biết đến Việt Nam. Đó chính là Hô-xê Mác-ti, nhà yêu nước vĩ đại, nhà tư tưởng và văn hóa lỗi lạc, người đã hiến dâng cả cuộc đời cho sự nghiệp giải phóng dân tộc Cu-ba. Chính ông là người đã viết tác phẩm "*Cuộc dạo chơi trên đất An-nam*", được đăng trong tập sách "*Tuổi vàng*" dành cho thiếu nhi Cu-ba. Mặc dù chưa từng đặt chân tới miền đất xa xôi ở châu Á, nhưng hình ảnh người dân An-nam nhỏ bé, cần cù đã được người dân Cu-ba biết đến qua tác phẩm của ông.

Với tầm nhìn chiến lược, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã sớm nhận thấy vị trí và vai trò của cách mạng Cu-ba đối với phong trào chống đế quốc, giải phóng dân tộc trên thế giới. Cũng chính vì vậy, Người đã dành những tình cảm chân thành, nồng ấm nhất đối với các đoàn đại biểu Cu-ba sang thăm Việt Nam; nhắc nhở cán bộ, nhân dân Việt Nam phải trân trọng tình cảm tốt đẹp giữa hai dân tộc.

Là người kế thừa trung thành tư tưởng Hô-xê Mác-ti, Chủ tịch Phi-đen Ca-xtơ-rô cũng dành cho Việt Nam những tình cảm sâu đậm nhất. Tại buổi hội đàm với đoàn đại biểu cấp cao của Đảng Cộng sản Việt Nam do Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh dẫn đầu sang thăm Cu-ba (3-2004), Chủ tịch Phi-đen đã đánh giá cao quan hệ Việt Nam - Cu-ba, coi đây là mối quan hệ "*biểu tượng của thời đại*".

Nhân dân Việt Nam cũng dành cho Cu-ba những tình cảm đặc biệt, *Việt Nam và Cu-ba là hai anh em sinh đôi* - cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã từng nói, hay nguyên

Thủ tướng Võ Văn Kiệt cho rằng *đoàn kết và ủng hộ Cu-ba không chỉ là tình cảm và lương tâm, mà còn là trách nhiệm, nghĩa vụ của mỗi người dân Việt Nam*.

Tình cảm gắn bó keo sơn giữa hai Đảng, hai Nhà nước là cơ sở vững chắc cho quan hệ Việt Nam - Cu-ba ngày càng được củng cố, phát triển và đơm hoa kết trái.

Về *quan hệ chính trị*, trong suốt 45 năm qua, hầu hết các đồng chí lãnh đạo cấp cao nhất của nước ta đều có các cuộc sang thăm hữu nghị chính thức Cu-ba: Ở cấp Nhà nước có Chủ tịch nước Trần Đức Lương (4-2000; 11-2004); Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Văn An (8-2003); Thủ tướng Phan Văn Khải (10-2002). Về phía Đảng, gần đây nhất, tháng 3-2004, Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh đã dẫn đầu đoàn đại biểu cấp cao Đảng Cộng sản Việt Nam sang thăm Cu-ba. Chuyến thăm này đã đánh dấu mốc quan trọng trong quan hệ giữa hai Đảng, hai Nhà nước. Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh đã được Chủ tịch Phi-đen và lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước, Quốc hội Cu-ba đón tiếp nồng nhiệt. Các buổi diện kiến và làm việc đều diễn ra trong bầu không khí thắm tình đồng chí, thắm tình anh em. Thay mặt Đảng Cộng sản Việt Nam, Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh đã trao tặng 650 bộ máy vi tính cho Đảng Cộng sản Cu-ba giúp trang bị cho các cơ quan đảng của bạn, từ trung ương đến cấp quận, huyện. Lãnh đạo hai Đảng nhất trí đẩy mạnh hợp tác cùng phát triển, đặc biệt trong các lĩnh vực kinh tế - thương mại, khoa học - công nghệ, văn hóa, giáo dục...; đưa quan hệ truyền thống tốt đẹp Việt Nam - Cu-ba lên tầm cao mới.

Về phía Cu-ba, tháng 9-1973, Chủ tịch Phi-đen thăm Việt Nam lần đầu tiên. Đây là vị nguyên thủ quốc gia đầu tiên và duy nhất đặt chân tới vùng đất Quảng Trị, nơi vẫn mang đậm dấu tích của cuộc chiến tranh ở Việt Nam. Tháng 12-1995, sau khi Việt Nam tiến hành công cuộc đổi mới được 10 năm,

Chủ tịch Phi-đen sang Việt Nam lần thứ hai, đánh dấu bước phát triển mới trong quan hệ hai nước. Trở lại Việt Nam lần này, Chủ tịch Phi-đen không chỉ mang đến cho nhân dân Việt Nam tình cảm sâu sắc, thủy chung mà còn thể hiện mong muốn tăng cường, củng cố tình đoàn kết, hữu nghị, tin cậy giữa hai Đảng và hai Nhà nước. Gần đây nhất, tháng 2-2003, theo lời mời của Đảng và Nhà nước Việt Nam, nhân dân Việt Nam lại được vinh dự đón Chủ tịch Phi-đen sang thăm. Đây là dịp lãnh đạo cấp cao hai nước gặp gỡ trực tiếp nhằm tăng cường quan hệ hợp tác toàn diện cũng như trao đổi về các vấn đề quốc tế mà hai bên cùng quan tâm.

Giữa hai Đảng Cộng sản Việt Nam và Cu-ba, thông qua Thỏa thuận hợp tác và trao đổi được ký kết lần đầu tiên vào năm 1996, Đảng Cộng sản Việt Nam đã cử nhiều đoàn do các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Thành ủy, Tỉnh ủy, Ủy viên Trung ương Đảng, các Trưởng Ban Đảng ... sang thăm và trao đổi kinh nghiệm với Đảng Cộng sản Cu-ba. Ngoài ra, các tổ chức chính trị quần chúng hai nước cũng thường xuyên trao đổi đoàn ở cấp cao nhất (như Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam với Ủy ban bảo vệ cách mạng Cu-ba, Tổng Công đoàn, Hội Cựu chiến binh...). Với sự tham gia của nhiều bộ, ngành hai nước, Ủy ban hợp tác liên chính phủ cũng có những cuộc gặp gỡ định kỳ, kiểm điểm việc thực hiện kế hoạch hợp tác hai bên, đề xuất những giải pháp mới nhằm đưa hợp tác kinh tế - thương mại lên ngang tầm quan hệ chính trị.

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước và sau khi Việt Nam thống nhất đất nước, Cu-ba đã dành cho Việt Nam sự giúp đỡ to lớn. Cu-ba là nước duy nhất ở Mỹ La-tinh đã giúp Việt Nam đào tạo cán bộ trong các lĩnh vực khoa học tự nhiên và khoa học xã hội (khoảng 1.500 người). Con số này tuy chưa

nhiều nhưng với một nước nhỏ, diện tích hơn 100.000 cây số vuông, dân số trên 10 triệu dân, thì sự giúp đỡ này thật đáng trân trọng. Đến nay, trong số lưu học sinh tốt nghiệp tại Cu-ba, một số đã là Ủy viên Trung ương Đảng, bí thư tỉnh ủy, thứ trưởng, giám đốc các cơ sở kinh tế... Phần lớn các Đại sứ Việt Nam làm việc tại các nước Mỹ La-tinh đều tốt nghiệp ở các trường đại học của Cu-ba. Có thể nói, đây là sự giúp đỡ vô cùng quý báu trong việc đào tạo nguồn nhân lực phục vụ cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Những thập niên 70, 80 của thế kỷ XX, một số lượng lớn công nhân xây dựng, bác sỹ, chuyên gia Cu-ba đã sang giúp Việt Nam. Những công trình lớn như khách sạn Thắng lợi, bệnh viện Đồng Hới, đường Xuân Mai - Ba Vì, các trại bò, gà giống ở Ba Vì, Tam Đảo, Mộc Châu... mãi mãi là biểu tượng của tình hữu nghị, là mồ hôi, xương máu của các chuyên gia, công nhân nước bạn đã đổ xuống vì công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc nước ta. Trong những năm tháng ác liệt Mỹ đổ bộ ở miền Bắc Việt Nam, các bác sỹ Cu-ba đã không quản hiểm nguy, hết lòng cứu chữa thương bệnh binh, những nạn nhân của bom đạn Mỹ và đã để lại những ấn tượng sâu sắc cho nhân dân Việt Nam.

Ngày nay, mặc dù còn gặp nhiều khó khăn trong phát triển kinh tế do chính sách bao vây cấm vận của Mỹ, Đảng, Nhà nước và nhân dân Cu-ba vẫn luôn sẵn sàng hợp tác, giúp đỡ Việt Nam trong các lĩnh vực chủ chốt như xây dựng, giao thông, nông nghiệp, công nghệ sinh học... Những việc làm của Đảng, Chính phủ và nhân dân Cu-ba là biểu hiện sinh động cho câu nói của Chủ tịch Phi-đen "*Vì Việt Nam, Cu-ba sẵn sàng hiến dâng cả máu của mình*".

Đáp lại tình cảm chân thành, sự giúp đỡ vô tư của Cu-ba, từ những năm 80 của thế kỷ trước, Việt Nam đã cử chuyên gia sang giúp Cu-ba, góp phần vào nhiệm vụ bảo vệ và xây dựng hòn đảo tươi đẹp này.

Tiếp đến những năm tháng khó khăn của thập niên 90 của thế kỷ XX, sau khi Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu sụp đổ, Việt Nam đã quyên góp ủng hộ 50.000 tấn gạo cùng các dụng cụ học tập cho học sinh Cu-ba. Chính phủ Việt Nam cũng đã cam kết bán gạo ổn định cho Cu-ba, góp phần giải quyết khó khăn về lương thực cho nước bạn.

Trong 45 năm qua, hai nước Việt Nam, Cu-ba luôn ủng hộ lẫn nhau trên các diễn đàn quốc tế và khu vực. Khi nhân dân Việt Nam tiến hành cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước; tại các diễn đàn trong nước, khu vực và quốc tế, Chủ tịch Phi-đen cũng như Đảng, Nhà nước và nhân dân Cu-ba đều lên án Mỹ xâm lược Việt Nam, đưa tin thắng trận của Việt Nam; tổ chức các cuộc mít tinh, biểu tình, diễu hành ủng hộ sự nghiệp chính nghĩa của nhân dân Việt Nam. Ngày nay, Cu-ba tiếp tục ủng hộ Việt Nam gia nhập *Tổ chức Thương mại thế giới* (WTO), đánh giá cao những thành tựu Việt Nam đạt được trong công cuộc đổi mới.

Việt Nam cũng lên án chính sách bao vây cấm vận của Mỹ đối với Cu-ba trong suốt 45 năm qua, đòi Mỹ từ bỏ vô điều kiện chính sách phi lý này; lên tiếng và tổ chức các hoạt động đòi Mỹ trả bé Ê-li-an về Cu-ba. Việt Nam cũng cử đoàn tham dự các cuộc gặp gỡ quốc tế với Cu-ba, bày tỏ tình đoàn kết, ủng hộ trước sau như một của Đảng, Nhà nước và nhân dân Việt Nam đối với sự nghiệp chính nghĩa của nhân dân Cu-ba anh em.

Về quan hệ đoàn kết, hữu nghị, trong lúc cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của Việt Nam đang bước vào giai đoạn ác liệt, Mỹ tiến hành chiến tranh leo thang ở miền Bắc xã hội chủ nghĩa; tại Cu-ba, năm 1967 đã được Chủ tịch Phi-đen đặt tên là năm "*Việt Nam anh hùng*".

Người Việt Nam đến Cu-ba, ai cũng cảm động vì đi đến đâu cũng thấy có trường học,

bến cảng, công viên, nhà máy... mang tên Hồ Chí Minh, Nguyễn Văn Trỗi, Võ Thị Thắng, Hải Phòng, Bến Tre, Hà Nội...

Nói đến tình cảm đoàn kết, hữu nghị của Cu-ba đối với Việt Nam, không thể không nhắc đến đồng chí Men-ba, nữ anh hùng Cu-ba, người trong thời gian dài là Chủ tịch Ủy ban đoàn kết với Việt Nam, là Đại sứ Cu-ba tại Việt Nam và đã dành gần hết cuộc đời vun đắp cho tình đoàn kết, hữu nghị giữa hai dân tộc.

Gần đây, nhân kỷ niệm 50 năm chiến thắng Điện Biên Phủ, 30 năm giải phóng miền Nam, Cu-ba đã tổ chức nhiều hoạt động hữu nghị như: tổ chức các cuộc mít tinh từ trung ương đến địa phương; các cuộc hội thảo quốc tế; đưa tin trên các báo, đài; tổ chức tuần lễ chiếu phim Việt Nam...

Được sự quan tâm, chỉ đạo của Đảng và Nhà nước, Việt Nam cũng triển khai rất nhiều hoạt động đoàn kết, hữu nghị với Cu-ba nhân các ngày kỷ niệm quan trọng như: ngày tấn công Trại lính Môn-ca-da, ngày chiến thắng Hi-ron, ngày Quốc khánh Cu-ba... Trong các hoạt động trên, Hội Hữu nghị Việt Nam - Cu-ba đóng một vai trò quan trọng⁽¹⁾.

Nhìn lại chặng đường 45 năm qua, chúng ta vô cùng vui mừng và tự hào nhận thấy, bất chấp mọi âm mưu và hành động chống phá của các thế lực thù địch, cũng như những biến đổi thăng trầm diễn ra trên thế giới, tình hữu nghị và đoàn kết anh em Việt Nam - Cu-ba đã, đang và sẽ mãi mãi là quan hệ trong sáng, mẫu mực và thủy chung. □

(1) Hội hữu nghị Cu-ba - Việt Nam được thành lập tại Cu-ba, trực thuộc Viện Hữu nghị với các dân tộc (ICAP), Cu-ba. Hội Hữu nghị gồm 33 chi hội trên toàn quốc, một con số ít thấy ở các quốc gia khác. Ngoài Chủ tịch và 4 Phó Chủ tịch, Hội hữu nghị Việt Nam - Cu-ba có 10 ủy viên thường vụ và Ban chấp hành. Cơ sở của hội có ở khắp nơi trên cả nước, với 10 Hội hữu nghị cấp tỉnh, thành phố và 14 chi hội.

CHỦ QUYỀN VÀ NHÂN QUYỀN

VŨ CÔNG GIAO *

QUAN hệ giữa chủ quyền và nhân quyền hiện là một trong những vấn đề chính trị - pháp lý gây tranh cãi trên thế giới. Về vấn đề này, có hai luồng quan điểm đối lập gay gắt. Một đặt chủ quyền quốc gia cao hơn nhân quyền và một đặt các quyền con người cao hơn chủ quyền quốc gia trong quá trình thực hiện quyền con người.

Bài viết này lý giải một số khía cạnh lý luận và thực tiễn liên quan đến hai quan điểm trên, trong đó tập trung vào các quy phạm quốc tế hiện hành về chủ quyền quốc gia và về sự giới hạn của các biện pháp cưỡng chế quốc tế; thông qua đó, chỉ ra động cơ khác đằng sau những âm mưu và hành động can thiệp của một số nước phương Tây vào các quốc gia có chủ quyền, dưới chiêu bài "bảo vệ nhân quyền".

Chủ quyền quốc gia trong luật quốc tế

Theo cuốn từ điển luật học *Black's Law Dictionary*, chủ quyền được hiểu là quyền lực tối cao, tuyệt đối, không thể bị áp đặt mà bất cứ quốc gia độc lập nào cũng phải có⁽¹⁾.

Từ thời cổ đại, A-ri-xtốt đã nêu rằng, để điều hành một quốc gia, cần trao cho chủ thể lãnh đạo đất nước một quyền lực tối cao. Vào các thế kỷ XVI - XVIII, J. Bô-din và T. Hốp cho rằng, chủ quyền quốc gia là quyền lực cao nhất, tuyệt đối, vĩnh viễn và không thể chuyển nhượng mà nhà nước được thực hiện với công dân và các chủ thể khác trên lãnh thổ của mình. H. Grô-ti-út nhận xét, chủ quyền quốc gia là quyền lực mà nhà nước được tự do tiến hành các hành động không phụ thuộc vào tác động của bên ngoài⁽²⁾. Một học giả nổi tiếng khác, Ôp-pen-hem khẳng định, trong quan hệ quốc tế: ... các quốc gia bình đẳng bởi lẽ cơ sở của luật quốc tế là dựa trên sự tôn trọng chủ quyền của các quốc gia⁽³⁾.

Nhận thức chung cho rằng, chủ quyền quốc gia thể hiện ở hai phương diện đối ngoại và đối nội.

Về đối ngoại, chủ quyền là yếu tố khẳng định tư cách bình đẳng trên trường quốc tế của một quốc gia. Chỉ khi có chủ quyền, một quốc gia mới có thể độc lập tham gia các quan hệ quốc tế

Về đối nội, chủ quyền quốc gia thể hiện ở quyền lực tối cao trong quản lý đất nước, cụ thể là quyền tự quyết định về thể chế chính trị, bộ máy hành chính, cách thức xử lý các vấn đề nội bộ, đường lối phát triển kinh tế, xã hội, khai thác và sử dụng tài nguyên...

Như vậy, nói ngắn gọn, chủ quyền quốc gia là khái niệm chỉ quyền lực hợp pháp và tối cao của một nhà nước, theo luật pháp quốc tế, được kiểm soát lãnh thổ của mình về mọi mặt và đại diện cho lãnh thổ của mình trong quan hệ quốc tế mà không chịu sự chi phối của bất cứ thế lực nào bên ngoài.

Luật pháp quốc tế hiện đại đặt chủ quyền quốc gia lên vị trí quan trọng hàng đầu trong quan hệ quốc tế. Điều 2 (2) của Hiến chương Liên hợp quốc năm 1945 khẳng định: Liên hợp quốc được xây dựng trên nguyên tắc bình đẳng, tôn trọng chủ quyền của các nước thành viên. Điều 2 (7) của văn kiện này tái khẳng định nguyên tắc không can thiệp vào công việc nội bộ của các quốc gia như sau: Hiến chương này hoàn toàn không cho phép

* Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

(1) Xem *Black's Law Dictionary*, Sixth Edition, tr 1396

(2) Ma-ri-am: *History of the sovereignty since Rousseau*, Ams Press, New York, 1968, tr 21

(3) Ôp-pen-hem: *International Law*, London, Longman & Co., 1905, Vol.I, tr 104

Liên hợp quốc được can thiệp vào những công việc thực chất thuộc thẩm quyền nội bộ của bất cứ quốc gia nào... Điều 2 (3,4) xác định nguyên tắc giải quyết các tranh chấp quốc tế bằng biện pháp hòa bình, cấm đe dọa hoặc sử dụng vũ lực trong quan hệ quốc tế.

Một loạt văn kiện quốc tế khác do Liên hợp quốc ban hành sau đó đã cụ thể hóa các nguyên tắc kể trên. Cụ thể:

- *Tuyên bố về trao trả độc lập cho các nước và dân tộc thuộc địa* (1960) nêu rõ: Các dân tộc đều có quyền không thể chuyển nhượng về chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ. Điều 2 của Tuyên bố khẳng định: Các dân tộc đều có quyền tự quyết; xuất phát từ quyền này, các dân tộc tự do quyết định thể chế chính trị và tự do theo đuổi sự phát triển kinh tế, xã hội và văn hóa của mình. Theo Điều 6 của Tuyên bố này, bất kỳ hoạt động nào nhằm phá vỡ toàn bộ hay một phần sự thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của một quốc gia đều trái với các mục tiêu và nguyên tắc của Hiến chương Liên hợp quốc.

- *Tuyên bố về tính không thể chấp nhận của việc can thiệp vào công việc nội bộ của nước khác và về việc bảo vệ độc lập, chủ quyền của các nước* (1965) khẳng định: Can thiệp quân sự là hành động xâm lược. Tổ chức, kích động lật đổ cũng như tất cả các hình thức can thiệp trực tiếp hay gián tiếp khác vào công việc nội bộ của nước khác là hành động vi phạm Hiến chương Liên hợp quốc. Theo Điều 1 của Tuyên bố này, không một quốc gia nào có quyền can thiệp, trực tiếp hoặc gián tiếp, với bất kỳ lý do nào, vào công việc đối nội hay đối ngoại của nước khác...

- *Tuyên bố về các nguyên tắc của luật pháp quốc tế điều chỉnh quan hệ hữu nghị và hợp tác giữa các quốc gia phù hợp với Hiến chương Liên hợp quốc* (1970) xác định 7 nguyên tắc cơ bản trong quan hệ quốc tế, bao gồm: bình đẳng về chủ quyền giữa các quốc gia; tôn trọng quyền bình đẳng và tự quyết của các dân tộc; không can thiệp vào các vấn đề thuộc thẩm quyền nội bộ của nước khác; kiềm chế đe dọa hoặc sử dụng vũ lực chống lại sự toàn vẹn lãnh thổ hoặc nền độc lập chính trị của nước khác và giải quyết các tranh chấp bằng biện pháp hòa bình...

- *Hai công ước quốc tế cơ bản trên lĩnh vực nhân quyền* (1966) khẳng định: Các dân tộc đều có quyền tự quyết. Xuất phát từ quyền đó, các dân tộc tự do quyết định thể chế chính trị, đường lối phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa cũng như việc sử dụng tài nguyên thiên nhiên và của cải của mình...

Ngoài các văn kiện kể trên, vị trí, tầm quan trọng của chủ quyền quốc gia và nguyên tắc không can thiệp vào công việc nội bộ của nước khác cũng được khẳng định trong nhiều văn kiện pháp lý khu vực quan trọng, như Hiến chương của các Tổ chức Thống nhất châu Phi, Tổ chức các nước châu Mỹ, Liên đoàn các nước A-rập, các Tuyên bố của Hội nghị Á-Phi năm 1955 ở Băng-dung (In-đô-nê-xi-a), Hội nghị những người đứng đầu các nước thuộc Phong trào Không liên kết lần thứ nhất và thứ hai ở Ben-grát (Nam Tư) năm 1961 và Cai-rô (Ai-cập) năm 1964...

Nhân quyền và chủ quyền

Cuộc diệt chủng người Do Thái và những hành động tàn bạo khủng khiếp khác do bè lũ phát xít gây ra trong chiến tranh thế giới thứ hai đã dẫn đến việc thành lập Liên hợp quốc, với một trong những mục tiêu là thúc đẩy và bảo vệ các quyền con người. Mặc dù phải đến năm 1948, khi Tuyên ngôn thế giới về quyền con người được ban hành, các quyền và tự do cơ bản của con người mới được quy định cụ thể, nhưng có thể nói rằng, từ thời điểm Hiến chương Liên hợp quốc được thông qua, bảo đảm quyền con người đã trở thành nghĩa vụ chung của cộng đồng quốc tế.

Một số học giả phương Tây cho rằng, việc pháp điển hóa nhân quyền trong luật quốc tế đã đẩy khái niệm chủ quyền quốc gia xuống hàng thứ yếu. Theo họ, nhân quyền phải được đặt cao hơn chủ quyền. Để bảo đảm nhân quyền, cần thiết phải giới hạn, thậm chí xâm phạm chủ quyền.

Nhìn chung, cơ sở lý luận của quan điểm "nhân quyền cao hơn chủ quyền" là tính phổ biến của nhân quyền và "luật tự nhiên", trong đó cá nhân và các quyền cá nhân được đặt lên vị trí bất khả xâm phạm cả trong phạm vi quốc gia và quốc tế. Bởi cá nhân và các quyền cá nhân mang tính tối cao, nên khi các quyền cá nhân bị xâm phạm ở một nước, thì các nước khác có "quyền" can thiệp (!).

Điều vô lý của quan điểm này là gì?

Không ai phủ nhận vai trò của cá nhân - những thực thể cấu thành xã hội loài người nói chung, các cộng đồng dân tộc nói riêng. Cũng không ai phủ nhận tầm quan trọng của quyền con người, với ý nghĩa là những giá trị nhân văn, là động lực thúc đẩy sự tiến bộ của các dân tộc và toàn nhân loại. Tuy nhiên, việc tuyệt đối hóa và cực đoan hóa các quyền cá nhân có thực sự thúc đẩy sự phát triển của các xã hội và bảo vệ các quyền của mọi cá nhân?

Một thực tế không thể phủ nhận, rằng cá nhân không bao giờ và không thể tồn tại tách rời với cộng đồng. Trong mối quan hệ với cộng đồng, mỗi cá nhân có các quyền và tự do, nhưng nhất thiết không phải là những quyền, tự do tuyệt đối. Nếu mọi cá nhân đều có các quyền và tự do tuyệt đối, cộng đồng sẽ không tồn tại. Bên cạnh các quyền cá nhân, có quyền tập thể của cả cộng đồng. Quyền này nhằm mục đích bảo đảm những lợi ích chung của tất cả cá nhân thành viên. Quyền cộng đồng hoàn toàn không phải là sản phẩm của sự tư biện, mà là kết tinh của nền văn minh nhân loại và đã được thừa nhận đồng thời với các quyền cá nhân trong các văn kiện quốc tế về nhân quyền. Chỉ đơn cử, sau khi ghi nhận các quyền cá nhân, Tuyên ngôn thế giới về nhân quyền tại Điều 29 đồng thời quy định rằng, các quyền cá nhân sẽ bị hạn chế nếu điều đó là cần thiết để bảo đảm lợi ích chính đáng về đạo đức, trật tự công cộng và phúc lợi chung của xã hội. Như vậy có nghĩa là quyền của cộng đồng phải được đặt cao hơn các quyền của cá nhân. Cụ thể đoàn hóa các quyền cá nhân tất yếu dẫn tới vi phạm quyền của cộng đồng, làm tổn hại lợi ích chung của toàn xã hội. Trong cuốn *Khế ước xã hội* J. Rút-xô đã cho rằng, ở mọi xã hội, giữa các cá nhân với nhau và giữa các cá nhân với cộng đồng, tồn tại một dạng "khế ước xã hội" trong đó để bảo đảm lợi ích chung, mỗi bên đều tự nguyện giới hạn ở một mức độ nhất định các quyền và tự do của mình. Tham gia vào khế ước xã hội, tất nhiên sẽ dẫn đến những ràng buộc, hạn chế và nghĩa vụ nhất định với các cá nhân. Tuy nhiên, khi các cá nhân tự nguyện khép mình vào cộng đồng, họ vẫn có tự do và hơn thế, được hưởng lợi từ sự bảo vệ và hỗ trợ của cộng đồng.

Một câu hỏi được đặt ra là liệu nhân quyền của các cá nhân có thể được bảo đảm trên thực tế khi dân tộc họ bị mất tự do?

Nhân quyền dựa trên nguyên tắc cơ bản là *bình đẳng*. Khái niệm bình đẳng hiểu theo nghĩa đầy đủ, bao gồm bình đẳng giữa các cá nhân và giữa các quốc gia, dân tộc, vì xét về mặt xã hội, không có cá nhân tồn tại ngoài quốc gia, dân tộc. Điều đó có nghĩa là, chỉ khi các quốc gia, dân tộc bình đẳng thì các cá nhân của các quốc gia, dân tộc đó mới được tự do và bình đẳng.

Bởi vậy, ngay từ khi nhân quyền được pháp điển hóa trong pháp luật quốc tế, có một nguyên tắc mặc nhiên được thừa nhận đó là, *chủ quyền quốc gia là tiền đề để bảo đảm nhân quyền*. Không

chỉ vậy, theo tinh thần của hai công ước năm 1966, chủ quyền quốc gia là một dạng đặc biệt quan trọng của nhân quyền (một quyền con người tập thể).

Ngoài hai công ước năm 1966, Hiến chương Liên hợp quốc, các văn kiện của cả hai hội nghị thế giới về nhân quyền năm 1968 và 1993 và nhiều văn kiện quốc tế khác trên lĩnh vực này đều khẳng định tầm quan trọng và tính chất tiền đề của chủ quyền quốc gia trong việc bảo đảm nhân quyền. Lịch sử Liên hợp quốc cho thấy, một phần quan trọng trong các hoạt động thúc đẩy nhân quyền của tổ chức này hơn 50 năm qua được dành cho cuộc đấu tranh giành chủ quyền của các dân tộc thuộc địa. Có thể nói, xét về mặt nhân quyền, thắng lợi của cuộc đấu tranh này là cực kỳ vĩ đại, bởi qua đó, hàng tỉ người thuộc các dân tộc thuộc địa mới được hưởng các quyền và tự do như công dân của những "mẫu quốc" từng đô hộ họ.

Như thế, về phương diện đối ngoại, tôn trọng chủ quyền quốc gia không chỉ nhằm duy trì quan hệ quốc tế hòa bình, mà còn xuất phát từ nghĩa vụ chung trong việc bảo đảm nhân quyền.

Về phương diện đối nội, cho dù là những chuẩn mực quốc tế, các quyền con người không mặc nhiên trở thành hiện thực trên thế giới nếu không được thể chế hóa vào pháp luật, chính sách của các quốc gia. Vì thế, chủ quyền quốc gia không làm tổn hại đến nhân quyền, mà ngược lại, là điều kiện để sản sinh ra các công cụ hiện thực hóa nhân quyền.

Những phân tích ở trên lý giải tại sao luật pháp quốc tế không chấp nhận hành động xâm phạm chủ quyền với danh nghĩa bảo vệ nhân quyền. Thay vào đó, để thúc đẩy sự hưởng thụ nhân quyền của tất cả thành viên trong "gia đình" nhân loại, Liên hợp quốc sử dụng các giải pháp hợp tác, đối thoại và trợ giúp quốc tế. Hiện tại, có nhiều cơ chế và thủ tục do Liên hợp quốc và một số cơ quan chuyên môn của tổ chức này như Tổ chức Lao động quốc tế (ILO), Tổ chức giáo dục, khoa học và văn hóa của Liên hợp quốc (UNESCO)... lập ra để giám sát và thúc đẩy việc thực hiện các tiêu chuẩn quốc tế về nhân quyền ở các quốc gia. Tuy nhiên, các cơ chế và thủ tục này đều dựa trên sự chấp thuận tự nguyện của các quốc gia và lấy nguyên tắc đối thoại xây dựng làm nền tảng. Không có cơ chế nào cho phép Liên hợp quốc hoặc một hay một nhóm quốc gia thành viên nào

của nó được tùy tiện can thiệp vào công việc nội bộ của nước khác với danh nghĩa "bảo vệ nhân quyền".

Chủ nghĩa can thiệp mới và hệ quả

So với luật quốc tế truyền thống, luật quốc tế hiện đại đặt ra một ngoại lệ trong nguyên tắc không can thiệp vào chủ quyền quốc gia. Theo Điều 39 của Hiến chương Liên hợp quốc, Hội đồng Bảo an có thể áp dụng các biện pháp phòng ngừa và cưỡng chế với một quốc gia thực tế có hành động đe dọa hòa bình; phá hoại hòa bình hoặc có hành vi xâm lược.

Song, điều đáng lưu ý là bản chất của việc áp dụng các biện pháp kể trên là *sự can thiệp có tính chất tập thể và có điều kiện*, chứ không phải là *sự can thiệp tùy tiện* của một hoặc một nhóm quốc gia, nhất là, trong các hành động được coi là nguyên nhân, không bao hàm yếu tố nhân quyền.

Tuy nhiên, một số thế lực ở phương Tây đã và đang tìm cách mở rộng phạm vi của sự can thiệp kể trên sang vấn đề nhân quyền. Theo họ, nguyên tắc không can thiệp vào công việc nội bộ của nước khác - cái neo niu giữ quan hệ quốc tế từ trước đến nay - không hoặc sẽ chỉ còn rất ít hiệu lực trước những "vi phạm nhân quyền". Bằng cách này, họ muốn đưa ra cái cớ để kích động và tổ chức các hoạt động gây rối loạn và lật đổ ở các nước khác, núp dưới chiêu bài "bảo vệ nhân quyền". Đây là sự khởi đầu về mặt lý luận của "chủ nghĩa can thiệp mới" mà nhiều học giả trên thế giới đã cảnh báo.

Cho dù núp dưới danh nghĩa "nhân đạo", "nhân quyền", nhưng chủ nghĩa can thiệp mới không thể che giấu được tính chất bất hợp pháp và phản nhân văn của nó. Về mặt pháp lý, luật pháp quốc tế chưa có quy định về vấn đề này. Thay vào đó, hiện tại, dư luận chung cho rằng, hành động can thiệp nhân đạo, nếu có, chỉ được giới hạn trong bối cảnh nạn thảm sát và diệt chủng; và tương tự như việc áp dụng các biện pháp phòng ngừa và cưỡng chế theo Chương VII của Hiến chương Liên hợp quốc, phải đặt trong khuôn khổ hoạt động của Liên hợp quốc.

Tuy mới được khởi xướng ít lâu, nhưng chủ nghĩa can thiệp mới đã và sẽ còn dẫn đến tình trạng "cá lớn nuốt cá bé" trong quan hệ quốc tế. Các cuộc tấn công quân sự vào Nam Tư cũ, Áp-ga-ni-xtan, I-rắc... và những hành động can thiệp thô bạo vào công việc nội bộ của một số quốc gia khác diễn ra gần đây với các khẩu hiệu "bảo vệ tự

do ngôn luận", "tự do tín ngưỡng, tôn giáo"... đã cho thấy rõ điều đó. Trong những sự kiện kể trên, lý luận về chủ nghĩa can thiệp mới đã được một số chính quyền phương Tây sử dụng để tự biện minh cho hành động phớt lờ các quy tắc cơ bản trong luật pháp quốc tế - những hành động mà động cơ chính là nhằm áp đặt một trật tự quốc tế có lợi cho phương Tây, chứ không phải là để bảo vệ nhân quyền.

Điều trớ trêu là trong khi sử dụng chiêu bài "can thiệp nhân đạo" và cổ vũ quan điểm "nhân quyền cao hơn chủ quyền" thì chính quyền Mỹ lại không chịu phê chuẩn những điều ước quốc tế cơ bản về nhân quyền, trong đó Quy chế của Tòa án hình sự quốc tế. Không những vậy, quân đội và lực lượng tình báo của nước này còn tiến hành những vụ bắt giữ, tra tấn và đưa đi mất tích nhiều chiến binh và những người chống đối mà họ bắt được trong các cuộc chiến tranh xâm lược. Rõ ràng, trong vấn đề này, họ đã tự cho mình quyền sử dụng những chuẩn mực kép - tính hai mặt trong quan điểm và hành động về nhân quyền hoàn toàn mâu thuẫn với các nguyên tắc cơ bản của luật nhân quyền quốc tế. Tính hai mặt trong thái độ và hành động của họ, cũng như tính phản động trong lý luận của chủ nghĩa can thiệp mới, do vậy, sẽ chỉ làm cho trật tự thế giới thêm rối ren và những vi phạm nhân quyền thêm trầm trọng mà thôi.

Là những người dân của một dân tộc yêu chuộng hòa bình và đã từng chịu nhiều tổn thất về nhân quyền do ách xâm lược của chủ nghĩa thực dân, đế quốc gây ra, nhân dân Việt Nam luôn ý thức rằng, quyền con người đầu tiên và cơ bản nhất là quyền được sống trong một đất nước có chủ quyền, tự do và độc lập. Chính vì vậy, người dân Việt Nam kiên quyết phản đối cái gọi là "nhân quyền cao hơn chủ quyền" mà một số thế lực ở phương Tây đưa ra, cũng như việc lợi dụng vấn đề nhân quyền để can thiệp vào công việc nội bộ của nước khác, dưới bất kỳ hình thức nào. Thực tế lịch sử Việt Nam kể từ khi đất nước giành được độc lập năm 1945 đến nay chứng minh rõ ràng rằng, chỉ khi dân tộc được tự do thì nhân quyền mới có cơ sở thành hiện thực. Cũng chính lịch sử giữ nước lâu dài của dân tộc đã cho thấy, bất kỳ sự chống phá, can thiệp nào từ bên ngoài, dù núp dưới chiêu bài "dân chủ", "nhân quyền" hay bất cứ chiêu bài nào khác, cũng sẽ đều thất bại trước sức mạnh đoàn kết dân tộc Việt Nam. □

ĐẢNG BỘ ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM



Địa chỉ: đường Lê Duẩn- Hà Nội * Điện thoại: 04.942 4288, 04.942 6184



Hội nghị báo cáo viên giới

Thành lập ngày 06-04-1955, theo Quyết định số 13-QN/TW của Ban Bí thư Trung ương, là Đảng bộ trực thuộc TW, đến nay có 4 đảng bộ cấp trên cơ sở, 129 đảng bộ, chi bộ cơ sở, 10451 đảng viên sinh hoạt trong 1085 chi bộ, chiếm 1/4 tổng số CBCNV.

Thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ đường sắt, ngành đường sắt đã có bước đi vững chắc, phát triển mạnh mẽ về mọi mặt và thu được nhiều thành tựu quan trọng, cụ thể là:

SẢN XUẤT KINH DOANH:

- ☆ Sản xuất kinh doanh tăng trên 13% năm.
- ☆ Doanh thu vận tải tăng trên 10% năm.
- ☆ Từ năm 1989- 2004, toàn ngành đã chuyên chở 77 triệu 371 ngàn tấn hàng hóa, 157 triệu 909 ngàn lượt hành khách với 68 tỉ 137 triệu tấn km tính đối, tổng doanh thu vận tải đạt 14 nghìn 337 tỉ đồng, nộp ngân sách nhà nước 200 tỉ đồng/ năm.
- ☆ Thu nhập của CBCNV ổn định và tăng 9% năm trở lên.

☆ Chất lượng phục vụ hành khách được nâng lên rõ rệt.

XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐOÀN NGŨ CÁN BỘ:

☆ Năm 2004 có 90,6% tổ chức cơ sở đảng đạt "Trong sạch, vững mạnh", trung bình mỗi năm kết nạp 500 người vào Đảng.

☆ Toàn ngành hiện có 3177 cán bộ có trình độ đại học, 35 thạc sĩ, 15 tiến sĩ, gần 1000 cán bộ được đào tạo cao cấp lý luận và cử nhân chính trị.

THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH XÃ HỘI:

☆ Thực hiện chế độ ưu đãi, giảm giá vé cho: Bà Mẹ Việt Nam Anh hùng, thương binh, học sinh khuyết tật, đi thi đại học, nhập học, sinh viên. Giảm cước một số mặt hàng thiết yếu.

☆ Phụng dưỡng 68 Bà Mẹ Việt Nam Anh hùng, xây tặng 48 nhà tình nghĩa, tặng 2000 sổ tiết kiệm cho gia đình thương binh liệt sĩ với tổng số tiền 2 tỉ 950 triệu đồng.

THÀNH TÍCH VÀ PHẦN THƯỞNG CAO QUÝ:

☆ Đảng, Nhà nước tặng thưởng Đảng bộ đường sắt Huân chương Độc lập hạng Nhất.

☆ Ngành đường sắt: 1 Huân chương Hồ Chí Minh; 2 Huân chương Độc lập hạng Nhì, Ba; 6 Huân chương Lao động hạng Nhất, Nhì, Ba; 3 Huân chương Chiến công hạng Nhất, Nhì, Ba.

☆ Đoàn Thanh niên: 2 Huân chương Lao động hạng Nhất.

☆ 12 tập thể Anh hùng lực lượng vũ trang, 15 tập thể và 9 cá nhân Anh hùng lao động.

☆ Cùng nhiều huân, huy chương các loại tặng cá nhân và tập thể ở cơ sở.

ĐOÀN TÀU KÉO ĐẠY- SẢN PHẨM MỚI CỦA ĐSVN



QUẬN THANH KHÊ - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG



Bí thư Quận ủy
BÙI VĂN TIÊNG

Thanh Khê là một trong 8 quận, huyện của thành phố Đà Nẵng, được tái lập năm 1997 khi Đà Nẵng trở thành thành phố trực thuộc Trung ương. Quận Thanh Khê có vị trí quan trọng: là cửa ngõ vào trung tâm thành phố và là điểm nút quan trọng trên đường thiên lý Bắc - Nam.

Trong chiến tranh cách mạng, người dân Thanh Khê luôn nêu cao truyền thống yêu nước, bất khuất kiên cường, lập nên những chiến công oanh liệt, góp phần tô thắm những trang sử vẻ vang của thành phố Đà Nẵng anh hùng. Với những thành tích xuất sắc trong đấu tranh cách mạng, Đảng bộ và nhân dân Thanh Khê đã được Chủ tịch nước tặng danh hiệu cao quý **Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân**.

Ngày nay dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ quận, Thanh Khê đã có những bước phát triển nhanh chóng, đời sống nhân dân ổn định và ngày càng được cải thiện; chính trị - xã hội ổn định; quốc phòng - an ninh được giữ vững; công tác xây dựng chính đồn Đảng, xây dựng hệ thống chính trị nhiều tiến bộ.

Đại hội lần thứ IX Đảng bộ quận vừa qua đã xác định mục tiêu tổng quát cho 5 năm tới là: "Tập trung tạo bước đột phá trong việc giải quyết những vấn đề cơ bản và bức xúc, phấn đấu đến năm 2010 Thanh Khê là một quận trung tâm có kinh tế - xã hội phát triển. Huy động mọi nguồn lực phát triển kinh tế nhanh và bền vững theo cơ cấu Thương mại, dịch vụ - Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp - thủy sản, đẩy mạnh kết cấu hạ tầng đô thị và nâng cao hiệu quả quản lý đô thị; gắn phát triển kinh tế với giải quyết tốt các vấn đề xã hội, cải thiện hơn nữa đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, đi đôi với tăng cường quốc phòng an ninh; bảo đảm sự gắn kết giữa nhiệm vụ trung tâm là phát triển kinh tế với nhiệm vụ then chốt là xây dựng chính đồn đảng và với xây dựng văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần của xã hội; chú trọng xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh toàn diện, nhất là hệ thống chính trị cơ sở".



Ban chấp hành Đảng bộ quận Thanh Khê nhiệm kỳ 2005 - 2010

NHỮNG CHỈ TIÊU CHỦ YẾU TRONG NHIỆM KỲ 2005 - 2010 ĐƯỢC XÁC ĐỊNH:

- Thương mại, dịch vụ tăng bình quân hằng năm 14%- 16%,
- Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tăng bình quân hằng năm 8%- 10%,
- Thủy sản tăng bình quân hằng năm 13%- 16%,
- Tổng thu ngân sách nhà nước tăng bình quân hằng năm 10%- 12%,
- Giảm tỷ suất sinh bình quân hằng năm 0,35%,
- Xóa 100% hộ nghèo theo tiêu chuẩn của thành phố vào cuối năm 2009,
- Giải quyết và giới thiệu việc làm từ 4.000-4.500 lao động/năm,

- Tuyển gọi công dân nhập ngũ hằng năm đạt 100%,
- Số hộ đạt tiêu chuẩn gia đình văn hóa hằng năm từ 75% trở lên,
- Tổ chức cơ sở Đảng đạt trong sạch vững mạnh hằng năm từ 65% - 70%.

Trên bước đường phát triển mặc dù còn nhiều trở lực, song Đảng bộ và nhân dân Thanh Khê quyết tâm phấn đấu xây dựng Thanh Khê trở thành một quận trung tâm của thành phố, góp phần đưa Đà Nẵng vươn lên xứng đáng là đô thị loại I cấp quốc gia.

THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Quận Hải Châu



Bí thư, TS. VÕ DUY KHƯƠNG

Quận Hải Châu là mảnh đất có lịch sử trên 500 năm, kể từ lúc những cư dân Việt đầu tiên đến đây khai hoang, vỡ đất, tính kế sinh cơ lập nghiệp lâu dài. Hành trình hơn 500 năm ấy là sự thể hiện của lòng yêu nước, thương nòi sâu sắc; dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, quận Hải Châu đã từng là người lính tiên phong, kiên cường bất khuất chống thực dân và đế quốc trong kháng chiến; đứng cảm vượt qua mọi thử thách khắc nghiệt của thiên tai, nghèo nàn lạc hậu trong xây dựng.

Ngày nay, Hải Châu là quận trung tâm của thành phố Đà Nẵng, có vai trò là trung tâm chính trị - hành chính - kinh tế - văn hóa và là địa bàn trọng điểm về an ninh, quốc phòng của thành phố.

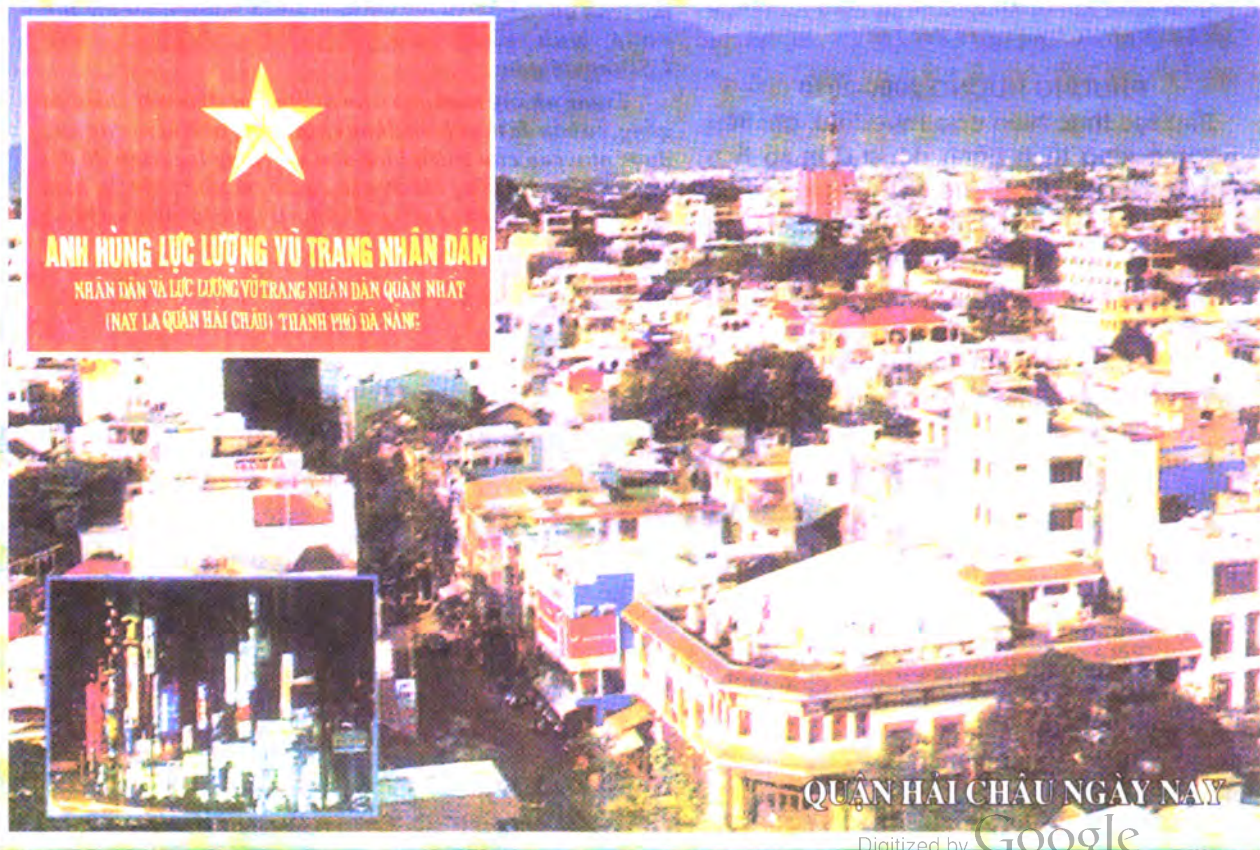
PHƯƠNG HƯỚNG MỤC TIÊU NHIỆM VỤ CỦA NHIỆM KỲ 2005-2010

Xây dựng quận Hải Châu đến năm 2010 cơ bản trở thành khu đô thị phát triển toàn diện và bền vững, văn minh, hiện đại, xứng đáng là quận trung tâm của TP. Đà Nẵng, thực sự tiêu biểu cho bộ mặt đô thị loại I cấp quốc gia.

- Giá trị các ngành dịch vụ, thương mại tăng bình quân 17-18%/năm.
- Giá trị sản xuất công nghiệp (dân doanh) tăng bình quân 6,5-7%/năm.
- Giá trị thủy sản tăng bình quân 3,5-4%/năm.
- Tốc độ tăng thu ngân sách bình quân từ 13-

15%/năm.

- Giữ mức sinh hoạt thay thế.
- Hoàn thành chỉ tiêu tuyển chọn công dân nhập ngũ hằng năm 100%.
- Đến năm 2009 xóa hết hộ nghèo theo chuẩn thành phố.
- Đến năm 2010 có 90% gia đình, 80% tổ dân phố, cơ quan, phường văn hoá.
- Bình quân hằng năm có 70% cơ sở đảng đạt trong sạch vững mạnh; không có Đảng bộ, chi bộ cơ sở yếu kém.



ANH HÙNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN
 NHÂN DÂN VÀ LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN QUÂN NHẬP
 (NAY LÀ QUẬN HẢI CHÂU) THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

QUẬN HẢI CHÂU NGÀY NAY

ỦY BAN DÂN SỐ GIA ĐÌNH VÀ TRẺ EM SƠN LA



CHỦ NHIỆM: CẨM THỊ DINH



Chị em người dân tộc Mông tham gia chiến dịch chăm sóc SKSS/KHHGD tại huyện Bắc Yên

PHƯƠNG HƯỚNG 2006-2010

Tiếp tục thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu các chương trình hành động dân số tỉnh Sơn La đến 2010 đã được phê duyệt và có sự điều chỉnh theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh và Nghị quyết HĐND tỉnh.

- + Đạt mức sinh thay thế vào năm 2010 (cũ 2009)
- + Tỷ lệ tăng tự nhiên dân số đến 2010 còn 1,39% (cũ 1,27%)
- + Tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên còn 9% (cũ 7%)
- + GDP bình quân đầu người đạt 550-600 USD (cũ 305 USD)
- + Phổ cập giáo dục THCS vào năm 2007 (cũ 2008)
- + Hạ tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi còn dưới 25% (cũ dưới 20%)
- + Xóa hộ đói, giảm hộ nghèo toàn tỉnh xuống còn 25% (theo chỉ tiêu mới)

Công tác dân số và trẻ em từ tỉnh tới cơ sở được sự đồng tình ủng hộ mạnh mẽ của nhân dân các dân tộc trong toàn tỉnh. Trong 5 năm qua, tình hình kinh tế, xã hội của tỉnh tiếp tục có bước phát triển toàn diện.

Với mục tiêu thực hiện gia đình ít con, khỏe mạnh, tiến tới ổn định qui mô dân số ở mức hợp lý để có cuộc sống ấm no, hạnh phúc. Nâng cao chất lượng dân số, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ cho sự nghiệp phát triển của tỉnh, đồng thời đáp ứng nhu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa, góp phần vào sự nghiệp phát triển nhanh, bền vững của đất nước và của tỉnh. Ủy ban Dân số và trẻ em Sơn La đã đạt được thành tựu sau:

Thực hiện mục tiêu giảm sinh là nhiệm vụ hàng đầu đặt ra cho công tác dân số ở Sơn La hằng năm. Trong những năm qua, luôn quan tâm và đã duy trì được mức sinh giảm (hằng năm đạt 0,7‰-1‰), từ 28,45‰ năm 2000 xuống còn 22,8‰ năm 2004, tổng tỷ suất sinh từ 3,4 con năm 2000 xuống còn 2,57 con năm 2004; tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên đến 2004 còn 18%. Các chỉ tiêu về việc sử dụng các biện pháp tránh thai hằng năm đều tăng. Trong đó áp dụng các biện pháp tránh thai hiện đại năm 2000 là 59% thì đến 2005 tăng lên 71%, trong đó số người sử dụng vòng tránh thai hằng năm chiếm tỷ trọng cao, thường trên 50% trở lên. Tình hình nạo phá thai đã có những thay đổi nhất định, về tỷ số giới tính khi sinh ở Sơn La cũng giống như chỉ số chung của toàn quốc. Sự thành công này góp phần quan trọng vào sự phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh. Với những kết quả thành công từ chương trình dân số cùng với thành tựu của công cuộc đổi mới, đời sống nhân không ngừng được cải thiện cả về vật chất và tinh thần, chất lượng dân số đã có sự thay đổi và nâng lên rõ rệt, tỷ lệ nghèo từ 18,3% năm 1999 xuống còn 11% năm 2003 (tiêu chí cũ) theo tiêu chí mới đến 2005 còn 34%, tỷ lệ trẻ đến trường đúng độ tuổi hằng năm từ 90%-94%, tuổi thọ bình quân 65 tuổi đối với nam và 68 tuổi đối với nữ, thu nhập bình quân đầu người đến 2005 đạt 258 USD/người/năm.

Trong những năm qua, cán bộ Ủy ban đã có rất nhiều cố gắng, cơ bản đã thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ đáp ứng được nhu cầu của chiến lược dân số. Năng lực trình độ đội ngũ cán bộ làm công tác dân số và trẻ em trong những năm qua đã có rất nhiều cố gắng để thực thi nhiệm vụ theo chức năng nhiệm vụ.



LỄ PHÁT ĐỘNG CHIẾN DỊCH CHĂM SÓC SKSS/KHHGD TẠI HUYỆN QUỲNH NHAI

ỦY BAN DÂN SỐ, GIA ĐÌNH VÀ TRẺ EM TỈNH PHÚ THỌ

Địa chỉ: đường Nguyễn Tất Thành, xã Trưng Vương, Tp Việt Trì - Điện thoại: (0210) 846 865 - 840 855



Chủ nhiệm
PHAN THỊ HẠNH NGUYÊN

Trong những năm qua, Phú Thọ đã đạt nhiều thành tựu trong công cuộc đổi mới, trong đó phải kể tới những thành công trong thực hiện chiến lược dân số của tỉnh giai đoạn 2001- 2005, những kết quả đó đã góp một phần quan trọng vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu dân số từ 2000-2004: Tỷ suất sinh giảm từ 16,2‰ xuống 14,49‰, tỷ lệ tăng tự nhiên dân số giảm từ 1,2‰ còn 1,022‰, tổng tỷ suất sinh từ 2,21 con xuống còn 2,03 đạt mức sinh thay thế vào năm 2002, mục tiêu này về trước đích so với bình quân chung toàn quốc; tỷ lệ người sinh con thứ 3 trở lên giảm từ 10,2% xuống còn 7,9%. Năm 2004 tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên của cả nước tăng trở lại nhưng Phú Thọ vẫn giữ ở mức ổn định. Sáu tháng đầu năm 2005, tỷ lệ sinh con thứ 3 tiếp tục giảm còn 7,7%, số trẻ sinh trong 6 tháng đầu năm là 7.841 trẻ giảm 283 cháu so cùng kỳ năm 2004, có thêm 55.932 cặp vợ chồng thực hiện mới các BPTT hiện đại đạt 88,4% kế hoạch năm.



Phụ nữ xã Kinh Kệ - Lâm Thao tới nhận dịch vụ SKSS/KHHGD tại Trạm y tế xã



Tư vấn SKSS/VTN cho đối tượng tại xã Thanh Đình - H. Lâm Thao



Học sinh Trường THPT Việt Trì tìm hiểu về kiến thức SKSS/VTN

Để đạt được những mục tiêu đó trong quá trình chỉ đạo, tổ chức thực hiện, Phú Thọ đã rút ra được những bài học kinh nghiệm quý báu, đó là:

1. Công tác lãnh đạo, tổ chức bộ máy và quản lý điều hành phải được coi là giải pháp số một. Thực hiện chức năng điều phối, Ủy ban Dân số, gia đình và trẻ em tỉnh đã phối hợp chặt chẽ với các ngành có liên quan trên cơ sở các hợp đồng trách nhiệm nhằm tuyên truyền vận động nhân dân hưởng ứng thực hiện công tác dân số - KHHGD.

2. Coi trọng việc phổ biến và tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách dân số - KHHGD của Đảng và Nhà nước, xây dựng và ban hành những chính sách của địa phương, chú trọng việc kiểm tra giám sát và tổng kết thực hiện kịp thời sửa đổi những chính sách cho phù hợp.

3. Công tác truyền thông luôn đi trước một bước, các hoạt động được đa dạng hóa trên cả diện rộng và chiều sâu. Sử dụng sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị, lồng ghép, đưa tiêu chí thực hiện chính sách dân số vào việc bình xét các danh hiệu thi đua.

4. Nâng cao năng lực đáp ứng yêu cầu của hệ thống dịch vụ KHHGD, đảm bảo trên 90% trạm y tế xã thực hiện được các dịch vụ tránh thai thông thường, mạng lưới cung cấp tránh thai lâm sàng được mở rộng và nâng cao chất lượng đáp ứng kịp thời, an toàn, thuận tiện cho các đối tượng có nhu cầu sử dụng các biện pháp tránh thai.

Những bài học kinh nghiệm quý báu đó sẽ được tiếp tục được Phú Thọ đánh giá, phổ biến để tiếp tục thực hiện có hiệu quả trong giai đoạn thực hiện Chiến lược dân số 2006-2010.



CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH ĐẮK NÔNG

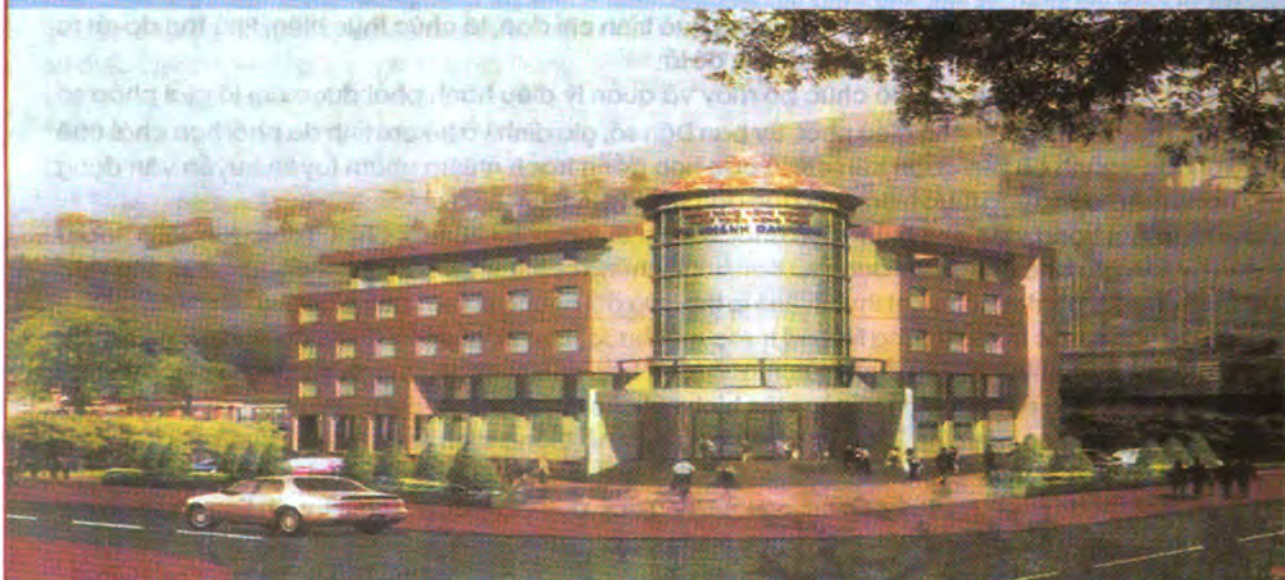
Địa chỉ: 89 Bà Triệu - Thị xã Gia Nghĩa - Tỉnh Đắk Nông
Điện thoại: 050.543362 - 543912 * Fax: 050.544610
Email: VBARDdaknong@dng.vnn.vn

SẢN PHẨM DỊCH VỤ:

- Huy động vốn nội, ngoại tệ bằng nhiều hình thức với lãi suất hấp dẫn.
- Cho vay ngắn, trung và dài hạn bằng VND và USD đối với khách hàng thuộc mọi thành phần kinh tế.
- Tham gia đồng tài trợ các dự án lớn (Thủy điện, du lịch sinh thái, xây dựng cơ sở hạ tầng...) trong và ngoài tỉnh.
- Thực hiện các nghiệp vụ bảo lãnh dự thầu, thực hiện hợp đồng, hoàn thành toán...
- Cầm cố, chiết khấu giấy tờ có giá.
- Chuyển tiền nhanh trên toàn quốc, đảm bảo an toàn, nhanh chóng chi phí thấp.
- Chi trả kiều hối bằng VND và USD, chuyển tiền nhanh WESTERN UNION.
- Thực hiện thanh toán quốc tế mua bán ngoại tệ.
- Cho vay ủy thác các tổ chức khác.



Giám đốc: Bùi Đình Đức



AGRIBANK MANG PHỒN THỊNH ĐẾN VỚI KHÁCH HÀNG

HUYỆN HỌC MÔN

Số 11 - Lý Thường Kiệt - TT Học Môn - TP Hồ Chí Minh ĐT: 08. 8 910 475

NHIỆM KỲ QUA, HUYỆN HỌC MÔN (TP. HCM) TIẾP TỤC THỰC HIỆN SỰ ĐIỀU CHỈNH SÁT HỢP CƠ CẤU KINH TẾ THEO HƯỚNG: CÔNG NGHIỆP - NÔNG NGHIỆP - THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ ĐẠT NHIỀU THÀNH TÍCH:



Độc Huỳnh Ngọc Thành - Bí Thư Huyện ủy

*** VỀ KINH TẾ:** Với 3 chương trình trọng tâm: *phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp; chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp - nông thôn theo hướng công nghiệp hoá - hiện đại hoá và đầu tư cho các xã - thị trấn*, đã đưa tăng trưởng kinh tế bình quân đạt 22,5%/năm.

Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp: Đến giữa nhiệm kỳ đã điều chỉnh chỉ tiêu tăng trưởng từ 12,45% lên 23,75%, cuối nhiệm kỳ vẫn vượt 9,35% so với chỉ tiêu. Năm 2005, giá trị sản lượng ước tính tăng gần 4 lần so với năm 2000 và chiếm tỉ trọng 57,9% tổng giá trị sản lượng kinh tế. Tỉ trọng công nghiệp của nhiều xã chiếm 45%-78% cơ cấu kinh tế.

Nông nghiệp: Năm 2004 tổng giá trị sản lượng nông nghiệp đạt 196,179 tỉ đồng, tăng bình quân 6,70%/năm; trong đó, chăn nuôi chiếm 61,51% tỉ trọng của ngành.

Thương mại - dịch vụ: Tăng trưởng bình quân đạt 21,85%/năm, cao gấp 8 lần so với năm 2000. Thu chi ngân sách của huyện ước đạt mức tăng trưởng bình quân 26,55%/năm, nguồn thuế thu công thương nghiệp thường xuyên vượt chỉ tiêu.

* VỀ VĂN HÓA - XÃ HỘI:

Giáo dục - đào tạo và y tế: Là huyện đầu tiên của Tp. HCM đạt chuẩn quốc gia về phổ cập giáo dục THCS, chống mù chữ và đang thực hiện phổ cập trung học, chất lượng giáo dục ngày càng phát triển. Về công tác y tế, đã đầu tư, nâng cấp trung tâm y tế huyện thành bệnh viện đa khoa loại 2. Ngoài ra, huyện thực hiện có hiệu quả nhiều chương trình: dân số - kế hoạch hoá gia đình, tiêm chủng mở rộng, tác hại ma túy... góp phần ngày một nâng cao việc chăm sóc sức khỏe nhân dân.

Giải quyết việc làm: đã giải quyết được 15.830 lao động và cùng với Quỹ quốc gia hỗ trợ việc làm thực hiện được 132 dự án với tổng vốn 22.811 tỉ đồng, tăng việc làm cho thêm 5.790 lao động nên đã kéo giảm tỉ lệ thất nghiệp từ 6,5% (năm 2000) xuống còn 2,85% (năm 2004) và tạo điều kiện thực hiện hiệu quả chương trình "xoá đói giảm nghèo".

*** CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG:** các mặt công tác chính trị tư tưởng, vận động xây dựng và chỉnh đốn đảng, phát triển đảng, công tác kiểm tra đảng có sự chuyển biến tích cực. Đến nay, huyện đã tổ chức được 32 lớp học Nghị quyết với trên 95% đảng viên tham dự; 23 đơn vị 5 năm liền đạt *trong sạch vững mạnh*; trên 99% đảng viên đủ tư cách. Đã đào tạo trên 400 cán bộ chủ chốt từ huyện đến cơ sở, về lý luận chính trị và chuyên môn.

MỤC TIÊU CHỦ YẾU NHIỆM KỲ 2006 - 2010

- Duy trì tốc độ tăng trưởng trên 22%/năm
- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng: *công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp chiếm tỉ trọng trên 60,2%, thương mại - dịch vụ chiếm trên 34,3% và nông nghiệp chiếm 5,5%*
- Phấn đấu trên 90% số hộ gia đình và 80% ấp - khu phố đạt chuẩn văn hoá. Đến năm 2008, cơ bản không còn hộ nghèo.
- Phấn đấu phát triển tỉ lệ đảng viên mới hằng năm từ 8% - 10% trên tổng số đảng viên, cán bộ chủ chốt từ huyện đến cơ sở hầu hết phải có trình độ đại học, cao cấp chính trị và có kiến thức ngoại ngữ, tin học



Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Học Môn, Nhiệm kỳ 2005 - 2010

ĐÀI PHÁT THANH TRUYỀN HÌNH HẢI DƯƠNG

Trung tâm khu vực Hà Nội- Hải Phòng- Quảng Ninh.

Địa chỉ: Đường Chương Dương, TP. Hải Dương

Điện thoại: 0320. 852 306, Fax: 0320. 850 007

Máy phát hình: TOSIBA 5KW kênh 40 UHF; NEC: 2 KW kênh 7 VHF

Máy phát thanh: HARRIS FM 5 KW, 12 đài huyện, 263 đài xã, phường

Giám đốc, Tổng biên tập: NGUYỄN THANH CẢI.

*** Chương trình phát thanh:**

Đài phát sóng cập nhật thời sự trong tỉnh và các chuyên đề, chuyên mục, giao lưu, đối thoại, ca nhạc, văn học nghệ thuật. Đặc biệt là chương trình phát thanh trực tiếp.

- Đài tỉnh mỗi ngày một chương trình giao lưu trực tiếp,

- Đài thành phố chuyển tải thông tin hằng ngày,

- 263 Đài truyền thanh xã, phường với hệ thống gần 4 nghìn loa truyền thanh trực tiếp sóng Đài 4 cấp phát chương trình cơ sở thực hiện nhiều cuộc truyền thanh trực tiếp với nội dung các kỳ họp HĐND, trao đổi chính sách, trợ giúp pháp lý tới gần 100% hộ dân được tiếp nhận thông tin.

Là công cụ chủ lực đưa thông tin về cơ sở

*** Chương trình truyền hình:**

Phát khấp kín 4 buổi trong ngày (sáng - trưa - chiều - tối) cập nhật diễn biến thời sự trong ngày.

- Các chuyên đề, chuyên mục đáp ứng mọi đối tượng, ngành nghề, đoàn thể, khoa học, giải trí,

- Chương trình phim, văn nghệ... phong phú,

- Nhiều cuộc truyền hình trực tiếp các kỳ họp HĐND giao lưu, đối thoại...

Là công cụ góp phần nâng cao dân trí và giải trí với mọi tầng lớp nhân dân trong và ngoài tỉnh.

*** Thành tích:**

- Huân chương Lao động hạng Nhì, hạng Ba.

- Cờ thưởng thi đua xuất sắc của Đài TNVN, THVN.

- Cờ thưởng thi đua của Chính Phủ.



TRỤ SỞ ĐÀI PHÁT THANH & TRUYỀN HÌNH HẢI DƯƠNG

VIỆN TIM MẠCH VIỆT NAM

Đại chỉ: Nhà C - Bệnh viện Bạch Mai - Hà Nội * Điện thoại: 8693731 8693633 * Fax: 8691607

Viện trưởng: GS - TS **PHẠM GIA KHẢI**

THÀNH TÍCH:

- Không ngừng cố gắng vươn lên trong công tác khám và điều trị bệnh, đội ngũ cán bộ của Viện còn luôn luôn ý thức được việc nêu cao Y đức, trau dồi và nâng cao nghiệp vụ chuyên môn nhằm mang lại niềm tin vào trình độ kỹ thuật và nắm vững khoa học trong chẩn đoán và điều trị bệnh tim mạch tại Việt Nam cho những bệnh nhân nước nhà. Trong quá trình phấn đấu, tập thể CBCNV của Viện đã nhận được những phần thưởng như:

- Năm 2000, đón nhận Huân chương Lao động hạng Nhì.

- 5 năm liên từ 1999 đến 2003 đạt danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc"

- Năm 2003 nhận bằng khen của Bộ Y tế.

- Chỉ bộ Viện Tim mạch được công nhận là chỉ bộ vững mạnh trong nhiều năm (1999 đến 2003)

- Nhiều năm qua Viện được đánh giá là là cờ đầu và đơn vị mũi nhọn của Bệnh viện Bạch Mai trong việc ứng dụng các kỹ thuật cao trong chẩn đoán và điều trị bệnh, hết mình phục vụ công tác chăm sóc bệnh nhân, nỗ lực hoàn thành và vượt kế hoạch trong tình trạng bệnh nhân quá tải... Đánh giá cao những cố gắng đó, tháng 12 năm 2004 Đảng, Nhà nước đã trao tặng tập thể Viện tim mạch Việt Nam phần thưởng cao quý Huân chương Lao động hạng Nhất.



Viện tim mạch Việt Nam tiền thân là khoa tim mạch thuộc Bệnh viện Bạch Mai được thành lập ngày 11 tháng 11 năm 1989. Hiện nay Viện có 115 cán bộ bao gồm: 4 giáo sư và phó giáo sư, 9 tiến sĩ, 3 bác sĩ chuyên khoa II, 27 thạc sĩ, 63 y tá và 10 hộ lý. Trong những năm qua, tập thể CBCNV của Viện đã thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, đạt được nhiều thành tích nổi bật, đóng góp to lớn cho sự phát triển của ngành tim mạch nói riêng và y học Việt Nam nói chung.

VỀ CÔNG TÁC KHÁM VÀ ĐIỀU TRỊ:

- Do các bệnh về tim mạch hiện đang có chiều hướng tăng nhanh cùng với đặc điểm viện là tuyến cuối cùng khám, chẩn đoán và điều trị các bệnh tim mạch từ tuyến dưới gửi lên nên bệnh nhân đến viện ngày càng nhiều và tỷ lệ nằm sau cao hơn năm trước ngày càng tăng. Viện thường xuyên thực hiện vượt chỉ tiêu kế hoạch đề ra; Số giường bệnh luôn trong tình trạng quá tải, đạt gần 200% so với kế hoạch.

- Là cơ sở đầu ngành do đó Viện được trang bị nhiều máy móc thiết bị hiện đại như: máy chụp mạch hai bình diện, máy siêu âm Doppler màu với đầu dò siêu âm tim qua đường thực quản, máy phá rung tim, máy tạo nhịp tim, máy thăm dò điện sinh lý tim và điều trị loạn nhịp bằng R.F, máy làm nghiệm pháp gắng sức với thăm chạy... Cùng với những máy móc hiện đại, Viện đã ứng dụng thành công các kỹ thuật như: nong van hai lá bằng bóng qua da trong điều trị hẹp van hai lá, chụp nong và đặt Stent động mạch vành trong điều trị các bệnh mạch vành... góp phần

mang lại hiệu quả cao về kinh tế cho xã hội thông qua việc tiết kiệm kinh phí điều trị của bệnh nhân, rõ hơn nhiều so với việc bệnh nhân phải ra nước ngoài điều trị và mang đến niềm tin cho bệnh nhân về khả năng điều trị bệnh tim mạch của Việt Nam.

VỀ CÔNG TÁC ĐÀO TẠO VÀ HỢP TÁC QUỐC TẾ:

- Viện đã kết hợp với Trường Đại học Y và một số trường đại học khác tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chuyên khoa về tim mạch ở bậc đại học và sau đại học. Bên cạnh đó, Viện cũng đào tạo đội ngũ cán bộ trẻ của đơn vị nhằm nâng cao nghiệp vụ chuyên môn và tinh thần hết lòng vì người bệnh.

- Viện luôn quan tâm tới công tác nghiên cứu và ứng dụng khoa học trong chẩn đoán và điều trị bệnh. Đồng thời, Viện còn hợp tác với các nước và các tổ chức y tế thế giới trong việc triển khai công tác điều tra về các bệnh tim mạch để từ đó đề xuất với Bộ y tế các giải pháp phòng và điều trị bệnh có hiệu quả tốt hơn. Trong 5 năm qua, Viện đã triển khai 2 đề tài ứng dụng cấp nhà nước về ứng dụng các kỹ thuật tiên tiến trong chẩn đoán và điều trị bệnh tim mạch, 2 đề tài cấp bộ về ứng dụng siêu âm trong chẩn đoán bệnh tim mạch và nhiều nghiên cứu cấp cơ sở khác.

VỀ CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO TUYẾN:

- Viện thường xuyên cử cán bộ tới hầu hết các tỉnh để theo dõi, hướng dẫn giảng dạy về chuyên môn, kỹ thuật, các kiến thức cập nhật trong chuyên ngành tim mạch, từ đó nâng cao trình độ chẩn đoán và điều trị các bệnh tim mạch cho các cán bộ y tế cơ sở và các bác sĩ tuyến dưới.





TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC VIỆT NAM
EVN Telecom

Sức mạnh kết nối

Đã mở tại:

Hà Nội
Hải Phòng
Hải Dương
Hòa Bình
Quảng Ninh
Thái Nguyên
Thừa Thiên Huế
Đà Nẵng
Khánh Hòa
Gia Lai
Bình Dương
Bà Rịa Vũng Tàu
Đồng Nai
TP. Hồ Chí Minh
Vinh Long
Cần Thơ
Tây Ninh
Long An
Bạc Liêu

**Sẽ mở trong
thời gian tới:**

Vinh Phúc
Hưng Yên
Hà Tây
Thái Bình
Nghệ An
Bình Định
Cà Mau
Bến Tre
Lâm Đồng
Trà Vinh
Bình Phước
Sóc Trăng
Bình Thuận
Tiền Giang
Ninh Thuận
Đồng Tháp
An Giang
Kiên Giang



- ✓ Dễ gọi
- ✓ Kết nối tức thì
- ✓ Chất lượng cuộc gọi cao
- ✓ Cuộc phí rẻ

Cách gọi

Gọi trong nước

179 - 0 - Mã vùng - Số thuê bao

Gọi quốc tế

179 - 00 - Mã quốc gia - Mã vùng - Số thuê bao

Giá cước

Gọi trong nước		Cước ngoài giờ
Dưới 400km	727 đồng/phút	Giảm 30%
Từ 400km đến 1200km	1227 đồng/phút	
Trên 1200km	1636 đồng/phút	
Gọi quốc tế	0,63 USD/phút	

Giá trên chưa bao gồm VAT

Cước ngoài giờ từ 23h đêm đến 7h sáng và trọn ngày lễ Chủ nhật



Địa chỉ: 53 Lương Văn Can - Hoàn Kiếm - Hà Nội

Hãy gọi số (04) 9286 946

Hoặc truy cập vào website: www.vpt.vn để biết thêm chi tiết

HX
9
H68B

Tạp chí Công sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM



JNIV. OF MICH.

JAN 12 2006

CURRENT SERIALS

24

12-2005

10
NĂM

XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN

THÀNH PHỐ HÀ NỘI

QUẬN TÂY HỒ

Bí thư: **VŨ HỒNG KHANH**

Quận Tây Hồ có diện tích 2.400 ha, dân số hơn 11 vạn người, có 8 phường bao quanh Hồ Tây - Một danh thắng nổi tiếng, một viên ngọc quý mà thiên nhiên ban tặng cho Thủ đô Hà Nội.

Tây Hồ còn là một vùng đất giàu truyền thống cách mạng và văn hoá với 61 di tích lịch sử, văn hoá nổi tiếng, như: Chùa Trấn Quốc, Phủ Tây Hồ, Đền Đồng Cổ, Trường PTTH Chu Văn An; cùng các làng nghề truyền thống nổi tiếng, như dệt lụa, làm giấy dó trước đây và những sản phẩm hoa đào, cây quất, cây cảnh, cá cảnh cùng với nghệ thuật bon sai hoà quyện giữa con người và thiên nhiên cho đến ngày nay.

10 năm qua, kể từ khi thành lập quận, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân quận Tây Hồ đã phát huy thế mạnh của một vùng đất giàu truyền thống, vượt lên những khó khăn, quyết tâm xây dựng và phát triển quận tiến lên đô thị hoá, hướng tới trở thành một Trung tâm Dịch vụ - Du lịch - Văn hoá của Thủ đô.

Với mục tiêu, hướng đi và những lộ trình cụ thể, đồng thời được sự lãnh đạo, chỉ đạo và đầu tư của Thành uỷ - HĐND - UBND thành phố Hà Nội, 10 năm qua quận Tây Hồ đã đạt được những kết quả bước đầu rất đáng phấn khởi, đó là:

- ★ Kinh tế liên tục tăng trưởng theo đúng định hướng. Tốc độ tăng bình quân hằng năm là 15,6%, trong đó công nghiệp tăng 31,1%/năm; dịch vụ, du lịch tăng 14,7%/năm; giá trị trồng trọt đạt 89 triệu đồng/ha canh tác. Tổng thu ngân sách nhà nước tăng hằng năm là 24,5%.
- ★ Văn hoá - Xã hội có chuyển biến tích cực, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng lên.
- ★ Cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá" được nhân dân tích cực hưởng ứng, tỷ lệ gia đình văn hoá tăng cả về số lượng và chất lượng, nếp sống văn hoá người Hà Nội được

thảo luận, tuyên truyền và thực hiện có kết quả ở nhiều nơi.

★ Công tác giáo dục - đào tạo được quan tâm chỉ đạo, chất lượng giáo viên, học sinh được nâng lên, tỷ lệ tốt nghiệp các cấp học đều đạt và vượt chỉ tiêu đề ra, nhiều giáo viên và học sinh đạt giải cao trong các kỳ thi, cuộc thi của quận và thành phố. Toàn quận đã có 7 trường đạt chuẩn quốc gia.

★ Hoạt động văn hoá - văn nghệ, thông tin thể dục thể thao được duy trì và phát triển, công tác quản lý di tích, danh thắng có chuyển biến rõ nét. Quận đã huy động 35 tỉ đồng để tôn tạo, nâng cấp các di tích lịch sử văn hoá.

★ Công tác y tế, giải quyết việc làm và chăm lo chính sách xã hội đặc biệt là giảm các hộ nghèo, xây dựng và sửa chữa các nhà tình nghĩa, tình thương được quan tâm và đạt nhiều kết quả.

★ An ninh, chính trị được đảm bảo, trật tự an toàn xã hội có nhiều tiến bộ, công tác quốc phòng được tăng cường.

★ Xây dựng và quản lý đô thị thành phố và quận đã đầu tư hơn 1.500 tỉ đồng để xây dựng HTKTXQ Hồ Tây, xây dựng hạ tầng đô thị và công trình văn hoá, phúc lợi công cộng góp phần thay đổi cảnh quan đô thị.

★ Công tác phát triển nhà tái định cư, giải phóng mặt bằng phục vụ kịp thời có hiệu quả về yêu cầu đô thị hoá của quận.

Tuy nhiên bên cạnh những kết quả nêu trên, quận Tây Hồ cũng còn những hạn chế khuyết điểm trong quá trình xây dựng và phát triển. Nhưng với hào khí của Thủ đô Hà Nội hướng tới 1000 năm Thăng Long, với đường lối đổi mới của Đảng được cụ thể hoá trong Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ XIV và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ quận lần thứ III, nhất định Đảng bộ, chính quyền và nhân dân quận Tây Hồ sẽ tiếp tục phấn đấu vươn lên xây dựng quận Tây Hồ "Dân giàu, cảnh đẹp, văn minh và nhân ái".





THÁNG 2 KỶ

RA NGÀY 1 VÀ 16

SỐ 747

24

12-2005

● **BỘ BIÊN TẬP :**

52 Nguyễn Chí Thanh, Hà Nội

Điện thoại : (04) 7 753 605

Fax : (04) 7 753 633

Email: bbtccs@hn.vnn.vn

● **Cơ quan thường trú tại miền Trung :**

26 Trần Phú,

Thành phố Đà Nẵng

Điện thoại : (080) 51301

Fax : (080) 51303

● **Cơ quan thường trú tại miền Nam :**

19 Phạm Ngọc Thạch,

Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại : (08) 8 274 638

Fax : (08) 8 231 664

● **Tap chí Cộng sản điện tử :**

<http://www.tapchicongsan.org.vn>

● **Tổng Biên tập :**

LÊ HỮU NGHĨA



Bìa 1: *Tình quân dân*

Ảnh: *Hoàng Như Thính*

Tap chí Cộng sản

**CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

MỤC LỤC

NHÂN KỶ NIỆM 61 NĂM NGÀY THÀNH LẬP QĐND VIỆT NAM (22-12-1944 - 22-12-2005) VÀ 16 NĂM NGÀY HỘI QUỐC PHÒNG TOÀN DÂN (22-12-1989 - 22-12-2005)

PHẠM GIA KHIÊM - Phát huy thành tựu, tiếp tục đẩy mạnh công tác giáo dục quốc phòng	3
PHÙNG QUANG THANH - Nâng cao chất lượng tổng hợp, sức mạnh chiến đấu của Quân đội nhân dân, bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ mới	7

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

NGUYỄN VĂN ĐẶNG - Mấy vấn đề về chế độ sở hữu và thành phần kinh tế ở nước ta	12
NGUYỄN ĐỨC BÁCH - ĐOÀN MINH DUỆ - Về bản chất của Đảng	17
NHẬT TÂN - Tính tất yếu đổi mới sự lãnh đạo của Đảng để phát huy dân chủ ở cơ sở	22
ANH PHƯƠNG - Những điểm mới của Kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XI	26
NGUYỄN ĐẮC HÙNG - Cơ cấu lại hệ thống ngân hàng thương mại để chủ động hội nhập kinh tế quốc tế	31
TRẦN ĐÌNH SỬ - Nguyễn Du - đại thi hào dân tộc	36

THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM

TRỊNH THỨC HUỖNH - Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia - Sự thật: 60 năm phấn đấu và trưởng thành, xứng đáng với sự tin cậy của Đảng và Nhà nước	41
NGUYỄN VĂN THUẬN - Hải Phòng đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa	46
LÊ THÀNH LONG - Long An với nhiệm vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn	51
TRẦN MINH PHÚC - Nhon Trạch nỗ lực phấn đấu để sớm trở thành thành phố	56

SINH HOẠT TƯ TƯỞNG

NHỊ LÊ - Đoàn kết với... chính mình	60
-------------------------------------	----

THẾ GIỚI: VẤN ĐỀ - SỰ KIỆN

ĐỨC VƯỢNG - Đồng chí Cay-xôn Phôm-vi-hản, người con ưu tú của nhân dân các bộ tộc Lào, người bạn thân thiết của nhân dân Việt Nam	61
NGUYỄN THỊ HOA - "Bẫy nợ nần" - lối thoát nào cho các nước nghèo?	66

QUA SÁCH BÁO NƯỚC NGOÀI

*** Về sự ra đời của Đảng cánh tả toàn châu Âu	70
--	----

СОДЕРЖАНИЕ

• ФАМ ЖА КЮИЕМ: Развитие достигнутых успехов в дальнейшем усилении обучения в области национальной обороны. • ФУНГ КУАНГ ТХАНЬ: Повышение общего качества, боевой силы Народной армии в защите Родины на данном этапе. • НГУЕН ВАН ДАНГ: Некоторые проблемы о системе собственности и экономических секторах во Вьетнаме. • НГУЕН ДЫК БАТЬ – ДОАН МИНЬ ЗУЭ: О сущности Партии. • НЯТ ТАН: Неизбежность обновления партийного руководства во имя развития демократии в местностях. • АНЬ ФЫОНГ: Новшества 8-ой сессии Национального собрания 11-го созыва. • НГУЕН ДАК ХЫНГ: Реконструкция системы коммерческих банков для инициативной международной экономической интеграции. • ЧАН ДИНЬ ШЫ: Нгуен Зу – великий национальный поэт. • ЧИНЬ ТХУК ХИУНЬ: Государственное политическое издательство-Шытхат: 60 лет развития и возмужания, достойное доверия Партии и Государства. • ДЫК ВЫОНГ: Товарищ Кайсон Фомвихан – лучший сын народа лаосских племён, близкий друг вьетнамского народа. • НГУЕН ТХИ ХОА: «Ловушка долгов» – какой выход из этого положения для бедных стран?

CONTENTS

• PHAM GIA KHIEM: Promoting achievements, continuing accelerate the matter of national-defence education. • PHUNG QUANG THANH: Enhancing universal quality and fighting strength of the People's Army in Motherland protection in the new period. • NGUYEN VAN DANG: Some problems of ownership and economic components in our country. • NGUYEN DUC BACH - DOAN MINH DUET: Regarding the Party's essence. • NHAT TAN: Inevitability of the Party leadership renovation for the promotion of grassroots democracy. • ANH PHUONG: New traits of the VIII session of National Assembly (XI tenure). • NGUYEN DACK HUNG: Restructing the system of commercial banks for a initiative integration into World economy. • TRAN DINH SU: Nguyen Du – the great poet of the nation. • TRINH THUC HUYNH: The National Political Publishers (Truth Publishers): 60 years striving, growing up and being worthy of confidence of the Party and People. • DUC VUONG: Comrade Cayxon Phomvihan, an excellent son of the Laos people, a close friend of the Vietnamese people. • NGUYEN THI HOA: "The debt trap", which exit is for poor countries?

SOMMAIRE

• PHAM GIA KHIEM : Faire valoir nos réalisations pour renforcer d'avantage le travail d'éducation de défense nationale. • PHUNG QUANG THANH : Rehausser la qualité globale, la combativité de l'Armée populaire pour défendre la Patrie dans la nouvelle étape. • NGUYEN VAN DANG : Quelques questions sur le régime de propriété et les composantes économiques dans notre pays. • NGUYEN DUC BACH - DOAN MINH DUET : Sur la nature du Parti. • NHAT TAN : La nécessité de rénover la direction du Parti pour faire valoir la démocratie à la base. • ANH PHUONG : Les nouveaux points de la 8^e session de l'Assemblée nationale (XI^e législature). • NGUYEN DACK HUNG : Restructurer le système des banques commerciales pour prendre l'initiative de l'intégration économique internationale. • TRAN DINH SU : Nguyen Du – le plus grand poète de la nation. • TRINH THUC HUYNH : La maison d'édition Chinh tri quoc gia (Politique Nationale) – Su that (Vérité) : 60 années d'efforts et de maturité, digne de la confiance du Parti et de l'État. • DUC VUONG : Le camarade Kaysone Phomvihane, enfant d'élite du peuple laotien, ami intime du peuple vietnamien. • NGUYEN THI HOA : Le « piège de dettes » – quelle issue pour les pays pauvres?

SUMARIO

• PHAM GIA KHIEM: En despliegue de los éxitos continuar impulsando la educación de defensa nacional. • PHUNG QUANG THANH : Elevar la calidad sintética, la combatividad del Ejército del Pueblo y la defensa nacional en la nueva etapa. • NGUYEN VAN DANG: Algunos problemas sobre el régimen de propiedad y de sectores económicos en nuestro país. • NGUYEN DUC BACH - DOAN MINH DUET: Acerca de la esencia del Partido. • NHAT TAN: La necesidad de renovar la dirección del Partido a fin de desplegar la democracia en las bases. • ANH PHUONG: Nuevos puntos del VIII período de sesiones de la Asamblea Nacional (XI Legislatura). • NGUYEN DACK HUNG: Reestructurar el sistema de bancos comerciales para tomar la iniciativa en la integración económica internacional. • TRAN DINH SU: Nguyen Du – gran poeta de la nación. • TRINH THUC HUYNH: La editorial Chinh tri Quoc gia – Su that (Política Estatal-Verdad): 60 años de esfuerzo y desarrollo para ser merecida a la confianza del Partido y Estado. • DUC VUONG: El camarada Kaysone Phomvihane, hijo eminente del pueblo de Laos y amigo íntimo del pueblo de Vietnam. • NGUYEN THI HOA: "Trampa de deudas" - ¿cuál es la salida para los países pobres?

目錄

• 范家謙：發揮取得的成就，繼續推動國防教育工作 • 馮光清：在新時期為捍衛祖國提高人民軍隊的綜合素質及戰鬥力 • 阮文鄧：我國有關所有制及經濟成分的一些問題 • 阮德柏一段名聲：我黨的本質 • 日新：革新黨的領導的必要性以發揮基層民主 • 英芳：國會第十一屆第八次會議的一些新焦點 • 阮德興：為主動融入國際經濟，從新組構商貿銀行系統 • 陳亭史：阮攸一民族大詩豪 • 鄭叔黃：國家政治—真理出版社：60年奮鬥及成長，無愧於黨和國家的信任 • 德望：凱山 • 丰威漢—老挝各部落民族人民的優秀兒子，越南人民親密的朋友 • 阮氏花：“貸款陷阱”—貧窮國家何種脫途徑？

PHÁT HUY THÀNH TỰU, TIẾP TỤC ĐẨY MẠNH CÔNG TÁC GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG

PHẠM GIA KIỆM *

ĐẠI HỘI Đảng toàn quốc lần thứ IX đã xác định "*Sức mạnh bảo vệ Tổ quốc là sức mạnh tổng hợp của khối đại đoàn kết toàn dân, của cả hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh của lực lượng và thể trận quốc phòng toàn dân với sức mạnh của lực lượng và thể trận an ninh nhân dân*"⁽¹⁾ (T.G. nhấn mạnh). Đó là quan điểm cơ bản của Đảng ta về sức mạnh bảo vệ Tổ quốc trong điều kiện mới. Quan điểm đó được hình thành trên cơ sở đánh giá khách quan, khoa học tình hình thế giới, khu vực và vị thế mới của đất nước, đồng thời kế thừa những kinh nghiệm trong suốt chiều dài lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc.

Đảng và Nhà nước ta luôn luôn coi giáo dục quốc phòng là một trong những mặt công tác hết sức quan trọng. Mục tiêu xuyên suốt của giáo dục quốc phòng là bồi dưỡng, nâng cao nhận thức về quốc phòng - an ninh, bồi đắp lòng yêu nước, tự hào dân tộc, xây dựng cho toàn dân ý chí quyết tâm bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, góp phần giữ vững hòa bình, ổn định, tạo môi trường thuận lợi để phát triển kinh tế, thực hiện mục tiêu "dân

giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh".

Với tinh thần đó, ngày 12-02-2001, Bộ Chính trị đã ra Chỉ thị số 62-CT/TW Về tăng cường công tác giáo dục quốc phòng toàn dân trước tình hình mới, và tiếp đó, ngày 01-5-2001 Chính phủ đã ban hành Nghị định số 15/2001/NĐ-CP Về giáo dục quốc phòng. Đây là những chủ trương hết sức quan trọng để thống nhất lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện, đưa công tác giáo dục quốc phòng phát triển lên một bước mới. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các quân khu, tỉnh, thành phố, quận, huyện trong cả nước đã tổ chức quán triệt sâu, rộng và đề ra các biện pháp phù hợp, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ cả về quy mô, chất lượng và hiệu quả trong công tác giáo dục quốc phòng.

Năm năm qua, công tác giáo dục quốc phòng đã đạt được thành tựu quan trọng, nổi bật là, đã xây dựng, bổ sung và ngày càng

* Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng, Chủ tịch Hội đồng Giáo dục Quốc phòng Trung ương

(1) Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, tr 661 - 662

hoàn thiện hệ thống pháp luật của Nhà nước, cụ thể hóa đường lối, chủ trương của Đảng, tạo cơ sở thuận lợi cho việc lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện nhiệm vụ giáo dục quốc phòng ở các cấp, các ngành và địa phương. Hội đồng Giáo dục Quốc phòng Trung ương, các quân khu, tỉnh và huyện đã được thành lập, tạo thành hệ thống tổ chức chặt chẽ, thống nhất. Hoạt động của Hội đồng Giáo dục Quốc phòng các cấp đã đi vào nề nếp, phát huy được trách nhiệm của liên ngành trong công tác tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương thực hiện có hiệu quả công tác giáo dục quốc phòng. Cơ quan Thường trực Hội đồng Giáo dục Quốc phòng các cấp, nhất là ở Trung ương đã giúp Hội đồng Giáo dục Quốc phòng triển khai có hiệu quả cao nhiệm vụ, tổng hợp tình hình, thực hiện chế độ thanh tra, kiểm tra về công tác giáo dục quốc phòng.

Công tác xây dựng nội dung, chương trình giáo dục quốc phòng cũng đạt kết quả rất tốt. Bộ Quốc phòng đã tích cực, chủ động phối hợp với Bộ Công an, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Nội vụ, Ban Tổ chức Trung ương... xây dựng chương trình, biên soạn giáo trình, tài liệu tham khảo. Đến nay, hệ thống giáo trình giáo dục quốc phòng - an ninh cho cán bộ chủ chốt các cấp và học sinh, sinh viên đã được ban hành thống nhất, có chất lượng, phù hợp với từng đối tượng. Về nội dung, đã tập trung quán triệt sâu sắc quan điểm, đường lối về quốc phòng, đường lối quân sự của Đảng, về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, nền an ninh nhân dân. Nâng cao nhận thức cho cán bộ, nhân dân về âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch trong chiến lược "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ. Đồng thời, còn trang bị cho cán bộ chủ chốt các cấp những kiến thức cơ bản về quản lý nhà nước đối với quốc phòng - an ninh...

Trước nhu cầu bức xúc về giáo viên giáo dục quốc phòng cho các trường trung học phổ

thông, trung học chuyên nghiệp, dạy nghề, cao đẳng, đại học, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã phối hợp với Bộ Quốc phòng tổ chức bồi dưỡng giáo viên từ nguồn tại chỗ để kiêm nhiệm giảng dạy, đồng thời, triển khai đào tạo dài hạn giáo viên giáo dục quốc phòng. Bên cạnh đó, các địa phương còn tích cực mở các lớp tập huấn nghiệp vụ, chuyên môn cho giáo viên giáo dục quốc phòng. Với nhiều hình thức khác nhau, đến nay cả nước đã đào tạo, bồi dưỡng được 1.982 giáo viên, tạo cơ sở ban đầu cho việc hình thành và phát triển đội ngũ giáo viên giáo dục quốc phòng. Các cơ quan có trách nhiệm cũng ban hành các văn bản hướng dẫn thống nhất về nhiệm vụ, biên chế, chế độ, chính sách đối với giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục quốc phòng và đầu tư ngân sách xây dựng, củng cố các học viện, trường quân sự, trung tâm giáo dục quốc phòng, từng bước đáp ứng yêu cầu của công tác giáo dục quốc phòng.

Năm năm qua, công tác giáo dục quốc phòng đã thực sự chuyển biến mạnh mẽ và đạt hiệu quả thiết thực, đã có 427.739 cán bộ chủ chốt các cấp, các ngành và chức sắc, chức việc các tôn giáo được trang bị kiến thức quốc phòng - an ninh. Trong đó, có 1.030 cán bộ cao cấp, 8.208 cán bộ chủ chốt cấp huyện, 91.070 cán bộ chủ chốt cấp xã, phường và 195.976 cán bộ thôn, bản, 128.420 cán bộ chủ chốt của các tổ chức xã hội và 3.035 chức sắc, chức việc các tôn giáo.

Đáng chú ý là, giáo dục quốc phòng đã thực sự trở thành môn học chính khóa trong các trường chính trị, trường hành chính từ Trung ương đến địa phương và trong các trường trung học phổ thông, đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, dạy nghề. Sau 5 năm đã có trên 30.000 cán bộ cấp tỉnh, huyện, hàng vạn cán bộ cấp xã, phường, thị trấn và 18.258.080 học sinh, sinh viên tham gia các khóa học về giáo dục quốc phòng. Chất lượng giảng dạy và

học tập trong các trung tâm giáo dục quốc phòng ngày càng cao.

Giáo dục quốc phòng toàn dân cũng được các cơ quan chức năng ở Trung ương và địa phương quan tâm, triển khai. Các phương tiện thông tin đại chúng và một số báo chí, đài phát thanh ở Trung ương có chuyên mục, chuyên trang về quốc phòng - an ninh. Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam, Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Bộ Giáo dục và Đào tạo, v.v. đã chỉ đạo tổ chức nhiều hoạt động có nội dung giáo dục quốc phòng, góp phần xây dựng niềm tự hào dân tộc, lòng yêu nước, yêu chế độ, ý chí quyết tâm bảo vệ Tổ quốc cho toàn dân, tạo nền tảng để đưa công tác giáo dục quốc phòng đi vào chiều sâu và đạt hiệu quả cao hơn.

Từ năm 2002 đến nay, Hội đồng Giáo dục Quốc phòng Trung ương đã tổ chức kiểm tra giáo dục quốc phòng ở 8 quân khu, 12 trường đại học và cao đẳng. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Quốc phòng, Hội đồng Giáo dục Quốc phòng các cấp cũng tổ chức hàng trăm lượt kiểm tra, góp phần đưa công tác giáo dục quốc phòng hoạt động đúng hướng và nâng cao ý thức trách nhiệm của các cấp, các ngành đối với công tác giáo dục quốc phòng.

Tuy nhiên, quá trình thực hiện công tác giáo dục quốc phòng cũng còn nhiều hạn chế. Đó là, hoạt động của Hội đồng Giáo dục Quốc phòng ở một số địa phương còn mang tính hình thức, phân công, phân nhiệm chưa rõ ràng, cụ thể, cho nên một số thành viên của Hội đồng chưa hoàn thành tốt trách nhiệm của mình. Công tác chỉ đạo của một số Hội đồng Giáo dục Quốc phòng cấp tỉnh, cấp huyện còn chưa thống nhất, công tác báo cáo chưa đi vào nền nếp, chất lượng giáo dục quốc phòng giữa các địa phương, giữa các ngành chưa đồng đều. Việc tổ chức giáo dục quốc phòng cho học sinh, sinh viên ở một số trường thiếu chặt chẽ, còn chạy theo thành tích. Đội ngũ giáo

viên giáo dục quốc phòng ở các trường trung học phổ thông, trung học chuyên nghiệp, dạy nghề, cao đẳng, đại học còn thiếu, chất lượng cũng còn hạn chế; cơ sở vật chất bảo đảm cho công tác giảng dạy và học tập chưa đồng bộ. Việc tổ chức bồi dưỡng kiến thức quốc phòng - an ninh cho cán bộ chủ chốt của các tổ chức xã hội ở một số nơi còn lúng túng, triển khai chậm; chưa chú trọng đến đội ngũ cán bộ chủ chốt của các Tổng công ty 90, 91 và các doanh nghiệp. Giáo dục quốc phòng toàn dân tuy đã có tiến bộ, nhưng hình thức, biện pháp tuyên truyền, giáo dục ít được đổi mới. Nhận thức về chiến lược bảo vệ Tổ quốc của một số cán bộ, đảng viên, học sinh, sinh viên chưa đầy đủ; còn xem nhẹ nhiệm vụ quốc phòng - an ninh và cuộc đấu tranh chống các âm mưu phá hoại của các thế lực thù địch.

Trong những năm tới, một mặt sự nghiệp đổi mới đất nước đòi hỏi phải tiếp tục mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế, trong bối cảnh có nhiều thời cơ và thách thức đan xen. Mặt khác, tình hình thế giới và khu vực tiếp tục diễn biến phức tạp và khó lường; các thế lực thù địch còn tiếp tục chống phá cách mạng nước ta. Chúng lợi dụng các vấn đề về dân tộc, tôn giáo, "dân chủ", "nhân quyền" để kích động gây mất ổn định chính trị xã hội. Do đó, đẩy mạnh nhiệm vụ giáo dục quốc phòng là việc có ý nghĩa rất quan trọng và là yêu cầu khách quan trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Để công tác giáo dục quốc phòng đáp ứng với yêu cầu và nhiệm vụ mới, các cấp, các ngành và các địa phương cần tập trung thực hiện tốt một số nhiệm vụ trọng tâm sau đây:

Một là, tiếp tục quán triệt sâu sắc Chỉ thị 62-CT/TW của Bộ Chính trị, Nghị định 15/2001/NĐ-CP của Chính phủ và Nghị quyết Trung ương 8 (khóa IX) *Về chiến lược bảo vệ Tổ quốc* trong tình hình mới, tạo bước chuyển biến về nhận thức của toàn xã hội, nhất là đội ngũ cán bộ, đảng viên về công tác giáo dục

quốc phòng. Đặt công tác giáo dục quốc phòng dưới sự lãnh đạo trực tiếp của cấp ủy, sự quản lý, điều hành của chính quyền địa phương. Trên cơ sở các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về giáo dục quốc phòng và qua tổng kết thực tiễn, cần tiếp tục nghiên cứu, bổ sung, sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật bảo đảm đúng đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước và phù hợp với thực tiễn nhằm triển khai có hiệu quả cao về công tác giáo dục quốc phòng.

Hai là, thường xuyên củng cố, kiện toàn tổ chức để nâng cao năng lực của Hội đồng Giáo dục Quốc phòng và cơ quan thường trực của Hội đồng các cấp, nhất là cấp tỉnh và cấp huyện, phát huy tinh thần trách nhiệm, tính chủ động, sáng tạo của từng thành viên Hội đồng. Mặt khác, coi trọng việc xây dựng kế hoạch và giải pháp thực hiện kế hoạch. Thực hiện nghiêm túc chế độ kiểm tra, thanh tra, kịp thời biểu dương và nhân rộng những điển hình tiên tiến, những cách làm hay, đồng thời, phát hiện những hạn chế, khuyết điểm trong quá trình tổ chức thực hiện để nâng cao chất lượng giáo dục quốc phòng. Hằng năm, các cấp, các ngành cần đánh giá chính xác, khách quan công tác chỉ đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ, chủ động đề xuất các giải pháp để nâng cao hiệu quả công tác giáo dục quốc phòng.

Ba là, phải chú trọng bồi dưỡng kiến thức quốc phòng - an ninh cho cán bộ chủ chốt của các doanh nghiệp, các Tổng công ty 90, 91, cán bộ xã, phường thị trấn, thôn, bản và đảng viên, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, hải đảo; gắn công tác giáo dục quốc phòng với nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở. Kết hợp chặt chẽ giữa giáo dục chính trị, tư tưởng, pháp luật với huấn luyện quân sự, nâng cao chất lượng của lực lượng dân quân tự vệ và lực lượng dự bị động viên, làm hạt nhân cho công tác giáo dục quốc phòng ở cơ sở.

Bộ Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Bộ Quốc phòng và các bộ, ngành liên quan xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên giáo dục quốc phòng cho các trường trung học phổ thông, trung học chuyên nghiệp, dạy nghề, đại học, cao đẳng. Có kế hoạch đẩy nhanh tiến độ đầu tư xây dựng các trung tâm giáo dục quốc phòng bảo đảm "cơ bản, hiện đại", đáp ứng yêu cầu giáo dục quốc phòng cho học sinh, sinh viên với số lượng ngày càng lớn và chất lượng ngày càng cao. Phấn đấu đến năm 2010, bảo đảm điều kiện giảng dạy cho 70% học sinh, sinh viên tại các trung tâm giáo dục quốc phòng. Nghiên cứu lồng ghép một số nội dung giáo dục quốc phòng vào nội dung giảng dạy ở bậc học trung học cơ sở và tiểu học. Xây dựng chương trình, giáo trình, kế hoạch giảng dạy, bảo đảm "cơ bản, toàn diện, thiết thực, có hệ thống", phù hợp với mục tiêu giáo dục từng cấp học, bậc học.

Bốn là, tiếp tục đổi mới nội dung, hình thức, phương pháp giáo dục quốc phòng. Phát huy vai trò của các phương tiện thông tin đại chúng thực hiện phương châm tuyên truyền "dễ nghe, dễ hiểu, hấp dẫn". Chú trọng bổ sung nội dung giáo dục quốc phòng vào các hoạt động văn hóa nghệ thuật, văn hóa quần chúng ở cơ sở. Coi trọng công tác tuyên truyền, giáo dục ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, bảo đảm phù hợp với tập quán tốt đẹp, nếp sống văn minh của cộng đồng, của mỗi dân tộc, khơi dậy truyền thống yêu nước và lòng tự hào dân tộc, nhận rõ âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, từ đó nâng cao ý thức trách nhiệm và tinh thần cảnh giác cách mạng của nhân dân ta.

Phát huy những thành tựu đạt được trong 5 năm qua, với sự nỗ lực của các bộ, ngành, địa phương, chúng ta tin tưởng rằng, công tác giáo dục quốc phòng sẽ phát triển ngang tầm với yêu cầu mới, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. □

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG TỔNG HỢP, SỨC MẠNH CHIẾN ĐẤU CỦA QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN, BẢO VỆ TỔ QUỐC TRONG THỜI KỲ MỚI

PHÙNG QUANG THANH *

HON 60 năm qua, được Đảng, Bác Hồ trực tiếp tổ chức, xây dựng, lãnh đạo, giáo dục, rèn luyện, Quân đội ta luôn luôn trung thành với Tổ quốc, với Đảng, với nhân dân, với dân tộc. Sức mạnh chiến đấu của Quân đội ta bắt nguồn từ sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng, Bác Hồ và của Nhà nước, sự thương yêu, đùm bọc của nhân dân. Đó là sức mạnh của một quân đội từ nhân dân mà ra, vì nhân dân mà chiến đấu, biết kế thừa và phát huy truyền thống anh hùng, bất khuất của dân tộc, đã sát cánh cùng với nhân dân, với dân tộc lập nên những thắng lợi vĩ đại, đánh thắng mọi kẻ thù xâm lược, hoàn thành sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất Tổ quốc.

Ngày nay, sau khi đất nước hòa bình, thống nhất, cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội, Đảng, Nhà nước ta chủ trương xây dựng Quân đội nhân dân theo hướng "Cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại". Với chủ trương, phương hướng đúng đắn đó, chất lượng tổng hợp, sức mạnh chiến đấu của Quân

đội ta không ngừng được nâng cao và đã cùng toàn Đảng, toàn dân thực hiện thắng lợi đường lối đổi mới của Đảng, nhằm đạt tới mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Giai đoạn cách mạng hiện nay đang đặt ra những yêu cầu mới đối với việc xây dựng Quân đội nhân dân vững mạnh toàn diện, đủ sức làm nòng cốt cho toàn dân đập tan mọi mưu đồ chống phá, xâm lược dưới mọi hình thức của các thế lực thù địch, giữ vững ổn định chính trị - xã hội, bảo vệ cuộc sống lao động hòa bình của nhân dân, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Đất nước ta hiện đang đứng trước những thời cơ rất thuận lợi, nhưng cũng không ít những nguy cơ, thách thức. Tình hình thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp: chiến tranh cục bộ, xung đột vũ trang, xung đột dân tộc, tôn giáo, chạy đua vũ trang, can thiệp lật đổ,

* Thượng tướng, Ủy viên Trung ương Đảng, Tổng Tham mưu trưởng, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng

khủng bố vẫn còn xảy ra ở nhiều nơi, với tính chất phức tạp ngày càng tăng. Hơn nữa, trong điều kiện khoa học - công nghệ phát triển mạnh mẽ, dẫn đến nhiều biến đổi lớn trong đời sống xã hội trên cả hành tinh, đến việc ra đời những học thuyết quân sự mới, sự xuất hiện của các loại vũ khí, trang bị kỹ thuật công nghệ cao và cuộc cải cách, đổi mới một số tổ chức quân sự trên thế giới...

Đối với nước ta, các thế lực thù địch đang tiếp tục thực hiện chiến lược "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ, thâm nhập chống phá trên mọi lĩnh vực kinh tế, chính trị, tư tưởng, văn hóa, lối sống, hòng làm cho chúng ta tự diễn biến, tự chuyển hóa tiến tới lật đổ Đảng, lật đổ chế độ, buộc đi theo quỹ đạo của họ. Trong khi đó, bọn phản động người Việt lưu vong ở nước ngoài ra sức tuyên truyền xuyên tạc đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, vu cáo chúng ta vi phạm nhân quyền, dân chủ, vi phạm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo; phủ nhận những thành tựu phát triển của đất nước qua 20 năm đổi mới; phối hợp với bọn phản động trong nước tổ chức hoạt động chống phá, gây rối... ở một số nơi, nhất là trên những địa bàn chiến lược, vùng sâu, vùng xa, biên giới, làm mất ổn định an ninh chính trị - xã hội. Vì vậy, việc đấu tranh giữ vững hòa bình, bảo vệ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội đang diễn ra trên những mặt trận phi vũ trang như: kinh tế, chính trị, tư tưởng, văn hóa, lối sống; đồng thời vẫn tồn tại khả năng đấu tranh vũ trang và chiến tranh trên các quy mô, dưới các hình thức. Cuộc đấu tranh đó lại diễn ra theo một hình thái mới, vừa hợp tác, vừa đấu tranh, khác với trước kia đối đầu vũ trang là chính. Do đó, bảo vệ Tổ quốc ngày nay là bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ; bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ chủ nghĩa xã hội, bảo vệ sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại

hóa đất nước; bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc; bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và nền văn hóa; giữ vững ổn định chính trị và môi trường hòa bình, phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Chính vì vậy, sức mạnh bảo vệ Tổ quốc ngày nay phải là sức mạnh tổng hợp: chính trị, tư tưởng, kinh tế - xã hội, văn hóa, quốc phòng, an ninh, đối ngoại; quán triệt tư tưởng "lấy dân làm gốc", phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, của cả hệ thống chính trị, dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý điều hành thống nhất của Nhà nước, lực lượng vũ trang nhân dân, quân đội nhân dân làm nòng cốt; tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh, hiện đại hóa trang bị, vũ khí kỹ thuật đi đôi với việc không ngừng xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân phù hợp với hoàn cảnh mới. Giữ vững môi trường quốc tế thuận lợi cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, duy trì nền hòa bình lâu dài, đẩy lùi nguy cơ can thiệp quân sự và xung đột vũ trang, không để xảy ra bạo loạn và "tự diễn biến"; ngăn chặn, đẩy lùi mưu toan "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ, xâm phạm chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc. Cho nên, yêu cầu chiến lược quốc phòng, an ninh và đối ngoại quan hệ chặt chẽ, tác động hỗ trợ, gắn bó mật thiết với nhau, đồng thời dựa chắc trên cơ sở của chiến lược kinh tế - xã hội, chiến lược xây dựng đất nước trong thời kỳ mới.

Để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trên, phải tiếp tục xây dựng Quân đội nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, nâng cao chất lượng tổng hợp, sức mạnh chiến đấu, làm nòng cốt cho toàn dân thực hiện tốt nhiệm vụ củng cố hòa bình, giữ vững ổn định chính trị, đánh bại chiến lược "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch; đồng thời luôn nâng cao cảnh giác, sẵn sàng đánh thắng mọi kẻ thù xâm lược dưới

bất cứ quy mô và hình thức nào, hoàn thành tốt chức năng đội quân chiến đấu, lao động sản xuất và công tác trong thời kỳ mới.

Sức mạnh chiến đấu của Quân đội nhân dân cũng là sức mạnh tổng hợp, dựa trên cơ sở tổ chức khoa học, cơ cấu tổ chức lực lượng hợp lý, phù hợp với tình hình mới. Trong đó, chú trọng xây dựng Quân đội nhân dân vững mạnh toàn diện. Bởi vậy, xây dựng Quân đội nhân dân vững mạnh về chính trị là một nội dung cơ bản xuyên suốt quá trình xây dựng quân đội, nhất là trong tình hình hiện nay. Đây cũng là nền tảng để Quân đội ta xác định rõ mục tiêu, lý tưởng chiến đấu; đấu tranh ngăn chặn, đánh bại mọi âm mưu và hành động của các thế lực thù địch trên mặt trận lý luận, chính trị, tư tưởng, văn hóa...; bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử của 20 năm thực hiện đường lối đổi mới đã tác động tích cực, có độ tin cậy và sức thuyết phục cao đến toàn bộ hoạt động và hiệu quả công tác giáo dục chính trị, tư tưởng trong quân đội. Cán bộ, chiến sỹ nhất trí cao với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước, lòng tin và bản lĩnh chính trị được củng cố. Toàn quân luôn luôn nêu cao ý thức gắn kết nhiệm vụ quốc phòng, an ninh với nhiệm vụ chống "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Việc xây dựng Quân đội nhân dân vững mạnh về chính trị trong tình hình hiện nay cần tập trung giáo dục cán bộ, chiến sỹ nhằm khơi dậy và phát huy những giá trị truyền thống của dân tộc trong điều kiện lịch sử mới. Đó là lòng yêu nước nồng nàn, tinh thần cộng đồng, đoàn kết dân tộc, ý thức tự lực, tự cường, tự tôn dân tộc, sẵn sàng xả thân vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì tương lai của đất nước, vì hạnh phúc của nhân dân. Những giá trị tinh

thần đó truyền từ đời này sang đời khác, là nguồn sức mạnh của công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong suốt chiều dài lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc. Ngày nay, chúng vẫn là nguồn sức mạnh to lớn đối với sự nghiệp đổi mới và công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Đất nước đã hòa bình, độc lập, thống nhất, thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, thực hiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, mở cửa hội nhập, hợp tác với các nước trong khu vực và thế giới để phát triển. Thế nhưng, con người phải vật lộn với cuộc sống hằng ngày trong cơ chế thị trường đầy khắc nghiệt và phải luôn đối mặt với những tiêu cực của xã hội, đặc biệt trong điều kiện hiện nay, âm mưu phá hoại độc lập dân tộc và chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta của các thế lực thù địch được che đậy dưới những chiêu bài và hình thức hết sức tinh vi, thâm độc, thì yêu cầu của việc giáo dục chính trị, tư tưởng phải thực sự khoa học, có sức thuyết phục. Hiệu quả công tác giáo dục chính trị, tư tưởng gắn bó chặt chẽ, tác động biện chứng với cuộc đấu tranh chống các quan điểm cơ hội về chính trị, các luận điệu tuyên truyền xuyên tạc chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối đổi mới của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đấu tranh chống các tệ nạn tiêu cực của xã hội. Do đó, chất lượng, hiệu quả của việc giáo dục chính trị, tư tưởng, phát huy truyền thống cách mạng của Quân đội ta hiện nay chính là thể hiện tinh thần cảnh giác cách mạng, ý thức chăm lo xây dựng tiềm lực mọi mặt của đất nước; xây dựng sức mạnh tổng hợp của Quân đội nhân dân, nền quốc phòng toàn dân vững mạnh, sẵn sàng chuyển thành thế trận chiến tranh nhân dân, đánh thắng kẻ thù xâm lược, nếu chúng liều lĩnh xâm lược nước ta bằng bất cứ hình thức nào.

Trên cơ sở xây dựng Quân đội nhân dân vững mạnh về chính trị, phấn đấu tạo sự chuyển biến vững chắc hơn, toàn diện hơn về chất lượng tổng hợp và sức mạnh chiến đấu của Quân đội nhân dân. Tiếp tục chấn chỉnh ổn định tổ chức, biên chế cơ quan, đơn vị phù hợp với yêu cầu thời bình và sẵn sàng đối phó có hiệu quả các tình huống có thể xảy ra.

Cần xây dựng đội ngũ cán bộ có số lượng, cơ cấu hợp lý, đồng bộ, chất lượng cao. Chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ chủ trì cấp chiến dịch, chiến lược, cán bộ trực tiếp thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, nâng cao ý thức tổ chức kỷ luật, chấp hành nghiêm pháp luật của Nhà nước. Có chính sách phù hợp nhằm phát huy năng lực, trình độ, kinh nghiệm của đội ngũ sỹ quan đã được rèn luyện, thử thách trong chiến đấu, bảo đảm vững chắc trong quá trình chuyển tiếp các thế hệ cán bộ, tăng tỷ lệ cán bộ khoa học quân sự có trình độ và chuyên gia đầu ngành. Thường xuyên củng cố, kiện toàn cơ quan tham mưu, cơ quan chính trị, hậu cần các cấp và đội ngũ cán bộ theo hướng gọn, mạnh, hợp lý, thực sự là những cơ quan vững mạnh, đủ phẩm chất, năng lực, hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ. Có chủ trương, chính sách và giải pháp phù hợp để đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ hoạt động ở những địa bàn khó khăn, phức tạp; đồng thời, tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục, huấn luyện. Công tác giáo dục, huấn luyện phải lấy yêu cầu đánh bại chiến lược "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch và sẵn sàng đánh thắng các loại hình, các quy mô chiến tranh xâm lược của địch trong điều kiện địch sử dụng vũ khí công nghệ cao. Trong huấn luyện cần bám sát phương châm "Cơ bản, thiết thực, vững chắc"; coi trọng huấn luyện đồng bộ và chuyên sâu, sát đối tượng tác chiến, sát thực tế chiến đấu, sát yêu cầu nhiệm vụ địa bàn hoạt động của từng lực lượng, từng

đơn vị, phù hợp với tổ chức biên chế, khả năng trang bị hiện nay và những năm tới; phù hợp với nghệ thuật quân sự, kinh nghiệm chiến đấu và cách đánh truyền thống Việt Nam. Huấn luyện cho bộ đội tác chiến giỏi bằng vũ khí trong biên chế, thuần thục khi được tăng cường vũ khí kỹ thuật có hàm lượng công nghệ cao; tác chiến hiệp đồng quân binh chủng ở các quy mô. Từng bước tiếp cận huấn luyện, khai thác sử dụng các loại vũ khí, khí tài, trang bị kỹ thuật công nghệ cao... Đồng thời, chú trọng đúng mức đến huấn luyện lực lượng dự bị động viên và lực lượng dân quân, tự vệ, bảo đảm nâng cao trình độ, khả năng tác chiến của từng lực lượng.

Các học viện, nhà trường quân đội cần tiếp tục đổi mới, tạo chuyển biến căn bản về phương pháp dạy, học và công tác quản lý. Nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục; tích cực đầu tư nâng cấp trang thiết bị dạy và học, mở rộng liên kết đào tạo trong và ngoài quân đội, hợp tác quốc tế, thiết thực góp phần nâng cao trình độ, khả năng sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu của quân đội.

Tiếp tục hoàn thiện phương thức bảo đảm hậu cần quân đội, tập trung xây dựng, hoàn chỉnh thể trận hậu cần khu vực phòng thủ chung của đất nước, chủ động tạo thế, tạo lực hậu cần ngay từ trong thời bình; tích cực xây dựng các căn cứ hậu cần; kết hợp chặt chẽ hậu cần nhân dân, hậu cần tại chỗ với hậu cần quân đội tạo thế trận hậu cần vững chắc bảo đảm cho lực lượng vũ trang nhân dân, Quân đội nhân dân chiến đấu. Quản lý hậu cần chặt chẽ và sử dụng có hiệu quả các phương tiện vận tải và xăng dầu ở các cấp, cả lượng dự trữ và thường xuyên, quán triệt quan điểm cần kiệm, tự lực, tự cường, khắc phục khó khăn, nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe bộ đội.

Đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học - nghệ thuật quân sự. Công tác nghiên cứu khoa học - nghệ thuật quân sự cần tích cực đổi mới để đạt tới trình độ xây dựng hệ thống lý luận về đường lối, quan điểm quân sự và nghệ thuật quân sự Việt Nam trong chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc thời kỳ mới. Trong quá trình thực hiện cần kết hợp chặt chẽ giữa kế thừa những tinh hoa truyền thống với tổng kết thực tiễn về quân sự, quốc phòng qua các cuộc chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc. Nghiên cứu phát triển lý luận nghệ thuật tiến hành chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc trong điều kiện mới, trước một đối tượng tác chiến được trang bị vũ khí công nghệ cao. Đồng thời, nghiên cứu ứng dụng các thành tựu mới của khoa học - công nghệ, đặc biệt là công nghệ tin học, công nghệ tự động hóa, công nghệ vật liệu hóa... vào các lĩnh vực hoạt động quân sự, bảo quản, sửa chữa, cải tiến, thiết kế, chế tạo, tiếp thu chuyển giao công nghệ sản xuất quốc phòng, rút ngắn khoảng cách với các nước trong khu vực. Coi trọng việc chỉ đạo nghiên cứu ứng dụng công nghệ tiên tiến để nâng cao quy mô trình độ hiện đại hóa tổ chức chỉ huy.

Bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước thuộc chức năng, nhiệm vụ của Quân đội nhân dân. Vì vậy, cần làm cho mọi cán bộ, chiến sỹ, coi quá trình bảo vệ và xây dựng là thống nhất biện chứng; xây dựng đất nước và bảo vệ đất nước thâm nhập vào nhau, gắn bó hữu cơ với nhau, trong xây dựng đã có yếu tố bảo vệ và ngược lại; xây dựng là "gốc" của bảo vệ, nhưng bảo vệ là yếu tố không thể thiếu của xây dựng. Hai nhiệm vụ chiến lược đó phát huy tác dụng ngay từ bây giờ để giữ vững hòa bình, ổn định, phát triển đất nước.

Quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước sẽ dẫn đến việc hình thành những

trọng tâm kinh tế mới, nhất là vùng duyên hải với lợi thế về giao lưu kinh tế, lao động, tài nguyên, v.v.. Cùng với nó là sự phát triển kết cấu hạ tầng ở những khu vực này. Điều đó, đặt ra những vấn đề mới trong tư duy chiến lược quân sự, quốc phòng. Nó đòi hỏi phải bổ sung, điều chỉnh kế hoạch quân sự, quốc phòng trên từng khu vực phòng thủ, từng hướng chiến lược cũng như trên phạm vi cả nước, tạo thế bảo vệ các trọng điểm kinh tế. Hiệu quả hoạt động của các khu kinh tế - quốc phòng đứng chân trên các địa bàn chiến lược vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, hải đảo, trước hết là bảo toàn, phát triển năng lực, làm cho đơn vị đứng vững được và từng bước vươn lên trong cơ chế thị trường, tạo ra thế bố trí chiến lược mới của đất nước về kinh tế, quốc phòng, an ninh, văn hóa, xã hội, tạo nền tảng chính trị - xã hội xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân trên các địa bàn chiến lược đó.

Phát huy truyền thống 61 năm Ngày thành lập Quân đội nhân dân, 16 năm Ngày hội Quốc phòng toàn dân, Quân đội nhân dân tiếp tục củng cố vững chắc trận địa chính trị, tư tưởng của Đảng trong quân đội, nâng cao hơn nữa chất lượng tổng hợp, sức mạnh chiến đấu, trước hết là bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, năng lực. Cán bộ, chiến sỹ luôn kiên định chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; củng cố niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, vào sự nghiệp đổi mới và công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xứng đáng là lực lượng chính trị, lực lượng vũ trang trung thành, tin cậy, sắc bén của Đảng, Nhà nước và của dân tộc, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ mới. □



MÁY VẤN ĐỀ VỀ CHẾ ĐỘ SỞ HỮU VÀ THÀNH PHẦN KINH TẾ Ở NƯỚC TA

NGUYỄN VĂN ĐẶNG *

TRÁI qua gần 20 năm thực hiện công cuộc đổi mới, quan điểm, tư duy của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta đã thay đổi có tính cách mạng trên nhiều vấn đề to lớn và trọng đại về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Đã có những đổi mới tư duy lý luận - thực tiễn rất quan trọng về chế độ sở hữu và thành phần kinh tế gắn với những đổi mới về cơ chế quản lý kinh tế, thực hiện dân chủ hóa kinh tế, đổi mới chế độ phân phối và nhận thức rõ hơn về định hướng xã hội chủ nghĩa. Thực tiễn cũng đòi hỏi phải tiếp tục đổi mới mạnh mẽ hơn để giải phóng sức sản xuất, phát huy ngày càng tốt hơn mọi nguồn lực của đất nước, tạo tiền đề thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

1 – Những đổi mới quan trọng của Đảng về chế độ sở hữu và thành phần kinh tế

Từ Đại hội VI, Đảng ta đã khẳng định phải giải phóng sức sản xuất, khuyến khích làm giàu, xóa đói giảm nghèo; coi đó là khâu đột phá để phát triển. Chủ trương phải không ngừng đổi mới, hoàn thiện quan hệ sản xuất phù hợp với tính chất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, nhằm giải phóng triệt để sức sản xuất, thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển, cải thiện đời sống nhân dân. Từ đó tạo ra sự đồng thuận ngày càng cao trong xã hội, tạo động lực thu hút mọi nguồn lực trong xã hội đầu tư cho phát triển và giữ vững ổn định chính trị - xã hội. Điều đáng chú ý là đã lấy

phát triển lực lượng sản xuất làm động lực để hoàn thiện và đổi mới quan hệ sản xuất.

Nếu như trước đổi mới, chủ yếu phát triển kinh tế công hữu, trong nhận thức cũng như trong hành động không thừa nhận nền kinh tế nhiều thành phần, thì sau đó đã đi đến khẳng định xây dựng nền kinh tế đa sở hữu, gắn với dân chủ hóa nền kinh tế. Từ ba hình thức sở hữu: toàn dân, tập thể và tư nhân, hình thành nên nhiều thành phần kinh tế; các hình thức sở hữu không tồn tại biệt lập mà đan xen, hỗn hợp trong các loại hình tổ chức sản xuất, kinh doanh; phát triển mạnh hình thức sở hữu hỗn hợp có tính xã hội cao, đặc trưng là sở hữu cổ phần.

Đã dần xác định rõ tính pháp lý của sở hữu để có chủ sở hữu cụ thể, khắc phục tình trạng vô chủ, nhằm phát huy các nguồn lực cho phát triển; từ sở hữu chủ yếu về tiền mặt, hiện vật, đã chuyển sang sở hữu về giá trị tài sản, trí tuệ; tách dần quyền của chủ sở hữu và quyền quản lý sử dụng; khuyến khích tích lũy để phát triển đối với mọi loại hình sở hữu.

Từ chỗ coi xí nghiệp quốc doanh là hình thức cao nhất, độc quyền và phát triển với tỷ trọng lớn trong các ngành nghề, lĩnh vực, hạn chế sự phát triển của kinh tế tư nhân, đã đi đến khẳng định các thành phần kinh tế kinh doanh

* PGS, TSKH, Phó Trưởng ban Kinh tế Trung ương, Ủy viên Hội đồng Lý luận Trung ương

theo pháp luật đều là bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử giữa các thành phần kinh tế; các thành phần kinh tế bình đẳng, cạnh tranh lành mạnh, cùng phát triển lâu dài. Từ chỗ xác định quốc doanh giữ vai trò chủ đạo đã chuyển sang kinh tế nhà nước (theo nghĩa rộng gồm nhiều nguồn lực) giữ vai trò chủ đạo; trong đó doanh nghiệp nhà nước là lực lượng nòng cốt, mở đường, dẫn dắt, hỗ trợ các thành phần kinh tế khác cùng phát triển. Doanh nghiệp nhà nước được sắp xếp, cơ cấu lại theo hướng tập trung vào một số ngành, lĩnh vực then chốt, phù hợp với nền kinh tế thị trường, cạnh tranh và hội nhập. Thực hiện quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm trong sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước, chuyển mạnh sang thực hiện chế độ công ty dưới hình thức công ty cổ phần hoặc công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên là Nhà nước. Chủ trương xóa bỏ độc quyền kinh doanh và xóa bỏ mọi hình thức bao cấp đối với doanh nghiệp nhà nước. Các tổng công ty lớn chuyển sang hoạt động theo mô hình "công ty mẹ - công ty con", xây dựng một số tập đoàn kinh tế mạnh do các tổng công ty nhà nước làm nòng cốt, có sự tham gia rộng rãi của các thành phần kinh tế trong và ngoài nước.

Trong kinh tế tập thể, từ chỗ xác định mô hình hợp tác xã tập trung cao độ về tư liệu sản xuất, quản lý như với xí nghiệp quốc doanh, phân phối theo công điểm, đã dần có những quy định để đổi mới phù hợp hơn với nguyên tắc tự nguyện, dân chủ, cùng có lợi. Chủ trương phát triển nhiều hình thức hợp tác đa dạng, phù hợp với trình độ phát triển ở các ngành nghề, khu vực và trình độ khác nhau, xã viên góp sức lao động, góp cổ phần, hợp tác xã hoạt động như doanh nghiệp; đề cao tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm, xóa bỏ tư tưởng bao cấp, trông chờ, ỷ lại vào Nhà nước.

Đặc biệt là kinh tế tư nhân, từ chỗ bị kỳ thị, hạn chế và nhiều cấm đoán, đến nay đã có những đổi mới căn bản, xác định rõ phải bảo

đảm quyền tự do kinh doanh theo pháp luật của mọi công dân. Phát triển kinh tế tư nhân có vai trò quan trọng, có ý nghĩa chiến lược lâu dài, khẳng định chủ trương phát triển mạnh mẽ, không hạn chế ngành nghề, lĩnh vực mà luật pháp không cấm. Tạo môi trường kinh doanh thuận lợi về chính sách, pháp lý để kinh tế tư nhân phát triển trên những định hướng ưu tiên của Nhà nước, kể cả đầu tư ra nước ngoài; khuyến khích chuyển thành doanh nghiệp cổ phần, bán cổ phần cho người lao động, liên doanh liên kết với nhau, với kinh tế tập thể và kinh tế nhà nước.

Kinh tế tư bản nhà nước, từ chỗ được coi là một hình thức chủ yếu để cải tạo tư bản tư nhân; đã chuyển sang chủ trương phát triển nhiều hình thức tư bản nhà nước, hướng tư nhân đi vào con đường tư bản nhà nước. Để góp phần quan trọng vào sự phát triển kinh tế của đất nước, cần tạo thế và lực cho kinh tế tư bản tư nhân phát huy mọi nguồn lực phát triển; phát triển đa dạng kinh tế tư bản nhà nước dưới các hình thức liên doanh, liên kết giữa kinh tế nhà nước với kinh tế tư bản tư nhân trong nước và ngoài nước.

Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, từ chỗ chỉ được coi là lực lượng bổ sung, đã đi đến khẳng định vai trò quan trọng, là bộ phận cấu thành của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Quan điểm của Nhà nước ta là phát huy cao độ nội lực, đồng thời tranh thủ nguồn lực bên ngoài và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế để đưa nền kinh tế nước ta phát triển nhanh, có hiệu quả và bền vững.

2 – Một số hạn chế và vướng mắc về chế độ sở hữu và thành phần kinh tế

Dẫu rằng các nghị quyết của Đảng đã xác định, nhưng sự bất bình đẳng, phân biệt đối xử trong đầu tư, kinh doanh của các thành phần kinh tế vẫn còn thể hiện trong một số chính sách, đặc biệt là trong tiếp cận các nguồn lực đầu tư, kinh doanh và trong quan hệ của các cơ quan nhà nước với kinh tế tư nhân. Nhiều cuộc điều tra và tiếp xúc của các cơ quan nhà nước

với doanh nghiệp cho thấy, trong quá trình thực hiện các chính sách, các cơ quan nhà nước còn gây mặc cảm và hoài nghi cho người đầu tư, kinh doanh, kể cả trong nước và nước ngoài. Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài trên thực tế chưa được coi là bộ phận cấu thành của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, so với các thành phần kinh tế khác trong nước còn gặp nhiều khó khăn và bị hạn chế đầu tư (không được góp quá 30% vốn trong liên doanh).

Doanh nghiệp nhà nước vẫn còn được bao cấp, ưu đãi dưới nhiều hình thức; độc quyền Nhà nước bị biến thành độc quyền doanh nghiệp còn nặng nề. Việc triển khai thực hiện các nghị quyết của Đảng về doanh nghiệp nhà nước, bên cạnh những kết quả rõ rệt, cũng còn nhiều hạn chế, khuyết điểm. Doanh nghiệp nhà nước còn dằn trải ở nhiều ngành, lĩnh vực mà Nhà nước không cần giữ 100% vốn hoặc có cổ phần chi phối. Sắp xếp, cổ phần hóa và đổi mới doanh nghiệp nhà nước còn chậm. Hiệu quả kinh doanh và sức cạnh tranh nói chung còn thấp, thất thoát và thua lỗ còn lớn, đang là vấn đề bức xúc với nhiều khó khăn, thách thức.

Kinh tế tập thể phát triển chậm và còn nhỏ bé, chưa tạo được động lực để phát triển mạnh, rất khó cùng kết hợp với kinh tế nhà nước trở thành nền tảng của nền kinh tế quốc dân. Còn nhiều hợp tác xã tồn tại mang tính hình thức ở nhiều địa phương.

Kinh tế tư nhân được khuyến khích phát triển mạnh hơn, nhưng sự phân biệt đối xử vẫn còn nhiều trong các quy định chính sách, nhất là trong ứng xử của cán bộ và cơ quan công quyền với doanh nghiệp; môi trường đầu tư, kinh doanh còn nhiều vướng mắc. Chưa xác định rõ tiêu chí thế nào là kinh tế tư bản tư nhân, khi được xếp vào thành phần kinh tế tư bản tư nhân thì chính sách có gì khác không.

Chủ trương về kinh tế tư bản nhà nước còn có phần khiên cưỡng, chưa làm rõ thế nào là tư bản nhà nước (là con đường phát triển hay thành phần kinh tế).

3 – Một số kiến nghị tiếp tục đổi mới về chế độ sở hữu và thành phần kinh tế

Ở giai đoạn 2006 - 2010, để phát huy cao độ mọi nguồn lực trong và ngoài nước cho phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế, cần tiếp tục đổi mới mạnh mẽ hơn về chế độ sở hữu và các thành phần kinh tế; tập trung vào các giải pháp sau:

Thứ nhất, tiếp tục thực hiện nhất quán chủ trương phát triển nền kinh tế đa dạng về sở hữu và loại hình tổ chức sản xuất, kinh doanh; bình đẳng giữa các thành phần (khu vực) kinh tế. Các thành phần (khu vực) kinh tế đều là bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Cho nên, trong những năm tới cần tiếp tục thực hiện nhất quán chủ trương phát triển nền kinh tế đa dạng về sở hữu và loại hình tổ chức sản xuất, kinh doanh, nhằm mục tiêu giải phóng triệt để sức sản xuất, phát huy tối đa mọi nguồn lực thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển mạnh mẽ; thực hiện bình đẳng, xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử giữa các thành phần (khu vực) kinh tế; các thành phần (khu vực) kinh tế hợp tác và cạnh tranh lành mạnh, cùng phát triển lâu dài, cùng có tương lai tốt đẹp trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Điều cần chú ý là, sự bình đẳng giữa các thành phần (khu vực) kinh tế phải được thể hiện và bảo đảm bằng luật pháp, trong tổ chức thực hiện chính sách và trong ứng xử của các cơ quan công quyền. Xóa bỏ mọi sự phân biệt đối xử theo thành phần (khu vực) kinh tế, nhất là những ưu đãi đối với doanh nghiệp nhà nước, những hạn chế đối với kinh tế tư nhân trong tiếp cận với các cơ hội, các nguồn lực và điều kiện phát triển. Chỉ thực hiện ưu đãi hoặc hỗ trợ đối với một số ngành, sản phẩm, một số mục tiêu (như xuất khẩu, tạo việc làm, xóa đói giảm nghèo, khắc phục những rủi ro bất khả kháng,...), một số địa bàn, các doanh nghiệp nhỏ và vừa. Tiếp tục giải phóng mọi nguồn lực, tạo môi trường kinh doanh thuận lợi cho

các doanh nghiệp, để nền kinh tế phát triển mạnh mẽ hơn.

Thứ hai, tiếp tục đổi mới mạnh mẽ, nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước nhằm phát triển nền kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Ở nước ta hiện nay, các doanh nghiệp nhà nước vẫn đang trong tình trạng hiệu quả sản xuất, kinh doanh thấp, còn nhiều thất thoát, lãng phí. Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ hơn doanh nghiệp nhà nước theo tinh thần như Nghị quyết Đại hội IX, Nghị quyết Trung ương 3 và Trung ương 9, khóa IX đã xác định, có bổ sung thêm một số nội dung như sau:

Để tăng tính hiệu quả và tăng sức cạnh tranh cần tiếp tục cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước mạnh hơn. Thu hẹp hơn nữa diện doanh nghiệp nhà nước, tập trung vào một số lĩnh vực mà doanh nghiệp nhà nước hoạt động có hiệu quả, phát huy vai trò then chốt, tạo động lực thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế như: lĩnh vực công ích, kết cấu hạ tầng và một số lĩnh vực sản xuất tư liệu sản xuất và dịch vụ quan trọng.

Trong nền kinh tế nước ta, hầu hết doanh nghiệp nhà nước sẽ là công ty cổ phần. Cổ phần hóa sẽ tạo ra được loại hình doanh nghiệp có nhiều chủ sở hữu - chủ đầu tư, tạo ra động lực mạnh mẽ và cơ chế quản lý năng động, có hiệu quả. Như vậy, làm cho vốn nhà nước tại doanh nghiệp được sử dụng tốt hơn, ngày càng tăng lên và trở thành hạt nhân để huy động thêm được nhiều vốn xã hội vào phát triển sản xuất, kinh doanh. Để doanh nghiệp nhà nước sau cổ phần hóa có sức cạnh tranh mạnh hơn, việc tiến hành cổ phần hóa (nhất là đối với những doanh nghiệp có quy mô vừa và lớn) phải trên cơ sở phương án đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh và đổi mới công nghệ. Xác định rõ nhu cầu vốn đầu tư, xác định số cổ phần để lại bán cho người lao động trong doanh nghiệp và số cổ phần bán ra ngoài, cũng như xác định những nhà đầu tư có tiềm năng về vốn, công nghệ và quản lý phù

hợp với phương án đầu tư phát triển để thu hút mua cổ phần và liên kết, liên doanh với doanh nghiệp. Điều cần chú ý là, không chỉ tiền vốn mà cả nhà đầu tư có thương hiệu uy tín, có công nghệ hiện đại, có tiềm năng thị trường lớn, khi tham gia công ty cổ phần cũng được quy ra giá trị cổ phần. Để thực hiện cơ chế thị trường trong cổ phần hóa, phải mở cửa doanh nghiệp trong cổ phần hóa, việc bán cổ phiếu của doanh nghiệp phải công khai trong doanh nghiệp cũng như trên thị trường. Không để tiếp diễn việc cổ phần hóa nặng về khép kín bán trong nội bộ doanh nghiệp.

Doanh nghiệp nhà nước có quyền tài sản, phải thực sự tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong kinh doanh, cạnh tranh, chấp nhận rủi ro (không hình sự hóa các rủi ro trong kinh doanh). Cần gắn trách nhiệm, quyền hạn và quyền lợi của người quản lý doanh nghiệp với kết quả hoạt động của doanh nghiệp. Hình thành thị trường nhân lực quản trị kinh doanh, thực hiện cơ chế thi tuyển và hợp đồng với người quản lý doanh nghiệp (cả đối với người Việt Nam và người nước ngoài).

Hình thành một số tập đoàn kinh tế mạnh làm chủ lực trong phát triển và hội nhập kinh tế quốc tế; trong đó, kinh tế nhà nước làm nòng cốt, có sự tham gia rộng rãi của các thành phần (khu vực) kinh tế, cả trong nước và nước ngoài.

Thứ ba, tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể. Kinh tế tập thể với nhiều hình thức hợp tác đa dạng mà nòng cốt là hợp tác xã, dựa trên sở hữu của các thành viên và sở hữu tập thể, liên kết rộng rãi những người lao động, các hộ sản xuất, kinh doanh, các doanh nghiệp nhỏ và vừa thuộc các thành phần (khu vực) kinh tế, không giới hạn quy mô, lĩnh vực và địa bàn. Kinh tế tập thể lấy lợi ích kinh tế làm chính, nhưng không coi nhẹ một số mục tiêu xã hội; phải tạo được động lực phát triển, tăng sức hấp dẫn của kinh tế tập thể.

Các hợp tác xã phải hoạt động như một loại hình doanh nghiệp, hạch toán, tự chủ, cạnh tranh để phát triển, tương trợ nhau trong hợp

tác xã và làm giàu cho xã viên. Đa dạng hóa hình thức sở hữu trong kinh tế tập thể như sở hữu của pháp nhân, thể nhân, cả sở hữu và sử dụng tư liệu sản xuất trong hợp tác xã. Khuyến khích huy động cổ phần của xã viên để không ngừng tăng thêm vốn đầu tư phát triển hợp tác xã, tăng quỹ không chia.

Phát triển kinh tế tập thể trong nông nghiệp, nông thôn phải trên cơ sở bảo đảm quyền tự chủ và hỗ trợ kinh tế hộ, kinh tế trang trại phát triển; gắn với tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới.

Phát triển kinh tế tập thể theo phương châm tích cực nhưng vững chắc, xuất phát từ nhu cầu thực tiễn, đi từ thấp đến cao, đạt hiệu quả thiết thực, vì sự nghiệp phát triển của sản xuất, tránh duy ý chí, nóng vội, gò ép, áp đặt.

Thứ tư, thực hiện tốt chính sách phát triển kinh tế tư nhân trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Kinh tế tư nhân là bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế quốc dân; phát triển kinh tế tư nhân là vấn đề chiến lược lâu dài trong phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Vì vậy, phát triển mạnh kinh tế tư nhân gắn với bảo đảm quyền sở hữu tài sản và quyền tự do kinh doanh bằng pháp luật của mọi công dân là chính sách nhất quán và lâu dài, là một động lực nhằm khai thác triệt để mọi nguồn lực của xã hội phục vụ phát triển kinh tế, tạo việc làm, xóa đói, giảm nghèo.

Kinh tế tư nhân được đầu tư phát triển không hạn chế quy mô trong mọi ngành kinh tế, lĩnh vực sản xuất, kinh doanh mà pháp luật không cấm. Khuyến khích phát triển các doanh nghiệp kinh tế tư nhân lớn, các tập đoàn kinh tế tư nhân. Thu hút kinh tế tư nhân mua cổ phần của các doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa, tham gia các tập đoàn kinh tế nhà nước, đầu tư vào các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh quan trọng của nền kinh tế. Xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử, thực sự tôn vinh những người sản xuất, kinh doanh giỏi, cần tạo

tâm lý xã hội và môi trường kinh doanh thực sự thuận lợi cho phát triển kinh tế tư nhân; coi những doanh nhân, doanh nghiệp tư nhân lớn cũng là thành quả phát triển kinh tế, xây dựng chủ nghĩa xã hội theo đường lối đổi mới của Đảng.

Thứ năm, tiếp tục thực hiện chủ trương thu hút mạnh hơn đầu tư của nước ngoài nhằm thúc đẩy nền kinh tế phát triển nhanh. Để tạo môi trường thuận lợi cho đầu tư và kinh doanh của các nhà đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, cần thống nhất các quy định, luật pháp và cải cách mạnh mẽ nền hành chính, không phân biệt nguồn và sở hữu của vốn đầu tư. Trong nhận thức cũng như trong hành động phải thực sự coi kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài là một bộ phận quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Cần có nhiều hình thức và cơ chế thu hút mạnh các nguồn lực về công nghệ, thương hiệu, thị trường và vốn của các nhà đầu tư có tiềm năng trên thế giới, để tăng trưởng nhanh, bền vững và nhanh chóng nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế. Nội lực là quyết định, ngoại lực là quan trọng, gắn kết với nhau thành nguồn lực tổng hợp để phát triển đất nước. Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh để thu hút vốn đầu tư bên ngoài và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực bên ngoài.

Thứ sáu, về các hình thức sở hữu cơ bản và các thành phần (khu vực) kinh tế ở nước ta. Nền kinh tế nước ta có ba hình thức sở hữu cơ bản như Đại hội IX đã xác định (sở hữu toàn dân, sở hữu tập thể, sở hữu tư nhân). Nhưng nhiều ý kiến đề nghị gọi là sở hữu nhà nước thay cho khái niệm sở hữu toàn dân. Để phản ánh đúng bản chất của chế độ sở hữu, nên gọi là chế độ "sở hữu xã hội" (có nội hàm rộng hơn) thay cho cách gọi "chế độ công hữu"; sở hữu xã hội bao gồm: sở hữu nhà nước (thay cho cách gọi sở hữu toàn dân), sở hữu tập thể, sở hữu hỗn hợp (đặc trưng là sở hữu cổ phần).

(Xem tiếp trang 21)

VỀ BẢN CHẤT CỦA ĐẢNG

NGUYỄN ĐỨC BÁCH* - ĐOÀN MINH DUY**

DỰ thảo Báo cáo một số vấn đề về bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng trình Đại hội X của Đảng (tài liệu sử dụng tại đại hội đảng cấp cơ sở) được công bố và xin ý kiến đảng viên, đại hội chi bộ, đảng bộ cơ sở trên phạm vi toàn quốc; đã được đón nhận nồng nhiệt, được góp ý, thảo luận sôi nổi. Trong khuôn khổ bài viết này, chúng tôi xin trình bày thêm về cách **diễn đạt bản chất của Đảng**. Bản Dự thảo đưa ra 3 phương án:

– **Phương án 1:** Đảng Cộng sản Việt Nam mang bản chất của giai cấp công nhân Việt Nam, là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc; đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam.

– **Phương án 2:** Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam.

– **Phương án 3:** Giữ như Điều lệ Đảng hiện hành, là: Đảng là đội tiên phong của giai cấp công nhân Việt Nam, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc.

1 - Mỗi sự vật, hiện tượng đều có tính chất, bản chất của nó. Bản chất và tính chất đó luôn biến đổi theo nghĩa tuyệt đối, kể cả khi sự vật, hiện tượng vẫn còn là nó. Nói về bản chất thì

"cái bản chất căn bản" (có thể gọi là "bản chất cấp 1") cùng với những mặt bản chất khác (có thể gọi là "bản chất cấp 2", "bản chất cấp 3"...) thì cái "căn bản" ấy ít thay đổi nhất. Và giả định nếu "bản chất cấp 1" ấy có sự thay đổi trong giới hạn nhất định thì nó vẫn không làm biến đổi sự vật, hiện tượng; bởi vì cái bản chất này là cái **quyết định nhất** để sự vật, hiện tượng "nó vẫn là nó". Còn các mặt bản chất cấp 2, cấp 3 tới cấp n... của mỗi sự vật, hiện tượng thì có thể biến đổi nhiều hơn nhưng không mang tính quyết định. Ví dụ: *Con người* có bản chất khác những động vật còn lại ở hai nhân tố cơ bản, quyết định nhất là: "có ý thức" và "lao động". Nếu hai nhân tố này biến đổi đến mức không còn là "ý thức" và "lao động" nữa... thì cũng không thể còn là con người nữa. Song, hai nhân tố đó vẫn có biến đổi liên tục như: trình độ thấp - cao của ý thức; tổ chức và năng suất lao động v.v. nhưng đó là sự biến đổi không ngừng mà vẫn trong phạm vi "ý thức" và "lao động" của con người. Các nhân tố khác cũng nằm trong bản chất con người nhưng có thể thay đổi nhiều hơn, thậm chí khác hẳn... mà họ vẫn là người (ví dụ: thay đổi ngôn ngữ, dân tộc, quốc tịch, tôn giáo, giai cấp, tầng lớp, giàu - nghèo, tâm tính, v.v.).

* PGS, TS, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

** TS, Đại học Vinh

Dựa trên cơ sở *phương pháp luận triết học mác-xít* chúng tôi lý giải về *bản chất của Đảng Cộng sản*.

2 - Đảng Cộng sản, trong đó có Đảng Cộng sản Việt Nam, cũng là một "sự vật xã hội" hoàn chỉnh và có *bản chất của nó*.

Có nhiều quan điểm đã nói đến: "tính nhân dân", "tính dân tộc", "tính nhân đạo" v.v. của đảng chính trị. Chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh khi nói về *giai cấp công nhân và Đảng của nó* (Đảng Cộng sản) càng chú ý xét sự gắn bó các cấp độ tính chất, các tầng bản chất đó với nhau. Điều *cần đặc biệt chú ý* là, chủ nghĩa Mác - Lê-nin chỉ gắn những tính chất, bản chất đó với nhau *khi nói về giai cấp công nhân và Đảng của nó*: "giai cấp dân tộc", "trở thành dân tộc" (còn các giai cấp khác, tầng lớp khác thì không giai cấp, tầng lớp nào là "giai cấp dân tộc" và "trở thành dân tộc". Đây là *sự thật lịch sử* và là sự phản ánh đúng "*bản chất cấp 1*" của Đảng Cộng sản - đội tiên phong của giai cấp công nhân. Ngay giai cấp nông dân, thường chiếm đa số và tạo ra cội nguồn của nhiều dân tộc, nhưng họ cũng không thể đại biểu cho dân tộc một cách đầy đủ; càng không thể lãnh đạo dân tộc để *thực sự* giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội. Các giai cấp bóc lột khi "đang lên", sau thắng lợi của cách mạng, nắm chính quyền, họ lại thống trị và áp bức, bóc lột dân tộc mình và nhiều dân tộc khác (thế mà, hiện nay chủ nghĩa đế quốc vẫn thường "quảng cáo" về "dân tộc - dân chủ - nhân quyền"... thể hiện qua các đảng tư sản, chế độ tư bản chủ nghĩa).

3 - Phân tích các quan điểm Mác - Lê-nin, Hồ Chí Minh về *giai cấp công nhân và Đảng Cộng sản*, ta thấy:

Một là, Đảng Cộng sản có bản chất là *bản chất giai cấp công nhân; bản chất nhân dân*

lao động; bản chất dân tộc, v.v. Chính vì thế chủ nghĩa Mác - Lê-nin có *cơ sở thực tế khách quan* đó để khẳng định một cách khoa học rằng: giai cấp công nhân là "giai cấp dân tộc" và "trở thành dân tộc"...

Hai là, Hồ Chí Minh kế thừa, vận dụng và phát triển đúng đắn, sáng tạo các quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào hoàn cảnh Việt Nam. Ví dụ: Về 3 nhân tố hình thành Đảng Cộng sản Đông Dương: "chủ nghĩa Mác - Lê-nin kết hợp với phong trào công nhân và phong trào yêu nước đã dẫn tới việc thành lập *Đảng Cộng sản Đông Dương* vào đầu năm 1930" ⁽¹⁾. Luận điểm này và nhiều luận điểm khác của Người không chỉ có giá trị ở Việt Nam mà còn có giá trị quốc tế.

Hồ Chí Minh diễn đạt rất rõ ràng bản chất giai cấp của Đảng và Đảng của ai:

- Về góc độ "*tính chất, bản chất giai cấp*" của Đảng Cộng sản Việt Nam. Ví dụ: Trong Diễn văn khai mạc Đại hội III của Đảng ta (1960), Hồ Chí Minh nói: "Phải nâng cao hơn nữa tính giai cấp và tính tiên phong của Đảng..." ⁽²⁾. Trong bài "Đạo đức cách mạng" Hồ Chí Minh viết: "Đó là phẩm chất cao quý của người cách mạng,... đó là tính Đảng, tính giai cấp, nó bảo đảm cho sự thắng lợi của Đảng, của giai cấp, của nhân dân" ⁽³⁾. Tính giai cấp ở đây *chính là tính chất giai cấp công nhân của Đảng ta*.

- Dưới góc độ "*Đảng của ai*"...? Ví dụ: Trong Báo cáo Chính trị tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng (1951), Hồ Chí Minh nói: "Chính vì Đảng lao động Việt Nam là Đảng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, cho nên nó phải là Đảng

(1), (2) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, t 10, tr 8, 201

(3) Hồ Chí Minh: *Sđđ*, t 9, tr 293

của dân tộc Việt Nam" ⁽⁴⁾. Hiện nay, nhiều văn bản ở nước ta chỉ trích dẫn cách diễn đạt này của Hồ Chí Minh. Thậm chí có tài liệu còn lạm dụng trích dẫn Hồ Chí Minh nói rằng "chỉ có Đảng dân tộc Việt Nam..., một Đảng Việt Nam"... để chứng minh rằng, Hồ Chí Minh không nhấn mạnh tính giai cấp của Đảng ta! Kiểu "chứng minh" này là cắt xén hoàn cảnh lịch sử. Ngày 11-11-1945, Đảng ta tuyên bố "tự giải tán" để mở rộng đoàn kết dân tộc để đối phó với bọn đế quốc chuẩn bị xâm lược nước ta một lần nữa..., chứ không phải Đảng ta từ bỏ bản chất giai cấp công nhân và vai trò lãnh đạo cách mạng Việt Nam của mình.

Ba là, theo *quan điểm* của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và Hồ Chí Minh về *bản chất của Đảng Cộng sản* thì: "*bản chất cấp 1*" chỉ có thể là *bản chất giai cấp công nhân*. Đồng thời, Đảng Cộng sản có những cấp độ bản chất khác: "bản chất nhân dân lao động", "bản chất dân tộc"... (như đã nêu trên).

Đảng Cộng sản chỉ còn là Đảng Cộng sản khi "bản chất cấp 1 - giai cấp công nhân" không thay đổi. Nó chỉ thay đổi về mức độ, trình độ... nhưng trong phạm vi bản chất giai cấp công nhân. Ví dụ, thay đổi về *trình độ* mọi mặt, *số lượng*, *cơ cấu*, *mức sống*; *giai cấp này đã lãnh đạo xã hội chưa v.v...*, tức là cũng vẫn nằm trong "bản chất cấp 1" - giai cấp công nhân.

Với tư tưởng Hồ Chí Minh, vấn đề *bản chất của Đảng* không đồng nhất với vấn đề "Đảng của những ai"? (dù hai vấn đề đó có liên quan với nhau, nhưng do vậy mà người vận dụng rất dễ lẫn lộn, không chuẩn xác và có thể lạm dụng "đánh tráo khái niệm" để xóa nhòa sự phân biệt đúng đắn và cần thiết giữa các vấn đề vừa là lý luận, vừa là thực tiễn rất nhạy cảm nhưng cũng rất hệ trọng này).

Khi nói *tính chất, bản chất của một đảng chính trị* là nói những thuộc tính vốn có của bản thân đảng đó thì đương nhiên *bản chất giai cấp phải là "bản chất cấp 1"* (các đảng tư sản thường mập mờ hoặc cố tình "lờ" đi, che giấu bản chất giai cấp tư sản của họ vì chắc chắn giai cấp tư sản là một trong những giai cấp tư hữu - áp bức - bóc lột nhân dân lao động... trong thời đại công nghiệp và "hậu công nghiệp"). Hồ Chí Minh đã diễn đạt ở "cách thứ nhất" rất dứt khoát rõ ràng, kiên định và nhất quán về tính chất, bản chất giai cấp công nhân của Đảng Cộng sản.

Còn khi nói *Đảng của ai* là với ý nghĩa sở hữu và nhất là *ý nghĩa đại biểu lợi ích*. Về điều này, ta nên lưu ý sự chặt chẽ, chuẩn xác của Hồ Chí Minh. Ngay trước câu trích dẫn ở Đại hội II nêu trên đã có câu: "Trong *giai đoạn này* (T.G nhấn mạnh: *giai đoạn giải phóng dân tộc*), *quyền lợi* của *giai cấp công nhân và nhân dân lao động và của dân tộc là một*". Điều đó thể hiện rất rõ ràng tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng ta *đại biểu lợi ích* của những ai (không đồng nhất với tính chất, bản chất của bản thân Đảng ta). Hơn nữa, Hồ Chí Minh còn quán triệt rất sâu sắc *tư tưởng* của chủ nghĩa Mác - Lê-nin ở chỗ: "Trong *giai đoạn này*" - khi mâu thuẫn nổi lên trong lịch sử Việt Nam lúc đó chưa phải là mâu thuẫn trực tiếp giữa giai cấp công nhân Việt Nam với giai cấp tư sản - một mâu thuẫn cơ bản mang *trực tiếp ý nghĩa xã hội chủ nghĩa*, mà là mâu thuẫn giữa *cả dân tộc Việt Nam* (gồm cả giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, tầng lớp trí thức, các tầng lớp lao động khác, kể cả địa chủ, tư sản Việt Nam yêu nước...) với *đế quốc xâm lược và tay sai*. Cho nên, nhiệm vụ cách mạng của "giai đoạn này" thể hiện *sự thống nhất lợi ích* của giai

(4) Hồ Chí Minh: *Sđđ*, t 6, tr 175

cấp công nhân, nhân dân lao động và cả dân tộc ta là giải phóng dân tộc, thống nhất Tổ quốc là rất tự nhiên. Đến "giai đoạn sau" - xây dựng chủ nghĩa xã hội thì chắc chắn là Hồ Chí Minh quán triệt tư tưởng của chủ nghĩa Mác - Lênin về mâu thuẫn mới, nội dung, hình thức mới *"Trong thời đại chuyên chính vô sản"* (V.I. Lê-nin), đó là mâu thuẫn *"nổi lên" giữa "hai con đường" xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa*, mà trực tiếp đại diện *"hai con đường"* là *giai cấp công nhân và giai cấp tư sản*. Ở giai đoạn này, V.I. Lê-nin chỉ rõ: *"Liên minh công nông là nguyên tắc cao nhất của chuyên chính vô sản"* mà *thực chất của liên minh ở giai đoạn này là giai cấp công nhân "tiếp tục lãnh đạo nông dân... đi lên chủ nghĩa xã hội"*. Mà chủ nghĩa xã hội thì tự bản thân nông dân, trí thức, các tầng lớp khác không đặt ra được như là lợi ích cơ bản của mình. Chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản với tư cách là mục tiêu, lý tưởng, lợi ích cơ bản... thì chỉ có giai cấp công nhân mới có được. Về quan hệ lợi ích vốn có của công nhân và nông dân ở giai đoạn xây dựng chủ nghĩa xã hội V.I. Lê-nin phân tích rằng: *"... phải căn cứ vào thế giới quan của chúng ta..., vào những bài học của cách mạng... mà đặt vấn đề thẳng ra rằng: lợi ích của hai giai cấp ấy không giống nhau, người tiểu nông không ưa những cái mà công nhân muốn"*⁽⁵⁾ (ý nói: xóa bỏ chế độ tư hữu, xây dựng chế độ công hữu). Và, theo V.I. Lê-nin: mặc dù vậy thì trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội, giai cấp công nhân và đảng của nó vẫn nhất thiết phải tuyên truyền, giáo dục, lãnh đạo, tổ chức... để nông dân thấy được lợi ích của mình mà tự nguyện hăng hái tham gia vào con đường hợp tác hóa, *đi lên chủ nghĩa xã hội*. Hồ Chí Minh đã hiểu sâu sắc tư tưởng nêu trên của V.I. Lê-nin về Đảng Cộng sản mang bản chất giai cấp công nhân nhưng là

đại biểu lợi ích của nhân dân lao động và dân tộc trong điều kiện đảng cầm quyền lãnh đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội và vận dụng vào cách mạng Việt Nam thành công.

Tóm lại, Hồ Chí Minh rất coi trọng sự gắn bó các vấn đề: giai cấp, dân tộc, nhân dân lao động và nhân loại... với nhau trong một chỉnh thể thống nhất, nhưng không bao giờ lẫn lộn, xóa nhòa vấn đề *bản chất giai cấp công nhân của Đảng Cộng sản* với các vấn đề còn lại đó. Và, chính khi *giữ vững, nâng cao bản chất giai cấp công nhân của Đảng Cộng sản* thì mới có thể gắn bó với nhân dân lao động và dân tộc một cách nhuần nhuyễn, và dẫn tới thành công của cách mạng Việt Nam ở cả hai giai đoạn của nó. Trái lại, nếu *bản chất giai cấp công nhân* lu mờ thì giai cấp này và Đảng của nó cũng không còn là giai cấp dân tộc, không còn *"bản chất nhân dân lao động"* nữa.

Vì vậy, theo chúng tôi, *"phương án 1"* trong bản Dự thảo mà Trung ương Đảng ta đưa ra để thảo luận, chuẩn bị cho Đại hội X là rõ nhất, đủ nhất và đúng nhất – đúng với cả hai cách thể hiện của Hồ Chí Minh đã phân tích ở trên, đồng thời nhất quán với quan điểm rất đúng đắn của Đảng ta từ trước tới nay, nhất là trong công cuộc đổi mới: *"giữ vững và tăng cường bản chất giai cấp công nhân của Đảng"*⁽⁶⁾. Nếu theo hai *"phương án"* sau của Dự thảo (chỉ dùng chữ *"của"*) là chưa đủ và dễ gây hiểu lệch đi, thậm chí lẫn lộn, mơ hồ - bởi đó chỉ là một cách biểu đạt đại biểu lợi ích... mà thôi.

Để khép lại vấn đề trên, chúng tôi xin dẫn những ý kiến góp ý, bổ sung của đảng viên được tổng hợp tại các báo cáo của đại hội

(5) V.I. Lê-nin: *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, t 43, tr 70

(6) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr 139

đảng bộ một số quận, huyện tiến hành trong các tháng 9, 10-2005 như sau:

Đảng bộ huyện Từ Liêm (Hà Nội), có 2.642 ý kiến (=56,19%) đồng ý phương án 1; 1.027 ý kiến (=23,4%) đồng ý phương án 2; 487 ý kiến (=11,1%) đồng ý phương án 3; có 4 ý kiến khác (=0,09%). Đảng bộ huyện Đông Anh (Hà Nội), có 2.880 ý kiến (=63,24%) đồng ý phương án 1; 1.334 ý kiến (=30,30%) đồng ý phương án 2; 340 ý kiến (=7,46%) đồng ý phương án 3; không có ý kiến khác.

Đảng bộ huyện Kiến Thụy (Hải Phòng), có 3.809 ý kiến (=80,73%) đồng ý phương án 1; 898 ý kiến (=19,02%) đồng ý phương án 2; 11 ý kiến (=0,25%) đồng ý phương án 3; không có ý kiến khác. Đảng bộ huyện Hồng Bàng (Hải Phòng), có 2.221 ý kiến (=63,5%) đồng ý phương án 1; 985 ý kiến (=28,1%) đồng ý phương án 2; 291 ý kiến (=8,4%) đồng ý phương án 3; không có ý kiến khác.

Đảng bộ huyện U Minh (Cà Mau), có 693 ý kiến (=58,67%) đồng ý phương án 1; 352 ý kiến (=32,32%) đồng ý phương án 2; 92 ý kiến (=8,44%) đồng ý phương án 3; có 1 ý kiến khác. Đảng bộ thành phố Cà Mau (Cà Mau), có 1.392 ý kiến (=59,43%) đồng ý phương án 1; 717 ý kiến (=30,61%) đồng ý phương án 2; 269 ý kiến (=11,48%) đồng ý phương án 3; có 2 ý kiến khác.

Việt Nam càng công khai giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa, mà cốt lõi là bản chất giai cấp công nhân của Đảng ta gắn với nhân dân và dân tộc mà vẫn ngày càng hấp dẫn mọi đối tác trong sự tôn trọng, tin cậy lẫn nhau, công bằng về lợi ích để phát triển... (Thực tế 20 năm đổi mới đã minh chứng điều này), thì nhân dân và toàn dân tộc ta, bè bạn khắp nơi sẽ càng ủng hộ nhiều hơn. Mất tự chủ trong bản lĩnh chính trị giai cấp công nhân, khi mà hoàn cảnh khách quan đang rất cần nó là sẽ mất tất cả các lĩnh vực khác: □

MẤY VẤN ĐỀ...

(Tiếp theo trang 16)

Không phân định sở hữu cá thể, tiểu chủ, tư bản tư nhân mà gọi chung là sở hữu tư nhân. Sở hữu xã hội ngày càng trở thành nền tảng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Để khẳng định rõ không phân biệt đối xử theo hình thức sở hữu của các doanh nghiệp, không gắn với vấn đề phân biệt giai cấp, và để phù hợp với thông lệ quốc tế trong hội nhập, nên phân định thành các khu vực kinh tế (nhà nước, tập thể, tư nhân) và các loại hình tổ chức sản xuất, kinh doanh theo luật (hộ kinh doanh cá thể, doanh nghiệp tư nhân, công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh...). Thực tế cho thấy, lâu nay sự phân định thành phần kinh tế nặng về quan điểm lý luận, có tính trừu tượng; cho đến nay cũng không thống kê được theo thành phần kinh tế. Thực tế trong các loại hình tổ chức sản xuất, kinh doanh luôn đan xen hỗn hợp nhiều hình thức sở hữu.

Sự phân chia thành khu vực kinh tế và loại hình tổ chức sản xuất, kinh doanh không mang ý nghĩa chính trị, về bản chất, đó chính là lực lượng sản xuất.

Nên nghiên cứu quy định tổ chức cơ sở đảng hoạt động như nhau trong mọi loại hình doanh nghiệp, không phân biệt hình thức sở hữu. Chính ở những nơi vốn của dân là chủ yếu hay 100% thì Đảng lại càng cần quan tâm lãnh đạo, hướng dẫn, giúp dân tốt hơn; phải coi vốn của dân chính là tài sản xã hội chủ nghĩa, là thành quả của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Vấn đề chế độ sở hữu và thành phần kinh tế ở nước ta đang mong chờ Đại hội X của Đảng bàn thảo để làm rõ, góp phần đưa nền kinh tế nước ta vững bước đi lên. □

THỜI gian vừa qua, thực hiện Chỉ thị số 30-CT/TW của Bộ Chính trị, và các nghị quyết của Chính phủ về thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở, chúng ta đã thu được nhiều kết quả quan trọng, tuy nhiên, cũng còn một số khuyết điểm làm hạn chế quyền làm chủ ở cơ sở của nhân dân. Lợi dụng những khuyết điểm đó, các thế lực thù địch đang ráo riết chống phá Đảng ta và sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta, ra sức rêu rao rằng, ở Việt Nam dân chủ bị bóp nghẹt; rằng, muốn có dân chủ ở Việt Nam thì Đảng Cộng sản Việt Nam phải từ bỏ vai trò lãnh đạo, thực hiện chế độ đa đảng đối lập, đa nguyên chính trị. Đó là những lời bịa đặt, bởi vì ở Việt Nam chỉ có Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo thì nhân dân mới thực hiện được tốt quyền làm chủ của mình. Là một đảng cách mạng, Đảng ta hoàn toàn có khả năng đổi mới, nâng cao hơn nữa hiệu quả lãnh đạo của mình để tiếp tục phát huy những thành tựu thực hiện dân chủ ở cơ sở. Đổi mới sự lãnh đạo của Đảng để phát huy dân chủ ở cơ sở trong thời gian tới nhằm thực hiện thắng lợi sự nghiệp đổi mới đất nước là một yêu cầu tất yếu, bởi vì:

1 - Mục tiêu của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta là xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, thiết lập một nền dân chủ xã hội chủ nghĩa. Đó là nền dân chủ của đại đa số nhân dân, gắn với công bằng xã hội, chống áp bức, bất công. Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa chúng ta xây dựng là bản chất của Nhà nước, của chế độ ta. Nó vừa là mục tiêu, vừa là động lực phát triển của xã hội ta.

Nội dung chủ yếu của dân chủ mà chúng ta thực hiện là *nền dân chủ của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, đem lại hạnh phúc cho nhân dân, trong đó có vấn đề dân chủ ở cơ sở*. Thực hiện dân chủ ở cơ sở là một bước quan trọng

trong tiến trình thực thi nền dân chủ xã hội chủ nghĩa của Đảng ta. *Nội dung của dân chủ ở cơ sở là một phần của nội dung dân chủ xã hội chủ nghĩa. Nội dung của dân chủ ở cơ sở, đã được cụ thể hóa thành Quy chế Dân chủ ở cơ sở, là khâu đột phá trong toàn bộ quá trình phát huy dân chủ xã hội trong thời kỳ đổi mới của nước ta*. Bởi vì, cơ sở là nơi trực tiếp thực hiện mọi đường lối của Đảng và chính sách của Nhà nước, là địa bàn nhân dân sinh sống, lao động, sản xuất, công tác, học tập; là nơi diễn ra các mối liên hệ

TÍNH TẤT YẾU ĐỔI MỚI SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG ĐỂ PHÁT HUY DÂN CHỦ Ở CƠ SỞ

NHẬT TÂN

nhiều mặt giữa các tầng lớp nhân dân với tổ chức đảng, chính quyền và cán bộ, công chức trong điều hành, xử lý công việc thường ngày. Nhân dân ở cơ sở có những yêu cầu, nguyện vọng và lợi ích thiết thân trong cuộc sống thường ngày. Có những vấn đề họ cần được biết, được bàn, được tham gia giải quyết, được kiểm tra, giám sát.

Thực hiện tốt vấn đề dân chủ ở cơ sở cũng có nghĩa là bảo đảm cho sự nghiệp đổi mới đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, thực hiện có kết quả mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

2 - Đảng Cộng sản Việt Nam trước sau như một, luôn luôn kiên định lãnh đạo dân tộc Việt Nam xây dựng chủ nghĩa xã hội, *xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam*. Đảng Cộng sản Việt Nam là một đảng mác-xít. Mục tiêu của Đảng là lãnh đạo nhân dân giành

độc lập, thống nhất cho Tổ quốc và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, *thiết lập nền dân chủ xã hội chủ nghĩa nhằm đưa "tất cả mọi quyền lực về tay nhân dân"*. Suốt 75 năm qua, dù phải trải qua bao nhiêu khó khăn, gian khổ, nhưng Đảng ta luôn luôn kiên trì phấn đấu để đem lại nền dân chủ xã hội chủ nghĩa thực sự cho nhân dân.

Đảng ta ra đời đã lãnh đạo toàn dân tộc làm cuộc cách mạng giành độc lập cho dân tộc, dân chủ cho nhân dân mà đại đa số là nông dân. Trong cuộc cách mạng này, các lực lượng dân tộc và dân chủ liên minh, đoàn kết với nhau chống lại các lực lượng phản dân tộc và phản dân chủ. Vấn đề dân chủ trở thành một phong trào, một nội dung căn bản của dân tộc và vấn đề giải phóng dân tộc là một phong trào, một nội dung căn bản của dân chủ.

Ở mỗi giai đoạn cách mạng, Đảng ta đều có những khẩu hiệu thực hiện dân chủ phù hợp với điều kiện của đất nước.

Giai đoạn 1936 - 1939, Đảng nêu khẩu hiệu đòi quyền dân sinh, dân chủ, đã đáp ứng được những nguyện vọng của giai cấp công nhân, nông dân và các tầng lớp nhân dân trong xã hội. Qua đấu tranh giành dân chủ đã nâng cao được ý thức dân tộc, mở rộng lực lượng cách mạng của dân tộc.

Giai đoạn 1939 - 1945, với khẩu hiệu "dân tộc trên hết", đáp ứng được quyền lợi dân chủ sâu xa và căn bản nhất. Đó là quyền tự quyết định vận mệnh của mình, quyền dân tộc độc lập.

Sau khi thống nhất đất nước, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng đã tuyên bố trong đường lối chung một nhiệm vụ có tính cương lĩnh là xây dựng quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, bảo đảm cho nhân dân được làm chủ trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội và chinh phục tự nhiên.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng (1986) đã đề ra đường lối đổi mới đất nước, xác lập tự chủ cho người lao động, đặc biệt là trong kinh tế đã trao cho nhân dân quyền chủ động sản xuất, kinh doanh. Lúc đó, tinh thần của Nghị quyết Đại hội VI được coi là "cởi trói", tạo

điều kiện cho nhân dân quyền "tự cứu" lấy mình. Đây là một bước tiến mới, đã đưa dân chủ vào chiều sâu, trở thành thể chế.

Trong các nhiệm kỳ Đại hội VII và Đại hội VIII, Đảng ta đã chỉ rõ tầm quan trọng trong việc phát huy quyền làm chủ của nhân dân, đề ra những nội dung nhằm xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân, tiến hành cải cách nền hành chính nhằm khắc phục những hạn chế, bất cập của nền hành chính quan liêu, bao cấp.

Trong Cương lĩnh xây dựng đất nước của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội năm 1991, Đảng ta khẳng định: "Toàn bộ tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị nước ta trong giai đoạn mới là nhằm xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân". Đến Hội nghị Trung ương 3, khóa VIII, Đảng ta nhấn mạnh: "Tiếp tục phát huy tốt hơn và nhiều hơn quyền làm chủ trực tiếp để nhân dân tham gia xây dựng và bảo vệ Nhà nước, nhất là việc giám sát, kiểm tra của nhân dân đối với hoạt động của cơ quan và cán bộ, công chức nhà nước" (1).

Ngày 18-2-1998, Bộ Chính trị (khóa VIII) ban hành Chỉ thị số 30-CT/TW về xây dựng và thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở. Tiếp đó, ủy ban Thường vụ Quốc hội ra nghị quyết về ban hành Quy chế thực hiện dân chủ, Chính phủ ban hành các nghị định về thực hiện dân chủ ở cơ sở xã, phường, thị trấn, cơ quan và doanh nghiệp nhà nước. Đây là bước đột phá về vấn đề dân chủ, thể hiện sự đúng đắn về nhận thức tư tưởng, tổ chức, lý luận và thực tiễn ở nước ta.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng được coi là Đại hội của *trí tuệ, dân chủ, đoàn kết, đổi mới*. Đại hội đã khẳng định rõ mục tiêu xây dựng một chế độ dân chủ thông qua Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, cải cách thể chế và phương thức hoạt động của Nhà nước, mở rộng và đa dạng hóa các hình thức tập hợp

(1) Văn kiện Hội nghị lần thứ 3, Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1997, tr 41

nhân dân; coi đại đoàn kết toàn dân tộc, dân chủ là động lực của phát triển xã hội.

Như vậy, xuyên suốt các giai đoạn cách mạng, trong Cương lĩnh, đường lối, chủ trương, chính sách của mình, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn luôn nhấn mạnh cách mạng là sự nghiệp của quần chúng và nhân dân là chủ thể của mọi quyền lực nhà nước. Những quan điểm này đã được luật hóa thành những nguyên tắc hiến định trong 4 bản Hiến pháp của nước ta. Điều này cũng hoàn toàn đúng với tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh là: *Nhà nước ta là một nhà nước dân chủ, bao nhiêu lợi ích đều vì dân, bao nhiêu lực lượng đều ở nơi dân*. Nền tảng nhà nước dân chủ của ta đã được xây dựng trên các nguyên tắc hiến định ngay từ Lời nói đầu của Hiến pháp năm 1946 - Hiến pháp đầu tiên rằng: *Thứ nhất, đoàn kết toàn dân không phân biệt giống nòi, gái trai, giai cấp, tôn giáo. Thứ hai, bảo đảm các quyền tự do dân chủ. Thứ ba, thực hiện một chính quyền mạnh mẽ và sáng suốt của nhân dân*. Ba nguyên tắc này đã phản ánh đầy đủ những yêu cầu, nội dung của dân chủ mà ngày nay phần lớn các nước dân chủ đang tiến hành.

3 - Dưới sự lãnh đạo của Đảng, từ khi cả nước triển khai và thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở, vấn đề dân chủ ở cơ sở đã được phát huy. Lần đầu tiên khái niệm dân chủ ở nước ta đã biến thành thể chế, thành quy phạm pháp luật. Quy chế Dân chủ ở cơ sở đã tạo được phong trào quần chúng rộng lớn có tính cách mạng. Nhân dân thực hành dân chủ đã góp phần sàng lọc đội ngũ cán bộ. Thực hiện dân chủ ở cơ sở đã tạo ra được cơ chế lựa chọn, tôn vinh những cán bộ có tâm, có tầm, gắn bó với nhân dân, vì nhân dân, loại bỏ được những phần tử cơ hội, cá nhân chủ nghĩa trong đội ngũ cán bộ cơ sở. Điều này sẽ giúp hình thành một cơ chế tuyển chọn cán bộ đúng hơn, khoa học hơn. Quy chế Dân chủ ở cơ sở đã và đang trở thành yếu tố trực tiếp tham gia xây dựng Đảng, chính quyền trong sạch, vững mạnh. Trên thực tế, thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở đã tạo ra một bước chuyển biến về chất trong cán bộ, đảng viên và nhân dân. Vấn đề dân chủ ở cơ sở đang trở thành những việc cụ thể, sát thực với cuộc sống: Đảng làm gì, Nhà nước

làm gì, đoàn thể làm gì, nhân dân làm gì và cần được biết, bàn, làm, kiểm tra cái gì. Chuyện dân chủ ở cơ sở đã thành chuyện cơm ăn, nước uống, rất gần gũi, thân thiết, bổ ích hàng ngày của mỗi người dân. Vấn đề dân chủ ở cơ sở và thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở đang có sức hút mạnh mẽ, lôi cuốn mọi người dân phấn khởi tham gia, vì đây là một chủ trương lớn, vừa mang tính cấp bách trước mắt, vừa cơ bản, lâu dài thể hiện quyết tâm của Đảng và Nhà nước ta trong việc đề cao quyền làm chủ của nhân dân lao động. Sự lãnh đạo của Đảng đối với vấn đề dân chủ ở cơ sở, thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở vừa qua là đúng hướng, là thể hiện vai trò lãnh đạo độc tôn của mình để xây dựng một nền dân chủ xã hội chủ nghĩa nhất nguyên về chính trị. Trong giai đoạn cách mạng mới, đẩy mạnh công cuộc đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa, vấn đề dân chủ ở cơ sở cần được mở rộng về quy mô, nâng cao về chất lượng để đáp ứng những đòi hỏi về dân chủ ngày càng cao của nhân dân, và đổi mới, nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng.

Tuy nhiên, việc triển khai, thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở còn bộc lộ một số hạn chế như: Quyền làm chủ của nhân dân vẫn còn bị vi phạm ở nhiều nơi. Trên nhiều lĩnh vực, tệ quan liêu, mệnh lệnh, của quyền, tham nhũng, sách nhiễu gây phiền hà cho nhân dân vẫn diễn ra, đơn thư khiếu nại của nhân dân vẫn còn tồn đọng nhiều chưa được giải quyết. Nhiều nội dung nhằm bảo đảm thực hiện quyền làm chủ của nhân dân chưa được cụ thể hóa, thể chế hóa thành luật. Có nơi cán bộ không muốn, hoặc triển khai Quy chế Dân chủ ở cơ sở một cách dè dặt, vì cho rằng, như thế sẽ làm chậm tiến độ xây dựng kết cấu hạ tầng và giảm hiệu lực quản lý của chính quyền. Có nơi thiếu trật tự kỷ cương, lợi dụng vấn đề dân chủ để gây rối nên hạn chế kết quả thực hiện Quy chế. Việc thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở chưa đồng đều ở các loại hình. Ở xã, phường, thị trấn, Quy chế Dân chủ được triển khai sớm hơn, có chất lượng tốt hơn, nhưng ở các cơ sở hành chính sự nghiệp, cơ quan, bệnh viện, trường học, cơ sở kinh tế, sản xuất kinh doanh triển khai còn chậm, còn hình thức, sơ sài, chưa có chiều sâu. Những yếu kém trên do nhiều

nguyên nhân chủ quan và khách quan. Có trường hợp do trình độ cán bộ non yếu, bất cập, không hiểu rõ chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tự đặt ra những quyết định gây phiền hà, tạo kẽ hở cho kẻ xấu những nhiều nhân dân. Có trường hợp do nhận thức của cán bộ không đầy đủ, thậm chí sai lệch, nóng vội, chạy theo thành tích nên gò ép nhân dân, huy động sức lực của nhân dân quá mức. Khi nhân dân chất vấn, cán bộ lẩn tránh, vòng vo, cá biệt có trường hợp tìm cách trù úm, dọa nạt nhân dân. Việc tuyên truyền, phổ biến và giáo dục ý thức pháp luật cho cán bộ, đảng viên và nhân dân chưa được thường xuyên, dẫn đến tình trạng hiểu biết pháp luật không đầy đủ, nên trong quá trình điều hành, quản lý phạm những thiếu sót. Không ít cán bộ chính quyền ở cơ sở có hiện tượng dễ làm, khó bỏ, thiếu công tâm, chưa thực sự vì dân, còn thiên lệch, nể nang, bênh vực, bao che cho những việc làm sai trái của người cùng cánh.

Những hạn chế, yếu kém trên đang gây nên những lực cản không nhỏ trong việc thực hiện dân chủ ở cơ sở, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, trước hết là nhân dân lao động. Đảng ta đã nhìn thấy vấn đề đó và đang tìm cách khắc phục bằng việc cải tiến, đổi mới phương thức lãnh đạo của mình. Đảng đã xác định ngày càng rõ hơn nội dung, phạm vi, phương thức thực hiện cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, khắc phục tình trạng chồng chéo chức năng, tháo gỡ lực cản trong việc triển khai Quy chế Dân chủ ở cơ sở.

Dám nhìn vào sự thật, dám chịu trách nhiệm và sửa chữa những sai lầm, thiếu sót của mình để tiến lên, đó là phẩm chất của Đảng ta - đảng cách mạng, hết lòng vì hạnh phúc của nhân dân, của dân tộc.

4 - Chỉ có đổi mới sự lãnh đạo của Đảng để phát huy dân chủ ở cơ sở, mới có thể khắc phục được những yếu kém trong thực hành dân chủ ở cơ sở và phát huy hơn nữa những thành tựu đã đạt được để phục vụ cho sự thành công của công cuộc đổi mới và tiếp tục giành thắng lợi to lớn hơn nữa trong tiến trình thực hiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

Bởi vì, Đảng ta là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động và của dân tộc. Mục đích của Đảng là xây dựng nước Việt Nam độc lập, giàu mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, thực hiện thành công chủ nghĩa xã hội và cuối cùng là chủ nghĩa cộng sản. Là một đảng cầm quyền, *Đảng ta luôn luôn tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, dựa vào dân để xây dựng Đảng, đoàn kết và lãnh đạo nhân dân để tiến hành sự nghiệp của dân tộc.* Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị, đồng thời là một bộ phận của hệ thống chính trị. Đảng luôn luôn tôn trọng và phát huy vai trò của các tổ chức trong hệ thống chính trị như Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội.

Xét về mặt tổ chức, bản chất, mục tiêu phấn đấu và vai trò lãnh đạo cách mạng thì Đảng ta hoàn toàn có đủ phẩm chất, năng lực tiếp tục tổ chức, lãnh đạo toàn thể dân tộc Việt Nam thực hiện nền dân chủ thực sự trên đất nước ta. Thực hiện dân chủ trong giai đoạn hiện nay là thực hiện chế độ làm chủ của nhân dân, thực hiện dân chủ ở cơ sở.

5 - Đổi mới sự lãnh đạo của Đảng để phát huy tốt hơn dân chủ ở cơ sở trong thời gian tới, cần đẩy mạnh theo hướng:

a - Nâng cao sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng trong quá trình triển khai và thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở. Quy chế Dân chủ ở cơ sở trước hết phải được thực hiện tốt từ trong các tổ chức đảng; lấy việc triển khai, thực hiện tốt Quy chế Dân chủ ở cơ sở làm tiêu chuẩn đánh giá chất lượng cơ sở đảng và đảng viên theo định kỳ hằng năm. Thực tế cho thấy, ở đâu cấp ủy có trách nhiệm đầy đủ, có quyết tâm lãnh đạo thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở, phân công trách nhiệm rõ ràng giữa các bộ phận trong hệ thống chính trị, tự mình làm gương về phát huy dân chủ, thì ở đó, Quy chế Dân chủ ở cơ sở nhanh chóng đi vào cuộc sống.

(Xem tiếp trang 30)

TỪ ngày 18-10-2005 đến ngày 29-11-2005, Kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XI diễn ra khi cả nước đang ra sức phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2005 và kế hoạch 5 năm 2001 - 2005. Đây là kỳ họp cuối năm thường kỳ nhưng lại là năm cuối thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch 5 năm 2001 - 2005 với nhiều nội dung quan trọng. Nội dung và cách thức tiến hành kỳ họp có nhiều điểm mới so với các kỳ họp trước, thể hiện vị trí, vai trò của Quốc hội, đại biểu Quốc hội được nâng lên một cách rõ nét. Những nét mới của Kỳ họp lần này được thể hiện ở các khía cạnh sau:

Thứ nhất, năm 2005 là năm cuối cùng của kế hoạch 5 năm 2001 - 2005, Quốc hội đã nghe và cho ý kiến về các báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2005 và đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch 5 năm 2001 - 2005; phân tích những mặt được và chưa được, những thiếu sót, hạn chế, tìm ra nguyên nhân, đề ra giải pháp, tạo cơ sở cho việc thực hiện thắng lợi nhiệm vụ năm 2006 và kế hoạch 5 năm 2006 - 2010, thi đua lập thành tích chào mừng Đại hội X của Đảng. Trong hơn 10 tháng đầu năm 2005, mặc dù gặp nhiều khó khăn như thiên tai, bão lũ tàn phá nhiều địa phương, dịch cúm gia cầm tái phát... nhưng dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng, Chính phủ, sự năng động, nỗ lực của các cấp các ngành, các địa phương, thành tựu kinh tế - xã hội đạt được thật đáng tự hào. Kinh tế tăng trưởng, tổng sản phẩm trong nước (GDP) đạt gần 8,5%, (năm 2004 là 7,79%). Cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực: giá trị sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp tăng 5,2%; giá trị sản xuất công nghiệp và xây dựng tăng 16,5%; giá trị các ngành dịch vụ tăng 8,4%; chỉ số giá tiêu dùng tăng 8%;

NHỮNG ĐIỂM MỚI *của Kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XI*

ANH PHƯƠNG

tổng kim ngạch xuất khẩu tăng 20%... Các lĩnh vực văn hóa, xã hội đều có bước phát triển: tạo việc làm cho 1,6 triệu lao động; số học sinh học nghề dài hạn tăng 12%; giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống 7% (theo chuẩn cũ); tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng dưới 5 tuổi giảm xuống 25%; tỷ lệ sinh giảm 0,4%... Thành tựu của năm 2005 góp phần quan trọng vào việc thực hiện thắng lợi Nghị quyết của Quốc hội về nhiệm vụ kế hoạch 5 năm 2001 - 2005, đạt hầu hết các chỉ tiêu chủ yếu, có bước tiến rõ rệt so với 5 năm 1996 - 2000; GDP tăng bình quân hằng năm 7,5%, thuộc loại đạt tốc độ cao hàng đầu của châu Á và thế giới. Tuy nhiên, nước ta còn kém nhiều nước về trình độ phát triển kinh tế, công nghệ, sức cạnh tranh; mức tăng trưởng thấp hơn so với khả năng thực tế; chuyển dịch cơ cấu kinh tế còn chậm, thị trường vốn chưa phát triển; các hoạt động văn hóa, xã hội còn yếu về chất lượng...

Bước vào năm 2006, năm đầu của kế hoạch 5 năm 2006 - 2010, nước ta đứng trước những khả năng, cơ hội mới, đồng thời có cả những thách thức mới trước yêu cầu của tiến trình hội nhập kinh tế khu vực và thế giới, đòi hỏi phải thực hiện đầy đủ những cam kết song phương

và đa phương, đổi mới thể chế và nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế để phát triển nhanh, bền vững, sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển. Kết hợp phát triển kinh tế đi đôi với phát triển văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường, mở rộng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân.

Thứ hai, công tác xây dựng pháp luật của Kỳ họp lần này rất lớn và nặng nề. Quốc hội xem xét và thông qua 14 dự án luật, 1 nghị quyết gồm: Luật Phòng, chống tham nhũng; Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Luật Doanh nghiệp; Luật Đầu tư, Luật Đấu thầu; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật khiếu nại, tố cáo; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng và Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt; Luật Công an nhân dân; Luật Thanh niên; Luật Nhà ở; Luật Giao dịch điện tử; Luật Sở hữu trí tuệ; Luật Hối phiếu; Luật Bảo vệ môi trường (sửa đổi); Nghị quyết về chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2006. *Quốc hội cho ý kiến 8 dự án luật để tiếp tục hoàn chỉnh và thông qua tại các kỳ họp sau:* Luật Bảo hiểm xã hội; Luật kinh doanh bất động sản; Luật Hàng không dân dụng Việt Nam (sửa đổi); Luật Công nghệ - thông tin; Bộ luật thi hành án; Luật Điện ảnh; Luật Luật sư; Luật Phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS), (dự án Luật Đăng ký bất động sản rút khỏi chương trình của Kỳ họp lần này để tiếp tục hoàn chỉnh). Các dự án luật đưa ra xem xét và thông qua lần này đã được xin ý kiến, tham vấn ở nhiều cấp độ khác nhau, gây được nhiều chú ý, theo dõi, có nhiều điểm bổ sung mới, đáp ứng đòi hỏi bức thiết của cuộc sống cần phải có. Dự án Luật Phòng, chống tham nhũng được chỉnh lý trên tinh thần tiếp thu triệt để ý kiến đóng góp của nhân dân, các cơ quan nhà nước và các tổ chức đoàn thể, thể hiện

quan điểm kiên quyết xử lý nghiêm minh mọi hành vi tham nhũng, bảo đảm tính công bằng, khách quan của hệ thống pháp luật. Nội dung của Luật được chỉnh lý và điều chỉnh hành vi tham nhũng của những người *có chức vụ, quyền hạn* trong các cơ quan, tổ chức thuộc khu vực nhà nước nhằm *bảo đảm trọng tâm, trọng điểm và hiệu quả của cuộc đấu tranh chống tham nhũng*. Để chống tham nhũng có hiệu quả, các cơ quan, tổ chức, đơn vị phải công khai, minh bạch mọi hoạt động của mình; các cán bộ, công chức, viên chức, sỹ quan quân nhân chuyên nghiệp, cán bộ lãnh đạo, quản lý doanh nghiệp nhà nước phải kê khai tài sản. Dự án Luật Phòng, chống tham nhũng bổ sung hai điểm mới: *Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp trong phạm vi quyền hạn của mình có trách nhiệm giám sát công tác phòng chống tham nhũng; thành lập các đơn vị chuyên trách phòng, chống tham nhũng trong cơ quan Thanh tra Chính phủ, Kiểm toán nhà nước, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao...*

Dự án Luật Đầu tư mặc dù đã qua 16 lần sửa đổi, có nhiều điểm mới so với pháp luật đầu tư hiện hành, song lại là một trong những dự án luật "*nóng*" nhất trong công tác xây dựng pháp luật Kỳ họp này. Phạm vi điều chỉnh của dự án Luật Đầu tư bao gồm cả đầu tư trực tiếp và đầu tư gián tiếp (trước đây chỉ có đầu tư trực tiếp). Nhà đầu tư ngoài đầu tư trực tiếp như quy định hiện hành còn có quyền mua cổ phần, góp vốn trực tiếp vào các tổ chức kinh tế, mua cổ phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác. Bảo đảm mở cửa thị trường và đầu tư liên quan đến thương mại, áp dụng giá, phí thống nhất, bảo đảm đầu tư trong trường hợp thay đổi pháp luật, chính sách, giải quyết tranh chấp được quy định phù hợp với các cam kết trong điều ước quốc tế và pháp luật hiện hành.

Qua ý kiến đóng góp của các đại biểu Quốc hội, các nhà doanh nghiệp và các chuyên gia, thủ tục đăng ký kinh doanh và đầu tư được thống nhất như sau: đối với những dự án đầu tư trong nước từ 15 tỉ đồng trở xuống thì không phải đăng ký; dự án từ 15 tỉ đồng trở lên chỉ đăng ký theo mẫu; còn những dự án từ 300 tỉ đồng trở lên và những dự án đầu tư có điều kiện thì cần có cả 2 giấy (Giấy đăng ký kinh doanh và Giấy chứng nhận đầu tư). Những chính sách ưu đãi đầu tư có thể ghi trực tiếp hoặc không ghi trực tiếp vào giấy chứng nhận đầu tư...

Dự án Luật Doanh nghiệp áp dụng thống nhất cho bốn loại hình doanh nghiệp không phân biệt hình thức sở hữu và thành phần kinh tế; áp dụng cho cả doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; các doanh nghiệp nhà nước theo quy định của Luật Doanh nghiệp nhà nước năm 2003. Đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, về cơ bản loại bỏ khống chế mức sở hữu (30%) trừ các ngành nghề hạn chế kinh doanh, có quyền tự chủ hơn trong việc mở rộng cơ cấu, loại hình kinh doanh; tiếp tục đơn giản hóa thủ tục, giảm chi phí gia nhập thị trường. Việc ban hành Luật Đấu thầu thay cho Pháp lệnh Đấu thầu có ý nghĩa quan trọng, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn nhà nước, là cơ sở pháp lý chủ yếu đối với hoạt động chi tiêu sử dụng vốn nhà nước, góp phần bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất của pháp luật về đấu thầu, đáp ứng yêu cầu mới của quá trình hội nhập kinh tế quốc tế v.v.. Dự án Luật Nhà ở đã được sửa đổi, bổ sung nhiều nội dung cơ bản, bao gồm các chính sách và yêu cầu phát triển nhà ở; nhà ở thương mại; nhà ở riêng lẻ của hộ gia đình và cá nhân; nhà ở xã hội; nhà ở công vụ; phương thức thuê mua nhà ở xã hội; giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và giao dịch nhà ở...

Thứ ba, cải tiến một số hoạt động của kỳ họp. Một là, cải tiến cách thức thảo luận dự án luật. Thay vì chỉ thảo luận tại Hội trường Ba Đình như thông lệ, Kỳ họp lần này Quốc hội thảo luận, cho ý kiến và thông qua các dự án luật cùng lúc song song tại 2 hội trường. Các đại biểu Quốc hội đăng ký tham gia thảo luận dự án luật thuộc lĩnh vực đại biểu hiểu biết và quan tâm. Việc cải tiến quy trình này nhằm nâng cao hiệu quả thảo luận, tăng số lượng đại biểu phát biểu và chất lượng các dự án luật được xem xét, thông qua. Hai là, đổi mới hoạt động chất vấn và trả lời chất vấn của Quốc hội. Chất vấn là một trong những nhiệm vụ, quyền hạn của đại biểu Quốc hội và là hình thức giám sát trực tiếp của Quốc hội. *"Đại biểu Quốc hội có quyền chất vấn Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, bộ trưởng và các thành viên khác của Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao và Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao"* (Điều 98, Hiến pháp năm 1992). Tại Kỳ họp này, hoạt động chất vấn tập trung theo hướng giảm số lượng để nâng cao chất lượng. Mỗi bộ trưởng có 20 phút để thuyết trình những vấn đề đại biểu chất vấn bằng văn bản, phần lớn thời gian còn lại dành cho trả lời chất vấn trực tiếp ngay tại hội trường. Nếu câu trả lời của bộ trưởng chưa thỏa đáng, đại biểu sẽ chất vấn luôn, không phải đăng ký lại và chờ đợi sự báo cáo sau đó của các bộ trưởng bằng văn bản. Chú trọng nâng cao chất lượng, hiệu quả của câu hỏi chất vấn và câu trả lời chất vấn. Các câu hỏi dài dòng, sai đối tượng, hỏi để lấy thông tin được thay bằng những câu hỏi đúng trọng tâm, trọng điểm những vấn đề thực sự bức xúc trong thực tiễn. Những câu trả lời chất vấn chung chung, vòng vo, né tránh trách nhiệm, ngại va chạm cũng được khắc phục bằng thái độ thẳng thắn, chân thành và câu trả lời của các thành viên

Chính phủ. *Ba là*, Quốc hội xem xét một số báo cáo chuyên đề về việc triển khai các nghị quyết. Đó là "Báo cáo chuyên đề về việc thực hiện Chương trình 5 triệu ha rừng"; Báo cáo kết quả 2 năm thực hiện Đề án "Tổ chức quản lý, dạy nghề và giải quyết việc làm cho người sau cai nghiện tại thành phố Hồ Chí Minh"; "Kết quả giám sát việc thực hiện Chương trình 135"; nghe và thảo luận "Báo cáo giám sát về tình hình ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, cơ quan ngang bộ, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao"; xem xét Báo cáo kết quả thực hiện chương trình hoạt động giám sát của Quốc hội năm 2005 và thông qua chương trình hoạt động giám sát của Quốc hội năm 2006. *Bốn là*, ngoài phiên khai mạc, bế mạc, trả lời chất vấn được truyền hình trực tiếp như những kỳ họp trước đây, tại Kỳ họp lần này còn truyền hình trực tiếp những buổi thảo luận một số dự án luật được cử tri cả nước đặc biệt quan tâm như: dự án Luật Nhà ở, dự án Luật Phòng, chống tham nhũng, dự án Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; nghe và thảo luận Báo cáo tình hình ban hành quy phạm pháp luật của Chính phủ, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao.

Thứ tư, Quốc hội thảo luận, góp ý kiến về dự thảo 4 văn kiện trình Đại hội X của Đảng. Đây là lần đầu tiên các văn kiện trình Đại hội Đảng được đưa ra xin ý kiến của các đại biểu Quốc hội. Quốc hội khẳng định lịch sử vẻ vang 75 năm qua, Đảng ta luôn luôn gắn bó mật thiết với nhân dân, trưởng thành và phát triển từ phong trào cách mạng của quần chúng nhân dân. Với đường lối chính trị đúng đắn Đảng đã tập hợp, đoàn kết và tổ chức lực lượng to lớn của toàn dân làm nên những thắng lợi vẻ vang trong sự nghiệp giải phóng và xây

dựng, bảo vệ Tổ quốc trước đây, trong công cuộc đổi mới hiện nay. Sự gắn bó mật thiết giữa Đảng và nhân dân có vai trò vô cùng quan trọng. Vì vậy, Quốc hội nhấn mạnh tránh nguy cơ xa rời quần chúng, quan liêu, tham nhũng của bộ máy nhà nước. Đại hội X của Đảng sẽ tiếp tục khẳng định sự lựa chọn đúng đắn con đường đi lên của cách mạng nước ta, thể hiện qua những thành tựu của gần 20 năm đổi mới. Quốc hội khẳng định nội dung trong các văn kiện của Đại hội Đảng lần này có nhiều điểm mới quan trọng trên tất cả các lĩnh vực cần được bàn thảo cẩn trọng, dân chủ, hiệu quả; tạo sự đồng lòng nhất trí giữa ý Đảng, lòng dân để sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng nước kém phát triển, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Thời cơ thuận lợi nhiều, song khó khăn thách thức không ít, đòi hỏi toàn Đảng, toàn quân, toàn dân đồng thuận, đồng lòng, nêu cao truyền thống kiên cường của dân tộc trong cuộc chiến chống đói nghèo, lạc hậu. Đó cũng là ý nguyện của cha ông trước đây, của lớp lớp con cháu hôm nay và mai sau.

Thứ năm, Quốc hội thảo luận và tiến hành bầu Tổng Kiểm toán nhà nước. Kiểm toán nhà nước ra đời trên cơ sở Nghị định số 70/CP ngày 11-7-1994 của Chính phủ nhằm thực hiện Kiểm tra, kiểm soát các hoạt động tài chính công trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Sự hình thành và phát triển Kiểm toán nhà nước là một tất yếu khách quan, góp phần bảo đảm phân bổ, quản lý, sử dụng các nguồn lực tài chính nhà nước và tài sản công một cách hợp lý, tiết kiệm và hiệu quả, ngăn ngừa các hành vi tiêu cực, tham nhũng, lãng phí ngân sách nhà nước và tài sản công. Sự ra đời của Kiểm toán nhà nước đánh dấu bước phát triển mới của hệ thống các công cụ kiểm tra, kiểm soát ở Việt Nam trong điều

kiện mới, khẳng định quyết tâm của Đảng, Nhà nước ta trong việc lập lại trật tự, kỷ cương quản lý nguồn lực tài chính quốc gia, tăng cường tính minh bạch, công khai nền tài chính đất nước, góp phần thực thi dân chủ. Kiểm toán là một ngành không mới trên thế giới, song lại là non trẻ ở Việt Nam, có vị trí quan trọng trong sự nghiệp đổi mới, hội nhập và phát triển, đòi hỏi đội ngũ cán bộ kiểm toán phải là những người **"công minh, chính trực, nghệ tinh, tâm sáng"**. Người đứng đầu cơ quan Kiểm toán nhà nước cũng phải là người có tâm, có tầm thay mặt nhân dân kiểm tra, giám sát tiền và tài sản của Nhà nước được sử dụng có hiệu quả và đúng mục đích hay không. Chính vì vậy, Tổng Kiểm toán nhà nước hoạt động độc lập, chỉ tuân theo pháp luật, chịu trách nhiệm về tổ chức hoạt động của Kiểm toán nhà nước trước Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Chính phủ; do Quốc hội bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm theo đề nghị của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Để có nền tài chính công khai, minh bạch, Tổng Kiểm toán nhà nước mà Quốc hội bầu phải đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn do Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định và xứng đáng với sự tin cậy, tín nhiệm của nhân dân. Kỳ họp này tuy chưa bầu được Tổng kiểm toán nhà nước, song qua đó khẳng định tính thận trọng, khách quan, có trách nhiệm cao của các đại biểu Quốc hội đối với các chức danh được bầu và phê chuẩn.

Kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XI đã thành công tốt đẹp, mở ra một trang mới trong hoạt động của Quốc hội nước ta, góp phần đẩy mạnh công cuộc đổi mới, phát huy sức mạnh trí tuệ, tinh thần, vật chất, tăng cường niềm tin và sự gắn bó của nhân dân với chế độ, để vượt qua thách thức, tranh thủ thời cơ đưa đất nước phát triển nhanh hơn, bền vững hơn trong năm 2006 và những năm tiếp theo. □

TÍNH TẤT YẾU...

(Tiếp theo trang 25)

b - Kết hợp việc xây dựng và thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở với các cuộc vận động lớn của Đảng như: Cuộc vận động xây dựng chính đồn Đảng; toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa, xóa đói, giảm nghèo; phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh - quốc phòng...; nâng cao vai trò tham gia và giám sát thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể; gắn việc thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở với việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của từng tổ chức và trách nhiệm của từng cá nhân.

c - Thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở phải được tiến hành đồng bộ trên các loại hình cơ sở thì mới phát huy được tính tích cực của nó. Bởi vì, các loại hình cơ sở có quan hệ biện chứng với nhau. Vừa qua ở một số nơi, việc triển khai Quy chế Dân chủ ở các loại hình cơ quan, doanh nghiệp, trường học không được chú ý đúng mức, nên chẳng những trực tiếp hạn chế kết quả thực hiện Quy chế Dân chủ ở đó, mà còn ảnh hưởng xấu đến kết quả thực hiện Quy chế Dân chủ ở xã, phường, thị trấn.

d - Cải tiến chế độ kiểm tra định kỳ hằng năm, kiểm tra chuyên đề để nhanh chóng giải quyết những vấn đề mới nảy sinh ở cơ sở, tạo điều kiện cho đại diện của nhân dân, công nhân, viên chức tham gia kiểm tra và các phương tiện thông tin đại chúng dễ dàng vào cuộc; tập trung giải quyết dứt điểm đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân.

e - Đổi mới các hình thức tuyên truyền, nâng cao hiệu quả của công tác tuyên truyền, học tập chỉ thị số 30-CT/TW của Bộ Chính trị và các nghị định của Chính phủ về thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở để nhân dân và công nhân viên chức hiểu sâu sắc hơn nội dung Quy chế Dân chủ ở cơ sở; kịp thời biểu dương, khen thưởng những đơn vị, cá nhân thực hiện tốt, cũng như phê bình, kỷ luật những đơn vị, cá nhân thực hiện chưa tốt Quy chế Dân chủ ở cơ sở. □

Cơ cấu lại hệ thống ngân hàng thương mại để chủ động hội nhập kinh tế quốc tế

NGUYỄN ĐẮC HUNG *

TRONG những năm đầu thập niên 90 của thế kỷ XX, hệ thống ngân hàng thương mại và tổ chức tín dụng ở nước ta đã phát triển mạnh về số lượng, mở rộng về quy mô, đa dạng về tính chất và loại hình sở hữu. Đến thời điểm năm 1999 cả nước đã có: 4 ngân hàng thương mại nhà nước, Ngân hàng phát triển nhà đồng bằng sông Cửu Long, Ngân hàng phục vụ người nghèo, 50 ngân hàng thương mại cổ phần, 2 công ty tài chính cổ phần, 26 chi nhánh ngân hàng nước ngoài, 4 ngân hàng liên doanh, gần 1.000 quỹ tín dụng nhân dân, 5 công ty tài chính trong mô hình Tổng công ty nhà nước. Sự phát triển đó là phù hợp với chủ trương phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, khuyến khích nhiều thành phần kinh tế phát triển, mở cửa thu hút vốn đầu tư nước ngoài,... của Đảng và Nhà nước ta.

Số lượng đông đảo các ngân hàng thương mại và tổ chức tín dụng đó đã đóng vai trò quan trọng vào việc huy động vốn, cho vay và đầu tư vốn cho các thành phần kinh tế, cung cấp dịch vụ ngân hàng,... thúc đẩy nền kinh tế phát triển, góp phần thực hiện công cuộc xóa

đói giảm nghèo, giải quyết việc làm cho người lao động, kiềm chế lạm phát và ổn định tiền tệ.

Do một số nguyên nhân chủ quan và khách quan, trong đó có ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ khu vực, xảy ra một loạt các vụ án hình sự - kinh tế lớn, nên sau một thời gian phát triển nở rộ, nhiều ngân hàng thương mại và tổ chức tín dụng rơi vào tình trạng yếu kém, thua lỗ,

thậm chí có ngân hàng thương mại cổ phần đứng trước nguy cơ phá sản. Thực trạng đó đang đặt ra yêu cầu, một mặt, phải gấp rút cơ cấu lại hệ thống ngân hàng thương mại và tổ chức tín dụng để nâng cao hiệu quả hoạt động, mặt khác, phải vươn lên để hội nhập kinh tế quốc tế theo định hướng chung của cả nước.

Chương trình cơ cấu lại do ngành ngân hàng xây dựng đề án cụ thể cho từng khối: ngân hàng thương mại nhà nước, ngân hàng thương mại cổ phần, hệ thống quỹ tín dụng nhân dân, với sự tham gia ý kiến của một số bộ, ngành có liên quan. Sau đó các đề án được Chính phủ phê duyệt. Riêng đối với hệ thống quỹ tín dụng nhân dân, Bộ Chính trị còn ra Chỉ thị 57-CT/TW (tháng 10-2000) về củng cố, hoàn thiện và phát triển loại hình tổ chức tín dụng này.

Nội dung cơ cấu lại hệ thống ngân hàng thương mại và tổ chức tín dụng của nước ta bao gồm: giải thể, sáp nhập, thanh lý, bán lại các tổ chức yếu kém; tăng vốn điều lệ và vốn

* TS, Ngân hàng nhà nước Việt Nam

chủ sở hữu; giải quyết tình trạng nợ đọng và làm lành mạnh tình hình tài chính; hiện đại hóa công nghệ; cơ cấu lại tổ chức và quản trị điều hành. Cụ thể là:

1 – Về sắp xếp lại mạng lưới ở các ngân hàng thương mại, các tổ chức tín dụng. Đối với khối ngân hàng thương mại cổ phần, những ngân hàng nào yếu kém, không có khả năng phục hồi được thì tiến hành giải thể. Một số ngân hàng thương mại cổ phần khác được sáp nhập hay bán lại cho các ngân hàng thương mại cổ phần khác có tình hình tài chính lành mạnh và hiệu quả hoạt động cao hơn hoặc bán lại cho Ngân hàng nhà nước. Một số ngân hàng thương mại cổ phần nông thôn có quy mô nhỏ cũng được sáp nhập vào các ngân hàng thương mại cổ phần đô thị. Sau một thời gian sắp xếp lại mạng lưới, trong cả nước đã giảm 16 đầu mối ngân hàng thương mại cổ phần và công ty tài chính cổ phần. Đến đầu năm 2005, cả nước còn 36 ngân hàng thương mại cổ phần.

Tiếp tục phát triển mạng lưới, cơ cấu lại tổ chức, nâng cao năng lực quản trị điều hành các ngân hàng thương mại nhà nước. Từ đầu năm 2003, Ngân hàng Chính sách xã hội được thành lập trên cơ sở ngân hàng phục vụ người nghèo, tách hoạt động cho sinh viên vay vốn học tập từ Ngân hàng Công thương Việt Nam, Chương trình 120 về cho vay giải quyết việc làm từ Kho bạc Nhà nước. Từ giữa năm 2003, Tổng công ty vàng, bạc, đá quý Việt Nam ngừng hoạt động, bàn giao cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, và Ngân hàng phát triển nhà đồng bằng sông Cửu Long.

Từ năm 2001 đến 2004, ngành ngân hàng đã tập trung thực hiện Chỉ thị 57-CT/TW về chấn chỉnh và củng cố hệ thống quỹ tín dụng nhân dân. Đáng chú ý là, năm 2003, cả nước đã hoàn thành việc sáp nhập 21 quỹ tín dụng

khu vực vào quỹ tín dụng trung ương, rút giấy phép và cho ngừng hoạt động khoảng 90 quỹ tín dụng nhân dân cơ sở. Tính đến đầu năm 2005, cả nước chỉ còn hơn 900 quỹ tín dụng nhân dân cơ sở đang hoạt động ở các vùng nông thôn.

Việc chấn chỉnh, sắp xếp lại các ngân hàng thương mại và các tổ chức tín dụng cổ phần ở nước ta thời gian qua gặp không ít khó khăn, phức tạp. Bởi vì cổ đông của các ngân hàng thương mại cổ phần là những doanh nghiệp tư nhân, các hộ kinh doanh góp vốn thành lập theo luật định, thực hiện kinh doanh tiền tệ. Những cổ phần thường xuyên của các quỹ tín dụng nhân dân phần lớn là những người có thu nhập khá ở nông thôn, số đông là hộ nông dân... Tình trạng thua lỗ, mất vốn của các tổ chức tín dụng cổ phần gây những phản ứng rất khác nhau trong số các hộ nông dân này, họ không dễ dàng chịu chấp nhận các phương án xử lý, bán lại hay thanh lý.

Bên cạnh đó, còn hàng trăm nghìn người dân gửi hàng nghìn tỉ đồng tiền tiết kiệm vào các tổ chức tín dụng cổ phần đó, họ đâu chịu để mất tài sản! Nếu xử lý không khéo, hàng chục nghìn người sẽ ồ ạt kéo đến rút tiền đột xuất tại một số ngân hàng thương mại cổ phần và quỹ tín dụng. Các tổ chức tín dụng cổ phần này sẽ dễ dàng rơi vào tình trạng mất khả năng thanh toán, gây đổ vỡ ngân hàng có tính dây chuyền rất nguy hiểm, thậm chí tác động tiêu cực đến ổn định kinh tế - xã hội. Vụ đổ vỡ gần 7.000 hợp tác xã tín dụng và quỹ tín dụng đô thị cuối những năm 80 của thế kỷ XX ở nước ta, hay vụ đổ vỡ ngân hàng ở một số nước trên thế giới trong lịch sử hiện đại đã cho thấy rõ bài học này.

Song, thực tế các ngân hàng thương mại cổ phần và công ty tài chính cổ phần bị rút giấy phép, các quỹ tín dụng ngừng hoạt động,... ở nước ta vừa qua đã diễn ra êm thấm, không để

xảy ra tình trạng người gửi tiền bị mất quyền lợi. Đó là kết quả của cả một chương trình xử lý khôn khéo, bài bản, đúng luật định, vừa kiên quyết và dứt điểm, vừa chặt chẽ và thận trọng. Các ngân hàng thương mại cổ phần đều đã tổ chức đại hội cổ đông, thống nhất phương án chấn chỉnh, củng cố, phải tăng đủ vốn theo hạn định, hay chấp nhận thanh lý, bán lại. Trong quá trình triển khai, Ngân hàng Nhà nước chỉ đạo chặt chẽ, kiên quyết, phối hợp với cấp ủy, chính quyền các địa phương, cùng với sự hỗ trợ chi trả của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam.

2 – Về nâng cao năng lực tài chính ở các ngân hàng thương mại. Để tăng vốn điều lệ cho các ngân hàng thương mại, Nhà nước phải có các giải pháp tài chính từ nguồn ngân sách nhà nước. Thực hiện chủ trương nói trên, trong 3 năm 2002 - 2004, Ngân hàng Nhà nước đã phối hợp với Bộ Tài chính trình Chính phủ đề án thực hiện cấp bổ sung hàng nghìn tỉ đồng vốn điều lệ cho 5 ngân hàng thương mại nhà nước. Tính đến cuối năm 2004, vốn điều lệ của các ngân hàng thương mại nhà nước đạt khoảng 16.960 tỉ đồng, gấp 3 lần năm 2000.

Đối với khối ngân hàng thương mại cổ phần, việc tăng vốn chủ yếu do các cổ đông góp thêm và phát hành thêm cổ phần trong nền kinh tế. Sau khi sắp xếp và củng cố lại, hầu hết các ngân hàng thương mại cổ phần vững mạnh, hoạt động có hiệu quả, uy tín ngày càng cao. Do đó các cổ đông hiện tại sẵn sàng góp thêm vốn, việc phát hành cổ phần mới trong xã hội có nhiều thuận lợi. Nhiều tổ chức tài chính quốc tế và nhà đầu tư nước ngoài cũng muốn mua cổ phần của một số ngân hàng thương mại cổ phần nước ta. Khối ngân hàng này đến nay về cơ bản đã tăng đủ vốn điều lệ theo quy định. Một số ngân hàng thương mại cổ phần còn tăng thêm vốn theo yêu cầu nâng cao khả năng cạnh tranh và bảo đảm tỷ lệ an toàn vốn

giữa "vốn tự có" và tổng "tài sản có" đã đạt tối thiểu 8% phù hợp với thông lệ quốc tế.

Đối với khối ngân hàng thương mại, Nhà nước tăng vốn điều lệ để bảo đảm tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu 8% bằng nguồn cấp bổ sung chủ yếu từ ngân sách nhà nước. Nhưng trong điều kiện cân đối ngân sách nhà nước luôn khó khăn, mỗi năm phải bỏ ra vài nghìn tỉ đồng cấp vốn bổ sung cho các ngân hàng thương mại nhà nước thực sự là một bài toán khó. Bởi vì hiện nay khối ngân hàng này không những chưa đạt được tỷ lệ an toàn vốn 8% theo yêu cầu, mà còn có xu hướng giảm sút. Do dư nợ cho vay ngày càng tăng nhanh (bình quân mỗi năm tăng trên 22%), nhưng vốn điều lệ thì tăng chậm, nên tỷ lệ an toàn vốn có xu hướng giảm (bình quân hiện nay dưới 5%).

3 – Về xử lý nợ đọng trong chương trình cơ cấu lại ngân hàng thương mại. Đây là một nội dung chủ yếu của chương trình cơ cấu lại hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam, một mặt làm lành mạnh tình hình tài chính của bản thân mỗi ngân hàng, mặt khác giải phóng một khối lượng vốn rất lớn để quay vòng, tái đầu tư cho nền kinh tế. Do đó, các ngân hàng thương mại đã tập trung rất quyết liệt cho vấn đề này. Nhìn chung số nợ nhóm I: mặc dù có tài sản bảo đảm, nhưng không phát mãi được do các tài sản đó hoặc là rất khó bán, hoặc tài sản thiếu tính pháp lý, tài sản vướng mắc về thủ tục công chứng, thiếu thủ tục chuyển quyền sở hữu, thi hành án chậm, sự thiếu phối hợp chặt chẽ của cơ quan chức năng ở địa phương. Vốn vẫn bị đọng trong khi ngân hàng thương mại ở nhiều thời điểm thiếu vốn bằng đồng Việt Nam để cho vay và vẫn phải trả lãi vốn huy động của dân cho số vốn bị đọng đó. Đối với nợ nhóm II: nợ không có tài sản, nhưng con nợ không còn tồn tại, Chính phủ đã phê duyệt phương án xử lý. Đối với nợ nhóm III: nợ không có tài sản bảo đảm, nhưng con nợ còn tồn tại. Số nợ này tập trung chủ yếu vào các

doanh nghiệp nhà nước, đây là vấn đề hết sức nan giải, bởi vì việc xử lý những doanh nghiệp nhà nước để thu hồi nợ lại không do ngân hàng tự quyết định, mà tùy thuộc vào phương án đổi mới, sắp xếp lại do Chính phủ phê duyệt. Mặc dù Ngân hàng Nhà nước đã phối hợp với Bộ Tài chính thành lập Hội đồng thẩm định đánh giá lại các khoản nợ không có tài sản bảo đảm của các doanh nghiệp nhà nước tại các ngân hàng thương mại quốc doanh, nhưng việc xử lý vẫn chưa có kết quả đáng kể.

Cùng với cơ chế xử lý nợ của Chính phủ, của Ngân hàng Nhà nước, phát mại và khai thác tài sản thế chấp, thì các ngân hàng thương mại và tổ chức tín dụng còn chủ động xử lý nợ đọng từ quỹ dự phòng rủi ro. Tuy nhiên, yêu cầu xử lý nợ tồn đọng vẫn đang được đặt ra hết sức cấp bách. Việc xử lý tài sản thế chấp đang gặp phải một loạt vướng mắc nằm ngoài những nỗ lực chủ quan của các ngân hàng thương mại. Trong khi đó yêu cầu tiếp tục cấp bổ sung vốn điều lệ vẫn đang được đặt ra rất cấp bách.

Trước thực tế đó, thiết nghĩ giải pháp tiếp tục cơ cấu lại hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam trong những năm tới cần tập trung vào các hướng sau:

Một là: Giải pháp tăng vốn điều lệ. Trong điều kiện cân đối ngân sách nhà nước luôn trong tình trạng căng thẳng, Chính phủ nên mạnh dạn bán cổ phần hạn chế ở tỷ lệ 20% - 40% vốn chủ sở hữu của các ngân hàng thương mại nhà nước cho cán bộ ngân hàng, cho các đối tượng khác,... không giữ quyền điều hành ngân hàng. Như vậy, vẫn bảo đảm được tính sở hữu của Nhà nước trong các ngân hàng này. Đồng thời, nên cho phép để lại 50% các khoản nộp ngân sách nhà nước hàng năm của các ngân hàng thương mại nhà nước để tăng vốn điều lệ, bởi vì số vốn đó vẫn luôn thuộc sở hữu nhà nước.

Nghị quyết Trung ương 9, khóa IX cũng chủ trương mạnh dạn cổ phần hóa một số tổng công ty 90 và 91, kể cả trong lĩnh vực bảo hiểm, ngân hàng. Ngành ngân hàng đã xây dựng đề án, và đã tiến hành cổ phần hóa Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam và Ngân hàng phát triển nhà đồng bằng sông Cửu Long. Từ kinh nghiệm của những đơn vị làm trước, quá trình cổ phần hóa ngân hàng thương mại cần quan tâm đúng mức đến việc mở rộng cho các nhà đầu tư nước ngoài, tạo điều kiện cho họ chuyển giao công nghệ ngân hàng hiện đại, trình độ quản trị ngân hàng tiên tiến vào Việt Nam theo đúng tiến độ hội nhập trong lĩnh vực dịch vụ ngân hàng.

Đặt ra lịch trình chặt chẽ cho tất cả các ngân hàng thương mại cổ phần phải thường xuyên tăng vốn điều lệ hàng năm. Nếu không đạt được tiến độ thì yêu cầu phải sáp nhập. Tương tự như đối với các ngân hàng thương mại nhà nước, việc bán cổ phần của các ngân hàng thương mại cổ phần cũng cần được mở rộng cho các nhà đầu tư nước ngoài. Đồng thời, tạo mọi điều kiện cho cổ phiếu của cả hai khối ngân hàng thương mại sớm được niêm yết, giao dịch trên thị trường chứng khoán, trước tiên là trong nước, sau đó làm thí điểm trên thị trường chứng khoán quốc tế.

Hai là: Giải pháp xử lý nợ xấu. Chính phủ cần chỉ đạo kiên quyết hơn để các cấp, các ngành hữu quan thực sự quan tâm, phối hợp với ngành ngân hàng tháo gỡ khó khăn, xử lý có hiệu quả các khối tài sản thế chấp, nhất là tài sản liên quan đến các vụ án lớn, bao gồm các khâu: hoàn thiện giấy tờ pháp lý về tài sản, phối hợp bàn giao sớm, khẩn trương đưa tài sản ra đấu giá, giải quyết các vướng mắc khác phát sinh. Các ngân hàng thương mại và tổ chức tín dụng cần có thực quyền chủ động xử lý tài sản thế chấp khi các khách hàng vay vốn không trả được nợ hay cố tình chây ỳ không

trả nợ. Giảm thiểu các thủ tục hành chính lòng vòng và kéo dài trong quá trình xử lý tài sản thế chấp của ngân hàng.

Ba là: *Giải pháp về hạch toán kế toán và làm trong sạch bảng cân đối tài chính của ngân hàng thương mại.* Các ngân hàng thương mại Việt Nam hiện tại chưa thể thực hiện được hệ thống tài khoản kế toán theo đúng thông lệ quốc tế, nhưng cần đặt ra lộ trình cụ thể để hội nhập về vấn đề này. Ngay từ bây giờ Ngân hàng Nhà nước nên bàn với Bộ Tài chính xây dựng cơ chế để cho phép các ngân hàng thương mại trích lập quỹ dự phòng rủi ro theo thông lệ quốc tế.

Thanh tra ngân hàng Nhà nước cần có quan điểm cụ thể, sâu sát trong các báo cáo kiểm toán quốc tế các ngân hàng thương mại Việt Nam để bảo đảm tính sát thực của nó; đồng thời công bố công khai kết quả xếp hạng tổ chức tín dụng. Hoặc là cung cấp thông tin cho tạp chí hay báo chuyên ngành để họ xếp hạng và công bố dưới danh nghĩa của báo chí, bảo đảm chính xác, khách quan. Song bên cạnh đó cần nâng cao trách nhiệm của kiểm toán nội bộ, nâng cao chất lượng hoạt động thanh tra để bảo đảm chất lượng hoạt động, phòng ngừa và ngăn chặn các sai phạm tại các ngân hàng thương mại.

Cần nâng cao chất lượng hoạt động của Thanh tra ngân hàng Nhà nước và của kiểm toán nội bộ trong các ngân hàng thương mại để bảo đảm thực hiện nghiêm các quy định quản lý nhà nước về hoạt động ngân hàng, tuân thủ nghiêm các chế độ, nguyên tắc, nâng cao chất lượng hoạt động cho vay trong các ngân hàng thương mại và tổ chức tín dụng.

Bốn là: *Các giải pháp chung khác.* Các ngân hàng thương mại đẩy nhanh việc thực hiện các đề án hiện đại hóa công nghệ ngân hàng, phát triển dịch vụ ngân hàng bán lẻ, nâng cao năng lực quản trị điều hành tiên tiến

theo tiêu chuẩn quốc tế, kết hợp với tăng cường công tác giám sát nội bộ, tiếp tục hoàn thiện việc thực hiện hạch toán kế toán và kiểm toán. Các ngân hàng thương mại và các tổ chức tín dụng có sự điều chỉnh hoạt động tín dụng, hạn chế sử dụng vốn huy động ngắn hạn để cho vay đầu tư dài hạn vào nhà đất, bất động sản, mua sắm ô-tô...

Các ngân hàng thương mại và tổ chức tín dụng nên có sự hợp tác liên kết nhiều hơn trong việc bảo đảm cạnh tranh lành mạnh, hợp tác có hiệu quả vì lợi ích chung của cộng đồng ngân hàng và lợi ích chung của nền kinh tế, mở rộng đồng tài trợ vốn cho các dự án lớn của nền kinh tế, phát triển dịch vụ ngân hàng bán lẻ, đặc biệt là công nghệ thẻ thanh toán, tăng tỷ trọng thu nhập từ dịch vụ trong cơ cấu tổng thu nhập của mỗi tổ chức tín dụng.

Cần có cơ chế và biện pháp về mặt tổ chức, bảo đảm tính liên kết, tính hệ thống chặt chẽ của các quỹ tín dụng nhân dân, nhất là trong nghiệp vụ điều hòa vốn, hỗ trợ khả năng thanh toán, đào tạo cán bộ và kiểm soát hoạt động, nâng cao vai trò của loại hình tín dụng hợp tác này trong việc đáp ứng nhu cầu vốn ở nông thôn.

Mỗi ngân hàng thương mại tiếp tục tập trung nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, thực hiện việc tuyển chọn cán bộ mới theo các tiêu chuẩn công khai rõ ràng và quy trình khách quan. Chú ý khâu quy hoạch cán bộ, đào tạo tại chỗ và sử dụng cán bộ nguồn, cử cán bộ có điều kiện đi học tập bồi dưỡng ở nước ngoài và thuê chuyên gia nước ngoài. Chính phủ chỉ đạo kiên quyết đẩy nhanh tiến độ giải thể, thanh lý các doanh nghiệp nhà nước hoạt động thua lỗ kéo dài, làm minh bạch và phát triển thị trường bất động sản. Hoàn thiện môi trường pháp lý, bảo đảm sự bình đẳng trong hoạt động kinh doanh của các ngân hàng thương mại và các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế. □

TRONG văn học của nhiều nước trên thế giới có những nhà văn mà sự xuất hiện của họ đánh dấu một trình độ mới của văn học dân tộc. Đó là Đan-tê của I-ta-li-a, Pu-skin của Nga. Mác và Ăng-ghe-n gọi Đan-tê là nhà thơ trung đại cuối cùng và là nhà thơ đầu tiên của thời cận đại. Bi-ê-lin-xki đã từng gọi Pu-skin là nhà thơ nghệ sĩ đầu tiên của nước Nga, người đã đem lại cho nước Nga thơ ca như là một nghệ thuật, chứ không phải chỉ là diễn đạt hay những tư tưởng cao cả. Trong lịch sử văn học Việt Nam Nguyễn Du (1765 - 1820) cũng là một nhà thơ có địa vị như thế.

Nguyễn Du là người đã kết tinh mọi truyền thống ưu tú nhất của văn học bác học và văn học dân gian Việt Nam, người kết hợp vốn văn học Việt Nam và văn học Trung Quốc để sáng tạo ra kiệt tác có tầm cỡ thế giới là *Truyện Kiều*. Với *Truyện*

Kiều, ông đã đưa thể loại truyện Nôm thịnh hành từ thế kỷ XVII lên một trình độ cổ điển, tiếp cận với thể loại tiểu thuyết tâm lý hiện đại. Ông đã đưa tiếng Việt văn học lên trình độ cổ điển tuyệt vời, trở thành mẫu mực của ngôn ngữ nghệ thuật dân tộc. Đến lượt mình *Truyện Kiều* lại đẩy lên những hoạt động văn học, văn hóa phong phú khác như vịnh Kiều, bình Kiều, đồ Kiều, lấy Kiều, bói Kiều, trò Kiều... *Truyện Kiều* trở thành tác phẩm độc tôn trong đời sống văn học dân tộc. Trên thế giới cũng hiếm có một tác phẩm nào có ảnh hưởng tới văn hóa dân tộc sâu rộng đến như thế! Thơ chữ Hán của Nguyễn Du cũng là một đỉnh cao trong thơ chữ Hán Việt Nam, với nghệ thuật của một cây đại bút như có nhà nghiên cứu Trung Hoa đã gọi

như thế. Nguyễn Du đã thể hiện một tinh thần nhân đạo sâu sắc nhất và một tinh thần phê phán không khoan nhượng đối với các thế lực đen tối của xã hội phong kiến. Nguyễn Du là nhà văn được cả dân tộc suy tôn, yêu chuộng và tự hào. Năm 1965, ông đã vinh dự được Hội đồng Hòa bình thế giới đề xuất kỷ niệm cùng với tám danh nhân văn hóa thế giới, trong đó có Hô-ra-xơ (La Mã), Đan-tê (I-ta-li-a), Lô-mô-nô-xốp (Nga), Ít-xơ (Ai-len)... Nguyễn Du là thi hào Việt Nam đầu tiên đi vào lịch sử văn hóa nhân loại.

Cho đến nay *Truyện Kiều* của ông đã được dịch ra hơn 20 thứ tiếng trên thế giới, thể hiện lòng ngưỡng mộ của nhân loại đối với nhà thơ Việt Nam.

Nguyễn Du quê ở Tiên Điền, Nghi Xuân, Hà Tĩnh, sinh năm Ất Dậu (1765) ở Thăng Long. Có ý kiến nói ông sinh năm 1766, nhưng tài

liệu còn cần xác nhận thêm. Tuy xuất thân từ một gia đình quý tộc nhiều đời làm quan lớn trong triều đình Lê - Trịnh, nhưng Nguyễn Du lại là người chứng kiến sự sụp đổ, ly tán của gia đình và sự cáo chung của triều đình phong kiến mà gia đình ông mang nặng công ơn. Con phong ba lịch sử dữ dội đã làm bật gốc quý tộc của Nguyễn Du, cho ông có dịp sống cuộc đời cơ cực, lâm than của người dân thời loạn và làm cho tư tưởng của nhà thơ đổi thay căn bản. Từ một người mang nặng tư tưởng chính thống, ôm mộng khôi phục nhà Lê, Nguyễn Du đã phải chấp nhận sự đổi thay của thực tế lịch sử.

* GS, TS, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội I

NGUYỄN DU - đại thi hào dân tộc

TRẦN ĐÌNH SỬ*

Từ một người mang tư tưởng lập công danh, Nguyễn Du cảm nhận được công danh chỉ là phù vân, không mấy mặn mà với bước đường quan chức. Từ một nhà quý tộc, Nguyễn Du trở thành một nhà nhân đạo chủ nghĩa, đồng tình sâu sắc với mọi kiếp người bất hạnh trên thế gian, nhà văn có cảm hứng hiện thực chủ nghĩa, cảm thấy được sự bất công tàn bạo của xã hội phong kiến và lên án, tố cáo tội ác của nó.

Toàn bộ sáng tác của Nguyễn Du đã thể hiện tư tưởng rất sâu sắc và tài năng nghệ thuật tuyệt vời của ông. *Truyện Kiều*, theo nghiên cứu mới nhất của các nhà văn bản học ngày nay, có khả năng được sáng tác vào những ngày ông sống ở quê vợ Thái Bình (1786 - 1796), được sửa chữa, hoàn thiện dần dần cho đến trước khi Gia Long lên ngôi (1802) thì hoàn thành, sau đó được sao chép, khắc in, lưu truyền ở cả ba miền Bắc, Trung, Nam và tạo thành các dị bản khác nhau. Mặc dù nguyên bản *Truyện Kiều* của Nguyễn Du đến nay không còn, nhưng theo nghiên cứu của các nhà văn bản học thì trên 90% văn bản của Nguyễn Du vẫn còn bảo lưu, phần sai khác còn lại có thể dần dần khôi phục. Như thế, giá trị văn bản *Truyện Kiều* của Nguyễn Du đến nay căn bản vẫn còn khá nguyên vẹn và ta hoàn toàn có cơ sở để đánh giá đúng sáng tạo của thi hào.

Ngay khi mới ra đời, các nhà nho đương thời với Nguyễn Du đã đánh giá *Truyện Kiều* là thiên tuyệt bút "có con mắt nhìn xuyên sáu cõi, có tấm lòng nghĩ suốt đến nghìn đời". *Truyện Kiều* trước hết là tiếng khóc lớn cho số phận con người. Ông không chỉ khóc cho những kẻ tài hoa bạc mệnh mà khóc cho những khát vọng hạnh phúc lứa đôi, ước mơ tự do công lý, cho phẩm chất trong trắng bị chà đạp tàn bạo dưới thế lực đen tối. Nhà thơ Tố Hữu đã hiểu rất đúng cảm hứng nghệ thuật của Nguyễn Du khi ông viết: "Tố Như ơi lệ chảy quanh thân Kiều". Nhà phê bình văn học Hoài Thanh đã khái quát: "*Truyện Kiều* là một tiếng kêu thương". Đó là

tiếng kêu đau đớn vì thương yêu, trân trọng con người, đặc biệt là thương yêu những người phụ nữ. Nguyễn Du đã hai lần kêu lên: "Đau đớn thay phận đàn bà!". Một lần trong *Truyện Kiều*, một lần trong *Văn tế thập loại chúng sinh*. Vấn đề phụ nữ đã được nói đến trong *Chinh phụ ngâm*, *Cung oán ngâm khúc*, nhưng Nguyễn Du đã kể thừa và nói sâu hơn, phổ quát hơn. Nguyễn Du không chỉ nói về người tài, nói về người phụ nữ, mà nói về con người nói chung: "Trời kia đã bắt làm người có thân. Bắt phong trần phải phong trần. Cho thanh cao mới được phần thanh cao". Cả *Truyện Kiều*, nhà thơ chủ yếu nói về nỗi đau của con người. Điều ấy giải thích vì sao tác phẩm của Nguyễn Du đã có được sức lay động, cộng hưởng rộng rãi trong mọi tầng lớp nhân dân. Nhân vật Thuý Kiều tuy là xuất thân gia đình tiểu phong kiến, song nỗi đau của cô là nỗi đau của con người nói chung: bị vu oan, bị ngược đãi, bị mua đi bán lại, bị đánh đập, bị làm nhục. Đó là nỗi đau của con người bị tước mất quyền sống, quyền được công lý bảo vệ. Nguyễn Du đã từng mơ ước có một triều đình kiểu Từ Hải, có thể "Oán thì trả oán, ân thì trả ân", nhưng ông không tin là có thể có thật trong xã hội phong kiến, và Từ Hải phải chết. Từ Hải chỉ xuất hiện để khẳng định một khát vọng tha thiết của nhà thơ. Trong *Văn chiêu hồn*, Nguyễn Du đã nói đến nỗi bất hạnh "thập loại chúng sinh", từ trẻ sơ sinh cho đến người lớn, từ kẻ làm quan, làm tướng, kẻ giàu sang cho đến người làm nghề nguy hiểm, nghề buôn bán, đặc biệt là người phụ nữ làm nghề ca kỹ, thể hiện một tình thương bao la hết mọi kiếp người, mong cho họ được siêu sinh tịnh độ. *Truyện Kiều* kết tinh những yếu tố sâu sắc nhất trong tư tưởng truyền thống như lòng hiếu sinh của nho gia, đạo từ bi hỷ xả của phật giáo, quan niệm về có thân là có khổ của đạo gia... Nguyễn Du đã quy mọi nguyên nhân nỗi đau của con người vào định mệnh thần bí mà ông trời là đại diện. Cái gọi là số mệnh thực chất chỉ là một

tổng hòa của mọi nguyên nhân khách quan và chủ quan, tính chung và tính riêng của mỗi người làm nên trạng thái nhân sinh (giàu nghèo, sang hèn...) và kết cục cuộc đời, nhưng con người không bao giờ biết trước hết được. Bằng ngôn ngữ hình tượng, nhà văn có thể phơi bày tổng hòa của các nguyên nhân đó. Truyện Kiều đã cho thấy ngoài nguyên nhân chủ quan của Kiều, trạng thái xã hội chính là nguyên nhân bất hạnh của đời Kiều: thế lực đồng tiền, quan lại tham lam, tàn nhẫn... Những câu thơ lên án thống thiết đối với ông trời, ông xanh, thực chất là lên án các thế lực đen tối đã đẩy nàng vào hố lửa. Về phương diện này có thể nói Nguyễn Du có con mắt hiện thực.

Tuy nhiên, cái làm nên sức thuyết phục và sức sống của *Truyện Kiều* lại là sức mạnh của một thiên tài. Có lần nhà phê bình Hoài Thanh đặt câu hỏi: Cái gì là chính trong giá trị nghệ thuật của *Truyện Kiều*? Và ông tự trả lời: "Cái chính là ở chỗ Nguyễn Du đã tái tạo lại cuộc sống đương thời và sáng tạo ra một thế giới có thật. Trong đó có những người rất sống, rất thật và do rất sống mà không ai giống ai". Hoài Thanh đã nắm bắt đúng thực chất của vấn đề. Nhưng làm thế nào để tạo được những con người sống động như thế thì đó là điều bí ẩn của nghệ thuật mà chúng ta chỉ có thể nói đôi điều đại khái và không bao giờ nói hết. Từ đầu đến giữa thế kỷ XVIII, văn học Việt Nam đã có truyện *Song Tinh*, *Truyện Hoa tiên* và một số truyện Nôm khác. Song chưa có truyện Nôm nào xây dựng được những nhân vật sống và thật, những nhân vật có thể khiến cho người đọc vui sướng hay đau đớn, khóc than, tiếc nuối cùng nhân vật như *Truyện Kiều*. Điều này liên quan đến nghệ thuật dùng từ, chọn chi tiết, tạo không khí, nhưng quan trọng hơn hết là năng lực nắm bắt đặc trưng, hồn vía của từng con người trong từng tình huống cụ thể, năng lực phát hiện những biến thái tâm lý tinh vi của nhân vật. Có thể nói Nguyễn Du lần đầu tiên trong văn học Việt Nam đã sáng tạo được một tác phẩm mang

tính cách nghệ thuật. Nói cách khác, Nguyễn Du đặt mục tiêu tái tạo ra sự sống, chứ không hề giản đơn là kể chuyện hay mượn câu chuyện để nêu lên những điều giáo huấn.

Có người nói *Truyện Kiều* của Nguyễn Du chỉ là diễn nôm một tác phẩm có sẵn của người Trung Quốc, cho nên phần sáng tạo không nhiều. Đúng là *Truyện Kiều* vay mượn cốt truyện của cuốn tiểu thuyết *Kim Vân Kiều* truyện của nhà văn Thanh Tâm Tài Nhân (Trung Quốc) viết vào khoảng cuối thời nhà Minh đầu thời nhà Thanh, và Nguyễn Du phần nhiều theo sát cốt truyện đó. Chuyện vay mượn cốt truyện nước ngoài trong sáng tạo nghệ thuật là chuyện thường tình trong lịch sử văn học nhân loại, nhất là vào thời trung đại, vấn đề là sáng tạo lại như thế nào. Trước đây không ít người tiến hành so sánh *Truyện Kiều* với *Kim Vân Kiều* truyện chỉ trên cấp độ sự kiện, cốt truyện và rút ra kết luận đáng buồn là Nguyễn Du ít sáng tạo. Nhưng đó là ngộ nhận về nghệ thuật. Trong nghệ thuật cốt truyện tuy quan trọng, song cách kể còn quan trọng hơn. Lý luận văn học hiện đại xác nhận, cùng một cốt truyện mà cách kể khác nhau sẽ cho ta những tác phẩm khác hẳn nhau về tư tưởng và nghệ thuật. *Truyện Kiều* của Nguyễn Du là một trường hợp tiêu biểu cho lý luận đó. Thực vậy, khi sử dụng cốt truyện của Thanh Tâm Tài Nhân, Nguyễn Du đã hình dung lại con người, sáng tạo lại hoàn toàn về cách kể và lời kể. Nguyễn Du đã bỏ hình thức tiểu thuyết chương hồi bằng văn xuôi của nguyên tác để tạo lại một truyện thơ bằng văn vần, một điều các tác giả trước Nguyễn Du đã làm. Điều mới lạ của Nguyễn Du là ông đã hình dung con người như một dòng cảm xúc, một dòng tâm trạng và thay đổi mô hình tự sự của tác phẩm, thay đổi điểm nhìn trần thuật đối với nhân vật theo một phương hướng tiến bộ hơn nhà văn Trung Quốc. Mô hình này chỉ xuất hiện khi nào nhà văn nhìn ra được cá tính và sự sống nội tại của nhân vật. Nếu nhà văn Trung Quốc

miêu tả nhân vật theo điểm nhìn bên ngoài thì Nguyễn Du đã kể chuyện theo điểm nhìn bên trong. Nhà văn như đứng từ điểm nhìn của nhân vật để kể chuyện, miêu tả cảnh vật, khắc họa tâm lý, làm cho toàn bộ đời sống bên trong của nhân vật được phơi bày trọn vẹn, khiến cho người đọc không phải chỉ nhìn nhân vật từ bên ngoài mà như được sống cùng nhân vật. Hệ quả của mô hình này là Nguyễn Du đã tái hiện được con người bên trong của nhân vật, mỗi lời thơ của truyện như thốt ra từ tâm can nhân vật, các yếu tố cảnh vật và tâm trạng được tăng cường, và kết quả *Truyện Kiều* là một tác phẩm mới hẳn. Thực chất của nghệ thuật văn học là ở phương diện ngôn từ. Ngôn từ vừa là sản phẩm sáng tạo của mỗi nhà văn, vừa là phương thức tồn tại của văn học. Không có ngôn từ là không có gì hết. Vì thế ngôn từ đóng vai trò cực kỳ quan trọng. Cùng với cách kể chuyện mới, Nguyễn Du đổi mới toàn bộ ngôn ngữ kể chuyện, sử dụng rộng rãi các hình thức độc thoại nội tâm, lời nửa trực tiếp... Đồng thời, Nguyễn Du đã sử dụng tiếng Việt một cách tài tình, tạo ra những dòng thơ vừa đẹp, vừa chính xác, vừa gợi cảm, vừa giàu chất thơ khó ai sánh kịp trong thơ tiếng Việt. Về mặt thể thơ, Nguyễn Du đã sáng tạo ra hình thức văn học của thơ lục bát, nâng hình thức lục bát dân dã trong ca dao, dân ca thiên về kể lể lên hình thức văn học cổ điển với luật bằng trắc chỉnh tề, nhiều hình thức tiểu đối phong phú, đa dạng, có khả năng biểu đạt cô đọng, hàm súc, nhiều dư vị.

Truyện Kiều là tập đại thành của văn học Việt Nam, kết tinh những tư tưởng sâu sắc nhất về con người, về cuộc đời, tổng hợp những tinh hoa đẹp đẽ nhất của nghệ thuật kể chuyện, nghệ thuật thơ ca, nghệ thuật kịch, là sự kết hợp tài tình nghệ thuật kể chuyện, nghệ thuật thơ ca cổ điển của Trung Hoa và nghệ thuật Việt Nam, làm thành một đỉnh cao chói lọi trong văn học dân tộc. Thành tựu ấy chỉ có bậc đại thi hào mới thực hiện được mà những bí mật của nó sẽ còn là đề tài nghiên cứu không bao giờ vơi cạn.

Thành tựu của *Truyện Kiều* là vô song, nhưng không phải là tất cả. Thơ chữ Hán của Nguyễn Du cũng là một thành tựu đột xuất. Thơ chữ Hán của Nguyễn Du ở vào giai đoạn chín muồi, điêu luyện. Có nhà nghiên cứu Trung Quốc nhận định thơ chữ Hán của ông thuộc loại thơ của bậc đại bút. Thành tựu đột xuất của thơ chữ Hán Nguyễn Du là tập *Bắc hành tạp lục* viết trong khi đi sứ Trung Quốc. Hình như ở tập thơ viết về những người, những việc của nước Trung Hoa này nhà thơ của chúng ta được tự do thể hiện tình cảm, tư tưởng hơn, nên trước mắt ta xuất hiện một Nguyễn Du táo bạo, mạnh mẽ, bộc trực, khác hẳn Nguyễn Du trong hai tập *Thanh Hiên thi tập* và *Nam trung tạp ngâm* làm ở trong nước. Nếu trong hai tập thơ trước Nguyễn Du thiên về biểu hiện tình cảm sâu hận, than tiếc thân thế, tài hoa phí hoài của riêng mình, thì ở tập thơ này nhà thơ thiên về quan sát, suy ngẫm về thế sự, lịch sử. Mỗi khi đi qua một di tích, danh lam thắng cảnh hay di chỉ của nhân vật lịch sử Trung Hoa, những điều mắt thấy, tai nghe đều trở thành đề tài của những bài thơ tự sự, trữ tình nổi tiếng của Nguyễn Du. Bài thơ *Người hát rong ở Thái Bình* và *Những điều trông thấy* thể hiện một mối quan tâm sâu sắc, thiết tha đối với số phận của những người dân nghèo khổ mà ông nhìn thấy trên đường. Và điều đó đâu chỉ nói về người đói khổ ở Trung Quốc, lẽ nào trong đó không có sự xót thương thường trực đối với người dân trong nước, không có sự hồi tưởng tới cảnh đói khát, ốm đau không thuốc thang của chính Nguyễn Du và vợ con của ông trong mười năm gió bụi và cả những năm đầu ông làm quan cho nhà Nguyễn?

Trong thơ chữ Hán Nguyễn Du có những bài thể hiện lòng xót thương vô hạn đối với những người phụ nữ tài sắc, chịu số phận oan trái trong cuộc biến động của lịch sử. Bài thơ *Bài ca người gảy đàn ở Long Thành* kể về số phận đáng thương của một người gảy đàn tài hoa xinh đẹp trong cung ngày trước, sau cơn đổi thay triều đại, nay trở thành người đàn bà

tiêu tụy. Cả bài thơ thấm đẫm một giọng ngậm ngùi, ai oán. Trong cảm xúc về số phận những người tài sắc, chắc chắn có sự xót thương cho số phận của chính nhà thơ. Trong bài *Độc tập Tiểu Thanh ký*, Nguyễn Du vừa xót thương cho số phận của cô Tiểu Thanh tài sắc mà bạc mệnh, vừa liên tưởng tới số phận của mình: "Ba trăm năm lẻ sau này nhĩ. Thiên hạ ai người khóc Tố Như?". Bài thơ này tuy viết về một người Trung Hoa nhưng có ý kiến nói được làm khi ở trong nước, cho nên không có trong tập *Bắc hành tạp lục*. Dù sao cảm hứng về người tài hoa bạc mệnh luôn đeo bám Nguyễn Du suốt đời, một tình cảm xót thương dành cho những giá trị hiếm hoi của nhân loại, một lời nhắn gửi đối với hậu thế hãy xót thương, trân trọng người tài.

Thơ chữ Hán của Nguyễn Du còn có một loạt bài nói về các nhà thơ Trung Hoa mà ông coi như người bạn, người thầy. Đó là Khuất Nguyên, Đỗ Phủ. Nguyễn Du là người có tu dưỡng uyên thâm về Hán học, đã từng học tập không biết bao nhiêu bậc thầy Trung Hoa cổ đại mà ông chưa một lần được viếng thăm. Chuyến đi sứ thật là một điểm phúc để ông có dịp chiêm bái những bậc thầy văn chương mà bạc mệnh. Nguyễn Du có dịp xem bơi chải trên sông Mịch La để tưởng nhớ Khuất Nguyên. Ông hoàn toàn đồng cảm với tấm lòng cô trung của Khuất Nguyên và cảm phần với lũ thượng quan đương thời. Ông nhìn thấy trong hiện thực đen tối đương thời không có chỗ dung thân cho những người tài hoa trong sáng. Vì thế, trong bài thơ *Phản chiêu hồn*, Nguyễn Du chống lại bài *Chiêu hồn* tương truyền của Tống Ngọc làm để gọi hồn Khuất Nguyên trở về. Bởi đâu có về cũng không có chỗ dung thân. Nguyễn Du đã bày tỏ một lập trường không khoan nhượng đối với thực tại đen tối. Bài thơ *Mộ Đỗ Thiếu Lăng ở Lôi Dương* thể hiện tình cảm mến yêu, thông cảm rất mực chân thành giữa những người lỗi lạc. Thơ chữ Hán của Nguyễn Du thể hiện một nghệ thuật điêu luyện và một tâm tư

tưởng sâu sắc, một tư thế văn chương cứng cỏi đáng làm bậc thầy cho hậu thế về thái độ đối với hiện thực.

Sáng tác của Nguyễn Du là một phần quý báu nhất và đặc sắc nhất trong di sản văn học của dân tộc Việt Nam, là phần đã trở thành tài sản văn hóa thế giới, một trong những phần không thể thiếu làm nên sự phong phú cho mỗi người Việt Nam hiện đại. Tác phẩm của Nguyễn Du đem lại cho ta niềm tin vào tài năng và giá trị của văn hóa dân tộc, làm cho ta thêm mến yêu và tự hào với các truyền thống ưu tú của Việt Nam, cổ vũ chúng ta sáng tạo thêm những giá trị mới xứng tầm với dân tộc.

Để phát huy xứng đáng giá trị của di sản nghệ thuật của đại thi hào Nguyễn Du, chúng ta có nhiều việc cần phải làm. *Một là* trên cơ sở những thành tựu đã có về văn bản học cố gắng xác định được một văn bản gần với nguyên tác nhất. *Hai là* tiếp tục nghiên cứu mọi mặt về tư tưởng và nghệ thuật của Nguyễn Du để làm sáng tỏ thêm các truyền thống nghệ thuật ưu tú của dân tộc. Thơ chữ Hán Nguyễn Du tuy rất hay, nhưng để cho mọi người có thể thưởng thức được các giá trị của nó cần thiết phải có những bản dịch nghĩa và dịch thơ vừa tin vừa đạt. Thời gian qua đã xuất hiện thêm nhiều bản dịch mới, cần thẩm định những công trình ấy để chọn lấy những bản dịch xứng đáng nhất, có giá trị nhất cho đông đảo người đọc thưởng thức.

Chưa bao giờ số người yêu mến và tự nguyện nghiên cứu Nguyễn Du nhiều như ngày nay. Đó là dấu hiệu của một thời kỳ văn hóa đang bắt đầu thịnh vượng. Nên chăng đã đến lúc thành lập một Hội Nguyễn Du học hay Kiều học, đoàn kết mọi nhà nghiên cứu có tâm huyết, có năng lực, phấn đấu đưa sự nghiệp nghiên cứu di sản văn học của Nguyễn Du lên một bước mới. Thiết nghĩ về phía nhà nước có thể thành lập giải thưởng văn học quốc gia mang tên Nguyễn Du để trao cho những tác phẩm có giá trị nhất về văn học tiếng Việt. □



NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT: 60 NĂM PHẤN ĐẤU VÀ TRƯỞNG THÀNH, XỨNG ĐÁNG VỚI SỰ TIN CẬY CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC

TRỊNH THỨC HUỖNH *

Kể tục sự nghiệp của Nhà xuất bản Giải phóng thời tiền khởi nghĩa, ngày 5-12-1945, Nhà xuất bản Sự thật đã chính thức ra đời tại Thủ đô Hà Nội. Nhà xuất bản Sự thật trực thuộc Trung ương Đảng, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của đồng chí Tổng Bí thư Trường Chinh. Lúc bấy giờ Đảng Cộng sản Đông Dương rút vào hoạt động bí mật, nên Nhà xuất bản Sự thật hoạt động công khai dưới danh nghĩa Nhà xuất bản của Hội những người nghiên cứu chủ nghĩa Mác ở Đông Dương.

Do yêu cầu nhiệm vụ của cách mạng, của công tác tư tưởng chính trị, năm 1950, Ban Tuyên truyền Trung ương đã tổ chức một Ban Biên tập phụ trách việc biên soạn và xuất bản sách của Nhà xuất bản Sự thật, do đồng chí Lê Văn Lương - Ủy viên Ban Tuyên truyền Trung ương, trực tiếp làm Trưởng ban.

Sau Đại hội II của Đảng, Nhà xuất bản Sự thật có một bước ngoặt mới về tổ chức. Năm 1952, Trung ương đã ra quyết định tổ chức Ban Biên tập của Nhà xuất bản Sự thật trực thuộc Trung ương Đảng với 20 cán bộ, được tổ chức theo các tổ chuyên môn như:

sách kinh điển, sách thời sự quốc tế, sách thời sự trong nước, sách kinh tế - văn hóa - xã hội.

Sau khi miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, từ cuối năm 1954, Nhà xuất bản Sự thật có điều kiện mở rộng hoạt động, tuyển thêm cán bộ, tăng cường bộ máy. Ngày 17-10-1960, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra Nghị quyết số 02-QĐ/TW xác định chức năng, nhiệm vụ của Nhà xuất bản. Theo Nghị quyết, Nhà xuất bản là cơ quan của Nhà nước trực thuộc Phủ Thủ tướng, nay là Chính phủ. Thực hiện Nghị quyết của Đảng, Nhà xuất bản được tăng cường về mặt tổ chức cũng như các điều kiện vật chất và các hoạt động được triển khai trên một quy mô lớn hơn trước.

Sau khi miền Nam được hoàn toàn giải phóng, nước nhà được thống nhất, cuối năm 1975, Nhà xuất bản Sự thật đã đặt chi nhánh ở thành phố Hồ Chí Minh và sau đó ở các tỉnh miền Trung, để kịp thời đáp ứng nhu cầu về sách chính trị và của bạn đọc trong cả nước. Khẳng định vị trí, vai trò và ghi nhận những tiến bộ của Nhà xuất bản, ngày 24-10-1979,

* Giám đốc, Tổng Biên tập Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật

Ban Bí thư Trung ương Đảng đã ra Quyết định 53-QĐ/TW nâng cấp Nhà xuất bản Sự thật. Với quyết định này, Nhà xuất bản là cơ quan, trực thuộc Ban Chấp hành Trung ương, có vị trí như một tổng cục.

Tổ chức triển khai, thực hiện Chỉ thị 08-CT/TW ngày 31-3-1992 của Ban Bí thư (Khóa VII) về tăng cường sự lãnh đạo và quản lý nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác báo chí - xuất bản, ngành xuất bản đã tiến hành sắp xếp lại hệ thống xuất bản theo phương hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả, trong đó có việc sáp nhập một số nhà xuất bản có chức năng, nhiệm vụ gần giống nhau. Trong bối cảnh đó để tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và vai trò quản lý của Nhà nước đối với công tác xuất bản đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ cách mạng trong tình hình mới, ngày 20-11-1992, Ban Bí thư Trung ương Đảng đã ra Quyết định số 53-QĐ/TW thành lập Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật trên cơ sở hợp nhất 4 nhà xuất bản: Nhà xuất bản Sự thật thuộc Ban Bí thư, Nhà xuất bản Thông tin lý luận thuộc Viện Nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Tư tưởng - Văn hóa thuộc Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Nhà xuất bản Pháp lý thuộc Bộ Tư pháp. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật trực thuộc Trung ương Đảng.

Sau hơn 10 năm hoạt động, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật từng bước ổn định, phát triển; đã khẳng định được vị trí, vai trò của mình trong hệ thống các nhà xuất bản.

Trên cơ sở nhiệm vụ, yêu cầu của tình hình mới, ngày 3-4-2003, Bộ Chính trị đã ra Quyết định số 68-QĐ/TW về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật. Quyết định nêu rõ: Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật là đơn vị sự nghiệp Trung ương của Đảng, đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp và thường xuyên của Ban Bí

thư, có chức năng là cơ quan xuất bản chính trị của Đảng và Nhà nước, hoạt động theo Luật Xuất bản.

Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật có nhiệm vụ: tổ chức biên tập, xuất bản các sách chính trị, lý luận và pháp luật, phổ biến đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước, nâng cao kiến thức của nhân dân về chính trị, lý luận, pháp luật, phục vụ sự nghiệp đổi mới và hai nhiệm vụ chiến lược: xây dựng, bảo vệ Tổ quốc. Nhà xuất bản còn có nhiệm vụ tổ chức nghiên cứu khoa học xuất bản nhằm phục vụ trực tiếp cho công tác biên tập, xuất bản và đề xuất với Bộ Chính trị, Ban Bí thư các vấn đề về lĩnh vực xuất bản sách lý luận chính trị. Tham gia nghiên cứu các chương trình quốc gia, đề tài khoa học xã hội cấp nhà nước, cấp ban, bộ; góp phần làm sáng tỏ hơn những vấn đề chính trị, lý luận, pháp luật, về chủ nghĩa xã hội, về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội.

Nhà xuất bản không chỉ là nơi quy tụ các nhà chính trị, các nhà quản lý và những người hoạt động xã hội, các nhà khoa học, những người làm công tác thực tiễn trên tất cả các ngành, lĩnh vực, các khu vực, vùng miền của cả nước mà còn mở rộng các hoạt động đối ngoại và hợp tác quốc tế.

Những quyết định, những sự kiện, những dấu mốc quan trọng trên đây cho thấy sự phát triển, trưởng thành của Nhà xuất bản. Từ một cơ quan chỉ có một số cán bộ vừa làm công tác biên tập, vừa tổ chức in, phát hành, cơ sở vật chất nghèo nàn, lạc hậu, mỗi năm chỉ xuất bản được vài chục đầu sách, đến nay nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật đã trở thành một nhà xuất bản lớn với 300 cán bộ, công nhân viên, trong đó có gần 60 tiến sĩ, thạc sĩ, chuyên viên cao cấp, được tổ chức thành 20 đơn vị cấp vụ, trong đó có 8 ban biên tập; cơ sở vật chất khang trang, hiện đại, mỗi năm xuất bản gần 1.000 đầu sách. Sáu mươi năm xây dựng và

phát triển, nhà xuất bản đã đạt được những thành tích hết sức quan trọng, trở thành con chim đầu đàn, là nhà xuất bản hàng đầu trong hệ thống các nhà xuất bản cả nước, có nhiều đóng góp to lớn trong sự nghiệp xuất bản, đóng góp tích cực vào công tác tư tưởng - văn hóa của Đảng, vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc qua các thời kỳ cách mạng. Thành tích đó được thể hiện trên các mặt hoạt động, công tác, thể hiện trong quá trình thực hiện nhiệm vụ chính trị, chuyên môn, trong tổ chức xây dựng bộ máy, ở tinh thần và bản lĩnh nghề nghiệp.

Những thành tựu, kết quả đó thể hiện rõ nét nhất và trước hết là công tác biên tập, xuất bản - nhiệm vụ chính trị, trọng tâm của Nhà xuất bản; trong đó trước hết phải kể đến việc biên tập, xuất bản các tác phẩm kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tác phẩm của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Với công tác này, Nhà xuất bản đã góp phần to lớn trong việc phổ biến, truyền bá, giới thiệu, làm cho thế giới quan Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh giữ vị trí chủ đạo trong đời sống tinh thần xã hội.

Ngay từ những năm đầu thành lập, Nhà xuất bản đã tiến hành dịch, tổ chức biên tập, xuất bản các tác phẩm của các nhà kinh điển, xuất bản sách giới thiệu thuyết minh, bảo vệ các quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Công tác xuất bản các tác phẩm kinh điển những năm về sau càng được tiến hành một cách có hệ thống và quy mô hơn. Đến nay, với việc ra mắt bộ *Các Mác và Ph. Ăng-ghe-n tuyển tập*, *Các Mác và Ph. Ăng-ghe-n toàn tập*, bộ *V.I. Lê-nin toàn tập* cùng nhiều tác phẩm quan trọng khác và nhiều sách nghiên cứu, giới thiệu tư tưởng của các nhà kinh điển là những cố gắng lớn của Nhà xuất bản trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, góp phần quan trọng trong việc truyền bá chủ nghĩa Mác - Lê-nin trong Đảng và trong nhân dân ta.

Biên tập, xuất bản các tác phẩm của Chủ tịch Hồ Chí Minh và sách nghiên cứu tư tưởng của Người là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của Nhà xuất bản. Nhà xuất bản đã xuất bản phần lớn di sản tư tưởng của Người và hàng trăm cuốn sách giới thiệu thân thế, sự nghiệp, tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Các tác phẩm này đã giúp cho độc giả thấy rõ sự sáng tạo của Bác Hồ và Đảng ta trong việc vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào điều kiện, hoàn cảnh cụ thể của cách mạng nước ta.

Trong 60 năm qua, Nhà xuất bản luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ xuất bản các văn kiện, các sách giới thiệu, tuyên truyền, phổ biến, học tập các văn kiện của Đảng, của Nhà nước, nhất là văn kiện của các Đại hội Đảng, Hội nghị Trung ương, các văn bản pháp luật, các chủ trương, chính sách của Nhà nước.

Là cơ quan chính trị, lý luận của Đảng, trong những năm tháng khó khăn gian khổ của hai cuộc kháng chiến, Nhà xuất bản luôn cố gắng cao nhất để xuất bản kịp thời, chính xác các văn kiện của Đảng, Nhà nước. Để đáp ứng yêu cầu tuyên truyền, nghiên cứu, giảng dạy và tổng kết của Đảng, của Nhà nước, bộ sách *Văn kiện Đảng Toàn tập*, sách hệ thống văn bản pháp luật đã được xuất bản. Cùng với các sách văn kiện, Nhà xuất bản đã biên tập, xuất bản hàng trăm đầu sách giới thiệu đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, góp phần thiết thực trong việc đưa đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước đi vào cuộc sống, đến với đông đảo các tầng lớp nhân dân.

Nhà xuất bản luôn bám sát nhiệm vụ chính trị trong các thời kỳ cách mạng, các sự kiện lịch sử quan trọng của dân tộc, của Đảng, và của quốc tế, kịp thời có những đầu sách phục vụ hai cuộc kháng chiến vĩ đại của dân tộc ta, sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc và xây dựng đất nước trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã

hội; sách có nội dung tổng kết lịch sử, tổng kết các cuộc chiến tranh, phục vụ các ngày lễ, các sự kiện lịch sử và sách tổng kết của các ngành, các lĩnh vực, các địa phương.

Đặc biệt, trong những năm đổi mới, Nhà xuất bản đã cho ra mắt hàng nghìn cuốn sách phân tích cơ sở lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, về quá trình đổi mới tư duy của Đảng ta trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội, an ninh - quốc phòng, đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế...

Trong quá trình biên tập, xuất bản chúng tôi luôn coi trọng việc giới thiệu, xuất bản sách của các đồng chí Tổng Bí thư của Đảng, các đồng chí lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước, các nhà hoạt động chính trị - xã hội, các nhà khoa học trong nước nhằm đóng góp vào việc thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Tổng kết hoạt động 60 năm qua của Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật cho thấy:

Một là, Nhà xuất bản luôn luôn bám sát, phục vụ kịp thời và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chính trị được giao. Các xuất bản phẩm của Nhà xuất bản bảo đảm đúng định hướng tư tưởng, chính trị của Đảng, xứng đáng là cơ quan chính trị, lý luận, là cơ quan xuất bản của Đảng và Nhà nước.

Hai là, Nhà xuất bản đã kết hợp tốt, hài hòa giữa nhiệm vụ phục vụ chính trị và nhiệm vụ sản xuất kinh doanh; kiên quyết không chạy theo xu hướng thương mại hóa; xuất bản có định hướng, có chọn lọc.

Ba là, các hoạt động của Nhà xuất bản luôn chấp hành tốt các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; các chủ trương, quy định của ngành.

Bốn là, cán bộ, công nhân viên của Nhà xuất bản luôn thể hiện tinh thần, ý thức, bản

lĩnh, trình độ nghề nghiệp, tinh thần đoàn kết, xây dựng vượt qua khó khăn, hoàn thành nhiệm vụ.

Với những thành tựu, những truyền thống tốt đẹp đã đạt được, Nhà xuất bản thật sự xứng đáng với sự tin cậy của Đảng và Nhà nước. Với những thành tựu đó, Nhà xuất bản đã được tặng thưởng Huân chương Lao động, Huân chương Hồ Chí Minh và nhiều tặng thưởng của Chính phủ, của ngành xuất bản - in - phát hành. Thành tựu đó có được là nhờ sự định hướng chỉ đạo sát sao của các đồng chí lãnh đạo cấp trên, các cơ quan trung ương, các ngành, các cấp và sự cố gắng, nỗ lực của tập thể cán bộ lãnh đạo, cán bộ nhân viên qua nhiều thế hệ.

Về nội dung đổi mới công tác lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động của Nhà xuất bản trong những năm đổi mới: *Một là*, xác định đúng nhiệm vụ chính trị, xác định công tác biên tập, xuất bản là nhiệm vụ trọng tâm số một. *Hai là*, xây dựng các chương trình công tác lớn, trong đó đặc biệt coi trọng chương trình công tác xây dựng kế hoạch đề tài, kế hoạch biên tập, xuất bản; chương trình tổ chức sản xuất kinh doanh; chương trình kiện toàn tổ chức bộ máy, quy hoạch và đào tạo cán bộ.

Với định hướng đó, công tác xây dựng kế hoạch đề tài của Nhà xuất bản luôn bám sát những định hướng của Đảng trong hoạt động lý luận, tư tưởng - văn hóa; tập trung sức chỉ đạo làm tốt các bộ sách lớn, trọng tâm, nhất là sách nghiên cứu và truyền bá chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh; sách tuyên truyền, phổ biến đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước; sách do Trung ương giao, sách kỷ niệm các ngày lễ lớn trong năm, sách phục vụ Đại hội Đảng, sách tổng kết những vấn đề lý luận và thực tiễn.

Trong công tác xây dựng kế hoạch đề tài, Nhà xuất bản đã có bước chuyển trong việc tìm hiểu, nắm bắt nhu cầu của thị trường; gắn

kế hoạch đề tài với công tác in ấn, tuyên truyền, phát hành, phấn đấu các sản phẩm sách đạt cả hai mục tiêu nhiệm vụ chính trị và hiệu quả kinh tế. Những năm gần đây, các loại sách của Nhà xuất bản phong phú hơn về nội dung, đẹp hơn về hình thức; phương thức làm sách năng động, sáng tạo, đa dạng hơn. Các hoạt động phục vụ cho công tác giới thiệu, tuyên truyền, phát hành, tham gia triển lãm, hội chợ được tổ chức nhiều hơn, có chiều sâu hơn.

Để tạo ra cơ chế cho guồng máy vận hành thông suốt, có hiệu quả, cùng với việc chăm lo xây dựng bộ máy, công tác xây dựng hệ thống quy chế làm việc được lãnh đạo đặc biệt quan tâm. Đó là xác lập cơ chế phối hợp công tác giữa lãnh đạo cơ quan với Đảng ủy, các tổ chức đoàn thể, mối quan hệ công tác giữa các ban biên tập, các vụ chức năng, các trung tâm, các chi nhánh và các bộ phận trong Nhà xuất bản. Đặc biệt chú trọng xây dựng các quy chế về công tác biên tập, quy chế về các phương thức làm sách, quy chế sản xuất kinh doanh, phát hành, quy chế định mức, quy chế khen thưởng... Cùng với việc xây dựng hệ thống các quy chế, Nhà xuất bản luôn quan tâm đến việc cải tiến lề lối, quy chế làm việc, mở rộng các hình thức liên doanh, liên kết, đáp ứng yêu cầu mới trong điều kiện kinh tế thị trường.

Một trong những nội dung công việc được lãnh đạo Nhà xuất bản hết sức quan tâm là công tác chăm lo, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, nâng cao trình độ chính trị, chuyên môn, ngoại ngữ, tin học; quan tâm đến công tác cải thiện đời sống; xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật theo hướng hiện đại.

Những kinh nghiệm, bài học rút ra qua 60 năm xây dựng và phát triển:

Một là, luôn luôn quán triệt sâu sắc đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nhạy bén với thời cuộc. Thực tiễn cho thấy, Nhà xuất bản phải nắm vững và vận dụng sáng tạo các quan điểm,

đường lối của Đảng và chính sách của Nhà nước, tranh thủ sự lãnh đạo của Đảng, đặc biệt là sự chỉ đạo của Ban Bí thư trên các định hướng lớn, trung thành với đường lối và bám sát thực tiễn.

Hai là, tăng cường công tác tổ chức bộ máy và cán bộ, đổi mới cơ chế quản lý, không ngừng nâng cao trình độ về mọi mặt của cán bộ, trước hết là đội ngũ cán bộ biên tập.

Thực tế qua các thời kỳ, nhất là trong điều kiện kinh tế thị trường, toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế cho thấy, đây là vấn đề có ý nghĩa quan trọng đối với sự tồn tại, phát triển của Nhà xuất bản.

Ba là, luôn luôn giữ vững khối đoàn kết gắn bó giữa các đơn vị, các thành viên trong cơ quan.

Bài học này có ý nghĩa hết sức quan trọng, là sợi chỉ đỏ xuyên suốt toàn bộ quá trình xây dựng và trưởng thành của Nhà xuất bản. Đoàn kết là tiền đề, là cơ sở để ổn định và phát triển. Nhờ sự đoàn kết nhất trí, Nhà xuất bản đã vượt qua được nhiều khó khăn, không ngừng phát triển, phấn đấu vươn lên đạt được những kết quả như ngày nay. Song, đoàn kết phải có đấu tranh để bảo đảm sự thống nhất.

Bốn là, thường xuyên quan tâm, từng bước cải thiện và nâng cao đời sống cán bộ, công nhân viên.

Nhà xuất bản đã có những hình thức động viên, khuyến khích kịp thời cả về vật chất và tinh thần, chăm lo cải thiện đời sống, điều kiện làm việc, tạo ra cơ chế, chính sách khuyến khích sự năng động, sáng tạo của cán bộ, nhân viên.

Để tiếp tục hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, cán bộ, nhân viên Nhà xuất bản cần quán triệt sâu sắc hơn nữa chủ trương, đường lối của Đảng, đặc biệt là các chỉ thị, nghị quyết của Đảng về công tác chính trị, tư tưởng - văn hóa,

(Xem tiếp trang 50)

HẢI PHÒNG ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA

NGUYỄN VĂN THUẬN *

TRONG thời kỳ đổi mới, nhất là từ khi thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa, thành phố Hải Phòng đã thu được nhiều thành tựu to lớn. Ngày 05-8-2003, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 32-NQ/TW Về xây dựng và phát triển thành phố Hải Phòng trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Đây là Nghị quyết có ý nghĩa rất quan trọng, ghi nhận sự phấn đấu của Đảng bộ, quân và dân thành phố; đồng thời chỉ ra phương hướng, nhiệm vụ thời gian tới là: "Xây dựng và phát triển thành phố Hải Phòng với tốc độ nhanh, bền vững, vì Hải Phòng, vì vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc và cả nước"; "phấn đấu Hải Phòng là một trong những địa phương đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và cơ bản trở thành thành phố công nghiệp văn minh, hiện đại trước năm 2020".

Ngay sau khi Nghị quyết của Bộ Chính trị được ban hành, Thành ủy đã có Chỉ thị số 21-CT/TU ngày 11-10-2003 để quán triệt và tổ chức thực hiện. Thành ủy, các cấp ủy đã tổ chức hội nghị cán bộ phổ biến kế hoạch, hướng dẫn thực hiện Chỉ thị và xây dựng chương trình hành động đồng bộ các nội dung của Nghị quyết; đồng thời đã chỉ đạo biên soạn, phát hành tài liệu, tổ chức tuyên truyền rộng rãi nhằm nhanh chóng đưa Nghị quyết vào cuộc sống. Cùng với thực hiện Nghị quyết Đại hội XII của Đảng bộ thành phố, và qua 2 năm

thực hiện Nghị quyết số 32, nhiệm vụ "phát triển kinh tế nhanh và bền vững, đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển các ngành công nghiệp lợi thế; nâng cao chất lượng, hiệu quả kinh tế trong sản xuất nông nghiệp, đa dạng hóa phát triển các loại hình dịch vụ" đã được thành phố thực hiện đạt kết quả khả quan.

Hai năm qua, kinh tế Hải Phòng tăng trưởng khá nhanh, năm sau cao hơn năm trước, hiệu quả được nâng lên (GDP năm 2003 đạt 10,71%, 2004 đạt 11,39% và năm 2005 ước tăng 12,15%, bình quân từ năm 2001 - 2003 tăng 10,55%, bình quân các năm 2004 - 2005 tăng 11,85%). Cơ cấu chuyển dịch nhanh, theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát huy lợi thế của thành phố, tỷ trọng GDP của nhóm ngành công nghiệp - xây dựng từ 35,8%, nhóm ngành dịch vụ từ 49% năm 2003 lên tương ứng là 36,87% và 49,72% 6 tháng đầu năm 2005. GDP bình quân đầu người giai đoạn 2001 - 2003 tăng 9,45%/năm, giai đoạn 2004 - 2005 tăng 12,78%/năm, đạt 1.065 USD vào năm 2005.

Công nghiệp của thành phố tiếp tục phát triển rất khá. Giá trị sản xuất công nghiệp năm 2003 tăng 17,6%, năm 2004 tăng 17,3% và năm 2005 ước tăng 17,5%. Một số ngành công

* Bí thư Thành ủy Hải Phòng

ngành nặng, có tiềm năng, lợi thế phát triển nhanh. Tiêu biểu là ngành đóng tàu, giá trị sản xuất tăng bình quân 56,7%/năm, tỷ trọng của ngành trong sản xuất công nghiệp tăng từ 6,7% (năm 2002) lên 8,1% (năm 2003) và 11% (năm 2004), tỷ lệ nội địa hóa đạt 25% - 30%; đến nay đã đóng được tàu có trọng tải 53.000 tấn xuất khẩu. Nhiều ngành công nghiệp chủ lực khác như: hóa chất, cán thép, sản xuất vật liệu xây dựng, hàng tiêu dùng (may mặc, giày dép) đều tăng trưởng khá. Nhiều dự án công nghiệp quy mô lớn đang được triển khai xây dựng như nhà máy nhiệt điện 600 MW (giai đoạn 2 nâng lên 1200 MW), sản xuất phân bón DAP, các nhà máy luyện phôi thép, các dự án mở rộng ngành đóng tàu... góp phần quan trọng tạo cơ sở vững chắc cho sự tiếp tục tăng trưởng cao của công nghiệp thành phố những năm sắp tới. Đảng bộ và nhân dân Hải Phòng luôn coi công nghiệp là thế mạnh lớn và là một trong những động lực chính để đưa thành phố phát triển bởi công nghiệp là nhiệm vụ chiến lược có ý nghĩa quyết định của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Do đó, Thành ủy luôn có những giải pháp lãnh đạo, chỉ đạo năng động, sáng tạo để thúc đẩy công nghiệp thành phố giữ được đà tăng trưởng cao và vị trí đầu tàu trong phát triển kinh tế - xã hội.

Do diện tích và dân số ở nông thôn Hải Phòng chiếm tỷ trọng lớn, nên vấn đề phát triển nông nghiệp và nông thôn rất quan trọng. Thực hiện Nghị quyết TW 5, khóa IX, Thành ủy đã ban hành Nghị quyết 11 *Về đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn Hải Phòng đến năm 2010*. Đáng mừng là từ đó đã có chuyển biến mạnh trong kinh tế nông nghiệp, nông thôn, theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, từng bước nâng cao chất lượng, hiệu quả. Nông nghiệp năm 2003 tăng 5,2%, năm 2004 tăng 5,5% và năm 2005 ước tăng 5,65%. Giá trị sản xuất năm 2004 tăng 6,3% và năm 2005 ước tăng

6,58%. Kết cấu hạ tầng nông thôn thay đổi đáng kể, các chương trình điện, giao thông nông thôn, kiên cố hóa kênh mương, nước sạch, thông tin liên lạc... được quan tâm thực hiện. Đến nay, gần 100% số xã với trên 99,8% hộ nông dân được dùng điện lưới quốc gia (chỉ còn 1 xã ở đảo Cát Bà), 100% tuyến đường huyện đạt tiêu chuẩn cấp 5 đường đồng bằng, 90% đường liên xã được trải nhựa hoặc bê-tông, 94% đường liên thôn bằng bê-tông, 63% số dân nông thôn được dùng nước hợp vệ sinh, điện thoại đạt 5,28 máy/100 dân (toàn thành phố đạt 17 máy/100 dân), 100% số xã có nhà văn hóa và điểm bưu điện văn hóa, tốc độ đô thị hóa tại các vùng ven đô khá nhanh. Do đó, bộ mặt nông thôn Hải Phòng ngày một thay đổi, đời sống vật chất, tinh thần của nông dân ngày một tăng lên. Rõ ràng, công nghiệp hóa và hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn Hải Phòng đang được thực hiện tốt.

Lĩnh vực dịch vụ của thành phố đã có bước phát triển khá nhanh và đa dạng, nhất là những ngành có nhiều lợi thế. Dịch vụ năm 2003 tăng 10,7%, năm 2004 tăng 11,5%, năm 2005 ước tăng 12,24%, bình quân giai đoạn 2001 - 2003 tăng 9,15%, giai đoạn 2004 - 2005 tăng 11,8%; tốc độ tăng trưởng của dịch vụ đã cao hơn tốc độ tăng trưởng chung của kinh tế thành phố. Vận tải, kho bãi được đẩy mạnh đầu tư và hiện đại hóa, phát triển nhanh, đa dạng, trở thành ngành dịch vụ chủ yếu trên địa bàn. Dịch vụ cảng duy trì tốc độ khá cao, tổng lượng hàng thông qua các cảng trên địa bàn năm 2003 đạt 11,85 triệu tấn, năm 2004 đạt 13,7 triệu tấn và đến năm 2005 ước đạt trên 14 triệu tấn. Du lịch phát triển khá nhanh; tổng lượt khách tăng bình quân 18,5%/năm, ước đạt 2,4 triệu lượt người năm 2005. Tổng mức bán lẻ hàng hóa liên tục tăng, đạt khoảng 17%/năm. Bưu chính - viễn thông tiếp tục phát triển. Một số hoạt động dịch vụ như giáo dục - đào tạo, y tế, thể dục - thể thao, các hoạt động công ích... bước đầu được xã hội hóa, đang trên

đà mở rộng. Các dịch vụ mới như kinh doanh bất động sản, dịch vụ tư vấn, bảo hiểm, cho thuê tài chính, chứng khoán... đang dần phát triển. Đây là điều rất đáng chú ý vì dịch vụ là một khu vực có quy mô lớn nhất của kinh tế thành phố với rất nhiều tiềm năng và lợi thế, cần phát triển mạnh để tạo ra cơ cấu kinh tế phù hợp với yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Sự phát triển tăng tốc của khu vực dịch vụ chúng ta đường lối lãnh đạo kinh tế của Đảng bộ thành phố hoàn toàn đúng đắn.

Mặt khác, huy động vốn đầu tư, nhất là nguồn ngoài ngân sách nhà nước tăng mạnh, năm 2003 tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội đạt 8.850 tỉ đồng, năm 2004 đạt 11.263,7 tỉ đồng và năm 2005 ước đạt 12.000 tỉ đồng. Tỷ lệ vốn ngân sách nhà nước trong tổng vốn đầu tư của doanh nghiệp ngoài quốc doanh và đầu tư trực tiếp nước ngoài tăng khá, năm 2002 chiếm 32,15% và 9,12%, đến năm 2004 tăng lên tương ứng là 41,08% và 14,07% tổng vốn đầu tư toàn xã hội. Thu ngân sách trên địa bàn đạt khá, năm 2003 đạt 6.616,4 tỉ đồng, năm 2004 đạt 7.952,8 tỉ đồng, năm 2005 ước đạt 8.640 tỉ đồng. Thu nội địa tăng nhanh, năm 2003 đạt 1.752,5 tỉ đồng, năm 2004 đạt 2.347 tỉ đồng, năm 2005 ước đạt trên 2.500 tỉ đồng.

Thành phố Hải Phòng là địa phương có cơ cấu kinh tế mở, hướng ngoại, kinh tế đối ngoại và hội nhập kinh tế quốc tế đã đạt được những bước tiến quan trọng. Xuất khẩu phát triển khá và toàn diện cả về quy mô, tốc độ, sản phẩm, thị trường. Kim ngạch xuất khẩu năm 2003 đạt 591 triệu USD, năm 2004, đạt 700 triệu USD, tăng 18,4%, năm 2005 dự kiến đạt 820 triệu USD tăng 17,1%. Thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trong 3 năm (2003 - 2005) có bước tăng vượt bậc, năm 2004 đạt 300 triệu USD trong khi các năm 2001 - 2003 chỉ đạt trên 100 triệu USD. Nhận rõ vị trí địa lý quan trọng của mình là cảng lớn, cửa chính ra biển của phía Bắc nên thành phố đã quan tâm chỉ đạo rất sát sao ngành kinh tế này làm sao nó vừa lợi

cho Hải Phòng vừa hỗ trợ cả vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc cùng phát triển.

Hải Phòng chú trọng thực hiện công tác quy hoạch, tiếp tục đẩy mạnh phát triển, đô thị loại I - đô thị trung tâm cấp quốc gia. Vì vậy, công tác quy hoạch được quan tâm, ưu tiên nâng mức đầu tư để triển khai tương đối đồng bộ cả quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch xây dựng không gian. Đến nay, đề án rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố đến năm 2020 theo Nghị quyết số 32 đang hoàn chỉnh, trình phê duyệt. Công tác quản lý quy hoạch và quản lý trật tự xây dựng đô thị được quan tâm. Nhiều chương trình, dự án lớn được tập trung đầu tư đưa vào sử dụng: các công trình chỉnh trang đô thị, nâng cấp đô thị, cấp - thoát nước, công viên cây xanh, điện chiếu sáng đô thị, vệ sinh môi trường... đã góp phần làm cho diện mạo đô thị Hải Phòng có nhiều thay đổi, tiến bộ, ngày một to đẹp, đàng hoàng và hiện đại.

Cùng với tăng trưởng kinh tế, nhiệm vụ nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, gắn phát triển kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội... được chú ý giải quyết và có nhiều tiến bộ. Giáo dục - đào tạo phát triển khá toàn diện. Thành phố đã hoàn thành phổ cập tiểu học và trung học cơ sở, đang tích cực triển khai thực hiện phổ cập trung học phổ thông và dạy nghề. Chương trình giảng dạy được đổi mới, chất lượng bước đầu được cải thiện. Cơ sở vật chất, thiết bị trường học được tăng cường. Quy mô đào tạo đại học, cao đẳng, trung học dạy nghề tiếp tục được mở rộng; bình quân hằng năm có trên 1,75 vạn lao động được đào tạo, đưa tổng số lao động qua đào tạo đến năm 2005 là 39%. Đã hoàn chỉnh chiến lược phát triển khoa học - công nghệ đến năm 2010, tầm nhìn 2020. Công tác y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân được cải thiện.

Việc thực hiện các chính sách xã hội, giải quyết những vấn đề xã hội bức xúc được đẩy

mạnh. Hằng năm giải quyết việc làm cho 3,76 vạn lao động/năm, tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị giảm dần còn 5,5% vào năm 2005. Năm 2005, tỷ lệ sử dụng thời gian lao động ở nông thôn đạt 78,68%, tỷ trọng lao động trong nông nghiệp giảm xuống còn 43,5%, tỷ trọng lao động trong công nghiệp - xây dựng tăng lên 26,6%, tỷ lệ hộ nghèo giảm mạnh ước còn 3,0% (theo chuẩn cũ), vượt xa so với kế hoạch đề ra. Hải Phòng đã cơ bản xóa xong nhà tranh, vách đất (hơn 6.500 ngôi nhà), thực hiện tốt các chính sách xã hội, nhất là đối với những người có công với nước. Có thể khẳng định: xóa nhà tranh, vách đất nói riêng và xóa đói, giảm nghèo nói chung là một trong những thành tích xuất sắc của thành phố Hải Phòng trong quá trình thực hiện công cuộc đổi mới cũng như từ khi thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đến nay.

Hải Phòng luôn gắn phát triển kinh tế - xã hội và củng cố quốc phòng - an ninh, xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc, giữ vững chủ quyền quốc gia, giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội. Ban Thường vụ Thành ủy đã thông qua đề án xây dựng an ninh - quốc phòng kết hợp phát triển kinh tế, để Hải Phòng trở thành pháo đài bất khả xâm phạm theo tinh thần Nghị quyết số 32-NQ/TW của Bộ Chính trị; đồng thời chủ động đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu hoạt động phá hoại của các thế lực thù địch. Thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân, xây dựng khu vực phòng thủ, nhất là những khu vực then chốt được củng cố vững chắc. Công tác phòng chống tội phạm, nhất là tội phạm có tổ chức, tội phạm nguy hiểm, tội phạm ma túy đạt nhiều kết quả tốt. An ninh kinh tế, an ninh văn hóa - tư tưởng được củng cố. Trật tự công cộng, an toàn giao thông được quan tâm giải quyết, có chuyển biến tích cực. Bên cạnh đó Hải Phòng luôn đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, xây dựng chính quyền các cấp trong sạch, vững mạnh,

triển khai đồng bộ chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước.

Có thể nói, qua 2 năm thực hiện Nghị quyết 32 của Bộ Chính trị, tốc độ tăng trưởng kinh tế thành phố khá cao, hiệu quả nền kinh tế được nâng lên rõ rệt, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực; đầu tư kết cấu hạ tầng phát triển tương đối nhanh, đặc biệt là từ nguồn vốn địa phương và các thành phần kinh tế; giải quyết các vấn đề xã hội như y tế, giáo dục, xóa đói, giảm nghèo đạt kết quả tích cực; đào tạo nguồn nhân lực được chú trọng; huy động các nguồn lực đầu tư phát triển tăng khá nhanh; xây dựng và củng cố hệ thống chính trị cơ sở được tập trung chỉ đạo và đạt được những kết quả bước đầu quan trọng.

Mặc dù có nhiều cố gắng nỗ lực để khắc phục, giảm bớt các hạn chế, yếu kém, nhưng kết quả phát triển của Hải Phòng vẫn chưa tương xứng với tiềm năng, vị trí, vai trò của thành phố; hiệu quả, chất lượng tăng trưởng chưa thực sự bền vững; chuyển dịch cơ cấu kinh tế chưa thật mạnh; môi trường đầu tư chưa thực sự hấp dẫn và còn nhiều rào cản; xúc tiến đầu tư, thương mại chưa đạt hiệu quả cao; huy động các nguồn lực đầu tư phát triển còn rất khó khăn ở nhiều lĩnh vực, nguồn vốn thu hút chưa được lớn... Từ những thành tích đã đạt được cũng như hạn chế, thiếu sót trong những năm qua, nhất là sau 2 năm thực hiện Nghị quyết số 32 của Bộ Chính trị, Thành ủy, Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng đã rút ra được một số bài học kinh nghiệm:

Một là, củng cố và nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng ở mọi cấp là vấn đề phải được thường xuyên quan tâm và đổi mới. Đặc biệt vai trò gương mẫu của từng cán bộ, đảng viên trong việc học tập, truyền truyền, giáo dục nghị quyết của Đảng và có ý thức trách nhiệm cao trong thực hiện đúng đắn nghị quyết của Đảng.

Hai là, đổi mới phương pháp học tập triển khai nghị quyết của Đảng là một trong những

yếu tố rất quan trọng. Các nghị quyết của Đảng cần được triển khai thành các kế hoạch và chương trình hành động đồng bộ, cụ thể, phân công trách nhiệm đến từng ngành, từng cấp và cá nhân người đứng đầu. Có như vậy các nghị quyết mới được phát huy và đi vào cuộc sống nhanh nhất, đạt hiệu quả cao.

Ba là, tăng cường sự phối hợp, điều hành giữa các ngành có liên quan và luôn cải tiến cách làm, cách phối hợp giữa các ban, ngành địa phương và các bộ, ngành có liên quan tạo sự thống nhất, thông thoáng trong thực hiện nghị quyết của Đảng. Trong quá trình thực hiện phải thường xuyên theo dõi sát sao, nhanh chóng rà soát, sửa đổi, bổ sung cơ chế chính sách và mạnh dạn có kiến nghị với cấp trên để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với thực tiễn. Muốn vậy, phải thường xuyên kiểm tra, sơ kết tổng kết để có sự bổ sung, đề xuất kịp thời.

Bốn là, phát huy cao độ nội lực địa phương thông qua xây dựng và vận hành các cơ chế chính sách phù hợp để tạo môi trường thuận lợi cho sự phát triển kinh tế - xã hội, đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước cũng như chăm lo đời sống người lao động để đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân càng được nâng cao, công bằng xã hội được bảo đảm trong quá trình thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đây là một trong những động lực hết sức quan trọng để thực hiện thành công các mục tiêu mà nghị quyết đề ra.

Với đường lối đúng đắn của Đảng và Nhà nước, được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương; sự ủng hộ, giúp đỡ hiệu quả của các ban, bộ, ngành ở Trung ương; sự hợp tác, hỗ trợ của các địa phương và quyết tâm cao của Đảng bộ, chính quyền, quân và dân thành phố, nhất định Hải Phòng sẽ thực hiện được mục tiêu "Hải Phòng cơ bản trở thành thành phố công nghiệp văn minh, hiện đại trước năm 2020", là một trong những địa phương đi đầu trong cả nước trong quá trình tiến hành sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa. □

NHÀ XUẤT BẢN...

(Tiếp theo trang 45)

công tác xuất bản. Công tác xây dựng kế hoạch đề tài phải gắn bó chặt chẽ hơn nữa với yêu cầu, nhiệm vụ của Đảng, Nhà nước, của các cấp, các ngành; với nhu cầu của thị trường; kế hoạch xây dựng bảo đảm yêu cầu thiết thực, hiệu quả; kết hợp tốt giữa yêu cầu phục vụ nhiệm vụ chính trị và hiệu quả sản xuất kinh doanh. Tiếp tục đổi mới, nâng cao năng lực, phương thức lãnh đạo và quản lý; có kế hoạch, biện pháp từng bước chuyển đổi cơ chế quản lý, hạch toán kinh tế.

Định hướng, nhiệm vụ của Nhà xuất bản trong những năm tới là nhận thức sâu sắc hơn nữa vai trò, vị trí, tầm quan trọng của công tác xuất bản, xây dựng chiến lược phát triển của ngành xuất bản, có kế hoạch để ngành xuất bản trở thành một ngành kinh tế - công nghệ, xây dựng một nền xuất bản Việt Nam phát triển, góp phần xây dựng và phát triển văn hóa đọc ở nước ta.

Từ thực tiễn công tác xuất bản, đặc biệt là công tác xuất bản sách lý luận, chính trị, theo chúng tôi, cần tăng cường hơn nữa sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước về công tác xuất bản, phát hành sách lý luận, chính trị. Nhà nước cần tiếp tục cải tiến các cơ chế, chính sách đối với loại sách này để tạo hành lang pháp lý đưa hoạt động này vào nền nếp; cần quy định định mức kinh phí mua sách lý luận, chính trị của hệ thống thư viện, tủ sách, định mức tài trợ đối với một số vùng và đối tượng...

Trong tình hình hiện nay, cần thiết phải xây dựng và hoàn thiện quy hoạch tổ chức các nhà xuất bản sách lý luận, chính trị. Xây dựng quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ làm công tác xuất bản, phát hành sách lý luận, chính trị. □

LONG AN VỚI NHIỆM VỤ CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN

LÊ THÀNH LONG *

LONG An là tỉnh thuộc vùng đồng bằng sông Cửu Long, cửa ngõ từ thành phố Hồ Chí Minh đi các tỉnh miền Tây, đồng thời là tỉnh nằm trong vùng trọng điểm kinh tế phía Nam. Với truyền thống "trung dũng, kiên cường" của hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, bước vào thời kỳ đổi mới, Đảng bộ và nhân dân Long An tiếp tục phát huy tinh thần tự lực, tự cường, vượt mọi khó khăn, thử thách, và đã thu được nhiều thành tựu quan trọng trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

Bước chuyển về nhận thức và hành động đã tạo ra những đổi thay căn bản. Tổng sản phẩm (GDP) 5 năm (2001 - 2005) tăng trưởng ước đạt bình quân 9,3%/năm, cao hơn 1,6% so với thời kỳ 1996 - 2000. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng dần tỷ trọng công nghiệp, giảm dần nông - lâm - thủy sản. Thu nhập bình quân đầu người năm 2005 khoảng 7,88 triệu đồng, tăng gần 3,4 triệu đồng so với năm 2000.

Sản xuất công nghiệp, xây dựng tăng trưởng nhanh, ngày càng khẳng định vai trò động lực quan trọng góp phần chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp và đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh. Tốc độ tăng trưởng bình quân 5 năm của ngành công nghiệp - xây

dựng đạt 16,7%/năm. Các ngành công nghiệp chính như xay xát, chế biến hạt điều, mía đường, chế biến thức ăn gia súc, nước khoáng... phát triển ổn định. Công tác xây dựng cơ bản được chú trọng đầu tư thêm về nguồn nhân lực, vốn và đổi mới cơ chế chính sách, đã tạo bước đột phá quan trọng. Kết cấu hạ tầng ngày càng được hoàn thiện, đầu tư có trọng tâm và bám sát 4 chương trình có tầm chiến lược của tỉnh. Vùng kinh tế trọng điểm đã hình thành và phát huy tốt. Có 26 khu, cụm công nghiệp được quy hoạch với tổng diện tích hơn 8.700 ha, trong đó có 3 khu công nghiệp đã đi vào hoạt động.

Lĩnh vực thương mại có bước tăng trưởng khá, tổng mức lưu chuyển hàng hóa tăng 11,3%/năm. Hệ thống chợ nông thôn được quy hoạch và xây dựng. Cửa khẩu quốc tế Bình Hiệp được hình thành, tạo điều kiện thuận lợi trong trao đổi hàng hóa với Cam-pu-chia và các nước trong khu vực. Các loại hình dịch vụ ngày càng đa dạng, phong phú. Hoạt động xuất nhập khẩu tiếp tục chuyển biến theo hướng tích cực. Tổng kim ngạch xuất khẩu 5 năm đạt 1.257 triệu USD, tăng bình quân 16,2%/năm; nhập khẩu tăng bình quân 15,5%/năm.

* Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Long An

Nguồn vốn đầu tư xã hội được huy động ngày càng tăng cao. Năm năm qua đạt 16.500 tỉ đồng, chiếm 38,5% GDP. Công tác quy hoạch được sắp xếp, chấn chỉnh, tạo điều kiện thuận lợi cho định hướng đầu tư phát triển; kinh tế ngành gắn với kinh tế vùng theo quy hoạch đã phát huy được tiềm năng, lợi thế của từng vùng. *Các thành phần kinh tế với nhiều loại hình sở hữu và hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh đan xen, đa dạng đã phát huy tác dụng tích cực.* Sắp xếp, đổi mới 26 doanh nghiệp nhà nước, củng cố và phát triển loại hình kinh tế hợp tác; cấp phép và tạo điều kiện hoạt động cho 1.800 doanh nghiệp tư nhân với vốn đăng ký hơn 3.120 tỉ đồng. Thu hút đầu tư trực tiếp từ các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đạt hơn 550 triệu USD, giải quyết việc làm hằng năm cho hơn 30.000 lao động ở địa phương, đóng góp đáng kể cho nguồn thu ngân sách.

Sản xuất nông - lâm - thủy sản phát triển theo chiều sâu, cơ cấu cây trồng, vật nuôi có sự chuyển dịch rõ rệt; các tiềm năng được khai thác hiệu quả hơn; bộ mặt nông thôn tiếp tục đổi mới.

Qua 5 năm, Long An đã khai hoang 9.000 ha đất và chuyển 3.251 ha lúa năng suất thấp, kém hiệu quả sang nuôi trồng thủy sản và các loại cây, con khác hiệu quả hơn. Hệ thống thủy lợi đầu mối, hệ thống kênh mương, đê bao vùng nguyên liệu mía, đê bao ngăn mặn, giữ ngọt tiếp tục được đầu tư hoàn chỉnh. Cơ khí hóa, điện khí hóa nông nghiệp, công tác giống, ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ và kỹ thuật mới vào sản xuất có nhiều tiến bộ. Một số mô hình sản xuất đạt hiệu quả kinh tế cao, được nhân rộng. Chẳng hạn như mô hình nuôi tôm sú, bò sữa... Sản lượng lương thực đạt trên 1,76 triệu tấn/năm. Diện tích rừng tập trung tăng hơn 29 ngàn héc-ta. Chăn nuôi gia súc, gia cầm đều tăng (đàn heo tăng 123 ngàn con, bò sữa tăng 5,5 lần). Trên địa bàn tỉnh đã hình thành được các vùng sản xuất gắn với các giống nuôi, trồng thích hợp và bước đầu gắn

với chế biến, tiêu thụ. Ví dụ như: vùng lúa cao sản và rừng kinh tế Đồng Tháp Mười, vùng lúa đặc sản ở các huyện phía Nam, vùng mía nguyên liệu, đậu phộng và bò sữa, vùng rau màu ở các huyện giáp thành phố Hồ Chí Minh, nuôi tôm sú vùng hạ... Điều kiện sống của người dân ở khu vực nông thôn kể cả vùng sâu, vùng xa được cải thiện rõ rệt. Đến nay có 156/188 xã, phường, thị trấn có đường ô-tô về tới trung tâm; 94% hộ có điện dùng; bình quân có 9,8 máy điện thoại/100 dân, 100% xã có điểm bưu điện văn hóa; 80% hộ dân nông thôn được sử dụng nước sạch.

Chương trình dân sinh vùng lũ bước đầu phát huy hiệu quả. Hệ thống đê bao lưng, đê bao chống lũ, cụm tuyến dân cư vượt lũ... được quan tâm đầu tư và đã tác động tích cực tới sản xuất và đời sống. Riêng cụm, tuyến dân cư vượt lũ đã hoàn thành san nền 187/187 cụm, tuyến (trong đó 80 cụm, tuyến được đầu tư kết cấu hạ tầng) bảo đảm yêu cầu về chỗ ở của dân cư trong mùa lũ và đủ khả năng bố trí 15.000/35.942 hộ vào ở ổn định.

Bên cạnh những kết quả đạt được, Long An còn không ít khó khăn, thử thách. Đó là tăng trưởng kinh tế chưa tương xứng với tiềm năng và lợi thế của tỉnh, chất lượng tăng trưởng thấp; khả năng hội nhập kinh tế còn hạn chế; các vấn đề xã hội vẫn còn nhiều bức xúc; trật tự, kỷ cương chưa nghiêm; năng lực lãnh đạo, điều hành của đội ngũ cán bộ còn những hạn chế, hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở còn nhiều vấn đề cần chấn chỉnh.

Từ thực tiễn của 5 năm qua, Đảng bộ Long An đã rút ra một số bài học kinh nghiệm:

1 - *Trước hết, phải xây dựng nội bộ đoàn kết thống nhất, năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm.* Tăng cường công tác kiểm tra, kịp thời phát hiện, giải quyết, ổn định tình hình nội bộ những nơi mất đoàn kết.

2 - *Xác định đúng nhiệm vụ trọng tâm trong từng thời kỳ, chọn đúng khâu đột phá, điều*

chính đúng hướng. Tổ chức thực hiện nghị quyết bằng kế hoạch và các giải pháp khả thi, tập trung vào những ngành, những lĩnh vực lợi thế và những vấn đề bức xúc nhất, không dàn đều. Có giải pháp cụ thể cho từng nhiệm vụ, phân công rõ ràng và thực hiện quyết liệt; kịp thời sơ kết, tổng kết để phát huy điểm mạnh, nhân rộng các điển hình, chấn chỉnh những yếu kém, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc và xử lý kịp thời những vấn đề mới phát sinh.

3 – Phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân. Trước hết là tạo sự đồng thuận của đại bộ phận quần chúng nhân dân đối với chủ trương đường lối của Đảng và chính sách của Nhà nước để mọi người dân hưởng ứng, thực hiện tốt. Từ đó, huy động sự đóng góp sức lực, trí tuệ của nhân dân cho sự nghiệp chung; đề cao ý thức tự lực, tự cường, phát huy nội lực, đồng thời làm tốt công tác đối ngoại để quy tụ và huy động các tiềm năng trong dân, nguồn lực bên ngoài vào đầu tư phát triển; chăm lo đời sống vật chất, văn hóa và tinh thần của nhân dân.

4 – Công tác cán bộ phải hết sức chặt chẽ, kiên quyết sắp xếp bố trí đúng người, đúng việc; tăng cường công tác bồi dưỡng, đào tạo theo hướng toàn diện, cụ thể, gắn với quy hoạch rõ ràng. Thay thế kịp thời số cán bộ kém năng lực, thiếu trách nhiệm, không đủ phẩm chất đạo đức.

Để thực hiện thắng lợi các mục tiêu về phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2005 - 2010, Đảng bộ và nhân dân Long An tiếp tục tập trung vào các nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu sau:

Thứ nhất, phát huy mọi tiềm năng và nguồn lực, tạo bước đột phá về chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp – dịch vụ – nông nghiệp và nâng cao sức cạnh tranh để đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng và bảo đảm chất lượng phát triển

Về nông nghiệp, tiếp tục đẩy mạnh sản xuất theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa

nông nghiệp, nông thôn; phát triển và ứng dụng nhanh tiến bộ khoa học - công nghệ vào sản xuất nông nghiệp, xây dựng nền nông nghiệp hàng hóa phát triển theo hướng chất lượng, hiệu quả. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi, khai thác tối ưu tiềm năng của tỉnh bảo đảm tăng trưởng và phát triển ổn định, bền vững, thu hoạch trên một đơn vị diện tích tăng 30%. Tạo bước chuyển biến sâu sắc, toàn diện kinh tế nông thôn; cải thiện nhanh hơn đời sống của nông dân.

Phát triển nông nghiệp theo thể mạnh từng vùng gắn với thị trường tiêu thụ và công nghiệp chế biến. Phát triển thủy sản, nông nghiệp ven đô. Phát triển nhiều khu nông nghiệp công nghệ cao gắn với du lịch sinh thái. Phát triển các làng nghề và bảo vệ môi trường. Tổ chức sản xuất theo hướng đa dạng, thâm canh; cơ khí hóa, điện khí hóa trong sản xuất. Chú trọng phát triển rừng sản xuất, củng cố các khu rừng đặc dụng, mở rộng diện tích rừng phòng hộ biên giới, ven biển. Củng cố và phát triển khu bảo tồn sinh thái đất ngập nước Láng Sen. Khuyến khích phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa trong công nghiệp và dịch vụ ở nông thôn. Nâng cao tỷ trọng kinh tế phi nông nghiệp; từng bước đô thị hóa nông thôn theo quy hoạch tổng thể, bảo đảm nguồn sống của nông dân và môi trường sinh thái. Quan tâm đầu tư ứng dụng khoa học - kỹ thuật và hướng dẫn phổ cập ứng dụng kỹ thuật cho nông dân. Có chế độ khuyến khích và hỗ trợ vốn cho nông dân, mạnh dạn ứng dụng khoa học - công nghệ vào sản xuất và chế biến sản phẩm nông nghiệp.

Đẩy mạnh phát triển công nghiệp - xây dựng, phấn đấu đạt mức tăng trưởng trung bình 23%/năm và chiếm tỷ trọng cao trong GDP (44,3%). Riêng ngành công nghiệp tăng trưởng 23,8%/năm. Kết hợp vừa phát triển theo chiều rộng và đầu tư theo chiều sâu, từng bước hiện đại hóa nền sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm giá thành, tăng sức cạnh tranh, phục vụ tốt công nghiệp hóa - hiện đại hóa

nông nghiệp, nông thôn và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế. Chú trọng phát triển các ngành công nghiệp phục vụ phát triển nông nghiệp (chế biến nông sản, công nghiệp sản xuất phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, thức ăn gia súc...), dệt may, sản xuất giấy và các sản phẩm từ giấy, sản xuất và phân phối điện, cơ khí, vật liệu xây dựng, công nghiệp hỗ trợ.

Tiếp tục tập trung đầu tư kết cấu hạ tầng phát triển công nghiệp, phấn đấu đến năm 2010 có thêm 5.000 ha đất công nghiệp có đủ điều kiện hạ tầng giao cho nhà đầu tư và thu hút đầu tư lấp kín khoảng 3.500 ha. Về định hướng phát triển đô thị: hoàn thành nâng cấp thị xã Tân An lên đô thị loại III vào năm 2007; phát triển thị trấn Mộc Hóa, Bến Lức lên đô thị loại IV vào năm 2010; chuẩn bị các điều kiện cần thiết để phát triển các thị trấn như Đức Hòa, Hậu Nghĩa thành đô thị loại IV trong giai đoạn tiếp theo.

Xen giữa các khu đô thị tập trung là các khu vực đệm sinh thái, làng nghề, làng nông nghiệp hiện đại, các khu nghỉ ngơi an dưỡng, nhất là ở dọc theo hệ thống sông Vàm Cỏ.

Về thương mại - dịch vụ, đẩy mạnh công tác xúc tiến thương mại đi vào chiều sâu. Phối hợp với các doanh nghiệp, hiệp hội ngành nghề trong hoạt động xúc tiến, mở rộng thị trường, tạo thêm việc làm, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Phát triển các trung tâm thương mại quy mô lớn; đầu tư, nâng cấp các trung tâm thương mại, các chợ đầu mối tại các trung tâm khu vực của tỉnh; xây dựng các chợ xã, cụm xã, chợ theo cụm dân cư. Xây dựng khu kinh tế cửa khẩu quốc gia nhằm khai thác kinh tế biên mậu. Mở rộng và hỗ trợ các thành phần kinh tế tham gia thị trường. Tổ chức và đổi mới cơ chế quản lý hợp tác xã mua bán.

Tiếp tục phát triển đa dạng các ngành dịch vụ, trong đó, chú trọng dịch vụ khu vực nông nghiệp nông thôn, các khu công nghiệp, cảng... Phát triển du lịch thành một ngành quan trọng trong cơ cấu kinh tế của địa phương. Đầu tư

khai thác các dự án phát triển du lịch Làng nổi Tân Lập, Lâm viên Thanh niên, Khu Láng Sen, Khu bảo tồn sinh thái rừng tràm...; kết hợp du lịch sinh thái với du lịch văn hóa; khai thác có hiệu quả du lịch vào mùa nước lũ ở Đồng Tháp Mười... Chú trọng thu hút khai thác du lịch quốc tế qua các cửa khẩu.

Thứ hai, tích cực và chủ động hội nhập vào vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, đẩy mạnh hoạt động kinh tế đối ngoại, xây dựng nền kinh tế năng động, hướng về xuất khẩu

Tiếp tục giữ vững sự ổn định, lành mạnh hóa hoạt động tài chính - tiền tệ trên địa bàn. Thực hiện nghiêm các chính sách thuế, bảo đảm khai thác có hiệu quả các nguồn thu ngân sách để cân đối nhu cầu chi, nhất là các nhu cầu cho đầu tư phát triển. Tăng cường phân cấp thu, chi ngân sách, đồng thời tăng cường kiểm tra việc thực hiện Luật Ngân sách Nhà nước. Thực hiện tốt chế độ kiểm tra tài chính, chế độ kế toán, kiểm toán.

Phát triển mạng lưới tín dụng, tăng cường huy động vốn tại chỗ; cải tiến thủ tục cho vay, nâng cao chất lượng dịch vụ; tăng vốn tín dụng trung, dài hạn. Tiếp tục cải tiến thủ tục hành chính, đổi mới các cơ chế chính sách, thu hút nguồn vốn đầu tư trong nước và nước ngoài vào sản xuất kinh doanh, đổi mới công nghệ, nâng cao trình độ quản lý. Chú trọng các giải pháp thu hút vốn nhân rồi của các tầng lớp dân cư vào đầu tư phát triển. Hoàn chỉnh quy hoạch đồng bộ kết cấu hạ tầng, gắn quy hoạch này với quy hoạch của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, đồng bằng sông Cửu Long, nhằm khai thác tốt lợi thế về kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân theo từng vùng kinh tế của tỉnh.

Đẩy mạnh hoạt động xúc tiến đầu tư, nâng cao vai trò của các doanh nghiệp đầu tư hạ tầng khu công nghiệp. Thực hiện tốt các hoạt động quảng bá môi trường đầu tư của tỉnh, lập danh mục các lĩnh vực và dự án kêu gọi đầu tư, chủ động tiếp cận các nhà đầu tư tiềm năng từ các

luồng đầu tư trực tiếp nước ngoài, kiều bào quê ở Long An, các doanh nghiệp trong nước, nhất là từ thành phố Hồ Chí Minh.

Đẩy mạnh xuất khẩu, tạo sự chuyển dịch vững chắc trong cơ cấu hàng xuất khẩu theo hướng tăng nhanh các sản phẩm chế biến có giá trị gia tăng, có sức cạnh tranh, có hàm lượng công nghệ và trí tuệ cao; tăng thêm thị phần ở các thị trường công nghệ, các thị trường truyền thống và khai phá các thị trường còn nhiều tiềm năng. Phân đấu đến năm 2010 đạt kim ngạch xuất khẩu 900 triệu USD/năm, nhập khẩu đạt 350 triệu USD/năm.

Thứ ba, phát triển vùng lãnh thổ trên cơ sở phát huy những lợi thế của từng vùng

Tiếp tục rà soát lại quy hoạch vùng, đánh giá hiệu quả thực hiện quy hoạch để có cơ chế, chính sách phát triển phù hợp theo điều kiện thực tế (rà soát, điều chỉnh trong phân công vùng) cũng như có chế độ, chính sách đầu tư riêng cho từng vùng nhằm phát huy tốt hơn lợi thế của cả bốn vùng trong tỉnh:

– **Phát triển vùng kinh tế trọng điểm:** đầu tư hoàn chỉnh hệ thống hạ tầng ngoài hàng rào các khu công nghiệp, hệ thống giao thông liên vùng, hệ thống cảng và hệ thống đô thị hiện đại gắn kết với phát triển các loại hình dịch vụ phục vụ. Từng bước tổ chức bố trí lại dân cư theo hướng tập trung, phát triển đô thị.

– **Vùng Đồng Tháp Mười:** đầu tư hệ thống giao thông đến trung tâm các xã; tiếp tục hoàn thiện Chương trình dân sinh vùng lũ, hoàn thiện hệ thống hạ tầng cụm tuyến dân cư và bố trí dân vào sinh sống ổn định. Vùng trọng điểm lương thực kết hợp phát triển thủy sản nước ngọt, du lịch sinh thái, kinh tế cửa khẩu, khai thác các tiềm năng của lũ.

– **Vùng phía Nam của tỉnh:** phát triển kinh tế kết hợp đa dạng giữa trồng trọt, chăn nuôi và thủy sản. Đồng thời phát triển vùng rau an toàn, thu hút các dự án đầu tư nông nghiệp công nghệ cao; phát triển nền nông nghiệp ven đô.

– **Vùng hạ:** phát triển thủy sản theo hướng nuôi công nghiệp, bán công nghiệp; tập trung nâng cao mật độ dân trí, đẩy mạnh đào tạo nghề, chuyển đại bộ phận lao động nông nghiệp sang lĩnh vực công nghiệp và dịch vụ.

Thứ tư, tạo điều kiện thuận lợi để khuyến khích các thành phần kinh tế cùng phát triển

Đối với doanh nghiệp nhà nước: chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty, mở rộng quyền tự chủ, thực hiện lành mạnh hóa, minh bạch hóa và công khai hóa tài chính của doanh nghiệp. Có chính sách hỗ trợ sau khi sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước để ổn định và phát triển sản xuất, nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường. **Đối với kinh tế tập thể:** tiếp tục quán triệt sâu sắc phát huy mạnh mẽ tinh thần Nghị quyết số 13-NQ/TW Hội nghị lần thứ 5, Ban Chấp hành Trung ương Đảng, khóa IX "Về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể". Tổng kết, nhân rộng các mô hình kinh tế tập thể, kinh tế trang trại, kinh tế hộ gia đình làm ăn có hiệu quả. Xây dựng ở mỗi huyện từ 1 đến 2 hợp tác xã điển hình làm ăn có hiệu quả. Thành lập mô hình hợp tác xã kiểu mới ở các huyện, thị có điều kiện để đến năm 2010 có trên 50% hộ nông dân tham gia vào các loại hình kinh tế hợp tác. **Về kinh tế tư nhân:** khuyến khích phát huy các nguồn lực trong nhân dân, khuyến khích phát triển các loại hình doanh nghiệp vừa và nhỏ đồng thời tạo điều kiện và môi trường thuận lợi để phát triển các doanh nghiệp lớn. **Đối với kinh tế có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài:** tạo chuyển biến cơ bản, hướng mạnh vào những ngành, lĩnh vực quan trọng của nền kinh tế, nhất là những ngành, lĩnh vực mà thành phần kinh tế trong nước đầu tư chưa hiệu quả.

Với sự lãnh đạo, chỉ đạo sát sao của Trung ương Đảng và Chính phủ, sự nỗ lực phấn đấu của Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh, Long An sẽ đạt được nhiều thành tựu quan trọng trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. □

NHON TRẠCH nỗ lực phấn đấu để sớm trở thành thành phố

TRẦN MINH PHÚC *

ĐẾN tỉnh Đồng Nai, nói đến Nhơn Trạch người ta nghĩ ngay đến một vùng đất kiên cường và giàu chiến công. Chiến tranh đi qua, toàn huyện Nhơn Trạch có 5 tập thể và 3 cá nhân được Nhà nước phong tặng Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, 83 Bà mẹ Việt Nam anh hùng (chiếm gần 1/3 số mẹ Việt Nam anh hùng của tỉnh Đồng Nai). Trên vùng đất Nhơn Trạch kiên trung này, hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ đã diễn ra hơn 2.000 trận chiến đấu lớn nhỏ. Chỉ riêng trong cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ, Nhơn Trạch đã có 1.420 liệt sỹ vĩnh viễn nằm lại trên mảnh đất quê hương, 45 gia đình có 3 - 4 con là liệt sỹ...

Với tất cả những đóng góp sức người, sức của cho dân tộc trong 2 cuộc kháng chiến trường kỳ, Đảng bộ và quân dân huyện Nhơn Trạch đang tự hào bước tới bằng truyền thống cách mạng hào hùng hôm qua và ý chí mạnh mẽ hôm nay, tiếp tục vượt qua khó khăn, thách thức để cùng cả nước bước vào thời kỳ đổi mới.

Được tái lập vào tháng 9-1994, điểm xuất phát là một huyện thuần nông, có diện tích 41.089 ha, 12 xã, dân số gần 120.000 người. Đến năm 1996, huyện được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tổng thể định hướng phát triển thành thành phố Nhơn Trạch đến

năm 2020, đây chính là động lực quan trọng thúc đẩy Nhơn Trạch tiến dần lên mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Có được định hướng phát triển, huyện lại có một số thuận lợi cơ bản, trước tiên và quan trọng nhất là về vị trí địa lý nằm cạnh thành phố Hồ Chí Minh, xung quanh gồm các đô thị lớn: Biên Hòa, Bà Rịa - Vũng Tàu; có quy

hoạch cấp vùng, cấp quốc gia như: dự án cầu - đường cao tốc thành phố Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu Dây và Dầu Dây - Đà Lạt, dự án cầu đường vành đai 2 - thành phố Hồ Chí Minh từ quận 9 sang Nhơn Trạch, dự án sân bay quốc tế Long Thành... Một thuận lợi lớn nữa là huyện đã có khu công nghiệp trung tâm lớn nhất tỉnh, nhà máy nhiệt điện Formosa (công suất 300MW), có quỹ đất rộng, có diện tích rừng ngập mặn gần 9.000ha, có hệ thống giao thông đường thủy (sông Đồng Nai, Lòng Tàu, Gò Dầu, Thị Vải) và tiếp giáp hệ sinh thái rừng Long Thành. Tất cả thuận lợi trên có ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển kinh tế - xã hội của Nhơn Trạch trước mắt cũng như lâu dài.

Hơn 10 năm về trước, khi nói đến Nhơn Trạch, người ta nghĩ ngay đến vùng đất có nhiều cái "nhất" của một huyện nông nghiệp: nhiều gia đình chính sách, nhiều hộ nghèo, trình độ dân trí thấp, hạ tầng kém, giao thông đi lại khó khăn... nhất tỉnh. Nơi đây là rừng già, vùng đất êm đềm trong sự nghèo khó với phần lớn dân số sống gắn chặt với nghề nông, làm ăn chỉ trông chờ vào thời tiết.

Trải qua 2 nhiệm kỳ Đại hội, bằng sự đoàn kết trên dưới một lòng, thực hiện đường lối

* Bí thư Huyện ủy Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

đổi mới của Đảng, Nhơn Trạch đã có những bước đi thích hợp vững chắc để ổn định và từng bước phát triển.

Khởi đầu là các con đường giao thông liên xã đã được nâng cấp và nối dài thêm, từng bước nhựa hóa những con đường cấp phối. Đường điện trung, hạ thế kéo về đến các xã với 51/53 ấp; hệ thống đèn chiếu sáng trải dài trên các trục đường chính, tỷ lệ hộ sử dụng điện được nâng từ 25% năm 1995 lên 92% năm 2005. Thông tin liên lạc thông suốt đến 12 xã, với tỷ lệ 10 máy điện thoại/100 dân.

Từ một huyện thuần nông, sau hơn 10 năm tái lập, Nhơn Trạch đã bứt phá đi lên với ngành công nghiệp chiếm tỷ trọng 49,41% trong cơ cấu kinh tế. Hiện nay, công nghiệp là thế mạnh của huyện, là yếu tố quan trọng hàng đầu để góp phần chuyển dịch nhanh nền kinh tế của huyện từ huyện thuần nông sang công nghiệp, thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế trên địa bàn. Với diện tích 3.500 ha quy hoạch cho 7 khu công nghiệp, đã có 184 dự án đầu tư với tổng vốn đăng ký là 2,6 tỉ USD (trong đó có 86 dự án đã đi vào hoạt động, giải quyết việc làm cho trên 30.000 lao động). Ngoài ra, còn có một cụm tiểu thủ công nghiệp địa phương 100 ha và một số khu dân cư, khu du lịch sinh thái. Sự xuất hiện của các nhà máy cùng hạ tầng khu công nghiệp được xây dựng đã tạo nên diện mạo mới cho một vùng đất vốn hoang sơ trước đây nay trở thành một vùng đất năng động, mang dáng dấp của một đô thị mới.

Song song với phát triển công nghiệp, nông nghiệp vẫn được chú trọng đẩy mạnh. Công trình ngọt hóa Ông Kèo đã tạo điều kiện sản xuất cho 5.400 ha đất hoang hóa, phèn mặn góp phần làm cho người nông dân nơi đây ổn định cuộc sống và có cơ hội giàu lên vì đã tăng vụ cây trồng từ 1 vụ lên 3 vụ. Cùng với thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng, huyện đã chú trọng đầu tư phát triển các vùng chuyên canh nông sản như: mía, dưa, mì, rau xanh, lúa đặc sản...

Với quan điểm phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm tạo động lực phát triển để giải quyết các vấn đề xã hội, cải thiện và từng bước nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân toàn huyện, Nhơn Trạch đã nỗ lực thực hiện các chương trình, chính sách xã hội, huy động được nhân tài, trí tuệ, công sức của toàn dân cho việc thực hiện chính sách xã hội. Trong 10 năm, đã vận động xây dựng được 430 căn nhà tình nghĩa, đóng góp quỹ đền ơn đáp nghĩa được gần 1,6 tỉ đồng, xây cất 743 căn nhà tình thương và vận động học bổng được gần 540 triệu đồng cho học sinh nghèo hiếu học.

Về giáo dục, nếu trước đây học sinh phải học ca 3, ca 4, học tạm ở đình chùa, nhà dân, thì nay con em Nhơn Trạch đã được học ở những ngôi trường khang trang; trình độ dân trí được nâng dần lên, đã hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở trên toàn huyện. Các tầng lớp nhân dân được sinh hoạt văn hóa - văn nghệ ở các tụ điểm văn hóa, trung tâm thể dục - thể thao. Mặt khác, do có các khu công nghiệp, nên một bộ phận lao động đã có công ăn, việc làm ổn định, một bộ phận khác được giải quyết việc làm thông qua một số ngành nghề và dịch vụ phi nông nghiệp mới ở nông thôn, góp phần tăng tỷ lệ lao động trong độ tuổi có việc làm và giảm tỷ lệ hộ nghèo từ 24% năm 1995 xuống còn 2,44% năm 2005 (theo tiêu chí cũ).

Nhìn chung, Nhơn Trạch đang từng bước chuyển mình đi lên vững chắc. Kinh tế tiếp tục tăng trưởng cùng với sự chuyển dịch dần cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp. Năm 2004 tỷ lệ công nghiệp là 49,45%, dịch vụ là 25,45% và nông nghiệp là 25,12%. Đến nay, huyện đã có một nền tảng vật chất, tinh thần quan trọng, từng bước đáp ứng được yêu cầu đẩy mạnh công nghiệp hóa - hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Với mức tăng trưởng GDP bình quân hàng năm tăng 14,15%, đã nâng GDP bình quân đầu người năm 2004 lên 7,720 triệu đồng.

Thành quả này là công sức, trí tuệ của toàn Đảng bộ và quân dân Nhơn Trạch - vùng đất

anh hùng trong kháng chiến, khu vực năng động, đột phá và phát triển kinh tế trong thời kỳ đổi mới.

Để Nhơn Trạch đi đúng theo định hướng quy hoạch của Chính phủ và thực hiện đúng như ý kiến chỉ đạo của Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh khi về làm việc tại Nhơn Trạch: "yếu tố đầu tiên và cực kỳ quan trọng là phải hết sức quan tâm đến việc duyệt quy hoạch tổng thể, phải có cái nhìn của một thành phố tương lai, không chỉ bó hẹp trong phạm vi Việt Nam mà có sự giao lưu với các nước...". Phương hướng tổng quát Nhơn Trạch thực hiện đến năm 2010 là: Tập trung sức phát triển huyện Nhơn Trạch trở thành thành phố công nghiệp - dịch vụ văn minh, hiện đại, đạt tiêu chuẩn đô thị loại 2 và chuẩn bị tiền đề vững chắc để hướng phát triển lên loại 1 sau năm 2010, có tổ chức đảng và hệ thống chính trị lớn mạnh, đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân ngày càng nâng cao. Phần đầu để Nhơn Trạch là một trong những địa phương đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa của tỉnh, năng động về kinh tế, lành mạnh về văn hóa, trong sạch về môi trường, dân chủ, kỷ cương và trật tự an toàn xã hội.

Thực hiện phương hướng trên, Đảng bộ Nhơn Trạch phải phấn đấu hoàn thành mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội từ nay đến 2010 là: Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân hàng năm đạt 14,5% trở lên, cơ cấu kinh tế đạt tỷ lệ: công nghiệp, xây dựng trên 57%, dịch vụ trên 31% và nông nghiệp dưới 12%. Thu nhập bình quân đầu người tăng bình quân 15%/năm; tỷ lệ thu ngân sách nhà nước đạt từ 25% - 28% GDP trên địa bàn; xóa cơ bản số hộ nghèo; có chính sách ưu đãi thu hút nguồn lao động có trình độ văn hóa, khoa học - kỹ thuật và tay nghề cao. Hoàn thành công tác phổ cập trung học phổ thông. Bảo đảm an ninh - quốc phòng, giữ vững ổn định chính trị... Nâng cao chất lượng của hệ thống chính trị ngang tầm với quá trình phát triển của huyện.

Các giải pháp cụ thể nhằm phát triển kinh tế - xã hội của huyện là:

- Tiếp tục huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực trên địa bàn để đáp ứng yêu cầu đầu tư và phát triển bền vững. Phấn đấu đạt mức tăng trưởng GDP hàng năm cao hơn chỉ tiêu đề ra, tạo chuyển biến mạnh mẽ về cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp - dịch vụ. Tập trung phát triển không gian và kiến trúc cảnh quan đô thị, xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội của huyện, đạt tiêu chuẩn đô thị loại 2.

- Tạo chuyển biến căn bản, toàn diện, đồng bộ hơn về ứng dụng khoa học - công nghệ, giáo dục - đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực qua đào tạo, giải quyết có hiệu quả vấn đề đời sống, việc làm và chính sách xã hội. Phấn đấu đạt chuẩn quốc gia về số lượng trường lớp, trạm y tế và cơ bản tất cả hộ dân đều có điện, nước sạch, hợp vệ sinh để sử dụng.

- Tiếp tục giữ vững an ninh chính trị, phòng chống có hiệu quả các loại tội phạm, tạo chuyển biến rõ hơn về trật tự, xây dựng và phát triển đô thị.

- Tiếp tục đổi mới, củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động hệ thống chính trị từ huyện đến cơ sở. Tập trung củng cố tổ chức và cải tiến nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận, các đoàn thể. Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí. Bảo đảm tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh và hoàn thành nhiệm vụ đạt tỷ lệ trên 97%; đảng viên đủ tư cách hoàn thành tốt nhiệm vụ đạt trên 97%, phấn đấu đến cuối năm 2010 tất cả khu phố, ấp đều có chi bộ đảng.

Để thực hiện phương hướng và mục tiêu trên, từ nay đến 2010 Đảng bộ và nhân dân huyện Nhơn Trạch tiếp tục thực hiện đổi mới theo những định hướng cơ bản và kinh nghiệm tốt của 10 năm qua, đồng thời có những giải pháp mới để có thể tiến mạnh, tiến vững chắc hơn, thực hiện bằng được bước chuyển mình đi

vào công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

Công nghiệp tiếp tục được xem là ngành ưu tiên phát triển hàng đầu của huyện. Do đó, ngành công nghiệp được đa dạng hóa, mở rộng vào các lĩnh vực cơ khí, sản xuất vật liệu xây dựng, đóng tàu và các sản phẩm công nghệ cao. Mặt khác, huyện tập trung kêu gọi đầu tư, liên doanh liên kết để hình thành và đưa vào hoạt động cụm tiểu thủ công nghiệp đã được quy hoạch. Ưu tiên cho công nghiệp chế biến, sản xuất hàng tiêu dùng, gia công xuất khẩu với quy mô vừa và nhỏ để khai thác mọi nguồn lực của các thành phần kinh tế, nhằm góp phần giải quyết việc làm cho người lao động tại địa phương. Bên cạnh đó, tiếp tục triển khai quy hoạch các khu trung tâm đô thị, hình thành các trung tâm chuyên ngành gồm 2 khu đại học với diện tích 700 ha; phát triển khu công nghệ cao với quy mô diện tích 250 ha, trung tâm thương mại đầu mối thành phố (150 ha), khu trung tâm thể dục - thể thao (200 ha) và bệnh viện (20 ha)...

Cùng với công nghiệp, thương mại - dịch vụ là một trọng tâm phát triển kinh tế của huyện với mục tiêu xây dựng ngành thương mại - dịch vụ phát triển theo xu thế tăng trưởng kinh tế chung, ngày càng đa dạng, đủ điều kiện phục vụ cho quá trình hình thành và phát triển đô thị mới. Tập trung xây dựng hệ thống thương nghiệp quốc doanh - hợp tác xã theo mô hình mới. củng cố mạng lưới chợ, triển khai dự án xây dựng trung tâm thương mại của huyện và các khu công nghiệp, khu dân cư được quy hoạch. Kêu gọi các thành phần kinh tế tham gia đầu tư và sớm triển khai những dự án được quy hoạch về phát triển du lịch sinh thái và cảnh quan ven sông, đưa du lịch trở thành một trong những ngành kinh tế quan trọng, nhất là đô thị du lịch Cù lao Ông Cò (Đại Phước), khu du lịch Ông Kèo, khu du lịch Long Tân - Phú Hội làm tiền đề cho hệ thống thương mại - du lịch của huyện theo đúng định hướng và cơ cấu.

Đặc biệt, khi dự án xây dựng "chiếc cầu chiến lược" qua sông Đồng Nai từ quận 9 (thành phố Hồ Chí Minh) sang xã Long Tân - Nhơn Trạch đi Vũng Tàu được triển khai sẽ tạo điều kiện phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

Tuy nhiên, trong sự phát triển kinh tế - xã hội chung của Nhơn Trạch, trong 5 năm tới, nông nghiệp vẫn có vị trí quan trọng đối với kinh tế địa phương. Vì vậy, huyện sẽ tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, tập trung đầu tư chiều sâu nhằm khai thác hết diện tích đất có khả năng sản xuất, phù hợp với định hướng đã đề ra ở từng tiểu vùng, đưa giống mới, kỹ thuật tiên tiến vào sản xuất, nâng cấp các hệ thống thủy lợi hiện có, tiếp tục xây dựng một số tuyến đê ở vùng nuôi trồng thủy, hải sản. Giao đất, giao rừng cho nhân dân nhằm bảo đảm môi trường sinh thái. Tiếp tục đầu tư phát triển sản xuất nông nghiệp ngoại thành theo hướng nông nghiệp sạch, phục vụ thực phẩm tươi sống cho đô thị, phát triển cây ăn trái gắn với du lịch sinh thái; khuyến khích các hình thức hợp tác trong trồng trọt, chăn nuôi; nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ hợp tác kinh tế và hợp tác xã trên địa bàn.

Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế với thực hiện tiến bộ công bằng xã hội, tạo bước chuyển biến mạnh mẽ để phát huy nhân tố con người. Tiếp tục chăm lo cho sự nghiệp giáo dục - đào tạo để tạo ra nguồn nhân lực cho phát triển lâu dài và bền vững, xây dựng và hoàn thiện hệ thống giáo dục mầm non và phổ thông, phát triển mạnh giáo dục ở các vùng xa. Củng cố và nâng cao chất lượng hoạt động của các trung tâm học tập cộng đồng; đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục trong và ngoài nhà trường để đầu tư cho sự nghiệp giáo dục. Chỉ đạo thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe cho nhân dân, không để dịch bệnh xảy ra trên địa bàn. Chú trọng giải quyết công ăn việc làm cho người trong độ tuổi lao động nhằm bảo đảm

(Xem tiếp trang 72)



Đoàn kết với... CHÍNH MÌNH

NHỊ LỆ

CÓ thể nói, ai cũng hiểu, đoàn kết là sức mạnh, là nguồn gốc của sức mạnh vô địch. Cổ nhân nói: Hai người đoàn kết thì sức mạnh của họ có thể xuyên thủng đá núi. Bởi vậy, nói tới sự đoàn kết là nói tới sự cố kết, sự thống nhất của con người cùng hoạt động vì một mục đích chung.

Song, chung quanh chuyện đoàn kết, không phải ai cũng thấu cái nhẽ giản dị, đoàn kết với người khác vốn đã là một việc khó nhưng đoàn kết với... chính mình quả là đại sự còn khó gấp bội phần. Vì, thoát nghe, khối người bảo, cái sự đoàn kết với... chính mình là câu chuyện của những kẻ... dở người. Bởi, nếu không mắc chứng dở người thì sao có thể nghĩ, rồi bày đặt ra cái chuyện đoàn kết với... chính mình? (!).

Nhưng chẳng ít người cãi lại: Chỉ có người không biết, không nghe hoặc nghe mà cố tình không hiểu cái chuyện ấy mới đích thị là người chưa hoàn thiện, còn loại cuối cùng ấy thì đích thị là kẻ dở người. Ngẫm ra, thì sự cãi lại này mới thật chí lý!

Nếu hiểu đoàn kết là sự thống nhất thì mỗi người cần phải sống có chính kiến, kiên định với chính kiến ấy, cho dù hoàn cảnh có muôn sự thay đổi phức tạp thế nào. Nhưng khối người lại sống ngược. Họ sống và hành động không nguyên tắc, rồi gió chiều nào che chiều nấy, "thốt có tanh tào ruổi đổ đến. Gang không

mật mỡ kiến bò chi", thấy tám cũng ư thấy tư cũng gật... Dù trước hay sau, sớm muộn thành ra kẻ ba phải, cơ hội,... Họ tồn tại tưởng như vật vờ, lơ lờ nước hén, không cá tính, không bản sắc... nhưng lại vô cùng tinh quái. Người như vậy, nhất định phong trào có ngày bị họ đưa xuống... vực sâu, và họ tẩu mất. Vì, làm gì họ có sự nhất quán, thủy chung, trước sau như một nào. Thế còn đoàn kết được với ai?, vì làm gì có sự đoàn kết.

Nếu hiểu đoàn kết là sự cố kết thì những người miệng nói nhưng không làm, mồm nói một đằng tay lại làm một nẻo, thậm chí miệng thì nói nam mô bụng sẵn chứa một bồ dao găm... thì ai tin họ nữa, ai dám gần họ nữa. Trước sau họ chỉ nguyên vẹn là những kẻ giả trá thực dụng, thậm chí nham hiểm chết người. Thế thì sao có sự đoàn kết đúng đắn với ai được. Và, nếu có chẳng cái gọi là đoàn kết chỉ là sự tự hợp nhất thời theo kiểu phe nhóm, phường hội, sớm nắng chiều mưa, tập hợp gồm những kẻ đại loại như họ và số nào đấy thực dạ cả tin. Đích thị họ là những kẻ thực dụng vô cùng nguy hiểm và số nhẹ dạ cả tin kia trong tay họ như là vật thí nghiệm, là công cụ cho mưu đồ đen tối của những người này mà thôi. Đơn vị rồi ren, lòng người ly tán, phong trào tan nát... cũng từ đây mà ra. Đoàn kết bị họ biến thành cái bị rách để đựng khoai tây; và hơn ai hết, họ vơ lấy

khoai tây để nhét đầy bị mình và họ... chuồn thẳng.

Nếu hiểu điểm tương đồng, hội tụ của đoàn kết là nhằm hướng tới việc tất cả hành động đều vì mục tiêu chung thì không ít người hành động chẳng vì ai cả, ngoài lợi ích của chính cá nhân họ hay phe cánh họ. Lợi dụng, thậm chí chà đạp lên cái chung, cái tập thể để họ cốt mưu đoạt mọi thứ cho cái riêng, cái cá nhân. Tệ hơn nữa, họ nhân danh cái chung để bằm nhỏ, rồi cướp đoạt lấy cái chung, cái tập thể... cho mình, cho cánh hẩu của họ. Họ mưu toan bằng mọi thủ đoạn cốt cướp lấy "trận mưa vàng" còn sau lưng họ dấu là nạn đại hồng thủy, họ cũng chà đạp hoại. Họ sống lạnh lùng, vô cảm, trắng trợn, phi nhân tính tới mức "sống chết mặc bay tiền thầy bỏ túi", "còn bạc còn tiền còn đệ tử. Hết cơm hết rượu hết ông tôi". Đơn vị, tổ chức bị họ trương lên như cái bung xung, sau đó bị vút bỏ đi như quăng bỏ những mớ giẻ rách một cách không thương tiếc. Đoàn kết, đối với họ, chỉ là thứ xa xỉ.

Bởi thế trong thiên hạ, mới có hạng người mang trong họ thứ hành xử ba mặt theo tuồng đạo đức ba mặt: tử tế trước mặt, lật lọng sau lưng; rao giảng ánh sáng trong cuộc họp, hành động đen tối ngoài hành lang; và, lừa cấp trên, dối cấp dưới.

Từ bấy nhiêu điều, vậy chỉ xin góp một lời bàn: Nếu ai không tự mình làm muối không thể ướp mặn được người khác, không có được sự đoàn kết với... chính mình thì không thể nói tới sự đoàn kết với người khác! Đây là cái "gốc" để khẳng định mình, cái "gốc" của sự đoàn kết chân chính, của sức mạnh vô địch. Làm khác đi, chỉ là sự chôn sống đoàn kết chân chính, và nhất định, đến lượt họ, tất tự chôn sống mình, trước khi bị sự đoàn kết cuốn phăng họ đi! □



ĐỒNG CHÍ CAY-XỎN PHÔM-VI-HẢN, NGƯỜI CON UUU TÚ CỦA NHÂN DÂN CÁC BỘ TỘC LÀO, NGƯỜI BẠN THÂN THIẾT CỦA NHÂN DÂN VIỆT NAM

ĐỨC VƯỢNG *

NĂM nay, Đảng nhân dân Cách mạng Lào và nhân dân các bộ tộc Lào trọng thể kỷ niệm lần thứ 85 ngày sinh đồng chí Cay-xỏn Phôm-vi-hản - người con ưu tú của nhân dân các bộ tộc Lào, người bạn thân thiết của nhân dân Việt Nam.

Đồng chí Cay-xỏn Phôm-vi-hản sinh ngày 13-12-1920, tại bản Na-xeng, huyện Khăm-thạ-bu-li, tỉnh Xa-văn-na-khét, trong một gia đình có cha (ông Nai Luân) là công chức và mẹ (bà Nang Đốc) làm nghề nông.

Sau khi tốt nghiệp tiểu học, năm 1935, Cay-xỏn Phôm-vi-hản sang Việt Nam học ở trường Trung học Bưởi (nay là Trường phổ thông trung học Chu Văn An Hà Nội). Nhờ thông thạo hai thứ tiếng Việt và Pháp, trong thời gian học trung học, Cay-xỏn Phôm-vi-hản đã có dịp đọc những tờ báo cách mạng như tờ "Dân chúng", một tờ báo lớn của Đảng Cộng sản Đông Dương. Cũng từ tờ báo này, Anh biết đến và bắt đầu nghiên cứu về Đảng Cộng sản Đông Dương.

Mùa thu năm 1939, Cay-xỏn Phôm-vi-hản tiếp tục học tú tài ở Hà Nội. Sau khi tốt nghiệp tú tài năm 1943, Anh thi đỗ vào khoa Đông Dương, trường đại học Luật. Vào trường, Anh đặt quyết tâm rất cao trong học tập và rèn luyện. Qua báo chí, Anh được biết Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương chủ trương lập

Mặt trận Dân tộc thống nhất phản đế Đông Dương mà một trong những cơ sở được đặt ở Lào. Anh cho rằng đây là chủ trương đúng đắn, phù hợp với nguyện vọng của nhân dân ba nước Đông Dương.

Năm 1945, tình hình chính trị ở Đông Dương có nhiều chuyển biến. Lúc này, Cay-xỏn Phôm-vi-hản đang ở Hà Nội và đã có dịp tiếp xúc với bản Chỉ thị do đồng chí Trường Chinh viết: "Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta". Đúng như dự đoán của Anh, sau khi lật đổ quân Pháp ở Việt Nam, Nhật tràn sang Lào để lật đổ quân Pháp ở Lào. Ngày 15-3-1945, chính phủ Nhật công nhận Vương quốc Lào và ép vua Lào phải làm theo sự chỉ đạo của Nhật.

Trước tình hình "nước sôi lửa bỏng", cuối tháng 4-1945, Cay-xỏn Phôm-vi-hản quyết định trở về Lào. Anh tham gia hoạt động trong phong trào thanh niên yêu nước ở Xa-văn-na-khét, vận động, giác ngộ trí thức Lào; theo dõi những hoạt động của phong trào công nhân, phong trào nông dân yêu nước. Trước sức đấu tranh mạnh mẽ của nhân dân Xa-văn-na-khét, ngày 31-8-1945, quân Nhật chịu giao 120 khẩu

* PGS, TS, Vụ trưởng, Thư ký khoa học Hội đồng Lý luận Trung ương

súng và nhiều hòm đạn cho đoàn đại diện nhân dân Xa-văn-na-khét. Có súng đạn trong tay, lập tức đơn vị vũ trang nhân dân Lào được thành lập. Đơn vị vũ trang nhân dân của đồng chí Cay-xôn Phôm-vi-hản đã phối hợp với lực lượng vũ trang Lào It-xa-la và các đơn vị vũ trang nhân dân tổ chức thành lực lượng vũ trang thống nhất, giải phóng Xa-văn-na-khét. Bản thân đồng chí Cay-xôn Phôm-vi-hản trực tiếp chỉ huy một đơn vị bộ đội hỗ trợ cho nhân dân huyện Mường Phìn nổi dậy.

Từ ngày 1 đến 3-10-1945, tại dinh Thống sứ Pháp ở Viêng Chăn, hội nghị các đại biểu yêu nước Lào được tổ chức nhằm bàn việc thành lập Chính phủ độc lập It-xa-la; dự thảo bản Hiến pháp Lào; quyết định quốc kỳ, quốc ca; thông qua danh sách thành viên Chính phủ độc lập lâm thời Lào. Cuộc họp quan trọng này đã dẫn tới sự kiện chính trị trọng đại của nước Lào mới. Ngày 12-10-1945, tại Viêng Chăn diễn ra lễ tuyên bố nước Lào độc lập với bản Hiến pháp tiến bộ, khẳng định nước Lào là một khối thống nhất, mọi công dân đều có quyền bình đẳng trước pháp luật. Chính phủ mới của nước Lào độc lập lấy tên là Chính phủ lâm thời It-xa-la.

Chính phủ lâm thời Lào vừa được thành lập đã có tiếng vang trên trường quốc tế. Ngày 14-10-1945, Chính phủ của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là chính phủ đầu tiên trên thế giới gửi điện công nhận Chính phủ Lào độc lập, tỏ rõ mối quan hệ đầy triển vọng Việt - Lào. Tiếp đó, ngày 16-10-1945, Hiệp định tương trợ giữa hai nước đã được ký kết tại Viêng Chăn.

Sở dĩ cuộc khởi nghĩa giành được thắng lợi là do: sự kết hợp thành công giữa bạo lực chính trị với lực lượng vũ trang tự vệ của nhân dân; truyền thống đấu tranh kiên cường của nhân dân Lào chống kẻ thù xâm lược; ý chí tự lực tự cường, chủ nghĩa yêu nước kết hợp với chủ nghĩa anh hùng cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương, tiền thân của Đảng Nhân dân cách mạng Lào; sự nhạy bén,

chớp đúng thời cơ khi quân Nhật đầu hàng đồng minh. Về ý nghĩa thắng lợi của cuộc khởi nghĩa này, đồng chí Cay-xôn Phôm-vi-hản nói: *Thắng lợi đó đã mở đầu một kỷ nguyên mới, kỷ nguyên mà nhân dân ta được huy động và tự giác tham gia vào cuộc chiến đấu sống còn với kẻ thù để cứu nhà cứu nước* ⁽¹⁾.

Tháng 10-1946, được sự giúp đỡ của Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa, các lực lượng kháng chiến ở Xa-văn-na-khét, Khăm Muôn, Xiêng Khoảng, Sầm Nưa họp Đại hội thành lập Ủy ban giải phóng Đông Lào tại thành phố Vinh (Việt Nam) do đồng chí Nu-hắc Phum-xa-văn làm Chủ tịch. Đầu năm 1947, bộ đội Tây Tiến đánh thắng sang Sầm Nưa, trong khi đó, một đơn vị vũ trang mang tên Phạ Ngừm đánh địch ở khu vực Viêng Chăn. Tại Nam Lào (Hạ Lào), tháng 4-1947, Hoàng thân Xu-pha-nu-vông tuyên bố thành lập hai đơn vị chiến đấu độc lập là Xay Chắc-cạp-phất và Xăm-xẻn-thay đánh địch ở Nam Lào. Đơn vị Xay-chắc-cạp-phất do đồng chí Khăm-tày Xi-phăn-đon chỉ huy đánh địch ở nhiều địa phương của Nam Lào.

Đội xung phong Bắc Lào do đồng chí Cay-xôn Phôm-vi-hản làm đội trưởng đã góp phần quan trọng vào việc giúp lực lượng kháng chiến Lào xây dựng căn cứ cách mạng ở 4 tỉnh phía Bắc Lào là Sầm Nưa (Hủa Phăn), Xiêng Khoảng, Phong-xa-lỳ, Luông-pha-bang. Có thể nói, giai đoạn 1946-1948 là giai đoạn chuyển hướng chiến lược quan trọng của cách mạng Lào trong kháng chiến chống Pháp. Đồng chí Cay-xôn Phôm-vi-hản đã tổng kết: *Phần lớn lực lượng kháng chiến đã chuyển về nông thôn, tiến hành cuộc vận động rộng lớn trong nhân dân các dân tộc; đoàn kết chiến đấu, phát động chiến tranh du kích; xây dựng lực lượng chính trị quần chúng và lực lượng vũ trang nhân dân; xây dựng căn cứ kháng chiến và coi đó là*

(1) Cay-xôn Phôm-vi-hản: *25 năm chiến đấu và thắng lợi của Đảng Nhân dân cách mạng Lào*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1980, tr 15

nhệm vụ quan trọng, cấp bách hàng đầu của cách mạng lúc bấy giờ⁽²⁾.

Những đóng góp to lớn của đồng chí Cay-xôn Phôm-vi-hản trong đội xung phong Bắc Lào đã khiến các đồng chí đảng viên cộng sản của đội thêm quý mến, tin tưởng ở người chỉ huy tài ba này. Vì vậy, ngày 6-1-1949, đồng chí Cay-xôn Phôm-vi-hản đã được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương và trở thành đảng viên chính thức của Đảng vào ngày 28-7-1949.

Ngày 20-1-1949, tại đơn vị Lát-xa-vông, xã Lào Hùng, huyện Xiêng Kho, tỉnh Sầm Nưa, quân đội Lào It-xa-la tuyên bố chính thức thành lập Bộ chỉ huy đầu tiên do đồng chí Cay-xôn Phôm-vi-hản làm Tổng chỉ huy. Quân đội Lào It-xa-la là tiền thân của quân đội nhân dân Lào.

Để hoàn thành nhiệm vụ của giai đoạn chiến lược mới, vấn đề đặt ra đối với các nhà lãnh đạo cách mạng Lào là phải tổ chức càng nhanh càng tốt Đại hội các lực lượng kháng chiến ở Lào để bầu ra Chính phủ kháng chiến mới. Đại hội các lực lượng kháng chiến Lào đã họp từ ngày 13 đến 15-8-1950, tại Tuyên Quang (Việt Nam). Đại hội đã thảo luận và thông qua Cương lĩnh gồm 12 điểm, xác định nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Lào là đánh đổ thực dân Pháp, sự can thiệp của Mỹ và bè lũ tay sai bán nước ở Lào; xây dựng một nước Lào độc lập, thống nhất và thịnh vượng; thực hiện quyền tự do, dân chủ của nhân dân, quyền bình đẳng giữa các bộ tộc, tôn giáo... Đại hội nhất trí thành lập Mặt trận Dân tộc thống nhất ở Lào, lấy tên là "Neo Lào It-xa-la"; xác định tên nước là Pa-thét Lào (nay là Cộng hòa Dân chủ nhân dân Lào); quy định quốc kỳ, quốc ca của Lào; bầu ra Chính phủ Kháng chiến và hòa hợp dân tộc của Pa-thét Lào do Hoàng thân Xu-pha-nu-vông làm Chủ tịch, đồng chí Cay-xôn Phôm-vi-hản được bầu làm Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

Với cương vị Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Tổng Tư lệnh quân đội Lào It-xa-la, đồng chí Cay-xôn Phôm-vi-hản không ngừng củng cố và phát triển các lực lượng vũ trang cách mạng

Lào; phát triển khu căn cứ cách mạng; đánh địch ở nông thôn, rừng núi, thị xã; dựa vào nhân dân và đã giành được những thắng lợi to lớn.

Năm 1951, đoàn đại biểu Đảng bộ Lào do đồng chí Cay-xôn Phôm-vi-hản làm trưởng đoàn tham dự Đại hội đại biểu lần thứ hai của Đảng Cộng sản Đông Dương. Đại hội quyết định sẽ tổ chức ở mỗi nước một đảng cách mạng. Đây là một quyết định đúng đắn, phù hợp với đặc điểm và tình hình phát triển mới của từng nước.

Sau những năm tháng chiến đấu gian khổ, được sự giúp đỡ hết lòng của bộ đội tình nguyện Việt Nam, nhân dân các bộ tộc Lào đã giành được thắng lợi to lớn, buộc quân Pháp phải rút về nước, hòa bình được lập lại. Đúng như đồng chí Cay-xôn Phôm-vi-hản đã nhận định: *Đây là thắng lợi lịch sử của nhân dân Lào cũng như của nhân dân hai nước Việt Nam và Cam-pu-chia; kết thúc ách thống trị hơn 60 năm của thực dân Pháp trên đất nước Lào, góp phần mở đầu và thúc đẩy quá trình tan rã của chủ nghĩa thực dân cũ trên phạm vi toàn thế giới*⁽³⁾.

Không lâu sau khi hòa bình được lập lại, đế quốc Mỹ lại tiến hành xâm lược Đông Dương. Cuộc chiến đấu của nhân dân các bộ tộc Lào bước sang thời kỳ mới - thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội II Đảng Cộng sản Đông Dương và để đưa cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước ở Lào giành được thắng lợi hoàn toàn, trước hết, cần phải có Đảng cách mạng tiên phong lãnh đạo. Vì vậy, đồng chí Cay-xôn Phôm-vi-hản và các đồng chí đảng viên cộng sản ở Lào tập trung

(2) Cay-xôn Phôm-vi-hản: *Một vài kinh nghiệm chính và một số vấn đề của cách mạng Lào*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1979, tr 14, 15

(3) Cay-xôn Phôm-vi-hản: *Về cách mạng dân tộc dân chủ ở Lào*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1986, tr 8

chuẩn bị về chính trị, tư tưởng, tổ chức cho sự ra đời của một đảng cách mạng chân chính Lào. Đại hội thành lập Đảng họp từ ngày 22-3 đến 6-4-1955, tại tỉnh Sầm Nưa với 25 đại biểu ưu tú tham gia. Đồng chí Cay-xôn Phôm-vi-hản, thay mặt cho Ban tổ chức và Ban trù bị Đại hội trình bày Báo cáo Chính trị thành lập Đảng. Báo cáo nhấn mạnh đến nhiệm vụ của Đảng trong giai đoạn mới là *"đoàn kết, lãnh đạo toàn dân phấn đấu hoàn thành sự nghiệp giải phóng dân tộc, xây dựng một nước Lào hòa bình, độc lập, dân chủ, thống nhất và thịnh vượng"*. Để hoàn thành nhiệm vụ mới, Đảng đề ra Chương trình 12 điểm, thể hiện khối đại đoàn kết toàn dân, rộng mở, thông thoáng, hoàn toàn phù hợp với đặc điểm của Lào. Báo cáo Chính trị xác định rõ nhiệm vụ xây dựng Đảng vững mạnh, đủ sức lãnh đạo cách mạng Lào tiến lên, hoàn thành nhiệm vụ cách mạng giải phóng dân tộc. Đại hội thảo luận và thông qua Điều lệ Đảng, lấy tên là "Đảng Nhân dân Lào". Đại hội bầu Ban chỉ đạo Trung ương Đảng do đồng chí Cay-xôn Phôm-vi-hản làm Bí thư.

Sự ra đời của Đảng Nhân dân Lào đã tạo sự biến đổi về chất trong tiến trình đấu tranh cách mạng Lào, đặc biệt trong giai đoạn cả nước đứng lên kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Từ sau Đại hội, đồng chí Cay-xôn Phôm-vi-hản cùng tập thể Ban chỉ đạo của Đảng tập trung vào việc lãnh đạo xây dựng các đảng bộ địa phương và các tổ chức cơ sở đảng. Vì vậy, cơ sở đảng và cơ sở quần chúng được củng cố và phát triển nhanh chóng.

Để đối phó với những âm mưu xảo quyệt của đế quốc Mỹ, đồng chí Cay-xôn Phôm-vi-hản cùng với các nhà lãnh đạo cách mạng Lào đề ra chính sách hòa bình trung lập nhằm tập hợp các lực lượng yêu nước, quần dân một lòng, dốc sức vào cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước ở Lào. Đảng Nhân dân Lào nhanh chóng xây dựng và phát triển lực lượng vũ trang nhân dân bao gồm bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và

dân quân du kích, làm lực lượng nòng cốt trong sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Trong chỉ đạo chiến lược và đường lối ngoại giao, đồng chí Cay-xôn Phôm-vi-hản nhấn mạnh đến việc giải quyết vấn đề Lào nhất định phải có sự tham gia của Neo Lào Hắc-xạt, vì rõ ràng "Pa-thét Lào đang là lực lượng quyết định phương hướng phát triển của xã hội Lào".

Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ hai Đảng Nhân dân Lào họp từ ngày 3 đến 6-2-1972, tại Viêng Xay, tỉnh Sầm Nưa, đồng chí Cay-xôn Phôm-vi-hản trình bày "Báo cáo cương lĩnh chính trị" nhằm đánh giá đúng đắn tình hình thế giới và phong trào cách mạng Lào; trên cơ sở đó, đề ra đường lối của Đảng trong giai đoạn mới; góp phần vào cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc ở Đông - Nam Á và trên thế giới. Đại hội đã sửa đổi Điều lệ Đảng; quyết định đổi tên Đảng thành Đảng Nhân dân cách mạng Lào; đồng chí Cay-xôn Phôm-vi-hản được bầu làm Tổng Bí thư.

Suốt 20 năm chiến đấu gian khổ, quân và dân Lào với sự giúp đỡ của quân tình nguyện và nhân dân Việt Nam đã giành thắng lợi oanh liệt trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Cuộc mít tinh của hơn 2 vạn nhân dân thủ đô Viêng Chăn, ngày 28-3-1975, được xem như cái mốc kết thúc thắng lợi cuộc cách mạng dân tộc dân chủ ở Lào diễn ra suốt từ năm 1945 đến 1975.

Sau khi đất nước độc lập, thống nhất, đồng chí Cay-xôn Phôm-vi-hản và Trung ương Đảng Lào tập trung vào việc khắc phục những hậu quả của chiến tranh; xây dựng chính quyền nhân dân; phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, chú trọng phát triển nông nghiệp và lâm nghiệp, giao thông - vận tải, từng bước nâng cao mức sống của nhân dân, phấn đấu xây dựng nước Lào theo con đường hòa bình, độc lập, dân chủ, thống nhất, phồn vinh và tiến bộ xã hội. Nhiệm vụ bao trùm lên trên hết là xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Lào. Tổng Bí thư Cay-xôn Phôm-vi-hản bắt đầu có những suy

nghe mới về cung cách xây dựng nước Lào mới, trực tiếp đi kiểm tra tại một số địa phương để nhân điển hình và khắc phục những khuyết điểm, thiếu sót. Đồng chí rất quan tâm đến vấn đề giáo dục và chủ trương xây dựng một số khu trung tâm văn hóa miền núi để đưa ánh sáng văn hóa mới đến với nhân dân các bộ tộc ít người.

Những quan điểm mới về xây dựng đất nước Lào sau chiến tranh của Đảng Nhân dân cách mạng Lào và Tổng Bí thư Cay-xôn Phôm-vi-hản đã được phát triển và nâng cao tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ ba của Đảng Nhân dân cách mạng Lào, khai mạc ngày 27-4-1982, tại thủ đô Viêng Chăn. Đồng chí Cay-xôn Phôm-vi-hản đọc "Báo cáo Chính trị" tại Đại hội, nhấn mạnh tầm quan trọng của Đảng là phải tổ chức và bảo đảm cho nhân dân các bộ tộc đoàn kết, phát huy quyền làm chủ đất nước, làm chủ xã hội, cùng nhau xây dựng đất nước. Mấu chốt của công tác xây dựng Đảng là phải gắn chặt với phong trào yêu nước và cách mạng của nhân dân trong tình hình mới. Đại hội bầu đồng chí Cay-xôn Phôm-vi-hản làm Tổng Bí thư. Tại Đại hội IV của Đảng (năm 1986), đồng chí Cay-xôn Phôm-vi-hản tiếp tục được bầu làm Tổng Bí thư của Đảng và đến Đại hội V của Đảng (năm 1991), đồng chí được bầu làm Chủ tịch Đảng.

Giữa lúc sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ đất nước đang trên đà phát triển, đồng chí Cay-xôn Phôm-vi-hản lâm bệnh và từ trần ngày 21-11-1992, thọ 72 tuổi, để lại niềm tiếc thương vô hạn của Đảng và nhân dân các bộ tộc Lào. Đồng chí đã có những cống hiến đặc biệt to lớn đối với cách mạng Lào và là người bạn thân thiết của nhân dân Việt Nam.

Đồng chí Cay-xôn Phôm-vi-hản không chỉ là nhà hoạt động thực tiễn, mà còn là một nhà lý luận của Đảng Nhân dân cách mạng Lào. Chất lý luận đó được thể hiện trong nhiều tác phẩm có tính tổng kết cao của đồng chí, đặc biệt là tác phẩm "*Mấy kinh nghiệm chính*

trong cuộc đấu tranh thắng lợi của cách mạng nước ta". Trong tác phẩm này, đồng chí Cay-xôn Phôm-vi-hản đã rút ra một số vấn đề then chốt mà cách mạng Lào đã giành được trong cuộc đấu tranh giữ nước: *Một là*, cách mạng dân tộc và dân chủ phải có sự gắn bó khăng khít, mật thiết với nhau. Muốn giải quyết vấn đề dân tộc, phải giải quyết vấn đề dân chủ và để giải quyết vấn đề dân chủ, trước hết, phải giải quyết vấn đề dân tộc. *Hai là*, xây dựng khối liên minh công nông vững chắc là một nguyên tắc chiến lược của cách mạng dân tộc dân chủ ở Lào. *Ba là*, xây dựng Mặt trận dân tộc thống nhất trên cơ sở liên minh công nông, dưới sự lãnh đạo của Đảng là vấn đề có ý nghĩa quyết định đối với sự sống còn của dân tộc và nhân dân các bộ tộc Lào. *Bốn là*, nắm vững quan điểm bạo lực cách mạng, kết hợp chặt chẽ hai lực lượng bạo lực: lực lượng chính trị của nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân; kết hợp hai hình thức đấu tranh vũ trang với đấu tranh chính trị để đánh thắng địch là những vấn đề then chốt của chiến tranh cách mạng ở Lào. *Năm là*, đấu tranh vũ trang kết hợp với đấu tranh chính trị là phương pháp cách mạng cơ bản trong cách mạng dân tộc dân chủ ở Lào. *Sáu là*, cách mạng phải biết tạo ra thời cơ, nắm vững thời cơ; phát huy sức mạnh tổng hợp của tổ chức và sức mạnh tổng hợp của nhân dân để giành thắng lợi. *Bảy là*, trong tiến trình cách mạng, phải biết kết hợp đúng đắn giữa tình thần yêu nước nồng nàn với tinh thần quốc tế chân chính. *Tám là*, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố cơ bản quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Lào. Đảng là sản phẩm của sự kết hợp giữa phong trào yêu nước của nhân dân các bộ tộc Lào, phong trào công nhân với chủ nghĩa Mác - Lê-nin do Chủ tịch Hồ Chí Minh truyền bá vào Đông Dương.

Những kinh nghiệm mà đồng chí đã rút ra là những bài học giá trị, không chỉ cho lịch sử mà còn cho cả hiện tại và tương lai của đất nước Lào. □

"BÃY NỢ NẦN" - LỐI THOÁT NÀO CHO CÁC NƯỚC NGHÈO?

NGUYỄN THỊ HOA

TRONG nhiều thập niên qua, các nước nghèo đã lâm vào cuộc khủng hoảng nợ. Đây thực sự là một trong những thách thức to lớn đặt ra đối với các nước này trên con đường phát triển, hội nhập với thế giới.

Trong những năm 50, 60 của thế kỷ XX, hầu hết các nước thuộc địa, nửa thuộc địa đều lần lượt giành được độc lập. Tuy nhiên, một số nước không còn là mục tiêu kiểm soát quân sự của các đế quốc, thực dân mà trở thành mục tiêu của sự xâm lăng mới - đó là sự thống trị và kiểm soát kinh tế. Các cường quốc đã "trợ cấp" cho các thuộc địa cũ khoản vay 59 tỉ USD với lãi suất 14 %. Trong giai đoạn thập niên 80 của thế kỷ XX, sự tăng vọt lãi suất và giá trị đồng USD đã làm trầm trọng tình trạng nợ nần, tăng chi phí dịch vụ nợ. Ngay từ năm 1981, trong *Báo cáo về thương mại và phát triển*, UNCTAD đã cảnh báo rằng nếu lãi suất chỉ cần tăng 1% thì các nước đang phát triển sẽ phải trả thêm 2 nghìn triệu USD. Hơn nữa, các biện pháp bảo hộ ở các nước công nghiệp và sự biến động giá cả các hàng hóa chính đã dẫn đến sự suy giảm thu nhập và xuất khẩu ở các nước đang phát triển. Trong khi đó, ở các nước nghèo và đang phát triển, sự đầu tư rất thiếu cân nhắc, sử dụng vốn vay kém hiệu quả, dẫn đến việc nhiều nước hết hy vọng trả được nợ. Đó là những nguyên nhân cơ bản của khủng hoảng nợ.

Kể từ đầu những năm 80 của thế kỷ XX, các nước nghèo đã phải chịu gánh nặng nợ nần ngày một lớn. Tổng số nợ bên ngoài tăng lên 1,3 nghìn tỉ USD năm 1992 so với 785 tỉ USD năm 1982.

Châu Phi là khu vực lạc hậu nhất thế giới, đã và đang "gồng mình" dưới những khoản nợ khổng lồ

chống chất. Hiện nay châu Phi vẫn còn nợ nước ngoài khoảng 300 tỉ USD. Ở các nước phía Nam sa mạc Xa-ha-ra, nợ lớn hơn tổng sản phẩm quốc dân. Hằng năm, vùng Nam Xa-ha-ra châu Phi chi 14,5 tỉ USD để trả nợ cho các nước giàu và các thể chế tài chính quốc tế như Ngân hàng thế giới (WB) và Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF). Theo một báo cáo đặc biệt về viện trợ cho châu Phi của tờ *Nhà kinh tế* (Anh) số ra ngày 2-7-2005, ở nhiều nước châu Phi, thu nhập bình quân đầu người quay trở lại mức những năm 60 của thế kỷ XX, tức giai đoạn mà các nước này vừa mới giành được độc lập. Theo nhiều nhà phân tích, châu Phi đang bị rơi vào cái "bẫy nghèo khổ". Nói cách khác, châu lục này quá nghèo để có thể tăng trưởng, tiết kiệm ngân sách quốc gia chỉ đạt 16% GDP năm 2003, trong khi ở Đông Á là 42%.

Cho dù những năm gần đây khu vực này đã có một số tín hiệu đáng mừng về tăng trưởng kinh tế và thay đổi về chính trị, nhưng con số tăng trưởng vẫn rất mờ nhạt và sự thay đổi đó chỉ là vài điểm sáng nhỏ nhoi trong bức tranh ảm đạm của châu Phi. Hơn 850 triệu dân châu Phi ngày nay còn nghèo hơn 25 năm trước đây.

Đối với khu vực Mỹ La-tinh, vấn đề nợ nước ngoài đã trở thành tấn thảm kịch triển miên trong suốt những năm cuối thập niên 70 đầu thập niên 80 của thế kỷ XX. Hiện nay, châu lục này đang tụt lại ngày càng xa về khoảng cách phát triển so với châu Á, Đông Âu và thậm chí cả châu Phi. Mỹ La-tinh và vùng Ca-ri-bê là sự tương phản rõ nét nhất về hố sâu ngăn cách giàu nghèo trên thế giới. Với khoảng 227 triệu người nghèo đói, Mỹ La-tinh có nguy cơ trở lại những năm của thập niên 70 khi tự đánh mất con đường đi của mình. Các nhà kinh tế

tính toán rằng Mỹ La-tinh cần nguồn vốn viện trợ khoảng 40 tỉ USD mỗi năm để đạt tăng trưởng lành mạnh ⁽¹⁾.

Hậu quả của nợ nần đã buộc các quốc gia nghèo phải tiếp tục gõ cửa IMF để vay thêm nợ kèm theo những điều kiện khắc nghiệt. Theo thiết kế của các tổ chức tài chính quốc tế, các nước châu Phi và Mỹ La-tinh đã thực hiện chính sách điều chỉnh cơ cấu kinh tế. Mười năm thực hiện chính sách điều chỉnh nhưng không điều chỉnh nổi sự tụt dốc trầm trọng của đời sống kinh tế - xã hội đất nước; gánh nợ chung của các nước nghèo không giảm mà còn tăng lên. Càng vay nợ, các nước nghèo càng thêm nghèo và lệ thuộc nặng nề vào các nước chủ nợ.

Hơn nữa, do lãi suất quá cao nên các nước nghèo đã bị "vắt kiệt" từ năm này qua năm khác. Sự mất giá đồng tiền làm cho chi phí trả nợ tăng lên, khiến cho nhiều nước rơi vào tình cảnh "giật gấu vá vai" khi phải trả số nợ cũ cao gấp nhiều lần so với khoản nợ mới. Hiện nay, các nước nghèo phải trả nợ với số tiền gấp 9 lần số tiền mà họ chỉ cho giáo dục, y tế. Hậu quả là dịch vụ xã hội thiếu thốn trầm trọng, hàng triệu người nghèo trên thế giới đã bị cướp đi mạng sống.

Ngân hàng thế giới đã tính toán, để đưa toàn bộ người nghèo trên thế giới ra khỏi mức nghèo khổ chỉ cần tốn khoảng 0,7% GDP- tương đương với việc tăng 2% thuế thu nhập đánh vào số 1/5 những người giàu nhất trên lục địa. Đã có nhiều "sáng kiến" được đưa ra để giải quyết vấn đề nghèo đói và nợ nần.

Sau nhiều lần bàn họp, từ Hội nghị G7 ở Tô-rôn-tô (Ca-na-đa) năm 1988, Na-pô-li (I-ta-li-a) năm 1995, Ly-ông (Pháp) năm 1996, sáng kiến giảm nợ cho các nước nghèo nhất thế giới (HIPC) đã được đưa ra tại Hội nghị Cô-lô-nơ (Đức) năm 1999, trong đó các nước giàu cam kết dành 100 tỉ USD cho các nước nghèo mắc nợ. Tại hội nghị cấp cao Ca-na-na-xki (Ca-na-đa) năm 2002, Hội nghị G8 đã thông qua Kế hoạch hành động chung cho châu Phi, trong đó các nước G8 cam kết rót khoảng 6 tỉ USD để giúp châu Phi xóa nghèo. Tại Hội nghị cấp cao Ê-vi-ăng (Pháp) năm 2003, G8 đã khẳng định lại cam kết giảm nợ cho các nước châu Phi. Tại Hội nghị cấp cao năm 2004, các nước G8 đã nhất trí giảm 70 tỉ USD nợ cho 27 nước, trong

đó 23 nước châu Phi được giảm trung bình 2/3 số nợ. Đến tháng 6-2005, các nhà lãnh đạo G8 đã đạt được "thỏa thuận lịch sử" xóa ngay lập tức 100% tổng số nợ cho 18 quốc gia nghèo nhất thế giới, trị giá 40 tỉ USD.

Liệu "Kế hoạch Mác-san" cho châu Phi có đủ nhen lên tia hy vọng về xóa đói nghèo mà lâu nay đã dần lụi tàn không? Thủ tướng Anh Tô-ni Ble nói rằng việc tăng viện trợ này không phải là chấm dứt được nghèo đói ở châu Phi, nhưng nó tạo hy vọng là nghèo đói có thể chấm dứt. Việc tăng viện trợ này là một hy vọng tốt lành cho các nước nghèo, được coi là một bước tiến mới trong việc thực hiện các *Mục tiêu phát triển thiên niên kỷ* (MDG) của Liên hợp quốc là giảm một nửa tỉ lệ người nghèo trên thế giới vào năm 2015; đồng thời góp phần tạo điều kiện cho các nước nghèo thoát khỏi khủng hoảng, hội nhập nền kinh tế toàn cầu và trào lưu phát triển chung trên thế giới. Tuy nhiên, theo một số tờ báo nước ngoài, châu lục này chỉ nhận được lời hứa suông bởi thực tế từ trước tới nay, phần lớn nợ chỉ được xóa trên giấy tờ.

Hơn nữa, theo nhiều nhà phân tích, số tiền 40 tỉ mà G8 cam kết xóa nợ cho các nước nghèo chưa thấm thía vào đâu so với tổng số tiền nợ của các nước nghèo phải trả là hơn 2.500 tỉ USD, ít hơn tổng số tiền mà nước Mỹ chi hằng năm vào việc chiếm đóng I-rắc. Nó cũng quá nhỏ bé so với 750 tỉ USD mà G8 chi cho các hoạt động quân sự hằng năm và khoảng 1.000 tỉ USD chi tiêu quân sự của cả thế giới năm 2004. Như vậy, sẽ còn cần bao nhiêu hội nghị "cấp cao" nữa để bàn về việc giải quyết số tiền nợ còn lại của các nước nghèo?

Các biện pháp và sáng kiến giảm nợ do các thiết chế tài chính đưa ra không đủ biến đổi thực tế đói nghèo, bởi nó chỉ là chính sách chấp vả, nửa vời và có tính đối phó khi thời hạn thực hiện *Mục tiêu phát triển thiên niên kỷ* chỉ còn 10 năm.

Các nước giàu sử dụng nợ và viện trợ như cái bẫy và miếng mồi mà nạn nhân là các nước nghèo, kém phát triển. Các nước muốn được nhận viện trợ phải kèm theo điều kiện ràng buộc nhất định như phải mua hàng hóa và dịch vụ của nước cho vay. Viện trợ không đơn giản là "món quà" mà các nước giàu dễ dàng ban phát hay tặng thưởng cho người

(1) *Tuần tin tức* (Mỹ), ngày 5-7-2004

nghèo. Một số người còn lo ngại rằng đổ quá nhiều viện trợ vào các nước nghèo một cách đột ngột có thể làm tăng tỉ giá hối đoái, làm giảm cạnh tranh hàng xuất khẩu, dẫn tới làm tăng sự phụ thuộc của các nước nghèo vào bên ngoài.

Mỹ tuyên bố rằng sẽ không có gì cụ thể được thực hiện đối với người nghèo. Lợi ích của Mỹ phải đặt hàng đầu, có nghĩa là lợi ích của các tập đoàn, các công ty đa quốc gia của Mỹ, không phải lợi ích của giai cấp công nhân Mỹ!

Như vậy, điều kiện viện trợ luôn gắn với lợi ích kinh tế, chính trị của các chủ nợ. Các nước muốn được xóa nợ cũng phải kèm theo những tiêu chuẩn ngặt nghèo. Nếu một quốc gia muốn được xóa nợ, trước hết phải đáp ứng các điều kiện nhất định do các nước giàu đưa ra như cắt giảm chi tiêu của nhà nước, tăng cường phát triển khu vực kinh tế tư nhân, theo đuổi chính sách mở cửa thị trường, cải tổ chính trị "một cách đúng đắn", tăng cường cải cách dân chủ và "làm trong sạch chính phủ"... Điều này có nghĩa là tạo ra một môi trường thuận lợi cho các công ty đa quốc gia vào kinh doanh. Song nó lại tạo ra những căng thẳng về kinh tế - xã hội ở các nước nghèo. Theo Tổ chức hành động châu Phi, các khoản cắt giảm ngân sách của chính phủ các nước ở châu Phi dưới sức ép của IMF và WB trong những năm 80 của thế kỷ trước đã làm giảm một lượng lớn ngân sách cho hệ thống y tế.

Thực tế, xóa nợ và viện trợ cũng chỉ là một nội dung trong chính sách thôn tính của các nước giàu, bởi mục đích cuối cùng của nó không phải là giảm nghèo mà là phục vụ lợi ích của nước viện trợ. Xóa nợ không có nghĩa xóa được nghèo đói. Hơn nữa, nếu các nước được xóa nợ thì rất khó nhận được những khoản vay mới. Và không phải nước nào cũng "may mắn" lọt vào danh sách 18 nước nghèo nhất thế giới để được xóa nợ.

Điều trớ trêu là trong khi các nước giàu đưa ra các điều kiện nhận viện trợ thì bản thân họ lại duy trì những rào cản thương mại, thực hiện chủ nghĩa bảo hộ mạnh mẽ. Năm 2002, các nước giàu đã chi số tiền gấp 25 lần để trợ cấp nông dân nước họ (311 tỉ USD) so với số tiền viện trợ cho châu Phi vùng Nam Xa-ha-ra (12 tỉ USD). Việc dựng "thành lũy" bảo trợ nông nghiệp đã tạo những sức ép cải cách rất lớn đối với các nước nghèo khiến đời sống người dân thêm phần điêu đứng.

Trong khi thương mại công bằng có thể là tấm vé của các nước nghèo để thoát khỏi nghèo đói, thì những nguyên tắc thương mại không công bằng như "cái bẫy" trước cánh cửa phát triển của các nước này. Các nước giàu trợ cấp cho khu vực nông nghiệp nước họ gần 1 tỉ USD mỗi ngày, đã đẩy các hàng hóa của các nước đang phát triển ra khỏi thị trường của họ. Hàng triệu nông dân trên thế giới bị dồn vào bước đường cùng bởi sự trợ cấp này. Một ví dụ khác cho thấy, sau hơn nửa thế kỷ, phần đóng góp của châu Phi vào thương mại thế giới đã bị sụt giảm nghiêm trọng, từ 5,3% năm 1948 giảm xuống còn 1,7 % năm 2004, mặc dù châu Phi chiếm 12% dân số thế giới. Các nhà kinh tế phân tích rằng, với các nguyên tắc thương mại toàn cầu công bằng hơn, châu Phi chỉ giành thêm khoảng 1% thị phần thương mại toàn cầu thì hàng năm sẽ được khoảng 70 tỉ USD trong xuất khẩu, gấp gần 6 lần số tiền viện trợ nước ngoài mà hiện nay khu vực này nhận được⁽²⁾. Và nếu phần đóng góp của các nước đang phát triển vào thương mại thế giới tăng lên khoảng 1%, có thể đưa 128 triệu người thoát khỏi nghèo đói. Việc giảm hàng rào thuế quan và các hàng rào bảo hộ khác có thể đưa ít nhất 500 triệu người trên thế giới thoát khỏi đói nghèo trong vòng 15 năm và tạo ra lợi nhuận kinh tế cho các nước đang phát triển là 200 tỉ USD mỗi năm.

Trong điều kiện bất bình đẳng về thương mại đó, các thể chế kinh tế quốc tế đã sử dụng nợ và viện trợ như thứ vũ khí kinh tế để điều khiển vận mệnh các nước nghèo theo phương thức vay để trả nợ. Viện trợ trở thành cơ chế tài chính để trả nợ hơn là để phát triển. Nhưng càng vay, các nước nghèo càng bị cuốn vào vòng xoáy luẩn quẩn không lối thoát, bởi nợ cũ trả chưa xong, phải gánh thêm khoản nợ mới. Từ nhiều thập niên qua, món nợ trường cửu của nước nghèo cứ chồng chất thêm. Một bài báo đã nhận định: sự cướp bóc nợ quốc gia là một vòng quay đổi bại. Không nghi ngờ gì nữa, tất cả những món nợ được xóa bỏ sẽ là những món nợ mới phải trả. Những nước này vẫn tiếp tục bị trói buộc bởi xiềng xích của chủ nghĩa tư bản⁽³⁾. Báo cáo của UNCTAD năm 2004 cũng đã nhận xét rằng, thế giới là một hiện trạng bất hợp lý, nơi các

(2) www.data.org/why-africa/issuetrade-php

(3) www.marxist.com/debt-relief-poor-countries-300605.htm

nước nghèo đang duy trì kinh tế các nước giàu do nguồn vốn liên quan đến nợ đổ từ nước nghèo sang nước giàu.

Như vậy, bằng cách duy trì cơ chế "nợ - viện trợ", các nước giàu đã "kinh doanh", trục lợi trên sự nghèo đói của hàng tỉ người. Người ta tính toán rằng năm 1993, vùng Xa-ha-ra ở châu Phi nhận được 18 tỉ USD viện trợ nhưng một nửa số tiền này được chuyển thẳng trở lại dưới hình thức trả nợ. Và hiện nay, cứ 1 USD "viện trợ" là có 11 USD quay về nguồn viện trợ.

Việc các nước giàu đưa ra các cam kết viện trợ, xóa nợ để bao biện cho sự duy trì cơ chế nợ thì sẽ không giải quyết được tận gốc khủng hoảng nợ, mặc dù các giải pháp "đền bù" này không ảnh hưởng nhiều đến túi tiền của các nước giàu. Như vậy, trong điều kiện hay, dù có tăng "viện trợ" hay "xóa nợ" cho các nước nghèo nhưng không thể xóa mờ được thực tế rằng chúng nào còn sự bất công trong trật tự kinh tế toàn cầu, còn sự lũng đoạn của các tập đoàn tư bản tài chính phương Tây, khó có thể nói tới chuyện chấm dứt nợ nần và đói nghèo cho các quốc gia trên thế giới. Tất nhiên, việc xóa nghèo và chấm dứt nợ nần còn phụ thuộc vào rất nhiều điều kiện chủ quan và khách quan.

Thứ nhất, gánh nặng nợ là một trở ngại chủ yếu trong việc thu hút đầu tư cần thiết để thoát khỏi đói nghèo. Để thoát khỏi khủng hoảng, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, chấm dứt sự lệ thuộc vào viện trợ của nước ngoài, các nước nghèo cần một "cú hích mạnh", nghĩa là cần một số tiền lớn từ nước ngoài, để có thể xóa toàn bộ nợ đã từng là một trong những nguồn gốc khiến cho châu Phi, Mỹ La-tinh trở thành các "châu lục bị lãng quên" "bị đánh mất" hay "châu lục tuyệt vọng" như cách gọi của báo chí nước ngoài trước đây. Số tiền lớn này chỉ có thể phát huy hiệu quả khi được sử dụng đúng mục đích, đúng chỗ, và không kèm theo bất cứ điều kiện nào.

Đương nhiên, không thể phủ nhận vai trò và tác động của viện trợ đối với sự phát triển của một quốc gia, nhất là đối với những nước nghèo và kém phát triển. Nhưng chỉ trông chờ vào viện trợ thì không thể có phát triển. Viện trợ không phải là "thần dược" để lấp được hố sâu nghèo khổ, nợ nần, nhất là khi mục đích viện trợ đã bị bóp méo hoặc là nguồn làm giàu cho tầng lớp tham nhũng, chỉ thấm rất nhỏ giọt xuống một bộ phận người nghèo trong xã hội. Do vậy, để vượt ra khỏi khủng hoảng, thoát khỏi bẫy nợ

nần và nghèo túng đã từng giam hãm các nước nghèo trong một thời gian dài, các nước nghèo cần chọn cho mình con đường phát triển phù hợp, bảo đảm ổn định và dân chủ hóa hoạt động chính trị, cải tổ cơ cấu kinh tế, sử dụng vốn vay có hiệu quả, chấm dứt nạn tham nhũng...

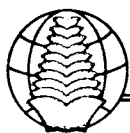
Thứ hai, mặc dù viện trợ cho châu Phi là lớn (theo tờ *Nhà kinh tế*, trong vòng 40 năm qua, các nước phương Tây đã chi khoảng 450 tỉ USD viện trợ nước ngoài cho châu lục này ⁽⁴⁾) nhưng nó nhỏ hơn nhiều so với sự thua thiệt mà các nước này gặp phải do những điều kiện bất lợi về thương mại. Do vậy, để giải quyết nguồn gốc sâu xa của đói nghèo không chỉ là giảm nợ, xóa nợ hay viện trợ mà điều cốt lõi căn bản là phải tạo ra một cơ chế hợp tác để có thể phát triển bình đẳng, bảo đảm cùng có lợi. Đó là thương mại công bằng.

Hiện nay, do sức ép mạnh mẽ của công luận và phong trào xã hội tiến bộ trên thế giới, các nước giàu không thể tiếp tục làm ngơ trước tình trạng nợ nần và nghèo khổ của các nước nghèo bởi vì nó không chỉ là thách thức trực tiếp tác động đến các nước nghèo mà còn ảnh hưởng sâu sắc đến lợi ích của các nước giàu. Do vậy, các nước giàu cần có trách nhiệm giải quyết khủng hoảng nợ bằng cách xóa hoàn toàn nợ; đầu tư vào phúc lợi xã hội; viện trợ không gắn với các điều kiện, xóa bỏ dần trợ cấp nông nghiệp v.v..

Người ta đã tính toán rằng, nếu cứ duy trì tình trạng bất công trong trật tự kinh tế như hiện nay thì đến năm 2015 chỉ có 11 quốc gia đạt được *Mục tiêu phát triển thiên niên kỷ*. Do vậy, nhiệm vụ của các lực lượng tiến bộ, dân chủ, các nước đang phát triển là đảo ngược tình trạng bất công đó, đấu tranh vì một nền thương mại công bằng, xóa khoảng cách giàu nghèo, chấm dứt khủng hoảng nợ nần, thúc đẩy tiến trình hội nhập của các nước nghèo và đang phát triển vào nền kinh tế toàn cầu.

Trong xu thế chung hiện nay, khi tính phụ thuộc lẫn nhau giữa các nước ngày càng tăng thì bất cứ sự phát triển nào cũng phải nhằm mục đích cuối cùng là đáp ứng quyền lợi và nguyện vọng của các dân tộc trên thế giới, nhất là của những người nghèo, không phải chỉ riêng các tập đoàn tư bản tài chính mà đằng sau nó là những ông chủ giàu có. □

(4) *Nhà kinh tế (Anh)*, ngày 2-7-2005



VỀ SỰ RA ĐỜI CỦA ĐẢNG CÁNҺ TẢ TOÀN CHÂU ÂU*

TRONG tình hình quốc tế những năm gần đây có một sự kiện mới trên chính trường châu Âu thu hút sự quan tâm không những của dư luận châu Âu mà còn của thế giới. Đó là sự ra đời của Đảng CánҺ tả toàn châu Âu, trong đó bao gồm Đảng Cộng sản Pháp, Đảng Cộng sản I-ta-li-a, Đảng của chủ nghĩa xã hội dân chủ ở Đức...

Nhiều người cộng sản và các lực lượng cánh tả châu Âu đều có phản ứng tích cực, coi đây là nơi tập hợp các lực lượng trong cuộc đấu tranh với các thế lực thiên hữu, cực hữu hiện nay.

Về bối cảnh ra đời của Đảng CánҺ tả toàn châu Âu, nhiều báo cho rằng: Đó là sau khi Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu sụp đổ đã tạo nên một bước thoái trào cực kỳ nghiêm trọng trong phong trào cách mạng châu Âu. Các đảng cộng sản và công nhân châu Âu bị đẩy vào một hoàn cảnh vô cùng khó khăn. Một mặt, các đảng đều phải đối phó với tình trạng khủng hoảng lòng tin, khủng hoảng về đường lối và khủng hoảng về tổ chức rất trầm trọng. Mặt khác, các đảng phải đối phó quyết liệt với những đòn tiến công ác hiểm của các thế lực thiên hữu, cực hữu, các lực lượng cơ hội chủ nghĩa, phản bội, bằng mọi biện pháp chống đối cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Một đặc điểm khác là nó diễn ra trong điều kiện các quốc gia châu Âu đang phải vật lộn với nhiều khó khăn, thách thức để tiến lên theo hướng nhất thể hóa thành cơ chế một cộng đồng quốc gia thống nhất trong xu thế tất yếu của toàn cầu hóa. Theo một số báo cánh tả, đặc điểm này là một trong số các nhân tố chủ yếu quy định việc ra đời một "Đảng CánҺ tả toàn châu Âu" phù hợp với sự biến đổi của xu thế thời cuộc...

Nhiều ý kiến cho rằng sự ra đời một chính đảng cánh tả toàn châu Âu còn là đòi hỏi thúc bách của tình hình chính trị của châu Âu. Nhiều năm gần đây, do sự sa sút và suy giảm đáng kể của các lực lượng cánh tả, nên trên chính trường châu Âu có sự lấn lướt của các thế lực trung hữu, thiên hữu và cực hữu dưới

ảnh hưởng bột phát của chủ nghĩa đơn phương. Sự lấn lướt đó đã đẩy nhiều nước theo Mỹ trong cuộc chiến tranh xâm lược I-rắc và Áp-ga-ni-xtan; mở rộng khối quân sự NATO; gây sức ép đòi cổ lập và trừng phạt Xi-rì, I-ran... Nhiều ý kiến cho rằng, đã đến lúc châu Âu cần có ảnh hưởng và tiếng nói của một lực lượng cánh tả mạnh làm cho cộng đồng châu Âu có vai trò và ảnh hưởng độc lập hơn, tích cực hơn về mọi mặt trên trường quốc tế.

Theo các giới quan sát quốc tế, sự ra đời của Đảng CánҺ tả toàn châu Âu không phải diễn ra một cách dễ dàng, suôn sẻ mà trải qua cả một quá trình đầy khó khăn.

Sau khi Liên Xô và Đông Âu sụp đổ, các đảng cộng sản châu Âu đều chuyển sang phòng ngự, củng cố, chấn chỉnh lực lượng. Hơn 10 năm qua, nhiều đảng viên các đảng cộng sản ở châu Âu vẫn giữ vững lòng tin, kiên trì chủ nghĩa Mác - Lê-nin và muốn tìm mọi cách thoát khỏi khủng hoảng. Đã có nhiều cuộc hội nghị, hội thảo quốc tế của một số đảng về các yêu cầu đó. Nhiều cuộc hội thảo là nơi diễn ra những cuộc đấu tranh sôi nổi, quyết liệt không những về quan điểm, đường lối, chiến lược mà cả về tổ chức và đổi mới phương thức hoạt động của các đảng trong điều kiện mới. Nhiều đảng đã thống nhất với nhau thông qua con đường hợp tác và nhiều kênh tiếp xúc, cử các đoàn đại biểu cao cấp tới dự đại hội của nhau, lập quỹ tài trợ giúp các đảng tăng cường trao đổi hiểu biết lẫn nhau.

Trong số các đảng tích cực đề xuất và cổ vũ cho việc hình thành chính đảng cánh tả toàn châu Âu,

* Nguồn: (1) Thông tấn xã Việt Nam: *Tài liệu tham khảo đặc biệt*, ngày 30-7-2005

(2) Báo *Nhân đạo Chủ nhật* (Tiếng Pháp), ngày 6-2-2005; Phụ trương ngày 10-2-2005

(3) Báo *Độc lập* (Tiếng Nga), ngày 25-5-2005

Đảng Cộng sản Đức (nay là Đảng của chủ nghĩa xã hội dân chủ Đức - viết tắt là PDS) được coi là đi đầu phong trào. Sau một thời gian tích cực vận động, đến tháng 6-1998, hội nghị do Đảng của chủ nghĩa xã hội dân chủ Đức tổ chức đã diễn ra ở Béc-lin, mời các đảng cánh tả trong khối liên minh châu Âu tham dự, lúc đầu nhằm cùng nhau xem xét đối sách trong vấn đề bầu cử Nghị viện châu Âu. Tại hội nghị, lãnh đạo của Đảng của chủ nghĩa xã hội dân chủ Đức đưa ra kiến nghị thống nhất các đảng "cánh tả" làm cơ sở cho việc thành lập Đảng Cánh tả toàn châu Âu và đã được nhiều đảng tích cực hưởng ứng. Đầu năm 2004, các nhà hoạt động chính trị - xã hội của các đảng cánh tả đã tích cực tham gia vận động tranh cử bầu Nghị viện châu Âu. Họ cho rằng đây là cơ hội tốt cho việc tăng cường đoàn kết và hợp tác và tập hợp lực lượng. Họ đã giành được hơn 20% số cử tri các nước ủng hộ. Cũng trong năm ấy, tình hình của cộng đồng châu Âu lại có thêm diễn biến mới. Tháng 5-2004, Liên minh châu Âu (EU) được mở rộng đáng kể nhờ kết nạp thêm 10 nước thành viên mới. Và cả 10 đảng cánh tả ở các nước này cũng bày tỏ nguyện vọng muốn tham gia. Đó cũng là lúc các Đảng Cộng sản Pháp, Đảng Cộng sản I-ta-li-a, Đảng của chủ nghĩa xã hội dân chủ Đức... đều đang thúc tiến đẩy nhanh quá trình hình thành Đảng Cánh tả toàn châu Âu.

Thực tế là ngay từ đầu năm 2004, hội nghị đại biểu của 19 đảng đã họp tại Béc-lin theo đề nghị của Đảng của chủ nghĩa xã hội dân chủ Đức. Tuy có nhiều vấn đề phải tranh luận gay go, đặc biệt các vấn đề lớn như Cương lĩnh và Điều lệ Đảng, nhưng như nhiều báo chí các đảng cánh tả đã phân tích, các nhà chính trị cánh tả đều tỏ lòng mong muốn các đảng cánh tả tập hợp nhau lại, đoàn kết, hợp tác giúp đỡ lẫn nhau "đưa lực lượng cánh tả nhanh chóng thoát khỏi đáy vực của thế phòng ngự hiện nay". Trong số 19 đảng tham gia hội nghị, chỉ có 11 đảng ký vào bản kiến nghị chung "thành lập Đảng Cánh tả toàn châu Âu", còn 8 đảng khác xin tham gia với tư cách quan sát viên (bởi còn có những điểm chưa nhất trí).

Hội nghị đã thông qua một văn kiện mang tên "Thư kêu gọi Béc-lin" về thành lập "Đảng Cánh tả toàn châu Âu". Nội dung thư kêu gọi gồm nhiều điểm trong đó có những điểm nổi bật sau:

- "Chiến tranh lạnh" đã kết thúc nhưng "chiến tranh nóng" lại đang ngóc đầu dậy. Trước tình hình đó, chúng tôi kêu gọi từ Đại Tây Dương đến U-ran, không được có vũ khí giết người hàng loạt. Chúng tôi yêu cầu khi thực hiện an ninh tập thể châu Âu thì không cần có liên minh quân sự NATO và EU,

châu Âu cần cắt giảm vũ trang; cần phát triển, xây dựng quan hệ đối tác và tăng cường luật pháp quốc tế".

- "Chênh lệch giàu nghèo ở châu Âu đang tăng nhanh trong khi có hàng chục triệu người thất nghiệp, nhiều người khác vẫn không có việc làm ổn định, bảo đảm xã hội bị phá vỡ... Vì vậy, vấn đề bảo đảm cuộc sống và việc làm là đòi hỏi cấp bách hiện nay..."

- "Châu Âu hiện nay đang trở thành một dinh lũy với danh nghĩa chống khủng bố, cho nên nhân quyền và quyền công dân đang bị đe dọa và bị xâm phạm. Chúng tôi hy vọng EU phải mở cửa với thế giới bên ngoài, nhân quyền và quyền công dân phải được tôn trọng và phát huy đầy đủ..."

- "Châu Âu phải có quyền chi phối kinh tế. Hiện nay, các cuộc chiến tranh mậu dịch đang xảy ra. Chúng tôi yêu cầu phải tích cực, chủ động thúc đẩy phát triển, xây dựng quan hệ đối tác kinh tế, chính trị bình đẳng, công bằng..."

Theo một số tờ báo, ngoài *Thư kêu gọi Béc-lin*, dư luận đặc biệt quan tâm đến bản *Dự thảo cương lĩnh Đảng Cánh tả toàn châu Âu* của hội nghị. Bản Dự thảo nhấn mạnh phong trào đấu tranh sâu rộng trong nhân dân lao động châu Âu. Đó là "phong trào phản đối sự bóc lột của chủ nghĩa tư bản đang ngày càng lớn mạnh và đang hình thành một trật tự thế giới mới" công bằng hơn. Trong Dự thảo cương lĩnh có kêu gọi "ra sức phấn đấu cho mục tiêu xây dựng chủ nghĩa cộng sản, chủ nghĩa xã hội dân chủ, cân bằng sinh thái và bình đẳng nam nữ, thúc đẩy biến đổi xã hội".

Theo các giới quan sát cánh tả châu Âu, tuy còn có nhiều điều cần phải xem xét và tranh luận nhưng bản Dự thảo cương lĩnh đã có tiếng vang và gây được nhiều ảnh hưởng đáng chú ý trong giới nghiên cứu khoa học chính trị cũng như các tầng lớp nhân dân châu Âu.

Qua một quá trình vận động, đến giữa năm 2004, hội nghị bàn về thành lập Đảng Cánh tả toàn châu Âu mới tiến hành họp (từ ngày 8 đến 9-5-2004) ở thủ đô Rô-ma (I-ta-li-a), với sự tham gia tích cực của 15 đảng cánh tả. Một số đảng khác cũng rất tích cực ủng hộ chủ trương đổi mới và phát triển tổ chức và vai trò của đảng cánh tả trong tình hình mới, nhưng còn nhiều vấn đề cơ bản, quan trọng về lý luận và nguyên tắc chưa đạt được nhất trí, nên vẫn giữ thái độ bảo lưu để tiếp tục cùng nhau nghiên cứu và xem xét, như các đảng cánh tả ở Anh, Hung-ga-ri, Hà Lan, Man-ta, Lit-va..

Ngày 30-10 vừa qua, Đại hội chính thức đầu tiên của Đảng Cánh tả toàn châu Âu bao gồm 17 đảng đã họp tại thủ đô A-ten (Hy Lạp). Đại hội đã ra "Tuyên bố A-ten" phản đối chiến tranh, chống chính sách thực dân kiểu mới và chống đói nghèo. Tuyên bố kịch liệt phản đối chiều hướng quân sự ở châu Âu hiện nay; đấu tranh giải trừ quân bị ở châu Âu; yêu cầu đóng cửa tất cả các căn cứ quân sự của Mỹ cũng như của tổ chức quân sự NATO trên toàn châu Âu. Tham dự Đại hội có đại biểu các đảng như Đảng Cộng sản Pháp, Đảng cánh tả Đức, Đảng Cộng sản I-ta-li-a, Liên minh cánh tả và tiến bộ Hy Lạp, đại diện các tổ chức cánh tả Áo, Bỉ, Tây Ban Nha, E-xô-ni-a, Hung-ga-ri, Lút-xăm-bua, Bồ Đào Nha, Cộng hòa Séc, Ru-ma-ni, Thụy Sĩ...

Trước sự ra đời của Đảng Cánh tả toàn châu Âu, dư luận châu Âu nói chung có nhiều phản ứng rất khác nhau. Ngoài thái độ hằn học, phỉ báng không đáng để ý của các thế lực thiên hữu, cực hữu ở một số nước châu Âu, cũng còn có những tiếng nói lập lờ, những luận điệu hoài nghi mang danh mác-xít của các tác gia lý luận cơ hội chủ nghĩa. Nhìn chung dư luận châu Âu có nhiều phản ứng tích cực. Nhiều người cho rằng trong giai đoạn hiện nay của toàn cầu hóa, sự chuyển động của quan hệ quốc tế trên mọi lĩnh vực ở châu Âu và trên thế giới diễn ra rất nhanh chóng, nên sự trì trệ trong các lực lượng và phong trào cánh tả ở châu Âu không thể tiếp tục kéo dài mãi. Vì vậy, người ta cho rằng, sự ra đời của Đảng Cánh tả toàn châu Âu vào lúc này là cần thiết và hợp lý, phù hợp với nguyện vọng và mong muốn của nhiều người. Dĩ nhiên, đi vào cụ thể còn hàng loạt vấn đề quan trọng cả về lý luận và thực tiễn phải được tiếp tục nghiên cứu và giải quyết. Hơn nữa, cũng cần nói rằng, việc thành lập một đảng cách mạng cho một lục địa là vấn đề hoàn toàn mới, chưa từng có tiền lệ, cả trong lịch sử và lý luận.

Các nước châu Âu đã có đồng tiền chung châu Âu, có Quốc hội châu Âu, có ngân sách chung châu Âu và đang từng bước thông qua Hiến pháp chung châu Âu để tiến tới cơ chế một quốc gia châu Âu thống nhất.

Việc thực hiện thống nhất châu Âu đã khó, việc xây dựng một Đảng Cánh tả toàn châu Âu có thể còn khó hơn mà việc ra đời này mới chỉ là sự mở đầu. Nhiều chông gai thử thách đang ở phía trước. Nhưng đó đang là nguyện vọng, quyết tâm và ý chí của những người cộng sản châu Âu, xứng đáng được tôn trọng. □

TRẦN TRỌNG
(Lược thuật)

NHON TRẠCH...

(Tiếp theo trang 59)

thu nhập cho người dân và góp phần giải quyết hóa các vấn đề xã hội.

Quan tâm chăm sóc đối với các gia đình chính sách, phụng dưỡng Bà mẹ Việt Nam anh hùng. Đẩy mạnh cuộc vận động ủng hộ quỹ đền ơn đáp nghĩa để xây dựng và sửa chữa nhà tình nghĩa, tiếp tục vận động xây dựng nhà tình thương.

Thường xuyên tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối, toàn diện của Đảng đối với lực lượng vũ trang, quan tâm chỉ đạo công tác bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, xây dựng nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân ở địa phương để giữ vững ổn định chính trị, tạo điều kiện thuận lợi phát triển kinh tế - xã hội.

Chú trọng đổi mới hệ thống chính trị mà trọng tâm là xây dựng các tổ chức đảng và chính quyền ở cơ sở trong sạch vững mạnh, phát triển đảng và đào tạo cán bộ có đủ phẩm chất, năng lực đáp ứng yêu cầu phát triển của thời kỳ mới.

Yếu tố quan trọng và cơ bản nhất để Nhơn Trạch đi đúng định hướng quy hoạch là huyện rất cần có cơ chế đầu tư đặc biệt, đồng thời có chỉ đạo thống nhất từ Trung ương đến địa phương, có chính sách đầu tư đồng bộ nhằm xây dựng hoàn chỉnh kết cấu hạ tầng kỹ thuật.

Hơn 10 năm qua, một quãng thời gian không dài, tuy nhiên đây là thời điểm hết sức có ý nghĩa, là nền tảng quan trọng khởi đầu cho những định hướng phát triển trong tương lai.

Từ những thành quả đã đạt được, Đảng bộ và nhân dân huyện Nhơn Trạch tiếp tục phát huy mọi nguồn lực, tạo sự đoàn kết nhất trí trong toàn Đảng, toàn quân, toàn dân để thành phố Nhơn Trạch trong tương lai sẽ trở thành hiện thực và có những đóng góp tích cực trong khu vực, khẳng định vị trí của Đồng Nai trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. □



Nguyễn Phó Thủ tướng Nguyễn Mạnh Cẩm về thăm và làm việc tại huyện đảo

Huyện LÝ SƠN

ĐC: An Vĩnh, H. Lý Sơn, T. Quảng Ngãi
Điện thoại: 055 867 274



Bí thư Huyện ủy
TRẦN HUY THÔNG



Lễ bàn giao nhà tình nghĩa cho bà Nguyễn Thị Tây



Phong trào toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại



Lễ Kỷ niệm 30 năm ngày giải phóng Lý Sơn

Trong 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ III, Đảng bộ và nhân dân huyện đảo Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi đã nỗ lực vượt qua mọi khó khăn, vươn lên đạt được những thành tựu quan trọng trong xây dựng và phát triển kinh tế- xã hội, giữ vững trật tự an ninh chính trị trên địa bàn huyện. Cụ thể:

1/ Về kinh tế:

- Tổng giá trị sản xuất trên địa bàn tăng bình quân hằng năm 17,8%

- Giá trị sản xuất ngành thủy sản tăng trung bình hằng năm 19,7%, tăng 2,4 lần so với năm 2000.

- Giá trị sản xuất ngành nông nghiệp (trồng trọt, chăn nuôi) tăng trung bình hằng năm 23%, tăng 2,8 lần so với năm 2000. Trong 5 năm đã trồng dặm được 45 héc- ta rừng, diện tích rừng trồng 70 héc- ta, năng độ che phủ của rừng 7%.

- Giá trị sản xuất ngành công nghiệp - TTCN: tăng trung bình hằng năm 32,1%, tăng 3,6 lần so với năm 2000.

- Giá trị sản xuất ngành thương mại - dịch vụ: tăng trung bình hằng năm 13,8%, tăng 1,8 lần so với năm 2000.

- Thu nhập bình quân đầu người năm 2005 đạt 5,7 triệu đồng, tăng 46,2% so với năm 2000.

2/ Văn hóa - xã hội, giáo dục - đào tạo, y tế, dân số - KHHGD:

- Văn hóa- xã hội: trung bình hằng năm giải quyết việc làm cho 200 lao động; xóa hết hộ đói, giảm hộ nghèo từ 28,7% xuống còn 15,2%.

- Giáo dục đào tạo: trong 5 năm đã tăng thêm 1 trường THCS và tổ chức được 2 nhóm trẻ ở 2 trường; xây dựng 40 phòng học; phương tiện, thiết bị dạy học được trang bị cơ bản; kết quả trúng tuyển vào các trường đạt: trung học chuyên nghiệp 35%, đại học, cao đẳng: 17,6% (so với số lượng thi).

- Y tế, dân số - KHHGD: tỷ lệ dân số tăng tự nhiên đạt 1,39%; giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng từ 30% xuống còn 26%; chính sách khám, chữa bệnh cho người nghèo được quan tâm, công tác tiêm chủng mở rộng cho trẻ em và phụ nữ mang thai được tổ chức thường xuyên và thực hiện đạt kết quả.

3/ Quốc phòng - an ninh: công tác tuyển quân hằng năm đạt chỉ tiêu trên giao; xây dựng lực lượng dân quân tự vệ đạt 2,4% dân số; xây dựng lực lượng dự bị động viên đạt 90% quân số; số xã vững mạnh về quốc phòng - an ninh trên địa bàn huyện đạt 66,7%.

4/ Xây dựng Đảng: tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh đạt 70,6%, hoàn thành 28%; bình quân mỗi năm kết nạp 44 đảng viên.





Ban Chấp hành đảng bộ huyện khóa XII (nhiệm kỳ 2005- 2010)

HUYỆN LẮK

Địa chỉ: Cơ quan Huyện ủy - huyện LẮK- tỉnh đăklăk * ĐT: 050.586 116



Đồng chí NGUYỄN ĐỨC DỤC
Tỉnh ủy viên- Bí thư Huyện ủy

CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU GIAI ĐOẠN 2006-2010:

* Về kinh tế:

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân hằng năm từ 14%-15%.
- GDP bình quân đầu người đến năm 2010 là 780 USD.
- Cơ cấu kinh tế đến năm 2010: NLN: 62,04%, CN-TTCN-XD: 8,95%, TM- DV- DL: 29,01%.
- Thu ngân sách trên địa bàn tăng hằng năm 11 % trở lên.

* Về xã hội:

- Phân đấu đến năm 2010 giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống dưới 10% theo tiêu chí mới.
- 100% số xã, thị trấn đạt chuẩn Quốc gia về y tế.

* Về xây dựng Đảng - xây dựng hệ thống chính trị:

- Số tổ chức cơ sở đảng đạt TSVM hằng năm 75% trở lên.
- Tỷ lệ đảng viên đủ tư cách, hoàn thành tốt nhiệm vụ đạt từ 85% trở lên, trong đó xuất sắc đạt 35% trở lên.
- Phân đấu kết nạp đảng viên mới ít nhất 120 đảng viên/năm.
- Giữ vững ổn định ANCT- TTATXH, xây dựng lực lượng vũ trang, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân vững chắc, đảm bảo ổn định trong mọi tình huống.

5 năm qua là cả quá trình phấn đấu vận dụng và tổ chức thực hiện Nghị quyết XIII của Đảng bộ tỉnh và Nghị quyết XI của Đảng bộ huyện. Nhiều chuyển biến rõ rệt trên các mặt, nhất là về kinh tế có ý nghĩa rất quan trọng, là nguồn cổ vũ, động viên Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong huyện vượt qua khó khăn thử thách, tạo thế đi lên trong những năm tới.

Kết quả đạt được trên các lĩnh vực như sau:

- Kinh tế phát triển toàn diện, tốc độ tăng trưởng GDP bình quân đạt 12,46%/năm (chỉ tiêu NQ đề ra 6-7%).
- Cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực: Nông lâm nghiệp tăng 12,95%; CN-TTCN tăng 7,13%; Dịch vụ tăng 12,07%.
- Tổng sản lượng lương thực năm 2004 đạt 59.182 tấn (năm 2005 ước đạt 64.000 tấn, vượt 29.000 tấn so với NQ).
- Thu ngân sách năm 2005 ước đạt 6 tỉ đồng (tăng 3 tỉ đồng so với NQĐH).
- Chăn nuôi phát triển theo hướng tập trung, tổng đàn trâu: 750 con; đàn bò: 5.400 con; đàn heo: 19.800 con; đàn gia cầm: 165.000 con.
- Lâm nghiệp: Diện tích rừng trên địa bàn huyện cơ bản được giữ vững, trong 5 năm trồng mới được 1.347 ha rừng.
- Hoạt động thương mại phát triển nhanh và năng động, đảm bảo nhu cầu sản xuất, tiêu dùng trong huyện. Du lịch có nhiều chuyển biến, đồng thời do có sự quan tâm đầu tư của Nhà nước nên lượng khách du lịch ngày càng tăng, bình quân có khoảng 70- 80 ngàn lượt khách/năm. Doanh thu du lịch năm 2005 đạt trên 10 tỉ đồng, gấp 5 lần so với năm 2000.
- Lĩnh vực văn hóa - xã hội có những chuyển biến tích cực, giáo dục- đào tạo phát triển toàn diện. Công tác đào tạo nghề cho học sinh và người lao động có bước phát triển.
- Công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị cơ sở vững mạnh là nhiệm vụ then chốt. Hằng năm đã tập trung chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở đảng đăng ký rèn luyện đạt danh hiệu trong sạch vững mạnh và xây dựng qui chế hoạt động ở từng cơ sở đảng... nên đã từng bước khắc phục thiếu sót trong công tác của các tổ chức cơ sở đảng. 5 năm qua đã kết nạp được 339 đảng viên mới, tăng 159 đ/c so với nhiệm kỳ trước.

ỦY BAN DÂN SỐ GIA ĐÌNH VÀ TRẺ EM TỈNH ĐẮK LẮK

Chủ nhiệm: **NGUYỄN QUÝ BA**

Địa chỉ: đường Ngô Quyền - TP. Buôn Ma Thuột - tỉnh Đắk Lắk * Điện thoại: (050) 953 130



Được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng, chính quyền các cấp, sự phối hợp tích cực của các ngành hữu quan, sự nỗ lực cố gắng của hệ thống Ủy ban Dân số Gia đình và trẻ em các cấp, công tác dân số, gia đình và trẻ em đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận. Công tác thông tin giáo dục tuyên truyền đã được chú trọng qua các kênh truyền thông, đặc biệt qua các đợt thực hiện Chiến dịch truyền thông lồng ghép dịch vụ KHHGĐ, Tháng hành động vì trẻ em, Ngày gia đình Việt Nam... Nhờ thực hiện tốt công tác chỉ đạo điều hành, Phối hợp liên ngành, quản lý chương trình các xã phường, kiểm tra giám sát... các hoạt động trên lĩnh vực dân số, gia đình và trẻ em đã được triển khai thực hiện đạt kết quả tốt, góp phần quan trọng đẩy nhanh tiến độ thực hiện kế hoạch chương trình năm 2005.

Ngay từ đầu quý 1/2005, Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em tỉnh đã triển khai, kịp thời xây dựng định hướng chung và triển khai chương trình phối hợp thực hiện công tác dân số, gia đình và trẻ em với các ngành hữu quan. Chỉ đạo UBDS, GD và TE các huyện, thành phố tổ chức tốt các hoạt động: củng cố kiện toàn bộ máy tổ chức cấp huyện, xã và thôn, buôn, khối phố; triển khai thực hiện 2 đợt Chiến dịch "tăng cường tuyên truyền vận động, lồng ghép dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản KHHGĐ đến vùng có mức sinh cao, tỷ lệ sinh con thứ 3 cao, vùng khó khăn", tiếp tục triển khai các Dự án dân số, gia đình và trẻ em, đẩy

manh hoạt động của Quỹ bảo trợ trẻ em các cấp, tăng cường hoạt động về công tác gia đình và bảo vệ chăm sóc trẻ em.

Tổ chức thực hiện các dịch vụ y tế về chăm sóc sức khỏe sinh sản kế hoạch hóa gia đình nhằm đáp ứng nhu cầu của người dân cả về số lượng, chất lượng dịch vụ như: đình sản, đặt tháo dụng cụ tử cung, thuốc tiêm tránh thai, cấy thuốc tránh thai... Ủy ban DS, GD và TE thực hiện tốt công việc cung cấp các phương tiện phòng tránh thai phi lâm sàng, đảm bảo cung ứng đầy đủ, kịp thời các loại phương tiện tránh thai theo qui định. Các huyện tích cực triển khai thực hiện việc thay sổ hộ gia đình mới và nhập dữ liệu đăng ký dân cư vào máy vi tính theo sự chỉ đạo của Trung ương và của tỉnh.

Chỉ đạo UBDS, GD và TE các huyện, thành phố tiếp tục triển khai thực hiện các hoạt động về gia đình năm 2005. Triển khai thực hiện các hoạt động căn cứ theo Quyết định 03/ QĐ-DSGD&TE của UBDSGD&TE VN về xây dựng xã phường phù hợp với trẻ em...

Đến nay 11/13 huyện, thành phố đã tiến hành cấp thẻ khám chữa bệnh không mất tiền tại các cơ sở y tế công lập cho trẻ em dưới 6 tuổi. Quỹ bảo trợ trẻ em tỉnh đã tổ chức những hoạt động thiết thực giúp đỡ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt: xây dựng 13 căn nhà tình thương cho 42 trẻ em mồ côi tại các huyện: Lak, EaKar, CưMgar, KrôngAna...



ỦY BAN DÂN SỐ GIA ĐÌNH VÀ TRẺ EM THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: Số 276/ 5 NÚI THÀNH - ĐÀ NẴNG



Chủ nhiệm
Bác sĩ NGUYỄN HỮU CÀNG

Uỷ ban Dân số Gia đình và Trẻ em thành phố Đà Nẵng là cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực DS, GD và TE. Ủy ban có chức năng tham mưu UBND thành phố về công tác quản lý, điều hành hoạt động, định hướng chiến lược Dân số, chương trình hành động Vì trẻ em... Ngoài ra Ủy ban còn thực hiện xây dựng kế hoạch huy động điều phối và hướng dẫn hoạt động của các ban ngành, đoàn thể, các tổ chức xã hội, địa phương cùng tham gia truyền thông- vận động- giáo dục cán bộ, nhân dân hưởng ứng thực hiện chính sách Dân số, Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện các Chính sách.

Từ đó, trong năm 2005, Ủy ban DS, GD và TE thành phố đã đăng ký thực hiện 3 nhiệm vụ trọng tâm công tác dân số, gia đình và trẻ em với UBND thành phố, cụ thể như sau:

- Công tác dân số: Phấn đấu hoàn thành giảm tỷ suất sinh thô: 0,4‰, giảm tỷ lệ sinh 3 trở lên: 0,6 %, hoàn thành chỉ tiêu các biện pháp tránh thai hiện đại.

- Công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em: Huy động nguồn lực để chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, phấn đấu đạt 1,5 tỉ đồng từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước cho quỹ Bảo trợ trẻ em, phối hợp chặt chẽ với các ngành, đoàn thể hoàn thành 5 chỉ tiêu các mục tiêu Chương trình hành động vì trẻ em về chăm sóc sức khỏe dinh dưỡng, văn hóa vui chơi, chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt...

- Công tác gia đình: Phối hợp với các ngành, đoàn thể xây dựng Chiến lược Gia đình của thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2005-2010, thực hiện có hiệu quả dự án tín dụng gia đình phát triển bền vững, tập trung tuyên truyền Pháp lệnh Dân số, Luật Hôn nhân và Gia đình, Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em.

Trong 9 tháng đầu năm thành phố Đà Nẵng đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch về DS, GD và TE của cấp trên giao, cụ thể: Về DS/KHHGD đạt 113/25 kế hoạch năm. Trong đó vòng tránh thai đạt: 103,35%; đình sản đạt: 106,75%; thuốc tiêm tránh thai đạt: 111,4%... Đặc biệt, Đà Nẵng đã hoàn thành việc cấp phát thẻ khám chữa bệnh miễn phí cho trẻ em dưới 6 tuổi với hơn 70 ngàn thẻ - là đơn vị hoàn thành việc cấp phát sớm nhất trong cả nước.

BAN AN TOÀN GIAO THÔNG TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Địa chỉ: 93 Lý Thường Kiệt - phường 1 - TP. Vũng Tàu - tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Điện thoại: 064.850 208 - 064.853 553 * Fax: 064.512 082

KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2005

★ **Kết quả công tác tuần tra kiểm soát, xử lý vi phạm TTATGT:** Lực lượng Công an tỉnh ra quyết định xử phạt 53.637 trường hợp, với tổng số tiền nộp kho bạc Nhà nước 9.024.069.000 đồng. Thanh tra giao thông tập trung xử lý các vi phạm hành lang an toàn giao thông, chở quá tải, quá khổ, ra quyết định xử phạt 5.341 trường hợp với tổng số tiền 624.431.000 đồng. Người tham gia giao thông đã chấp hành luật giao thông tốt hơn, một số lỗi vi phạm như vượt đèn đỏ, đi vào đường cấm, đường một chiều... giảm đáng kể.

★ **Công tác kiểm định phương tiện giao thông vận tải:** Ôtô chở khách cũ, quá niên hạn đã sử dụng đã được thay thế, tai nạn giao thông có nguyên nhân do kỹ thuật và xe cũ không xảy ra. Tổng số xe ô tô khách kiểm định là 5.689 lượt xe, trong đó số xe đạt tiêu chuẩn là 4.921 lượt xe. Tổng số xe khách đã qua sử dụng từ 15 năm trở lên vào kiểm định là 102 xe (486 lượt kiểm định), trong đó xe đạt tiêu chuẩn là 87 xe. Tổng số xe ô tô tải và tải chuyên dùng đã qua sử dụng từ 20 năm trở lên vào kiểm định là 76 xe (168 lượt kiểm định), trong đó xe đạt tiêu chuẩn là 54 xe.

★ **Tình hình tai nạn giao thông:** So với cùng kỳ năm 2004 giảm 26,5%; số người chết giảm 25%; số người bị thương giảm 9,1%; tài sản thiệt hại giảm 69,5 triệu đồng.

★ **Kết quả thu được qua con số thống kê cho thấy:** Trật tự kỷ cương trong giao thông trên phạm vi toàn tỉnh được thiết lập, nhân dân đồng tình, ủng hộ, tình hình tai nạn giao thông đường bộ đã được kiểm chế và tiếp tục giảm; ý thức chấp hành pháp luật của người tham gia giao thông có chuyển biến tốt. Ban tăng cường chỉ đạo và tổ chức phối hợp chặt chẽ giữa các ngành chức năng, nhằm huy động mọi lực lượng tham gia phòng ngừa tai nạn giao thông.

QUẬN KIẾN AN

Địa chỉ Quận ủy: Cao Toàn - Kiến An - Hải Phòng * Điện thoại: 031 791 217



Bí thư Quận ủy
VŨ THANH TÚ

Kiến An vốn có bề dày truyền thống yêu nước và đấu tranh cách mạng. Mảnh đất và con người nơi đây đã trải qua bao thăng trầm để phát triển và đang hội nhập trong xu thế đi lên của thành phố và đất nước.

Đại hội Đảng bộ quận Kiến An lần thứ II (2000-2005) đã thể hiện quyết tâm, với tư tưởng chỉ đạo: *“Phát huy mọi nguồn lực, đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa; xây dựng quận Kiến An có kinh tế, văn hóa, xã hội phát triển; quốc phòng an ninh vững mạnh; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân ngày càng nâng cao”*.

Đảng bộ, chính quyền và nhân dân trong quận đã chung sức, đồng lòng, giành được những thắng lợi quan trọng. Kết quả nổi bật là: hàng năm giá trị sản xuất CN - TTCN tăng 23%; thương mại - dịch vụ tăng 12%; sản xuất nông nghiệp đang chuyển mạnh theo hướng phát triển trang trại và sản xuất hàng hóa, đạt giá trị kinh tế 47 triệu đồng/ha canh tác. Thu ngân sách vượt chỉ tiêu, tăng 38,5%. Huy động các nguồn vốn đầu tư xây dựng mỗi năm đạt gần 300 tỉ đồng. Nhiều công trình giao thông, điện chiếu sáng, trường học, cơ sở y tế... đã và đang được cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới. Diện mạo đô thị Kiến An ngày càng sáng, xanh, sạch đẹp và an toàn hơn.

Các lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, xã hội có nhiều khởi sắc. “Năm Giáo dục”, “Năm Văn hóa”, “Năm Kỷ cương - Môi trường - Phát triển” đang đi vào cuộc sống.

+ Quy mô và chất lượng giáo dục ngày càng phát triển, có 3 trường đạt chuẩn quốc gia.

+ Chất lượng khám, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe cho nhân dân được nâng lên. Đến nay, đã có 100% số phường đạt chuẩn quốc gia về y tế cơ sở.

+ Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư” ngày càng đi vào chiều sâu và phát huy hiệu quả, đã có 17 khu dân cư đạt tiêu chuẩn khu dân cư văn hóa cấp quận và thành phố.

+ Phong trào “Đến ơn, đáp nghĩa”, “Uống nước nhớ nguồn”, “Xóa đói giảm nghèo” đã được các cấp, các ngành và đông đảo nhân dân ủng hộ.

+ Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững.

+ Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng đã đạt được những kết quả bước đầu. Năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng bộ và đội ngũ cán bộ, đảng viên được nâng lên. Vai trò quản lý, điều hành của các cấp chính quyền có hiệu quả rõ rệt. Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân có nhiều tiến bộ.

Nhiệm kỳ Đại hội Đảng bộ quận (2005-2010) với tinh thần “Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ; chủ động sáng tạo, phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị; huy động mọi nguồn lực, đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội; quốc phòng - an ninh; từng bước nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân”. Đại hội xác định: giá trị sản xuất CN - TTCN tăng 18-20%; thương mại - dịch vụ tăng 13-15%; hình thành những cánh đồng 50 triệu đồng/héc- ta canh tác; thu ngân sách tăng từ 10-12%; tỷ lệ hộ nghèo còn 3,5%; 50% số trường đạt chuẩn quốc gia; mỗi năm giải quyết việc làm cho trên 3.000 lao động...

Phát huy những kết quả và kinh nghiệm đã đạt được, với truyền thống đoàn kết, thống nhất, năng động, sáng tạo, Đảng bộ, quân và dân quận Kiến An quyết tâm thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ mà Đại hội Đảng bộ quận lần thứ III đề ra, xây dựng Kiến An phát triển nhanh, toàn diện, bền vững.

CÔNG TY THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT BẮC GIANG

Giám đốc: **NGUYỄN TRỌNG KHANG**

Địa chỉ: Số 3 Nguyễn Khắc Nhu - thành phố Bắc Giang * Điện thoại: 0240 854 406

Công ty Thông tin tín hiệu đường sắt Bắc Giang thuộc TCT Đường sắt Việt Nam. Được sự quan tâm lãnh đạo của Đảng ủy Đường sắt Việt Nam, của Tổng công ty, Đảng bộ công ty đã lãnh đạo toàn Công ty vượt qua khó khăn, hoàn thành thắng lợi Nghị quyết Đại hội đảng bộ công ty lần thứ VIII và đạt được các kết quả sau:

Khối lượng sửa chữa năm 2004 đạt 1.084.310 giờ, tăng 7,82% so với 2003.

Doanh thu năm 2004 đạt 9 tỉ 400 triệu đồng, tăng 19,5% so với 2003.

Doanh thu năm 2005 ước đạt 10,4 tỉ đồng, tăng trên 10%.

Thu nhập bình quân năm 2004 là 1.452.000 đồng/người/tháng, tăng 16,44% so với năm 2003.

Thu nhập bình quân năm 2005 dự kiến là 1.600.000 đồng/người/tháng.

Đảng bộ công ty luôn quan tâm công tác phát triển Đảng cả về số lượng và chất lượng.

Năm 2004 và 6 tháng đầu năm 2005 đã kết nạp được 8 người vào Đảng.

Đảng bộ công ty đạt danh hiệu trong sạch vững mạnh 15 năm liên tục.



Phòng máy Thông tin tín hiệu đường sắt Bắc Giang



TRỤ SỞ CÔNG TY

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐOẠN XÁ



Chủ tịch HĐQT: **Lê Đức Kính**



Giám đốc: **Đào Văn Then**



Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá là đơn vị cảng biển đầu tiên được cổ phần hóa theo Quyết định số 1372/QĐ-TTg ngày 19-10-2001 của Thủ tướng Chính phủ.

Trải qua 3 năm phấn đấu, vượt qua nhiều thử thách, vừa sản xuất kinh doanh vừa đầu tư xây dựng, đến nay Công ty đã có bước phát triển vững mạnh. Với sự mạnh dạn huy động vốn bằng nhiều hình thức, Công ty đã hoàn thành và đưa vào khai thác 3 dự án đầu tư trọng điểm (bến tàu 1 vạn tấn, cần trục chân đế 40 tấn, xe nâng hàng container 40 tấn) từ đó đã nâng cao năng lực xếp dỡ, tăng khả năng cạnh tranh thu hút khách hàng góp phần quyết định vào kết quả sản xuất kinh doanh.

Năm 2004, tổng sản lượng xếp dỡ trên 1 triệu tấn (trong đó hàng container đạt 60 ngàn TEU), đạt 112% kế hoạch và tăng 121% so với năm 2003. Tổng doanh thu 44,5 tỉ đồng, đạt 154% kế hoạch, tăng 101% so với năm 2003. Lợi nhuận 8,49 tỉ đồng, đạt 127% kế hoạch, tăng 80% so với năm 2003. Thu nhập bình quân của CBCNV đạt 2.603.000đ/người/tháng. Chia cổ tức cho cổ đông 12%/năm. Với những thành tích xuất sắc đã đạt được, Công ty đã vinh dự được Ủy ban nhân dân thành phố tặng cờ đơn vị thi đua xuất sắc năm 2004.

Có được những thành quả trên, là nhờ sự quan tâm lãnh đạo chỉ đạo của Thành ủy, Ủy ban nhân dân thành phố, Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam, Đảng ủy Cảng Hải Phòng, sự phối hợp, giúp đỡ tích cực của các ban, ngành chức năng và các bạn hàng.

Địa chỉ: Số 15 Ngô Quyền Q. Ngô Quyền TP. Hải Phòng
Điện thoại: (031) 750 607 / 765029 * Fax: 031- 765 727



CÔNG TY TNHH CAO SU TÂY NINH

Địa chỉ: xã Hiệp Thạnh - huyện Gò Dầu - tỉnh Tây Ninh

Điện thoại: 066. 853 606

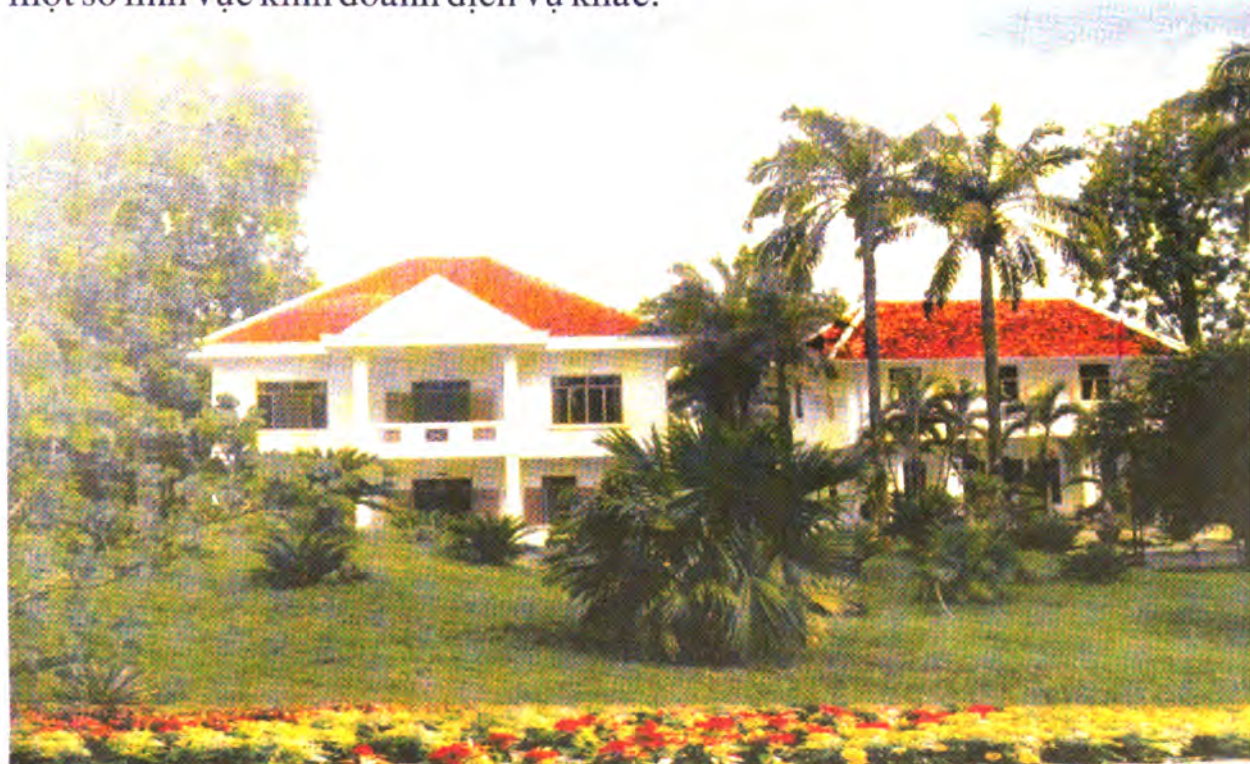
Fax: 066. 853 608

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh

- Trồng, chăm sóc, khai thác cao su thiên nhiên
- Thương nghiệp bán buôn sản phẩm cao su
- Xây dựng công trình, cầu đường
- Kinh doanh vật tư tổng hợp



Công ty TNHH cao su Tây Ninh sẵn sàng hợp tác với mọi thành phần kinh tế trong và ngoài nước trên các lĩnh vực: Sản xuất hàng hóa từ sản phẩm cao su, thương mại xuất khẩu cao su, khoa học - kỹ thuật về cao su và một số lĩnh vực kinh doanh dịch vụ khác.





Xung tâm đồng cấp

Bạn là doanh nhân thành đạt? bạn là người nổi tiếng với công việc luôn bận rộn? bạn mong những chuyến bay trở thành thời gian nghỉ ngơi, thư giãn để dành sức lực cho công việc?

Hạng Thương gia tiện nghi sang trọng của Vietnam Airlines là lời giải đáp cho bạn. Sự hài lòng sẽ cùng bạn đi ru thành công đến những thành công!

QUẬN 6

Địa chỉ: 147 Cao Văn Lầu, phường 1, quận 6, TP Hồ Chí Minh * ĐT: 08 8 556 003

Trong đợt tổng kết 10 năm thực hiện Thông tri số 70-TT/TU của Ban Tư tưởng - Văn hóa TP.HCM về đổi mới, cải tiến và nâng cao chất lượng công tác nghiên cứu dư luận xã hội, có thể nói quận 6 là một trong những địa phương đã đạt được những kết quả tích cực nhờ thường xuyên chú trọng công tác nghiên cứu dư luận xã hội (DLXH)-một nhiệm vụ đặc biệt quan trọng trong công tác chính trị, tư tưởng của Đảng.

Những kết quả tích cực đạt được:

Nhờ luôn quan tâm đổi mới, cải tiến và nâng cao chất lượng nghiên cứu DLXH; xây dựng quy chế, chương trình hoạt động cụ thể của các tổ, nhóm DLXH từ quận đến cơ sở; nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên về vị trí, vai trò của công tác DLXH... Các cấp ủy đảng, chính quyền, các ban ngành, đoàn thể quận đã có được sự chủ động, kịp thời trong chỉ đạo nắm bắt và xử lý các vấn đề DLXH đặt ra. Kết quả nghiên cứu DLXH đã góp phần tích cực vào việc hoạch định các chủ trương, chính sách của quận. Các nguồn thông tin từ dư luận đặt ra được phân tích chọn lọc và nhận định đánh giá xu hướng phát triển của nguồn tin, tạo điều kiện thuận lợi cho các cấp ủy đảng, chính quyền và các ban ngành trong giải quyết các vấn đề về công khai quy hoạch, điều chỉnh đơn giá đền bù, sắp xếp tái định cư, chỗ buôn bán (quy hoạch khu dân cư phường 10, phường 11, xây dựng chợ



Phú Lâm, di dời khu chợ Trần Bình-Lê Tấn Kế, đường Nguyễn Văn Luông, xây dựng đại lộ Đông Tây...). Công tác DLXH cũng góp phần vào việc giải quyết tốt những vấn đề bức xúc của dư luận đặt ra như: chương trình xóa đói giảm nghèo; xóa các chợ tạm trên địa bàn quận; di dời các cơ sở gây ô nhiễm; nâng cấp cơ sở hạ tầng; tình hình an ninh trật tự của địa phương. Mặt khác, công tác DLXH còn có tác dụng tích cực trong việc xây dựng chính quyền và xây dựng Đảng. Đặc biệt là qua các ý kiến phản ánh trực tiếp đối với những cán bộ có thái độ nhuệng nhieu, gây khó dễ phiền hà nhân dân; về việc bố trí, luân chuyển cán bộ... giúp cho Quận ủy, UBND quận chỉ đạo xem xét xử lý và điều chỉnh trong quản lý và lãnh đạo.

Đến nay, toàn quận có 20 nhóm DLXH với gần 200 cộng tác viên; hình thành mạng lưới cộng tác viên DLXH theo hệ thống dọc, hoạt động tích cực dưới sự lãnh đạo trực tiếp của cấp ủy và sự hướng dẫn kiểm tra của tổ nghiên cứu DLXH quận (đồng chí Trưởng ban Tuyên giáo Quận ủy làm tổ trưởng); 14 phường có nhóm cộng tác viên DLXH với số lượng 7 đến 15 người; đã tổ chức được 6 lớp bồi dưỡng với 1.308 người tham gia.

Một số trọng tâm trong thời gian tới:



Hội nghị tổng kết 10 năm công tác nghiên cứu DLXH 1995-2005

Gắn công tác nghiên cứu DLXH và việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ quận với công tác tuyên truyền, kỷ niệm các ngày lễ lớn, các sự kiện thời sự trong nước và quốc tế; với các vấn đề tác động trực tiếp đến đời sống nhân dân; quan tâm nắm bắt và chủ động chống lại các luận điệu tuyên truyền phản động trong âm mưu "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch.

Bên cạnh việc nâng cao chất lượng nắm bắt và xử lý nhanh, kịp thời các vấn đề dư luận xã hội quan tâm, cần đẩy mạnh hơn nữa việc định hướng dư luận.

Tổ chức các cuộc nghiên cứu điều tra xã hội học theo chuyên đề, phân tích tình hình tư tưởng trong cán bộ đảng viên và các đối tượng quần chúng để tham mưu Quận ủy lãnh đạo công tác tư tưởng.

Ban Tuyên giáo quận tham mưu cho Ban Thường vụ Quận ủy củng cố bổ sung mạng lưới cộng tác viên DLXH; bổ sung hoàn thiện quy chế hoạt động của tổ nghiên cứu DLXH và nhóm DLXH cơ sở. Có kế hoạch tổ chức các lớp bồi dưỡng chính trị, nghiệp vụ, thông tin thời sự cho đội ngũ cộng tác viên DLXH của quận.

5730



CÔNG TY CADIVI
CADIVI CO.,LTD



ĐƠN VỊ
ANH HÙNG LAO ĐỘNG



Dây & Cáp điện **CADIVI®**

Nhãn hiệu đã được đăng ký độc quyền từ năm 1987

Dẫn điện tốt

Cách điện an toàn

Tiết kiệm điện

VĂN PHÒNG : 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, quận I, TP.Hồ Chí Minh
Tel: (08) 8 299 443 - 8 292 971 - 8292972 **Fax :** (08) 8 299 437
Email: cadivi@hcm.fpt.vn
Website: www.cadivi.com.vn / www.cadivi-vn.com

CHI NHANH MIỀN BẮC
41 Hai Bà Trưng - TP. Hà Nội
Tel: (04) 8 249 200
Fax: (04) 9 349 101

CHI NHANH MIỀN TRUNG
41 Nguyễn Tri Phương - TP.Đà Nẵng
Tel: (0511) 646 442
Fax: (0511) 646 579

MỤC LỤC

TẠP CHÍ CỘNG SẢN NĂM 2005

TÊN BÀI VIẾT	TÁC GIẢ	SỐ
I - NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG		
- Năm 2005 - năm của những nhiệm vụ lớn và quyết tâm cao	TCCS'	1
- Tiếp tục đẩy mạnh nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, nhằm làm sáng tỏ hơn nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta	Trần Đức Lương	2
- Đường lối chính trị đúng đắn là yếu tố quyết định sự nghiệp lãnh đạo của Đảng	Vũ Hữu Ngoạn	2
- Phát huy truyền thống vẻ vang tiếp tục xứng đáng là người lãnh đạo, người đầy tớ thật trung thành của nhân dân	TCCS	3
- Năm Ất Dậu 2005 - năm của quyết tâm cao và triển vọng sáng sủa	Nông Đức Mạnh	3
- Những điều thần kỳ giữa hai Ất Dậu	Hà Đăng	3
- Vững bước tiến lên dưới ngọn cờ của Đảng quang vinh	Nông Đức Mạnh	4
- Mấy vấn đề lớn trong phát triển kinh tế - xã hội năm 2005	Phan Văn Khải	4
- Triệu tấm lòng dân với Đảng	Đào Duy Quát	4
- Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước - thắng lợi vĩ đại của bản lĩnh và trí tuệ Việt Nam	Võ Nguyên Giáp	8
- Chỉ đạo chiến lược sắc bén sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước	Phạm Văn Trà	8
- Cống hiến vĩ đại của V.I.Lê-nin cho sự nghiệp cách mạng của giai cấp công nhân toàn thế giới	Trần Ngọc Linh	8
- V.I. Lê-nin bàn về vai trò của khoa học, kỹ thuật đối với quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội	Đỗ Thị Thạch	8
- Ý nghĩa ngày nay của Học thuyết về giá trị thặng dư của C.Mác	Bùi Ngọc Chương	9
- Tạo chuyển biến tích cực và hiệu quả rõ rệt trong công tác bảo vệ môi trường	Phan Văn Khải	11
- Bước tiến mới quan trọng trong quá trình chuẩn bị Đại hội X của Đảng	Nông Đức Mạnh	14
- Tìm hiểu quan điểm của C.Mác về những tiêu chí định tính xác định sự tồn tại và phát triển của nhà tư bản	Đỗ Thế Tùng	14
- Một số nội dung cơ bản của Dự thảo Báo cáo Chính trị trình Đại hội X của Đảng	Nguyễn Phú Trọng	15
- Phát huy truyền thống vẻ vang, tiếp tục có những đóng góp xuất sắc trên mặt trận tư tưởng, lý luận của Đảng trong thời kỳ mới	Phan Diễn	16

- Phát huy thành tựu 60 năm qua, tiếp tục xây dựng Nhà nước xã hội chủ nghĩa Việt Nam vững mạnh	TCCS	17
- Phát huy truyền thống vẻ vang của Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 2-9, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng thành công và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa	Trần Đức Lương	17
- Sáu mươi năm nhà nước cách mạng Việt Nam - những thành tựu nổi bật và vấn đề đặt ra hiện nay	Lê Hữu Nghĩa	17
II - TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH		
- Tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò của pháp luật trong việc bảo vệ con người	Tổng Đức Thảo	2
- Hồ Chí Minh với vấn đề giải phóng phụ nữ	Thái Sơn	5
- Tư tưởng Hồ Chí Minh về bồi dưỡng, giáo dục thanh niên	Đoàn Nam Đàn	6
- Những tư tưởng sáng tạo của Hồ Chí Minh trong cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam	Nguyễn Đức Bình	9
- Vai trò của Hồ Chí Minh trong tổ chức, xây dựng và rèn luyện Đảng Cộng sản Việt Nam	Hoàng Trang	9
- Chuẩn mực giá trị đạo đức "Trung với nước, hiếu với dân" của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong giai đoạn cách mạng mới	Nguyễn Thế Trị	10
- Đảng cầm quyền và Nhà nước của dân, do dân, vì dân theo tư tưởng Hồ Chí Minh	Trần Xuân Trường	10
- Hồ Chí Minh nói về tự phê bình và phê bình trong Đảng	Đặng Đình Phú	10
- Phát huy tư tưởng đoàn kết dân tộc của Hồ Chí Minh trong điều kiện nước ta hiện nay	Nguyễn Thị Nga	10
- Báo cáo Đề dẫn Hội thảo "Tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh với việc nâng cao đạo đức cán bộ, đảng viên hiện nay"	Lê Hữu Nghĩa	11
- Báo cáo Tổng thuật	***	11
- "Nói đi đôi với làm, phải nêu gương về đạo đức" - một nguyên tắc cơ bản của tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh	Song Thành	11
- Văn hóa ứng xử Hồ Chí Minh - giá trị và ý nghĩa	Hoàng Chí Bảo	11
- Dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh, thực hiện hiệu quả "Xây đi đôi với chống" trong hoạt động báo chí hiện nay	Hồng Vinh	12
- Kết hợp nhuần nhuyễn chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Sơn	14
- Lấy đức làm "gốc" trong rèn luyện cán bộ, đảng viên theo tư tưởng Hồ Chí Minh	Nhật Tân	14
- Bản chất nhân đạo của tư tưởng Hồ Chí Minh về giải phóng con người	Lại Quốc Khánh	14
- Tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh với vấn đề xây dựng văn hóa trong Đảng hiện nay	Hà Đăng	15

- Xây và chống trong rèn luyện đạo đức theo tư tưởng Hồ Chí Minh	Trần Quang Nhiếp	15
- Tác động của văn hoá truyền thống tới sự lựa chọn con đường và mục tiêu cách mạng của Hồ Chí Minh	Phạm Hồng Chương	15
- Quan điểm "bốn biển đều là anh em" trong tư tưởng Hồ Chí Minh	Lê Cường	17
- Khoan dung - một giá trị đạo đức trong nhân cách văn hóa Hồ Chí Minh	Hồ Trọng Hoài	17
- Đấu tranh phòng, chống quan liêu, tham nhũng dưới ánh sáng tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh	Vũ Quốc Hùng	18
- Bản lĩnh Hồ Chí Minh	Mai Trung Hậu	18
- Tư tưởng Hồ Chí Minh về phát triển giáo dục, đào tạo nhân tài	Chu Thái Thành	18
- Quan điểm của Hồ Chí Minh về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân	Tô Huy Rúa	22
- Tư tưởng "Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân" của Hồ Chí Minh	Nguyễn Linh Khiếu	22
- Hồ Chí Minh vận dụng và phát triển quan điểm chủ nghĩa Mác - Lê-nin về phong cách làm việc của người lãnh đạo	Trần Nguyễn Tuyên	23
- Thấu triệt nguyên tắc "Nói đi đôi với làm, phải nêu gương đạo đức" của Hồ Chí Minh	Đoàn Thế Hanh	23
III - KINH TẾ		
- Tổng quan kinh tế Việt Nam năm 2004 và dự báo năm 2005	Nguyễn Sinh Cúc	1
- Chính sách ưu đãi đầu tư đối với kinh tế trang trại ở tỉnh Trà Vinh	Nguyễn Thái Bình	1
- Một số giải pháp thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở Gia Lai	Trọng Bảo	1
- Lựa chọn và triển khai các giải pháp phát triển kinh tế - xã hội năm 2005	Đặng Văn Thanh	2
- Sơn La tiếp tục đổi mới để nắm bắt thời cơ, đẩy nhanh sự phát triển kinh tế - xã hội	Nguyễn Văn Thọ	2
- Quản lý và sử dụng ngân sách nhà nước trong tiến trình cải cách tài chính công	Nguyễn Sinh Hùng	3
- Thành phố trẻ Cần Thơ một năm nhìn lại	Lê Nam Giới	3
- Nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia để chủ động hội nhập kinh tế quốc tế	Nguyễn Văn Nam	4
- Vững vàng đi qua năm cũ, tự tin bước vào năm mới với nhiều nỗ lực, hứa hẹn mới	Lê Thanh Hải	4
- Tây Nguyên trên con đường đổi mới và phát triển	Phạm Hiệp	4
- Những bước tăng trưởng kinh tế nhanh ở tỉnh Vĩnh Phúc	Lê Xuân Đình	4
- Nhìn lại chặng đường sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước	Hồ Xuân Hùng	5
- Thương mại Việt Nam phấn đấu trong năm 2005: vững chắc, toàn diện và chủ động hơn trong hội nhập kinh tế quốc tế	Lê Danh Vĩnh	5
- Về đất đai và vấn đề đất sản xuất của nông dân	Vũ Ngọc Kỳ	5

- "Đất thép" hôm nay	Triều Hải Hoàng	5
- Kinh tế Việt Nam năm 2004 và giải pháp nâng cao khả năng cạnh tranh của nền kinh tế năm 2005	Nguyễn Thanh Nga	6
- Thái Bình trên con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn	Nguyễn Duy Việt	6
- Về quản lý và sử dụng đất đai vùng đồng bào dân tộc thiểu số	Triệu Văn Bé	6
- Phát triển bền vững là một bảo đảm của định hướng xã hội chủ nghĩa nền kinh tế thị trường ở Việt Nam	Lê Xuân Đình	7
- Xuất khẩu gạo, một thành tựu nổi bật của nước ta	Nguyễn Sinh Cúc	7
- Phát triển Khu Công nghệ cao ở thành phố Hồ Chí Minh và vấn đề đặt ra	Phạm Chánh Trực	7
- Thủy Nguyên chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn	Doãn Đình Huê	7
- Thành phố Hồ Chí Minh - 30 năm vì cả nước, cùng cả nước xây dựng chủ nghĩa xã hội	Nguyễn Minh Triết	8
- Phát triển hợp tác xã nông nghiệp trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta	Hồ Văn Vĩnh	8
- Thực hiện lời dạy của Bác Hồ, Nghệ An quyết tâm phấn đấu để trở thành một trong những tỉnh khá nhất	Lê Doãn Hợp	9
- Ngành than qua 10 năm hoạt động theo mô hình Tổng công ty 91	Nguyễn Văn Long	9
- Ngân sách nhà nước với chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở nước ta	Tào Hữu Phùng	10
- Xây dựng Điện Biên thành tỉnh giàu đẹp của miền Tây Bắc Tổ quốc	Trịnh Long Biên	10
- Hai hành lang và một vành đai kinh tế - từ ý tưởng đến hiện thực	Nguyễn Văn Lịch	11
- Các vụ kiện thương mại và việc chủ động phòng chống trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế	Lê Danh Vĩnh	12
- Cổ phần hóa - một phương tiện quan trọng để thực hiện sự đa dạng hóa các hình thức sở hữu	Vũ Văn Viên	12
- Ninh Thuận trên con đường đổi mới và phát triển	Nguyễn Văn Giàu	12
- Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở tỉnh Đồng Nai: thực trạng, định hướng và giải pháp	Nguyễn Hữu Thắng	12
- Đổi mới trên quê hương đồng chí Nguyễn Văn Linh	Nguyễn Đình Phách	13
- Các mô hình thể chế kinh tế thị trường và nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam	Hoàng Ngọc Hòa	13
- Một số vấn đề về điều chỉnh chính sách lao động trước xu thế toàn cầu hóa kinh tế	Lê Vinh Danh	13
- Đổi mới, nâng cao hiệu quả lâm trường quốc doanh	Lê Xuân Bá	13
- Cải thiện môi trường đầu tư và phát triển doanh nghiệp ở Bình Dương	Nguyễn Ký - Vũ Căn	13

- Về thực trạng và giải pháp phát triển kinh tế hợp tác, hợp tác xã ở Quảng Nam	Phan Hồng Hạnh	13
- Một số vấn đề về sở hữu nhà nước trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa	Nguyễn Cúc	14
- Tác động của khu công nghiệp đối với tăng trưởng kinh tế ở đồng Nai và những bài học kinh nghiệm	Như Hùng	15
- Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp Phù Nham, một điển hình tiên tiến trong thời kỳ đổi mới	Doãn Đình Huệ	15
- Cơ sở khoa học của mô hình nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa	Nguyễn Ái Đoàn	16
- Cơ cấu ngành kinh tế: mục tiêu, tiến độ và cảnh báo	Đào Ngọc Lâm	16
- Doanh nghiệp nhà nước: chủ động, sáng tạo hơn nữa trong đổi mới, nâng cao năng lực cạnh tranh	Hồ Xuân Hùng	17
- Ngành bưu điện Việt Nam: 60 năm chiến đấu, xây dựng và trưởng thành	Đỗ Trung Tá	17
- Quỳnh Lưu tìm lời giải bài toán chuyển dịch cơ cấu kinh tế cấp huyện	Phạm Văn Tấn	17
- Kinh tế Việt Nam 60 năm xây dựng và phát triển	Nguyễn Sinh Cúc	18
- Đổi mới phương thức quản lý hệ thống các ngân hàng thương mại	Ngô Hương	18
- Bốn bài học về chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp của thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Thiện Nhân	18
- Khánh Hòa gắn chương trình kinh tế biển với phát triển kinh tế - xã hội	Duy Anh	18
- Văn Chấn phấn đấu trở thành huyện giàu đẹp của miền Tây tỉnh Yên Bái	Ngô Ngọc Tuấn	18
- Phát triển tài chính Việt nam giai đoạn 2001 - 2005 và định hướng giai đoạn 2006 - 2010	Đặng Văn Thanh	19
- Một số suy nghĩ về nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam	Lê Khả Thọ	19
- Nhân tố mới của quá trình chuyển đổi cơ cấu và phát triển kinh tế đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2006 - 2010	Đào Xuân Thường	19
- Kiên Giang phát triển kinh tế biển, đảo gắn với bảo vệ quốc phòng - an ninh	Trương Quốc Tuấn	19
- Thái Bình khai thác mọi nguồn lực, đổi mới toàn diện để phát triển bền vững	Bùi Tiến Dũng	20
- Cải cách hành chính về thuế và hải quan giai đoạn 2001 - 2004 và các năm tiếp theo	Quách Đức Pháp	20
- Khai thác lợi ích thương mại từ chương trình "thu hoạch sớm" của khu vực mậu dịch tự do ASEAN - Trung Quốc	Trịnh Thủy	20
- Vì sao sự phát triển kinh tế ở nước ta còn ở dưới mức tiềm năng	Nguyễn Văn Thạo	21

- Đổi mới chính sách quản lý chi tiêu công phục vụ tăng trưởng bền vững	Dương Thị Bình Minh - Sử Đình Thành	21
- Bà Rịa - Vũng Tàu vững tin hướng tới tương lai	Nguyễn Tuấn Minh	21
- Phát triển sản xuất hàng hoá theo hướng đa dạng và bền vững ở Quỹ Hợp Nghệ An	Doãn Đình Huệ	21
- Lối ra cho tiến trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở khu vực nông thôn	Nguyễn Hoàng Xanh	22
- Một số vấn đề đặt ra sau 30 năm phát triển nông nghiệp ở đồng bằng sông Cửu Long	Nguyễn Sinh Cúc	22
- Sóc Trăng đẩy mạnh phát triển thủy sản	Nguyễn Thanh Bình	22
- Thời kỳ mới đòi hỏi ngành giao thông - vận tải phát triển nhanh hơn, bền vững hơn	Đào Đình Bình	23
- Báo cáo Đề dẫn Hội thảo khoa học quốc gia "Thương mại Việt Nam 20 năm đổi mới"	Lê Hữu Nghĩa	23
- Tổng thuật Hội thảo	* * *	23
- Đẩy mạnh công cuộc đổi mới, đưa Hà Tĩnh sớm trở thành tỉnh có công nghiệp, dịch vụ phát triển	Trần Đình Đàm	23
- Vĩnh Phúc phát triển kinh tế - xã hội từ khâu đột phá	Từ Thanh	23
- Công ty Điện lực 3 góp phần phát triển kinh tế - xã hội ở khu vực miền Trung - Tây Nguyên	Trần Đình Thanh	23
- Một số vấn đề về chế độ sở hữu và thành phần kinh tế ở nước ta	Nguyễn Văn Đặng	24
- Cơ cấu lại hệ thống ngân hàng thương mại nước ta trong xu hướng hội nhập kinh tế quốc tế	Nguyễn Đắc Hưng	24
- Hải Phòng đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa	Nguyễn Văn Thuận	24
- Long An với nhiệm vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn	Lê Thành Long	24
- Nhơn Trạch nỗ lực phấn đấu để sớm trở thành thành phố	Trần Minh Phúc	24
IV - CHÍNH TRỊ - TRIẾT HỌC		
- Hoạt động của Hội đồng Lý luận Trung ương trong năm 2004	* * *	1
- Một đảng lãnh đạo và thực thi dân chủ	Nhị Lê - Lê Khả Thọ	1
- Ủy ban Đoàn kết công giáo Việt Nam hơn hai mươi năm đồng hành cùng dân tộc	Nguyễn Tấn Khóa	1
- Cải cách cơ cấu tổ chức và hoạt động của bộ máy chính quyền địa phương	Hà Quang Ngọc	2
- Hải quân nhân dân với sự nghiệp bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc trong tình hình mới	Nguyễn Văn Hiến	2
- Đổi mới tư duy lý luận vì sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội	Nguyễn Phú Trọng	3
- Cuộc đấu tranh trên lĩnh vực nhân quyền hiện nay	Hồ Trọng Hoài	3
- Đổi mới - sự sáng tạo của Đảng	Trần Quang Nhiếp	5

- Cải cách tư pháp và xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam	Trần Ngọc Đường	5
- Những thành tựu cơ bản trong việc bảo đảm quyền con người ở nước ta thời kỳ đổi mới	Cao Đức Thái	5
- Bộ đội Biên phòng tham gia xây dựng hệ thống chính trị ở các xã, phường biên giới	Nguyễn Tám	5
- Thực hiện chế độ cử tuyển trong đào tạo cán bộ vùng dân tộc thiểu số, miền núi	Tráng A Pao	6
- Dân quân tự vệ - lực lượng chiến lược trong chiến tranh nhân dân, quốc phòng toàn dân ở nước ta	Lê Đình Sỹ	6
- Hòa Vang - anh hùng trong chiến đấu và xây dựng	Huỳnh Minh Nhom	6
- Tăng cường vai trò giám sát của Quốc hội, chống thất thoát trong đầu tư xây dựng cơ bản	Trương Quang Được	7
- Phát huy sức mạnh chính trị - tinh thần của nhân dân và quân đội ta trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước	Lê Văn Dũng	7
- Đại thắng mùa xuân năm 1975 - thắng lợi của đường lối giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội và ý nghĩa đối với sự nghiệp đổi mới hiện nay	Lê Hữu Nghĩa	7
- Đại thắng mùa xuân 1975 - thành quả của sức mạnh đại đoàn kết dân tộc	Nguyễn Văn Được	7
- Giáo dục tư tưởng, tình cảm cách mạng cho thế hệ trẻ qua học tập, nghiên cứu cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước	Phan Ngọc Liên	7
- Nghiên cứu lý luận gắn với tổng kết thực tiễn nhằm phát triển lý luận xây dựng chủ nghĩa xã hội	Nhị Lê	7
- Tính ưu việt và sức mạnh của miền Bắc xã hội chủ nghĩa trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước	Trần Ngọc Tuệ	8
- Mặt trận ngoại giao trong cuộc đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc	Phan Doãn Nam	8
- Cuộc hành trình của trí tuệ và bản lĩnh Đảng ta	Đinh Xuân Lâm - Bùi Đình Phong	8
- Những biểu hiện mới của chủ nghĩa tư bản hiện đại	Nguyễn Ái Đoàn	8
- Sự thật về sự đầu hàng của chính phủ Dương Văn Minh ngày 30-4-1975	Nguyễn Mạnh Hà	8
- Nghệ thuật đánh thắng từng chiến lược chiến tranh của đế quốc Mỹ	Lê Xuân Lự	9
- Chuẩn bị hậu cần bảo đảm cho Tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân 1975	Trần Phước	9
- 30-4-1975: cánh cửa mở vào kỷ nguyên mới của Việt Nam	Trần Bạch Đằng	9
- Đấu tranh phê phán các quan điểm sai trái, thù địch - một nhiệm vụ quan trọng và cấp bách hiện nay	Lê Hữu Nghĩa	9
- Xây dựng Hải quân nhân dân Việt Nam vững mạnh về chính trị, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới	Nguyễn Văn Tình	9

- Về vấn đề "Tự do tôn giáo - nhân quyền ở Việt Nam"	Đỗ Quang Hưng	11
- Kết quả bước đầu trong công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo ở Bắc Ninh	Nguyễn Huy Tính	11
- Đảng lãnh đạo các cơ quan tư pháp trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân	Nguyễn Văn Quyền	12
- Kết quả của một chương trình phối hợp hoạt động	Tăng Huệ	12
- Nghệ An nâng cao chất lượng hệ thống chính trị ở cơ sở vùng dân tộc thiểu số	Hồ Đức Thành	13
- Nhìn lại tổ chức và phong trào yêu nước của người công giáo Việt Nam	Phan Khắc Từ	13
- Thực hiện chính sách hậu phương quân đội ở thành phố Hải Phòng	Phạm Văn Hưng	14
- Phát huy truyền thống vẻ vang, nguyện tiếp tục xứng đáng là ngọn cờ tư tưởng, lý luận của Đảng	Lê Hữu Nghĩa	15
- Công an thành phố Hồ Chí Minh với công tác bảo vệ an ninh, trật tự	Nguyễn Chí Dũng	15
- Cách mạng Tháng Tám - thắng lợi của đường lối chiến lược, sách lược chủ động và sáng tạo của Đảng	Văn Tạo	16
- Cách mạng Tháng Tám 60 năm nhìn lại	Dương Trung Quốc	16
- Bàn thêm về vấn đề thời cơ trong cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945	Nguyễn Mạnh Hà	16
- Lực lượng Công an nhân dân 60 năm xây dựng và trưởng thành	Lê Hồng Anh	16
- Tăng cường công tác bảo vệ trật tự an toàn xã hội, góp phần ổn định chính trị - xã hội và phát triển đất nước	Lê Thế Tiệm	16
- Sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam - nhân tố quyết định sự trưởng thành và vững mạnh của Bộ Tổng Tham mưu	Phạm Văn Trà	17
- Tư tưởng quyền con người trong Tuyên ngôn độc lập năm 1945 của Chủ tịch Hồ Chí Minh	Cao Đức Thái	17
- Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với công tác tòa án hiện nay	Nguyễn Văn Hiện	17
- Không ngừng nâng cao vai trò động lực của phong trào thi đua yêu nước	TCCS	19
- Tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả phong trào thi đua yêu nước và công tác thi đua - khen thưởng	Trương Mỹ Hoa	19
- Tác động khách quan của tiêu chí Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong đời sống xã hội	Văn Đức Thanh	19
- Những điều kiện bảo đảm tiếp tục đổi mới hệ thống chính trị ở nước ta	Phạm Ngọc Quang	19
- Lực lượng vũ trang Quân khu IV: 60 năm xây dựng, chiến đấu và trưởng thành	Đoàn Sinh Hường	19
- Xây dựng Nhà nước pháp quyền Xã hội chủ nghĩa Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước	Nguyễn Văn Yếu	20
- Niềm tin khoa học - điều kiện tiên quyết đối với đội ngũ giảng viên Mác - Lê-nin	Lưu Hà Vi	20

- Lâm Đồng thực hiện chính sách phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số	Nguyễn Văn Đăng	20
- Thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở tại Thành Phố Đà Nẵng - kết quả và những vấn đề đặt ra	Hồ Tấn Sáng	20
- Vùng A Hải quân với nhiệm vụ huấn luyện và bảo vệ chủ quyền vùng biển, đảo phía Bắc Tổ quốc	Phạm Văn Điền	20
- Về cuộc đấu tranh tư tưởng trong tình hình hiện nay	Nguyễn Phú Trọng	21
- Phật giáo Việt Nam đoàn kết vì đạo pháp, dân tộc và chủ nghĩa xã hội	Thích Thanh Tứ	21
- Quan điểm của Ph.Ăng-ghe-n về tính độc lập (tương đối), tính sáng tạo của ý thức, tư tưởng	Phùng Đông	22
- Lại bàn về chống tham nhũng	Lê Xuân Lựu	22
- Phát triển kinh tế - xã hội và cuộc đấu tranh chống thất thoát, lãng phí	Trương Giang Long	22
- Phong trào thi đua "Sống tốt đời, đẹp đạo" ở Hải Phòng	Từ Thanh	22
- Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn	Nguyễn Duy Quý	23
- Chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí là một nhiệm vụ của đấu tranh tư tưởng hiện nay	Lê Xuân Đình	23
- Phát huy thành tựu, tiếp tục đẩy mạnh công tác giáo dục quốc phòng	Phạm Gia Khiêm	24
- Nâng cao chất lượng tổng hợp, sức mạnh chiến đấu của quân đội nhân dân, bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ mới	Phùng Quang Thanh	24
- Tính tất yếu đổi mới sự lãnh đạo của Đảng để phát huy dân chủ ở cơ sở	Nhật Tân	24
- Những điểm mới của Kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XI	Anh Phương	24
V - VĂN HÓA - XÃ HỘI		
- Bảo vệ môi trường trước những yêu cầu mới của thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước	Chu Thái Thành	1
- Về hoạt động mỹ thuật nước ta giai đoạn hiện nay	Phạm Quốc Trung	1
- Tiếng sáo của văn học, cây sáo của cuộc đời	Phạm Tiến Duật	1
- Phương pháp tiếp cận vấn đề phát triển nông thôn ở nước ta	Dương Tùng	2
- Thông tin đại chúng trong xu thế toàn cầu hóa	Vũ Duy Thông	2
- Xây dựng nếp sống văn hóa mới trong việc tổ chức lễ cưới	Cao Văn Uy	2
- Xuân về trên đất Lai Châu	Ngọc Hồ	3
- "Nơi con sông Hồng chảy vào đất Việt"	Tấn Vũ - Hải Quỳnh	3
- Đào ngục ngày xưa, bây giờ... đào ngọc	Trần Quang Hải	3
- Đổi mới, phát triển lý luận văn học và mỹ học phù hợp với thực tiễn lịch sử và thực tiễn nghệ thuật mới	Phan Trọng Thường	3
- Đào tạo nhân lực cho sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá dựa trên tri thức ở nước ta hiện nay	Đặng Hữu	4

- Xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ y tế trước những yêu cầu mới của sự nghiệp chăm sóc sức khỏe nhân dân	Trần Thị Trung Chiến	4
- Về miền sông nước Hậu Giang	Phan Trung Nghĩa	4
- Phát triển lý luận đáp ứng nhu cầu xây dựng nền văn nghệ tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc	Hồng Vinh	5
- Phát triển du lịch Việt Nam trong tình hình mới	Võ Thị Thắng	5
- Bình đẳng nam nữ và thực hiện quyền bình đẳng nam nữ ở nước ta	Võ Thị Hồng Loan - Đặng Ánh Tuyết	5
- Phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn xã hội, nâng cao hiệu quả phòng chống tội phạm, phòng chống ma túy trong tình hình mới	Lê Thế Tiệm	6
- Bảo đảm nước sạch, vệ sinh môi trường nông thôn	Chu Thái Thành	6
- Vấn đề bình đẳng giới đối với nữ doanh nhân trong quá trình đổi mới và hội nhập kinh tế	Bùi Thị Kim Quý	6
- Giáo dục trong đối thoại giữa các nền văn hóa, văn minh vì hòa bình và phát triển bền vững	Nguyễn Minh Hiền	7
- Công tác lý luận - phê bình và sáng tác điện ảnh hôm nay	Hải Ninh	7
- Phú Thọ với Giỗ tổ Hùng Vương - Lễ hội Đền Hùng năm 2005	Nguyễn Hữu Điền	8
- Kế nghiệp tổ tiên cùng nhau dựng nước và giữ nước	Dương Trung Quốc	8
- Khu di tích Đền Hùng sau hơn 50 năm Bác Hồ về thăm	Nguyễn Thị Tuyết Hạnh	9
- Xây dựng văn hóa Đảng trong tình hình mới	Tô Huy Rúa	10
- Bảo vệ môi trường - cơ sở quan trọng bảo đảm phát triển bền vững	Phạm Khôi Nguyên	10
- Luồng phim sử thi - Anh hùng ca: thành tựu - ước mong	Trần Trọng Đăng Đàn	10
- Vấn đề xuất khẩu lao động của nước ta	Đặng Đình Đào - Trần Thị Thu Phương	10
- Kinh nghiệm xóa đói giảm nghèo ở huyện miền núi Nam Đông	Phạm Hiệp - Võ Duy Chất	10
- Nguồn nhân lực Việt Nam: thực trạng và kiến nghị	Đỗ Công Định	10
- Gia tăng dân số trở lại - nguyên nhân và giải pháp	Nguyễn Hồng Ngọc	10
- Bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trước những yêu cầu mới	Đỗ Nguyên Phương	11
- Gắn khoa học, công nghệ với sản xuất kinh doanh thành động lực thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước	Hồ Ngọc Luật	11
- Văn nghệ sĩ trước những yêu cầu mới của đất nước	Mai Hải Oanh	11
- Đại học quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh trong quá trình đổi mới và hội nhập	Nguyễn Tấn Phát	11
- Sứ mệnh cao cả của báo chí cách mạng nước ta	TCCS	12
- Tiếp tục phát huy truyền thống vẻ vang của báo chí cách mạng trong sự nghiệp đổi mới	Phạm Quang Nghị	12

- Nhà báo - đức, tài và sự tự rèn luyện	Hà Đăng	12
- Tiếp tục thực hiện tốt chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình	Trần Quang Nhiếp	12
- Xây dựng gia đình Việt Nam trong thời kỳ mới	Nguyễn Thiện Trường	12
- Định hướng tiếp cận giải quyết vấn đề nghèo đói ở nước ta	Nguyễn Hải Hữu	13
- Tiếp tục thực hiện tốt hơn nữa chính sách ưu đãi xã hội đối với thương binh, gia đình liệt sỹ, người có công với cách mạng	Nguyễn Thị Hằng	14
- Điện Bàn phát huy truyền thống anh hùng trong phát triển kinh tế - xã hội và chăm sóc người có công	Thân Văn Lào	14
- Phát triển giáo dục đào tạo hỗ trợ công tác dân số	Ngọc Hồ	14
- Dân số, môi trường trong phát triển bền vững	Nguyễn Thị Hoa	14
- Tạo sự chuyển biến mạnh mẽ công tác tư tưởng - văn hóa của Đảng trong tình hình mới	Nguyễn Khoa Diễm	15
- Phát triển báo chí trước những yêu cầu mới của đất nước	Tạ Ngọc Tấn	15
- Biết xấu hổ với nhân cách con người	Lê Xuân Vũ	15
- Chăm sóc sức khỏe sinh sản ở nước ta: những thành tựu và thách thức	Trần Thị Trung Chiến	16
- Dân số và phát triển với vấn đề bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ	Nguyễn Thiện Trường	16
- Cuộc thi tìm hiểu "60 năm Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam" đạt kết quả tốt đẹp	Đào Duy Quát	17
- Nghiên cứu người Việt Nam trước yêu cầu phát triển đất nước	Hồ Sĩ Quý	17
- Việt Nam đầu thế kỷ XXI: cần nhìn nhận khách quan vấn đề hội nhập - giao lưu văn hóa	Trần Trọng Đăng Đàn	17
- Đẩy mạnh hơn nữa công tác khoa giáo vùng đồng bào Chăm	Nguyễn Khoa Diễm	18
- Kết hợp tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội	Nguyễn Quốc Phẩm	18
- Để tiến tới quy mô dân số ổn định	Nguyễn Linh Khiếu	18
- Tiếp tục thực hiện chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình trong tình hình mới	Lê Thị Thu	18
- Kết hợp giáo dục lý luận với giáo dục lý tưởng, đạo đức cho sinh viên hiện nay	Nguyễn Ngọc Thu	19
- Đổi mới chính sách khoa học và công nghệ trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế	Đỗ Mai Thành	20
- Vài suy nghĩ về sự phát triển văn hóa trong việc phát huy sức mạnh tổng hợp của đất nước	Mai Hải Oanh	20
- Đổi mới mạnh mẽ, cơ bản, toàn diện và sâu sắc giáo dục đại học thời kỳ 2006 - 2020	Bành Tiến Long	21
- Thành công và thách thức trong công cuộc xóa đói giảm nghèo ở nước ta hiện nay	Nguyễn Thị Vy	21
- Phát triển giáo dục và đào tạo phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước	Nguyễn Minh Hiền	22

- Chỉ số phát triển con người Việt Nam giai đoạn 2001 - 2005, những lát cắt, những góc nhìn	Phạm Minh Hạc - Nhóm tác giả	23
- Nguyễn Du - đại thi hào dân tộc	Trần Đình Sử	24
- Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật: 60 năm phấn đấu và trưởng thành xứng đáng với sự tin cậy của Đảng và Nhà nước	Trịnh Thúc Huỳnh	24
VI - XÂY DỰNG ĐẢNG		
- Vài suy nghĩ về luân chuyển cán bộ lãnh đạo và quản lý	Trần Bạch Đằng	1
- Tự phê bình và phê bình phải nhìn thẳng vào sự thật và nói thật	Dương Văn Điều	3
- Để Đảng tiếp tục xứng đáng là đội tiên phong cách mạng	Đặng Đình Phú	4
- Phát huy vai trò của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh đối với Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam hiện nay	Nông Quốc Tuấn	6
- Đảng cầm-quyền và đạo đức, phong cách của cán bộ, đảng viên	Nguyễn Xuân Tảo	6
- Văn-Giang với hai nhiệm vụ chính trị	Nguyễn Trí Phương	6
- Phát huy tinh thần Đồng khởi, Bến Tre đổi mới công tác xây dựng Đảng để thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển	Huỳnh Văn Be	7
- Về công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý	Nguyễn Phương Hồng	8
- Nâng cao tinh thần trách nhiệm của cán bộ, công chức - vấn đề bức xúc trong cải cách hành chính	Mai Trung Hậu	10
- Xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh ở Đảng bộ Trường sỹ quan Tăng thiết giáp	Nguyễn Đức Cường	11
- Phấn đấu vì một đảng trí tuệ, danh dự và lương tâm của thời đại, một đảng đạo đức, văn minh	Nguyễn Đức Bình	13
- Đổi mới tổ chức, hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội ở nước ta hiện nay	Thang Văn Phúc	13
- Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh với cuộc đấu tranh chống các biểu hiện hữu khuynh trong công cuộc đổi mới	Lê Xuân Tùng	13
- Nhà lãnh đạo tài năng, có uy tín lớn, người tiên phong trong công cuộc đổi mới	Nguyễn Xuân Thông	13
- Công tác kiểm tra phục vụ đại hội đảng bộ các cấp	Nguyễn Thị Doan	14
- Qua một số đại hội điểm, cần tiếp tục tổ chức tốt đại hội đảng bộ ở cơ sở	Nguyễn Đức Hà	14
- Phải chăng cần thay đổi bản chất giai cấp công nhân và từ bỏ tính tiên phong lãnh đạo của Đảng?	Nhị Lê	15
- Thấu triệt những quan điểm cơ bản của Đảng về xây dựng và tăng cường nền an ninh quốc gia	Nguyễn Khánh Toàn	16
- Tác phẩm Sửa đổi lối làm việc với xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên hiện nay	Hoàng Quốc Đạt	16

- Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám và bài học kinh nghiệm về công tác xây dựng cơ sở và đội ngũ cán bộ cơ sở ở Lào Cai	Giàng Seo Phử	17
- Phát huy kinh nghiệm xây dựng Đảng trong cuộc Cách mạng Tháng Tám	Nguyễn Thanh Tâm	18
- Xây dựng, củng cố tổ chức cơ sở đảng ở Quảng Nam: thực trạng và giải pháp	Nguyễn Văn Nam	19
- Nâng cao vị trí, vai trò và chất lượng hoạt động của chi bộ - qua cuộc thi bí thư chi bộ giỏi toàn quốc	Nguyễn Hoàng Việt	19
- Giai cấp nông dân và Hội Nông dân Việt Nam tiếp tục góp phần thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn	Vũ Ngọc Kỳ	20
- Về đánh giá, quy hoạch và luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý hiện nay	Nguyễn Trọng Điều	20
- Để tiếp tục đổi mới hoạt động của Công đoàn	Nguyễn Viết Vượng	20
- Củng cố và tăng cường quan hệ gắn bó giữa Đảng với nhân dân trong giai đoạn hiện nay	Lê Hữu Nghĩa	21
- Để nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng	Trần Quang Nhiếp	21
- Sinh hoạt chi bộ: vấn đề thực tế và yêu cầu	Minh Nhật	21
- Mặt trận Dân tộc Thống nhất Việt Nam - 75 năm xây dựng và phát triển	Phạm Thế Duyệt	22
- Cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư"- nét nổi bật trong hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thời kỳ đổi mới	Huỳnh Đảm	22
- Công tác kiểm tra của Đảng qua 20 năm đổi mới	Nguyễn Văn Chi	23
- Tiếp tục đổi mới phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	Nguyễn Túc	23
- Về Bản chất của Đảng	Nguyễn Đức Bách - Đoàn Minh Duệ	24
VII - NHỮNG VẤN ĐỀ QUỐC TẾ		
- Tình hình thế giới năm 2004 và ngoại giao Việt Nam	Phan Doãn Nam	1
- Cu-ba: kinh tế, xã hội và quan hệ với Việt Nam	Hê-su Ai-sê Sô-tô-lông-gô	1
- Từ quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Trung Quốc	Nguyễn Văn Vĩnh	1
- Công tác vận động người Việt Nam ở nước ngoài và những bài học thực tế	Nguyễn Phú Bình	2
- Tổng thuật Hội thảo quốc tế về nhân quyền	Đặng Dũng Chí	2
- 55 năm quan hệ Việt - Trung: Nhìn lại quá khứ và hướng tới tương lai	Nguyễn Huy Quý	2
- Phát triển quan hệ thương mại Việt Nam - Liên bang Nga	Trịnh Thị Thanh Thủy	2
- Nhìn lại thế giới và hoạt động đối ngoại của Việt nam năm 2004	Nguyễn Dy Niên	3
- Nhìn lại tình hình an ninh chính trị thế giới năm 2004	Nguyễn Hoàng Giáp	3
- Cu-ba: màu xanh của sức sống và hy vọng	Nguyễn Viết Thảo	3
- Ấn Độ với mục tiêu trở thành cường quốc	Trịnh Cường	4
- Môi trường - thách thức đối với nhân loại	Vũ Tuyết Loan	4

- Những nỗ lực chính trị - pháp lý quốc tế trong việc bảo đảm quyền bình đẳng của phụ nữ	Nguyễn Lộc	5
- Kinh tế thế giới năm 2004 - 2005: những đặc điểm và xu hướng lớn	Lê Bộ Linh	5
- Báo cáo về tình hình nhân quyền các nước năm 2004 của Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ - Một sự vi phạm nhân quyền	Anh Đức	6
- Quan hệ kinh tế Việt nam - Liên minh châu Âu trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế	Nguyễn Quang Thuần	6
- Đảng Nhân dân Cách mạng Lào - chặng đường nửa thế kỷ đấu tranh và thắng lợi vẻ vang	Phương Nhung	7
- Luật pháp quốc tế với bốn thập kỷ đấu tranh chống phân biệt chủng tộc	Nguyễn Lộc	7
- Bài học lịch sử không được phép quên	Nguyễn Huy Quý	9
- Chiến thắng chủ nghĩa phát-xít với cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc của các nước Á - Phi	Võ Kim Cương	9
- Giai cấp công nhân ở các nước tư bản trong điều kiện cách mạng khoa học - công nghệ và toàn cầu hóa	Nguyễn Hoàng - Nguyễn Thị Quế	9
- Quan hệ hợp tác Việt Nam - châu Phi	Đỗ Đức Định	9
- Đấu tranh chống mặt tiêu cực của toàn cầu hóa	Phạm Hữu Tiến	10
- Nhu cầu tăng cường hợp tác, nhất thể hóa khu vực Đông Nam Á và Đông Á	Trần Bá Khoa	10
- Mấy nét về chủ nghĩa tư bản các cổ đông hiện đại	Ngô Mạnh Lân	11
- Nhân loại và vấn đề môi trường sống	Phạm Thị Ngọc Trâm	11
- Phát triển quan hệ với các nước lớn trong chính sách đối ngoại đổi mới của Đảng và Nhà nước ta	Nguyễn Hoàng Giáp	12
- Quan hệ Việt Nam - Hàn Quốc: thực trạng và triển vọng	Nguyễn Hữu Cát	12
- WTO - thách thức và cơ hội	Nguyễn Văn Thanh	13
- Dầu mỏ và những biến động trong quan hệ quốc tế	Trần Trọng	13
- Nhìn lại 10 năm quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ: kết quả và triển vọng	Nguyễn Dy Niên	14
- Việt Nam với sự phát triển của ASEAN: 10 năm nhìn lại	Nguyễn Thu Mỹ	14
- "Ba mũi tiến công" - một giấc mơ phi hiện thực!	Nguyễn Trung	15
- Văn học Trung Quốc trong kinh tế thị trường	Phạm Tú Châu	15
- Quyền con người và cuộc chiến chống khủng bố	Nguyễn Thị Thanh Hải	15
- Đổi mới về đối ngoại	Vũ Khoan	16
- Ngoại giao Việt Nam 60 năm đấu tranh và trưởng thành	Phan Doãn Nam	16
- Chính sách và hoạt động đối ngoại trong thời kỳ đổi mới	Nguyễn Dy Niên	17
- Tư duy địa chính thế giới thời kỳ sau "Chiến tranh lạnh"	Nguyễn Viết Thảo	17
- Nhân quyền kiểu Mỹ và thái độ sai trái của Tổ chức Ân xá quốc tế	Đặng Tài Tính	18

- Nhận diện các đặc điểm kinh tế - chính trị nổi bật ở khu vực Đông - Bắc Á hiện nay	Ngô Xuân Bình	18
- Ngoại giao thời kỳ đổi mới - một giai đoạn phát triển quan trọng của nền ngoại giao Việt nam hiện đại	Nguyễn Mạnh Cầm	19
- Tình hình phát triển và hợp tác kinh tế - thương mại Việt Nam - Trung Quốc hiện nay	Đinh Công Tuấn	19
- Đấu tranh chống ma-phi-a và tội phạm có tổ chức trên thế giới	Nguyễn Xuân Yêm	19
- Toàn cầu hóa với chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân	Vũ Văn Hòa	20
- Sáng tạo lý luận trong quá trình cải cách, mở cửa, hiện đại hóa xã hội chủ nghĩa ở Trung Quốc	Nguyễn Huy Quý	21
- Từ Hội nghị cấp cao toàn cầu Liên hợp quốc đến vấn đề đói nghèo trên thế giới	Trần Trọng	21
- Những cống hiến bất diệt của Ph. Ăng-ghe-nh đối với phong trào công nhân thế giới	Trần Ngọc Linh	22
- Một kỷ nguyên mới hứa hẹn sự phát triển kỳ diệu của khoa học - công nghệ	Trần Bá Khoa	22
- Kinh tế thế giới trước "cú sốc" dầu và cuộc đua tìm nguồn năng lượng thay thế	Trịnh Cường	22
- Việt Nam - Cu-Ba: quan hệ truyền thống, mẫu mực, thủy chung	Nguyễn Khắc Sứ	23
- Chủ quyền và nhân quyền	Vũ Công Giao	23
- Đồng chí Cay-xôn Phôm-vi-hân, người con ưu tú của nhân dân các bộ tộc Lào, người bạn thân thiết của nhân dân Việt Nam	Đức Vương	24
- "Bẫy nợ nần" - lối thoát nào cho các nước nghèo ?	Nguyễn Thị Hoa	24
VIII - QUA SÁCH BÁO NƯỚC NGOÀI		
- Việt Nam năm 2004, qua con mắt người nước ngoài	Tuấn Anh (<i>Tổng thuật</i>)	1
- Dư luận quốc tế ủng hộ nạn nhân chất độc da cam/đi-ô-xin Việt Nam	Trịnh Cường (<i>Tổng thuật</i>)	6
- Đảng Cộng sản Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước qua "Giải phẫu một cuộc chiến tranh"	Nguyễn Văn Quang (<i>Tổng thuật</i>)	8
- Học giả phương Tây nói về thách thức đối với chủ nghĩa tư bản trong xu thế toàn cầu hóa	Đỗ Trọng Bá (<i>Tổng thuật</i>)	12
- Về sự ra đời của Đảng cánh tả toàn châu Âu	Trần Trọng (<i>Lược thuật</i>)	24
IX - SINH HOẠT TƯ TƯỞNG		
- Bên lề hội thảo	Đỗ Mai Thành	1
- Ngắm việc dùng người	Nhị Lê	2
- Đường lên, nẻo... xuống	Nhị Lê	4
- Cẩn cả hai	Lệ Mai	5
- Quà biếu...	Ngọc Hồ	9

- Chuyện quy hoạch	Nam Dũng	
- Đạo vị	Nhân Đăng	
- Chọn người xếp việc	Tây Giang	
- Đức - lượng - tài	Nguyễn Hồng Minh Châu	
- Lá Phiếu	Lê-Bảo	
- "Văn hóa từ chức"	Nam Dũng	
- Miếu thờ	Giang Lam	
- Tiến cử và sử dụng hiền tài	Trần Tuấn Minh	
- Chỉ bởi chữ...TÂM !	Nhị Lê	
- Biết mà "Không biết"!	Nam Dũng	
- "Thiên đường"... mong manh	Nhị Lê	
- Đoàn kết với...chính mình	Nhị Lê	
X - TIN HOẠT ĐỘNG LÝ LUẬN - THỰC TIỄN		
- Hội nghị cộng tác viên Tạp chí Cộng sản	***	
- Đoàn cán bộ Tạp chí Cộng sản thăm và làm việc tại Cộng hòa Dân chủ nhân dân Lào	***	
- Hội nghị phát hành - bạn đọc Tạp chí Cộng sản các tỉnh, thành phố phía Nam	***	
- Hội nghị Dân vận toàn quốc	***	
- Hội thảo văn hóa Đảng và xây dựng văn hóa trong Đảng	***	
- Tạp chí Cộng sản và Quân khu IV tổ chức kết nghĩa	***	
- Hội thảo "Hệ thống an sinh xã hội Việt Nam"	***	
- Công tác phát hành - bạn đọc Tạp chí Cộng sản các tỉnh, thành phố phía Bắc Trung bộ và đồng bằng Bắc bộ	***	2
- Hội thảo khoa học - thực tiễn: Bảy mươi lăm năm công tác dân vận của Đảng	***	2
XI - VĂN KIẾN - TƯ LIỆU		
- Thông báo Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương khoá IX	***	1
- Chủ tịch Hồ Chí Minh nói về xây dựng, chỉnh đốn Đảng	***	3
- Thông báo Hội nghị lần thứ 12 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX	***	14
XII - THU GỬI BỘ BIÊN TẬP		
- Khắc phục những tư tưởng cản trở việc đổi mới doanh nghiệp nhà nước	Hồ Ngọc Hy	6
- Thực trạng giá cả hiện nay, nhớ lại lời cảnh báo từ 13 năm trước trên Tạp chí Cộng sản	Nguyễn Xuân Kinh	16
- Ông Hoàng Minh Chính tuyên tạc chủ nghĩa Mác như thế nào?	Lê Hồng	21
- Đảng sau những tấm gương thi đua	Vũ Oanh	23

Minh Châ

nh

14

6

16

21

23



